VICHTƠ HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

TIỂU THUYẾT
TẬP 2



vh
NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN NƯỚC NGOÀI
• VĂN HỌC PHÁP

VICHTO HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

Tiểu thuyết

TẬP II

(Trọn bộ 2 tập)

(In lần thứ VI)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
Hà Nội — 2001

QUYỂN VII

PATORÔNG MINET

I
MỎ VÀ THỢ MỎ

Xã hội con người bao giờ cũng có cái mà trong các rạp hát, người ta gọi là *tầng dưới thứ ba*. Lớp đất dưới chân xã hội ở đâu cũng bị đào khoét, khi thì vì cái tốt, khi thì vì cái xấu. Những công trình ấy chồng chất lên nhau: có những tầng ở trên và những tầng ở dưới. Có phía trên và phía dưới, trong cái hầm mỏ mờ mịt đôi khi đổ sập dưới nền văn minh đó, và chúng ta thường xéo lên nó một cách thản nhiên, vô tư lự. Nhóm Bách khoa thế kỷ trước cũng là một cái hầm mỏ gần như lộ thiên. Đêm tối vốn là cái lồng ấp âm u của đạo Gia tô nguyên thủy, chỉ đợi chờ một cơ hội để nổ bùng dưới các triều đại Xêda và đã làm cho nhân loại tràn ngập ánh sáng. Vì trong đêm tối thiêng liêng có ánh sáng tiềm tàng. Núi lửa chứa đầy một thứ bóng tối có thể cháy bùng lên. Mọi thứ phún thạch bốc lửa đều bắt đầu bằng bóng tối. Những hầm mộ sâu, nơi cử hành buổi lễ mi-sa đầu tiên, không chỉ là tầng hầm của Rômơ, chúng là cái địa đạo của cả trái đất.

Ở dưới cấu trúc xã hội, cái kiến trúc kỳ công của một túp lều ấy, có những hang hốc đủ mọi loại: có cái hầm tôn giáo, có cái hầm triết học, có cái hầm chính trị, có cái hầm kinh tế, có cái hầm cách mạng. Kẻ thì đào cuốc với lòng giận dữ. Người ta gọi nhau và trả lời nhau từ hầm mộ này sang hầm mộ khác. Những lý tưởng không tưởng đi lại bên dưới mặt đất, chia tách ra theo mọi hướng, và có khi gặp nhau và kết nghĩa anh em với nhau. Giăng Giắc[1] cho Điôgienơ[2] mượn cuốc và Điôgenơ cho Giăng Gắc mượn đèn. Khi những lý tưởng không tưởng ấy chống lại nhau thì Canvanh[3] xoắn tóc Xôxanh[4]. Nhưng không cái gì làm ngừng lại tạm thời hoặc ngăn chặn tất cả những năng lực ấy vươn tới mục đích, và cái hoạt động rộng lớn, song song ấy, đi, lại, lên, xuống, rồi lại dâng lên trong đêm tối và làm thay đổi từ từ cái mặt trên bằng cái tầng dưới, cái bên ngoài bằng cái bên trong: một đàn kiến vô tận, lúc nhúc, không ai biết. Xã hội bên trên khó có thể biết gì về các công trình đàn hồi ấy, nó để nguyên cho xã hội cái bề mặt và làm thay đổi cả ruột gan của nó. Bao nhiêu tầng lớp trong lòng đất, bấy nhiêu công trình khác nhau, bấy nhiêu khoáng sản khai thác khác nhau. Từ những sự đào bới sâu thẳm ấy sẽ khai quật được gì? Tương lai.

Càng xuống sâu, những người đào bới ấy càng bí mật. Đến một mức sâu mà nhà triết học xã hội còn hiểu biết được, công việc ấy còn tốt; quá cái mức sâu ấy, công việc đào bới đã mập mờ và hai mặt; sâu hơn nữa nó trở thành ghê gớm. Đến một

---

(1) *Jean Jacques Rousscau*: nhà văn cách mạng lớn của nước Pháp thế kỷ 18.

(2) *Diogène*: nhà triết học cổ Hy Lạp, nổi tiếng với giai thoại giữa ban ngày xách đèn đi tìm con người.

(3) *Calvin* thủ lĩnh đạo gia tô cải cách ở Pháp thế kỷ 16.

(4) *Socin:* thủ lĩnh đạo gia tô cải cách ở Ý (thế kỷ 16).

chiều sâu nào đó, trí tuệ của con người văn minh không thâm nhập vào được những cái hang tối ấy, cái giới hạn con người còn có thể thở được đã bị vượt qua, có thể bắt đầu xuất hiện những con quái vật.

Các bậc thang đi xuống rất lạ lùng, mỗi bậc thang ấy là một tầng, mà triết học có thể đặt chân đứng và người ta có thể gặp một trong những người thợ, có khi thần tiên có khi quái đản. Ở tầng dưới Giăng Huyxơ có Luyte, dưới Luyte có Đêcactơ, dưới Đêcactơ có Vonte, dưới Vonte có Côngđoxê, dưới Côngđoxê có Rôbexpie, dưới Bôbexpie có Mara, dưới Mara có Babơp, và cứ thế nối tiếp. Xuống sâu hơn nữa, mịt mờ, ở giới hạn giữa cái lờ mờ đến cái mù mịt không trông thấy gì, người ta thấy những con người âm u khác, có lẽ chưa tồn tại. Những người thợ hôm qua là những bóng ma, những người thợ ngày mai là những ấu trùng mà con mắt của trí tuệ chỉ nhìn thấy lờ mờ. Công cuộc cấu tạo cái phôi thai của tương lai là một viễn ảnh của triết học.

Một thế giới trong cõi mông muội, hãy còn ở trạng thái bào thai, hình dáng lạ kỳ thay!

Xanh Ximông, Ouen, Phuriê[1] cũng ở đấy, trong những kẽ hầm bên.

Mặc dầu có một sợi dây thiêng liêng vô hình ràng buộc họ với nhau mà họ không biết, những con người đi mò đường trong lòng đất ấy luôn luôn tưởng rằng họ đơn độc, tuy họ không đơn độc chút nào; công việc của họ rất khác nhau và ánh sáng bình thường của người này khác xa với những tia chói lóa của người khác. Người thì tươi vui như cảnh thiên đường, kẻ thì thảm thê bi đát. Tuy vậy, mặc dầu họ khác nhau đến mức nào, tất cả những con người ấy,

(1) *Saint Simon, Ouen, Fourier,* những nhà xã hội học không tưởng cuối thế kỷ 18 và đầu thế kỷ 19.

từ ở trên tầng cao nhất, đến người ở dưới tầng đen tối âm u nhất, từ người khôn ngoan nhất đến người điên rồ nhất, họ có một điều giống nhau. Điều ấy là: tinh thần vô tư. Mara[1] cũng quên mình như Giêđu. Họ gạt họ ra ngoài rìa, họ bỏ quên họ, họ không nghĩ chút nào đến họ. Họ nhìn thấy tất cả cái gì không phải họ. Họ có một cái nhìn và cái nhìn ấy đi dõi tìm cái tuyệt đối. Người thứ nhất có tất cả bầu trời trong mắt; người cuối cùng, dù khó hiểu đến đâu, dưới nét mày vẫn có các ánh sáng xanh nhạt của vô biên vô tận. Dù họ làm gì, ta cũng phải tôn kính những ai mang dấu hiệu: con người ngời sao.

Con người đen tối là dấu hiệu khác.

Với con người này bắt đầu tội ác. Trước con người không có ánh mắt, thì hãy suy nghĩ, hãy run sợ. Trật tự xã hội có những thợ mỏ đen tối của nó!

Có một điểm mà sự đào sâu là sự chôn vùi, và ở đó thì ánh sáng tắt hẳn.

Ở bên dưới tất cả những hầm mỏ mà chúng tôi vừa chỉ ra, ở dưới tất cả những đường hầm, ở dưới tất cả cái hệ hống mênh mông những tĩnh mạch ngầm của tiến bộ và không tưởng, sâu hơn nhiều nữa, trong lòng trái đất, thấp hơn cả Mara, thấp hơn cả Babơp, thấp hơn nữa, thấp hơn nhiều nữa và không có liên lạc gì với cái tầng trên, có cái hầm cuối cùng, một nơi khủng khiếp. Đó là nơi mà chúng tôi đã gọi là tầng ngầm thứ ba. Đó là hố của đêm tối, hầm của những người mù *Infert*[2].

Nơi này nối liền với vực thẳm.

---

(1) *Marat*: Nhà cách mạng Pháp, rất hăng hái kết tội nhà vua (1743 - 1793).

(2) Lớp người hạ đẳng.

II

TẦNG ĐÁY

Ở đây lòng vô tư bay biến. Con quỷ ác hình thành lộ mờ. Ai cũng chỉ vì mình thôi. Cái tôi không mất ấy gào rú, tìm kiếm, mò mẫm và gặm nhấm. Tên Uygôlanh [1] của xã hội nằm ở trong cái vực ấy.

Những cái bóng hung dữ lẩn quất, lần mò trong hố ấy, gần như thú dữ gần như yêu ma, không hề nghĩ gì đến sự tiến hóa chung mà chúng không hề biết, cả về ý niệm lẫn danh từ. Họ chỉ lo nghĩ đến sự thỏa thích cá nhân. Họ hình như là vô ý thức, ở trong con người họ có một thứ xóa bỏ ghê sợ. Họ có hai mẹ nhưng đều là mẹ ghẻ: đốt nát và nghèo đói. Họ có một người dẫn đường là sự thiếu thốn. Tất cả các hình thái của sự thỏa thuê ở họ đều xuất phát từ thèm khát. Họ háu ăn một cách tàn bạo, nghĩa là họ hung tợn, không phải như một tên bạo chúa, mà là như một con hổ đói. Từ đau khổ, những con ấu trùng ấy chuyển sang tội ác; huyết hệ tất nhiên, thoát thai kinh khủng, lô gích của bóng tối. Cái lê la ở tầng đáy thứ ba này không phải là sự đòi hỏi của tuyệt đối bị bóp nghẹt, đó là sự phản kháng của vật chất. Con người trở thành mãng xà. Đói khát là điểm xuất phát; làm quỷ Xatăng đó là đích. Từ cái hầm ấy Laxone[2] chui ra.

---

(1) *Ugolin della Gherardesca* một bạo chúa khát máu ở nước Ý, thế kỷ 13, sau bị bắt và bị giam với các con hắn trong một cái tháp để cho chết đói. Nhà thơ Ý Dăng tơ đã dựng lên một cảnh kinh khủng trong *Hài kịch thần thánh*, Uygôlanh gặm cái sọ của kẻ thù của hắn trong *Pháp đài*.

(2) Lacenaire, Cartouche, Schinderhanees: tên những kẻ cướp giết người ghê gớm đã bị trừng phạt.

Bạn đọc vừa thấy, ở quyển bốn, một ngăn của cái tầng trên của hầm mỏ, cái hầm mỏ lớn của chính trị, cách mạng và triết lý. Ở đấy, như chúng tôi vừa nói, tất cả đều cao quý, trong sáng, xứng đáng, lương thiện. Ở đó người ta cũng có thể lầm lẫn, và có lầm lẫn thật, nhưng cái lầm cũng đáng kính vì nó rất dũng cảm. Tất cả công việc họ làm ở đấy, có một cái tên: Sự tiến bộ.

Bây giờ đến lúc ta nhòm vào các vực sâu khác, những vực sâu ghê tởm.

Ta phải nhấn mạnh vào điểm này, ở dưới đáy xã hội vẫn có cái hầm lớn của tội ác, cứ cho đến ngày dốt nát bị xóa bỏ.

Cái hầm ấy ở dưới tất cả các hầm khác và là kẻ thù của tất cả cái khác. Đó là sự căm thù tất cả, không thừa sót gì. Nó không biết nhà triết học gì; con dao găm của nó chưa bao giờ gọt bút viết. Cái đen tối của nó không có chút quan hệ nào với cái đen tối tuyệt vời của nghiên mực. Chưa bao giờ những ngón tay của đêm tối, co cứng lại dưới cái hầm ngột ngạt ấy, đã mở một quyển sách, hay giở một tờ báo. Babơp đối với Cactusơ [1] là một kẻ bóc lột, Mara là một nhà quý tộc đối với Sinderanơ[2]. Mục đích của cái hầm ấy là làm sụp đổ tất cả.

Tất cả. Cả đến những cái hầm phía trên mà nó căm thù. Trong cái lúc nhúc ghê tởm của nó, nó khoét, nó đào cho sụp đổ hết, không phải chỉ riêng cái trật tự xã hội hiện giờ. Nó cố phá cho đổ triết học, đổ khoa học, đổ luật phát, đổ tiến bộ. Tên nó chỉ đơn giản là ăn cắp, làm đĩ, giết người và ám sát. Nó là đêm tối âm u, và nó muốn tất cả là hỗn mang, đảo lộn.

---

(1). (2). Lacenaire. Cartcuche. Schinderhannes: tên những kẻ cướp giết người ghê gớm đã bị trừng phạt.

Cái nóc hầm của nó lợp bằng ngu dốt.

Tất cả các hầm khác ở bên trên chỉ nhằm có một mục đích là xóa bỏ cái tầng đáy đó. Tất cả các tổ chức cùng một lúc của triết học và của tiến bộ đều hướng vào mục đích ấy, bằng sự cải thiện cái thực tế cũng như bằng sự chiêm ngưỡng cái tuyệt đối. Phá hủy cái hầm Ngu dốt, bạn sẽ tiêu diệt được con chuột chũi. Tội ác.

Chúng ta hãy cô đọng lại bằng vài lời một phần những cái chúng tôi vừa viết. Mối nguy hiểm duy nhất của xã hội là bóng tối.

Nhân loại là đồng nhất. Tất cả mọi người đều nặn bằng một loại đất sét. Không có một sự khác biệt nào trong số phận ít nhất là ở trên mặt đất này. Cùng là bóng tối lúc đầu, cùng là da thịt lúc sống, cùng là tro bụi lúc chết, nhưng ngu dốt trộn vào cái chất người ấy, làm cho nó đen đi. Cái màu đen không xóa được đó thấm vào bên trong con người, và trở thành cái Ác.

III

BABE, GƠLƠME, CƠLACƠXU VÀ MÔNGPACNAXƠ

Một bộ tứ những tên kẻ cướp: Cơlacơxu, Gơlơme, Bale và Môngpacnaxơ, từ 1830 đến 1835, thống trị cái đáy thứ ba của Pari.

Gơlơme là một thứ đô lực sĩ sa thải. Hang ổ của nó là cống ngầm Acsơ Mariông. Nó cao gần hai thước, cơ ngực rắn như đá, bắp tay cứng như đồng, hơi thở như gió lùa cửa hang, thân thì hộ pháp, sọ lại sọ chim. Trông hắn tưởng như là Ecquyn Phacnedơ, mặc một cái quần vải mịn và một cái áo nhung sợi. Gơlơme với hình vóc hộ pháp đó có thể khuất phục những con quái vật, nhưng hắn thấy cứ làm quái vật lại gọn hơn. Trán thấp, thái dương rộng, ngót bốn mươi tuổi, mắt

nhan nheo, tóc ngắn và cứng, má lông lá như bàn chải, bộ râu lởm chởm, có thể hình dung được con người ấy. Những bắp thịt xin được lao động, cái ngu dân của hắn lại không muốn thế. Nó là một sức mạnh lười biếng. Nó giết người vì uể oải. Người ta cho là hắn sinh trưởng ở thuộc đảo. Có lẽ hắn đã nhúng tay vào vụ ám sát thống chế Bruyno, vì năm 1815, hắn làm phu khuân vác ở Avinhông. Sau cái thời tập sự ấy hắn đã trở thành kẻ cướp chính thống.

Cái vẻ trong bóng của Babe trái ngược hẳn với đống thịt ụ của Gơlơme. Bale gầy và thông thái. Nó tuy trong, mà bí ẩn. Có thể nhìn suốt qua xương của hắn, nhưng không thể nhìn gì sau con người của hắn. Hắn bảo hắn làm ngành hóa chất. Hắn đã là hề chào khách với Bôbesơ và hề diễn với Bôbinô. Hắn từng là diễn viên hài kịch ở Xanh Mihien. Hắn là con người có chủ định nói năng hoạt bát, mỉm cười có mục đích, điệu bộ có tinh ý. Hắn chuyên nghề bán rong những tượng bán thân bằng thạch cao và những chân dung của "ngài quốc trưởng". Thêm nữa hắn làm nghề nhổ răng. Hắn đã làm trò ở các chợ phiên và đã có một cái quầy hàng với kèn rao và tấm biển này: "Babe nghệ sĩ nhổ răng, viện sĩ các viện hàn lâm, làm những thí nghiệm vật lý về kim khí và á kim, nhổ răng và rút những chân răng mà các bạn đồng nghiệp đã bỏ lại. Giá một cái răng: một phơrăng 50 xăngtim, hai cái răng hai phơrăng, 3 cái răng: hai phơrăng 50. Đừng bỏ lỡ cơ hội". (Câu "*Đừng bỏ lỡ cơ hội*" có nghĩa là hãy nhổ cho nhiều răng vào). Hắn có vợ và đã có con. Hắn không biết vợ và các con hắn bây giờ ở đâu. Hắn đã bỏ rơi vợ con như người ta đánh mất chiếc khăn tay. Một ngoại lệ rất quý giá trong xã hội đen tối của hắn; hắn đọc báo. Một hôm, khi hắn còn có vợ và con cùng ở với hắn, trong gian hàng lưu động của hắn hắn đã

đọc trên báo *Lơ mexagiê* cái tin một bà mẹ sinh ra một hài nhi có cái mồm bê. Hài nhi đó có thể nuôi được. Hắn đã kêu to lên "*Đây là cả một cái gia tài! Sao vợ ta chẳng khôn khéo cho ta một đứa con như thế này nhỉ?*"

Từ đó hắn đã bỏ tất cả, để "kinh doanh Pari". Kinh doanh Pari là thuật ngữ của chính hắn.

Cơlacơxu là cái gì? Cơlacơxu là đêm tối. Hắn chỉ xuất hiện khi bầu trời đã đen xịt. Buổi tối hắn từ cái lỗ của hắn chui ra, rồi lại chui vào cái lỗ ấy trước khi ngày rạng. Cái lỗ ấy ở đâu, chẳng ai biết. Trong đêm tối dày đặc nhất, khi nói chuyện với đồng đảng của hắn, hắn cũng quay lưng lại. Tên hắn có phải là Cơlacơxu không? Không. Hắn bảo tên tôi là Paduytu[1]. Nếu thình lình có một cây đèn sang, tức thì hắn đeo mặt nạ vào. Hắn nói giọng bụng. Bale bảo: "*Cơlacơxu là một con thú ăn đêm có hai giọng*". Cơlacơxu, con người mơ hồ, lang thang, ghê gớm. Người ta không chắc là hắn có một cái tên. Cơlacơxu chỉ là một mệnh danh; người ta cũng không chắc là hắn có một giọng nói của hắn, cái bụng của hắn nói nhiều hơn cái miệng. Người ta cũng không chắc là hắn có một gương mặt, người ta mới nhìn thấy được cái mặt nạ của hắn thôi. Hắn ở đó, rồi biến đi như một cái bóng; những xuất hiện của hắn là từ dưới đất chui lên.

Một con người rùng rợn: đó là Mongpacnaxơ. Môngpacnaxơ là một đứa trẻ con chưa đến hai mươi tuổi, một khuôn mặt xinh, cặp môi như trái anh đào, một mái tóc đen đẹp, mắt sáng ánh mùa xuân. Hắn có đủ tật xấu và đang vươn đến tất cả mọi tội ác. Đã nếm cái vị ác, hắn đâm ra thèm khát cái

(1) *Pas du roul* có nghĩa là: chẳng phải thế đâu.

hung tàn. Một thằng nhóc biến thành tên đểu cáng, tên đểu cáng thành kẻ sát nhân. Nó xinh trai, "kiểu mị", duyên dáng, khỏe, lười, hung dữ. Mũ của nó vành bên trái hơi cong hớt lên, để lộ một mớ tóc, theo kiểu 1829. Nó sống bằng ăn cướp. Cái áo khoác dài của nó may theo kiểu đẹp nhất, nhưng đã sờn. Môngpacnaxơ đẹp như hình người khoác y phục mẫu, nhưng có vẻ nghèo đói và có dáng đã giết người. Nguyên nhân của mọi tội giết người của hắn là sự thèm muốn được điển trai. Cô gái lẳng lơ đầu tiên nào đã bảo hắn: Anh đẹp đấy, đã ném vào lòng hắn cái vệt đen tối và đã biến gã Aben ấy thành một thằng Canh [1]? Thấy mình xinh trai, hắn muốn làm người lịch sự, mà cái lịch sự nhất là ở nể. Đối với kẻ nghèo, ở nể tức là tội ác. Ít có kẻ lưu manh nào nguy hiểm đáng sợ như Môngpacnaxơ. Mới mười tám tuổi hắn đã rải đằng sau hắn mấy xác chết. Trong cái bóng của tên khốn nạn ấy, nhiều xác khách qua đường đã nằm sõng sượt, hai tay buông xuôi, sấp mặt trên một vũng máu. Tóc uốn quăn, chải sáp, áo bó sát sườn, hông như hông phụ nữ, một cái ngực như ngực sĩ quan Phổ, những lời khen ngợi xì xào của bầy gái đầu đường quanh hắn, cái ca vát thắt rất tài tình, một nắm đấm thép trong túi, một bông hoa ở ve áo, đó là tên công tử của mộ địa.

IV

TỔ CHỨC CỦA BỌN NÀY

Với bốn đứa chúng nó, bọn này như một thần Prôtê, muôn hình vạn dạng luồn lách qua hàng rào của cảnh sát, cố thoát

(1) *Anbe l và Cain* nhân vật trong kinh Thánh Giatô. Cain đã giết em là Abel. Abel đẹp trai.

khỏi những con mắt rình mò của Vidiôc[1], "dưới mọi hình dáng, gốc cây, ngọn lửa, suối nước", trào lên lẫn nhau, dùng mẹo của nhau, lẩn lút trong bóng của bản thân chúng, luôn giữ bí mật cho nhau và che chứa lẫn nhau, thay đổi hình dạng như người ta bỏ cái mũi giả ở một cuộc khiêu vũ hóa trang, đôi khi thu nhỏ lại thành có một người, đôi khi tự nhân lên đến mức Côcô Lacua tưởng là cả một đám đông.

Bốn con người ấy không phải là bốn người nữa, mà như một tên trộm bí mật, có bốn đầu, hoạt động đại quy mô ở Pari. Bọn bạch tuộc quái đản của tội ác nằm trong cái hang kín của xã hội.

Với những chi nhánh của chúng, và cả một hệ thống chằng chịt quan hệ ngầm của chúng, Babe, Gơlơme Cơlacơxu, và Môngpacnaxơ bao thầu tất cả những vụ cướp bóc, lừa bẫy trong hạt Xenơ. Chúng làm những cuộc đảo chánh từ dưới, lật đổ người qua đường. Những kẻ có âm mưu loại ấy, có trí tưởng tượng của lũ ăn đêm, đều nhờ bọn chúng thực hiện âm mưu của họ. Họ nói cho chúng biết cái dàn ý. Chúng làm nhiệm vụ đạo diễn, Chúng làm việc dựa vào đề cương kịch bản. Lúc nào chúng cũng tìm được nhân lực tương xứng và thích ứng cho mọi vụ cướp bóc, hành hung cần có viện trợ và được nhiều tiền. Một tội ác cần phải tìm những cánh tay thực hiện thì chúng cho mướn những kẻ đồng lõa. Chúng có cả một đoàn diễn viên của đêm tối sẵn sàng biểu diễn tất cả các thảm kịch của hang hầm. Chúng thường hội họp nhau khi trời bắt đầu tối, tức là vào giờ thức dậy của chúng, trong những bãi cỏ hoang gần khu Xanpêtrie. Chúng bàn bạc ở đó.

---

(1) *Vidocg:* một tên lưu manh sau trở thành chánh mật thám ở Pari đầu thế kỷ 19.

Chúng có mười hai giờ đêm đen trước mặt chúng. Chúng ấn định thời dụng biểu của thời gian ấy.

Patorông Minét đó là cái tên mà bọn người sống trong những hang hầm đặt cho bốn tên này. Trong một cái ngôn ngữ cổ kính, kỳ quái của đại chúng, mỗi ngày một mờ nhạt đi, *Patorông Minét* có nghĩa là buổi sớm mai, cũng như *giữa chó và sói*[1] có nghĩa là vào sẩm tối. Cái danh từ ấy có lẽ do tự cái giờ mà công việc ám muội của chúng kết thúc, bình minh là lúc các bóng ma tan biến, và các bọn kẻ cướp chia tay nhau. Bốn thằng này được người ta biết với cái mệnh danh ấy. Khi vị chánh án tòa đại hình đến gặp Laxơnerơ trong nhà tù và hỏi hắn về một tội phạm mà hắn chối không nhận: "Thế kẻ nào đã làm việc đó?". Vị chánh án hỏi thế, và Laxơnerơ đã trả lời một câu bí mật đối với vị thẩm phán ấy, nhưng rất rõ rệt đối với cảnh sát: "Có lẽ là Palơrông Minét".

Người ta có thể đoán nội dung một vở kịch khi nghe danh sách các nhân vật, người ta cũng có thể đánh giá một bọn côn đồ với danh sách những tên côn đồ ấy. Đây là những tên của những kẻ côn đồ có gắn bó với bọn Patơrông Minét, vì những cái tên ấy còn nổi lại trong những bản báo cáo đặc biệt.

Păngsô, còn gọi là Pranhtaniê, là Bigrơnay.

Bruygiông có cả một triều đại Bruygiông; chúng tôi không muốn bỏ cái ý muốn nói vài lời về cái dòng dõi ấy.

Bulatơruyen, gã phu đường chúng ta đã thoáng thấy rồi.

Lavơvơ.

Phinixte.

Ômer Ôguy, da đen.

---

(1) Nguyên văn: *Entre chien et loup*, nghĩa là lúc mà mắt không phân biệt được chó và sói (lúc nhá nhem).

Mácđixoa.

Đêpêsơ.

P hônlơroa, tự là Bucơchie.

Glôriơ, tù khổ sai mãn hạn.

Barơcarôxơ, tự là Duypông.

Lexplanađơ đuy Xuýt.

Puxagơrivơ.

Cácmanhôlc.

Gruydônic, tự Bidarô.

Mănggiơđăngten.

Lêpiêăngle.

Lêpiêăngle

Đomi-lia, tức Hai-Ti

vân vân... vân vân...

Chúng tôi bỏ qua một số tên, không phải là những tên ghê gớm nhất. Những cái tên ấy là những biểu tượng. Nó không chỉ tên một người, mà chỉ tên một loại. Mỗi cái tên ấy chỉ một loại nấm dị hình ở những đáy hầm của nền văn minh.

Những nhân vật ấy không ưa lộ diện, không phải là những nhân vật người ta thường gặp ngoài phố. Ban ngày, mệt mỏi sau những đêm hung dữ của chúng, chúng đi ngủ, khi thì trong những lò thạch cao, khi thì trong những mỏ đá đã bỏ ở Môngmactơrơ hay Môngrugiơ, đôi khi trong các cống ngầm. Chúng chui xuống đất.

Những bọn người ấy bây giờ thế nào? Chúng vẫn còn. Chúng xưa kia vẫn có. Oraxơ đã nói đến chúng: *Ambubaiarum collegia, pharmacopoloe, medici mimoe*[1] Khi xã hội vẫn như

(1) Phường đàn sáo, lang băm, ăn xin, trò hề.

thế này thì chúng vẫn như thế ấy. Dưới cái trần hầm đen tối của chúng, chúng luôn luôn tái sinh từ dòng nước rỉ của xã hội. Chúng hiện trở về luôn luôn y như thế; chỉ có điều là chúng không giữ nguyên những tên cũ và không mang những hình dáng cũ.

Tiêu diệt những cá nhân đi, bộ tộc vẫn tồn tại.

Chúng vẫn có những năng khiếu cũ. Từ kẻ ăn mày lang thang đến tên trộm cắp lén lút, cái dòng giống này còn nguyên vẹn không pha. Chúng đoán biết những ví tiền trong túi, chúng đánh hơi những chiếc đồng hồ trong bao. Vàng, bạc, đối với chúng có mùi ngửi thấy. Có những kẻ tư sản ngây thơ mà người ta có thể gọi là dễ bị đánh cắp. Bọn chúng kiên trì theo dõi những người tư sản này. Khi một người nước ngoài, một người tỉnh lẻ đi qua, chúng rùng mình như con nhện.

Những con người đó trông thật dễ sợ khi nửa đêm, trong một phố vắng, ta gặp chúng. Hình như chúng không phải là người, nhưng là những bóng sương mù sống; người ta có thể bảo là chúng thường gắn với bóng tối thành một khối, chúng không tách rời đêm tối, chúng không có linh hồn nào khác là đêm tối, và chỉ trong chốc lát thôi, để trong vài phút sống một sự sống quái đản, ghê gớm, chúng mới tách mình khỏi đêm tối.

Lấy gì để làm cho tiêu tan những ấu trùng, những dòi bọ ấy? Ánh sáng. Ánh sáng tràn trề. Không một con dơi nào chống lại được bình minh. Hãy rọi ánh sáng vào xã hội từ phía dưới.

QUYỂN VIII
ANH NHÀ NGHÈO BẤT HẢO

I

MARIUYTX ĐI TÌM CÔ GÁI ĐỘI MŨ HOA LẠI GẶP MỘT ÔNG ĐỘI MŨ LƯỠI TRAI

Hè qua, rồi thu cũng qua; đông đã đến. Chẳng thấy ông Lôblăng, cũng chẳng thấy cô gái đặt chân đến vườn Luychxămbua nữa. Mariuytx chỉ có độc một ý tưởng, là được thấy lại khuôn mặt dịu dàng, đáng yêu kia. Đi đâu cũng tìm, chỗ nào cũng tìm mà chẳng thấy bóng người yêu. Mariuytx không còn là anh chàng mơ mộng, bồng bột, con người quả quyết, say sưa, rắn rỏi, con người hăng say thách thức cuộc đời, một khối óc xây dựng hết mộng tương lai này đến mộng tương lai khác, một trí tuệ chứa đầy những kế hoạch, những dự định, những kiêu hãnh, những tư tưởng và những ý chí. Chàng như con chó lạc, lúc nào cũng buồn rũ ra. Thế là hết. Chàng chán ngấy công việc; đi chơi thì mệt, ở nhà thì buồn. Trước kia, vũ trụ mênh mông, biết bao hình ảnh, biết bao ánh sáng, biết bao tiếng nói, lời khuyên, biết bao hy vọng, tiền đồ, biết bao lời giáo huấn. Thế mà bây giờ, chàng chỉ thấy vũ trụ trống trải. Không còn gì nữa.

Chàng vẫn suy nghĩ, vì chàng không thể làm gì khác được. Nhưng chàng ngao ngán với cả ý nghĩ của mình. Ý nghĩ của chàng

luôn luôn thì thầm với chàng điều này điều nọ. Chàng chỉ âm thầm trả lời: Thôi, có ích gì?

Chàng tự trách nhiều khoản: tại sao mình lại theo đuổi nàng. Chỉ trông thấy nàng là mình đủ sung sướng! nàng nhìn mình, chưa phải là bát ngát rồi sao! Nhưng nàng có vẻ yêu mình, chưa phải là tất cả rồi ư? Mình còn mong gì nữa? Để rồi chẳng còn gì hết. Mình lạ lùng quá. Chỉ tại mình... Vân vân và vân vân. Chàng chẳng nói gì cho Cuốcphêrắc biết, bản tính chàng như vậy. Nhưng Cuốcphêrắc đoán biết tất cả, cũng là bản tính anh ta, và rất đỗi sửng sốt, bắt đầu khen Mariuytx đã biết yêu đương. Rồi thấy Mariuytx đâm ra buồn chán vẩn vơ, anh chàng phải bảo: Mày ngu quá đỗi. nào đi đến Sômie đi.

Nhân một ngày tiết tháng Chín, trời trong đẹp. Mariuytx dành để ba chàng Cuốcphêrắc, Bôtxuyê và Gơrăngte dẫn chàng đến dự buổi dạ hội ở Xô, chàng hy vọng tình cờ sẽ gặp người yêu; mơ ước thật là viển vông! tất nhiên, nàng không có đấy. Gơrăngte lầm bầm một mình: Ấy thế mà mọi người đàn bà mất tích đều gặp được ở đây. Mariuytx để mặc các bạn ở lại khiêu vũ, một mình chàng kéo bộ trở về, mỏi mệt, lòng nóng như thiêu, con mắt đục mờ, buồn rười rượi. Xe ngựa nào cũng vang tiếng hát, đầy khách dự hội trở về. Xe chạy rầm rập, bốc bụi mù đường phố làm chàng hốt hoảng. Tuyệt vọng, chàng hít mạnh mùi thơm hăng hắc của dãy cây bồ đào cho đầu óc tỉnh táo ra.

Chàng sống ngày càng cô độc, càng mê loạn, đau khổ, âm thầm xót xa trong dạ. Chàng quẩn quanh trong nỗi đau xót như con sói đi đi lại lại trong cạm bẫy, không sao thoát ra được. Con người si tình tìm kiếm người yêu khắp nơi khắp chỗ.

Một lần khác, một cuộc gặp gỡ lạ lùng khiến chàng không sao quên được. Chàng đang đi tha thẩn ở những phố nhỏ bên

đại lộ Anhvalit, bỗng gặp một người mặc quần áo thợ, đội mũ lưỡi trai, để lộ một mớ tóc bạc phơ. Mariuytx chú ý đến mớ tóc đẹp, rồi nhìn người ấy đang bước từng bước một, đăm chiêu như có việc gì đau đớn lo phiền lắm. Có điều lạ là hình như đúng ông Lơblăng! Cũng mái tóc ấy, cũng nét mặt ấy, dưới vành lưỡi trai cũng dáng điệu ấy, như có vẻ buồn bã hơn. Nhưng tại sao lại bộ áo thợ thuyền? Thế là nghĩa gì? Tại sao lại trá hình như vậy? Mariuytx rất đỗi ngạc nhiên. Lúc định trí lại, chàng vội rảo bước theo người ấy, biết đâu chàng không tìm thấy dấu vết người yêu? Dù sao cũng phải đến gần xem cho kỹ rồi tìm ra điều bí ẩn chứ! Nghĩ đến đây thì chậm quá rồi, ông già đã mất hút. Người ấy rẽ sang phố khác. Mariuytx không sao tìm thấy được. Cuộc gặp gỡ ấy làm chàng bận tâm mấy ngày, sau rồi cũng quên đi. Chàng nghĩ thầm: - Thôi, chắc là hai người giống nhau thôi.

II

BẮT ĐƯỢC CỦA

Mariuytx vẫn ở căn nhà nát Gớrbô, chàng chẳng để ý đến ai ở trong nhà cả.

Sự thật, dạo ấy nhà cũng chỉ có độc Mariuytx với gia đình Giôngđơrét mà chàng đã trả giúp tiền nhà một lần. Sau lần ấy, chàng chẳng bao giờ trò chuyện với ai, bố, mẹ cũng không, con gái cũng không. Những người thuê khác đã dọn đi hoặc chết rồi, hoặc thiếu tiền nhà, đã bị đuổi đi.

Một ngày đông năm ấy, vào lúc quá trưa, mặt trời hé chút ánh sáng, nhưng ngày đó lại là ngày mồng 2 tháng Hai, cái ngày lễ Săngđơlô cổ xưa, mặt trời độc ác báo hiệu sáu tuần

lễ rét mướt, cái ngày mà Machiơ Lanxbe đã ca vịnh trong hai câu thơ xứng đáng là thơ cổ điển:

Mặt trời dù tỏ, dù mờ nhạt,
Con gấu thung thăng trở lại hang.

Ngày ấy, Mariuytx cũng vừa chui ở cái hang Górbô ra. Trời vừa tối. Giờ đi ăn. Dù sao rồi cũng phải nghĩ đến chuyện ăn uống, chao ôi! ái tình dù cao thượng vẫn có những nhược điểm như thế đó!

Chàng vừa bước qua bậc cửa thì chợt thấy bà Bugông vừa quét nhà vừa cất tiếng nói một mình câu bất hủ sau đây:

- Thời buổi này chẳng có cái gì là rẻ sất, cái gì cũng đắt như vàng. Chỉ có công người là rẻ, rẻ thối ra.

Mariuytx từ từ bước ra phía cửa để lên phố Xanh Giắc. Chàng cúi gầm mặt xuống, có vẻ nghĩ ngợi.

Trong sương chiều, bỗng chàng bị ai xô phải. Chàng quay lại, thấy hai cô con gái ăn mặc rách rưới, một cô dong dỏng cao, người mảnh khảnh, một cô bé hơn. Hai cô có vẻ hoảng hốt, thở hổn hển, đi rõ nhanh, như chạy trốn. Hai cô đi ngược lại, không trông thấy Mariuytx nên đâm sầm phải. Trong bóng tối sâm sẩm, Mariuytx nhận được khuôn mặt nhợt nhạt, đầu tóc rối tung, cái mũ kinh khủng, váy rách tơi tả, chân thì giẫm đất! Hai cô vừa chạy vừa nói chuyện. Cô lớn bảo thầm cô bé:

- Tụi cớm vừa đến. Suýt nữa tóm được tao.

Cô kia trẻ hơn:

- Tôi cũng trông thấy. Thế là tẩu, tẩu nhé, tẩu bán sống bán chết.

Mariuytx nghe qua mấy câu tiếng lóng, đủ hiểu rằng bọn sen đầm hay cảnh sát suýt nữa tóm được mấy cô bé này và hai cô chạy thoát.

Hai cô đi sâu vào bóng cây um tùm ở đại lộ phía sau. Trong đêm tối, thấy bóng hai người trăng trắng một lát, rồi biến mất.

Mariuytx đứng lại một chốc.

Chàng vừa định đi thì chợt thấy một gói nhỏ xam xám ở ngay dưới chân. Chàng cúi xuống, nhặt cái gói lên. Gói ấy hình như là một phong bì đựng giấy má. Chàng nói:

- Ừ, chắc là Của mấy cô bé tội nghiệp đánh rơi đây!

Chàng quay trở lại, cất tiếng gọi, nhưng không thấy gì. Chàng cho là các cô đã đi xa, liền nhét phong bì vào túi rồi đi ăn.

Giữa đường, qua một ngõ hẻm phố Muphơta, chàng thấy một cái áo quan trẻ con đặt trên ba cái ghế tựa, phủ một tấm khăn liệm đen; một ngọn nến leo lắt cháy. Chàng nhớ đến hai cô con gái trong bóng tối ban nãy. Chàng nghĩ thầm:

- Khốn nạn! Các bà mẹ thà trông thấy con chết còn ít buồn hơn là thấy chúng sống khổ sống nhục.

Hai cái bóng đã thay đổi vị buồn cho chàng, rồi cũng bay khỏi tâm trí. Chàng lại chìm vào những ý nghĩ của riêng chàng. Chàng nhớ lại sáu tháng qua, sáu tháng yêu đương, hạnh phúc, với những ngày đầy ánh sáng, dưới hàng cây tươi đẹp vườn Luychxămbua. Chàng nghĩ thầm:

- Đời mình bây giờ tối tăm quá. Vẫn thấy biết bao thiếu nữ. Nhưng trước kia, họ xinh tươi thế mà bây giờ thì xấu như ma.

III

BỐN VẺ

Buổi tối, lúc chàng cởi áo đi ngủ, tay chàng bỗng thò vào túi và đụng phải cái gói nhặt được ở dưới phố, chàng đã quên

bằng đi. Chàng nghĩ rằng mở ra, thì có địa chỉ của các cô con gái kia, hay dù sao cũng biết người mất của mà đem trả.

Chàng mở phong bì.

Phong bì không dán, đựng bốn bức thư cũng không dán nốt.

Địa chỉ đều có đề cẩn thận.

Cả bốn bức thư đều bốc một mùi thuốc lá hạng bét.

Bức thứ nhất đề như sau: *Kính gửi lệnh Bà Đơ Gơruyiơrê hầu tước phu nhân, Quảng trường đối diện Hạ nghị viện, số nhà...*

Mariuytx nghĩ thầm cứ đọc may ra thấy cái gì rõ ràng hơn; vả lại bức thư để ngỏ, có lẽ đọc cũng chẳng hại gì.

Bức thư viết như sau:

"Kính thưa hầu tước phu nhân,

"Xưa nay, đức khoan dung, đức tin Chúa vẫn là mối liên hệ mật thiết[1] giữa mọi người trong xã hội. Vì Chúa, xin Bà lớn hãy rủ lòng thương tới một kẻ vì lòng chân thực và vì lòng *chung* thành với dòng chính thống thiêng liêng mà phải từ bỏ đất Tây Ban Nha, phải hy sinh cả xương máu, của cải để bảo vệ lấy chính nghĩa; kẻ ấy ngày nay đang sống trong cảnh khốn cùng. Kẻ ấy mong rằng tấm lòng cao quý của Bà lớn sẽ giúp đỡ cho kẻ thuộc dòng máu binh sĩ vinh quang đầy thương tích này được sống qua cơn hoạn nạn. Kẻ ấy tin tưởng ở lòng *dân* đạo của Bà lớn, ở sự quan tâm của Bà lớn tới một quốc gia gặp bước gian nan. Kẻ ấy tin rằng lời cầu khẩn này sẽ không phải là vô ích và ơn ấy sẽ ghi lòng tạc dạ.

---

(1) Theo nguyên bản mấy bức thư này đều chứa nhiều lỗi chính tả và ngôn ngữ.

Kẻ được hân hạnh dâng lên Bà lớn những lời chúc tụng kính mến nhất, thưa Bà lớn:

ĐÔNG ANVARE

Đại úy kỵ binh quân đội Tây Ban Nha, thuộc phái bảo hoàng, hiện tị nạn ở nước Pháp. Kẻ này vì tổ quốc mà phải lưu vong, nay hết cả tiền bạc nên phải dừng lại đây".

Dưới là chữ ký, không ghi địa chỉ gì hết. Mariuytx hy vọng tìm thấy địa chỉ ở bức thư thứ hai, bức thư này viết như sau: Kính gửi Bà Đơ Môngvecne bá tước phu nhân; phố Cátxét, số nhà...

Mariuytx giở ra đọc:

"Kính thưa bá tước phu nhân,

"Kẻ viết lá thư này là mẹ sáu đứa trẻ, đứa bé nhất mới được tám tháng. Từ khi sinh cháu bé, *thiếp* ốm nặng, chồng *thiếp* bỏ đi từ năm tháng nay, hiện mẹ con *thiếp* sống trong cảnh cùng cực, không nơi *nương* tựa.

"*Thiếp* hy vọng ở lòng nhân đạo của bá tước phu nhân và xin kính chào phu nhân.

Người đàn bà Baliđa"

Mariuytx giở đến bức thứ ba, cũng như hai bức thư trên, bức thư này là một lời kêu xin; bức thư viết như sau:

"Kính gửi ông Pabuốcgiô, cử tri, đại thương gia buôn mũ, phố Xanh Đơni, góc phố Phe.

"Chúng tôi xin *mạng* phép gửi ngài bức thư này để mong ngài giúp đỡ và thương lấy một *nhà văn sĩ* vừa gửi đến Hý viện nước Pháp một bản kịch. Đề tài là một đề tài lịch sử, chuyện xảy ra ở Ovecnhơ, dưới thời đế chế. Văn chương, tôi thiết nghĩ, cũng tự nhiên, gọn gàng và có đôi chút giá *chị*. Có

cả bốn đoạn ca xen trong vở kịch. Vở của tôi có đủ tình tiết hài hước, nghiêm trang, đột ngột, theo từng cá tính nhân vật. Một hương vị lãng mạn bàng bạc toàn tác phẩm. Động tác diễn biến bí mật với những tình *tiết* ly kì và kết thúc bằng những kịch cảnh nẩy lửa.

"Mục đích chính của tôi là làm thỏa *mãn* dục vọng hiện sôi nổi trong lòng mọi người của thời đại chúng ta, tức là vấn đề *Thời trang*, cái chong chóng kỳ lạ luôn luôn đổi chiều, mỗi lần có làn gió mới thổi đến.

"Mặc dù những cái hay cái đẹp ấy, tôi vẫn ngại rằng sự ghen tị, lòng ích kỷ của các nhà văn đã sẵn có đặc quyền lại *rình* các tác phẩm của tôi, bởi vì tôi hiểu rằng người ta dành cho những kẻ mới vào nghề đủ mọi điều cay đắng.

"Thưa ngài, tôi biết ngài là một vị Mạnh thường quân sáng suốt của giới văn học nên đánh bạo cho con gái tôi đến để giải bày với ngài tình cảnh khốn khó của tôi, hiện mùa đông này trong nhà củi không, bánh cũng không. Tôi xin ngài cái vinh dự được tặng ngài vở kịch trên, cũng như những vở sau này, chính là vì tôi muốn có hân hạnh được ngài bảo *chợ*, được nêu tên ngài trên sách của tôi. Nếu ngài ra tay cưu mang tôi lúc này, tôi sẽ viết một bài thơ để tạ ơn ngài. Bài thơ này, tôi cố gắng viết cho thật hoàn hảo để kịp đưa hầu ngài xem, rồi in lên đầu vở kịch và ngâm trên sân khấu,

"Kính gửi ông bà lời chào kính trọng.

GIĂNGPHƠLÔ, nhà văn.

"T.B. Dù chỉ là bốn mươi xu thôi.

"Tôi xin lỗi ngài đã phải cho con gái tôi đến hầu ngài, đáng lẽ tôi thân đến mới phải, nhưng quần áo tôi tàn quá, tôi không thể ra đường được..."

Mariuytx mở bức thư thứ tư. Địa chỉ đề như sau: "Kính gửi cụ có lòng từ thiện ở nhà thờ Xanh Giắc đuy Hôpa". Chỉ có mấy dòng sau đây:

"Thưa cụ có lòng từ thiện,

"Nếu cụ quá bộ đến nhà chúng tôi, cụ sẽ thấy một cảnh hoàn nạn khốn cùng, chúng tôi sẽ trình cụ đủ giấy tờ chứng thực tình cảnh của chúng tôi.

"Thấy những giấy tờ ấy, tấm lòng nhân hậu của cụ sẽ *dung* động một nỗi cảm thương hào hiệp. Xưa nay các bậc hiền triết thường vẫn cảm xúc mãnh liệt.

"Cụ vốn giàu lòng *chắc* ẩn, xin cụ cũng hiểu cho rằng con người ta có túng thiếu đến cùng cực và khổ tâm lắm mới xin giấy nhà nước chứng thực cho tình cảnh của mình, để mong được giúp đỡ chút nào, làm như thể là mình không được tự do đau khổ, tự do chết đói.

"Số mệnh đối với một số người thì quá tàn nhẫn, đối với những người khác lại quá dễ dãi, luôn luôn phù trợ.

"Chúng tôi chờ mong cụ đến đằng nhà chúng tôi hoặc được ít tiền giúp đỡ. Xin kính chào cụ, một bậc *chượng phu* đại lượng.

Người đội ơn cụ: **P. PHABĂNGTU,**

nghệ sĩ sân khấu"

Đọc bốn bức thư xong, Mariuytx vẫn không hiểu gì thêm.

Trước hết, những người ký tên đều không đề địa chỉ.

Sau là hình như bốn bức thư do bốn người viết khác nhau, nhà quý tộc Anvarét, bà Balida, thi sĩ Giăngphơlô và nghệ sĩ Phabăngtu, nhưng có cái lạ là cùng một thứ chữ.

Chắc chắn là một người viết, không thể khác được. Vả cứ xem cùng một thứ giấy xấu, ngả vàng, cùng một mùi thuốc

lá và dù người viết có cố gắng thay đổi giọng văn, nhưng cũng những lỗi chính tả giống nhau, cứ đàng hoàng lặp lại trong bức thư của nhà văn Giăngphơlô cũng như của viên đại úy Tây Ban Nha, thì lời ức đoán trên càng có phần đúng.

Cố sức mà đoán cái việc bí mật nhỏ nhặt này cũng chẳng ích lợi gì. Nếu không phải là vật tìm thấy thì hẳn là một trò đùa nhạo. Mariuytx buồn quá chẳng thấy thú vị gì với cái trò chơi hú họa ấy; chàng tưởng như vỉa hè ngoài phố bày đặt ra cái trò ấy để giễu cợt chàng. Chàng lúng túng với bốn bức thư như đang cười cợt chàng.

Chẳng có gì tỏ rằng những bức thư kia là của hai cô con gái gặp ở phố. Dù sao, những bức thư ấy cũng chỉ là những tờ giấy lộn, chẳng có chút giá trị gì.

Mariuytx để cả vào phong bì, vứt vào một xó rồi đi nằm.

Khoảng bảy giờ sáng hôm sau, chàng vừa dậy, ăn sáng xong, định thử làm việc thì có tiếng gõ cửa nhè nhẹ.

Nhà chẳng có gì nên chìa khóa bao giờ cũng móc ở ổ khóa. Họa hoằn một vài khi bận việc khẩn cấp lắm, chàng mới khóa cửa. Ngay những lúc chàng đi vắng, chìa khóa vẫn nằm yên ở cửa. Bà Buyếcgông vẫn bảo chàng:

- Rồi ông đến mất cắp thôi.

Mariuytx trả lời: - Mất cái gì?

Ấy thế mà một hôm Mariuytx mất một đôi giày cũ; bà Buyếcgông ra vẻ đắc chí lắm.

Lại có tiếng gõ cửa, tiếng gõ nhè nhẹ như lần trước. Mariuytx nói:

- Cứ vào.

Cửa mở.

Mariuytx, mắt không rời quyển sách và những tờ giấy để trên bàn, nói tiếp:

- Bà Buyếcgông hỏi gì đấy?

Một giọng nói, không phải tiếng bà Buyếcgông, trả lời:

- Xin lỗi ông, thưa ông...

Tiếng nói đùng đục, rè rè, khàn khàn như nghẹn ngào, giống như tiếng nói của cụ già bị rượu mạnh làm cho khản giọng.

Mariuytx quay phắt lại thì thấy một thiếu nữ.

IV

ĐÓA HỒNG TRONG CẢNH CÙNG KHỔ

Một thiếu nữ trẻ măng đứng ngay giữa cái cửa hé mở. Cái cửa sổ con đối diện với cửa lớn để lọt ánh sáng bên ngoài vào, chiếu lên khuôn mặt cô một thứ ánh sáng nhờ nhờ. Cô xanh xao, gầy gò, hốc hác; cô chỉ phong phanh một cái áo trong và một cái váy, người lạnh cóng run lẩy bẩy. Thắt lưng bằng dây, búi tóc cũng bằng dây; hai vai gầy, gio cả xương ra ngoài áo. Nước da nhợt nhạt, xương vai xám xịt, bàn tay thì đỏ bầm, miệng mất mấy cái răng, con mắt đục, táo tợn, nhìn ngược. Cô có cái dáng một thiếu nữ cần cỗi và cái nhìn của một mụ gái già dày dạc, năm mươi tuổi pha với mười lăm. Một con người vừa yếu đuối, vừa khủng khiếp làm cho những ai không rớt nước mắt thì phải rùng mình ghê sợ.

Mariuytx đứng dậy, sững sờ nhìn thiếu nữ giống như những hình bóng chập chờn trong giấc mơ.

Điều thương tâm nhất là cô ta vốn không phải sinh ra xấu xí. Trái lại thuở bé thơ, có lẽ cô ta xinh lắm. Cái yêu kiều của tuổi trẻ còn đang chống chọi với cái già cỗi ghê tởm đến quá sớm, trong cảnh đời trục lạc, nghèo khổ. Một chút nhan sắc đang tàn tạ trên khuôn mặt mười sáu tuổi, giống như mặt trời vội úa sau những đám mây khủng khiếp một buổi sớm ngày đông.

Mariuytx trông thiếu nữ cũng hơi quen quen. Hình như đã gặp ở đâu. Chàng hỏi:

- Thưa cô, cô hỏi gì?

Thiếu nữ trả lời, giọng cô giống như giọng một tên tù say rượu:

- Ông có cái thư, ông Mariuytx ạ.

Cô gọi đúng tên chàng. Thế thì chính là cô hỏi chàng, không thể khác. Nhưng cô ta là ai? Làm sao lại biết được tên chàng?

Không cần đợi chàng mời, cô cứ tiến vào. Cô đi mạnh dạn, cô nhìn khắp gian phòng, cả cái giường bừa bộn, rất tự nhiên, khiến chàng thấy lòng se lại. Hai chân cô giẫm đất. Váy thủng nhiều chỗ, để lộ cả ống chân khẳng khiu và đầu gối gầy gio xương. Cô rét run cầm cập.

Cô đưa cho chàng bức thư cầm ở tay.

Mariuytx mở thư, thấy vết niêm xi to rộng hãy còn ướt. Chắc người gửi thư cũng ở gần đây thôi. Chàng đọc:

"Thưa ông hàng xóm thanh niên đáng mến,

"Tôi được biết sáu tháng *trước* đây, ông có lòng tốt trả hộ tôi món tiền nhà. Tôi cầu mong ông hưởng mọi sự tốt lành. Con gái lớn của tôi sẽ thưa để ông rõ gia đình tôi gồm bốn miệng ăn, vợ tôi thì đang ốm, từ hai hôm nay cả nhà chưa có hột nào vào miệng. Tôi tin rằng tôi có thể hy vọng ở tấm

lòng hào hiệp của ông, ông sẽ thương lấy chúng tôi và sẵn lòng ban cho chúng tôi chút gì trong lúc khó khăn này.

"Tôi xin kính chào ông, một kẻ ban phúc cho nhân loại.

GIÔNGĐƠRÉT

T.B. Thưa ông, con cháu sẽ đợi lệnh ông".

Từ hôm qua, Mariuytx vẫn loay hoay với câu chuyện vừa qua kỳ dị, tối tăm, thì bức thư này đến như một ngọn nến thắp lên trong hầm kín. Tất cả như bừng tỏ.

Người viết thư này cũng là người viết bốn bức thư kia. Cùng một thứ chữ, cùng một giọng văn, cùng một lối viết, cùng một thứ giấy, cùng một mùi thuốc lá.

Năm lá thư, năm câu chuyện, năm tên người, năm chữ ký, nhưng chung quy chỉ một người. Viên đại úy Tây Ban Nha Anvare, bà mẹ Balida đáng thương hại, nhà viết kịch Giăngphơlô, lão nghệ sĩ Phabăngtu đều là Giôngđơrét cả, nếu Giôngđơrét không là một tên giả nốt.

Như ta biết, Mariuytx về ở căn nhà này đã khá lâu, nhưng Mariuytx có mấy khi thấy bóng những người hàng xóm nhỏ mọn sống cạnh chàng. Tâm trí chàng để tận đâu đâu, mà trí ở đâu tức là mất ở đó. Chắc hẳn chàng đã gặp những người trong gia đình Giôngđơrét nhiều lần ngoài hành lang hay dưới cầu thang; nhưng đối với chàng, họ là những cái bóng. Chàng vô ý đến nỗi tối hôm qua đâm phải hai cô Giôngđơrét mà không nhận biết; đích là hai cô, chẳng còn ai khác. Và cũng vì thế mà khi cô này vừa bước chân vào nhà, chàng vừa cảm thấy thương hại, ghê tởm, vừa mang máng nhớ như đã có gặp cô ta ở đâu rồi.

Bây giờ chàng rõ tất cả. Chàng hiểu rằng lão láng giềng,

trong cơn khốn quẫn, dùng thủ đoạn lợi dụng lòng hảo tâm của những người từ thiện: lão tìm kiếm địa chỉ của những người có vẻ có máu mặt và có vẻ nhân từ, rồi giả danh người này người khác viết thư cho họ, lão sai con gái đi đưa thư, mặc chúng ra sao thì ra. Tình cảnh lão buộc lão phải hy sinh con gái. Lão liều một phen với số mệnh, lão đưa con gái vào tấn trò nguy hiểm. Cứ một việc qua, hai cô chạy trốn, thở không ra hơi, chết khiếp, rồi nói mấy câu tiếng lóng, Mariuytx cũng đủ đoán rằng hai cô kia còn làm nghề ám muội gì đây. Thế cho nên trong xã hội loài người hiện nay mới có những kẻ khốn khổ như thế kia, những người không phải là trẻ con, không phải là thiếu nữ, không phải là bà già. Họ là những quái tượng ô uế và thơ ngây, sản phẩm của nghèo đói.

Những con người ấy sống không tên không tuổi, chẳng ra đàn ông chẳng ra đàn bà, chẳng biết gì là thiện là ác, vừa lớn lên đã mất hết tất cả mọi thứ trên cuộc đời, tự do không, đạo đức không, trách nhiệm cũng không. Những tâm hồn ấy mới hé mở ngày hôm qua, hôm nay đã tàn héo. Giống như những bông hoa rơi ngoài đường, bùn nhơ dây lên be bét, cho đến khi một bánh xe lăn qua nghiến nát.

Trong lúc Mariuytx nhìn thiếu nữ chằm chằm, vừa ngạc nhiên vừa xót xa thì cô ta đi đi lại lại trong phòng, táo bạo như một con quỷ. Cô đi lại lăng xăng thân thể lõa lồ cũng mặc. Thỉnh thoảng cái áo lại tụt xuống tận bụng. Cô xô bàn ghế, nghịch ngợm cái gương, cái lược trên mặt tủ, sờ mó vào quần áo của Mariuytx, lục lọi các thứ ở trong xó nhà. Cô ta nói:

- Ô kia! Ông có cái gương!

Cô cất tiếng khe khẽ hát như ở chỗ không người: cô hát vài đoạn ca kịch, mấy điệp khúc nhí nhảnh. Giọng cô khàn

khàn trong cổ họng làm cho điệu hát thành ra rợn người. Cái dáng táo bạo của cô như vẫn ngượng ngùng, bâng khuâng, e thẹn, trâng tráo bao giờ chả là một điều hổ thẹn.

Không gì thảm bằng nhìn cô ta nô giỡn trong buồng, như con chim gẫy cánh hay con chim sợ ánh sáng bay tứ tung. Có lẽ nếu số phận đổi khác, hay cô được hưởng một sự giáo dục khác, hẳn dáng điệu tươi vui và tự nhiên của cô sẽ có một vẻ dịu dàng, dễ thương biết bao nhiêu. Trong các loài vật, không bao giờ một con chim bồ câu có thể biến thành con diều hâu. Chỉ có loài người mới như thế mà thôi.

Mariuytx nghĩ ngợi, mặc cho cô ta làm gì thì làm.

Cô đến gần bàn, nói:

- Úi chào! Lại sách nữa này!

Con mắt đục mờ bỗng sáng lên. Giọng cô hớn hở như muốn khoe điều gì, cái giọng ấy không ai nghe thấy mà không cảm động:

- Ấy, em cũng biết đọc đấy nhé.

Cô chụp quyển sách để mở trên bàn và đọc khá trôi chảy:

"Tướng Bôđoăng được lệnh dẫn năm tiểu đoàn đánh chiếm lâu đài Hugơmông ở chính giữa đồng bằng Oatéclô...".

Cô ngừng lại nói:

- À! Oatéclô. Em biết rồi. Trận đánh nhau ngày trước chứ gì! Bố em cũng dự đấy nhé. Bố em chả ở quân đội mà! Chúng em, cả nhà ai cũng theo phái Bônapác hết, theo hăng lắm. Oatéclô là chống bọn quân Anh đấy mà...

Cô đặt sách xuống, vớ lấy cái bút, reo lên:

- Em biết viết nữa cơ!

Cô chấm mực rồi quay lại bảo Mariuytx:

- Ông xem đây này. Để em viết cho mà xem.

Chẳng đợi Mariuytx trả lời, cô viết ngay lên một tờ giấy ở giữa bàn mấy chữ: "*Bọn cớm đấy*".

Rồi quẳng bút xuống bàn:

- Viết chẳng phạm lỗi gì cả... Ông nhìn xem. Hai chị em em trước cũng đi học đấy. Trước kia có khổ như bây giờ đâu, chúng em chẳng phải...

Nói đến đây, cô bỗng ngừng lại, con mắt mở chầm chầm nhìn Mariuytx, rồi phá lên cười. Giọng cô có lẫn những nỗi hoang mang đã bị sự trâng tráo bóp nghẹt. Cô kêu:

- Trối thây!

Thế rồi cô lại cất tiếng vui vui khẽ hát:

Đói quá, cha ôi,
Làm gì có cháo,
Rét quá, mẹ ôi,
Làm gì có áo.
Lôlốt
Run run
Giắccô
Sùi sụt

Hát vừa dứt cô đã reo lên:

- Ông Mariuytx này, ông có đi xem hát bao giờ không? Em có đi đấy nhé. Em có thằng em chơi thân với tụi nghệ sĩ, thỉnh thoảng nó cho vé. Em chúa ghét ngồi ở các ghế dài hàng bên; đến khó chịu, chẳng lý thú gì. Lắm người đến thô tục, có khi hôi ghê lắm cơ.

Rồi cô nhìn Mariuytx, ra vẻ lạ lùng, bảo chàng:

- Ông Mariuytx, ông có biết ông xinh trai lắm không?

Hai người cùng nảy ra một ý nghĩ, thiếu nữ mỉm cười, còn Mariuytx đỏ cả mặt.

Cô đến gần Mariuytx, đặt tay lên vai chàng:

- Ông không để ý đến em, chứ em biết ông lắm. Ở nhà thì gặp dưới cầu thang. Em còn biết ông hay đến nhà cái ông Mabớp, bên cạnh cầu Auxtéclit, em đi chơi đấy gặp luôn. Tóc ông bơ phờ, trông ra dáng lắm.

Cô cố lấy giọng êm ái mà nói, nhưng tiếng cô chỉ bé đi thôi. Mấy tiếng nói mất đi trong miệng, như cây đàn thiếu cung.

Mariuytx se sẽ lùi lại. Chàng nói giọng nghiêm trang và lãnh đạm:

- Thưa cô, tôi nhặt được một gói gì hình như của cô. Xin trả lại cô.

Chàng đưa cái phong bì đựng bốn bức thư cho người con gái.

Cô vỗ hai tay vào nhau kêu lên:

- Thế mà chúng em tìm mãi.

Cô vồ lấy cái gói, vừa mở phong bì vừa nói:

- Trời ơi là trời! Thế mà con bé với em tìm mãi! Hóa ra ông nhặt được. Ở dưới phố phải không? Ở dưới phố chứ gì? Đã bảo mà, lúc chúng em chạy thì rơi mất. Con ranh nó đoảng lắm. Về đến nhà mới thấy mất từ đời nào. Thế là chúng em nói với nhà là đã đưa tuốt cả thư rồi và chẳng ai cho gì để khỏi phải đòn, đòn vô lý, vô lý hết sức, hoàn toàn vô lý. Thế mà khổ thân mày, thư ơi là thư, mày lại lù lù đây rồi. Thế sao ông biết là thư của em? À quên vì chữ viết mà lị. Thế ra chúng em xô phải ông tối hôm qua à? Có trông thấy quái gì đâu. Em hỏi con bé: "Có phải một ông sang trọng không?" nó bảo: "Hình như một ông sang trọng".

Vừa nói, cô vừa mở bức thư xin tiền gửi "ông có lòng từ thiện ở Nhà thờ Xanh Giắc đuy Hôpa" rồi nói:

- Này cái thư này gửi lão già vẫn đi lễ. Đến giờ rồi, phải đi ngay mới được. May ra xin được tiền ăn sáng.

Rồi cô lại cười nói thêm:

- Nếu được ăn bữa sáng nay thì ông có biết là thế nào không? Thì tức là được ăn cả bữa sáng hôm kia, bữa chiều hôm kia, bữa sáng hôm qua, bữa chiều hôm qua, ăn dồn cả năm bữa vào bữa sáng hôm nay một thể mà lị. Mẹ kiếp, đứa nào không bằng lòng thì cứ chết mê nó đi, đồ chó chết.

Câu nói chợt nhắc Mariuytx nhớ ra thiếu nữ đến đây cốt xin tiền.

Chàng lục tìm túi gi-lê, chẳng có gì.

Thiếu nữ nói tiếp, hình như không biết Mariuytx có đấy:

- Lắm tối em cứ phải mò đi. Đêm chẳng về nhà nữa. Mùa rét năm ngoái, chưa đến đây ở, chúng em ở ngoài gầm cầu. Cứ ôm lấy nhau cho đỡ buốt. Con bé em em cứ khóc mãi. Trời ơi, nước ôi là nước, sao mà thê thảm thế. Em định nhảy xuống tự tử là em lại nghĩ thầm: Rét chết cha! Em đi thui thủi một mình. Lắm khi phải nằm hố. Đêm đi ngoài phố, trông cây cối cứ tưởng cột treo cổ, nhà cửa thì đen ngòm trông to như tháp chuông nhà thờ Đức Bà; tường quét vôi trắng thì trông ra dòng sông, em nghĩ thầm: Nước đây này. Những ngôi sao trên trời giống như những ngọn đèn những tối hoa đăng đang bốc khói bị gió thổi tắt. Em hốt hoảng như nghe thấy ngựa thở bên tai. Đêm khuya, thế mà em nghe thấy tiếng đàn phong cầm, tiếng máy sợi, chẳng biết tại sao. Em tưởng như có ai lấy đá ném em, em cứ thế chạy, mọi vật

cứ quay quay tít cả lên. Lúc đói thì lạ lắm.

Thiếu nữ nhìn Mariuytx vẻ mặt ngơ ngác.

Chàng lục soát các túi, mãi mới được số tiền cả thảy là năm phơrăng mười sáu xu. Cả gia sản chỉ còn chừng ấy. Chàng nghĩ thầm: "Vẫn còn đủ ăn bữa chiều nay, mai hẵng hay". Chàng giữ lấy mười sáu xu và đưa cho thiếu nữ năm phơrăng.

Cô cầm lấy tiền rồi nói:

- Được, nắng rồi đây.

Rồi hình như ánh nắng có tính chất làm tan trong đầu óc cô cả một đống những tiếng lóng. Cô liến thoắng:

- Năm phơrăng! Chất sáng mà! Hoàng thượng! Trong quán! Nặng đây. Ông là một đầu mục cừ. Tôi cảm quá trong ức này. Hoan hô thứ lóc cóc đó. Hai hôm có cái lũm. Có cao su! Có cái dòn. Có cái nhai nhậu rồi!

Cô kéo cái áo lên vai, cúi chào Mariuyxt, rồi vẫy tay thân mật, vừa bước ra vừa nói:

- Chào ông. Để em về đưa ông vía nhà em.

Qua cái tủ, cô thấy một mẩu bánh đã khô, mốc meo, bám đầy bụi. Cô vồ lấy, cắn một miếng, miệng lầm bầm:

- Hay quá! mà rắn bỏ cha! Gãy mẹ nó cả răng.

Rồi cô đi ra.

V

LỖ HỔNG CHÚA TRỔ TRÊN VÁCH

Từ năm năm nay, Mariuyxt đã sống trong cảnh nghèo nàn, hoàn toàn thiếu thốn, nhiều khi khổ cực nữa nhưng chàng

chưa hề biết thế nào là cảnh khốn cùng thực sự. Cảnh khốn cùng, chàng vừa nhác thấy. Thấy ở con bọ vừa bò qua dưới mắt chàng. Thấy một người đàn ông trong cảnh khốn cùng là chưa thấy gì hết, phải lấy cảnh khốn cùng của một người đàn bà: mà chỉ thấy cảnh khốn cùng của người đàn bà cũng là chưa thấy gì hết, phải thấy một đứa trẻ trong cảnh khốn cùng.

Khi người ta đã đến bước đường cùng thì người ta phải sử dụng những phương tiện cuối cùng. Vô phúc cho những kẻ không sức tự vệ sống quanh họ. Công ăn việc làm, đống củi, tấm bánh, lòng can đảm, cho cả đến thiện chí, họ đều thiếu tuốt. Bên ngoài, cảnh trời sầm lại; trong lòng người, cái ánh sáng đạo đức cũng tắt ngấm. Trong vùng bóng tối ấy, kẻ đàn ông cùng đường nếu vớ được đàn bà và con trẻ yếu đuối, lập tức vùi dập họ vào những nơi ô nhục.

Thế là người ta lao vào tất cả những việc khủng khiếp. Tuyệt vọng quây bằng những vách mỏng manh, những vách đó đều mở cửa vào tật xấu và tội ác.

Sức khỏe, tuổi thơ, danh dự, những e ngại rụt rè thiêng liêng và ghê gớm của da thịt còn trong trắng, trái tim trinh tiết, thẹn thùng, lần da ngoài của tâm hồn, tất cả đều bị các mò mẫm liều lĩnh đi tìm sinh kế lợi dụng, dày vò, dẫn tới ô nhục, rồi quen đi. Cha mẹ, con cái, anh em, chị em, đàn ông, đàn bà, con gái, tất cả gắn chặt với nhau như một khối kim loại hay một cái mớ hỗn độn, mờ mịt, lẫn lộn trai gái, họ hàng, già trẻ, ô nhục, trong trắng. Họ ngồi xổm, lưng sát vào nhau trong một cái ổ số phận tồi tệ. Họ nhìn nhau thê thảm. Ôi những con người xấu số, xanh xao, rét mướt! hình như họ ở một hành tinh xa mặt trời hơn trái đất chúng ta nhiều lắm.

Thiếu nữ lúc nãy như một sứ giả của bóng tối đến với

chàng.

Cô phơi bày một phía ghê tởm của đêm tối.

Mariuytx gần như tự trách mình quá đắm đuối trong mơ mộng, trong yêu đương, đến nỗi không nhòm ngó gì tới những kẻ hàng xóm. Trả một món tiền nhà, đó chỉ là một cử chỉ máy móc, ai mà không làm được! Mariuytx phải làm hơn thế chứ! Lạ nhỉ, chỉ một bức tường ngăn cách chàng với những kẻ bị xã hội ruồng bỏ, những kẻ sống vất vưởng trong bóng tối, bên ngoài nhân loại, chàng thì như cái mắt xích cuối cùng nối liền họ với loài người, chàng vẫn thấy họ sống, đúng hơn, vẫn nghe thấy tiếng họ rên rỉ bên cạnh chàng, thế mà chàng không hề biết đến.

Ngày kia qua ngày nọ, lúc nào qua bức vách, chàng cũng nghe thấy họ đi lại, nói năng, mà không để vào tai; trong những lời nói ấy, có những tiếng rên rỉ, mà chàng cũng chẳng nghe. Ý nghĩ của chàng để tận đâu đâu, trong mơ mộng, ở những hào quang không tới được những tình yêu không tưởng, những điên rồ; thế mà có những con người, những anh em của chàng trong xương thịt chúa Giêsu; những anh em của chàng trong nhân dân đang ngắc ngoải bên cạnh chàng chẳng được ích gì! Chàng cũng là một phần tai họa cho họ, và làm cho họ đau khổ thêm. Vì nếu họ có một người láng giềng ít mơ mộng hơn và để ý đến họ hơn, một người bình thường và từ thiện, thì chắc chắn cảnh cùng quẫn của họ đã được để ý, những tín hiệu tuyệt vọng của họ đã được nhận thấy và từ lâu rồi họ đã được đón đi và được cứu vớt. Đúng là họ có vẻ trụy lạc, xấu xa, hèn hạ, ghê tởm nữa, nhưng có mấy người rơi vào bần cùng mà không mất phẩm giá? Vả lại có một điểm mà những người xấu số và những kẻ xấu xa hòa vào nhau, lẫn lộn trong một danh từ khắc nghiệt: những người

khốn nạn. Lỗi tại ai? Vả lại, chẳng phải là khi sự sa sút sâu nhất thì lòng từ thiện cần phải lớn nhất sao?

Trong khi tự lên lớp cho mình bài học luân lý ấy, có những trường hợp mà Mariuytx, cũng như tất cả những tấm lòng thật lương thiện, biến thành những thầy giáo đạo đức của chính mình, và tự quở trách mình quá nặng - Mariuytx nhìn cái bức vách ngăn cách chàng với gia đình Giôngđơrét, như có thể cho cái mắt nhìn đầy tình thương của mình xuyên qua bức vách và làm ấm lòng những người đau khổ ấy.

Bức vách, chỉ là mấy cái rường gỗ, nan thưa trát vôi mỏng, ở bên này nghe người bên kia nói rõ mồn một; phải là người mơ mộng như Mariuytx mới không nghe thấy gì hết. Vách dựng đơn sơ cẩu thả, bên phía buồng Giôngđơrét cũng như phía buồng Mariuytx, chẳng dán giấy gì cả. Vô tình, chàng nhìn kỹ bức vách; có khi con mắt mơ màng cũng trông tìm quan sát như con mắt suy nghĩ. Chàng bỗng đứng phắt dậy, chàng vừa thấy ở phía trên, gần trần nhà, một cái lỗ hổng hình tam giác, giữa ba nan gỗ, vôi vữa đã rơi từ bao giờ. Trèo lên cái tủ mà nhòm qua lỗ hổng, có thể nhìn sang buồng nhà Giôngđơrét được. Lòng trắc ẩn thường tò mò và cần phải tò mò. Cần phải nhìn trộm những kẻ xấu số mà cứu vớt họ. Mariuytx nghĩ bụng: - Thử xem người ta thế nào và bây giờ ra sao.

Chàng trèo lên nóc tủ, ghé mắt nhòm qua khe hở.

VI

CON - NGƯỜI - THÚ TRONG HANG

Ở thành thị cũng như ở trong rừng, bao giờ cũng có những

cái hang dùng làm nơi ẩn nấp cho những cái gì hung ác và ghê gớm nhất. Có điều ở thành thị, cái gì có hung dữ, nhuốc nhơ, nhỏ bé tức là xấu, mới cần trốn ẩn, còn ở trong rừng thì cái hung dữ, hoang dã và to lớn, tức là cái đẹp, lại đi trốn ẩn. Cũng là hang, nhưng hang thú còn hơn là hang người. Hang ổ của loài thú dữ có giá trị hơn nhà ổ chuột.

Cái mà Mariuytx nhìn thấy là một cái nhà ổ chuột.

Mariuytx túng thật, buồng chàng ở nghèo thật; nhưng trong cảnh nghèo túng, chàng vẫn giữ được vẻ sang trọng, căn buồng vẫn sạch sẽ. Còn cái buồng chàng đang nhìn thì đê tiện, bẩn thỉu, hôi hám, tối tăm, nhớp nhúa quá. Đồ đạc chỉ có một cái ghế rơm, một cái bàn gãy chân, vài mảnh bình vỡ, ở hai góc, hai cái giường rách nát không tả xiết. Ánh sáng thì chỉ lọt qua có một cái cửa sổ gồm bốn tấm kính và giăng đầy mạng nhện. Vừa đủ ánh sáng lờ mờ để cái mặt người nom thành mặt ma. Tường như bị hủi, đầy những nốt rỗ, vết sẹo, trông gớm ghiếc như mặt người vừa qua một cơn bệnh kinh khủng. Tường nhâm nhấp một thứ nước như nhử mắt . Trên tường có những hình vẽ thô tục bôi nguệch ngoạc bằng than.

Buồng Mariuytx còn có sàn gạch vỡ nát; sàn buồng bên thì chẳng lát gạch, cũng chẳng lát ván. cứ giẫm bừa trên vôi gạch lổn nhổn đen mà đi. Bụi đóng bánh trên nền đất lởm chởm chưa biết đến cái chổi là gì. Giày dép cùng giẻ rách lù lù từng đống ghê tởm. Dù sao thì cũng có một cái lò sưởi, nên mỗi năm phải trả bốn mươi phơrăng. Thôi thì đủ mọi thứ trong lò sưởi, nào bếp, nào nồi, mảnh ván, giẻ mắc trên đinh, một cái lồng chim, tro than, cả một ngọn lửa nữa. Hai que củi buồn bã nhả khói.

Trông gian buồng thêm sợ vì buồng rất rộng. Lại lủng củng

chỗ lồi ra, những góc tường ăn lấn vào, những lỗ sâu thăm thẳm, mái nhà khấp khểnh, nhô ra, thụt vào. Vì thế buồng đầy những góc sâu hoắm, tưởng như những con nhện to bằng nắm tay đang nằm gọn bên trong, cả những con mọt to bằng bàn chân nữa, và biết đâu chẳng có những con người ma quái nào!

Một cái giường kê gần cửa, cái thứ hai kê sát cửa sổ đầu giường kê lò sưởi, ngay trước mặt Mariuytx.

Trong một góc, bên cạnh cái khe Mariuytx nhòm sang, một bức tranh tô màu, khung gỗ đen, treo trên tường bên dưới ghi mấy chữ to tướng: *Giấc mộng*. Tranh vẽ một người đàn bà và một em bé cùng ngủ, đứa bé trong lòng người đàn bà, một con phượng hoàng bay trong mây, mỏ cặp một vòng hoa, người đàn bà giơ tay gạt vòng hoa ra ngoài đầu đứa bé, mắt vẫn nhắm. Xa xa Napôlêông đứng trong vành hào quang, mình tựa vào một cái trụ màu xanh, đỉnh trụ màu vàng, trên trụ có ghi mấy chữ sau đây:

Maranhgô
Ôtxterlit
Iêna
Vagơrammơ
Elô [1].

Bên dưới bức tranh, một tấm biển gỗ hình chữ nhật đặt dưới đất, úp nghiêng vào tường. Hình như một bức tranh đặt quay lưng tại, một cái khung tranh bôi vẽ ở phía trước, hay một tấm biển gỗ tháo ở tường ra, chưa kịp treo lại.

Mariuytx thấy một người trạc sáu mươi tuổi, nhỏ nhắn, gầy gò, tái mét, trông dữ tợn, có vẻ giảo quyệt, tàn nhẫn, nét

(1) *Marengo Austerlits Iesna, Wagram, Eylau:* tên những chiến thắng lớn của Napôlêông. Những chữ này, chủ nhân viết với nhiều lỗi chính tả.

mặt lo nghĩ. Rõ ra một thằng vô lại gớm ghiếc. Hắn ngồi ở một cái bàn có cả bút mực và giấy.

Nếu Lavate[1] nhìn cái bộ mặt này sẽ thấy mặt một con kên kên hòa vào mặt một ông biện lý. Con chim ăn thịt và con người quan tòa bổ sung cho nhau, làm cho nhau thêm xấu xí. Con người tòa án làm cho con chim ăn thịt ô xú, con chim ăn thịt làm cho con người tòa án trở nên ghê tởm.

Hắn có một chòm râu dài lốm đốm bạc. Hắn mặc một cái áo trong của đàn bà, hở cả ngực, cả tay lông lá xồm xoàm, một cái quần cháo lòng, chân xỏ một đôi giầy ống, ngón chân thò cả ra ngoài.

Miệng hắn ngậm một cái tẩu. Trong nhà không có một miếng bánh, nhưng vẫn còn thuốc lá.

Hắn viết, có lẽ lại là một bức thư như kiểu các thư Mariuytx đã đọc.

Ở góc bàn, có một cuốn sách đã nát, màu đỏ đỏ; nhìn cuốn sách khổ gấp 12 kiểu cũ, như thường thấy ở các phòng đọc sách, có thể biết là một cuốn tiểu thuyết. Bìa sách in hàng chữ to: "*Chúa, vua, danh dự, phụ nữ*", tác giả: *Duycorê Duyminin, 1814*".

Vừa viết, hắn vừa nói to, Mariuytx nghe thấy những tới sau đây:

- Ở đời này, đến chết cũng không có bình đẳng. Hãy vào nghĩa trang Pe - Lasedơ mà coi. Những ông lớn bà lớn, những người giàu có, thì chôn cất bên trên, bên những con đường lát đá, trồng hoa kim hợp. Xe ngựa đưa họ đến nơi ấy. Kẻ

(1) *Lavate:* nhà triết học và giáo lý Thụy Sĩ, thế kỷ 18, sáng tạo một thứ thuật *xem tướng qua diện mạo.*

nghèo hèn, kẻ khổ cực, người ta xếp họ ở bên dưới, nơi bùn lầy ngập đến đầu gối, người ta nhét họ vào hang hố, vào nơi ẩm thấp. Vứt họ ở đấy cho xương thịt chóng tiêu tan. Đến viếng mộ họ, tất phải thụt xuống bùn lầy.

Đến đây, hắn ngừng lại, nắm tay đấm xuống bàn rồi vừa nghiến răng vừa nói:

- Trời! ta có thể ăn thịt loài người được đi!

Một mụ đàn bà to lớn không biết bốn mươi hay một trăm tuổi ngồi xổm cạnh lò sưởi.

Mụ cũng chỉ mặc một cái áo trong và một cái váy bằng vải vá chằng vá đụp những mụn dạ cũ. Mụ đeo một cái tạp dề vải thô che lưng chừng váy. Tuy mụ cúi gập người xuống và co ro lại, nhưng cũng thấy mụ rất cao lớn. Mụ như một mụ khổng lồ bên cạnh anh chồng. Tóc mụ vàng hung đã đốm bạc trông gớm chết. Thỉnh thoảng mụ lại lấy bàn tay bóng nhẫy, móng bèn bẹt hất mớ tóc lên.

Cạnh mụ, một cuốn sách mở tung đặt dưới đất, cũng một khổ như cuốn sách trên, có lẽ cùng một bộ tiểu thuyết.

Trên một cái giường, Mariuytx thấy một con bé xanh xao, dài ngoẵng ngoẵng; nó gần như chẳng có áo quần gì, chân buông thõng xuống; nó như chẳng nghe, chẳng nhìn, chẳng thấy gì cả, như cái xác không hồn.

Chắc con bé là em cái cô thiếu nữ sang buồng chàng lúc nãy.

Cô bé trạc mười một, mười hai tuổi. Nhìn kỹ thì có lẽ đến mười lăm cũng nên. Chính tối hôm qua, cô ta đã kêu:

"Thế là tẩu, tẩu, tẩu bán sống bán chết!"

Cô thuộc loại cây yếu ớt, chậm mọc, rồi đùng một cái, lớn vượt lên. Cảnh nghèo đói đã tạo nên những con người giống loài cây đáng thương như vậy. Hạng người ấy chẳng có tuổi

thơ ấu, cũng chẳng có tuổi thanh niên. Mười lăm tuổi còn là con nít, đến mười sáu đã như hai mươi. Bây giờ là đứa trẻ, ngày mai đã đứng tuổi. Hình như họ bước sải trên cuộc đời cho chóng hết.

Lúc này thì cô bé vẫn còn có vẻ một đứa trẻ.

Trong gian buồng này, chẳng có gì tỏ ra là người ta có công ăn việc làm cả. Không có khung cửi, không có guồng quay sợi, một tí dụng cụ cũng không. Trong xó buồng, mấy thanh sắt có vẻ ám muội. Cái vẻ chểnh mảng buồn thiu này là kết quả của tuyệt vọng và báo hiệu cơn hấp hối.

Mariuytx nhìn kỹ căn buồng ảm đạm này; nó còn khủng khiếp hơn một ngôi mộ, vì ở đây linh hồn con người còn lay động và sự sống còn thoi thóp.

Cảnh tượng những người nghèo khổ bò lê la trong cái ổ chuột, trong hầm, trong cái hố thấp lè tè không hẳn là cảnh tượng một nấm mồ; nó mới chỉ là cái phòng đợi vào mồ. Nhưng cũng như những kẻ giàu sang thường phô trương bạc vàng ở ngoài cửa lâu đài của họ, thần chết cũng đặt những nỗi khốn cùng nhất ở cái phòng đợi ấy.

Lão già ngồi bàn thôi không nói nữa; mụ vợ im lìm, cô bé hình như không thở. Tiếng ngòi bút chạy trên giấy sột soạt.

Lão nói lầm bầm, tay không ngừng viết:

- Chớ! Chớ! Chớ má tuốt.

Gần đúng câu kết oán thân của Xalômông. Mụ vợ nghe thấy, thốt ra một tiếng thở dài não nuột. Mụ bảo chồng.

- Thôi, mình ạ, mình hãy bình tĩnh. Mình ơi đừng buồn quá thế. Mình gửi thư cho những đứa ấy làm gì.

Trong cảnh khốn cùng, người ta dịch lại gần nhau cho ấm, cũng như trong cơn rét; những trái tim thì xa nhau ra. Cứ

xem cách ăn nói, cũng thấy xưa kia hẳn mụ đã hết lòng thương yêu chồng; nhưng mối tình ấy có lẽ đã tàn vì những lời trách móc nhau hàng ngày, trong cảnh cơ cực đè trĩu xuống mọi người trong gia đình. Đối với chồng, trong người mụ, chỉ còn mớ tro tàn của tình yêu. Thế nhưng cách âu yếm gọi chồng ngày nay mụ vẫn còn giữ được. Miệng mụ vẫn thường nói với chồng: "*Mình ơi... cậu ạ... anh của em...*" nhưng lòng mụ đã nguội lạnh.

Lão kia lại cắm cúi viết.

VII

CHIẾN LƯỢC VÀ CHIẾN THUẬT

Mariuytx, ngực nghẹn thở, toan xuống khỏi cái đài quan sát bất ngờ kia thì chợt nghe một tiếng động làm chàng đứng yên tại chỗ.

Cửa phòng vừa mở thình lình.

Cô con gái lớn bước vào. Chân đi đôi giầy đàn ông to sù, đầy bùn, bùn bắn lên cả mắt cá đỏ hỏn, mình khoác một cái áo ngoài rách bươm. Mariuytx không thấy chiếc áo khoác ấy khi cô ta vào buồng chàng một giờ trước đây, có lẽ cô đã cởi chiếc áo để ngoài cửa buồng cho Mariuytx thương hại, lúc trở ra mới lại mặc. Cô đi vào phòng, đẩy cánh cửa cho khép lại, dừng lại thở hổn hển, rồi kêu lên vui mừng, đắc thắng:

- Ông ấy đến.

Người cha ngẩng lên nhìn, người đàn bà quay đầu lại, cô bé con vẫn ngồi im. Người cha hỏi:

- Ai đến?

- Ông sang trọng ấy.

- Nhà từ thiện à?

- Vâng

- Ở nhà thờ Xanh Giắc?

- Vâng.

- Cái lão già ấy à?

- Vâng.

- Hắn sắp đến hử?

- Ông ấy đi theo tôi.

- Mày chắc không?

- Chắc chứ.

- Hắn đến đây thật à?

- Ông ấy đi xe đến.

- Đi xe! Hắn là một triệu phú!

Người cha đứng dậy:

- Mày chắc thế à? Nếu hắn đi xe sao mày lại về trước? Mày có bảo địa chỉ không? Có dặn là cửa buồng cuối hành lang, bên phải không? Quý hồ hắn đừng nhầm thôi. Mày đến nhà thờ tìm nó phải không? Hắn có đọc bức thư của tao không? Hắn bảo gì mày?

- Chao ôi! Sao ông già vội vàng thế? thế này, tôi vào nhà thờ, ông ấy vẫn ngồi ở chỗ cũ, tôi chào rất lễ phép và đưa ông ấy bức thư. Ông ấy đọc rồi hỏi tôi: Cháu ở đâu? Tôi bảo: Thưa ông, để cháu dẫn ông đến nhà cháu. Ông ấy bảo: Không! Cho tôi biết địa chỉ, con gái tôi còn phải đi mua ít đồ dùng, tôi sẽ đi xe và đến nhà cháu kịp lúc cháu về. Tôi nói địa chỉ, nghe thấy địa chỉ ông ta tỏ vẻ ngạc nhiên, do dự một lát rồi bảo: Cũng được, tôi sẽ đến. Giảng kinh xong, tôi thấy ông đi với con gái ông ở nhà thờ ra rồi cùng lên xe. Tôi đã bảo rõ là ở cuối hành lang, cửa buồng bên phải.

- Sao dám chắc là hắn sẽ đến?

- Tôi đã thấy cái xe ở phía phố Poti Băngkiê chạy đến, vì thế tôi phải chạy vội về.

- Sao lại biết là chiếc xe ấy?

- Tôi nhớ số xe.

- Số bao nhiêu?

- 440.

- Được, mày là một đứa con gái thông minh đấy!

Cô con gái mạnh bạo nhìn thẳng mặt bố và giơ đôi giầy ở chân lên bảo:

- Con gái thông minh, có lẽ, nhưng tôi bảo bố là tôi không đi đôi giày này nữa đâu, vừa hại sức khỏe vừa bẩn. Không gì khó chịu bằng đế giầy cứ nhóp nhép những nước, lúc nào cũng kêu kịt, kịt, kịt suốt dọc đường. Thà đi đất còn hơn.

Người cha trả lời dịu dàng khác hẳn lời gắt gỏng của cô con gái:

- Con nói phải nhưng không có giầy chúng nó không cho con vào nhà thờ. Kẻ nghèo phải có giầy dép.

Rồi hắn nói tiếp một cách chua cay: "Người ta không xéo đất vào nhà chúa". Hắn lại quay trở về câu chuyện đang làm hắn băn khoăn:

- Con có chắc là hắn đến không? Chắc thật không?

- Ông ấy đến ngay đây này, sau con mấy bước thôi. Người đàn ông đứng phắt dậy. Mặt hắn sáng ngời lên.

- Mẹ mày này! Nghe rõ chưa? Nhà từ thiện đến đấy. Tắt lửa đi.

Người vợ kinh ngạc, không động đậy.

Người cha nhanh như một người làm xiếc, vớ ngay cái lọ mẻ trên lò sưởi và đổ nước vào ngọn lửa, rồi quay bảo con gái lớn:

- Còn mày rút rơm ở ghế ra.

Cô con gái không hiểu gì cả.

Hắn nắm lấy chiếc ghế, dận gót chân xuống, thế là chiếc ghế bật tung rơm ra, cẳng chân hắn tụt qua chiếc ghế.

Vừa rút chân ra, hắn vừa hỏi con gái:

- Trời lạnh không?

- Lạnh lắm. Có tuyết.

Người bố quay lại phía đứa con gái nhỏ và thét lớn như sấm:

- Nhanh lên! Tụt khỏi giường ngay, đồ chảy thây, mày không được trò trống gì cả à? Đập vỡ một miếng kính đi!

Đứa nhỏ nhảy xuống đất, run cầm cập. Hắn lại nói:

- Đập một miếng kính đi.

Đứa nhỏ ngơ ngác. Người bố lại gắt:

- Mày nghe ra chưa? Tao bảo mày đập một miếng kính mà!

Đứa nhỏ sợ hãi vâng lời, kiễng chân với lên đấm một cái vào miếng kính. Mảnh kính vỡ rơi loảng xoảng.

- Được rồi, anh ta phán.

Người cha vừa nghiêm nghị vừa gắt gỏng. Mắt hắn liếc nhìn khắp gian phòng tiêu tụy. Trông như một viên tướng kiểm tra đội ngũ lần cuối cùng trước khi xuất trận.

Người mẹ, từ nãy chưa nói một lời, nhổm dậy và chậm chạp hỏi chồng, giọng nói âm thầm, mỗi lời như đọng lại:

- Mình ơi! Mình định làm gì thế?

Người chồng trả lời:

- Cứ nằm xuống giường.

Giọng nói cương quyết, không thể thảo luận. Người mẹ tuân lệnh, nằm vật xuống giường.

Ở một xó buồng, có tiếng khóc nức nở. Người cha hỏi:

- Cái gì thế hử?

Đứa gái nhỏ, vẫn ngồi co ro trong xó tối giơ nắm tay chảy máu ra. Khi đấm mảnh kính, tay đứa bé bị thương, nó chạy về cạnh giường mẹ, và âm ỉ khóc.

Tức thì người mẹ nhỏm dậy kêu lên:

- Đã thấy chưa! Mình rõ rồ dại! Con bé đập miếng kính toạc cả tay.

Người chồng trả lời:

- Càng hay! Biết trước rồi.

Người vợ hỏi:

- Sao lại càng hay?

- Im! Tao phế bỏ quyền tự do ngôn luận.

Rồi hắn xé chiếc áo sơ mi đàn bà hắn đang mặc, lấy một miếng vải buộc vội vàng bàn tay đẫm máu của đứa con.

Làm xong hắn nhìn lại chiếc sơ mi rách, có vẻ vui thích.

- Cái sơ mi này nữa, hợp lắm!

Một luồng gió lạnh buốt thổi qua miếng kính vỡ vào trong phòng. Sương mù bên ngoài cũng vào theo, và lan ra cả phòng như những sợi bông trắng có những ngón tay vô hình đang kéo tơi ra. Qua miếng kính vỡ thấy tuyết rơi bên ngoài. Cái rét mà mặt trời ngày lễ Săngđơlơ báo hiệu hôm trước đã về. Người cha liếc nhìn xung quanh như xem còn thiếu cái gì không. Hắn lấy một chiếc xẻng cũ, đổ gio lên những mẩu củi ướt che lấp hẳn đi.

Rồi hắn ngẩng lên nói như nói với lò sưởi:

- Bây giờ chúng ta có thể đón nhà từ thiện được rồi.

VIII

TIA SÁNG TRONG Ổ CHUỘT

Cô gái lại gần và đặt bàn tay trên bàn tay người bố:

- Bố xem tay tôi lạnh không?

- Chà, tao còn lạnh bằng mấy thế nữa.

Người mẹ cất to tiếng, sôi sục:

- Cái gì ông cũng hơn người cả. Cả cái độc ác nữa.

- Câm nào!

Người chồng vừa nói vừa quắc mắt nhìn vợ. Người vợ câm miệng.

Trong phòng có một lúc im lặng. Cô gái lớn thản nhiên vào, gõ những vết bùn ở gấu áo khoác, cô gái nhỏ vẫn thút thít khóc.

Người mẹ ôm đầu đứa con gái nhỏ hôn hít, dỗ dành:

- Thôi mẹ xin, cưng ạ, không việc gì đâu, đừng khóc nữa bố con nổi giận lên bây giờ.

Người bố nói to:

- Không sao, cứ khóc, cứ khóc, càng tốt.

Rồi quay lại cô gái lớn, hắn bảo

- Hừ! Hắn không đến à! Hay là hắn không đến thật. Thế là lửa tắt, ghế thủng, áo rách, kính vỡ vô ích.

Người mẹ nói thì thào:

- Và con bé bị thương.

Người bố nói tiếp:

- Mẹ con mày có thấy không? Lạnh cắt da trong cái ổ chó này! Thế mà hắn không đến! Hừ! Bắt người ta chầu chực thế này! Chắc hắn bảo rằng cho chúng nó đợi, trời sinh chúng nó ra để chờ đợi mà! Trời! Sao mà tao ghét chúng nó thế, ghét

cay, ghét đắng, nếu mà bóp cổ cái bọn nhà giàu ấy được thì tao vui sướng, hân hoan, khoái chá, hể hả, bóp cho chúng chết, chết hết cả, chết tiệt. Cái bọn giàu có ấy, bọn xưng là từ thiện ấy làm trò, làm vè, đi lễ đi bái, đi cầu đi cúng, chúng nó cứ tưởng chúng nó là thượng lưu, khinh rẻ người ta; làm phúc cho chúng ta mấy cái quần áo, mấy cái giẻ rách không đáng vài xu, mấy miếng bánh khô! Đồ chó chết, tao không thèm những cái ấy. Tao cần tiền, tiền, tiền kia. Nhưng tiền thì chúng nó không bao giờ cho; chúng nó bảo cho tiền chúng ta uống rượu hết, chúng ta là đồ nghiện ngập, đồ lười biếng. Thế chúng nó, chúng nó thì sao? Xưa kia chúng làm gì? Là quân ăn cắp! Không ăn cắp sao lại giàu? Phải tung hê tất cả cái xã hội này đi, như nắm bốn góc chiếc khăn bàn, mà tung lên trời cho tan nát hết, cho sạch sành sanh hết. Thà thế còn hơn. Còn cái thằng cha phúc đức ấy! Nó có đến không? Hay là thằng chó chết quên mất địa chỉ rồi. Tao cuộc là thằng già ấy...

Đúng lúc đó có người gõ cửa se sẽ, hấn nhảy vội ra mở cửa, cúi gập người xuống chào, vui cười, niềm nở, kính cẩn, và kêu lên:

- Mời ngài vào! Xin mời ngài quá bộ vào, ngài ân nhân kính mến của chúng tôi, xin mời quý tiểu thư xinh đẹp vào.

Một ông già và một thiếu nữ hiện lên trên ngưỡng cửa.

Mariuytx vẫn ở trên chỗ cũ. Cảm tưởng của chàng lúc này thật không lời nào nói được.

Chính là Nàng!

Ai đã yêu mới hiểu được tất cả ý nghĩa chói lọi của bốn chữ cái làm nên cái tiếng thiêng liêng ấy: Nàng!

Chính là nàng thật. Mắt Mariuytx bỗng nhiên mờ đi sau một làn hào quang rực rỡ. Nàng hiện ra mờ ảo sau vầng hào quang ấy. Chính là nàng, con người dịu dàng bấy lâu vắng

bóng, ngôi sao đã soi sáng đời chàng sáu tháng trời, con mắt ấy, cái miệng ấy, khuôn mặt rỡ ràng ấy khi biến đi đã làm cho đời chàng âm u như đêm tối. Hình ảnh biến đi bây giờ lại xuất hiện. Mà xuất hiện trong cái bóng tối này, trong gian phòng tồi tàn này, trong cái ổ chuột kinh khủng này!

Mariuytx xúc động run bắn người lên. Ôi! Nàng ở kia! Tim chàng đập mạnh khiến mất chàng hoa, chàng thấy nước mắt muốn trào ra. Thật ư, lại được gặp nàng ư? Sau bao nhiêu ngày đáy bể mò kim. Chàng cảm thấy như người đã mất linh hồn nay lại hoàn hồn.

Nàng vẫn như xưa, chỉ hơi xanh một chút, nét mặt thanh tú trong vành chiếc mũ nhung tím, thân nàng lẩn trong chiếc áo khoác xa-tanh màu đen. Dưới chiếc áo dài thấy rõ bàn chân nhỏ bé, gọn gàng trong chiếc giầy thêu. Nàng vẫn đi với ông Lơ Blăng.

Nàng bước mấy bước vào trong phòng và đặt một cái bọc khá to trên bàn.

Cô Giôngđơrét lớn đứng nấp sau cánh cửa, mắt lăm lăm nhìn chiếc mũ nhung, cái áo khoác lụa, cái bộ mặt xinh đẹp và sung sướng kia.

IX

GIÔNGĐƠRÉT HẦU NHƯ MUỐN KHÓC

Gian phòng tối quá, người ở ngoài mới bước vào tưởng như đi vào một cái hầm. Hai người lạ bước vào rụt rè, không nhận rõ những hình người xung quanh, trái lại những người trong phòng quen sống trong bóng hoàng hôn ấy nhìn rõ từng nét mặt họ. Ông Lơ Blăng, vẫn đôi mắt hiền từ và buồn rầu, lại gần Giôngđơrét và nói với hắn:

- Ô trong bọc này có ít quần áo mới, bít tất và chăn len.

Giôngđơrét cúi rạp xuống tận đất:

- Ngài ân nhân phúc đức cho chúng tôi hậu quá!

Rồi, trong khi hai người khách đang để ý xem xét cái gian phòng tiều tụy ấy, hắn ghé vào tai cô gái lớn nói nhỏ và nhanh:

- Hừ! Tao đã bảo mà: lại quần áo, chứ tiền gì! Chúng nó cùng một duộc cả. À, cái bức thư đưa cho lão già ngớ ngẩn ấy, tao ký tên gì nhỉ?

Cô con gái trả lời:

- Phabăngtu.

- Nghệ sĩ sân khấu, được rồi.

May cho Giôngđơrét, đúng lúc ấy ông Lơ Blăng quay lại nói với hắn, vừa nói vừa ngập ngừng cố nhớ ra tên hắn:

- Tình cảnh ông thật đáng ái ngại, ông...

Giôngđơrét vội vàng nói tiếp:

- Phabăngtu.

- Ông Phabăngtu, phải rồi, đúng, tôi nhớ ra rồi.

- Nghệ sĩ sân khấu, thưa ngài, chúng tôi đã từng được hoan nghênh.

Giôngđơrét tưởng đến lúc phải đoạt lấy cảm tình của nhà từ thiện. Hắn nói với một giọng vừa khoa trương như anh làm xiếc ở phiên chợ và cầu khẩn như người ăn mày kêu đường: - Học trò của nghệ sĩ Tanma[1] - Bẩm ngài, tôi là đồ đệ của Tanma. Đã có thời oanh liệt, bây giờ thì là lúc tàn tạ. Ngài xem, ngài ân nhân của chúng tôi, đói không bánh, rét không lửa. Khốn nạn, các cháu lạnh thế này mà không có

(1) *Talma*: nghệ sĩ sân khấu nổi tiếng của nước Pháp đầu thế kỷ thứ 19.

một thanh củi. Chiếc ghế độc nhất thì bục tung, kính thì vỡ, mà trời rét quá. Mẹ các cháu ốm liệt giường.

- Tội nghiệp bà nhà!

Giôngđơrét nói thêm:

- Cháu bé bị thương.

Đứa bé thấy có người lạ, không khóc nữa và đang mải ngắm "cô tiểu thư". Giôngđơrét vừa cấu vào tay đứa bé bị thương vừa nói sẽ:

- Khóc lên, kêu lên!

Hắn làm tất cả những việc đó như một nhà ảo thuật. Đứa bé khóc to lên.

Cô thiếu nữ đáng yêu của Mariuytx, nàng "Uyếcxuyn" của lòng chàng, bước nhanh lại gần đứa bé và nói:

- Tội bé quá, bé yêu.

Giôngđơrét nói tiếp:

- Thưa tiểu thư, nắm tay cháu đẫm máu đây này, cháu bị thương vì một cái máy, cháu làm việc ở đó để kiếm sáu xu mỗi ngày. Có lẽ đến phải cưa cánh tay.

Ông lão hoàng hốt kêu lên:

- Thật ư?

Đứa bé tưởng thật khóc rống lên.

Người cha nói:

- Thưa ngài ân nhân, có lẽ phải cưa thật.

Đã một lúc rồi Giôngđơrét nhìn nhà từ thiện với một vẻ khác thường. Lần này vừa nói hắn vừa chăm chú nhìn ông ta như cố ý nhớ lại một chuyện cũ. Rồi thừa dịp hai người lạ đang hỏi han đứa nhỏ về bàn tay bị thương, hắn lần lại gần giường vợ nằm, người vợ với vẻ mặt mệt mỏi, ngớ ngẩn. Hắn nói nhanh và khẽ:

- Mẹ nó này, nhìn kỹ lão ấy thử xem.

Rồi hắn quay lại nói với ông Lơ Blăng, vẫn cái điệu kêu van từ nãy:

- Ngài ân nhân! Xin ngài trông xem, tất cả áo xống của tôi chỉ có chiếc sơ-mi của vợ, chiếc sơ-mi rách giữa ngày đông tháng giá này. Tôi không ra phố được vì không có áo, nếu có quần áo thì tôi đến ngay nữ nghệ sĩ Mác[1], cô biết tôi và quý tôi lắm, hình như cô ấy vẫn ở phố Tua-đô-Đam hay sao ấy? Thưa ngài, chúng tôi cũng biểu diễn với nhau ở địa phương. Cùng hưởng vinh quang. Nếu nhà tôi đến thì Xêlimen tất cứu giúp tôi, thưa ngài! Enmia sẽ bố thí cho Bêliđe[2]. Nhưng không, không có gì cả. Một đồng xu nhỏ trong nhà cùng không có. Vợ ốm, không có đồng xu nào! Con bị thương nặng, không có đồng xu nào. Nhà tôi thường nghẹt thở. Đến cái tuổi phải thế, lại còn thêm bệnh thần kinh xen vào. Phải có thuốc thang cho nhà tôi, cho cả con cháu nữa. Nhưng mà y sĩ, dược sĩ thì lấy tiền đâu trả? Không có một đồng một chữ trong nhà! Chỉ cần một trinh thôi cũng đủ cho tôi quỳ xuống mà nhận rồi. Nghệ thuật đã đến bước đường cùng như thế đấy. Thưa tiểu thư xinh đẹp, thưa ngài ân nhân đại lượng, ngài và cô có biết đâu, ngài và cô đạo đức và nhân từ, làm nức hương thơm ở cái nhà thờ mà con tôi hằng ngày đi cầu nguyện và được nhìn thấy quý dung nhan, ngài và cô làm sao biết được? Thưa ngài, tôi nuôi dạy con cái tôi theo lẽ đạo. Tôi không muốn cho chúng theo nghề xướng ca. Chao ôi! Nếu mà chúng giở chứng, cái bọn con ranh ấy, thì tôi đâu có đùa! Con cái tôi phải biết thế nào là danh dự, là luân lý, là đạo đức. Ngài thử hỏi các cháu mà xem. Chúng nó phải đi ngay về thẳng. Chúng nó có cha

---

(1) *Mademoiselle Mars*: nữ diễn viên sân khấu nổi tiếng đầu thế kỷ 19 (N. D.)

(2) *Célimène, Elmire, Bélisaire* nhân vật trong một số hài kịch nổi tiếng của *Môlie.*

mà. Không như cái ngữ khốn nạn lúc vô gia đình, về sau là vợ khắp thiên hạ. Bắt đầu là cô Không-con-ai-cả, rồi trở thành bà Vợ mọi người. Ối dào! Dòng họ Phabăngtu không có những thứ như thế. Nhất thiết tôi phải nuôi dạy nó trong đức hạnh, và chúng phải lương thiện, ngài quý hóa, ngài có biết ngày mai đây sẽ xảy ra chuyện gì không? Ngày mai mồng 4 tháng Hai, ngày ác nghiệt, ngày hẹn cuối cùng của chủ nhà, nếu chiều nay không có tiền trả, thì tôi và con cháu lớn, vợ tôi đang ốm, con tôi đang bị thương, tất cả vợ chồng con cái sẽ bị đuổi ra đường, nằm vỉa hè, mặc mưa, mặc tuyết. Thưa ngài, như thế đấy, tôi còn nợ bốn hạn tức một năm tiền nhà, nghĩa là sáu mươi phơrăng.

Giôngđơrét nói dối. Bốn kỳ hạn thì chỉ có bốn mươi phơrăng, hơn nữa hắn có nợ dâu đến bốn kỳ hạn? Mới sáu tháng trước Mariuytx trả giúp cho hắn hai kỳ rồi.

Ông Lơ Blăng móc trong túi ra năm phơrăng đặt trên bàn.

Giôngđơrét có đủ thì giờ lẩm bẩm vào tai con gái lớn:

- Thằng đểu, năm phơrăng, nó cho năm phơrăng thì làm được cái quái gì? Không đủ trả cái ghế, miếng kính. Ta đã bỏ ra bao nhiêu rồi!

Lúc ấy ông Lơ Blăng đã cởi chiếc áo khoác đen mặc ngoài chiếc áo dài xanh và vắt trên tay ghế.

- Ông Phabăngtu ơi! Tôi chỉ còn năm phơrăng đó trong người, tôi đưa cháu về nhà, tối tôi lại đến; có phải tối nay ông phải trả tiền nhà không?

Mặt Giôngđơrét bỗng sáng bừng lên một cách lạ lùng. Hắn vội vàng trả lời:

- Bẩm ngài, tám giờ tối tôi phải mang tiền trả chủ nhà.

- Sáu giờ tôi sẽ đến đây và mang cho ông sáu mươi phơrăng.

- Ôi! Ngài ân nhân quý hóa, Giôngđơrét cuống quít kêu như thế rồi bảo sẽ vợ.

- Mẹ nó nhìn kỹ lão già nhé.

Ông Lơ Blăng dắt tay con gái quay mặt ra phía cửa, chào:

- Chào các bạn, chiều nay nhé.

Giôngđơrét hỏi:

- Sáu giờ ạ?

- Sáu giờ đúng.

Cô gái lớn lúc ấy nhìn thấy chiếc áo khoác ngoài để trên tay ghế, cô nói:

- Thưa ông! Ông bỏ quên cái áo ạ.

Giôngđơrét lừ mắt lườm con và nhún vai.

Ông Lơ Blăng quay lại, mỉm cười nói:

- Tôi không bỏ quên đâu, tôi để lại đấy.

- Thưa ngài ân nhân, ngài ân nhân cao cả của tôi, tôi không cầm được nước mắt! Thưa ngài cho phép tôi tiễn chân ngài ra xe.

Ông Lơ Blăng bảo:

- Ông xuống đường thì mặc cái áo này vào. Trời lạnh lắm.

Chẳng đợi phải mời lần thứ hai, Giôngđơrét khoác ngay chiếc áo. Cả ba người cùng ra, Giôngđơrét đi trước hai người khách.

X

GIÁ THUÊ XE NHÀ NƯỚC: HAI PHORĂNG MỘT GIỜ

Mariuytx không bỏ qua một tí nào câu chuyện chàng chứng kiến, thế mà thực ra chàng chẳng nhận thấy gì. Mắt chàng không chút nào rời người thiếu nữ, trái tim chàng như bao

bọc lấy nàng từ lúc nàng bước chân vào gian phòng tối tàn kia. Suốt thời gian nàng ở đấy, Mariuytx tâm hồn như ngây ngất say sưa, không còn để ý đến sự vật gì xung quanh nữa. Chàng đang chiêm ngưỡng trước mắt không phải một thiếu nữ mà là một ánh hào quang khoác áo xa tanh và đội mũ nhung. Sao thiên lang rọi vào trong phòng ấy cũng không làm cho chàng choáng ngợp hơn.

Khi thiếu nữ mở cái bọc, giở những quần áo, chăn ra, ân cần hỏi người đàn bà ốm, âu yếm thăm đứa nhỏ bị thương, chàng theo dõi tất cả những cử chỉ của nàng, cố nghe tiếng nói của nàng. Chàng đã quen đôi mắt, cái trán, cái vẻ đẹp của nàng, thân hình, dáng điệu nàng, nhưng chưa thuộc giọng nói của nàng. Ở vườn Luýchxămbua, có lúc chàng như thoáng nghe được nàng nói một vài tiếng nhưng chàng không chắc có phải tiếng nàng như thế không. Chàng có thể chịu giảm thọ mười năm để được nghe tiếng nàng nói, để giữ được trong tâm hồn chàng một chút cái âm nhạc du dương ấy. Nhưng giọng kể lể thảm hại, tiếng nói oang oang của Giôngđơrét át cả tiếng nàng. Mariuytx giận vô cùng trong chính lúc say sưa ấy. Mắt chàng ôm ấp lấy nàng. Chàng không thể tưởng tượng được chính con người thần tiên ấy lại đang ở giữa con vật ghê tởm, trong cái ổ kinh khủng này. Thật như một con chim hoàng yến giữa một đàn cóc.

Khi nàng bước ra, chàng chỉ có một ý nghĩ là theo nàng, theo từng bước cho đến khi biết được chỗ nàng ở, không thể lại mất hút nàng một lần nữa sau cuộc tái ngộ kỳ diệu này. Mariuytx từ trên tủ nhảy xuống, cầm mũ, tay đã nắm quả nắm cửa, sắp sửa bước ra, rồi chàng chợt nghĩ ra và đứng dừng lại. Hành lang dài, cầu thang dốc, gã Giôngđơrét còn kể lể, ông Lơ Blăng có lẽ chưa lên xe, nếu trong hành lang,

trên cầu thang hay ở ngưỡng cửa, ông ngoảnh lại và bắt gặp Mariuytx trong cái nhà này, ông sẽ ngạc nhiên như thế nào? Hay là đợi một lát? Nhưng lỡ xe lại đi mất, Mariuytx phân vân. Cuối cùng chàng mở cửa đi ra.

Trong hành lang không còn ai, chàng chạy ra cầu thang. Cầu thang không còn ai, chàng xuống vội cầu thang và ra phố thì vừa kịp trông thấy một cái xe ngựa rẽ ra phố Pơti Bãngkiê và đi về Pari.

Mariuytx chạy vội về phía ấy. Đến góc phố chàng lại thấy chiếc xe chạy nhanh xuống phố Múpphơta. Xe chạy đã quá xa, không sao theo kịp. Chạy theo ư? Không được. Người trong xe có thể trông thấy kẻ đuổi theo, người bố sẽ nhận ra chàng. Một sự may mắn hãn hữu và kỳ diệu: vừa lúc ấy, Mariuytx thấy một chiếc xe ngựa cho thuê của nhà nước đi qua phố, không có khách. Chỉ còn một cách là lên xe ấy để đuổi theo xe kia. Thật là bảo đảm, không sợ bị lộ.

Mariuytx ra hiệu bảo người đánh xe dừng lại và nói:

- Đi giờ.

Mariuytx không có cavát, áo dài chàng mặc làm việc hàng ngày mất cả khuy, sơ-mi rách trước ngực.

Người lái xe dừng lại, nháy mắt ra hiệu, giơ bàn tay về phía Mariuytx, ngón tay cái cọ cọ ngón tay trỏ.

Mariuytx hỏi:

- Cái gì?

- Trả tiền trước.

Mariuytx nhớ ra chàng chỉ có mười sáu xu. Chàng hỏi.

- Bao nhiêu?

- Bốn mươi xu.

- Về tôi sẽ trả.

Người lái xe không trả lời, huýt sáo mồm điệu La Palit và quất ngựa đi.

Mariuytx ngơ ngẩn nhìn chiếc xe ngựa chạy xa. Chỉ vì thiếu hai mươi xu mà mất vui sướng! Mất hạnh phúc! Mất tình yêu! Lại trở về đêm tối. Mắt đã trông thấy nay lại như mù. Chàng giận dỗi nghĩ tới năm phoăng đã cho cái con khốn nạn buổi sáng, chàng đâm ra tiếc, tiếc quá. Nếu có năm phoăng ấy thì thật là trời cứu chàng; chàng sẽ sống lại, thoát khỏi đêm tối âm u, thoát khỏi cô đơn, buồn bã, gớa bụa. Chàng sẽ nối lại cái sợi chỉ đen của đời chàng với sợi kim tuyến tươi đẹp vừa phất phơ trước mắt chàng, nhưng lại vừa đứt một lần nữa, Mariuytx trở lại căn nhà của chàng, tuyệt vọng.

Mariuytx có thể nghĩ ông Lơ Blăng đã hẹn buổi chiều sẽ lại, và chàng có thể chuẩn bị sẵn sàng để đuổi theo ông khôn khéo hơn, nhưng đang mải ngắm say sưa người yêu, chàng chỉ nghe mơ hồ lời nói của ông Lơ Blăng.

Khi sắp sửa bước lên cầu thang, Mariuytx thấy ở bên kia đường, dọc theo bức tường vắng phố Barie đê Côbơlanh, Giôngđơrét trùm chiếc áo khoác của nhà "từ thiện", đang nói chuyện với một người ra dáng bất hảo, một hạng người *ăn sương*, vẻ mặt khả nghi, lời nói mập mờ, ý đồ đen tối, bọn người thường ngủ ngày, nghĩa là ban đêm thì làm việc.

Một người cảnh binh chắc phải để ý đến hai nhân vật lạ đứng dưới gió tuyết thì thầm như vậy, nhưng Mariuytx thì không để ý đến.

Tuy nhiên, dù đang băn khoăn buồn bực, chàng cũng nhận thấy cái người ăn sương đang nói chuyện với Giôngđơrét phảng phất giống một người tên là Păngsô, biệt hiệu là Pơranhtaniê, cũng là Bigrơnay mà Cuốcphêrắc đã chỉ mặt cho chàng một lần và giới thiệu là một tên ăn sương nguy hiểm

trong khu phố này. Ta đã đọc đến tên nhân vật ấy trong quyển trên. Cái tên Păngsô tức là Poranhtaniê, tức là Bigronay đã xuất hiện trong nhiều vụ án đại hình và sau đó trở thành một tên vô lại có tên tuổi. Hồi bấy giờ nó chỉ là một tên vô lại cừ khôi. Ngày nay nó trở nên một sư tổ trong đám trộm cướp. Cuối triều đại trước hắn được tôn làm trưởng phái. Cứ đến tối, ở nhà lao La Forxơ trong hố sư tử, khi các nhóm họp nhau bàn định rầm rì thì luôn nhắc đến tên hắn. Ở nhà lao đó, người ta còn thấy, đứng ở dưới con đường tuần tra chỗ có cái ống thoát nước nhà tiêu, cái cống mà năm 1843, giữa ban ngày, ba mươi tù nhân đã trốn thoát - trên những tấm đá hố xí, khắc trên tường, ven theo đường tuần tra, tên của hắn, *Păngsô*, chính tự tay hắn khắc trong một vụ âm mưu vượt ngục. Hồi 1832 cảnh sát đã theo dõi hắn, nhưng hắn chưa thực sự tỏ tài.

XI

NGHÈO ĐÓI GIÚP ĐAU KHỔ

Mariuytx lững thững bước lên cầu thang. Sắp bước vào phòng chàng thấy cô Giôngđơrét chị đi theo chàng trong hành lang. Trông thấy cô gái ấy, chàng chán ghét lắm; mất năm phơrăng cho cô ta, đòi lại bây giờ cũng muộn rồi, cái xe hàng không còn đấy, cái xe ngựa kia cũng đã chạy quá xa rồi. Vả lại có đòi, cô ta cũng chẳng trả lại nào. Còn hỏi cô ta chỗ ở của hai người khách vừa đến thì vô ích, chắc chắn là cô ta không biết, vì lá thư ký tên Phabăngtu để gửi cho *nhà từ thiện ở nhà thờ Xanh Giắc duy Hôpa*

Mariuytx vào phòng và khép cửa lại. Cánh cửa không đóng được; Mariuytx quay lại thì thấy một bàn tay giữ nó

nửa khép, nửa mở.

Mariuytx hỏi:

- Thế là cái gì? Ai đấy?

Đấy là cô Giôngđơrét.

Mariuytx nói, gần như gắt gỏng:

- Lại cô, lúc nào cũng chỉ thấy cô! Cô muốn gì?

Cô Giôngđơrét ra vẻ tư lự không trả lời. Cô ta không còn cái dáng điệu dạn dĩ như buổi sáng nữa. Cô ta không bước vào phòng, vẫn ở ngoài hành lang, trong bóng tối, Mariuytx chỉ nhìn thấy cô ta qua ngách cửa.

Chàng bảo:

- Thế nào, cô muốn gì thì nói đi nào.

Cô ta ngước mắt nhìn Mariuytx, cặp mắt tối tăm buồn rầu hình như có một chút ánh sáng mơ hồ mới nhóm lên:

- Ông Mariuytx, sao ông có vẻ buồn thế? Ông có việc gì bận lòng?

- Tôi ấy à?

- Vâng, ông.

- Tôi chẳng có gì.

- Có.

- Không.

- Tôi dám nói là có.

- Cô đừng lôi thôi nữa, hãy để tôi yên.

Mariuytx lại đẩy cánh cửa, cô ta lại giữ lấy cánh cửa và bảo:

- Ông này! Ông nghĩ lầm đấy, ông không giàu có, nhưng ông đã có lòng tốt sáng nay. Bây giờ ông cũng nên tốt bụng như buổi sáng. Ông đã cho tôi ăn, bây giờ ông có việc gì, cứ

nói cho tôi biết. Ông đang buồn, ai chả thấy. Tôi không thích thấy ông buồn. Làm thế nào để ông hết buồn? Tôi có thể giúp ông điều gì được không? Ông cứ sai tôi. Tôi không cần hiểu biết việc riêng của ông đâu, ông không cần nói gì cả, nhưng tôi vẫn có thể giúp ông được. Tôi giúp ông được, tôi vẫn giúp cho bố tôi đấy. Đưa thư, đến nhà này nhà khác, hỏi thăm chỗ này chỗ khác, tìm một địa chỉ, theo dõi một người, tôi làm được cả. Vậy ông cho tôi biết ông muốn điều gì, tôi có thể đến bảo người ta. Có khi chỉ cần có người nhắn tin với người ta là đủ rồi, là người ta hiểu và việc sẽ thành. Ông cứ nhờ tôi.

Một ý nghĩ thoáng qua trí óc Mariuytx. Chết đuối, gặp cái gì mà chẳng muốn với? chàng lại gần cô Giôngđơrét.

- Ta bảo em nhé...

Cô ta ngắt lời Mariuytx, vẻ sung sướng:

- Phải đấy, cứ gọi tôi là em, tôi thích thế.

- Thế nhé. Em đã dẫn ông lão và cô con gái đến đây.

- Vâng.

- Em hẳn biết chỗ ở của họ?

- Không.

- Thì em hãy tìm cho ta đi.

Mắt cô Giôngđơrét đang u buồn bỗng tươi sáng lên, nhưng rồi lại âm thầm.

Cô ta hỏi:

- Ông cần biết chỗ ở của họ phải không?

- Phải.

- Ông có quen họ không?

- Không.

- Nghĩa là ông không quen cô ta, nhưng muốn làm quen với cô ta chứ gì. - Cô Giôngđơrét hỏi vội vàng như vậy. Lúc nãy cô gọi họ, bây giờ thì cô ta, giọng vừa đầy ý nghĩa vừa chua chát.

- Thế em có giúp ta được không?

- Cho ông biết địa chỉ của cô tiểu thư xinh đẹp ấy à?

Mariuytx nghe trong những tiếng "tiểu thư xinh đẹp" ấy có cái gì rất khó chịu. Chàng như muốn gắt:

- Thôi được, nghĩa là địa chỉ của người bố và người con gái, địa chỉ của họ ấy mà.

Cô Giôngđơrét đăm đăm nhìn chàng:

- Thế ông sẽ cho tôi cái gì?

- Muốn cái gì cũng được.

- Muốn cái gì cũng được à?

- Phải.

- Tôi sẽ tìm ra địa chỉ của họ cho ông.

Cô Giôngđơrét cúi đầu, rồi ngoắt một cái kéo cánh cửa sập lại.

Còn một mình Mariuytx.

Chàng ngồi vật xuống chiếc ghế, gục đầu trên bàn tay khuỷu tay tì xuống giường, chìm đắm trong những ý nghĩ mơ hồ, đầu óc như choáng váng. Bao nhiêu việc dồn dập xảy ra từ buổi sáng, nàng tiên xuất hiện rồi biến đi, những điều mà đứa con gái Giôngđơrét vừa nói với chàng, một tia mong đợi lờ mờ trong cả một bầu trời tuyệt vọng, tất cả những ý nghĩ và cảm xúc ấy rối bời trong óc.

Bỗng nhiên chàng chợt tỉnh cơn mơ mộng. Tiếng nói gắt gỏng thô bạo của Giôngđơrét vang lên, Mariuytx nghe thấy những lời làm cho chàng phải chú ý một cách đặc biệt.

- Tao bảo mẹ nó rằng tao tin chắc lắm mà, tao nhận được ra hắn mà.

Giôngđơrét nói đến ai? Hắn nhận ra ai? Ông Lơ Blăng à? Cha nàng Uyếcxuyn à? Thế ra hắn trước có biết ông Lơ Blăng à? Tình cờ và không mong đợi, Mariuytx có thể biết tất cả những điều chàng muốn biết chăng? Nếu chàng không biết được những điều ấy thì chàng cũng không hiểu ý nghĩa của đời chàng nữa. Chàng có sắp biết được người chàng yêu là ai không? Người thiếu nữ ấy là ai? Cha nàng là ai? Cái bóng tối bao phủ họ sắp sáng tỏ ra chăng? Có xé toang được cái màn bí mật không? Trời ơi!

Chàng nhảy chồm lên tủ và đến cạnh cái lỗ hổng ở bức vách.

Trước mắt chàng lại hiện ra gian phòng tiều tụy của Giôngđơrét.

XII

NĂM PHƠRĂNG CỦA ÔNG LƠ BLĂNG DÙNG LÀM GÌ?

Không có gì thay đổi trong dáng dấp gia đình ấy, chỉ có mụ vợ và hai đứa con gái đã lấy những đôi tất trong bọc đi vào chân và mặc những chiếc áo len. Trên hai cái giường đã trải hai tấm chăn mới.

Lão Giôngđơrét chắc mới về, còn thở hổn hển. Hai đứa con gái ngồi gần lò sưởi, đứa lớn đang băng tay cho đứa nhỏ. Vợ hắn ngồi phệt trên chiếc giường gần lò sưởi, vẻ mặt ngạc nhiên. Giôngđơrét soạc cẳng đi lại trong phòng. Mắt hắn trông ghê gớm lạ lùng.

Mụ vợ rụt rè ngơ ngác trước dáng điệu dữ tợn của chồng,

đánh bạo hỏi một câu:

- Thế nào, thật ư, chắc như thế đấy chứ?

- Chắc chứ! Tám năm rồi, nhưng tao vẫn nhận ra. Tao nhận được thật đó! Tao nhận được ngay nó. Sao! Thế mà mẹ mày không thấy ngay à?

- Không.

- Tao đã bảo mẹ mày để ý mà! Cái dáng người ấy, cả vẻ mặt ấy chỉ già đi một chút thôi. - Có những đứa không chịu già, không hiểu chúng nó làm thế nào, - chính giọng nói của hắn. Chỉ có ăn mặc tử tế hơn, thế thôi! Hừ, đồ quỷ tàng hình, tao tóm được mày rồi.

Hắn ngừng lại bảo hai đứa con:

- Bước cả đi!- Thế mà mẹ mày không thấy ngay thì lạ thật.

Nghe lệnh bố, hai đứa con đứng dậy. Người mẹ nói sẽ:

- Tay nó đau thế, đi đâu?

Giôngđơrét nói:

- Ra ngoài thoáng khí lại càng tốt. Xéo đi.

Không ai cưỡng lại được hạng người như Giôngđơrét. Hai đứa con gái ra ngoài.

Khi hai đứa sắp bước ra cửa phòng, người cha giữ tay đứa con gái lớn và nói bằng một giọng đặc biệt:

- Năm giờ đúng về đây, cả hai đứa. Tao có việc cần chúng mày.

Mariuytx lại càng chú ý.

Còn một mình với vợ, Giôngđơrét đi đi lại lại hai ba vòng trong gian buồng, im lặng. Rồi hắn giắt mãi cái gấu áo sơ mi đàn bà hắn đang mặc vào trong quần, dưới thắt lưng.

Bỗng nhiên hắn quay lại phía vợ, khoanh tay nói dõng dạc:

- Còn điều này nữa, mẹ mày có muốn biết không? Con tiểu thư ấy...

- Nó làm sao? Con tiểu thư ấy thế nào? Mụ vợ hỏi.

Mariuytx không còn nghi ngờ gì nữa! Chính họ nói về nàng. Chàng nóng lòng sốt ruột nghe ngóng. Tất cả cuộc đời của chàng là ở những điều sắp nghe thấy đây.

Nhưng lão Giôngđơrét nghiêng đầu, nói nhỏ với vợ. Rồi hắn đứng dậy nói to:

- Chính con ấy.

- Cái thứ ấy?

- Phải thứ ấy đó.

Không có lời nào nói được hết ý nghĩa tiếng kêu: *cái thứ ấy* của mụ vợ. Quả là tất cả ngạc nhiên, điên dại, căm hờn, giận dữ hợp lại, kết lại trong một giọng nói quái giở. Chỉ một vài lời nói của chồng, cái tên thiếu nữ mà hắn rỉ tai cho mụ đủ làm mụ đàn bà thô lỗ đang mệt mỏi ấy vùng dậy; vốn ghê tởm, mụ trở nên kinh khủng. Mụ thét:

- Không thể được! Con ta chân không giầy, áo không có, còn nó nào áo khoác xa-tanh, nào mũ nhung, nào giầy lụa nào gì nữa! Tất cả quần áo dễ đến hơn hai trăm phơrăng, như một bà lớn! Không! Mình lầm đấy. Con nọ xấu như ma kia mà, con này thì xinh, xinh thật. Không phải nó đâu!

- Tao bảo mẹ mày là chính nó mà. Rồi mẹ mày xem.

Thấy chồng cả quyết như vậy, mụ vợ ngẩng cái mặt phèn phẹt vừa đỏ vừa vàng, nhìn lên trần, vẻ thật là dị hợm.

Mariuytx thấy mụ lúc bấy giờ trông ghê tợn hơn cả chồng mụ. Thật là một con lợn sề với cặp mắt hổ cái.

- Thật thế à? Thật cái con tiểu thư đẹp đẽ ghê tởm ấy, nó

làm bộ thương hai con tôi, chính con ăn mày ấy à? Trời ơi! Tôi muốn xéo lòi ruột hắn ra.

Mụ nhảy từ trên giường xuống, đứng lặng một lát, tóc rối bời, hai lỗ mũi phồng lên, miệng há hốc, hai bàn tay nắm chặt vắt ra đằng sau. Rồi mụ lại ngã vật xuống giường. Thằng chồng đi đi lại lại, không để ý gì đến mụ vợ.

Sau mấy phút im lặng như thế, hắn lại gần vợ, đứng trước mặt, hai tay khoanh lên ngực, như lúc nãy:

- Còn một điều nữa, mẹ mày có muốn nghe không?

- Điều gì?

Hắn trả lời vắn tắt và se sẽ:

- Nghĩa là đến lúc tao phất rồi!

Mụ Giôngđơrét nhìn chồng một cách đặc biệt như muốn bảo:

- Mình điên rồi chăng?

Giôngđơrét nói tiếp:

- Mẹ kiếp! Tao đã kéo dài cuộc đời làm dân cái xứ hễ-có-bánh-thì-chết-rét-hễ-có-củi-thì-chết-đói từ lâu rồi. Một cái miệng tao, lại bao nhiêu miệng khác nữa. Tao nói thật đấy. Phải cắt đứt cái trò khôi hài ấy đi. Chúa Trời ơi! Tao muốn ăn cho no, uống cho say! Đớp này! Giấc này! Và không làm gì cả. Bây giờ đến lượt tao trước khi thở hắt ra, tao muốn cũng làm triệu phú một phen.

Hắn đi vòng quanh cái ổ rồi nói tiếp:

- Như chúng nó.

Mụ vợ hỏi:

- Ý mình muốn nói gì thế?

Hắn lắc lư cái đầu, nháy mắt ra hiệu và cất tiếng dõng dạc như anh chàng ảo thuật đầu đường sắp biểu diễn:

- Tao muốn nói gì à? Nghe đây!

Mụ Giôngđơrét lẩm bẩm trong mồm:

- Chết! Sẽ chứ nào, hình như là việc phải giữ kín, không để ai nghe mà.

- Ai nghe được? Gã bên cạnh à? Tao thấy hắn ra phố lúc nãy. Mà cái thằng ngốc ấy thì hiểu cái quái gì? Tao bảo là tao đã thấy nó ra phố rồi.

Tuy vậy Giôngđơrét theo bản năng cũng hạ thấp giọng, nhưng cũng vẫn còn đủ cho Mariuytx nghe. Một điều may mắn làm cho Mariuytx không mất một lời nào trong câu chuyện là tuyết rơi ngoài đường làm tiếng xe cộ bớt ầm ĩ. Mariuytx nghe thấy thế này:

- Mẹ mày nghe đây. Con bò vàng, tao nắm được rồi. Nghĩa là cũng như nắm được rồi. Xong xuôi rồi, sắp xếp đâu ra đấy rồi. Tao đã gặp bọn ấy. Sáu giờ chiều hắn sẽ đến và mang lại sáu mươi phơrăng. Hừ, đồ chó chết! Mẹ mày có thấy không, tao đã bịa ra sáu mươi phơrăng như thế nào chứ? Chủ nhà đòi, ngày 4 tháng Hai, thực ra có phải đâu là tiền nhà. Cũng khá đấy chứ. Thế là sáu giờ hắn sẽ đến, giờ này gã láng giềng đi ăn rồi, mụ Bugông đi rửa bát ngoài phố, không còn ai trong nhà. Anh chàng láng giềng không bao giờ về trước mười một giờ. Hai con nhãi sẽ đứng canh. Mẹ mày giúp tao một tay. Hắn sẽ phải làm theo lời ta.

Mụ vợ hỏi:

- Nếu hắn không làm theo?

Giôngđơrét làm một cử chỉ kinh khủng và nói:

- Thì ta sẽ làm thịt nó!

Rồi hắn phá lên cười.

Lần đầu tiên Mariuytx thấy hắn cười. Tiếng cười êm ru, giá lạnh làm rùng mình.

Giôngđơrét mở một ô tủ ở gần lò sưởi, rút ra một cái mũ két cũ, chải qua loa rồi đội lên đầu:

- Bây giờ tao đi đây. Tao còn phải gặp mấy đứa nữa. Tay nghề cả. Mẹ mày sẽ thấy gọn gàng như thế nào. Tao đi ra ngoài một lát thôi. Một vố tuyệt diệu. Trông nhà nhớ!

Thu hai nắm tay vào túi quần xong, hắn nghĩ ngợi một lát rồi nói:

- Mẹ mày có thấy không, cũng may mà hắn không nhận ra tao, nếu hắn nhận ra chắc hắn không trở lại. Thì là hỏng ăn. Công ở cái bộ ria của tao đấy! Cái bộ ria lãng mạn, cái bộ ria lãng mạn tốt tốt là.

Rồi hắn lại phá lên cười nữa. Hắn đi ra phía cửa sổ, tuyết vẫn rơi, rạch dọc màn trời màu xám.

- Trời khốn nạn!

Hắn vừa khép chiếc áo khoác vừa nói:

- Cái vỏ rộng quá nhưng không sao! Cái thằng cha già cũng có nhã ý để lại cho tao. Không có cái áo này thì ra đường thế cóc nào được, và chuyện sẽ hỏng bét cả. Một cái áo mà quyết định đấy.

Rồi hắn đi ra, kéo sụp cái mũ két xuống.

Vừa được mấy bước thì cánh cửa mở, bộ mặt hung dữ và tinh quái của hắn lại hiện ra trong khung cửa:

- Tao quên khuấy. Mẹ mày phải có một cái hỏa lò nấu than.

Rồi hắn vứt vào tạp dề vợ đồng bạc năm phơrăng của nhà "từ thiện".

Mụ vợ hỏi lại:

- Một cái hỏa lò than?

- Phải.

- Mấy hộc?

- Hai hộc.

- Thế là mất ba mươi xu. Còn thừa thì tôi mua thức ăn bữa chiều.

- Ấy, không nên.

- Sao?

- Không nên tiêu lọn đồng một trăm xu ấy.

- Thế nào?

- Tao cũng cần mua cái này.

- Cái gì?

- Một thứ này..

- Bao nhiêu tiền?

- Có hàng sắt nào gần đây không?

- Có, ở phố Múpphơta.

- À phải rồi, ở góc phố, có một cửa hàng.

- Nhưng mình bảo mình cần bao nhiêu để mua sắm thứ đó?

- Khoảng năm mươi xu, ba phơrăng gì đó.

- Thế thì bữa cơm chả còn gì.

- Hôm nay không phải là ngày ăn nhậu. Còn nhiều việc khác đáng làm hơn.

- Được rồi, cưng ạ.

Mụ vợ nói xong, Giôngđơrét khép cửa, Mariuytx nghe thấy bước chân hắn xa dần ngoài hành lang và xuống nhanh cầu thang.

Đồng hồ ở Xanh Mêda đánh một giờ.

XIII

MỘT MÌNH MỘT BÓNG CŨNG KHÔNG NGHĨ TỚI CẦU CHÚA [1]

Ta đã biết, Mariuytx hay mơ mộng nhưng bản tính chàng vốn cương nghị và quyết đoán. Cái thói quen suy nghĩ thầm lặng đơn độc trong khi làm phát triển lòng ưu ái cảm thông của chàng cũng khiến Mariuytx không hay giận dữ, tuy nhiên vẫn giữ nguyên tấm lòng công phẫn trước những cái xấu xa. Chàng nhân từ như một nhà tu hành, nhưng nghiêm khắc như một quan tòa. Chàng thương hại một con cóc nhưng sẵn sàng giẫm chết một con rắn độc. Trước mắt chàng lại chính là một cái hang rắn độc, một cái tổ quỷ. Chàng nghĩ thầm:

- Phải dẫm chết bọn khốn kiếp này.

Những điều bí ẩn chàng muốn biết chẳng điều gì sáng thêm, trái lại càng tối tăm hơn. Chàng chẳng biết gì hơn về thiếu nữ xinh đẹp ở vườn Luýchxămbua và người mà chàng vẫn quen gọi là ông Lơ Blăng, chỉ nhận thấy rằng Giôngđơrét biết họ. Chàng chỉ biết một điều qua những lời bàn tính mập mờ của bọn quỷ ấy, là chúng đang giăng một cái bẫy bí mật nhưng ghê gớm, và ông già với cô con gái sắp gặp một sự nguy hiểm rất lớn, nàng thì còn có thể may ra không việc gì, nhưng ông lão thì chắc chắn sẽ bị hại. Nhất định phải cứu họ, phải phá tan những âm mưu ghê tởm của bọn Giôngđơrét, phải xé toạc cái lưới mạng nhện của chúng.

Mariuytx để ý nhìn mụ Giôngđơrét. Mụ vừa lấy ở một góc

(1) *Nguyên văn la tinh*: solus cum soco, la loto remoto, son cogitabuntur orare pater noster.

buồng ra một cái bếp cũ bằng tôn và đang bới đống sắt vụn.

Chàng từ từ ở trên tủ bước xuống, rất sẽ, không động một tiếng.

Chàng rùng mình nghĩ đến việc đen tối sắp xảy ra, và ghê tởm trông thấy vợ chồng Giôngđơrét; giữa những cảm giác nặng nề ấy chàng bỗng thấy vui mừng nghĩ rằng có lẽ chàng được dịp làm ơn to cho người chàng yêu.

Nhưng làm thế nào? Báo cho những người bị đe dọa ư? Tìm họ ở đâu mới được chứ? Chàng không biết chỗ ở của họ. Họ đã xuất hiện một lát trước mặt chàng nhưng rồi lại chìm sâu dưới đáy Pari. Đợi ông Lơ Blăng buổi chiều ở cửa lúc sáu giờ thì ông ấy đến và báo cho ông ta biết ư? Nhưng Giôngđơrét và bọn chúng sẽ nhận thấy chàng rình chờ, phố vắng, chúng nó khỏe vì đông, chúng sẽ có cách bắt chàng hay gạt chàng đi một chỗ khác, và người Mariuytx định cứu sẽ không thoát được. Chuông vừa đánh một giờ. Sáu giờ chúng sẽ hành động. Mariuytx còn năm tiếng đồng hồ trước mặt.

Chỉ còn một cách.

Chàng mặc chiếc áo khá hơn, quàng phu-la vào cổ cầm mũ đi, im lặng nhẹ nhàng như người đi chân không trên mặt rêu.

Mụ Giôngđơrét vẫn mải bới đống sắt vụn.

Ra ngoài đường, Mariuytx đi vào phố Pơti Băngkiê.

Chàng đi đến phố gần một cái tường thấp, có nhiều chỗ có thể nhảy qua được, đằng sau tường là một bãi đất hoang, chàng đi từ từ, đang bận suy nghĩ, bước chân đi trên tuyết êm êm; bỗng nhiên Mariuytx nghe thấy tiếng người ở gần. Chàng quay lại, phố vắng không có một ai, giữa ban ngày, thế mà vẫn nghe có tiếng người.

Chàng nảy ý nhìn qua tường xem sao. Đằng sau tường quả

nhiên có hai gã đàn ông ngồi trên tuyết, lưng dựa vào tường, đang thì thầm với nhau.

Mariuytx không biết mặt hai người ấy. Một người râu xồm, mặc áo bơ-lu, một người đầu tóc bù xù, quần áo rách rưới. Gã râu xồm đội một cái mũ chỏm Hy Lạp, gã kia để đầu trần, tuyết lẫn trong tóc.

Mariuytx thò đầu qua tường và nghe được chuyện họ nói.

Gã đầu bù lấy khuỷu tay hích gã kia và bảo:

- Có Patorông Minét thì không thể hỏng được.

- Có chắc không? Gã râu xồm hỏi.

Gã đầu bù đáp:

- Ít nhất mỗi thằng cũng được năm trăm phên mà, có sao thì cũng chỉ năm, sáu hay mười năm là cùng.

Gã kia thò tay dưới chiếc mũ Hy Lạp gãi gãi đầu, trả lời có vẻ do dự:

- Đã rõ ràng là thế rồi, không cách nào xảy ra ngược thế.

- Tao bảo mày là chuyện không thể hỏng được. Cái xe ngựa của lão Sôđô sẽ thắng sẵn.

Đến đây thì hai gã quay sang bàn về một vở bi hài kịch diễn hôm trước ở rạp Ghetê.

Mariuytx lại đi.

Chàng cho rằng câu chuyện mập mờ của hai người ẩn sau bức tường và ngồi xổm trên tuyết một cách lạ lùng như vậy có lẽ cũng có liên can gì với âm mưu khốn nạn của Giôngđơrét. Chắc cũng là cái chuyện ấy thôi.

Mariuytx đi về phía cửa ô Xanh Mácxô và hỏi người chủ cửa hàng đầu tiên xem viên đồn trưởng cảnh binh ở đâu. Người ta chỉ nhà số 14 phố Pôngtoađơ.

Mariuytx đi thẳng đến đó.

Qua một cửa hàng bánh, chàng mua một cái bánh hai xu vừa đi vừa ăn, tính trước rằng sẽ không được ăn bữa chiều rồi.

Đi đường chàng nghĩ; thế mà lại hóa hay. Chàng tự nhủ nếu không cho con gái Giôngđôrét năm phơrăng, thì tất chàng đã đi theo chiếc xe của ông Lơ Blăng, và như vậy thì hẳn là không biết được chuyện gì; như vậy ông Lơ Blăng sẽ bị hại, và cả cô con gái của ông cũng mắc nạn.

XIV

MỘT CẢNH BINH TẶNG MỘT LUẬT SƯ HAI QUẢ ĐẤM

Đến số nhà 14 phố Pôngtoađơ chàng trèo lên gác một, xin gặp ông cảnh sát trưởng.

Một nhân viên văn phòng trả lời:

- Ông cảnh sát trưởng đi vắng. Nhưng có một vị thanh tra thay. Ông muốn gặp ông ấy không? Có cần kíp không?

- Có, Mariuytx bảo.

Nhân viên này dẫn chàng vào phòng làm việc của ông cảnh sát trưởng. Một người cao lớn đang đứng trong phòng, sau chấn song sắt, tựa vào một cái lò sưởi và cả hai tay sốc vạt chiếc áo khoác ba bâu. Người mặt vuông môi mỏng và cương nghị, râu má dầy, lốm đốm trông dữ tợn, mắt nhìn soi mói. Có thể nói con mắt ấy không chỉ nhìn sâu mà còn sục sạo nữa. Con người ấy cũng không kém dữ tợn, kém ghê rợn hơn Giôngđôrét bao nhiêu. Bọn chó giữ nhà có khi trông cũng đáng sợ như chó sói.

- Hỏi ai? - người ấy hỏi đồng Mariuytx.

- Ông cảnh sát trưởng.

- Ông ấy đi vắng. Tôi thay ông ấy.

- Có một việc rất bí mật.

- Thì nói đi.

- Và rất gấp.

- Thì nói mau lên

Con người ấy bình tĩnh và cộc cằn, vừa đáng ghê sợ vừa đáng tin cậy. Hắn làm cho người ta vừa sợ hãi, vừa yên tâm. Mariuytx kể rằng một người mà chàng chỉ biết mặt thôi, ngay chiều hôm nay, sẽ rơi vào một cái bẫy, và chàng Mariuytx Pôngmécxy, luật sư, ở cái buồng bên cạnh ổ cướp ấy, nghe thấy qua bức vách tất cả âm mưu; rằng tên cướp đã gài bẫy ấy tên là Giôngđơrét, nó có những kẻ tòng phạm, cũng là bọn du thủ du thực, trèo tường, khoét vách; trong bọn có tên Păngsô, còn gọi là Panhtaniê hoặc Bigrơnay; rằng hai đứa con gái của Giôngđơrét sẽ đứng gác, rằng không có cách nào báo cho người bị đe dọa biết vì chàng không biết cả tên người ấy; và cuối cùng là tất cả sẽ phải tiến hành vào sáu giờ chiều, ở một nơi vắng vẻ nhất của đại lộ Ôpitan, trong cái nhà số 50 - 52.

Nghe thấy số nhà ấy viên thanh tra ngẩng đầu lên và lạnh lùng nói:

- Thế là cái buồng ở cuối hành lang phải không?

- Đúng thế, Mariuytx đáp - Và anh nói thêm:

- Thế ông biết cái nhà ấy à?

Viên thanh tra im lặng một lát, đưa gót giày áp vào miệng lò sưởi cho ấm rồi trả lời.

- Hình như thế.

Rồi hắn nói lẩm bẩm trong mồm như nói với cái ca vát quàng cổ của hắn hơn là nói với Mariuytx:

- Patơrông Minét phải dính líu vào đấy chắc.

Cái tên này làm cho Mariuytx chú ý. Anh nói:

- Patơrông Minét, tôi quả có nghe nói đến cái tên này.

Và anh kể cho viên thanh tra câu chuyện giữa gã tóc bù và tên râu xồm, trong tuyết, đằng sau bức tường xóm Pơti Băngkiê.

Viên thanh tra lầu bầu trong mồm.

- Tên tóc bù chắc là Bruygiông, còn tên râu xồm chắc là Đơmi-Lia hay Đơ Milia.

Hắn lại cúp mắt xuống và nghĩ ngợi.

- Còn lão Sôđơ, ta đoán được rồi. Cái áo khoác của tôi bị sém rồi. Chúng cứ đốt trong lò sưởi này nhiều lửa quá. Còn số nhà 50 - 52 là nhà Goócbô cũ.

Rồi hắn nhìn Mariuytx.

- Chỉ thấy tên râu xồm và tên tóc bù ấy thôi à?

- Cả Păngsô nữa.

- Không thấy lởn vởn ở đấy một gã bảnh bao quỷ quái à?

- Không.

- Lại một thằng cha to lớn, trông như con voi vườn Bách thảo ấy?

- Không.

- Và một thằng ranh mãnh, như một cái "đuôi đỏ" cũ.

- Không.

- Còn tên thứ tư thì chả ai trông thấy hắn, cả bọn phụ tá, bọn nhân viên và thủ hạ của hắn. Không thấy nó thì cũng chẳng lạ gì.

- Không. Tất cả cái lũ ấy là lũ nào vậy?

Viên thanh tra trả lời:

- Và lại chưa đến giờ chúng ra mặt.

Hắn lại im lặng, rồi lại nói:

- 50 - 52. Ta biết cái ổ ấy, không thể nấp ở trong nhà mà không

Hắn đi cách Mariuytx hai mươi bước. Hắn mặc một cái áo khoác ngoài rất mới, nhưng quá rộng và một cái quần rách tã, bẹ bét những bùn. Bôxuyê cười phá lên.

- Người đàn ông kia là ai?

- Người ấy à? Một nhà thơ. Các nhà thơ thường mặc quần của những anh bán da thỏ và áo của các vị nguyện lão.

- Xem Mariuytx đi đâu, xem người kia đi đâu.

- Ta đi theo họ nhé.

- Bôtxuyê, con phượng hoàng đất Mô, Bôtxuyê ơi! Cậu là một con vật ngu độn tuyệt vời. Ai lại đuổi theo một người đàn ông đang đuổi theo một người đàn ông.

Họ quay trở lại.

Mariuytx đã gặp Giôngđơrét ở phố Muphơta và đi theo rình hắn.

Giôngđơrét cứ đi lên phía trước không ngờ có một con mắt đang theo dõi mình.

Hắn rời phố Muphơta và Mariuytx thấy hắn vào một cái lều ghê tởm nhất ở phố Graxiơ. Hắn ở trong đó độ mười lăm phút rồi trở về phố Muphơta, dừng lại trước một cửa hàng sắt, hồi ấy vẫn mở ở góc phố Pie Lôngba. Vài phút sau Mariuytx thấy hắn trở ra, cầm một cái đục lớn tra cán gỗ trắng. Hắn thu cái đục dưới chiếc áo khoác. Ngang phố Pitơ Giăngtidi hắn rẽ tay trái và đi nhanh về phố Pitơ Băngkikê. Trời sắp tối. Tuyết ngừng rơi một lúc, lại rơi nhiều hơn, Mariuytx đứng lại ẩn mình ở góc phố Pitơ Băngkiê lúc nào cũng vắng tanh, và không đi theo Giôngđơrét nữa. Cũng may cho chàng bởi vì khi Giôngđơrét đi gần đến bức tường thấp mà hồi nãy. Mariuytx nghe thấy tên tóc bù nói chuyện với tên râu xồm, thì hắn quay người lại, nhìn xem có ai theo dõi không. Không thấy Mariuytx, thế là hắn nhảy qua bức tường và biến mất.

XV

GIÔNGĐƠRÉT SẮM SỬA

Một lúc sau, hồi ba giờ, Cuốcphêrắc tình cờ đi qua phố Muphơta cùng với Bôtxuyê. Tuyết rơi càng nhiều, đầy trời, Bôtxuyê nói với Cuốcphêrắc.

- Tuyết rơi tưởng như trời có dịch bướm trắng.

Thình lình, Bôtxuyê nhìn thấy Mariuytx đang đi ngược phố lên trạm gác với một vẻ đặc biệt. Hắn kêu:

- Ô kìa! Mariuytx.

- Mình cũng trông thấy - Cuốcphêrắc nói. Đừng gọi hắn.

- Tại sao?

- Hắn bận.

- Bận gì?

- Cậu không thấy vẻ mặt hắn à?

- Vẻ mặt gì?

- Mặt một người đang đuổi theo một người.

- Đúng thế, Bôtxuyê bảo.

Cuốcphêrắc lại nói tiếp:

- Trông mặt cậu ấy kìa kìa.

- Nhưng cậu ấy đi theo ai thế chứ?

- Lại một ả mèo-mũ-hoa nào đây. Cậu ấy yêu rồi.

- Nhưng mình chẳng thấy mèo, mũ, hoa nào trong phố này cả. Không có một bóng đàn bà.

Cuốcphêrắc nhìn và kêu:

- Cậu ấy đuổi theo một người đàn ông.

Quả vậy, một người đàn ông đang đi phía trước đầu đội mũ lưỡi trai, có thể thấy bộ râu lốm đốm, mặc dầu nhìn đằng sau lưng.

Hắn thọc cùng một lúc hai bàn tay hộ pháp vào hai cái túi khổng lồ của cái áo khoác và rút ra hai khẩu súng lục nhỏ bằng thép, thứ súng mà người ta gọi là "quả đấm". Hắn đưa cho Mariuytx và nói nhanh, gọn:

- Cầm lấy cái này. Về nhà, nấp ở trong buồng mình. Để cho họ tưởng là anh ra phố. Súng đã nạp đạn mỗi khẩu hai viên. Anh phải quan sát. Có một cái lỗ ở bức vách, anh đã bảo tôi thế. Chúng sẽ đến. Để cho chúng tiến hành công việc được chút ít. Khi thấy đúng lúc và cần phải chặn tay chúng, anh bắn một phát súng. Đừng bắn sớm. Việc khác mặc tôi. Một phát súng chỉ thiên, lên trần, hay vào đâu cũng được. Chú ý không bắn sớm quá. Hãy đợi chúng khởi sự. Anh là luật sư, anh hiểu.

Mariuytx cầm hai khẩu súng, bỏ vào túi bên chiếc áo ngoài của chàng. Viên thanh tra bảo:

- Nó cộm lên thế kia, người ta trông thấy. Bỏ vào túi trong thì hơn.

Mariuytx giấu hai khẩu súng vào túi trong. Viên thanh tra nói tiếp:

- Bây giờ không ai được bỏ phí một phút nào. Mấy giờ rồi?

- Hai giờ rưỡi. Hẹn bảy giờ phải không?

- Sáu giờ - Mariuytx đáp.

Viên thanh tra nói tiếp:

- Tôi có đủ thì giờ, nhưng chỉ vừa vặn đủ thì giờ thôi. Những điều tôi dặn đừng quên gì. Pằng! Một phát súng.

- Ông cứ yên trí, - Mariuytx đáp.

Khi Mariuytx vặn quả nắm cửa để đi ra, viên thanh tra nói to với anh:

- À, nếu từ nay đến lúc đó, anh cần tới tôi thì đến đây, hoặc cho người đến báo. Hỏi thanh tra Giave.

bị các tài tử đó phát hiện. Và thế là chúng sẽ hoãn trình diễn vở hài kịch. Chúng khiêm tốn lắm, công chúng làm cho chúng khó chịu. Không, không thể được. Ta muốn nghe chúng hát và khiến chúng nhảy múa kia.

Độc tấu xong, hắn quay sang phía Mariuytx, nhìn thẳng vào mặt chàng và hỏi:

- Có sợ không?

- Sợ gì?

- Sợ bọn chúng

- Không sợ chúng cũng như không sợ ông vậy. - Mariuytx trả lời sẵng, chàng đã bắt đầu để ý viên thanh tra khi nói với chàng vẫn không gọi ông. Viên thanh tra nhìn Mariuytx trực thị hơn nữa và nói tiếp với một vẻ trang trọng như phát biểu một châm ngôn.

- Câu trả lời của anh là của một người dũng cảm và một người lương thiện. Dũng cảm không sợ kẻ ác, lương thiện không sợ nhà cầm quyền.

Mariuytx ngắt lời hắn.

- Được rồi. Nhưng ông định làm thế nào?

Viên thanh tra chỉ trả lời:

- Những người ở trong nhà ấy đều có chìa khóa cổng riêng để đi, về ban đêm. Anh phải có một cái chứ?

- Có, Mariuytx trả lời.

Viên thanh tra bảo:

- Đưa cho tôi.

Mariuytx rút cái chìa khóa trong túi gi-lê, đưa cho viên thanh tra và nói thêm:

- Nếu ông nghe tôi thì nên đến đông.

Viên thanh tra nhìn Mariuytx như Vônte nhìn một vị hàn lâm tỉnh nhỏ khi người này đề nghị với mình một vần thơ.

Cái quãng trống, mà bức tường này bao quanh thông với sân sau nhà một người chủ xe ngựa đã vỡ nợ, nhưng vẫn còn mấy chiếc xe cọc cạch ở trong kho.

Mariuytx nghĩ tốt nhất là nên lợi dụng lúc Giôngdôrét vắng nhà này mà trở về. Và lại trời đã về chiều, mà chiều nào mụ Buyêcgông ra đi rửa bát ngoài phố cũng khóa cửa nhà lại, cho nên vào sẩm tối thì bao giờ của nhà cũng khóa kín. Mariuytx đã đưa chìa khóa cho viên thanh tra cảnh sát nên chàng cần phải về nhanh.

Trời tối, đêm hầu xuống hẳn. Ở chân trời và trong không gian vô tận chỉ còn một điểm nhận ánh mặt trời; đó là mặt trăng.

Mặt trăng lên đỏ ngòm đằng sau cái chóp thấp nhà Xanpêtrie.

Mariuytx rảo bước về nhà số 50 - 52. Cửa hãy còn mở. Anh rón rén trèo thang gác và đi lên dọc theo tường hành lang. Hai bên là những gian buồng tồi tàn để cho thuê, mà chưa ai thuê nên mụ Buyêcgông thường để ngỏ cửa. Qua một gian nọ, Mariuytx trông thấy bốn cái đầu người in hình, trông mờ mờ trong cái bóng ngày còn sót lọt qua một cửa sổ nhỏ, Mariuytx không nhìn vì sợ họ nhìn thấy chàng. Chàng về được tới phòng mình không ai hay, không một tiếng động. Vừa kịp. Chỉ một lát sau chàng nghe thấy mụ Buyêcpông ra đi và cửa đóng sập lại.

XVI

MỘT BÀI HÁT THEO ĐIỆU ANH THỊNH HÀNH KHOẢNG 1832

Mariuytx ngồi xuống giường. Lúc bấy giờ vào khoảng năm giờ rưỡi chiều. Chỉ còn nửa tiếng đồng hồ nữa thì việc kia sẽ đến. Chàng nghe tiếng mạch máu đập trong người như nghe tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ trong bóng tối. Chàng

nghĩ rằng trong bóng tối hiện giờ tội ác và công lý đều đang đi tới, tội ác đi từ phía bên này, công lý đi từ phía bên kia. Chàng không sợ, nhưng chàng không thể không rùng mình nghĩ đến những việc sắp xảy ra. Như người đứng trước một chuyện quá ư đột ngột, cả ngày hôm ấy Mariuytx tưởng như mình đang mơ, muốn chắc chắn rằng đây không phải là một cơn ác mộng. Mariuytx luôn luôn mó tới hai chiếc súng ngắn lành lạnh trong túi áo vét.

Tuyết không rơi nữa. Mặt trăng nhô khỏi màn sương mù, càng ngày càng tỏ, ánh trăng lồng ánh tuyết trên mặt đất rọi vào trong phòng chàng như một thứ ánh sáng mờ mờ như lúc hoàng hôn.

Trong phòng Giôngđơrét có ánh sáng. Cái lỗ hổng trên vách, sáng đỏ như máu.

Ánh sáng ấy chắc chắn không phải là ánh nến. Cả gian phòng bên ấy yên lặng, không ai cựa quậy, không ai nói một lời, không một hơi thở. Yên lặng lạnh lẽo và hoàn toàn; không có cái ánh sáng ấy thì chẳng khác gì một ngôi mộ.

Mariuytx se sẽ cởi giầy đút vào gầm giường.

Vài phút sau, Mariuytx nghe tiếng cánh cổng xoay trên bản lề. Một tiếng chân nặng nề, vội vã leo lên cầu thang; Giôngđơrét đã về.

Tức thì nhiều tiếng nói ồn ào nổi lên. Tất cả mọi người đều ở nhà. Tuy nhiên khi Giôngđơrét đi vắng thì họ yên lặng như đàn sói con vắng bố. Giôngđơrét nói:

- Tao đây!

Hai đứa con gái dài mồm ra:

- Chào bố.

- Thế nào? - Mụ vợ hỏi.

- Gọn lắm, nhưng tao lạnh cứng cả chân đây này. Tốt lắm, mẹ mày đã mặc áo xống chỉnh tề, được lắm, phải làm cho hắn yên dã.

- Như sẵn sàng đi phố.

- Mẹ mày không quên gì chứ? Làm được đúng như tao dặn chứ?

- Mình cứ yên trí.

- Là vì...

Giôngđorét không nói hết. Mariuytx nghe thấy hắn để một vật gì nặng trên bàn, có lẽ chiếc đục hắn vừa mới mua. Hắn hỏi:

- Thế nào, đã ăn uống gì chưa?

Mụ vợ trả lời:

- Đã, tôi kiếm được ba củ khoai lớn và muối. Nhân tiện có lửa, tôi đã nấu khoai.

- Khá lắm. Ngày mai tao sẽ cho chúng mày đi hiệu, ăn vịt và nhiều thứ nữa, như những ông hoàng. Công việc trôi chảy cả.

Đến đây, hắn hạ thấp giọng bảo vợ:

- Bẫy chuột đã mở, mèo đợi sẵn rồi.

Hắn lại hạthấp giọng nữa:

- Cho cái này vào lò.

Mariuytx nghe thấy tiếng lào xào của than củi do cặp hay thứ gì bằng sắt cời lên. Giôngđorét nói tiếp:

- Mẹ mày đã bôi mỡ chốt cửa chưa, cho khỏi có tiếng động?

- Xong cả.

- Mấy giờ rồi?

- Sắp sáu giờ, chuông Xanh Mêda vừa đánh nửa tiếng.

Giôngđorét nói:

- Khỉ chửa, lũ nhãi phải đi gác chứ. Lại đây, nghe tạo dặn.

Có tiếng thì thầm.

Lại tiếng Giôngđorét cất lên:

- Mụ Buyêcgông đã ra phố chưa?

- Rồi, mụ vợ trả lời.

- Mẹ mày có chắc là không có ai bên cạnh không?

- Cả ngày hắn không về. Và giờ này là hắn đi ăn, mình cũng biết đấy.

- Mẹ mày chắc không?

- Chắc.

- Cũng được, Giôngđơrét nói tiếp. Nhưng cứ sang thử xem hắn có về nhà không cũng không sao. Con này, cầm cây nêu sang xem.

Mariuytx từ trên mặt tủ nhảy cả bốn vó xuống và lặng lẽ chui vào gầm giường. Vừa chui xong thì thấy một ánh sáng le lói dàng sau khe cửa. Một tiếng nói cất lên.

- Bố ơi! Đi vắng.

Mariuytx nhận ra tiếng đứa con gái lớn.

- Mày có vào không?

- Không, nhưng mà chìa khóa cắm ở cửa, thế là anh ta đi vắng rồi còn gì.

Người bố hét lên.

- Cứ vào đi nào.

Cửa mở, Mariuytx trông thấy đứa con gái lớn Giôngđơrét bước vào, tay cầm cây nến. Nó trông cũng như buổi sáng nhưng có vẻ ghê rợn hơn dưới ánh nến.

Nó đi thẳng đến giường. Mariuytx phải một phút hoảng sợ khó tả. Nhưng có cái gương treo trên tường bên cạnh giường. Nó đi tới cái gương ấy. Nó kiễng chân lên soi gương, có những tiếng sắt chạm nhau ở phòng bên.

Nó lấy lòng bàn tay vuốt tóc, mỉm cười với gương và se

sẽ hát bằng cái giọng rè rè, ảm đạm của nó:

Duyên tình ngắn ngủi một tuần thôi.

Giây phút hạnh phùng khéo vội trôi,

Say đắm ích gì trong chốc lát?

Đã yêu nên yêu mãi yêu hoài!...

Yêu mãi yêu hoài!... yêu mãi yêu hoài!...

Tuy nhiên Mariuytx vẫn run, chàng cho rằng thế nào nó cũng nghe thấy hơi thở của chàng.

Nó đi về phía cửa sổ, nhìn ra ngoài và nói to một mình, với vẻ nửa khôn nửa dại xưa nay của nó:

- Pari khi mặc sơ mi trắng thì sao trông xấu thế!

Nó lại trở về chỗ cái gương và làm duyên trong gương, soi thẳng rồi lại soi nghiêng.

- Thế nào? Mày làm gì vậy? Người bố hỏi to.

- Con xem dưới gầm giường và gầm bàn, chẳng có ai. Con gái Giôngđơrét vừa trả lời vừa sửa mái tóc.

Thằng bố rú lên:

- Đồ ngốc. Về ngay đây, mau lên. Đừng mất thì giờ.

- Con về ngay, về ngay đây. Trong cái lều nát này chẳng có thời giờ làm gì cả.

Nó lại ngâm nga:

Chàng dứt tình em, theo sự nghiệp.

Lòng đau quyện mãi bước chân ai.

Nó nhìn vào gương một lần chót, rồi quay ra và đóng cửa lại. Một lát sau, Mariuytx nghe thấy tiếng chân không của hai đứa con gái ngoài hành lang, và tiếng Giôngđơrét hét theo:

- Cẩn thận đấy! Một đứa ở bên rào, một đứa ở góc phố

Pơti Băngkiê. Phải luôn luôn nhìn cổng nhà. Thấy cái gì lạ thì chạy ba chân bốn cẳng về đây ngay. Có chìa khóa để về đấy.

Đứa con gái lớn lầm bầm:

- Đứng gác chân không trên tuyết!

- Ngày mai chúng mày sẽ có giầy lụa cánh cam, nhãi ạ!

Hai đứa xuống cầu thang, vài giây sau có tiếng cánh cổng đập dưới nhà. Vậy là hai đứa con gái đã xuống đường rồi.

Trong ngôi nhà chỉ còn Mariuytx và hai vợ chồng Giôngđơrét và có lẽ cái bọn người bí mật mà Mariuytx thoáng thấy trong bóng tối, đằng sau cánh cửa gian phòng trống.

XVII

ĐỒNG NĂM PHƠRĂNG CỦA MARIUYTX TIÊU VÀO VIỆC GÌ?

Mariuytx thấy đến lúc lại phải leo lên đài quan sát. Với cái lanh lẹn của tuổi thanh niên, chỉ một loáng, chàng đã lên cạnh cái lỗ hổng ở vách.

Mariuytx lại nhìn.

Phòng của Giôngđơrét có một vẻ lạ lùng, Mariuytx bây giờ hiểu vì sao có cái thứ ánh sáng đặc biệt chàng đã thấy. Một cây nến cháy trong một chân đèn đồng rỉ xanh, nhưng ánh sáng trong phòng không phải là ánh nến ấy. Ngọn lửa một cái hỏa lò to lớn, đầy than hồng, để trong lò sưởi chiếu sáng cả gian phòng. Đấy là cái hỏa lò mà mụ Giôngđơrét đã sắm sửa buổi sáng. Than thì hồng, cái lò đỏ rực, ngọn lửa xanh nhảy múa trong lò, chiếu rõ hình cái đục nung đỏ trong than hồng. Đó là cái đục mà Giôngđơrét mua ở phố Lôngba. Ở cái xó gần cửa thấy xếp hai đống; một đống hình như đống sắt

và một đống như đống thừng, xếp sẵn có việc gì đấy. Đối với một người không biết tí gì về câu chuyện đang sửa soạn, hai đống sắt và dây thừng ấy có vẻ hoặc rất bình thường, hoặc rất ghê gớm. Cái gian phòng tối tàn sáng rực ấy giống như một lò rèn hơn là một cửa âm phủ. Nhưng trong ánh sáng ấy, Giôngđơrét lại trông như một con quỷ sứ hơn là một người thợ rèn.

Lò than bốc nóng quá, cây nến trên bàn cháy rất nhanh về phía lò lửa và vẹt hẳn đi một cạnh. Trên lò sưởi có một cái đèn xách bằng đồng, ánh sáng che kín, một cái đèn xứng đáng với nhà hiền triết Diôgien trở thành tướng cướp Cáctút.

Lò than để ngay giữa lò sưởi, giữa những cành củi gần tắt hẳn, lò than bốc hơi lên ống khói nên không tỏa mùi than ra ngoài.

Ánh trăng luồn qua bốn miếng kính cửa sổ dãi bóng sáng trắng trong gian phòng đỏ rực. Óc mơ màng thi sĩ trong con người Mariuytx, mơ màng ngay giữa lúc hành động, khiến chàng nghĩ tới một hình tượng nên thơ: Một ý niệm cao cả thần tiên như đang lẫn lộn với những ảo mộng trần gian quái đản. Một luồng gió thổi qua ô kính vỡ, góp phần đánh tan mùi than như không có cái hỏa lò ấy trong buồng.

Cái ổ của Giôngđơrét trong nhà nát Goócbô mà chúng ta đã biết rõ vị trí, là địa điểm lý tưởng cho những hành động hung bạo, bí ẩn, che giấu những tội ác ghê gớm. Cái buồng hẻo lánh nhất trong cái nhà trơ trọi nhất ở cái phố vắng vẻ nhất Pari. Ở chỗ này mà không có cạm bẫy thì tất nhiên người ta phải dựng ra cạm bẫy.

Cả một gian nhà sâu thẳm, cả một dãy buồng trống ngăn cách cái ổ ấy với ngoài phố, buồng chỉ có một cái cửa sổ lại mở ra phía bãi hoang có tường và rào quây kín.

Giôngđơrét ngồi trên chiếc ghế rách, châm thuốc hút, vợ hắn se sẽ nói chuyện với hắn.

Nếu Mariuytx giống tính Cuốcphêrắc, nghĩa là trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cười được, chắc anh phải cười rộ lên khi mắt anh thấy mụ Giôngđơrét. Mụ đội một cái mũ đen, có lông chim, gần giống mũ của các viên quan truyền lệnh trong buổi lễ đăng quang của vua Sáclơ X, một cái khăn quàng bằng tác-tăng rộng, buông trên chiếc váy len đan và đôi giầy đàn ông mà con gái mụ đã chê bai buổi sáng. Chính cái bộ cánh ấy đã làm cho Giôngđơrét phải buột miệng: *"Tốt lắm! mẹ mày đã mặc áo xống chỉnh tề, được lắm phải làm cho hắn yên dạ"*. Còn Giôngđơrét thì vẫn mặc chiếc áo ngoài mới và rộng thùng thình mà ông Lơ Blăng đã cho hắn; y phục của hắn vẫn làm nổi bật sự trái ngược giữa cái áo ngoài và chiếc quần mà Cuốcphêrắc cho là lý tưởng của nhà thơ.

Bỗng nhiên Giôngđơrét nói to lên:

- À, mà tao nghĩ ra rồi, trời này chắc hắn phải đi xe đến. Mẹ mày thắp cái đèn xách lên rồi mang xuống dưới nhà. Mẹ mày sẽ đứng trong cổng. Nghe tiếng xe đỗ là phải mở cổng ngay, hắn lên gác, mẹ mày soi đèn ở cầu thang và hành lang cho hắn, khi hắn vào phòng thì xuống mau trả tiền xe và bảo xe đi.

Mụ vợ hỏi:

- Thế còn tiền?

Giôngđơrét sục sạo túi quần và đưa năm phơrăng cho vợ. Mụ vợ ngạc nhiên hỏi:

- Tiền nào đây?

Giôngđơrét đáp giọng rất oai:

- Đồng bạc gã láng giềng cho buổi sáng

Hắn nói thêm:

- Mẹ mày có biết không? Phải có hai cái ghế tựa.

- Để làm gì?

- Để ngồi.

Mariuytx bỗng thấy rùng mình sau xương sống khi nghe mụ Giôngđơrét trả lời chồng rất thản nhiên:

- Khó gì! Để tôi sang lấy ghế của anh chàng láng giềng.

Rồi nhanh như cắt, mụ mở cửa đi ra ngoài hành lang.

Mariuytx không có thời giờ xuống tủ để đến nấp dưới gầm giường.

Giôngđơrét bảo vợ:

- Cầm cây nến.

- Thôi, cầm vướng thêm, phải mang đến hai cái ghế mà. Sáng trăng mà.

Mariuytx nghe thấy bàn tay nặng nề của mụ Giôngđơrét sờ tìm chìa khóa cửa buồng chàng trong bóng tối. Cửa mở Mariuytx kinh ngạc và hốt hoảng đứng trân trân trên tủ.

Mụ Giôngđơrét vào phòng.

Cái cửa sổ nhỏ gần mái nhà để lọt một tia ánh trăng ngăn gian phòng thanh hai khoảng tối. Một khoảng tối trùm bọc cả bức vách Mariuytx đứng tựa, Mariuytx chìm ngập trong bóng tối ấy.

Mụ Giôngđơrét ngước mắt nhìn, không thấy Mariuytx; mụ xách hai chiếc ghế, hai cái ghế duy nhất của Mariuytx và bước ra, để cánh cửa đập mạnh sau lưng.

Mụ trở vào trong ổ:

- Đây ghế đây.

- Đèn đây, xuống ngay dưới cổng đi.

Mụ vợ đi. Còn một mình Giôngđơrét.

Hắn để hai chiếc ghế hai bên bàn, lật lại chiếc đục trong lò than, đặt một cái bình phong cũ trước lò sưởi để che khuất lò than, rồi hắn đi ra chỗ đống thùng và cúi xuống như xem xét cái gì. Bấy giờ Mariuytx mới nhận ra đống thùng ấy là một cái thang dây làm rất khéo, có những nấc gỗ và hai cái móc để treo.

Cái thang ấy cùng một số khí cụ khác, giống như những chiếc vồ sắt, vứt lẫn lộn trong đống sắt vụn đàng sau cánh cửa, buổi sáng chưa thấy trong cái ổ này. Chắc buổi trưa, khi Mariuytx đi vắng, có người mang đến.

- Đây là dụng cụ của người làm dao kéo! Mariuytx tự nhủ.

Nếu chàng thông thạo hơn thì có thể nhận ra trong các cái mà chàng gọi là dụng cụ của người làm dao ấy những dụng cụ có thể cạy một ống khóa, hay một cánh cửa và những cái khác có thể chặt hay là chém, hai loại dụng cụ ghê gớm mà bọn kẻ cướp vẫn gọi lóng là *lũ em* hay *cái cửa*.

Trước mặt Mariuytx bây giờ là cái lò sưởi, cái bàn và hai chiếc ghế. Lò than bị che khuất, trong gian phòng chỉ còn ánh sáng của cây nến. Các đồ vật bé nhỏ nhất trên bàn hay lò sưởi cũng ngả một bóng tối to sù. Một cái bình đựng nước sứt mẻ che khuất cả nửa bức vách. Gian phòng có một vẻ yên lặng ghê tởm và đe dọa. Người ta như chờ đợi một cái gì kinh khủng.

Cái điếu của Giôngđơrét đã tắt, triệu chứng hắn đang suy nghĩ lung lắm. Giôngđơrét ngồi xuống ghế. Bóng nến làm cho mặt hắn xương xẩu và sắc sảo thêm. Thỉnh thoảng hắn cau mày, hay bỗng nhiên xòe bàn tay phải ra như tự mình trả lời

mình điều gì trong một cuộc độc thoại thầm lặng. Trong một phút tự vấn đáp thầm lặng như vậy, hắn rút cái ô kéo ra, lấy con dao bếp dài dấm trong đó và liếc thử trên móng tay. Xong, hắn lại để con dao vào ô kéo và đóng ô lại.

Mariuytx cũng rút khẩu súng ngắn trong túi bên phải và lên đạn. Súng lên đạn kêu một tiếng cách nhỏ, gọn và rõ.

Giôngđơrét giật mình nhổm dậy khỏi ghế, hỏi:

- Ai đấy?

Mariuytx nín thở. Giôngđơrét lắng nghe một lát rồi cười bảo:

- Mình ngốc thật. Cái vách nó rạn.

Mariuytx vẫn giữ khẩu súng trong tay.

XVIII

HAI CHIẾC GHẾ CỦA MARIUYTX ĐẶT ĐỐI DIỆN NHAU

Bỗng nhiên tiếng chuông xa xôi và buồn bã làm rung chuyển kính cửa. Đồng hồ Xanh Mêđa báo sáu giờ.

Mỗi tiếng chuông đánh, Giôngđơrét lại gật đầu một cái. Sau tiếng thứ sáu, hắn lấy ngón tay gạt tàn bấc ngọn nến, rồi đứng dậy đi lại trong phòng, nghe ngóng phía ngoài hành lang, lại đi, rồi lại nghe ngóng nữa.

Hắn lẩm bẩm: - Quí hồ lão đến là được! Rồi hắn lại về ghế ngồi.

Hắn vừa ngồi xuống thì cửa mở.

Mụ Giôngđơrét mở cửa nhưng vẫn đứng ngoài hành lang. Ánh sáng lọt qua lỗ hổng chiếc đèn xách tay từ dưới chiếu lên mặt mụ, để lộ cái miệng nhăn nhở trông đến kinh khủng.

Mụ nói:

- Xin mời ngài vào.

Giôngđơrét vội vàng đứng dậy nối lời:

- Xin mời ngài ân nhân của tôi vào.

Ông Lơ Blăng xuất hiện.

Vẻ mặt ông bình thản trong sáng, trông thật đáng kính.

Ông đặt xuống bàn bốn đồng lu-i và nói:

- Ông Phabăngtu ơi! Đây là để ông trả tiền nhà và tiêu những thứ cần kíp trong nhà. Còn sau sẽ liệu.

- Trời phù hộ ngài, ngài ân nhân rất phúc hậu của tôi.

Giôngđơrét vừa nói với ông Lơ Blăng vừa dịch nhanh lại gần vợ, bảo:

- Cho cái xe ngựa lui.

Mụ vợ lẩn đi, còn Giôngđơrét thì không ngớt chào hỏi, cám ơn ông Lơ Blăng và đưa ghế mời ông ngồi. Lát sau mụ vợ trở về, rỉ tai chồng:

- Xong rồi.

Tuyết vẫn rơi từ sáng, lớp tuyết trên mặt đường dày đến nỗi không nghe thấy tiếng xe ngựa đến mà cũng không nghe thấy tiếng xe đi.

Ông Lơ Blăng đã ngồi xuống ghế.

Giôngđơrét ngồi ở chiếc ghế đối diện với ông Lơ Blăng.

Để hình dung được tấn trò sắp diễn ra, độc giả hãy tưởng tượng một đêm lạnh giá, cả cái khu Xanpêtơrie vắng lặng tuyết phủ trắng lợp, dưới ánh trăng thanh, ghê rợn như những tấm vải niệm, những ngọn đèn treo đỏ lòm lác đác dọc các đường phố ảm đạm và những dãy cây du đen sì; một quãng

đường dài xung quanh không bóng người, lúc này là cái phút vắng lặng, ghê rợn, tối tăm nhất của gian nhà nát Gôobô; giữa cái vắng lặng âm u ấy là gian phòng rộng tiêu tụy của Giôngđơrét dưới ánh nến vật vờ; và trong cái ổ ấy, hai người ngồi ở một cái bàn: Ông Lơ Blăng bình tĩnh, Giôngđơrét tươi cười nhưng kinh khủng, mụ Giông - đơrét, con sói cái, rình ở một góc, và đằng sau bức vách, Mariuytx, vô hình, đứng yên, không bỏ sót một lời nói, một cử chỉ ở phía bên kia, mắt đăm đăm, khẩu súng ngắn cầm tay.

Mariuytx tuy vậy không một chút sợ hãi, chàng chỉ có một cảm giác ghê tởm. Chàng nắm chặt báng súng, vững dạ. Chàng nghĩ:

- Mình chặn tay thằng khốn nạn này lúc nào cũng được.

Chàng cảm thấy cảnh sát đang nấp sẵn ở đâu đây, chỉ đợi báo hiệu theo giao ước là giơ tay ra nắm cổ chúng.

Chàng cũng hy vọng cuộc chạm trán quyết liệt này giữa Giôngđơrét và ông Lơ Blăng sẽ làm bật tia sáng soi tỏ cho chàng tất cả những điều bí ẩn chàng muốn biết.

XIX

CHÚ Ý ĐẾN NHỮNG XÓ TỐI

Vừa ngồi xuống, ông Lơ Blăng quay mặt nhìn về phía mấy chiếc giường bỏ trống, hỏi:

- Cháu bé bị thương thế nào?

Giôngđơrét trả lời, miệng cười thiểu não và tri ân:

- Cháu đau lắm, thưa ngài. Chị cháu đã đưa cháu đến nhà thương băng bó. Các cháu sắp về đấy ạ, ngài sẽ thấy chúng nó.

Ông Lơ Blăng nhìn bộ quần áo kỳ quặc của mụ Giôngđơrét hỏi:

- Bà Phabăngtu hình như đã khá lắm rồi thì phải?

Mụ Giôngđơrét đang đứng giữa ông Lơ Blăng và cửa phòng; mụ nhìn ông, dáng điệu đe dọa, hầu như ở tư thế tiến công, mụ đứng đấy như sẵn sàng để chặn lối cửa ra. Giôngđơrét trả lời:

- Nhà cháu chẳng còn hơi sức nào, thưa ngài, nhưng ngài thấy đấy, biết làm sao được, thật qủa nhà cháu dũng cảm tuyệt, không phải là một người đàn bà nữa mà là một con bò cày.

Mụ Giôngđơrét nghe lời khen của chồng, lấy làm khoái chí, mặt nhăn nhở như một con quái vật được vuốt ve:

- Ông Giôngđơrét, bao giờ ông cũng qúa tốt đối với em.

- Giôngđơrét, thế mà tôi tưởng ông Phabăngtu chứ? - Ông Lơ Blăng nói.

Giôngđơrét nhanh nhảu trả lời:

- Phabăngtu tức Giongđơrét. Biệt hiệu nghệ sĩ đấy mà.

Hắn nhún vai nhìn vợ - ông Lơ Blăng không thấy cử chỉ ấy, - xong hắn lại nói tiếp với ông Lơ Blăng, giọng trịnh trọng và mơn trớn:

- Dạ thưa ngài, hai vợ chồng chúng tôi lúc nào cũng vẫn thuận hòa như vậy. Tất cả chỉ còn có thế. Chúng tôi qúa chừng khốn khổ, thưa ngài. Có tay mà không có công ăn, có lòng mà không có việc làm. Không biết chính phủ thu xếp ra sao, thưa ngài, tôi chẳng phải cách mạng, cũng chẳng phải qúa khích, tôi chẳng muốn làm gì hại cho chính phủ, nhưng thú thật nếu tôi là thượng thư thì nhất định sẽ không như thế này. Này, chẳng hạn tôi đã muốn cho các cháu nó học làm giấy bồi. Chắc ngài sẽ bảo: Hừ! Đến phải học nghề ư? Vâng! Thưa ngài! một cái nghề, một nghề thông thường để kiếm ăn thôi. Thưa ân nhân, thật là xuống dốc, nếu nghĩ lại ngày xưa, thời vinh quang ngày xưa. Thật là hết, không còn gì cả. Chỉ còn một vật, một vật duy nhất mà tôi không thể

nào rời được, nhưng rồi cũng vẫn phải rời ra để sống. Để sống, vâng, phải sống chứ!

Giôngđơrét vẫn nói, lời thì lộn xộn nhưng vẻ mặt vẫn là của người suy nghĩ tinh tường. Trong khi ấy Mariuytx ngẩng đầu lên bỗng thấy ở cuối buồng một người lạ mà chàng chưa trông thấy, một người vừa vào, rất nhẹ nhàng, không ai nghe thấy tiếng cửa mở. Người ấy mặc một cái áo gi - lê đan màu tím đã cũ, rách, bẩn, một cái quần dài lụng thụng bằng vải nhung, đi đôi dày vải đế gỗ, không có sơ mi, cổ trần, cánh tay trần đầy vết chạm trổ, mặt bôi đen. Hắn khoanh tay yên lặng ngồi xuống chiếc giường gần nhất, ở phía sau mụ Giôngđơrét nên người ta chỉ trông thấy hắn lờ mờ.

Như có một linh tính hướng dẫn cặp mắt, ông Lơ Blăng cũng quay lại nhìn cùng một lúc với Mariuytx. Ông không kiềm chế được sự ngạc nhiên. Giôngđơrét nhác thấy vội nói:

- À ! Tôi hiểu, ngài nhìn cái áo khoác của ngài, phải rồi. Cái áo của ngài tôi mặc vừa, vừa lắm.

Hắn vừa cài khuy áo vừa nói câu ấy, giọng rất niềm nở.

-Người nào đó? - Ông Lơ Blăng hỏi:

- Người ấy ạ? Một ông láng giềng - Giôngđơrét đáp. Xin ngài đừng để ý.

Người láng giềng dáng dấp thật kỳ dị. Tuy nhiên, ở vùng ngoại ô Xanh Mácxô có nhiều xưởng hóa chất, thợ thuyền ở đấy mặt mũi có khi cũng nhọ nhem như thế. Ông Lơ Blăng thì vẫn bình tĩnh và tin cậy, một lòng tin cậy trong trắng và dũng cảm. Ông nói tiếp :

- Xin lỗi, ông Phabăngtu, ông đang nói về gì nhỉ?

Giôngđơrét chống khuỷu tay trên bàn, mắt nhìn ông Lơ Blăng, cặp mắt đăm đăm và mơn trớn như mắt con trăn. Hắn trả lời:

- Thưa ngài ân nhân kính mến, tôi đang nói là tôi có một bức họa muốn bán đi.

Một tiếng động nhẹ ở phía cửa. Một người đàn ông thứ hai vừa vào và ngồi xuống giường, phía sau mụ Giôngđơrét. Cũng như người trước, tay trần và mặt bôi mực với bồ hóng.

Tuy người này lẻn vào trong buồng rất nhẹ nhàng, nhưng ông Lơ Blăng cũng vẫn trông thấy. Giôngđơrét vội nói;

- Ngài đừng để ý, người nhà cả đấy ạ. Tôi đang bảo tôi còn một bức họa, một bức họa qúy giá... Đây, thưa ngài, mời ngài xem.

Hắn đứng dậy đi về phía bức tường bên dưới có để chiếc khung đã nói đến, lật chiếc khung lại nhưng vẫn để tựa vào tường. Có vẻ là một bức tranh thật; có ánh nến chiếu vào nhưng trông lờ mờ, Mariuytx không nhìn thấy rõ vì Giôngđơrét ngồi che khuất, nhưng cũng thấy những nét nguệch ngoạc cùng với hình một nhân vật chính tô màu sặc sỡ như những bức tranh bày ở phiên chợ hay những bức họa bình phong. Ông Lơ Blăng hỏi:

- Cái gì thế?

- Một bức tranh sơn dầu kiệt tác, thưa ngài ân nhân của tôi, một bức tranh qúy giá, tôi qúy nó như qúy hai đứa con gái tôi, nó gợi bao nhiêu kỷ niệm! Nhưng tôi đã thưa với ngài, và tôi không thay đổi ý kiến, rằng vì túng thiếu qúa nên cũng đành phải rời nó ra.

Vô tình, hay đã bắt đầu nghi ngại, ông Lơ Blăng vừa xem bức tranh vừa nhìn về phía cuối buồng. Bây giờ có những bốn người, ba người ngồi trên giường, một đứng cạnh khung cửa, cả bốn đều im lặng, cánh tay trần, mặt bôi nhọ. Một trong ba người ngồi trên giường, dựa vào tường, mắt nhắm như

người ngủ. Người này đã già, bộ tóc bạc trên cái mặt bôi nhọ trông thật ghê sợ. Hai người kia hình như còn trẻ, một râu xồm, một đầu bù, không người nào đi giày da, không có giầy vải thì đi đất thôi. Giôngđơrét nhận thấy ông Lơ Blăng mắt không rời bọn họ:

- Thưa, bạn quen cả, ở gần đây thôi - hắn nói - Họ nạo lò sưởi nên nhem nhuốc thế. Ngài ân nhân của tôi ơi, cứ mặc họ. Xin ngài mua cho tôi bức họa này. Ngài hãy rủ lòng thương chúng tôi nghèo khổ như thế nào. Tôi không lấy đắt ngài đâu. Ngài đánh giá bao nhiêu?

Ông Lơ Blăng nhìn thẳng vào mắt Giôngđơrét, như sẵn sàng đối phó với mọi việc bất ngờ và trả lời:

- Một cái biển quán ăn đó thôi. Chỉ đáng ba phơrăng.

Giôngđơrét vẫn dịu dàng đáp:

- Ngài có mang ví đi không? Tôi chỉ lấy một nghìn đồng vàng thôi.

Ông Lơ Blăng đứng phắt dậy, tựa lưng vào bức vách, liếc mắt nhìn bao quát cả gian buồng. Bên tay trái ông, ở phía cửa sổ là Giôngđơrét, bên tay phải, phía cửa buồng là mụ Giôngđơrét và bốn người đàn ông kia. Bốn người này vẫn ngồi yên, không nhúc nhích như không nhìn thấy ông nữa, Giôngđơrét lại tiếp tục than thở, kêu van, mắt lờ đờ, giọng thảm hại; Ông Lơ Blăng tưởng như đang nghe một người nghèo khổ quá hóa điên. Giôngđơrét nói:

- Thưa ngài ân nhân quý mến, tôi không còn gì nữa, nếu ngài không mua giúp cho bức họa này, thì tôi chỉ còn đâm đầu xuống sông mà chết. Tôi cũng đã định cho các cháu bé học làm giấy bồi, giấy bồi đẹp để gấp hộp đựng qùa tết nhất. Như vậy phải có một cái bàn có nẹp đàng cuối, cho dụng cụ

thủy tinh khỏi rơi, một cái lò đặc biệt, một cái lọ có ba khoang để đựng ba thứ keo đặc, loãng khác nhau để dán gỗ, dán giấy hay dán vải, một con dao để xén giấy, một cái khuôn để gấp giấy, một cái búa để đóng những mảnh thép, một cái bút lông để phết keo và còn những thứ quái quỷ gì nữa tôi chẳng nhớ. Tất cả những cái đó để một ngày chỉ kiếm được bốn xu. Và phải làm việc mười bốn tiếng. Và mỗi hộp phải qua bàn tay thợ mười ba lần! Lại nhúng giấy như thế nào! Rồi giữ cho không một vết bẩn. Rồi keo cần phải nóng. Quái quỷ như thế đấy ông biết cho. Để được bốn xu mỗi ngày. Ngài tính bốn xu thì sống làm sao?

Giôngđơrét nói mà không nhìn ông Lơ Blăng còn ông thì đang chăm chú nhìn hắn. Mắt ông Lơ Blăng nhìn Giôngđơrét, mắt Giôngđơrét lại nhìn ra phía cửa buồng. Mariuytx thì hồi hộp hết nhìn ông Lơ Blăng, lại nhìn Giôngđơrét. Ông Lơ Blăng có lẽ nghĩ: Hắn ngớ ngẩn hay sao? Giôngđơrét thì lải nhải hai ba lần, kêu van hết giọng này thay giọng khác:

- Tôi chỉ còn đâm đầu xuống sông. Hôm nọ tôi đã bước xuống ba bậc dưới chân cầu Auxteclit.

Bỗng nhiên con mắt lờ mờ của hắn sáng chói lên một tia sáng ghê rợn, cái thằng người bé nhỏ ấy đứng thẳng lên kinh khủng, tiến một bước về phía ông Lơ Blăng và thét lên như sấm:

- Cái chính phải đâu là những chuyện ấy! Đã nhận ra chưa?

XX

CUỘC MAI PHỤC

Cửa buồng vừa đột nhiên mở, ba người đàn ông mặc áo bờ lu vải xanh hiện ra, mỗi người đeo một cái mặt nạ bằng

giấy đen. Người thứ nhất gầy, tay cầm một cái gậy dài bịt sắt; người thứ hai, một tên khổng lồ, cầm ngang cán một cái búa đồ tể để giết bò, đầu búa chúc xuống; người thứ ba, vai u, không gầy như người thứ nhất, không to như người thứ hai, tay nắm một cái chìa khóa kếch sù đánh cắp của một cổng nhà pha nào.

Hình như Giôngđơrét chờ đợi bọn người ấy. Hắn và người gầy cầm gậy chuyện vãn với nhau rất nhanh.

Giôngđơrét hỏi:

- Xong cả chưa?

Người gầy, trả lời:

- Xong cả.

- Môngpácnat đâu?

- Cậu công tử đứng lại nói chuyện với đứa con gái mày.

- Đứa nào?

- Đứa lớn.

- Có cái xe ngựa dưới cổng không?

- Có.

- Cái xe con thắng chưa?

- Thắng rồi.

- Hai con ngựa khỏe chứ?

- Tuyệt!

- Xe đợi ở chỗ tao bảo trước chứ?

-Phải.

Giôngđơrét nói:

- Tốt lắm.

Mặt ông Lơ Blăng xanh nhợt. Ông nhìn nhận tất cả sự vật xung quanh ông, trong cái ổ này, với con mắt một người

biết rõ mình đang sa vào nơi nào; ông nhìn tất cả những đầu người xung quanh, ông từ từ quay nhìn khắp phía chậm chạp, chăm chú và ngạc nhiên. Nhưng vẻ mặt ông không có chút gì là sợ hãi. Ông dùng cái bàn làm chiến lũy quyền nghi. Cái con người vừa đây là một ông già hiền từ, bỗng nhiên biến thành một thứ lực sĩ, ông đặt nắm tay cứng rắn của ông trên lưng ghế một cách ghê gớm lạ lùng. Ông già kiên cường dũng cảm trước cảnh nguy hiểm ấy thuộc hạng người anh dũng và nhân từ một cách bình dị, tự nhiên. Bố người mình yêu không là kẻ xa lạ được. Mariuytx thấy kiêu hãnh về con người lạ đó.

Ba người tay trần mà Giôngđơrét bảo là " thợ nạo lò sưởi" đã lấy trong đống sắt vụn kẻ thì một cái kéo lớn, người thì một cái kìm, người thứ ba một cái búa, và ra đứng chặn ngang cửa, lầm lì không nói một lời. Tên già vẫn nằm trên giường chỉ mở mắt nhìn. Mụ Giôngđơrét ngồi cạnh hắn.

Mariuytx nghĩ rằng chỉ vài giây nữa là đến lúc phải can thiệp, chàng giơ cánh tay phải lên trần nhà, hướng về phía hành lang, sẵn sàng bắn phát súng hiệu.

Giôngđơrét nói chuyện với người cầm gậy xong, lại quay về phía ông Lơ Blăng, nhắc lại câu hỏi lúc nãy với tiếng cười khừ khừ, nửa vời và kinh khủng xưa nay của hắn:

- Ông không nhận ra tôi thật à?

Ông Lơ Blăng nhìn thẳng vào mặt hắn trả lời:

- Không.

Bây giờ Giôngđơrét tiến đến sát cạnh bàn, chồm người trên cây nến, khoanh tay, đưa cái quai hàm xương xẩu dữ tợn của hắn tới gần gương mặt bình tĩnh của ông Lơ Blăng, hắn cứ chồm lên hết sức gần ông Lơ Blăng nhưng ông vẫn không lùi một bước. Như một con thú dữ sắp cắn, hắn thét lên:

- Ta không phải là Phabăngtu, ta không phải là

Giôngđơrét, ta là Tênacđiê! Ta là chủ quán ở Môngphécmây, nghe rõ chưa? Tênacđiê! Bây giờ đã nhận ra ta chưa?

Trán ông Lơ Blăng thoáng ửng đỏ, ông trả lời bình tĩnh như thường, giọng không lên cao hơn, không rung động:

- Cũng không.

Mariuytx không nghe thấy câu trả lời này. Nếu ai trông rõ được chàng trong bóng tối sẽ thấy vẻ mặt ngơ ngác, dẫn đờ, hoảng hốt như người bị sét đánh. Khi nghe Giôngđơrét nói: "*Ta là Tênacđiê*", chân tay chàng run bần bật, chàng ngả mình vào bức vách, có cảm giác như một lưỡi gươm lạnh vừa xuyên qua trái tim chàng, cánh tay phải đang sắp sửa bắn phát súng báo hiệu, từ từ buông xuống và khi Giôngđơrét nhắc lại "*Nghe rõ chưa, Tênacđiê?*" những ngón tay rã rời của Mariuytx xuýt buông rơi khẩu súng. Khi Giôngđơrét nói toạc ra hắn là ai, ông Lơ Blăng vẫn thản nhiên, nhưng Mariuytx thì hoang mang hết sức. Cái tên Tênacđiê, ông Lơ Blăng có lẽ không biết, nhưng Mariuytx biết lắm.

Chúng ta nhớ lại cái tên ấy có ý nghĩa như thế nào đối với Mariuytx. Cái tên ấy, Mariuytx vẫn để trên trái tim chàng, cái tên ấy đã ghi trong di chúc của cha chàng, chàng vẫn mang nó trong đáy lòng, trong ký ức, trong lời di huấn thiêng liêng: "Một người tên là Tênacđiê đã cứu sống ta. Nếu con ta gặp ông ấy, thì hãy hết sức giúp đỡ ông ta". Cái tên ấy chúng ta còn nhớ, là một niềm kính yêu của lòng chàng, chàng vẫn tôn sùng cái tên ấy cùng với tên cha chàng. Thế mà, có thể như thế ư? Người này là ông chủ quán ở Môngphécmây mà chàng đã mất bao công tìm kiếm bấy lâu ư? Bây giờ chàng đã tìm thấy người ấy, nhưng cái người đã cứu sống cha chàng lại là một tên cường đạo! Con người mà Mariuytx nóng lòng muốn hy sinh tất cả để đền ơn, con người ấy là một con quỷ.

Người đã cứu sống đại tá Pôngmecxi nay sắp phạm tội ác. Tuy Mariuytx chưa biết tội ác ấy sẽ diễn ra như thế nào, nhưng có thể là một tội giết người, mà trời ơi! Giết ai? Định mệnh khắc nghiệt và mỉa mai thay! Từ đáy mồ, cha chàng ra lệnh cho chàng phải hết sức giúp đỡ Tênacđiê. Từ bốn năm nay Mariuytx chỉ có một ước vọng là thay cha đền ơn người ấy, thế mà bây giờ, khi Mariuytx sắp sửa báo cho cảnh sát bắt một tên cường đạo đang phạm tội giết người, thì số mệnh lại bảo chàng: Người ấy tên là Tênacđiê. Đời sống của cha chàng mà người ấy đã cứu được giữa làn mưa đạn trên chiến trường Oateclô anh hùng, chàng sẽ đền bù lại cho người ấy, trả lại cho người ấy bằng lưỡi dao máy chém! Chàng vẫn nghĩ khi nào tìm được Tênacđiê chàng sẽ qùy xuống ôm lấy chân người ấy, bây giờ chàng đã tìm thấy Tênacđiê, nhưng tìm thấy để trao người ấy cho bàn tay đao phủ. Cha chàng kêu gọi chàng: " Cứu Tênacđiê ". Trả lời tiếng gọi qúy mến và thiêng liêng ấy thì chàng định xéo chết Tênacđiê. Chàng sắp cho cha chàng ở dưới mồ thấy cái cảnh người ân nhân đã liều thân cứu sống cha chàng bị đưa ra hành hình ở quảng trường Xanh Giắc, do chính bàn tay của đứa con mình, bàn tay đáng lẽ phải cứu giúp người ấy. Mỉa mai thay, từ bao nhiêu lâu chàng vẫn mang trong lòng những nguyện vọng cuối cùng của cha chàng, những nguyện vọng mà chính tay cha chàng đã ghi lại, để bây giờ làm trái ngược hẳn những nguyện vọng ấy.

Nhưng mặt khác chẳng lẽ chứng kiến cái âm mưu này mà không ngăn chặn lại! Thế nào? Bỏ chết nạn nhân, thả lỏng tên sát nhân ư ? Có cần phải trả ơn cho một thằng khốn nạn như vậy không? Tất cả những ý kiến mà Mariuytx vẫn ôm ấp từ bốn năm nay, sự việc bất ngờ này đã làm đổ nhào cả. Cả người chàng rung động. Bây giờ tất cả đều do chàng quyết

định. Chàng nắm trong tay số mệnh của tất cả những người đang vật lộn dưới mắt chàng trong cái phòng kia, thế mà tất cả những người ấy đều không biết gì hết. Nếu chàng bắn phát súng, ông Lơ Blăng sẽ thoát, Tênacđiê sẽ bị bắt. Nếu chàng không bắn, ông Lơ Blăng sẽ bị hy sinh và biết đâu? Tênacđiê sẽ thoát. Đẩy người này hay để mặc người kia rơi xuống vực, cả hai đường đều đưa tới sự hối hận về sau.

Làm thế nào? Chọn con đường nào? Gạt bỏ những kỷ niệm thiết tha nhất, bỏ tất cả những điều tự hứa hẹn sâu sắc nhất, bỏ cái nhiệm vụ thiêng liêng nhất, lời di chúc kính yêu nhất của cha chàng, hay cứ để kẻ sát nhân thực hiện tội ác ? Chàng như nghe thấy một bên thì nàng Uyêcxuyn của chàng van xin cứu lấy cha nàng, và một bên thì đại tá Pôngmecxi gửi gắm Tênacđiê. Người chàng như điên lên, đầu gối chàng rụng rời. Chàng cũng không có thời giờ cân nhắc nữa, sự việc đang xảy ra vội vàng, cấp bách như một cơn gió lốc. Cơn gió đó chàng tưởng điều khiển được, thế mà nó lại cuốn chàng đi. Chàng bàng hoàng cả người, sắp ngất.

Trong khi ấy Tênacđiê - từ nay chúng ta gọi đúng tên hắn - Tênac điêđi đi lại lại trước cái bàn như người say sưa, mù quáng trong thắng lợi. Hắn nắm cây nến đặt mạnh trên mặt lò sưởi, mạnh đến nỗi ngọn lửa suýt tắt và nước nến chảy bắn tung lên tường. Xong hắn quay về phía ông Lơ Blăng, vẻ mặt hung dữ, và khạc ra một câu:

- Thui lửa, hun khói, chặt miếng, băm viên nướng chả thôi!

Rồi hắn vừa đi vừa thét:

- À! À! Tôi vớ được ngài rồi, ngài từ thiện ơi! Ngài triệu phú mặc áo rách, ngài chuyên môn cho trẻ búp bê. Hừ! Thằng

hề già! Ông không nhận ra tôi à? Ông không phải là người đến Môngphécmây, đến cái quán của ta cách đây tám năm, đêm lễ giáng sinh 1823 à! Ông không phải là người đã dỗ đứa con Phăngtin, con Sơn ca đi à! Ông không mặc cái áo khoác ngoài màu vàng đấy à! Ông không mang một gói quần áo như sáng nay đến đây đấy à! Này, mẹ mày hình như lão ấy, lão già từ thiện này có cái tật thích mang cho người ta những bọc đầy bít tất len. Ông có cửa hàng làm áo mũ len phải không? Ông cho người nghèo cả cái cửa hàng của ông phải không ? Ông già phúc đức. Trò hề thật! Hừ! Ông không nhận ra tôi à! Nhưng tôi, tôi nhận ra ông, tôi nhận ra ông ngay khi ông mới thò cái mõm ông vào đây. A! Ông tưởng có thể tha hồ xông vào nhà người ta, tự nhiên, vì là một cái quán ăn, lừa bịp người ta với bộ quần áo nát, với vẻ nghèo khổ như kẻ ăn xin, để rồi lại lên mặt hảo tâm; cướp cái cần câu cơm của người ta, rồi lại hùng hổ dọa nạt người ta giữa rừng; thế rồi khi người ta sa sút thì mang thí cho người ta một cái áo lùng thùng, hai cái chăn nhà thương tã, ông tưởng làm thế mà trôi được đấy hẳn, hử, lão già khốn nạn, thằng mẹ mìn?

Hắn ngừng lại, như lẩm bẩm nói gì một mình. Cả cái cơn giận dữ của hắn bây giờ như dòng sông Rôn đổ vào một cái hang ngầm. Rồi hắn đập mạnh tay xuống bàn thét, như muốn nói to lên điều vừa tự nhủ:

- Cái bộ mặt hiền lành!

Hắn lại chỉa vào ông Lơ Blăng:

- Chà! Ngày ấy ông chơi xỏ tôi! Vì ông mà chúng tôi phải chịu tất cả những đau khổ này. Ông ném một nghìn năm trăm phơrăng để cướp lấy con bé của tôi, con bé hẳn là con nhà giàu có, có con bé ta đã từng xoay được bao nhiêu tiền,

có con bé ta sẽ còn có ăn suốt đời! Giá con bé còn thì nó đã đền bù lại cho ta tất cả vốn liếng ta đã mất ở cái quán khốn nạn ấy, cái quán ta đã ăn hết cả quần cả áo. À! Ta muốn mỗi cốc rượu trong cái quán của ta là một chén thuốc độc đối với những đứa đã nhậu nhẹt. Nhưng thôi! Này, chắc ông cho tôi là thằng ngốc đã để cho ông phỗng con Sơn ca đi. Trong rừng hôm ấy ông cầy có cái gậy. Hôm đó, ông là kẻ mạnh. Đến lượt ta trả thù đây. Hôm nay, con bài chủ trong tay ta. Ông đi đứt rồi, ông già của tôi ơi! Khoái quá, ừ, khoái quá. Ngài đã rơi vào tròng rồi, ngài ạ. Tôi đã thưa với ngài tôi là nghệ sĩ, tôi là Phabăngtu, tôi đã sắm kịch với cô Mác, với cô Muýt tôi nợ tiền chủ nhà, ngày mai, ngày 4 tháng Hai phải trả tiền nhà. Ngài không biết ngày trả tiền nhà là mồng tám tháng Giêng chứ không phải mồng bốn tháng Hai ư! Ông già ngớ ngẩn ơi! Và bốn đồng Philip quèn! Đồ khốn kiếp! Sao nó không rán, cho đủ một trăm phơrăng nhỉ? Nó mê khướt những lời kêu van phỉnh nịnh vớ vẩn của ta. Cái đó làm ta thích thú. Ta bảo thầm: Thằng già ngốc này, tao tóm được mày rồi, sáng nay tao liếm gót mày thì tối nay tao sẽ ăn gan mày.

Tênacđiê ngừng lại, hắn thở hết hơi, lồng ngực lép của hắn phập phồng như một cái bễ lò rèn. Hai mắt hắn đầy cái vẻ thỏa mãn xấu xa của con người hèn hạ, yếu đuối, độc ác khi đã đánh ngã được người mà hắn vẫn sợ, chửi được người mà hắn vẫn phải xu nịnh xưa nay. Cái thỏa mãn của một thằng lùn khi giận được chân lên đầu một người khổng lồ, cái thỏa mãn của một con chó rừng khi xé được thịt của một con bò tót ốm đau, đã kiệt sức chống cự, nhưng vẫn còn đủ sức sống để cảm thấy đau đớn.

Ông Lơ Blăng không ngắt hắn. Nhưng khi hắn dứt lời thì ông nói:

- Tôi không hiểu ông muốn nói gì. Ông lầm thôi. Tôi là người rất nghèo, không phải triệu phú một chút nào. Tôi không quen ông. Ông nhận tôi ra người khác đấy.

- À thế à! Tênacđiê gầm lên. Khéo nhỉ! Ông vẫn thích cái trò đùa đấy à? Ông sa lầy rồi, ông già ạ. Ông không nhớ gì à? Ông không nhận thấy tôi là ai à?

Ông Lơ Blăng lễ phép trả lời, nhưng trong giọng nói ấy vào hoàn cảnh này có cái gì lạ lùng, dũng mãnh:

- Xin lỗi ông, tôi nhận thấy ông là một tên ăn cướp.

Ai chả biết, bọn người xấu xa, độc ác nhất cũng có cái tự ái của chúng. Nghe thấy tiếng "tên ăn cướp", mụ Tênacđiê ở trên giường nhảy xổ xuống, thằng Tênacđiê nắm chặt lấy chiếc ghế như sắp bẻ gẫy nó trong tay. Hắn thét bảo vợ:

- Mẹ mày đứng yên!

Rồi quay về phía ông Lơ Blăng hắn nói:

- Phải rồi, ăn cướp, tôi biết, các ngài nhà giầu vẫn gọi chúng tôi là ăn cướp cả. Phải rồi: tôi phá sản, tôi vỡ nợ, tôi trốn tránh, tôi không có miếng bánh, tôi không có đồng xu, tôi là kẻ cướp! Ba ngày nay nhịn đói, tôi là kẻ cướp. Còn các ngài, các ngài hơ chân, các ngài đi giầy ấm, mặc áo khoác lót lông, như những ông đại giám mục, ở nhà lầu, nhà có người gác cổng, các ngài xơi nấm bao, tháng giêng các ngài xơi măng tươi bốn mươi phơrăng một nắm, các ngài xơi đậu ti - boa, các ngài nhồi các ngài nhét, và khi muốn biết trời có lạnh không, các ngài đọc báo xem nhiệt biểu của kỹ sư Sơvaliê chỉ bao nhiêu độ. Còn chúng tôi, chúng tôi không phải đi ra bờ sông xem ở Cột đồng hồ trời lạnh mấy độ. Chúng tôi là nhiệt biểu sống. Chúng tôi thấy máu đọng trong mạch, băng tràn lên tim và chúng tôi bảo: không có Chúa Trời! Rồi các ngài đến những cái hang ổ của chúng tôi,đúng là những cái hang

cái ổ, và chửi chúng tôi là kẻ cướp. Nhưng chúng tôi sẽ ăn thịt các ngài. Chúng tao sẽ nuốt sống lũ chúng mày các con ạ. Ngài triệu phú ạ ngài phải biết, tôi xưa kia cũng là người có cơ sở, có môn bài, là cử tri, là một người tư sản. Còn ngài, ai biết ngài là cha căng chú kiết nào, hử ngài?

Đến đây Tênacđiê tiến một bước về phía những người đứng gần cửa và gầm lên:

- Thế mà nó dám đến đây coi mình như một thằng thợ giầy.

Rồi hắn lại bừng bừng giận dữ thét vào mặt ông Lơ Blăng:

- Vả lại, ngài từ thiện ạ, ngài phải biết tôi không phải là một con người ám muội, tôi không phải là một cha căng chú kiết, không có tên, không có tuổi, đi dỗ trẻ con nhà người ta. Tôi là một cựu quân nhân nước Pháp, đáng lẽ phải được thưởng huân chương. Tôi đã dự trận Oateclô. Tôi đã cứu sống, ở trận tiền một ông tướng gọi là bá tước gì tôi không rõ. Ông ta có nói tên, nhưng nói chẳng ra hơi nên tôi không nghe rõ. Tôi chỉ nghe mang máng tiếng *mécxi*[1]. Tôi chẳng cần ông ấy cám ơn, giá tôi biết tên ông ấy còn hơn. Được thế, ngày nay tôi có thể đi tìm được ông ấy. Cái bức tranh này, họa sĩ Đavít[2] vẽ ở Bơrúychcơxen[3] ông có biết trong tranh vẽ ai không? Tôi đấy. Họa sĩ Đavit muốn ghi lại cho hậu thế cái chiến công bất hủ ấy. Tôi cõng vị tướng và mang qua bao nhiêu làn mưa đạn. Chuyện như thế đấy. Nhưng ông tướng đớ cũng chẳng giúp tôi cái gì. Hắn cũng chẳng hơn gì những kẻ khác! Thế mà tôi đã liều mình cứu hắn, giấy chứng nhận

(1) Tiếng méc - xi trong tiếng Pháp nghĩa là cảm ơn. Hai âm tiết cuối của tên Pontmercy cũng đọc giống y như thế.

(2) Tên một họa sĩ nổi danh của Pháp thế kỷ VIX (David).

(3) Bruxelles (Bơrúychxen) ; thủ đô nước Bỉ. Tênacđiê nói sai chữ.

đây, đầy trong túi đây! Tôi là một chiến binh ở Oateclô, mẹ kiếp! Tôi đã nói hết với ông rồi. Kết luận, bây giờ tôi cần có tiền, nhiều tiền, rất nhiều tiền, không có thì tôi sẽ thịt ông, nghe chưa!

Mariuytx đã trấn tĩnh được tinh thần, chàng lắng nghe. Không còn chút nghi ngờ nào nữa. Chính là gã Tênacđiê trong di chúc. Mariuytx rùng mình trước lời oán trách cha chàng vô ơn, mà cả chàng cũng sẽ phải vô ơn như vậy. Chàng lại càng thêm do dự. Trong lời nói, trong giọng nói, trong cử chỉ, trong cặp mắt làm nẩy lửa từng chữ, trong tất cả cơn thịnh nộ khoác lác và nhơ nhuốc, kiêu căng và ti tiện, giận dữ và ngớ ngẩn, đầy những chi tiết thực và những tình cảm giả, trong cái vẻ trâng tráo của con người độc ác đang say sưa với bạo hành, trong cái lõa lồ thô bỉ của một tâm hồn xấu xa, trong cái mớ hỗn hợp đau khổ và căm hờn, trong tất cả những cái ấy, có một cái gì ghê tởm như tội ác, và xót xa như sự thực.

Cái bức họa kiệt tác, "bức tranh sơn dầu của Đavit" mà nó nài ông Lơ Blăng mua, độc giả cũng đoán ra, chỉ là cái biển quán rượu chính tay hắn đã vẽ, vật duy nhất hắn còn giữ được sau cuộc vỡ nợ ở Môngphécmây.

Tênacđiê không đứng chắn mất Mariuytx nữa, bây giờ chàng có thể ngắm bức tranh ấy, chàng nhận ra trong bức tranh bôi bác một cảnh chiến trường đầy khói lửa đàng xa và đàng trước hình ảnh hai người cõng nhau, hai người ấy là Tênacđiê và Pôngmécxi. Viên đội cứu viên đại tá. Mariuytx ngây ngất trước bức tranh ấy, bức tranh hình như làm cha chàng sống lại; không phải là cái biển quán rượu Môngphécmây nữa mà là cả một cuộc phục sinh, một nấm mồ đương mở ra và một bóng ma đang hiện lên. Mariuytx nghe thấy mạch máu đập như rung chuông ở thái dương; chàng tưởng nghe thấy tiếng đại bác Oateclô trong tai; hình ảnh cha chàng mình đẫm máu lờ mờ trên bức tranh làm cho

chàng kinh sợ; hình như cái hình người lờ mờ ấy nhìn chàng chòng chọc.

Khi Tênacđiê đã hết hổn hển rồi, hai mắt đỏ ngầu của hắn xói vào ông Lơ Blăng, hắn nói sẽ và gọn:

- Mày còn muốn nói gì trước khi chúng tao thịt mày ?

Ông Lơ Blăng không trả lời. Giữa phút yên lặng ấy, một giọng khàn khàn ở ngoài hành lang ném ra lời nói kinh khủng này:

- Có cần bổ củi thì có ta đây!

Thằng cha cầm búa đồ tể pha trò. Cũng lúc ấy một khuôn mặt gân guốc, xám xịt hiện ra trong khung cửa, cười nhe bộ nanh ghê gớm.

Tênacđiê giận dữ quát:

- Mày bỏ mặt nạ ra để làm gì?

- Để cười chơi - tên cầm búa trả lời.

Từ nãy ông Lơ Blăng theo dõi và rình từng cử chỉ của Tênacđiê, còn Tênacđiê thì mù quáng say sưa vì giận dữ, đi đi lại lại trong cái sào huyệt của hắn. Hắn tin chắc vì cửa ngõ giữ cẩn thận rồi, vì hắn có vũ khí để đối phó với một người tay không. Vì chúng là chín chọi một - đấy là mụ Tênacđiê cũng chỉ tính là một người thôi! Tênacđiê không còn phải đề phòng gì nữa; khi quát mắng thằng cha cầm búa, hắn quay lưng lại ông Lơ Blăng.

Ông Lơ Blăng cướp cơ hội ấy, lấy chân đá ghế, tay xô bàn, và nhanh như chớp, nhảy ra sát cửa sổ trước khi Tênacđiê kịp ngoảnh lại. Mở cửa sổ, trèo lên, nhảy ra chỉ cần một giây, nửa người ông đã lao ra ngoài rồi, nhưng sáu bàn tay rắn chắc nắm lấy ông và lôi ngược ông vào trong phòng. Đó là ba thằng "nạo lò sưởi" đã nhảy chồm lên ông. Còn mụ Tênacđiê thì nắm tóc ông.

Nghe tiếng rầm rập, bọn côn đồ ở ngoài hành lang chạy vào. Lão già say rượu nằm trên giường cũng bước xuống tay cầm một cái búa phu lục lộ, và chệnh choạng đi tới.

Một thằng thợ nạo lò sưởi giơ cao trên đầu ông Lơ Blăng một thứ vồ mà hai đầu là hai qủa chì tra vào một thanh sắt; mặt hắn bôi nhọ nhưng nhờ ánh nến chiếu thẳng vào, Maruytx cũng nhận ra được hắn là Păngsê tức Pơranhtaniê tức Bigrơnay.

Maruytx không thể đứng yên trước cảnh tượng ấy. Chàng nói thì thầm:

- Xin cha tha tội cho con!

Ngón tay chàng lần cái cò súng. lúc đạn sắp nổ thì cũng là lúc Tênacdiê hét to:

- Không được hại hắn!

Trước cái cử chỉ tuyệt vọng để thoát thân của nạn nhân, Tênacdiê tức giận, hắn lại bình tĩnh. Trong hắn có hai con người: con người hung tợn và con người khôn ngoan. Vừa rồi, trước thắng lợi nắm chắc trong tay, trước con mồi bị đánh ngã không cựa quậy được nữa, con người hung tợn lớn tiếng, nhưng khi nạn nhân vùng vẫy muốn kháng cự, thì con người khôn ngoan mềm dẻo lại xuất hiện.

- Không được hại hắn, Giôngđơrét lặp lại.

Hắn không ngờ cái thắng lợi đầu tiên thu được là chặn viên đạn sắp nổ và làm cho Mariuytx tê liệt; Mariuytx không thấy việc can thiệp là cấp bách nữa và cho rằng có thể chờ thêm ít nữa. Biết đâu lại chẳng có điều gì may mắn xảy ra sẽ giải quyết cho chàng nỗi phân vân ghê gớm là hoặc để cha nàng Uyếcxuyn bị hại, hoặc hại người đã cứu sống cha chàng.

Một cuộc xung đột vũ bão nổ ra. Trước hết ông Lơ Blăng cho lão già chệnh choạng một quả đấm giữa ngực, lão ngã

bắn ra giữa buồng; rồi hai cánh tay ông gạt ngã hai thằng khác, mỗi đầu gối dận lên một thằng, hai thằng khốn nạn này rên rỉ dưới sức đè nặng như một thớt đá; nhưng bốn thằng khác đã nắm gáy, nắm hai cánh tay ông già ghê gớm và giữ ông ngồi quỵ trên người hai thằng "nạo lò sưởi". Ông đè chẹt hai thằng dưới, còn bốn thằng trên đè lên ông đến nghẹt thở, vừa được, vừa thua, ông Lơ Blăng cố vận dụng hết sức lực để hất bọn trên ra. Cả người ông bị bọn cướp chồng chất lên, che lấp hẳn đi như một con lợn rừng bị một đàn chó săn ồn ào dồn đống trên mình nó.

Cuối cùng bọn kẻ cướp vật ông ngã xuống cái giường gần cửa sổ nhất và giữ nguyên ông ở đấy. Mụ Tênacđiê vẫn không buông tóc ông. Thằng Tênacđiê bảo vợ:

- Mẹ mày đừng xen vào, không lại rách khăn quàng.

Mụ làu nhàu buông tay ra, theo lời chồng như con sói cái nghe theo con sói đực. Thằng Tênacđiê nói tiếp :

- Còn chúng mày, lục soát nó đi!

Ông Lơ Blăng không kháng cự nữa. Bọn chúng lục khám người ông. Trong người ông chỉ có một cái túi da đựng sáu phơrăng và một cái khăn tay.

Tênacđiê thu chiếc khăn tay vào túi, hỏi:

- Sao! Không có ví tiền à?

- Đồng hồ cũng không có! Một tên "nạo lò sưởi" trả lời.

Một tên đeo mặt nạ, cầm cái chìa khóa kếch sù nói giọng bụng ọc ạch:

- Dẫu sao, thằng cha già này cũng ghê thật!

Tênacđiê ra góc cửa, lấy một nắm dây thừng vứt cho bọn chúng bảo:

- Trói nó vào chân giường.

Lúc đó hắn mới để ý đến thằng cha già bị ông Lơ Blăng cho một đấm ngã lăn ra giữa buồng, nằm im không cựa. Hắn hỏi:

- Thằng cha Bulatơruyen chết rồi sao?

Bigrơnay trả lời:

- Không, lão ấy say đấy.

- Quét nó vào trong xó! Tênacđiê ra lệnh.

Hai thằng "nạo lò sưởi" lấy chân đẩy lão say rượu đến bên đống sắt vụn. Tênacđiê bảo nhỏ tên cầm gậy:

- Babe! Sao mày dẫn nhiều ông tướng đến thế! Không cần thiết.

Thằng cầm gậy trả lời:

- Mày tính, chúng nó đứa nào cũng muốn chấm mút một tí. Mất mùa mà! Chẳng có mẻ nào sất.

Cái giường chúng vật ông Lơ Blăng xuống là một thứ giường nhà thương, có bốn chân gỗ xù xì. Ông Lơ Blăng cứ để mặc chúng. Bọn kẻ cướp trói chặt ông vào chân cái giường xa cửa sổ nhất và gần lò sưởi nhất. Chúng trói đứng ông, chân chạm đất.

Khi chúng buộc xong nút trói cuối cùng, Tênacđiê mang một chiếc ghế đến ngồi ngay trước mặt ông. Người ta không nhận ra mặt Tênacđiê nữa. Mới có mấy phút mặt hắn từ giận dữ điên cuồng đã trở lại hiền lành một cách xảo quyệt. Nhìn nụ cười lễ phép của hắn lúc bấy giờ, Mariuytx không thể tưởng cũng là cái mõm thú dữ xùi bọt mép lúc nãy. Chàng ngạc nhiên trước sự thay hình đổi dạng kỳ ảo và ghê sợ ấy, chàng có cảm giác như thấy một con hổ biến thành một anh thầy cò. Tênacđiê nói:

- Thưa ông...

Rồi hắn ra hiệu bảo những thằng kẻ cướp còn nắm chặt

ông Lơ Blăng:

- Ra xa đằng kia một chút, để tôi nói chuyện với ông ấy.

Cả bọn lùi ra phía cửa. Tênacđiê nói tiếp:

- Ông ơi! Ông định nhảy qua cửa sổ là sai lầm đấy. Có thể què chân. Bây giờ nếu ông bằng lòng thì chúng ta nói chuyện ôn tồn với nhau. Tôi có một điều nhận xét đặc biệt và muốn nói với ông, là ông chưa kêu lên một tiếng nào.

Tênacđiê nhận xét đúng, điều ấy có thực, dù Mariuytx trong khi bối rối không để ý đến. Ông Lơ Blăng chỉ mới nói có mấy câu, mà nói khẽ, và ngay lúc đánh nhau dữ dội với sáu tên kẻ cướp ở gần cửa sổ, ông cũng không kêu lên một tiếng nào, ông vẫn im lặng. Tênacđiê nói tiếp:

- Ừ! Giá ông có kêu: Kẻ cướp! Kẻ cướp! Thì cũng không có gì là quá. Cũng có thể kêu: Quân giết người! Quân giết người! Và tôi cũng không cho thế là đáng ghét. Chạm trán với những người mình không tin cậy như thế này thì có làm ầm lên một chút cũng là tất nhiên. Ông có kêu la thì tôi cũng không làm rầy ông, cũng không cần bịt mồm ông. Vì sao thế? Tôi nói cho ông biết nhé! Nghĩa là cái buồng này chẳng khác gì người điếc. Cái buồng này chỉ được có cái đó thôi, và được cái đó thực sự. Chẳng khác gì một cái hầm. Một quả bom nổ ở đây, đội cảnh binh gần nhất cũng chỉ tưởng là tiếng ngáy của một gã say rượu. Đại bác cũng chỉ kêu bùm! Sấm nổ cũng chỉ kêu bụp! Thật là thuận lợi. Dù sao ông cũng đã không kêu, điều đó rất tốt, tôi khen ông, và tôi suy luận thế này xin thưa lại: Ông bạn thân mến ơi! Nếu ông kêu thì ai đến? Cảnh sát thôi! Cảnh sát đến, rồi sau đó thì ai? Tòa án. Thế mà ông không kêu cứu. Nghĩa là ông cũng chẳng ưa gì tòa án và cảnh sát đến, cũng như chúng tôi thôi. Từ lâu tôi đã đoán rằng ông cũng muốn giấu một cái gì. Chúng tôi cũng vậy. Như thế

chúng ta càng dễ thỏa thuận với nhau.

Mắt Tênacđiê như dán vào mặt ông Lơ Blăng, hình như vừa nói hắn vừa xoáy tia mắt của hắn vào tận đay tâm hồn người tù nhân của hắn. Vả chăng cái ngôn ngữ của hắn tuy có phần láo xược và lắt léo nhưng cũng vẫn dè dặt thận trọng, trong con người thằng ăn cướp lúc nãy bây giờ lại có những nét của "một kẻ đã học để làm cố đạo".

Cái im lặng của người bị bắt, việc ông ta không chịu kêu lên một tiếng dù là một tiếng kêu của bản năng tự vệ khi sinh mệnh bị đe dọa, điều đó làm cho Mariuytx thắc mắc và ngạc nhiên một cách khó chịu.

Sự nhận xét rất đúng của Tênacđiê càng làm thêm dày đặc trước mắt Mariuytx cái màn bí mật bao phủ con người nghiêm nghị và kỳ lạ mà Cuốcphêrắc đã mệnh danh là ông Lơ Blăng. Trong tình thế hết sức khó khăn nguy hiểm, bị trói chằng chịt giữa một bầy đao phủ, như nửa người đã bị chôn xuống một cái hố, ngày càng lún dưới chân, trước vẻ giận dữ hay dịu dàng của Tênacđiê, ông già ấy vẫn lạnh lùng như không. Trong giờ phút như thế này Mariuytx không thể không khâm phục cái vẻ mặt rầu rầu cao cả ấy.

Thật là một tâm hồn chưa hề để cho sợ hãi bén mảng, một tâm hồn chưa hề biết hoang mang là gì. Ông thuộc hạng người trong những hoàn cảnh tuyệt vọng nhất vẫn bình tĩnh, không hề mảy may ngạc nhiên. Khủng hoảng cao đến đâu, nguy hiểm khó tránh đến mấy, ông cũng không hề biết cái giây phút hấp hối của người chết đuối mở mắt kinh hoàng trong đáy nước.

Tênacđiê công nhiên đứng dậy, đi tới lò sưởi, nhấc cái bình phong đem dựa vào cạnh giường sát đấy, để lộ ra thấy rõ ràng trong lò than cái đục nung trắng lốm đốm những sao đỏ.

Rồi hắn trở lại ngồi bên cạnh ông Lơ Blăng.

- Tôi nói tiếp nhé. Chúng ta có thể thỏa thuận với nhau. Lúc nãy tôi nổi nóng là không đúng, thật là mất trí, cũng thật là qúa trớn một cách vô lý và ăn nói xô bồ. Chẳng hạn thấy ông là triệu phú, tôi đòi tiền, nhiều tiền, rất nhiều tiền. Thật là không biết điều. Trời ơi! Ông giàu có thật đấy nhưng cũng có những gánh nặng, ai chả có gánh nặng. Tôi không muốn ông phá sản, tôi không phải là thằng ăn thịt người. Tôi không phải hạng người vì ỷ thế mạnh mà trở nên lố bịch, buồn cười. Này, ông này, tôi cũng biết điều, sẵn sàng chịu hy sinh về phía mình. Tôi chỉ cần hai trăm nghìn phơrăng thôi.

Ông Lơ Blăng không hé một lời, Tênacđiê nói tiếp:

- Ông xem, tôi đã pha khá nhiều nước vào rượu rồi đấy. Tôi không biết ông giàu có đến thế nào, nhưng tôi biết ông không phải là người coi trọng đồng tiền; Một người từ thiện như ông cho một người cha nghèo túng như tôi hai trăm nghìn phơrăng có thấm vào đâu. Hẳn ông cũng biết điều. Ông cũng trông thấy hôm nay tôi nhọc công như thế nào, câu chuyện chiều hôm nay xếp đặt công phu như thế nào, đẹp đẽ như thế nào, các vị có mặt ở đây đều công nhận như thế. Tất cả công trình ấy không phải chỉ để kiếm món tiền uống năm ba chén rượu, ăn một vài đĩa thịt bò non ở tiệm Dênoayê. Hai trăm nghìn phơrăng cũng đáng lắm. Cái món tiền mọn ấy, ông bỏ ra rồi thì tôi cam đoan với ông là xong xuôi cả, ông không sợ mất một cái chân lông nào. Ông sẽ bảo: Tôi không có hai trăm nghìn phơrăng mang theo người. Không! Tôi không qúa quắt đâu, tôi không đòi ông có tiền ngay đây đâu. Tôi chỉ cần một điều, ông vui lòng viết như tôi bảo đây.

Đến đây Tênacđiê ngừng lại rồi hắn dằn từng tiếng, vừa

nói vừa mỉm cười nhìn về phía lò than:

- Tôi xin báo trước: tôi không thừa nhận là ông không biết viết.

Một vị thẩm phán lỗi lạc của tòa án Anh'kidixiêng(1)cũng không thể có được cái nụ cười ấy.

Tênacđiê đẩy cái bàn đến gần chỗ ông Lơ Blăng, lấy một lọ mực, một cây bút và một tờ giấy trong ô kéo vẫn để hé mở, trong đó lấp lánh lưỡi một con dao làm bếp dài.

Hắn đặt tờ giấy trước mặt ông Lơ Blăng và bảo:

- Ông viết đi.

Người tù bây giờ mới nói:

- Tôi bị trói thế này, ông bảo tôi viết làm sao được.

- Ừ nhỉ, Tênacđiê nói - xin lỗi ông, ông nói phải.

Rồi quay lại phía Bigrơnay hắn bảo:

- Cởi cánh tay phải cho ông ấy.

Păngsô, tức là Pơranhtamê, tức Bigrơnay thi hành lệnh của Tênacđiê. Khi bàn tay phải ông Lơ Blăng được cởi trói rồi, thì Tênacđiê cầm bút chấm vào lọ mực và đưa cho ông.

- Ông ơi, ông phải nhớ rằng ông ở trong tay chúng tôi, số phận của ông do chúng tôi định đoạt, hoàn toàn do chúng tôi định đoạt, quyền lực của con người không thể cứu ông thoát nơi đây. Và chúng tôi cũng rất khổ tâm nếu phải dùng đến những cách xử lý cực đoan không lịch sự. Tôi không biết tên ông, tôi không biết chỗ ở của ông, nhưng tôi báo cho ông biết là chúng tôi sẽ trói ông cho đến khi người đưa cái thư này trở về đây. Bây giờ ông viết đi.

- Viết cái gì? - người bị trói hỏi.

---

(1) Tòa án của Nhà chung thời Trung cổ, ở Tây Ban Nha, trừng phạt rất tàn bạo những người bị coi là xúc phạm đạo Gia-tô.

- Tôi đọc cho ông viết.

Ông Lơ Blăng cầm bút.

Tênacđiê bắt đầu đọc:

- "Con gái ta..."

Người tù nhân rùng mình, ngước mắt lên nhìn Tênacđiê. Hắn bảo:

- Đề: "Con gái yêu của ta..."

Ông Lơ Blăng viết theo, Tênacđiê đọc tiếp:

- Con đến ngay...

Tênacđiê ngừng lại hỏi:

- Ông gọi "con"[1] phải không?

Ông Lơ Blăng hỏi:

- Gọi ai?

- Còn vờ gì nữa! Con bé con, con Sôn ca ấy.

Ông Lơ Blăng trả lời thản nhiên như không:

- Tôi không hiểu ông muốn nói gì.

- Thôi cứ viết.

Tênacđiê lại tiếp tục đọc:

- "Con đến ngay, bố cần gặp con lắm. Người trao cho con mảnh thư này sẽ dẫn con đi. Bố đợi con. Con cứ đến không ngại gì".

---

(1) Trong nguyên văn, đây là tiếng "tu" để gọi người đối thoại với mình một cách thân mật hoặc âu yếm - không kể khi gọi thần linh thì là thật tôn sùng, hay khi gọi kẻ dưới một cách khinh thường - Trong gia đình Pháp, cha mẹ thường nói *tu* với con, nhưng một số gia đình kiểu cách, thường thường là quí tộc và tư sản nói *vous* với con cái. Ở ta cha mẹ thường nói *con* với con nhưng cũng có người gọi *anh, chị, cô, chú.*

Ông Lơ Blăng đã viết tất cả như vậy. Tênacđiê bảo thêm:

- À quên, xóa: *con cứ đến không ngại gì đi*, viết như thế nó có thể ngờ là chuyện không đơn giản, cần phải đề phòng.

Ông Lơ Blăng xóa mấy chữ ấy.

Tênacđiê nói tiếp:

- Bây giờ ông ký tên đi. Tên ông là gì?

Người tù nhân đặt bút xuống hỏi:

- Cái thư này gửi cho ai?

Tênacđiê trả lời:

- Ông biết quá chứ, gửi cho con bé, tôi vừa bảo ông mà.

Rõ ràng là Tênacđiê tránh không nói tên người con gái ấy. Hắn gọi: "Con Sơn ca", hay gọi "con bé" nhưng hắn không gọi tên thật. Thận trọng của con người mánh khóe, không để tiết lộ điều bí mật của mình cho bọn đồng lõa biết. Nói rõ tên là đem cả cái mớn này biếu cho chúng, là cho chúng biết những điều chúng không nên biết. Hắn nhắc lại:

- Ông ký đi, tên ông là gì?

- Uyếcbanh Phabơrơ - người tù nhân trả lời.

Tênacđiê nhanh như con mèo thọc tay vào túi áo, rút ra cái khăn lấy của ông Lơ Bloăng. hắn tìm xem chữ gi trên khăn, giơ cái khấn gần ánh nến:

- U.F. Phải rồi, Uyếcbanh Phabơrơ. Ký U.F. đi.

Người tù nhân ký, Tênacđiê lại bảo:

- Gấp thư phải cả hai tay kia. Đưa tôi gấp cho. Gấp thư xong, Tênacđiê lại bảo:

- Đề địa chỉ: *Cô Phabơrơ* ở nhà ông. Tôi biết ông cũng ở gần đây thôi, trong khu vực nhà thờ Xanh Giắc đuy Hôpa,

hàng ngày ông vẫn hay đi lễ ở đó mà, nhưng tôi không rõ ông ở phố nào. Tôi thấy ông hiểu hoàn cảnh của ông rồi, ông đã không giấu tên, chắc ông cũng không giấu địa chỉ. Ông tự đề lấy địa chỉ đi.

Người tù nhân suy nghĩ một lát rồi cầm bút viết:

- Cô Phabơrơ, ở nhà ông Uyếchbanh Phabơrơ, phố Xanh Đôminich Đăngphe số 17.

Tênacđiê vội vàng giật lấy bức thư gọi:

- Mẹ mày đâu?

Mụ Tênacđiê chạy đến.

- Thư đây. Mẹ mày biết phải làm gì rồi. Có xe ngựa đợi ở dưới cổng. Đi ngay rồi về ngay.

Rồi quay lại người cầm búa đồ tể, hắn bảo:

- Mày, mày đã lột mặt nạ thì đi theo mụ tư sản ấy - mày ngồi đàng sau xe. Cái xe ngựa chờ ở đâu, nhớ rồi chứ?

- Nhớ.

Hắn để chiếc búa vào một xó và đi theo mụ Tênacđiê. Khi họ đi rồi, Tênacđiê thò đầu qua cửa sổ và dặn với theo, qua hành lang:

- Mẹ mày cẩn thận đừng đánh mất bức thư. Hai trăm nghìn phơrăng trong tay mẹ mày đấy!

Mụ Tênacđiê giọng khàn khàn trả lời:

- Mình yên trí. Đã để bức thư vào trong dạ dày rồi.

Một phút sau đã nghe tiếng roi quất ngựa cứ xa dần rồi mất hẳn. Tênacđiê lẩm bẩm:

- Tốt lắm. Xe, ngựa chạy khá đấy. Cứ cái nước đại này thì chỉ ba khắc đồng hồ là mụ tư sản trở về thôi.

Hắn mang một chiếc ghế lại gần lò sưởi, khoanh tay ngồi xuống ghế và đưa hai chiếc giày bám bùn hơ ở lò than.

- Mình lạnh chân quá.

Ở trong cái tổ quỷ bấy giờ chỉ còn lại Tênacđiê, người tù với năm tên kẻ cướp. Bọn người ấy, đeo mặt nạ hoặc bôi nhọ mặt, là những người thợ làm than, những người da đen, hay quỳ sứ là tùy con mắt sợ hãi của người ta. Bọn họ nằm co ro, uể oải, họ đang thực hiện âm mưu tàn bạo của họ thản nhiên như làm việc hàng ngày, bình tĩnh, không giận dữ, không cảm thương, có vẻ chán chường. Họ ngồi dồn vào một xó như một bầy thú, yên lặng. Tenac điê vẫn sưởi chân. Người bị cầm giữ trở lại trầm ngâm không nói. Một không khí lặng lẽ âm u thay thế sự huyên náo hung tợn ban nãy.

Ngọn nến đã chảy thành một cái nấm rộng, ánh sáng yếu đuối chiếu lờ mờ gian buồng rộng lớn. Lò than đã bắt đầu vạc, những cái đầu người ghê tởm ấy in trên vách và trên trần những hình thù kỳ quặc.

Chỉ nghe có tiếng thở đều đều của lão già say rượu vẫn ngủ yên.

Mariuytx chờ đợi, mỗi phút một lo ngại thêm. Bí mật dày đặc hơn bao giờ hết. Cái "con bé" mà Tênacđiê gọi là "sơn ca" ấy là ai? Có phải "Uyếcxuyn" của chàng không? Người tù khi nghe tên Sơn ca không có vẻ cảm động chút nào, và trả lời một cách rất thản nhiên: "Tôi không hiểu ông muốn nói gì". Nhưng hai chữ U.F. thì khám phá ra rồi; đó là Uyếcbanh Phabơrơ, mà Uyếxuyn không phải là Uyếcxuyn nữa. Điều ấy là điều Mariuytx thấy chắc chắn nhất. Chàng như bị một thứ ma lực ghê sợ nào đóng cứng người ở chỗ đài quan sát từ đó chàng đang nhìn bao quát cả tấn kịch. Chàng đứng đấy không cựa quậy được, không suy nghĩ được, như bị những hình ảnh ghê tởm diễn ra sát mắt, làm chàng mất hết nhận thức. Chàng chờ đợi, mong mỏi một biến cố gì xảy ra, không tập hợp được

ý nghĩ, không biết phải làm gì.

Chàng tự nhủ: "Dù sao, nếu Sơn ca là nàng, thì sẽ biết ngay, vì mụ Tênacđiê sẽ dẫn nàng đến đây. Bấy giờ tất cả sẽ sáng tỏ. Ta sẽ hy sinh đời sống của ta, giọt máu cuối cùng của ta nếu cần, nhưng nhất định ta sẽ cứu nàng. Không gì ngăn cản ta được".

Nửa giờ trôi qua như vậy. Tênacđiê có vẻ đang nghiền ngẫm một ý nghĩ đen tối. Người tù không cựa quậy. Mariuytx từ nãy thỉnh thoảng nghe như ở phía người tù có một tiếng động khe khẽ.

Bỗng nhiên Tênacđiê nói to với người tù:

- Ông Phabơrơ này, cũng chẳng cần chờ đợi nữa, tôi nói ngay điều này với ông thôi.

Mấy lời đó như bắt đầu muốn hé một tia sáng. Mariuytx lắng tai nghe. Tênacđiê nói tiếp:

- Nhà tôi sắp về, ông đừng nóng ruột. Tôi chắc con Sơn ca là con ông và tất nhiên ông muốn giữ con ông. Nhưng ông hãy chịu khó nghe tôi. Tôi đã bảo nhà tôi ăn mặc như ông thấy, để cho cô tiểu thư nhà ông dễ tin và đi theo. Cả hai người sẽ cùng lên xe với ông bạn tôi ngồi đàng sau. Gần đâu đấy, phía ngoài một cái rào chắn, đỗ sẵn một chiếc xe con thắng hai con ngựa thật khỏe. Tiểu thư nhà ông sẽ được dẫn đến đấy: Cô ấy sẽ xuống xe ngựa và lên chiếc xe con với người bạn tôi, còn nhà tôi sẽ về đây báo là việc xong xuôi rồi. Còn tiểu thư nhà ông thì không ai làm gì cả đâu, cái xe con sẽ dẫn cô ấy đến một nơi yên ổn, khi nào ông trao cho tôi số tiền mọn hai trăm nghìn phơrăng thì cô tiểu thư nhà ông sẽ được trả về cho ông. Nếu ông báo cho người ta bắt tôi, thì anh bạn tôi sẽ thí con Sơn ca. Chuyện như thế đấy.

Người tù không nói một lời. Nghĩ một lát, Tênacđiê

nói tiếp:

- Ông xem, giản dị lắm. Không tai hại gì, qui hồ ông không muốn tai hại xảy ra. Tôi nói rõ chuyện. Tôi báo trước để ông biết.

Hắn ngừng lại. Người tù vẫn yên lặng, Tenacđiê lại nói:

- Khi nhà tôi về bảo: Con Sơn ca đã lên đường, chúng tôi sẽ thả ông lập tức và ông có thể tự do trở về ngủ ở nhà ông. Ông xem chúng tôi qủa không có ác ý gì.

Nhiều hình ảnh ghê sợ hiện lên ý nghĩ Mariuytx. Sao? Người thiếu nữ mà họ bắt cóc đi như vậy, họ sẽ không đưa về đây? Một tên qủy sứ trong bọn mang nàng vào trong bóng tối? Vào đâu? ... Mà có phải là nàng không? Còn nghi ngờ gì nữa, chính là nàng rồi! Mariuytx thấy trái tim mình ngừng đập. Làm thế nào bây giờ? Bắn phát súng hiệu ư? Nộp tất cả bọn khốn nạn này cho pháp luật ư? Nhưng thằng mang búa ghê tởm kia vẫn ở ngoài tròng, vẫn nắm giữ người thiếu nữ, Mariuytx nhớ lại những lời nói đẫm máu của Tênacđiê: Nếu ông báo cho người ta bắt tôi thì anh bạn tôi sẽ thí con Sơn ca. Bây giờ không phải chỉ là lời di chúc của cha chàng khiến chàng phải ngừng tay mà là cả mối tình của chàng, sinh mệnh của người chàng yêu cũng giữ tay chàng lại.

Tình trạng kinh khủng này đã kéo dài từ hơn một giờ và luôn luôn thay đổi trạng thái. Mariuytx có đủ nghị lực để dựng ra những ức thuyết bi đát nhất và cố tìm một mầm hy vọng nhưng không sao tìm được. Đầu óc chàng rối bời, trái ngược hẳn với sự yên lặng ảm đạm bao phủ cái sào huyệt kia.

Giữa lúc yên lặng ấy bỗng nghe thấy tiếng cổng dưới cầu thang mở ra rồi đóng lại.

Người tù cựa mình trong dây trói.

- Mụ tư sản đã về đây rồi! Tênacđiê kêu.

Hắn chưa nói xong thì mụ Tênacđiê đã nhảy bổ vào, trong buồng, mặt đỏ gay, hơi thở hổn hển, mắt nảy lửa; mụ vừa kêu vừa đập hai bàn tay hộ pháp phành phạch vào đùi.

- Địa chỉ giả!

Thằng kẻ cướp đi theo mụ cũng trở về, đi sau mụ, và hắn lại đến cầm cái búa giết bò.

- Địa chỉ giả? Tênacđiê hỏi lại.

Mụ Tênacđiê tiếp:

- Chẳng có ma nào! Phố Xanh Đôminich số 17, không có ai là Uyếcbanh Phabơrơ. Chẳng ai biết hắn là người nào.

Mụ ngừng lại, nghẹt thở, xong lại nói:

- Ông Tênacđiê ơi! Thằng cha này đánh lừa mình. Mình tử tế qúa, mình thấy không? Tôi thì tôi hãy bắt đầu rạch cái mồm nó ra làm bốn, và nếu nó còn giở trò, tôi sẽ nướng sống nó. Nó thế nào cũng phải nói, nói con gái nó ở đâu, đống vàng của nó ở đâu. Đấy, tôi thì tôi làm như thế đấy. Người ta bảo đàn ông ngu hơn đàn bà cũng phải. Chẳng có ma nào ở số nhà 17. Một cái cổng cho xe vào. Không có ông Phabơrơ nào, phố Xanh Đôminích, thế là lại ba chân bốn cẳng trở về, rồi lại thưởng tiền cho thằng đánh xe, và tất cả! Tôi hỏi vợ chồng người gác cổng, mụ vợ là một ngươi đàn bà đẹp đồ sộ, họ chẳng biết cái ngữ ấy.

Mariuytx thở phào. Nàng, - Uyếcxuyn hay Sơn ca, chàng không biết gọi là gì nữa - Nàng đã thoát nạn. Trong khi mụ vợ phấn nộ la hét om sòm, Tênacđiê ngồi lên trên bàn, hắn ngồi một lát không nói năng gì, lắc lư cái cẳng chân phải buông thõng, mơ màng, dữ tợn nhìn cái lò than.

Sau cùng hắn nói với người tù, giọng chậm rãi nhưng hung dữ vô cùng:

- Địa chỉ giả! Đưa địa chỉ giả, mày mong muốn cái gì?

Người tù thét lên, giọng sang sảng:

- Tranh thủ thời gian!

Vừa nói ông vừa hất rơi những dây trói. Dây trói đã bị cắt đứt. Người tù chỉ còn một chân bị trói vào trụ giường.

Bảy tên cướp chưa kịp nhận ra và xông tới thì ông đã cúi xuống bệ sưởi, giơ tay về phía lò than, rồi lại nhổm dậy. Và bây giờ cả bọn người: Tênacđiê, mụ vợ và mấy thằng kẻ cướp kia sửng sốt lùi về phía cuối buồng, kinh hoàng nhìn ông giơ lên trên đầu cái đục đỏ sáng rực, ghê rợn. Ông già hầu như hoàn toàn tự do đứng trước mặt chúng, oai hùng ghê gớm.

Trong cuộc điều tra tư pháp tiến hành về vụ gài bẫy ở nhà nát Gorcbô, cảnh sát tìm thấy một đồng xu lớn cắt và mài một cách khéo léo lạ lùng: đồng xu ấy là một trong những kỳ sảo mà những người phạm nhân kiên trì của nhà lao đã sản xuất trong bóng tối để dùng trong bóng tối. Đó là những dụng cụ để vượt ngục.

Những sản phẩm ghê gớm và tinh vi của một nghệ thuật kỳ diệu trong nghề kim hoàn, cũng giống như những ẩn dụ của tiếng lóng ở trong thơ ca. Có những "Băngvơnnytô Xelini" trong nhà tù khổ sai, cũng như trong ngôn ngữ có những Vilông. Người cùng khốn khát khao được giải phóng, không cần phải khí cụ đặc biệt gì, chỉ một con dao con có thể xẻ đồng xu thành hai mảnh mỏng, khoét trũng hai mảnh đó mà không động chạm đến hình khắc trên mặt xu, xẻ rãnh trên cạnh đồng xu, làm cho hai mảnh khớp chặt với nhau, có thể tháo

ra vặn vào, như một cái hộp. Trong cái hộp ấy giấu một cái lò so đồng hồ, mảnh lò so ấy nếu biết dùng có thể cưa đứt một mắt xích lớn hay moojt chấn song sắt. Người ta tưởng tù nhân chỉ có một đồng xu, không, họ có tự do. Trong những cuộc khám xét sau này của cảnh sát ở cái sào huyệt đó người ta tìm thấy đồng xu lớn ấy, hai mảnh rơi ở dưới gầm giường gần cửa sổ. Người ta cũng tìm thấy một lưỡi cưa con bằng thép xanh có thể giấu trong đồng xu. Khi bọn kẻ cướp lục soát ông già, ông ta trong người chắc có đồng xu ấy nhưng có thể giấu trong lòng bàn tay đến khi tay phải được cởi trói ông ta đã mở đồng xu và dùng lưỡi cưa cắt dây trói. Vì vậy nên Mariuytx đã nghe thấy một tiếng động nhẹ và nhìn thấy những cử động khe khẽ của ông già. Cúi xuống sợ bị lộ, ông ta không cwsa được cái dây trói bên trái.

Bọn kẻ cướp bây giờ đã qua cơn kinh ngạc. Bigronay bảo Tênacđiê:

- Yên trí! Còn môt cẳng bị trói hắn không chuồn được đâu. Tao bảo đảm. Chính tay tao đã trói cái cẳng ấy đấy.

Nhưng người tù nói to hẳn lên:

- Chúng mày là những tên khốn nạn. Tao có cần sống lắm đâu. Nhưng chớ tưởng là có thể bắt tao cung khai, bắt tao viết điều tao không muốn viết, nói điều tao không muốn nói...

Ông vén cánh tay bên trái lên bảo:

- Trông đây này.

Đồng thời ông lấy cái đục nung đỏ vẫn cầm trong tay phải dí lên cánh tay.

Người ta nghe thấy tiếng thịt cháy xèo xèo, một thứ mùi đặc biệt của những phòng tra tấn bốc lên trong gian buồng.

Mariuytx kinh hãi thấy người mình lảo đảo. Bọn kẻ cướp cũng phải rùng mình. Ông già kỳ dị ấy chỉ nhăn mặt một tý, cây sắt đỏ chọc vào cánh tay, thịt cháy bốc khói, ông già bình thản như không, vẻ mặt vô cùng cao cả, nhìn Tênacđiê bằng con mắt rất đẹp, không mảy may căm thù, cả bao nhiêu đau đớn cũng tan đi trong cái bình thản cao cả ấy.

Ở những con người lớn lao, cao cả, những nổi dậy của xác thịt và giác quan đau đớn làm cho tâm hồn thoát xác và hiện lên trên trán, cũng như những cuộc nổi dậy của lính quèn khiến người chỉ huy phải ra mặt.

- Đồ khốn nạn! - Ông nói - Dừng có sợ tao cũng như tao không sợ chúng bay vậy.

Nhấc cái đục lên, ông ném qua cửa sổ để ngỏ. Cái dụng cụ ghê gớm quay tròn, biến mất trong bóng tối rồi ra xa và tắt hẳn trên mặt tuyết.

Người tù lại nói:

- Chúng bay muốn làm gì tao thì làm đi nào!

Ông chỉ còn hai tay không.

Tênacđiê thét:

- Nắm lấy nó!

Hai tên kẻ cướp đè tay lên hai vai ông, tên kẻ cướp đeo mặt nạ nói giọng bụng tiến đến đứng trước mặt ông, tay cầm cái chìa khóa khổng lồ, sẵn sàng đập vào đầu ông nếu ông hơi cử động một tí.

Cùng lúc ấy Mariuytx nghe thấy ở dưới chân tường, ngay dưới cái lỗ hổng của chàng, hai người mà chàng không thấy mặt thì thầm với nhau:

- Chỉ còn một cách thôi...

- Xẻ người nó ra.

- Phải đấy!

Đó là thằng chồng và con vợ đương bàn tính với nhau.

Tênacđiê từ từ tiến lại gần bàn, rút ô kéo, lấy con dao. Mariuytx mân mê cái báng súng. Do dự lạ lùng! Từ một tiếng đồng hồ nay, lương tâm chàng như nghe thấy hai tiếng gọi, một tiếng gọi bảo chàng tuân theo lời di chúc của cha chàng, một tiếng gọi bảo chàng phải cứu người tù. Hai tiếng gọi không ngừng đấu tranh với nhau khiến lòng chàng rã rời như người sắp chết. Đến bây giờ chàng vẫn nuôi cái hy vọng mơ hồ có thể dung hòa được hai bổn phận ấy, nhưng nay không còn có khả năng nào nữa... Tai họa khẩn cấp, phút chờ đợi cuối cùng đã qua rồi. Tênacđiê suy nghĩ, con dao cầm lăm lăm trong tay chỉ cách tù nhân có vài bước.

Mariuytx ngơ ngác nhìn xung quanh, cái nhìn kêu cứu tự nhiên và tối hậu của con người khi tuyệt vọng.

Bỗng nhiên chàng giật mình, Mặt trăng tròn rọi một tia sáng vào phòng chàng và hình như chỉ cho chàng thấy một mảnh giấy nằm trên mặt bàn dưới chân chàng. Chàng đọc được trên mảnh giấy dòng chữ to tướng đứa con gái lớn của Tênacđiê đã viết buổi sáng:

- *Bọn cớm đấy!*

Một ý nghĩ, một tia sáng vượt qua tâm trí Mariuytx. Chàng đã tìm thấy cái chàng mong đợi, tức là cách giải quyết cái vấn đề ghê gớm đã giày vò chàng từ nãy đến giờ: cứu thoát nạn nhân đồng thời tha cho kẻ sát nhân. Chàng quỳ xuống mặt tủ, giơ tay với mảnh giấy, nậy một miếng vôi tường, lấy mảnh giấy bọc lại và ném cả gói ấy qua lỗ hổng sang buồng bên cạnh.

Vừa kịp, Tênacđiê đã khắc phục hết do dự, hết e ngại và đã tiến đến bên người tù.

- Cái gì rơi kia! Mụ Tênacđiê kêu.

Thằng chồng hỏi:

- Cái gì thế?

Mụ vợ đã nhảy tới và nhặt cái gói giấy gói miếng vôi tường, đưa cho chồng. Tênacđiê hỏi:

- Ở đâu ném vào đó?

- Lạ chửa! - Mụ vợ nói - Còn ở đâu ném vào nữa? Ở cửa sổ chứ còn ở đâu.

- Tao trông thấy bay vào - Bigrônay nói thêm.

Tênacđiê mở nhanh mảnh giấy, đưa gần ngọn nến xem:

- Chữ của con Êpônin. Rầy thật!

Hắn ra hiệu cho mụ vợ, mụ vợ vội vã lại gần, hắn giơ cho vợ xem dòng chữ trên mảnh giấy, và nói, giọng trầm đặc.

- Cấp tốc! Cái thang đâu! thôi cứ bỏ miếng mỡ trong bẫy chuột. Xéo! Xéo!

- Không cất cổ thằng cha ấy à? - mụ Tênacđiê hỏi.

- Không có thời giờ.

Bigrônay hỏi:

- Đi lối nào?

- Lối cửa sổ - Tênacđiê trả lời - Êpônin đã ném qua cửa sổ, nghĩa là phía của sổ không bị vây.

Thằng mặt nạ giọng bụng để cái chìa khóa khổng lồ xuống sàn, giơ hai cánh tay lên trời, mở rồi lại nắm nhanh hai bàn tay lại liên tiếp ba lần, không nói một lời. Cũng như hiệu lệnh chiến đấu cho thủy thủ một con tàu. hai tên kẻ cướp giữ người tù buông tay ra. Chỉ một loáng, cái thang dây đã buông ngoài cửa sổ, hai móc sắt móc chặt vào khung cửa.

Người tù không chú ý đến sự việc xung quanh.

Ông ta như đang mơ màng hay cầu nguyện.

Cái thang vừa móc xong, thằng Tênacđiê gọi ngay vợ:

- Mẹ mày! Mau lên!

Rồi hắn nhảy ra phía cửa sổ.

Hắn toan bước qua bậu cửa thì Bigronay tóm chặt cổ hắn.

- Tao can! Đừng đùa thế! Để chúng tao xuống trước!

Tất cả bọn kẻ cướp đều thét:

- Chúng tao xuống trước!

Tênacđiê bảo:

- Đồ trẻ con! mất thời giờ. Bọn cớm sau lưng kia kìa!

Một tên kẻ cướp bảo:

- Thế thì rút thăm xem ai xuống trước.

- Điên à! - Tênacđiê kêu - Gàn thế! Nhiều sự thế!

Có phí thời giờ không? Rút thăm à? Đoán ngón tay ướt à? Rút cọng rơm à? Hay viết tên bỏ vào mũ?...

Một tiếng người từ ngoài cửa nói vào:

- Ta cho mượn mũ đây!

Cả bọn quay lại nhìn. Người ấy là Giave.

Giave cầm cái mũ ở tay, vừa cười vừa đưa ra.

XXI

ĐÁNG LẼ PHẢI BẮT NẠN NHÂN TRƯỚC

Giave từ xẩm tối đã xếp sẵn một số người đứng canh gác và chính hắn cũng đã nấp sau hàng cây phố Gôbơlanh đối diện với cái nhà nát Gorccbô phía bên kia đường. Đầu tiên hắn mở "túi" định nhét hai đứa con gái có nhiệm vụ canh phòng khu xung quanh nhà. Nhưng hắn chỉ tóm được Adenma thôi, còn Epônin thì không có mặt tại chỗ canh gác, con bé đã biến mất, Giave không tóm được. Việc đó xong, Giave đứng rình, lắng tai đợi tiếng báo hiệu đã giao ước. Chiếc xe ngựa

đi đi về về đã làm hắn băn khoăn. Cuối cùng hắn sốt ruột. *Biết chắc là ở đấy có một tổ qủy, chắc chắn là ăn to,* và lại đã nhận ra mặt nhiều tên kẻ cướp đi vào trong nhà, hắn quyết định cứ vào, không đợi tiếng súng ám hiệu. Ta nhớ rằng hắn sẵn có cái chìa khóa của Mariuytx.

Giave đến kịp thời.

Bọn kẻ cướp hốt hoảng vớ lấy những vũ khí mà chúng đã vứt bỏ khắp nơi khi sắp sửa chuồn qua cửa sổ. Chưa đầy một giây, bẩy tên cướp đã xếp thành một khối, kinh khủng, đứng thủ thế, đứa cầm vồ, đứa cầm cuốc khóa, đứa cầm chùy, đứa cầm kìm, cầm kéo, cầm búa. Tênacđiê vẫn lăm lăm con dao trong tay, mụ Tênacđiê vồ lấy một viên gạch tướng ở góc cửa sổ, viên gạch mà con gái mụ vẫn dùng để ngồi thay ghế.

Giave đội mũ lại và tiến hai bước vào trong phòng, hai cánh tay khoanh trước ngực, gậy cắp nách, kiếm trong vỏ. Hắn thét:

- Đứng lại! Chúng mày đừng ra lối cửa sổ, chúng mày hãy ra lối cửa lớn. Thế đàng hoàng hơn. chúng mày bảy người, chúng tao mười lăm, không nên xô xát vô ích, nên biết điều.

Bigrơnay cầm khẩu súng ngắn hắn giấu dưới áo ngoài, dúi vào tay Tênacđiê và ghé tai nói thầm:

- Giave đấy. Tao không dám bắn nó. Mày có dám không?

- Hẳn chứ! Tênacđiê đáp.

- Thì bắn đi!

Tênacđiê cầm khẩu súng và chĩa vào Giave.

Giave đứng cách ba bước, nhìn thẳng vào mặt Tênacđiê, thản nhiên bảo:

- Đừng bắn. Không trúng đâu.

Tênacđiê bóp cò. Không trúng thật.

- Tao đã bảo mà! Giave nói.

Bigrônay vứt cái búa dưới chân Giave:

- Anh là chúa quỷ. Tôi xin hàng.

Giave hỏi những đứa khác:

- Còn chúng mày?

Cả bọn trả lời:

- Xin hàng.

Giave thản nhiên nói:

- Phải rồi, như thế là tốt! Tao đã bảo chúng mày biết điều mà.

Bigrônay nói thêm:

- Tôi chỉ xin một điều là khi vào tù, cho tôi hút thuốc lá.

Giave nói:

- Chuẩn y.

Rồi quay gọi ra ngoài:

- Vào đi các anh!

Một tiểu đội vừa cảnh binh vừa mật thám mang gươm gậy, dùi cui nghe lệnh của Giave xông vào, trói bọn kẻ cướp. Cả bọn người ấy đứng tối om cả cái sào huyệt chỉ có một cây nến soi sáng.

Giave truyền:

- Khóa tay tất cả lại.

Một tiếng kêu, không phải tiếng đàn ông nhưng cũng không ai bảo là tiếng đàn bà:

- Cứ lại đây!

Mụ Tênacđiê đã lùi vào một góc cửa sổ, vừa gầm lên như thế.

Cả bọn mật thám và cảnh sát lùi lại.

Mụ Tênacđiê đã bỏ cái khăn quàng, chỉ còn đội chiếc mũ; chồng mụ ngồi xổm sau mụ, cái khăn quàng rơi hầu che lấp

hắn đi; mụ lấy cả thân hình mụ che đỡ cho chồng, hai tay mụ giơ hòn gạch lên quá đầu như một con mụ khổng lồ đang du người ném một tảng núi. Mụ thét:

- Coi chừng!

Tất cả mọi người lùi ra phía hành lang. Cả khoảng giữa buồng trống hẳn đi.

Mụ Tênacđiê liếc nhìn bọn kẻ cướp đã đưa tay chịu trói, gầm lên trong cổ họng, giọng khàn khàn:

- Đồ hèn!

Giave mỉm cười và tiến vào chỗ trống giữa buồng, dưới hai con mắt chòng chọc của mụ Tênacđiê.

- Chớ lại gần. Cút đi, không tao ném tan xác.

- Quả là lính thủ pháo đây! Giave bảo. Nhưng mụ kia, mụ có râu như đàn ông, mà ta thì lại có vuốt như đàn bà.

Vừa nói Giave vừa tiến lên.

Mụ Tênacđiê, đầu tóc tơi bời, mạt mày dữ dội, đứng dạng chân, ưỡn mình ra sau, cuống cuồng ném hòn gạch vào đầu Giave. Giave cúi xuống, hòn gạch vút qua phía trên đầu, đập vào bức tường cuối buồng làm lở một mảnh vôi lớn, bắn đi bắn lại qua gian phòng gần như trống, rồi rơi xuống chân Giave.

Cùng lúc ấy Giave tiến đến gần vợ chồng Tênacđiê. Y đặt mạnh một bàn tay rộng lớn trên vai mụ vợ và một bàn tay trên đầu thằng chồng, gọi:

- Khóa tay đâu?

Bọn cảnh sát đổ xô vào, chỉ vài giây là lệnh của Giave thi hành xong.

Mụ Tênacđiê rã rời nhìn hai tay mụ và hai tay chồng bị khóa; mụ ngã vật xuống đất khóc òa lên:

- Các con gái tôi!

Giave trả lời:

- Chúng nó có chỗ ở trong bóng mát rồi.

Cảnh sát cũng vừa nhìn thấy tên kẻ cướp say rượu nằm ngủ lì sau cánh cửa và đến đánh thức hắn dậy. Hắn chợt tỉnh lắp bắp hỏi:

- Xong chưa, Giôngdơrét?

- Xong, Giave đáp.

Sáu tên kẻ cướp vẫn đứng, mặt mũi như ma: ba thằng bôi nhọ mặt, ba thằng đeo mặt nạ.

- Cứ giữ nguyên mặt nạ. Giave bảo.

Giave đưa mắt điểm mấy tên kẻ cướp, kiêu hãnh chẳng khác gì vua Phêrêđêrich II duyệt binh ở Pốtxđam. Hắn bảo ba tên thợ nạo ống khói:

- Chào anh Bigrơnay, chào anh Bơruygiông, chào anh Đơ Milia.

Rồi quay về phía ba cái mặt nạ, Giave gọi tên kẻ cướp mang cái búa đồ tể:

- Chào anh Giơlơme!

Tên kẻ cướp cầm gậy sắt:

- Chào anh Babe.

Và tên kẻ cướp nói giọng bụng:

- Chào anh Cơlacơxu!

Bây giờ hắn trông thấy người tù của bọn cướp, ông ta từ lúc cảnh sát ập vào buồng, vẫn đứng cúi đầu không hề nói một tiếng.

Giave ra lệnh:

- Cởi trói cho ông ấy. Và không được ai ra ngoài.

Nói xong, Giave ngồi oai vệ trước bàn, trên bàn vẫn còn cây nến và lọ mực. Hắn rút một tờ tín chỉ trong túi và bắt

đầu làm biên bản.

Khi hắn viết xong những câu mào đầu theo lệ, hắn ngước mắt lên bảo:

- Dẫn ông vừa bị trói đến đây.

Bọn cảnh sát nhìn khắp xung quanh. Giave hỏi:

- Thế nào! Ông ấy đâu rồi?

Người tù của bọn kẻ cướp, tức ông Lơ Blăng, hay ông Uyếcbanh Phaborơ, người cha nàng Uyếchxuyn tức con Sơn ca, người ấy đã biến mất.

Cửa lớn có người gác, nhưng cửa sổ thì bỏ trống. Vừa được cởi trói xong, trong lúc Giave bận làm biên bản, thừa lúc mọi người đang ồn ào, lộn xộn, lợi dụng cảnh gian buồng ngổn ngang, bề bộn, tối tăm, khi không ai để ý đến mình, ông ta nhảy qua cửa sổ.

Một viên cảnh sát chạy ra phía cửa sổ nhìn xuống: không có ai ở ngoài cả.

Cái thang dây vẫn còn rung chuyển.

Giave lẩm bẩm trong mồm:

- Quái thật! Ngữ ấy mới là đáng giá nhất!

XXII

ĐỨA BÉ KÊU KHÓC Ở TẬP III[1]

Những biến cố trên đây trong gian nhà phố Ôpitan xảy ra được một hôm thì ngay ngày hôm sau một đứa trẻ con hình

(1) Trong bộ *Những người khốn khổ* xuất bản lần thứ nhất (1862) mỗi phần truyện in vào hai tập (cộng là 5 phần, 10 tập). Tập III trong bộ đó bắt đầu in *phần thứ hai: Côdét.* "Đứa bé kêu khóc" xuất hiện ở cuốn III chương 1 phần đó, nay ở tập II bản dịch tái bản kỳ này.

như từ cầu Auxteclit tới, đi lên con đường bên phải cầu, tiến về phía hàng rào Phôngtenơbơnô. Trời đã tối hẳn. Đứa bé xanh xao, gầy guộc, rách rưới. Giữa tháng Hai mà nó mặc quần vải. Nó vừa đi vừa hát vang lừng.

Ở góc phố Pơti Băngkiê, một mụ già đang lom khom bới đống rác dưới ánh đèn treo ngoài phố. Đứa trẻ đi qua chạm phải mụ, lùi lại kêu lên:

- Kìa thế mà mình tưởng là một con chó kếch sù, kếch sù.

Lần thứ hai nói tiếng kếch sù hắn rống lên một cách trào lộng. Có lẽ phải viết hoa lên mới hình dung được cách nói đó: Một con chó kếch sù, *kếch sù*.

Mụ già ngẩng lên, giận dữ, nói nhồm nhoàm:

- Thằng oắt con! Nếu bà không cúi thì bà đã tống cho mày một đá vào mông.

Đứa bé đã đi xa:

- Êu! êu! nó kêu lên. Hóa ra mình không lầm.

Mụ già tức uất người lên, đứng thẳng dậy, ngọn đèn đỏ lòm chiếu rõ cái mặt nhợt nhạt, xương xẩu, giăn gieo của mụ, hai mép mụ nhăn kiểu bàn chân ngỗng. Cả người mụ lẫn trong bóng tối, chỉ còn trông thấy cái đầu. Có thể nói đây là khuôn mặt của còm cõi được cắt bằng ánh đèn, trong đêm tối. Đứa bé ngắm mụ nói:

- Thưa bà cái nhan sắc của bà, thuộc loại tôi không ưa cho lắm!

Đứa bé lại vừa đi vừa hát:

Vua Gudơxabô.

Lên đường đi săn.

Đi săn chim quạ.

Hát hết ba câu, nó đã đến ngay trước số nhà 50 - 52. Thấy cổng đóng, nó lấy chân đạp, tiếng đạp kêu ầm ầm, hùng dũng, không phải cái bàn chân nhỏ của nó đạp cổng ầm lên như thế, mà là do đôi giầy người lớn nó đang đi.

Nhưng chính mụ già nó vừa gặp ở góc phố Pơti Băngkiê chạy đến đàng sau nó, kêu la om sòm, hoa chân múa tay:

- Trời ơi! Cái gì thế, cái gì thế đứa nào đạp cửa, đứa nào phá nhà tao thế?

Tiếng chân đạp cửa vẫn ầm ầm.

Mụ già gân cổ lên hét hết hơi:

- Bây giờ người ta xử sự với nhà cửa như thế này à?

Mụ bỗng ngừng lại, mụ nhận ra đứa bé:

- Thế nào? Lại thằng qủy Xatăng này ư?

- Kìa! bà già! Chào bà Buyếchgôngmúc. Tôi về thăm các cụ tổ nhà tôi đây.

Cái mặt già nua và xấu xí nhăn lại một cách thù hằn nhưng hoài phí vì đứa bé chẳng nhìn thấy gì trong bóng tối.

- Chẳng có ai cả, nhãi ạ!

- Sao! Thế cha tôi đâu?

- Ở hỏa lò.

- Còn mẹ tôi?

- Ở nhà pha.

- Ơ! còn các chị tôi?

- Ở trong bóp.

Đứa bé gãi gãi mang tai, nhìn mụ Buyếchgông kêu:

- Thế à!

Rồi nó xoay gót một cái, bước đi. Lát sau mụ già đứng trên ngưỡng cửa còn nghe tiếng hát trong trẻo, ngây thơ của đứa nhỏ, trong khi nó chìm sâu vào bóng đen những cây du đang rùng mình dưới ngọn gió ngày đông. Nó hát:

Vua Cuđoxabô
Lên đường đi săn
Đi săn chim quạ.
Cụ đi cà kheo,
Người chui dưới Cụ
Phải nộp hai xu.

PHẦN THỨ TƯ

TÌNH CA PHỐ PỚLUYMÊ VÀ ANH HÙNG CA PHỐ XANH ĐƠNI

QUYỂN 1

MẤY TRANG SỬ

I

KHÉO CẮT

1831 và 1832, hai năm gắn liền với cách mạng tháng Bảy cũng là những năm đặc biệt và lạ lùng nhất của lịch sử. Giữa những năm trước đó và những năm sau đó, hai năm này như hai ngọn núi. Chúng mang tầm thước cách mạng. Chúng có những vực thẳm. Những tầng lớp xã hội, những nền móng của văn minh, cái khối chắc nịch những quyền lợi chồng lên nhau và gắn bó với nhau, những hình nét truyền thống của cấu trúc dân tộc, tất cả đều từng lúc hiện ra rồi lặn mất giữa những mây mù của các chủ nghĩa, học thuyết và dục vọng. Người ta gọi những hiện tượng ẩn hiện đó là đối kháng, là vận động. Từng lúc người ta thấy từ trong đó lóe ra chân lý, cái ánh sáng của linh hồn.

Thời kỳ đáng chú ý đó có giới hạn khá rõ ràng và đã cách chúng ta khá xa, cho nên giờ đây ta có thể nắm được những nét chính.

Chúng tôi thử cố gắng vạch ra xem sao.

Thời Quân chủ phục hưng là một giai đoạn quá độ khó đặt tên: thời ấy có mệt nhọc, có lao xao, có rì rầm, có mê ngủ

và có cả náo động, những biểu hiện của một dân tộc lớn đã đến trạm nghỉ chân. Những thời đại như thế rất kỳ lạ và thường lừa những chính khách muốn đầu cơ mình. Ban đầu, dân tộc chỉ có một yêu cầu là nghỉ; chỉ có một thèm khát: hòa bình; chỉ có một tham vọng: làm người nhỏ bé. Giải thích ra thì là: muốn yên thân. Những đại biến cố, những đại ngẫu nhiên, những chuyện đại mạo hiểm, những nhân vật vĩ đại, lạy Chúa, chúng tôi xin đủ, chúng tôi đã ngập cổ ngập đầu. Chúng tôi sẵn sàng đánh đổi Xêda lấy Pruyxiat, Napôlêông lấy tiểu vương "Ivơtô"[1] "Ôi! nhà vua bé nhỏ hiền hậu quá!" Người ta đã đi từ tinh mơ, bây giờ vào chiều tối một ngày dài vất vả. Đoạn đường đầu, người ta đã đi với Mirabô[2], đoạn thứ hai với Rôbétxpie[3], đoạn thứ ba với Bônapác. Mệt nhoài rồi. Mỗi người cần một cái giường.

Những người tận tâm mệt mỏi, những vị anh hùng già nua, những tham vọng no nê, những gia tài đồ sộ, tất cả đều tìm, đòi, thỉnh cầu cái gì đây? Một nơi trú ngụ. Họ đã có. Họ đã chiếm lĩnh hòa bình, yên tĩnh và nhàn hạ. Thế là họ bằng lòng. Tuy nhiên, trong lúc đó có những sự kiện khác xuất hiện, làm cho người ta nhận diện ra nó và gõ cửa để đi vào. Những sự kiện đó từ cách mạng, từ chiến tranh đẻ ra. Chúng tồn tại, chúng sống, chúng có quyền lập gia cư trong xã hội

---

(1) *César*: nhà độc tài La-mã, nổi tiếng về tài quân sự và chính trị, đã mở rộng đế quốc La Mã. Pruyxiat: tiểu vương không có sự nghiệp gì. *Ivơtô*: tiểu vương hiền hậu và vô sự, đã đi vào dân ca Pháp.

(2) *Mirabeau*: nhà hùng biện, bênh vực quyền lợi để tạm đẳng cấp buổi đầu cách mạng 1789.

(3) *Robesspierre*: nhà độc tài liêm chính và cương quyết, cầm đầu phái Giacôbanh, đã chặn đứng ngoại xâm và trấn áp phản cách mạng thắng lợi. Bị bọn phản động và bọn ôn hòa lật đổ và xử tử (1794).

bao giờ có những vua chúa mù quáng như thế! Mù quáng trước những biến cố, mù quáng trong việc nhìn nhận ý nghĩa phần thiên quyền trong các biến cố. Chưa bao giờ cái tự xưng là vương quyền ở cõi trần lại phủ nhận cái quyền lực của Chúa ở trên trời đến thế.

Lỗi lầm căn bản này đã đưa họ Buốcbông đến chỗ thu hồi những bảo đảm "ban bố" năm 1814, mà họ gọi là những nhân nhượng. Thật đáng buồn! Những cái mà họ gọi là những nhân nhượng đó chính là những kết quả chiến đấu của chúng ta. Những cái mà họ gọi là những "lấn tiếm" của chúng ta chính ra là những quyền lợi của chúng ta.

Chế độ Phục hưng tự cho là mình đã chiến thắng Bônapác, nghĩa là mình mạnh, mình đã mọc rễ trên đất nước, nghĩa là mình có cội gốc sâu bền. Cho nên khi nó nghĩ là đã đến lúc thì nó đột nhiên quyết đoán và liều lĩnh hạ quân cờ. Một buổi sớm, nó đứng lên đối diện với nước Pháp và lớn tiếng từ chối quyền của cộng đồng và quyền của cá nhân tức quyền tự quyết của dân tộc và quyền tự do của cá nhân. Nghĩa là nó muốn tước cái quyền là dân tộc đối với dân tộc và cái quyền là công dân đối với công dân.

Đó là nội dung các văn kiện khét tiếng gọi là những chỉ dụ tháng Bảy.

Nền quân chủ Phục hưng sụp đổ.

Nó sụp đổ là đúng. Tuy nhiên cũng nên thừa nhận là không phải nó chống tuyệt đối tất cả những tiến bộ. Nhiều thành

---

(tiếp 1) ... đó vài năm, lúc 10 tuổi. Theo lịch cách mạng, căn cứ trên thời tiết thì tháng Nắng, nằm vắt trên tháng 7 và tháng 8.

(2) *Marăngô (Marengo)*: một trận chiến thắng lớn của Bônapác (1800).

tựu lớn đã đạt được với sự có mặt của nó.

Thời quân chủ Phục hưng, dân tộc quen tranh luận trong bình tĩnh, thời cộng hòa không quen như thế; quen vĩ đại trong hòa bình, thời đế chế không như vậy. Nước Pháp tự do và hùng cường là một cảnh tượng cổ vũ các dân tộc khác ở châu Âu. Cách mạng lên tiếng với Rôbétxpie: đại bác lên tiếng với Bônapác. Với Luy XVIII và Sáclơ, đến lượt trí tuệ lên tiếng. Gió lặng rồi, đuốc lại đốt lên. Ánh sáng rực rỡ của trí tuệ bây giờ chập chờn trên các đỉnh quang mây. Quang cảnh thật lộng lẫy, bổ ích và mê người. Những nguyên lý lớn lao quen thuộc đối với nhà tư tưởng, mới mẻ đối với chính khách phát huy tác dụng một cách công khai trong mười lăm năm, giữa cuộc sống hòa bình: đó là quyền bình đẳng trước pháp luật, là tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, tự do báo chí, là khả năng chiếm lĩnh chức vị tùy tài năng. Cứ thế cho đến năm 1830. Họ Buốcbông là một công cụ của văn minh từng gãy vỡ trong tay Chúa. Sự sụp đổ của dòng họ Buốcbông diễn ra một cách quang vinh, không phải về phần họ mà về phía nước Pháp. Họ rời ngôi trịnh trọng nhưng không có uy thế. Cảnh hạ bệ trong đêm tối của họ không thuộc loại những tan biến long trọng lưu lại trong lịch sử một niềm xúc động u ám. Ở đây không có cái lặng lẽ âm cảnh của Sáclơ đệ nhất, cũng không có tiếng kêu vang trời của con đại bàng Napôlêông. Họ rút đi, thế thôi. Họ đặt cái mũ miện xuống và không giữ lại vành hào quang. Họ tư thế nhưng không oai phong. Họ có phần không tương xứng với sự lớn lao của hoạn nạn. Trong hành trình đi Sécbua, Sáclơ X cho cắt một chiếc bàn tròn thành bàn vuông, đã tỏ ra lo đến lễ nghi lâm nguy hơn là triều đại lâm nguy. Sự kém cỏi đó làm phiền lòng những người trung thành nhưng tự trọng, và những người nghiêm túc tôn

và đã làm như vậy. Thường thường những sự kiện đó giống như những hạ sĩ quan và lính hậu cần đến trước dọn trại cho các nguyên lý.

Và các triết gia chuyên về chính trị học nhận ra điều này:

Trong khi người mệt mỏi yêu cầu được nghỉ ngơi thì những việc đã thành cũng đòi hỏi được bảo đảm. Bảo đảm cho việc cũng như nghỉ ngơi cho người.

Đó là cái mà nước Anh yêu cầu ở dòng họ Xtuya sau khi Huân tước Phụ chính[1] chết, nước Pháp yêu cầu ở dòng họ Buốcbông sau thời đế chế.

Những bảo đảm đó là điều cần thiết đối với thời đại. Bắt buộc phải chuẩn y. Tiếng thì nói rằng do vua "ban bố", nhưng thực thì do tình thế đem lại! Đây là một chân lý sâu sắc, biết thì có lợi, nhưng dòng họ Xtuya năm 1660 không ngờ tới, mà năm 1814 dòng họ Buốcbông cũng chẳng thấy.

Sau khi Napoléông sụp đổ, các hoàng tộc nhờ phúc ấm mà trở về đứng đầu nước Pháp lại ngây thơ tưởng là chính mình ban cho, và đã cho thì có quyền lấy lại: dòng họ Buốcbông nghĩ rằng ngôi vua là sở hữu của họ do trời ban, chứ nước Pháp không có gì cả; rằng quyền lợi chính trị do bản Hiến chương của vua Luy XVIII[2] nhân nhượng chẳng qua là bộ phận của thiên quyền được tách ra, được dòng họ Buốcbông có nhã ý ân tứ cho dân chúng cho đến

---

(1)Cách mạng tư sản Anh (thế kỷ XVIII) đã xử tử vua Sáclơ I thuộc dòng họ Xtuya, thiết lập chế độ cộng hòa và tôn người cầm đầu cách mạng là Crômuen làm Huân tước bảo hộ nền cộng hòa, gọi tắt là Huân tước phụ chính.

(2) Họ Buốcbông là dòng vua chính thống nước Pháp từ xưa. Cách mạng 1789 đã xử tử vua Luy XVI và thiết lập chế độ cộng hòa (1792). Sau đó, tướng Bônapác tự xưng hoàng đế và thiết lập đế chế (1804). Khi Napôléông sụp đổ, em Luy XVI trở về làm vua (Luy XVII) và ban bố một hiến chương xác định nền quân chủ lập hiến (1815).

ngày nhà vua không thích nữa. Vừa ban bố vừa bực mình, đó là dấu hiệu chứng tỏ cái của mang ra cho kia không phải là của mình, thế mà dòng họ Buốcbông vẫn không cảm thấy.

Ở thế kỷ XIX, dòng Buốcbông hay gắt gỏng lắm. Nó sầm mặt mỗi khi dân tộc có một nẩy nở. Dùng tiếng tục, nghĩa là tiếng bình dân, tiếng đúng, thì phải nói nhà vua càu nhàu. Và dân chúng trông thấy.

Dòng Buốcbông tưởng mình mạnh vì đế chế đã bị dọn đi trước mặt họ. Họ không nhận thấy rằng chính họ cũng được dọn đến như người ta bị dọn đi. Họ không biết rằng họ cũng ở trong chính bàn tay đã cất Napôlêông đi.

Họ tưởng họ có gốc rễ bởi vì họ là quá khứ. Họ lầm. Họ là bộ phận của quá khứ, còn tất cả quá khứ là nước Pháp. Gốc rễ của xã hội Pháp không ở nơi dòng họ Buốcbông, mà ở nơi dân tộc. Chùm rễ hèn mọn, đầy sức sống đó không tạo nên đặc quyền cho một dòng họ, nó tạo nên lịch sử một dân tộc. Nó ở khắp nơi, nhưng không ở dưới ngai vàng.

Dòng họ Buốcbông đã là một cái nút đẫm máu và bất hủ trong lịch sử nước Pháp nhưng không còn là yếu tố chính đối với vận mệnh quốc gia và cũng không phải là cơ sở cần thiết trong đường lối chính trị của nó. Người ta có thể không cần đến dòng họ Buốcbông; trên thực tế người ta không thấy sự cần thiết của nó trong hai mươi hai năm qua; đã từng có sự gián đoạn như vậy rồi. Thế mà dòng họ Buốcbông không hề hay biết. Họ biết làm sao được, khi mà họ tưởng tượng là Luy XVII[1] trị vì từ ngày mồng 9 tháng Nắng và Luy XVIII trị vì từ ngày chiến thắng Marăngô[2]. Từ khi bắt đầu có sử, chưa

(1) Luy XVII, con Luy XVI, thực tế chưa làm vua, nhưng bọn quí tộc xuất cảnh tôn vương sau khi Luy XVI bị xử tử. Luy XVI chết trong nhà lao sau....

trọng chủng tộc mình.

Còn dân chúng thì quả thật đáng khâm phục.

Một sớm, tổ quốc bị một cuộc bạo động có thể gọi là một cuộc bạo động quân chủ tấn công. Vì cảm thấy mình thừa mạnh cho nên nó không nổi khùng. Nó tự vệ, nó tự kiềm chế, nó đưa mọi việc trở lại như cũ, chính phủ trở về với pháp chế, họ Buốcbông, hỡi ôi! trở lại cảnh lưu vong, rồi ngừng tay. Nó bê vị vua già Sáclơ X dưới những chiếc tàn đã che Luy XIV và nhẹ nhàng đặt ngài xuống đất. Nó động tới các nhân vật hoàng gia một cách thận trọng và cảm hoài. Không phải chỉ có một người, không phải có mấy người, mà là nước Pháp, cả nước Pháp, nước Pháp thắng trận và say sưa trong chiến thắng, đã nhớ lại và thực hiện, dưới con mắt của nhân loại, những lời Guyôm Duy Ve nói sau Ngày Chiến lũy: "Đối với những kẻ đã quen hưởng ân sủng của các nhà quyền thế và từng nhảy từ gia thế suy vi sang gia thế phồn thịnh, như con chim nhảy từ cành nọ qua cành kia, thì việc tỏ ra táo bạo chống lại vương chủ cũ của mình trong hoạn nạn là dễ, Nhưng đối với tôi, tôi luôn luôn tôn kính số phận của các vua tôi, nhất là những bậc mắc nạn".

Dòng họ Buốcbông để lại sự kính trọng chứ không để lại luyến tiếc. Như chúng tôi đã nói, hoạn nạn của họ lớn lao hơn chính họ. Họ mất dạng ở chân trời.

Cách mạng tháng Bảy có ngay những người bạn và những kẻ thù ở khắp thế giới. Những người này phấn khởi đổ xô tới, những kẻ khác quay mặt đi, tùy tính khí của mỗi người. Các vua chúa châu Âu, như những con cú, con vọ trong cảnh bình minh này, buổi đầu nhắm cả mắt lại vì bị tổn thương và kinh

hoàng. Chúng mở mắt lại chỉ để đe dọa. Kinh hoàng có thể hiểu, phẫn nộ có thể tha thứ. Cuộc cách mạng lạ lùng ấy chẳng qua chỉ như một va chạm mạnh. Thậm chí nó không để cho nền quân chủ cái vinh dự được coi nó là thù địch và được đổ máu. Các chính phủ chuyên chế rất thích thú được thấy tự do tự lên án mình, nhưng cách mạng tháng Bảy chỉ phạm cái lỗi lầm là vừa dữ dội lại vừa dịu hiền, Phải thừa nhận rằng không có ai có âm mưu gì chống nó. Những người bất mãn nhất, những người giận dỗi nhất, những người rung động nhất cũng chào đón nó. Dù có những quyền lợi ích kỷ gì, những hằn thù ghét bỏ gì, người ta cũng cảm thấy có một niềm kính phục huyền bí đối với những biến cố được sự tham gia của một đấng cao hơn chúng ta.

Cách mạng tháng Bảy là sự chiến thắng của chính nghĩa đối với hiện trạng. Rõ ràng thay.

Chính nghĩa lật đổ hiện trạng. Do đó mà cách mạng tháng Bảy sáng ngời, cũng do đó mà nó bao dong. Chính nghĩa đã chiến thắng thì không cần kịch liệt.

Chính nghĩa là lẽ công bằng và chân lý.

Đặc trưng của chính nghĩa là luôn luôn đẹp và trong sáng. Hiện trạng dù có vẻ cần thiết, dù được người đương thời thừa nhận cách thoải mái nhất, nếu chỉ là hiện trạng mà bên trong không có hay có ít chính nghĩa quá thì chắc chắn sẽ cùng với thời gian trở thành dị hình dị tướng, gớm ghiếc, có thể là quái dị nữa. Nếu ta muốn biết ngay là hiện trạng có thể rơi vào xấu xí đến đâu, thì ta hãy nhìn Makiaven[1] qua khoảng cách của các thế kỷ. Makiaven không

(1) *Machiaven*: Nhà chính trị và nhà sử học Ý nổi tiếng ở thế kỷ XV, XVI. Makiaven chủ trương trên đường chính trị dùng phương pháp nào cũng tốt cả, miễn là thành công.

phải là hung thần, không phải là qủi sứ, cũng không phải là một nhà văn hèn nhát và khốn nạn. Makiaven chỉ là hiện tượng thôi. Và đây không chỉ là hiện trạng Ý, đây là hiện trạng của châu Âu, hiện trạng của thế kỷ XVI. Nó có vẻ xấu xa, và nó xấu xa thực, đối với quan niệm đạo đức của thế kỷ XIX.

Cuộc đấu tranh giữa chính nghĩa là hiện trạng tồn tại từ buổi đầu của xã hội. Chấm dứt cuộc đấu, hòa hợp ý thức thuần túy với hiện thực nhân gian, làm cho chính nghĩa thấm vào hiện trạng và hiện trạng lồng trong chính nghĩa một cách hòa bình, đó là công việc của những người hiền triết.

II

VỤNG MAY

Tuy nhiên công việc của người hiền khác, công việc của người khôn khác.

Cách mạng 1830 dừng lại nhanh chóng.

Khi một cuộc cách mạng bị nghẽn, thì lập tức bọn khôn ngoan sà vào lợi dụng như thể xô vào xâu xé một chiếc tàu bị đắm gần bờ.

Những người khôn ngoan ở thế kỷ chúng ta tự phong cho mình cái danh hiệu chính khách, khiến cho cái tiếng chính khách hầu như trở thành một tiếng lóng. Thật vậy, không nên quên rằng chỗ nào chỉ có khôn ngoan mà thôi thì nhất định có nhỏ nhen. Nói: những người khôn ngoan, cũng như nói: bọn tầm thường. Cũng thế, nói: bọn chính khách, cũng bằng nói: bọn phản bội.

Nếu tin theo lời bọn khôn ngoan, thì những cuộc cách mạng như cách mạng tháng Bảy là những động mạch bị đứt: Phải làm Ga-rô ngay. Chính nghĩa được tuyên bố long trọng

quá làm rung động, cho nên khi đã xác định chính nghĩa thì phải củng cố nhà nước. Quyền tự do được đảm bảo thì phải lo củng cố uy quyền.

Đến đây thì nhà hiền triết chưa tách khỏi người khôn, nhưng họ đã bắt đầu nghi ngại. Uy quyền, đồng ý. Nhưng thứ nhất, uy quyền là gì? Thứ hai, uy quyền từ đâu mà ra?

Những người khôn ngoan cứ vẻ không nghe thấy lời nhận xét thầm thì đó và cứ tiếp tục hoạt động.

Những nhà chính trị này rất thạo việc đeo cho những ảo ảnh mình có thể lợi dụng cái chiêu bài cần thiết. Theo họ thì nhu cầu đầu tiên của một dân tộc sau cách mạng, khi dân tộc đó là thành phần của châu Âu quân chủ, là tìm và suy tôn một dòng vua. Họ nói, bằng cách ấy, dân tộc có thể có hòa bình sau cách mạng, nghĩa là có thì giờ băng bó thương tích, sửa chữa ngôi nhà. Dòng vua che khuất giàn giáo và che chở bệnh viện.

Thế nhưng thường không dễ gì kiếm một dòng họ vua.

Túng thế thì cái người thiên tài đầu tiên hoặc cái người phiêu lưu đầu tiên ta tìm ra đều có thể đặt lên ngôi vua. Trường hợp thứ nhất là trường hợp Bônapác, trường hợp thứ hai là Ituyêcbít.

Nhưng các tộc họ đầu tiên tìm thấy không đủ để làm nên một dòng họ vua chúa. Một dòng họ lớn cần thiết phải có một liều lượng quá khứ nhất định, và cái tuổi của một dòng họ là điều không thể giả tạo nên.

Theo quan điểm của các "chính khách" - tất nhiên các điều kiện khác đã được tạm gác ra một bên - thì sau một cuộc cách mạng, ông vua xuất hiện từ cách mạng phải có những đức tính gì? Ông vua ấy phải là cách mạng mới có lợi, nghĩa là bản thân ông ta có tham gia cuộc cách mạng, phải nhúng tay vào, phải nổi tiếng hoặc mang tai tiếng trong đó, phải có

sờ tới máy chém hoặc có vũng gươm.

Còn một dòng họ vua thì phải có những tính cách gì?

Phải có tính cách dân tộc, nghĩa là cách mạng từ xa, không có hành động cách mạng, nhưng cách mạng về những lý tưởng mà nó chấp nhận. Một dòng họ vua phải vừa có một liều lượng quá khứ và có tính chất lịch sử, vừa có một liều lượng tương lai và gây được cảm tình.

Tất cả những cái đó giải thích vì sao những cuộc cách mạng đầu tiên bằng lòng tìm một con người: Crômuen hay Napôlêông; và những cuộc cách mạng sau lại cứ đòi hỏi một dòng họ: họ Brônsvic hay họ Orlêăng[1].

Những dòng họ vua giống những cây đa Ấn Độ: mỗi cành nghiêng xuống đất, bắt rễ và trở thành một cây đa khác. Mỗi chi trong dòng họ vua có thể thành một dòng họ vua mới. Điều kiện duy nhất là phải nghiêng xuống đến tận dân chúng.

Đó, lý thuyết của những kẻ khôn ngoan.

Và đây là nghệ thuật: Làm thế nào để cho sự thành công có tiếng ngân vang của một tai họa, để cho những người có quyền lợi trong cách mạng phải run sợ, dưới hãi hùng vào sự việc đã hoàn thành, trình bày bước quá độ thành một sự chậm tiến, làm mờ nhạt bình minh cách mạng, tố cáo những khe khắt do hưng phấn làm nên gọt giũa góc cạnh và móng vuốt, giảm nhẹ thắng lợi, bọc nhung chính nghĩa, dùng chăn dạ bọc người khổng lồ nhân-dân và vội vàng cho đi ngủ, bắt cái sung sức ăn kiêng ăn nhịn, săn sóc Hecquyn như người ốm dậy, pha loãng sự kiện

---

(1) Họ Brunsuick: Một dòng họ công tước lâu đời ở Đức.

Họ Orléans: Một dòng họ công tước, ông tổ là em vua Luy XIV. Một đại biểu về sau là Philippe Egalité tham gia cách mạng 1789 một cách tích cực. Con ông ta được tôn lên làm vua sau cách mạng tháng Bảy (1830) với vương hiệu Louis Philippe.

lớn trong những biện pháp cơ hội, đối với những người khát khao lý tưởng thì cho uống nước lá dịu dịu, tiến hành những biện pháp đề phòng chống sự thành công quá lớn, đem chao đèn đặt lên cách mạng.

Năm 1830, người ta áp dụng lý thuyết đó, cái lý thuyết đã áp dụng đối với nước Anh năm 1688.

1830 là một cuộc cách mạng chặn lại ở giữa dốc. Một nửa tiến bộ; gần như là chính nghĩa. Thế nhưng lô gic không hề biết những cái tạm gọi, những cái gần gần. Không biết thực sự, như mặt trời không biết nến.

Ai chặn những cuộc Cách mạng ở giữa dốc. Giới tư sản.

Vì sao?

Vì tư sản ra quyền lợi được thỏa mãn. Hôm qua là khát khao, hôm nay là đầy đủ, ngay mai là no tràn.

Hiện tượng 1814 với Napôlêông tái diễn năm 1830 với Sáclơ X.

Coi tư sản là một giai cấp thì không đúng. Tư sản chỉ là một thành phần được vừa lòng trong nhân dân. Anh tư sản là người giờ đây có thì giờ ngồi. Cái ghế tựa phải đâu là một đẳng cấp.

Tuy nhiên, muốn ngồi xuống sớm quá thì có thể cản bước tiến của nhân loại. Đó là lầm lỗi thông thường của giới tư sản.

Không phải phạm lỗi lầm mà trở thành giai cấp. Ích kỷ đâu có phải là một sự phân công xã hội!

Tuy vậy, cần phải công bình, dù đối với người ích kỷ. Cái trạng thái mà giới tư sản ước ao sau cuộc biến động 1830 đó, không phải là một trạng thái ỳ có pha biếng lười và lạnh nhạt, thêm một tí hổ thẹn; không phải là một giấc ngủ, ngủ tức là tạm quên và có khả năng thấy chiêm bao. Đây chỉ là một trạm nghỉ chân. Trạm nghỉ chân có hai nghĩa riêng biệt hẳn

như trái ngược nhau: một là nghỉa hành quân, tức là vận động; một nghĩa là trú quân tức là nghỉ ngơi.

Nghỉ chân tức là lấy lại sức. Đó là sự nghỉ ngơi tỉnh táo và có vũ trang. Đó là cái-đã-hoàn-thành đặt lính gác và cảnh giác đề phòng. Nghỉ chân hàm cái ý đã chiến đấu hôm qua và còn chiến đấu ngày mai.

Đây là khoảng cách giữa 1830 và 1848.

Cái chúng ta gọi là chiến đấu ở đây cũng có thể có tên là tiến bộ.

Cho nên đối với giới tư sản, cũng như đối với các chính khách, cần có một người diễn đạt các khái niệm nghỉ chân đó. Một kẻ: "Dù là. Bởi vì"[1]. Một nhân vật đa dạng vừa có nghĩa là Cách mạng lại vừa có nghĩa là ổn định, nói cách khác là một người khẳng định hiện tại bằng sự tính toán giữa quá khứ và tương lai.

Nhân vật đó "sẵn có". Tên ông ta là Luy Philip Dorlêăng. Nghị viện gồm 221 đại biểu suy tôn Luy Philip làm vua. La Fêyet phụ trách lễ đăng quang. Ông ta gọi Luy Philip là "*nền cộng hòa tốt nhất*". Tòa thị sảnh Pari thay thế nhà thờ lớn Ranhx[2].

Việc thay thế cái ngôi vua hoàn toàn bằng cái ngôi-nửa vua đó "sự nghiệp của 1830".

Khi những người khôn ngoan làm xong công việc thì giải

---

(1) *Nguyên văn*: "Un Quoique Parceque". Phải đọc cả ba chương 1, 2, 3 mới hiểu rõ cách gọi đó.

(2) Các vua chúa trước làm lễ đăng quang tại nhà thờ Ranhx (Beims), nhà thờ cổ kính và tráng lệ nhất nước Pháp. Lui Philip và những người phò tá ông tổ chức lễ đăng quang tại tòa thị sảnh Pari để nêu ý nghĩa ngôi vua do dân tộc Pháp trao cho chứ không phải do Chúa (thiên quyền) ban.

pháp của họ phơi bày một nhược điểm lớn lao vô cùng. Họ đã hành động không kể đến chính nghĩa. Chính nghĩa thét to: Tôi phản kháng! Thế rồi, điều đáng sợ: nó rút vào bóng tối.

III

LUY PHILIP

Các cuộc cách mạng đều thắng cánh và may tay: nó đánh kiên quyết mà chọn cũng hay. Dù không trọn vẹn, dù biến tướng dị hình và bị đẩy xuống hàng cách mạng hạng nhì, như cuộc cách mạng 1830, nó cũng còn đủ sự tinh tường trời cho để không rơi vào xấu xa. Nó đi vào chỗ khuất nhưng không phải là trút bỏ tất.

Tuy nhiên cũng không nên quá lớn tiếng khoe khoang Cách mạng cũng lầm, và chúng ta từng thấy những lầm lỗi nghiêm trọng.

Hãy trở về với 1830, 1830 đi chệch hướng, nhưng gặp may. Cách mạng ngưng hẳn nửa vời, nhưng trong nền trật tự được thiết lập sau đó thì bản thân ông vua, tốt hơn vương chế. Luy Philip là một con người hiếm có.

Thân sinh ông chắc là được lịch sử xét với tình tiết giảm khinh. Nhưng ông bố đáng bị trách phạt bao nhiêu thì ông con đáng được mến trọng bấy nhiêu. Tư đức, ông có đầy đủ, công đức ông có nhiều. Ông săn sóc sức khỏe của mình, gia tư của mình, công việc của mình. Ông biết giá trị mỗi phút nhưng không phải lúc nào cũng biết giá trị một năm. Điều độ, thanh thản, hiền hòa, kiên chí, ông là một người tốt, một ông hoàng tốt. Ông ngủ một giường với vợ và có những người hầu chỉ cái giường vợ chồng ấy cho những người khách tư sản xem. Đối với chi trưởng thường phô trương những quan hệ

bất chính của mình[1] thì việc khoe khoang cảnh sống bình thường nay hóa ra có ích. Ông biết đủ các thứ tiếng châu Âu và hiếm có hơn, ông biết và nói đủ các ngôn ngữ của mọi quyền lợi. Là đại biểu xứng đáng của "giai cấp trung gian" nhưng vượt nó và lớn hơn nó về mọi mặt. Đánh giá cao dòng máu của mình, ông có cái tinh ý lấy giá trị bản thân làm chỗ dựa chính và về vấn đề dòng họ thì ông viện dẫn dòng Orlêăng chứ không dòng Buốcbông. Cái ngày còn là điện hạ thì ông tỏ ra là vị đệ nhất hoàng thân, nhưng khi trở thành bệ hạ thì ông là một tư sản chính cống. Giữa công chúng, ông nói dài, trong thân mật, ông nói ngắn; bị cho là hà tiện nhưng không có bằng chứng; thực ra thuộc loại tiết kiệm mà hoang phí khi gặp sở thích hay có bổn phận cần phải tiêu pha; hay chữ nhưng không ham mê văn chương; quí tộc nhưng không hiệp sĩ; giản dị, bình tĩnh, vững vàng; được gia đình và gia nhân tôn thờ; nói chuyện hấp dẫn; là chính khách chán chường, bên trong lạnh lẽo, làm theo quyền lợi trước mắt, trị vì nhằm tình hình đang diễn và sắp diễn, không thù hằn cũng không biết ơn, ráo riết dùng ưu thế đè bẹp sự tầm thường, khôn khéo dùng đa số ở nghị viện để phủ quyết những nhất trí tiềm tàng đang hết thầm bên dưới ngai vàng; bộc lộ, có khi bộc lộ một cách liều lĩnh, nhưng lại khôn khéo một cách diệu kỳ trong sự liều lĩnh ấy; giàu biện pháp, có nhiều bộ mặt và mặt nạ; khiến nước Pháp của châu Âu và châu Âu của nước Pháp phải sợ; yêu nước, chắc chắn như vậy, nhưng càng thương nhà hơn; chuộng quyền lực hơn quyền uy, quyền uy hơn uy tín; khuynh hướng này có hại ở chỗ vì chỉ mưu cầu thắng lợi, nó thừa nhận sự xảo quyệt và cũng không tuyệt đối bài trừ sự hèn hạ, nhưng cũng có lợi vì nó tránh cho đường

(1) Nhưng vua và hoàng thân của chi trưởng (tức dòng họ Buốcbông) có nhiều nhân tình công khai và con riêng.

lối chính trị những va chạm kịch liệt, cho nhà nước những rạn nứt, cho xã hội những họa tai; tỉ mỉ, đúng đắn, tỉnh táo, chăm chỉ, tinh tường, bền sức, có khi tự mâu thuẫn với mình rồi tự cải chính; táo tợn đối với Áo ở Ăngcôn, kiên quyết đối với Anh ở Tây Ban Nha, bắn phá Ăngve, trả tiền cho Pritsa; hát quốc ca La Macxâyde một cách tin tưởng; không biết tuyệt vọng, không biết mỏi mệt, không thích thú với cái đẹp, với lý tưởng, với những hàng động hào hùng; không mơ mộng, không viển vông, không giận dữ, không khoa trương, không sợ sệt; có đủ mọi biểu hiện của sự dũng cảm cá nhân; là tướng ở Vanmy, là lính ở Giemmắp[1] đã tám lần xuýt chạm tử hình nhưng vẫn tươi cười; can đảm như một lính pháo thủ, bạo dạn như một nhà tư tưởng, chỉ lo lắng trước khả năng một châu Âu chấn động và không thích hợp với những hành động chính trị lớn; luôn luôn sẵn sàng hy sinh tính mệnh nhưng không bao giờ chịu hy sinh sự nghiệp; muốn ảnh hưởng người ta, chứ không muốn bắt người ta làm theo ý chí của mình, để được vâng theo với tư cách mình là một trí tuệ chứ không phải là vua; không chú ý mấy đến trí thức nhưng biết người, nghĩa là cần trông thấy rồi mới đánh giá; lương tri nhậy và tinh, thông minh một cách thực tế, diễn đạt lưu loát, trí nhớ kỳ diệu; ông luôn luôn sử dụng trí nhớ, đây là điểm duy nhất ông giống Xêda, Alêchdăng và Napôlêông; nhớ rõ sự việc, chi tiết, năm tháng, nhân danh, địa danh; không biết các xu hướng, các dục vọng, các trí thức đa dạng của quần chúng, những hoài bão thầm kín, những sôi sục bí ẩn và lờ đờ của tâm hồn, tóm lại tất cả những gì người ta có thể gọi là những trào lưu không nhìn thấy của ý thức nhân dân. Luy Philip được thừa nhận ở bên trên nhưng không ăn ý mấy với nước

(1) Những chiến thắng lớn đầu tiên của cách mạng 1789 đối với liên quân quân chủ châu Âu.

Pháp bên dưới; ông tìm lối thoát ở tinh khôn; ông lái nước Pháp hơn là trị vì; là thủ tướng của chính mình; rất giỏi việc đem thực tại nhỏ bé ngăn cản lý thuyết mênh mông; có năng khiếu sáng rạo về trật tự, về tổ chức, về văn minh nhưng chen vào đó cũng có óc thầy cò, óc thể thức; là người sáng lập một triều đại và mang ủy nhiệm của triều đại; có cái gì đó của Sáclơmanhơ đại đế, lại có cái gì đó của một thầy kiện. Tóm lại, là một nhân vật cao cấp và độc đáo, một vị vua biết tạo ra quyền lực bất chấp sự lo ngại của nước Pháp, biết làm nên hùng cường bất chấp sự ghen tức của châu Âu. Luy Philip sẽ được xếp vào hàng những người lỗi lạc của thế kỷ. Ông còn có thể được xếp vào hàng những nguyên thủ bất hủ trong lịch sử giá như ông cũng chút ít ưa vinh quang và ông có ý thức về sự lớn lao ngang với sự ích lợi.

Luy Philip lúc trẻ đẹp trai, đến già vẫn duyên dáng. Ông không được dân tộc luôn luôn ưa thích, nhưng quần chúng lại luôn thích ông. Con người ông vừa ý họ. Ông được trời phú cho cái dáng dấp hấp dẫn. Ông không oai vệ, trên đầu ông không có mũ miện dù là vua, không có mái tóc bạc, dù là lão. Điệu bộ của ông thuộc triều đại cũ, tập quán của ông thuộc chế độ mới, một sự hòa hợp giữa qúy tộc và tư sản thích nghi với thời 1830; Luy Philip là sự quá độ trị vì. Ông giữ phát âm cũ và chính tả xưa, mang phục vụ tư tưởng hiện đại. Ông mến nước Balan và nước Hung nhưng ông viết người *Pôlônoa* và đọc người *Hônggre*[1]. Ông mặc áo quốc dân như Sáclơ X và đeo băng bắc đẩu bội tinh như Napôlêông.

Ông ít đi lễ, không đi săn, không bao giờ đi nhà hát. Không hề bị ảnh hưởng của cha cố, của bồi chó, của vũ nữ, điều ấy

(1) Nguyên văn *Polonols* và *Hongrais*. Cách viết mới là *Polonais* (Pôlône) và Hongrois (Hôngroa).

góp phần vào cảm tình của quần chúng. Ông không có sân chầu. Đi ra thì ông cắp ô dưới nách và cái ô ấy trong nhiều năm đã làm sáng thêm hào quang quanh người ông. Ông làm thợ nề chút ít, làm vườn chút ít, và cũng biết chữa bệnh chút ít: một người đánh xe ngã ngựa, ông chích máu cho người ấy. Luy Philip không bao giờ đi ra mà không cắp theo con dao chích, cũng giống như Hăngri III không rời dao găm. Bọn bảo hoàng chế giễu ông vua buồn cười ấy, ông vua đầu tiên đổ máu để chữa bệnh.

Về những lỗi lầm mà lịch sử trách cứ Luy Philip, phải làm một bài toán trừ: có cái là lỗi của chế độ quân chủ, có cái là lỗi của triều đại, và có cái là lỗi của nhà vua; ba cột liệt kê có tổng số khác nhau. Quyền tự do dân chủ bị thu hồi, tiến bộ bị đẩy xuống lợi ích thứ hai, những người xuống đường biểu tình phản kháng bị đàn áp dữ dội, những người khởi nghĩa bị xử tử, những người bạo động vũ trang bị bắn không xét xử, sự kiện phố Trăngxmônanh, tòa án binh, pháp luật lấn át thực tại, chính phủ thỏa hiệp với ba mươi vạn người có đặc quyền, đó là do nền quân chủ; từ chối Bỉ, chinh phục Angiêri một cách ác liệt, chinh phục bằng dã man hơn là bằng văn minh, như Anh chinh phục Ấn Độ, bội ước với Apđen Kađe và Blêi, mua chuộc Đơtdơ, trả tiền cho Pritta, đó là do triều đại; làm chính trị theo đường lối tề gia hơn là trị quốc đó là lỗi của vua.

Chúng ta thấy đó, tính toán xong thì lỗi vua cũng nhẹ bớt đi

Sai lầm lớn của nhà vua là ở đây: Đại diện nước Pháp ông đã tỏ ra quá khiêm tốn.

Do đâu mà sai lầm như vậy?

Chúng ta cần nói ra.

Luy Philip là một ông vua mang nặng tính gia phụ. Mải ấp cho cái gia đình mình nở thành một vương tộc, ông sợ đủ mọi thứ và không thích bị quấy rầy. Do đó mà có những rụt rè quá đáng, không hợp khẩu vị một công chúng có ngày 14 tháng 7 trong truyền thống chính trị và Auxtéclit trong truyền thống quân sự của mình.

Nói cho đúng, nếu đừng kể đến những công nhiệm cần hoàn thành trước tiên, thì cái gia đình ấy cũng xứng đáng với tình thương yêu sâu sắc của Luy Philip. Trong gia đình ấy đức và tài sát cánh nhau. Một người con gái của Luy Philip là Mari Dorlêăng nêu tên họ mình trong hàng nghệ sĩ cũng như ngày xưa Sáclơ Dorlêăng trong hàng ngũ thi sĩ. Bà đã mang hết tâm hồn ra tạc một tượng Gian Đác bằng cẩm thạch. Hai người con trai của Luy Phiplip đã khiến Méttecnich buột miệng thốt ra lời khen mị dân này: *Đó là những thanh niên hiếm thấy và là những hoàng tử chưa từng thấy.*

Đó là sự thật về Luy Philip, không hơn, không kém.

Là hoàng-thân-bình-đẳng, mang trong người mối mâu thuẫn giữa cách mạng và phục hưng, có một phương diện đáng ngại của người cách mạng nhưng đã trở thành đáng mừng ở người cầm quyền, đó là diễm hạnh của Luy Philip năm 1830. Chưa bao giờ có người thích hợp với tình thế đến như vậy; người ấy đi vào tình thế ấy và trở thành hiện thân của thời cuộc. Ngoài ra chuyện lưu vọng của ông là căn cứ lớn để đưa ông lên ngôi. Ông đã bị câu lưu, ông đã sống lang thang, nghèo túng. Ông đã lao động để sống. Ở Thụy Sĩ, người thừa kế của một thái ấp cỡ lớn nhất nước Pháp đó phải bán một con ngựa già để mua cái ăn. Ở Rêsonô, ông đã dạy toán ở tư gia còn em gái ông là Adolaiđơ phải thêu may. Những kỷ niệm như thế về một nhà vua đã khiến cho giới tư sản say sưa phấn khởi. Tự tay ông đã phá hủy cái chuồng sắt cuối

cùng ở Mông Xanh Misen do Lui XI dựng nên và Lui XV sử dụng. Ông là bạn chiến đấu của Duymuriedơ[1] và là bạn của La Fêyet[3] ông từng có chân trong câu lạc bộ Giacôbanh[3]; Mirabô[4] đã vỗ vai ông; Đăngtông[4] đã gọi ông: "Anh bạn trẻ kia!". Năm 93, hăm bốn tuổi, với cái tên là ông Đơ Sáctơ, ngồi trong một buồng nhỏ tối tăm của viện Khế ước, ông đã theo dõi vụ án Luy XVI, mà người ta gọi rất đúng là *tên bạo chúa tội nghiệp ấy*. Sự sáng suốt mù quáng của cách mạng đã bẻ gãy quân quyền trên người nhà vua và tiêu diệt nhà vua cùng với nền quân chủ. Thế mà hầu như cái sáng suốt mù quáng ấy không nhìn thấy con người trong khí thế tư tưởng lồng lên chà cán tuốt, không nhìn thấy không khí bão tố bao trùm của tòa án, sự căm phẫn của quần chúng đứng lên hỏi cung, cảnh lúng túng của "tên Capê"[5] không biết trả lời thế nào, sự lảo đảo kinh hãi của cái đầu đế vương ấy dưới luồng gió rợn người, sự vô tội của tất cả mọi người trong tai họa, của người kết án lẫn kẻ bị kết án; những cái đó, ông ta đều nhìn thấy, ông ta đã chứng kiến những quay cuồng kia; ông ta thấy lịch sử ra trước vành móng ngựa của viện Khế ước; đằng sau Luy XVI, người bộ hành hữu trách xấu số ấy, ông ta đã thấy đứng lừng lững kẻ bị cáo dữ dội là dân quyền. Trong ký ức của ông còn lại niềm cung kính hãi hùng đối với cuộc công sử rộng lớn của nhân dân, cũng vô tư như sự phán xử của Chúa.

Cách mạng đã để một dấu ấn lớn ở tâm trí Luy Philip. Kỳ

---

1) *Dumoiriez*: tướng chỉ huy ở Valmy.

(2), (3). Đã chú thích.

(4) Một trong những lãnh tụ cách mạng 1789, nổi tiếng hùng biện.

(5) Tức Luy XVI, bị gọi tên tộc họ: Capet.

ức của ông đã thành một bản rập sống từng giờ từng phút của những năm lớn lao ấy. Có một nhân chứng hoàn toàn đáng tin cậy kể lại rằng một hôm ông đã theo trí nhớ mà đính chính hết cả bản danh sách những đại biểu của viện Lập hiến mà tên bắt đầu bằng chữ A.

Luy Philíp là một ông vua minh bạch. Ông trị vì thì báo chí được tự do, diễn đàn tự do, tín ngưỡng và ngôn luận tự do. Những đạo luật tháng Chín rất rõ ràng. Biết rằng những đặc quyền được công bố ra ánh sáng thì sẽ bị ánh sáng gặm mòn, ông cứ để ngôi vua của mình phơi trần ngoài ánh sáng. Lịch sử sẽ công minh đối với niềm trung thực ấy.

Cũng như mọi nhân vật lịch sử khi đã rời khỏi vũ đài chính trị, Luy Philip đang được công luận thẩm xét. Vụ án của ông còn đương ở tòa sơ thẩm.

Cái giờ phút mà lịch sử truyền phán tự do và tôn nghiêm chưa được điểm đối với ông ta: chưa đến lúc nêu được một bản phán quyết chung thẩm. Nhà sử học nghiêm khắc và lừng danh Luy Blăng vừa chữa nhẹ bớt bản án mình dựng nên; Luy Philip là người được chọn bởi 221 và 1830, hai cái "hầu như": nghĩa là bởi một bán-quốc-hội, và một bán-cách-mạng. Dù sao, đứng trên quan điểm thượng đẳng của triết học, chúng ta chỉ có thể nhận xét ông với sự dè dặt cần thiết nhân danh nguyên lý dân chủ tuyệt đối, như chúng ta đã nói trên kia. Đứng trước tuyệt đối thì không có quyền nào khác ngoài hai quyền kia: dân quyền và nhân quyền; những gì khác đều là lạm tiếm. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ, sau khi thanh minh như vậy rồi, chúng ta có thể nói rằng dù sao thì theo quan điểm nhân thiện, Luy Philip vẫn là một trong những vị vua tốt nhất đã trị vì.

Cái gì chống Luy Philip? Chính là cái ngai vàng. Hãy cất cái danh hiệu là vua cho Luy Philip thì cái còn lại là con người. Mà con người ấy tốt. Tốt đến nỗi có khi đáng phục. Nhiều khi, giữa những lo âu lớn, sau một ngày đấu tranh ngoại giao với toàn châu Âu. Ông về phòng mình buổi tối mệt nhoài ra. Bấy giờ ông làm gì? Ông cầm một tập hồ sơ và thức suốt đêm để xét lại một vụ án đại hình: ông cho rằng đương đầu với cả châu Âu là một việc lớn, nhưng giành giật một con người với đao phủ lại là một việc lớn hơn. Ông kiên trì chống đối vị bộ trưởng tư pháp, ông giật máy chém từ tay các chưởng lý, *những người ba hoa đó của luật pháp*, như ông gọi. Nhiều khi hồ sơ chất đầy bàn, ông vẫn xem xét tất; ông khắc khoải sợ bỏ rơi những cái đầu khốn khổ bị xử. Một hôm ông nói với nhân chứng nhắc ở trên: *Đêm nay tôi tranh được bảy*. Trong những năm đầu triều đại, tử hình hầu như bị hủy bỏ trên thực tế, và máy chém được dựng lại là trái với ý nhà vua. Pháp trường La Gievơ cũ đã bị hủy bỏ cùng với dòng tư tưởng, một pháp trường từ sân được dựng lên với cái tên là Cổng Xanh Giắc; những người "thiết thực" cảm thấy cần có một máy chém chính quy. Đó là một chiến thắng của Cadimia Pêriê, đại biểu của cánh tư sản hẹp hòi đối với Luy Philip, đại biểu của cánh tự do. Philip đã phê vào cuốn sách của Beccaria[1]. Sau khi xảy ra vụ máy ám sát Fiesi, ông kêu: "*Tiếc rằng tôi không bị thương! Nếu bị thương thì tôi có quyền ân xã*". Một lần khác, về vụ một chính trị phạm loại nhân vật cao cả nhất của thời đại ta, nghĩ đến sự phản đối của các bộ trưởng của mình, ông viết: Ân xá thì đành rồi. *Ta chỉ còn*

(1) *Beccaria*: nhà hình pháp học Ý thế kỷ XVIII. đã viết một cuốn sách "về những tội phạm" với thái độ nhân đạo.

phải tranh thủ cho được mà thôi. Luy Philip dịu hiền như Lui IX và tốt bụng như Hăngri IV.

Mà đối với chúng tôi nhân từ hiếm có trong lịch sử như ngọc liên thành, cho nên con người tốt được xếp hầu như trước con người vĩ đại.

Luy Philip bị người đánh giá nghiêm khắc, kẻ kia phê phán khắt khe, nay có một người từng biết ông ta - một người ngày nay cũng đã là bóng ma rồi - đến làm chứng cho ông ta trước tòa án lịch sử thì cũng là việc tự nhiên. Lời đối chứng đó dù sao cũng rõ ràng và trước tiên là không vụ lợi. Một lời văn bia do một người chết viết là trung thực. Bóng ma này có thể an ủi bóng ma kia. Cùng nằm chung trong bóng tối thì có quyền ca ngợi nhau. Không sợ người ta nói về hai nấm mộ biệt xứ là: Mộ này đã nịnh hót mộ kia.

IV

NỨT RẠN TỪ MÓNG

Trong lúc câu chuyện kể đây sắp đi vào đám mây mù kinh khủng đang bao phủ dày đặc những bước đầu của triều vua Luy Philip, chúng tôi thấy cần phải giải thích về ông vua ấy chứ không thể nào để nhập nhằng được.

Luy Phulip lên ngôi vua không bằng bạo lực, cũng không bằng hành động trực tiếp của ông ta, mà chỉ vì cách mạng chuyển hướng, - chuyển hướng như thế tất nhiên là khác xa với mục đích chân thực ban đầu, nhưng trong công việc đó, công tước Orlêăng tức là ông ta, chẳng có vai trò chủ động nào cả. Sinh ra là hoàng thân, ông coi mình như đã được bầu lên làm vua. Cái thiên mệnh ấy ông không tự phong cho mình,

mà cũng không giành giật lấy; người ta đem dâng cho ông thì ông nhận thôi. Cố nhiên ông cũng sai lầm khi đinh ninh rằng người đem dâng lên như thế là theo đúng quyền lý, còn ông nhận cũng là việc bổn phận thôi. Do đó ông thành tâm mà lên ngôi vua.

Chúng tôi công nhận Luy Philip lên làm vua rất thành ý, mà phe dân chủ công kích nền quân chủ cũng là thành ý, nên khi người ta hoảng sợ trước những cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng, người ta không đổ tội cho nhà vua mà cũng chẳng đổ tội cho phe dân chủ. Một cuộc xung đột về nguyên lý xã hội cũng chẳng khác gì một cuộc xung đột giữa những lực lượng thiên nhiên.

Đại dương bảo vệ nước, bão tố bảo vệ không khí; nhà vua bênh vực ngôi vua, dân chủ bênh vực nhân dân cái tương đối là quân chủ chống lại cái tuyệt đối là cộng hòa. Xã hội chảy máu trong cuộc xung đột, nhưng cái gì làm cho xã hội bây giờ phải đau đớn nhất định sẽ là cái cứu vớt xã hội sau này. Và trong trường hợp nào cũng vậy không nên chê trách những kẻ đứng ra chiến đấu. Tất nhiên giữa hai phe phải có một phe lầm lẫn. Chân lý có phải như tượng thần khổng lồ ở Rốtđơ đâu mà đúng cả hai bờ, một chân ở đất cộng hòa, một chân ở đất quân chủ. Chân lý là một, không thể phân chia, nhất định là chỉ ở về một bên. Có điều kẻ lầm lẫn lại thực tâm mà lầm lẫn; một người mù mắt chẳng tội lỗi gì thì một anh bảo hoàng cũng đâu có phải là một tên kẻ cướp? Những xung đột ghê gớm ấy chẳng qua là do định mệnh. Có bão tố thế nào đấy thì con người cũng không chịu trách nhiệm.

Thôi hãy hoàn thành việc trình bày này.

Chính phủ lên nắm chính quyền năm 1830 vấp ngay phải nhiều khó khăn. Vừa khai sinh hôm qua thì hôm nay đã phải phấn đấu rồi.

Ngồi chưa nóng chỗ đã có cảm giác như có những sức gì mơ hồ đang tỳ mạnh lên bộ máy của chính phủ tháng Bảy vừa mới xây nền và chưa có chút gì vững chắc cả.

Sự phản đối phát sinh ngay ngày hôm sau. Có lẽ nó đã hình thành từ đêm trước cũng nên.

Tháng này qua tháng khác, sự phản đối lớn dần lên, và từ âm thầm đã biến thành công khai.

Cách mạng tháng Bảy không được vua chúa các nước ngoài thừa nhận, điều ấy chúng tôi đã nói. Ở trên đất Pháp, người ta cũng hiểu nó khác nhau.

Rõ ràng là Chúa bộc lộ ý Chúa trong các biến cố lịch sử, nhưng bộc lộ bằng một ngôn ngữ bí ẩn. Con người liền đem diễn dịch ra, bản dịch làm vội vàng quấy quá mang nhiều lỗi lầm, nhiều khiếm khuyết, nhiều chỗ phản nghĩa. Rất ít người hiểu được lời Chúa. Những người tinh tường, trầm tĩnh, thâm thúy nhất thì đọc chậm, cho nên khi họ mang bản dịch của họ tới thì công việc đã xong rồi. Đã có hai mươi bản dịch rồi. Mỗi bản dịch sinh ra một Đảng, mỗi chỗ phản nghĩa đẻ ra một phái. Và mọi đảng tưởng mình nắm cái văn bản duy nhất đúng, mỗi phái tưởng mình có ánh sáng chân chính.

Lắm lúc chính quyền cũng chính là một phái.

Trong các cuộc cách mạng đều có người bơi ngược dòng: đó là những đảng cũ.

Đối với những đảng cũ đã gắn bó với truyền thống do phước lành của Chúa, họ tự cho là có quyền nổi loạn, bởi vì cách mạng sinh ra từ quyền nổi loạn. Lầm rồi, thật vậy, trong

các cuộc cách mạng, kẻ nổi loạn không phải là dân chúng mà là vua. Cách mạng trái hẳn với nổi loạn. Cách mạng nào cũng là một diễn biến theo lẽ thường, cho nên là chính đáng; có khi có những tay giả cách mạng làm ô danh cách mạng, nhưng tính cách chính đáng của nó vẫn tồn tại dù bị làm nhơ bẩn, vẫn sống sót dù nhuộm máu. Cách mạng xảy ra không thừ ngẫu nhiên mà từ sự cần thiết. Cách mạng là từ giả tạo quay về với thực tiễn. Cách mạng xảy ra vì cần phải xảy ra.

Những đảng chính thống cũ đã công kích cách mạng 1830 với tất cả sự kịch liệt phát sinh từ một lối luận lý sai lạc. Những sai lầm lại là những tên, đạn tốt. Chúng tấn công cách mạng một cách khôn khéo ở những chỗ yếu, chỗ hở, chỗ thiếu lôgic: chúng tấn công cách mạng 1830 ở nền quân chủ mà nó thiết lập. Chúng thét: Nói cách mạng, sao lại có anh vua ấy? Những phe phái là những đứa mù nhắm trúng đích.

Những người cộng hòa cũng thét cái tiếng thét kia. Nhưng họ thét như vậy là hợp lý. Mù quáng ở bè lũ chính thống, lại là sáng suốt ở cánh dân chủ. Cách mạng 1830 phá sản đối với nhân dân. Những người dân chủ chân chính tức giận phải phàn nàn.

Đứng giữa hai luồng công kích của quá khứ và tương lai, bộ máy nhà nước tháng Bảy lúng túng, vất vả. Nó chỉ là khoảnh khắc hiện tại mà phải đối phó một đằng với hàng thế kỷ quân chủ, đằng khác với cái quyền lý muôn đời. Vả lại, bề ngoài nó chẳng còn là cách mạng nữa mà đã trở thành quân chủ rồi, nên chính phủ 1830 buộc lòng phải nhịp bước theo châu Âu. Lại phải giữ gìn hòa bình mới càng phức tạp! Một sự hòa hợp ngược lẽ có khi còn phải trả giá đắt hơn là một cuộc chiến tranh. Từ cuộc xung đột ngầm, luôn luôn bị khóa mõm nhưng luôn luôn gầm gừ, nảy ra cái trạng thái hòa bình

vũ trang, lối thoát tốn kém của nền văn minh tự ngờ vực mình.

Nền quân chủ tháng Bảy lồng lên như con ngựa mắc vào cỗ xe của các chính phủ châu Âu. Meltécnich[1] sẵn sàng buộc dây cương vào cổ nó. Bị trào lưu tiến bộ thúc đẩy ở Pháp, nó trở lại thúc đẩy các nền quân chủ lạc hậu khác ở châu Âu. Được kéo, nó trở lại lôi kéo kẻ khác.

Trong lúc đó thì bên trong các vấn đề nghèo đói, thợ thuyền, tiền lương, giáo dục, phạm pháp, mãi dâm, số phận người đàn bà, các vấn đề giàu nghèo, sản xuất, tiêu thụ, phân phối, mậu dịch, tiền tệ, quyền của tư bản, quyền của lao động, tất cả vấn đề ấy chồng chất lên xã hội, cao chót vót đến ghê sợ.

Ngoài các đảng phái chính trị chính thức, một phong trào khác xuất hiện. Tiếp theo sự sôi sục của phong trào dân chủ là sự sôi sục của phong trào triết học. Trí thức thấy mình cũng bối rối như quần chúng, bối rối cớ khác nhưng cũng không kém sâu xa.

Có những nhà tư tưởng suy nghĩ, trong khi đất dưới chân họ, tức là quần chúng nhân dân, do những luồng cách mạng chạy qua, rung lên như bị những cơn giật kinh phong khó giải thích. Những nhà tư tưởng đó khi thì riêng lẻ, khi thì tập hợp thành gia đình, hơn thế, thành đoàn thể, nhào nặn những vấn đề xã hội một cách ôn hòa nhưng sâu sắc. Là những người thợ mỏ không nao núng họ bình thản đào hầm của họ dưới chân núi lửa, không bị rầy rà bao nhiêu vì những chấn động ngầm hoặc những lò lửa thoáng thấy. Sự bình thản đó cũng là một cảnh tượng đẹp nhất trong thời đại náo động

(1) Một chính khách nước Áo thời kỳ đó, rất nhiều thủ đoạn và được coi như là trọng tài của châu Âu.

kia.

Họ để dành cho các đảng phái vấn đề pháp quyền, còn họ chỉ lo đến vấn đề hạnh phúc.

Phúc lợi của con người, đó là cái họ muốn rút ra từ xã hội.

Họ nâng cấp các vấn đề vật chất, vấn đề công nghiệp, nông nghiệp, thương mại lên gần mức trọng vọng của tôn giáo. Trong nền văn minh bấy giờ, một phần nhỏ do Thượng đế xây dựng nên, còn phần lớn là do con người, thì các thứ quyền lợi đã trộn lẫn với nhau, kết dính vào nhau và hỗn hợp thành một thứ đá vô cùng rắn chắc, theo một quy luật mà các nhà kinh tế hoc đã dày công nghiên cứu.

Họ tập hợp nhau thành nhóm lấy danh hiệu khác nhau nhưng cũng có thể gọi chung họ là những người theo chủ nghĩa xã hội. Họ cố hết sức chọc thủng tầng đá ấy và bắt ngọn nước tươi mát của hạnh phúc phải phụt lên.

Từ vấn đề cái máy chém đến vấn đề chiến tranh, sự nghiên cứu của họ bao trùm tất cả. Bên cạnh cái nhân quyền đã tuyên bố trong cách mạng Pháp, họ nêu thêm quyền của phụ nữ và quyền của trẻ con. Mong rằng độc giả không lấy làm ngạc nhiên, vì lẽ này hay lẽ khác chúng tôi không đi sâu vào lý thuyết của những vấn đề mà chủ nghĩa xã hội đã xướng lên. Chúng tôi chỉ xin nhắc lại thôi.

Bỏ ra ngoài những viễn ảnh của vũ trụ, những cái gì mơ mộng và huyền bí, thì tất cả những vấn đề các nhà xã hội đem ra bàn để giải quyết chỉ thu lại trong hai vấn đề chính:

Vấn đề thứ nhất: Sản xuất ra của cải.

Vấn đề thứ hai: Phân phối các của cải ấy.

Vấn đề thứ nhất chứa đựng vấn đề lao động.

Vấn đề thứ hai bao gồm vấn đề tiền lương.

Trong vấn đề thứ nhất là chuyện sử dụng sức sản xuất. Trong vấn đề thứ hai là chuyện phân phối mọi thứ hưởng thụ.

Sử dụng tốt sức sản xuất là làm cho xã hội phú cường.

Phân phối tốt mọi thứ hưởng thụ là tạo nên hạnh phúc cho cá nhân.

Nói phân phối tốt nghĩa là không phải chia bình quân mà là chia công bằng. Nguyên tắc bình đẳng đầu tiên là sự công bằng.

Bên ngoài, phú cường xã hội, bên trong, hạnh phúc cá nhân, hai cái ấy phối hợp lại thành ra xã hội giàu mạnh.

Xã hội giàu mạnh, điều ấy có nghĩa là con người được sung sướng, người công dân được tự do, quốc gia thành lớn mạnh.

Nước Anh giải quyết được vấn đề thứ nhất. Nước Anh làm ra của cải rất giỏi nhưng phân phối rất vụng. Vấn đề chỉ được giải quyết có một mặt, nên đã đưa nước Anh đến hai thái cực: vừa cực kỳ giàu sang vừa cực kỳ nghèo khổ. Mọi thứ hưởng thụ dành cho một vài người còn mọi thứ thiếu thốn đều dồn cho tất cả kẻ khác, nghĩa là toàn thể dân chúng; đặc quyền, độc quyền, cường bạo nẩy ra từ chế độ lao động ấy.

Sự phồn thịnh công cộng ngồi lên lưng sự nghèo khổ riêng tư, sự phú cường của Nhà nước đâm rễ trong cảnh đau đớn của cá nhân, một tình thế như vậy thật là bấp bênh và nguy hiểm! Đó là một sự phú cường cấu tạo không đều vì gồm đủ mọi yếu tố vật chất mà lại không có lấy một yếu tố tinh thần nào.

Chủ nghĩa cộng sản và luật ruộng đất cho rằng có thể giải quyết vấn đề thứ hai. Lầm to! Phân chia như thế sẽ giết chết

sự sản xuất. Chia đều nhau làm mất tính thi đua. Và do đó cũng làm mất tính lao động. Đó là cách phân chia của hàng thịt, nó giết chết cái mà nó phân chia. Không thể nào bằng lòng với giải pháp ấy được giết chết của cải như thế không phải là phân phối của cải[1].

Hai vấn đề đòi hỏi giải quyết song song thì mới giải quyết tốt được. Hai giải pháp đòi hỏi được phối hợp với nhau thành một mà thôi.

Anh chỉ giải quyết vấn đề thứ nhất thì anh sẽ là Vơnidơ, anh sẽ là Anh-Cát-Lợi. Anh sẽ như Vơnidơ giàu mạnh một cách giả tạo, hay như Anh-Cát-Lợi rất giàu mạnh về vật chất nhưng anh sẽ là một anh nhà giàu xấu xa. Anh sẽ chết vì bạo lực như Vơnidơ đã chết, hoặc anh sẽ đổ nhào vì phá sản như Anh-Cát-Lợi sẽ đổ nhào sau này. Thế giới sẽ để mặc anh chết đi và đổ nhào, vì thế giới luôn luôn để mặc cho đổ nhào và chết đi tất cả những cái gì chỉ có nội dung ích kỷ, tất cả những cái gì đối với nhân loại không tiêu biểu cho một đạo đức hay một lý tưởng.

Cố nhiên những tiếng Vơnidơ, Anh-cát-lợi là dùng để chỉ các chế độ xã hội chứ không phải nhân dân các nước ấy, chỉ các tổ chức thống trị áp bức nằm trùm lên các quốc gia chứ không phải bản thân các quốc gia ấy. Chúng tôi bao giờ cũng

(1) Bạn đọc ngày nay chắc sẽ dễ dàng nhận thấy những ý kiến sai lầm của Huygô về chủ nghĩa cộng sản và những người cộng sản. Mặc dù tiến bộ, Huygô, cũng như phần lớn những người trí thức lúc ấy, chỉ nghe nói lờ mờ và tưởng tượng về chủ nghĩa cộng sản chứ chưa hiểu. Vả lại đương thời, còn nhiều nhóm "cộng sản" không tưởng, quá khích, chứ không phải chỉ có một chủ nghĩa mácxít.

tôn trọng và có thiện cảm đối với mọi quốc gia. Nhân dân Vơnidơ sẽ sống lại; bọn quý tộc Anh-Cát-Lợi sẽ nhào đổ, nhưng quốc gia Anh-Cát-Lợi là bất diệt. Nói xong điều đó, chúng ta tiếp tục.

Giải quyết cả hai vấn đề, khuyến khích người giàu và bảo vệ người nghèo, thủ tiêu sự cùng khổ, chấm dứt sự bóc lột bất công của kẻ mạnh đối với kẻ yếu, kiềm chế sự ganh ghét bất công của kẻ còn đang đi đối với kẻ đến đích, làm cho tiền lương khớp với sức lao động một cách toán học và thân ái, coi sự giáo dục không mất tiền và cưỡng bách là một yếu tố gắn với việc nuôi trẻ khôn lớn, và làm cho khoa học trở thành cơ sở của sức khỏe lành mạnh, phát triển trí tuệ, đồng thời làm cho tay chân có việc làm, làm một dân tộc giàu mạnh đồng thời là một gia đình trong ấy mọi người đều sung sướng, dân chủ hóa tư hữu bằng cách phân phối cho khắp mọi người, chứ không phải thủ tiêu nó đi, làm sao cho mọi người dân bất kỳ ai cũng đều có của, việc ấy cũng không phải khó lắm, nói tóm lại, biết cách làm ra của cải và biết cách phân phối của cải, và như thế là một lúc sẽ đạt được sự vĩ đại về vật chất lẫn sự vĩ đại về tinh thần. Có thể mới đáng gọi là nước Pháp.

Ngoài một đôi phe phái đi lạc hướng thì không kể, đấy là tiếng nói của chủ nghĩa xã hội. Đấy là tất cả những điều mà chủ nghĩa xã hội tìm trong sự kiện thực tế, đấy là cảnh mà chủ nghĩa xã hội gợi ra trong mọi đầu óc.

Cố gắng đáng phục và thiêng liêng sao!

Những chủ nghĩa ấy, những học thuyết ấy, những sự phản kháng ấy, sự cần thiết bất ngờ đối với nhà chính trị phải đếm

xỉa đến các nhà triết học, một đường lối chính trị mới phải vạch ra cho phù hợp với chế độ cũ mà không quá chống đối với lý tưởng cách mạng. Một tình thế phải tận dụng La Fêyét[1] để cứu vãn Polinhắc[2], sự trực cảm về tiến bộ dưới cái vỏ dân biểu, quốc hội và đường phố, những yêu sách phải cân bằng chung quanh mình, niềm tin tưởng đối với cách mạng, có lẽ cũng có sự nhẫn nhục nào trong việc công nhận một quyền lý tối cao, cái ý chí trung thành với dòng giống, cái tình yêu gia đình, lòng tôn trọng nhân dân, tính ngay thực của chính mình, tất cả những cái ấy làm cho Luy Philip lo nghĩ đến, đau xót và từng lúc đã khiến ông thấy mệt nhọc với cái nghề làm vua quá khó khăn, mặc dù ông là người can đảm và có ý chí.

Ông cảm thấy như dưới chân ông đang có một sự tan rã đáng sợ, tan rã chứ chưa đến nỗi nát thành tro bụi, vì chưa bao giờ nước Pháp lại xứng là nước Pháp như bấy giờ.

Từng đám mây chồng chất đen nghịt ở chân trời. Một bóng đen kỳ dị dần dần kéo đến, bao phủ lên mọi người, mọi vật, mọi tư tưởng; đó là bóng đen thoát ra từ mọi thứ căm hờn, mọi hệ thống tư tưởng. Tất cả những gì bị bóp nghẹt đi một cách vội vàng, bây giờ lại cựa quậy, lên men ngấm ngầm. Trí óc con người rung động trong không khí lo âu của xã hội như lá cây lúc cơn dông sắp kéo đến. Tình hình căng thẳng như hai dòng điện cao thế, có lúc chỉ cần có một người vô danh nối lên, cũng như chỉ cần có vật gì chạm vào hai dòng điện, là đủ làm bật ra chân lý, bật ra ánh

(1) Đã chú thích.

(2) *Polignac* thủ tướng dưới triều Sáclô X. Đã soạn những sắc dụ phản động làm bùng nổ cuộc cách mạng 1830.

sáng. Sau đó, bóng tối mờ mờ lại phủ xuống như cũ. Thỉnh thoảng những tiếng súng ngấm ngầm vang lên, chứng tỏ trong đám mây mù còn chất chứa rất nhiều sấm sét.

Hai mươi tháng đã trôi qua từ cuộc cách mạng tháng Bảy. Năm 1832 mở màn với một vẻ như đe dọa và gần như có việc sắp xảy ra.

Cảnh nghèo đói của nhân dân, người lao động không có bánh mì, vương tước Công đê cuối cùng chết một cách mờ ám, Bruyxen đuổi họ Natxô như Pari đuổi họ Buốcbông, nước Bỉ muốn về với một ông hoàng Pháp lại được cho một ông hoàng Anh, sự thù hằn của nước Nga Nicôla, sau lưng Pháp là hai con yêu tinh phương Nam, Fécđimăng Tây Ban Nha và Mighen Bồ Đào Nha, đất rung chuyển ở Ý, Méttécmích thò tay qua Bôlônhơ, nước Pháp cộc cằn đối với nước Áo ở Angcôn về phía Bắc thì tiếng đóng áo quan chôn Ba Lan lần nữa, ở khắp châu Âu, những tia mắt giận dữ rình mò Pháp, đồng minh Anh đáng nghi ngờ đang sẵn sàng đẩy nhào những gì đang nghiêng lệch và xông vào những gì đã nhào, thượng viện nấp sau Beccaria bác bỏ bốn án tử hình của tòa án, biểu tượng hoa huệ bị nhổ bỏ, La Fêyét bị bôi nhọ, Laphít suy sụp, Bengiamanh Công xtăng chết nghèo khổ, Cadimia Pêriê chết trong lúc chính quyền suy yếu; bệnh chính trị và bệnh xã hội phát ra cùng một lúc ở hai thủ đô của vương quốc, thủ đô tư tưởng và thủ đô lao động; ở Pari, nội chiến, ở Lyông nông dân biến; ở cả hai thành phố chỉ một ánh lửa lò; một màu đỏ hỏa sơn ở trên trán nhân dân; phương Nam trở nên cuồng tín, phương Tây loạn, nữ công tước Beri hoạt động ở Văngđê, âm mưu, hội kín, khởi biến, dịch tả; tất cả những cái đó rót thêm sự náo động bi đát của biến cố vào sự sục sôi của tư tưởng.

V

NHỮNG SỰ VIỆC LÀM NÊN LỊCH SỬ NHƯNG LỊCH SỬ LẠI KHÔNG BIẾT ĐẾN

Vào cuối tháng Tư mọi việc đều trở nên trầm trọng. Tình hình từ chỗ lên men đã trở thành sôi sục. Từ 1830, rải rác đã có đôi cuộc bạo động nhỏ, lẻ tẻ. Những cuộc bạo động ấy đều bị đàn áp ngay, nhưng cũng lại mọc lên ngay, đó là dấu hiệu của một lò lửa to lớn đang bừng bừng ở bên dưới, một cái gì ghê gớm đang ấp ủ. Người ta hé nhìn thấy những dấu hiệu chưa rõ nét và còn lờ mờ của một cuộc cách mạng có thể nổ ra. Cả nước Pháp nhìn vào Pari; Pari nhìn khu ngoại ô Xanh Ăngtoan. Khu ngoại ô Xanh Ăngtoan được nung ngầm, bỗng sôi sục lên. Không khí các quán rượu phố Sarôn nghiêm trang và ồn ào - hai tính từ ấy kết hợp để nói về một quán rượu thì cũng lạ thật.

Ở đấy người ta đem vấn đề duy trì hay lật đổ chính phủ ra bàn một cách ngang nhiên. Người ta thảo luận công khai *cái việc phải đánh hay nên ngồi yên*.

Bên trong nhiều quán rượu người ta bắt thợ thuyền thề "sẽ có mặt ở ngoài đường khi có tiếng báo động đầu tiên, và sẽ chiến đấu bất chấp quân thù đông hay ít". Khi người thợ đã thề xong, một người ngồi trong góc quán rượu cố ý nói oang oang: *Nhớ nhé! thế rồi đấy nhé!* Có khi người ta lên gác, họp nhau trong một phòng kín, cảnh tượng chẳng khác gì những cuộc họp hội kín. Người ta bắt những người mới gia nhập tuyên thệ *để giúp ích cho họ và cho các gia trưởng*. Lời thề như vậy đó.

Ở các phòng dưới người ta đọc các sách "phiến loạn". Theo lời một bản báo cáo bí mật đương thời, đó là những quyển

sách *chửi chính phủ*.

Ở các phòng ấy người ta nghe thấy những lời như sau: - *Tôi có biết tên các người chỉ huy đâu. Bọn tôi sẽ được biết ngày khởi sự chỉ hai giờ trước khi hành động thôi*. Một người thợ nói: *Chúng ta có ba trăm người, mỗi người bỏ ra mười xu vị chi là một trăm năm mươi phoräng để làm dạn và thuốc súng*. Một người khác nói: *Không sáu tháng, hai tháng gì hết. Không đầy mười lăm hôm là chúng ta sẽ ngang sức với chính phủ. Với hai vạn rưỡi người, ta có thể đối địch được*. Một người nữa nói: - *Tôi chẳng ngủ nghê gì, cứ đêm là đúc đạn*. - Thỉnh thoảng có những người "ăn bận đẹp đẽ như bọn tư sản", đến đây "làm bộ làm tịch", ra vẻ"chỉ huy", bắt tay những nhân vật quan trọng nhất rồi bỏ đi. Không mấy khi họ ở quá mươi phút. Người ta trao đổi những câu chuyện đầy ý nghĩa: *Một kế đã muời công việc đầy dủ*. Tất cả đều nói nhặng xị lên như thế, đó là lời một nhân chứng.

Người ta hăng đến nỗi, một hôm, đương ở giữa quán ăn, một người thợ kêu to: *Chúng ta không có vũ khí!* Thì một người bạn đáp ngay: *Vũ khí ở trong tay binh lính ấy!* Câu đáp đã vô tình nhại câu của Bônapác tuyên bố với quân đội viễn chinh Pháp sang đánh Ý. Một bản báo cáo của nhà chức trách, sau khi tường trình sự việc, nói thêm: "Khi có điều gì bí mật hơn thế thì họ không đem ra nói với nhau ở đấy". Người ta không hiểu họ còn giữ bí mật điều gì nữa khi đã nói toạc ra tất cả như đã thấy trên kia.

Những cuộc họp đôi khi tổ chức có định kỳ. Ở một vài hội nghị như thế, người dự không quá tám hay mười người, và đi lại cũng chỉ những nhân vật ấy. Ở những cuộc họp khác thì ai cũng được vào phòng họp, đông đến nỗi phải họp đứng. Người này họp vì nhiệt tình và say đắm; Kẻ khác họp vì đó là *con đường đưa tới có việc làm*. Cũng như ở thời cách mạng,

trong các quán ấy có những người phụ nữ yêu nước ôm hôn những kẻ mới đến.

Nhiều sự việc có ý nghĩa nữa xuất hiện.

Có người vào quán rượu uống xong bỏ đi ra, nói:

"*Anh hàng rượu, chỗ tiền rượu này chính quyền cách mạng sẽ trả cho anh*".

Ở quán rượu bên kia phố Larôn, có cuộc bầu cử những người cán bộ cách mạng. Hòm phiếu là một cái mũ công nhân.

Một số thợ họp ở nhà một thầy dạy kiếm thuật ở phố Cốttơ. Ở đó có một bó khí giới gồm mã tấu gỗ, gậy, kiếm. Một hôm người ta bóc trần mũi kiếm. Một người thợ nói: "*Chúng tôi hai mươi lăm người, nhưng tôi không được tính vì người ta coi tôi là một cái máy*". Cái máy ấy về sau là Kênitxê.

Những việc tầm thường gì mà được tính toán trước cũng trở nên có ý nghĩa lớn. Một người đàn bà quét ở trước cửa nhà mình thóc mách với một người khác: *Đã từ lâu rồi, người ta khẩn trương làm đạn.*

Người ta thấy dán ngay ngoài phố những bản tuyên bố kêu gọi quốc dân quân các quận. Một trong các bản ấy ký tên: *Buyéctô, bán rượu.*

Một hôm ở cửa nhà một anh hàng rượu chợ Lơnoa, một người có bộ râu quai nón với giọng nói người Ý, đứng lên một trụ vôi đọc thật to một tờ giấy gì lạ lùng, có vẻ là một quyển lực huyền bí. Từng nhóm người tụ họp chung quanh vỗ tay hoan nghênh. Các đoạn làm cho quần chúng cảm động nhất được ghi chép lại như sau: "Chủ nghĩa của chúng ta bị ngăn cản, các bản tuyên ngôn của chúng ta bị xé rách, các người đi dán áp phích của chúng ta bị rình mò và bắt giam..." "Cái tai họa trong nghề bông vải đã chữa bệnh trung dung cho chúng ta". "Tương lai của các dân tộc là đội ngũ hèn hạ của

chúng ta". "... Vấn đề đặt ra là thế này: hành động hay phản động? Cách mạng hay phản cách mạng? Vì ở thời đại chúng ta, không thể có sự nằm ì hoặc bất động. Vì dân hay chống lại dân, đó là vấn đề. Ngoài ra không còn vấn đề nào khác", "Cái ngày chúng tôi không thích hợp với các anh nữa thì hãy hạ bệ chúng tôi. Nhưng từ nay cho đến lúc ấy, hãy giúp chúng tôi tiến lên".

Các việc ấy đều xảy ra giữa ban ngày.

Nhiều việc quá táo tợn làm dân chúng đâm nghi. Ngày 4 tháng Tư năm 1832, ở góc phố Xanh tơ Mácgơrít, một người qua đường leo lên cây trụ, thét lớn: *Tôi là người phe Babớp*[1] *đây*. Nhưng dân chúng thì thấy sau danh nghĩa Balớp là hình dáng Gixkê.

Hắn nói huyên thuyên. Hắn bảo:

- "Đả đảo chế độ tư hữu! Bọn đối lập cánh tả là đồ hèn nhát, đồ phản bội. Khi chúng muốn giành lẽ phải về mình thì chúng tuyên truyền cách mạng. Nhưng dân chủ của chúng là chỉ để khỏi thất bại, còn khi muốn trốn đấu tranh thì chúng lại theo quân chủ. Bọn cộng hòa là đồ con tườu. Đồng bào lao động, đồng bào hãy coi chừng bọn cộng hòa".

Một người thợ hét lớn:

- Ông đồng bào mật thám ơi, im cái mồm đi!

Tiếng thét ấy chấm dứt ngay bài diễn thuyết.

Nhiều chuyện bí ẩn xảy ra.

Vừa tối, có người thợ bắt gặp bên bờ kênh "một người ăn bận chỉnh tề", người ấy bảo: - Đồng bào, đi đâu đấy? - Thưa ông, người thợ đáp, tôi không được biết ông là ai. - Tôi thì tôi biết anh lắm. Và người ấy thêm: Anh đừng sợ. Tôi là người

(1) Babớp theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Ủy ban. Người ta nghi anh là người không chắc chắn lắm. Anh nhớ là nếu anh phát giác điều gì thì có người để ý đến anh đấy nhé. Xong hắn bắt tay người thợ và nói thêm khi bước đi: Chúng ta sắp tới sẽ gặp nhau.

Cảnh sát theo dõi đã ghi được, không những trong các quán ăn mà ngoài đường, rất nhiều mẩu đối thoại kỳ dị.

Một người thợ dệt bảo một người thợ mộc:

- Bác xin gia nhập mau đi.

- Tại sao?

- Sắp được nổ súng rồi bác ạ.

Hai người qua đường ăn mặc rách rưới hỏi và trả lời nhau mấy câu chật đáng chú ý, nghe như rõ rệt là sắp có bạo động.

- Ai thống trị ta bây giờ?

- Ông Philip.

- Không phải, bọn tư bản thống trị ta...

Một lần khác, hai người đi qua, người ta bắt chợt người này nói với người kia: Chúng mình có một kế hoạch tấn công tài tình.

Trong câu chuyện thân mật giữa bốn người ngồi xổm trong cái hào ở một ngã tư, người ta nghe thoáng được mấy lời như sau:

- Phải ra sức làm cho nó không còn đi dạo chơi trong Pari nữa.

Nó, là ai? Một bí mật đầy đe dọa.

"Những thủ lĩnh chính", như ở ngoại ô người ta gọi, không ra mặt. Người ta tin rằng họ họp nhau bàn bạc ở trong một cái quán gần mũi Xanh Óxtasơ. Người hội trưởng hội cứu tế thợ may tên là Ôgơ được coi là người trung gian liên lạc giữa các thủ lĩnh và khu ngoại ô Xanh Ăngtoan. Tuy vậy vẫn còn mờ mịt lắm chung quanh các thủ lĩnh ấy. Không có sự kiện

chắc chắn nào có thể phủ định câu trả lời ngang tàng của một bị cáo kia trước tòa án thượng viện. Tòa hỏi:

- Thủ lĩnh của anh là ai?

- *Tôi không có thủ lĩnh và cũng không thừa nhận ai là thủ lĩnh.*

Tuy vậy, đó mới chỉ là những lời nói mơ hồ tuy rõ nghĩa, đôi lúc chỉ là những câu nói trống không, những lời bàn tán, những tiếng đồn ra đồn vào. Lại có nhiều dấu hiệu khác hiện ra.

Ở phố Rơiđi, một người thợ mộc đóng đanh ghép ván để dựng cái hàng rào quanh đám đất đang làm nhà, bắt được một đoạn thư đã xé nát nhưng còn đọc được mấy dòng như sau:

"... Ủy ban cần phải có biện pháp để ngăn cản các hội này hội nọ đến lấy người trong các trung đội..."

Và ở đoạn tái bút:

"Chúng tôi được tin ở phố Ngoại ô Poácxơnnie nhà số 5 bis có nhiều súng, khoảng năm, sáu nghín khẩu, nằm trong tay một người lái súng và cất giấu trong một cái sân. Trung đội hiện chưa có vũ khí".

Đi mấy bước nữa, người thợ mộc nhặt được một mảnh giấy khác cũng rách dở và càng có ý nghĩa hơn. Anh ta xúc động thuật lại cho mấy người láng giềng nghe. Vì các tài liệu lạ lùng ấy có giá trị sử liệu cho nên chúng tôi sao y nguyên dạng mảnh giấy nhặt sau:

Q C D E

Hãy học thuộc lòng danh sách này.
Sau đó anh xé đi. Những người được thừa nhận cũng sẽ làm như thế sau khi anh đã truyền lệnh cho họ.
Kính chào huynh đệ.
u og a1 fe L

Những người có đọc mảnh giấy này mãi về sau mới biết rõ nghĩa kín của bốn chữ hoa: *Quinturions, Centurions, Decurions, Ecccla reurs* và ý nghĩa của những chữ *u og a1 fe* nó chỉ một ngày tháng, *ngày 15 tháng tư năm 1832*. Dưới mỗi chữ hoa, có ghi nhiều tên kèm theo những chú dẫn tiêu biểu. Chẳng hạn: - Q. Banơren 8 súng, 83 đại. Người đáng tin cậy. - C. Bubie 1 súng ngắn, 40 đạn. D *Rônlê* 1 kiếm, 1 súng ngắn, 1 cân thuốc súng. - *Têtxiê* 1 mã tấu, 1 túi. B Đúng giờ khắc - *Tero* - 8 súng. Can đảm v.v...

Cuối cùng anh thợ mộc còn tìm thấy, cũng trong mảnh vườn kia, một mảnh giấy thứ ba trên đó có cái danh sách bí mật này, viết bằng bút chì nhưng rất rõ:

Đơn vị Blăngsa. Acbrơxéc. 6

Bara, Xoadơ. Xan-ô-Côngtơ.

Kôxiuxkô. Ôbry người hàng thịt.

J.J.R

Caiiuytx Gracuyx

Quyền xét duyệt. Đuyfông Fua.

Phái Girôngđanh đổ, Décbac, Môbuyê

Oaxinhtơn - Panhxông, 1 súng ngắn, 86 đạn.

Mácxâyde.

Chủ q. nhân dân, Misen - Canhcăngpoa - Mã tấu Hôsơ.

Mácxô - Platông - Acbrơxéc

Vácsôvi - Tily, người rao báo *Dân chúng*.

Người thị dân lương thiện còn giữ được giấy này đã biết ý nghĩa của nó. Hình như đây là bản danh sách trọn vẹn về những trung đội ở quận 4 của Hội Nhân Quyền với tên họ và địa chỉ những trung đội trưởng.

Ngày nay những sự việc bí mật ấy đã trở thành lịch sử

cho nên có thể công bố. Cần phải nhắc nhở là Hội Nhân Quyền được thành lập sau ngày người ta bắt được mảnh giấy kia. Có lẽ đây chỉ là một bản phác họa.

Tuy nhiên đi sau lời nói, đi sau văn tự, những sự kiện cụ thể bắt đầu xuất hiện.

Phố Pôpanhcua, ở nhà một người bán hàng xén, cảnh sát bắt được trong ngăn kéo bảy tờ giấy màu xám gấp làm tư theo chiều dài, ở trong lại đựng hai mươi sáu mảnh vuông cùng thứ giấy ấy gấp thành hình viên đạn và một mảnh giấy cứng có ghi như sau:

Diêm tiêu	12 lạng
Lưu hoàng	2 lạng
Than	2 lạng rưỡi
Nước	2 lạng.

Biên bản tịch thu còn xác nhận rằng ngăn kéo sặc mùi thuốc súng.

Một người thợ nề buổi tối đi làm về, bỏ quên một cái hộp nhỏ trên một cái ghế cạnh cầu Auxtéclít. Cái hộp được đưa vào đồn cảnh sát. Mở ra thì thấy hai bài vấn đáp in, ký tên Labôchie, một bài hát nhan đề: *Hỡi công nhân hãy tập hợp lại*, và một hộp sắt tây đựng đầy đạn.

Một người thợ uống rượu với bạn, thấy trong người nóng quá, bảo bạn sờ thử, thì anh bạn chạm tay phải một khẩu súng ngắn cất dưới áo ngoài.

Trong một cái hố bên đại lộ, giữa Pe-Lase và cổng Tơrôn ở chỗ vắng vẻ nhất, mấy đứa trẻ đương chơi chợt thấy dưới một đống dăm và vỏ khoai một khuôn đúc đạn, một bàn giập vỏ đạn bằng gỗ, một đĩa thuốc súng săn và một cái nồi gang có dấu vết chì nấu chảy.

Mấy người cảnh sát lúc năm giờ sáng bất thình lình vào

nhà một người tên là Pácđông - anh này sau làm đội viên trong trung đội chiến lũy Meri và chết trong cuộc bạo động tháng tư năm 1834. Họ thấy anh đứng bên giường, tay cầm mấy vỏ đạn đang làm dở.

Vào giờ thợ thuyền đã ngủ cả, người ta bắt gặp hai người đang đứng với nhau giữa cổng Picpuyta và cổng Sarăngtông, trên một ngõ hẻm giữa hai bức tường, bên cạnh một cái quán có bày một bộ con lăn trước cửa. Người này rút dưới áo khoác ra một cái súng ngắn đưa cho người kia. Khi đưa thì anh ta nhận thấy mồ hôi ngực của mình có làm ẩm thuốc súng đi nhiều ít. Anh ta lên cò súng và thêm thuốc vào ổ thuốc mồi. Thế rồi hai người chia tay nhau.

Một người tên là Gale khoe rằng ở nhà anh ta có bảy trăm viên đạn và hăm bốn viên đá lửa, người này về sau chết ở phố Bôbua, trong vụ biến tháng Tư.

Một hôm chính phủ được báo là khí giới đã được phân phát ở ngoại ô cùng với hai mươi vạn viên đạn. Tuần sau lại ba vạn viên đạn nữa. Điều đáng chú ý là cảnh sát không bắt được viên nào. Người ta kiểm duyệt một bức thư, thấy có câu: "Sắp đến ngày mà chỉ trong bốn tiếng đồng hồ thôi sẽ có tám vạn người yêu nước cầm khí giới".

Sự ủ men này là công khai, có thể nó là khá trầm tĩnh. Cuộc nổi dậy vần vũ một cách bình tĩnh trước mắt chính quyền. Cuộc khủng hoảng còn đương ngấm ngầm nhưng cũng đã cảm thấy nó rất là khác thường. Những người thị dân thản nhiên bình luận với thợ thuyền về điều đang sửa soạn. Người ta nói: Cuộc khởi nghĩa thế nào? Cũng như hỏi: Bác gái thế nào?

Một anh bán bàn ghế ở Môrô hỏi: "Nào, bao giờ thì các anh đánh đấy?"

Một anh chủ hiệu khác: "Sắp đánh rồi. Tôi biết. Tháng

trước các anh chỉ có mười lăm nghìn người, tháng này đã lên hăm nhăm nghìn". Anh ta hiến khẩu súng, một ông láng giềng biếu khẩu súng nhỏ mà trước ông muốn bán bảy phơrăng.

Cơn sốt cách mạng lan dần. Không điểm nào ở Pari, không điểm nào ở nước Pháp thoát khỏi. Mạch đập mạnh khắp nơi. Cũng như các mảng mỏng mọc trong cơ thể con người do một số bệnh tật, màng hội kín bắt đầu giăng khắp đất nước. Từ hội những người bạn dân nửa công khai nửa bí mật, nảy ra hội nhân quyền. Hội nhân quyền đã đề ngày tháng như sau vào một bản nhật lệnh: *tháng Mưa năm cộng hòa 40*. Mặc dù có những bản án tòa thượng thẩm buộc nó phải giải tán, nó vẫn tồn tại, nó không ngần ngại đặt cho các trung đội của nó những tên ý nghĩa như:

Thương giáo
Chuông kẻng
Đại bác báo động.
Mũ cộng hòa tự do
21 tháng Giêng
Người nghèo
Người lang thang
Tiến lên
Rôbétxpic
Trình độ
Được đấy

Hội nhân quyền đẻ ra hội hành động. Đó là những người sốt ruột họ tự tách ra và chạy trước. Nhiều đoàn thể khác tìm cách tuyển người trong các hội mẹ. Các chiến sĩ kêu ca về việc bị lôi đẳng này kéo đẳng kia. Chẳng hạn *hội Gôloa và Ủy ban tổ chức các thị trấn hội ,đấu tranh cho Tự do báo chí, hội vì Giáo dục nhân dân, hội chống thuế gián thu*. Rồi thì *hội những người thợ bình đẳng* trong đó có ba phái: phái

Bình dẳng, phái *Cộng sản* phái *Cải lương*. Rồi *Đạo quân Paxti* một đám chiến sĩ được tổ chức theo kiểu quân đội: Cứ bốn người thì có một viên hạ sĩ chỉ huy, mười thì có một viên trung sĩ, hai mươi thì có một thiếu úy, bốn mươi thì có một trung úy. Trong đạo quân đó họ không biết nhau quá số năm người. Cách xếp đặt này kết hợp tính cẩn thận với sự táo bạo, thấm nhuần thiên tài Vơniđơ. Ủy ban trung ương tức là cơ quan đầu não, có hai cánh tay: hội hành động là Đạo quân Baxti. Một liên đoàn của những người bảo vệ dòng vua chính thống, tên là Liên đoàn những Tráng sĩ trung thành rục rịch giữa những tổ chức dân chủ ấy. Họ bị tố giác và khai trừ.

Các hội thủ đô đâm chi nhánh ở các thành phố lớn. Lyông, Năngtơ, Litơ, Mácxây, đều có Hội nhân quyền, Hội Sacbônne, Hội những người tự do. Thành phố Exơ có một tổ chức cách mạng lấy tên là La Cuguốcđơ. Chúng tôi từng nói đến tên ấy.

Ở Pari thì khu ngoại ô Xanh Mácxô nhốn nháo không kém khu ngoại ô Xanh Ăngtoan và trường học cũng náo động như ngoại ô. Hiệu cà phê phố Xanh Hyaxanh và hiệu cà phê Xếtbia phố Matuyaranh Xanh Giắc dùng làm nơi liên lạc cho sinh viên Hội những người bạn ABC, chi nhánh của hội ái hữu Ăngiê và của tổ chức La Cugốcđơ ở Exơ nhóm họp ở hiệu cà phê Muyđanh. Cũng những thanh niên ấy lại gặp nhau ở quán rượu Côranhtơ, gần phố Môngđêtua, như chúng tôi đã nói. Những cuộc nhóm họp ấy được giữ kín. Nhiều cuộc họp khác lại rất mực công khai. Người ta có thể nhận thấy họ táo bạo dường nào nếu được nghe một mảng thẩm vấn trong các vụ xét xử về sau: - Cuộc họp diễn ra ở đâu? - Ở phố hòa bình. - Nhà ai? Ngoài đường phố. - Những đội nào có mặt? - Chỉ có một thôi - Đội nào? - Đội Manuyen. - Ai là đội trưởng? - Tôi - Anh quá non trẻ, không thể một mình dám quyết định cái việc nghiêm trọng là tấn công chính phủ. Anh nhận huấn

thị từ đâu? - Từ Ủy ban trung ương.

Quân đội cũng nung lửa như nhân dân, như các vụ binh biến Benpho, Luynêvin, Epinan sau này chứng thực. Người ta trông cậy vào các trung đoàn 52, 5, 8, 37 và trung đoàn 20 khinh binh.

Ở tỉnh Buốcgônhơ và các thành phố miền Nam, người ta trồng cây Tự do, tức là một cột gỗ chụp mũ nồi đỏ.

Tình thế là như vậy đấy.

Phố ngoại ô Xanh Ăngtoan, như chúng tôi đã nói lúc ban đầu, đẩy tình thế ấy lên cao nhất và tình thế đó dễ cảm thấy nhất ở khu vực đó. Đúng đó là chỗ nhói bên sườn.

Cái phố ngoại ô ấy đông như tổ kiến, cần cù lao động can đảm và dễ nổi nóng như một tổ ong. Nó run lên trong chờ đợi và náo nức mong có một chấn động. Sôi sục nhưng mà công việc làm ăn vẫn không gián đoạn. Không thể hình dung được diện mạo linh hoạt mà âm thầm của khu phố ấy. Ở đấy có những cơ cực thất lòng núp dưới các mái nhà ổ chuột; cũng có những trí tuệ nồng nhiệt và hiếm có. Cơ cực cùng đường và thông minh tột bậc mà kết với nhau thì nguy hiểm.

Còn có những nguyên nhân khác làm cho khu ngoại ô Xanh Ăngtoan rung động. Nó hứng các hậu quả của khủng hoảng thương mãi, phá sản đình công, thất nghiệp dính liền với các đại biến động chính trị. Thời cách mạng thì bần cùng vừa là nhân vừa là quả. Bần cùng đánh tới thì cũng bị trả đòn. Cái đám cư dân phố Xanh Ăngtoan có một nền đạo đức hiên ngang một tiềm nhiệt cao nhất, luôn luôn sẵn sàng cầm vũ khí, nhạy bùng nổ, căm giận, sâu sắc, ngún ngầm, cái đám dân cư ấy tuồng như chỉ đợi một tàn lửa rơi xuống. Mỗi khi ngọn gió thời cuộc đưa tới một tia lửa ở chân trời, người ta phải nghĩ tới phố Xanh Ăngtoan và sự ngẫu nhiên khủng

khiếp đã đặt ở cửa ngõ Pari cái kho chứa đạn thường và tư tưởng như một kho chất nổ ấy.

Trong bức phác họa vừa rồi đã xuất hiện các *quán ngoại ô Ăngtoan*, các quán ấy có tên tuổi trong lịch sử. Trong thời biến động, ở đấy người ta say lời nhiều hơn là say rượu. Ở đấy lưu thông một số tư tưởng tiên tri, một luồng không khí tương lai làm nở quả tim và lớn trí tuệ. Các quán ngoại ô Ăngtoan giống như các quán ở đồi Avăngtanh đặt ngay trong hang của bà đồng ngày xưa, và thông với các nguồn khí thiêng. Các bàn uống rượu ở đấy hầu như là một loại bàn ba chân của người đồng bóng, để ngồi uống thứ rượu mà người xưa gọi là rượu của bà chúa thượng ngàn.

Ngoại ô Xanh Ăngtoan chẳng khác gì cái bể chứa đầy dân. Làn sóng cách mạng chuyển động làm cho nó nứt rạn, và từ các chỗ nứt rạn ấy, chủ quyền của dân chảy tháo ra. Chủ quyền ấy có thể làm bậy; nó cũng mắc sai lầm như mọi thứ chủ quyền khác; nhưng dù có lầm đường lạc nẻo đi nữa, nó vẫn vĩ đại. Có thể ví nó với người khổng lồ mù *Anhgtăngxo*.

Năm 93, cứ tùy theo trào lưu tư tưởng tốt hay xấu, tùy theo đó là một ngày cuồng tín hay một ngày hăng hái vì nghĩa, những đội quân xuất phát từ ngoại ô Xanh Ăngtoan là những đội quân dã man, hay là những đám người anh dũng.

Chúng tôi xin giải thích về tiếng dã man. Những ngày khai sinh hỗn độn của cách mạng buổi đầu, những con người rách rưới dữ tợn này vùng đứng lên. Họ vừa gào thét vừa giơ cao giáo mác. Họ muốn gì? Họ muốn chấm dứt mọi thứ áp bức, mọi thứ hung bạo mọi thứ chém giết, họ muốn người lớn có công ăn việc làm, trẻ con được học hành, phụ nữ được có một đời sống xã hội dễ chịu, họ muốn tự do, bình đẳng, bác ái, họ muốn mọi người đều có cơm ăn, đều được quyền suy nghĩ, họ

muốn xã hội này thành một cõi hạnh phúc, họ muốn sự Tiến bộ. Và để đòi kỳ được cái vật thần thánh, hiền lành, dịu ngọt là sự tiến bộ này, họ đã tay dao tay gậy, vừa gầm thét vừa xông lên, mình trần thân trục, như điên như dại, chẳng kể một thứ gì. Họ là những kẻ dã man, đúng; nhưng là những kẻ dã man vì văn minh.

Họ nêu cao chính nghĩa một cách cuồng dại. Họ muốn bắt ép nhân loại đi vào cõi cực lạc, dù bằng khủng bố và dọa nạt cũng không ngần ngại, có vẻ là những người dã man, thật ra họ là những tay cứu khổ cứu nạn. Họ mang mặt nạ đen tối đi đòi ánh sáng.

Chúng tôi đồng ý là họ hung tợn và đáng sợ, nhưng họ hung tợn và đáng sợ vì việc tốt. Bên cạnh họ có những hạng người khác, mặt mày tươi cười, toàn thân đầy vàng bạc, gấm vóc, chân đi tất tơ, giầy bóng, đầu đội mũ giắt lông chim trắng, tay mang găng vàng. Bọn này đang chống tay lên một chiếc bàn rải nhung bên cạnh cái lò sưởi bằng cẩm thạch và đang uốn ba tấc lưỡi để cố giữ nguyên chế độ cũ, chế độ trung thế kỷ, chế độ thần quyền, giữ nguyên tình trạng cuồng tín, ngu dốt tối tăm, giữ nguyên nô lệ, tử hình và chiến tranh. Chúng cũng đang ca ngợi một cách nhỏ nhen và khéo léo cây gươm, giàn hỏa và máy chém. Về phần chúng tôi, nếu phải lựa chọn giữa những người dã man vì văn minh trên kia và những bọn văn minh trong dã man này thì chúng tôi lựa chọn những người dã man.

Tuy vậy, nhờ trời, cũng có thể có một cách lựa chọn khác. Chẳng có một sự nhào đổ chúc ngược nào là cần thiết cả, đổ tới phía trước hay đổ ra phía sau cũng thế. Không độc tài, cũng không khủng bố! Chúng tôi muốn một sự tiến bộ theo độ dốc từ từ, thoai thoải.

Chúa đã lo cho điều đó. Làm cho độ dốc dịu đi, đó là tất cả đường lối chính trị của Chúa.

VI

ĂNGIÔNGRÁTX VÀ CÁC PHÓ TƯỚNG

Cũng gần vào khoảng thời gian ấy, để chuẩn bị cho sự việc có khả năng xảy ra, Ăngiônrátx tiến hành một cuộc kiểm điểm lực lượng bí ẩn.

Mọi người đến họp bí mật ở quán Muyđanh.

Ăngiônrátx vừa nói vừa xen vào một số câu ví von bóng gió, nửa úp nửa mở, nhưng rất ý nghĩa:

- Đã đến lúc chúng ta cần biết chúng ta đã chuẩn bị đến đâu và lực lượng chúng ta trông cậy vào là ai. Muốn có người chiến đấu thì phải làm ra chứ. Đi ra ngoài đường mà gặp nhiều bò thì có phải dễ bị ăn sừng bò hơn là không gặp con nào không? Vậy ta phải đếm thử đàn bò chúng ta một chút. Số lượng chúng ta là bao nhiêu nhỉ? Không được để sang ngày mai mới làm việc ấy. Người cách mạng luôn luôn phải khẩn trương; sự tiến bộ không muốn bỗ mất một phút nào cả. Chúng ta phải đề phòng những cái bất ngờ, không nên để lâm sự vẫn tay không. Vấn đề là phải kiểm tra lại tất cả các chỗ chắp mối trong tổ chức của ta để xem nó có chắc chắn không. Việc này phải làm đến nơi đến chốn hôm nay đây. Cuốcphêrắc, cậu đi gặp anh em Bách khoa. Hôm nay là thứ tư, họ được ra phép đấy. Phoidi, anh sẽ gặp anh em ở Gơlaxie nhé! Côngbơphe có hứa với tôi sẽ đi Pichpuyt. Ở đấy quần chúng đông đảo và tốt lắm. Peruve này, anh em hội Tam điểm họ bắt đầu kém hăng rồi đấy, anh sẽ cho chúng tôi biết tin về cái tổ ở phố Gơrơnen nhé! Giôly sẽ đến bệnh viện Duypuytơren và bắt mạch anh em trường thuốc, Bốtxuyê đi

một vòng ra tòa án và bắn bạc với cánh tập sự trạng sư. Còn tôi, tôi xin phụ trách Hội Cuyguốcđơ.

Thế là mọi việc xếp đặt xong xuôi, Cuốcphêrắc nói:

- Chưa đâu.

- Còn gì nữa?

- Một việc rất quan trọng.

Côngbơphe hỏi:

- Việc gì thế?

Ăngiônrátx đáp:

- Việc phố Men.

Ăngiônrátx trầm ngâm một phút rồi tiếp:

- Phố Men có thợ đá hoa, có họa sĩ, có những người giúp việc trong các xưởng điêu khắc. Bọn họ hăng hái nhưng cũng dễ nguội lạnh. Không biết ít lâu nay họ có chuyện gì đây. Họ lo nghĩ những chuyện đâu đâu, họ mất cả hăng hái rồi. Suốt ngày họ chỉ đánh đôminô. Phải đến gặp họ ngay để nói chuyện mới được, mà phải cương quyết kia. Họ thường gặp nhau ở nhà Risơphơ. Cứ vào quãng từ mười hai giờ trưa đến một giờ là có họ ở đấy. Phải nhen lại những đống tro tàn ấy mới được. Tôi định giao công việc này cho anh chàng Mariuytx đăng trí ấy, hắn ta tựu trung cũng tốt, nhưng hắn lại không đến nữa. Cần một người đi phố Men mới được, nhưng bây giờ thì không còn ai cả.

Gơrăngte nói:

- Còn tớ, có tớ đây này.

- Cậu?

- Tớ.

- Cậu mà đi thuyết phục những người cộng hòa! Cậu mà dùng lý luận hâm nóng những trái tim nguội lạnh!

- Sao lại không?

- Cậu mà cũng có thể làm được một việc gì à?

- Thế mà tớ có tham vọng lờ mờ như thế đó.

- Cậu thì có tin vào cái quái quỉ gì.

- Tin ở cậu.

- Grăngie này, cậu có thể giúp tớ một việc không?

- Việc gì cũng làm. Đánh giầy cho cậu cũng được

- Thế thì thế này nhé, xin cậu đừng mó vào công việc của bọn tớ. Cậu cứ việc nhậu nhẹt say sưa phần cậu đi.

- Ăngiônrátx, cậu vô ơn lắm!

- Cậu mà đi phố Men được à! Cậu có khả năng đi đấy nhỉ.

- Tớ có khả năng xuống phố Gờre, qua công viên Xanh Misen, rẽ sang phố Lơpơranhxơ, qua phố Vôgira, vòng qua phố Átxa đến đường Sécsơ Miđi, dọc theo đường Luylơri, rồi đến phố Men, băng qua hàng rào, bước vào nhà Risơphơ. Việc ấy tớ có khả năng làm. Đôi giầy của tớ cũng có khả năng làm.

- Cậu có quen biết ít nhiều gì với các anh em ở nhà Risơphơ không?

- Cũng chả quen biết mấy. Chỉ đến mức mày tao với chúng nó thôi.

- Cậu sẽ nói gì với họ?

- Tớ nói về Rôbetxpie, chứ cóc gì. Về Đăng-tông nữa. Nói lý luận.

- Cậu!

- Tớ. Thật các cậu chẳng biết cho tớ. Tớ mà ra tay thì ghê gớm đấy nhé! Tớ đã đọc Pơruyom, tớ biết quyển *Khế ước xã hội*, tớ thuộc lòng hiến pháp cộng hòa năm thứ hai. Đây này: "Tự do của một người công dân chấm dứt ở chỗ tự do của

người công dân khác bắt đầu". Cớ phải cậu cho tớ là một thằng ngu ngốc không? Tớ còn giữ một tờ tín phiếu cũ trong ngăn kéo đấy nhé! Nhân quyền này, dân quyền này! Tớ còn nghiêng về phái Hêbe nữa kia. Tớ có thể nhai đi nhai lại những lý luận kêu đáo để, hàng sáu giờ liền, không thèm thiếu một phút đâu.

Ăngiônrátx bảo:

- Cậu nên nói chuyện nghiêm túc đi.

Gờrăngte đáp:

- Tớ hăng máu lắm.

Ăngiônrátx suy nghĩ vài giây, rồi quả quyết:

- Gờrăngte - Ăngiônrátx nói giọng nghiêm trang, - tớ bằng lòng dùng cậu thử. Cậu sẽ đi đến phố Men.

Gờrăngte nhà ở cạnh quán cà phê Muyđanh. Hắn bước ra và năm phút sau lại trở vào. Hắn tạt về nhà, bận cái gilê kiểu Rôbétxpie. Hắn vừa bước vào vừa nói, mắt nhìn chằm chằm Ăngiônrátx:

- Đỏ đây này.

Rồi hắn ngửa tay ấn mạnh vào ngực hai đầu ve áo đỏ rực của chiếc gilê. Hắn bước đến bên cạnh Ăngiônrátx, nói nhỏ vào tai anh:

- Cậu yên trí.

Hắn chụp mạnh mũ lên đầu bước đi.

Mười phút sau, gian sau của quán cà phê Muyđanh vắng hết người. Tất cả bọn nhóm ABC đều đi hết, mỗi người mỗi ngả, ai làm công việc nấy. Ăngiônrátx phụ trách Hội Cuguốcđơ, ra đi sau cùng.

Bấy giờ những hội viên của phân hội Cuguốcđơ ở Exơ đương trọ tại Pari họp nhau ở cánh đồng Itxi, trong một mỏ đá hoang có nhiều ở phía ấy.

Ăngiônrátx vừa đi đến chỗ hẹn, vừa điểm qua tình hình trong trí. Sự việc xảy ra quả là trọng đại. Diễn biến của sự việc rõ ràng là nghiêm trọng. Khi những triệu chứng báo trước cơn bệnh xã hội biến chuyển nặng nề thì một biến chứng nhỏ nhặt nào cũng làm cho nó đình đốn và trở nên rắc rối. Từ hiện tượng đó xảy ra những sụp đổ và những tái sinh. Ăngiônrátx thấy hé dưới chân những mảng tường tối tăm của tương lai một sự vùng lên rạng rỡ. Biết đâu? Thời cơ có lẽ đã đến. Dân chúng giành lại quyền của mình, ôi cảnh tượng mới đẹp làm sao! Cách mạng giành lại nước Pháp một cách vẻ vang và nói to với thế giới: "Chờ xem ngày mai!". Và Ăngiônrátx thấy trong lòng sung sướng. Chàng có cảm tưởng bây giờ bạn bè của chàng như là một dây thuốc súng rải rác khắp Pari. Chàng gom góp trong trí cái tài hùng biện triết lý sâu sắc của Côngbơphe, cái hăng hái cứ chiếng của Phơidi, cái mồm mép thao thao của Cuốcphêrắc, cái cười của Bahôren, cái sầu não của Pơruve, cái tri thức của Giôly, cái châm biếm của Bôtxuyê, để trộn lẫn nhau làm thành một tia điện bắn ra và bắt lửa khắp nơi cùng một lúc. Tất cả anh em đều bắt tay vào việc. Nhất định kết quả sẽ xứng đáng với công phu bỏ ra. Hay lắm. Điều này làm chàng nghĩ tới Gờrăngte. "À, phố Men không cách xa đường ta đi cho lắm. Hay là ta tạt qua nhà Risơphơ thử? Phải đấy, để xem cái anh chàng Gờrăngte này nó làm ăn ra làm sao và công việc đã đến đâu rồi".

Chuông nhà thờ Vôgira đánh một giờ thì Ăngiônrátx đến phòng hút thuốc nhà Risơphơ. Chàng đẩy cửa bước vào,

khoanh tay đứng nhìn gian phòng đầy bàn ghế, đầy người và đầy khói thuốc.

Trong đám mây mù ấy, có tiếng một người vang lên rồi tiếng một người khác cắt ngay lập tức. Đó là cuộc đối thoại giữa Gờrăngte và đối thủ của hắn ta.

Hắn đang ngồi đối diện với một người khác, trước một cái bàn đá, trên mặt bàn rải rác có cám và những quân đôminô, Gờrăngte đấm tay xuống mặt đá, và Ăngiônrátx nghe cuộc đối thoại sau đây:

- Sáu đôi.
- Bốn.
- Con lợn! Tao không có bốn.
- Mày chết. Hai đây.
- Sáu
- Ba
- Át
- Đến tao đặt quân.
- Bốn điểm.
- Khó nhọc lắm.
- Đến lượt mày.
- Tao mắc sai lầm to rồi.
- Mày đi tốt lắm.
- Mười lăm.
- Thêm bảy.
- Tao thành hăm hai. (Mơ màng). Hăm hai.
- Mày không ngờ có hai quân sáu - đôi. Nếu tao đặt nó

ra từ đầu thì tình thế xảy ra khác hẳn.

- Cũng hai thôi.
- Át đấy.
- Át à! Thế thì năm đây.
- Tao không có năm.
- Tao tưởng mày đã đặt?
- U.
- Trắng đây.
- Nó đỏ quá chứ! Ồ! mày đỏ thật! (mơ màng lâu). Hai đây
- Át.
- Không có năm, cũng không át. Mày lúng túng rồi.
- Đôminô.
- Chó đẻ thật.

QUYỂN II

ÊPÔNIN

I

CÁNH ĐỒNG SƠN CA

Mariuytx đã chứng kiến cảnh kết thúc bất ngờ của cuộc mai phục mà chàng báo cho Giave theo dõi từ trước. Nhưng Giave vừa rời khỏi căn nhà nát, mang theo bọn người bị bắt dồn trong ba chiếc xe ngựa to thì chàng cũng lén ra khỏi nhà. Mới chín giờ đêm. Chàng sang nhà Cuốcphêrắc, Cuốcphêrắc lúc này không còn là người dân bất di dịch của xóm la tinh nữa. Vì "lý do chính trị" anh ta đã dời sang phố Verơri. Phố này bấy giờ là một phố mà các cuộc bạo động thích đồn trú, Mariuytx bảo Cuốcphêrắc: tớ đến ngủ với cậu đây, Cuốcphêrắc, kéo một trong hai chiếc đệm đang rải trên giường, bỏ xuống đất: Ừ, thì ngủ đấy.

Sáng hôm sau, vừa đúng bảy giờ, Mariuytx đã trở về nhà trọ. Chàng trả tiền thuê nhà và các khoản vặt vãnh còn thiếu của mụ Bugông. Chàng cho khuân sách vở, giường, tủ, bàn ghế chất lên một chiếc xe ba gác, rồi đi thẳng, chẳng cho ai biết mình đi đâu. Đến khi Giave trở lại để hỏi thêm chàng về việc xảy ra hôm trước thì chỉ gặp có mụ Bugông trả lời gọn lỏn: Dọn đi rồi.

Mụ Bugông nghĩ bụng Mariuytx chắc có dính líu gì đến bọn kẻ trộm bị bắt đêm qua. Mụ chạy đi đánh rao với các mụ gác cổng trong phố. "Ai mà dám ngờ như thế chứ? Một gã trai trẻ, trông lành như con gái ấy!".

Mariuytx dời nhà vội vàng như thế này là có hai lẽ: Thứ nhất vì cái nhà ấy làm chàng ghê tởm. Ở đấy, chàng đã nhìn thấy rõ bộ mặt của tên nhà nghèo bất lương. Tên nhà nghèo bất lương có lẽ còn tởm hơn cả tên nhà giầu độc ác nữa. Thế mà chàng đã nhìn thấy cái vết xấu xã hội ấy gần quá, kỹ quá, trông thấy tất cả sự phát triển hung tợn đáng kinh tởm nhất của nó. Lẽ thứ hai là sau cuộc bắt bớ như thế, bề nào cũng có án tiết lôi thôi, chàng không muốn dây vào đấy làm gì để cho phải ra tòa khai báo buộc tội Tênacđiê.

Giave thì cho rằng chàng sợ hãi đã bỏ trốn, hoặc lúc xảy ra cuộc phục kích chàng chưa về nhà. Hắn có để ý tìm nhưng không kết quả gì.

Một tháng trôi qua, rồi một tháng khác, Mariuytx vẫn ở với Cuốcphêrắc. Một người trạng sư tập sự thường xuyên có mặt ở tòa án cho chàng biết Tênacđiê đang bị giam. Cứ đúng ngày thứ hai mỗi tuần, chàng lại nhờ phòng lục sự chuyển cho hắn năm phơrăng. Chàng không có tiền, phải vay của Cuốcphêrắc. Lần đầu tiên trong đời, chàng đi vay. Món tiền năm phơrăng đều đều mỗi tuần trở thành vấn đề khó hiểu cho người cho vay lẫn người được nhận. Cuốcphêrắc nghĩ bụng: Vay để đưa cho ai nhỉ? Tênacđiê cũng tự hỏi: Của ai gửi cho mình như thế này?

Riêng Mariuytx trong lòng rất ngao ngán. Cuộc đời chàng một lần nữa lại như rơi vào hầm tối. Trước mắt chẳng thấy gì. Bốn bên đều tối tăm bí hiểm, phải đi lò dò, chẳng biết đâu là phương hướng. Có lúc trong bóng tối ấy chàng đã nhìn thấy

rất gần con người đẹp chàng yêu, cả ông cụ già có lẽ là ông thân sinh của người đẹp nữa. Phải, những hình bóng xa lạ đang thu hút tất cả tâm trí chàng, đang là nguồn hy vọng duy nhất của chàng ở cõi đời, những hình ảnh ấy, chàng từng nhìn thấy rất gần. Và lúc chàng tưởng giơ tay với được thì một ngọn gió đã cuốn phăng đi tất cả. Còn biết thế nào mà ước đoán nữa! Đến cái tên của người yêu tưởng là đã rõ, té ra cũng chưa biết là gì. Nhất định không phải là Uyếcxuyn rồi. Còn Sơn ca chẳng qua là một tên tục. Đến như ông già kia thì thế nào? Ông ta muốn lánh mặt cơ quan cảnh sát à? Trong trí chàng hiện lên hình ảnh người thợ tóc bạc chàng gặp dạo nọ. Bây giờ mới rõ người thợ kia và ông Lơ Blăng có lẽ là một. Ông ta cải trang chăng? Con người ấy vừa có gì dũng cảm mà cũng vừa có gì lờ mờ khó hiểu. Tại sao ông ta không kêu cứu. Tại sao lại trốn chạy? Ông ta là bố đẻ cô ấy hay là không phải? Mà ông ta có phải thực là người mà Tênacđiê tưởng nhận ra mặt không? Tênacđiê có thể nhìn lầm chăng? Bấy nhiêu vấn đề vấn đề nào cũng bế tắc. Duy dáng điệu tiên nga của con người đẹp vườn Luýchxămbua thì chẳng giảm chút nào. Tình cảnh Mariuytx khốn đốn, éo le: lòng chàng nặng trĩu tương tư mà mất chàng thì lại bọc đêm tối. Chàng như bị thúc đẩy, bị lôi kéo mà chàng không thể nhích lên một bước. Mọi sự đều tiêu tan, chỉ còn có tình yêu. Mà những bản năng, những linh cảm đột ngột của tình yêu, chàng cũng mất cả rồi. Thói thường, ngọn lửa yêu đương đốt cháy lòng người cũng soi sáng được người ta chút ít. Nhưng Mariuytx lại cũng chẳng còn nghe thấy được lời khuyên nhủ âm thầm nào của tình yêu cả. Chả bao giờ chàng bảo mình: Hay là ta đi đến đó? Hay là ta thử cái này xem? Con người bây giờ chàng biết không còn gọi được là Uyếcxuyn nhất định đang ở một nơi nào đó; nhưng theo hướng nào để tìm nàng,

thì chẳng có gì bảo cho chàng biết. Tất cả cuộc đời chàng, giờ phút này, như chỉ còn là một nỗi băn khoăn không bờ bến trong một đám sương mù dày đặc. Tìm cho thấy mặt nàng, thâm tâm chàng vẫn mong ước, nhưng chàng không dám hy vọng nữa.

Khổ làm sao, chàng lại rơi vào cảnh túng thiếu. Cái nghèo hèn lạnh lẽo, chàng cảm thấy như đã ở cạnh chàng sát bên lưng. Đã lâu rồi, từ ngày tâm thần rối bời đến giờ, chàng chẳng còn làm việc nữa. Làm việc không đều đặn là một điều tối nguy hiểm, vì như thế là đã bỏ mất một thói quen. Bỏ mất thói quen làm việc thì dễ nhưng lấy lại thì rất khó.

Mơ mộng chút ít cũng tốt, nó cũng như chút ít thuốc ngủ nhẹ nhàng. Trí óc làm việc nhiều thường khi sinh ra nóng sốt, bần thần không chịu nổi, những lúc ấy mơ mộng một chút cũng làm cho dịu đi, trong người thấy dễ chịu. Dường như mơ mộng lại còn để tỏa ra trong trí một làn sương êm đềm, mát dịu. Trong làn sương ấy, hình thù quá gồ ghề của tư tưởng cũng trở nên nhẹ nhàng, các lỗ hổng, các khoảng cách rải rác trong trí óc đều được lấp bằng lại, từng loại ý tứ được nối liền nhau và góc cạnh các ý nghĩ cũng được xóa mờ đi. Nhưng mơ mộng thái quá thì trí óc sẽ bị chìm ngập tất thấy. Con người dùng trí óc làm việc mà để mình tự suy nghĩ rơi tõm xuống chỗ mơ mộng thì tai hại biết chừng nào! Họ tin rằng họ sẽ ngoi trở lên được dễ dàng và chung qui, suy tưởng cũng chẳng khác gì mơ mộng. Lầm to!

Suy tưởng là trí óc phải làm việc, còn mơ mộng thì trí óc chỉ hưởng thụ thôi. Dem mơ mộng thay vào suy tưởng thì có khác gì coi thuốc độc cũng như thức ăn?

Bạn đọc còn nhớ Mariuytx đã bắt đầu từ đó.

Ái tình vụt đến khiến chàng say mê, cuối cùng đẩy chàng

xuống cái hố mơ mộng hão huyền không biết đâu là đáy.

Hễ bước ra khỏi nhà là để lang thang mộng tưởng. Thai nghén của sự biếng lười. Vực thẳm huyên náo và tù đọng. Càng ít làm việc, túng thiếu lại càng tăng. Cái luật tự nhiên nó thế! Con người sống trong trạng thái mơ mộng bao giờ cũng hoang phí và nhu nhược; trí óc buông lỏng thì làm gì giữ cho đời sống chặt chẽ được. Trong cảnh sống ấy có cái hay mà cũng có cái dở, lỏng lẻo là có hại nhưng rộng rãi lại là tốt. Có điều đã nghèo, mà rộng rãi, hào phóng, lại không làm việc nữa thì đến nguy. Nguồn thu cạn, túng thiếu hiện ra.

Con đường dốc ấy cực kỳ nguy hiểm; người tốt, xấu, người cương, nhu gì cũng trượt chân rồi nhào như nhau cả. Kết cục là đều rơi tõm xuống một trong hai cái hố này: tự tử hoặc phạm tội ác.

Cứ đi ra để mơ mộng rồi có ngày đi ra để nhảy xuống nước. Già mơ mộng, làm nên những Etcutx và những Lơbrax.

Mariuytx thong thả tụt dần trên dốc ấy, hai mắt đăm đăm nhìn con người đã mất hút. Điều đó có vẻ lạ nhưng đúng là như thế. Nhớ nhung như làm sáng hình ảnh người yêu trong cõi lòng u tối; người càng khuất bóng, hình ảnh lại càng rạng rỡ; tấm lòng thất vọng chỉ còn nhìn thấy có một chút ánh sáng ấy; đó là ngôi sao trong đêm tối nội tâm.

Nàng, đó là tất cả ý nghĩ của Mariuytx. Chàng không còn có suy nghĩ gì khác. Chàng chỉ mang máng cảm thấy cái áo cũ của chàng không còn cách gì dùng được nữa, cái áo mới cũng đã đủ rồi, cái sơ mi thì đã sờn, cái mũ, đôi giầy đều mòn hỏng, nghĩa là cả cuộc đời chàng cũng mòn mỏi. Chàng tự nhủ: Ước gì được thấy mặt nàng một lần trước khi nhắm mắt!

Chỉ còn một ý nghĩ làm chàng dịu được cõi lòng: Nàng đã yêu chàng. đôi mắt nhìn của Nàng đã nói lên điều đó. Nàng

không biết chàng tên họ gì nhưng lại hiểu thấu tâm hồn chàng, và biết đâu, dù ở nơi nào bí ẩn đi nữa, Nàng cũng vẫn yêu chàng? Ai dám bảo Nàng không trông tưởng đến chàng như chàng trông tưởng đến Nàng? Có những giờ phút mình không giải đáp được cho mình, - tình yêu thường có những phút như thế - trong lòng toàn những có đáng buồn mà lại cứ cảm thấy một niềm vui âm thầm, nhẹ nhàng, chàng tự bảo: Đó là ý nghĩ của nàng truyền đến cho ta! Rồi lại thêm: Có lẽ ý nghĩ của ta cũng đến với nàng như thế này.

Cái ảo tưởng ấy, một chốc sau, chàng lắc đầu hoài nghi. Nhưng nó đã gieo được vào lòng chàng những tia sáng có khi na ná như là hy vọng. Thỉnh thoảng, nhất là về chiều, cái giờ làm cho tâm hồn mơ mộng càng sâu muộn, chàng hạ bút ghi vào quyển vở giấc mơ trong sáng nhất, tốt đẹp nhất đang tràn ngập tâm trí say yêu của chàng. Chàng cho như thế là "viết thư cho nàng".

Không nên nghĩ rằng trí óc chàng rối loạn. Ngược lại chàng đã mất các khả năng làm việc nhằm một mục đích nhất định, nhưng mà hơn lúc nào hết chàng sáng suốt và chu đáo. Chàng nhìn thấy những gì diễn ra trước mắt, cả những sự việc và những con người ít liên quan nhất, với một thứ ánh sáng yên lành và chân thực. Đối với việc gì, chàng cũng nói tiếng nói đúng nhất mà rõ ràng là ngao ngán và vô tư. Hầu như không dính chút mong ước nào, sự xét đoán của chàng rất cao đạo.

Sống trong tâm trạng ấy, không gì thoát khỏi mắt chàng, không gì lừa nổi chàng; mỗi phút chàng mỗi khám phá chiều sâu của cuộc sống, của nhân loại và vận mệnh con người. Dù khắc khoải, những người được thượng đế ban cho một tâm hồn xứng đáng với tình yêu và tai họa là những người sung sướng! Ai không từng trải việc đời và lòng người dưới hai thứ ánh sáng ấy thì không thấy chút gì là chân lý và không biết

gì cả.

Một tâm hồn yêu đương và đau khổ là một tâm hồn đạt đến cao siêu.

Dù sao ngày tháng cứ qua và chẳng có chyện gì mới xảy đến. Mariuytx chỉ có cảm giác quãng dốc đáng sợ mà chàng còn phải trải qua hình như mỗi phút mỗi ngắn lại. Tuồng như chàng đã hé thấy rõ cái hố sâu thăm thẳm.

- Sao! - chàng lắp đi lắp lại cho mình nghe. - Thực ta sẽ không gặp lại nàng trước ư!

Đi ngược hết phố Xanh Giắc, bỏ bức rào, đi về phía tay trái, thì đến phố Xăngtê, phố Gơlaxie, rồi trước khi đến dòng sông nhỏ Gơbelanh thì người ta bắt gặp trước mặt một quãng đồng. Trong cái vành đai dài và đơn điệu của các đại lộ quanh Pari, đây là nơi độc nhất mà Ruytxđaen[1] có lẽ thích ngồi.

Có một vẻ gì xinh đẹp trong cái cảnh bày ra trước mắt; một đám cỏ xanh với những dây phơi quần áo rách, một chiếc nhà cũ của những người hàng rau làm đâu từ thời Luy XIII, mái mẹ lởm chởm mái con, mấy hàng dậu mục nát, một vài vũng nước dưới rặng bạch dương, vài người đàn bà và tiếng cười, nói. Ở chân trời, đài Păngtêông, cây của những người điếc - Câm, tu viện Vanđơgraxơ lù lù, đen thui, kỳ quái, ngộ nghĩnh nguy nga, và ở cuối là cái chóp vuông nghiêm nghị của nhà thờ Đức Bà. Cảnh cũng đáng ngắm nên ít người lai vãng. Chừng như cứ mười lăm phút họa hoằn mới có một cỗ xe bò hay một anh phu xe.

Một lần, lang thang một mình, Mariuytx đặt chân đến đây. Hôm đó trên đường lại có một người đi qua. Chừng như ngạc

(1) Ruysdael: họa sĩ Hà Lan thế kỷ XVII, nổi tiếng về những bức tranh phong cảnh màu sắc ấm áp, chi tiết chính xác.

nhiên trước vẻ đẹp gần như hoang vu của cảnh vật. Mariuytx hỏi người qua đường: - Đây là chỗ nào nhỉ?

Người bộ hành đáp: - Đây là cánh đồng Sơn ca.

Và tiếp: Đây là chỗ Uynbách giết người con gái chăn cừu ở Ivory.

Sau tiếng Sơn ca, Mariuytx không còn nghe thấy gì thêm nữa. Trong trạng thái mơ mộng có khi chỉ một giống cũng đủ làm cho trí óc ngưng đọng lại một cách bất ngờ. Cả tâm trí bỗng nhiên ngưng chung quanh một ý nghĩ và không còn thu nhận được một cái gì khác. Sơn ca chính là cái tên mà Mariuytx dùng để gọi thay cho tên Uyếcxuyn trong những phút buồn phiền sâu lắng. Sững sờ, chàng tự nhủ:

- A ra đây là cánh đồng của nàng. Nhất định ta sẽ tìm ra nơi nàng ở.

Nghe thật là vô lý, nhưng không có gì ngăn cản nổi ý nghĩ ấy. Và ngày nào chàng cũng đến thăm cánh đồng Sơn ca.

II

CÁC VỤ CƯỚP CỦA GIẾT NGƯỜI ĐƯỢC THAI NGHÉN TRONG NHÀ TÙ NHƯ THẾ NÀO

Thắng lợi của Giave trong nhà nát Gorbô có vẻ như hoàn toàn, thật ra thì không.

Trước hết, và đây là điều lo nghĩ chính của Giave, anh ta không bắt giữ người bị bọn kẻ cướp bắt giữ. Người bị giết mà cũng trốn đi thì còn đáng nghi hơn kẻ giết người nữa; có phần chắc là cái nhân vật quí giá đối với bọn kẻ cướp ấy cũng là miếng mồi ngon không kém đối với người cầm quyền.

Rồi thì thằng Môngpácnát cũng trốn thoát. Phải chờ một cơ hội khác để tóm cổ thằng "công tử của quỉ vương" đó. Quả vậy thằng Môngpácnát gặp Êpônin đứng gác ở dưới hàng cây của đại lộ, đã giết cô ả đi vì nó thích tình tự với cô gái hơn là hoạt động với ông bố. May cho nó biết bao. Nhờ vậy mà nó thoát lưới. Còn Êpônin thì lại bị Giave chộp. Sự bù đắp ấy chả thấm vào đâu! Êpônin theo Adenma vào ngục.

Cuối cùng là việc thằng Clacơxu mất tích trong lúc chúng bị giải đi từ nhà Gorbô đến trại giam La Forxơ. Không ai biết sự việc đã xảy ra như thế nào, đội viên cũng như đội trưởng đều nói "chẳng hiểu trời đất gì" trong ấy. Nó đã biến ra mây khói, nó luồn qua khóa tay mà đi, nó đã chảy qua các khe hở của chiếc xe nút đáy và đã chạy mất. Ở trong vụ này, có tiên thuật hay là cảnh sát thuật gì đấy. Clacơxu đã tiêu tan trong bóng tối như tuyết tan trong nước chăng? Hay là có sự đồng hòa kín đáo của nhân viên cảnh sát? Hoặc nó là cái cẩm nang mặt hai mặt của trị an lẫn rối loạn? Cái thằng ấy cũng có thể là tâm điểm chung của tội phạm và trấn áp. Hay là một con quái bí mật, hai thân trước đặt trong tội ác, hai chân sau đứng trong uy quyền. Giave thì không chấp nhận những thu xếp kiểu ấy. Nhưng đội tuần tra của anh ta gồm một số thanh tra khác, dù là thuộc quyền anh ta nhưng lại được truyền đạt những bí mật của cảnh sát. Còn Clacơxu thì là một tên vô lại cỡ lớn cho nên cũng có thể là một nhân viên mật thám hạng cừ. Lẩn lút trong đêm tối tài tình như thế thì làm ăn cướp cũng cừ khôi mà làm mật thám cũng tuyệt diệu. Có những tên vô lại hai chiều cũng như có những con dao hai lưỡi. Dù sao thì cái thằng Clacơxu lạc mất cũng không sao tìm lại Giave lấy làm tức tối hơn là ngạc nhiên.

Còn về Mariuytx, cái "chú trạng sư ngốc nghếch đã hoảng

sợ ấy" mà Giave quên mất tên, thì Giave chẳng thiết. Và chăng một anh trạng sư thế nào chẳng gặp lại. Thế nhưng chú ấy có phải chỉ là trạng sư thôi không?

Cuộc điều tra bắt đầu.

Viên dự thẩm nghĩ rằng miễn cho một tên trong bọn Patơrông Minét khỏi bị giam ngục tối, có lẽ có ích, vì có thể nhờ nó ba hoa mà dò ra manh mối. Tên đó là Bruygiông, cái thằng đầu tóc rậm rịt ở phố Pơti Băngkiê. Người ta tha cho nó ở sân Sáclơmanhơ và cho mật thám theo dõi.

Cái tên họ Bruygiông thì ký ức của nhà lao La Forxơ còn ghi nhớ. Trong cái sân ghê tởm của tòa Nhà mới mà chính phủ gọi là sân Xanh Bêcna, còn bọn trộm cướp thì gọi là chuồng sư tử, có một bức tường lớn ghồ ghề loang lổ, ở bên trái, cao đến ngang mái nhà, gần cái cửa sắt rỉ dẫn đến điện thờ của tòa lầu công tước Đơ La Forxơ ngày nay làm nhà ngủ cho bọn kẻ cướp. Cách đây mười hai năm, người ta thấy trên bức tường ấy một công sự khắc thô vụng vào đá bằng đanh sắt, ở dưới có chữ ký:

BRUYGIÔNG, 1811.

Tên Bruygiông năm 1811 này là bố của Bruygiông năm 1832.

Tên Bruygiông sau, mà chúng ta đã gặp trong vụ mai phục nhà Gorbô, là một thanh niên láu cá và nhanh nhẹn với dáng điệu bên ngoài đần độn và hay rên rỉ. Viên dự thẩm trông thấy hắn đần độn đã thả hắn, vì cho rằng hắn ở ngoài sân Sáclơmanhơ thì có ích hơn là ở trong buồng giam kín.

Bọn trộm cướp chẳng hề ngừng hoạt động khi ở trong nhà tù. Có gì đâu mà phải thay đổi. Vì một tội ác mà phải ngồi tù thì có cản trở người tù bắt đầu một tội ác khác đâu? Họ

tựa như những nghệ sĩ đã có một bức tranh ở phòng triển lãm vẫn cặm cụi vẽ bức khác ở xưởng họa của mình.

Nhà lao hình như làm cho Bruygiông hóa dại. Có khi hàng giờ người ta thấy hắn đứng trong sân Sáclơmanhơ, bên cạnh cái cửa sổ con của căngtin, nhìn đăm đăm cái bảng giá như một đứa đần độn. Cái biển thảm hại kia ghi giá từ: *tỏi, 62 xăngtim,* đến *xìgà 5 xăngtim.* Hoặc là hắn đứng run, răng va cồm cộm, nói mình bị sốt và hỏi thăm xem trong số hai mươi tám cái giường dành cho người sốt rét, cái nào còn trống.

Đột nhiên vào quãng nửa sau tháng Hai năm 1822, người ta biết rằng Bruygiông ngái ngủ ấy đã cậy những người chạy việc trong nhà lao làm ba việc khác nhau cho ba người đồng bọn của hắn. Hắn đã tiêu năm mươi xu về việc ấy cho nên viên cai ngục chú ý về khoản chi tiêu quá lớn.

Người ta tìm hiểu. Tra cứu bảng giá thù lao các công việc chạy thư, mua sắm vặt vãnh yết ở buồng khách của phạm nhân, người ta biết rằng số tiền năm mươi xu ấy đã dùng để trả cho một người đi điện Păngtêông hết mười xu, một đi nhà thờ Vanđơ - Graxơ mười lăm xu và một cổng đi Grơnen hai mươi lăm xu. Việc sau cùng này được ghi giá cao nhất. Thế mà ở điện Păngtêông, ở Vanđơ Graxơ và ở cổng Grơnen có ba tay đầu trộm đuôi cướp rất gườm là Cơruyđơniê, tức Bidarô, Glôriơ, tù khổ sai mãn hạn, và Barơcarôtxơ. Sự việc này khiến cảnh sát lại chú ý đến chúng. Người ta đoán những tên này thuộc toán Patơrông Minét mà hai thủ lĩnh Babe và Gơlơme đã bị tống ngục. Người ta ước đoán những vật Bruygiông gửi đi không phải để trao cho những người có nhà cửa, mà để trao cho những người đợi ở ngoài đường phố và trong các vật ấy, có giấy mách bảo về một tội ác đang thai nghén. Còn có những dấu hiệu khác. Người ta tóm ba tên

lang thang và người ta tưởng đã phá tan được cái âm mưu gì đó của Bruygiông.

Độ một tuần sau, một đêm, trong khi tuần tra phòng ngủ tầng dưới của tòa nhà mới, viên giám thị đi tuần nhìn qua cái cửa sổ con trông thấy Bruygiông đang ngồi viết gì trên giường, dưới ánh sáng của cây nến. Đó là vào giờ người tuần tra bỏ hạt dẻ vào hộp. Người ta dùng các cách ấy để kiểm soát xem những viên giám thị có làm đúng phận sự không, cứ mỗi tiếng đồng hồ, phải có một hạt dẻ rơi vào mỗi hộp đóng ở cửa các phòng ngủ. Viên giám thị vào phòng, phạt Bruygiông một tháng xà-lim, nhưng không bắt được mẩu giấy hắn viết. Mật vụ cũng không biết gì hơn.

Điều biết chắc là sáng hôm sau, có một "giọt nước bọt" ném từ sân Sáclơmanhơ sang chuồng sư tử, vòng cung qua mái nhà năm tầng nằm ngăn cách hai sân.

Tù nhân gọi "giọt nước bọt" là cái viên ruột bánh mì nắn rất mỹ thuật mà chúng gởi "qua Airơlan" nghĩa là vượt qua mái một nhà lao để đi từ sân này qua sân nọ. Từ ngữ tầm nguyên: *qua Airơlan* nghĩa là vượt qua Anh-Cát-Lợi, từ đất này sang đất nọ. Viên bánh rơi trong sân. Người nhặt được bẻ ra và tìm thấy một mảnh giấy viết cho một người tù ở trong sân. Nếu người bắt được là một người tù thì hắn sẽ trao thư đúng địa chỉ; nếu là một tên lính gác hoặc là một trong những tên tù bị mua chuộc mà ở các nhà tù thường gọi là cừu, ở các nhà lao khổ sai gọi là cáo, thì mảnh giấy bị mang đến phòng lục sự hoặc giao cho công an.

Lần này, "giọt nước bọt" đến đúng địa chỉ, mặc dù người được thư đã bị giam giữ cách ly. Cái người nhận thư ấy chính là Babe, một trong bốn tay đầu sỏ của nhóm Patơrông-Minét.

"Giọt nước bọt" đựng một mẩu giấy quấn tròn chỉ mang

hai dòng chữ:

"Babe. Có một vụ đáng làm ở phố Poluyme. Chấn song nhìn ra vườn".

Đó là cái mà Burygiông viết trong đêm.

Bất chấp những ông và những bà soát xét, Babe vẫn tìm được cách gửi mảnh giấy từ nhà lao La Forxơ sang nhà lao Xanpêtơrie cho một "bà bạn tốt" của hắn bị giam ở đấy. Bà bạn này chuyển mảnh giấy đến cho một bà quen biết, tên là Manhông, rất được công an chú ý nhưng chưa bị tớm. Cái mụ Manhông mà bạn đọc đã từng thấy tên, cái mụ ấy có những quan hệ với vợ chồng nhà Tênacđiê sau này sẽ được soi sáng. Mụ có thể đi gặp Êpônin và như vậy là mụ bắc cầu giữa nhà lao Xanpêtơrie và nhà lao Madơlônnét.

Chính lúc ấy là lúc Êpônin và Adenma được phóng thích vì trong khi xét hỏi Tênacđiê về con gái hắn, quan tòa không tìm thấy đủ bằng chứng để buộc tội chúng nó.

Mụ Manhông đứng rình ở cửa ngục Madơlônnét, trao mảnh giấy cho Êpônin khi cô ả đi ra và dặn cô ả *làm sáng tỏ* vấn đề.

Êpônin đi đến phố Poluymê, trinh sát hàng song sắt và khu vườn, quan sát ngôi nhà, rình mò, xem kỹ, mấy hôm sau thì nó đến phố Clôsopéc, nơi trú ngụ của mụ Manhông, và đưa cho mụ ấy một chiếc bánh quy. Mụ Manhông mang chiếc bánh đến cho mụ nhân tình của Babe ở phố Xanpêtơrie. Một chiếc bánh quy, trong ngôn ngữ tượng trưng đen tối của các nhà tù có nghĩa là: *Không có gì đáng làm.*

Vì thế, không đầy một tuần sau, khi Babe và Bruygiông gặp nhau, Bruygiông hỏi; Thế nào đấy, phố P?- bánh quy, Babe đáp. Đó là lúc hai đứa gặp nhau tiên con đường đi tuần của nhà lao La Forxơ, một thằng đến phòng dự thẩm để cung khai, một thằng từ đó đi trở về ngục.

Cái bào thai tội ác mà Bruygiông có chửa trong nhà ngục La Forxơ đã bị đẻ non như thế đó.

Cái vụ đẻ non này mang những hậu quả nằm ngoài chương trình Bruygiông. Chúng ta chờ xem.

Nhiều khi tưởng rằng thắt nút một sợi chỉ, lại hóa ra thắt nút một sợi chỉ khác.

III

CỤ MABỚP THẤY MA HIỆN

Mariuytx chẳng viếng thăm một ai nữa, chỉ thỉnh thoảng lại gặp ông cụ Mabớp.

Trong khi Mariuytx cứ từng bậc một dần bước xuống cái thang gác ghê rợn đưa tới những hầm sâu hố tối, ở đấy người ta nghe những kẻ sung sướng như bước đi trên đầu mình, thì đằng cụ Mabớp, cụ cũng xuống dốc như thế.

Sách *Hoa quả xứ Côtơrê* tuyệt đối không còn bán được quyển nào. Cuộc thí nghiệm về chàm không thành công chút nào trong cái mảnh vườn Auxtéclít thiếu ánh sáng. Cụ Mabớp chỉ trồng được ở đấy một vài thứ cây ưa ẩm và cớm. Mặc dù thế, cụ không thất vọng. Cụ đã xin được một khoảng đất ở vườn bách thảo, khá thoáng, để lại "bỏ tiền" thí nghiệm về chàm. Cụ đã mang các bản khắc đồng của tác phẩm mình đem cầm để lấy tiền làm việc ấy. Cụ cũng đã rút bữa ăn trưa xuống còn hai quả trứng, nhưng lại để dành cho một bà ở già mà đã mười lăm tháng nay cụ không trả tiền công. Thường thường bữa ăn trưa ấy lại là bữa ăn duy nhất trong ngày. Ông cụ không còn giữ cái cười trẻ con nữa, trở nên buồn rầu, và không còn muốn tiếp một ai. Mariuytx không nghĩ tới việc

đến cụ là phải. Đôi khi, trên đường đi tới Bách thảo, cụ già lại gặp chàng thanh niên ở phố Ôpitan. Cả hai đều không nói gì, chỉ gật đầu ra hiệu một cách buồn bã. Kể cũng đau lòng thật có lúc cái nghèo làm cho người ta phải xa nhau là thế! Trước kia là bạn bè, bây giờ chỉ là khách qua đường thôi.

Anh hàng sách Rôian đã qua đời. Cụ Mabớp chỉ còn biết đến mấy quyển sách, mảnh đời và việc làm chàm của mình. Tất cả hạnh phúc, thú vui, hy vọng của cụ đều thể hiện ra dưới ba hình thái ấy. Thế mà cũng đủ cho cụ sống được rồi. Cụ tự bảo: - Bao giờ mình chế được những viên thuốc nhuộm màu xanh chàm thì nhất định là phú qúy; bấy giờ sẽ chuộc các thứ đồ đồng lại, quảng cáo ầm ĩ trên báo chí, dùng cả trống kèn để chiêu khách làm cho cuốn *Hoa quả* của mình trở lại nổi tiếng như cồng và ta sẽ mua một cuốn *kỹ thuật hàng hải* có tranh khắc gỗ, bản in năm 1559, mua ở đâu ta biết chỗ rồi. Trong khi đợi thời, cụ cặm cụi suốt ngày ngoài đám chàm, đến tối mới về tưới vườn và đọc sách. Khoảng ấy cụ đã xấp xỉ tám mươi.

Một buổi tối, ông cụ thấy tận mắt một sự hiển hiện kỳ dị.

Hôm ấy, cụ về đến nhà thì trời hãy còn sáng. Bà Pơluytác trong người khó ở đã đi nằm. Ăn xong miếng bánh mì với một ít thịt còn dính trên mẩu xương, để trên bàn dưới nhà bếp, cụ ra ngồi trên tảng đá dùng làm ghế ngoài vườn.

Bên cạnh chiếc ghế đá, như thói thường trong các vườn cây ăn quả kiểu xưa, có một chiếc hòm gỗ mục, hai tầng, tầng dưới là chuồng thỏ, tầng trên là chỗ để trái cây. Thỏ thì không có nhưng lại có mấy quả táo để dành ăn mùa đông còn sót lại.

Cụ Mabớp hấp háy đôi kính, vừa giở sách vừa đọc. Tính

vốn rụt rè, nên cụ có phần dễ tin nhảm. Cớ hai cuốn sách cụ rất ham và làm cho cụ phải luôn luôn nghĩ tới. Tuổi tác rồi mà như thế mới nguy chứ! Một là quyển sách có tiếng của Dơlăngcơrơ "*Sự biến hiện không chừng của loài qủy*". Còn quyển kia là của Rôbuđiê "*Nói về lũ qủy ở Vôve và bọn yêu tinh ở Bievơrơ*". Cuốn sau làm cho cụ càng chú ý mảnh vườn nhà là nơi trước kia yêu tinh thường hay lui tới. Hoàng hôn xuống dần. Mọi vật trên cao nhuộm màu trắng nhạt, dưới thấp bóng tối đen thẫm lại. Cụ vừa đọc sách vừa ngắm cây trong vườn, đặc biệt nhìn một cây sơn lựu xinh đẹp mà cụ coi là mối an ủi cho tuổi già. Bốn ngày vừa qua, toàn nắng và gió, không có lấy một giọt mưa. Cành cây nghiêng ngả, nụ hoa rũ rượi, lá rụng rơi, cần phải tưới nước, nhất là cây sơn lựu trông càng tiều tụy. Cụ là người coi hoa lá có linh hồn như người. Mặc dù cả ngày đã mệt nhoài với các luống chàm, cụ vẫn cố đứng dậy, đặt sách xuống ghế và lom khom, khập khiễng đi đến giếng nước. Nhưng nắm được dây mà không còn sức kéo khỏi móc. Cụ quay lại, ngẩng đầu nhìn lên vòm trời đầy sao, cặp mắt thất vọng.

Trời trong vắt, cái trong trẻo này có dáng như một niềm vui độc ác và trường cửu làm cho người đau khổ càng thêm đau khổ. Cứ kiểu này thì đêm rồi cũng như ngày, khô cháy thôi.

- Sao chi chít! - cụ nghĩ bụng - một gợn mây cũng không có, một giọt nước cũng không!

Cụ thôi ngẩng nhìn trời, đầu cúi rũ xuống.

Một chốc lại ngước lên, nhìn trời lẩm bẩm:

- Lạy trời thương, rưới cho một giọt lệ sương cũng được. Cụ lại cố kéo dây lần nữa, nhưng đành chịu.

Vừa lúc ấy cụ nghe có tiếng nói:

- Cụ Mabớp, cụ có muốn tôi tưới giúp vườn cho không? Trong hàng giậu nghe sột soạt như có tiếng động của thú dữ đi qua. Một cô gái, người cao gầy, từ đám cây gai rậm rịt bước ra, đến trước mặt, nhìn thẳng vào cụ. Ông cụ có cảm tưởng đó không phải là một con người bằng xương bằng thịt mà là một bóng ma vừa hiển hiện trong hoàng hôn.

Ông cụ vốn là người yếu bóng vía, rất dễ kinh hoàng thế mà cụ chưa kịp mở miệng nói nửa lời, bóng ma ấy đã mở dây, thả gàu xuống nước, múc nước lên đổ đầy thùng tưới, thoăn thoắt, vội vàng một cách kỳ dị. Rồi cái bóng ma đi chân đất, quần áo rách tươm ấy lại chạy từ luống này qua luống khác phân phát sự sống cho cây cối chung quanh mình. Tiếng nước rơi trên lá làm cho cụ hả hê. Cụ nghĩ rằng cây sơn lựu chắc là sung sướng lắm.

Tưới xong thùng đầu, cô gái múc một thùng khác, rồi một thùng khác nữa. Cô tưới cả vườn.

Bóng cô đen thẫm đi lại giữa các luống hoa, hai mối khăn chùm rách tươm phất phơ trên hai cánh tay gầy guộc, trông có vẻ như một con dơi.

Cô vừa tưới xong đâu đấy, cụ Mabớp sung sướng đến chảy nước mắt, tiến sát đến gần, đặt bàn tay lên trán cô:

- Chúa sẽ ban phúc cho cô, cô săn sóc hoa, hẳn cô là một thiên thần.

Cô gái trả lời:

- Không, tôi là qủi sứ thôi, nhưng cái ấy cũng chả sao. Ông lão không đợi đáp, cũng không nghe câu đáp, vội kêu lên:

- Cô khổ, tôi nghèo nàn, khổ sở quá, chả biết đáp ơn cô bằng cách nào!

- Cụ ơi, có cách đấy.

- Cách gì?

- Cụ làm ơn bảo giùm cháu, ông Mariuytx nhà ở đâu?

Ông lão không hiểu gì cả.

- Ông Mariuytx nào?

Cụ ngước cặp mắt đục lờ lên, như tìm một hình ảnh đã xóa mờ.

- Anh thanh niên hay đến đây dạo trước ấy à.

Ông lão đã lục lọi khắp trí nhớ, bỗng cất tiếng:

- À, phải rồi,... tôi hiểu cô nói gì rồi. Cô thư thả nhé! Anh Mariuytx, nam tước Mariuytx Pôngmécxi chứ gì? Anh ta ở ... đúng hơn anh ta không còn ở ... À, tôi không biết rõ gì về anh ta cả.

Ông lão vừa nói vừa cúi sửa một cánh sơn lựu, rồi tiếp:

- À này, bây giờ tôi nhớ ra rồi. Anh ta thường qua lối phố lớn và đi về phía phố Cơrulơ Bácbơ, chỗ đồng Sơn ca ấy. Cô đi về lối đó thì gặp anh ta cũng dễ thôi.

Khi ông cụ đứng thẳng người dậy thì không còn ai trước mặt cả, cô gái đã biến đâu mất.

Ông cụ thấy hơi rờn rợn trong mình. Cụ nghĩ thầm:

- Tưới cả vườn đây này, nếu việc không sờ sờ như thế thì chắc mình phải tin là ma hiện.

Một giờ sau, đi ngủ, cái việc đó lại hiện ra trong trí cụ. Đó là cái lúc chập chờn mà trí óc dần dần đi vào cõi mộng để xuyên suốt giấc ngủ, cũng như con chim thiêng trong thần thoại đã hóa cá để vượt đại dương. Cụ mơ màng nói:

- Thật ra, cũng giống hệt như chuyện Rubôđiê kể về loài yêu tinh. Hay cũng là một con yêu tinh đó?

IV

MARIUYTX CÚNG THẤY MA

Mấy hôm sau ngày "bóng ma" đến thăm cụ Mabớp, bữa ấy là sáng thứ hai, như thường lệ Mariuytx vay Cuốcphêrắc một đồng trăm xu cho Tênacđiê. Bỏ xong tiền vào túi, Mariuytx dạo một vòng trước khi mang lại phòng lục sự của nhà ngục. Chàng định bụng may ra như thế lúc trở về sẽ có thể làm việc được. Kể ra bữa nào cũng thế cả. Vừa ngủ dậy, chàng đã đem sách giấy ra để trước mặt dịch nguệch ngoạc một vài dòng. Lúc ấy chàng đang dịch ra Pháp văn những bài trong cuộc tranh luận của người Đức, cuộc tranh luận giữa Găngxơ và Xavinhi. Chàng cầm đến Găngxơ, rồi cầm đến Xavinhi đọc bốn dòng, thử viết ra một dòng, nhưng ngòi bút kéo không ra chữ, còn con mắt thì thấy hiện một ngôi sao. Chàng bỏ ghế đứng dậy.

Đi dạo một chút để lấy đà mới được.

Và chàng đến cánh đồng Sơn ca.

Đến đấy chàng lại thấy ngôi sao rõ mồn một, còn sách của Găngxơ và của Xavinhi thì quên đâu mất cả.

Chàng trở về, cố làm việc nhưng không được. Bao nhiêu sợi dây đã đứt đoạn trong óc chàng! Một sợi cũng không cách gì nối lại được! Chàng tự bảo:

- Thôi, mai ta không đi chơi nữa. Đi chơi chả làm việc được. Nhưng rồi ngày nào chàng cũng cứ đi.

Chàng ở cánh đồng Sơn ca nhiều hơn là ở nhà Cuốcphêrắc. Đúng ra địa chỉ của chàng là phải thế này: Đại lộ Xăngtê. Gốc cây thứ bảy, kể từ phố Cơrulơ Bácbơ.

Sáng hôm ấy, chàng rời gốc cây ấy đến ngồi trên bệ gạch, dọc bờ sông Gôbơlanh. Mặt trời tươi tắn xuyên vào các chòm lá non sáng ngời.

Chàng mơ màng nghĩ đến "Nàng" rồi dần dần lại tự mình trách mình. Chàng đau lòng nghĩ đến sự lười biếng ngày càng làm tê liệt tâm chí chàng, và cảm thấy trước mắt mình đêm tối mỗi phút một dày thêm đến nỗi không còn nhìn thấy mặt trời nữa.

Khó nhọc lắm chàng mới biết mình đang nghĩ những gì lờ mờ. Năng lực của chàng sa sút đến nỗi chàng không nghĩ được thành lời để mình tự bảo mình, và cũng không có sức để mà buồn bực.

Tuy vậy trong cơn mơ mộng rầu rầu ấy, cảm giác từ sự vật bên ngoài vẫn dội đến tâm trí chàng. Chàng nghe sau lưng, dưới chân mình, tiếng thợ giặt ở hai bên bờ sông đập áo, và trên đỉnh đầu tiếng chim reo hót trong rặng cây. Một đằng là tiếng reo của tự do, của vô tư sung sướng, của lũ chim thong thả rảnh rang; một đằng là tiếng lao động. Cả hai thứ tiếng đều vui vẻ, làm cho trí óc chàng mơ tưởng sâu hơn, gần như là suy nghĩ.

Thình lình, giữa cơn mơ, chàng nghe một tiếng người quen thuộc:

- Kìa, anh chàng đó rồi!

Chàng ngước mắt và nhận ra được Êpônin, cô gái lớn của Tênácđiê, cô bé khốn khổ đã đến nhà chàng một buổi sáng trước đây. Lúc này thì chàng đã biết tên cô. Điều lạ là cô bé trông nghèo hèn đi nhưng lại đẹp thêm lên. Cô đã tiến thêm hai bước, một bước về phía ánh sáng và một bước về phía ngặt nghèo. Cô vẫn đi chân không và ăn bận rách rưới như hôm cô quả quyết bước vào phòng chàng. Nhưng quần áo rách nát của cô hai tháng nay đã cũ thêm: các lỗ thủng rách toạc ra to hơn, các mảnh vải càng xấu xí hơn. Vẫn giọng nói khàn khàn ấy, vẫn vầng trán xám mà nắng gió làm cho nhăn nheo, vẫn làn mắt nhanh nhẹn, lấc láo. Ngoài ra còn có cái khác

trước là gương mặt thêm một vẻ gì hoảng hốt, thảm hại đúng là của người nghèo đói lại vừa ở tù ra. Mấy cọng rơm lẩn trên mái tóc của cô bé. Không phải như Ôphêlia đã điên dại vì lấy cái điên dại của Hămlét, nhưng chỉ vì cô đã chui vào ngủ ở một đống rơm chuồng ngựa nào đó.

Với tất cả hình dung như thế, cô bé vẫn đẹp. Ôi! tuổi xuân sao mà thần tiên thế!

Cô bé dừng lại trước Mariuytx. Nét mặt nhợt nhạt hơi tươi lên và trên môi thoáng như có một nụ cười. Cô bé đứng im một lúc như nói không ra lời. Mãi sau mới nói:

- Rồi cũng phải gặp ông chứ lị! Ông cụ Mabớp nói không sai mà, chính trên đại lộ này đây! Trời! Em tìm ông đến hết hơi, ông có biết đâu đấy nhỉ! Ông có biết không? Em bị giam mất mười lăm hôm, chúng nó mới tha đấy! Lý do là chả có tang chứng gì trên người em cả. Vả lại, em còn là tuổi vị thành niên, thiếu hai tháng nữa. Trời! em tìm ông thật hết nơi hết chốn! Đã sáu tuần rồi đây! Ông không còn ở chỗ ấy nữa à?

Mariuytx đáp:

- Không.

- À, em hiểu rồi. Vì cái chuyện ấy chứ gì. Cái trò ăn cắp ấy khó chịu lắm. Ông không chịu được nên đã dọn đi mà. Này! Sao ông lại đội những thứ mũ dúm đó như thế kia? Thanh niên như ông phải có quần áo đẹp chứ. Ông Mariuytx, ông có biết không? Ông cụ Mabớp ông ấy gọi ông là nam tước gì chứ? Nam tước là những ông già kia, thường mò đến chỗ có nhiều ánh sáng nhất trong vườn Luýchxămbua, đọc tờ *Hàng ngày* một xu một số kia. Có lần em mang thư cho một nam tước loại đó. Ông ta tuổi có đến hơn trăm kia đấy!

- Ông Mariuytx, bây giờ ông ở đâu?

Mariuytx không đáp. Cô bé nói tiếp:

- Ồ, áo ông rách một lỗ, để rồi em vá lại cho mới được.

Giọng cô bé dần dần trở nên buồn:

- Hình như gặp em ông không bằng lòng thì phải?

Mariuytx không nói gì; cô bé cũng lặng im một lát, rồi nói to:

- Em mà muốn thì em bắt ông tỏ vẻ bằng lòng được ngay.

Mariuytx hỏi:

- Sao! Cô nói gì thế?

Cô bé giãn lại:

- À! Trước đây ông gọi em là em kia.

- Ừ, thế thì em nói thế nào?

Cô bé cắn chặt môi, không nói. Hình như đang có cuộc xô xát gì trong lòng. Sau cùng, cô có vẻ quả quyết.

- Thôi mặc kệ, cũng chả sao. Ông đang có vẻ buồn rầu, mà em thì lại muốn ông được vui lên. Ông hứa với em là ông sẽ cười đi. Em muốn thấy ông cười và nói: "Thế à! Thế thì tốt lắm". Tội nghiệp ông Mariuytx. Ông biết không! Ông có hứa ông cho em tất cả cái gì em muốn phải không?...

- Ừ, thì em nói đi!

Cô bé nhìn thẳng vào mắt Mariuytx:

- Em biết địa chỉ rồi.

Mariuytx tái người đi. Máu dồn cả vào tim.

- Địa chỉ nào?

- Địa chỉ mà ông hỏi em!

Cô nói tiếp như cố hết sức:

- Địa chỉ của... ông biết chứ?

Mariuytx lắp bắp:

- Ừ!

- Của tiểu thư ấy!

Nói xong tiếng ấy, cô bé thở ra một cái dài.

Mariuytx nhảy từ bức tường xuống, cuống cuồng nắm lấy tay cô bé.

- Thế à? Đưa anh đi đi! Chỉ cho anh đi! Em muốn đòi gì anh cũng được! Nào, cô ấy ở đâu?

- Đi theo em, cô bé đáp. - Em không biết rõ đường phố và số nhà; ở tận phía bên kia kìa, nhưng em biết rõ nhà. Để em dắt ông đi.

Cô bé rút tay ra, nói tiếp. Giọng cô buồn rầu làm cho người ngoài cuộc ví như nghe thấy thì phải xúc động lắm, thế mà nó chẳng mảy may nào chạm đến tấm lòng của anh chàng Mariuytx đang mê man, sôi nổi:

- Chao! Ông sung sướng quá nhỉ!

Một đám mây như thoáng qua vầng trán Mariuytx. Chàng nắm cánh tay Êpônin:

- Em thề với tôi một điều!

- Thề? cô bé nói - thề nghĩa là làm sao? Này! Ông muốn em thề ư?

Và cô bé cười.

- Êpônin, em hứa với tôi nhé! Em thề với tôi là không nói địa chỉ này với bố em!

Cô bé quay sang phía chàng, vẻ kinh ngạc.

- Êpônin! Sao ông biết em là Êpônin?

- Em hứa với tôi điều tôi vừa nói đi!

Nhưng cô bé như có vẻ không nghe gì cả.

- Dễ nghe đấy! Ông gọi em là Êpônin, được đấy!

Mariuytx nắm cả hai tay Êpônin.

- Trời ơi! em trả lời tôi đi. Chú ý lời tôi nói nhé em thề với tôi sẽ không nói địa chỉ em biết với bố em đi!

- Bố em? Ừ, ừ, bố em! Thế thì ông cứ yên tâm Ông ấy bị giam rồi. Với lại em có bận tâm gì đến bố em đâu!

Mariuytx kêu lên:

- Em vẫn chưa hứa với tôi!

Cô bé vừa nói vừa phá lên cười:

- Buông tôi ra đi! Lay mạnh quá đi thôi! Cớ! Cớ! Em xin hứa, em xin thề! Chuyện gì đến em mà em không thề! Em không mách địa chỉ ấy với bố em đâu. Như thế được chưa? Được chứ?

- Cũng không nói với ai cả! Mariuytx bảo.

- Không nói với ai hết.

- Thôi bây giờ dắt tôi đi đi.

- Đi ngay?

- Đi ngay.

- Theo em - Chao ôi! Sao mà anh chàng mừng rơn thế!

Được mấy bước cô bé dừng lại.

- Ông đi sát em quá, ông Mariuytx ạ. Để em đi lên trước, ông cứ đi sau, làm ra vẻ không phải đi theo em. Không nên để người ngoài người ta thấy một thanh niên tử tế như ông lại cùng đi với một người đàn bà như em.

Không một ngôn ngữ nào có thể nói hết được tất cả ý nghĩa ngụ trong tiếng *đàn bà*, ở giọng nói cô bé ấy, lúc bấy giờ.

Được mươi bước, cô lại dừng lần nữa. Mariuytx tiến kịp. Cô đi một bên, cất tiếng hỏi Mariuytx, đầu không quay lại:

- Này, ông nhớ có hứa với em một cái gì đấy chứ?

Mariuytx sờ tay vào túi áo. Chàng chỉ có vẻn vẹn đồng năm phơrăng dành cho Tênácđiê. Chàng cầm lấy đặt vào tay Êpônin.

Cô bé mở xòe mấy ngón tay, để rơi đồng bạc xuống đất, và nhìn chàng vẻ rầu rầu:

- Em không muốn lấy tiền của ông đâu!

QUYỂN III

NGÔI NHÀ PHỐ POLUYMÊ

I

NGÔI NHÀ CÓ BÍ MẬT

Vào khoảng giữa thế kỷ trước, một ông chánh án tòa án Pari có một người nhân tình nhưng lại muốn giấu thiên hạ, - bấy giờ chỉ các nhà đại qúi tộc mới khoe nhân tình của mình, còn các anh tư sản thì lại giấu đi - nên cho xây một ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô Xanh Giécmanh, trong một phố vắng vẻ là phố Bôlômê ngày nay gọi là phố Poluymê, gần nơi gọi là *Quần thú*.

Ngôi nhà ấy có gác; dưới nhà có hai phòng, một cái bếp; trên gác có hai buồng, một phòng khách nhỏ; sát mái là một gác xép. Trước nhà, một khoảnh vườn độ một sào có cánh cổng lớn song sắt trông ra đường phố. Người đi qua ngoài phố trông vào chỉ thấy có bấy nhiêu. Nhưng phía sau ngôi nhà chính, có một mảnh sân hẹp và cuối sân một cái nhà xép hai gian, lúc cần có thể để một đứa bé con và một bà vú ở đấy.

Chiếc nhà này, phía sau, có một cái cửa che kín, mở đóng rất bí mật, ăn thông với một hành lang hẹp, trên để lộ thiên, dưới lát đá, chạy quanh co giữa hai bức tường cao. Cái hành lang ấy cứ men theo sát các dãy hàng rào, hàng giậu từ vườn

này sang vườn khác, từ đám đất này sang đám đất khác, có lúc đi vòng quanh, có lúc gấp thành góc theo hình các thửa vườn và các đám đất, và cuối cùng dẫn đến một cái cửa cũng bí mật, cách đấy độ một phần tám dặm, gần một khu phố khác, ở tận đầu mút của cái phố Babilôn hiu quạnh.

Ông chánh án đến ở đấy. Ngôi nhà bố trí khéo đến nỗi, người nào có chú ý theo dõi và nhận thấy ông ta ngày nào cũng đi đâu bí mật, cũng không ngờ rằng hễ đi ra phố Babilôn lại tức là đi ra phố Bơlômê. Nhờ khéo xếp đặt mua được đất nên ông có thể thuê người làm con đường bí mật ấy ở trên đất mình không ai kiểm soát được. Về sau ông ta đem bán lại chỗ đất dọc hành lang ấy từng miếng một để người ta làm vườn và trồng trọt.

Các người chủ mới ở hai bên hành lang, cũng tưởng trước mắt mình là một bức tường ngăn, chứ không ngờ có con đường lát đá dài như dải khăn quanh co giữa hai bức tường, đi dọc theo lối luống rau này đến vườn cây khác của họ. Chỉ có chim chóc là nhìn thấy cái vật là lạ ấy. Và các lũ sáo ngà, sáo sậu của thế kỷ trước chắc là đã bàn tán với nhau nhiều về cái ông chánh án ấy.

Ngôi nhà xây bằng đá theo kiểu Măngxa, bọc tường và trang trí bàn ghế theo kiểu Vátô, bên trong dạng động phủ, bên ngoài dáng mềm mại, khuất sau ba lớp rào hoa. Nó có một cái vẻ gì vừa kín đáo, vừa đỏm dáng, vừa long trọng, đúng sở thích của một quan tòa si ái.

Cái nhà ấy và cái hành lang ấy ngày nay đã mất, nhưng trước đây mười lăm năm vẫn hãy còn. Năm 93, một người chuyên đúc nồi đã mua ngôi nhà để hủy phá, nhưng không thanh toán được cho nên bị xử vỡ nợ. Hóa ra ngôi nhà đã hủy phá ông chủ. Từ đấy, ngôi nhà bị bỏ hoang và dần dần

đổ nát như tất cả những nhà cửa không người ở, do đó không được truyền sức sống cho. Bàn ghế ngày xưa vẫn nằm nguyên trong đó. Một tấm bảng vàng, chữ hết đọc được, treo ở rào sắt từ năm 1810 khiến cho số mười, mười hai người mỗi năm đi qua phố Pơluymê biết rằng ngôi nhà sẵn sàng để bán hoặc cho thuê.

Vào cuối thời Quân chủ phục hưng, những khách qua đường đó nhận thấy tấm bảng đã biến mất, hơn thế, những cửa sổ ở tầng một đã mở. Thật vậy, ngôi nhà đã có người ở. Các cửa sổ có những "màn che nhỏ", đó là dấu hiệu trong nhà có phụ nữ.

Tháng 10 năm 1819, một người đàn ông đứng tuổi đến thuê ngôi nhà ấy, cố nhiên là gồm cả gian nhà xép phía sau và cái hành lang ăn thông đến phố Babilôn. Ông ta cho đặt lại hai cái cửa bí mật ở hai đầu hành lang. Trong nhà hãy còn gần nguyên các thứ bàn ghế cũ thời ông chánh án ở, người chủ mới chỉ cho sửa sang lại một ít, chỗ nào thiếu cái gì thì thêm vào cho đủ, lát lại cái sân đá, cái nền gạch đã loang lổ, chữa lại cái cầu thang, cái sàn gỗ, thêm kính vào các cửa sổ. Xong đâu đấy ông mới cùng một thiếu nữ và một u già dọn đến, lặng lẽ như một người lạ lén vào nhà, chứ không phải như người ta vào ngôi nhà của mình. Láng giềng cũng chẳng bàn tán gì bởi cái lẽ không có ai là láng giềng cả.

Người đến thuê nhà âm thầm, ít gây chú ý ấy là Giăng Vangiăng thiếu nữ là Côdét. U già là một người đàn bà tên là Tútxanh, vừa già, vừa quê, vừa ngọng, Giăng Vangiăng đã cứu bà ta ra khỏi bệnh viện làm phúc và khỏi cảnh khốn cùng, rồi quyết định đem bà về ở với mình vì bà có ba đặc điểm

trên kia. Ông đã lấy tên là ông Phôsơlơvăng, nhà thực lợi[1], để thuê nhà. Qua những điều nói trên, chắc bạn đọc đã nhanh chóng nhận ra Giăng Vangiăng, còn nhanh hơn lão Tênácđiê nữa.

Tại sao Giăng Vangiăng đã rời bỏ nhà tu Pơti Pichpuýt? Chuyện gì đã xảy ra?

Không có chuyện gì lạ cả?

Bạn đọc còn nhớ, ở nhà tu, Giăng Vangiăng rất sung sướng, sung sướng đến nỗi có lúc lương tâm phải lo ngại. Ngày nào ông cũng được gặp Côđét; mối tình phụ tử hiện ra và mỗi ngày mỗi nảy nở. Ông thương yêu ấp ủ con bé trong tâm hồn. Ông tự bảo: Nó là của ông, không gì có thể cướp đi được; tình trạng này sẽ cứ mãi mãi như thế; chắc chắn nó sẽ làm bà xơ, đúng theo con đường hàng ngày người ta muốn mở ra cho nó, và như thế, nhà tu sẽ là vũ trụ của nó và của ông; ông sẽ già ở đây, nó sẽ lớn lên ở đây, rồi nó sẽ già ở đây, và ông sẽ chết ở đây, thật là thỏa ước mơ, không còn nói cha con xa lìa, chia rẽ gì được nữa. Nghĩ đến đấy, bỗng dưng ông sinh lo âu. Ông tự chất vấn. Ông tự hỏi có phải thật tất cả hạnh phúc ấy là của riêng ông hay là trong ấy có cả hạnh phúc của người khác, của con bé kia? Ông đã già mà đi tước đoạt hạnh phúc của nó giấu làm của riêng cho mình sao? Như thế có phải là trộm cắp không? Ông tự nhủ con bé có quyền được biết cuộc sống trước khi bỏ đời đi tu. Ngay từ bây giờ mà gần như không hỏi ý kiến nó, chặn không cho nó biết gì đến mọi thú vui ở đời, lấy có là để tránh cho nó mọi thứ đau khổ, lợi dụng nó khờ dại, cô đơn mà ép nó phải đi tu, thì có

(1)Nhà thực lợi: Rentier. Trước đây dịch là "người sống về lợi tức" nay theo bản dịch *Tuyên ngôn Đảng cộng sản* của nhà xuất bản Sự thật chữa lại.

khác gì làm hư hỏng bản chất tự nhiên của một con người và dối trá với Chúa? Lại biết đâu, một ngày kia, Côdét mà biết rõ đầu đuôi, biết nó phải làm bà sơ một cách miễn cưỡng, nó sẽ không sinh thù hằn cả việc này? Ý nghĩ cuối cùng này, hơi ích kỷ và ít dũng khí hơn những ý nghĩ khác, nhưng nghĩ như thế ông không sao chịu được. Ông quyết định rời bỏ nhà tu.

Ông quyết định như thế. Ông buồn rầu mà nhận ra rằng việc phải như thế. Còn về những trở ngại thì chẳng có gì. Năm năm sống biệt tăm biệt tích trong bốn bức tường này, đến bây giờ ra ngoài thì còn sợ gì nữa. Ông có thể yên tâm trở lại sống giữa mọi người. Ông đã già đi, và cái gì cũng đã thay đổi. Ai còn nhìn ra được ông bây giờ. Với lại, cứ cho là chẳng may đi nữa, thì có gì nguy hiểm thì là nguy hiểm cho bản thân ông chứ có quyền gì mà buộc Côdét vào nhà tu kín, bởi lẽ xưa kia ông bị vào nhà tù khổ sai? Vả lại, trước nhiệm vụ thì nguy hiểm có đáng gì? Mà, có ai cấm ông cứ thận trọng và tìm mọi cách đề phòng?

Còn việc giáo dục của Côdét thì đã gần xong và trọn vẹn rồi.

Quyết định xong, ông chờ cơ hội. Cơ hội không bao lâu cũng đến: ông già Phôsơlơvăng từ trần.

Giăng Vangiăng xin gặp bà sơ bề trên, trình bày với bà rằng anh ông chết đi để lại cho ông một cái gia tài nho nhỏ đủ sống khỏi phải làm lụng gì, nên ông xin thôi việc ở nhà tu và xin dắt con gái đi. Ông cũng trình bày luôn rằng Côdét chưa làm lễ thụ phép làm người tu hành thì không lẽ gì tu viện lại nuôi không nó những năm năm như thế, nên ông khẩn khoản xin thế nào bà bề trên cũng vui lòng để ông cúng cho qũy nhà tu một món tiền là năm nghìn phơrăng, xem như là đền bù vào khoản Côdét ăn ở lâu nay.

Thế là Giăng Vangiăng ra khỏi nhà tu.

Ở nhà tu ra đi, ông cắp lấy chiếc va li nhỏ chứ không nhờ ai vác hộ, chìa khóa thì ông luôn luôn giữ trong mình. Chiếc va ly bay một mùi thơm ngát làm cho Côdét phải chú ý.

Nói ngay rằng từ đó chiếc va ly ấy không bao giờ rời ông ra nữa. Luôn luôn ông để nó trong phòng ông. Nó là vật đầu tiên, có khi là vật độc nhất ông mang đi trong những lúc dọn nhà. Thấy thế Côdét phải bật cười, và gọi chiếc va ly là "Người bạn không rời nhau" của ông rồi nói: con phát ghen với nó.

Tuy vậy, việc trở lại với không khí tự do ngoài đời không khỏi làm cho Giăng Vangiăng lo lắng khá nhiều.

Ông tìm ra được ngôi nhà phố Pơluymê và chui vào đó. Từ đó ông vẫn giữ tên là Uyntim Phôsơlơvăng.

Đồng thời ông thuê luôn hai căn phòng khác ở Pari, chủ tâm là để thay đổi, khỏi ở luôn một khu phố, cho người ta bớt để ý, và khi trong lòng thấy có gì đáng lo ngại thì có thể vắng một thời gian, cũng như là để có đường xoay xở chứ không bị bất chợt vô kế khả thi như cái đêm ông thoát khỏi tay Giave một cách quá ư may mắn trước đây. Hai căn phòng ấy là hai gian nhà bé nhỏ nghèo nàn ở hai khu phố cách nhau rất xa, một ở phố Uét, một ở phố Lom-acmê.

Thỉnh thoảng ông đến nơi này hoặc nơi kia ở một tháng hay năm sáu tuần có Côdét đi theo, còn bà Tútxanh thì để ở nhà. Cơm nước hay sai bảo thì đã có mấy người gác cổng, mà ông bảo cho biết ông là một nhà thực lợi ở ngoại ô lấy nơi ấy làm chỗ tạm trú mỗi khi vào thành. Con người đạo đức cao siêu ấy thế mà phải có đến ba chỗ ở giữa Pari để tránh lưới cảnh sát.

II

GIĂNG VANGIĂNG QUỐC DÂN QUÂN[1]

Tuy vậy, nói cho đúng, Giăng Vangiăng vẫn sống ở phố Polupmê, và ông đã xếp đặt đời sống của mình như sau:

Côdét và người bõ già ở nhà trên; gian buồng ngủ tường có vẽ hoa, phòng khuê nhỏ với những đường chạm tròn sơn vàng, phòng khách lót thảm có những chiếc ghế bành to tướng là phần của Côdét; cái vườn cũng thuộc phần nàng. Giăng Vangiăng đã cho đặt thêm trong buồng Côdét một chiếc giường có diềm màn bằng gấm Đamát nhiều màu và một tấm thảm Ba Tư cũ còn đẹp mua mãi ở cửa hiệu mụ Gôse phố Phighiê Xanh Pôn. Để giảm bớt vẻ nghiêm nghị của những thứ đồ cổ sang trọng ấy, ông đã xen lẫn vào các thứ linh tinh ấy tất cả những vật dụng xinh xắn, duyên dáng của các cô thiếu nữ: cái kệ, cái tủ sách, gáy vàng, chiếc hộp giấy cái bàn giấy thấm, cái bàn may khảm xà cừ, cái hộp may bằng bạc mạ vàng, bộ đồ rửa mặt bằng sứ Nhật. Các cửa sổ trên gác đều treo màn dài bằng gấm Đamát nhiều màu như ở diềm màn. Các cửa tầng dưới lại treo màn vải rua. Mùa đông, trong nhà Côdét ở, gác trên phòng dưới đều đốt lò sưởi. Riêng ông, ông ở chiếc nhà xép cuối sân trong, trong phòng chỉ một chiếc đệm giải trên cái giường căng dây thép, một cái bàn gỗ tạp, hai cái ghế rơm, một lọ sứ đựng nước, mấy quyển sách bỏ trên một tấm ván, chiếc va ly yêu qúi trong một góc, và chẳng bao giờ có củi lửa gì. Ông ăn với Côdét nhưng trên bàn lại có một cái bánh mì đen phần riêng ông.

---

(1) Quốc dân quân gồm những người tư sản được chính quyền Quân chủ phục hưng tín nhiệm.

Ông bảo bà Tútxanh: - Cô đây là chủ nhà này, bà nhớ nhé. - Thưa ông còn ông? bà Tútxanh kinh ngạc hỏi lại - Tôi, tôi còn hơn là ông chủ, tôi là ông cha.

Hồi ở nhà tu, Côdét có được học tập nội trợ nên việc chi tiêu ít ỏi trong nhà đều do nàng tính toán. Hằng ngày, Giăng Vangiăng khoác tay Côdét, đưa nàng đi dạo chơi. Ông đưa nàng vào vườn Luýchxămbua, tìm đến con đường nào vắng vẻ nhất, và chủ nhật nào ông cũng dắt nàng đi lễ ở nhà thờ Xanh Giắc vì nhà thờ ấy ở khá xa. Khu phố ông ở rất nghèo nên ông bố thí nhiều, vì thế các người khốn khó đều đến vây quanh ông trong nhà thờ. Chính vì vậy mà Tênacđiê gửi cho ông một bức thư với địa chỉ: Kính gửi nhà từ thiện ở nhà thờ Xanh Giắc. Ông cũng hay dắt Côdét đi thăm các người nghèo khổ và các người ốm đau.

Chưa một người lạ nào từng bước chân vào ngôi nhà phố Pơluymê. Bà Tútxanh đi mua thức ăn và Giăng VanGiăng tự tay đi lấy nước ở máy nước gần nhà. Củi và rượu thì cất trong một cái hầm vách đá nửa ngầm bên cạnh cái cửa mở ra phố Babilôn. Hầm ấy ngày xưa dùng làm động cho quan chánh án vì ở cái đời si ái ấy, không cớ tình yêu nào là không nấp trong hang động.

Ở phía cửa ấy còn có cái thùng có kẽ để đựng thư từ, báo chí, song ba nhân khẩu của ngôi nhà phố Pơluymê chẳng tiếp nhận thư từ báo chí gì, nên cái thùng ngày xưa là nơi mối lái đi về cho những cặp nhân tình nhân ngãi, thì ngày nay tất cả công dụng chỉ còn là để bỏ các giấy báo nộp thuế và các giấy báo của phòng dân quân. Vì ông Phôsơlơvăng, nhà thực lợi, cũng là quốc dân quân. Ông không thoát khỏi lưới kiểm tra chặt chẽ hồi 1831. Hồi ấy nhà chức trách đã truy cứu lý lịch của Giăng Vangiăng ngược lên đến giai đoạn ông ở nhà tu kín. Và cũng nhờ ẩn mình trong cái đám mây mù dày kín

và tinh khiết là nhà tu kín ấy mà khi thoát ra, Giăng Vangiăng trở thành một người đáng kính đối với thị sảnh của mình, và do đó, xứng đáng làm người bảo vệ cho thị sảnh.

Mỗi năm ba hay bốn lần Giăng Vangiăng khoác quân phục và đi canh gác. Công việc ấy có phần làm cho ông bằng lòng là khác. Vì ông coi đó là một cách cải trang chính đáng khiến cho ông có thể lẫn vào đám đông mà vẫn cứ giữ mình cô độc. Giăng Vangiăng vừa được sáu mươi, đúng tuổi miễn quân dịch; nhưng trông người ông lại không đến năm mươi. Vả lại, ông cũng không có ý muốn lánh mặt viên đội nhất của mình, cũng không kêu kiện bá tước Đơ Lôbô. Ông không có lý lịch, ông giấu tên, giấu tuổi, giấu tung tích, giấu tất cả; và, như chúng ta vừa nói, ông là một quốc dân quân hăng hái. Làm sao cho giống bất kỳ một người nào khác sòng phẳng trong mọi bổn phận đóng góp, đó là tất cả tham vọng của ông. Lý tưởng của ông là làm sao ở bên trong thì xứng đáng là một thiên thần, còn bên ngoài thì là một thị dân.

Tuy vậy, có một điều cần phải ghi. Khi Giăng Vangiăng đi chơi với Côđét, ông ăn mặc như ta đã thấy và ra vẻ là một sĩ quan về hưu. Lúc ông đi một mình, và thường là vào buổi tối, ông lại bận một cái áo vét và một cái quần công nhân, đầu đội mũ lưỡi trai che lấp cả mặt. Đề phòng hay là khiêm tốn? Có lẽ cả hai. Côđét đã quen với khía cạnh bí ẩn của đời mình nên chẳng để ý đến những cử chỉ lạ lùng của bố là mấy. Còn bà Tútxanh, thì bà sùng bái Giăng Vangiăng và cho ông ta làm cái gì cũng tốt cả. Một hôm, anh hàng thịt thoáng nhìn thấy Giăng Vangiăng, bảo: Cái xác ông này hay nhỉ! - Bà đáp: Một vị...vị thánh đấy!

Giăng Vangiăng, Côđét và bà Tútxanh, cả ba đều ra vào bằng độc cái cửa ở phố Babilôn. Giá không thấy bóng họ thấp

thoáng sau hàng rào ở cổng trước thì khó mà đoán họ ở phố Poluymê. Cổng trước luôn luôn đóng kín. Giăng Vangiăng đã bỏ hoang khu vườn không trồng trọt gì để người ngoài khỏi chú ý đến.

Nhưng có lẽ ông ta đã lầm.

III

CÀNH LÁ RƯỜM RÀ[1]

Cái vườn bỏ hoang hơn nửa thế kỷ như vậy đã trở nên kỳ lạ đẹp mê hồn. Bốn mươi năm trước đây, người qua đường dừng lại ngắm cảnh vườn mà không ngờ đến những bí mật ẩn giấu dưới lớp lá xanh tươi kia. Nhiều anh mơ mộng thời ấy đã bao lần để cho đôi mắt và tâm trí mình tọc mạch len vào giữa các chấn song cái cửa có khóa, vặn vẹo, lung lay vít chặt vào hai trụ vôi bám đầy rêu xanh, phía trên có cái viền trang trí hoa văn kỳ dị, khó hiểu ý nghĩa.

Trong vườn, có chiếc ghế dài ở một góc, một vài pho tượng mốc meo, mấy tấm mắt võng đóng vào tường để cho cây leo, nhưng đã long đanh và đang mục nát. Ngoài ra không còn đường lối, không còn thảm cỏ. Ở đâu cũng chỉ thấy cỏ gà. Tay người đã vắng thì tay tạo lại về. Cỏ dại mọc đầy, điều rất đáng khâm phục đối với một mảnh đất tí teọ. Đây là nơi hội hè huy hoàng của hoa đinh hương. Không có gì ở mảnh vườn này làm trở ngại sức vươn lên thiêng liêng của cây cỏ. Ở đây là thế giới của sự sinh trưởng tôn nghiêm. Cây to cúi

(1) Nguyên văn la tinh: Follis ac frondibus.

xuống gai dại, gai dại trườn lên cây to, cỏ mọn leo lên, cành cả nghiêng xuống. Cái vốn bò dưới mặt đất cất cao đầu tìm cái nảy nở trên không, cái phất phơ trước gió tìm xuống với những gì vướng vất trong rêu. Thân cây, chạc bé, dây, chùm, tay, nhánh, gai quấn quýt với nhau chằng chịt, xuyên vào nhau, hòa hợp nhau lẫn lộn. Ở đây trong rẻo đất mấy chục thước vuông này, dưới con mắt hào hứng của Chúa, cây cỏ ôm nhau khăng khít để thực hiện và ngợi ca tình bác ái thần bí, tượng trưng cho chủ nghĩa bác ái ở loài người.Vườn này không còn là vườn nữa, mà là một lùm cây khổng lồ, nghĩa là một, cái gì rậm rạp như một khu rừng, đông đúc như một thành phố, run rẩy như một tổ chim, mập mờ như một thánh đường, ngát hương như một bó hoa, cô quạnh như một nấm mộ, sống động như một phiên chợ.

Vào tháng Hoa, cái bụi to lớn sống tự do giữa bốn bức tường sau hàng chấn song ấy bước vào trạng thái động tình chung của vạn vật. Nó rùng mình trước vầng thái dương đang mọc, chẳng khác con vật hít thở những vận khí yêu đương trong không gian và cảm thấy nhựa xuân dâng lên sôi trào trong mạch máu. Nó vung mở tóc xanh tươi tốt trước gió, nó gieo trên đất ẩm, trên tượng sờn, trên bậc thềm nứt nẻ, cả trên nền đường vắng, những hoa hình sao, những giọt sương như ngọc, và sự mỡ màng, sự tươi đẹp, hương thơm, sức sống, niềm vui. Vào trưa, hàng nghìn con bướm trắng tụ tập tại đó, và khi nhìn những hoa trắng kia vèo bay trong bóng mát làm nên một cơn mưa tuyết sống giữa trưa hè thì ai cũng phải cho là mình được xem một cảnh thần tiên. Trong râm tối của lá xanh, vô vàn những tiếng thơ ngây đang thỏ thẻ với tâm hồn ta và cái gì tiếng chim không nói thì đã có tiếng ong dế bổ sung. Vào chiều tối thì một thoáng mơ mòng toát

ra từ cánh vườn và bao phủ lấy nó; một bức màn sương nhẹ, một niềm u hoài mênh mông và êm ả trùm lên vạn vật; mùi thơm say người của hoa tâm hương và hoa bìm bốc ra từ khắp nơi như một chất độc ngọt ngào và thấm thía; lúc ấy chim gõ kiến kêu chiều và chim bạc má buông những tiếng rỉu rít cuối cùng hầu như trong giấc ngủ; người ta cảm thấy niềm thân mật thiêng liêng giữa chim chóc và cây cỏ: ban ngày cánh lông làm vui cành lá, ban đêm cành lá che chở cánh lông.

Mùa đông lùm cây đen lại, ướt đi và trơ cành run rẩy cho nên người ta nhìn thấy ngôi nhà chút ít. Không thấy hoa nở trên cành và sương đọng trong hoa, trái lại có những đường bằng bạc của các chú sên đã bò qua trên thảm lá vàng dày, lạnh. Tuy nhiên dù thế nào, với diện mạo nào vào mùa nào xuân, hạ, thu, đông, cái khoảnh vườn bé nhỏ ấy cũng đượm vẻ u hoài suy tưởng, cũng hưu quạnh, hoang vu, thiếu dấu vết người mà có sự hiện diện của tạo hóa; và cái cổng cũ kỹ rỉ han có vẻ như nói: Cái vườn này là của ta.

Đường đá Pari chạy quanh đấy, mặc! Những lâu đài cổ điển nguy nga ở phố Varen ở cách hai bước, mặc! Vòm cuốn tòa Anhvalidơ kề bên, mặc! Hạ viện không xa, không sao! xe tứ mã sang trọng phố Buôcgônhơ và phố Xanh Đôminic rầm rập gần kia, xe buýt vàng, nâu, trắng, đỏ gặp nhau rộn rịp ở ngã tư gần nhất, chẳng cần gì! Ô phố Pholuymê vẫn là sa mạc. Những người chủ cũ chết, một cơn lốc cách mạng kéo qua, những gia thế nghìn xưa sụp đổ, sự xa cách, sự lãng quên, bốn mươi năm hoang phế góa chủ, tất cả những cái đó đủ để gọi về nơi cảnh tiên ấy những phượng vĩ, những cây ngón, những cây rẻ quạt, những cỏ voi, những cây vằn lá to màu dạ xanh nhạt, những con tắc kè, bọ rùa, những côn trùng nhanh nhẹn và sợ sệt: đủ để lôi từ lòng đất lên và cho hiện ra giữa bốn bức tường ấy một cảnh tượng hùng vĩ và hoang

dại; đủ để cho thiên nhiên bừng nở ở một rẻo vườn khổ của Pari với vẻ cần cộc lấm và liệt không kém một khu vừng hoang Tân thế giới, cái thiên nhiên cứ phá ngang những thu xếp ti tiện của người đời và hễ tràn đến chỗ nào thì cũng tràn trọn vẹn, dù trên mình con kiến hay con đại bàng.

Qủa vậy, không có gì là nhỏ bé cả, ai là đối tượng thâm nhập của thiên nhiên đều biết. Mặc dù triết học không cho ta sự thỏa mãn tuyệt đối nào, không cho bao quát nguyên nhân cũng không cho hạn chế kết quả người quan chiêm cũng cứ vô cùng ngây ngất say sưa bởi những phân hủy năng lực dẫn đến thuần nhất. Tất cả hoạt động vì tất cả.

Toán đại số ứng dụng cho mây mù; tinh tú phát quang có lợi cho hoa hồng: không có nhà tư tưởng nào dám khẳng định là hương hoa tầm xuân chẳng có ích gì cho các quần tinh trên ấy. Ai tính được hành trình của một phân tử? Chúng ta có thể nói chắc rằng không có những cuộc sáng thế xảy ra do những hạt cát rơi đổ hay không? Ai mà biết những triều lên xuống qua lại của cái cực đại và cái cực tiểu và những cuộc sụt lở của sáng tạo? Con kiến riêng cũng quan trọng; cái nhỏ vẫn lớn, cái lớn vẫn nhỏ; tất cả đều thăng bằng trong cần thiết; một cảnh tượng hãi hùng đối với trí tuệ. Giữa sinh vật và sự việc có những quan hệ kỳ diệu. Trong cái chung vô tận, mặt nhật cũng không coi thường bọ rầy. Cái này cái nọ cần nhau.

Ánh sáng không mang lên trời xanh những hương thơm của quả đất nếu không biết dùng nó làm gì; đêm tối phân phối tính chất của tinh tú cho các loài hoa thiêm thiếp ngủ. Mỗi con chim bay đều có sợi chỉ của vô tận buộc ở chân. Có nẩy mầm thì có một thiên tượng kèm theo, đồng thời với việc con chim én mổ vỡ tung vỏ trứng; sự nẩy mầm đó làm cho

con giun đất sinh ra cũng như cụ Xôcrát xuất hiện. Ở đâu thiên lý kinh hết hiệu lực thì kính hiển vi bắt đầu có tác dụng. Kính nào trong hai loại đó có tầm nhìn lớn hơn nhỉ? Chọn thử xem. Một ít mốc mọc lên thì đó là cả một cánh đồng hoa nở rộ; một tinh vân là cả một tổ kiến tinh cầu. Cũng một cảnh hỗn hợp như vậy mà còn lạ kỳ hơn giữa những vật của tinh thần và những điều của vật chất. Cấu tố và nguyên lý trộn lẫn nhau, hòa hợp nhau, cưới nhau, nhân lẫn nhau đến mức đưa thế giới vật chất cùng với thế giới tinh thần đi tới cùng chung một ánh sáng. Hiện tượng luôn luôn tự quay trở vào mình.

Trong sự trao đổi vũ trụ rộng lớn như vậy, sự sống chuyển vận bằng những lượng không thể biết, cuốn tất cả trong những luồng vận khí bí ẩn vô hình, sử dụng tất cả, không để mất một chút mơ màng nào, gieo ở đây một con vật bé bỏng, rắc ở đó một vì sao, lắc lư, quanh lượn, đem ánh sáng làm thành năng lượng và tư tưởng làm thành cấu tố; sự sống phân tán và không thể chia cắt hòa tan tất cả, trừ cái tâm điểm hình học và cái tôi. Sự sống kéo tất cả về linh hồn - nguyên tử làm nảy nở tất cả trong Chúa; sự sống trộn lẫn tất cả những hoạt động từ cao đẳng đến sơ đẳng trong một guồng máy quay cuồng khó lòng nhận thấy, liên kết đường bay của một con bọ với qũy đạo tuần hoàn của quả đất, có thể là cho đường bay ấy phụ thuộc qũy đạo này, biết đâu? Sự phụ thuộc ấy cũng có thể là chỉ ở sự đồng nhất về quy luật, ví như sự di chuyển của sao chổi trong vũ trụ giống sự di chuyển của con thủy tức trong giọt nước cũng là phụ thuộc thôi. Máy đấy nhưng máy làm gì có trí tuệ. Một guồng máy khổng lồ mà động cơ thứ nhất là con bọ con và bánh xe cuối cùng là hệ Ngân hà.

IV

THAY ĐỔI CHẤN SONG

Cái vườn này ngày xưa lập nên để che giấu những trụy lạc bí mật, ngày nay hình như nó lại biến thành nơi che chở những cuộc tình tự âm thầm, trong trắng. Trong vườn chẳng còn giàn hoa, thảm cỏ, chẳng còn vòm cây, hang đá nữa. Khắp nơi chỉ có cây lá rối bù, bóng râm tỏa xuống như một tấm màn nhẹ: Ruộng dâu bãi bộc đã hóa nên Vườn Đào. Có cái niềm ăn năn nào đó đã làm cho cảnh này trở nên tinh khiết. Cô hàng hoa bây giờ bán hoa cho tâm hồn. Mảnh vườn xinh xắn ngày xưa bị bàn tay người làm tổn thương nhiều, nay đã trở lại trinh bạch và e ấp. Ông chánh án và người làm vườn - người đi theo dấu Lamoa-nhông kẻ kế thừa Lơ Nốt - đã cắt, xén, trang điểm, sửa sang nó để làm nơi đàng điếm; thiên nhiên đã cướp nó lại, để bóng râm lan tràn khắp nơi khắp nẻo và xếp đặt nó thành tổ uyên ương.

Trong cảnh hoang vắng ấy, có một trái tim đang sẵn sàng. Ái tình cứ việc mà bước đến! Ở đây đã có sẵn một ngôi đền đủ cây lá, cỏ rêu, có tiếng chim thỏ thẻ, có bóng tối êm ả, có cành cây xao động; ở đây cũng có cả một tâm hồn đầy dịu dàng, tin tưởng, đầy thơ ngây, hy vọng và đầy cả ước mong, mộng tưởng.

Hồi ở nhà tu ra, Côđét còn ngây thơ gần như trẻ con; nàng mới hơn mười bốn tuổi. Trên kia đã nói trừ cặp mắt ra, nàng xấu xí chứ chẳng xinh đẹp gì. Nàng không có một nét nào vô duyên, nhưng người gầy, vụng về, lại vừa rụt rè, vừa táo bạo; có thể nói nàng là một cô "bé lớn" vậy.

Việc giáo dục của nàng đã hoàn thành; nghĩa là người ta đã dạy cho nàng biết đạo, nhất là biết ngoan đạo; rồi đến "lịch

sử" - nghĩa là cái thứ mà ở nhà tu người ta gọi là lịch sử - và địa lý, ngữ pháp, các vua chúa nước Pháp, một ít âm nhạc.v.v...

Nhưng thực ra, cái gì nàng cũng chẳng biết. Như thế cũng có cái hay mà cũng nguy hiểm. Tâm hồn một thiếu nữ không nên để cho tối tăm; về sau sẽ có những ảo ảnh quá đột ngột và quá chói lọi như trong gian buồng tối. Phải cho nó một thứ ánh sáng êm dịu và kín đáo, thứ ánh sáng của hình ảnh sự vật được phản chiếu lại hơn là thứ ánh sáng trực tiếp và gay gắt của sự vật. Thứ ánh sáng mờ mờ ấy rất có ích, nó hơi khắc khổ một chút nhưng lại có khả năng xua tan mọi nỗi lo sợ thơ ngây và ngăn ngừa mọi sự sa ngã. Chỉ có bản năng bà mẹ - thứ trực giác đáng qúy làm bằng kỷ niệm của thời con gái và kinh nghiệm của thời có chồng ấy - chỉ có bản năng đó mới biết làm thế nào và dùng những gì để tạo ra thứ ánh sáng mờ mờ vừa nói đó. Không có gì thay được bản năng ấy. Trong việc rèn luyện tâm hồn cho một thiếu nữ, hết thảy mọi bà xơ trên đời cũng không bằng một bà mẹ.

Côdét không có mẹ. Nàng chỉ có những mẹ[1], mẹ số nhiều.

Còn Giăng Vangiăng thì trong lòng có đủ mọi thứ thương yêu, mọi thứ ân cần, nhưng ông ta chỉ là một người đàn ông luống tuổi chẳng hiểu gì cả.

Vả, trong sự nghiệp giáo dục, trong vấn đề quan trọng là chuẩn bị cho một người đàn bà ra sống với thiên hạ, phải cần biết bao nhiêu là hiểu biết để chống lại cái ngu dại lớn lao mà người ta gọi là sự ngây thơ.

---

(1) Trong nữ tu viện, các nữ tu sĩ được gọi theo tục châu Âu là chị (soeur) (thực ra thì gọi thông thường là *bà xơ*), hay *dì* hoặc *mẹ* (mère) đối với người có chức vụ (mẹ cả, mẹ nhất, v.v...)

Tu viện, hơn nơi nào hết, là nơi đào tạo người con gái trở nên người yêu say mê sau này. Tu viện xoay mọi ý nghĩ của họ về hướng những cái không được biết. Quả tim, quay vào mình, càng lắng xuống, chứ không tràn ra và không nảy nở được, thì xoáy vào chiều sâu. Từ đó người con gái tưởng tượng, đoán mò, ao ước những cuộc gặp gỡ hẹn hò, phác thảo những tiểu thuyết tình, xây dựng trọn vẹn những nhà vàng trên bóng tối của trí tuệ: đó là những tòa nhà âm u bí mật, sẵn sàng để cho tình yêu vào trọ khi cái cổng sắt đã mở cho nó vào.

Rời khỏi nhà tu, Côdét không còn thấy chốn nào vừa êm ái vừa nguy hiểm hơn ngôi nhà phố Pơluymê. Ở đây là tiếp tục cuộc sống cô quạnh nhưng cũng là bắt đầu cuộc sống tự do; một ngôi vườn đóng kín, nhưng lại là một cảnh thiên nhiên nồng đậm, giàu có, say sưa, ngào ngạt; cũng bấy nhiêu giấc mơ như hồi còn ở nhà tu nhưng bóng của những chàng trai thì đã thấy thấp thoáng; một cái cổng, nhưng cổng ngó ra đường.

Tuy vậy chúng tôi nhắc lại điều này, khi nàng đến đây, nàng hãy còn là một cô bé. Giăng Vangiăng giao cho nàng cái vườn bỏ hoang này. - Con ra đấy muốn làm gì thì làm, ông bảo thế. Điều đó nàng lấy làm thích. Nàng vạch từng bụi cây, lật từng hòn đá, tìm các loại "thú vật"; nàng chơi đùa ở đấy, để chờ đến lúc cũng mơ mộng ở đấy; nàng yêu mê mọi thứ sâu bọ tìm thấy trong cỏ dưới chân nàng, để chờ đến lúc cũng yêu mê các vì sao lấp lánh sau cành cây ở trên đầu nàng.

Sau nữa nàng yêu bố nàng, nghĩa là Giăng Vangiăng, với tất cả tấm lòng chân thật, ngây thơ, của con đối với bố. Tình yêu ấy làm cho ông già trở thành một người bạn vui vẻ mà nàng rất ham thích. Bạn đọc còn nhớ ông Mađơlen đọc sách

rất nhiều, Giăng Vangiăng vẫn tiếp tục như thế và đã đi đến chỗ chuyện trò rất hay.

Là một trí tuệ khiêm tốn và thực thà do tự học mà nên, ông có những tri thức phong phú và tài ăn nói. Ông lại còn một chút cộc cằn vừa đủ để làm cho lòng nhân ái của ông có vị mặn mà. Trí thô mà lòng dịu. Ở vườn Luýchxămbua, những lúc một cha một con, ông nói rất dài, lấy những điều đã đọc được trong sách vở, lấy cả những kinh nghiệm đau khổ của mình để giải thích về đủ mọi việc cho nàng nghe. Côdét vừa nghe bố nói chuyện vừa đưa mắt mơ màng nhìn khắp nơi.

Ông già chất phác ấy đủ choán cả tâm trí Côdét cũng như mảnh vườn hoang vu kia đủ cung cấp mọi trò chơi cho nàng. Chạy đuổi bướm mệt, nàng vừa thở hổn hển vừa đến bên cạnh bố, khoe: Ồ, con chạy ghê quá! Ông hôn vào trán nàng.

Côdét yêu ông già Giăng Vangiăng. Luôn luôn nàng ở bên gót bố. Vì ông già ấy ở đâu là ở đấy có sự đầm ấm. Giăng Vangiăng không ở nhà trên, không ở ngoài vườn, nên nàng cũng thích ở sân sau lát đá hơn là ở trong sân cảnh đầy hoa. Nàng thích ở gian nhà chỉ có ghế rơm của bố hơn là ở trong phòng khách tường chăng gấm và ghế bành lót đệm dành cho mình. Có khi Giăng Vangiăng vừa mỉm cười sung sướng vì được quấy rầy, vừa mắng nàng: - Thôi, con đi về đi chứ! Để yên bố một mình thử nào!

Nàng trách ông một cách vừa triu mến vừa dễ ưa, nghe có duyên như lời con gái nói với bố:

- Bố ơi, ở phòng bố con rét quá, bố ạ, sao bố không rải đây một tấm thảm và để đây một lò sưởi?

- Con ạ, có bao nhiêu người xứng đáng hơn bố mà họ không có lấy một tấm tranh che mưa nắng đấy.

- Thế tại sao ở bên con lại có lửa sưởi và đủ mọi thứ khác?

- Vì con là đàn bà con gái và con còn nhỏ dại con ạ.

- Ô hay! Thế đàn ông thì phải chịu rét, chịu khổ à?

- Cũng có người phải thế!

- Được, thế thì con sẽ đến đây thường xuyên để bố bắt buộc phải đốt lửa.

Nàng còn bảo bố:

- Bố ơi, sao bố lại ăn thứ bánh mì tồi tệ như thế kia?

- Con ạ, vì...

- Được rồi, bố ăn thế thì con cũng ăn thế.

Thế là ông đành ăn bánh mì trắng để cho Côdét khỏi ăn bánh mì đen.

Về tuổi thơ ấu của mình, Côdét chỉ còn nhớ lờ mờ. Sớm chiều hai lần, ngày nào nàng cũng cầu nguyện cho mẹ nàng, người mẹ mà nàng chưa hề biết mặt. Hình ảnh hai vợ chồng Tênácđiê còn ghi lại trong trí nàng như hai bộ mặt ghê tởm lờ mờ trong mộng. Hình như tuổi ấu thơ của nàng là một thời kỳ mà chung quanh nàng toàn là rắn rết. Nàng nhớ một ngày, vào buổi tối, nàng phải đi lấy nước trong rừng. Chừng như chỗ nàng ở cách Pari xa lắm. Nàng có cảm giác cuộc đời nàng bắt đầu trong một vực thẳm và Giăng Vangiăng đã kéo nàng ra khỏi. Tối đến, trước khi chợp mắt, nàng thường mơ màng; nàng không ý thức rõ rệt nàng là con gái Giăng Vangiăng và ông ta là bố nàng, nên nàng tưởng tượng trong trí là linh hồn mẹ nàng đã nhập vào ông già ấy và đến ở bên cạnh nàng.

Có khi Giăng Vangiăng đang ngồi, nàng đến áp má nàng vào đầu tóc bạc phơ và lặng lẽ để rơi lên đấy một giọt nước mắt: Ông này có lẽ là mẹ ta đây!

Cái điều này nói ra là có vẻ lạ lắm, nhưng mà sự thật là như thế đấy. Là cô gái lớn lên trong tu viện, nàng không hiểu gì về chuyện mẹ con, vả lại cái việc ấy con gái đồng trinh làm sao hiểu được, nàng cho rằng nàng không có mẹ rõ ràng cho lắm.

Người mẹ ấy, nàng không hề biết tên. Lần nào nàng hỏi đến, Giăng Vangiăng cũng cứ làm thinh. Nàng có hỏi đi hỏi lại thì ông chỉ mỉm cười. Một hôm nàng nằn nì nhiều lần, nụ cười ấy lại kết thúc bằng một giọt nước mắt.

Sự im lặng của Giăng Vangiăng làm cho tung tích của Phăngtin vẫn chìm trong bóng tối.

Đề phòng chăng? Kính trọng chăng? Hay là không dám nói ra cho một người khác, sợ họ khổng biết giữ kín cho mình.

Hồi Côdét còn nhỏ, Giăng Vangiăng thường nói chuyện mẹ nàng cho nàng nghe; nhưng khi nàng đã trưởng thành, thì ông thấy không thể được nữa. Ông có cảm tưởng là ông không dám nữa. Vì Côdét ư? Vì Phăngtin ư? Ông cảm thấy như có một sự gì ghê rợn khi nghĩ đến việc đem cái bóng đen ấy vào ý nghĩ của Côdét và ghép thêm hình ảnh người quá cố ấy làm người thứ ba trong số kiếp của hai bố con hiện nay. Ông càng chờ hình ảnh người quá cố ấy là thiêng liêng chừng nào thì lại càng thấy nó đáng sợ chừng ấy. Ông nghĩ đến Phăngtin và càng thấy mình phải im. Trong bóng tối, ông thấy mơ hồ như có một ngón tay để lên mồm ra hiệu. Cái nết trinh thục ở Phăngtin đã bị bắt buộc thoát đi một cách phũ phàng khi nàng còn sống ở đời. Phải chăng vì thế nên khi nàng chết rồi, nó trở lại với nàng, phủ lên mình nàng, đem hết sự căm tức đối với đời mà bảo vệ cho nàng được yên giấc ngàn thu, và giữ kín nàng trong mộ, không để một ai biết tới? Giăng Vangiăng vô tình đã hành động theo áp lực ấy chăng? Chúng tôi tin ở sự tồn tại của linh hồn, chúng tôi không thể bác bỏ

cách giải thích huyền bí đó. Vì thế khó lòng mà đọc cái tên Phăngtin ấy lên, mặc dù là đọc cho Côdét nghe!

Một hôm Côdét bảo ông:

- Bố ơi, đêm nay con nằm mơ thấy mẹ. Mẹ có hai cánh thật to. Hồi mẹ còn sống chắc mẹ đã gần như bậc thánh nhỉ?

Giăng Vangiăng đáp:

- Phải, vì khổ đau.

Dù sao, Giăng Vangiăng vẫn được sung sướng.

Khi Côdét cùng ông đi dạo chơi, nàng tựa vào tay ông, lòng hết sức sung sướng và tự hào. Trước những cử chỉ âu yếm chỉ để dành riêng cho ông, trước tấm tình của Côdét chỉ lấy sự thương yêu ông làm đầy đủ, ông cảm thấy lòng mình như tan ra thành muôn vàn khoái cảm. Ông già tội nghiệp ấy rùng mình thấy lòng tràn ngập một niềm vui lâng lâng, trong sạch; ông say sưa tin chắc rằng điều đó kéo dài mãi đến trọn đời; ông tự nhủ mình chịu đựng đau khổ thật chưa thấm vào đâu để đáng được hưởng cái diễm phúc rõ ràng đến thế. Và, trong thâm tâm, ông cảm tạo Chúa đã cho phép ông, một người khốn nạn, thu được lòng thương yêu đằm thắm của tâm hồn ngây thơ, trong trắng ấy.

V

HOA HỒNG NHẬN THẤY MÌNH LÀ MỘT CÁI MÁY CHIẾN TRANH

Một hôm, ngẫu nhiên, Côdét nhìn mình trong gương và buột miệng: A! Nàng thấy hình như là mình xinh. Nàng xúc động vô cùng. Từ trước đến giờ nàng không hề để ý đến mặt

mình. Nàng soi gương nhưng không tự ngắm. Với lại, người ta thường hay bảo là nàng xấu. Chỉ một mình Giăng Vangiăng là nói với nàng một cách âu yếm; Không đâu! Không đâu! Dù sao đi nữa, Côdét vẫn yên trí mình xấu. Và nàng đã lớn lên với sự nhẫn nhục dễ dàng của tuổi trẻ thơ, trong trí vẫn đinh ninh mình xấu. Thế mà đột nhiên cái gương lại bảo nàng như Giăng Vangiăng: Không đâu! Suốt đêm hôm ấy nàng không ngủ. Nàng nghĩ bụng:

- Hay là ta đẹp thật? Ta mà đẹp thì lạ lùng quá nhỉ? Và nàng nhớ lại những cô bạn nổi tiếng đẹp trong nhà tu trước kia, nàng tự bảo: Thế nào? Mình sẽ như cô ấy, cô ấy ư?

Hôm sau nàng ngắm mình trong gương, lần này thì không ngẫu nhiên nữa, và nàng hoài nghi: - Trí ốc mình để đâu nhỉ? Không, mình xấu lắm. Chỉ vì đêm qua nàng ngủ không yên, nước da nàng tái đi, mắt mệt nhọc và thâm quầng. Hôm qua khi tin mình đẹp, nàng cũng không lấy gì làm vui sướng lắm, nhưng hôm nay không còn tin như thế, nàng lại buồn. Nàng thôi không ngắm mình nữa. Và trong hơn nửa tháng, mỗi lúc chải tóc, nàng cố sức quay lưng lại không nhìn vào gương.

Buổi tối ăn cơm xong, thường thường nàng ngồi ở phòng khách dệt thảm hay làm một vài công việc thêu thùa gì của nhà tu. Giăng Vangiăng đọc sách ở bên cạnh. Một lần nàng ngừng tay kim chỉ ngước mắt lên thì thấy ông đang nhìn mình ra vẻ lo lắng, làm nàng hết sức ngạc nhiên.

Một lần khác trong lúc đi ngoài phố, có một người nàng không nhìn thấy, hình như nói sau lưng nàng: Cái con xinh nhỉ! Nhưng ăn bận xấu quá. Nàng nghĩ bụng: Chậc! Nói ai chứ không phải mình. Mình thì ăn bận đẹp nhưng người xấu. Lúc ấy nàng đội cái mũ bằng nhung có lông và bận cái áo dài

bằng lông chiên Tây Ban Nha.

Cuối cùng, một bữa nọ, đang ở ngoài vườn, nàng nghe bà già Tútxanh nói: Thưa ông, ông có để ý thấy cô đẹp ra không? Nàng không nghe lời ông đáp, câu nói của bà Tútxanh làm nàng choáng váng. Nàng rời khỏi vườn, chạy tót lên buồng riêng, đến trước gương. Đã ba tháng rồi nàng không soi gương. Nàng bật ra một tiếng kêu. Sắc đẹp của nàng vừa làm cho nàng lóa mắt.

Nàng đẹp và xinh; nàng không thể nào không đồng ý với bà Tútxanh và cái gương. Thân hình nàng đã nẩy nở đầy đặn, da nàng trắng ra, tóc nàng óng mượt, một vẻ rực rỡ khác lạ sáng ngời trong khóe mắt xanh thẳm. Như mặt trời hiện ra, ánh sáng chốc lát đã lan tràn, sự tin tưởng là mình đẹp cũng đến với Côdét trọn vẹn chỉ trong có một phút. Người khác đã để ý thấy thế, bà Tútxanh nói thế, người qua đường hôm nọ chính là nói nàng chứ không phải nói ai khác. Thôi không còn nghi ngờ gì nữa. Nàng trở ra vườn, tưởng mình là một bà hoàng hậu. Bấy giờ đang giữa mùa đông thế mà nàng nghe có tiếng chim hót, thấy nền trời vàng ối, thấy mặt trời trong vòm cây, thấy hoa nở trong bụi rậm. Cả người say sưa như điên như cuồng, hân hoan sung sướng không bút nào tả xiết.

Về phần mình, Giăng Vangiăng cảm thấy trong lòng một nỗi đau xót sâu xa và khó hiểu.

Quả vậy, ít lâu nay, ngắm cái nhan sắc mỗi ngày mỗi hiện lên rực rỡ trên nét mặt dịu dàng của Côdét, ông thấy lo sợ. Bình minh tươi cười với mọi người, nhưng thảm đạm đối với ông.

Côdét đẹp người ra khá lâu mới nhận thấy mình đẹp. Nhưng từ buổi đầu, cái ánh sáng bất ngờ hé ra chầm chậm, bao phủ dần dần cả con người cô thiếu nữ, cái ánh sáng ấy

làm xốn ngay con mắt u ám của Giăng Vangiăng. Ông cảm thấy đó là một biến cố trong cuộc sống đầy hạnh phúc. Cuộc sống ấy đầy đủ quá, ông không dám động vào, sợ lại làm rối loạn cái gì chăng. Ông đã nếm đủ mùi khốn khổ. Trong lòng ông còn đang rớm máu vì bao nhiêu xây xát của vận mệnh. Trước kia ông đã gần như là một tay độc ác nhưng nay ông lại trở nên hầu như là một ông thánh. Trước kia ông đã lê chiếc dây xích của nhà tù, nay ông mang cái dây vô hình nhưng nặng trĩu của một sự thóa mạ vô cùng tận. Pháp luật chưa buông tha ông. Bất kỳ lúc nào ông cũng có thể bị bắt lại, bị lôi từ cuộc sống đạo đức không ai biết ra chỗ ánh sáng của cuộc sống tù đầy trước sự nguyền rủa của mọi người. Ông chịu đựng tất cả, tha thứ tất cả, bỏ qua tất cả, cầu Chúa ban phúc cho tất cả. Nhưng ông chỉ cầu xin thượng đế, cầu xin loài người, cầu xin pháp luật, cầu xin xã hội, cầu xin tạo vật, cầu xin vũ trụ có mỗi một điều, là Côdét yêu mình.

Là Côdét vẫn cứ yêu ông! Là Chúa đừng ngăn cản trái tim của con bé ấy đi đến với ông, và ở mãi với ông! Được Côdét yêu, ông thấy mình lành mạnh, khoan khoái, đầy đủ, được ban thưởng, được tuyên dương. Được Côdét yêu, ông sung sướng biết bao! Ông không đòi hỏi gì thêm. Vì có ai bảo: Anh còn muốn hơn nữa chứ? Ông sẽ trả lời: Không. Vì Chúa bảo ông: Con muốn lên thiên đường không? Ông sẽ thưa: Như thế e con sẽ bị thiệt.

Bất kỳ cái gì có thể chạm khẽ đến tình thế ấy, dù là chạm bên ngoài cũng làm ông rùng mình như là bắt đầu có việc gì khác. Ông hoàn toàn chưa hề biết sắc đẹp của đàn bà như thế nào, nhưng bản năng cho ông hiểu đó là một cái gì ghê gớm.

Cái nhan sắc của Côdét nẩy nở một ngày một rạng rỡ, mỗi

huy hoàng bên cạnh ông, dưới mắt ông, trên vừng trán ngây thơ và đáng sợ của cô bé. Từ vực sâu cái xấu xa, cái già nua tuổi tác, cái tình cảnh khốn khổ, sự hất hủi, nỗi đau xót của ông, ông nhìn nhan sắc ấy mà hoảng hốt.

Ông tự bảo: Nó đẹp thật! Còn ta, ta sẽ ra sao đây?

Đó là chỗ khác nhau giữa tình âu yếm của ông với tình âu yếm của một bà mẹ. Điều mà ông nhìn với mối lo sợ trong lòng, một bà mẹ sẽ lấy làm vui.

Không bao lâu, những triệu chứng đầu tiên xuất hiện. Liền sau hôm Côdét tự nhủ mình: Nhất định là mình đẹp, nàng bắt đầu chú ý đến cách trang điểm. Nàng nhớ lại câu nói của một người qua đường. Xinh, nhưng ăn mặc xấu quá. Câu nói ấy chẳng khác gì lời mách của quẻ bói. Nó thoảng qua bên tai và tan đi nhưng đã gieo vào lòng nàng một trong hai thứ mầm mà sau này sẽ chiếm cả đời người đàn bà, cái tính làm đỏm; mầm kia là ái tình.

Với lòng tin ở sắc đẹp của mình, tất cả nữ tính nẩy nở trong người Côdét; nàng ghê tởm cái áo lông chiên Tây Ban Nha và lấy làm xấu hổ vì cái mũ nhung có lông. Bố nàng chẳng bao giờ từ chối nàng một cái gì. Nàng thuộc ngay tất cả cái khoa ăn diện, từ cái mũ, cái áo dài, cái áo khoác, đôi giầy, cái cổ tay áo, đến loại vải như thế nào là đẹp, màu sắc như thế nào là hợp. Cái khoa ăn diện ấy là cái khoa làm cho người đàn bà Pari thành cái gì rất dễ ưa, rất sâu sắc và cũng rất nguy hiểm. Cái tiếng *mê hồn* đặt ra là để dùng cho người phụ nữ Pari đó.

Không đầy một tháng, ở nơi cô tịch phố Babilôn ấy Côdét đã thành một trong những người phụ nữ, không những xinh đẹp, cái đó đã đáng kể rồi, mà còn là người ăn mặc đúng mốt

nữa, điều này mới thật là quan trọng. Nàng những muốn gặp cái anh chàng qua đường nọ để xem anh ta sẽ nói gì và để "cho anh ta biết tay!" Sự thực con người nàng về phương diện nào cũng quyến rũ, và nàng phân biệt rất tinh tường một cái mũ nhãn hiệu Giêra với một cái mũ nhãn hiệu Hécbô.

Giăng Vangiăng nhìn những sự phá hoại ấy, lòng rất lo âu. Ông thấy mình chỉ có thể lê đi là hết sức, nhiều nhất là bước đi, thế mà cánh đâu như đã đến chấp vào người Côdét.

Tuy vậy, chỉ xem qua những thức trang điểm của nàng, một người đàn bà sẽ biết nàng không có mẹ. Đôi cái lịch sự nhỏ, một vài ước lệ riêng, Côdét không hề biết. Một bà mẹ, thí dụ sẽ nói cho nàng biết là con gái không mặc gấm Đamát bao giờ.

Hôm đầu tiên Côdét ra phố với chiếc áo dài, cái áo khoác ngoài bằng gấm đen Đamát và cái mũ nhiễu trắng, nàng đến khoác tay Giăng Vangiăng, nét mặt tươi cười, rạng rỡ, hồng hào, kiêu hãnh, chói lọi. Nàng nói: Này bố, bố trông con như thế nào? Giăng Vangiăng trả lời, giọng nói giống như giọng nói chua chát của người ganh tị: - Kháu lắm! Suốt buổi đi chơi ông vẫn như thường. Lúc về ông hỏi Côdét:

- Có phải là con bỏ không dùng cái áo và cái mũ kia nữa không?

Hai bố con đang ở trong phòng Côdét. Nàng quay lại cái mắc áo đang treo bộ quần áo học trò nàng đã bỏ ra không dùng nữa. Nàng nói:

- Bộ quần áo hóa trang ấy à? Bố bảo con dùng nó làm gì? Ồ, có lý nào, không đâu, con không thèm mặc cái thứ ghê tởm ấy nữa đâu. Mang cái thứ quái ấy trên người, con thành bà "Chó điên" mất.

Giăng Vangiăng thở dài não nuột. Từ phút ấy, ông nhận thấy rằng Côdét trước kia hay đòi ở cạnh ông, hay nói với ông: "Bố ơi, con thích ở đây với bố hơn", nhưng bây giờ thì luôn luôn nàng đòi đi phố. Đúng thôi, vì có bộ mặt xinh và quần áo đẹp mà không đem đi khoe thì có mà làm gì?

Ông cũng nhận thấy Côdét không còn thích cái sân sau như ngày trước. Lúc này nàng thích cái vườn hơn, cứ dạo qua lại trước hàng rào sắt mà không biết chán. Giăng Vangiăng bực bội, không để chân ra vườn. Ông ở lì trong sân sau, như con chó.

Khi biết mình đẹp thì Côdét cũng không còn cái duyên của con người không biết là mình đẹp. Cái duyên ấy rất ý vị, vì sắc đẹp mà ngây thơ thì không thể diễn tả; không có gì tuyệt diệu bằng một con người ngây thơ trong sạch mà đẹp lộng lẫy trong tay nắm chìa khóa của một thiên đường mà chính mình không biết. Nhưng mất cái duyên ngây thơ thì đã có vẻ đẹp có ý thức và nghiêm túc bù lại. Cả con người nàng thấm nhuần niềm vui của tuổi trẻ, của trong trắng, của sắc đẹp toát ra một thứ hoài cảm sáng ngời.

Vào lúc này, sau sáu tháng đằng đẵng, Mariuytx gặp lại Côdét ở vườn Luýchxămbua.

VI

CUỘC CHIẾN ĐẤU BẮT ĐẦU

Côdét và Mariuytx mỗi người một nơi, lòng chưa tỏ lòng, nhưng cả hai đều sẵn sàng bất lửa. Cả hai người đều chất chứa những luồng điện của tình si mang đầy bão táp và uế oải vì nó. Cả hai tâm hồn đều chất chứa ái tình cũng như hai đám mây

chất chứa sấm sét. Hai tâm hồn ấy nhất định phải gần nhau lại, phải trộn lẫn vào nhau trong một cái nhìn cũng như hai đám mây phải chạm nhau trong một tia chớp. Vận mệnh, với sự kiên nhẫn huyền bí và chắc chắn đang dần dần nhích họ lại gần nhau.

Các tiểu thuyết tình đã lạm dụng cái nhìn nhiều quá đến nỗi nó bị người ta coi thường. Bây giờ thì ít ai còn dám nói hai người đã yêu nhau vì họ đã nhìn nhau. Ấy vậy mà chính người ta yêu nhau là vì như thế đó, và chỉ có như thế đó thôi. Còn cái gì nữa thì đó là cái phụ, nó đến sau. Chẳng có gì thật hơn những cái chuyển động sâu xa ấy mà hai tâm hồn truyền cho nhau khi trao đổi với nhau tia lửa trong ánh mắt.

Giây phút mà Côdét không ngờ là mình có cái nhìn làm Mariuytx xao xuyến, thì Mariuytx cũng chẳng biết rằng mình cũng có cái nhìn làm cho Côdét phải nao nao.

Cái nhìn ấy đối với nàng cũng có tác dụng xấu và tác dụng tốt hệt như thế.

Đã từ lâu nàng thấy chàng và nhìn chàng như kiểu các cô gái thấy và nhìn thanh niên, nghĩa là cứ làm ra vẻ như là ngó vào đâu đâu. Mariuytx đang còn thấy Côdét xấu thì Côdét đã thấy Mariuytx đẹp rồi, nhưng vì chàng không để ý gì đến nàng, nên nàng cũng coi chàng như không.

Tuy vậy nàng không thể nào không tự bảo mình là chàng có mái tóc đẹp, cặp mắt xinh, hàm răng đều, giọng nói thanh tao khi nàng nghe chàng chuyện trò với bạn bè; chàng đi, dáng có thể nói không oai cũng được, nhưng vẫn có cái duyên riêng, chàng chẳng lù đù tí nào, cả người chàng đều thanh cao, dịu dàng, giản dị và kiêu hãnh, và cuối cùng chàng có vẻ nghèo, nhưng vẫn lịch sự, không đến nỗi nào.

Cái ngày mà bốn mắt gặp nhau, và bỗng dưng ấp úng trao

đối với nhau những điều lờ mờ khó tả đầu tiên bằng cái nhìn, thì thoạt tiên Côdét không hiểu. Nàng sinh ra suy nghĩ trong khi trở về nhà ở phố Uét nơi Giăng Vangiăng, theo thói quen, đến ở sáu tuần. Hôm sau ngủ dậy, nàng nghĩ đến anh chàng thanh niên lạ mặt ấy; anh chàng lâu nay lạnh lùng, không để ý gì đến nàng, nay hình như lại để mắt đến nàng, và tuồng như sự chú ý ấy chẳng làm cho nàng vui thích chút nào. Nàng hơi căm giận cái anh chàng đẹp trai làm cao ấy. Một thứ bản năng hiếu chiến nổi dậy trong người nàng. Nàng có cảm tưởng như nàng sắp được trả thù và cảm tưởng ấy làm nàng thấy một nỗi vui sướng thật trẻ con.

Biết mình đẹp, nàng có cảm giác là mình có một thứ vũ khí, mặc dù đó là một cảm giác mơ hồ. Phụ nữ họ chơi với sắc đẹp của họ như trẻ con nghịch dao. Họ sẽ bị thương.

Bạn đọc còn nhớ những nỗi ngập ngừng, hồi hộp, lo sợ của Mariuytx. Chàng cứ ngồi ở cái ghế dài và không dám đến gần. Điều ấy làm Côdét bực mình. Một hôm nàng nói với Giăng Vangiăng: - Bố ạ, chúng ta đi về phía kia chơi một tí đi. Mariuytx không đến với nàng thì nàng đến với chàng vậy. Trong trường hợp như vậy, người phụ nữ nào cũng giống Mahômê cả. Triệu chứng đầu tiên của tình yêu chân thật ở người con trai là sự rụt rè, còn ở người con gái lại là sự táo bạo. Kể cũng kỳ dị thật. Người ta ngạc nhiên nhưng quả không có gì đơn giản bằng. Đó là hai giống khác nhau muốn đến gần nhau và giống này đã mượn tính chất của giống kia.

Hôm ấy, cái nhìn của Côdét khiến cho Mariuytx như ngây như dại, cái nhìn của Mariuytx làm cho Côdét bối rối run rẩy. Ra về Mariuytx tin tưởng, Côdét lo lắng. Từ đó, hai người yêu nhau.

Thoạt tiên, Côdét cảm thấy một nỗi buồn mơ hồ nhưng sâu xa. Nàng thấy hình như chỉ một hôm mà tâm hồn nàng đã trở nên u tối, nàng không còn nhận ra nữa. Tâm hồn các cô thiếu nữ lạnh lùng và tươi vui, cái trong trắng của nó cũng như cái trong trắng của tuyết, gặp ái tình là mặt trời thì trong trắng cũng tan.

Côdét không hiểu ái tình là gì cả. Chưa bao giờ nàng được nghe đọc đến tiếng ấy với cái nghĩa trần gian của nó. Trong *các sách nhạc ngoại* đạo đem vào tu viện, *ái tình* đều được thay bằng *tang tình* hay *quái tình*(1). Thành ra có những câu bí hiểm khêu gợi trí tưởng tượng của các cô lớn tuổi như là: *Chao ôi! Tang tình sao mà êm ái thế!* hoặc: *thương hại không phải là quái tình!* Nhưng Côdét ra khỏi nhà tu lúc còn nhỏ quá nên chẳng phải bận tâm nhiều vì "*cái tang tình*" ấy, bởi thế nàng không biết tên gì để gọi điều mà nàng cảm thấy trong lúc này. Nhưng người ta có vì không biết tên bệnh mà ít đau hơn không?

Nàng yêu mà không biết mình yêu, nên tình yêu lại càng đắm đuối. Nàng không hiểu cái đó tốt hay xấu, có ích hay nguy hiểm, cần thiết hay có hại đến tính mạng, vĩnh viễn hay thoáng qua, được phép hay bị cấm; nàng chỉ biết có yêu. Người ta sẽ làm nàng ngạc nhiên hết sức nếu người ta nói với nàng: Cô không ngủ à? không được đấy nhé! Cô không ăn uống gì cả à? bậy lắm! Cô thấy khó thở, tim cô hồi hộp à? Có ai như thế đâu! Có bóng người nào bận đồ đen hiện ra ở cuối lối cây xanh thì má cô ửng hồng hay tái mét chứ gì? Thật là tầy trời! Nàng sẽ không hiểu gì, và nàng sẽ trả lời: Làm thế nào mà lỗi ở tôi được? Việc ấy tôi chẳng biết làm thế nào được, mà

(1) Nguyên văn là: amour thay bằng tambour, pandour; chúng tôi dùng *ái tình* để có thể dễ chữa ra thành *tang tình* hay *quái tình*.

Thoạt tiên, Côdét cảm thấy một nỗi buồn mơ hồ nhưng sâu xa. Nàng thấy hình như chỉ một hôm mà tâm hồn nàng đã trở nên u tối, nàng không còn nhận ra nữa. Tâm hồn các cô thiếu nữ lạnh lùng và tươi vui, cái trong trắng của nó cũng như cái trong trắng của tuyết, gặp ái tình là mặt trời thì trong trắng cũng tan.

Côdét không hiểu ái tình là gì cả. Chưa bao giờ nàng được nghe đọc đến tiếng ấy với cái nghĩa trần gian của nó. Trong các sách nhạc ngoại đạo đem vào tu viện, *ái tình* đều được thay bằng *tang tình* hay *quái tình*[1]. Thành ra có những câu bí hiểm khêu gợi trí tưởng tượng của các cô lớn tuổi như là: *Chao ôi! Tang tình sao mà êm ái thế!* hoặc: *thương hại không phải là quái tình!* Nhưng Côdét ra khỏi nhà tu lúc còn nhỏ quá nên chẳng phải bận tâm nhiều vì "*cái tang tình*" ấy, bởi thế nàng không biết tên gì để gọi điều mà nàng cảm thấy trong lúc này. Nhưng người ta có vì không biết tên bệnh mà ít đau hơn không?

Nàng yêu mà không biết mình yêu, nên tình yêu lại càng đắm đuối. Nàng không hiểu cái đó tốt hay xấu, có ích hay nguy hiểm, cần thiết hay có hại đến tính mạng, vĩnh viễn hay thoáng qua, được phép hay bị cấm; nàng chỉ biết có yêu. Người ta sẽ làm nàng ngạc nhiên hết sức nếu người ta nói với nàng: Cô không ngủ à? không được đấy nhé! Cô không ăn uống gì cả à? bậy lắm! Cô thấy khó thở, tim cô hồi hộp à? Có ai như thế đâu! Có bóng người nào bận đồ đen hiện ra ở cuối lối cây xanh thì má cô ửng hồng hay tái mét chú gì? Thật là tầy trời! Nàng sẽ không hiểu gì, và nàng sẽ trả lời: Làm thế nào mà lỗi ở tôi được? Việc ấy tôi chẳng biết làm thế nào được, mà

(1) Nguyên văn là: amour thay bằng tambour, pandour; chúng tôi dùng *ái tình* để có thể dễ chữa ra thành *tang tình* hay *quái tình*.

tôi cũng có hiểu gì đâu!

Hóa ra thứ tình yêu vừa đến với nàng lại chính là thứ tình yêu thích hợp nhất với tâm trạng nàng bấy giờ. Đó là một thứ sùng bái từ xa, một sự chiêm ngưỡng thầm lặng, đó là sự thần thánh hóa một con người mình không quen biết. Đó là tuổi trẻ ra mắt với tuổi trẻ, đó là giấc mơ ban đêm trở thành tiểu thuyết nhưng vẫn còn là mơ, đó là bóng ma hằng mơ ước nay đã thành sự thực và hiện thành người bằng xương bằng thịt, nhưng vẫn chưa có tên, chưa có lỗi gì, chưa có tí tách gì, chưa đòi hỏi gì, chưa có khuyết điểm gì; tóm lại, là người yêu xa vời đang còn trong lý tưởng, chẳng khác gì một con người tưởng tượng mà đã có hình dáng rõ rồi. Mọi cuộc gặp gỡ gần gũi hơn, hiển nhiên hơn, trong buổi đầu này, chắc sẽ làm Côdét khó chịu, vì nàng hầu như vẫn còn chìm ngập trong làn sương mù của nhà tu, nó thường phóng đại mọi sự vật.

Trẻ con sợ gì, nàng cũng sợ, mà những nữ tu sĩ sợ gì nàng cũng sợ, hai thứ sợ trộn lẫn với nhau. Cái tinh thần của tu viện thâm nhiễm vào Côdét trong suốt năm năm, ngày nay hãy còn chầm chậm thoát ra từ con người nàng và bay lên, làm cho mọi vật chung quanh nàng rung động. Trong tình trạng ấy, điều nàng cần không phải là một người tình nhân, cũng không phải là một anh chàng si tình, mà là một hình ảnh. Nàng đem lòng thờ phụng Mariuytx như một cái gì xinh đẹp, ngời sáng, và cao xa, với không tới.

Sự ngây thơ tột bậc cũng có vẻ như sự lơi lả tột bậc. Nàng mỉm cười với chàng, ngay thật, không chút e lệ.

Ngày nào nàng cũng nóng ruột chờ cho đến giờ đi chơi. Đi chơi, nàng được gặp mặt Mariuytx và cảm thấy trong lòng sung sướng một cách khó tả. Nàng nói với Giăng Vangiăng:
- Cái vườn Luýchxămbua này thật là dễ ưa bố nhỉ! Nàng tin

rằng như thế là mình đã thành thật nói hết ý nghĩ của mình!

Mariuytx và Côdét, người này đối với người kia như đang ở trong bóng tối. Họ không nói năng với nhau, họ không chào hỏi nhau, họ không biết nhau. Họ vẫn thấy nhau. Và tựa như những vì sao trên trời cách nhau hàng thiên vạn dặm, họ sống bằng cách nhìn nhau.

Cứ như thế, với ý thức mình đẹp và không biết mình yêu, Côdét dần dần phát triển thành một người đàn bà xinh đẹp, khao khát tình yêu. Lại làm duyên làm dáng một cách ngây thơ.

VII

KẺ BUỒN NGƯỜI LẠI Ủ Ê

Ở vào hoàn cảnh nào người ta cũng được linh cảm mách bảo. Chính thứ linh cảm tự nhiên, lâu đời và muôn năm ấy đã ngầm báo tin cho Giăng Vangiăng sự có mặt của Mariuytx. Thâm tâm ông giật mình. Giăng Vangiăng không nhìn thấy gì cả, không hay biết gì cả, nhưng lại nhìn chăm chú và dai dẳng vào bóng tối đang bao trùm ông, chẳng khác gì ông đang cảm thấy ở một bên mình thì có cái gì đang xây dựng còn bên kia thì có cái gì đang sụp đổ. Về phần Mariuytx, theo quy luật thâm thúy của trời đất, chàng cũng linh cảm Giăng Vangiăng đã biết chuyện mình và tìm hết cách để tránh mặt "ông bố" của người đẹp. Tuy vậy, có lúc Giăng Vangiăng cũng nhìn thấy chàng. Cử chỉ của Mariuytx chẳng còn tự nhiên nữa. Khi thì chàng cẩn thận một cách khả nghi, khi thì chàng lại bạo dạn một cách vụng về. Chàng không đến sát sạt như trước nữa, chàng dừng ở xa và ngồi im, say sưa; chàng cầm một quyển sách, giả vờ đọc; giả vờ với ai nhỉ? Trước kia chàng đến đây với bộ quần áo cũ, bây giờ ngày nào chàng cũng đánh

quần áo mới; không biết đích xác là chàng có uốn tóc hay không, nhưng cặp mắt chàng trông buồn cười lắm, nay lại có cả tất tay nữa; tóm lại, đối với chàng thanh niên này, Giăng Vangiăng thấy thù ghét tận đáy lòng.

Côdét không để bố đoán được điều gì cả. Nàng không biết rõ nàng đang có cái gì trong lòng, nên nàng có cảm giác đó là một cái gì quan trọng phải giấu kỹ.

Giữa cái ham thích làm dáng mà Côdét mới có đây, với cái thói quen diện quần áo mới vừa hiện ra ở người lạ mặt ấy, có cái gì như là một sự sống đôi với nhau, khiến Giăng Vangiăng lấy làm khó chịu. Ngẫu nhiên chăng. Có lẽ thế, chắc là thế, nhất định là thế, nhưng là một ngẫu nhiên đáng sợ.

Giăng Vangiăng không hề mở miệng nói với Côdét một lời về người lạ mặt ấy. Tuy vậy, một hôm, cầm lòng không được, ông làm như người thất vọng bỗng dưng muốn dò thử nỗi khốn khổ của mình, ông hỏi Côdét: - Cái anh chàng kia sao mà rởm thế!

Giá là năm trước đây, Côdét còn bé dại và vô tư thì nàng đã trả lời: - Đâu phải, anh chàng xinh trai đấy chứ. Hay là mười năm nữa, trong lòng nặng tình với Mariuytx, nàng sẽ đáp "Rởm thật và trông khó ngửi lắm! Bố nói rất phải!" Nhưng với tâm trạng của nàng trong giây phút bấy giờ, nàng chỉ biết đáp lại một cách rất bình tĩnh:

- Anh thanh niên ấy!

Ra vẻ như nàng mới vừa nhìn thấy anh chàng ấy lần đầu tiên trong đời mình.

- Rõ ta mới ngốc làm sao! Giăng Vangiăng nghĩ bụng. Con bé có để ý đến thằng ấy đâu. Mình lại đi chỉ cho nó mới khổ chứ.

Ôi! Chất phác thay là người già! Và sâu sắc thay là trẻ con! Đây cũng là một quy luật của tuổi trẻ tươi mát nhưng

cũng nhiều đau đớn và lo âu, một quy luật trong sự đấu tranh gay gắt của mối tình đầu chống những trở ngại ban đầu. Người con gái chẳng sa vào cạm bẫy nào, người con trai mắc tất cả cạm bẫy. Giăng Vangiăng đã bắt đầu tiến hành đối với Mariuytx một cuộc chiến tranh ngầm, mà anh chàng ngờ nghệch một cách siêu việt với tấm tình si và lứa tuổi non trẻ của mình có hay biết gì đâu. Giăng Vangiăng đặt bao nhiêu là bẫy để bẫy chàng; ông đổi giờ đi chơi, ông đổi chỗ ngồi, ông bỏ quên khăn tay, ông đến vườn Luýchxămbua một mình; Mariuytx cứ đâm đầu vào tròng hết lần nay đến lần khác; và đối với tất cả các dấu hỏi mà Giăng Vangiăng cắm trên đường chàng, chàng đều ngây thơ trả lời là có. Nhưng Côdét thì khéo ẩn núp dưới bề ngoài vô tư và dáng bộ bình tĩnh không thay đổi, làm cho Giăng Vangiăng đến phải kết luận: cái thằng ngốc ấy nó chết mê chết mệt con bé, chứ con bé nó có thèm biết thằng ngốc ấy là ai đâu.

Nói thế nhưng ông không khỏi thấy lòng run run, đau đớn. Cái ngày mà Côdét biết yêu cũng chỉ là nay mai thôi. Mọi sự chẳng bắt đầu bằng dửng dưng là gì.

Chả một lần Côdét hở một tí mà làm ông đến hoảng hốt. Ngồi chơi đã được ba giờ trọn, ông đứng dậy đi, thì Côdét buột mồm nói:

- Đi rồi à! Nhanh thế!

Giăng Vangiăng không ngắt quãng những cuộc đi chơi ở vườn Luýchxămbua, vì ông không muốn làm điều gì trái với lệ thường và nhất là vì ông không muốn làm cho Côdét chú ý. Nhưng trong những giờ phút êm dịu cho cả hai tấm lòng si tình ấy, khi Côdét mỉm cười với anh chàng Mariuytx đang say mê đến nỗi chỉ thấy có nụ cười ấy, chỉ thấy trong trời đất có mỗi gương mặt rạng rỡ đáng yêu ấy, chứ ngoài ra không

thấy gì khác nữa, thì Giăng Vangiăng lại chăm chăm nhìn Mariuytx với cặp mắt nẩy lửa, đáng sợ. Ông đã đến chỗ tin rằng mình không còn có thể có một ý nghĩ xấu đối với kẻ khác, thế mà có lúc, khi Mariuytx đang ở trước mặt, ông tưởng mình như trở lại dã man, hung tợn, và ông có cảm giác dường như trong tâm hồn mình, những chỗ sâu kín ngày xưa chứa đựng bao nhiêu là căm hờn lại đang hé mở trở ra và đang nhằm chống lại chàng thanh niên ấy. Ông tưởng chừng trong người ông như có nhiều ngọn núi lửa bất ngờ đang hình thành.

Thế nào? Cái thằng ấy hắn ở đây rồi! Hắn đến đây để làm gì? Để xoay quanh, để đánh hơi, dò xét, ướm thử! Để nói: Sao? Sao lại không? Để rình mò quanh cuộc đời ông, rình mò ông! Rình mò quanh hạnh phúc của ông, chực cướp lấy mà mang đi!

Găng Vangiăng thêm: - Phải đúng thế! Hắn đến để tìm cái gì? Một trò đùa! Ý hắn muốn gì? Một mối tình chim chuột! Chim với chuột! Còn ta! Trước hết ta sẽ là người khốn nạn nhất, rồi là người đau khổ nhất trong đời; ta đã chịu đựng tất cả mọi đau khổ mà loài người có thể chịu đựng; ta đã già rồi mặc dù ta chưa hề trẻ: ta đã sống không gia đình, không cha mẹ, không bạn bè, không vợ con; ta đã để máu trên tất cả những cụm đá, những lùm gai, những trụ mốc, những tường thành; ta đã dịu hiền mặc dù người ta vẫn nhẫn tâm đối với ta, mặc dù người ta vẫn hung ác; bất chấp tất cả ta đã trở thành người lương thiện, ta đã ăn năn những điều ta mắc phải, ta đã tha thứ những điều đau khổ người khác gây cho ta. Thế mà đến lúc ta được ban thưởng, đến lúc mọi sự đau khổ chấm dứt, đến lúc ta sắp đến đích, đến lúc ta nắm được trong tay điều ta mong muốn, rõ ràng là cái ta đã mua được, chinh phục được, thì tất cả sắp bay đi, sắp tiêu tan, ta sẽ mất Côdet ta sẽ mất đời ta, mất niềm vui của ta, mất linh

hồn của ta, chỉ vì lẽ có một thằng ngu ngốc cao hứng đến đi dông đi dài ở vườn Luychxămbua!

Nghĩ đến đó, hai mắt ông long lên một ánh sáng dị kỳ và sầu thảm. Không còn là một cặp mắt của một con người nhìn một con người, cũng không phải là một kẻ thù nhìn một kẻ thù. Đó là một con chó dữ nhìn một tên ăn trộm.

Việc xảy ra như thế nào, người ta đã biết. Mariuytx vẫn vô tâm ngờ nghệch. Một hôm chàng theo gót Côdét đến phố Uet. Bữa khác, chàng nói chuyện với người gác cổng. Người gác cổng cũng thóc mách với Giăng Vangiăng: - Thưa ông: Việc gì lại một anh thanh niên tò mò đến hỏi ông nhỉ? - Hôm sau, Giăng Vangiăng nhìn Mariuytx với vẻ nhìn mà Mariuytx cuối cùng phải nhận ra. Tám hôm sau, Giăng Vangiăng đã đổi chỗ ở. Ông thề không bao giờ để chân đến vườn Luychxămbua nữa, cả đến phố Uet cũng vậy. Ông trở về phố Poluymê.

Côdét không phàn nàn, nàng không nói gì, không hỏi gì, nàng không tìm hiểu một nguyên do nào cả; nàng đã đến thời kỳ sợ người khác đoán được lòng mình và sợ mình để lộ chuyện riêng. Giăng Vangiăng không hề có kinh nghiệm nào về loại đau khổ ấy, loại đau khổ duy nhất đáng yêu, loại đau khổ duy nhất mà ông chưa hề biết tới; do đó mà ông không sao hiểu được cái ý nghĩa nghiêm trọng trong sự im lặng của Côdét. Ông chỉ nhận thấy nàng buồn và ông cũng âu sầu theo. Đây là sự đương đầu của hai người không từng trải.

Một lần, ông muốn dò xét, hỏi Côdét:

- Con muốn đi chơi vườn Luychxămbua không?

Một tia sáng làm rạng nét mặt nhợt nhạt của Côdét. Nàng trả lời:

- Vâng.

Hai bố con cùng đi. Đã ba tháng hôm ấy họ mới trở lại.

Mariuytx không còn đến đây nữa, nên không thấy bóng chàng.

Hôm sau Giăng Vangiăng hỏi lại Côdét:

- Con đi vườn Luychxămbua không?

Nàng trả lời, buồn rầu và dịu dàng:

- Không

Vẻ buồn rầu ấy làm ông khó chịu và giọng dịu dàng kia khiến ông não nề trong lòng.

Cái gì đã xảy ra trong khối óc non dại như thế mà đã khó hiểu đến thế? Cái gì đang hình thành ngấm ngầm trong ấy? Cái gì đã xảy đến với tâm hồn cô bé kia? Có khi ông không ngủ, cứ ngồi bên cái giường khổ, hai tay ôm đầu, thức suốt đêm với câu hỏi: Côdét đang nghĩ gì? Và lại miên man tìm hiểu mọi thứ Côdét có thể nghĩ đến.

Chao ôi, những lúc ấy, cặp mắt của ông nhìn về hướng nhà tu mới đau khổ làm sao! Nhà tu, cái đỉnh của sự trong sạch, thế giới của thiên thần, cái chóp núi băng cao vút của đạo đức. Ông ngắm nhìn một cách tuyệt vọng nhưng say sưa làm sao cái vườn của nhà tu, ở đấy bao nhiêu hoa không người biết tới, ở đấy bao nhiêu trinh nữ cấm cung, ở đấy mọi hương thơm và mọi linh hồn đều lên thẳng tới thiên đường! Ông qúi mến làm sao cái cảnh bồng lai mà ông đã tự nguyện từ bỏ ra đi một cách cuồng dại. Cảnh bồng lai ấy bây giờ đối với ông đã cửa đóng then cài vĩnh viễn rồi! Sao mà ông hối tiếc việc ông đã vô tư và điên cuồng đưa Côdét trở lại xã hội như thế này! Ông, người anh hùng đáng thương của sự hy sinh, ông vừa bị quật ngã chính vì lòng hy sinh của mình! Ông xuýt xoa tự bảo, ta đã làm cái gì thế?

Tuy vậy, mọi sự suy nghĩ này, Côdét không hề hay biết gì hết. Ông không gắt gỏng, cau có bao giờ. Luôn luôn gương mặt ông trong sáng và hiền hậu. Cử chỉ của ông lại có cái dịu dàng

của người làm cha hơn bao giờ hết. Chỉ một điều có thể làm cho Côdét đoán ông ít vui là ông càng độ lượng hơn trước.

Phần Côdét, nàng mỗi ngày một u sầu. Nàng buồn rầu vì vắng bóng Mariuytx, cũng chẳng khác gì trước kia nàng sung sướng được thấy nàng, buồn rầu và sung sướng một cách khác thường, đến nàng cũng không hiểu rõ. Khi Giăng Vangiăng thôi không đưa nàng đi chơi như thường lệ nữa, thì trong thâm tâm nàng hình như mơ hồ có thứ linh tính đàn bà bảo nhỏ nàng không nên làm ra vẻ bận tâm về cái vườn Luychxămbua, và nếu nàng tỏ ra vẻ thờ ơ thì bố nàng sẽ dắt nàng trở lại đấy. Nhưng ngày qua rồi tháng lại qua. Giăng Vangiăng mặc nhiên chấp nhận sự thuận tình âm thầm của Côdét. Nàng hối tiếc, nhưng chậm mất rồi. Hôm nàng trở lại vườn Luychxămbua, Mariuytx không còn ở đấy nữa. Chàng đã mất tăm, thế là hết, biết làm thế nào? Chẳng bao giờ nàng còn gặp lại chàng nữa hay sao? Nàng thấy lòng đau như thắt và mỗi ngày mỗi xót xa thêm. Nàng không còn biết là đang mùa đông hay đã sang mùa hạ, trời đang nắng hay trời đang mưa, nàng không nghe tiếng chim ca, không biết đang mùa thược dược, hay bạch cúc, vườn Luychxămbua có đẹp hơn lâu đài Tuylơri không; quần áo thợ là đem đến hồ có vừa hay không, bà Tútxanh đi chợ mua sắm có đúng mức không, nàng cũng không hề biết. Và nàng như khổ sở, đăm chiêu, chỉ chăm chăm theo đuổi một ý nghĩ trong óc, cặp mắt mơ màng, nhìn thẳng, như ban đêm người ta nhìn vào chỗ đen sâu thẳm, theo vết cái bóng ma vừa biến đi.

Tuy vậy, nàng cũng không để cho Giăng Vangiăng hay thấy gì khác ngoài vẻ tái nhợt trên mặt mình. Nàng vẫn giữ vẻ mặt dịu dàng như trước đối với "bố".

Gương mặt nhợt nhạt ấy đủ làm cho ông lo lắng quá đi

rồi. Đôi lúc ông hỏi:

- Con sao vậy?

Nàng đáp:

- Không sao cả ạ.

Và sau một phút lặng thinh, đoán biết ông cũng buồn, nàng tiếp:

- Còn bố, bố có sao không ạ?

- Bố à? Chẳng sao cả, ông trả lời.

Thế là hai con người ấy, trước họ chỉ biết có nhau, họ chỉ biết có thương yêu nhau, họ đã sống rất lâu người kia trong người nọ, ngày nay họ vẫn ở bên cạnh nhau nhưng mỗi người ôm một nỗi đau đớn riêng biệt, người này đau vì người kia, nhưng vẫn không nói ra với nhau, vẫn không giận hờn gì nhau, và vẫn tươi cười với nhau.

VIII

XIỀNG XÍCH

Trong hai người, Giăng Vangiăng khổ hơn cả. Tuổi trẻ ngay những lúc buồn, cũng có một thứ ánh rạng rỡ riêng của nó.

Đau khổ có cái đặc điểm làm cho khía cạnh trẻ con ở con người sống trở lại. Giăng Vangiăng có những lúc đau khổ quá đỗi cũng hóa ra ngây thơ. Ông cảm thấy một cách mãnh liệt Côdét đang xa lìa ông. Ông những muốn kháng cự, giữ nàng lại, làm cho nàng phấn khởi bằng cái gì thật rực rỡ, thật hình thức. Những ý nghĩ ngây thơ, mà cũng là ý nghĩ già nua ấy, như chúng tôi vừa nói, chính nó trẻ con nên lại giúp ông có một ý niệm khá chính xác về ảnh hưởng của các thứ huy hoàng diêm dúa đối với trí tưởng tượng bọn thiếu nữ. Một lần ông thấy một vị đại tướng nhung phục đại lễ cưỡi ngựa đi qua ngoài phố: đó là bá tước Cuta, tư lệnh Pari. Ông sinh

lòng thèm muốn được như con người đỏ ối vàng ấy và nghĩ bụng giá được bận bộ nhung phục như thế thì sướng biết chừng nào! Bộ nhung phục thế kia thì ai phủ nhận được, Côđét mà nhìn thấy là phải lóa mắt ngay, rồi khi ông khoác tay Côđét đi qua trước điện Tuylơri thấy binh lính bồng súng chào, thì nhất định bấy nhiêu đó đủ làm Côđét vừa lòng rồi, không còn muốn ngó bọn trai trẻ làm gì nữa.

Một rung chuyển bất ngờ thình lình đến xen vào những ý nghĩ buồn rầu ấy.

Từ ngày đến ở phố Poluymê, trong cuộc sống cô độc của họ, họ có một thói quen. Thỉnh thoảng hai bố con có cái thú dắt nhau đi xem mặt trời mọc. Kể cũng là một thú vui nhẹ nhàng vừa hợp cho trẻ mới vào đời vừa hợp cho người sắp từ giã cuộc sống.

Ai thích cô tịch, thì đi dạo buổi sớm tinh sương cũng như đi dạo ban đêm, chỉ khác là nó thêm quang cảnh vui tươi của tạo vật. Đường xá vắng tanh, chim chóc ca hát. Côđét cũng là một con chim, nàng rất vui lòng dậy sớm. Hôm nào đi chơi như thế thì hôm trước đã sắp đặt sẵn. Ông đề nghị và nàng nhận lời. Công việc thu xếp như là một cuộc âm mưu chính trị. Trời còn mờ mờ hai bố con đã ra khỏi nhà. Bao nhiêu việc xảy ra đều là bấy nhiêu mối vui nho nhỏ cho Côđét. Những trò là lạ vô hại ấy vẫn làm tuổi trẻ thích thú.

Bạn đọc biết đấy, cái thiên hướng của Giăng Vangiăng là tìm đến những nơi vắng người, những chỗ cô tịch, những chốn lãng quên. Gần các cửa ô Pari bấy giờ có những vùng đất cằn, nửa tỉnh, nửa quê. Mùa hè lúa xấu, sang thu, mùa màng thu hoạch xong, ruộng đồng không có vẻ gì được gặt hái mà như là bị vặt lông. Giăng Văngiăng đặc biệt thích tới những nơi đó. Mà Côđét cũng chả lấy thế làm buồn.

Đến đây ông được tĩnh mịch, còn nàng thì được tự do. Nàng thấy mình bé trở lại, nàng chạy nhảy, gần như đùa nghịch, bỏ mũ ra đặt trên đầu gối bố, đi hái hoa bố lại thành bó. Nàng nhìn bướm vờn hoa, nhưng không bắt: ái tình nảy nở thì đồng thời tính dịu dàng lòng độ lượng cũng phát sinh. Cô thiếu nữ đang ấp ủ một lý tưởng lung linh, mỏng mảnh, đem lòng thương hại những cánh bướm non. Nàng lấy hoa mào gà tết thành dải quấn lên đầu. Mặt trời thấm vào, xuyên qua vành hoa, màu đỏ càng rực lên như ánh lửa chói lòa làm cho khuôn mặt hồng tươi của nàng ửng đỏ lên như có một vành than lửa bao quanh.

Cái thói quen dạo chơi buổi sáng ấy ngay khi họ đã có những nỗi buồn bã, hai bố con vẫn giữ như cũ.

Một buổi sáng tháng Mười năm 1831, tiết thu trong suốt như khêu gợi, hai bố con lại ra đi. Mờ mờ sáng đã đến gần cửa ô Men. Trời chưa rạng đông chỉ mới tang tảng, giờ phút nghiêm trang và thật thanh thú. Trên nền trời xanh nhạt và sâu thẳm còn lác đác một vài chòm sao, mặt đất tối om, trên cao sáng trắng, cỏ run rẩy cựa mình, nơi nơi đều như đang rung động, cái rung động huyền bí của bình minh. Một con sơn ca ở đâu trên cao xa tít như lẫn lộn vào các vì sao, cất tiếng hót véo von. Lời ca ngợi của bé bỏng gửi cho vô cùng ấy, người ta có cảm tưởng là nó làm cho không gian vô tận lặng dịu đi. Về phía đông, nhà thờ Vandơgơrat in hình lên chân trời đang rạng màu thép, thành một khối đen mờ. Sao mai rực rỡ hiện lên phía sau chóp nhà thờ, tựa hồ một linh hồn đang thoát khỏi chốn lâu đài tối tăm.

Yên tĩnh và vắng lặng. Trên đường không một bóng người. Bên này bên kia, ở các ngõ trũng, thấp thoáng vài bóng thợ thuyền đi làm việc về.

Giăng Vangiăng ngồi trên đống gỗ ở lối đi trước cửa một công trường. Ông quay mặt ra đường, xoay lưng về phía ánh sáng, ông quên mặt trời mọc, ông đang suy nghĩ trầm ngâm, trí óc những lúc trầm ngâm như thế hết sức tập trung, làm cho con mắt cũng bị giam hãm như giữa bốn bức tường. Có những phút trầm tư có thể nói là trượt thẳng; khi đã ở tận đáy thì phải có thời gian mới trở lại mặt đất được. Giăng Vangiăng đang ở vào những phút trầm tư như thế. Ông nghĩ đến Côdét, đến cái hạnh phúc ông có thể hưởng được nếu không có gì xen vào giữa ông và nàng. Ông nghĩ đến cái ánh sáng từ nàng tỏa trùm lên đời ông, ánh sáng ấy là hơi thở của tâm hồn ông. Và ông thấy trong lòng gần như vui sướng. Côdét đứng bên cạnh, đưa mắt nhìn các đám mây đang dần dần ửng hồng.

Bống Côdét kêu lên: - Này bố, hình như có người đến từ đàng kia kia. Giăng Vangiăng ngước mắt lên nhìn.

Côdét nói đúng.

Phố Xevrơ kéo dài cho đến cửa ô Menơ cũ, và cắt vuông góc một đại lộ nội thành. Từ chỗ hai con đường gặp nhau đó phát ra một thứ tiếng ồn ào khó đoán được vào giờ này, và lờ mờ như có đám đông dồn lại. Một cái gì không có hình thù đang từ đại lộ kéo vào phố Xevrơ.

Vật đó lớn dần, có vẻ như di chuyển có trật tự, nhưng vẫn có cái gì lởm chởm và run rẩy. Hình như là một chiếc xe, nhưng không thấy rõ xe chở gì. Có ngựa, có bánh xe, có tiếng kêu, có tiếng roi vun vút. Dần dần một vài nét trên vật kia được cố định, mặc dù đang còn chìm trong bóng tối. Quả nhiên là một chiếc xe từ đường cái lớn vừa quay mũi về phía đường phố và đang đi về ngõ ô, gần chỗ Giăng Vangiăng ngồi. Một chiếc thứ hai hình thù tương tự đi liền theo sau, rồi một

chiếc thứ ba, một chiếc thứ tư, bảy chiếc xe kéo ra liên tiếp, đuôi xe trước sát vào đầu ngựa xe sau. Trên xe có bóng người cử động. Nhiều tia lửa lấp lánh trong bóng bình minh tựa hồ như có gươm tuốt trần, có tiếng loảng xoảng của xích xiềng khua động. Cả đoàn tiến lên, tiếng người rõ dần, nhìn rõ ra là một cảnh tượng đang ghê sợ như vừa thoát ra từ hang hố cõi chiêm bao.

Vật ấy đến gần thì hình thù hiện mập mờ sau hàng cây, nhợt nhạt như bóng ma. Cái khối ấy trắng dần ra. Ánh sáng mặt trời đang lên dần soi nhờ nhờ cái đám lúc nhúc nửa như chết nửa như sống đó, khiến cho những cái đầu trên các bóng mờ hiện thành những mặt người chết. Cảnh tượng nhìn thấy như thế này:

Bảy chiếc xe nối nhau trên đường phố. Sáu chiếc đi đầu có một cấu tạo kỳ dị. Nó giống cái xe ba gác của thợ đóng thùng; có vẻ là những cái thang dài đặt trên hai bánh, đầu trước dùng làm càng xe. Mỗi xe ba gác, nói đúng hơn, mỗi cái thang như thế có bốn con ngựa thắng thành hàng một, con trước nối con sau. Từng chùm người lạ lùng được chở đi trên những cái thang ấy. Ánh sáng nhờ nhờ không trông thấy họ rõ, nhưng đoán được. Mỗi xe hai mươi bốn người, mỗi bên mười hai, dựa lưng vào nhau, quay mặt ra đường, chân buông thõng. Cứ thế xe mang họ đi. Sau lưng họ lại có cái gì loảng xoảng: đó là cái dây xích; trên cổ họ có cái gì loang loáng, đó là cái gông cổ. Gông cổ thì mỗi người mỗi cái nhưng dây xích thì chung cho tất cả. Như thế, nếu phải xuống xe đi bộ, thì hai mươi bốn người kia đều bị dính chặt vào nhau thành một khối khắc nghiệt, đi quanh co trên mặt đất, với hai dây xích làm xương sống gần như là con cuốn chiếu. Hai người mang súng đứng đàng trước và đàng sau mỗi xe, chân dận lên đầu mối của cái dây xích. Gông cổ đều hình vuông. Chiếc xe thứ

bảy, một thứ xe chở hàng có thành, nhưng không mui, bốn bánh và ngựa kéo, thì chở một đống loảng xoảng nào xúp de sắt, nào nồi gang, nào hỏa lò, nào dây xích, lẫn lộn với mấy người bị trói, đặt nằm thẳng, tuồng như đang ốm. Thành xe bằng phên liếp đã gãy nát, trống hở cả bốn bên, các tấm liếp này hình như được dùng để phạt nhục hình các tội nhân ngày xưa.

Đoàn xe đi ở giữa đường. Mỗi bên có hai hàng rào lính coi ngục đi kèm, dáng người như lũ trời đánh, nhem nhuốc, thủng rách, tồi tàn! Chúng đội mũ ba góc nhu lính thời đốc chính, đánh bộ áo thương binh, cái quần âm công màu nửa xám nửa xanh và gần như tơi tả. Thêm vào những thứ ấy còn có cầu vai đỏ, dây đeo súng vàng, kiếm, súng, gậy. Rõ là một lũ lính tráng thô bỉ. Trông vào những tên cảnh binh ấy như thấy cái hèn hạ của kẻ ăn mày trộn lẫn với cái uy quyền của tên đao phủ. Cái tên có vẻ là xếp trong bọn lăm le trên tay một cái roi dài. Tất cả các chi tiết ấy ban đầu còn lờ mờ trong bình minh, dần dần hiện rõ trong ánh sáng mỗi lúc một tỏ thêm. Mấy tên sen đầm dáng nghiêm trang, gươm tuốt sẵn, cưỡi ngựa đi đầu và cuối đoàn.

Đoàn xe dài đến nỗi xe đầu đã đến cửa ô mà xe cuối mới vừa ra khỏi đại lộ.

Như thường thấy ở Pari, một đám đông người không biết từ đâu ra, tập họp lại trong nháy mắt, chen nhau đứng chật lại bên đường, trố mắt nhìn. Ở các ngõ hẻm gần đấy lại nghe tiếng người gọi nhau, tiếng guốc của hàng rau đổ ra xem.

Bọn người chồng chất trên xe làm thinh mặc cho xe lắc lư, xộc xạch. Buổi sớm lạnh, cả bọn mặt mày xám ngắt. Họ đều bận quần vải, chân không tất, đi guốc. Còn ... mũ thì mang cái vẻ kỳ khôi của nghèo hèn, gặp gì vơ nấy, vừa gớm ghiếc vừa lủng củng. Mũ dạ thủng, mũ lưỡi trai sơn hắc ín, mũ nồi bằng len tồi tàn, bên cạnh cái bơlu bằng vải là cái áo

len rách khuỷu; nhiều người đội cả mũ đàn bà; có kẻ lại đội cái thúng; nhiều kẻ để hở ngực, lông lá xồm xoàm, quần áo rách để lòi ra những nét trổ chàm, nào là đền thờ ái tình, nào là quả tim bốc lửa, nào là thần tính ái. Có cả những vết ghẻ lở, những mụn đỏ khả nghi. Đôi ba người có cuộn dây rơm cột vào thành xe, bỏ lòng thòng xuống dưới như những chân dâng để họ đặt chân lên đấy. Một người trong bọn cầm đưa lên miệng gặm một cái gì có vẻ như là một hòn đá màu đen, té ra anh ta ăn bánh mì. Mắt họ đều khô khan lờ đờ hoặc ngầu lên một ánh sáng không trong sạch. Toán lính hộ vệ càu nhàu, bọn người bị xiềng im ắng. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng gậy đánh bốp vào bả vai, vào đầu. Một đôi người ngáp dài; quần áo xác xơ trông ghê sợ; chân bỏ thõng, vai lắc lư; đầu họ va vào nhau, dây xích dây xiềng kêu loảng xoảng. Mắt sáng quắc một cách dữ tợn, bàn tay nắm lại, hoặc mở ra, cứng đờ như bàn tay người chết. Một đám trẻ con theo sau phá lên cười.

Cái đoàn ấy dù là đoàn gì trông cũng thê thảm. Hiển nhiên là ngày mai, hoặc chốc nữa, trời có thể đổ cơn mưa rào, cơn này tiếp cơn khác, rồi cơn khác nữa. Quần áo rách rưới kia *sẽ ướt* đầm và đã ướt, đã lạnh cóng thì những con người kia chắc không còn bao giờ khô nữa, không còn bao giờ sưởi ấm lại được nữa. Thứ quần vải kia sẽ dính sát vào xương, guốc kia sẽ đầy nước mưa. Roi vọt vùn vụt cũng không sao làm cho hai hàm răng họ không va vào nhau cầm cập. Dây xích thì cứ luôn luôn giữ lấy cổ họ. Chân họ sẽ luôn luôn cứ phải bỏ thõng. Và khi thấy những con người ấy bị xiềng bị xích, chỉ một bề ngửa cổ mà chịu với trời thu lạnh giá, phó mặc cho mưa, cho gió, cho sấm, cho sét như loài cỏ, loài đá, thì thực lòng nào mà làm ngơ cho đành.

Ngay những kẻ ốm đau bị trói nằm không nhúc nhích trên

cỗ xe thứ bảy chẳng khác gì những bao tải chứa đầy khốn khổ người ta vứt trên đó, cây gậy trên tay bọn lính cũng không chịu tha.

Bỗng nhiên, mặt trời lộ ra. Ánh sáng từ phương đông phụt lên, lan tràn mênh mông. Có cảm tưởng như nó vừa châm lửa vào những cái đầu hung tợn kia. Bây giờ họ mới mở mồm. Tiếng cười khảy, tiếng chửi rủa, tiếng hát đột nhiên nổ ra như một đám cháy. Ánh sáng chiếu ngang cắt đoàn người làm hai, đầu người, thân người thì sáng rực lên, nhưng chân người và bánh xe thì hãy còn trong bóng tối. Nét mặt mọi người bỗng có tinh thần. Thật là một phút đáng sợ: những tên qủy sứ hiện nguyên hình, những linh hồn hung tợn trần truồng vừa hiện ra. Có ánh sáng soi rõ mà đám người ấy vẫn tăm tối. Một đôi người tinh nghịch, miệng ngậm cái ống lông chim, nhằm mấy ả đàn bà trong đám người xem đứng dưới đường mà thổi phụt vào họ những chấy cùng rận. Ánh sáng mai hồng, bóng tối đen thẫm, hai cái chọi nhau làm nổi bật những hình thù thảm hại kia. Không một người nào không thành dị hình dị tướng bởi quá ư khổ sở. Thật là quái lạ đến nỗi có cảm tưởng là họ đã biến đổi ánh sáng mặt trời ra ánh lóe của tia chớp. Bọn người trong xe đi đầu cất tiếng hát nghêu ngao, vang lừng một khúc hát có tiếng thời bấy giờ; giọng hát vừa tươi vui vừa ngớ ngẩn; cây cối rùng mình thê thiết; trong các ngõ gần mấy anh thị dân lặng nghe khúc hát khôi hài từ cửa miệng bóng ma, vẻ mặt khoái chá một cách đần độn.

Mọi thứ cùng khốn đều lộn phèo trong đám người này. Ở đây có đủ góc mặt của thú vật, có ông già, có thiếu niên, có những trán hói, những chòm râu nửa trắng nửa đen. Ở đây có những cái quái dị chó đểu những cái nén lòng hậm hực, những cái nhếch mép man rợ, những cử chỉ vô ý thức, những

loại đầu thiếu nữ tóc xoắn khu ốc hai bên thái dương, những nét mặt trẻ con, do đó càng ghê tởm, những bộ mặt gầy gò như mặt bộ xương có điều là chưa chết. Trên xe đi đầu có một người da đen, có lẽ trước là nô lệ, người ấy có thể so sánh hai thứ dây xiềng. Cái mức đáng sợ dưới đáy tâm hồn, là sự hổ thẹn, đã đi qua trên các vầng trán ấy; sa đọa đến mức đó thì trong con người họ có chỗ nào sâu kín nhất mà không bị biến chất một cách xâu xa nhất! Và sự đốt nát **biến** ngớ ngẩn cũng sánh được với cái thông minh biến thành **thất** vọng. Giữa những người mà ai nhìn vào cũng phải công nhận là chất cô đúc của bùn lầy, thì còn biết thế nào mà lựa chọn? Hiển nhiên là cái tên nào đó sắp đặt cho cuộc diễu hành bẩn thỉu này, đã không sắp xếp thứ tự cho những người ấy. Họ bị xích vào dây, người này cặp đôi với người kia, có lẽ theo cái lộn xộn của thứ tự a, b, và bị chất bừa chất bãi lên xe. Tuy nhiên, một mớ ghê tởm góp lại bao giờ cũng tạo ra một kết lực gì; cộng nhiều kẻ khốn khó lại cũng thành một tổng số. Do đó mà mỗi sợi dây xích đều có một linh hồn chung, và mỗi xe người lại có một bộ mặt riêng. Bên cạnh cái xe ca hát lại có cái xe khác gầm thét, cái thứ ba ngửa tay ăn mày; có cái nghiến răng, có cái đe dọa người qua đường, có cái thì gọi trời mà nguyền rủa, cái sau cùng im lìm như ngôi mộ. Nhìn vào đấy chắc văn hào Đăngtơ sẽ tưởng thấy bảy vòng địa ngục đang kéo đi.

Một tên lính cầm cây gậy đầu có mọc, chốc chốc lại ra dáng đảo trộn các đống rác người ấy. Một bà cụ già trong đám người đứng xem giơ tay trỏ những người trong xe cho một thằng bé lên năm, bảo: *Ranh con, nhìn kia kìa, có sáng mắt ra không*! Trong khi đó tiếng hát, tiếng chửi rủa ngày càng to. Cái tên có vẻ là chỉ huy vụt mạnh roi một cái ra hiệu, tức thì gậy gộc vụt ào ào bất sá bất kể, tựa hồ như mưa

đá trút xuống bảy xe người. Nhiều kẻ gầm lên, giận dữ, lũ trẻ chạy đến xem thấy thế càng vui gấp bội, chẳng khác gì một đàn ruồi bám vào các mụn lở.

Hai mắt Giăng Vangiăng trở nên dữ tợn. Không còn là cặp mắt thường nữa, những hạt nhãn nữa: nó đã thành thứ kính sâu thẳm thay thế cho cái nhìn ở một số người khốn khó, nó có vẻ như không còn nhìn nhận ra được thực tế nữa, mà lại phản chiếu sáng ngời bao nhiêu là khủng khiếp bao nhiêu là tai họa. Cặp mắt ấy không nhìn một cảnh tượng thực tế, nó bị lôi cuốn theo một ảo ảnh. Giăng Vangiăng muốn đứng dậy, bỏ chạy trốn đi, nhưng chân không nhúc nhích nổi. Nhiều khi những điều ta trông thấy làm ta xúc động và như tóm lấy ta. Ông ngồi im như đóng đanh, như hóa thành đá, ngơ ngác. Trong lòng ông như đang có một cơn hãi hùng mơ hồ, khó tả. Qua nỗi hãi hùng ông tự hỏi cái cảnh trừng phạt của âm ty kia là nghĩa lý gì, từ đâu lại hiện ra cái hình ảnh ma quỷ ấy nó đeo đuổi ông như thế? Thình lình ông đưa tay lên trán, cử chỉ quen thuộc của người ta khi đột nhiên nhớ lại điều gì. Ông nhớ lại đích cái hành trình ấy, đích cái khúc ngoặt lệ thường phải rẽ qua để tránh việc có thể gặp xa giá nhà vua trên con đường Phôngtênơblô; đúng là ba mươi lăm năm về trước, ông đã đi qua cửa ô này.

Côdét thì hoảng hốt một cách khác nhưng không thua gì bố! Nàng không hiểu gì cả, nàng cảm thấy như ngạt thở, những điều nàng thấy nàng cho là không thể nào lại có được; cuối cùng nàng kêu lên

- Bố ơi! Cái gì trong các xe ấy bố?

Giăng Vangiăng đáp:

- Tù khổ sai.
- Họ đi đâu thế?
- Đi phục dịch chiến thuyền.

Lúc ấy, gậy gộc ở hàng trăm cánh tay giáng xuống càng hăng, bản gươm lại bồi thêm vào thành một trận roi vọt điên cuồng. Bọn tù khổ sai cúi đầu, một sự khuất phục gớm ghiếc như toát ra từ trận nhục hình. Cả bọn âm thầm với con mắt của lũ chó sói bị xiềng xích. Côdét chân tay run lẩy bẩy, hỏi tiếp:

- Bố ơi, họ có còn là người không bố?

Con người khốn khổ trả lời:

- Cũng đôi khi.

Qủa thật đó là đoàn tù ra đi từ Bixét lúc trời chưa sáng, đang đi theo con đường đến Măngxơ để khỏi phải qua Phôngtênơblô, nơi vua ở. Đi vòng quanh như thế làm cho cuộc hành trình ghê rợn ấy kéo dài thêm ba hay bốn hôm; nhưng để cho nhà vua khỏi phải thấy một cảnh nhục hình, người ta có thể kéo dài cái nhục hình ấy lắm chứ!

Giăng Vangiăng trở về nhà trong người mệt lử. Những cuộc gặp gỡ như thế là những vố thình lình, và cái kỷ niệm nó còn để lại giống như một rung chuyển tận gốc.

Tuy vậy, trên đường về phố Babilôn, Giăng Vangiăng nhận thấy Côdét không hỏi ông câu nào nữa về cái cảnh hai bố con vừa mới thấy xong. Có lẽ vì ông bận về niềm riêng nặng trĩu tâm hồn, nên không nghe được lời nàng để trả lời chăng. Duy buổi tối, khi Côdét rời ông để đi ngủ, ông nghe thấy nàng lẩm bẩm như nói một mình: - Ta có cảm tưởng là nếu gặp một người như thế trên đường đi thì chỉ nhìn gần là đủ đến chết mất rồi!

May đâu, hôm sau cái hôm bi đát ấy, tình cờ lại gặp dịp lễ lạc gì của Nhà nước, người ta có tổ chức hội hè ở Pari, duyệt binh ở quảng trường Săngđơmác, đấu côn trên thuyền ở sông Xen, hát xướng ở Săngêlidê, bắn pháo hoa ở quảng trường Êtoalơ, treo đèn ở khắp nơi.

Vượt các thói quen của mình Giăng Vangiăng đưa Côdét đi xem các trò vui ấy để nàng sao lãng cái kỷ niệm hôm trước và lấy sự ồn ào vui nhộn của Pari xóa mờ cái cảnh tượng ghê tởm đã diễn ra trước mắt nàng hôm nọ. Cuộc duyệt binh làm cho ngày lễ thêm màu mè, là dịp cho các thứ quân phục đi lại một cách tự nhiên. Giăng Vangiăng khoác bộ binh phục quốc dân quân, trong lòng vẫn cơ cái ý nghĩ mơ hồ của con người muốn lẩn trốn. Dù sao, cuộc dạo chơi chừng như đã đạt được mục đích. Côdét đã đặt cho mình cái nhiệm vụ phải chiều lòng bố, lại vốn thấy cảnh gì cũng cho là mới nên đã nhận lời đi giải trí cùng bố với cái vui dễ dãi và nhẹ nhàng của tuổi thiếu niên, chứ không bĩu môi một cách quá ư khinh khỉnh trước cái mớn vui mà người ta gọi là ngày hội công cộng. Giăng Vangiăng nghĩ là đã thành công, cái hình ảnh ghê tởm hôm trước không còn dấu vết nào trong óc nàng nữa.

Ít lâu sau, một buổi sáng, trời nắng tốt, hai bố con đều ở trước thềm, chỗ bước ra vườn. Đó cũng là một vi phạm khác đối với các nguyên tắc Giăng Vangiăng đã đặt ra cho mình. Cũng là ngược lại cái thói quen ở lì trong phòng mà Côdét vì buồn đã tập thành. Hôm ấy Côdét mặc cái áo choàng nhẹ; thứ áo bận vào giờ tinh khôi trong ngày, sao mà nó bao bọc thân hình các cô thiếu nữ một cách đáng yêu như vậy, cơ vẻ như là mây lấp mặt trăng. Côdét đêm qua ngủ ngon, sáng nay nét mặt hồng hào; ánh sáng bao trùm đầu cổ nàng, nàng thong thả rứt từng cánh hoa bạch cúc. Ông già Giăng Vangiăng cảm động nhìn nàng với con mắt âu yếm. Côdét không hề biết cái huyền thoại bói hoa nên thơ: *Ta yêu em, yêu chút ít, yêu say đắm v.v...*; có ai bảo cho nàng đâu? Nàng rứt hoa hồn nhiên, ngây thơ, có ngờ đâu rằng rứt một cánh

hoa bạch cúc là bóc trần một quả tim. Nếu có nàng Tiên Duyên Dáng tên là Man Mác thì Côdét trong lúc tươi cười hẳn là nàng tiên ấy... Trong cái rạng rỡ từ người nàng tỏa ra, ông quên tất cả, mê mẩn đứng ngắm mấy ngón tay xinh xắn mân mê đóa hoa. Một con chim đỏ ức nỉ non trong bụi cây gần. Nhiều đám mây trắng lướt ngang trời hớn hở như vừa được trả lại tự do. Côdét cứ chăm chú ngắt đóa hoa, nàng có vẻ như đang suy nghĩ chuyện gì; và cái đó chắc là dễ thương lắm. Bỗng dưng nàng ngoái cổ lại, thong thả, thanh tao như cử chỉ một con thiên nga. Nàng nói với Giăng Vangiăng: Bố ơi, phục dịch chiến thuyền là gì hả bố?

QUYỂN IV

NGƯỜI GIÚP MÀ CÓ THỂ LÀ TRỜI GIÚP

I

LỞ Ở NGOÀI, LÀNH Ở TRONG

Cuộc đời hai người cứ thế ngày một buồn thêm.

Chỉ còn một việc trước kia làm cho họ thấy sung sướng mà nay chỉ đủ làm cho họ khuây khỏa là đem bánh đến cho những kẻ đói và đem quần áo đến cho những người rét. Những lần đi thăm như thế, Côdét đều đi theo Giăng Vangiăng, hai bố con tìm lại được đôi chút sự cởi mở tình cảm ngày xưa; và thỉnh thoảng, nếu ngày hành thiện có kết quả, trong ngày có nhiều hoạn nạn được cứu giúp, nhiều trẻ con được sưởi ấm, được tươi tỉnh lại, thì tối về, Côdét có vui lên đôi chút. Chính vào dạo ấy hai người đến thăm cái ổ Giôngđơrét.

Sau hôm đến thăm ấy, sáng sớm Giăng Vangiăng bước vào nhà, vẻ mặt bình tĩnh như thường lệ, nhưng tay trái có một vết thương to, đã đỏ bừng, trông rất độc, vết thương có vẻ như một vết bỏng, hỏi ông thì ông đáp là vớ vẩn. Vết thương ấy làm cho ông sốt phải ở nhà hơn tháng trời, ông không muốn gọi thầy thuốc nào cả. Khi Côdét giục, ông bảo: mời thầy chữa chó.

Ngày hai buổi Côdét băng bó cho ông. Nàng có vẻ một nàng tiên và nàng sung sướng chân thành vì thấy mình giúp ích được cho bố. Nhìn nàng, Giăng Vangiăng cảm thấy như tất cả nỗi vui xưa đều trở lại, mọi sự lo sợ băn khoăn đều tan biến cả; ông ngắm Côdét và nói: Chao ôi, vết thương mới hay làm sao! Cái đau mới dễ chịu làm sao!

Côdét thấy bố ốm cũng bỏ nhà trên, trở lại với thích thú được xuống ở túp lều nhỏ và sân sau. Suốt ngày nàng ở bên cạnh bố và đọc cho ông nghe các thứ sách ông thích. Phần nhiều là sách du ký. Giăng Vangiăng như sống lại dần dần: hạnh phúc của ông hồi phục với những tia sáng vô cùng rực rỡ, vườn Luýchxămbua, anh chàng vô danh hay lân la bên cạnh hai bố con ông, vẻ lạnh lùng của Côdét, tất cả những đám mây mù ấy lâu nay làm vẩn đục tâm hồn ông như biến dần đi hết. Đến nỗi ông tự bảo đó chỉ là những điều ông tưởng tượng ra cả và ông quả là anh già điên rồ.

Ông sung sướng đến nỗi cuộc gặp gỡ với gia đình Tênácđiê trong cái ổ Giôngđơrét bất ngờ và kinh tởm như thế mà ông coi như là chuyện thoáng qua. Ông đã thoát thân được, bọn ấy cũng không theo nổi dấu vết của ông, thế là đủ, còn gì nữa thì mặc kệ, có can gì đến ông! Ông chỉ nghĩ đến bọn khốn nạn ấy để thương hại nó thôi. Bây giờ thì bọn chúng đã nằm trong lao rồi, không còn khả năng hại người nữa, nhưng kể cũng tội, gia đình chúng khốn khổ quá đi mất.

Còn cái cảnh ghê rợn nhìn thấy ở cửa ô Men thì Côdét không nhắc lại nữa.

Ở nhà tù, bà xơ Métinđơ có dạy cho Côdét học âm nhạc. Côdét có giọng hát như giọng sáo. Thỉnh thoảng buổi tối, trong gian nhà nghèo nàn của ông bố đang ốm, nàng cất giọng hát nhiều bài hát buồn buồn làm cho ông vui thích.

Mùa xuân đến. Cảnh vườn vào tiết xuân rất đẹp khiến ông phải bảo Côdét: - Con chẳng bao giờ dạo vườn nhỉ, bố muốn con đi dạo chơi trong vườn đấy.

- Vâng, con xin nghe lời bố, nàng trả lời.

Và, để vâng lời bố, nàng trở lại dạo chơi trong vườn nhà, nhưng thường là chỉ đi một mình, còn Giăng Vangiăng thì có lẽ vì sợ ở ngoài hàng rào người ta trông thấy, nên không bao giờ bước chân đến đấy.

Vết thương của Giăng Vangiăng làm cho Côdét tạm thời sao nhãng niềm vui của mình.

Thấy vết thương khỏi dần, bố đỡ đau và lộ vẻ sung sướng, trong lòng nàng nhóm lên niềm vui êm nhẹ và hồn nhiên đến nỗi nàng không sao nhận ra. Rồi thì tháng ba đến, ngày dài ra, mùa đông đang qua. Đông qua không khỏi cuốn theo một ít buồn rầu của lòng người. Tháng tư lại đến, tháng tư bình minh của mùa hạ, tươi mát như mọi buổi bình minh, vui cười như mọi tuổi trẻ thơ, và thỉnh thoảng cũng nước mắt đầm đìa như đứa bé sơ sinh. Tháng ấy là tháng mà ánh sáng mỹ miều của thiên nhiên như từ trời mây, cây cỏ chan hòa vào lòng người.

Côdét còn trẻ quá, nàng vui như tiết xuân vui, lòng nàng không sao dửng dưng được trước cảnh tạo vật tưng bừng. Bao nhiêu đen tối trong trí nàng đã lặng lẽ bay đi lúc nào không biết nữa.

Mùa xuân những tấm lòng ủ dột sáng ra cũng như giữa trưa, các hầm nhà sáng tỏ. Côdét đã không còn buồn nhiều nữa, buổi sáng, vào quãng mười giờ, sau bữa cơm, những khi nàng tìm được cách kéo bố ra ngoài vườn, nâng cánh tay đau cho bố đi dạo sưởi ấm trước thềm độ mười lăm phút, nàng không để ý là mình cười luôn miệng và đang sung sướng.

Giăng Vangiăng lòng say sưa, thấy nàng trở lại hồng hào và tươi tắn.

- Chao ôi! Vết thương mới quí làm sao!- Ông lẩm bẩm.

Và ông lấy làm cảm ơn bọn Tênácđiê.

Lúc vết thương lành hẳn, ông lại theo thói quen dạo chơi một mình vào buổi hoàng hôn như cũ.

Đi chơi một mình những nơi hoang vắng ở Pari mà tin rằng không xảy ra chuyện gì là lầm to.

II

BÀ PÔLUYTÁC CHẲNG LÚNG TÚNG CHÚT NÀO KHI GIẢI THÍCH MỘT HIỆN TƯỢNG

Một buổi tối, Gavrốt chưa có gì bỏ bụng cả; cậu bé sực nhớ ra rằng tối hôm trước mình chẳng ăn gì; bây giờ thấy trong người khá mệt. Nó quyết định thử tìm ra cái gì để lót dạ. Hắn đi qua khu Xanpêtơrie, lượn mấy vòng ở chỗ vắng người. Chính ở đây là nơi dễ gặp may nhất. Chỗ không người mới là chỗ có cái ăn. Lần lần hắn đến một khu vực hẻo lánh mà hắn cho là làng Autxtéclit.

Một lần đi lang thang trước đây, hắn có để ý đến một ngôi vườn cổ thấp thoáng có bóng một ông cụ già và một bà lão, trong vườn có một cây táo kha khá. Bên cạnh cây táo là một thứ hòm đựng trái cây, then khóa hớ hênh, có thể phỗng lấy một quả. Một quả táo là đủ chén một bữa tối, một quả táo là sống rồi. Quả táo hại cụ Adam nhưng lại cứu Gavrốt. Ngôi vườn men theo con đường nhỏ vắng vẻ không lát đá, bờ bụi um tùm. Từ đường vào vườn có một hàng giậu.

Gavrốt đi về phía vườn: hắn nhận ra lối hẻm, nhận ra cây

táo, xem xét tình hình hòm trại cây, quan sát hàng giậu. Một hàng giậu thì phóc qua như bỡn thôi! Trời tối dần. Cả đến một bóng mèo cũng không thấp thoáng trên lối hẻm. Cơ hội thật tốt. Gavrốt nhón chân trèo, bỗng dừng lại. Có tiếng người trong vườn, Gavrốt nhìn qua kẽ rào.

Phía chân rào bên trong, cách vài bước, đứng quay vào chỗ hắn chui vào, có một phiến đá bỏ nằm dưới đất như một chiếc ghế dài; trên ghế là ông già chủ vườn, bà lão đứng trước mặt. Bà lão giọng càu nhàu. Gavrốt chẳng mấy lịch sự cứ lắng nghe.

Bà lão nói:

- Ông Mabớp!

- Cái gì lại Mabớp![1] Cái tên nỡm nhỉ Gavrốt nghĩ thầm.

Ông già nghe gọi vẫn ngồi im, không nhúc nhích. Bà lão lặp lại:

- Ông Mabớp!

Ông già đành phải trả lời, mắt cứ nhìn xuống đất:

- Cái gì đó bà Poluytác?

- Bà Poluytác! Lại một tên khôi hài nữa[2], Gavrốt nghĩ bụng.

Bà Poluytác lại lên tiếng lần nữa làm cho ông già phải bất chuyện.

- Chủ nhà họ không bằng lòng.

- Tại sao?

- Ta nợ họ đến ba quí rồi.

---

(1) Đồng âm với *boeuf* (con bò). và lẽ ra phải là *monboeuf* (đọc là mông bớp).

(2) Gần đồng âm với *plus tard* (về sau).

- Ba tháng nữa ta sẽ nợ họ bốn quí.

- Người ta bảo sẽ mời ông ra ngủ ngoài trời.

- Vâng, tôi sẽ ra.

- Bà hàng hoa quả cũng đòi tiền. Bà ấy không chịu để ta vác củi không của bà ấy nữa. Mùa lạnh này ông lấy gì mà sưởi? Nhà ta sẽ không có củi.

- Có mặt trời.

- Bác hàng thịt cũng không bằng lòng bán chịu nữa.

- Thế cũng tốt, vừa đúng lúc đấy. Tôi ăn thịt thấy hơi đầy bụng. Khó tiêu lắm.

- Thế thì chúng ta còn ăn gì?

- Bánh mì.

- Bác hàng bánh đòi phải trả bớt một ít, và bảo không tiền thì không bánh.

- Cũng được.

- Ông sẽ ăn thứ gì?

- Chúng ta có táo trên cây kia.

- Nhưng không tiền không của như thế này thì làm sao mà sống được hở ông?

- Tôi không có.

Bà lão bỏ đi, ông già ngồi lại một mình. Cụ đâm ra suy nghĩ. Gavrốt cũng suy nghĩ phần mình. Trời vừa tối.

Kết quả đầu tiên của sự suy nghĩ ở Gavrốt là đáng lẽ leo qua hàng giậu thì hắn lại ngồi xổm dưới chân giậu. Ở đấy cành cây xòe ra, có chỗ trống.

- Ồ, lại một chái nhà! Hắn nghĩ bụng, và chui vào đấy. Chỗ hắn ngồi gần như sấp lưng với chiếc ghế ông cụ Mabớp. Hắn nghe rõ hơi thở ông già.

Hắn cố ngủ để trừ bữa. Ngủ gà ngủ vịt, vừa ngủ hắn vừa theo dõi tình hình.

Hoàng hôn phủ một màn trắng mờ lên mặt đất, con đường nhỏ nổi rõ thành một dải nhợt nhạt giữa hai dãy bụi cây tối tăm.

Bỗng nhiên, trên dải đường trắng nhạt ấy hai bóng đen hiện ra. Một bóng đi trước, một bóng kia theo sau, cách nhau một quãng.

- Hai sinh vật. Gavrốt nói thầm.

Bóng thứ nhất có vẻ là một anh tư sản già, dáng người lom khom, ra vẻ nghĩ ngợi, ăn bận tầm thường, bước đi chầm chậm vì tuổi tác và có dáng như dạo chơi thơ thẩn dưới trời sao.

Bóng thứ hai, người chẳng, chắc, mảnh dẻ, cứ theo từng bước bóng thứ nhất; trông dáng đi cố ý chậm chạp, người ta đoán thấy được sự mềm dẻo nhanh nhẹn. Bóng này mặc dù có gì dữ tợn và đáng sợ lại có đủ dáng điệu của một anh chàng công tử ăn diện; cái mũ hình dáng đẹp, áo ngoài màu đen, may khéo, chắc là bằng loại dạ tốt, lại thắt đáy lưng ong nữa. Cái đầu giương thẳng vừa đẹp vừa khỏe, và dưới mũ, một khuôn mặt thanh niên hiện ra trong hoàng hôn. Trên miệng ngậm một bông hoa hồng. Bóng thứ hai này, Gavrốt biết rõ: đó là Môngpácnát.

Còn bóng kia, hắn chẳng biết là ai, chỉ biết là một ông già.

Lập tức Gavrốt để ý theo dõi.

Một trong hai người này nhất định có rắp tâm gì đối với người kia. Ở cái hốc đã may mắn thành nơi ẩn nấp, Gavrốt rất dễ theo dõi mọi việc sắp xảy ra.

Giờ này, chốn này, mà Môngpácnát đi kiếm ăn thì đáng sợ thật. Gavrốt thấy thương hại ông già quá.

Làm thế nào? Can thiệp à? Trẻ dại mà đi cứu già yếu sao

được? Chỉ làm trò cười cho Môngpácnát thôi. Gavrốt không dại gì mà không biết rằng, một ông già, một trẻ con, thì chẳng bõ cái thằng cướp mười tám tuổi đó nó nuốt tươi ngay.

Gavrốt đang đắn đo suy nghĩ thì cuộc tấn công đã xảy ra bất thình lình, ghê tởm. Thật chẳng khác gì hổ vồ lừa, nhện bắt muỗi. Xuất kỳ bất ý, Môngpácnát vứt bông hoa hồng, nhảy xổ vào ông già, tóm cổ áo, ôm choàng ông cụ, ghì xuống. Gavrốt cố hết sức mới khỏi thét lên. Một lát sau thì một người bị đè xuống dưới vừa quẫy đạp, vừa rên rỉ, còn người kia thì cưỡi lên trên, dùng đầu gối ấn mạnh lên ngực. Có điều sự việc không xảy ra hoàn toàn như Gavrốt tưởng. Người ngã lăn dưới đất là Môngpácnát, người đè lên trên là ông già.

Cảnh tượng này xảy ra cách chỗ Gavrốt mấy bước. Ông già bị tấn công bất ngờ đã quật lại và quật kịch liệt đến nỗi, trong nháy mắt, giữa người tấn công và người bị tấn công vai trò đã đảo ngược hẳn.

Gavrốt nghĩ bụng:

- Ông già mới cừ chứ!

Và hắn không thể không vỗ tay. Nhưng vỗ tay mà chẳng có tác dụng vì hai địch thủ đang mải vật nhau, hổn ha hổn hển, không nghe thấy gì.

Bỗng mọi vật đều im lặng. Môngpácnát thôi không còn vùng vẫy nữa. Gavrốt tự bảo: Hắn chết rồi ư?

Ông già từ nãy đến giờ không nói một lời, cũng không kêu một tiếng nào. Ông đứng dậy và Gavrốt nghe ông ta bảo Môngpácnát:

- Đứng dậy đi.

Môngpácnát đứng lên, ông già vẫn nắm lấy nó. Môngpácnát có vẻ một con chó sói bị con cừu ngoạm giữ: vừa khuất phục vừa giận dữ.

Gavrốt nhìn và nghe, cố dùng hai lỗ tai để tăng sức cặp mắt. Hắn lấy làm thú vị vô cùng.

Hắn thoảng nghe được cuộc đối thoại giữa hai người. Trong bóng tối, cuộc đối thoại mới có vẻ bi hùng làm sao! Ông già hỏi, Môngpácnát trả lời:

- Mày bao nhiêu tuổi?
- Mười chín.
- Mày khỏe mạnh sao mày không làm việc?
- Tôi không.
- Hiện tại mày làm nghề gì?
- Nghề ngồi rồi.
- Trả lời cho đứng đắn. Có thể giúp mày được gì không? Mày muốn làm gì?
- Ăn trộm.

Một phút im lặng. Ông già có vẻ suy nghĩ lung lắm. Ông đứng im nhưng tay vẫn không buông Môngpácnát.

Chốc chốc tên ăn cướp trẻ tuổi, vạm vỡ và nhanh nhẹn lại có những cái vùng vẫy của con thú bị sa vào bẫy. Nó đẩy mạnh một cái hoặc móc chéo chân ông già một cái, vặn mạnh cái tay mình như điên như dại, cố sức tìm cách thoát thân. Ông già có vẻ như không trông thấy gì, cứ một tay tóm cả hai cánh tay của địch thủ với vẻ thản nhiên cực độ của một sức mạnh tuyệt đối.

Ông già suy nghĩ một chốc rồi nhìn thẳng vào Môngpácnát, cất giọng nhẹ nhàng thuyết phục bằng những lời thật trịnh trọng. Gavrốt nghe rõ không sót một tiếng.

- Cháu ạ! Mày bước vào cuộc sống cần cù bằng con đường lười nhác. Chà! Mày tuyên bố mày là kẻ ngồi rồi ư? Chuẩn bị mà làm việc đi. Mày có thấy một cái đáng sợ là cái máy cán

không. Phải con chừng, nó là một thứ hung dữ và ác ngầm; nó mà túm được cái chéo áo của mày là cả người mày bị cuốn vào. Cái máy ấy là sự lười nhác. Hãy còn đủ thì giờ, đứng lại và chạy tránh đi! Nếu không, thì là hết, không bao lâu nữa mày sẽ bị cuốn vào máy. Mà đã bị cuốn vào máy thì thôi, không còn hy vọng gì nữa. Đi làm việc đi, đồ nhác! Đừng có ăn không nữa, tìm nghề mà sinh nhai, làm một công việc thực hiện một bổn phận, mày không muốn à? Làm như mọi người, mày cho là chán phải không? Thế thì mày sẽ thành một con người khác. Làm việc là quy luật; kẻ nào tránh lao động vì cho là buồn chán, thì sẽ phải lao động như một hình phạt. Mày không muốn làm thợ thì mày sẽ thành nô lệ. Lao động chỉ buông tay này của mày ra để mà tóm lại tay kia thôi; mày không muốn làm bạn nó thì mày sẽ làm tôi mọi nó. À, mày không muốn cái mệt mỏi bình thường của người lương thiện, thì mày sẽ đổ cái thứ mồ hôi của đọa đầy! Chỗ nào người ta ca hát thì mày sẽ rên xiết. Lúc ấy, đứng ở xa và dưới thấp, thấy mọi người làm việc mày sẽ có cảm tưởng là họ đang nghỉ ngơi. Anh thợ cày, anh thợ giặt, anh thủy thủ, anh thợ sơn, mày sẽ thấy họ hiện ra trong ánh sáng chẳng khác gì những người được hưởng hạnh phúc trên cõi thiên đường! Chao ôi! Cái đe cái búa chứa đựng bao nhiêu là ánh sáng! Cầm cái cày, buộc bó lúa mới vui làm sao! Chiếc thuyền tung tăng trước gió, vui thú làm sao! Trong khi ấy vì mày là thằng lười biếng, mày sẽ phải cuốc, phải kéo, phải lăn, phải bước tới. Mày sẽ phải kéo mạnh cái dây trên cổ mày, mày sẽ là con ngựa tải trong cỗ xe địa ngục!

Ồ! Mục đích của mày là chẳng làm gì cả? Thế thì mày sẽ không có giờ phút nào được yên thân đâu. Mày sẽ không còn giở nổi một cái gì mà không hãi hùng. Tay chân mày mỗi phút qua sẽ kêu răng rắc. Cái gì người ta coi nhẹ như lông,

thì với mày sẽ nặng như núi. Việc dễ nhất cũng thành khó khăn, cuộc đời sẽ thành quỉ quái chung quanh mày. Đi đứng hô hấp, bao nhiêu là công việc đáng sợ. Lá phổi trong ngực mày, mày cũng sẽ thấy nặng như một khối trăm cân.

Đi đến chỗ này mà không đi chỗ kia cũng thành một vấn đề phải giải quyết. Bất kỳ ai ở trong nhà muốn ra ngoài thì chỉ cần đẩy cửa là xong, là ra ngoài ngay. Còn mày, muốn đi ra thì mày phải đục tường. Muốn ra phố, thì phải làm gì? Người ta xuống thang gác. Còn mày, mày phải xé tấm khăn trải giường, chắp dán từng mảng thành dây, mày phải leo qua cửa sổ, đu người ở đầu dây, lửng lơ giữa lưng chừng trời. Lúc ấy lại đang đêm, mưa bão, dông tố, sấm sét. Và nếu sợi dây quá ngắn thì mày chỉ còn một cách đến được đất là thả rơi người xuống. Rơi xuống vực sâu, từ độ cao bao nhiêu? Rơi xuống cái gì? Chắc chắn là rơi xuống cái gì ở phía dưới, rơi xuống chỗ không biết, thế thôi. Hay là mày sẽ liều chết cháy mà luồn theo ống khói, hoặc mày sẽ liều chết trôi mà bò theo ống dẫn nước nhà xia.

Tao không thèm nói cho mày bao nhiêu chuyện khác, chuyện phải che khuất các lỗ trống, chuyện những phiến đá phải lấy ra và lắp lại hàng hai ba chục lần một ngày, chuyện phải thu giấu những mảnh vôi tường vào trong ổ rơm. Có một ổ khóa trước mặt, anh tư sản đã có trong túi cái chìa khóa của anh thợ khóa đánh sẵn. Còn mày, nếu mày muốn mở khóa, mày bắt buộc phải làm một cái công trình đáng sợ. Mày phải lấy đồng xu, xẻ ra thành hai lớp; dùng thứ gì để xẻ, thì mày phát minh ra lấy, vì đó là việc riêng của mày. Mày phải nạo sâu bên trong hai lớp ấy, mà phải cẩn thận kẻo thủng đến bên ngoài, mày phải cắt xung quanh thành những đường gai ốc, làm sao cho hai lớp ấy khớp vào nhau sít sao như nắp hộp với thân hộp. Hai lớp khớp nói với nhau như

thế, thì không ai còn đoán biết ra cái gì được. Tụi giám thị luôn luôn rình mò bên mày, nhưng dưới mắt bọn chúng thì đó chỉ là một đồng xu. Riêng đối với mày thì đó là một cái hộp. Để cái gì trong hộp ấy? Một miếng thép nhỏ. Một cái lò xo đồng hồ mà mày đã cắt răng thành cái lưỡi cưa. Cái cưa dài bằng chiếc đanh ghim và cất giấu trong một đồng xu ấy, mày phải dùng nó để cắt cái lưỡi gà ổ khóa, cái then cửa, cái quai ống khóa, cái chấn song cửa sổ buồng mày, hay cái vòng sắt ở chân mày.

Cái công trình ấy, cái việc phi thường ấy làm xong, tất cả những phép màu nhiệm của nghệ thuật, của trí óc tài tình, của bàn tay khéo léo, của đức tính kiên nhẫn ấy thực hiện xong, nếu người ta biết được chính mày là tác giả, thì phần thưởng cho mày sẽ là gì? Là xà lim. Tương lai của mày là thế đấy!

Lười nhác, ăn chơi, hai thứ ấy có khác gì vực thẳm! Mày định không làm gì cả ư? Thật là một quyết định rùng rợn, mày biết không? Ở nể mà ăn bám vào máu thịt của xã hội, sống vô dụng nghĩa là sống hại cho nhân quần, lối sống như thế đưa thẳng người ta đến khốn khổ. Tai hại thay cho những kẻ muốn ăn bám! Nhất định chúng sẽ thành rận rệp khốn khiếp. À! Mày không thích lao động, trong trí mày chỉ nghĩ ăn cho ngon, uống cho sướng, ngủ nghê cho khỏe xác. Thế thì mày sẽ uống nước lã, mày sẽ ăn bánh mì đen, mày sẽ ngủ trên ván gỗ, chân mày sẽ bị xiềng lại và ban đêm mày sẽ cảm thấy xiềng sắt làm tê dại da thịt mày! Mày sẽ bẻ gãy thứ dây sắt ấy để trốn đi. Tốt lắm! Mày sẽ phải nằm sát đất để bò vào ẩn trong bụi rậm, mày sẽ phải ăn cỏ như loài thú rừng. Rồi mày sẽ bị bắt lại. Từ đấy mày sẽ phải sống hàng năm trong hầm sâu, người xích vào tường, uống nước cũng phải sờ soạng mới tìm ra được vò nước, ăn thì ăn thứ bánh mì đen như đít nồi, gớm ghiếc, cho chó chó cũng chê hoặc là thứ đậu

mà sâu bọ ăn thừa. Mày sẽ như con gián trong hầm.

Thôi! Mày còn trẻ dại lắm, cháu ạ, miệng mày còn hơi sữa, mày chắc còn mẹ, ta bảo thế, mày hãy thương hại lấy mày, mày nghe ta. Mày muốn chưng quần áo dạ đen mịn mướt, mày muốn diện giày véc-ni bóng nhoáng, mày muốn uốn tóc, chải đầu nước hoa, làm dáng làm dỏm để đẹp lòng các cô. Thế thì người ta sẽ cạo trọc đầu mày, thí cho mày cái áo tù màu đỏ, cái đôi guốc gỗ. Mày muốn có nhẫn ở tay thì mày sẽ có cái gông ở cổ. Và nếu mày liếc nhìn đàn bà thì mày sẽ được một gậy vào lưng. Hai mươi tuổi mày vào đấy nhưng đến năm mươi mày mới thoát ra! Lúc bước vào mày trai trẻ, hồng hào, tươi tỉnh, mắt đen lánh, răng còn đầy đủ trắng tinh, lăn tóc trai xinh đẹp; đến khi bước ra, mày sẽ già khụ, nhăn nheo, răng long, đầu bạc, chả ra người ngợm gì.

Thôi đi, cháu! Mày đi lầm đường rồi, tính lười nhác đã khuyên mày làm bậy rồi; cái nghề gay go nặng nhọc nhất là cái nghề ăn trộm đấy. Mày hãy tin ta, đừng đâm đầu vào công việc nhọc nhằn là làm một tay biếng nhác nữa. Làm một tên du thủ du thực chẳng dễ chút nào. Làm một người lương thiện ít khó khăn hơn. Mày đi đi, và suy nhĩ về những điều ta vừa nói. Mà này, mày muốn cái gì của ta? Túi tiền à? Đây này.

Ông già buông Môngtácnát ra, đặt túi tiền vào tay nó. Nó nhấc nhấc xem nặng nhẹ rồi với thói quen cẩn thận như khi đánh cắp, nó đút nhẹ nhàng vào túi áo sau.

Nói xong và cho tiền xong, ông già quay lưng, lững thững đi dạo như trước.

Môngpácnát lẩm bẩm:

- Cái lão ngốc.

Ông già ấy là ai? Độc giả chắc đã đoán biết.

Môngpácnát ngây người nhìn theo ông già đang khuất dần trong bóng hoàng hôn. Ngây người một lát thế mà có hại.

Ông già đi ra xa còn Gavrốt thì mò lại gần.

Liếc nhìn trong vườn, nó trông rõ là ông cụ Mabớp có lẽ đã thiếp đi, nhưng hãy còn ngồi nguyên trên ghế đá. Hắn luồn ra khỏi bụi cây, bò dần đến sau lưng Môngpácnát đang đứng im. Nó đến sát mà Môngpácnát không hay biết gì cả. Nó khẽ thò tay vào túi chiếc áo ngoài bằng dạ đen mịn, móc lấy túi tiền, và bò thoát đi trong bóng tối như con rắn. Môngpácnát không có lý do gì để đề phòng, lại đang trầm ngâm vì đây là lần đầu tiên trong đời phải suy nghĩ, nên chẳng biết gì cả. Khi trở về đến chỗ nấp, nơi có ông cụ Mabớp đang ngồi, Gavrốt liền vứt túi tiền qua hàng rào rồi ba chân bốn cẳng bỏ chạy.

Túi tiền rơi trúng chân ông cụ Mabớp; đau quá, cụ thức dậy. Cụ cúi xuống nhặt lên. Cụ không hiểu ra làm sao cả, mở túi ra. Túi có hai ngăn: một ngăn có ít tiền lẻ, ngăn kia có sáu đồng napôlêông[1].

Ông cụ ngơ ngác mang túi tiền đến chỗ bà ở.

Bà Poluytác nói:

- Của này chắc là trên trời rơi xuống.

(1) Đồng vàng ăn ngang 20 phơrăng.

QUYỂN V

ĐOẠN CUỐI VÀ ĐOẠN ĐẦU KHÁC NHAU

I

VỪA QUẠNH HIU VỪA GẦN DOANH TRẠI

Nỗi đau thương của Côdét bốn năm tháng trước đây gay gắt và tái tê đến thế mà nay đang ở thời kỳ bình phục. Điều đó chính nàng cũng không nhận thấy. Mùa xuân, cảnh vật, tuổi trẻ, tình yêu thương đối với bố, chim ca, hoa nở đã gạn vào trong tâm hồn trinh trẻ, từng ngày, từng giọt, một cái gì như chất quên lãng. Lửa lòng đã tắt ngấm rồi hay chăng? Hay đó chỉ là những lớp tro phủ? Thực tế là nàng hầu như chẳng còn thấy chỗ nào bỏng, buốt.

Bỗng một hôm, nàng nhớ tới Mariuytx.

- Ừ nhỉ! Nàng buột miệng. Ta không nghĩ tới anh chàng đó nữa.

Cũng trong tuần lễ ấy, nàng để ý đến một sĩ quan kỵ binh khá xinh trai đi qua trước cổng vườn: lưng ong, quân phục đẹp, má phính thiếu nữ, kiếm bên hông, râu mép vuốt sáp, mũ sơn bóng. Ngoài ra: tóc vàng, mắt xanh lồi, mặt tròn, khoa trương, ngạo nghễ, mủm mỉm; trái ngược với Mariuytx. Miệng ngậm xì-gà. Côdét đoán chắc viên sĩ quan ấy thuộc

trung đoàn đóng ở trong trại phố Babilôn.

Hôm sau nàng lại thấy hắn đi qua. Nàng xem giờ.

Kể từ lúc ấy, có còn là sự ngẫu nhiên nữa không? Hầu như hôm nào nàng cũng trông thấy hắn đi qua.

Bạn đồng ngũ của viên sĩ quan nhận thấy ở đấy, trong cái vườn ít sáng sủa, sau cánh cửa sắt cổ lỗ, một cô thiếu nữ khá xinh đứng sẵn chờ viên sĩ quan đẹp trai đi qua. Viên sĩ quan ấy là Têôduyn Gilơnormăng, bạn đọc không còn lạ.

- Kìa! họ nói với anh ta. Con bé ấy nó liếc mày. Trông kìa.

- Tao đâu có thì giờ nhìn tất cả những đứa con gái nhìn tao. Têôduyn đáp.

Chính lúc đó là lúc Mariuytx lâm vào giai đoạn hấp hối. Chàng than thở: "Ước gì ta được gặp lại nàng một chút trước khi chết!". Nếu điều ước nguyện của chàng được thỏa mãn, nếu chính lúc đó chàng nhìn thấy Côdét đang nhìn một kỵ binh thì hẳn chàng không nói được lời nào và trút hơi thở cuối cùng.

Lỗi tại ai? Không tại ai cả.

Tính cách Mariuytx thuộc loại đấm sâu vào sầu não và ở mãi trong đó. Côdét thuộc loại lặn vào rồi lại thoát ra.

Vả lại Côdét đang trải qua một giờ phút nguy hiểm. Khi một thiếu nữ không người dìu dắt mơ mộng thì giấc mơ của họ tất phải trải qua một giai đoạn mà quả tim của họ giống như cái tay của giây nho, vớ được đâu quấn đó, dù là trụ cẩm thạch hay cọc quán rượu, cũng thế thôi. Giờ phút chớp nhoáng và quyết định, nghiêm trọng đối với những cô gái mồ côi dù giàu dù nghèo, bởi vì của cải cũng không cản được người ta chọn sai. Càng có vị trí cao, càng dễ chọn phải người chồng

không xứng đáng. Người chồng thực sự không xứng đáng chính là ở tâm hồn của hắn. Có những chàng trai không tiếng tăm, không tên tuổi, không thuộc thế phiệt, không trâm anh mà là một trụ cẩm thạch chống đỡ cả một đền đài tình cảm và tư tưởng lớn; lại có những khách phong lưu tự mãn, giàu sang, đi hài bóng, lời lẽ hoa mỹ, nhưng nhìn vào, không nhìn bên ngoài mà nhìn vào bên trong, nghĩa là cái phần dành cho vợ, thì thấy chỉ là một khúc gỗ đần độn chìm lấp giữa những dục vọng dữ dội, trâng tráo, nồng nặc hơi men: đúng là cây cọc quán rượu.

Có gì trong tâm hồn Côdét? Một niềm si tình đã lắng xuống hay ngủ quên; tình yêu ở trạng thái bồng bềnh; vẩn đục, sâu hơn nữa thì tối tăm. Hình ảnh viên sĩ quan đẹp trai phản chiếu ở trên mặt. Ở sâu có một kỷ niệm gì không? - ở tận đáy ấy? Có lẽ có. Côdét không biết.

Thế rồi xảy ra một sự kiện lạ.

II

CÔDÉT SỢ HÃI

Thượng tuần tháng Tư, Giăng Vangiăng có việc phải đi vắng. Người ta biết lâu lâu ông lại có một lần đi như vậy. Ông vắng nhà độ một hai ngày, nhiều nhất là ba. Ông đi đâu thế? Chẳng ai biết, kể cả Côdét.

Chỉ có một lần, trong một chuyến đi như vậy, Côdét cùng ngồi xe tiễn ông đến một ngõ cụt, ở đầu ngõ có biển, đề: Ngõ La Plăngsét. Đến đấy, ông bước xuống, còn chiếc xe ngựa thì đưa Côdét trở về phố Babilôn. Thông thường Giăng Vangiăng đi vắng như vậy vào lúc trong nhà thiếu tiền.

Lần ấy ông vắng nhà. Hôm ra đi ông bảo: ba ngày nữa bố

về. Tối đến Côdét ở một mình trong phòng khách. Để giải buồn, nàng mở dương cầm ra, vừa đàn vừa đệm vừa hát, khúc Oriăngtơ, có lẽ là khúc nhạc hay nhất trong âm nhạc: *Hỡi những người đi săn lạc lối trong rừng*! Hát xong, nàng ngồi nghĩ ngợi.

Bỗng nàng nghe hình như có tiếng chân người bước ngoài vườn. Tất nhiên không phải bố nàng, vì bố nàng đi khỏi; cũng không phải bà Tútxanh, bà ấy đã đi ngủ rồi. Bấy giờ là mười giờ tối.

Nàng bước đến cạnh cánh cửa vào phòng khách đang đóng kín, dán tai nghe ngóng.

Hình như là tiếng chân của một người đàn ông đang rón rén từng bước.

Nàng vội chạy lên phòng nàng trên gác, mở cái ô mắt cáo ở cánh cửa ván, nhìn xuống vườn. Trăng rằm, sáng vằng vặc như ban ngày.

Không có ai cả.

Nàng mở cửa sổ. Trong vườn yên tĩnh hoàn toàn, ngoài phố cũng vắng tanh như thường lệ.

Côdét cho là mình nhầm. Nàng đã tưởng tượng ra tiếng động ấy thôi. Đó là một ảo tưởng gây nên bởi ca khúc Uơbe u buồn và kỳ diệu, mở ra trước mắt ta những đáy sâu rùng rợn, nó run rẩy như một khu rừng khiến ta xây xẩm mặt, ở đó có tiếng cành khô răng rắc dưới bước chân lo ngại của những người thợ săn thấp thoáng trong bóng hoàng hôn.

Rồi nàng không nghĩ tới nữa.

Vả lại Côdét không phải là người cả sợ. Trong dòng máu nàng có huyết thống của người Bôhêmiêng và khách giang hồ chân đất. Nàng là sơn ca chứ không phải bồ câu, chúng ta còn nhớ điều đó. Nàng bản chất hoang dã và bạo dạn.

Hôm sau, vừa tối nàng đang đi chơi ngoài vườn, sớm hơn

mọi lần. Giữa những ý nghĩ lộn xộn, nàng tưởng như chốc chốc lại nghe có tiếng động giống như tiếng hôm qua, tiếng một người bước đi trong bóng tối dưới lùm cây, cách nàng không xa. Nhưng nàng lại nghĩ bụng: hai cành cây chuyển động, lá chạm vào nhau sột soạt thì nghe cũng chẳng khác gì tiếng chân người bước trên cỏ. Nên nàng cũng không để ý đến. Và nàng cũng chẳng trông thấy gì.

Nàng ra khỏi chòm cây um tùm; còn bước qua vạt cỏ xanh nữa là vào đến thềm nhà. Mặt trăng vừa mọc phía sau lưng, giải bóng nàng trên nền cỏ.

Bống Côdét dừng lại, hốt hoảng.

Bên cạnh bóng nàng, ánh trăng đã in rõ lên mặt cỏ một bóng dữ tợn một cách lạ lùng, một cái bóng đội mũ nhọn. Trông như bóng một người đứng bên cạnh lùm cây, cách vài bước sau lưng Côdét.

Trong một phút nàng như sửng sốt, không nói, không kêu, không gọi, không cử động, cũng không quay đầu lại được.

Cuối cùng, nàng lấy hết can đảm, quả quyết quay mặt lại.

Chẳng có ai cả.

Nàng nhìn xuống đất. Cái bóng đã biến mất.

Nàng trở vào trong chòm cây, mạnh dạn sục vào các chỗ kín, đi thẳng ra tận hàng rào ở cổng, nhưng chẳng thấy gì.

Nàng thấy lạnh cả người. Phải chăng vẫn là ảo ảnh?

Quái, sao lại tiếp hai đêm liền? Một ảo ảnh thì còn có lý, chứ đến hai là nghĩa làm sao? Đáng lo nhất là cái bóng ấy nhất định không phải là ma. Ma đời nào lại đội mũ nhọn.

Hôm sau Giăng Vangiăng trở về. Côdét kể ông nghe những

điều nàng cho là tai nghe mắt thấy vừa rồi. Nàng ngỡ là ông sẽ khuyên nàng yên lòng, ông sẽ nhún vai bảo nàng: "Con điên rồi đấy".

Nhưng Giăng Vangiăng lại tỏ ra lo lắng.

- Chắc cũng phải có gì đây.- Ông nói.

Ông tìm cớ để nàng ngồi một mình, bỏ ra ngoài vườn và nàng nhận thấy ông xem xét tỉ mỉ cái cửa song sắt.

Đêm hôm ấy nàng thức giấc dậy; lần này thì chắc chắn là không sai, nàng nghe rõ mồn một tiếng người bước đi sát thềm, ngay dưới cửa sổ. Nàng chạy đến cửa sổ, mở ra. Dưới vườn quả nhiên có một người đàn ông tay cầm gậy to. Nàng sắp kêu to lên, thì bóng trăng chiếu sáng một bên mặt. Hóa ra là bố nàng.

Nàng đi ngủ lại và nghĩ thầm:- Bố lo lắng thật!

Đêm ấy và cả hai đêm sau, Giăng Vangiăng đều ra ngoài vườn, Côdét nhìn qua khe cửa thì thấy thế.

Đêm thứ ba, mặt trăng khuyết dần và càng mọc muộn. Chừng một giờ khuya, nàng nghe có tiếng cười phá lên và giọng nói của bố gọi:

- Côdét.

Nàng vùng dậy, choàng áo ngủ và ra mở cửa sổ. Bố nàng đang đứng ở dưới, trên đám cỏ.

- Bố gọi con dậy để cho con yên tâm. Nhìn đây này. Cái bóng đội mũ nhọn của con đây.

Và ông chỉ cái bóng in trên mặt cỏ, giống như bóng một người đội mũ nhọn. Đó là bóng của cái ống khói bằng tôn, trên mái nhà bên hàng xóm, trên chóp có cái chụp nhọn.

Côdét phá lên cười, mọi giả thiết đáng sợ nàng nghĩ ra đều sụp đổ, và hôm sau, ngồi ăn cơm với bố, chuyện cái vườn ghê rợn,

vì có bóng ma của các ống tôn đi lại, làm cho nàng tươi cười.

Giăng Vangiăng trở lại bình tĩnh như trước, phần Côdét, nàng không để ý thử xem cái ống khói có phải ở đúng hướng cái bóng nàng đã thấy hay tưởng là có thấy, và có phải mặt trăng ở đúng vào chỗ hôm trước hay không. Nàng không tự hỏi sao có chuyện kỳ dị là một cái ống khói lại sợ bị bắt quả tang và lẩn đi khi người ta nhìn bóng mình, vì hôm nọ, rõ ràng là cái bóng đã biến mất khi Côdét quay lại. Tâm trí Côdét trong sáng lại hoàn toàn. Sự chứng minh đã quá đầy đủ, đến nỗi, bây giờ, giá có người bước đi lại thật ngoài vườn ban đêm, nàng cũng cho đó là trí óc nàng bịa ra thôi.

Tuy vậy, ít hôm sau, một việc khác lại xảy ra.

II

BÀ TÚTXANH LẠI BÀN THÊM VÀO

Ngoài vườn, cạnh hàng giậu sắt có một cái ghế đá, khuất sau một giậu cây, ở ngoài người tọc mạch không trông thấy, nhưng thò tay vào cũng có thể với tới được.

Cũng tháng Tư năm ấy, một buổi tối, Giăng Vangiăng vừa đi chơi khỏi. Sau lúc mặt trời lặn, Côdét ra ngồi trên ghế đó. Gió thổi trong lùm cây mát rợi. Côdét lặng im suy nghĩ. Một nỗi buồn không cớ thấm dần vào tâm hồn nàng. Nỗi buồn ấy thường đến với lòng người vào lúc hoàng hôn, không sao cưỡng lại được. Có lẽ là do cái huyền bí của sự chết chóc mà người ta hé nhìn thấy trong lúc tranh tối tranh sáng này chăng?

Có lẽ có Phăngtin ở trong bóng tối ấy.

Côdét đứng lên, chậm rãi vòng quanh vườn, bước đi trên mặt

cỏ ướt đẫm sương. Tâm thần bàng hoàng, nửa tỉnh nửa mơ, nàng lẩm bẩm:

- Đi dạo vườn giờ này phải có guốc mới được, không thì dễ cảm lắm.

Nàng trở lại ghế ngồi.

Lúc ngồi xuống ghế, nàng để ý thấy một hòn đá khá to đặt ở chỗ nàng vừa ngồi ban nãy.

Côdét nhìn hòn đá, tự hỏi như thế này nghĩa là gì. Bỗng nàng nghĩ ra rằng hòn đá kia nhất định không phải một mình đến đây được, tất phải có người đem đến để đó, tất phải có một cánh tay luồn qua hàng giậu. Ý nghĩ ấy làm nàng đâm sợ. Lần này thì sợ thật sự. Không còn nghi ngờ gì nữa; hòn đá nằm đó. Nàng không chạm đến nó, bỏ chạy một mạch không ngoảnh lại. Nàng trốn vào nhà, đóng ngay cửa lại, khóa chốt, cài then cẩn thận. Nàng hỏi bà Tútxanh:

- Bố tôi đã về chưa?

- Chưa, cô ạ.

(Chúng tôi đã giới thiệu với độc giả một lần là bà già Tútxanh nói lắp. Xin phép cho chúng tôi không nhấn mạnh thêm. Chúng tôi không muốn ghi âm một cái tật).

Giăng Vangiảng có thói quen trầm ngâm và đi bách bộ ban đêm, thường về rất muộn.

- Bà Tútxanh - Côdét nói tiếp - bà vẫn nhớ tối đến đóng các cửa trông ra vườn, cài then và lèn chốt sắt vào khoen cẩn thận đấy chứ?

- Ồ, cô cứ yên trí.

Bà Tútxanh không làm sai lời dặn bao giờ, Côdét biết thế, nhưng cũng cứ dặn thêm:

- Vì là ở đây vắng lắm bà ạ!

- Phải đấy - bà Tútxanh nói - cô nói đúng. Ở đây mà có

ai nó ám sát thì thật là chết không kịp kêu! Thế mà ông nhà chẳng ngủ ở nhà cho. Nhưng mà chả sợ cô ạ, tôi đóng cửa sổ chặt như cửa nhà lao mà. Trong nhà chỉ toàn đàn bà cả! Nghĩ đến mà rùng mình. Cô nghĩ coi: đêm khuya có người vào buồng mình, bảo mình: - Im! Rồi kề gươm mà cắt cổ mình. Ừ, chết cũng chẳng sao, chết cũng được, trước sau cũng chết, nhưng nghĩ đến chuyện những kẻ ấy họ sờ đến người mình, thì tởm quá. Với lại dao rựa của bọn ấy nữa, chắc là cắt nhùng nhằy lắm! Trời ơi!

- Thôi, bà im đi.- Côdét nói. Đi đóng cẩn thận tất cả đi.

Màn kịch bà Tútxanh vừa mới dựng lên tức thời, có lẽ cả những bóng hình hôm trước vừa hiện lại trong trí nàng, làm cho nàng hoảng sợ. Nàng cũng không dám mở miệng bảo bà Tútxanh: - Bà ra xem hòn đá ai để trên ghế thử! Nàng sợ phải mở cửa ra vườn và sợ "có người" vào nhà. Nàng bảo bà Tútxanh đóng thật cẩn thận tất cả cửa lớn cửa sổ, rồi đi xem khắp một lượt, từ dưới hầm lên tới trên gác. Xong nàng mới về phòng riêng khóa trái cửa lại, cài then, nhìn dưới gầm giường, rồi mới đi nằm, nhưng vẫn chập chờn ngủ không yên giấc. Suốt đêm hòn đá cứ hiện ra trước mắt to như quả núi và đầy hang hốc.

Sáng hôm sau, mặt trời mọc, Côdét thức dậy. Nhớ lại nỗi hoảng sợ tối hôm qua, nàng có cảm giác như một cơn mê. Cái đặc điểm của rạng đông là làm cho chúng ta phải phì cười về những nỗi lo sợ của chúng ta trong đêm trước. Mà hễ chúng ta lo sợ bao nhiêu thì chúng ta lại phì cười bấy nhiêu Côdét nghĩ thầm:

- Đêm qua ta suy nghĩ đến những gì nhỉ? Chẳng qua cũng

như những bước chân ngoài vườn trong đêm tối tuần trước và cũng như bóng cái ống khói bằng tôn. Bây giờ ta lại sinh nhút nhát rồi sao? Ánh sáng ban mai sáng rực qua các khe cửa, làm cho nàng vững dạ; nàng quên hết, cả hòn đá cũng tan nhòa trong trí.

- Chẳng có hòn đá nào trên ghế, mà cũng chẳng có người nào đội mũ ở trong vườn cả. Thật là óc ta mơ với mộng.

Nàng bận áo ra vườn, chạy đến chỗ ghế đá. Hòn đá vẫn còn nguyên chỗ cũ. Bỗng dưng nàng thấy lạnh toát mồ hôi.

Nhưng chỉ trong chốc lát, hòn đá ấy đêm qua làm nàng hoảng sợ, bây giờ thì chỉ khiến nàng thêm tò mò.

- Chà! Thì xem thử tí nào.

Nàng giờ hòn đá lên. Dưới hòn đá có cái gì giống như một phong thư.

Đúng là một phong bì giấy trắng. Côdét cầm lên. Mặt này không có con dấu, mặt kia không có địa chỉ. Tuy vậy, không phải là trống rỗng. Ở trong thấy có nhiều mảnh giấy,

Côdét lục trong phong bì. Trong lòng nàng bây giờ không phải là sợ hãi, cũng không còn tò mò, mà là bắt đầu lo ngại, nàng dốc phong bì ra: một quyển vở con, trang nào cũng đánh số và trang nào cũng có mấy dòng chữ khá đẹp và thanh nhã.

Côdét tìm một cái tên, nhưng chẳng có. Thư này gửi cho ai? Chắc là cho nàng vì đã có bàn tay đem đến đặt trên ghế nàng ngồi. Của ai thế? Phút chốc nàng bị thôi miên, nàng cố quay mặt không nhìn những trang giấy nhỏ nhắn đang run run trong tay nàng, nàng nhìn trời, nhìn đường phố, nhìn dãy me keo tràn ngập ánh sáng, nhìn đàn bồ câu bay trên mái nhà bên cạnh, rồi bỗng nhiên mắt nàng nhìn thẳng xuống

quyển vở. Phải xem cho biết cái gì trong đó.

Nàng đọc thấy những dòng này.

IV

MỘT TRÁI TIM DƯỚI HÒN ĐÁ

Vũ trụ thu lại ở một con người, một con người tỏa rộng đến Thượng đế, đó là tình yêu.

Tình yêu là sự chào hỏi của thiên thần trước tinh tú.

Vì yêu mà buồn thì lòng buồn biết bao!

Người yêu là tất cả thế giới, vắng người yêu trống trải làm sao! Chao ôi! Nói người yêu thành Chúa tể thì đúng quá! Chúa có thể ghen tị nếu Chúa không sáng thế vì linh hồn, và không sáng tạo linh hồn để cho tình yêu.

Chỉ cần một nụ cười thoáng qua dưới chiếc mũ nhiễu trắng buộc giải hoa cà là tâm hồn bay vào lâu đài mộng tưởng.

Chúa ở đằng sau tất cả, nhưng tất cả đều che khuất Chúa. Mọi vật đều đen, muôn sinh đều đục. Yêu một người, làm cho người đó trở nên trong suốt.

Có những tư tưởng vốn là những lời cầu nguyện. Có những lúc, mặc dù thân thể ở trong tư thế nào, linh hồn cũng ở tư thế quì khấn.

Tình nhân xa nhau có trăm nghìn cách huyễn hoặc nhưng vẫn thực tế, để được gần nhau. Người ta cấm họ gặp nhau, cấm họ viết thư cho nhau, thì họ tìm ra biết bao nhiêu phương

pháp bí mật để tin đi mối lại. Họ gửi cho nhau tiếng chim ca, mùi hoa thơm ngát, giọng cười con trẻ, ánh sáng mặt trời, lời gió thở than, ánh sáng dịu, tất cả tạo vật. Tại sao lại không như thế được? Hết thảy các công trình sáng tạo của Thượng đế là để phục vụ cho tình yêu. Tình yêu đủ quyền lực bắt tất cả tạo vật phải làm chim nhạn đưa thư.

Ôi mùa xuân, người là một bức thư ta viết cho nàng.

Tương lai thuộc về quả tim nhiều hơn trí óc. Yêu nhau, đó là điều duy nhất có khả năng choán hết thời gian vô thủy vô chung. Đối với vô cùng phải có vô tận.

Tình yêu là thuộc tính của linh hồn. Cùng một bản chất. Cũng như linh hồn, nó là tia lửa thần thánh; nó cũng bất toại, bất phân, bất tử như linh hồn. Một đốm lửa trong ta, vĩnh viễn và vô cùng, không có gì giới hạn được, không gì dập tắt nổi. Ta cảm thấy nó cháy tận trong xương tủy, ta nhìn thấy nó tỏa sáng tận đỉnh trời.

Ôi yêu đương! Say đắm! Hạnh phúc đê mê của hai khối óc hiểu biết nhau, hai tấm lòng cởi mở cho nhau, hai làn mắt nhìn nhau mà thấu suốt cả tâm hồn! Hạnh phúc! Các người sẽ đến với ta phải không? Những buổi cùng nhau dạo chơi thanh vắng! Những ngày bồng lai rạng rỡ! Đôi khi ta mơ ước thỉnh thoảng có những giờ khắc tách ra khỏi đời sống thiên thần và xuống trần gian hòa vào vận mệnh con người.

Chúa không thể thêm gì cho hạnh phúc của những kẻ yêu nhau ngoài cái vô tận. Sau một đời yêu đương, thì một vô chung vô thủy của yêu đương quả là một sự thêm thắt. Nhưng thêm cường độ cho cái hạnh phúc không kể xiết của một tâm hồn yêu đương ở cõi đời này thì không thể được, dù người muốn điều đó là Chúa. Chúa là sự viên mãn của trời, tình yêu là sự viên mãn của người.

Anh chiêm ngưỡng một ngôi sao vì hai lẽ: một là vì nó sáng, hai là vì ta không thấu hiểu hó. Bên cạnh anh, có một ánh sáng êm ái hơn và một huyền bí sâu sắc hơn, đó là người phụ nữ.

Tất cả chúng ta, bất cứ ai, đều có những người thân cần cho ta như không khí. Thiếu những người thân đó, chúng ta thiếu không khí, chúng ta ngạt thở. Và chúng ta chết. Chết vì thiếu tình yêu thì ghê gớm quá. Đó là sự chết ngạt của tâm hồn.

Khi tình yêu hòa tan hai sinh linh trong một thực thể thần thánh và thiêng liêng thì hai sinh linh đó đã tìm thấy bí quyết của cuộc sống; họ chỉ còn là hai đầu của một số kiếp, hai cánh của một thiên thần. Yêu đương, bay lượn!

Cái ngày mà một phụ nữ đi qua trước mặt anh tỏa ánh sáng theo gót sen, thì cái ngày đó anh nguy rồi. Anh sẽ yêu. Anh chỉ còn mỗi một việc đám làm: nghĩ đến người ta, nghĩ đăm chiêu đến buộc người ta phải nghĩ đến mình.

Chỉ có Chúa mới kết thúc được cái gì tình yêu bắt đầu.

Tình yêu chân chính lấy làm khổ sở vì một chiếc găng tay đánh mất, hay sung sướng mê người vì một chiếc khăn tay bắt được, và nhu cầu hy sinh, nỗi niềm hy vọng của nó là vô chung vô thủy. Nó gồm có cái vô cùng to và cái vô cùng nhỏ.

Anh là đá thì hãy là nam châm, là cỏ cây thì hãy là cây trinh nữ: là người thì xin hãy là tình yêu.

Gì tình yêu cũng chưa vừa ý. Có hạnh phúc, nó đòi thiên đường; có thiên đường, nó đòi trời thẳm.

Hỡi ai đang yêu nhau tất cả những cái ấy đều ở trong tình yêu. Phải biết tìm lấy. Tình yêu giàu ngang với trời vì có chiêm ngưỡng; và hơn trời, vì có khoái lạc.

Nàng còn đến vườn Luýchxămbua nữa không?- Không, ông ạ - Cái nhà thờ này là nơi nàng đến xem lễ phải không? - Không, nàng không đến đây nữa. Nàng còn ở nhà này chứ?- Không, nàng đã dọn đi rồi.- Nàng đi đâu thế?- Nàng chẳng cho biết.

Còn gì thảm đạm cho bằng không biết linh hồn mình ở đâu!

Tình yêu có những cái trẻ con, các dục vọng khác có những cái nhỏ mọn. Xấu hổ thay những dục vọng làm con người nhỏ lại! Vinh dự thay tình yêu làm con người thơ ấu!

Đó là một điều kỳ lạ, anh biết không? Tôi ở trong đêm tối. Có một người ra đi đã mang theo trời thẳm của tôi.

Ôi! Ước gì được nằm bên nhau trong một nấm mồ chung, tay nắm tay, thỉnh thoảng ve vuốt một ngón tay trong đêm tối! Chừng ấy đủ cho ta trong giấc ngủ nghìn thu!

Anh đau khổ vì yêu thì hãy yêu hơn nữa. Chết vì yêu là sống cho tình yêu.

Hãy yêu nhau. Một biến sắc tăm tối mà rực rỡ xen lẫn trong nhục hình đó. Trong hấp hối có niềm say sưa.

Ôi niềm vui của chim chóc! Vì chúng có tổ nên chúng hát ca.

Tình yêu là sự hô hấp thiêng liêng cái không khí thiên đường.

Những tấm lòng sâu sắc, những trí óc khôn ngoan, hãy chăm sóc cuộc sống Chúa đã tạo ra. Đó là một cuộc thử thách dai dẳng, một sự chuẩn bị khó nhận thức để đi vào vận mệnh bí tàng. Cái vận mệnh đó, vận mệnh thực sự của con người, bắt đầu từ bậc thứ nhất xuống mồ. Lúc bấy giờ người ta mới nhìn thấy chút ít, người ta mới bắt đầu nhận ra chung cục. Chung cục, hãy nghĩ đến danh từ ấy. Người sống nhìn thấy vô biên, nhưng chung cục thì chỉ có người chết mới nhìn thấy. Trong khi chờ đợi hãy yêu và đau đớn, hy vọng và chiêm vọng. Ôi! Khốn khổ thay là những kẻ chỉ thích thể xác, hình thù và bóng dáng. Chết đi, họ chẳng còn gì cả. Hãy cố gắng yêu những linh hồn, anh sẽ gặp lại chúng sau cõi sống.

Ta gặp trên đường phố một chàng trai trẻ đang yêu đương. Mũ chàng cũ, áo choàng sờn, rách chòi khuỷu tay, nước thấm

qua giày chàng, nhưng tinh tú thấm vào tâm hồn chàng.

Được yêu, một sự kiện lớn làm sao! Yêu, lại càng lớn hơn nữa. Vì yêu, quả tim trở thành dũng cảm. Nó chỉ còn nguyên chất tinh khiết, nó chỉ tựa vào những gì cao quí và lớn lao. Một tư tưởng xấu không thể nẩy mầm ở đấy, cũng như một hạt gai không thể mọc trên băng hà. Tâm hồn cao quí trong trẻo, không vẩn một tí dục vọng, một tí xao động tầm thường vượt lên trên mây mù và bóng tối của thế gian, vượt lên trên điên loạn, giả dối, thù hằn, khoa trương, ti tiện, lượn trên cõi thanh thiên, chỉ còn cảm thấy những rung chuyển sâu xa và thầm kín của vận mệnh, giống như đỉnh núi nhận thấy các cơn địa chấn vậy.

Nếu không có người yêu đương thì mặt trời sẽ tắt ngấm.

V

CÔDÉT ĐỌC XONG THƯ

Côdét vừa đọc thư, vừa để tâm hồn bước dần vào cõi mộng. Đến dòng chữ cuối cùng nàng ngước mắt nhìn lên thì vừa đến giờ anh chàng sĩ quan xinh trai đi qua trước cửa. Côdét thấy chàng khả ố lạ.

Nàng lại ngắm nghía quyển vở. Nàng nghĩ thầm: chữ viết dễ thương nhỉ! Cũng một nét chữ nhưng nhiều thứ mực khác nhau, khi thì đen thẫm, khi thì nhợt nhạt như thêm nước vào

lọ mực. Đúng là viết vào ngày khác nhau, không đều đặn, không thứ tự, chẳng chọn lọc mà cũng chẳng mục đích. Côdét chưa từng đọc cái gì giống thế cả. Nàng thấy trong quyển vở nhiều ánh sáng hơn là bóng tối, nên đối với nàng, quyển vở có cái gì như một điện thờ bé nhỏ. Trước mắt nàng, mỗi hàng chữ bí mật ấy như sáng rực lên làm cho trái tim nàng cũng tràn đầy một ánh sáng mới lạ. Từ trước đến giờ, trong sự giáo dục của nàng, nàng chỉ nghe nói đến linh hồn chứ chẳng bao giờ nghe nói đến tình ái; như thế thì cũng chẳng khác gì khi nói đến thanh củi cháy mà không có ngọn lửa. Quyển vở dăm trang ấy bỗng dưng như mách nhỏ cho nàng biết tất cả cái gì là yêu đương, là đau đớn, là vận mệnh, là cuộc đời, là vĩnh viễn, là bắt đầu, là chung cục. Hình như có bàn tay mở ra và bất thình lình ném cho nàng một nắm tia sáng. Nàng cảm thấy trong các dòng chữ ấy có giấu một tâm hồn say mê, hăng hái, can đảm, thực thà, một ý chí thiêng liêng, một nỗi đau thương không cùng và một niềm hy vọng vô hạn, một trái tim thắt lại và một niềm ngây ngất làm nức lòng. Quyển vở viết tay ấy là gì? Một bức thư. Bức thư không địa chỉ, không tên người, không ngày tháng, không chữ ký, vừa thúc giục vừa vô tư, một câu đố gồm những chữ rõ nghĩa, một bức thư tình viết để cho một thiên thần mang đi trao cho một cô gái đồng trinh đọc, một cuộc hò hẹn ở ngoài cõi trần, một mảnh tình thư của ma gửi cho bóng. Đây là một người con trai vắng mặt tỉnh táo và đau khổ sẵn sàng trốn vào cõi chết và muốn gửi cho người con gái vắng mặt cái bí quyết về vận mệnh, cái chìa khóa của cuộc sống là tình yêu. Người viết thư chân đứng trong mộ, tay đặt lên trời. Những dòng một rơi trên giấy này, có thể nói là những giọt linh hồn.

Những trang này, từ đâu đến? Ai là người viết ra?

Côdét không ngập ngừng chút nào. Chỉ một người. Chàng!

Tâm trí nàng trở lại sáng sủa. Cảnh cũ lại hiện ra. Nàng cảm thấy vừa vui vừa lo, vui và lo đều không bờ bến. Đúng là chàng! Chàng đã viết! Chàng đang ở ngoài kia, chàng đã thò tay qua rào! Nàng đang quên chàng thì chính chàng đã tìm đến! Có thực nàng quên chăng? Không! Chẳng bao giờ! Nàng đã điên rồ khi có lúc đã nghĩ như thế! Nàng vẫn yêu chàng, quí chàng. Lửa vùi xuống, âm ỉ một thời gian, nhưng như nàng đã biết, lửa đã ngún sâu thêm, và bây giờ thì nó bùng lên và đốt nàng cháy rực. Quyển vở kia như một mồi lửa rơi từ tấm lòng ai vào tấm lòng nàng, và bây giờ nàng thấy rõ đám cháy lại bùng lên. Từng chữ trong quyển vở như thấm sâu vào lòng nàng. Nàng tự bảo: - À phải, ta nhận ra tất cả lời này rồi! Ta đã đọc hết trong mắt chàng trước kia.

Đọc lại xong cuốn vở lần thứ ba thì cũng vừa lúc trung úy Têôduyn đi qua trước cổng, nện mạnh cựa kỵ binh xuống mặt đường, buộc Côdét phải ngước mắt trông ra. Nàng thấy hắn vô vị, dớ dẩn, ngu dại, vô dụng, khoe khoang, khả ố, ngạo nghễ và xấu xí. Trung úy tưởng nên mỉm cười và đã mỉm. Nàng quay mặt đi xấu hổ, tức tối. Nàng chỉ muốn ném một cái gì đó vào đầu hắn.

Nàng chạy vào nhà, đóng cửa phòng riêng để đọc lại bức thư, để học cho thuộc lòng và để mơ tưởng. Khi đã đọc kỹ, nàng hôn lên bức thư và cất vào áo lót.

Thế là xong, cái hố cực lạc lại vừa hiện ra, Côdét rơi trở vào cuộc tình duyên lý tưởng.

Cả ngày Côdét như ngây như dại. Nàng gần như không suy nghĩ được, ý nghĩ rối bù trong óc, không còn ước đoán được điều gì; nàng vừa run sợ vừa mong ước mơ hồ. Nàng

không dám hứa hẹn mà cũng không muốn từ chối với mình một điều gì. Mặt nàng thỉnh thoảng tái nhợt và người nàng có lúc ớn lạnh. Đôi khi hình như nàng đi vào thế giới hão huyền; nàng nghĩ bụng: có phải là chuyện thật không? Rồi nàng đưa tay sờ xấp giấy đáng yêu giấu dưới áo, ép mạnh vào tim, cảm thấy góc cạnh của nó chạm vào da thịt. Lúc ấy mà Giăng Vangiăng nhìn thấy chắc ông phải rùng mình trước niềm vui lạ lùng, rực rỡ đang tràn đầy khóe mắt nàng.- A, phải, nàng nghĩ thầm, đúng là chàng! Thư này là của chàng viết cho ta đây!

Và nàng cho rằng chắc có bàn tay của thiên thần, hoặc một sự tình cờ thiêng liêng đã trả chàng lại cho nàng.

Chao ôi là phép màu biến hóa của tình yêu! Ôi mơ mộng! Sự tình cờ thiêng liêng đó, bàn tay của thiên thần đó là viên bánh mì do một tên kẻ cắp ném cho một tên kẻ cắp khác, từ sân Sáclơmanhơ đến chuồng sư tử, vượt qua mái nhà lao La Fơrxơ.

VI

TRỜI SINH CÁC ÔNG GIÀ ĐỂ ĐI VẮNG ĐÚNG LÚC

Đêm đến Giăng Vangiăng ra phố. Thế là Côdét mặc xống áo, trang điểm. Nàng vấn tóc theo kiểu hợp với gương mặt nàng nhất. Nàng mặc chiếc áo cổ khoét hơi già tay kéo, cho nên để lộ một chút ngực. Bọn thiếu nữ cho như thế cũng hơi "lẳng". Làm gì mà lẳng? Thật ra thì chẳng có cách trang điểm nào xinh hơn. Nàng trang điểm mà không biết để làm gì.

Côdét muốn đi phố chăng? Không.

Nàng chờ ai đến thăm chăng? Cũng không.

Nhá nhem tối, nàng ra vườn. Bà Tútxanh đang bận nấu ăn trong bếp, mà nhà bếp lại nhìn ra phía sân sau.

Nàng đi dưới vòm lá, thỉnh thoảng lấy tay rẽ cành vì có nhiều cành mọc quá thấp.

Nàng đi lần đến chiếc ghế.

Hòn đá vẫn còn đấy.

Nàng ngồi xuống, đặt bàn tay dịu dàng trắng trẻo lên, tuồng như muốn vuốt ve, cảm tạ nó.

Đột nhiên nàng cảm thấy có ai đứng đằng sau lưng. Không trông thấy mà biết có người ở đằng sau mình, cái cảm giác ấy thật khó giải.

Nàng quay đầu lại và đứng phắt lên.

Đúng là Mariuytx.

Mariuytx đi đầu trần, mặt có phần xanh và gầy đi. Chàng mặc một bộ quần áo đen nhưng trông không rõ lắm. Vầng trán đẹp của chàng tái đi trong ánh mập mờ của hoàng hôn, đôi mắt chàng chìm đắm trong bóng tối. Dáng người thì dịu dàng hiền hậu như bên trong có ẩn một cái gì như là bóng đêm và thần chết. Trên mặt chàng thoi thóp ánh sáng của một ngày sắp tàn và một linh hồn sắp tắt.

Là ma đấy thì cũng chưa hẳn, nhưng cũng không còn là người nữa rồi.

Mũ của chàng vứt đâu đấy trong bụi.

Côdét suýt ngất đi, nàng không kêu, không nói gì cả. Nàng lùi lại và cảm thấy có sức gì đẩy mình tới. Mariuytx không nhúc nhích. Tuy không trông thấy đôi mắt của Mariuytx, nàng

cũng biết Mariuytx đang nhìn mình và nàng cảm thấy một cái gì buồn buồn khác lạ đang bao bọc lấy mình.

Trong khi thụt lùi, Côdét gặp một thân cây, nàng tựa vào đó. Nếu không có cây thì nàng đã ngã xuống rồi.

Bấy giờ nàng mới nghe thấy giọng nói của Mariuytx, giọng nói ấy nàng chưa bao giờ nghe. Tiếng Mariuytx không to hơn tiếng lá rì rào. Mariuytx thì thầm:

- Tôi đã đến đây, cô hãy tha tội cho tôi. Lòng tôi nặng trĩu ưu phiền. Tôi không thể sống như vậy được nữa cho nên tôi phải đến đây. Những tờ giấy tôi để trên ghế, cô đã đọc chưa? Cô có phần nào nhận ra tôi không? Cô đừng sợ tôi. Cô có nhớ chăng cái ngày cô nhìn lại tôi không? Đã khá lâu rồi ở trong vườn Luýchxămbua, gần bên pho tượng lực sĩ. Còn cái ngày cô đi qua trước mặt tôi, cô cũng nhớ chứ? Ngày 16 tháng Sáu và ngày 2 tháng Bảy. Thấm thoắt thế mà ngót năm rồi đấy. Đã lâu lắm rồi, lâu lắm tôi không gặp cô. Tôi hỏi thăm mụ cho thuê ghế, mụ nói là không trông thấy cô đến nữa. Lúc ấy cô ở một tòa nhà mới ở phố Uét, gác thứ ba, phía trước. Cô thấy tôi biết rõ chưa! Lúc bấy giờ tôi lẽo đẽo theo cô. Chứ còn biết làm gì nữa? Thế rồi cô biến mất. Một lần tôi đương đọc báo trước rạp Ôdêông thì thấy bóng ai như cô đi qua. Cô chớ lo, không ai trông thấy tôi đâu. Tôi đến nhìn tận cửa sổ của cô. Tôi không dám bước mạnh vì e cô nghe tiếng động mà hãi chăng. Tối hôm nọ, tôi đi sau cô, cô quay lại thì tôi chạy trốn. Một hôm tôi nghe cô hát. Tôi sung sướng quá. Nghe trộm tiếng hát của cô qua cửa như vậy có can hại gì đến cô không? Không can hại gì hết phải không, thưa cô? Cô thấy chưa, cô là thiên thần của tôi. Cô cho phép tôi thỉnh thoảng đến. Tôi tưởng tôi sắp chết. Cô biết chăng? Tôi yêu quí cô.

Cô tha thứ cho tôi, tôi nói mà không hiểu nói gì, có lẽ tôi làm cô giận. Cô có giận tôi không?

Côdét chỉ kêu:

- Mẹ ôi mẹ!

Rồi nàng gục xuống, lả người đi.

Mariuytx nâng nàng lên, nàng lại ngã xuống. Mariuytx ôm nàng vào lòng, chàng siết chặt người nàng mà không biết. Mariuytx đỡ Côdét nhưng chính chàng cũng đứng không vững. Đầu óc chàng như mờ mịt những khói, mắt chàng hoa lên, lý trí của chàng bay biến đâu mất. Chàng cảm thấy mình vừa làm một việc thiêng liêng, vừa xúc phạm vào thần thánh. Vả lại, tuy cảm thấy tấm thân ngà ngọc kia cọ sát vào ngực mình, chàng cũng không có một chút thèm muốn nào cả. Chàng ngây ngất vì yêu.

Côdét cầm tay Mariuytx đặt lên ngực mình. Mariuytx nghe thấy có tập giấy dưới áo. Chàng lắp bắp:

- Cô cũng yêu tôi ư?

Nàng trả lời khẽ lắm, khẽ như một hơi thở, lắng tai mới nghe:

- Im! Anh biết rồi mà.

Rồi nàng áp mặt thẹn thùng vào lòng chàng trai phấn khởi và say sưa.

Mariuytx ngã ngồi xuống ghế. Côdét ngồi bên chàng. Chàng và nàng đều không ra lời nữa. Sao trên trời bắt đầu sáng rõ. Ai biết được làm sao môi hai người lại dán vào nhau? Còn ai biết nữa vì sao chim hót, tuyết tan hoa hồng mở cánh, mùa xuân khoe tươi và vì sao bình minh bừng sáng sau hàng cây đen trên ngọn đồi còn run lạnh?

Chỉ có một cái hôn, một cái hôn thôi.

Thế mà cả hai rùng mình, bốn mắt nhìn nhau sáng rực trong đêm tối.

Họ không nghe thấy đêm mát đã xuống. Chiếc ghế đá giá lạnh, đất vườn ẩm ướt, ngọn cỏ đẫm sương họ cũng chẳng hay. Họ chỉ biết nhìn nhau, lòng tràn ngập nỗi niềm. Vô tình họ nắm tay nhau.

Côdét không hỏi Mariuytx vào theo lối nào và bằng cách nào. Nàng không nghĩ tới điều ấy. Nàng coi cái việc Mariuytx ngồi đó là tự nhiên!

Thỉnh thoảng đầu gối chàng đụng vào đầu gối nàng, thế là cả hai rùng mình.

Chốc chốc, Côdét bập bẹ một lời. Tâm tình nàng run rẩy trên môi như giọt sương mai trên cành hoa.

Dần dần, họ nói chuyện với nhau. Im lặng là vì lòng tràn ngập tình yêu, nhưng rồi cũng đến lúc thấy cần bộc lộ. Trên đầu họ, trời đêm vắng vặc nguy nga. Họ thỏ thẻ với nhau tất cả những điều ước mơ, những giờ đắm đuối, những lúc say tình, tưởng tượng hão, và cả những phút chán chường. Họ nói họ đã ở xa nhau mà say đắm nhau thế nào, ao ước được gần nhau thế nào. Tình giao thân đôi lứa đã đến mức lý tưởng. Trong sự thân mật ấy, họ đã nói với nhau những nỗi lòng thầm kín u ẩn nhất của họ. Đã yêu, lại đương tuổi xuân, hơn nữa mới vừa là thiếu nhi lớn lên, họ tưởng tượng ra đủ mọi thứ và đem trao đổi với nhau. Lòng ngây thơ trong trắng của họ tin tất cả những ảo tưởng đó. Họ san bớt nỗi lòng với nhau, thành ra một giờ sau tâm hồn của nàng ở trong người chàng, mà ở trong nàng lại là tâm hồn của chàng. Họ hòa

mình vào nhau, họ mê hoặc nhau, họ quáng mắt lên vì nhau.

Khi không còn lời gì để nói với nhau nữa, lúc đó, nàng mới ngả đầu lên vai chàng và hỏi:

- Anh ơi, anh tên là gì nhỉ?
- Anh là Mariuytx. Còn em?
- Em là Côdét...

QUYỂN VI

CHÚ BÉ GAVRỐT

I

TRẬN GIÓ TINH QUÁI

Từ năm 1823 trở đi, cửa hàng cơm Tênácđiê ở Môngphécmây suy dần, chìm ngập dần. Không phải chìm ngập trong vực thẳm một cuộc phá sản, mà chìm đắm dần trong cái vũng đọng của những món nợ vặt ỷ eo. Trong lúc ấy, vợ chồng Tênácđiê sinh thêm hai đứa con, đều là trai. Tổng số bây giờ là năm: hai gái, ba trai. Như thế cũng khá gọi là đông.

Hai đứa bé sinh sau, mụ Tênácđiê đã rẩy đi với một sự may mắn hiếm có, từ lúc chúng còn rất bé.

Đúng là rẩy đi. Vì người đàn bà ấy chỉ có một phần thiên tính: Mụ chỉ làm mẹ đối với con gái thôi. Có hơn một ví dụ về hiện tượng đó. Cũng như bà thống chế Đơ La Môtơ Huđăngcua, mụ chỉ làm mẹ đối với mấy đứa con gái thôi. Mẫu tính của mụ giới hạn ở chỗ đó. Và lòng thù ghét nhân loại ở mụ cũng bắt đầu từ hai đứa con trai. Đối với chúng, sự nanh ác của mụ dốc như một vực thẳm, và quả tim mụ bị chặn lại bởi một ghềnh đá ở chỗ này. Bạn đọc đã thấy mụ ghét thằng lớn thế nào, với hai đứa nhỏ, lại càng hơn thế, mụ thù ghê

thù tởm chúng Vì sao? Vì... Cái lý do này ghê gớm đệ nhất và cũng khó cãi đệ nhất. Vì tôi không cần cả một xâu con như vậy.

Chúng ta hãy xem mụ Tênácđiê làm thế nào để khử bỏ hai đứa con, hơn nữa khử bỏ mà còn được lợi.

Trước đây tác giả cũng đã nói đến mụ Manhông, tức là con mụ đã bắt lão Gilơnormăng chu cấp cho hai đứa con. Mụ ấy ở bờ sông Xelétxanh, chỗ gặp nhau của đường phố Pơti Muytxcơ[1], cái đường phố đã dùng cái tên thơm để che tiếng xấu. Ngày nay người ta vẫn còn nhớ cái trận dịch hầu phong lớn đã tàn sát trẻ con trên cái khu phố bờ sông Xen cách đây ba mươi lăm năm. Khoa học đã lợi dụng trận dịch ấy để thể nghiệm đại quy mô hiệu quả của việc thổi phèn chua vào cơ thể, một phương pháp chữa bệnh đã được thay thế bằng cồn i-ốt bôi ngoài. Qua vụ dịch, mụ Manhông bỏ mất luôn cả hai đứa con, một đứa buổi sớm, một đứa buổi chiều, đương rất bé. Thật là một tai họa. Hai đứa bé ấy quí lắm: mỗi tháng chúng kiếm ra tám mươi phơrăng. Số tiền ấy, tháng tháng mụ nhận đều đặn ở nhà ông Bácgiơ là mõ tòa hưu trí, quản lý lợi tức cho lão Gilơnormăng ở phố Vua Xixin. Hai đứa bé chết thì món cấp phí của mụ Manhông cũng đi đời nhà ma. Mụ Manhông nghĩ kế: mụ có chân trong đảng kín của những đứa bất lương. Trong đảng ấy người ta biết rõ cả mọi việc của nhau nhưng người ta giữ bí mật cho nhau và giúp đỡ lẫn nhau. Mụ Manhông cần hai đứa trẻ, thì chính mụ Tênácđiê lại có hai đứa con. Cũng là trai, cùng một lứa tuổi. Quả là được việc cho mụ này, và có lợi cho mụ kia. Vì thế hai thằng bé Tênácđiê hóa ra hai thằng bé Manhông. Mụ Manhông rời

(1) Musc: xạ hương.

khỏi phố bờ sông để vào ở phố Culốtsơpéc. Ở Pari, rời phố này đi phố khác, thì lý lịch cũ cũng tự dưng mất.

Sổ hộ tịch không được báo cáo gì về hai đứa bé chết, cho nên không đòi hỏi gì cả, và việc đánh tráo thế là xuôi. Duy tên Tênácđiê đòi hỏi mỗi tháng mười phơrăng về khoản cho mượn con ấy. Mụ Manhông đồng ý, và trả đúng hẹn. Tất nhiên về phần lão Gilơnormăng lão vẫn trả tiền đều đặn. Cứ sáu tháng, lão đến thăm hai đứa một lần. Lão không thấy sự đổi chác. Mụ Manhông nói với lão: Ông ơi, ông xem chúng nó giống ông như đúc.

Tên Tênácđiê vốn thạo việc đổi trắng thay đen cho nên cũng lợi dụng cơ hội ấy để đổi tên ra Giôngđơrét. Hai đứa con gái của hắn và Gavrốt cũng chỉ vừa nhận thấy qua là mình có hai đứa em trai. Nghèo khổ đến một mức nào đó thì người ta hóa ra vô tình; khi ấy người ta nhìn đồng loại cũng như nhìn con sâu cái kiến. Cả đến người thân nhất cũng chỉ là những cái bóng nhạt trên nền nhờ nhờ của cuộc sống, dễ dàng lẩn biến vào thế giới vô hình.

Tối hôm sau, mục Tênácđiê giao món hàng con cho mụ Manhông, với quyết tâm từ bỏ dứt khoát, mụ có một điều băn khoăn không biết vờ hay là thật. Mụ bảo Tênácđiê: Làm thế hóa ra chúng mình bỏ con! Thằng chồng lấy giọng thông thái và thản nhiên đáp: Ngày xưa Rútxô còn làm hơn thế! Câu nói ấy thanh toán ngay niềm băn khoăn của mụ. Nhưng từ băn khoăn, mụ chuyển sang lo ngại. Mụ nói: Ngộ cảnh sát họ làm rắc rối thì thế nào? Ông ơi, cái việc chúng ta làm đó, chúng ta có được phép làm không?

- Được phép tuốt, cái gì lại không được phép. Ai người ta biết được trời đất gì trong ấy. Vả với cái đồ trẻ con xơ rơ xác rác ấy, ai ích gì mà dí mũi vào?

Mụ Manhông thuộc loại "tội phạm thanh nhã". Mụ phục sức lịch sự. Đồ đạc trong nhà mụ tối tân mà cầu kỳ. Mụ cho một ả người Anh nhập quốc tịch Pháp ở chung nhà. Ả người Anh thành người Pari đó có những bạn bè giàu có và dính dáng mật thiết với vụ mề-đay của thư viện và vụ kim cương của cô Mácxlơ. Sau này ả nổi tiếng trong các hồ sơ tư pháp. Người ta gọi ả là ả Mítxơ[1].

Hai đứa bé về ở với mụ Manhông cũng không đến nỗi nào. Số tiền tám mươi phơrăng hàng tháng khiến cho mụ cũng có phần nương nhẹ chúng, như người ta nương tất cả những vật dùng để sinh lợi. Mặc cũng lành, ăn cũng ngon, được săn sóc gần như những "cậu ấm", hai đứa bé ở với bà mẹ giả này hóa ra sướng hơn ở với mẹ ruột. Mụ Manhông lại còn cố đóng vai bà thượng lưu không nói tục, nói lóng trước mặt chúng.

Vài ba năm trôi qua như vậy, Tênácđiê đoán rồi sẽ còn khá hơn. Một lần mụ Manhông đem đưa số tiền tháng mười phơrăng cho hắn, hắn đã nói:

- Rồi đây "ông bố" cũng phải nghĩ đến việc giáo dục chúng mới được.

Rủi mà lại may, hai đứa bé tội nghiệp ấy thế mà được ấm thân. Bỗng đâu một buổi kia chúng bị vứt ra giữa cảnh đời để tự mình bắt đầu cuộc sống.

Một cuộc bắt bớ hàng loạt những đứa bất lương như vụ bắt ổ bợm Giôngđơrét, có kèm theo nhiều vụ soát nhà và giam cứu, là một tai họa cho cái xã hội huyền bí kinh tởm ấy, nó

(1) Nguyên văn *Mamselle Miss*. Mamselle tiếng bình dân có ý khinh bỉ, do tiếng mademoiselle (*cô*, hoặc *tiểu thư* gái chưa chồng) mà ra. Miss tiếng Anh cũng có nghĩa là cô (gái chưa chồng). Danh từ mamselle miss cấu tạo như danh từ bà *đầm* (phiên âm tiếng Pháp dame) của ta, gồm một từ quốc ngữ ghép với một từ ngoại ngữ đồng nghĩa.

sống ẩn ở dưới cái xã hội công khai. Một biến cố như thế gây ra đủ mọi thứ đổ vỡ. Tai họa của Giôngđơrét gây ra tai họa của mụ Manhông.

Không mấy bữa sau khi mụ Manhông đưa cho Êpônin mảnh giấy về phố Pơluymê, thì một hôm, cảnh sát ập đến con đường Cơlốtsơpéc. Mụ Manhông sa lưới, cùng với "cô Mitxơ" và tất cả dân cư ở cái nhà ấy, vì hành tung của họ khả nghi. Trong khi ấy, hai đứa bé đang chơi ở sân sau không hay biết gì hết. Khi chúng về thì chúng thấy cửa đóng nhà không. Người thợ giày bên kia đường gọi chúng lại, đưa cho chúng một mẩu giấy "mẹ" chúng gửi. Trên giấy có địa chỉ: Ông Bácgiơ, quản lý lợi tức, phố Vua Xixin số 8".

Người thợ giày bảo:

- Các cháu đừng ở đây nữa. Tìm đến chỗ đó. Gần lắm. Phố đầu tiên mà các cháu bắt gặp về phía tay trái. Đưa miếng giấy này ra mà hỏi thăm đường thì người ta sẽ bảo cho.

Chúng ra đi, thằng lớn một tay dắt em, một tay cầm mẩu giấy. Nó rét quá, ngón tay cóng lạnh kẹp mẩu giấy không được chặt. Đến đầu phố Cơlốtsơpéc, một luồng gió mạnh cuốn tờ giấy đi, mà đêm đã xuống, nó tìm mãi không thấy.

Hai đứa bé đành đi lang thang thất thểu hết phố này sang phố khác.

II

CHÚ GAVRỐT TÍ HON LỢI DỤNG NAPÔLÊÔNG VĨ ĐẠI

Mùa xuân ở Pari thường có một thứ gió may cắt thịt nó không làm cho người ta giá lạnh, nó làm cho người ta thành băng. Có gió ấy, những ngày trời đẹp bỗng nhiên biến thành

ảm đạm; nó tựa như một luồng khí lạnh lọt qua khe cửa đóng dối vào gian phòng ấm áp. Tuồng như cái cửa mùa đông còn để hở cho nên gió lạnh thổi về từ phía ấy.

Mùa xuân năm 1832, vào độ vụ dịch lớn đầu thế kỷ châu Âu nổ ra, gió ấy gay gắt, lạnh lùng hơn bao giờ hết. Rõ ràng là có một cái cửa nào lạnh hơn cửa mùa đông nữa đã bỏ ngỏ. Đó là cửa nghĩa địa. Trong gió may đó, người ta nghe thấy hơi thổi của ôn thần thổ tả.

Đứng về khí tượng mà nói thì các thứ gió lạnh ấy có một đặc điểm là không loại trừ điện thế cao trong không khí. Vào thời kỳ đó có nhiều trận giông tố đã xảy đến với chớp giật và sấm sét.

Một buổi tối gió may thổi gắt gao đến nỗi người ta tưởng tháng Giêng đã trở lại và bọn tư sản đều lấy áo choàng ra mặc. Chú bé Gavrốt vẫn run cầm cập trong bộ đồ rách nát và vẫn vui tươi, chú đứng ngây ngất trước cửa hàng một người thợ cạo. Chú mang một cái khăn quàng phụ nữ bằng len nhặt ở đâu không biết mà chú đem dùng làm khăn quàng cổ.

Chú có vẻ say sưa ngắm một cái tượng cô dâu mặc áo cưới bằng sáp, áo hở ngực, tóc cài hoa cam. Cái tượng quay vòng đằng sau cửa kính, giữa hai ngọn đèn dầu và cười duyên với khách qua đường. Dáng thì thế, nhưng thật thì Gavơrốt đương quan sát cửa hàng để xem có cách gì "xoáy" một bánh xà phòng trong quầy để đem bán một xu cho người thợ hớt tóc ngoại ô. Đã nhiều lần chú ăn sáng bằng một cái bánh như thế. Chú có biệt tài về ngón "xoáy" ấy, mà chú gọi bóng là "sửa râu cho bác thợ cạo".

Vừa ngắm tượng cô dâu mới và liếc bánh xà phòng, chú vừa lẩm bẩm trong miệng: Ngày thứ ba. Không phải ngày thứ

ba - Có phải ngày thứ ba không ấy? - Có lẽ là thứ ba.- Ừ, phải. Thứ ba.

Không ai biết chương độc thoại ấy nói về chuyện gì!

Hôm ấy đúng ngày thứ sáu. Phải chăng chú bé nói về cái ngày cuối cùng mà chú được ăn tối, cách đây ba hôm?

Trong hiệu có lò sưởi ấm áp, bác phó đương cạo mặt cho một khách hàng. Thỉnh thoảng bác liếc mắt nhìn ra tên kẻ thù tức là chú bé rét xo và trâng tráo. Chú bé hai tay thọc túi nhưng trí thì chắc đã ra ngoài vỏ não từ bao giờ.

Trong lúc Gavrốt ngắm nhìn tượng cô dâu, tủ kính và những bánh xà phòng Anh, chợt có hai đứa bé đến, một lớn một nhỏ nhưng đều bé hơn Gavrốt. Một thằng độ bảy tuổi, một thằng năm. Chúng nó ăn mặc cũng khá. Chúng rụt rè vặn quả đấm rồi đi vào hiệu. Miệng chúng lẩm nhẩm cái gì như là một tiếng rên hơn là một lời cầu khẩn. Chúng xin cái gì không biết, có lẽ chúng xin ăn. Hai đứa cùng nói một lúc. Chúng nó nói cái gì không nghe rõ vì thằng bé vừa nói vừa khóc, thằng lớn vừa nói răng vừa va vào nhau cồm cộp. Người phó cạo ấy quay lại ra vẻ giận dữ. Không rời bỏ con dao nơi tay, ông lấy tay trái xô thằng lớn, lấy đầu gối ẩy thằng nhỏ ra tận ngoài đường, rồi đóng sầm cửa lại mà bảo:

- Đồ quỷ, tự nhiên đem gió lạnh vào nhà người ta.

Hai đứa bé vừa đi vừa khóc. Có đám mây bay tới, hạt mưa bắt đầu rơi lác đác.

Gavrốt chạy theo chúng, gọi:

- Hai thằng nhóc kia, chúng mày làm sao thế?

Thằng lớn đáp:

- Chúng tôi không có chỗ ngủ.

- Có thế thôi a? Tưởng là gì cơ! Có thế mà cũng khóc được. Hai đứa mày còn khờ quá.

Chú lấy giọng kẻ cả, vừa cao đạo vừa ỡm ờ, xúc động, dịu dàng và che chở. Chú bảo:

- Oắt con, thôi đi về với tao.

Thằng lớn nói:

- Thưa ông vâng.

Thế là hai thằng bé theo Gavrốt như đi theo một vị tổng giám mục. Chúng không khóc nữa.

Gavrốt dắt chúng đi ngược phố Xanh Ăngtoan, về hướng nhà lao Bátxti.

Gavrốt vừa đi vừa quay nhìn hiệu tên thợ cạo một cách tức tối. Chú lầm bầm:

- Con ngợm[1] ấy thực chẳng có chút nhân tình nào.

Gặp chúng đi thành hàng một, cô Gavrốt dẫn đầu, một cô gái điếm cười phá lên. Cái cười ấy thật là bất kính đối với đoàn của chú, cho nên Gavrốt đối phó:

- Chào cô "Xe đò" ạ.

Một lát sau nhớ lại tên thợ cạo, chú nói thêm:

- Gọi là ngợm thì cũng chưa đúng. Nó là một con rắn. Thằng thợ cạo kia ta sẽ gọi tên thợ khóa đến gắn cho mày một cái nhạc ở đằng đuôi[2].

Tên thợ cạo đã làm cho Gavrốt trở nên hiếu chiến.

Khi bước qua rãnh nước, Gavrốt gặp một bà gác cổng có râu, xách đôi dép, có vẻ như đi gặp Faust ở Quỉ tụ sơn.

---

(1) Nguyên văn: *Melan*: cá ngạo.

(2) Có một giống rắn hổ mang có các dãy vảy ở đằng đuôi có thể bật lên tiếng kêu, người ta bảo vảy ấy là nhạc (serpent à sonnettes).

- Bà ơi, bà cưỡi ngựa[1] đi đấy à?- Gavrốt hỏi.

Vừa lúc ấy, nó làm té bùn lên đôi giày bóng của một ông khách qua đường. Ông cáu lên quát:

- Thằng quái này!

- Ông tố ai đấy?

- Mày chứ còn ai nữa!

- Hết giờ rồi, văn phòng đã đóng cửa, tôi không nhận đơn đâu.

Đi một quãng, chúng gặp một con bé hành khất độ mười ba, mười bốn tuổi đương rét cóng dưới một cái cổng, váy cũn cỡn, để lòi hai đầu gối. Con bé đã quá lớn, mặc váy để đầu gối ra ngoài không tiện nữa. Tuổi lớn nên dễ gặp những chuyện oái oăm như thế đấy! Chính lúc thấy lõa lồ là xấu hổ thì cũng là lúc mà chiếc váy trở nên quá ngắn. Gavrốt nói:

- Thương hại con bé, ngữ ấy cũng không có quần đâu. Thôi hãy cứ lấy cái này mà dùng.

Chú bé nói thế rồi cởi ngay tấm khăn len ấm quàng quanh cổ, chú vuốt lên đôi vai gầy gò tím ngắt của con bé ăn mày.

Chiếc khăn len trên vai con bé trở lại nguyên hình là một chiếc khăn quàng phụ nữ.

Con bé lặng lẽ nhận chiếc khăn quàng và ngơ ngác nhìn Gavrốt. Khi đã quá chừng cùng quẫn, người nghèo khổ sống trong hãi hùng thì bị bạc đãi vẫn không biết rên, được giúp đỡ cũng quên cảm tạ.

---

(1) Theo dị đoan châu Âu người ta bảo rằng ngày hội quỷ sứ các mụ phù thủy cưỡi chổi làm ngựa đi dự hội. Faust là một nhân vật huyền thoại Đức, tương truyền đã bán linh hồn cho quỷ sứ. Nhà văn Đức, Gớt đã đưa nhân vật Faust vào một vở kịch lớn cùng tên.

Cho khăn quàng rồi, Gavrốt xuýt xoa vì rét, chú còn rét hơn thánh Máctanh[1], vì tuy thế mà thánh Máctanh còn giữ được chiếc áo choàng.

Vừa khi Gavrốt xuýt xoa thì mưa cũng xuống tầm tã. Trời xấu hại người lành. Gavrốt kêu:

- Ô hay! Thế này là nghĩa làm sao? Lại mưa. Chúa phúc đức ơi! Nếu cứ như thế này thì tôi phải hủy việc mua mưa dài hạn.

Chú lại đi. Chú liếc nhìn qua con bé hành khất đương thu hình trong chiếc khăn quàng và nói:

- Cũng cóc cần. Con bé này được tấm áo ấm đấy.

Rồi chú ngửa mặt nhìn trời, thét:

- Thua nhé.

Hai đứa bé nối gót chú.

Chúng đã đi qua một tấm lưới sắt, tấm lưới sắt ấy chăng trước một hiệu bánh mì. Bởi vì, người ta cất bánh cũng như cất vàng, đằng sau rào sắt. Gavrốt ngoái lại:

- Ô này, nhóc con, bay đã ăn tối chưa?

- Thưa ông - thằng lớn thưa - từ sáng đến giờ chúng cháu chưa có hột nào vào bụng.

Rất uy nghi, Gavrốt nói:

- Thế ra chúng mày không có cha có mẹ gì cả à?

- Xin ông tha lỗi. Chúng cháu có bố, có mẹ đấy ạ, nhưng không biết ở đâu rồi.

Gavrốt là một nhà tư tưởng lớn. Chú nói:

- Nhiều khi không biết cha mẹ ở đâu lại hơn!

---

(1) Thánh Máctanh đi đường thấy có người rét, cắt nửa vạt áo choàng của mình cho.

- Chúng cháu đi như thế này đã hai tiếng đồng hồ rồi. Chúng cháu cũng cố tìm cái ăn bên các mốc trụ nhưng không có.

- Tao biết! Chó nó ăn tuốt, chả còn gì.

Ngừng một lát chú nói tiếp:

- Ra thế! Các ông nhóc lạc mất các tác gia của mình, các ông nhóc không biết họ đi đằng nào. Như vậy rất không tốt các ông nhóc ạ! Ai lại để lạc mất người lớn như vậy? Mất thế thì lấy cóc khô gì mà liếm?

Tuy nói vậy Gavrốt cũng không hỏi hai đứa bé thêm nữa. Lang thang không nhà thì cũng là chuyện thường thôi.

Thằng lớn đã hoàn toàn trở lại với tính vô tư lự của tuổi trẻ thơ. Nó bảo:

- Cũng lạ thật! Thế mà mẹ bảo chủ nhật lễ lá này mẹ dắt đi xin lá thánh.

- Nước mẹ gì!- Gavrốt kêu lên.

- Mẹ là một bà, ở với ả Mitxơ.

- Phớt!

Gavrốt nói thế rồi dừng lại. Từ nãy chú sờ hết túi này đến túi khác, hết các ngóc ngách trong bộ quần áo tã của chú.

Cuối cùng chú ngẩng đầu lên, chỉ muốn tỏ là mình vừa ý, nhưng thật ra mặt chú lại hân hoan rạng rỡ như một kẻ chiến thắng.

- Hai cậu chớ lo nữa. Cái này đủ cho ba ta xơi tối.

Vừa nói chú vừa móc túi lấy ra một đồng xu.

Hai thằng bé chưa kịp kinh ngạc thì Gavrốt đã đẩy chú vào hàng bánh, đặt đồng xu lên bàn gọi:

- Bồi, một xu bánh.

Người bán hàng vốn là chủ hiệu, lấy một cái bánh và một con dao.

Gavrốt dặn:

- Bổi cắt làm ba.

Chú nói thêm một cách oai vệ:

- Bọn này ba người.

Sau khi nhìn kỹ ba đứa trẻ, người chủ hiệu lấy một chiếc bánh đen. Thấy thế, Gavrốt thọc sâu một ngón tay vào lỗ mũi, hùng dũng hít một hơi dài, như vua Phrêđêric vĩ đại hít thuốc lá - rồi chú ném vào mặt anh chủ hiệu câu hỏi căm phẫn này:

- Têlatênao?

Có bạn đọc đoán rằng đó là tiếng Nga hay tiếng Ba Lan, hay là tiếng kêu của các bộ tộc man rợ dùng để gọi nhau từ bên này sông sang bên kia sông trong cảnh vắng. Tôi xin nói với các bạn rằng đây chỉ là một câu các bạn dùng thường ngày, rút lại thành một tiếng, câu ấy là: Thế là thế nào? Người hàng bánh hiểu rõ, đáp:

- Hừ! Dây lá bánh chứ còn thế nào? Bánh hạng nhì rất tốt.

Gavrốt thản nhiên và khinh khỉnh:

- Anh muốn nói bánh đen à? Không đâu, bổi, đây ưng bánh trắng, bánh thượng hảo hạng. Đây thết anh em kia mà.

Người hàng bánh không thể không mỉm cười. Khi ông cắt bánh trắng, ông nhìn ba đứa trẻ một cách thương hại. Cái nhìn ấy chạm lòng tự ái của Gavrốt.

- Này cái anh hàng bánh này! Can gì anh nhìn chúng tôi từ đầu đến chân như đo vậy?

Thật ra, chồng ba đứa lên nhau cũng không cao quá hai thước.

Bánh cắt xong, người hàng bánh cất đồng xu, còn Gavrốt thì bảo hai đứa bé:

- Chén thôi.

Hai đứa bé ngẩn ngơ nhìn chú. Chú bật cười:

- Ừ nhỉ! Các chú còn non quá, đã hiểu gì đâu.

Rồi chú nói lại:

- Ăn đi.

Vừa nói chú vừa đưa cho mỗi đứa một miếng bánh. Chú nghĩ rằng thằng anh xứng đáng nói chuyện với chú hơn, phải khuyến khích nó và làm cho nó ăn uống mạnh dạn. Chú đưa miếng bánh to nhất cho nó và bảo:

- Tọng vào nòng súng đi.

Trong ba phần bánh có một phần bé nhất. Chú lấy phần ấy.

Mấy đứa bé khổ sở đói meo, kể cả Gavrốt. Chúng ăn ngốn ngấu và đứng dàn ra chật cửa hàng. Người chủ tiệm đã lấy tiền rồi nên nhìn các chú một cách bực bội.

Gavrốt hiểu ý bảo:

- Chúng ta trở về đường phố thôi.

Chúng lại đi về hướng nhà ngục Bátxti.

Chốc chốc, khi đi qua các cửa hiệu đèn sáng, thằng bé nhất dừng lại giở cái đồng hồ chỉ buộc lủng lẳng trên cổ xem giờ. Gavrốt bảo:

- Quả thật thằng này chưa biết gì cả.

Rồi nghĩ ngợi, chú lầm bầm:

- Chà, nếu mà ta có con thì ta phải giữ gìn kỹ hơn kia.

Khi ba đứa ăn hết bánh thì cũng vừa lúc đến chỗ rẽ sang con đường Ba-lê buồn bã, ở cuối đường có nhà lao La Forxơ với cái cửa thấp, rất dễ ghét. Lúc ấy có tiếng ai reo:

- Ô kìa, Gavrốt, mày đấy ư?

Gavrốt cũng bảo:

- Ô kìa, Môngpácnát, hóa ra cậu ư?

Kẻ gọi Gavrốt là một người lớn, chính là Môngpácnát chứ không ai khác, nhưng Môngpácnát cải trang, mất đeo kính xanh, cải trang mà Gavrốt vẫn nhận ra.

- Chó ngao ơi! Áo choàng của cậu màu thuốc cao, cậu lại đeo kính xanh, trông có vẻ một ông lang quá! Già này bảo thật, cậu trông ra phết lắm.

- Suỵt! Khẽ chứ!

Thế rồi Môngpácnát kéo Gavrốt ra khỏi chỗ ánh đèn các cửa hiệu. Hai đứa bé như máy, tay cầm tay, bước theo.

Khi chúng đã núp dưới vòm cuốn của một cái cổng tối om, không bị mưa mà cũng không ai nom thấy, Môngpácnát mới hỏi:

- Gavrốt, mày có biết tớ đi đâu không?

- Đi lên máy chém.

- Láo, tớ đi tìm Babe.

- Thế ư? Ra ả tên là Babe.

Môngpácnát hạ giọng:

- Không phải ả mà là gã.

- À ra thằng Babe.

- Phải, thằng Babe.

- Tao nhớ nó bị còng rồi cơ mà!

- Phải, nhưng nó đã cởi còng.

Môngpácnát thuật vắn tắt cho Gavrốt biết rằng ngay buổi sớm hôm ấy, trong khi dời tù qua nhà lao khác lúc đi qua "Hành lang Dự thẩm" đáng lẽ rẽ sang phải thì Babe bẻ ngoặt qua phía trái mà chuồn.

Gavrốt khâm phục tài năng của Babe. Chú bảo:

- Thánh như một anh nhổ răng!

Môngpácnát kể thêm một vài chi tiết nữa rồi kết thúc:

- Ô! Tao đã nói hết đâu, còn lắm chuyện lắm.

Gavrốt vừa nghe vừa cầm cây gậy của Môngpácnát. Tự nhiên chú kéo đầu gậy lên và thấy hiện ra một lưỡi dao găm. Chú vội vàng đẩy lưỡi dao vào và nói:

- Ồ! Cậu lại mang theo cả cái tên sen đầm trá hình làm tư sản này.

Môngpácnát nheo mắt làm hiệu. Gavrốt tiếp:

- Chà chà! Cậu lại tính choảng nhau với bọn cớm kia à?

Môngpácnát trả lời như không để ý:

- Cũng chẳng biết đâu đấy. Lúc nào cũng sẵn có một cái đinh ghim trong người thì vẫn hơn.

Gavrốt căn vặn:

- Đêm nay cậu định làm vụ gì đấy?

Môngpácnát lại lấy giọng trầm hùng nói ấm ứ:

- Khối!

Bống hắn đột ngột xoay sang một chuyện khác:

- Mà này!

- Cái gì?

- Cái chuyện hôm trước. Mày tính tao gặp một lão tư sản. Hắn tặng tao một túi bạc và một bài giảng đạo đức. Tao bỏ túi. Một phút sau tao sờ túi thì chẳng còn gì.

- Ngoài cái bài giảng đạo đức, phải không?

Môngpácnát hỏi lại Gavrốt:

- Còn mày, mày đi đâu bây giờ đây?

Gavrốt chỉ hai đứa bé:

- Tớ đưa hai đứa này đi ngủ.

- Đi ngủ? Ngủ ở đâu?

- Nhà tớ.

- Nhà mày ở đâu?

- Ở nhà tớ.

- Mày có nhà cửa ư?

- Phải, tớ có nhà cửa.

- Thế nhà mày ở đâu?

- Ở trong bụng con voi ấy.

Môngpácnát vốn tính không hay ngạc nhiên cũng không phải buột miệng kêu lên một tiếng kinh ngạc.

- Trong bụng con voi?

- Phải, ở trong bụng con voi. *Dasao*?

Đây lại là một tiếng ai cũng nói mà không ai viết. Dasao tức là: Thì đã làm sao?

Câu chất vấn sâu sắc của Gavrốt làm cho Môngpácnát bình tĩnh và biết điều. Nó có vẻ cảm tình hơn đối với khoản nhà cửa của Gavrốt.

- Ừ nhỉ! Con voi... Này, ở trong ấy có tốt không?

- Tốt lắm. Thật đấy, y như lời mình nói. Không có gió lùa như ở dưới các gầm cầu.

- Mày vào cách nào?

- Tớ vào đấy.

- Vậy ra có một lỗ hổng à?

- Hẳn chứ! Nhưng đừng nói đấy nhé! Ở khoảng giữa hai chân trước ấy, bọn cớm chưa biết đâu?

- Mày trèo ư? Ừ, bây giờ tao hiểu rồi đấy.

- Xoay tay một cái, a-lê hấp! Thế là xong, không còn bóng dáng mình đâu nữa.

Lặng yên một lát, Gavrốt nói thêm:

- Với hai thằng nhỏ này thì tao sẽ có một chiếc thang.

Môngpácnát phì cười.

- Hai thằng nhãi con này, mày nhặt ở đâu ra đấy?

Gavrốt trả lời đơn giản.

- Hai thằng bé lão thợ cạo ở đầu kia biếu tớ.

Môngpácnát lại có vẻ nghĩ ngợi. Hắn lẩm bẩm:

- Mày nhận ra tao dễ dàng quá.

Nó lấy trong túi áo ra hai cái ống lông chim có quấn bông đem đút mỗi ống vào một lỗ mũi. Mũi nó hóa ra khác hẳn.

- Ừ! Mặt cậu khác đi đấy. - Gavrốt bảo - Đỡ xấu hơn. Cậu cứ nên để mãi như thế.

Thật ra Môngpácnát vốn xinh trai, nhưng Gavrốt vẫn có tính hay chế giễu. Môngpácnát hỏi:

- Mày đừng đùa, cứ nói thật xem mày thấy tao bây giờ thế nào?

Giọng nói của Môngpácnát cũng khác. Quả là Môngpácnát đã biến thành một con người khác trong nháy mắt. Gavrốt reo:

- Nào! Làm hề cho chúng tớ xem chơi.

Hai thằng bé trước nay vẫn không để ý tới câu chuyện vì chúng cũng mải thọc tay vào lỗ mũi, khi nghe nói đến hề mới nhích lại gần, hân hoan và kính phục nhìn Môngpácnát.

Nhưng Môngpácnát còn mải lo việc khác. Hắn đặt tay lên vai Gavrốt và nhấn từng tiếng:

- Nghe tao bảo này, nhỏ. Nếu tao có đem theo con đốm, cây đao và con đầm mà ở giữa chợ mày đãi tao mười xu thì tao làm ngay, nhưng hôm nay đâu phải ngày thứ ba béo.

Câu nói kỳ quặc có hiệu lực khác thường đối với Gavrốt. Chú vội vã quay đầu lại, đưa cặp mắt sáng nhìn quanh một lượt và trông thấy một tên cảnh sát quay lưng lại phía bọn

chú. Chú buột miệng kêu: - A! Được rồi! Và kịp thời giữ mồm lại. Chú lắc bàn tay Môngpácnát.

- Chào cậu thôi! Mình đưa hai thằng bé này về voi. Giả thử có đêm nào cậu cần đến tớ thì cứ lại mà tìm. Tớ ở ngay từng một, không có người gác cổng. Cậu hỏi ông Gavrốt khắc có.

- Được.

Hai bên chia tay nhau. Môngpácnát đi phía Gơre, Gavrốt đi phía ngục Bátxti. Gavốt kéo thằng anh, thằng anh lôi thằng em, nhưng thằng này vẫn ngoái cổ nhìn theo anh "hề".

Câu nói tối nghĩa của Môngpácnát đã bảo Gavrốt biết là có lính cảnh sát. Bí quyết của nó ở chỗ có nhiều âm *đ* lặp đi lặp lại. Những âm đ ấy không đứng riêng lẻ mà ghép nên câu kéo một cách có nghệ thuật. Việc lặp âm đ ấy có nghĩa là: Phải coi chừng đấy! Không thể ăn nói tự do đâu.

Ngoài ra, trong câu của Môngpácnát có một hình tượng văn học lý thú mà Gavrốt không cảm thụ. Đó là những danh từ trong kho tàng tiếng lóng của nhà ngục Tăngplơ: *con đốm, cây dao và con đầm* có nghĩa là *con chó, con dao và con vợ của tao*, những tiếng cánh hề rất ưa dùng ở thời Môlie viết kịch và Canlô vẽ.

Hai mươi năm trước, ở góc đông nam nhà lao Bátxti có một công trình kỳ lạ, nằm ở gần trạm bơm nước của kênh đào trong hào của ngục. Người Pari ngày nay không còn nhớ tới nữa, nhưng kể ra thì đáng nhớ, bởi vì nó là một sáng kiến của nhà "hàn lâm tổng tư lệnh đạo quân viễn chinh Ai Cập"[1].

(1) Napôlêông khi đem quân đi đánh Ai Cập thành lập Viện khảo cổ Ai Cập.

Chúng tôi gọi là một công trình mặc dù đây mới là một ma-két ấy. Chính cái ma-két ấy, cái mô hình vĩ đại ấy, cái di hài hùng tráng của một sáng kiến của Napôlêông mà mấy luồng gió tiếp nhau đã cuốn đi, đã ném mỗi lần một xa thêm, chính cái ma-két ấy đã đi vào lịch sử, đã mang một cái gì như là một tính chất vĩnh cửu khác hẳn với hình dáng nhất thời của nó. Đó là một cái tượng voi cao mười ba thước, sườn gỗ đắp hồ, trên lưng có bành tháp tựa như một ngôi nhà. Ngày xưa một người thợ sơn nào đó đã sơn màu xanh cho con voi, ngày nay mưa gió và thời gian đã sơn lại màu đen. Trong khoảng trống trải vắng lặng ấy, đêm đêm trên nền trời sao hiện lên hình thù con voi lạ lùng và ghê gớm, với vầng trán rộng, cái vòi, đôi ngà, cái bành tháp, cái mông to lớn, bốn cái chân như bốn cây cột trụ. Người ta không biết nó mang ý nghĩa gì. Nó là một thứ biểu tượng của lực lượng quần chúng. Lầm lì, huyền bí mênh mông. Một thứ bóng ma dũng mãnh, đứng lừng lững bên cạnh cái ám ảnh vô hình của nhà ngục Bátxti.

Ít có người ngoại quốc đến viếng di tích ấy. Khách qua đường không ai ngẩng nhìn nó. Nó đương đổ nát. Mỗi mùa, từng mảng hồ ở hai bên sườn lở đi, thành những vết thương ghê tởm. Các "quan chức" - gọi theo ngôn ngữ trân trọng - các quan chức đã quên nó từ năm 1814. Nó đứng trơ ở chỗ ấy, buồn bã, ốm đau, mục nát, chung quanh có một vành bao lơn hư hỏng làm chỗ phóng uế cho bọn đánh xe say sưa. Bụng nó nứt nẻ ngang dọc, đuôi để lộ một cái nẹp gỗ, dưới chân cỏ mọc lên cao. Mặt đất quảng trường xung quanh cứ mỗi ngày một nhô thêm lên, theo một quy luật tự nhiên nó nâng cao chậm chạp nhưng liên tục mặt nền các thành phố lớn. Vì thế nên con voi ngày nay ở vào một chỗ lõm, đất dưới chân nó có vẻ như thụt xuống. Nó thô bỉ mà ngang tàng, người ta

khinh nó, người ta ngoảnh mặt đi. Anh tư sản trông nó xấu xí, nhà tư tưởng thấy nó gợi sầu. Nó vừa như một đống rác rưởi người ta sắp quét đi, vừa như một chiếc ngai vàng người ta sắp xô xuống.

Như đã nói, ban đêm hình trạng nó đổi khác. Đêm là sở hữu của các thứ bóng. Khi hoàng hôn xuống thì con voi cũ kỹ cũng thay hình đổi dạng: Nó hóa ra tĩnh mịch uy nghi lạ thường trong cảnh đêm thanh hùng vĩ. Là dĩ vãng, nó thuộc đêm tối, và đêm tối hợp với tính chất vĩ đại của nó.

Cái di tích thô kệch, bè bè, nặng nề, nghiêm lạnh, hình thù xấu xí nhưng rõ ràng là uy nghi bề thế, đượm một vẻ trang nghiêm huy hoàng và hoang dã đã biến mất rồi, nhường chỗ cho cái lò khổng lồ có tra ống khói kia ngự trị bình yên. Cái lò này đã thay thế cái thành lũy tăm tối có chín tháp canh, giống như chính quyền tư sản thay thế chính quyền phong kiến. Ở thời mà một cái nồi chứa năng lực thì dễ hiểu một cái hỏa lò phải biểu trưng cho thời đại. Cái thời đại đó sẽ qua, nó đang qua. Người ta bắt đầu hiểu là có thể có năng lượng trong nồi súp-de, nhưng chỉ có thể có năng lực trong bộ óc; nói cách khác, không phải đầu máy lôi kéo thế giới đi tới mà chính tư tưởng. Móc đầu máy vào tư tưởng, tốt, nhưng không được nhầm con ngựa với người cưỡi ngựa.

Trở lại với quảng trường La Bátxti, ta thấy rằng dẫu sao chỉ với chất thạch cao, người kiến trúc sư xây đắp con voi đã làm nên một cái gì vĩ đại còn người kiến trúc sư xây dựng ống khói hỏa lò đã làm được một cái gì nhỏ nhoi với đồng đen.

Cái "ống khói hỏa lò" mà người ta đã phong cho cái danh hiệu rất kêu là Cột đồng tháng Bảy, cái công trình làm hỏng để kỷ niệm một cuộc cách mạng đẻ non đó, đến năm 1832

còn được bọc trong một giàn giáo đồ sộ bằng gỗ - mà chúng tôi thấy rất uổng phí, - và quây trong một vòng phên ván, làm cho con voi bị cô lập hẳn.

Chú bé Gavrốt dẫn hai đứa trẻ đến một góc quảng trường, nơi ấy chỉ có một ngọn đèn treo mập mờ.

Bạn đọc hãy cho phép tôi dừng ở đây và nhắc lại là chúng tôi chỉ nói sự thật đơn giản: hai mươi năm trước, tòa trừng trị đã xử, về tội du đãng và phá hoại di tích công cộng, một chú bé bị bắt quả tang ngủ trong bụng con voi ở La Bátxti.

Ghi nhận việc ấy rồi, chúng tôi tiếp tục.

Đi gần đến chỗ con voi, Gavrốt đoán biết cái cực lớn có thể có ảnh hưởng thế nào đối với cái cực bé.

- Nhóc đừng sợ nhé, chú nói.

Rồi chú leo qua một khoảng bao lơn mục gẫy, sau đó kéo hai đứa bé đi qua. Hai đứa bé hơi sợ nên lặng lẽ đi theo Gavrốt. Chúng tin cậy ở vị thần áo rách đã cho chúng ăn và còn hứa cho chúng nó ngủ.

Bên cạnh bao lơn có một chiếc thang gỗ để nằm. Chiếc thang ấy anh em thợ ở công trường bên cạnh vẫn dùng ban ngày. Gavrốt nhấc bổng chiếc thang lên một cách mạnh mẽ lạ thường và dựng nó tựa vào một chân trước của con voi. Ở đầu trên chiếc thang thấy có một lỗ đen ngòm trong bụng con vật.

Gavrốt chỉ chiếc thang và cái lỗ trống cho khách và nói:

- Leo lên rồi vào đi.

Hai đứa bé nhìn nhau kinh hãi. Gavrốt kêu:

- Nhóc sợ ư? Đây các chú xem.

Gavrốt không dùng thang, chú ôm cái chân nhám sì của con voi và chỉ trong nháy mắt đã leo lên đến chỗ trống. Chú

chui vào như con rắn chui qua một kẽ hở. Chú lọt vào trong mình con voi và một lát sau thì hai đứa bé trông thấy cái đầu chú hiện ra lờ mờ trắng trắng ở miệng lỗ tối om. Chú gọi:

- Nào, trèo lên đi. Rồi các chú sẽ biết, sướng như gì ấy! Này, thằng lớn trèo lên nào. Tao đưa tay cho mà nắm.

Hai đứa bé đẩy nhau. Chúng vừa sợ Gavrốt vừa tin tưởng. Và mưa to quá. Thằng lớn liều. Thằng nhỏ thấy anh leo lên thang, chỉ còn mình nó ở dưới chân con vật khổng lồ, đã toan khóc nhưng không dám.

Thằng anh leo từng nấc một, loạng choạng. Gavrốt reo hò khuyến khích nó như một thầy dạy võ khuyến khích học trò, hoặc như một bác tải la thúc giục la đi tới.

- Đừng sợ.
- Được đấy.
- Cứ lên nữa đi.
- Đặt chân chỗ này.
- Tay víu đây.
- Cố lên nào.

Khi thằng bé đến vừa tầm, Gavrốt đột nhiên nắm chặt cánh tay nó mà lôi ngược lên.

- Thế là xong.

Thằng bé đã qua chỗ hổng. Gavrốt bảo:

- Bây giờ thì đợi ta một lát. Ồ thưa ông! Mời ông vui lòng ngồi chơi.

Gavrốt chui lỗ nẻ mà ra và nhanh nhẹn như một con khỉ, chú ôm chân voi tụt xuống đất. Chân vừa chấm đất thì chú ôm xốc thằng bé em lên, đặt nó đứng ở giữa thang. Rồi chú leo theo sau và gọi thằng lớn:

- Tao đẩy ở dưới, ở trên mày lôi đấy nhé.

Thằng bé bị đỡ lên, bị đẩy lên, bị lôi lên, bị kéo lên, rồi bị ấn vào, bị nhét vào cái lỗ trống, chẳng kịp hiểu đầu đuôi ra làm sao. Gavrốt vào tiếp theo sau nó và lấy chân hất thang xuống cỏ, xong vỗ tay reo:

- Thế là ta về đến rồi. Đại tướng La Fêyet muôn năm!

Qua cơn khoái chú ồn ào thì Gavrốt bảo hai đứa bé:

- Hai chú ạ! Đây là nhà của ta.

Quả thật đó là nhà của Gavrốt.

Ôi! Công dụng bất ngờ của những thứ vô dụng! Tình nhân đạo chứa chan trong một sự nghiệp hùng vĩ! Ôi! Từ tâm của những kẻ khổng lồ! Cái công trình vĩ đại chứa đựng tư tưởng của hoàng đế nay thành ra một cái hộp chứa một thằng bé lang thang. Con vật khổng lồ đã đón nhận và che chở đứa bé. Các anh tư sản diện bảnh lúc nào đi qua trước tượng con voi ở quảng trường Bátxti cũng giương cặp mắt ốc nhồi lên nhìn nó một cách khinh bỉ và nói: Cái ấy dùng để làm gì?

- Cái ấy dùng để cứu một đứa bé không cha không mẹ, không cái ăn, cái mặc, không nhà cửa, che đỡ cho nó khỏi bị những cơn lạnh, những cơn gió, cơn mưa, những cơn mưa đá, những trận heo may giày vò, làm cho nó khỏi lên cơn sốt vì phải ngủ trên bùn lầy, khỏi chết vì phải ngủ dưới mưa tuyết. Cái ấy dùng để thu nuôi một đứa bé vô tội mà xã hội xua đuổi. Cái ấy dùng để giảm nhẹ phần tội lỗi của xã hội. Cái ấy là một cái hang rộng để đón con người đi đến đâu cũng chỉ thấy cửa đóng then cài. Con voi già nua thảm hại ấy bị ghẻ lở, bị vứt xó, mình đầy mốc meo, nốt ruồi và mụn nhọt, khập khiễng, đổ nát như một vật bỏ đi; nó là một thứ khổng lồ đi hành khất, ngày ngày đứng giữa ngã tư cầu xin khách

qua đường bố thí cho một cái nhìn thiện cảm, mà không sao được; ấy thế mà hình như con voi già nua thảm hại ấy, thứ khổng lồ đi xin ấy lại rủ lòng thương cái thằng ăn mày kia, cái thằng tí hon tội nghiệp chân không giày, đầu không mái che mưa nắng, ăn những của người ta vứt đi, mặc toàn tã rách, buốt ngón tay chỉ biết thổi lên để đỡ cóng phút giây.

Con voi ở quảng trường Bátxti có công dụng như thế đấy. Cái sáng kiến của Napôlêông, người chê, nhưng trời dùng. Trước nó chỉ mới lừng lẫy tiếng tăm, bây giờ nó có thiên uy rực rỡ. Muốn hoàn thành dự định, Hoàng đế còn phải cần đá hoa cương, đồng đen, sắt, vàng, cẩm thạch. Đối với Chúa, mớ xà, ván và hồ ấy đã đủ rồi. Con voi kia là một cái mộng tưởng biểu lộ thiên tài của Hoàng đế. Cái tượng voi vĩ đại được vũ trang, vòi rất cao và làm cho vô số nguồn nước vây quanh phun lên một cách vui vẻ, đầy sinh lực, cái tượng voi đó, trong ý Hoàng đế, là hiện thân của quần chúng nhân dân. Chúa còn vĩ đại hơn: Chúa đem làm chỗ trú cho một đứa bé phiêu giạt.

Cái lỗ hổng Gavrốt chui qua là một kẽ nứt đứng ngoài rất khó nom thấy, bởi vì nó khuất dưới bụng con voi và hẹp lắm. Chỉ có mèo và trẻ con là có thể chui qua được.

Gavrốt nói:

- Trước hết, chúng mình phải dặn người gác cổng có ai hỏi thì bảo là chúng mình đi vắng.

Nói thế rồi chú đi trong tối chắc chắn như một ông chủ nhà quen thuộc mọi xó, chú lấy ra một mảnh ván đậy lỗ hổng lại.

Lần nữa, chú lại đi vào bóng tối. Hai thằng bé nghe tiếng xèo xèo của que diêm nhúng vào chai đựng lân tinh. Thuở ấy

diêm hóa học chưa ra đời, cái bật lửa kiểu Phuymát là kiểu tiến bộ nhất.

Lửa sáng lóe lên thình lình làm cho hai thằng bé nheo mắt. Gavrốt vừa thắp xong một mẩu dây nhúng nhựa. Cái dây nhựa tỏa khói nhiều mà ít sáng soi lờ mờ bụng con voi.

Hai vị khách của Gavrốt nhìn quanh mình và có cảm tưởng giống như cảm tưởng của Giônát khi ở trong bụng cá voi. Cả một bộ xương khổng lồ hiện lên bao bọc lấy chúng. Trên cùng có một cây đòn dong dài, màu nâu, ở hai bên cách từng quãng tua tủa ra những đòn khác khom khom. Đó là cái xương sống với các xương sườn chung quanh. Từ xương sống ấy thạch cao thõng xuống như nhũ đá, lòng thòng giống những khúc ruột; giữa các sườn, nhện chăng thành những hoành cách mờ dính đầy bụi bặm. Trong các ngóc ngách, có những vệt đen to thảng thốt và vội vàng đi lại rất nhanh, trọng như những vật sống.

Với gạch vụn từ trên lưng voi rơi xuống đã lấp bằng cái vùng trũng ở bụng voi, cho nên có thể đi lại như trên sàn gỗ.

Thằng em dịch sát vào người thằng anh, thầm thì:

- Tối lắm.

Tiếng ấy khiến cho Gavrốt phải thét lên. Chú nghĩ rằng hai đứa sợ hãi quá, cần phải lay mạnh chúng.

- Chúng mày lôi thôi cái gì đấy? Đùa đấy à? Hay là làm bộ ỏe ọe? Chúng mày đòi cung điện Tuylơri ư? Chúng mày là súc vật à? Có phải thế thì bảo tao. Tao nói cho chúng mày biết, tao không phải là hạng người ngu ngốc đâu nhé! Hừ! Hay chúng mày là những cậu ấm, con nhà quan?

Trong cơn hoảng hốt mà bị quát tháo cục cằn đôi tí là rất tốt. Cái ấy làm cho người ta đỡ sợ. Hai đứa bé nhích lại gần

Gavrốt. Thấy chúng tin cậy mình như thế, Gavrốt động lòng như một ông bố, và đổi giọng nghiêm ra giọng dịu ngọt. Chú nói chuyện với thằng nhỏ, bắt đầu câu chuyện bằng một tiếng mắng yêu:

- Này chó con! Ở ngoài kia mới tối. Ở ngoài ấy mưa, ở trong này không mưa. Ở ngoài rét, ở đây không lọt vào một tí gió nào. Ở ngoài có khối người, ở đây không có ai cả. Ở ngoài trăng cũng không có, ở đây có ngọn nến của tao.

Hai đứa bé bớt sợ, bắt đầu đưa mắt nhìn quanh căn buồng. Nhưng Gavrốt không để cho chúng rỗi rãi thì giờ ngắm nghía. Chú giục:

- Nhanh lên thôi.

Rồi chú đẩy chúng vào phía trong, ở chỗ mà chúng tôi muốn gọi là phía trong cùng của phòng ngủ.

Giường Gavrốt đặt ở chỗ ấy.

Giường Gavrốt đầy đủ, nghĩa là có nệm, có chăn lại có màn che.

Nệm là một cái đệm rơm, chăn là một tấm áo khoác bằng len thô màu xám rất ấm, khá rộng và hầu như còn mới nguyên.

Còn cái chái thì như thế này:

Ba cái cọc khá dài cắm chặt xuống nền vôi gạch vụn ở lườn voi, hai đằng trước, một đằng sau, phía trên buộc túm lại với nhau, làm thành hình tháp. Một tấm lưới đồng thau được đặt nằm khéo léo trên mấy cây cọc, buộc bằng dây thép, trùm cả ba cây. Phía chân, một dãy đá đè lên tấm lưới thau, chặn nó xuống sát đất để cho không một vật gì có thể lọt vào được. Tấm lưới ấy nguyên là một tấm lưới chăng chuồng chim của các đoàn xiếc thú vật. Cái giường của Gavrốt ở trong tấm lưới ấy như ở trong lồng. Trông toàn bộ tựa như một cái lều

của người Etxkimô[1]. Lưới thau ấy là màn che cái chái của Gavrốt.

Gavrốt nhấc mấy viên đá chặn tấm màn lưới phía đằng trước rồi giở hai cánh màn gấp lên nhau mà bảo:

- Hai chú đi bốn chân nào.

Chú cẩn thận đưa hai vị khách vào lồng rồi chú bò vào sau, xong chú đậy kín màn lại và giằn đá xuống.

Ba đứa nằm dài trên chiếu.

Tuy ba đứa đều bé bỏng, vẫn không có đứa nào có thể đứng lên trong cái chái ấy. Gavrốt còn giữ ngọn đèn dầy:

- Bây giờ thì giấc đi! Tao sắp tắt nến.

Thằng lớn chỉ tấm lưới thau hỏi:

- Thưa ông cái này là cái gì vậy?

- Cái ấy là đề phòng ông tí, Gavrốt nghiêm trang bảo: giấc đi!

Tuy giục ngủ, chú vẫn thấy cần phải nói thêm đôi câu để huấn luyện cho hai chú bé quá nhỏ tuổi. Chú nói tiếp:

- Những thứ này là của vườn bách thảo. Dùng cho thú dữ. Có cả một kho kia. Chỉ việc trèo một bức tường leo qua một cửa sổ, rúc dưới gầm một cửa lớn. Thế là tha hồ. Vừa nói chú kéo chân đấp cho thằng nhỏ. Thằng bé kêu lên khe khẽ:

- Ôi! Sướng quá! Ấm quá!

Gavrốt nhìn tấm chăn đắc ý:

- Cũng là của vườn bách thảo đấy. Tao vớ của lũ khỉ.

Rồi chỉ cho thằng anh xem chiếc đệm rơm, rất dày và bện thật khéo, chú nói thêm:

---

(1) *Esquimaux*: thổ dân vùng cực Bắc.

- Cái này là của con hươu cao cổ.

Nghỉ một chút chu lại nói:

- Bọn thú vật có đủ các thứ ấy. Tao lấy đi, chúng chả giận đâu. Tao bảo chúng: lấy cho con voi đây.

Chú lại nghỉ một lát nữa rồi nói:

- Mình trèo tường vượt vách và mình bất chấp chính phủ. Như thế đấy chúng bay ạ.

Hai đứa bé nhìn Gavrốt với vẻ khâm phục có cả kinh ngạc sợ hãi. Tuy cũng lang thang, cũng trơ trọi như chúng, bé bỏng như chúng, nhưng đây là một con người vừa khốn khổ, vừa hùng dũng, một con người siêu thường, trên nét mặt có những cái nhăn nhó của ông kép xiếc già lẫn nụ cười ngây thơ dễ mến nhất.

- Thưa ông, thằng lớn rụt rè thưa, thế ông không sợ các ông cảnh sát sao?

Gavrốt chỉ đáp gọn:

- Nhóc! Người ta không gọi các ông cảnh sát, người ta gọi là bọn cớm.

Thằng bé mở mắt thao láo nhưng không nói gì hết. Vì nó nằm ngoài còn thằng lớn nằm giữa, nên Gavrốt kéo chăn nhém xuống chiếu cho nó như là một bà mẹ rồi nhét một mớ giẻ cho cộm chiếu lên để làm thành một cái gối cho nó gối. Xong chú quay sang thằng anh:

- Thế nào? Ở đây tốt đấy chứ?

- Không phải nói.

Thằng anh vừa nói thế vừa liếc nhìn Gavrốt với vẻ mặt của một thiên thần được cứu nạn. Hai đứa bé ướt át thấy người ấm dần lại.

- Này! Sao lúc nãy chúng bay lại khóc?

Gavrốt trỏ thằng bé mà bảo thằng lớn.

- Thằng con nít này thì không nói làm gì. Còn lớn như mày mà cũng khóc thì khỉ thật! Làm như con bé ấy!

- Vì lúc ấy chúng em không biết đi về đâu để có nhà ở.

- Nhóc ạ! Gavrốt nói, người ta không nói nhà. Người ta nói: xó[1].

- Và lại chúng em sợ phải ở một mình qua đêm.

- Không ai nói đêm, người ta nói: mò mò[2].

- Cám ơn ông.

- Nghe tao bảo này. Từ nay không được gặp việc gì cũng rên khóc. Tao sẽ chăm nom chúng mày. Chúng mày sẽ thấy: chúng mình chơi đùa thích lắm. Mùa hè chúng ta đi Gơlaxie với thằng Nave bạn tao. Chúng mình tắm ở bến sông. Chúng mình cứ trần truồng mà chạy trên các đoàn thuyền đỗ trước cầu Auxteclít làm cho mấy mụ thợ giặt phát cáu. Các mụ ấy la lối, mắng, chửi, tức sôi gan lên! Giá chúng mày biết họ buồn cười đến mức nào. Chúng mình rồi sẽ đi xem người xương. Hắn vẫn sống. Ở quảng trường Săng Êlidê. Gầy hơn ai hết. Rồi tao đưa chúng mày đi xem kịch, xem chính nghệ sĩ Lơmét đóng. Tao có vé vì tao quen với nhiều diễn viên. Có lần tao đã đóng trò trong một vở kịch. Bọn tao làm một lũ trẻ con như thế này, chạy dưới một tấm vải căng giả làm biển. Tao sẽ xin cho hai đứa mày vào đóng trò ở rạp ấy. Rồi chúng ta sẽ đi xem người rừng. Những người rừng đó không phải là thực đâu. Chúng nó mặc may ô hồng có nếp nhăn, ở khuỷu tay có vết mạng bằng chỉ trắng. Rồi thì chúng ta đi xem Nhạc kịch viện. Đi với bọn vỗ tay mướn. Ở nhạc kịch

---

(1) và (2) Đoạn trước có nói mụ Manhông sính ăn nói văn vẻ, cho nên thằng bé này nói năng đúng đắn. Còn Gavrốt lang thang thì thường dùng tiếng lóng, tiếng tục.

bọn vỗ tay đều là những tay chiến cả. Tao không đi với bọn vỗ tay các rạp hàng phố. Ở Nhạc kịch viện, mày phải biết, có đứa phải trả hai mươi xu để được vào ngồi vỗ tay, đã đành đó là những thằng ngốc. Người ta gọi chúng là bọn giẻ lau bát. Chúng mình cũng sẽ đi xem chém người bằng máy chém. Tao sẽ chỉ cho chúng mày xem lão đao phủ. Lão ở phố Mare. Tên là Xăngxông. Trước nhà lão có một cái hộp thư. Ôi chao! Anh em ta sẽ vui chơi như ngày hội!

Một giọt sáp nhỏ trên tay Gavrốt làm cho chú sực nhớ thực tế trước mắt.

- Chết chửa! Bấc hao quá. Phải coi chừng. Mỗi tháng mình không thể tiêu quá một xu về khoản ánh sáng. Nằm xuống là phải ngủ. Chúng mình không có thì giờ đâu để đọc truyện của ông Đờ Cốc. Với lại chong đèn thì ánh sáng có thể lọt qua khe hở ở cửa ra vào, tụi cớm dễ nhìn thấy.

Chỉ một mình thằng anh dám chuyện vãn đối đáp với Gavrốt. Nó rụt rè góp một ý kiến:

- Với lại, tàn lửa có thể rơi xuống chiếu rơm, phải đề phòng không thì cháy nhà.

- Người ta không nói cháy nhà, người ta nói là om xó.

Cơn dông càng thêm dữ dội. Giữa hai hồi sấm sét rền vang, người ta nghe rõ tiếng mưa rào đập chan chát vào lưng con quái. Gavrốt nói:

- Cứ mưa, tha hồ mưa đi! Không có gì vui bằng nghe tiếng mưa trong bình chảy dọc theo cột nhà. Mùa đông ngu lắm: mất công mất của mà chẳng làm ướt được ai. Cái lão già xách nước ấy thấy mất công toi bèn tức tối làm ầm lên.

Gavrốt là một triết gia của thế kỷ XIX nên thừa nhận hết hậu quả của sấm sét. Nó vừa nhắc đến sét thì một làn chớp

dài lóe lên lóa cả mắt, do khe nứt mà vào tận bụng voi, tiếp theo ngay một tiếng sét dữ dội. Hai thằng bé kêu một tiếng và vùng dậy mạnh quá làm cho tấm màn suýt bật ra. Gavrốt quay cái mặt gan góc lại phía chúng và thừa dịp tiếng sét nổ mà cười lên khanh khách.

- Yên, lũ trẻ bay, yên. Dừng có dấy khỏe quá mà đổ nhà. Sấm chính tông đấy, sấm thế mới là sấm chứ! Không phải là sấm chớp nhì nhằng. Hoan hô Chúa! Không kém sấm ở rạp Ăngbiguy là mấy!

Nói xong Gavrốt chữa lại màn, nhẹ tay đẩy hai đứa bé nằm xuống, rồi ấn lên đầu gối chúng để cho chúng duỗi thẳng chân ra.

- Trời đã thắp đèn lên thì ta có thể tắt đèn ta được. Ngủ đi, hai ông mãnh ạ. Nằm mà không ngủ là không tốt. Sáng ra lỗ mũi lỗ mồm của chúng mày sẽ nặng mùi, nói như bọn trưởng giả thì là mồm chúng bay sẽ thối. Quấn chăn cho kín đi. Tao sắp tắt đèn đây. Xong chưa?

Thằng lớn đáp khe khẽ:

- Xong rồi. Chỗ tôi tốt lắm. Rất êm, như có độn lông chim ở dưới đầu.

- Ai lại gọi là đầu. Phải nói sỏ.

Hai đứa bé ôm rịt lấy nhau. Gavrốt thu vén nốt cho chúng, kéo chăn lên tận tai chúng rồi đọc câu phù chú này lần thứ ba.

- Giấc thôi.

Rồi chú thổi nến.

Nến vừa tắt thì tấm lưới thau rung rung, một cách kỳ dị. Vô số cái gì cọ sát trên lưới, làm nên những tiếng đồng tiếng sắt lanh canh, y như có răng có vuốt mài lên dây thau. Cùng

với sự rung động ấy có những tiếng rỉ rích.

Thằng bé lên năm nghe thấy những tiếng động ấy trên đầu, suýt chết khiếp. Nó thích khuỷu tay vào sườn anh, nhưng anh nó theo lệnh Gavrốt đã "giắc" rồi.

Không dằn lòng được vì khiếp đảm quá, thằng nhỏ đánh liều, gọi Gavrốt, nhưng rất sẽ, vừa gọi vừa nín hơi:

- Ông ơi!

- Gì?- Gavrốt vừa chợp mắt, tỉnh dậy hỏi.

- Cái gì đó ạ?

- À! Đó là ông tí ở cống.

Gavrốt lại đặt đầu xuống chiếu.

Quả như chú nói, chuột cống nhung nhúc trong sườn voi. Đích chúng là những chấm đen động đậy chúng ta đã nói ở trước. Nếu còn sáng thì chúng còn nể, chỉ thấp thoáng ở xa. Nhưng cái động này là xứ sở của chúng. Khi động chìm trở lại vào bóng tối, chúng ngửi thấy mùi "thịt tươi" trong lều Gavrốt thì đổ xô đến, leo lên tận đỉnh mà gặm mà nhấm các mắt lưới để tìm cách chọc thủng.

Thằng bé vẫn không ngủ được. Nó lại gọi:

- Ông ơi!

- Gì?

- Thế ông tí là gì?

- Ông tí là chuột.

Cách giải thích ấy làm cho thằng bé bớt sợ một phần. Nó đã từng trông thấy chuột bạch và nó không sợ chuột bạch. Tuy vậy nó hãy còn lên tiếng hỏi:

- Thưa ông?

- Gì đó?

- Sao ông không nuôi một con mèo?

- Trước tao có nuôi một con, tao mang lại đây, nhưng

chúng ăn thịt mất.

Câu giải thích này thủ tiêu hiệu quả của câu thứ nhất. Thằng bé lại run sợ. Cuộc đối thoại giữa nó và Gavrốt diễn ra lần thứ tư.

- Thưa ông?

- Gì nữa?

- Ai bị ăn thịt?

- Con mèo.

- Ai ăn thịt con mèo?

- Ông tí!

- Chuột ấy à?

- Phải, chuột.

Thằng bé chết khiếp về việc chuột ăn thịt mèo. Nó hỏi thêm:

- Thưa ông, nhưng con chuột ấy nó có ăn thịt được chúng mình không?

- Nó ăn đến đâu ấy chứ lị.

Nỗi kinh khủng của đứa bé lên đến tột độ. Nhưng Gavrốt nói:

- Bé chả sợ. Lũ nó không vào đây được đâu. Vả lại đã có tao. Nào, nắm lấy bàn tay tao rồi im đi mà ngủ thử nào!

Gavrốt với tay qua mình thằng anh để cầm tay thằng em. Thằng bé ôm riết lấy bàn tay ấy vào người và thấy yên lòng. Cho biết lòng can đảm và sức mạnh có thể truyền cho người khác một cách màu nhiệm.

Bấy giờ quang cảnh chung quanh trở lại yên lặng bởi vì chuột nghe tiếng nói xì xào sợ đã lánh xa. Mấy phút sau chúng trở lại và làm nhặng lên, nhưng vô ích, ba đứa trẻ đã ngủ say, không nghe thấy gì nữa.

Đêm càng khuya. Bóng tối phủ kín lên quảng trường Bátxti mênh mông. Gió đông thổi từng hồi lẫn với mưa. Các đoàn

tuần tra lục lạo từng ngõ, từng lối, từng mảnh vườn hoang, từng xó tối hòng bắt những tên du đãng ăn gió nằm sương; chúng lẳng lặng đi qua trước tượng voi. Con quái vật đứng lặng yên, mắt mở nhìn vào bóng tối có vẻ như mơ màng đắc ý vì cái hành vi nhân đạo của mình; nó che chở cho ba đứa bé tội nghiệp đang ngủ để chúng khỏi lụy vì trời, vì người.

Muốn hiểu sự việc sắp xảy ra, phải nhớ rằng thuở ấy bót canh quảng trường Bátxti đóng ở phía bên kia quảng trường, cho nên dẫu có việc gì xảy ra bên cạnh con voi, tên lính gác cũng không nghe thấy.

Gần sáng, có một người từ phố Xanh Ăngtoan chạy ra, vượt qua quảng trường, đi vòng mảnh đất quanh cột đồng tháng Bảy[1], len qua bao lơn vào đứng dưới bụng voi. Nếu có ánh sáng chiếu lên mình người ấy, và thấy hắn ướt sũng, chắc người ta sẽ đoán ra được là hắn ở ngoài trời mưa suốt đêm. Khi đến dưới bụng con voi, hắn kêu lên một tiếng kỳ dị, thứ tiếng kêu ấy không thuộc ngôn ngữ nước nào cả, chỉ có con vẹt là lặp lại được. Người mới đến lặp lại hai lần tiếng kêu ấy. Nếu muốn lấy chữ mà viết ra tiếng ấy để có một ý niệm xa xôi thì phải viết:

- Kirikikiu!

Khi người lạ mặt gọi lần thứ hai thì có một giọng trong trẻo, vui và non mướt từ trong bụng voi đáp lại:

- Có đấy!

Liền sau đó, tấm ván chắn lối ra vào bị đẩy đi và một thằng bé chui ra, theo chân voi tụt xuống đứng bên người mới đến. Thằng bé ấy là Gavrốt. Người mới đến là Môngpácnát.

---

(1) Cột đồng để kỷ niệm ngày nhân dân Pari đánh chiếm nhà ngục Bátxti (14-7-1789). Công cụ chuyên chế của vua.

Còn tiếng kêu Kirikikiu có lẽ nó có nghĩa là : *Tôi hỏi thăm ông Gavrốt.*

Khi nghe tiếng gọi Gavrốt đã vùng dậy, hé tấm lưới bò ra ngoài rồi đậy lại cẩn thận, xong chú mở cái vỉ nhảy xuống.

Môngpácnát và Gavrốt yên lặng nhận mặt nhau trong đêm tối. Môngpácnát chỉ nói:

- Chúng tao cần mày, mày lại đằng này giúp bọn tao một tay.

Gavrốt chẳng đòi giải thích gì thêm nữa.

- Được, tớ đi đây.

Hai đứa nhằm đi đến phố Xanh Ăngtoan. Chúng len lỏi nhanh nhẹn giữa những đoàn xe dài chở hoa quả bắt đầu đi về chợ.

Các bác hàng rau ngồi xổm trên xe đương ngủ gật giữa mấy đống rau quả, áo tơi kéo lên tận mang tai vì mưa tạt nghiêng. Họ không buồn để ý đến hai ông khách qua đường lạnh lùng ấy.

III

DIỄN BIẾN CỦA CUỘC VƯỢT NGỤC

Cũng đêm ấy, ở nhà ngục La Forxơ đã xảy ra việc sau đây.

Mặc dù Tênácđiê bị giam cách biệt, Bơruygiông, Gơlơme, Babe và hắn ta cũng đã bàn nhau cùng vượt ngục. Ngay sau đó, Babe một mình trốn ngục trước, như Môngpácnát đã kể với Gavrốt trên kia.

Thằng Môngpácnát ở ngoài sẽ giúp đỡ chúng một tay.

Bơruygiông bị giam một tháng trong buồng phạt, đủ thì giờ cho hắn làm hai việc, thứ nhất, bện xong một cái dây, thứ

hai nghỉ xong một kế hoạch. Cái buồng tàn khốc để giam người tù bị kỷ luật, ngày xưa gọi là *ngục tối* và gồm có bốn bức vách đá, một cái trần đá, một cái nền lát đá phiến, một tấm giường ván, một lỗ thông hơi chắn lưới sắc và một cánh cửa bọc sắt. Nhưng ngục tối, người ta cho là quá gớm ghiếc. Ngày nay chỗ giam phạt ấy gồm có một cánh cửa sắt, một lỗ thông hơi chắn song sắt, một tấm giường ván, một cái nền lát đá phiến, một cái trần đá và bốn bức vách đá, và có tên là *buồng phạt*. Giữa trưa thì trong buồng cũng có tí ánh sáng. Mối hại của thứ buồng phạt ấy - các bạn đã thấy đó, đâu phải là ngục tối! - là bắt con người có sức lao động phải bó gối ngồi nghỉ ngợi.

Bởi vậy, Bơruygiông đã nghỉ ngợi và khi hết hạn ở buồng phạt ra thì hắn mang theo ra một cái dây. Vì cho hắn là tù nguy hiểm, không thể để ở trại ngoài, người ta tống hắn vào Trại Mới. Cái thứ nhất hắn tìm thấy ở đó là Gơlơme, cái thứ nhì là một cái đanh, tìm thấy Gơlơme là tìm thấy tội ác, tìm thấy cái đanh là tìm thấy tự do.

Đã đến lúc phải biết rõ Bơruygiông. Bơruygiông dáng người như yếu đuối, hắn có thâm ý làm ra vẻ ưu tư nhu nhược. Thật ra hắn là một tên khỏe mạnh, lễ phép, khôn ngoan, gian giảo. Cái nhìn của hắn như vuốt ve người ta, nụ cười của hắn thâm hiểm. Nụ cười ấy do bản chất hắn, còn con mắt âu yếm kia là do hắn có chí luyện nên. Những tìm tòi đầu tiên của Bơruygiông về nghệ thuật hướng về cái mái nhà. Nhờ hắn kỹ thuật của những người thợ giờ mái và lột máng nước đạt những bước tiến lớn với phương pháp *bóc dạ dày bò*.

Cơ hội rất thuận lợi để vượt ngục là chính lúc bấy giờ, thợ lợp đang xáo chữa một số đá lợp mái. Sân Xanh Bécna không cách biệt hẳn với sân Sáclơmanhơ và sân Xanhlui nữa. Ở các

tầng có nhiều giàn giáo và thang, nghĩa là có cầu và tam cấp dẫn về phía giải phóng.

Trên đời không có nhà nào nứt nẻ, đổ nát hơn Trại Mới. Đó là nơi sơ hở nhất trong nhà ngục. Tường bị tác dụng của chất diêm tiêu bám vào đã lở ra từng phiến đá có khi rơi xuống mình tù nhân đang nằm trên giường, vì vậy người ta phải ghép ván dưới các vòm cuốn trong phòng ngủ để chèn đỡ. Người ta phạm sai lầm lớn khi giam vào cái nhà cũ nát ấy những tên can cứu đáng sợ nhất, những "ca nghiêm trọng" như ngôn ngữ lao tù mới.

Ở Trại Mới có bốn phòng ngủ ở bốn tầng gác và một buồng cao mệnh danh là Mỹ phòng. Một ống khói rộng, có lẽ là ống khói nhà bếp của công tước La Forxơ ngày xưa, đi từ nền nhà, xuyên qua bốn tầng gác, lên tận mái và nhô lên khỏi mái. Nó có vẻ như một cây trụ đẹp, chắn giữa mỗi phòng ngủ.

Gơlơme và Bơruygiông ở chung một phòng ngủ. Cẩn thận, người ta xếp chúng ở tầng gác dưới nhất. Tình cờ, đầu giường chúng kê sát vào ống khói.

Chính Tênácđiê ở ngay trên đầu chúng, trong buồng cao.

Khách qua đường ở phố Quyntuya Xanh Cartơrin trước cổng xe của Nhà Tắm, sau khi qua khỏi trại lính cứu hỏa, nhìn thấy một cái sân đầy cây hoa, cây cảnh trồng trong thùng. Ở cuối sân là một cái nhà tròn nho nhỏ quét vôi trắng, có hai chái, và những cửa chắn gió sơn xanh trông khá vui mắt. Cảnh này thật xứng với ước mơ hoang dã của Giăng Giắc[1]. Mười năm về trước, cái nhà tròn đó tựa lưng vào một

(1) *Jean Jacquets Roussau*: nhà văn và nhà triết học Pháp ca ngợi cảnh sống thôn giã, thế kỷ XIII.

bức tường lớn, màu đen, trần trụi, xấu xí, nhô cao lên trên mái nhà. Đó là bức tường bao bọc con đường tuần tra của nhà lao La Forxơ.

Bức tường sau cái nhà tròn đó là Mintơn[1] nhìn thấy đằng sau Béccanh[2].

Dù bức thường rất cao, vẫn còn một mái nhà cao hơn, đen xì, ở sau bức tường. Đó là mái nhà của Trại Mới. Ở mái nhà có bốn lỗ thông hơi có tra chấn song sắt. Đó là những cửa sổ của Mỹ phòng. Một ống khói đâm qua mái nhà, cái ống khói xuyên các buồng ngủ nói trên.

Mỹ phòng là buồng áp mái, hình dáng như một cái nhà chợ, có ba lớp chấn song sắt bọc ngoài, cửa thì bọc tôn đóng chi chít đanh rất lớn. Cứ đằng bắc mà vào thì bên trái có bốn lỗ thông hơi, bên phải đối diện với bốn lỗ thông hơi có bốn cái chuồng hình vuông khá rộng, cách nhau một hành lang hẹp; các chuồng ấy, dưới thì xây tường đến ngang ngực, trên thì cắm song sắt lên tận mái.

Tênácđiê bị giam kín trong một cái chuồng như thế từ đêm mồng ba tháng Hai. Không ai khám phá ra được hắn đã dùng cách nào và có ai ám trợ hắn, mà hắn đã sắm được một chai rượu và cất giấu chai rượu ấy trong chuồng giam. Thứ rượu có pha thuốc mê ấy người ta nói do Đêruy sáng chế. Đảng trộm *Phục Rượu Mê* dùng rượu ấy làm cho nó nổi tiếng.

Trong nhiều nhà ngục, thường có những nhân viên phản phúc, nửa là người canh ngục, nửa là kẻ trộm, chúng làm tay sai cho cảnh sát vì tiền và cũng vì tiền mà giúp đỡ cho bọn

---

(1) *Milton*: nhà thơ Anh, đã viết trường ca: *Thiên đường đã mất* diễn tả sự sa đọa của con người, thế kỷ XVII.

(2) *Berquin*: nhà thơ Pháp, thế kỷ XVIII.

tù vượt ngục, giống như những đứa ở ăn xén tiền chợ của chủ.

Cũng trong cái đêm Gavrốt đón hai đứa trẻ bơ vơ về chỗ trọ, Bơruygiông và Gơlơme lặng lẽ thức dậy và dùng cái đanh của Bơruygiông xoi khoét ống khói kề giường. Chúng biết rằng ở ngoài, Babe vừa vượt ngục lúc sáng, đương chờ đón chúng, cùng với Môngpácnát.

Vôi gạch khoét ra rơi xuống giường Bơruygiông thành thử không ai nghe tiếng. Ở ngoài, mưa to gió lớn xen lẫn sấm sét làm cho các bản lề cửa rít lên, khiến nhà ngục vang dội những tiếng ồn ào ghê gớm rất tiện cho công việc của chúng. Một vài tên tù thức dậy lại vờ ngủ, để mặc tình Gơlơme và Bơruygiông. Bơruygiông khéo tay, Gơlơme khỏe. Tên cai ngục ngủ ở buồng có cửa sổ chấn song mở vào phòng ngủ vẫn không nghe một tiếng động nào cả, thế mà ống khói đã bị khoét, hai thằng cướp đã leo ngược lên, bẻ miếng vỉ sắt đậy trên ống khói và leo ra mái nhà. Gió mưa càng dữ, mái nhà trơn như mỡ. Bơruygiông bảo:

- Chúng mình vượt ngục đêm nay thật là tuyệt[1]!

Giữa chúng và bức tường bọc ngoài là một cái vực rộng nửa trượng, sâu sáu trượng. Dưới đáy vực, súng của tên lính gác lấp lánh trong đêm tối. Chúng lấy cái dây Bơruygiông bện trong ngục tối đem buộc một đầu vào mấy thanh sắt chắn miệng ống khói vừa bị bẻ cong, ném đầu dây kia qua bức tường. Rồi chúng tiếp nhau nhảy đu người qua khỏi vực, bám lấy đầu tường, vượt qua tường, theo dây tụt xuống một mái nhà nhỏ, thu dây lại, nhảy xuống

(1) Bọn này nói toàn tiếng lóng, từ đây chúng tôi dịch theo lời chú thích của tác giả và dịch ra ngôn ngữ thông tục, chứ không thể tìm đủ tiếng lóng tương đương của bọn trộm cướp trong ngôn ngữ ta.

Sân Tắm, vượt qua sân, khẽ đẩy tấm ván nhỏ chắn buồng người gác cổng kéo cái dây lòng thòng bên cạnh đấy, thế là cổng lớn mở ra và cả hai đứa ra ngoài đường phố.

Từ lúc chúng đứng lên giường giữa đêm tối với cái đanh trong tay và một kế hoạch vượt ngục trong não cho đến bây giờ không quá bốn mươi lăm phút.

Lát sau, chúng gặp thằng Babe và thằng Môngpácnát lảng vảng quanh đấy.

Lúc kéo về, dây bị đứt, chỉ còn một đoạn lơ lửng buộc vào ống khói. Còn chúng thì chẳng bị thương tích gì ngoài việc da tay hầu như tuột hết.

Cũng đêm ấy, Tênácđiê được báo trước - không biết bằng cách nào - nằm thức để đợi.

Khoảng một giờ sáng, đêm ở ngoài tối như mực, hắn nhìn qua lỗ thông hơi trước buồng hắn, thấy hai bóng đen lướt qua trên mái nhà, trong mưa rào gió dữ. Một bóng đen dừng lại trước lỗ thông hơi một thoáng, vừa đủ để hắn nhận thấy. Đó là Bơruygiông, Tênácđiê nhận ra Bơruygiông và hiểu hết. Đối với hắn như thế là đủ lắm rồi.

Tênácđiê bị coi là một tên sát nhân và bị giam cứu vì tội dùng khí giới bắt người khảo của. Vì thế, đêm ngày hắn bị canh giữ. Một người lính gác súng nạp đạn cứ đi qua lại trước buồng nó.

Hai giờ một lần người ta thay lính gác. Trong buồng cao ấy có một chiếc đèn treo sát tường. Tên tù phải mang một đôi xiềng chân nặng hai mươi lăm cân. Ngày nào cũng vậy, cứ đến bốn giờ chiều thì tên cai ngục đi với hai con chó dữ vào buồng nó, - lúc bấy giờ người ta còn làm thế - đặt cạnh giường nó một cái bánh đen một cân, một hũ nước lã với một âu canh suông và khám xiềng xích, gõ mấy cái xong sắt xem

có gì khác hay không. Đêm, nó lại dắt chó đến hai lần nữa.

Tênácđiê được phép giữ một cái chốt sắt dùng để găm bánh mì lên kẽ tường, theo hắn nói thì là "để cho chuột khỏi ăn". Vì Tênácđiê luôn luôn có người coi giữ cho nên cái chốt sắt cho nó người ta thấy cũng chẳng sao. Sau này người ta mới nhớ ra rằng có một tên gác ngục đã bảo : "Có lẽ nên cho nó một cái chốt gỗ thì hơn".

Hôm ấy lúc hai giờ sáng, một anh tân binh thay phiên gác cho người lính già vừa canh ở đấy. Mấy phút sau, tên cai ngục theo lệ thường dắt chó đi khám xét chỉ để ý là người gác quê mùa và non dại quá chứ không thấy gì khác. Bốn giờ sáng, khi người ta đến đổi phiên canh thì mấy anh lính gác nằm sóng soài dưới đất như khúc gỗ, ngủ mê mệt. Tênácđiê không còn ở đấy. Xiềng nó bị bẻ ra và vứt dưới đất. Trên trần nhà, có một lỗ hổng, và ngay trên đó, ở mái, có một lỗ nữa. Một tấm ván giường bị tháo đi và có lẽ tên tù đã mang theo, vì mãi sau vẫn không tìm thấy. Trong buồng còn một chai rượu uống dở, thứ rượu mê ấy Tênácđiê đã dùng để mời anh lính gác. Cái lưỡi lê của anh lính cũng mất.

Lúc bấy giờ, người ta tưởng Tênácđiê đã thoát ra ngoài rồi. Sự thật thì đành là hắn ta không còn ở trong Trại Mới nữa, nhưng vẫn trong một cảnh huống vô cùng nguy hiểm. Hắn đã thoát hẳn đâu !

Lên đến mái Trại Mới, Tênácđiê bắt gặp đoạn dây đứt buộc lơ lửng ở miệng ống khói. Nhưng dây ngắn quá Tênácđiê không thể dùng để vượt qua khoảng cách giữa mái nhà và bức tường bọc, như Bơruygiông và Gơlơme trước đấy.

Từ phố Banlê rẽ qua Vua Xixin thì ai cũng thấy ngay ở bên phải một khoảng lõm tối tàn. Ở đấy trước kia là một toà nhà, bây giờ chỉ còn trơ bức tường hậu cao vòi vọi tiếp giáp các ngôi nhà còn nguyên vẹn ở hai bên.

Cái di tích này còn nhận ra được nhờ hai cái cửa sổ vuông to còn sót lại, cái ở giữa, gần chái bên phải hơn được chắn lại bởi một đòn ngang han mục. Qua các cửa ấy ngày trước, người ta nhìn thấy một bức tường cao to ảm đạm, vốn là một mảnh của vành thành bọc con đường tuần tra của nhà lao La Forxơ.

Khoảng trống ở đường phố do ngôi nhà bị phá huỷ để lại đã được che lấp một nửa bởi một hàng rào song gỗ mục nát tựa vào năm trụ đá. Trong rào, tựa vào bức tường cũ, có một cái nhà gỗ nhỏ. Hàng rào song có một cửa ra vào mấy năm trước đây chỉ gài chốt.

Khoảng ba giờ sáng, Tênácđiê tới đỉnh bức tường thành ấy.

Tênácđiê đến đấy bằng cách nào? Điều này chưa bao giờ người ta hiểu và giải thích được. Chớp giật hình như vừa làm rầy nó vừa giúp đỡ nó. Nó có dùng thang gỗ và giàn giáo của thợ lợp để chuyển từ mái này sang mái khác, từ rào này đến rào khác, từ phòng này qua phòng khác ở các trại sân Xanh Lui, từ đó qua bức thành quanh đường tuần tra để đến cái nhà nát phố Vua Xixin không? Thế nhưng đi theo hành trình này thì có những đoạn đứt quãng có lẽ không khắc phục được. Hay là nó đã dùng tấm ván giường của nó bắc một cái cầu từ mái Mỹ phòng qua bức tường khu tuần tra? Rồi nó bò lết trên ngọn tường vòng quanh nhà lao để đến cái nhà nát? Tuy nhiên bức tường đó nhô răng cưa và cao thấp không chừng: ngang trại Cứu hoả nó thấp xuống, đến nhà tắm nó cao lên; lại có những nhà cửa cất ngang tường; chỗ khách sạn Lamoanhông, tường không cao như chỗ phố Pave, và chỗ nào cũng đều có những mảng tụt, những góc đứng. Ngoài ra lính gác rất dễ thấy cái dáng đen sì của tên vượt ngục. Cả hai cách đều không thể dùng để trốn thoát. Hay là Tênácđiê đã sáng tạo ra một cách vượt ngục thứ ba, bởi vì đầu óc hắn đã

rực sáng nhờ khao khát tự do một cách ác liệt, sự khao khát đó như có phép thần biến vực thẳm thành hào cạn, song sắt thành nan tre, một tên bại liệt thành lực sĩ, một đứa bò lê thành chim trời, ngu đần thành bản năng, bản năng thành trí tuệ và trí tuệ thành thiên tài? Ai biết được!

Không ai biết hết những kỳ diệu trong việc vượt ngục. Kẻ vượt ngục như có thần linh mách bảo, chúng tôi nói lại điều đó. Có cái gì như là sao sáng và chớp loé trong ánh lửa bí ẩn soi rọi các cuộc đào vong. Cái cố gắng để vươn ra tự do cũng lạ lùng như cái vỗ cánh để lao vào khoảng không cao cả. Người ta hỏi về một tên kẻ cướp vượt ngục: Nó làm thế nào để leo lên cái mái nhà kia nhỉ? Cũng như người ta hỏi về Cornây: Ông ta tìm ở đâu ra tiếng *Chớ*[1] kia chứ?

Tênácđiê đã đến trên đầu bức tường cổ, mồ hôi nhễ nhại, áo quần đẫm nước mưa và rách bươm ra từng mảnh, da tay xây xát, khuỷu tay chảy máu, da đầu gối toạc ra. Hắn nằm dài trên đầu tường, kiệt sức. Từ chỗ hắn nằm xuống tới nền đường bằng từ một tầng gác ba xuống.

Cái thừng của hắn quá ngắn.

Xanh xao, kiệt quệ, hắn nằm chờ, trong lòng trước kia hy vọng bao nhiêu thì nay tuyệt vọng bấy nhiêu. Đêm còn tối, không ai trông thấy hắn, nhưng hắn tự nhủ chỉ lát nữa trời sẽ sáng. Hắn run sợ trước về cái giây phút nghe đồng hồ nhà thờ Xanh Pôn gần đấy đổ bốn tiếng. Giờ ấy sẽ là giờ người ta đổi phiên gác, giờ người ta tìm thấy anh lính ngủ say dưới mái nhà bị chọc thủng. Qua ánh sáng lờ mờ các ngọn đèn

(1) Trong vở bi kịch Horaxơ (Horace, nổi tiếng của Coócnây (Corneille) lão chiến sĩ Horace khi nghe báo tin con mình bỏ chạy (thật ra là trá bại) trong cuộc chiến đấu, rất lấy làm khổ tâm. Khi người báo tin hỏi : "Một chọi ba, cụ bảo nó làm thế nào? Ông già trả lời: "Chết"

phố, Tênácđiê nhìn xuống nền đường một cách hãi hùng, cái nền đá sâu thăm thẳm ươn ướt và đen sì, cái nền hắn vừa ước ao vừa khiếp sợ, cái nền đó vừa là chỗ chết vừa là cảnh tự do.

Tênácđiê tự hỏi không biết ba thằng bạn đồng loã kia có trốn thoát không, chúng có đợi hắn không, có tìm cách giúp hắn không. Hắn nghe ngóng. Từ lúc đến đây, không có ai đi qua, ắt một đội lính tuần tra. Những người bán rau Môngtơơi, ở Sarôn, ở Vanhxen, ở Bécxy đi chợ đều đi theo đường Xanh Ăngtoan.

Chuông đồng hồ đổ bốn tiếng, Tênácđiê rùng mình. Chỉ mấy phút sau, trong nhà ngục có tiếng xôn xao náo động. Đây là cảnh huyên náo thông thường trong các nhà lao khi khám phá ra một vụ vượt ngục : tiếng những cánh cửa mở ra khép lại, tiếng rít của bản lề ở các cánh cổng chấn song, tiếng xôn xao của đoàn lính coi tù, tiếng gọi nhau ầm ĩ giữa bọn cai ngục, tiếng báng súng đập xuống nền, bấy nhiêu thứ tiếng bay đến tai Tênácđiê. Ánh đèn chập chờn lên xuống ở các cửa sổ chăng lưới, một ngọn đuốc chạy ngang dọc trong phòng cao Trại Mới, lính chữa lửa ở đồn cạnh đấy được gọi sang giúp, những chiếc mũ ướt mưa của họ lấp lánh dưới ánh đuốc, đi đi lại lại trên các mái nhà. Cùng lúc ấy phía ngục Bátxti, một thứ ánh sáng mập mờ rạng lên một cách kinh khủng ở chân trời.

Tênácđiê đương ở trên ngọn một bức tường dày ba tấc. Nó nằm dài dưới mưa, bên phải có một vực thẳm, bên trái có một vực thẳm, không cựa được, vừa chóng mặt vì sợ ngã, vừa hồi hộp vì sợ bị bắt. Như một quả lắc trong cái chuông tâm trí hắn chao qua đảo lại giữa hai tư tưởng : ngã thì chết, nằm yên thì trở vào tù.

Trong cảnh hoang mang, thình lình Tênácđiê trông thấy một bóng người lướt sát tường các nhà phố đến đứng ở quãng

lõm dưới chỗ hắn lơ lửng nằm. Kế đó một người thứ hai, cũng men đi cẩn thận như người trước, rồi một người thứ ba và một người thứ tư. Khi đã tụm lại, một người đẩy then mở cửa ở rào song và cả bốn lách vào trong khoảnh đất có cái nhà nát. Họ đứng ngay ở dưới chính chỗ Tênácđiê nằm.

Những người kia đã chọn chỗ lõm đó hiển nhiên là vì không muốn cho khách qua đường trông thấy họ đang bàn việc vì cũng muốn tránh mắt tên lính gác cửa nhà lao La Foirxơ ở cách mấy bước. Phải nói rằng mưa đã giữ chịt tên lính trong chòi canh của nó. Tênácđiê không trông thấy mặt họ, đã lắng nghe tiếng họ với sự chăm chú của con người tuyệt vọng.

Nghe họ dùng tiếng lóng, Tênácđiê thoáng thấy có một chút hy vọng. Người thứ nhất nói khẽ, nhưng rất rõ ràng:

- *Buồm* đi thôi. Còn lục đục làm gì *ixigô*?

Người thứ hai đáp:

- Mưa như trút máng thế này ! Với lại tuần kiểm sắp kéo qua, còn thằng gác thì cứ trồng nến ở đấy, khéo không nó hốt chúng mình *ixicay*.

Hai tiếng *ixigô* và *ixicay* đều có nghĩa là ở đấy. Tiếng thứ nhất là tiếng lóng ở ngoại ô, tiếng thứ hai là tiếng lóng nhà ngục Tăngplơ. Đó là những tia sáng đối với Tênácđiê. Nghe ixigô, hắn biết là Bơruygiông, tên du đãng ở các cửa ô, nghe ixicay hắn biết là Bale vì tên này kiêm nghề buôn vặt ở nhà lao Tăngplơ.

Tiếng lóng của thế kỷ vĩ đại bấy giờ chỉ còn thấy dùng ở nhà ngục Tăngplơ, và cũng chỉ có Bale là người duy nhất sử dụng được thuần tuý. Nếu Babe không nói tiếng ixicay thì Tênácđiê đã không nhận ra hắn, vì hắn đã hoàn toàn đổi giọng.

Tên thứ ba chen vào:

- Không chuyện gì phải vội. Hãy đợi một tí nữa. Chắc đâu

hắn không cần đến chúng ta?

Nghe câu văn phổ thông này, Tênácdiê nhận ra Mông-pácnát. Môngpácnát cho là hiểu được mọi thứ tiếng lóng mà không nói tiếng lóng mới là lịch sự.

Tên thứ tư không nói, nhưng đôi vai rộng của nó vẫn báo cho biết nó là ai. Tênácđiê không phần vẫn nhận ngay ra đó là Gôlôme.

Bơruygiông nói khẽ, nhưng sôi nổi:

- Mày phun cái gì đó? Tao thì tao nói rằng thằng bán cơm đó không trốn ra được. Nó không biết cách mà ! Xẻ sơmi, xé chăn giường để làm dây, khoét cửa, làm giấy tờ giả, chìa khóa giả, chặt xiềng, buộc treo dây ở ngoài, lẩn trốn, trá hình, phải khôn ranh lắm mới làm được ! Lão già ấy không thể làm được, lão không biết cách.

Babe tiếp lời, vẫn bằng thứ tiếng lóng cổ điển mà Pulaiê và Cáctút dùng. Thứ tiếng lóng này đối với cái tiếng lóng mạnh dạn, mới mẻ, màu mè và liều lĩnh mà Bơruygiông dùng cũng giống như ngôn ngữ Baxin[1] đối với ngôn ngữ Ăngđrê Sênê[2].

- Tên chủ quán của mày có dễ đã bị tóm tại trận. Phải là sói già mới được, còn hắn chỉ là chó mới mở mắt. Chắc là hắn đã bị một tên cớm, không chừng một con cừu đóng vai huynh đệ lừa phỉnh. Này Môngpácnát, mày thử nghe tiếng rào rào trong ổ quỉ đó xem! Mày cũng đã thấy những đèn đuốc kia chứ? Hắn đã bị tóm lại rồi, chắc chắn ! Phải kéo cày hai mươi thu nữa rồi. Tao không gờm, tao không phải là cáy, điều đó ai cũng biết, nhưng không còn làm gì được nữa đâu,

(1) *Baeine*: tác giả bi kịch cổ điển nổi tiếng của Pháp thế kỷ XVII.

(2) *André Chenier*: nhà thơ lớn của Pháp thế kỷ XVIII.

nếu cứ cố thì bọn chúng sẽ cho chúng ta nhảy nhót đó. Thôi đừng giận dữ, đi với chúng tớ đi, tớp tí hớp cho vui.

- Ai lại bỏ rơi bạn bè trong hoạn nạn. Môngpácnát cáu nhàu.

- Tao thề với mày là nó bị tròng lại rồi. Giờ này thì thằng chủ quán đó chẳng còn đáng một chinh! Ta biết làm sao! Dông thôi. Tao thấy như là đã bị một tên cớm nào thộp ngực rồi!

Môngpácnát chỉ còn chống cãi yếu ớt. Thật ra, theo tục bọn kẻ cướp không bao giờ bỏ nhau trong cơn nguy biến, bốn đứa chúng đã lộ dò suốt đêm quanh nhà ngục La Forxơ. Mặc dù việc ấy nguy hiểm, chúng vẫn không ngại vì hy vọng Tênácđiê sẽ xuất hiện trên một bức tường nào. Nhưng đêm đã trong sáng, đường sá vắng tanh, không một bóng người vì mưa rào, trời bắt đầu lạnh, quần áo ướt sũng, giầy thấm nước, rồi tiếng xôn xao đáng sợ trong nhà lao, những đội tuần tra đi lại, thời gian chờ đợi quá lâu, hy vọng tiêu dần, sợ hãi hiện đến, tất cả những thứ ấy thúc giục bọn chúng rút lui. Đến cả thằng Môngpácnát, thằng ấy đối với Tênácđiê một phần nào cũng như là con rể, cả thằng Môngpácnát cũng nhượng bộ. Chỉ tí nữa là chúng đi mất. Nằm trên tường, Tênácđiê thấy trong lòng hồi hộp như những hành khách dám tàu còn sống sót trên bè ở giữa biển, đang nhìn thấy chiếc tàu cứu nạn hiện ra rồi lại biến đi nơi chân trời.

Nó không dám gọi, gọi nhỡ người ta nghe thấy thì hỏng cả. Trí nó bỗng nhiên nảy ra một ý kiến, một ý kiến cuối cùng, một tia chớp ; nó móc túi, lấy mẩu dây của thằng Bơruygiông, mẩu dây nó đã tháo trên ống khói, và ném xuống.

Mẩu dây rơi dưới chân lũ cướp.

Babe nói :

- Một cái dây.

- Dây của tao đây, Bơruygiông bảo.

- Đích lão chủ quán rồi. Môngpácnát nói.

Chúng ngẩng nhìn lên. Tênácđiê thò đầu ra một tí.

Môngpácnát bảo:

- Mau lên! Bơruygiông, mày có khúc dây đó không?

- Có đây.

- Nối hai đoạn dây với nhau rồi ném lên cho nó. Nó sẽ buộc dây vào tường tụt xuống. Có đủ dây để leo xuống đấy.

Tênácđiê đánh liều lên tiếng:

- Tao cóng rồi.

- Chúng tớ sẽ sưởi cho.

- Tao không cựa được.

- Mày cứ thế mà tụt xuống chúng tớ sẽ hứng đón mày.

- Hai bàn tay tao tê giá rồi.

- Thì hãy cứ buộc dây vào ngọn tường thôi mà.

- Chịu thôi!

- Thế thì phải có thằng nào trong bọn ta leo lên với nó mới xong - Môngpácnát nói.

- Những ba tầng gác. Bơruygiông buột miệng.

Từ nhà gỗ, có một ống khói bằng thạch cao đâm lên và dựa theo bức tường cũ, lên thẳng gần tới chỗ Tênácđiê nằm. Cái ống khói ấy rạn lở cả và hẹp lắm. Môngpácnát nói :

- Có thể theo ống khói ấy mà lên.

- Theo ông ấy? Babe kêu. Một tướng[1] thì không thể. Phải là một tốt[2] mới được.

Bơruygiông phụ họa:

- Phải có một chú ranh.

- Tìm đâu ra chú tép ! Gơlơme bảo.

- Hãy gượm, Môngpácnát nói. Tớ có rồi.

Hắn nhẹ tay hé mở rào, nhìn xem cho chắc là không có ai qua rồi mới cẩn thận lách mình bước ra, khép cửa lại và nhằm hướng ngục Bátxti mà chạy.

Bảy tám phút trôi qua, đối với Tênácđiê là bảy tám nghìn thế kỷ. Babe, Bơruygiông, Gơlơme không hé răng nói nửa lời. Cánh cửa lại hé mở, Môngpácnát trở về mồm thở hồng hộc, Gavrốt theo sau. Trời vẫn mưa nên đường vắng ngắt.

Chú bé Gavrốt bước vào, mắt thản nhiên nhìn mấy bộ mặt kẻ cướp. Nước mưa từ trên đầu chú chảy giọt xuống. Gơlơme hỏi Gavrốt:

- Oắt! mày là một thằng người đấy chứ?

Gavrốt nhún vai đáp:

- Oắt như tớ là người, người như các chú là oắt.

- Ranh lém lắm! Babe khen.

Bơruygiông thêm:

- Ranh mà ranh Pari thì không phải ranh rơm ranh rạ đâu nhé!

- Các ông tướng cần gì? Gavrốt hỏi.

- Leo ống này. Môngpácnát đáp.

Mấy thằng kia nói tiếp nhau:

- Với cái dây.

---

(1) Người lớn. (2) Bé con.

- Và buộc dây.

- Vào đầu tường.

- Chỗ chấn song cửa.

Gavrốt hỏi:

- Rồi sao nữa?

- Chỉ vậy thôi. Gơlơme đáp.

Chú bé ngắm cái dây, cái ống khói, bức tường, các cửa sổ rồi làm một tiếng phì môi khinh thường, khó tả, có ý như nói:

- Chỉ thế thôi ư!

Môngpácnát bảo:

- Trên đó có một mạng người nhờ mày cứu sống.

Bơruygiông hỏi:

- Mày có bằng lòng làm không?

Gavrốt hình như cho câu hỏi đó quá lạ lùng. Hắn chỉ đáp: Ngốc! rồi hắn tháo giầy.

Gơlơme bốc Gavrốt một tay lên mái nhà; ván mục oằn xuống răng rắc dưới thân hình chú bé: nó đưa cho Gavrốt sợi dây Bơruygiông đã nối lại trong lúc Môngpácnát đi vắng. Chú bé tiến lại ống khói và chui vào dễ dàng nhờ một cái kẽ khá rộng ở sát mái nhà. Lúc nó sắp leo lên thì Tênácđiê thấy mình gần được cứu thoát cũng chồm người ra xem. Ánh sáng ban mai vừa thoạt đầu hiện ra soi vào cái trán nhễ nhại mồ hôi của Tênácđiê, hai gò má tím ngắt, cái mũi mỏng và nhọn có vẻ man rợ, bộ râu hoa râm lởm chởm. Gavrốt nhận ra Tênácđiê, nói:

- Ơ kìa ! cha mình đây mà.. ! cũng được thôi!

Rồi nó ngậm cái thừng, quả quyết trèo lên.

Leo tới đỉnh nhà nát, nó giạng chân cưỡi qua ngọn tường như cưỡi ngựa rồi buộc chặt thừng vào cái bậu cửa cũ.

Một lát sau Tênácđiê đã xuống đường phố.

Vừa xuống tới đất, không có gì nguy hiểm nữa thì nó cũng thấy hết mệt, không lạnh, không run. Những cảnh nguy hiểm vừa qua tan đi như mây khói, cái trí khôn kỳ quái, hiểm độc của nó bừng tỉnh, và nhởn nhơ đứng lên, sẵn sàng tiến tới phía trước. Cái câu đầu tiên của nó là thế này:

- Giờ thì chúng mình *thịt* ai đây?

Có lẽ không cần giải thích cái tiếng đã sáng nghĩa ấy, sáng một cách ghê rợn, cái tiếng bao hàm ý giết chết và ý cướp tuốt, thịt nghĩa đúng là *xé nuốt*. Bơruygiông bảo:

- Cho khéo! đứng nép cả vào đây đi. Nói ba điều bốn chuyện rồi chia tay ngay mới được. Này, ở phố Pơluymê có một vụ xem chừng hay ra phết: phố vắng, nhà trơ trọi, chấn song cửa vào vườn mục nát, và trong nhà chỉ còn có đàn bà thôi.

- Ồ! Thế thì sao lại không? Tênácđiê hỏi.

Babe đáp:

- Cái đĩ của mày, con Êpônin đã đi thăm dò.

- Nó đã đưa một chiếc bánh quy về cho con mụ Manhông, Gơlơme bảo. Ở đấy chẳng nước mẹ gì đâu!

- Cái đĩ chẳng đần độn đâu. Tênácđiê nói. Tuy vậy cũng phải đến xem sao.

- Đúng, đúng đấy, Bơruygiông nói. Phải xem lại thế nào.

Trong lúc chúng nói chuyện, chẳng đứa nào để ý đến chú bé Gavrốt ngồi trên trụ đá. Chú đợi một chốc, có lẽ đợi cho bố quay lại, nhưng đợi không được, chú xỏ giày vào chân và nói:

- Xong rồi chứ? Các ông tướng không cần tớ nữa phải không? Các tướng thoát nạn rồi. Ta đi đây. Ta phải về đánh thức hai thằng bé nhà ta dậy.

Thế rồi nó đi.

Năm người lần lượt bước ra ngoài giậu.

Khi Gavrốt đã khuất ở khúc rẽ qua con đường Khiêu vũ. Babe bấm Tênácđiê, hỏi :

- Lúc nãy mày có nhìn thằng oắt không?

- Thằng oắt nào?

- Thằng oắt đã leo lên ngọn tường đem dây lên cho mày ấy mà.

- Không nhìn kỹ lắm.

- Ồ! Tao cũng không biết cho chắc, nhưng hình như con mày đó.

- Vậy à? Tênácđiê nói - mày thấy thế ư?

Rồi hắn đi thẳng.

QUYỂN VII

TIẾNG LÓNG

I

NGUỒN GỐC

Pigritia[1] là một từ ghê gớm. Nó sinh ra cả một thế giới *la pègre*, hãy hiểu: việc trộm cắp, và cả một địa ngục *la pégrenne*,, hãy hiểu: sự đói khát.

Như vậy lười biếng là mẹ đẻ.

Nó có một con trai là trộm cắp, và một con gái, là đói khát.

Hiện chúng ta đang ở địa hạt nào? Tiếng lóng.

Tiếng lòng là gì? Nó là quốc gia, đồng thời là quốc âm; đó là một đánh cắp dưới hai hình thức, nhân dân và ngôn ngữ.

Cách đây ba mươi tư năm, khi thuật giả câu chuyện nghiêm trang và thảm đạm này đưa vào một quyển sách, viết

---

1) Cần có bản dịch trọn vẹn nên không thể bỏ qua các chương về tiếng lóng - Tuy nhiên cũng không thể tìm đủ tiếng lóng tiếng nghề nghiệp tương xứng trong ngôn ngữ Việt Nam, cho nên chúng tôi để nguyên các từ tiếng lóng đó và nghĩ nên đề chính tả của nguyên bản thì có ích cho người tìm hiểu ngôn ngữ và văn học hơn là phiên âm.

cùng một mục đích với quyển này[1], một tên ăn cắp nói tiếng lóng, thì người ta sửng sốt và la ó.

- Thế nào? sao? tiếng lóng à! Nhưng tiếng lóng thì thật là ghê tởm! Đó là ngôn ngữ của những tên khổ sai, những nhà ngục, của tất cả những cái gì khả ố nhất trong xã hội v.v...

Chúng tôi chưa bao giờ hiểu được cái lối bôi bác đó. Từ khi ấy, hai nhà tiểu thuyết lớn, một là người quan sát sâu sắc lòng người, còn một là bạn dũng cảm của nhân dân, Bandắc và Ôgien Xuy, để cho bọn kẻ cướp nói cái ngôn ngữ tự nhiên của họ, cũng như năm 1828 tác giả cuốn "Ngày cuối cùng của một người tử tù" đã làm và đã bị công kích. Người ta đã nhắc lại: "Các nhà văn muốn gì với cái thổ âm ngố ngược ấy? Tiếng lóng khả ố! tiếng lóng làm người ta ớn run!".

Ai chối cãi cái đó? Chắc là không ai.

Nhưng trong việc thăm dò một vết thương, một vực thẳm, hay một xã hội, thì đi sâu vào, đi đến tận đáy, phải đâu là tội lỗi? Chúng tôi bao giờ cũng nghĩ rằng đó là một hành vi đôi khi dũng cảm, hay ít nhất là một hành động đơn giản, tự nhiên và có ích, xứng đáng được quan tâm, thông cảm đối với một nhiệm vụ tự nguyện đã hoàn thành. Tại sao không khám phá cho hết, không nghiên cứu cho hết, tại sao dừng lại ở nửa đường? Cái sào thăm dò có thể dừng lại, người thăm dò thì không.

Tìm tòi tận đáy xã hội, nơi đất hết và bùn bắt đầu, đào mò trong những đợt sóng to lớn ấy để truy bắt, nắm lấy và ném lên đường, tung ra ánh sáng cái thổ âm hèn hạ, nhầy nhụa bùn nhơ, cái ngữ vựng nung mủ, mà mỗi từ là một đốt

(1) Quyển "Ngày cuối cùng của một người tử tù"
(Le dernier jour d' un condamné).

ô uế của một con quái vật trong bùn đen và bóng tối, thì rõ ràng không phải là một công việc quyến rũ, cũng như không phải là một công việc dễ dàng. Không còn cái gì thảm đạm hơn là ngắm nghía, sau khi đã lột trần ra như thế, dưới ánh sáng của tư duy, cái đám nhung nhúc gớm ghê của tiếng lóng. Quả vậy hình như đó là một con vật kinh khủng, tạo ra để cho bóng đêm, một con vật mà ta vừa vứt ra khỏi vũng thối. Người ta tưởng như nhìn thấy một cái búi kinh tởm, sinh động và lởm chởm, nó run rẩy, nó cử động, nó giẫy giụa, nó đòi lại bóng tối, nó đe dọa và nó giương mắt nhìn. Từ này giống như một vuốt nhọn, từ kia như một con mắt đã tắt và ngấn máu; câu nọ như đang ngọ nguậy tựa một càng cua. Tất cả những thứ đó, sống cái sinh lực ghê tởm của những con vật đã được tổ chức trong tan rã của tổ chức.

Bây giờ ta thử hỏi có lúc nào ta bị cấm chỉ nghiên cứu cái ghê tởm? từ bao giờ bệnh tật xua đuổi thầy thuốc? người ta có thể hình dung được một nhà vạn vật học mà lại đi từ chối không nghiên cứu con rắn độc, con dơi, con bọ cạp, con rết, con nhện độc, vứt lại chúng vào bóng tối của chúng và nói: Ô! xấu xí quá! Nhà tư tưởng mà quay mặt đi, tránh tiếng lóng, sẽ giống một nhà phẫu thuật quay mặt đi trước một ung nhọt, một mụn cóc. Đó sẽ là một nhà ngôn ngữ học do dự khảo sát một thực tại của ngôn ngữ, một nhà triết học do dự dò xét một sự kiện của nhân loại: Bởi vì, tiếng lóng vừa là một hiện tượng văn học, vừa là một kết quả xã hội. Tiếng lóng, căn bản là gì? Tiếng lóng là ngôn ngữ của khốn cùng.

Tới đây, người ta bắt ta dừng lại. Người ta có thể khái quát hoá một sự kiện, đôi khi đó là cách giảm nhẹ nó đi ; người ta có thể bảo chúng ta rằng mọi nghề, mọi nghiệp, có thể mọi ngẫu nhiên của hệ thống xã hội và hết thảy các hình

thức của trí tuệ, đều có tiếng lóng của nó. Người bán hàng khi nói: *Mon'pel sẵn sàng; Marseille phẩm chất tốt;* nhân viên hối đoái khi nói: *dem qua, hoa hồng, cuội tới*[1], người đánh bạc khi nói: *tiers et to't, refait de pique*, người thừa phát tại các đảo xứ Normăngđi nói: *L'affteffeur s'arratant à son fonds ne peut clamer les fruils de ce fonds pen dant la saiste héréditaie des immeubles du renoneiateur*; nhà soạn hài kịch nói: người ta đã làm vui con gấu (vở kịch đã bị huýt còi)[2], người diễn viên khi nói; *Tôi làm phòng tối* (Tôi đã diễn hỏng, mất khách); nhà triết học khi nói: *tam đồng hiện tượng*; người đi săn bắn khi nói: *votleci allais, voileci fuyant*; nhà não tướng học khi nói: *ái lục tính, chiến đấu tính, tiết niệu tính;* người lính bộ nói: *cái kèn của tôi*; người kỵ sĩ nói: *con gà Ấn của tôi;* khi thày dạy kiếm nói: *Tierce, quarte, rompez,* khi người thợ in nói: *parions batio*, thì, tất cả, thợ in, thày dạy kiếm, kỵ sĩ, bộ binh, nhà não tướng học, người đi săn, triết gia, diễn viên, kịch sĩ, thừa phát lại, tay cờ bạc, hối đoái viên, nhà buôn, đều đã nói lóng. Người họa sĩ khi nói: *monrapin*, người chưởng khế khi nói: *mon sauteruisseau*, người làm tóc giả khi nói: *mon commic*, người chữa dép khi nói: *mon gniaf*[3], đều đã nói lóng. Nói cho cùng, và nếu người ta tuyệt đối muốn như vậy, thì tất cả những cách khác nhau để trỏ bên trái, bên phải của người lính thuỷ: *bâbord* và *tribord*, của người điều khiển máy: *phía sân, phía vườn*, của người phụ việc trong nhà thờ: *phía Thi huấn, phía Phúc âm* là những cách nói

(1) Khi có từ tương đương hoặc có thể dịch thì chúng tôi chuyển ra tiếng Việt.

(2) Những câu trong dấu ngoặc đơn là của người dịch.

(3) Những từ này đều có nghĩa : "Người học trò của tôi".

lóng. Có tiếng lóng của những phụ nữ õng ẹo cũng như có tiếng lóng của những bà kiểu cách. Lâu đài Răngbuiê cũng gần kề với lều hành khất. Có tiếng lóng của những bà công tước, bằng chứng là câu này, ở trong một bức thư tình của một bà lớn đẹp thời Phục hưng: "Ông sẽ thấy trong những chuyện ngồi lê đôi mách cả một mớ những lý do để tôi phóng túng". Những mật mã ngoại giao là tiếng lóng: ở phòng Chưởng Ấn của Giáo Hoàng, khi nói 26 để chỉ *La Mã*, *grkztntgzyal* để nói *gửi đi* và abfxustgrnogrkzutuxi để thay quận công xứ Môdinơ, đã nói lóng. Những thầy lang thời Trung cổ, muốn nói cà rốt, củ cải, củ nave đã gọi là: *opponach, perfroschinum, repttlalmus, dracatholicum angelorum, postmegorum*, cũng là nói lóng. Nhà sản xuất đường khi nói: *vergeoise, têle, claircе, tape, lumps, melis, bâtarde, commum, brulé, ploque,* con người lương thiện đó cũng đã nói lóng. Một trường phái phê bình, cách đây hai mươi năm khi nói: *Một nửa Séchxpia là chơi chữ và chơi đồng âm dị nghĩa*, đã nói lóng. Thi sĩ và nghệ sĩ, với một ý thức sâu sắc, sẽ gọi ông Đờ Môngmôrăngxi là một "tư sản" nếu ông không phải người am hiểu về thơ và tượng, đã nói lóng. Một viện sĩ hàn lâm cổ điển gọi hoa là *Flore*, quả là *Pômônơ*, biển là *Néptuyn*, gọi tình yêu là *lửa nhiệt*, sắc đẹp là *mồi quyến rũ*, con ngựa là "*tuấn mã*", cái mão chương trắng hoặc tam tài là "*doá hồng của Benlon*", cái mũ có ba sừng là tam giác của *Chiến thần*, thì viện sĩ cổ điển ấy đã nói lóng.

Đại số, y học, thực vật học đều có tiếng lóng của nó. Ngôn ngữ mà người ta dùng trên tàu thủy, cái ngôn ngữ đáng thán phục của biển cả, rất đầy đủ và rất tạo hình mà Giăng Ba, Đuy Ken, Xuyphren và Đuyperê, đã nói, nó lẫn với tiếng neo, xích, với tiếng loa, với tiếng búa đụng nhau, tiếng tàu chòng

chành, tiếng gió bão đại bác, là cả một thứ tiếng lóng oai hùng và rầm rộ, nó đối với tiếng lóng hoang sơ của kẻ cắp, như sư tử đối với chó rừng.

Đành vậy, nhưng dù biện hộ thế nào đi nữa, thì cái kiểu hiểu từ nói lóng như thế là một kiểu hiểu theo nghĩa mở rộng mà không phải tất cả mọi người đều sẽ thừa nhận. Về phần chúng tôi, chúng tôi giữ cho từ ấy cái nghĩa cũ, chính xác, có phạm vi và được chỉ định, và chúng tôi giới hạn tiếng lóng trong tiếng lóng. Tiếng lóng thực sự, tiếng lóng cao độ - nếu hai từ đó có thể phối hợp - tiếng lóng từ muôn đời, đã là một vương quốc, chúng tôi nhắc lại, chính là cái ngôn ngữ xấu xí, lo âu, thâm hiểm, phản bội, có nọc, ác độc, ám muội, đê hèn, sâu sắc, bất hạnh của khốn cùng. Ở cùng cực của mọi suy sụp, và của mọi bất hạnh, có một cái khốn cùng tận đáy nổi dậy và quyết định đấu tranh chống toàn bộ những thực tại tốt số và những quyền lợi hiện hành: một cuộc đấu tranh khủng khiếp, khi gian trá, khi tàn bạo, vừa bệnh hoạn, vừa hung dữ, qua đó khốn cùng tấn công vào trật tự xã hội bằng những mũi kim châm của thối hư, tật xấu hoặc bằng những nhát chuỳ của tội ác. Để phục vụ cuộc đấu tranh này, khốn cùng đã phát sinh ra một ngôn ngữ chiến đấu, đó là tiếng lóng.

Làm cho nổi lên rồi lại nâng đỡ lên trên quên lãng, lên trên vực thẳm, một mảnh nhỏ của một ngôn ngữ nào mà con người đã sử dụng - cái ngôn ngữ luôn luôn mất mát đó - nghĩa là duy trì được một yếu tố, tốt hoặc xấu của nền văn minh, là phát triển những luận cứ của quan sát xã hội, là phục vụ nền văn minh. Nhiệm vụ ấy Plôtơ đã làm, dù muốn hoặc không muốn, khi để hai người lính thành Cáctagiơ nói tiếng xứ Phênixi, Môlie đã làm khi để cho nhiều nhân vật của mình nói tiếng Đông phương và đủ các thứ thổ âm. Ở đây,

tiếng phản đối lại nổi dậy: tiếng Phênixiêng à, tốt lắm chứ, tiếng Đông phương à, hay quá! Ngay tiếng thổ âm cũng được, đó từng là những ngôn ngữ của một nước, một tỉnh. Còn tiếng lóng? ích gì mà giữ tiếng lóng? "Làm cho tiếng lóng nổi lên" thì lợi gì?

Với cái đó, chúng tôi chỉ trả lời một câu: Đúng vậy, nếu ngôn ngữ mà một nước một tỉnh đã nói đáng quan tâm, thì có một thứ còn đáng quan tâm hơn và đáng nghiên cứu hơn, đó là ngôn ngữ của khốn cùng.

Đó là ngôn ngữ của khốn cùng ở Pháp bốn thế kỷ nay, không phải chỉ một khốn cùng, mà tất cả khốn cùng của loài người.

Chúng tôi còn nhấn mạnh điểm này: nghiên cứu những dạng xấu, những tàn tật xã hội và nêu chúng lên để sửa chữa không phải là một công việc trong đó người ta được phép kén chọn. Nhiệm vụ nhà nghiên cứu lịch sử phong tục và tư tưởng cũng nghiêm khắc không kém nhiệm vụ nhà nghiên cứu những sự kiện: sử gia sau nhìn bề mặt của văn minh, những cuộc đấu tranh của vua chúa, sự sản sinh các hoàng tử, những hôn lễ của các nhà vua, những chiến trận, những hội nghị, những vĩ nhân công chúng thừa nhận, những cuộc cách mạng giữa thanh thiên bạch nhật, tất cả cái bề ngoài. Sử gia kia nhằm cái bên trong, cái ở dưới, nhằm vào nhân dân đang lao động, đau khổ và chờ đợi, nhằm người phụ nữ bị điêu đứng, đứa trẻ hấp hối, những chiến cuộc âm thầm giữa con người và con người, nhưng hung dữ ngấm ngầm, những thành kiến, những bất công được thừa nhận, những phản ứng ngầm đối với luật pháp, những diễn tiến bí mật của tâm hồn, những rung động khó phân của đám đông, những người chết đói, những người đi chân đất, những người để cánh tay trần, những người bất hạnh, những trẻ mồ côi, những người khổ

sở và những người điếm nhục, tất cả những sâu bọ lê lết trong bóng tối. Nhà sử gia đã phải rất nhân ái đồng thời phải rất nghiêm khắc, như một người anh và một thẩm phán, đi xuống tận những căn buồng khó vào nhất trong đó bò lổm ngổm và lẫn lộn những kẻ đánh người, và những kẻ đổ máu, những kẻ khóc và những kẻ nguyền rủa, những kẻ nhịn đói và những người nhai ăn ngấu nghiến, những kẻ chịu đựng cái ác và những kẻ ác. Các sử gia của những tấm lòng và của những tâm hồn há lại kém phận sự hơn các sử gia của những thực tại bên ngoài ư? Người ta có nghĩ rằng Alighieri có ít chuyện để nói hơn Makiaven không? Cái bên dưới của nền văn minh có vì sâu hơn và tối hơn mà kém quan trọng không? Người ta có hiểu được núi khi không biết hang hay không?

Và chăng cũng nên nói qua một lần từ mấy câu trên đây, người ta có thể suy diễn là giữa hai hạng sử gia có một ngăn cách dứt khoát. Chúng tôi không hề nghĩ có cái ranh giới kiểu đó. Không ai là một sử gia tốt về cuộc sống hiển nhiên, rõ rệt và công khai của các dân tộc, nếu không là sử gia của cuộc sống sâu xa và thầm kín của họ trong chừng mực nào. Và không ai là một sử gia tốt của cái bên trong, nếu người đó không biết ghi chép lịch sử của cái bên ngoài khi cần phải thế. Lịch sử những phong tục và tư tưởng, thấm vào lịch sử những biến cố và ngược lại. Đó là hai loại thực tại khác nhau, có quan hệ với nhau và cũng có khi cái nọ làm nẩy ra cái kia. Tất cả những nét mà trời đã vạch lên bề mặt của một quốc gia đều có những nét song song âm thầm ở bên dưới, nhưng khác biệt, và tất cả những biến động dưới đây đều làm phát sinh những chấn động trên mặt. Khoa sử học chân chính chui vào khắp nơi, nhà sử học chân chính cũng xông vào khắp chốn.

Con người không phải là một hình tròn có tâm điểm duy nhất, đó là một hình bầu dục, có hai tiêu điểm. Những sự kiện là một tiêu điểm, những ý tưởng là tiêu điểm kia.

Tiếng lóng không khác gì một phòng treo áo trong đó ngôn ngữ đến để ngụy trang khi phải làm một việc xấu. Ở đó nó khoác những từ mặt nạ và những ẩn dụ tã rách.

Vì vậy nó trở thành kinh tởm.

Người ta khó mà nhận ra nó. Có phải đấy là tiếng Pháp, ngôn ngữ lớn của nhân loại? Kìa nó sẵn sàng lên sân khấu, để đáp ứng tội ác và thích ứng với mọi vai của tội ác. Nó không đi ngay nữa, nó lê lết, nó què quặt trên chếc nạng của bọn hành khất, một chiếc nạng có thể thay hình thành cái chùy: nó lấy tên là phường ăn mày nói; tất cả những yêu ma, tức là những kẻ lo về trang phục đã tô vẽ cho nó; nó bò lê và chồm dậy theo hai dáng đi của loài rắn rết; bây giờ, nó có khả năng đóng mọi vai, người làm đồ giả đã cho nó cái ám muội, người đầu độc cho nó cái sắc của rỉ đồng, kẻ đốt nhà đã quét đen bồ hóng cho nó, và kẻ sát nhân đã bôi đỏ cho nó.

Về phía những người lương thiện, họ đứng trong cánh cửa xã hội mà nghe, và họ bắt chợt được những câu đối thoại của những người bên ngoài. Người ta phân biệt những câu hỏi và những lời đáp. Người ta tri giác được, tuy không hiểu nó, một tiếng rì rầm, gớm ghiếc, vang lên hầu như giọng người, nhưng gần với tiếng rú hơn là tiếng nói. Đó là tiếng lóng. Những từ ngữ này dị dợm và đượm một nét gì cầm thú quái đản. Người ta tưởng như nghe những con mãng xà tinh chuyện trò.

Đó là cái không hiểu được trong cái tối tăm. Cái đó rít lên và thì thầm. Bổ sung cái nhá nhem bằng cái bí ẩn. Cảnh hoạn

nạn tối lắm, nhưng tội ác còn tối hơn nữa. Hai cái đen tối ấy hỗn hợp tạo nên tiếng lóng. Tối mò trong không khí, tối mò trong hành vi, tối mò trong tiếng nói. Kinh khủng là cái ngôn ngữ cóc nhảy, nó đi, nó lại, nó nhảy, nó bò, nó xùi bọt mép và nó vận động quái đản giữa đám sương mù vô biên, xám xịt, trong có mưa, có đêm tối, có đói khát, có tật xấu, có dối trá, bất công, trần trụi nghẹt thở và lạnh lẽo đông tiết, đúng cảnh giữa trưa của những người khốn khổ.

Chúng ta hãy thương những người bị trừng phạt. Than ôi! Chính bản thân chúng ta là ai? tôi là ai, đang nói với anh? anh là ai, đang nghe tôi? chúng ta từ đâu tới? và có thật chúng ta đã chẳng làm gì, trước khi ra đời? Trái đất không phải không giống với một nhà tù. Biết đau con người không là một cựu phạm trước toà án Chúa?

Hãy nhìn gần hơn vào cuộc sống. Nó được cấu tạo để đâu đâu người ta cũng cảm thấy như bị trừng phạt.

Anh có phải là một người mà ta coi là người sung sướng không? Thế mà, ngày nào anh cũng buồn bã. Mỗi ngày có cái buồn lớn và cái âu lo nhỏ của nó. Hôm qua, anh đã run sợ cho sức khoẻ của một người anh yêu quí, hôm nay, anh sợ cho sức khoẻ của chính anh, ngày mai, sẽ là một lo ngại về tiền bạc, ngày kia, lời công kích của một tên vu cáo, ngày kìa, tai nạn của một người bạn, rồi chuyện thời tiết xấu, rồi cái gì đổ vỡ hay mất mát, rồi một cuộc vui mà lương tâm và cuộc sống sẽ trách móc anh; một lần khác, diễn biến quốc sự không tốt. Không kể những vết thương lòng. Và cứ tiếp tục như thế. Một bóng mây tan, một bóng mây khác lại tụ. Trong một trăm ngày, chưa có lấy một ngày vui trọn ven và nắng suốt! Thế mà anh ở trong thiểu số những người có hạnh phúc đấy! Còn những người khác, đêm tối ngưng đọng trên năm tháng

của họ.

Những người trí óc chịu suy nghĩ ít dùng cái từ ngữ: những người sung sướng và những người khổ sở. Trong thế giới này, tiền đình tất nhiên của một thế giới khác, không có ai là sung sướng.

Nhân quần chỉ có thể phân loại như thế này : những người sáng tỏ và những người ngu tối.

Giảm số những người ngu tối, tăng số những người sáng tỏ, đó là mục đích. Vì thế, chúng tôi hét to: giáo dục! Khoa học! Học để đọc sách, là đốt lửa, mỗi âm tiết đánh vần lên là một tia sáng.

Vả lại, nói ánh sáng, không nhất thiết là nói vui vẻ. Người ta cũng có thể đau khổ trong ánh sáng, cái gì quá mức cũng đốt cháy. Ngọn lửa thiêu mất cái cánh, bốc lửa mà vẫn bay, đó là kỳ tích của thiên tài.

Khi anh biết và khi anh yêu, anh vẫn còn đau khổ. Ánh sáng xuất hiện trong nước mắt. Những người sáng tỏ khóc, ít nhất là khóc thương kẻ ngu tối.

II

CỘI RỄ

Tiếng lóng, là ngôn ngữ của những người ngu tối.

Tư tưởng xúc động trong cõi sâu xa thăm thẳm, triết học xã hội, trầm tư đau xót đứng trước cái thổ ngữ bí ẩn này, cái thổ ngữ vừa điếm nhục vừa phẫn nộ này. Ở đó, hình phạt hiện rõ. Mỗi âm có vẻ như bị đóng dấu lửa. Những từ của ngôn ngữ thông thường, xuất hiện ở đây nhăn nhúm và thành chai, dưới con dấu sắt nóng của tên đao phủ. Một số từ còn như đang bốc khói. Câu này giống như bả vai bị đóng dấu

hoa huệ của một tên trộm, đột nhiên hở trần ra. Ý tưởng gần như từ chối không để cho những danh từ đã bị kết án đó diễn đạt. Ẩn dụ của nó đôi khi quá trâng tráo đến nỗi ta có cảm giác nó đeo gông.

Vả lại, mặc dầu tất cả những thứ đó và chính nguyên nhân lại do đó, cái thổ ngữ kỳ lạ ấy vẫn có ngăn của nó trong cái tủ ngăn lớn vô tư, trong đó có chỗ cho đồng xu rỉ cũng như cho cái huy chương vàng, cái ngăn mà người ta gọi là văn học. Nói lóng có ngữ pháp và nền thơ của nó, dù người ta thừa nhận hay không. Đó là một ngôn ngữ. Nếu do chỗ xú dạng của một vài danh từ, người ta nhận đó là của Măng-đranh, thì do cái huy hoàng của mấy hoán dụ, người ta lại cảm thấy như chính Vilông (Villon) đã nói:

Câu thơ kỳ thú và nổi tiếng:

"Đâu rồi những tuyết năm xưa?"

(Mais où sont les naies d'anlan?) (1)

Là một câu thơ nói lóng. *Antăn - ante annum*(2) - là một từ nói lóng của họ nhà trộm. Nó nghĩa là *năm ngoái* và, rộng ra là *ngày xưa*. Cách đây ba mươi lăm năm, vào chuyến phát vãng tù khổ sai lớn năm 1827 người ta còn đọc được trong một ngục tối ở Bixêtrơ câu châm ngôn do một tên đại bợm khắc bằng đanh trên tường, như sau:

"Les dabs d'antan trimaient siempre pour la rierre du Coesre". Có nghĩa là: *Các nhà vua thời xưa khi nào cũng đi làm lễ đăng quan*. Trong tư tưởng "nhà vua" đó, đăng quan là đi tù khổ sai.

---

(1) Một câu thơ của Villon, nhà thơ lớn Pháp thế kỷ XV.

(2) Năm trước (tiếng latinh).

Danh từ *dêcarade* (đêcarađơ), diễn tả sự khởi hành của một chiếc xe ngựa chở nặng, phóng nước đại, đã được gán cho Villon và xứng đáng với nhà thơ. Cái từ ấy như súng nổ ở cả bốn âm, chung đúc lại, trong một từ tượng thanh oai hùng, cả một câu thơ rất đẹp của La Phôngten:

Six foris chevaux tiraient un coche

(Sáu ngựa khỏe kéo xe một cỗ)

Về phương diện thuần tuý văn học, nghiên cứu tiếng lóng có thể là kỳ thú hơn nhiều khoa khác. Đó là cả một ngôn ngữ trong ngôn ngữ, một thứ u tật bệnh, một tiếp ghép nguy hiểm. Nó đã sản sinh ra một thực vật, một tầm gửi có rễ trong cái thân gôloa[1] mà lá độc lại bò lan trên cả một cạnh của ngôn ngữ. Cái này có thể gọi là phương diện thứ nhất, phương diện thông thường của tiếng lóng. Nhưng đối với những người nghiên cứu ngôn ngữ đứng đắn, nghĩa là cũng như các nhà địa chất học nghiên cứu đất, tiếng lóng xuất hiện như một thứ phù sa. Tuỳ người ta khơi sâu nhiều ít, người ta thấy, trong tiếng lóng, bên dưới tiếng Pháp cổ bình dân, tiếng Pơrôvănxan, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Đông phương tức là ngôn ngữ của những cảng Địa-trung-hải, tiếng Anh và tiếng Đức, tiếng rô-mân[2] với ba thứ: rô-mân Pháp, rô-mân Ý, rô-mân rô-mân, tiếng latinh và sau hết, tiếng Baxcơ (basque) và tiếng Xenlơ (celte). Cấu tạo sâu sắc và kỳ lạ. Một toà nhà ngầm dưới đất, do tất cả những kẻ khốn khổ xây dựng. Mỗi một giống loại bị nguyền rủa đã đặt ở đó tầng lớp của mình; mỗi đau khổ đã để rơi vào đó hòn đá của mình; mỗi

(1) *Gaulois*: thuộc về xứ Gaule, tức là đất Pháp ngày xưa.

(2) *Roman*: ngôn ngữ bình dân ở một xứ do người La Mã xưa (Romains) chinh phục, gồm có ngôn ngữ địa phương ghép với tiếng latinh.

trái tim gớp hòn cuội của mình. Một đám đông những tâm hồn xấu xa, hèn thấp hoặc bực tức, đã trải qua cuộc sống và đã biến vào trong vĩnh cửu, đều hiện diện ở đó hầu như nguyên vẹn, và có thể nhìn thấy dưới hình thái một từ quái đản.

Người ta muốn tiếng Tây Ban Nha chăng? Tiếng lóng cổ thời gô-tích (gothique) đầy rẫy - Đây *boffette*, ống bễ do *bofton* mà ra; *vantane* cửa sổ (sau thành *vanterne*) do *vantana; gat*, con mèo, do *gato: acile*, dầu, do *aceute*.

Người ta muốn tiếng Ý chăng? Đây *spade*, thanh gươm do *spada*; *carvel*, tàu thủy, do *cara ella*.

Người ta muốn tiếng Anh? đây *bichot*, giám mục, do *bishop; raille*, gián điệp, do *rascal, rascalion, coquín*; *pilche*, túi đựng, do *lileher*, bao vỏ.

Người ta muốn tiếng Đức? Đây *caleur*, đứa con trai, *ke'lnor*; le *hers*, ông chủ, do chữ *herzog* (quận công).

Người ta muốn tiếng la tinh? Đây *frangir*, bẻ gãy, *frangere; affurer*, ăn cắp, *fur; cadcne*, xiềng xích, *ca dena*.

Có một tiếng xuất hiện trong mọi ngôn ngữ của lục địa, với một thế lực và quyền lợi huyền bí, đó là từ *magnus*. Xứ Ecốtxơ chế tạo nó ra tiếng *moc*, chỉ người chủ bộ lạc, như Mac Farlane, Mac-Callummore[1] là Phác-lan (Farlane) vĩ đại, Ca-luy-mo (Callummore) vĩ đại. Magnus đã tạo ra từ *meck*, và ít lâu sau, từ *meg*, nghĩa là Thượng đế.

Người ta muốn tiếng Baxcơ? Đây *gahisio*, quỉ sứ, do *gaiztoa*, xấu; *sorgabon*, chào ban đêm, do *gabon*, chào buổi chiều.

---

(1) Tuy nhiên. phải thấy mạc trong tiếng Xen-tơ (celte) lại có nghĩa là con trai (chú thích của tác giả).

Người ta muốn tiếng Xen-tơ? Đây *biavin*, khăn tay, do *blavet*, nước vọt ra; *miênesse*, đàn bà (nghĩa xấu), do *menec*, tức là đầy đá; *barant*, suối, do *Banranton*, giếng nước: *goffeur*, thợ khoá, do *goff*, thợ rèn; *guédouz; cái chết, do guenndu* trắng đen.

Cuối cùng bạn muốn lịch sử chăng? Tiếng lóng gọi đồng tiền ê-kuy là *moltaise*, vì người khổ sai nhớ lại đồng tiền trên những chiến thuyền mà họ phải chèo ở xứ Man-tơ.

Ngoài những nguồn gốc ngôn ngữ học vừa nêu, nói lóng còn có những cội rễ khác, tự nhiên hơn nữa, có thể nói, xuất phát từ lý trí con người.

Thứ nhất sự sáng tạo trực tiếp ra từ. Đó là điều huyền bí của các ngôn ngữ. Diễn tả bằng những từ có hình ảnh. Những hình ảnh đó, chẳng biết bằng cách nào và tại sao các từ lại có được. Đó là cái vốn sơ khai của mọi ngôn ngữ nhân loại, cái mà người ta có thể gọi là đá hoa cương. Tiếng lóng đầy rẫy những từ loại đó, những từ trực tiếp, hoàn toàn sáng tạo, chẳng biết ở đâu, do ai, không từ nguyên, không loại suy, không dẫn xuất, những từ trơ trọi, mạn rợ, đôi khi xấu xí. Chúng nó có một khả năng diễn đạt kỳ lạ và sống mãi. Như đạo phủ, *le taule*, - rừng, *sabri*; - sợ chạy trốn, *taf*, - đầy tớ, *larbin*; - tướng quân, quận trưởng, thượng thư, *pharos*; quỉ sứ, *rabouin*.

Những từ đó lạ hơn gì cả, vừa che giấu, vừa chỉ rõ. Có những từ, như *rabouin* chẳng hạn, vừa kỳ cục, vừa ghê gớm, và giống như cái nhăn mặt của các khổng lồ một mắt.

Thứ hai, phép ẩn dụ. Đặc tính của một ngôn ngữ muốn nói hết mà lại giấu hết, là rất phong phú về hình ảnh. Ẩn dụ là một bí quyết trong đó ẩn nấp anh kẻ trộm đang âm mưu một chuyến, anh tù nhân đang tính cách vượt ngục. Không

một thổ ngữ nào nhiều ẩn dụ hơn tiếng lóng, - *Dévisser le coco* (vặn ốc quả dừa) là vặn cổ; - *tortilier* (xoắn) là ăn; - *être gerbé* (bị bó lúa) là bị xử án; -*un rat* (con chuột) là tên ăn cắp bánh mì; - *in lansquine* (trời vác giáo) trời mưa, một hình ảnh cổ đập vào mắt và như mang cả niên kỷ trên nó, đồng hoá những vệt dài và xiên chéo của mưa với những ngọn giáo dày đặc và nghiêng nghiêng của bộ binh Đức ngày trước; từ ấy thâu tóm hoán dụ của nhân dân: *il pleut des hal'ebardes* (thương kích như mưa). Đôi khi, khi mà tiếng lóng tiến từ thời kỳ thứ nhất sang thời kỳ thứ hai, các từ cũng qua tình trạng man rợ và sơ khai, sang ý nghĩa của hình ảnh. Con quỉ sứ thôi không là *rabouin* nữa mà thành anh *bontanger* (thợ làm bánh mỳ), tức người cho tuốt vào lò nướng. Có tài hoa hơn, nhưng kém vĩ đại: một cái gì như Raxin sau Cornây, như Ôripít, sau Etsinlơ. Một đôi câu tiếng lóng lại đứng ở cả hai thời kỳ và vừa có tính chất man rợ, vừa có tính chất ẩn dụ; giống như ảo giác, - *Les sorgueurs vont sollicer des gails à la lune* (các chú mò đêm chờ tối là ăn trộm ngựa). Cái đó kéo qua trong trí, như một toán bóng ma. Người ta không biết đã nhìn thấy những gì.

Thứ ba, mưu thuật. Tiếng lóng sống trên ngôn ngữ. Nó dùng ngôn ngữ tuỳ thích, lấy ở ngôn ngữ tuỳ ngẫu nhiên, nó thường giới hạn ở chỗ thay đổi ngôn ngữ đi một cách sơ sài và thô thiển. Đôi khi, với những từ thông dụng, làm lệch lạc đi như vậy và phức tạp hoá thêm bằng những tiếng lóng thuần tuý, nó cấu tạo ra những từ ngữ rất gợi hình, trong đó người ta thấy trà trộn hai yếu tố trên là sáng tạo trực tiếp và hoán dụ - *leca' jaspine, je marronne que la rou'otle de Pantin trime dans le sabri* (con chó cắn, tôi nghĩ rằng chuyến xe hàng từ Pari đang qua rừng). - *Le dab est sinxe, tadabugest merlousère la fêe est batire* (lão tư sản ngu, mụ tư sản láu,

con bé tư sản đẹp). Thường khi, để đánh lạc hướng những người nghe, tiếng lóng chỉ thêm vào ở tất cả mọi từ của ngôn ngữ thường một cái đuôi ti tiện, một vĩ âm *aille, orgue, ierque hoặc uche*. Như: *Vousiergue trouvaille bonorgue ce gigotmuche*? Anh thấy đùi cừu này ngon à? Đó là câu mà Cáctút nói với một người giữ cửa ngục để biết số tiền mình đưa có đủ để hấn cho mình chuồn không - Vĩ âm *nar*, mãi gần đây mới được thêm vào.

Tiếng lóng, là thổ ngữ của thối nát, nên cũng chóng thoái hoá. Ngoài ra, vì ngôn ngữ đó luôn luôn tìm cách lẩn trốn, cho nên khi vừa thấy người ta hiểu thì nó biến dạng đi. Trái lại với mọi thứ thực vật khác, mỗi tia sáng rọi vào đâu giết chết ở đó ngay. Vậy nên tiếng lóng không ngừng tan ra và không ngừng cấu tạo, một công trình âm thầm và cấp tốc, không bao giờ dừng lại. Trong khoảng mười năm, nó đi những bước dài hơn ngôn ngữ trong mười thế kỷ. Như *larton* (bánh mì) trở thành *lartif*; *gail* (con ngựa) thành *gaye fertanche* (rơm) thành *fertile*, *momignard* thành *moinucque*(1), *siques* (áo rách) thành *frusques; chique* (nhà thờ) thành *egrugeoir; colabre* (cái rổ). Quỉ sứ, đầu tiên gọi là *gahhislọ*, sau là *rabouin*, sau nữa thành *boutanger*; giám mục gọi là *ratichon*, sau gọi *sa giler* (lợn rừng) con dao găm là *vingt-deux* (hai mươi hai) sau là *surin*, rồi *lingre*; những nhân viên cảnh sát gọi là *railles*, sau là *rousins*, sau là *rousse*, sau nữa là bọn bán dây dải, rồi *coqueurs*, rồi *cognes* (cớm); đao phủ thủ gọi *taule*, sau là *charlot*, rồi *aligeur*, rồi đến *beequillard*. Ở thế

(1) Đoạn này tác giả có ghi nghĩa bằng tiếng phổ thông trong dấu ngoặc đơn - Riêng từ này không ghi chú. *Momignara monacque* là cháu. do từ bình dân *môme* (trẻ con) mà ra.

kỷ 17, đánh nhau gọi là *cho nhau hút thuốc lá*. Ở thế kỷ 19, gọi là *nhại mõm nhau*. Giữa hai từ ngữ ở hai đầu đó, có hai mươi từ khác kế chân nhau. Nếu Cáctút nói với Laxơne, Laxơne sẽ cho là Cáctút nói tiếng Êbrơ[1]. Tất cả những từ của cái ngôn ngữ này luôn luôn lẩn trốn như những người sử dụng nó.

Tuy nhiên, đôi khi lại chính do chuyển động này mà tiếng lóng cũ lại tái xuất và trở thành mới - Nó có những thị trấn của nó, ở đó nó được duy trì. Nhà ngục Tăngpơlơ còn giữ tiếng lóng của thế kỷ 17. Viện Bixêtrơ, khi còn là nhà tù, giữ tiếng lóng của phường trộm. Ở đấy, người ta nghe được vĩ âm *anche* của những dân trộm cũ - *Boyanches-tu*? (Mày uống không?) *Il croyanche* (nó tin). Tuy nhiên sự biến động không ngừng vẫn là qui luật.

Nếu nhà triết học có thể cố định lại một thời khắc để quan sát cái ngôn ngữ luôn bốc hơi đó, thì ông ta sẽ thấy mình mắc vào những trầm tư đau lòng nhưng bổ ích. Không một khoa nghiên cứu nào lại có tác dụng giáo dục, và phong phú về tính chất giáo dục hơn. Không một hoán dụ, không một từ nguyên nào của tiếng lóng mà chẳng chứa đựng một bài học. Giữa những con người ấy *đánh* nghĩa là *giả vờ*, người ta *đánh* một bệnh. Xảo trá là sức mạnh của họ.

Đối với họ, cái ý niệm con người không rời khỏi ý niệm bóng đen. Đêm, gọi là *sorgue*, người gọi là *orgue*. Con người là một thuộc phẩm của đêm tối.

Họ đã có cái thói quen coi xã hội là một môi trường làm chết họ, một sức mạnh tàn nhẫn. Và họ nói đến tự do của họ

(1) Nói tiếng Êbrơ (parler hébreu) thành ngữ. có nghĩa là nói một thứ tiếng mà người ta không hiểu, hoặc nói gì quá khó hiểu (Hébreu; tên xưa chỉ người Do Thái).

như người ta nói đến sức khỏe của mình. Một người bị bắt là một *người ốm*, một người bị kết án là một *người chết*.

Đối với một tù nhân giữa bốn bức tường đá chôn vùi mình, không có gì kinh khủng cho bằng một sự tiết giới lạnh lùng như băng giá, họ gọi ngục tối là *castus* (nơi tuyệt dục). Trong chốn sâu thẳm đó, đời sống bên ngoài hiện ra luôn luôn với vẻ tươi tắn nhất của nó. Ngoài tù nhân mang xích sắt ở chân; có lẽ anh tưởng họ nghĩ đến đôi chân để đi chăng? Không. Họ nghĩ đến đôi chân để nhảy múa. Vì vậy, khi mà họ cưa được những xích sắt đó, ý nghĩ đầu tiên của họ là bây giờ họ có thể nhảy múa, và họ gọi cái cưa là một *bastringue* (điệu vũ ở tửu quán). Một cái *tên gọi* là một *trung tâm*, thật là một đồng hoá sâu sắc. Tên kẻ cướp có hai cái đầu : Một cái để suy nghĩ về những hành động của hắn, cái này điều khiển nó suốt đời, một cái đầu khác ở trên vai nó ngày chết ; hắn gọi cái đầu khuyên bảo nó phạm tội là *la sorbonne*[1] và cái đầu đền tội là *la tronche*.

Khi người ta chỉ còn những tã rách trên thân thể và những thối xấu trong trái tim, khi người đó đã tới chỗ sa đọa cả về vật chất lẫn tinh thần, hai thứ mà tiếng *gueux* bao hàm trong hai nghĩa của nó,thì người đó đã chín mùi để phạm tội. Người đó như con dao đã mài sắc. Con dao đó có hai lưỡi là quẫn bách và độc ác. Vì vậy mà tiếng lóng không nói "một thằng *gueux*" mà nói một thằng *re uisé* (mài lại). Thế nào là một nhà lao? một lò than hồng để hoả thiêu, một địa ngục. Cho nên người bị tội khổ sai được gọi là *fogot* (bó củi). Sau hết, những kẻ gian ác đã cho nhà tù cái tên nào? Tên *trường học*. Cả một lý thuyết

(1) Tên một trường đại học nổi tiếng ở Pari.

về tổ chức cải hối có thể do cái từ này gợi ra.

Người ăn trộm cũng có "thịt cho đại bác" của mình có cái chất có thể lấy trộm, nghĩa là anh, tôi, bất cứ ai đi qua; đó là *pantre* (*Pan:* cả mọi người).

Bạn có muốn biết do đâu mà nảy nở những bài hát ở nhà tù, những điệp khúc mà từ vựng chuyên môn gọi là *lirlonfa;* Hãy nghe sau đây:

Ở ngục Satơlê của thành phố Pari có một cái hầm dài. Hầm đó xây sâu dưới đất ngót ba mét, dưới mực nước sông Xen. Hầm không có cửa sổ, cửa thông hơi, lỗ hở duy nhất là cái cửa ra vào. Con người có thể vào trong đó, còn không khí thì không. Trần hầm là một cái vòm bằng đá, và sàn là ngót ba mươi phân bùn. Trước kia, có lát gạch. Nhưng nước rỉ đã làm gạch thối và nứt nẻ. Cách mặt đất hai mét rưỡi, một chiếc dầm gỗ dài, đồ sộ, bắc xuyên qua cái hầm ngầm đó, suốt chiều ngang. Từ trên chiếc dầm đó từng quãng, rủ xuống những dây xích dài khoảng trên một mét, ở các đầu xích có những chiếc gông cổ. Người ta cho vào hầm ấy những người bị kết tội khổ sai, chờ ngày cho đi Tulông. Người ta đẩy họ vào dưới cái dầm, ở đó xiềng và gông sắt đu đưa trong bóng tối chờ họ. Xiềng xích như cánh tay buông thõng, và gông cổ như bàn tay mở xoè tóm lấy cổ họ. Người ta tán đinh các xiềng gông rồi để họ tại đó. Cái xích ngắn quá, họ không thể nằm. Họ không cựa được trong hầm ấy, trong đêm tối ấy dưới cái dầm nhà ấy; họ gần như bị treo cổ; họ phải cố gắng không tưởng tượng được mới với nổi miếng bánh hay vò nước; vòm đá trên đầu, bùn đến lưng chân cứt đái của mình chảy ròng xuống khuỷu chân, xác rời rã vì mệt nhọc, hông và đầu gối khuỵu xuống, tay bám vào xiềng xích để nghỉ ngơi, ngủ thì chỉ ngủ đứng, và mỗi lúc lại phải thức dậy vì gông làm nghẹt cổ. Một số người không bao giờ thức dậy nữa. Để ăn họ lấy

gót chân đưa miếng bánh lần theo xương ống chân lên tới tay họ, cái miếng bánh người ta vứt xuống bùn cho họ. Họ phải ở như vậy trong một thời gian bao nhiêu lâu? Một tháng, hai tháng, đôi khi sáu tháng, có một người ở đến một năm. Đó là phòng chờ để xuống tàu khổ sai. Bắt trộm một con thỏ rừng của nhà vua cũng đủ để bị nhốt vào đó. Trong cái địa ngục nhà mồ đó, họ đã làm gì? Cái có thể làm trong một phần mộ, là nuối chết, và cái có thể làm trong một địa ngục, là ca hát, bởi vì ở đâu không còn hy vọng thì vẫn còn tiếng hát. Ở vùng biển gần đảo Mantơ, khi một tàu khổ sai tới gần, người ta nghe thấy tiếng hát trước tiếng mái chèo. Người săn bắn trộm đáng thương Xuyavanhxăng đã từng ở nhà tù hầm Satơlê, nói: *Chính những vần thơ đã nâng đỡ tôi.* Thơ vô ích. Văn để làm gì? Chính từ cái hầm đó đã xuất hiện hầu hết các bài hát tiếng lóng. Chính cái ngục tối Găng Satơlê ở Pari đã đẻ ra cái điệp khúc não ruột trên chiến thuyền khổ sai Mônggômêri *Timalum deno. Timulamidông*. Phần lớn những bài hát đó thê thảm; có một số bài vui; một bài tình tứ.

Ixicay (nơi đấy) là sân khấu.
Cửa chú bé bắn cung[1]

Anh làm gì thì làm, cũng không tiêu diệt được cái vĩnh viễn còn lại trong trái tim con người là tình yêu.

Trong cái thế giới của những hành động mờ ám này, người ta giữ bí mật cho nhau. Bí mật là của tất cả mọi người, bí mật với những khốn khổ này, là cái thống nhất dùng làm cơ sở đoàn kết. Làm mất bí mật, là rứt mối thành viên của cái đoàn thể hung dữ này khỏi một cái gì của bản thân nó. Cáo

(1) Tức Cupidon, thần ái tình, biểu hiện bằng một em bé có cánh, cầm cung tên.

giác, trong ngôn ngữ mạnh mẽ của tiếng động, gọi là: *ăn miếng*. Có ý nói người cáo giác đã kéo về mình một chút chất của toàn thể, và tự nuôi dưỡng bằng một miếng thịt của mỗi người.

Bị một cái tát là gì? Ẩn dụ sáo cũ là: *C'est voir trente six chandéles* (nhìn thấy ba mươi sáu ngọn nến[1]. Ở đây nói lóng đã can thiệp vào và chữa lại: *Chandelle, camoufle* (nến, mõm) và từ đó, ngôn ngữ thông dụng tạo một từ đồng nghĩa cho "cái tát" là *camouflet* (mõm nhỏ). Như vậy, bằng một lối thâm nhập từ dưới lên trên qua ẩn dụ, tiếng lóng đã leo từ hang hốc lên đến viện hàn lâm; và Pulayê khi nói *J'allume ma camoufle* (tôi thắp cái mõm của tôi) đã làm cho Vônie viết ra câu: "*Langleviel La Beaumel'e merite cant camouflets*" (Lăngloviên La Bômenlơ đáng một trăm cái tát).

Mỗi bước đào bới trong tiếng lóng là một khám phá mới ; nghiên cứu và khai thác sâu thổ âm kỳ lạ ấy dẫn đến giao điểm huyền bí giữa cái xã hội chính thức và cái xã hội bị nguyền rủa.

Tiếng lóng là lời nói đã trở thành tội phạm khổ sai.

Cái nguyên lý tư duy của con người mà bị dồn xuống thấp đến thế, mà bị kéo lê và trói buộc bởi những bức bách tối tăm của định mệnh, mà bị ràng buộc chẳng biết bởi những sợi dây nào vào vực thẳm ấy, điều đó khiến cho người ta sửng sốt.

Ôi! Cái tư duy đáng thương của những người khốn khổ!

Than ôi, có ai đến chăng để cứu giúp linh hồn của con người trong bóng tối ấy? Số phận của nó có phải là ở đấy mãi

(1) Như từ Việt : nổ đom đóm mắt.

chờ đợi thiên thần đến giải phóng, người kỵ mã vĩ đại của bao nhiêu trảo mã và dực mã, người chiến sĩ màu bình minh từ trời xanh bay xuống giữa đôi cánh, người hiệp sĩ huy hoàng của tương lai?

Linh hồn ấy có phải luôn hoài công cầu cứu ngọn thương ánh sáng của lý tưởng? Linh hồn ấy, có bị buộc phải luôn nghe và thấy cái Ác đi tới một cách kinh khủng, giữa cái dày đặc của vực thẳm, và thấy thấp thoáng, ngày càng gần thêm với mình, dưới làn nước ghê tởm, cái đầu dữ tợn, cái mõm đang sùi bọt, và cái cồn cồn uốn khúc của móng vuốt, của đốm khoanh? Có phải linh hồn cứ ở mãi đó, không một ánh sáng mập mờ, không hy vọng, kế cận con quái vật đã đánh hơi thấy mình, một kế cận ghê gớm, qua đó linh hồn giống như một nàng Ăngđrômét, run rẩy, dựng ngược tóc, vặn vẹo tay, vĩnh viễn cột vào hòn đá của đêm tối, Ăngđômét âm thầm, trắng nuột, khoả thân trong bóng tối.

III

TIẾNG LÓNG KHÓC VÀ TIẾNG LÓNG CƯỜI

Như người ta đã thấy, toàn bộ tiếng lóng, tiếng lóng cách đây bốn trăm năm cũng như tiếng lóng ngày nay thấm sâu cái tinh thần tượng trưng âm thầm nó ban cho mọi từ, khi thì một dáng xót xa, khi thì một vẻ đe dọa. Người ta cảm thấy ở trong đó cái buồn xưa hung hãn của những người hành khất ở xóm Ăn mày, họ đánh bài với những con bài riêng của họ, mà mấy con đã lưu cho đến thời chúng ta Cọn tám chuộn (trefle), chẳng hạn, biểu hiện một cây lớn, có tám lá to tướng chẻ ba, một kiểu nhân cách hoá rừng cây kỳ lạ. Dưới chân

cây đó có ba con thỏ rừng đang dùng xiên quay một người đi săn trên đống lửa, đằng sau, trên một ngọn lửa khác, một cái nồi bốc khói nghi ngút, có đầu một con chó thò ra. Còn có gì ảm đạm hơn là những cách trả đũa bằng tranh vẽ trên một bộ bài như vậy, trước cảnh những giàn củi để thiêu bọn buôn lậu, và cái nồi xúpde để luộc những người làm bạc giả. Những hình thức khác nhau mà tư duy đã khác trong vương quốc tiếng lóng, ngay đến cả bài hát, câu chế riễu, lời đe dọa đều có cái tính chất bất lực và bị đè nén đó. Tất cả những bài hát, mà mấy khúc diệu đã sưu tầm được, thật tự ti và thê thảm đến rớt nước mắt. Trong các khúc hát đó tên ăn trộm được gọi là tên trộm tội nghiệp, và nó luôn luôn như con thỏ rừng ẩn nấp, con chuột chạy trốn, con chim xa bay. Không chút dám hỏi đòi, nó chỉ đành than thở, một trong những tiếng rên rỉ ấy đã vọng đến chúng ta ngày nay: *Jen'entrave que le dail comment meck, le daron des orgues, peul; atiger ses mômes et ses momignards et les loeher eriblant sans être atigé luiméme* (tôi không hiểu sao Thượng đế, cha của loài người, lại có thể giày vò con cháu mình, và nghe thấy chúng kêu mà tự mình chẳng thấy giày vò) - Người khốn khổ mỗi khi có thời gian suy nghĩ thì tự hạ mình trước pháp luật và thu hình trước xã hội, nó nằm úp bụng xuống, nó van nài, nó kêu gọi lòng xót thương, người ta cảm thấy nó biết rằng nó có lỗi.

Vào khoảng giữa thế kỷ vừa qua, có một biến đổi. Những bài hát của lao tù, những điệp khúc của trộm cắp đã có thể nói là có một dáng dấp hỗn xược và vui vẻ. Điệu *maluré* than văn được thay bằng điệu *larifla*. Ở thế kỷ 18, người ta thấy trong những bài hát của tù ở chiến thuyền lao dịch, ở nhà ngục khổ sai một niềm vui ma quái và khó hiểu. Người ta

nghe thấy ở đó cái điệp khúc nó rít lên và chập chờn như có một ánh lửa lân tinh soi sáng và có lẽ do một chú ma trơi thổi ống định làm vang dội giữa rừng:

Mirlababi, surlababo,
Mirliton ribon, ribette,
Surlababi, mirlababo,
Mirliton ribon ribo.

Điều đó họ hát lên trong khi chọc tiết một người trong hầm kín hoặc ở một xó rừng.

Một triệu chứng nghiêm trọng. Ở thế kỷ 18, cái sầu não xưa của những tầng lớp ủ ê đó đã tan biến. Những tầng lớp ấy bắt đầu cười. Chúng chế riễu *meg* (Chúa) vĩ đại và *dab* (ông tư sản) vĩ đại. Vì Luy XV, họ gọi vua nước Pháp là "hầu tước đơ Păngtanh (con rối)". Đấy, họ gần như vui vẻ. Một thứ ánh sáng nhẹ nhàng đã toát ra từ những người khốn khổ đó, như lương tâm họ nhẹ nhõm, không gì đè lên. Những bộ lạc thảm thương của bóng tối không những đã có cái táo bạo vô tư lự của lý trí. Triệu chứng họ đã mất cái mẫn cảm phạm tội, và họ đã cảm thấy, ngay ở những nhà tư tưởng và những nhà mặc tưởng, những chỗ dựa vô ý thức của mình. Dấu hiệu là trộm cắp và cướp bóc bắt đầu thẩm lậu vào các học thuyết, nguỵ biện thuyết để tự mình bớt xấu xa chút ít, lại gieo rắc xấu xa khá nhiều vào các học thuyết, nguỵ biện thuyết đó. Cuối cùng, dấu hiệu là, nếu không có gì làm lạc hướng thì sẽ nở ra một cái gì phi thường và cấp bách.

Chúng ta hãy dừng lại một lát. Chúng ta buộc tội ai đây? Thế kỷ 18 ư? Hay là cái triết học của nó? Chắc là không. Sự nghiệp của thế kỷ 18 lành mạnh và tốt. Những nhà bách khoa, đứng đầu là Điđơrô, các nhà theo chủ nghĩa trọng non, đứng

đầu là Tuyếcgô, các nhà triết học, đứng đầu là Vonte, các nhà không tưởng, đứng đầu là Rútxô, đó là bốn đội quân đáng sùng kính. Bước tiến vô cùng lớn lao của nhân loại lên ánh sáng là nhờ họ. Đó là bốn đội tiền phong của nhân loại tiến tới bốn phương của tiến bộ, Điđorô về cái đẹp, Tuyếcgô về cái có ích. Vonte về chân lý. Rútxô về công bình. Nhưng, bên cạnh và bên dưới có các nhà nguỵ biện, giống cây độc trà trộn vào loại thực vật phát triển lành mạnh, là cây ngón trong rừng hoang vu. Trong khi mà tên đao phủ thiêu trên thềm lớn của Toà Án tối cao những cuốn sách giải phóng thế kỷ, nhiều nhà văn nay bị lãng quên đã cho xuất bản, với đặc ân của nhà vua không biết bao nhiêu là áng văn, phá hoại tổ chức một cách lạ lùng, và được những người khốn khổ khao khát đọc. Vài cuốn trong những xuất bản phẩm đó - điều lạ lùng - được một vương tước đỡ đầu ngày nay còn tìm thấy trong *Thư viện bí mật*. Những sự kiện này có ý nghĩa sâu sắc, nhưng không ai biết, vì không hiện lên ở bề mặt. Đôi khi, chính cái mập mờ của sự kiện tạo nên nguy hiểm. Nó mập mờ bởi vì nó ngầm dưới đất. Trong tất cả những nhà văn đó, người có lẽ đã khơi sâu trong quần chúng cái hành lang nguy hiểm nhất ấy, là Rétxtíp đơ la Broton.

Cái việc họ làm, diễn ra trên toàn châu Âu, đã gây tai hại ở Đức hơn ở đâu khác. Ở Đức, trong một thời kỳ nào đó, nó được Sile diễn tả gọn trong vở kịch "Kẻ cướp". Trộm cắp, cướp bóc đã đứng dậy, chống đối lại tư hữu và lao động, vì đã tiêm nhiễm một số những tư tưởng sơ đẳng, sai lầm, có vẻ đúng nhưng thực chất thì vô lý. Trộm cướp đã quấn vào mình những tư tưởng đó, chúng như ăn ngập vào bên trong, chúng mang một tên gọi trìu tượng, chuyển thành lý thuyết, rồi bằng

cách đó lưu truyền trong đám quần chúng lao động khổ đau và lương thiện, ngay những nhà hoá học, dại dột đã chế ra thứ thuốc hỗn tạp đó không biết nó đã lan sâu rộng như vậy, lại ngay đám đông dùng thuốc đó cũng không biết nốt. Một sự kiện nào loại đó xảy ra cũng đều nghiêm trọng. Đau khổ gây nên phẫn nộ và khi các tầng lớp thịnh vượng bị mù quáng hoặc ngủ gà - đằng nào cũng là nhắm mắt - thì sự hằn thù của các tầng lớp khốn khổ lại nhen lửa nhờ ở một đầu óc yếm thế và không thăng bằng đang mơ mộng ở một xó nào và đâm ra nhận xét xã hội. Mà khi hằn thù nhận xét thì quả là ghê gớm!

Nếu thời đại lại gặp vận hạn thì từ tình hình nói trên sẽ nảy sinh những biến động ngày xưa gọi là *loạn cùng dân*. Bên cạnh loạn cùng dân, các biến động đơn thuần chính trị chỉ là trò trẻ. Loạn cùng dân không còn là sự đấu tranh của người bị áp bức chống người áp bức. Nó là sự nổi dậy của quần bách chống sùng túc yên vui. Lúc đó tất cả sẽ sụp đổ.

Những nổi dậy của dân cùng là những trận địa chấn dân tộc.

Cuối thế kỷ 18, cái nguy cơ này hình như đến rất gần, nhưng cuộc cách mạng Pháp, cái hành động trung thực lớn lao đó, đã chặn đứng nó lại.

Cách mạng Pháp là lý tưởng cầm gươm, cách mạng Pháp đứng lên và bằng một động tác đột ngột đã vừa đóng cửa ác vừa mở cửa thiện. Cách Mạng Pháp đề xuất vấn đề, công bố chân lý, xua tan uế khí, khai quang thế kỷ, đặt vương miện lên đầu nhân dân.

Có thể nói nó đã sáng tạo ra con người một lần thứ hai và cho con người một linh hồn thứ hai của nhân quyền.

Thế kỷ 19 thừa kế và hưởng thụ sự nghiệp của cách mạng Pháp và ngày nay, cái tai họa xã hội mà chúng tôi vừa nói đến không thể xảy ra. Tố cáo nó là mù quáng! Sợ hãi nó là

ngây ngô! Cách mạng là thuốc tiêm ngừa loạn cùng dân.

Nhờ có cách mạng, những điều kiện xã hội đã thay đổi. Các bệnh tật phong kiến và quân chủ không còn trong máu chúng ta nữa. Trong cơ thể của chúng ta không còn mầm bệnh trung cổ. Chúng ta không còn ở thời mà những đám đông dễ sợ từ nội bộ nổ bùng ra, mà dưới chân ùn ùn một tiếng động trầm trầm không rõ dạng, mà trên bề mặt của văn minh xuất hiện những mô, ổ của chuột chù, mà đất nứt rạn, miệng hang mở toác, từ dưới sâu vọt lên những cái đầu quái đản.

Ý nghĩa cách mạng là một ý nghĩa đạo đức. Ý thức quyền lợi phát triển, làm phát triển ý thức nhiệm vụ. Luật chung của mọi người là tự do, tự do của ta giới hạn ở chỗ tự do của kẻ khác bắt đầu, theo định nghĩa đáng phục của Rôbexpie. Từ năm 89, toàn dân giãn nở ở cá nhân tinh hóa. Không có kẻ nào có quyền lợi mà không có ánh quang minh dù kẻ ấy nghèo. Tên chết đói vẫn cảm thấy trong người mình có chất lương thiện của nước Pháp. Phẩm giá của người công dân là lớp áo giáp xoay vào trong. Ai tự do thì thận trọng. Ai bỏ phiếu bầu cử, người ấy trị vì. Do đó mà có đức liêm chính ; do đó mà những háo hức không lành mạnh phải rụng rơi non yếu. Do đó mà trước sự cám dỗ, con mắt khép lại một cách dũng cảm.

Công cuộc khai quang của cách mạng lớn lắm, lớn đến nỗi những ngày giải phóng, ngày 14 tháng 7, ngày 10 tháng 8 chẳng hạn, quần chúng không còn là đám đông thô bạo. Tiếng thét đầu tiên của những quần chúng được soi sáng và không ngừng tăng số là: "diệt trừ trộm cướp !" Tiến hoá là người lương thiện. Lý tưởng và tuyệt đối không che mặt lại đâu.

Năm 1848 ai đã hộ tống những xe bảo vật của điện Tuylơri? Đó là những người nhặt giẻ ở ô Ăngtoan. Tã rách canh gác cho kho tàng như vậy đó, và đạo đức đã làm cho những kẻ khố rách ấy trở nên lộng lẫy. Trên những xe tải đó, trong mấy cái hòm đóng đối, có cái hở cả ra, có hàng trăm hộp tư trang rực rỡ; giữa các hộp đó, có cả cái vương miện cũ của nước Pháp, nạm toàn kim cương, trên có hồng ngọc của nhà vua, cả nhiếp chính, trị giá ba mươi triệu. Họ đi chân đất mà bảo vệ vương miện đó.

Vậy là không còn "loạn cùng dân" nữa. Tôi lấy làm bực bội hộ cho những kẻ khôn ngoan. Đó là món lo sợ cũ đã gây tác dụng cuối cùng rồi, không có thể đem ra đầu cơ chính trị được nữa. Cái lò xo của bóng ma đó đã gãy rồi. Bây giờ thì ai cũng biết cả. Bù nhìn không dọa được nữa, chim chóc đã suồng sã với nó, ỉa cả lên mình nó và những người tư sản thì cười.

IV

HAI NHIỆM VỤ: CẢNH GIÁC VÀ HY VỌNG

Cứ như vậy thì mọi đe dọa đối với xã hội đã tiêu tan hết rồi chăng? Hẳn là không. Không có "loạn cùng dân". Xã hội có thể yên lòng về phía đó, máu không bốc lên đầu nữa. Nhưng nó phải lo về cách hô hấp. Chứng sung huyết não không sợ nữa, nhưng hãy còn bệnh phế lao, bệnh phế lao xã hội có tên là nghèo đói.

Người ta chết bất thần như bị sét đánh, người ta cũng chết vì bị suy mòn.

Hãy nhắc đi nhắc lại điều đó, không biết chán. Hãy nghĩ trước hết đến đám đông bất hạnh và khổ đau, hãy đỡ đầu họ, quạt thoáng cho họ, soi sáng họ, thương yêu họ, mở rộng huy

hoàng chân trời cho họ, giáo dục rộng rãi cho họ bằng mọi hình thức. Hãy nêu gương cần cù chớ bao giờ làm gương biếng nhác, tăng cường ý thức công ích công lợi nơi họ để họ cảm thấy gánh cá nhân bớt nặng, hạn chế nghèo khó mà không hạn chế sản phẩm, tạo ra những môi trường hoạt động nhân dân công cộng, có trăm bàn tay của người khổng lồ Briarê để đưa ra cho kẻ xấu số, người yếu hèn níu lấy. Phải dùng quyền lực công cộng để mở công xưởng đủ cho các cánh tay, dựng trường học đủ cho các khả năng, lập phòng thí nghiệm đủ cho các thiên tư, tăng lương giảm lao lực, cân bằng chi và thu nghĩa là làm sao cho hưởng thụ và lao công, nhu cầu và thoả mãn cân xứng. Tóm lại phải làm cho bộ máy xã hội tuôn ra nhiều ánh sáng và phúc lợi hơn để cho những người đau khổ và tối tăm hưởng. Những người thiện tâm không nên quên đây là nhiệm vụ bác ái thứ nhất, những người ích kỷ cũng phải biết đây là hành động chính trị cần yếu nhất.

Cũng phải nói tất cả những cái ấy chỉ là bước đầu. Vấn đề thực sự là ở chỗ này. Lao động đã là pháp chế thì cũng phải là quyền lợi.

Chúng tôi không nói thêm nữa, đây không phải chỗ.

Nếu thiên nhiên có tên là Tạo hoá thì xã hội phải có tên là Lo xa.

Sự lớn mạnh về trí tuệ và đạo đức cũng cần như sự cải thiện đời sống vật chất. Hiểu biết là một nguồn cứu trợ; suy nghĩ thiết yếu bậc nhất; chân lý là lương thực, cũng như lúa mì. Lý trí mà đói khoa học và minh mẫn thì lý trí gầy đi. Phải thương những trí tuệ không ăn cũng như thương những dạ dày không có ăn. Nếu có một cái gì xót xa hơn một cơ thể hấp hối vì thiếu bánh mì, thì đó là một tâm hồn chết vì đói ánh sáng.

Toàn bộ tiến hoá nhằm về phía giải pháp. Một ngày kia người ta sẽ kinh ngạc. Nhân loại đi lên thì các tầng lớp nằm sâu ở dưới sẽ tự nhiên thoát ra khỏi vòng quẩn bách. Đói khổ sẽ bị xóa bỏ bằng sự nâng cao trình độ, đơn giản như vậy đấy.

Nghi ngờ cái giải pháp phúc đức ấy là có lỗi.

Đành rằng cái quá khứ vào lúc này đang còn rất mạnh. Nó hồi sức. Sự hồi xuân của một xác chết như thế này quả là rất kỳ lạ. Đấy, nó đi... nó đến kia. Nó như đang chiến thắng; xác chết đó là một tướng đi chinh phục. Nó đến với quân đoàn của nó; những mê tín, với thanh gươm của nó; sự chuyên chế, với lá cờ của nó, cái ngu dốt. Ít lâu nay nó đã thắng đến mươi trận. Nó tiến lên, nó hăm dọa, nó cười, nó đã ở ngay cửa chúng ta. Tuy nhiên về phần chúng ta, chớ nên thất vọng. Chúng ta hãy bán đi cánh đồng Annibana[1] đóng quân.

Chúng ta có lòng tin tưởng thì chúng ta còn sợ gì chứ?

Tư tưởng không thụt lùi cũng như dòng sông không chảy ngược.

Còn những ai không muốn xã hội tiến về tương lai thì hãy nghỉ cho kỹ. Họ từ chối tiến hóa cũng không chặn đứng được tương lai, mà chính là họ tự hủy hoại. Họ tự chuốc lấy một bệnh hoạn thảm đạm, họ tự tiêm nọc độc quá khứ. Chỉ có một cách từ chối Ngày-Mai, đó là chết đi.

Thế nhưng chúng ta không thích cái chết nào cả : chết của thể xác thì phải là muộn nhất, chết của tâm hồn thì chúng ta không muốn xảy đến bao giờ.

---

(1) *Annibal*: tướng tài của thành quốc Cáctagiơ (bắc Phi) thời xưa. Ông dẫn đạo quân viễn chinh đến đánh Ý, chiến thắng liên tiếp người La Mã, nhưng đến trước thành Roma thì đóng quân lại ăn chơi, về sau bị đánh bại.

Đúng, sấm ký sẽ lên tiếng, con quái Xphanhxơ sẽ nói, vấn đề sẽ được giải quyết. Đúng, thế kỷ 18 đã phác tạc Nhân Dân, thì thế kỷ 19 sẽ hoàn tất. Nghi ngờ điều đó là ngu ngốc! Cảnh nẩy nở tương lai, cảnh nẩy nở mai đây của hạnh phúc chung là một hiện tượng thần thánh tất yếu.

Những thúc đẩy toàn diện lớn lao chi phối hành động của con người và trong thời gian nhất định sẽ đưa nó đến trạng thái hợp lý, nghĩa là sự quân bình, cũng nghĩa là công lý. Một sức mạnh gồm cả đất lẫn trời sẽ là kết lực của nhân loại và điều khiển nhân loại. Sức mạnh đó là mẹ đẻ của huyền diệu. Đối với sức mạnh ấy, những kết thúc thần kỳ cũng dễ thực hiện như những biến thiên kỳ lạ. Nhờ có khoa học do người và sự cố do trời, nó không mấy sợ mâu thuẫn khi đặt các vấn đề mà người tầm thường thấy nan giải. Đối chiếu ý kiến để làm bật ra một lý giải thì nó cũng làm thạo khéo như đối chiếu sự kiện để rút ra một bài học. Và người ta có thể đợi chờ tất cả cái hiệu năng huyền bí của tiến hoá, nó sẽ đối cứu đông và tây một ngày nào đó ở đáy một hầm mộ và khiến cho các giáo sĩ hồi giáo đàm thoại với Bônapác trong kim tự tháp lớn.

Trong khi chờ đợi thì không dừng nghỉ, không do dự, không đồn trú lạc lúc nào trong cuộc hành quân tiến lên của trí tuệ. Triết lý xã hội về căn bản là khoa học của hoà bình. Nó có mục đích và phải đưa đến kết quả làm tan những thịnh nộ bằng cách nghiên cứu các sự đối lập. Nó xem xét, nó thăm dò, nó phân tích, và rồi nó tái kết cấu. Nó tiến hành công việc bằng phương pháp giản lược, khử trừ sự hằn thù ở mọi nơi.

Bão tố xô vào loài người đã nhiều phen huỷ hoại xã hội. Lịch sử đầy rẫy những cuộc đắm chìm của quốc gia, của dân tộc. Phong tục, tôn giáo, tất cả đều bị cuốn đi ngày nào đó

bởi cơn bão tố bí ẩn. Các nền văn hoá Ấn Độ, Canđê, Ba Tư, Atxyri, Ai Cập đều lần lượt tan biến. Tại sao vậy? Chúng ta không biết. Nguyên nhân của các tai họa ấy là gì? Chúng ta không biết. Có thể cứu sống xã hội ấy không? Chúng có lỗi gì trong việc sụp đổ đó? Chúng có ngoan cố đeo giữ một tật xấu tai hại khiến mình tự hủy diệt mình hay không? Trong cái chết của một dân tộc, một chủng tộc đó, phần tự diệt của các dân tộc, chủng tộc đó nhiều hay ít? Đó là những câu hỏi không lời đáp. Bóng tối bao trùm lên các nền văn minh sụp đổ đó. Chúng đã chìm xuống, tất nhiên là đã bị thủng lậu, để nước vào. Không có gì để nói thêm nữa. Và chúng tôi hầu như thảng thốt khi nhìn xuống cái đáy biển gọi là quá khứ đó, sau những đợt sóng khổng lồ là các thế kỷ, những con tàu to lớn Babilon, Ninivơ, Tácxơ, Tebơ, Rômơ chìm đắm trước luồng gió tuôn từ trong đêm đen thẳm ra.

Những bóng tối ở đó là ánh sáng cho ở đây. Mờ mịt về bệnh tật của các nền văn hoá cổ đại, chúng ta biết bệnh tật của nền văn minh ta. Chúng ta có thể rọi ánh sáng lên khắp người nó, chúng ta chiêm ngưỡng những vẻ đẹp của nó, nhưng cũng bóc trần những cái xấu của nó. Chỗ nào nó đau thì chúng ta thăm dò, và khi đã biết rõ đau thế nào, tìm hiểu được căn nguyên bệnh tật, tất tìm được phương thuốc điều trị. Nền văn minh của chúng ta, sự nghiệp của hai mươi thế kỷ, vừa là con quái vật vừa là cái kỳ quan của thời gian dài đó. Nó đáng được cứu vãn. Nó sẽ được cứu vãn. Đỡ nhẹ cho nó là quí lắm; soi sáng cho nó cũng đã đáng kể rồi. Tất cả những công trình xã hội học hiện đại đều tập trung vào mục đích đó. Nhà tư tưởng ngày nay có một nhiệm vụ lớn là thăm bệnh nền văn minh.

Chúng tôi nhắc lại, sự thăm bệnh đó cổ vũ ta, và chúng

tôi nhấn mạnh sự cổ vũ đó để chấm dứt mấy trang này, coi mấy trang này là một dịp tạm nghỉ nghiêm nghị giữa tấn kịch đau lòng. Dưới tính bất tử của xã hội, người ta cảm thấy tính bất tử của nhân loại. Dù đây đó có những vết lở loét, những phễu núi lửa, và có những vạt hắc lào, những lỗ phun hơi, dù có một núi lửa đến kỳ phun lửa, quả đất vẫn không chết. Những bệnh hoạn dân chúng không làm chết con người.

Tuy nhiên ai theo dõi lâm sàng xã hội, thỉnh thoảng cũng lắc đầu. Những người khoẻ nhất, những người tình cảm nhất, những người lý trí vững vàng nhất, cũng có những phút động dao.

Tương lai có đến không? Hình như người ta có thể đặt câu hỏi đó ra khi thấy bóng tối dày kinh khủng. Cuộc đối diện đen tối giữa lũ ích kỷ và những kẻ khốn cùng. Ở phía bọn ích kỷ thì những thành kiến, những ngu dốt trong một nền giáo dục trưởng giả, sự thèm khát ngày càng tăng do say sưa thoả mãn, sự choáng váng làm điếc tai vì cảnh phồn vinh phát đạt, nỗi sợ khổ đau lên đến trạng thái ghét cả người đau khổ ở một số, sự tự mãn gắt gao, cái "tôi" bơm phồng lên đến bít kín tâm hồn ; ở phía kẻ khốn cùng thì sự hào hứng, lòng ghen tị, sự hằn thù đối với kẻ hưởng thụ, những chấn động sâu xa ở con thú người nhằm về nhu cầu, những tấm lòng mờ mịt mù sương, sự buồn thảm, cái cần dùng, cái định mệnh, cái dốt nát đục ngầu và ngây ngô.

Có nên tiếp tục ngước mắt lên trời hay không? Cái điểm sáng nhìn thấy ở trên cao có thuộc loại sẽ tắt không? Lý tưởng thật kinh khiếp khi nhìn nó xa lắc trong bóng sâu, nhỏ bé, trơ trọi, khó trông thấy, sáng đấy, nhưng bọc giữ những đe dạo tối sầm, quái dị vây quanh nó. Tuy vậy lý tưởng chẳng chú lâm nguy, cũng như một ngôi sao giữa những cụm mây há hốc.

QUYỂN VIII

SƯỚNG VUI VÀ BUỒN KHỔ

I

ÁNH SÁNG TRÀN NGẬP

Bạn đọc chắc đã hiểu Êpônin, theo lời mụ Manhông đã đến phố Pơluymê, nhìn qua hàng rào sắt và nhận ra cô con gái ở đó là ai rồi. Trước hết nó phải tìm cách cản trở không cho bọn lâu la đến đường Pơluymê, rồi mới dẫn Mariuytx đến. Mariuytx ta ngây ngất trước cái hàng rào kia suốt mấy ngày. Rồi như nam châm hút sắt, chàng si ta cũng bị đá xây nhà của người yêu nó hút, hút đến nỗi bước tuột vào vườn, chẳng khác gì Rômêô xưa kia đã bước vào vườn Giuyliét. Thực ra, việc làm của Mariuytx còn dễ hơn việc làm của Rômêô xưa kia. Rômêô còn phải trèo qua một bức tường, còn Mariuytx chỉ cần khẽ đẩy một chấn song của cái hàng rào cũ kỹ, đang lung lay như răng bà lão là vào được. Mariuytx lại mảnh người nên lách qua như bỡn.

Đường vốn không có ai qua lại, Mariuytx lại cứ đến tối mới lẻn vào nên chàng còn sợ ai nom thấy.

Từ cái giờ phút thiêng liêng và quí báu của cái hôn đầu tiên, từ khi cái hôn ấy đã gắn bó tâm hồn đôi lứa, tối nào Mariuytx cũng lại. Giá lúc ấy Côdét vớ phải một thằng đàng

điếm vô sỉ thì một đời con gái của nàng cũng bỏ đi rồi, vì Côdét vốn thuộc hạng hào hiệp tự hiến mình. Cả nể là một tính cao quí của đàn bà. Và tình yêu một khi đã lên đến độ tuyệt đối thì không hiểu sao, nó như đui như mù, quên cả thẹn thùng.

Nhưng các bạn gái tâm hồn cao quí ! Các bạn biết chăng chính các bạn đang lâm vào bao cảnh hiểm nghèo ! Thường các bạn hiến trái tim thì người ta lại chỉ lấy xác thịt. Quả tim bạn vẫn còn với bạn, nhưng bạn nhìn nó trong bóng tối mà rùng mình ! Tình yêu xưa nay không hề biết cái lẽ trung dung : hoặc nó giết ta chết, hoặc nó cứu ta sống. Cả cái số kiếp con người đều nằm trong cái thế song quan đó. Hơn nữa, không ở đâu vấn đề sống chết, rủi may lại nghiệt ngã và tàn nhẫn cho bằng trong tình yêu. Tình yêu là sự sống nếu nó không là cái chết. Nói đấy, nhưng cũng là áo quan. Một tình cảm vừa nói có vừa nói không trong quả tim người. Trong tất cả mọi sự vật Thượng đế đã tạo nên thì trái tim người là vật toả ra nhiều ánh sáng nhất, nhưng than ôi ! nó cũng toả ra nhiều bóng tối cao cả.

Trời đất dun dủi cho Côdét gặp thứ tình yêu cứu sống người ta.

Suốt tháng 5 năm 1832, đêm nào trong cái vườn hoang kia, dưới bụi cây ngày càng thơm và càng rậm, cũng có đôi bạn thật là trinh bạch, thật là ngây thơ, lòng tràn ngập những nỗi vui sướng thần tiên chẳng khác những thiên thần, trong sạch, chân thành, say sưa, rạng rỡ như chiếu sáng lẫn cho nhau trong bóng tối. Trong cặp mắt Côdét thì Mariuytx rực rỡ như một ông hoàng và Mariuytx nhìn lại thì thấy Côdét là một nàng tiên đầu tỏa hào quang. Hai người chạm nhau, nhìn nhau, cầm tay nhau, người sát vào người. Nhưng vẫn có một

khoảng cách mà không bao giờ họ vượt qua. Không phải họ không dám, chính là họ không biết. Mariuytx cảm thấy có cái hàng rào ngăn cách, đó là lòng trinh bạch của Côdét, và Côdét cảm thấy có một chỗ dựa, đó là lòng chân thành của Mariuytx. Cái hôn đầu tiên cũng là cái hôn cuối cùng. Từ hôm ấy, chàng vẫn không dám đi xa hơn, mà chỉ dám cầm tay, cầm khăn quàng cổ, hay nâng mấy sợi tóc để lên môi. Đối với chàng, Côdét là một thứ hương thơm, không phải một người đàn bà. Chàng chỉ ngửi cái hương thơm kia thôi. Nàng không từ chối gì, chàng cũng không đòi hỏi gì. Côdét vui sướng mà Mariuytx thì thoả mãn. Họ sống trong tình trạng hoan lạc này, có thể gọi là tình trạng của hai tâm hồn ngây ngất vì nhau. Thực là hai tâm hồn trinh bạch lần đầu ôm nhau trong cõi bồng lai, hai con thiên nga gặp nhau trên đỉnh núi tuyết.

Trong giờ phút yêu nhau này, dục tình đã hoàn toàn bị sự say sưa chiêm ngưỡng đè bẹp. Mariuytx trong trắng và cao quí như thiên thần, có lẽ chàng có đủ can đảm đến nhà một gái điếm mà không có gan kéo gấu áo Côdét lên quá gót chân. Một lần dưới ánh trăng trong, Côdét cúi xuống đất để lượm một vật gì, ngực áo của nàng để lộ chỗ chân vú một chút thì Mariuytx ngoảnh mặt đi.

Cái gì đã xảy ra giữa hai người? Không có gì cả! Họ sùng bái nhau đấy thôi!

Đêm đêm, khi hai người ở đây, cái vườn như một nơi sống động, thiêng liêng. Trăm hoa đua nở trong vườn sực nức hương thơm. Họ cũng cởi mở tâm hồn hoà lẫn với ngàn hoa. Cỏ cây lả lơi, mơn mởn, rung rinh đầy nhựa sống và say sưa chung quanh đôi bạn ngây thơ, và họ nói với nhau những lời ân ái làm cây cỏ say mê rung động.

Những lời như vậy? Những hơi thở chứ có gì đâu! Những hơi thở này cũng vừa đủ làm cho cả thiên nhiên kia xúc cảm và rung động. Nó có ma lực gì thực là khó hiểu, nếu ta chỉ đọc trong sách những lời nói kia vốn là những lời để gió đưa đi và đánh tan ra như làn khói dưới đám lá cây. Giá ta gạt bỏ đi cái điệu nhạc của tâm hồn như tiếng đàn đệm trong lời thầm thì của đôi nhân tình, thì tất cả chỉ còn là một cái bóng. Bạn sẽ hỏi : Thế nào? Có thế thôi ư? Vâng, có tiếng thỏ thẻ, nói đi, lặp lại, những cái cười vô cớ, những câu vô vị, ngớ ngẩn ấy thôi. Vậy mà trên trần này chẳng có gì cao quí hơn, sâu sắc hơn. Đó là những lời duy nhất đáng nói và đáng nghe thôi vậy.

Những lời ngớ ngẩn kia, vô vị kia, ai chưa bao giờ nghe, ai chưa bao giờ nói, là một người đần độn, tồi tệ.

Côdét nói với Mariuytx:

- Anh biết không?

(Không hiểu sao, trong khi vẫn giữ thái độ đoan chính tuyệt vời như thế mà rồi cũng đến gọi nhau là anh em).

- Anh biết không? Em tên la Ôphơradi.

- Ôphơradi? Không phải! Tên em là Côdét.

- Ô! Côdét là cái tên xấu xí người ta gọi lúc em còn nhỏ. Tên em chính là Ôphơradi. Anh không thích tên Ôphơradi sao?

- Thích chứ. Nhưng gọi Côdét nghe cũng hay.

- Anh thích tên Côdét hơn tên Ôphơradi sao?

- À...ừ, vâng.

- Vậy thì em cũng thích nó hơn. Thật nhỉ, nghe nó hay nhỉ! Thôi thì gọi em là Côdét vậy.

Rồi nàng nở một nụ cười khiến cho câu chuyện biến thành bài tình ca trong một khu rừng nơi tiên giới.

Lại một lần nữa, nàng nhìn chàng đăm đăm mà nói:

- Ông ạ, ông thì đẹp trai, xinh xắn, ông ăn nói tài hoa, ông không ngốc chút nào, ông thông thái hơn em nhiều, nhưng ở cái chữ này thì em dám thách ông, chữ: em yêu anh!

Mariuytx, bay bổng lên mây xanh, tưởng như nghe khúc ca của một ngôi sao nào vậy!

Có lúc nàng thấy chàng ho thì tát yêu vào má mà nói:

- Thưa ông, ông không được ho! ông muốn ho trong nhà tôi thì phải xin phép mới được. Ho để cho em lo ngại là xấu lắm đấy. Em muốn anh khỏe mạnh, bởi vì nếu anh không khỏe mạnh thì em khổ ghê lắm. Anh bảo em làm gì cho anh khỏi ho bây giờ?

Một lần nữa Mariuytx nói với Côdét:

- Em có biết không, có một độ anh tưởng em là Uyếcxuyn.

Cái ấy làm cả hai cười suốt buổi tối.

Một lần đang nói chuyện gì, Mariuytx nói:

- Chà! Có một hôm ở vườn Luýchxămbua, anh muốn đánh chết một người thương binh.

Nhưng Mariuytx im bặt và không nói nữa. Nói nữa thì phải nói cho Côdét nghe chuyện cái nịt bít tất của nàng mà làm thế thì không được. Bởi vì nói đến cái nịt bít tất là vô tình chạm vào xác thịt, mà hễ động đến chuyện xác thịt tất cái tấm tình mênh mông, trong trắng ấy phải hãi hùng, kính cẩn lùi lại, không dám tiến lên.

Mariuytx nghĩ rằng, đời chỉ là thế này thôi: tối nào cũng đến phố Pơluymê, đẩy cái chấn song cũ kỹ ra, rồi lách vào ngồi tự tình trên ghế đá kia, nhìn ngàn sao lấp lánh qua đám cây lúc đêm vừa đến, để cái nếp quần ở đầu gối mình tì vào vạt áo rộng của Côdét, sẽ xoa vuốt ngón tay cái của nàng, gọi

nàng là em, cùng nhau ngửi một đoá hoa, ngửi mãi không biết chán. Trong lúc ấy mây bay trên đầu. Mỗi khi gió thổi, gió cuốn đi những mơ ước của người còn nhiều hơn là những đám mây trên bầu trời nữa.

Tình yêu trong trắng hầu như hoang dã kia phải đâu không chút lẳng lơ. "Tán tụng người yêu" là cách vuốt ve mơn trớn đầu tiên, là sự đánh bạo nửa vời muốn tập dượt. Lời tán tỉnh chẳng khác gì chiếc hôn cách bức qua cái khăn che mặt. Dục tình khẽ can thiệp, nhưng vẫn không lộ liễu. Trước dục tình, con tim ngại ngùng lùi bước để càng yêu mến mặn nồng thêm.

Lời tán tụng của Mariuytx vẫn có đôi chút gắn bó với cuộc sống, với nhân tình, với tất cả cái gì thiết thực mà Mariuytx có thể nói ra. Đó là những lời nói với nhau trong hang đá, là đoạn giáo đầu cho những câu chuyện đêm động phòng. Nó là bài thơ của cõi lòng cởi mở, nó là trường ca lẫn với thơ niêm luật, là lời tán dương đáng yêu, êm như tiếng gù của bồ câu. Nó là tất cả mọi thứ tế nhị của sự thờ phụng kết lại thành cụm, thành bó, và toả ra như một thứ hương thơm thanh lịch thần tiên. Thật là tiếng ríu rít say sưa, lòng nói với lòng. Mariuytx nỉ non:

- Ôi! Em đẹp làm sao! Anh không dám nhìn em. Anh chỉ dám chiêm ngưỡng. Em là một nàng tiên. Anh chẳng còn hiểu sao nữa; chỉ nhìn gấu áo, khi mũi hài của em ló ra anh cũng đủ ngất ngây lảo đảo. Khi trí tuệ của em hé mở anh được thấy hào quang toả ra. Em lý luận thì hay lạ lùng. Đôi khi anh tưởng chừng em là một giác mơ. Em nói đi để anh nghe và anh ngắm. Côđét ơi, thật là lạ lùng và thú vị! Anh hoá điên mất! Cô thật đáng tôn thờ, tiểu thư ạ! Anh lấy kính hiển vi nghiên cứu bàn chân em, và lấy viễn vọng kính chiêm ngưỡng tâm hồn em.

Côdét trả lời:

- Từ sáng đến giờ có bao nhiêu thời giờ thì em yêu anh thêm bấy nhiêu.

Câu đi câu lại không ngớt. Lời nói chuyện thật là tâm đầu ý hợp về khoản tình yêu.

Tất cả con người Côdét ở đâu cũng là thơ ngây, thành thực, trong ngọc, trắng ngà, hiền hậu, rực rỡ. Nhìn thấy nàng người ta có cảm giác như nhìn tiết xuân tháng Tư, nhìn trời rạng sáng. Trong khóe mắt như có hạt sương. Côdét là ánh sáng bình minh tinh kết thành hình thiếu nữ.

Mariuytx yêu dấu nàng, thì say sưa nhìn nàng là dĩ nhiên vậy. Thực ra, cô con gái kia vừa mới ở tu viện ra, nói chuyện lắm câu thâm tuý. Nhiều khi nàng nói những điều thật là đúng, thật là tế nhị. Nàng ríu rít như trẻ con, nhưng chuyện lại có ý nghĩa. Nàng không lầm lẫn về việc gì và nhận xét gì cũng đúng đắn. Đàn bà cảm và nói theo bản năng yêu đương của con tim nên chẳng bao giờ sai lầm. Không ai biết nói những lời dịu dàng và sâu sắc cho bằng phụ nữ. Dịu dàng và sâu sắc đó là tất cả người đàn bà, đó là tất cả bầu trời vậy.

Trong cái cảnh hoan lạc vô song kia, chốc chốc khoé mắt lại long lanh giọt lệ. Một con sâu bị chân xéo nát, một lông chim từ tổ rơi xuống, một cành tầm xuân bị gãy cũng làm cho họ rủ lòng thương và sự ngây ngất kia đượm thêm vẻ ủ dột mơ màng, càng dễ làm người ta phát khóc. Biểu hiện tuyệt đích của tình yêu là một sự cảm kích nhiều khi hầu như không thể chịu nổi.

Và đồng thời, - tình yêu vốn chớp nhoáng gây ra mọi thứ trái ngược, - họ lại cười lăn cười lóc, thật là tự do thú vị, thật là thân mật cởi mở, khi tưởng là một cặp bạn trai. Tuy vậy,

ngay trong khi hai con tim say sưa trong tình yêu trong sạch, thì bản chất gái trai bất diệt vẫn không đi vắng. Nó vẫn hiện diện và theo đuổi cái mục tiêu vừa cao quí vừa phũ phàng. Vì vậy khi một cặp trai gái thỏ thẻ cùng nhau thì dù họ có ngây thơ đến đâu, câu chuyện dù có trong sạch đến mấy, nó vẫn có một cái ý vị riêng, đáng yêu và bí ẩn khác hẳn chuyện của một cặp bạn hữu.

Họ sùng bái nhau như thần tượng.

Cái bất biến, cái trường tồn, vẫn cứ nguyên vẹn. Yêu nhau, nhìn nhau mà nhoẻn miệng, mà cười, đôi môi khẽ chúm lại làm nũng, ngón tay cài vào nhau, gọi nhau anh anh, em em, cái đó vẫn không cần trở gì lẽ vĩnh viễn của tạo hoá. Đôi lứa náu mình trong đêm tối, trong ánh chiều tà, trong nơi kín đáo, với chim chóc, hoa hồng. Họ làm cho nhau ngây ngất và vì cả trái tim hiện lên trong khoé mắt, và thì thầm và to nhỏ với nhau, trong lúc ấy những vì sao vẫn rung rinh trong khoảng không gian vô hạn.

II

NGÂY NGẤT VÌ HẠNH PHÚC VẸN TOÀN

Họ sống mơ màng, ngẩn ngơ vì hạnh phúc. Họ không để ý rằng tháng ấy ở Pari dịch tả làm chết nhiều người. Họ dốc hết cả bầu tâm sự, to nhỏ cùng nhau, nhưng vẫn không đi qua cái tên của nhau bao nhiêu. Mariuytx đã cho Côdét biết chàng mồ côi, chàng tên là Mariuytx Pôngmécxi, làm luật sư, chàng viết sách cho các hiệu sách để sống, cha chàng là đại tá, là một vị anh hùng, còn chàng thì đã cãi nhau với ông ngoại là một người rất giàu. Chàng cũng nói qua cho nàng biết, mình là nam tước. Nhưng Côdét dửng dưng. Mariuytx

nam tước ư? Nàng chẳng hiểu nam tước là cái gì, chữ đó có nghĩa gì. Với nàng, Mariuytx là Mariuytx thôi. Còn về phần Côdét, nàng cũng đã ngỏ cho chàng biết trước kia nàng ăn học trong tu viện Pari Pichpuýt, mẹ nàng đã mất cũng như mẹ chàng, cha nàng tên là ông Phôsơlơvăng, ông rất tốt, hay bố thí cho người nghèo, nhưng bản thân thì cũng xác xơ, ông cứ lo nhịn đủ thứ để nàng khỏi thiếu thốn thứ gì.

Có một điều lạ. Từ khi Mariuytx nom thấy Côdét, thì chàng như sống ngất ngây trong một bản hợp tấu du dương, đến nỗi cái quá khứ gần nhất đối với chàng cũng vẫn xa lắc xa lơ, mờ mờ mịt mịt. Côdét nói sao thì chàng hay vậy. Chàng cũng không buồn hỏi nàng về những vết bỏng của ông già và thái độ kỳ lạ của ông ta, cũng như việc ông ta bỏ trốn một cách kỳ dị. Trong khoảnh khắc, Mariuytx đã quên hết tất cả những điều ấy, buổi chiều chàng không biết buổi sáng mình đã làm gì, mình ăn ở đâu, đã nói chuyện với ai. Trong tai chàng như có tiếng ca nên chàng không còn nghe gì nữa. Chỉ khi nào thấy Côdét thì chàng mới sống mà thôi. Một khi đã ở trên trời thì chàng quên mất cõi trần là lẽ tự nhiên thôi vậy. Đôi bạn triền miên trong những khoái cảm tinh thần khó tả. Người si chẳng khác người mê sảng đi lại trong lúc ngủ say.

Than ôi! Ai mà chẳng từng được hưởng thụ những điều này? Tại sao đến một lúc nào đó chúng ta rời bỏ cái cảnh thần tiên kia, để rồi lại tiếp tục sống cuộc sống nhân thế?

Yêu là quên cả suy nghĩ. Ái tình là sự hăng hái lãng quên mọi việc khác. Đừng đòi người ta say mê cho hợp lý! Làm gì có tiếp diễn lôgic trong trái tim con người, cũng như ở trong vũ trụ làm gì có những hình hình học hệt như trong sách. Với Côdét và Mariuytx, ngoài Mariuytx và Côdét ra, không

còn gì nữa. Vũ trụ xung quanh họ lọt thỏm vào hang sâu nào rồi. Họ sống những phút vàng ngọc, không có quá khứ, không có tương lai. Mariuytx chỉ nhớ mang máng rằng Côdét có một người cha. Óc chàng dường như bị loá khiến không thấy gì nữa. Đôi lứa kia nói với nhau những gì? Như đã biết, nào chuyện hoa, chuyện én, chuyện mặt trời xế núi, mặt trăng mọc lên, tất cả những chuyện quan trọng. Họ đã thổ lộ với nhau hết cả nhưng vẫn chưa nói gì hết. Với bọn si tình thì tất cả nghĩa là không gì hết. Chứ còn chuyện người cha, chuyện đời, cái nhà ổ chuột, bọn lâu la, việc xảy ra kia thì nói đến làm gì? Vả lại chắc gì cơn ác mộng đó đã có thật? Ở đây chỉ có hai người, họ yêu nhau, thế thôi! ngoài ra, không có gì nữa. Hình như khi người ta đến ngưỡng cửa thiên đường thì cả địa ngục cũng tan biến đi đâu mất. Có thấy bọn quỉ sứ không? Mà có quỉ sứ không đã? Có phải là người ta đã run lên? Đã đau đớn? Họ không còn biết gì nữa. Một đám mây hồng đã phủ lên trên đó.

Đôi bạn sống như vậy, ở nơi cao tít, sống tự nhiên mà cũng rất lạ lùng ; chẳng phải nơi thiên đỉnh chẳng phải nơi tiên cảnh, ở giữa loài người và thiên thần, ở trên cõi bùn nhơ ở dưới thượng tầng biêng biếc, ở trong mây, hầu như chỉ một phần nào là xương là thịt, còn từ đầu đến chân toàn là tinh thần, là ngây ngất tột bực. Đã bốc lên cao nên chân không giẫm đất, lòng trần vẫn nặng, nên cũng chưa biến vào cõi trời xanh, họ cứ lơ lửng như những nguyên tử đợi cho kết tinh thành các hình thái của vật chất. Nhìn bên ngoài thì họ như thoát ra ngoài vòng số mệnh, quên mất dấu xe của thời khắc là hôm qua, ngày nay và ngày mai, ngây ngất, ngẩn ngơ, bập bềnh trôi nổi. Đôi khi nhẹ nhàng như có thể bay vào nơi vô tận, hầu như sẵn sàng biến vào cõi vô thuỷ vô chung.

Họ mê mà tỉnh trong khúc ru tình êm ái. Quả thật là một giấc mê tuyệt vời của thực tế nặng trĩu lý tưởng.

Đôi khi dù Côdét xinh đẹp hết sức Mariuytx cũng nhắm mắt lại.

Nhắm nghiền mắt là cách nhìn vào tâm hồn hay nhất.

Mariuytx và Côdét không tự hỏi tình yêu này sẽ đưa họ đến đâu. Họ cho rằng họ đã đến đích. Kỳ quái thay cái tham vọng của con người khi muốn tình yêu đưa ta đến một đích nào vậy!

III

BÓNG TỐI BẮT ĐẦU

Giăng Vangiăng nào có biết gì.

Bản tính Côdét có phần ít mơ mộng hơn Mariuytx. Nàng vui vẻ và chỉ thế cũng đủ làm Giăng Vangiăng sung sướng. Mặc dầu óc Côdét còn bận nghĩ về âu yếm và hình ảnh Mariuytx vẫn tràn ngập tâm hồn, mặt nàng vẫn cứ thơ ngây, hớn hở. Nàng ở vào cái tuổi mà tình yêu trong lòng người trinh nữ cũng tự nhiên như đoá hoa huệ trong tay thiên thần nên Giăng Vangiăng vẫn không ngờ vực gì hết. Vả chăng khi đôi lứa yêu nhau thì họ ranh lắm; Nếu có kẻ thứ ba nào có thể quấy rối tình yêu của họ sẽ bị bọ bưng tai bít mắt rất khéo bằng mấy cách đề phòng muôn thủa của giống si tình. Chẳng hạn, chẳng bao giờ nàng làm trái ý Giăng Vangiăng. Bố muốn đi dạo ư? Vâng, bố yêu quí ạ. Bố muốn ở nhà? Cũng hay. Bố muốn ngồi nói chuyện buổi tối với con ư? Con thích lắm. Bao giờ đến mười giờ đêm Giăng Vangiăng cũng về phòng ngủ. Mariuytx chờ cho quá mười giờ, nghe tiếng nàng mở cửa, chàng mới lách vào. Cố nhiên ban ngày không ai bắt

gặp Mariuytx ở đấy. Giăng Vangiăng không hề ngờ có một chàng Mariuytx. Duy có một lần, ông bống nói với Côdét:

- Kìa! Tại sao sau lưng áo con lại trắng như thế? Số là tối qua Mariuytx trong một phút bồng bột đã ép nàng vào sát tường.

Mụ Tútxanh tính hay ngủ sớm. Hễ công việc xong là chỉ lo lên giường, cho nên mụ cũng mù tịt như Giăng Vangiăng.

Không bao giờ Mariuytx bước vào nhà nàng. Khi có Côdét, cả hai nấp vào một xó khuất gần thềm để ngoài đường nhìn vào không nghe, không thấy được gì. Họ ngồi yên lặng, nhiều khi chẳng chuyện trò gì cả, chỉ nắm chặt tay nhau mỗi phút vài mươi lần và nhìn lên các cành cây. Trong những lúc ấy giá rét có đánh cạnh họ mấy mươi bước họ cũng chẳng để ý. Hình như bấy giờ tâm hồn gặp nhau và hoà lẫn với nhau trong giấc mơ vậy.

Những phút gặp gỡ ấy thật là trong sáng, thật là thanh khiết và bao giờ cũng giống như bao giờ. Đó là một thứ tình yêu trong trắng, chẳng khác gì một thứ cành hoa huệ với lòng trắng chim bồ câu.

Từ chỗ hai người ngồi ra đến đường cái còn cả một cái vườn. Mỗi lần ra vào Mariuytx đều lấp chấn song lại cẩn thận để không ai thấy suy suyển gì.

Đến nửa đêm Mariuytx đi ra, về nhà Cuốcphêrắc. Cuốcphêrắc bảo Bahôren:

- Cậu có tưởng tượng được không? Độ này Mariuytx cứ một giờ sáng mới mò về.

- Lạ gì! Bahôren đáp. Anh học trò nhà dòng nào lại không lận hoả pháo trong người.

Có lúc Cuốcphêrắc khoanh tay làm ra vẻ nghiêm trang nói với Mariuytx:

- Độ rầy cậu chịu khó đi lắm, anh bạn trẻ ạ!

Bản tính thiết thực, Cuốcphêrắc không quan tâm đến cái cảnh bồng lai vô hình phản ánh trên nét mặt Mariuytx. Vốn không quen những lối say mê mới lạ, chàng bực mình và thường nhắc bạn phải quay về thực tế.

Một buổi sáng, chàng nói với Mariuytx:

- Này cậu, mình xem cậu độ rầy như đang sống ở đâu trên nguyệt cầu, vương quốc chiêm bao, tỉnh mộng tưởng, thủ đô Bong-bóng xà-phòng gì ấy. Nào, ngoan ta bảo nào. Cô ta tên là gì?

Nhưng đố có cái gì làm cho Mariuytx "mở miệng"! Có thể lấy kim vặn hết mười ngón tay chứ không có cách gì làm chàng thốt ra một trong hai âm tiết thiêng liêng làm thành cái tên Côdét quí báu. Ái tình chân chính sáng ngời như bình minh và im lặng như nấm mộ. Tuy nhiên Cuốcphêrắc cũng để ý thấy Mariuytx có thay đổi, chàng có một vẻ trầm lặng hân hoan.

Trong tháng Năm êm ả đó, Mariuytx và Côdét đã sống những phút sung sướng không bờ bến:

Đó là cãi nhau, gọi nhau là ông là bà để sau đó gọi nhau là anh là em một cách âu yếm hơn.

Đó là kể thật lâu, thật tỉ mỉ về những người họ không chú ý gì cả, điều này càng chứng tỏ ái tình là một bản nhạc kịch, trong đó cốt là âm nhạc còn lời kích thì chẳng nghĩa lý gì;

Đó là nghe Côdét nói chuyện vá may, còn về phần Côdét, là ngồi nghe Mariuytx nói chuyện chính trị;

Cùng ngồi, gối kề gối, nghe xe chạy trên đường Babilon;

Cùng ngắm một vì sao trên trời hay một con đom đóm dưới cỏ;

Cùng im lặng; cái này còn êm ái hơn nói chuyện nữa;

Vân vân...

Tuy nhiên, có lắm nỗi trắc trở lôi thôi đang đến.

Một buổi tối, Mariuytx đi đến nơi hò hẹn theo đại lộ Anhvalít. Chàng đang cúi đầu bước và sắp sửa rẽ sang phố Pơluymê thì có ai gọi bên cạnh.

- Chào ông Mariuytx.

Chàng ngẩng đầu và nhận ra Êpônin.

Việc gặp gỡ này đối với chàng có tác dụng lạ lạ. Từ hôm Êpônin đưa chàng tới phố Pơluymê đến nay, chưa lần nào chàng nghĩ đến nó, và cũng chưa bao giờ chàng gặp mặt nó, nên chàng quên khuấy đi. Kể ra Mariuytx phải mang ơn nó nhiều vì nhờ nó chàng mới có hạnh phúc ngày nay. Thế mà gặp nó chàng cảm thấy khó chịu.

Đừng tưởng rằng khi người ta toại nguyện và trong sạch trong tình yêu thì người ta trở nên toàn thiện. Thực thì người ta chỉ đâm ra quên tất cả, như chúng tôi đã nói. Bây giờ người ta quên nghĩ đến việc ác, nhưng cũng đồng thời quên nghĩ đến việc thiện. Người ta không còn tâm trí đâu mà nghĩ đến ân nghĩa, đến bổn phận, đến những kỷ niệm lớn vẫn làm người ta bận lòng. Gặp lúc khác thì Mariuytx đã đối xử với Êpônin một cách khác hẳn. Lòng chàng nay chỉ biết có Côdét, nên chàng cũng không còn nhớ rõ ràng nó chính tên là Êpônin Ténácđiê, cái tên đã ghi trong tờ di chúc cha chàng để lại. Cách mấy tháng trước, giá gặp cái người đội tên ấy chắc chàng đã hết lòng hết dạ vì họ. Ta cứ tả Mariuytx đúng như trong thực tế. Trong thực tế thì tình yêu rực rỡ của chàng đã khiến cho ngay đến cả hình ảnh cha chàng cũng mờ nhạt đi một phần.

Cho nên chàng trả lời lúng túng.

- A ! Cô Êpônin đấy à?

- Tại sao ông lại gọi em bằng cô? Em có làm gì tệ với ông không?

- Không.

Đành rằng chàng chẳng có gì phiền nó. Trái lại. Nhưng chàng cảm thấy không sao làm khác được: Chàng đã gọi Côdét là em, chàng đành phải gọi Êpônin là cô.

Thấy chàng câm bặt, nó kêu lên:

- Này ông...

Nhưng rồi nó dừng lại. Trước kia nó táo tợn và vô tư là thế mà bây giờ nó không còn biết nói năng ra sao nữa. Nó gượng cười nhưng không cười, được. Nó nói tiếp:

- Thế nào?...

Rồi lại im bặt lần nữa và cúi mặt. Đột nhiên nó nói:

- "Chào ông Mariuytx". Rồi bỏ đi.

IV

"CAB" TIẾNG ANH THÌ LĂN, TIẾNG LÓNG THÌ SỦA

Hôm sau là ngày mồng ba tháng sáu, ngày mồng ba tháng sáu năm 1832, một năm đáng ghi nhớ bởi vì bấy giờ có những biến cố quan trọng cứ lơ lửng ở chân trời Pari như những đám mây đen sắp gây ra bão táp. Vừa tối, Mariuytx đang men theo con đường hôm qua để đến nơi hò hẹn, lòng tràn ngập vui sướng, thì bỗng thấy Êpônin tiến về phía chàng giữa các hàng cây trên đại lộ. Gặp liền hai lần trong hai ngày như thế này thực là quá nhiều. Chàng vội quay đi, rời đại lộ, rẽ vào phố Hoàng đệ để đến phố Pơluymê.

Cử chỉ này khiến Êpônin theo hút bóng chàng đến tận phố Pơluymê, một việc mà trước kia không bao giờ nó làm. Từ

trước đến nay nó chỉ cam nhìn chàng đi qua trên đại lộ, cả đến việc tìm cách bắt gặp, nó cũng không làm. Mãi tối qua nó mới thử mở miệng chuyện vãn.

Vậy Êpônin đi theo chàng mà chàng không biết. Nó thấy chàng đẩy cái chấn song lách vào vườn.

- À! Thì ra anh ta vào nhà!

Nó đến gần hàng rào, nắn từng chấn song một và tìm được ngay cái chấn song Mariuytx vừa xê dịch. Nó lầm bầm trong miệng, giọng ghê rợn:

- Thế này thì không được đâu cô ả ạ!

Nó ngồi xuống chân tường sát cạnh song sắt như để canh giữ. Đó lại chính là nơi hàng rào tiếp giáp với tường nhà bên cạnh. Ở đấy có một cái góc tối om, nó có thể ẩn mình lọt thỏm.

Nó ẩn mình một giờ như thế, không nói năng, cũng không thở mạnh, suy nghĩ mông lung.

Vào khoảng mười giờ tối, trong số hai, ba người thường đi qua phố Pơluymê, có một lão tư sản già về muộn đang rảo bước ở nơi vắng vẻ và nguy hiểm kia. Hắn đi men theo hàng rào sắt và vừa đến góc tường thì nghe có tiếng trầm trầm dễ sợ nói:

- Thảo nào tối nào chàng cũng đến đây!

Người khách nhớn nhác nhìn quanh, không trông thấy ai, không dám nhìn vào cái hốc tối kia và sợ hết hồn. Hắn rảo bước đi nhanh.

Hắn đi nhanh như vậy là khôn đấy, bởi vì chỉ một lát sau có sáu người cách quãng nhau cũng men theo tường mà đi, nhác nom tưởng đâu là một toán lính tuần. Họ đi vào phố Pơluymê.

Người đi đầu đến hàng rào sắt vườn ấy thì dừng lại đợi mấy người kia; một thoáng sau tất cả sáu người đều đủ mặt.

Họ bắt đầu thì thầm:

- Đây rồi! Một thằng nói.

- Trong vườn có cab[1] không? Một thằng khác hỏi.

- Đếch biết. Dẫu sao tớ đã chạy sẵn một nắm để *nhồi* cho cậu ta đây.

- Có nhựa[2] để bể kính không?

- Có.

Thằng thứ năm nói giọng bụng.

- Hàng rào cũ rích rồi.

- Càng hay! Thằng thứ hai đáp. Thế thì có cứa nó cũng không *tru tréo* lên, và *gặt* nó cũng dễ.

Thằng thứ sáu nãy giờ vẫn chưa mở miệng, sờ tất cả các song sắt như một giờ trước đây Êpônin đã làm. Hắn nắn từng chấn song một và lay từng cái một rất cẩn thận. Cứ thế. Hắn đến cái chấn song Mariuytx đã nạy ra. Hắn sắp sờ đến thì một bàn tay đột nhiên từ trong bóng tối thò ra, nắm lấy tay hắn. Hắn bị đẩy vào giữa ngực. Và một giọng khàn khàn nói nhỏ:

- Có cab đấy!

Ngay đấy hắn thấy một cô gái xanh xao đứng sững trước mặt.

Hắn giật nẩy mình vì bất ngờ! Hắn thu mình, xừng lên một cách dễ sợ. Thật là ghê gớm khi con ác thú lo ngại; dáng sợ sệt của nó đáng sợ. Hắn lùi lại ấp úng:

- Con ranh nào đây?

- Con gái ông đây!

Thì chính là Êpônin đang nói chuyện với Tênácđiê.

Thấy Êpônin, năm thằng kia, Cơlacơxu, Gơlơme, Babe,

---

(1) *Cab* tiếng Anh là xe ngựa, đây dùng theo nghĩa lóng là con chó.

(2) Nhựa *mastic* đắp lên kính để ấn gãy không kêu, không rơi loảng xoảng.

Môngpácnát và Bơruygiông rón rén đến gần, chậm rãi, im lặng, với cái vẻ chậm rãi rùng rợn của bọn ăn đêm.

Tay chúng cầm những khí cụ dữ tợn. Thằng Gơlơme thì cầm một cái kìm cong, bọn ăn đêm thường gọi là cái "khăn quàng". Tênácđiê gầm lên tuy vẫn giữ khẽ giọng:

- Ái chà! Mày làm gì ở đây? Mày muốn làm gì chúng tao? Ai khiến mày đến đây cản trở chúng tao?

Êpônin vùng cười và bá lấy cổ hắn:

- Cha ơi! Con ở đây là vì con ở đây. Bây giờ lại còn cấm người ta không được ngồi ở chân tường sao? Các ông mới không nên đến đây chứ! Đây có quái gì, đã bảo là bánh quy mà! Tôi đã nói với mụ Manhông, ở đây không xơ múi gì đâu. Cha hôn con đi chứ cha! Đã lâu lắm con chẳng gặp cha. Thế cha thoát ra rồi à?

Tênácđiê cố sức gỡ tay Êpônin và càu nhàu:

- Được rồi. Mày đã hôn tao rồi. Ừ tao thoát ra rồi đây! Tao không ở trong ấy nữa. Thôi bây giờ mày đi đi.

Nhưng Êpônin nhất định không buông mà cứ xoắn xuýt vuốt ve cha.

- Cha yêu ơi! Cha làm sao mà ra được thế? Thoát khỏi chỗ ấy thì phải bợm lắm nhỉ! Cha kể lại cho con nghe nào! Mẹ con đâu? Có tin tức mẹ thì cho con biết với.

- Mẹ mày mạnh khoẻ, tao không biết đâu. Thôi để mặc tao, mày cút đi.

Êpônin làm ra vẻ nũng nịu như cô con gái được nuông.

- Con không đi đâu! Bốn tháng trời nay chẳng thấy mặt cha, thế mà cha lại đuổi đi ngay, chưa kịp hôn cha nữa.

Và nó lại bá lấy cổ cha nó.

- Làm trò quái gì thế? Babe nói.

- Mau lên! Bọn cảnh sát sắp qua đấy!

Có tiếng nói giọng bụng ngâm hai câu:

Hôm nay đếch phải đầu năm.
Hôn cha hít mẹ lăng xăng làm gì!

Epônin quay về phía năm thằng ăn cướp:

- Ô kìa ! Ông Bơruygiông. Chào ông Babe, chào ông Cơlacơxu, - ông Gơlơme, ông không nhận được mặt cháu sao? Thế nào Môngpácnát, mạnh khỏe chứ?

- Có, Tênácđiê nói, người ta có nhận ra mày rồi đấy. Thôi chào! Chào! Xéo đi để chúng tao còn công việc.

- Giờ này là giờ cáo ra, không phải giờ của gà mái[1] Môngpácnát nói.

Babe thêm vào:

- Mày biết chúng tao còn phải kiếm chác ở đây mà.

Êpônin nắm tay Môngpácnát. Hắn nói:

- Khéo kẻo đứt mẹ tay giờ! Tao có cái "thái thịt" ở đây.

- Anh Môngpácnát thân yêu! Êpônin đáp dịu dàng nhỏ nhẹ. Phải tin người ta chứ. Tôi là con cha tôi kia mà. Ông Babe ơi, ông Gơlơme ơi, tôi đã được giao cho đi điều tra vụ này cơ mà!

Có một điều kỳ lạ là Êpônin không nói tiếng lóng. Từ khi nó quen Mariuytx thì nó không sao dùng nổi thứ ngôn ngữ ghê tởm ấy nữa. Nó cầm những ngón tay cục mịch của Gơlơme trong bàn tay xương xẩu và yếu ớt của nó và nói tiếp:

---

(1) Gà mái theo tiếng Pháp con có nghĩa là gái ăn sương, là nhân tình nhân ngãi theo nghĩa nhục dục.

- Các ông cũng biết tôi có ngốc đâu. Thường thường các ông tin tôi. Tôi được việc cho các ông lắm chứ. Bây giờ tôi đã điều tra rồi thì các ông có vào cũng chỉ vô ích. Tôi thề với các ông, trong cái nhà này không kiếm chác được gì đâu.

- Chỉ có đàn bà thôi, sợ gì? Gơlơme nói:

- Không, họ dọn đi rồi!

- Nến vẫn còn thắp sáng kia! Babe bảo.

Và hắn chỉ cho Êpônin thấy thấp thoáng sau ngọn cây có ánh đèn đi đi lại lại ở gần mái nhà. Thì ra lúc ấy mụ Tútxanh còn thức phơi quần áo.

Êpônin cố cãi lấy được.

- Nhưng mà họ nghèo lắm, trong nhà không có tiền nong gì hết.

- Mày cút đi! Tênácđiê gắt. Khi nào chúng tao đã xáo trộn tất cả cái nhà này rồi, lật ngược cái hầm đựng rượu lên trên, cái mái nhà xuống dưới, bấy giờ chúng tao sẽ nói cho mày biết đấy là tiền lớn, là hào hay là xu.

Lão đẩy con bé ra để tiến lên nhưng con bé vẫn nói:

- Này anh bạn Môngpácnát ơi, tôi xin anh, anh là người tốt, anh đừng vào đấy.

Môngpácnát chỉ đáp:

- Khéo, kẻo mà đứt tay giờ!

Tênácđiê giở giọng quyết đoán hàng ngày của hắn:

- Con "ranh", xéo ngay để đàn ông người ta còn làm ăn.

Êpônin buông tay Môngpácnát và hỏi:

- Thế là các ông muốn vào nhà này?

- Cũng có phần như thế đấy! Tên giọng bụng cười gằn, đáp.

Êpônin liền tựa lưng vào hàng rào sắt đối diện với sáu tên cướp võ trang đến chân răng kẽ tóc. Trong bóng tối mặt chúng trông như mặt quỉ. Nó nói thấp giọng nhưng kiên quyết:

- Thế nhưng mà tôi thì không muốn.

Bọn kia ngẩn người. Tuy vậy thằng nói giọng bụng cũng cười dứt tiếng. Con bé lại nói:

- Anh em nghe tôi cho rõ. Không phải vậy. Bây giờ tôi xin nói đây. Trước hết, nếu các anh vào cái vườn này, nếu các anh động đến hàng rào sắt này thì tôi sẽ kêu lên, tôi đấm cửa đánh thức mọi người dậy, tôi sẽ gọi cảnh sát tóm cổ cả sáu người.

Tênácđiê nói khẽ với Bơruygiông và thằng nói giọng bụng:

- Nó làm thật đấy.

Êpônin lắc đầu và nói thêm:

- Trước hết là tóm lấy cha tôi.

Tênácđiê đến gần nó, Êpônin thét:

- Ông già đứng xê ra.

Tênácđiê lùi lại càu nhàu:

- Con này sao lại giở quẻ thế nhỉ?

Và hắn nói tiếp:

- Đồ chó!

Con bé cười lên dữ tợn:

- Gì cũng được. Nhưng các ông không vào được đâu! Đây không phải là con của chó mà con của lang sói cơ! Các ông sáu người nhưng tôi sợ gì. Các ông là đàn ông, ừ! tôi là đàn bà con gái đấy, nhưng tôi không sợ các ông đâu. Thôi đi đi. Tôi nói cho mà biết: các ông không đặt chân vào cái nhà này được đâu, bởi vì tôi không thích thế. Các ông đến gần thì tôi

sủa ầm lên bây giờ. Tôi đã nói mà: *cab* chính là tôi đây. Tôi cóc cần các ông. Đi đâu thì đi! Đừng đến đây mà ngửa mất tôi. Tôi cấm. Đấy có dao phay, đây có guốc, cóc sợ! Nào lại đây nào.

Con bé tiến về phía bọn cướp, trông ghê rợn. Nó lại cười sằng sặc.

- Biết chưa! Tôi sợ cóc gì. Mùa hè này tôi sẽ đói, mùa đông này tôi sẽ rét. Sáu mạng đàn ông kia tưởng làm cho một con bé này sợ thì buồn cười quá. Sợ gì? Sợ? Ừ phải, sợ gớm. Vì các ông có mấy con mèo nghe các ông to tiếng thì bò xuống gậm giường nên các ông tưởng người ta sợ các ông phải không? Đây chả sợ gì ráo!

Nó nhìn xỉa xói vào mặt Tênácđiê và nói:

- Đến cả ông nữa cũng thế thôi.

Rồi nó đưa cặp mắt đỏ ngầu như mắt ma, lườm tất cả bọn cướp một lượt.

- Đây thì chẳng cần gì, ngày mai có ai nhặt được xác đây, bị đao của cha đây đâm chết ở cái phố Pơluymê này hay là trong một năm nữa có ai thấy đây ngồi trong trại giam ở xanh Cơlu hay trôi giạt ở cù lao Thiên nga cùng với nút chai thối và thây chó chết trôi, đây cũng cóc cần.

Con bé nói đến đó thì ngừng lại, cơn ho khan nổi lên, hơi thở hắt ra từ cái lồng ngực lép kẹp và còm cõi, nghe như tiếng rên rỉ.

- Tôi chỉ kêu lên một tiếng là người ta đến, nó nói tiếp. Thế là xong. Đằng ấy sáu người nhưng đây là cả thiên hạ.

Tênácđiê tiến lên một bước. Con bé thét:

- Không được đến gần.

Lão này dừng lại dỗ dành:

- Ừ! Tao không bước tới nữa, nhưng con đừng tru tréo lên như vậy. Này con! Con muốn cản trở không cho cha và các chú làm ăn phải không? Chúng tao phải kiếm ăn mới sống được chứ! Con không còn thương xót gì cha con nữa ư?

- Ông làm tôi phát ngấy.

- Chúng tao phải sống, phải ăn.

- Chết quách đi có được không!

Nói xong nó ngồi xuống cạnh chân tường nghêu ngao hát:

Tay ta tròn trịa
Chân ta xinh xinh
Thời gian bỏ phí...

Nó chống khuỷu tay vào đầu gối, bàn tay đỡ cằm, chân đu đưa ra vẻ phớt đều thiên hạ. Áo thì rách bươm lòi cả xương quai sanh, gầy đét. Cây đèn đường bên cạnh chiếu sáng hình thù và dáng điệu của nó. Thật trên trần đời không còn cái gì kiên quyết hơn và kỳ lạ hơn.

Sáu thằng kẻ cướp không dám làm gì, tức tối vì thua một đứa con gái, kéo nhau vào bóng tối bàn bạc, nhún vai rụt cổ, giận dữ và bực nhục.

Con bé nhìn chúng với vẻ mặt bình tĩnh nhưng dữ dội. Babe nói:

- Nó có ý gì đây. Có cớ đấy. Hay nó phải lòng con cab. Nhưng mà bỏ lỡ thì tiếc thật. Chỉ có hai người đàn bà và một lão già ở tận sân trong. Ở các cửa sổ có màn che khá sang. Lão này phải là một lão Do Thái[1]. Món này quyết là bở.

---

(1) Do thái: ở nước Pháp ngày trước, những người chủ ngân hàng, tư bản tài chính thường là người Do thái, nên trong ngôn ngữ Do thái còn có ý nói là người giàu.

Môngpácnát giục :

- Vậy thì các anh cứ vào. Cứ tiến hành. Tôi ở đây với con bé, và nếu nó có ho he thì...

Nó giơ con dao trần lấp loáng dưới ánh đèn.

Tênácđiê không nói gì, sẵn sàng hễ người ta làm gì thì làm nấy.

Bơruygiông vốn có tiếng tiên tri, lại là tay đã tìm ra món này như đã biết từ nãy vẫn chưa hé miệng. Hắn có vẻ nghĩ ngợi. Ai cũng biết tính hắn liều mạng. Một lần hắn đã ăn trộm ngay trong một đồn cảnh sát để khoe gan. Nó lại biết làm thơ và hát nên được bọn kia tín nhiệm lắm. Babe hỏi nó:

- Bơruygiông! Sao mày không nói gì cả?

Bơruygiông đứng im một lát rồi lắc đi lắc lại cái đầu theo nhiều kiểu khác nhau. Cuối cùng nó mới chịu nói:

- Thế này: sáng nay tao trông thấy hai con chim sẻ cắn nhau, buổi chiều tao tông phải một mụ đàn bà đang cãi nhau. Toàn là điềm gở tất. Thôi chúng mình xéo đi.

Cả bọn kéo đi.

Vừa đi Môngpácnát vừa lẩm bẩm:

- Cũng chẳng sao, giá như các anh muốn thì tớ đã thí nhẹ cho nó một nhát.

- Tớ thì không, Babe đáp. Tớ không có đánh giết đàn bà.

Đến chỗ đầu đường phố, chúng dừng lại, trao đổi với nhau bằng tiếng lóng, giọng thì thầm:

- Tối nay ngủ đâu?

- Ở dưới Pari.

- Tênácđiê ơi! Mày có chìa khoá cửa sắt đấy không?

- Có.

Êpônin theo dõi chúng không rời mắt, thấy chúng đã đi theo đúng con đường chúng vừa đến. Nó đứng dậy và bò theo chân tường và các ngôi nhà. Nó cứ lần theo chúng như vậy cho đến đại lộ. Đến đây bọn kia chia tay và nó thấy sáu người lũi sâu vào bóng tối như tan biến trong đó.

V

CHUYỆN ĐÊM

Bọn cướp đi khỏi thì phố Pơluymê trở lại với cảnh đêm tĩnh mịch.

Những chuyện vừa xảy ra trên đường phố này, nếu diễn ra trong rừng thì không thể làm cho cây rừng ngạc nhiên. Rừng thưa và lùm rậm, bụi bờ, cành lá xô xát nhau, cỏ dại cao lớn, tất cả những thứ ấy sống một đời sống huyền bí. Trong cảnh hoang dại um tùm ấy thường có những biểu hiện đột ngột của cái vô hình: những loài thấp kém hơn con người lại thường được trông thấy tận đằng sau con người, qua làn sương đục; và vô số sự việc mà loài người chúng ta không hay, không biết, vẫn chạm mặt nhau trong rừng tối. Loài hung tợn trong tự nhiên thường hoảng hốt khi đánh hơi thấy cái khác thường. Những sức mạnh của bóng tối biết nhau và điều hòa với nhau một cách bí mật để giữ thế thăng bằng. Nanh và vuốt lại sợ những cái không bắt giữ được. Những giống uống huyết tươi, những giống thèm khát sục sạo tìm mồi, những giống ham khoe móng nhọn, những giống chỉ sống nhờ dạ dày và vì dạ dày, những giống ấy nếu thấy cái dạng vô hình trùm tấm vải liệm đi lại lững thững thì phải đứng nhìn và lo lắng đánh hơi, tưởng như cái bóng run rẩy với tấm áo mập mờ kia đương sống một đời sống dưới mồ kinh khủng.

Những thứ cục cằn hung tợn ấy, nó chỉ là vật chất, lờ mờ cảm thấy đã gặp phải bóng tối vô biên tụ lại trong một hình thù khác lạ. Một bóng đen chặn đường đã cản ngay con thú dữ lại. Thứ ở mồ hiện lên làm cho thứ ở hang ngơ ngác lo sợ. Dữ phải sợ rợn; đàn sói phải lùi trước một bóng ma.

VI

MARIUYTX TRỞ LẠI THIẾT THỰC QUÁ ĐẾN NỖI CHO CÔDÉT BIẾT ĐỊA CHỈ CỦA MÌNH

Trong khi thứ chó cái mặt người ấy đứng cạnh hàng rào sắt và sáu tên ăn cướp phải lùi bước trước một người con gái thì Mariuytx vẫn ngồi bên cạnh Côdét. Chưa bao giờ bầu trời lắm sao và xinh đẹp như đêm ấy. Chưa bao giờ cành lá rung động hơn, mùi thơm của cây cỏ ngào ngạt hơn, chưa bao giờ chim chóc trên cành ngủ nghê êm đềm hơn. Chưa bao giờ tất cả cái cảnh hòa hợp của tạo vật trong sáng lại hoà nhịp đúng điệu hơn với bản nhạc thầm kín của ái tình. Chưa bao giờ Mariuytx lại say sưa hơn sung sướng hơn, ngây ngất hơn. Nhưng chàng lại thấy Côdét ủ ê. Côdét đã khóc, đôi mắt đỏ ngầu.

Đó là đám mây thứ nhất trong giấc chiêm bao mỹ lệ. Mariuytx hỏi ngay:

- Em sao vậy?

Nàng trả lời:

- Thế này.

Rồi nàng ngồi xuống cái ghế dài gần bậc cửa, trong khi chàng vừa ngồi bên cạnh vừa run. Nàng nói tiếp:

- Sáng nay, bố em bảo bố có việc, em phải chuẩn bị sẵn sàng và có lẽ bố em và em sẽ đi xa.

Mariuytx run lẩy bẩy từ đầu đến chân.

Khi người ta vào cuối cuộc đời thì chết nghĩa là đi;

Khi người ta mới bước vào đời thì đi nghĩa là chết.

Đã sáu tuần nay Mariuytx dần dần, chậm chậm, mỗi khi một ít, ngày càng chiếm lĩnh Côdét. Chiếm tấm hồn thôi, nhưng mà chiếm một cách triệt để. Như đã nói ở trên, trong mối tình đầu, người ta chiếm được tâm hồn trước, rồi mãi sau mới đoạt xác thịt. Về sau, trong những mối tình khác, người ta chiếm đoạt xác thịt rồi mãi sau mới chiếm đoạt tâm hồn hoặc là không hề chiếm đoạt tâm hồn. Mariuytx chiếm lấy Côdét, như là ma quỉ chiếm. Nhưng chàng lấy tất cả tâm hồn chàng quyện chặt lấy nàng, và giữ riết lấy nàng, với lòng tin tưởng sắt đanh. Chàng đã chiếm được nụ cười, hơi thở, hương thơm cả cái ánh sáng của đôi mắt biếc, cả cái mịn màng của làn da khi chàng sờ đến tay nàng, cả cái nốt xinh xinh ở cổ, tất cả tâm trí của nàng. Họ đã tự hứa lúc ngủ bao giờ cũng mơ thấy nhau trong giấc mộng, và họ đã giữ lời hứa.

Tóm lại, Mariuytx đã chiếm đoạt tất cả các giấc mơ của nàng. Chàng nhìn nàng không biết chán, đôi khi hơi thở của chàng chạm vào mấy sợi tóc gáy và chàng cũng nghĩ bụng rằng bấy nhiêu sợi tóc kia không có sợi nào không thuộc về chàng. Chàng chiêm vọng, chàng sùng bái những vật nàng mang trên người, cái "nơ", đôi găng tay, cái bao tay, đôi giày, đều là những vật thiêng liêng mà chàng là chủ. Chàng nghĩ rằng chàng là chủ của cả những cái lược cài xinh xinh ở trong mớ tóc mây, đến cả từng dải áo, từng sợi chỉ bít tất, từng nếp của cái áo lót, tất cả là của chàng hết. Ý nghĩ ấy là những tiếng bập bẹ mơ hồ và nhỏ nhẹ của nhục cảm.

Cạnh Côdét, chàng cảm thấy mình ngồi cạnh tài sản của mình, cạnh vật sở hữu của mình, cạnh người chủ nó đồng

thời là đứa nô lệ của mình. Hình như tâm hồn đôi lứa đã gắn bó với nhau khăng khít quá, nên bây giờ, giá họ muốn lấy lại tâm hồn họ, họ cũng không có cách nào nhận ra. - Cái này của anh?- Không, nó là của em - Nhất định em làm, chính nó là anh - Cái mà anh tưởng là anh chính là em đấy. Mariuytx biến thành một phần của Côdét và Côdét thành một phần của Mariuytx không tách được nữa. Mariuytx cảm thấy Côdét sống trong người chàng. Có Côdét, chiếm đoạt lấy Côdét, cái đó đối với chàng cũng không khác gì hô hấp. Chính trong khi tin tưởng như thế, ngây ngất như thế, say sưa về quyền sở hữu trong trắng, lạ lùng và tuyệt đối như thế thì mấy tiếng "Bố của em phải ra đi" bỗng nhiên đập vào tai và tiếng nói đột ngột của thực tế thét lớn: Côdét không phải của mày!

Mariuytx bừng tỉnh. Đã sáu tuần nay, ta đã thấy chàng sống ở ngoài cuộc sống. Nay tiếng "ra đi" đẩy chàng trở vào đó một cách phũ phàng.

Chàng không biết nói sao. Côdét chỉ thấy bàn tay chàng lạnh toát. Đến lượt nàng hỏi:

- Anh sao vậy?

Chàng trả lời khẽ quá đến nỗi Côdét chỉ thoáng nghe:

- Anh chưa hiểu em nói gì!

Nàng nói lại:

- Sáng nay, bố em bảo em đặt các thứ linh tinh của em sẵn sàng. Bố em bảo sẽ đưa áo quần của bố em cho em để xếp vào hòm, bố em phải đi xa. Hai người phải đi. Phải có một cái hòm lớn cho em, một cái bé cho bố. Trong một tuần lễ phải xong để đi, có lẽ sang Anh.

Mariuytx kêu:

- Trời ơi! Tàn bạo như thế sao?

Rõ ràng trong óc Mariuytx không có sự lạm quyền nào, không có hành động tàn bạo nào của quân bạo chúa ghê gớm nhất. Buyđirit, Tibe, Hăngri III mà hung dữ cho rằng việc ông Phôsơlơvăng đem cô gái sang Anh, vì ông có việc bên ấy.

Chàng hỏi giọng yếu đuối:

- Bao giờ em đi?

- Bố em không nói.

- Bao giờ em về?

- Bố em cũng không nói.

Mariuytx đứng dậy, lạnh lùng hỏi:

- Côđét, cô có đi không?

Cô quay lại nhìn chàng. Cặp mắt xinh đẹp đầy lo âu. Nàng trả lời cố vẻ hoảng hốt:

- Đi đâu?

- Sang Anh? Cô có đi không?

- Tại sao anh gọi em là "cô"?

- Tôi hỏi cô có đi không?

Côđét chập tay, nói:

- Anh bảo em làm thế nào được?

- Thế là cô đi?

- Thế bố em đi thì biết làm sao?

- Thế là cô đi?

Côđét nắm tay Mariuytx siết chặt không đáp.

- Được rồi, Mariuytx nói. Tôi sẽ đi nơi khác.

Côđét không hiểu câu nói ấy mấy, nhưng nàng trực cảm ý nghĩa của nó. Nàng tái người đến nỗi trong bóng tối mà mặt trắng bệch. Nàng ấp úng:

- Anh muốn nói gì thế?

Mariuytx nhìn nàng đăm đăm rồi ngước mắt lên trời, đáp:

- Không gì cả.

Khi chàng cúi mặt xuống, chàng thấy Côdét nhoẻn miệng cười với chàng. Nụ cười của người yêu có một vẻ sáng riêng, đêm tối cũng trông thấy.

- Anh Mariuytx. Chúng mình ngốc lắm. Em nghĩ ra rồi.

- Thế nào?

- Bố con em đi, anh cũng đi! Em sẽ cho anh biết đi đâu. Rồi anh đến tìm em.

Bây giờ Mariuytx đã tỉnh hẳn. Chàng trở về giữa thực tế. Chàng nói với Côdét:

- Đi với bố và em! Em điên sao? Đi thì phải có tiền, mà anh không có. Sang Anh à? Hiện nay anh đã nợ anh Cuốcphêrắc mười luy. Anh ấy là một người bạn của anh, mà em chưa quen biết. Anh có cái mũ cũ không đáng ba phơrăng, một cái áo đằng trước khuyết cả cúc. Cái sơ mi thì rách bươm, cùi tay đã thủng, đôi giày thì ngấm nước. Sáu tuần nay, anh không nghĩ đến những vật ấy nên anh không nói với em. Côdét ơi! Anh là một thằng cùng khổ! Em chỉ thấy anh ban đêm và em đã cho anh tình yêu. Giá em thấy anh ban ngày thì em sẽ cho anh một xu. Sang bên Anh! Trời ơi! Anh còn chưa đủ tiền lấy hộ chiếu nữa là!

Chàng lao vào một thân cây ở cạnh, hai tay giơ lên đầu, trán đập vào thân cây, không biết rằng cây làm xây xát mặt mày, hai thái dương giần giật như trong cơn sốt rét. Chàng đứng im, chỉ chực ngã xuống, chẳng khác gì pho tượng của thất vọng.

Chàng vẫn đứng mãi thế. Trong đáy vực tuyệt vọng, người ta có thể im lặng ngàn thu! Cuối cùng chàng quay mặt lại vì

nghe thấy sau lưng có tiếng tấm tức nhè nhẹ, buồn buồn.

Thì ra Côdét đang khóc.

Nàng khóc đã hơn hai tiếng đồng hồ bên cạnh chàng trong khi chàng nghỉ vẩn vơ.

Chàng chạy đến, quỳ xuống và cúi từ từ, chàng ôm mấy ngón chân lộ ra dưới gấu áo mà hôn.

Nàng cứ để yên. Có những lúc người đàn bà chấp thuận, như một vũ nữ u trầm, nhẫn nhục, tôn giáo tình yêu.

Chàng nói:

- Em đừng khóc nữa.

Nàng thổn thức:

- Em phải đi, mà anh thì không đi cùng em được.

- Em yêu anh không?- Chàng hỏi.

Nàng vừa nức nở vừa nói lên cái lời nói thiên đường lời này mê ly nhất khi nói qua giọt lệ:

- Em say mê anh!

Giọng vuốt ve mơn trớn, chàng lại nói:

- Em đừng khóc nữa, anh van em. Em hãy vì anh mà nín đi.

- Anh thì anh có yêu em không?- Nàng hỏi.

Chàng nắm tay nàng:

- Em Côdét, anh chưa bao giờ lấy lời danh dự mà thề thốt với ai, bởi vì lời danh dự làm cho anh sợ. Viện lời danh dự mà anh tưởng như vong linh của cha anh đang ở bên cạnh. Nhưng hôm nay anh lấy lời danh dự thiêng liêng nhất mà thề với em rằng nếu em bỏ anh đi thì anh sẽ chết.

Giọng nói của chàng u hoài, trang nghiêm và điềm tĩnh

đến nỗi Côdét rùng mình. Nàng cảm thấy như có cái gì ảm đạm vừa lưng lưng lướt qua làm lạnh cả gáy. Nàng lo ngại, không khóc nữa, chàng lại nói:

- Bây giờ nghe anh nói đây. Ngày mai đừng chờ anh.

- Tại sao vậy.

- Ngày kia em hãy chờ anh.

- Chao ôi! Thế nghĩa là thế nào?

- Rồi em sẽ biết.

- Một ngày không thấy anh em chịu sao nổi?

- Chúng ta hãy hy sinh một ngày để may ra có được một đời.

Rồi Mariuytx nói nhỏ như chỉ cho mình nghe:

- Ông cụ là một người không bao giờ thay đổi thói quen của mình. Ông ta chỉ tiếp khách vào buổi tối.

- Anh nói ông cụ nào thế?- Côdét hỏi.

- Anh có nói gì đâu!

- Vậy thì anh hy vọng vào cái gì?

- Em hãy đợi đến tối ngày kia.

- Anh muốn thế sao?

- Anh muốn thế, Côdét ạ.

Nàng lấy hai tay ôm đầu chàng, nhón lên cho cao bằng chàng và cố nhìn vào trong cặp mắt để xem chàng hy vọng cái gì. Mariuytx nói tiếp:

- À! Anh nhớ một điều. Em phải biết chỗ ở của anh. Biết đâu sẽ không xảy ra việc gì. Anh trọ ở nhà người bạn là Cuốcphêrắc nhà số 16 phố Verơri.

Chàng thò tay vào túi lấy ra một con dao nhíp, dùng lưỡi dao, vạch vào tường mấy chữ:

16 phố Verơri.

Bấy giờ Côdét lại nhìn vào tận mắt chàng:

- Anh Mariuytx ơi! Anh nghĩ gì. Anh nghĩ gì, thì nói cho em biết với. Ôi! Nói cho em biết để tối em ngủ yên giấc.

- Anh nghĩ như thế này: Không lẽ nào Thượng đế lại chia rẽ đôi ta. Em cứ chờ anh cho đến ngày kia.

- Từ nay cho đến ngày kia em sẽ làm gì đây? - Côdét nói. Anh ở ngoài đi lại tự do. Dàn ông thật là sung sướng! Riêng em một mình vò võ buồn biết dường nào. Tối mai anh sẽ làm gì? Anh nói đi!

- Anh sẽ thử làm việc gì.

- Nếu vậy thì em sẽ cầu xin Chúa phù hộ, em sẽ nghĩ đến anh luôn luôn để cho anh thành công. Em không hỏi anh nữa đâu, bởi vì anh không muốn nói. Anh là chủ nhân của em rồi. Suốt tối mai em sẽ ca bài nhạcOriăngtơ mà anh thích và có một hôm anh đã nấp ngoài cửa sổ để nghe. Nhưng đến ngày kia thì anh phải đến sớm. Em chờ anh vào chập tối đúng chín giờ đấy, em báo trước đó. Trời ơi! Ngày giờ dài dằng dặc buồn làm sao! Anh nhớ không, em chờ anh ở ngoài vườn đúng chín giờ tối nhé!

- Anh cũng thế.

Và không nói ra, hai người cùng có một ý nghĩ như nhau, dường như có một luồng điện nối liền hai kẻ si tình, cả hai say sưa hoan lạc ngay trong đau khổ. Họ bồng ôm lấy nhau. Không biết là đôi môi đã gặp nhau trong khi mắt vẫn ngửng lên, tràn ngập hạnh phúc và đầy cả nước mắt, ngẩng lên ngó các vì sao.

Khi Mariuytx đi ra thì đường vắng ngắt. Bấy giờ chính là lúc Êphônin theo chân bọn kẻ cướp đến tận đại lộ.

Số là Mariuytx gục đầu vào gốc cây mà suy nghĩ thì một ý kiến nảy ra trong đầu chàng. Than ôi! Một ý kiến mà

ngay cả bản thân chàng cũng thấy điên rồ và không thể thực hiện được. Chàng đã quyết định một điều táo bạo.

VII

LÒNG GIÀ LÒNG TRẺ ĐỐI NHAU

Vào hồi này, lão Gilonormăng chín mươi mốt tuổi. Lão vẫn ở với con gái là cô Gilonormăng, trong một ngôi nhà cũ số 6 đường Canve. Bạn đọc còn nhớ, lão thuộc lớp ngày xưa, thằng người đợi chờ cái chết, mặc dầu tuổi tác nặng đè lên vai, lão vẫn không thấy trĩu, và bao nỗi ưu phiền cũng không sao làm cong nổi cái lưng già.

Tuy nhiên, ít lâu nay người con gái nói: Cha tôi độ rày yếu đi. Độ rày lão không tát tai con ở nữa, gọi mở cửa mà thằng Bátxcơ mở chậm, lão quật gậy vào cầu thang không hăng hái như trước. Cuộc cách mạng tháng Bảy chỉ làm cho lão bực bội phần nào trong vòng sáu tháng thôi. Khi đọc báo Mônitơ thấy những chữ ghép nhau như là Ông Humbôlơ Côngtê, quốc lão nước Pháp, lão cũng gần như lãnh đạm. Thật ra lòng già này đầy ưu phiền. Lão không nản chí, không đầu hàng, bản chất lão, về tinh thần cũng như thể xác, bao giờ chịu thế! Nhưng từ bên trong lão cảm thấy núng rồi. Đã bốn năm nay lão đợi chờ Mariuytx. Lão kiên gan chờ đợi, tin tưởng rằng cái thằng mất dạy kia thế nào cũng có ngày mò về gõ cửa. Độ rày có những lúc buồn rầu quá lão đâm nghĩ lẩn thẩn: nếu thằng kia cứ nấn ná mãi không về cho mau thì... Không phải lão sợ chết,lão chỉ lo không được gặp Mariuytx. Mãi đến nay, chưa lúc nào lão có thể nghĩ rằng lão không gặp lại cháu. Ngày nay, ý nghĩa kia đã bắt đầu xuất hiện làm lão lạnh toát cả người. Kể cũng là thường tình thôi: ông lão thương cháu tự nhiên và thực sự nên càng xa nhau lão càng thêm thương

đứa cháu bội bạc đã nỡ bỏ mình đi như vậy.

Những đêm đông lạnh lẽo mười độ dưới không càng khiến người ta nghĩ đến mặt trời. Lão Gilơnormăng cho rằng - hoặc tin rằng- mình không thể bước gần lại Mariuytx nửa bước. Mình là ông nó, thà chết chứ không đời nào mình chịu thua nó. Lão không thấy mình có lỗi gì, nhưng lão vẫn nhớ đến nó. Lòng bồn chồn và ngao ngán nhưng cụ già đã kề miệng lỗ mà vẫn còn một việc chưa làm.

Răng lão bắt đầu rụng, lão càng buồn thêm. Có điều này lão Gilơnormăng không dám tự thú thật với mình, - vì thú ra lão sẽ tức tối và xấu hổ, - là lão chưa yêu một nhân tình nào như yêu Mariuytx.

Lão bảo chân dung con gái lão nay đã mất, là bà Pôngméxi, vẽ từ năm mười tám tuổi, ở phòng ngủ của mình, trước đầu giường để mở mắt ra là nhìn thấy nó ngay. Lão ngắm nghía khống biết chán. Một hôm đang ngắm bức tranh, lão bỗng nói:

- Giống lắm.

Cô Gilơnormăng hỏi:

- Nó giống em tôi ư? Ừ mà giống thật nhỉ!

Ông già nói thêm:

- Nó cũng giống thằng cha nó nữa.

Một hôm lão đang ngồi, hai đầu gối chạm vào nhau, lim dim mắt, có vẻ ngã lòng, cô con gái đánh bạo hỏi:

- Thưa cha, cha vẫn cứ giận nó sao?- Cô con gái dừng lại, không dám đi xa hơn.

- Giận ai? Lão hỏi.

- Giận thằng Mariuytx tội nghiệp ấy?

Lão ngẩng cái đầu bạc phơ, giơ nắm tay nhăn nheo và xương xẩu đập xuống bàn và thét lên, giọng giận dữ và ngân vang:

- Tội nghiệp à! Chị bảo nó tội nghiệp à! Cái ông ấy là một đứa lố lăng, xấu xa, tự phụ, bội bạc vô tình, bất nghĩa, trâng tráo, bất nhân.

Rồi lão quay mặt đi để con gái đừng thấy giọt lệ tụ ở khóe mắt.

Ba hôm sau, lão ngồi lặng yên suốt bốn tiếng đồng hồ rồi bỗng nhiên nói với cô con gái:

- Tôi đã trân trọng xin chị đừng bao giờ nhắc đến tên ấy nữa. Từ đấy người con gái không dám có một cố gắng nào nữa. Cô rút ra một câu chẩn đoán thâm thúy: từ ngày em mình trót dại thì cha mình không yêu em mình nữa. Rõ ràng cha mình ghét thằng Mariuytx.

"Từ ngày trót dại" nghĩa là từ ngày cô em lấy viên đại tá.

Như chúng ta có thể đoán trước, dì Gilơnormăng đem người cháu yêu của mình là viên sĩ quan kỵ binh đến thế chân Mariuytx, nhưng không được chấp nhận. Têôđuyn không thành công. Lão Gilơnormăng không chịu cái trò lộn sòng ấy. Lỗ trống trong lòng đâu phải muốn nhét cái gì vào cũng được. Về phần Têôđuyn, tuy chàng đã đánh hơi biết có cái gia tài kha khá ấy, nhưng chàng cũng không thích làm cái việc khổ sai mua lòng cụ già. Ông lão làm cho chàng trung úy phát ngấy và chàng trung úy cũng làm ông lão bực mình. Têôđuyn vui tính nhưng ba hoa, ưa phù phiếm nhưng tầm thường, biết ăn chơi nhưng là bạn xấu. Anh ta kể ra cũng có nhân tình và ngồi đâu cũng nói các nhân tình, nhưng nói rất dở. Bao nhiêu đức tính của anh chàng cũng đều có chỗ khuyết điểm. Cứ nghe anh chàng khoe mãi về những chuyện đào hoa của

anh chàng xung quanh trại lính, ông cụ cũng đã đến phát lợm. Hơn nữa, trung úy Têôđuyn đôi khi mặc quân phục đến thăm lão, lại cái huy hiệu tam tài trên mũ. Thế thì lão chịu sao nổi. Cuối cùng lão phải nói với con gái.

- Chị muốn tiếp thằng ấy thì tiếp, tôi chán nó lắm rồi. Thời buổi hòa bình tôi không thích nhìn những bọn quân nhân. Không biết tôi có ưa bọn đâm chém người ta hơn là bọn mang gươm kề kề không, nhưng dẫu sao nghe tiếng gươm đao chạm nhau trên bãi chiến trường vẫn còn đỡ chán hơn là nghe tiếng vỏ gươm đập trên đường phố. Vả lại, hắn cứ ưỡn ngực như một thiếu phụ ẻo lả, mặc coócxê dưới áo giáp. Thật là hai lần lố bịch. Đúng là đàn ông thì người ta không huyênh hoang cũng không ẻo lả. Không vênh váo cũng không làm nũng mới được. Chị thích thằng Têôđuyn thì cứ giữ cho chị.

Cô con gái cụ ra sức can:

- Nó là cháu của cha kia mà.

Thật ra lão Gilơnormăng làm một ông ngoại thì hoàn toàn, mà làm một ông trẻ thì ra gì.

Lão vốn thông minh và biết so sánh, nên càng nhìn Têôđuyn lão càng thương tiếc Mariuytx.

Một đêm, đó là đêm mồng bốn tháng Sáu, trong lò sưởi của lão, lửa vẫn cháy ngùn ngụt như mọi ngày. Lão đã cho con gái sang ngồi khâu ở phòng bên. Lão ngồi một mình trong cái phòng vẽ toàn những cảnh mục đồng, hai chân gác lên hai thanh sắt kê củi, nửa mình ẩn vào trong bức bình phong chắn tấm, tay chống lên bàn. Trên bàn, dưới cái chao đèn màu xanh, thắp hai ngọn nến. Lão ngồi lọt thỏm vào cái ghế bành bằng vải, tay cầm một quyển sách nhưng không đọc. Lão mặc quần

áo theo lối riêng của lão, cái lối của bọn *kỳ khôi* [1] nom như một bức truyền thần cổ của Gara. Nếu lão ăn mặc như thế mà ra đường cái thì người ta sẽ chạy theo xem. Nhưng khi lão ra đường, người con gái bao giờ cũng khoác cho lão một cái áo bông giám mục trùm hết cả quần áo. Còn ở trong nhà trừ phi lúc dậy và lúc đi ngủ, không bao giờ lão mặc áo choàng. Lão thường nói: mặc như thế nó già người đi.

Lão Gilonormăng tưởng nhớ đến đứa cháu ngoại Mariuytx một cách si mê và chua chát. Thường thường thì chua chát hơn si mê. Lòng thương yêu không thỏa rút cục trở thành sôi sục và lão hết sức bực tức. Lão đã đến cái trình độ của người vợ thương nhớ quá cho nên đành phận và cắn răng chịu cào gan xé ruột. Lão đang ngồi tự giải thích cho mình rằng bây giờ không có lý do gì khiến Mariuytx trở về nữa. Nếu nó trở về thì nó đã trở về rồi! Thôi đành không bao giờ được nhìn lại mặt nó nữa. Lão cố làm sao cho quen dần với cái ý nghĩ rằng thế là hết cả, là từ nay cho đến khi nhắm mắt, lão vẫn sẽ không thấy mặt "cái ông ấy" nữa. Tuy vậy, bản chất của lão vẫn cứ vùng lên phản kháng; cái tình ông cháu của lão vẫn không sao thừa nhận điều ấy. Lão lấp lại một điệp khúc đau đớn: "Chào ôi! Nó không trở về đâu!"

Cái đầu hói của lão gập xuống tận ngực, lão đưa mắt nhìn lờ đờ vào đống tro trong lò sưởi, cái nhìn ấy thảm thiết và bực tức.

Lão đang mơ màng trầm ngâm như thế thì người lão bộc là Bátxcơ vào thưa:

---

(1) Trong thời Đốc chính, nẩy ra một hạng người ăn mặc kỳ khôi, nói năng kiểu cách, dáng điệu cầu kỳ, tư tưởng thì phản động, hoặc coi thường chính trị, tiếng Pháp gọi là *incroyables* (nam) và *merveilleuses* (nữ).

- Thưa cụ có tiếp ông Mariuytx không ạ?

Ông già ngồi nhổm dậy, mặt tái đi vì giống như một tử thi đương nhổm lên vì tác động của một luồng điện. Máu dồn vào tim, lão lắp bắp:

- Ông Mariuytx gì?

Người nhà nhìn thấy dáng điệu lão như thế đâm ra rụt rè lúng túng.

- Con không biết. Con chưa gặp ông ta. Chị Nicôlét vừa mới bảo con: Ngoài kia có một người thanh niên, anh ta vào thưa đó là ông Mariuytx.

Lão Gilonormăng lẩm bẩm:

- Cho vào.

Rồi lão ngồi yên như cũ, cái đầu lắc lư, mắt nhìn chăm chú ra cửa. Cánh cửa mở ra. Một chàng thanh niên bước vào. Chính là Mariuytx.

Mariuytx đứng ở ngưỡng cửa như có ý đợi lão cho phép mời vào. Áo quần của chàng gần như đã nát nhưng nhờ có cái tán đèn che tối nên lão không trông thấy. Người ta chỉ thấy vẻ mặt điềm nhiên và nghiêm nghị nhưng buồn rầu vô hạn.

Lão ngẩn người, vừa sợ vừa mừng, ngồi ngây một hồi tựa hồ không trông thấy gì nữa, chỉ thấy một luồng ánh sáng bừng lên như trong lúc ma hiện hình. Lão xuýt ngất đi, lão nhận ra Mariuytx qua trạng thái lóa mắt. Chính nó rồi! Chính thằng Mariuytx đây rồi.

Có thế chứ! Đã bốn năm trời nay. Lão đưa mắt tóm thâu ngay được hết cả người cháu. Lão thấy nó đẹp trai, trang nhã, đài các, có vóc, ra người lớn, tư cách đoan trang, dáng điệu đáng yêu. Lão muốn giơ hai cánh tay ra ôm lấy nó, gọi nó lại, vồ lấy nó, nở ruột, nở gan. Những lời yêu đương, triu mến

chứa chan trong ngực muốn trào ra. Cuối cùng tất cả lòng triu mến kia trườn lên không thể nào giấu giếm được nữa phải lộ ra ngoài miệng. Nhưng vì bản tính trong ngoài bất nhất của lão, nên lời thốt ra lại là một câu gắt gỏng. Lão hỏi đột ngột:

- Anh đến đây làm gì?

Mariuytx trả lời lúng túng:

- Thưa ông...

Trong thâm tâm lão, lão chỉ muốn Mariuytx ôm chầm lấy lão. Lão giận Mariuytx và giận luôn cả mình. Lão biết mình quá xẳng và trách Mariuytx lãnh đạm. Con người này cảm thấy khó chịu và tức tối vô cùng vì biết rằng trong lòng mình chan chứa yêu thương mà bên ngoài chỉ biết tỏ ra khắc nghiệt. Lão lại thấy cay đắng trong lòng. Lão ngắt lời Mariuytx, giọng càu nhàu:

- Vậy thì anh đến đây làm gì?

Tiếng "vậy thì" có nghĩa "nếu không để hôn tôi". Mariuytx nhìn ông ngoại thấy mặt như tượng đá vì nhợt nhạt.

- Thưa ông...

Ông già nghiêm giọng nói:

- Có phải anh về đây xin lỗi tôi không? Anh đã nhận thấy lỗi của anh chưa?

Ông tưởng nói như thế là mớm ý cho thằng cháu và "Thằng bé" sẽ xiêu lòng. Mariuytx rùng mình. Người ta bắt chàng phải từ bỏ cha chàng. Chàng cúi mặt xuống và đáp:

- Thưa ông, không.

Lão già vừa đau xót, vừa tức giận, quát lên:

- Nếu vậy thì anh muốn gì?

Mariuytx chắp tay tiến lên một bước, giọng run run yếu ớt, thưa:

- Thưa ông, xin ông thương cháu.

Câu đó khiến ông già xúc động: giá nói sớm hơn một chút đã làm ông già mủi lòng. Nhưng nó đến quá chậm. Lão đứng dậy, hai tay chống gậy, đôi môi tái nhợt, cái trán lắc lư. Vóc người to lớn của lão áp đảo hẳn Mariuytx đang cúi xuống. Lão quát:

- Thương anh à! Thanh niên như anh mà lại cần đến cái lòng thương của lão già chín mươi tuổi này à! Anh mới bước vào đời, tôi sắp từ giã cõi đời. Anh đi coi hát, đi khiêu vũ, đến tiệm cà phê, đi đánh bi-a. Anh đẹp trai, ăn nói dí dỏm, được gái nó thích. Còn tôi, ngay giữa mùa hè tôi cũng ho hen trước lò sưởi. Anh giàu có với tất cả mọi thứ của cải trên đời này. Còn tôi, tôi phải chịu tất cả mọi thứ nghèo khổ của tuổi già, chịu tàn tật, chịu cô đơn. Anh có đủ ba mươi hai chiếc răng, một cái dạ dày khỏe, một đôi mắt sáng, sức anh mạnh mẽ, mồm anh ăn ngon. Còn tôi, đến cả tóc bạc tôi cũng không còn nữa. Tôi rụng cả răng rồi, chân đi không vững, óc không còn nhớ gì nữa. Có ba tên đường mà tôi cứ lẫn lộn là đường Sáclơ, đường Sômơ và đường Xanh Cơlốt. Bây giờ tôi đã đến cái nước ấy. Còn anh, trước mắt anh là cả một tương lai rực rỡ đầy ánh sáng mặt trời. Mắt tôi bắt đầu không thấy cái gì nữa, tôi đã bước sâu vào đêm tối. Anh đang mê gái, cái đó là dĩ nhiên. Còn tôi trên đời này không còn ai thương yêu tôi nữa. Thế mà anh lại bảo tôi thương xót lấy anh là nghĩa làm sao. Chao ôi, ông Môlie viết kịch đã quên khuấy việc này. Nếu các ông pha trò như thế ở giữa tòa án thì xin thưa các ông luật sư, tôi có lời thành thực ngợi khen. Thật là buồn cười.

Rồi ông già chín mươi lại giở giọng giận dữ và nghiêm nghị:

- Nào! Anh cần tôi giúp gì?

Mariuytx nói:

- Thưa ông, tôi cũng biết rằng sự có mặt của tôi làm ông bực mình. Nhưng tôi đến đây chỉ để xin ông một việc, sau đó, tôi sẽ đi ngay.

Ông già gắt:

- Anh là một thằng ngốc! Ai bảo anh đi chứ?

Câu này là một cách để lão nói cái lời âu yếm ở trong đáy lòng: *Nào, mày xin lỗi tao đi! Nào bá lấy cổ tao mà hôn đi!* Lão Gilonormăng cảm thấy trong vài phút nữa thằng cháu sẽ bỏ đi. Lão biết tại mình tiếp đón xẵng quá nên nó thất vọng, tại mình khắc nghiệt quá nên nó bỏ chạy. Trong lòng lão nói với lão như vậy, lão lại càng đau xót hơn. Càng đau xót lão lại càng giận dữ và lại càng khắc nghiệt. Lão chỉ mong Mariuytx vẫn không hiểu. Cái đó càng làm cho lão già phát cáu. Lão nói tiếp:

- Thế nào! Tình ông cháu mà anh nỡ bỏ tôi bơ vơ. Anh bỏ nhà tôi anh đi, đi đâu không biết. Anh làm cho dì anh buồn rầu. Ai mà chẳng biết! Anh muốn tự tiện ăn xài, diện cho sướng, đi về không quản đêm hôm, chơi bời cho thỏa thích. Anh không còn cho tôi biết tin tức anh sống chết ra sao. Anh đi vay nợ cũng không thèm bảo tôi trả. Anh theo lũ ông mãnh đập vỡ cửa kính, làm om trời om đất. Thế sau bốn năm, anh trở về nhà tôi và chỉ nói có bấy nhiêu câu phải không?

Cách mắng nhiếc để khiến cho đứa cháu phải thương xót mình, cách ấy chỉ làm cho Mariuytx câm miệng. Lão khoanh tay, đó là cử chỉ thường lệ khi lão đặc biệt nghiêm khắc. Lão mắng Mariuytx một cách chua chát:

- Thôi nói tuốt đi! Anh nói anh đến đây cầu khẩn tôi việc gì phải không? Việc gì thì nói đi. Việc gì? Nói đi!

Mariuytx nhìn ông tuyệt vọng như một con người biết mình sắp rơi xuống vực thẳm.

- Thưa ông, cháu về xin ông cho phép cháu cưới vợ.

Lão rung chuông, Bátxcơ hé cửa. Lão nói:

- Gọi con gái ta vào đây.

Một thoáng sau, cái cửa lại mở ra. Cô con gái đến nhưng không vào. Mariuytx đứng yên không nói năng gì, hai tay buông thõng, vẻ mặt như mặt một phạm nhân. Ông già đi lại trong phòng. Ông quay nhìn con gái mà nói:

- Không có gì. Đây là ông Mariuytx. Hãy chào ông ta đi. Ông ta muốn lấy vợ. Thôi chị ra đi.

Giọng nói đanh và khàn của ông già chứng tỏ ông ta giận đến cực điểm. Người dì hoảng hốt nhìn Mariuytx, tựa hồ như chưa nhận ra cháu.

Rồi bà biến đi đường nào mất, không nói một câu; không làm một cử chỉ nhanh hơn một cọng rơm bị gió mạnh thổi đi.

Bấy giờ lão Gilơnormăng lại đứng tựa vào lò sưởi:

- Anh lấy vợ à! Hai mươi mốt tuổi, lấy vợ - anh đã thu xếp như vậy, chỉ còn đến đây xin phép. Để cho hợp thức mà! Xin mời ông ngồi xuống. Phải rồi! Từ khi tôi không được vinh dự gặp mặt anh cho đến nay thì đã xảy ra một cuộc cách mạng. Bọn cách mạng các ông đã thắng. Chắc là ông phải bằng lòng chứ! Chắc là ông thuộc về phái cộng hòa từ ngày ông là nam tước. Ông kết hợp như thế cũng cứ xong. Ông theo cộng hòa để làm cho cái chức nam tước của ông được mặn mà. Trong cuộc cách mạng tháng Bảy vừa rồi ông có được tặng thưởng huy chương không? Ông có tham dự vào việc chiếm lấy cung điện Lơ Luyvơrơ không? Cạnh đây, phố Xanh Ăngtoan có một viên đạn đại bác bắn đập vào tường ở tầng thứ ba ngôi nhà, trên ấy có khắc chữ: Ngày 28 tháng

Bảy năm 1830. Ông cứ đến mà xem. Ra vẻ lắm. Hừ! Bọn bạn của ông làm lắm trò hay. Nhân đây tôi hỏi có phải họ định dựng một cái bể nước thay thế đài kỷ niệm công tước. Beri, phải không? Thế rồi ông muốn lấy vợ? Ông lấy ai, tôi xin lỗi tọc mạch hỏi ông?

Lão dừng lại. Mariuytx chưa kịp trả lời thì lão lại hỏi dồn một cách tức giận:

- Này! Ông đã có nghề nghiệp sinh sống gì chưa? Có gia sản rồi chứ? Cái nghề luật sư của ông kiếm được bao nhiêu tiền.

- Không kiếm được gì cả! Mariuytx trả lời giọng rắn rỏi và cương quyết lạ lùng.

- Không có gì cả. Thế ông chỉ nhờ vào số tiền một nghìn hai trăm phơrăng tôi cấp cho ông mà sống thôi ư?

Mariuytx không trả lời. Lão lại hỏi:

- Nếu vậy tôi hiểu rồi, nghĩa là bên nhà gái giàu?
- Cũng như cháu!
- Thế nào? Không có của hồi môn à?
- Thưa không.
- Có khoản hy vọng nào không?
- Cháu nghĩ không có.
- Vậy thì mình trần thân trụi à? Người cha là gì?
- Cháu không biết.
- Nó tên là gì?
- Cô Phôsơlơvăng.
- Phôsơ[1] cái gì?
- Phôsơlơvăng.

(1) Nguyên văn *fauche* nghĩa là gặt, cắt.

Ông già "xùy" một tên. Mariuytx nói:

- Thưa ông.

Lão Gilơnormăng ngắt lời và nói như để riêng mình nghe:

- Thế đấy, hai mươi mốt tuổi, không có danh phận gì, mỗi năm một nghìn hai trăm phơrăng! Nam tước phu nhân Pôngmécxi ngày ngày sẽ ra hàng rau mua hai xu hẹ.

Mariuytx hoang mang hy, vọng cuối cùng đương tan mất:

- Thưa ông! Cháu van ông, cháu chắp tay lạy ông, cháu quỳ dưới chân ông, ông cho phép cháu lấy nàng.

Ông già cười khanh khách và ghê rợn, vừa nói vừa ho:

- À! À! Trong bụng ông nam tước nghĩ: "Thôi, ta phải đi tìm cái trốc già nua kia, cái lão xuẩn ngốc kia mà nói với lão mới được. Tiếc thay ta chưa đủ hai mươi lăm tuổi[1]. Nếu không ta chỉ cần gửi cho lão một lá thư tống đạt lễ phép thế là ta phớt được Lão. Có sao đâu! Bấy giờ ta sẽ nói với lão: ông già lẩm cẩm kia ơi, tôi về đây cho ông thấy mặt tôi là phúc cho ông lắm rồi, tôi muốn lấy vợ, tôi muốn lấy con ma nào, con ông quỷ nào cũng kệ xác tôi. Tôi không có giầy mà đi, cô ta không có áo cánh mà mặc, nhưng cũng cứ xong cả. Tôi muốn đem cả cái tiền đồ của tôi, cả sự nghiệp của tôi, cả tuổi trẻ, cả cuộc đời của tôi quăng mẹ nó xuống sông. Tôi muốn đâm bổ vào cảnh khốn cùng với một người đàn bà đeo trên cổ. Tôi thích thế đấy, ông làm gì tôi. Và, nếu như thế là bộ xương hom kia sẽ chịu". Này! Tôi nói cho anh biết, anh đi đâu thì đi, anh muốn buộc đá vào cổ thì tùy anh, anh muốn lấy con Puxơlơvăng, Cupơlơvăng gì đó thì cứ việc lấy. Nhưng

(1) Tuổi có thể lấy vợ lấy chồng không cần phép cha mẹ theo luật pháp thời bấy giờ.

anh xin phép tôi thì không bao giờ được phép đâu! Thưa ông không bao giờ được!

- Ngoại ơi[1]!

- Không bao giờ được!

Nghe cái giọng lão nói "không bao giờ" Mariuytx mất hết cả hy vọng. Chàng đi qua phòng, chậm rãi, đầu cúi gục xuống, lảo đảo giống con người sắp chết hơn là con người ra đi. Lão Gilơnormăng đưa mắt nhìn theo. Lúc Mariuytx mở cửa và sắp ra ngoài thì lão vội vàng chạy lại với cái dáng mạnh mẽ già của những ông già độc đoán được chiều chuộng, lão cầm lấy cổ áo Mariuytx lôi tuột vào trong phòng, đẩy chàng ngồi xuống cái ghế bành rồi nói:

- Nào! Cháu kể lại ông nghe nào!

Hai tiếng "ngoại ơi" Mariuytx vừa buột miệng đã khiến cho lão thay đổi nhanh chóng như thế. Mariuytx nhìn lão ngơ ngác. Cái vẻ linh hoạt của lão bây giờ chỉ biểu lộ lòng độ lượng, một độ lượng cục cằn nhưng sâu sắc. Tấm lòng của người ông đã trở về.

- Nào! Mày kể tao nghe những chuyện trăng gió của mày đi! Mày phải nói hết đấy nhé! Cái bọn thanh niên thật là ngốc.

Mariuytx lại nói:

- Ngoại ơi!

Vẻ mặt của lão già bây giờ hớn ha hớn hở không sao tả xiết.

- Được đấy, cháu cứ gọi ông là ngoại thế hơn.

---

(1) Nguyên văn: *mon pere* là cha ơi. Nhưng ở ta không bao giờ gọi ông là cha dù muốn vun lớn, dù xúc cảm mạnh.

Trông dáng điệu của ông già bấy giờ có cái gì hiền từ, êm dịu, cởi mở, cha con, khiến cho Mariuytx từ tuyệt vọng chuyển sang hy vọng, con người như dại như say. Chàng ngồi cạnh bàn, ánh nến làm nổi bật bộ quần áo rách bươm, lão ngạc nhiên ngắm bộ áo. Mariuytx nói:

- Thưa ngoại, thế này...

Lão Gilonormăng ngắt lời:

- Ồ thằng này, mày thật không có một xu dính túi à? Sao mà ăn mặc như thằng ăn trộm thế?

Lão lục trong ngăn kéo lấy ra một túi bạc rồi đặt lên bàn.

- Đấy cho mày một trăm luy đấy! Mày đi sắm lấy cái mũ.

- Thưa ngoại, ngoại nhân từ và hiền hậu của con ơi! Ông có biết không? Con yêu nàng. Ông không thể tưởng tượng được con yêu nàng như thế nào? Lần đầu con thấy nàng trong vườn Luýchxămbua. Nàng thường đến đấy. Lúc đầu con không để ý đến lắm, nhưng sau không hiểu sao con hóa ra si mê. Trời ơi! Con đau khổ biết là dường nào. Bây giờ thì ngày nào con cũng gặp mặt nàng ở trong nhà nàng mà bố nàng không biết. Chúng con chiều tối nào cũng gặp nhau ở trong vườn. Bây giờ ngoại hãy tưởng tượng xem, họ sẽ ra đi. Bố nàng muốn đưa nàng sang Anh. Cho nên con mới nghĩ bụng rằng: ta phải đến thăm ông ngoại ta, kể lể đầu đuôi cho ông ngoại ta biết. Mất nàng con sẽ hóa điên ngay, con sẽ chết, con sẽ lâm bệnh, con sẽ nhảy xuống sông. Thế nào con cũng phải lấy nàng nếu không con sẽ điên mất. Thưa ngoại, đó là tất cả sự thật, con không bỏ quên điều gì hết. Nàng ở trong một cái vườn, bên ngoài có song sắt, phố Poluymê, ở cạnh viện Anhvalít.

Lão hớn hở ngồi xuống cạnh cháu. Trong khi nghe chàng, thưởng thức giọng nói của chàng, lão hít một hơi thuốc lá dài.

Nghe đến tiếng Pơluymê, lão dừng lại không hít nữa, để chỗ thuốc lá còn lại rơi cả xuống đầu gối.

- Phố Pơkuymê! Con nói phố Pơluymê à! Để ông xem!

Ở đấy có trại lính nào không? À phải rồi! Thằng cháu họ mày là Têôđuyn đã nói với ông điều ấy. Thằng sĩ quan kỵ binh ấy mà. Con bé, con bé còn nhỏ xíu. Đúng rồi, phố Pơluymê ngày xưa người ta gọi là phố Bơlômê. Ông nhớ ra rồi! Ông đã nghe nói đến con bé sau hàng rào sắt phố Pơluymê. Trong một cái vườn. Thật là một á Pamêla[1]. Mày cũng có con mắt tinh đời đấy. Ông nghe nói con bé cũng sạch mắt. Nhân tiện ông cũng nói cho mày biết cái thằng cháu họ của mày nghe đâu cũng đã ve vãn con bé. Ông không biết chuyện chúng nó đến đâu, nhưng cũng không hề gì. Vả chăng cũng không nên tin nó lắm. Tính nó hay khoe khoang. Mariuytx, ông thấy một người trẻ tuổi như con mà mê gái thì phải lắm. Đó là việc của lứa tuổi mày. Mày mê gái ông còn thích hơn là mày theo bọn cách mạng. Mày mê man một cái váy cộc hay là hai mươi cái váy cộc đi nữa cũng vẫn còn hơn là mê ngài Rôbétpie. Về phần ông, ông thú thật với con, trong những người không mặc quần cộc, ông chỉ thích có đàn bà[2]. Gái đẹp là gái đẹp. Về việc đó thì không có ý kiến gì phải phân đối hết. Còn con bé kia nó tiếp mày giấu cha nó, thế là chuyện thường tình. Ngày xưa ông cũng có những chuyện như vậy. Khối chuyện. Mày biết người ta làm thế nào không?

---

(1) Nhân vật một quyển tiểu thuyết, con nhà nghèo làm tôi ở một nhà quý tộc sau lấy con trai bà chủ nhà.

(2) Thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, đàn ông Pháp mặc quần ngắn (culotte) bó sát vào người, riêng những người cách mạng thì mặc quần dài ống rộng. Vì thế người ta gọi họ là những người "không quần cộ" (sana-culotte). Tất nhiên phụ nữ vẫn mặc váy

Người ta không xem nó ghê gớm lắm đâu. Người ta không gây nên một tấn bi kịch đâu. Người ta không kết thúc bằng hôn nhân, trước mặt ông đốc lý đeo băng đâu. Người ta phải tỏ ra khôn ngoan. Ai cũng có lương tri. Cứ phớt mẹ nó đi đừng có cưới xin gì cả. Người ta đi tìm ông ngoại, ông ngoại vốn là người dễ dãi, trong ngăn kéo bao giờ cũng có ít tập bạc. Và người ta nói: Thưa ông như thế đấy. Người ông sẽ bảo: Đó là sự thường. Trẻ phải ăn chơi, già chờ xương rụng. Ngày xưa, ông đã có thời trẻ tuổi và cháu rồi cũng sẽ già. Cháu cứ lấy tiền mà tiêu đi, sau này có, cháu sẽ trả lại cho nó. Đây là hai trăm pixtôn! Cháu cứ ăn chơi thỏa thích. Công việc phải giải quyết như thế mới được. Chẳng cưới xin, nhưng mà cứ việc. Cháu đã hiểu ông chứ?

Mariuytx ngồi đực người, không nói được một lời, chỉ lắc đầu từ chối.

Ông già cười khanh khách, nheo mí mắt già, phát một cái vào đầu gối Mariuytx, và nhìn thẳng vào mặt chàng một cách bí mật và hớn hở. Lão nhún vai một cách âu yếm, nói:

- Ngốc ơi là ngốc! Lấy nó làm nhân tình đi!

Mariuytx tái mặt. Bao nhiêu lời ông ngoại nói chàng chẳng hiểu tí gì. Mấy tiếng nhai đi nhai lại, nào đường Bơlôme, nào à Pamêla, nào sĩ quan kỵ binh, diễn qua trước mắt Mariuytx như một cảnh ma hiện. Bằng ấy thứ không có gì liên quan với Côdét, con người trong trắng như hoa huệ. Ông ta nói nhảm đấy. Những câu chuyện nhảm ấy đã kết thúc bằng một tiếng mà Mariuytx hiểu, tiếng này xúc phạm nặng nề danh dự của Côdét. Cái câu "*lấy nó làm nhân tình*" đâm vào tim chàng thanh niên như một lưỡi gươm. Chàng đứng dậy, nhặt cái mũ rơi dưới đất, rồi rắn rỏi, chàng chững chạc đi ra phía cửa

Đến cửa chàng quay mặt lại, cúi rạp xuống chào ông ngoại rồi ngẩng đầu lên nói:

- Năm năm trước đây ông đã sỉ nhục cha tôi. Hôm nay, ông lại sỉ nhục vợ tôi. Tôi không xin ông điều gì nữa cả. Xin vĩnh biệt ông.

Lão Gilơnormăng ngây người ra, miệng há hốc, giơ hai tay, cố sức đứng dậy. Nhưng lão chưa kịp nói một nửa lời, cái cửa đã đóng sập lại và Mariuytx đã biến mất.

Ông già đứng ngẩn người ra một hồi như bị sét đánh, nói không được, thở không được, tựa hồ như có ai bóp cổ mình. Cuối cùng, lão đứng phắt dậy, gắng sức chín mươi chạy nhanh ra cửa. Lão mở cửa và kêu lên:

- Cứu tôi với! Cứu tôi với!

Cô con gái chạy tới rồi đến đầy tớ. Lão rên như người sắp chết:

- Chạy theo nó! Giữ nó lại cho tôi! Tôi đã làm gì nó không biết. Nó điên rồi. Trời ơi là trời! Lần này thì thôi, không bao giờ nó trở về nữa.

Lão chạy đến cái cửa sổ trông ra ngoài đường, tay vừa mở vừa run, lão nghiêng quá nửa mình ra ngoài cửa trong lúc Bátxcơ và Nicôlét giữ đằng sau. Lão la lớn:

- Mariuytx! Mariuytx! Mariyutx! Mariyutx!

Nhưng Mariyutx không còn nghe gì nữa vì ngay lúc ấy chàng đã rẽ ngay sang con đường Xanh Luy.

Ông già chín mươi ấy hai ba lần đưa tay lên bóp thái dương, mặt có vẻ hoảng hốt. Ông bước lùi chếnh choáng rồi ngồi phịch xuống ghế, mạch không đập, nói không ra tiếng, không còn nước mắt, đầu lắc lư, đôi môi mấp máy như ngây như dại, mặt mất hết cả tinh thần, và trong lòng chỉ còn một cái gì não nuột sâu xa giống như đêm tối.

QUYỂN IX

HỌ ĐI ĐÂU?

I

GIĂNG VANGIĂNG

Cũng hôm ấy, vào khoảng bốn giờ chiều, Giăng Vangiăng ngồi một mình bên cái bờ đất vắng nhất trong thao trường Săng đơ Mácxơ. Có lẽ vì bản tính cẩn thận, có lẽ vì muốn suy nghĩ một mình hay chỉ vì trong đời người ta, tập quán cũng dần dần thay đổi, độ này ít khi ông cùng Côdét ra phố. Ông mặc áo công nhân, quần vải xám, đầu đội mũ có lưỡi trai dài che kín cả mặt. Nay ông đã yên tâm và toại nguyện về phần Côdét rồi. Những điều khiến ông băn khoăn và sợ hãi cũng đều mất. Nhưng trong vài tuần lễ nay lại có những mối lo ngại khác xảy ra. Một hôm đi chơi ngoài phố, ông chợt thấy Tênácđiê. Cũng may, ông mặc trá hình nên hắn không nhận được. Nhưng từ hôm ấy ông lại thấy hắn mấy lần và không biết chắc hắn đang làng vàng trong xóm mình. Riêng điều này cũng đủ khiến ông phải có một giải pháp kiên quyết. Có hắn đấy là có đủ mọi điều nguy hiểm.

Hơn nữa, Pari không được yên. Những lộn xộn về chính trị bất lợi cho người muốn sống lẩn lút. Bởi vì, nếu cảnh sát đã thành đa nghi, lo ngại, thì nhiều khi muốn bắt một thằng

cha loại Pêpanh hay Morê, họ lại phát hiện được một người như Giăng Vangiăng.

Ông rất lo ngại về tất cả những quan điểm này.

Cuối cùng, lại xảy ra một việc nóng hổi, rất khó hiểu càng làm cho ông thêm cảnh giác. Vừa sáng hôm ấy, ông dậy trước cả nhà, đi thơ thẩn ngoài vườn trước khi Côdét mở cửa sổ buồng ngủ. Đột nhiên, ông thấy một hàng chữ khắc trên tường, hình như có ai lấy đanh vạch vào đấy:

16 phố Verơri

Việc này vừa mới xảy ra thôi. Nét chữ trên tường vôi đen vẫn còn trắng, cây gai mọc bên tường vẫn còn lấm chấm bụi vôi. Chắc đêm qua có ai viết. Cái gì đây? Phải chăng là một địa chỉ? Hay một dấu báo hiệu cho kẻ khác? Hay một lời cảnh cáo ta? Thế nào đi nữa, rõ ràng có kẻ đã lẻn vào vườn, có những người lạ mặt đã vào đây. Ông sực nhớ đến những việc kỳ dị đã xảy ra trước đây làm cả nhà lo sợ. Ông suy nghĩ miên man. Nhưng ông không nói cho Côdét biết hàng chữ viết bằng đanh ở trên tường, sợ nàng kinh hãi.

Giăng Vangiăng suy đi tính lại, rồi quyết định rời khỏi Pari, rời bỏ nước Pháp để sang Anh. Ông đã báo trước cho Côdét biết. Ông muốn nội trong bảy, tám ngày nữa là ra đi. Ông ngồi ở bờ đất trong thao trường nghĩ vẩn nghĩ vơ: Nào thằng Tênácdiê, nào lính cảnh sát, nào hàng chữ kỳ lạ trên tường, nào cuộc viễn du, những khó khăn trong việc lấy hộ chiếu.

Đang nghĩ ngợi, băn khoăn như thế, ông chợt thấy có bóng ai in trên cỏ, người ấy vừa đến đứng trên bờ đất ngay sau lưng mình. Ông quay lại thì một tờ giấy gập làm tư rơi trên đầu gối hình như có bàn tay ai ném qua đầu mình. Ông cầm

tờ giấy mở ra xem thấy mấy chữ lớn viết bằng bút chì:

- *Dọn nhà đi!*

Giăng Văngiang đứng phắt dậy. Trên bờ đất không có ai. Nhìn quanh chỉ thấy một người, gọi là con nít thì lớn quá, gọi là người lớn thì bé quá, mặc áo khoác xám và quần nhung vải màu đất, đang bước qua bờ thành rồi tụt xuống dưới hào của thao trường.

Giăng Vangiăng liền về nhà, trong lòng suy nghĩ miên man.

II

MARIUYTX

Mariuytx ở nhà lão Gilonormăng ra, trong lòng ngao ngán. Lúc đi vào, chàng chỉ có một hy vọng nhỏ. Chàng ra đi với một nỗi thất vọng mênh mông.

Ai để ý đến lòng những người mới yêu đều hiểu khi thấy rằng chàng không băn khoăn nghĩ ngợi mảy may về câu chuyện tay Têôđuyn, trung úy kỵ binh, cái thằng ngốc cháu họ của chàng đó. Nhà viết kịch thơ có thể hy vọng câu chuyện người ông ngoại đột nhiên tiết lộ cho cháu nghe sẽ gây thêm những tình tiết kỳ kỳ. Nhưng đó chỉ là hay về kịch thôi chứ vẫn không phải là sự thực. Mariuytx đang ở vào tuổi không tin vào cái xấu. Sau này sẽ đến cái tuổi bạ cái gì cũng tin. Lòng nghi ngờ âu cũng như những nếp nhăn trên mặt thôi. Người thanh niên mới lớn lên vốn không có nếp nhăn. Cái làm điên đầu Ôtenlô[1] lại không bám được vào Căngdít[2].

---

(1) *O hello*: nhân vật một bi kịch nổi tiếng của Sếchxpia, đứng tuổi, giết vợ vì nghi vợ ngoại tình.

(2) *Candide*: nhân vật trong quyển tiểu thuyết Căngdít của Vonte, điển hình là người thanh niên lạc quan. *Candide*, tính tự có nghĩa là ngây thơ, trong trắng.

Ngờ vực Côdét ư? Chàng có thể phạm nhiều tội ác khác một cách dễ dàng chứ không phạm tội đó.

Chàng lang thang ngoài đường, lang thang là cách giải buồn của những người đau khổ. Chàng có nhớ ra điều gì cũng không nghĩ ngợi về điều đó được. Hai giờ sáng, chàng mới về nhà Cuốcphêrắc và cứ nguyên quần áo lăn đùng ra nệm. Trời nắng đã to, chàng mới thiếp ngủ, một giấc ngủ kinh hoàng, nặng nhọc, chập chờn trong nghĩ ngợi. Khi tỉnh dậy, chàng thấy Cuốcphêrắc, Ăngiônrát, Phoidi, Côngbơphe đứng trong phòng, đầu đội mũ, chực đi ra, có vẻ tất tả.

- Cậu có đi đưa đám tướng Lamác[1] không?

Chàng không hiểu Cuốcphêrắc nói gì.

Họ đi được một lát, chàng cũng ra đi. Chàng nhét vào túi áo hai khẩu súng ngắn mà Giave đã trao cho chàng trong vụ ngày mồng ba tháng Hai. Những khẩu súng này hãy còn nạp đạn. Khi mang nó đi khó lòng mà nói chàng có những tư tưởng ám muội gì.

Suốt ngày hôm ấy, chàng lảng vảng ở những nơi nào chàng cũng không biết. Chốc chốc trời đổ mưa, nhưng chàng không để ý. Chàng vào hàng bánh mì mua cái bánh ống sáo một xu để ăn trưa, nhưng nhét bánh vào túi rồi lại quên phắt. Hình như chàng có xuống sông Xen tắm nhưng chàng cũng không biết rằng mình đã tắm. Có lúc đầu người ra như bốc lửa. Chính Mariuytx đang ở trong cảnh ấy. Chàng không còn hy vọng gì nữa, không còn sợ hãi gì nữa. Hôm qua chàng đã trải qua mọi thử thách rồi. Chàng nóng ruột nóng gan chờ cho đêm đến. Trong óc chàng chỉ có một ý nghĩ sáng sủa: chín giờ tối sẽ gặp Côdét. Cái hạnh phúc cuối cùng này bây giờ là

(1) Võ quan và chính khách Pháp thuộc phe chống đối chính phủ ở hạ nghị viện Pháp thời vua Luy Philíp.

tất cả tương lai của chàng. Còn sau đó sẽ là bóng tối. Đi lang thang trên những đường phố vắng nhất, thỉnh thoảng chàng nghe hình như trong thành phố đang có những tiếng động kỳ lạ. Chàng tỉnh cơn mơ trong chốc lát, tự hỏi: Đánh nhau sao?

Vào chập tối, đúng chín giờ, như đã hứa với Côđét, chàng đến phố Poluymê. Bước đến gần hàng rào sắt, bao nhiêu nỗi ưu phiền đều tiêu tan. Đã hai ngày đêm, chàng không thấy Côđét . Giờ chàng sẽ gặp mặt nàng. Bao ý nghĩ khác đều mờ hẳn đi nhường chỗ cho một niềm vui sâu xa và vô tận. Những giây phút trong đó người ta sống hàng thế kỷ đều kỳ lạ và thiêng liêng ở chỗ nó đến là tràn ngập cả tâm hồn chúng ta.

Mariuytx đẩy song sắt nhẩy vào vườn. Đến chỗ hẹn hò mọi ngày thì không thấy Côđét. Chàng đi qua đám cây rậm rạp vào đến chỗ khuất gần thêm. Chàng nghĩ bụng: chắc nàng chờ ta ở đây. Đến đây vẫn không thấy Côđét. Chàng đi một vòng trong vườn: Vườn vắng lạnh. Chàng trở lại cạnh nhà như si như dại, hoảng hốt, lo âu, lòng đau như cắt. Như một người chủ nhà đi chơi về trễ giờ, chàng gõ cửa, Chàng cứ gõ, gõ đi gõ lại không nghĩ đến việc cửa sổ sẽ mở và bộ mặt dễ sợ của ông cha sẽ hiện ra, hỏi: ông muốn gì? Nếu như thế cũng không thấy thấm gì với điều chàng đang dự đoán. Gõ cửa chán, chàng lại lớn tiếng gọi Côđét. Chàng hét: Côđét. Chàng gọi lần nữa giọng cương quyết: Côđét! Không ai trả lời. Thôi thế là xong! Ngoài vường vắng ngắt. Trong nhà im bặt tăm hơi.

Mariuytx đưa mắt tuyệt vọng nhìn cái nhà buồn thảm kia cũng đen tối, cũng vắng lặng, lại còn trống trải hơn một nấm mồ nữa. Chàng nhìn cái ghế đá, nơi chàng đã sống bao phút thần tiên cạnh Côđét. Chàng ngồi xuống bậc thềm, lòng thấy êm dịu và kiên quyết, chàng thầm cảm tạ cuộc tình duyên của mình và tự nhủ nay Côđét đã đi rồi, chàng chỉ còn chết

nữa mà thôi.

Đột nhiên có tiếng ai từ ngoài đường gọi qua lùm cây:

- Ông Mariuytx!

Chàng chồm dậy:

- Gì thế?

- Có ông Mariuytx ở đấy không?

- Có.

- Ông Mariuytx! Người kia nói tiếp. Các bạn ông đang chờ ông ở chiến lũy phố Săngvrơri đấy!

Giọng nói không xa lạ đối với chàng. Nó cũng ồ ồ và khàn như giọng Êpônin. Mariuytx chạy đến hàng rào sắt, đẩy cái chấn song lỏng lẻo, thò đầu ra ngoài và thấy một người giống như một thanh niên đang chạy biến vào trong bóng tối.

III

CỤ MABỚP

Túi bạc của Giăng Vangiăng không giúp được gì cho cụ Mabớp hết. Bản tính liêm chính khắc khổ một cách trẻ con, cụ không chịu nhận thứ của trời cho đó. Cụ không chấp nhận một ngôi sao từ trên trời rơi xuống lại có thể biến thành những đồng tiền vàng như thế. Cụ không đoán được rằng cái vật trên trời rơi xuống này là do bàn tay của chú Gavrốt. Cụ đã đem túi bạc lên sở cảnh sát khu phố ký thác nói là mình bắt được, để ai mất của thì đến mà lấy. Rồi túi bạc bị mất thật. Chả cần phải nói, chẳng có ma nào xin về, túi bạc chẳng cứu giúp cụ được gì.

Thế rồi cụ cứ xuống dốc tiếp.

Việc trồng chàm thí nghiệm ở vườn bách thảo cũng chẳng hơn gì trong vườn của cụ ở xóm Auxteclít. Năm trước, cụ thiếu công mụ ở. Năm nay, chúng ta đã thấy, cụ mắc nợ tiền thuê nhà. Quá hạn mười ba tháng, hiệu cầm đồ đem bán những bản khắc đồng của bộ sách *Hoa quả xứ Côtarê* của cụ. Mấy hàng sanh chảo đã đem nó đúc xoong rồi. Những bản đồ khắc đồng mất đi, không còn cách gì bổ sung bộ sách *Hoa quả xứ Côtarê* bị thiếu trang, cụ cũng đem bán tống cả tranh lẫn sách cho một hàng sách cũ, coi như *bản tin thừa*. Tất cả sự nghiệp một đời của cụ nay không còn lại gì nữa. Cụ ăn vào món tiền bán những bản sách đó. Khi số tiền mọn kia đã hết, cụ không trồng trọt nữa và bỏ vườn hoang. Từ lâu cụ đã bỏ cái lệ ăn mỗi ngày hai quả trứng và thỉnh thoảng một miếng thịt bò. Cụ chỉ ăn bánh mì với khoai tây. Cụ đã bán hết những đồ gỗ cuối cùng, rồi đến tất cả những đồ dùng mà cụ có hai cái, bất cứ giường chõng, chăn màn, quần áo. Sau đó, cụ bán các tập cấy cỏ ép, các bức tranh khắc. Nhưng cụ vẫn còn giữ những bộ sách qúi nhất, trong đó có những bộ hết sức hiếm, chẳng hạn bộ *Những bài thơ tứ tuyệt vịnh sử trong Thánh kinh*, xuất bản năm 1560, bộ *Các sách Thánh kinh đối chiếu* của Pie dơ Bexơ, *Những hoa macgơrít của Macgơrít* của Giăng đơ la Hay có lời đề tặng hoàng hậu xứ Nava, cuốn sách *Chức vụ và quyền uy của người sứ thần* của Vilie Hôtmăng, một cuốn *Thi tuyển Do thái* xuất bản năm 1644, một bản *Tibuyn* 1567 với câu mào đầu rực rỡ: *Veneliis in oedibus Manutianis*. Cuối cùng là một bản sách của Diôgien Laecxơ in ở Lyông năm 1644 trong đó có những ghi chú khảo dị nổi tiếng rút ở bản chép tay 411, thế kỷ XIII, của tòa thánh Vaticăng, và những khảo dị lấy ở hai bản chép tay của thành Vơnidơ, bản 393 và bản 394, các bản này đã được Hăngri

Êchiên tham cứu có kết quả lớn, trong cuốn Laecxơ nói trên còn có những đoạn bằng thổ ngữ xứ Đoriđơ chỉ ghi trong bản chép tay thế kỷ XII lừng danh của thư viện thành phố Napơlơ.

Cụ Mabớp không bao giờ đốt lửa trong phòng ngủ. Cứ đến tối là cụ đi ngủ ngay để đỡ tốn tiền mua nến. Hình như cụ chẳng còn người láng giềng nào. Khi cụ ra khỏi nhà thì họ lánh mặt, và bản thân cụ cũng biết thế. Trẻ con nghèo khổ được các bà mẹ chý ý, chàng thanh biên nghèo khổ còn có các cô thiếu nữ thương hại, chứ ông già mà đói khổ thì chẳng có ai đoái hoài. Trong mọi cảnh quẫn bách, đây là cảnh quẫn bách lạnh lẽo nhất. Tuy vậy, cụ Mabớp vẫn chưa hoàn toàn mất hẳn bản tính hồn nhiên trong sáng trẻ con của mình. Nhìn vào những quyển sách của mình, mặt cụ còn đôi chút sinh khí, và cụ mỉm cười mỗi khi ngắm cuốn Điôgien Laecxơ là quyển chỉ mình cụ có. Ngoài những đồ dùng hết sức cần thiết, cụ chỉ còn giữ mỗi cái tủ kính.

Một hôm bà Pơkuytác nói:

- Tôi không có tiền mua sắm bữa tối.

Bữa ăn tối bà ta nói là một cái bánh mì với bốn năm củ khoai tây.

- Thì mua chịu vậy, cụ Mabớp buông gọn.

- Cụ cũng biết! Ai còn dám bán chịu cho tôi nữa!

Cụ bèn mở tủ sách ra nhìn khắp một lượt hết quyển này đến quyển kia, tần ngần dai dẳng chẳng khác gì một người cha vì bất buộc phải hy sinh một đứa con của mình nên nhìn các con trước khi chọn. Hai giờ sau, cụ trở về dưới nách không cấp sách nữa. Cụ đặt ba mươi xu lên bàn và nói:

- Đem đi mua đồ ăn.

Từ hôm ấy trở đi, bà Pơluytác thấy một tấm màn u ám phủ lên vẻ mặt hồn nhiên của ông già, và không bao giờ kéo lên nữa.

Hôm sau, hôm sau nữa, rồi hôm nào cũng như thế, lại cứ phải diễn ra cái trò ấy. Ông cụ ra đi với một quyển sách và trở về với ít tiền. Bọn buôn sách cũ thấy cụ túng bấn phải bán, nên chỉ trả hai mươi xu quyển sách cụ mua những hai chục Phơräng. Đôi khi người mua lại chính là người đã bán. Và cứ từng quyển một như vậy, lần lượt tất cả tủ sách biến đi. Đôi khi cụ nói: ta đã tám mươi tuổi rồi. Hình như trong thâm tâm cụ thầm ước được sống hết ngày trời trước khi bán hết sách trong tủ. Mối buồn ngày càng tăng. Chỉ có một lần cụ vui. Hôm ấy cụ ra đường với một quyển sách của Sôbe Êchiên, ban được ba mươi lăm xu ở bờ sông Malake, và cụ trở về với quyển sách của Andơ giá bốn mươi xu cụ vừa mua ở đường Gơre. Cụ hớn hở khoa với bà Pơluytác:

- Hôm nay tôi nợ năm xu.

Hôm ấy cụ nhịn đói.

Cụ vốn có chân trong Hội trồng cây. Trong hội, người ta biết cụ túng thiếu. Chủ tịch hội đến thăm cụ, hứa sẽ trình bày với bộ trưởng bộ Nông thương nghiệp, và đã trình bày thật. Ông bộ trưởng kêu: "Lẽ nào lại để như vậy! Tôi biết chứ. Một nhà bác học lão thành, một nhà thực vật học, một ông già hiền lành. Ta phải giúp ông ta mới được!" Hôm sau, cụ nhận được thiếp mời dự tiệc tại nhà bộ trưởng. Cụ mừng quá, vừa khoe tờ thiếp với bà Pơluytác, vừa run:

- Chúng ta thoát nạn rồi!

Đến ngày hẹn, cụ tới dinh bộ trưởng. Cụ nhận thấy cái cà - vạt nhàu nát, bộ quần áo cũ kỹ và đôi giầy đánh bóng bằng lòng trắng trứng của mình làm bọn lính hầu ngạc nhiên.

Không ai hỏi cụ, kể cả ông bộ trưởng. Đến khoảng mười giờ tối, trong khi vẫn chờ đợi một lời hỏi thăm, cụ nghe bà bộ trưởng, một người đàn bà xinh đẹp mặc áo hở cổ mà cụ không dám đến gần. Bà ta nói:

- Cụ già kia là ai vậy?

Nửa đêm, cụ đi bộ về nhà dưới trời mưa tầm tã. Lúc đi dự tiệc cụ phải bán một cuốn Endêvia để trả tiền xe ngựa.

Đêm nào, trước khi đi ngủ, cụ cũng quen đọc vài trang cuốn Điôgien Laecxơ của cụ. Cụ khá sành tiếng Hy Lạp, đủ để thưởng thức những điểm đặc biệt trong văn bản sách đó. Cụ không còn thú vui nào khác. Mấy tuần trôi qua. Đột nhiên bà Pơluytác lăn ra ốm. Không có tiền mua bánh mì đã buồn lắm rồi, không có tiền mua thuốc lại càng buồn hơn. Một tối, thầy thuốc kê một thứ thuốc đắt tiền quá. Rồi thì bệnh tình trở nặng cần phải có người săn sóc. Cụ Mabớp mở tủ sách. Không còn gì nữa. Quyển sách cuối cùng đã bán rồi, chỉ còn độc quyền Điôgien Laecxơ.

Cụ cắp cuốn sách độc bản đi ra. Đó là hôm mồng 4 tháng 6 năm 1832. Cụ đến cửa Xanh Giắc, vào hàng sách Rôion, nay người khác kế nghiệp và trở về với một trăm phơrăng. Cụ đặt cọc bạc gồm hai mươi đồng năm phơrăng lên cái bàn ở đầu giường bà già rồi về phòng riêng không nói một lời.

Sáng hôm sau, từ rạng đông cụ đã ra vườn ngồi trên cái trụ đổ. Đứng ngoài đường, nhìn qua hàng rào, người ta có thể thấy cụ ngồi cúi mặt suốt cả buổi sáng, đôi mắt thẫn thờ nhìn những luống hoa khô héo. Chốc chốc trời đổ mưa, nhưng hình như cụ không biết. Đến xế, nghe có những tiếng kỳ lạ vang dội trong thành Pari. Hình như có tiếng súng và có đông người hét. Cụ ngẩng đầu lên nhìn thấy một người làm vườn

đi qua bèn hỏi:

- Cái gì thế?

Người làm vườn vai vác mai trả lời điềm nhiên:

- Khởi nghĩa.

- Thế nào? Khởi nghĩa à?

- Phải. Người ta đánh nhau.

- Tại sao người ta đánh nhau?

- Chao! Nào ai biết!

- Ở đâu thế?

- Phía xưởng quân khí.

Cụ Mabớp vào nhà cầm mũ. Quen như mọi hôm, cụ cũng tìm một quyển sách để cắp đi, nhưng không còn quyển nào nữa. Cụ nói: Ừ nhỉ! Rồi vẻ nhớn nhơ nhớn nhác, cụ ra đường.

QUYỂN X

NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1832

I

BỀ MẶT CỦA VẤN ĐỀ

Bạo khởi bao gồm những gì? Chẳng gì và là tất cả. Một luồng điện tỏa dần dần, một ngọn lửa đột nhiên nảy ra, một sức mạnh đang lang thang, một luồng gió bay qua. Luồng gió đó đã gặp những tâm hồn đau khổ, những dục vọng bốc cháy, những cùng khổ đang rú lên, và thổi cuốn những cái đó đi.

Đi đâu?

Những nơi vô định. Đi qua Nhà nước, qua nhuững luật pháp, qua cái thịnh vượng và cái xấc láo của kẻ khác.

Những tin tưởng tức bực, những hăng hái chán chường, những bất bình xúc động, những bản năng hung hăng bị nén ép, những tuổi trẻ can cường bị kích thích, những độ lượng mù quáng, tính hiếu kỳ, tính ưa thay đổi, sự khao khát cái bất ngờ, cái thích thú được xem diễn một trò mới và nghe tiếng còi của người quản trò, những hằn thù vớ vẩn, những oán hận, những thất ý, mọi kiêu hãnh của người đổ lỗi cho số kiếp, những khó chịu, những mộng rồng, những tham vọng gặp khó khăn, những kẻ hy vọng tìm thấy lối thoát trong

cảnh sụp đổ, cuối cùng, ở bậc thấp nhất, cái thứ than bùn bất lửa, đó là các yếu tố của bạo khởi.

Ở đó có cái gì vĩ đại nhất cũng như cái gì nhỏ nhoi nhất. Những sinh linh lò dò ở bên ngoài tất thảy, rình chờ một cơ hội, bọn lang thang, bọn vô lại, bọn ma cà bông các ngã tư phố, những kẻ màn trời chiếu đất, những người kiếm bánh ăn hú họa chứ không ở công việc lao động, những kẻ không tên tuổi trong cùng khổ và hư vô, những tay trần chân trụi đều thuộc về bạo khởi.

Ai mang trong lòng một niềm chống đối thầm kín về một sự kiện nào của nhà nước, của cuộc sống hoặc với số phận là người tiếp giáp với bạo khởi; khi bạo khởi xuất hiện thì họ bắt đầu rung động và cảm thấy như bốc lên bởi cơn bão lốc.

Bạo khởi là một cơn gió hút trong không khí xã hội tạo nên đột ngột trong những điều kiện thời tiết nào đó, trong quay cuồng nó bốc lên, chạy, thét, rít bỏ, san bằng, đè bẹp, đạp đổ, nhổ trốc gốc, cuốn theo nó những bản chất lớn lao cũng như nhỏ yếu, con người kiên cường cũng như con người nhu nhược, cái thân cây cũng như cọng rơm rạ.

Bất hạnh thay những ai bị nó cuốn đi, cũng như những ai bị nó va phải! Nó đem kẻ nọ giập vào người kia cho tan vỡ.

Nó truyền cho những người nó tóm được một mãnh lực phi thường. Ai tầm thường bao nhiêu gặp nó cũng trở nên tràn đầy sức sống của thời cuộc, thứ gì nó cũng biến thành tên đạn để phóng đi. Nó đem hòn đá cuội làm nên viên đạn đại bác, anh phu khuân vác làm nên vị tướng chỉ huy.

Một đôi câu sấm truyền trong các học thuyết chính trị giáo quyệt thì đứng về quan điểm uy quyền, phải cầu cho có chút

ít bạo khởi. Giáo lý: bạo khởi củng cố cái chính quyền mà nó không lật đổ được. Bạo khởi thử thách quân đội, tập trung giai tầng tư sản, làm giãn gân cốt cho cảnh sát, xác nghiệm sự chắc chắn của giàn giá xã hội. Đó là một môn thể dục, hầu như là một phép dưỡng sinh. Chính quyền sẽ mạnh khỏe hơn sau một vụ bạo khởi, cũng như con người sau khi xoa bóp.

Ba mươi năm về trước, bạo khởi lại còn được xem xét trên một quan điểm khác nữa.

Về việc gì cũng có một lý thuyết tự xưng là "lương tri"; Philanhtơ chống Anxextơ; trọng tài hòa giải giữa chân và giả; giải thích, cảnh cáo, giảm khinh có chút kiêu kỳ mà tự cho là khôn ngoan, bởi vì có pha lẫn khiển trách và thờ thứ, nhưng thực ra chỉ là sính tri thức. Cả một trường phái chính trị mệnh danh là trung dung đã xuất phát từ đó. Giữa nước lạnh và nước nóng, đó là phe nước ấm ấm. Với cái sâu sắc giả kỳ thật là nông nổi, trường phái đó mổ xẻ hậu quả mà không truy đến nguyên nhân và đứng trên diễn đàn bán - thông - thái của mình mà mạt sát những náo loạn ở nơi công cộng.

Hãy nghe trường phái đó nói: "Những bạo khởi làm rắc rối sự kiện 1830 đã làm mất tính cách thuần nhất của biến cố lớn lao đó. Khởi nghĩa tháng Bảy là một luồng gió bình dân mạnh mẽ sau đó bỗng hiện trời xanh. Các bạo khởi khiến cho thanh thiên tái hiện. Nó làm cho cuộc cách mạng đang nhất tề là thế biến chất thành xung đột. Trong Cách mạng tháng Bảy cũng như trong mọi bước tiến bộ nhảy cóc, có những rạn nứt, chính bạo khởi làm cho những rạn nứt đó dễ thấy. Người ta có thể nói: "À! cái này đã vỡ". Sau Cách mạng tháng Bảy, người ta chỉ cảm thấy sự giải thoát, sau các bạo khởi, người ta cảm thấy tai họa.

"Mọi bạo khởi làm các hiệu buôn đóng cửa, vốn sụt, sở giao dịch chứng khoán kinh hoàng, thương mại đình trệ, kinh doanh trở ngại, phá sản dồn gấp; hết tiền; gia sản tư nhân lo âu, công quĩ rúng động, công nghiệp ngập ngừng, tư bản lùi bước, lao động hạ giá, đâu đâu cũng có hiện tượng sợ hãi, dội phản xảy ra khắp các thành phố. Do đó những vực thẳm mở ra. Người ta tính ngày đầu bạo khởi đã làm nước Pháp tổn thất hai mươi triệu, ngày thứ hai bốn mươi, ngày thứ ba sáu mươi. Một cuộc bạo khởi ba ngày làm tốn một trăm hai mươi triệ;: nếu chỉ xét về hậu quả tài chính thì tổn thất đó ngang với một tai họa kiểu đắm tàu hay thất trận làm hủy hoại một hạm đội sáu mươi tàu chiến đấu.

"Dành rằng về phương diện lịch sử thì bạo khởi cũng có cái đẹp của nó: Giặc trên đường phố hùng tráng, cảm động không kém giặc trong lùm cây. Ở đó có linh hồn của rừng rú, ở đây là trái tim của thị thành. Ở đó có Giăng Suăng, ở đây có Giannơ. Bạo khởi soi rọi bằng đèn đỏ, nhưng rực rỡ, các khía cạnh độc đáo trong tính cách con người Pari, lòng quảng đại, sự tận tình, cái vui tính náo nhiệt, sự chứng thực dũng cảm là bộ phận của thông minh qua các sinh viên, quốc dân quân không lay chuyển, lều hành quân của các anh chủ hiệu, pháo đại của lũ nhóc con, sự khinh thường chết chóc của khách qua đường. Trường học và binh đoàn đấu với nhau. Chung qui giữa các đối thủ chỉ có sự khác biệt về tuổi tác. Cùng một chủng tộc, cùng một loại người dũng cảm đó thôi, những kẻ tuổi hai mươi chết vì lý tưởng, những kẻ bốn mươi chết vì gia đình. Luôn luôn buồn bã trong các cuộc nội chiến, quân đội lấy thận trọng địch với táo bạo. Trong khi phô bày cảnh dũng cảm của dân chúng, bạo khởi rèn luyện lòng can đảm cho tư sản.

"Tốt lắm. Nhưng tất cả những cái đó có ngang bằng với bấy nhiêu máu đổ hay không? Rồi cộng với đổ máu, còn có tương lai tối mò, tiến hóa bị thương tổn, lo âu xâm chiếm những người tốt, những người phái tự do trung thực bị thất vọng, các chế độ độc đoán nước ngoài đắc ý vì những vết thương cách mạng tự gây cho mình, những người bại trận năm 1830 đắc chí nói: "Chúng ta đã bảo trước mà!" Phải thêm vào điều này: Pari lớn thêm có lẽ, nhưng nước Pháp bé đi, chắc rồi. Thêm nữa, vì cần phải nói cho hết, những cuộc tàn sát, những cuộc tàn sát thường hay làm ô nhục chiến thắng của trật tự - đã trở thành hung tợn - đối với tự do đã hóa điên rồ. Chung qui bạo khởi là tai hại!"

Đó là lời lẽ của cái gần như là sự khôn ngoan, mà cái gần như dân chúng, tức là giai cấp tư sản, vui lòng chấp nhận.

Về phần chúng tôi, chúng tôi bác cái danh từ quá rộng nghĩa, do đó quá tiện lợi là: những cuộc bạo khởi. Giữa một phong trào dân chúng này là một phong trào dân chúng khác, chúng tôi có phân biệt. Chúng tôi không tự hỏi một cuộc bạo khởi có tốn bằng một trận đánh? Ở đây vấn đề chiến tranh lại đặt ra. Chiến tranh có phải là một đại họa ít nặng nề hơn bạo khởi hay không? Vả lại, có phải tất cả các cuộc bạo khởi đều là đại họa không? Và 14 tháng Bảy làm tốn một trăm hai mươi triệu bao giờ? Chỉ có việc đặt Philíp V lên ngai vàng Tây Ban Nha là đã làm tốn cho Pháp hai tỉ. Dù có tốn ngang nhau đi nữa, chúng tôi cũng chọn 14 tháng Bảy. Vả lại chúng tôi bác bỏ những con số có vẻ lý lẽ mà thực ra chỉ là danh từ đó. Đối với một cuộc bạo khởi nhất định, chúng tôi nhận xét nó tự trong bản thân nó. Những sự bác khước có tính cách lý thuyết trình bày ở trên, chỉ nêu hậu quả, chúng tôi

thì tìm nguyên nhân.

Chúng tôi nói cụ thể hơn.

III

BỀ SÂU CỦA VẤN ĐỀ

Có bạo khởi và có khởi nghĩa. Đó là hai thứ phẫn nộ, một thứ sai lầm, một thứ chính đáng. Trong các nhà nước dân chủ, những nhà nước duy nhất có cơ sở công lý, một đôi khi một bộ phận tiếm quyền. Lúc đó cái toàn thể đứng lên và sự yêu sách quyền lợi tất yếu của họ có thể đưa đến việc cầm vũ khí. Trong mọi vấn đề thuộc chủ quyền tập thể, chiến tranh của toàn thể chống bổn phận gọi là khởi nghĩa, còn khi bộ phận tấn công toàn thể là bạo khởi. Diện Tuylơri bị tấn công chính đáng hay không chính đáng là tùy vua đóng ở đó hay viện Khế ước. Cũng một khẩu đại bác đó chĩa vào công chúng mà ngày 10 tháng Tám là phải, ngày 14 tháng hái nho là trái. Hình thức thì như nhau, nội dung lại khác nhau. Bọn lính Thụy Sĩ bảo vệ cái sai, Bônapác bênh vực cái đúng. Cái gì mà phổ thông đầu phiếu làm nên, trong tự do và chủ quyền thì đường phố không thể hủy phá. Cũng thế trong những vấn đề thuần túy văn hóa: bản năng của đám đông hôm qua sáng suốt ngày mai có thể rối loạn. Cuồng nộ chống Têrê là chính đáng, chống Tuyếcgô là vô lý. Đập phá máy móc, cướp bóc kho khí cụ, cạy đường ray, phá hủy bến tàu, những lầm lạc của quần chúng, những bác khước của nhân dân đối với tiến bộ, Ramuýt bị học sinh giết hại, Rútxô bị ném đá xua đuổi khỏi Thụy Sĩ, đó là bạo khởi. Itxraen chống Môidơ, Aten chống Phôxiông, Rômơ trị Xipiông đó là bạo khởi. Pari tấn công nhà

ngục La Baxtiơ là khởi nghĩa. Binh lính chống lại Alêxăng, thủy thủ phản đối Cơtixtôphơ Côlông, cùng là một loại khởi loạn, khởi loạn vô đạo! Vì sao? Là vì Alêcxăng với lưỡi gươm đã làm cho châu Á cái sự nghiệp mà Côlông làm cho châu Mỹ với chiếc địa bàn. Alêcxăng cũng như Côlông đã tìm ra một thế giới. Khi tặng phẩm dâng cho tiến bộ là cả một thế giới thì khối lượng ánh sáng của nền văn minh được tăng nhiều đến nỗi một chống đối nào cũng là tội lỗi. Một đôi khi nhân dân không tự trung thành đối với mình. Quần chúng phản nhân dân. Chẳng hạn còn gì lạ lùng hơn cuộc chống đối dai dẳng và đẫm máu của những người buôn muối lậu, một vụ nổi loạn kinh niên chính đáng thế mà đến phút quyết định, đến ngày giải cứu, đến giờ nhân dân chiến thắng, lại ngả về phía vua, trở thành loạn bảo hoàng, và từ khởi nghĩa chống đối, hóa ra bạo khởi bênh vực! Rõ là một kiệt tác tối tăm của ngu dốt! Chú buôn muối lậu thoát khỏi giá treo cổ của nhà vua và với đoạn dây còn lủng lẳng ở cổ, anh ta trương huy hiệu trắng ra[1]. Tiếng thét: Bỏ ngay thuế muối, lại đẻ ra tiếng hô: Hoàng thượng vạn tuế! Bọn giết người đêm Xanh Bactêlơmy, bọn cắt cổ tháng Chín, lũ sát nhân ở Avinhông, những tên ám sát đô đốc Côlinhi, phu nhân Đơ Lăngban, tướng Bruynơ, bọn lâu la, chuyên viên đầu độc, kiêu binh, đồ đảng của Giêhu, kỵ sĩ tội ác, đó là bạo khởi. Vụ Văngđê[2] là một cuộc bạo khởi Thiên chúa giáo lớn.

---

(1) Huy hiệu bảo hoàng.

(2) Cuộc khởi loạn lớn của nông dân bảo hoàng tỉnh Văngđê chống chính quyền Cách mạng do bọn cha cố chống đối xúi giục.

Tiếng chuyển động của nhân quyền có thể nhận ra được và không phải bao giờ nó cũng xuất phát từ những rung chuyển của đám đông xáo trộn. Có những cuồng nộ, có những tiếng chuông rè; không phải mọi chuông, kẻng đều dóng cái tiếng của đồng đen. Sự di đảo của dục vọng và ngu dốt khác cái chuyển động của tiến hóa.

Các anh đứng lên, được, nhưng để mà lớn mạnh. Các anh hãy chỉ cho tôi biết các anh đi về phía nào. Khởi nghĩa chỉ có ở phía trước. Dứng lên về phía nào khác cũng là sai. Bước mạnh về phía sau là bạo khởi, lùi là hành hung nhân loại. Khởi nghĩa là cơn điên của chân lý, những viên đá lát đường mà khởi nghĩa xáo động tóe lên những tia lửa chính nghĩa. Chính những viên đá ấy chỉ để lại bùn dơ cho bạo khởi. Đăngtông chống Luy XVI là khởi nghĩa, Hêbe chống Đăngtông là bạo khởi.

Do đó, trong những trường hợp nhất định, như Laphayét nói, khởi nghĩa có thể có bổn phận thiêng liêng nhất, thì bạo động có thể là tội phạm tai hại nhất. Cũng có chỗ khác nhau về độ nhiệt: khởi nghĩa thường thường là núi lửa, bạo khởi thường là lửa rơm.

Một đôi khi, chúng tôi đã nói - chính bộ phận cầm quyền nổi loạn. Pôlinhác là một người bạo khởi. Cami Đêmulanh là một nhà cầm quyền.

Cũng có khi khởi nghĩa là phục sinh.

Giải pháp toàn diện kiểu phổ thông đầu phiếu là một sự kiện hiện đại, cả quá trình lịch sử về trước, bốn nghìn năm, đầy rẫy những vi phạm nhân quyền và những đau thương của quần chúng, cho nên mỗi thời đại lịch sử đều mang đến cái hình thức phản kháng mà nó có thể tìm được. Dưới triều

đại các hoàng đế Xêda, không có khởi nghĩa, nhưng có Giuyvênan[1].

Sự "phẫn nộ thành thơ"[2] đã thay thế anh em Grắc.

Với các Xêda có con người lưu vong đất Xyenơ, cũng có người làm *Biên niên sử*.

Chúng tôi không nói đến cơn người vĩ đại bị đày ở Pacmốtx. Ông này nhân danh thế giới lý tưởng mà lên án thế giới hiện thực, đem ảo ảnh làm nên một áng thơ đả kích lớn lao và rọi vào các xã hội Rôm - Ninivơ, Rôm - Baybylônơ, Rôm - xôđơm, cái ánh sáng phản chiếu từ một thế giới thần kỳ,

Giăng trên mỏm đá, là con xphanh trên đế, người ta có thể không hiểu hắn; đó là một người Do Thái và tiếng của hắn là tiếng Êbrơ; nhưng người viết *Biên niên sử* là một người Latini, còn hơn thế, một người La Mã[3].

Vì các bạo chúa kiểu Nêrông trị vì một cách đen tối, cho nên phải vẽ chúng với màu đen. Chỉ khắc họa không thôi thì hãy còn mờ lắm: phải đổ vào các nét trủng một thứ văn xuôi thật đậm, có sức ăn mòn.

Bọn chuyên chế ít nhiều tác động đến các nhà tư tưởng. Lời bị trói buộc là lời dữ dội. Khi bạo chúa bắt dân chúng câm hơi lặng tiếng, thì nhà văn nhân đôi, nhân ba lời văn của mình. Từ trong cái im lặng sẽ nẩy ra một sự viên mãn huyền bí, nó chắt lọc và đông cứng thành đồng đen trong tâm tưởng. Sự nén ép trong lịch sử làm nên sự cô đúc gẫy gọn

---

(1) *Juvénal*: nhà thơ trào phúng La Mã (thế kỷ X) đã chỉ trích sâu sắc những tệ hại đương thời.

(2) Nguyên văn latinh: *Facit indignatio*, do Giuyvênan đã kêu *Facit indignatio versum* (Phẫn nộ làm ra thơ)

(3) *Latinle*, chỉ toàn xứ. La mã (Rôm) chỉ thủ đô khi muốn phân biệt.

của sử gia. Chất chắc nịch như hoa cương trong văn chỉ là sự dồn ép làm nên bởi bạo chúa.

Bạo quyền buộc nhà văn phải thu ngắn đường kính, mà sự thu ngắn này lại làm tăng sức mạnh cho văn chương. Câu văn nhịp nhàng dằng dặc của Xixêron, tạm đủ để nói về Veretx , sẽ cùn đi khi nói về [illegible]liguyla. Câu văn kém dẻnh dàng thì sức đả kích tăng lên. Taxitơ suy nghĩ bằng những lời ngắn gọn.

Sự trung thực của một quả tim lớn, cô đúc thành chính nghĩa và chân lý, có sức mạnh của sấm sét.

Cũng nên nói qua là Taxitơ không cùng sống với Xêda, xét về phương diện sử học. Bọn Tiberơ được dành cho ông ta. Xêda và Taxitơ là hai hiện tượng nối tiếp nhau. Trong cuộc đạo diễn lịch sử, đấng lo bố trí việc ra trò và vào buồng của diễn viên đã hết sức tránh không cho hai người ấy gặp nhau. Xêda vĩ đại, Taxitơ cũng vĩ đại. Chúa chiếu cố hai đỉnh cao đó, không cho nó va chạm nhau. Người xử án lên án Xêda có thể làm mạnh tay quá và thiếu công minh. Chúa không muốn thế. Những chiến trận lớn ở châu Phi và Tây Ban Nha, bọn cướp ở Xilixi bị tiêu diệt, văn minh được đưa sang xứ Gôlơ, xứ Brơtanhơ, xứ Giécmani, tất cả vinh quang ấy tỏa trùm lên sông Ruybicông[1]. Ở đây thiên đình đã tỏ ra tế nhị, không muốn thả cho nhà sử học hùng tài cấu xé người thoán vị bất hủ, miễn cho Xêda khỏi chịu đựng Taxitơ, và chấp nhận những điều châm chước đối với thiên tài.

Tất nhiên, chuyên chế vẫn là chuyên chế, dù kẻ chuyên chế có là một thiên tài. Với bạo chúa thiên tài thì có hư hỏng trong xã hội, nhưng với bạo chúa đểu cáng, cảnh trụy đọa

(1) *Rubicon*: con sông ngăn cách đất Ý và đất Gôlơ. Xêda đã vượt sông ấy lập những chiến công nói trên.

tinh thần lại càng ghê tởm hơn. Không gì che giấu nổi sự ô nhục ở các triều đại đó; và những người công phán như Taxitơ và Giuyvênan mà mạt sát sự đê hèn thối tha không khống chế được đó trước nhân loại thì ích lợi hơn.

Rôm dưới triều đại Xyla thối hơn dưới triều đại Vitenliuýt. Với Clôđơ và Đômixiêng, đê hèn biến dạng phù hợp với sự xấu xa của bạo chúa. Sự đê tiện của nô lệ là một sản phẩm trực tiếp của bạo chúa. Chướng khí bốc lên từ những lương tâm ao tù phản chiếu hình ảnh ông chủ. Quyền lực pháp chế đê hèn, lòng người nhỏ mọn. lương tâm bò rạp, tâm hồn hôi hám. Đó là tình trạng chính quyền dưới triều đại Caracanla, với Commôđơ cũng thế, với Heliôgabalơ cũng thế, trong khi với Xêda thì nguyên lão nghị viện chỉ toát ra cái mùi nồng nặc phân chim trong ổ phượng hoàng.

Do đó mà Taxitơ và Giuyvênan sinh ra có vẻ muộn màng. Người chứng minh chỉ xuất hiện đúng lúc mà sự chứng minh không chối cãi được.

Tuy nhiên Giuyvênan và Taxitơ, cũng như Ixai thời Thánh kinh, Đăngtơ thời trung cổ, chỉ là con người. Bạo khởi và khởi nghĩa là quần chúng, quần chúng thì khi đúng khi sai.

Trong những trường hợp phổ biến nhất, bạo khởi nảy ra từ một sự việc cụ thể, khởi nghĩa thì luôn luôn là một hiện tượng tinh thần. Bạo khởi là Madanienlô, khởi nghĩa là Xpactaquytx. Khởi nghĩa thuộc về trí tuệ, bạo khởi thuộc về dạ dày. Dạ dày không phải lúc nào cũng có lỗi. Trong đói khát, bạo khởi, như vụ Bulăngxe chẳng hạn, có một xuất phát điểm chân thực, thảm thương và chính trực. Tuy nhiên vẫn là bạo khởi. Vì sao vậy? Vì về nội dung nó hợp lý nhưng về hình thức nó sai trái. Hung tợn, dù có chính nghĩa, kịch liệt, dù có sức mạnh, nó húc bừa bãi. Nó tiến tới như một chú voi

mù. Vừa đi vừa giày xéo. Nó để lại sau chân nó những thi thể cụ già, phụ nữ, trẻ em. Nó làm đổ máu những người vô hại, những kẻ vô tội, không biết để làm gì. Kiếm cái ăn cho nhân dân là một mục đích tốt, tàn sát họ là một phương pháp tồi.

Những cuộc phản kháng vũ trang ngay cả những vụ chính đáng nhất, như vụ 10 tháng Tám, vụ 14 tháng Bảy đều bắt đầu bằng náo loạn. Trước khi chính nghĩa xuất hiện, có náo động và sủi bọt. Lúc đầu khởi nghĩa là bạo khởi cũng như sông bắt đầu bằng suối. Thường thường, nó đưa đến đại dương: cách mạng. Tuy nhiên cũng có đôi khi, xuất phát từ những núi cao vòi vọi trên chân trời đạo đức, công lý, trí tuệ, lương tri, chính nghĩa cấu tạo từ tinh tuyết của lý thưởng, đổ liên miên từ mỏm đá nọ xuống mỏm đá kia, sau khi phản chiếu mây trời trong lòng trong suốt, lớn dội lên do hàng trăm phụ lưu góp đến, và mang trong dáng dấp cái oai phong của chiến thắng, khởi nghĩa lại mất hút vào một vũng lầy tư sản, như sông Ranh lẩn mất trong ao đầm.

Tất cả những cái này thuộc về quá khứ, tương lai thì khác. Phổ thông đầu phiếu có điều này đáng phục là nó làm tiêu tan bạo khởi từ trong nguyên lý và, trong khi cho phản kháng cái quyền được tỏ bày ý kiến bằng lá phiếu, đã tước vũ khí khởi nghĩa của nó. Tiến hóa tất yếu phải thủ tiêu chiến tranh, chiến tranh trên đường phố cũng như chiến tranh ở biên giới. Dù Hôm Nay là thế nào hòa bình vẫn là Ngày Mai.

Thực ra khởi nghĩa và bạo khởi khác nhau thế nào, người tư sản chính cống ít phân biệt được những sắc thái đó. Đối với anh ta, khởi nghĩa và bạo khởi đều chỉ là chống đối, là nổi loạn đơn thuần, là sự nổi dậy của con chó chống ông chủ, là sự nhe răng định cắn, phải trừng trị bằng chuồng và xích,

là sủa, là gào; cho đến lúc cái đầu con chó lớn lên đột ngột và lờ mờ hiện thành một cái mặt sư tử trong bóng đen.

Lúc ấy, anh tư sản hô: Nhân dân vạn tuế!

Đã giải thích như thế rồi, thì đối với lịch sử, phong trào tháng 6 năm 1832 là gì? Là bạo khởi hay là khởi nghĩa?

Đó là một cuộc khởi nghĩa.

Trong việc đạo diễn lại cái biến cố dữ dội này, đôi lúc chúng tôi gọi nó là bạo khởi, gọi như thế chỉ là để nói về những sự kiện bề mặt, và vẫn luôn luôn duy trì sự phân biệt giữa cái hình thức bạo khởi và nội dung khởi nghĩa.

Phong trào 1832, nổ ra mau lẹ và bị dập tắt thảm thương, có dáng dấp hùng vĩ đến nỗi những ai cho nó là bạo khởi cũng phải nói đến một cách kính phục. Đối với họ, đây là một cái đuôi của 1830. Họ nói, những đầu óc xúc động mạnh không thể lấy lại bình tĩnh trong một sớm một chiều. Một cuộc cách mạng không thể bị cắt đứt dứt khoát. Bao giờ nó cũng còn uốn lượn một vài cái trước khi trở về trạng thái yên ổn, cũng như một ngọn núi lúc trở xuống đồng bằng. - Không có dải núi Anpơ mà không có cao nguyên Giuyra, không có dải Pyrênê mà không có những ngọn đồi Atxtuyri.

Cuộc khủng khoảng thảm thiết trong lịch sử hiện đại mà ký ức người Pari gọi là *thời kỳ những bạo khởi*, rõ ràng là một giờ đặc biệt trong các giờ phút dông tố của thế kỷ này.

Xin nói một lời cuối cùng trước khi đi vào câu chuyện.

Những sự việc sắp kể đây thuộc về cái hiện thực bi hùng sống động mà lịch sử đôi khi làm ngơ vì thiếu thì giờ, thiếu giấy mực. Thế mà ở đấy, chúng tôi nhấn mạnh, ở đấy mới là sự sống, sự phập phồng, sự rung động của nhân loại. Những

chi tiết - chúng tôi tưởng là đã nói điều này rồi - có thể coi là lá của các biến cố lớn, và mờ nhạt đi trong khoảng xa xăm của lịch sử. Thời kỳ gọi là *thời kỳ những bạo khởi* có vô số những chi tiết kiểu ấy. Những cuộc thẩm tra của tư pháp, vì những lý do khác lịch sử không vạch trần ra hết, cũng có lẽ không đi sâu vào hết. Vì thế, chúng tôi sẽ đưa ra ánh sáng một số sự việc mà người ta không biết, một số sự việc mà những người này quên đi, những người kia vì chết nên không thể kể lại, bên cạnh những điều mà người ta đã biết vì được công bố. Phần lớn những diễn viên của các tấn trò khổng lồ này đã chết, ngay ngày hôm sau họ đã im tiếng rồi. Nhưng những gì chúng tôi kể, chúng tôi có thể nói: chính mắt chúng tôi đã trông thấy. Chúng tôi sẽ thay đổi một đôi tên họ, bởi vì lịch sử tường thuật chứ không tố giác, nhưng chúng tôi diễn tả những việc thật. Trong khuôn khổ cuốn sách mà chúng tôi viết đây, chúng tôi sẽ chỉ minh họa một phương diện và một lớp trò - chắc chắn là lớp người ta ít biết nhất - một lớp trò trong những ngày 5 và 6 tháng Sáu 1832. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ có cách làm cho bạn đọc nhìn thấy bộ mặt thật của cái biến cố công cộng này, ở sau bức màn mà chúng tôi giở lên.

III

MỘT ĐÁM TANG: CƠ HỘI ĐỂ TÁI SINH

Mùa xuân năm 1832. Ba tháng rồi, bệnh dịch tả đã làm mọi người khiếp vía và khiến cho đầu óc mọi người trước kia hỗn loạn, nay đã dịu dần đi trong cảnh u buồn. Tuy vậy, Pari từ lâu hình như đã sẵn sàng chờ một cuộc chấn động. Thành phố to lớn này giống như một khẩu trọng pháo. Nạp đạn rồi,

chỉ cần một ngòi lửa là viên đạn bay ra. Tháng Sáu năm 1832 cái chết của tướng Lamác chính là cái tia lửa châm ngòi vậy.

Lamác là một người có danh vọng và một con người hành động. Trong thời đế chế cũng như trong thời gian quân chủ phục hưng, ông đã có được hai loại dũng cảm kế tiếp nhau, cần thiết cho hai giai đoạn: dũng cảm trên bãi chiến trường và dũng cảm trên diễn đàn. Ông ăn nói hùng hồn cũng như ông đã từng chiến đấu anh dũng. Trong lời nói của ông nghe như có gươm đao. Cũng như tướng Phôi[1], người đi trước ông, sau khi đã nêu cao quân lệnh, ông đã nêu cao quyền tự do. Ở nghị viện, ông ở giữa phái tả và phái cực tả. Nhân dân yêu qúi ông, vì ông dám chọn phía tương lai, dân chúng thích ông, vì ông đã tận trung với hoàng đế. Cùng với các bá tước Giêra và Druê, ông là một thống chế cỡ nhỏ[2] của hoàng đế Napôlêông. Những hòa ước 1815 làm ông bất bình như là một điều xúc phạm đối với bản thân. Ông căm ghét Oenlinhtơn ra mặt nên quần chúng càng ưa thích ông. Mười bảy năm nay, trong khi thờ ơ đối với những biến cố quá độ, ông vẫn khẳng khái giữ nguyên mối buồn về trận Oateclô. Khi hấp hối, đến phút cuối cùng ông còn xiết chặt vào ngực thanh gươm mà các võ quan thời Bách nhật đã trao tặng. Napôlêông chết, miệng còn nhắc hai chữ *quân đội*. Lamác mất đi, miệng còn lẩm bẩm hai tiếng *tổ quốc*.

Mọi người đều biết ông sắp chết. Nhân dân lo ngại vì đó là một tổn thất cho họ, chính phủ lo ngại vì đó là một cơ hội

(1) Foy: một nghị viên tiến bộ.

(2) Nguyên văn la - tinh: *inpetlo*.

bạo động. Cái chết của ông là một tang chung. Như mọi điều chua xót, lòng nhớ tiếc có thể biến thành sự nổi loạn. Mà quả thực thế.

Ngay hôm trước và sáng ngày 5 tháng Sáu là ngày đưa đám, ô Xanh Ăngtoan, nơi đám tang đi qua, xem có vẻ dễ sợ. Ở đây, phố xá đông đúc đâm ra nhốn nháo. Ai cũng lo tự võ trang với những điều kiện của mình. Những người thợ mộc mang theo cái mấu ở bàn làm nghề "để phá cửa". Một anh lấy cái móc của nhà làm giày rơm, bỏ đầu móc, mài nhọn đoạn dưới, để dùng làm dao găm. Một anh khác, nóng ruột muốn đánh nhau quá, nên ba ngày liền mặc nguyên quần áo mà ngủ. Một người thợ mộc là Lombiê, gặp một người bạn. Người bạn hỏi: Cậu đi đâu? - Tớ chẳng có khí giới gì hết. - Thì rồi sao? - Tớ đến xưởng lấy cái compa - Để làm gì? - Cũng chẳng biết. Một anh là Giắccơlin, người tháo vát, gặp người thợ nào cũng gọi: Này lại đây! Anh ta đãi mười xu rượu vang và nói: Đã có công việc chưa? - Chưa. - Cứ đến nhà Phitpie ở giữa cửa Môngtơrơi và cửa Saron thì sẽ có việc mà làm. Ở nhà Phitpie có đạn dược và khí giới. Một vài người cầm đầu quen thuộc chạy nhà này sang nhà khác để tập hợp quần chúng. Khách uống rượu ở tiệm Bactêlêmi, gần cửa Duy Tơrôn, ở tiệm Capen xóm Pơti Sapô, gặp nhau chào hỏi nghiêm trang. Họ bảo nhau: - Súng ngắn cậu giấu ở đâu? - Trong áo khoác. Còn cậu? - Trong sơ mi! Đường Tơravécxie, trước xưởng Rôlăng và ở sân Medông Bruylê, trước xưởng dụng cụ của Bécniê, tốp này tốp nọ đang to nhỏ với nhau. Trong đám này thấy có anh Mavô nào đó là người hăng hái nhất. Hắn ta không bao giờ làm việc trong một xưởng được quá một tuần, vì bọn chủ đuổi đi bởi lẽ "ngày nào cũng phải cãi nhau với hắn". Hôm sau, Mavô bị giết ở chiến lũy đường

Mêninmôngtăng. Pơrêtô, sau này cũng chết trong chiến đấu, là trợ thủ của Mavô. Gặp ai hỏi: Mày theo đuổi mục đích gì? Hắn trả lời ngay: - Khởi nghĩa. Công nhân tập hợp ở góc phố Bécxi đợi một chàng tên là Lơmaranh, cán bộ cách mạng của ô Xanh Mácxô. Họ trao đổi khẩu hiệu cho nhau gần như công khai.

Ngày 5 tháng Sáu ấy trời vừa mưa vừa nắng. Đám tang của tướng Lamác đi qua Pari theo nghi lễ nhà binh, có vẻ trang nghiêm hơn một chút vì chính phủ có ý đề phòng. Hai tiểu đoàn bộ binh trống trùm dạ đen, súng chúc xuống đất, một vạn quốc dân quân gươm đeo cạnh hông và đoàn pháo của họ đi đưa đám. Xe tang do một đoàn thanh niên kéo đi. Các võ quan trong viện thương binh theo ngay sau xe, tay cầm những cành nguyệt quế. Còn đằng sau là một đám đông không biết bao nhiêu mà kể, nhốn nháo, lạ lùng, người thì có chân trong hội Bạn Dân, trường luật, trường thuốc, lại có những người tị nạn của tất cả các nước, cờ Tây Ban Nha, cờ Ý, cờ Đức, cờ Ba Lan, cờ tam tài treo ngang, đủ mọi thứ cờ. Đây là trẻ em tay cầm những cành lá xanh, đây là thợ đá, thợ mộc đang đình công, thợ in dễ nhận ra ở cái đầu đội mũ giấy. Chỗ này hàng hai, chỗ kia hàng ba, vừa đi vừa reo. Hầu hết mọi người cầm gậy hoa lên. Có người lại tuốt cả kiếm. Tuy không theo trật tự nào cả nhưng tất cả đều có chung một linh hồn. Có khi nom ra hỗn độn, có khi lại hàng ngũ chỉnh tề. Có đội tự chọn ngay người chỉ huy. Một người với hai khẩu súng ngắn, ai cũng nom thấy hình như vừa đi vừa điểm những người đi qua. Những hàng người giãn ra trước mặt anh ta. Hai bên vệ đường, giữa các cành cây, ở các cửa sổ, ở các bao lơn, trên các mái nhà, đầu người lố nhố: đàn ông, đàn bà, trẻ con, người nào người nấy mắt nhìn nhớn nhác. Một đám đông mang khí giới kéo đi, một đám đông ngơ ngác đứng nhìn.

Về phía mình, chính phủ cũng theo dõi. Vừa theo dõi vừa nắm chặt chuôi gươm. Ở quảng trường Luy XV, bốn tiểu đoàn xạ thủ ngồi trên lưng ngựa, lính kèn dàn trước. Ở xóm la-tinh và vườn bách thảo, đội vệ binh thành phố được dàn trải khắp các phố. Ở Chợ rượu, một tiểu đoàn lính đầu rồng, một nửa trung đoàn kỵ binh thứ 12 đóng ở La Gơrevơ, còn một nửa thì đóng ở ngục La Bátxti. Đại đội lính đầu rồng thứ 6 đóng ở Xêlextanh, còn pháo thì dàn chật ních cả sân điện Luvơrơ. Số quân đội còn lại thì phải thường trực trong trại, không kể những trung đoàn đóng xung quanh Pari. Chính phủ lo sợ đã sắp sẵn hai vạn bốn ngàn lính ở trong thành phố và bốn vạn lính đóng ở ngoại ô để đối phó với đám quần chúng đầy hăm dọa.

Trong đoàn người đi đưa ma có những tiếng xì xào. Người thì nói đến những âm mưu của phái chính thống. Người thì nói đến công tước Raisơtát[1], nhưng công tước lại chết đúng lúc quần chúng bàn bạc muốn lập làm hoàng đế. Một người không rõ là ai, tuyên bố rằng đến giờ qui định, hai viên đốc công đi theo cách mạng sẽ mở cửa một xưởng làm súng đạn để nhân dân vào lấy. Trong đám người đưa tang để đầu trần, người ta thấy phần đông lộ vẻ phấn khởi xen lẫn với vẻ lo âu. Trong đám đông đang có những xúc động mãnh liệt nhưng cao thượng kia, người ta cũng thấy xuất hiện ra đây đó những bộ mặt lưu manh chính cống, và những mồm miệng đê hèn đang nói: chuyến này phải kiếm một mẻ. Đôi khi cái ao tù bị xáo động đến nỗi bùn dưới đáy ao cũng vẩn lên mặt nước đục ngầu. Đó là một hiện tượng không phải không dính dáng đến những ngành an ninh "khéo tổ chức".

(1) Con của Napôlêông, chết trẻ (1811 - 1832).

Đám tang đi từ từ, nhưng lòng người nôn nao, từ nhà tang qua các đại lộ đến ngục Bátxti. Chốc chốc trời đổ mưa. Nhưng quần chúng nào có để ý gì đến mưa! Có nhiều việc xảy ra: người ta rước linh cữu đi quanh cột đồng Văngđôm, công tước Phít Giêm đứng trên bao lơn bị ném đá vì không giở mũ, con gà trống tiêu biểu cho nước Pháp ở trên một lá cờ của dân chúng bị giật ra và xéo dưới bùn, ở cửa Xanh Máctanh một người cảnh sát bị chém trọng thương, một võ quan thuộc đội khinh kỵ thứ 12 hô lớn: tôi theo phái cộng hòa, sinh viên trường Bách khoa bị giữ mãi trong trường, bây giờ mới chạy ùa ra, vừa đến đã có tiếng hô: trường Bách khoa muôn năm! Nền cộng hòa muôn năm! Những tiếng hô đó đánh dấu lộ trình của đoàn tang. Đến ngục Bátxti có những hàng dài người đi xem có vẻ hung hăng. Họ từ ngoại ô Xanh Ăngtoan kéo đến, chắp nối với đoàn tang. Bấy giờ một thứ sục sôi dễ sợ bắt đầu thúc đẩy, lôi cuốn đám đông.

Một người đang bảo một người khác: cậu nhìn kỹ lão râu đỏ kia, hắn sẽ ra lệnh phát hỏa đấy. Nghe đâu cũng anh chàng râu đỏ này về sau lại giữ nhiệm vụ đó trong một cuộc bạo động khác là vụ Kênítxê.

Xe tang đi qua ngục Bátxti, đi dọc theo con sông đào, qua một cái cầu nhỏ và đến cái bệ của cầu Auxtéclit. Đến đó thì dừng lại. Bấy giờ nếu nhìn từ trên cao xuống thì đám tang giống như một ngôi sao chổi. Đầu ngôi sao ở nơi bệ cầu và đuôi sao tỏa suốt bờ sông Buốcđông trùm cả La Bátxti, kéo dài trên đại lộ đến tận cửa ô Xanh Máctanh. Xung quanh linh cữu, người ta đứng thành vòng tròn. Cả đám người đông đúc nhốn nháo bỗng im bặt. La Fêyet[1] nói mấy lời vĩnh biệt. Thật

(1) Tướng đã tham gia tình nguyện cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân Hoa Kỳ, tham gia cách mạng Pháp 1789 và 1830.

là một phút trang nghiêm và cảm động. Mọi người cất mũ, mọi con tim đều đập mạnh. Bỗng nhiên một người mặc toàn đen cưỡi ngựa, hiện ra trong đám đông với một lá cờ đỏ, có người bảo với một ngọn giáo cắm một cái mũ đỏ. La Fêyet quay mặt. Ecxenman[1] rời khỏi đám tang.

Lá cờ đỏ gây nên một cơn bão táp và biến đi trong cơn bão táp. Từ đại lộ Buốcđông đến cầu Auxtéclit tiếng reo hò nổi lên như những đợt sóng làm cả mọi người xúc động. Hai tiếng thét nổi lên vang dội lạ thường: *Đưa Lamác vào điện Păngtêông! Đưa La Fêyet vào thị sảnh.* Giữa tiếng hoan hô của quần chúng, nhiều thanh niên kéo xe linh cữu của Lamác qua cầu Auxtéclít và rước La Fêyet lên xe ngựa kéo dọc theo bờ sông Morlăng.

Trong đám người vây quanh và hoan hô La Fêyet người ta để ý và chỉ cho nhau thấy một người Đức tên là Lutvích Xơnidơ về sau thọ đến trăm tuổi. Ông ta cũng có tham dự cuộc chiến tranh 1776 đã chiến đấu ở Tơrăngtông dưới sự chỉ huy của Oadintơn và ở Bơrăngdiuyn dưới sự chỉ huy của La Fêyet.

Trong khi ấy phía tả ngạn, đội kỵ binh của thành phố triển khai và tiến lên chặn ngang cầu, phía hữu ngạn lính đầu rồng đã ra khỏi tu viện Xêléttanh và đang dàn ra dọc theo bờ Morlăng. Nhân dân rước xe La Fêyet đến chỗ rẽ thì đột nhiên trông thấy và kêu lên: lính đầu rồng kia! Lính đầu rồng kia! Toán lính đầu rồng tiến lên rầm rập, súng ngắn trong bao, gươm không rời vỏ, súng trường lăm lăm, không nói nửa lời, trong vẻ chờ đợi một cái gì ghê rợn.

---

(1) Thống chế Pháp, cũng thuộc phái tiến bộ.

Cách cái cầu nhỏ chừng hai trăm bước họ dừng lại. Cỗ xe của La Fêyet tiến đến. Họ rẽ hàng ra cho xe đi qua rồi lại bịt kín đường. Bây giờ lính đầu rồng và quần chúng chạm nhau. Đàn bà con gái kinh sợ chạy xa.

Có gì xảy ra trong giây phút nguy hiểm này? Đố ai biết được. Đó là cái phút giây u ám khi hai đám mây chạm nhau. Có người nói lúc ấy ở phía Xưởng quân khí tiếng kèn xung phong vang lên, có kẻ nói có một thằng bé con cầm dao găm đâm một người lính đầu rồng. Chỉ biết rằng có ba phát súng đột nhiên nổ: phát thứ nhất giết viên tiểu đoàn trưởng Sôlê, phát thứ hai bắn chết một bà già điếc đang đóng cửa sổ ở đường Công tơrétcác và phát thứ ba làm cháy sém cầu vai một võ quan. Một người đàn bà thét lên: *Khởi sự sớm quá!* Và đột nhiên người ta thấy xuất hiện ở đầu kia, đối diện với bờ Morlăng, một tiểu đoàn lính đầu rồng trước đó vẫn ở trong trại. Đoàn kỵ binh phi ngựa ra, gươm tuốt trần, kéo qua phố Bátxompie và đại lộ Buốcđông đi đến đâu quét sạch đó.

Thế là xong! Cơn bão táp đã nổi lên, đá bay như mưa, súng nổ đùng đùng, nhiều người nhảy ào xuống bờ sông, lội qua cái nhánh sông Xen ngày nay đã lấp phẳng. Các công trường ở đảo Luviê biến thành một cái pháo đài từ lúc nào, chiến sĩ ở đâu hiện ra nhan nhản trên đó. Người thì nhổ cọc, kẻ thì bắn súng ngắn, một chiến lũy đang hình thành, thanh niên bị xô dồn lại kéo xe linh cữu chạy như biển qua cầu Auxteclit và xông vào đánh nhau với vệ binh. Lính xạ thủ xô đến, lính đầu rồng chém chặt thục mạng, quần chúng tan tác chạy ra bốn phía, tiếng náo động của chiến tranh lan ra khắp cả Pari. Mọi người hô: cầm lấy vũ khí! Người chạy, kẻ xô, người trốn, kẻ kháng cự. Cơn giận bùng lên lôi cuốn cuộc bạo khởi chẳng khác gì ngọn gió thổi lửa lan tràn khắp nơi.

IV

NHỮNG SÔI SỤC NGÀY XƯA

Không gì quái lạ cho bằng sự sôi sục ban đầu của một cuộc bạo khởi. Khắp mọi nơi đều bùng nổ cùng một lúc. Có biết trước được không? Có. Có chuẩn bị trước không? Không. Nó ở đâu bùng ra? Ở dưới đá lát đường. Từ đâu rơi xuống? Từ trên trời. Ở chỗ này cuộc khởi nghĩa có đủ tính chất của một cuộc âm mưu. Ở chỗ khác thì nó ngẫu nhiên nổ ra. Một tay nào đấy chộp lấy phong trào của quần chúng và kéo nó đi theo ý muốn của mình. Cuộc khởi sự quả là rùng rợn nhưng cũng vui nhộn một cách dữ dội. Trước tiên là tiếng la lối. Nhà hàng đóng sập cửa, hàng hóa biến mất, rồi tiếng súng đì đùng rời rạc, người bỏ trốn, báng súng nện vào cổng thình thình, trong các sân nhà còn nghe tiếng các cô đầy tớ cười và nói: *Chuyến này vui đáo để.*

Mới không đầy mười lăm phút, ở hai mươi địa điểm trong thành Pari đều xảy ra gần như một lúc những việc như sau:

Ở phố Bơrơtonnơri, một bọn hai mươi chàng thanh niên râu tóc tua tủa, kéo nhau vào một hàng rượu. Một lát sau họ đi ra với một lá cờ tam tài treo ngang, trên buộc một dải bằng nhiễu. Ba người đi đầu mang khí giới, người cầm gươm, người cầm súng, người thứ ba mang giáo.

Ở Phố Nônanh Hie, một anh tư sản ăn mặc lịch sự, bụng phệ, tiếng nói oang oang, đầu hói, trán cao, râu đen, ria cứng và vênh lên, đang phân tán đạn công khai cho người qua đường.

Ở đường Môngmác, những người mặc áo hở cánh tay cứ mang cờ đen diễu ngoài phố. Trên cờ có mấy chữ trắng: *Cộng hòa hay là chết*". ở phố Giơnơ, phố Cađơrăng, phố Môngtorgơi,

phố Măngda, xuất hiện những toán người phất lá cờ trên đề mấy chữ vàng: *trung đội* kèm một con số. Trong số cờ đó có một lá sắc xanh và sắc đỏ, ở giữa chỉ có một đường trắng con con.

Người ta kéo vào cướp một xưởng quân giới ở phố Xanh Máctanh và ba tiệm bán súng, tiệm thứ nhất ở phố Bôbua, tiệm thứ hai ở phố Lơcôngtơ và tiệm thứ ba ở phố Đuy Tămpơlơ. Chỉ trong mấy phút, hàng ngàn cánh tay đã giật mất hai trăm ba mươi khẩu súng, hầu hết bắn liền hai phát, sáu mươi tư thanh gươm, tám mươi ba khẩu súng ngắn. Để võ trang được nhiều người, họ chia nhau kẻ cầm súng, người cầm lưỡi lê.

Trước bờ sông Gơrevơ, thanh niên mang súng vào nấp trong nhà phụ nữ để bắn ra. Một anh có khẩu súng có tán quay. Họ rung chuông, vào trong nhà, rồi lo làm đạn. Một người đàn bà thuật lại: *Tôi không biết cát tút là gì, chính nhà tôi bảo cho tôi biết.*

Một bọn xúm vào phá cửa một hiệu đồ cổ trước phố Hôđơriét và cướp lấy những thanh gươm, những khí giới Thổ.

Ở phố Péclơ, xác một người thợ nề bị bắn chết còn nằm đấy.

Và ở hai bên bờ sông Xen, ở các bến sông, các phố, trong xóm la tinh, trong xóm chợ, mọi người tất tả, công nhân, sinh viên, đảng viên các đảng cách mạng đọc vang lên những bản tuyên ngôn kêu gọi: Cầm vũ khí! Họ ném vỡ đèn ngoài đường, tháo xe ngựa, nạy đá lát đường, phá cửa, nhổ cây, sục sạo các hầm chứa rượu, lăn lông lốc những thùng rượu, chồng chất gạch đá, bàn ghế, ván gỗ để dùng làm chiến lũy.

Họ cưỡng bách bọn tư sản phải giúp họ trong việc này. Họ vào những nhà có đàn bà, bắt người vợ phải trao lại gươm, súng của người chồng vắng mặt và họ lấy phấn viết ngoài cửa

"đã nạp khí giới". Có người ký "cả tên mình" vào giấy biên nhận súng và gươm và nói: "Ngày mai cầm giấy này ra tòa thị chính mà lấy khí giới về". Họ giật cầu vai các võ quan. Phố Xanh Nicôla, một võ quan quốc dân quân bị một toán người gây gộc, giáo mác đuổi theo, phải chạy mãi mới trốn được vào một nhà nọ. Anh ta phải ở lì đấy cho đến đêm mới ăn mặc trá hình lẻn ra ngoài.

Khu phố Xanh Giắc, sinh viên từng đoàn từng lũ ra khỏi các nhà trọ, đi ngược đường Xanh Hiaxanh đến tiệm cà phê Tiến bộ, hay đi xuôi đến tiệm cà phê Bảy bàn bi-da, phố Matuyaranh. Ở đấy, có những người thanh niên đứng trên các trụ vôi ở trước cửa phân phát khí giới. Người ta vào cướp công trường phố Tơrăngnônanh để lấy đồ đựng chiến lũy. Chỉ có một nơi các gia chủ kháng cự lại, đấy là chỗ góc hai con đường Xanhtavoa và Ximông lơ Phơrăng, chính họ đã phá chiến lũy. Chỉ có một nơi quân khởi nghĩa chịu thua, họ đã bắt đầu dựng chiến lũy ở phố Đuy Tămpơlơ, nhưng sau khi bắn vào một đội quốc dân quân, họ đã bỏ chạy theo phố Cordơri. Đội quốc dân quân nhặt được một lá cờ đỏ, một gói đạn và ba trăm viên đạn súng ngắn trên chiến lũy. Chúng xé tan lá cờ, cắm từng mảnh lên lưỡi lê mà mang về.

Tất cả những sự việc chúng tôi thong thả và lần lượt kể ra đây, đều xảy ra cùng một lúc, ở tất cả các nơi trong thành phố giữa cảnh nhốn nháo tứ tung chẳng khác gì trăm ngàn tia chớp cùng nổ ra trong một tiếng sấm vang.

Trong non một tiếng đồng hồ, hai mươi bảy chiến lũy xuất hiện. Đó là mới nói xóm Chợ. Ở chính giữa là ngôi nhà số 50 đã lừng danh vì Giannơ và một trăm linh sáu chiến sĩ đã từng dùng nó làm pháo đài. Một bên nó là chiến lũy phố Xanh

Meri, bên kia là chiến lũy phố Môbuyê. Vì thế, nó kiểm soát được cả ba phố: phố Acxit, phố Xanh Máctanh, và phố Busê ở ngay trước mặt. Hai chiến lũy dựng theo góc thước thợ được bẻ gập lại: một cái từ phố Môngtơroi gấp về phố Tơruyăngdơri, một cái từ phố Lăngiơvanh gấp về phố Xanhtavoa. Đó là chưa kể vô số chiến lũy mọc lên trong hai mươi xóm khác của Pari, rồi ở xóm Mare, xóm đồi Giơnơvie. Một cái ở phố Mêninmôngtăng, ở đấy có một cánh cổng sắt đã tháo bật. Một cái khác gần cầu nhỏ Ôten Điơ làm bằng một cỗ xe đã tháo ngựa và lật xấp xuống chỉ cách trụ sở cảnh sát khu phố có ba trăm bước.

Ở chiến lũy phố Mênêtơriê, một người ăn mặc lịch sự phát tiền cho thợ. Ở chiến lũy phố Gơrônêta, một người cưỡi ngựa hiện ra trao cho một người khác, hình như là người chỉ huy, một bó gì giống như một bó giấy bạc. Anh ta nói: *đây là để trả các khoản chi phí rượu v.v.*. Một người thanh niên tóc vàng, không đeo cà vạt, đi từ chiến lũy này sang chiến lũy khác để truyền đạt các hiệu lệnh. Một người khác, gươm tuốt trần, đầu đội mũ cảnh sát màu xanh lo cắt người canh gác. Ở trong chiến lũy, bao nhiêu tiệm rượu và nhà gác cổng đều biến thành chỗ canh gác. Kể ra, cuộc bạo động đã được tổ chức theo một chiến thuật quân sự thực tài tình. Các phố xá chật hẹp, không đều nhau, ngoắt ngoéo, nhiều góc và nhiều chỗ quanh quẹo được chọn rất thích hợp. Đặc biệt, xung quanh xóm Chợ, phố xá còn chi chít, rắc rối hơn đường rừng. Có người nói *Hội bạn dân* đã chỉ huy cuộc bạo động trong khu Xanhtavoa. Một người bị giết ở phố Pôngxô. Khám anh ta, thấy có một bản đồ Pari trên người.

Nhưng thực sự chỉ huy cuộc bạo khởi lại là một cái gì ào ạt dữ dội ở đâu trong không khí. Cuộc khởi nghĩa đột nhiên

một tay dựng lên các chiến lũy còn tay kia chộp lấy hầu hết các đồn, bót. Trong non ba tiếng đồng hồ, chẳng khác gì một đường thuốc súng bùng cháy, nghĩa quân đã tràn ngập vào và chiếm được Xưởng quân khí, nhà đốc lý ở quảng trường Rôian, tất cả xóm Mare, xưởng quân giới Pôpanhcua, Galiôt, Satôdô và tất cả các phố gần khu chợ ở hữu ngạn sông Xen. Còn ở tả ngạn, họ đã chiếm được trại Cựu binh, trại Xanhtơ Pêlagi, quảng trường Môbe, xưởng thuốc súng Đơ Mulanh, tất cả các cửa ô. Đến năm giờ chiều họ đã làm chủ được ngục Batxti, nhà Lanhgiơri, quảng trường Chiến thắng, và uy hiếp nhà Ngân hàng, trại lính Pơti Pie, Tổng cục bưu điện. Một phần ba Pari nằm trong tay nghĩa quân.

Một cuộc chiến đấu khổng lồ diễn ra khắp mọi nơi. Do việc tước khí giới, khám nhà, cướp các hiệu bán võ khí, kết quả là cuộc chiến đấu mở đầu bằng gạch đá đã tiếp tục bằng súng đạn.

Vào khoảng sáu giờ chiều đoạn đường Xômông đã biến thành chiến trường. Đầu này là nghĩa quân, đầu kia là quân lính nhà nước. Người ta nấp ở hàng rào này để bắn sang hàng rào kia. Tác giả quyển sách này, một anh chàng thích quan sát lại hay mơ mộng đã đi tới nơi xem miệng của hỏa sơn. Anh ta mắc kẹt vào giữa hai luồng đạn của hai bên. Để tránh cho khỏi bị đạn, anh ta chỉ còn cách nấp sau những cột trụ nhô ra ở tường ngăn các gian hàng. Anh ta mắc vào trong tình thế hiểm nghèo này non nửa tiếng đồng hồ.

Trong khi tiếng trống tập trung vang dội, quốc dân quân vội vàng mặc lính phục, mang võ khí. các đội cảnh sát ra khỏi nhà đốc lý, các trung đoàn từ các trại lính kéo ra. Trước đường Ăngcơrơ một tên lính đánh trống bị đâm một nhát dao găm. Một tên khác ở phố Thiên Nga bị ba mươi thanh niên vây chặt, đâm thủng trống rồi tước mất gươm. Một tên khác bị

giết ở phố Xanh Lada, ở phố Lơ Côngtơ, ba sĩ quan lần lượt gục xuống. Nhiều tự vệ thành phố bị thương ở đường Lômba phải tháo lui.

Trước sân Batavơ, một đội dân vệ bắt được một lá cờ đỏ đề: *Cách mạng cộng hòa số 127*. Phải chăng đây thực sự là một cuộc cách mạng?

Quân khởi nghĩa đã biến trung tâm Pari thành một thành trì đồ sộ, quanh co, khuất khúc.

Ở đấy là trung tâm, vấn đề thắng bại là ở đấy. Còn ra là đụng độ nhỏ. Điều chứng tỏ tất cả sẽ quyết định ở đây là ở đây vẫn chưa đánh nhau.

Trong vài trung đoàn, binh sĩ tỏ ra do dự. Cái đó làm cơn khủng hoảng càng thêm đáng sợ, chưa biết sẽ kết thúc ra sao. Binh sĩ còn nhớ lại việc tháng Bảy năm 1830, nhân dân nhiệt liệt hoan hô trung đoàn 53 vì nó đã đứng trung lập. Hai con người gan góc và từng trải trong các trận đánh lớn là thống chế Lôbô và tướng Buygiô chỉ huy quân đội, Buygiô dưới quyền Lôbô. Những đội quân tuần tiễu rất đông, gồm những tiểu đoàn chính quy, đi kèm bốn phía là những đại đội quốc dân quân, đàng trước có một thanh tra cảnh sát đeo dải tam tài, đang đi trinh sát xem những phố đã nổi dậy. Còn nghĩa quân cũng đặt người canh ở các góc đường có nhiều ngả và cả gan cho những đội tuần tiễu đi ra ngoài chiến lũy. Hai bên theo dõi nhau ráo riết. Chính phủ với quân đội trong tay, vẫn do dự. Trời sắp tối, tiếng chuông báo động ở Xanh Meri bắt đầu vang lên. Bộ trưởng bộ Chiến tranh bấy giờ là thống chế Xun, người đã dự trận Auxteclit, nhìn quang cảnh này có vẻ lo ngại.

Là những tay thủy thủ già dặn quen lối đánh chính qui, chỉ lấy chiến thuật, cái kim chỉ nam duy nhất, làm phương châm chiến đấu, họ dâm mất phương hướng khi đứng trước

cơn sóng gió bao la là sự phẫn nộ của quần chúng. Ngọn gió **cách mạng** phải đâu có thể điều khiển được.

Những đội quốc dân quân ở ngoại ô kéo vào thành vội vàng, hỗn độn. Một tiểu đoàn trong trung đoàn khinh kỵ thứ 12 phi nhanh từ Xanh Đơni đến, tiểu đoàn chiến binh số 14 từ Cuốcbơvoa lại, những đội trọng pháo bố trí trong vườn Caruxen, từ Vanhxen đại bác được đưa đến.

Điện Tuylơri vắng lặng. Vua Luy Philíp vẫn điềm nhiên thanh thản.

V

VẺ ĐỘC ĐÁO CỦA PARI

Như đã nói trên, hai năm nay Pari đã chứng kiến nhiều cuộc khởi nghĩa. Trừ những khu phố khởi nghĩa ra thì khu vực còn lại của Pari thường thường yên tĩnh một cách kỳ quái. Pari làm quen rất nhanh với mọi thứ, mà đây chỉ là một cuộc bạo khởi. Pari bận nhiều việc quá, hơi đâu mà lo đến nó. Chỉ những thành phố đồ sộ như Pari mới có những quang cảnh như thế. Phải có dãy thành trì mênh mông kia mới có thể chứa đựng đồng thời với cuộc nội chiến, cả một sự bình tĩnh kỳ lạ làm sao. Thường thường, khi cuộc khởi nghĩa bắt đầu, khi tiếng trống, tiếng kèn gọi lính, tiếng hiệu báo động vang lên, người chủ hiệu chỉ đủng đỉnh nói:

- Phố Xanh Máctanh lại cãi nhau rồi!

Hay:

- Ngoại ô Xanh Máctanh.

Nhiều khi anh ta nói thêm một cách thản nhiên:

- Cũng ở đâu đấy thôi.

Về sau, khi đã nghe rõ tiếng nổ xé tai và ghê rợn của súng trường bắn lẻ và bắn hàng loạt, anh ta nói:

- Găng nhỉ? Chà! Găng gớm!

Lát sau, nếu bạo khởi đến gần và lan rộng, anh ta đóng vội cửa hàng, mặc nhanh bộ binh phục, nghĩa là anh ta lo bảo toàn hàng hóa, còn tính mệnh thì lại bỏ vào cuộc rủi may.

Người ta bắn nhau ở ngã tư, ở các ngõ hẻm, ở các ngõ cụt, người ta giành đi cướp lại các chiến lũy, máu đổ, đạn bắn vào các mặt trước nhà như mưa. Ở trong buồng ngủ có người trúng đạn chết. Xác người ngổn ngang ngoài đường. Nhưng cách vài phố, trong các tiệm cà phê những hòn bi-a vẫn chạm nhau lóc cóc.

Những kẻ hiếu kì cười cười, nói nói chỉ cách các phố đang đánh nhau có vài bước, rạp hát vẫn mở cửa diễn những kịch vui. Xe ngựa vẫn cứ qua lại, người ta vẫn cứ ra phố ăn hiệu. Đôi khi ngay cả trong phố đang đánh nhau. Năm 1831, hai bên ngừng bắn để cho một đám cưới đi qua.

Trong cuộc khởi nghĩa ngày 12 tháng 5 năm 1839, ở phố Xanh Máctanh có một cụ già tàn tật kéo một cái xe bò, trên cắm cái cờ tam tài như cái giẻ rách, trong xe có mấy bình nước gì đấy. Cụ cứ đi đi lại lại từ chiến lũy đến quân đội rồi từ quân đội đến chiến lũy, mời cả đôi bên uống nước dừa chẳng thiên vị bên nào, hết mời quân chính phủ lại mời những người bạo động.

Thật là kỳ lạ hết chỗ nói: đó chính là đặc tính của các cuộc bạo động ở Pari, khác hẳn mọi thủ đô. Muốn được thế phải có hai điều: cái vĩ đại của Pari và tính vui nhộn của nó. Phải là thành phố của Vônte và của Napôlêông mới thế.

Thế mà lần này, trong cuộc nổi loạn ngày 5 tháng 6 năm 1832, thành phố vĩ đại này cảm thấy có một cái gì có vẻ khỏe hơn nó. Nó đâm sợ. Khắp nơi, cả trong những khu phố xa nhất và ít liên quan nhất, cửa sổ, cửa lớn, cửa chớp giữa ban ngày cũng đóng kín mít. Người can đảm cầm khí giới, kẻ nhát gan chạy trốn. Loại khách qua đường bận rộn và vô tư biến đâu mất. Nhiều phố vắng tanh như vào lúc bốn giờ sáng. Tin tức hung dữ lan ra, những chi tiết dễ sợ truyền đi: nào họ đã chiếm được nhà Ngân hàng, nào chỉ riêng trong tu viện Xanh Mẹri, họ đã đông đến sáu trăm, mai phục ở đấy, lấy nhà thờ làm pháo đài để bắn ra, nào quân chính qui không đáng tin cậy, nào Acmăng Caren[1] đã gặp thống chế Cơlôden và thống chế đã nói: *Ông hãy có một trung đoàn đã!* nào Laphayet ốm nhưng đã tuyên bố với họ: *tôi tán thành các bạn. Tôi sẽ theo các bạn bất kỳ ở đâu miễn là có chỗ đủ đặt một cái ghế*, nào phải đề phòng cẩn thận chứ đêm nay sẽ có bọn vào cướp những ngôi nhà ở nơi hẻo lánh của Pari (quả cảnh sát thực giàu óc tưởng tượng, đúng là một Annơ Radelaiphơ[2] ở trong bộ máy nhà nước), nào một đội pháo đã bố trí ở phố Ôbuylơ Busê, nào Lôbô và Bugiô đang bàn tính và nửa đêm hay chậm lắm là tảng sáng bốn cánh quân sẽ đi từ bốn ngả ập vào trung tâm của quân bạo động, cánh quân thứ nhất từ ngục Bátxti, cánh quân thứ hai từ cửa ô Xanh Máctanh, cánh quân thứ ba từ Grevơ, cánh quân thứ tư từ xóm Chợ, nào là chuyến này chưa biết rồi sẽ ra sao nhưng chắc chắn là nghiêm trọng. Người ta thấy thống chế Xun do dự nên đâm lo. Tại sao ông

(1) *Amăm Carel*: nhà báo và là chiến sĩ cách mạng chống nền quân chủ tháng Bảy.

(2) Anne Radeliffe: nữ văn sĩ Anh, viết tiểu thuyết giàu óc tưởng tượng.

ta không tấn công ngay? Rõ ràng ông ta đang suy nghĩ nhiều. Con sư tử già hình như đánh hơi thấy trong bóng tối này có một con quái vật chưa hề gặp.

Đêm đến, rạp hát không mở cửa, những đội tuần tiễu đi đi lại lại có vẻ tức bực, người ta khám xét những người qua lại, ai có vẻ tình nghi là bị bắt ngay. Đến chín giờ, đã có hơn tám trăm người bị bắt. Trụ sở cảnh sát chật ních cả người, ngục Côngxiegiơri chật ních, ngục La Forxơ chật ních. Đặc biệt ở ngục Công xiegiơri, dưới cái hầm ngầm dài gọi là phố Pari, rơm trải ngổn ngang, tù nằm lên nhau. Lagơräng, con người thành Liông, dũng cảm hô hào họ. Rơm rạ bị chân người đạp nghe rào rào như mưa giông. Ở chỗ khác, tù nhân nằm cả ngoài trời, ngoài nhà chơi, chồng chất lên nhau. Đâu đâu cũng thấy lo ngại, có phần run sợ, khác thường đối với Pari.

Nhà cửa đóng, chặn kín, đàn bà và các bà mẹ lo lắng. Chỉ nghe những câu: *Trời ơi! Sao anh ấy vẫn chưa về*. Xa xa nghe tiếng xe cộ chạy thưa thớt. Người ta đứng ở bậc cửa lắng nghe tiếng rầm rầm, tiếng kêu, tiếng hò hét, những tiếng ầm ĩ ở đâu xa và người ta đoán: *kỵ binh đấy* hay: *xe chở đạn đang chạy!* Người ta nghe tiếng kèn tiếng trống, tiếng súng, đặc biệt tiếng chuông báo động thảm hại của nhà thờ Xanh Meri. Người ta chờ đợi phát đại bác đầu tiên. Nhiều người cầm khí giới nhô ra đầu phố, kêu to: vào nhà đi! và biến mất. Thế là ai nấy vội vàng đóng chốt cửa lại. Người ta nói: Rồi ra làm sao đây? Trời cứ tối dần. Từng lúc, Pari có vẻ nhuộm thêm màu lửa chiến ảm đạm và dữ dội của bạo khởi.

QUYỂN XI

HẠT BỤI KẾT THÂN VỚI BÃO TẬP

I

VÀI ĐIỂM SÁNG TỎ VỀ NGUỒN GỐC THƠ CỦA GAVRỐT. ẢNH HƯỞNG CỦA MỘT VIỆN SĨ HÀN LÂM ĐỐI VỚI THỨ THƠ NÀY

Cuộc khởi nghĩa nổ ra từ sự va chạm giữa công chúng với quân đội ở trước quảng trường Quân khí. Sự va chạm đó làm nẩy ra một cuộc vận động từ trước ra sau của đám đông đi theo xe tang, đám đông đó kéo dài suốt các đại lộ vốn là một sức đùn mạnh mẽ đối với đoạn đầu đoàn tang lễ. Lúc bấy giờ đám tang xô dồn lại một cách đáng sợ. Dân chúng ùn ùn mất cả hàng ngũ, ai cũng đi, cũng chạy, cũng thoát ra, kẻ thì hò reo tấn công, người thì nhợt nhạt bỏ chạy. Con sông người chảy trên các đại lộ chia dòng trong nháy mắt, tràn qua trái, qua phải thành những con suối trên hai trăm đường phố một lúc, chảy siết như mở cống sông đào. Lúc ấy, một chú bé rách rưới từ phố Mêninmôngtăng đi lại, tay cầm một cành thị - mun trổ hoa mà chú vừa hái trên vùng đồi Benlơvin. Chú thấy trong quầy của một mụ hàng xén có một khẩu súng ngắn kỵ binh. Chú vứt cành hoa xuống đường, kêu:

- Bà gì ơi, tôi mượn cái súng của bà đó. Rồi chú tóm khẩu

súng chạy biến đi.

Vài phút sau, một đoàn tư sản sợ sệt chạy trốn qua phố Amolô và phố Bátxơ gặp chú bé đang vung súng hát:

Đêm tối mò mò
Ngày thì sáng tỏ.
Bởi sách đáng ngờ
Thằng giàu rối to
Đạo đức, phải lo
Bo bo,
Mũ nhọn chờ đó.

Đó là bé Gavrốt ra trận.

Đến đại lộ, nó nhận thấy súng không có cò.

Ai đã đặt khúc hát để cho nó hát nhịp bước hành quân và nói chung tất cả những bài hát mà nó thích hát khi có dịp? Chúng tôi không rõ. Biết đâu không phải là chính nó? Cũng phải nhận rằng Gavrốt rất am hiểu những bài hát bình dân lưu hành, và nó cũng thường thêm thắt điệu ngân nga của nó. Lêu lổng và tinh nghịch, nó đem âm thanh của tạo vật và âm thanh của Pari làm thành một hợp ca hổ lốn. Nó hòa hợp tiếng chim với tiếng xưởng thợ. Nó có quen biết một số trẻ học vẽ là loại tiếp cận với loại nó. Hình như nó cũng đã từng học nghề in ba tháng . Một hôm nó đi việc giúp cho ông Bana Lormiăng, một số tứ thập[1]. Gavrốt là một chú "Văn đồng".

Thực ra trong cái đêm mưa và Gavrốt đã cho hai chú bé tạm trú với mình trong bụng voi, chú đâu có biết chú đã là cứu tinh đối với chính em ruột chú. Cứu em lúc chập tối, cứu

(1) Tức là một viện sĩ viện Hàn lâm Pháp (viện ấy có con số nhất định 40 viện sĩ).

cha lúc sắp sáng, cái đêm của chú là thế đấy. Tang tảng sáng, từ phố Banlê trở về chỗ con voi, chú đã moi hai đứa bé một cách nghệ thuật từ bụng voi ra, chú đã chia với chúng cái bữa ăn sáng chú sáng tạo, xong chú gởi chúng lại cho đường phố, bà mẹ hiền đã hầu như nuôi dưỡng chú. Rồi chú đi không quên hẹn chúng đến tối lại cùng nhau trở về chỗ đó. Chú đọc bài diễn văn từ biệt này: *Tao bẻ gậy đây, tức là tao cút hoặc nói như bọn quan tòa: tao đi thẳng. Lũ nhóc, nếu chúng bay không tìm thấy bố mẹ thì tối nay lại cứ đến đây. Tao sẽ kiếm cho mà ăn tối và tao cho ngủ.*

Có thể cảnh sát đã lượm hai đứa bé và lưu giữ để chờ cha mẹ nhận. Hoặc là một tên xiếc rong nào đó đã bắt chúng, hoặc chúng chỉ đi lạc mất trong cái bàn cơ (1) Pari thôi. Dù sao thì chúng đã không trở lại. Ở dưới đáy xã hội hiện tại, sự mất hút dấu vết như thế là thường. Gavrốt không gặp lại hai đứa bé. Mươi mười hai tuần lễ đã trôi qua từ đêm ấy. Đã nhiều lần nó gãi đầu tự hỏi: Quái! Không biết hai đứa con ta đi vào đâu nhỉ?

Vừa đi vừa vung súng, nó đã đến phố Pôngtôsu. Nó đã để ý ở phố đó chỉ còn có một hiệu mở cửa, và điều đáng suy nghĩ, đó là một hiệu bánh ngọt. Trước khi dấn thân vào vô định, được ăn một cái bánh quai vạc nhân táo là một phúc lớn trời cho. Gavrốt dừng lại, sờ hông, lục bao, lộn túi áo: không có lấy một đồng xu, không có gì cả! nó bèn kêu: cứu tôi với! Cứu tôi với!

Không được ăn bánh ngọt một lần cuối cùng, rõ là cay đắng.

---

(1) Nguyên văn: casse - teetechinois : một trò chơi rắc rối gồm có một cái bàn trên xếp các mẩu gỗ theo nhiều hình và biến dạng.

Tuy nhiên, Gavrốt vẫn tiếp tục đi lên.

Chỉ vài phút sau, nó đã đến phố Xanh Luy. Đi qua phố Pác Rôian, thấy cần phải bù đắp nỗi thiệt thòi không được ăn bánh quai vạc nhân táo không thể có, nó bèn tự thưởng cho mình cái thú xé toang các tờ quảng cáo sân khấu giữa ban ngày ban mặt.

Đi một đỗi nữa, nó thấy có một nhóm người hồng hào đi qua, có vẻ như là những nghiệp chủ. Nó nhún vai và khạc ra một tràng triết lý như sau:

- À, ngữ có lợi tức này, chúng nó béo làm sao! Chúng nhồi nhét đầy bụng. Chúng lội bì bõm trong cao lương mỹ vị. Thử hỏi chúng dùng tiền làm gì, chúng cóc biết. Chúng dùng để ăn chứ có làm gì nữa! Bụng mang được chừng nào thì mang mà!

II

GAVRỐT HÀNH QUÂN

Chỉ cái việc cứ đi giữa đường cái, tay hoa một khẩu súng ngắn mất cò cũng đã là một chức vụ quan trọng ghê gớm nên Gavrốt ta càng đi càng phởn, nói năng huyên thuyên. Nó vừa hát từng mẩu của bài Mácxâyde, vừa kêu to:

- Tốt lắm! Chân trái ông đau, xương cứ nhức nhối, vì cái anh thấp khớp hành hạ nhưng ông đang khoái đây, quốc dân ạ! Bọn tư sản chúng mày liệu hồn, ông phết cho vài câu hát biếm bây giờ! Mật thám là cái thá gì? Là chó. Hừ, chó đểu! Thôi cũng đừng làm mất danh giá chó làm gì. Chính ông cũng muốn có một con[1] cho cái khẩu súng này quá. Anh em ơi,

(1) *Một con*: Một con chó. Nguyễn Văn Chiên vừa có nghĩa chó vừa có nghĩa là cò súng.

tớ ở đại lộ về đây. Nóng ra phết, đang sôi âm ỷ, đang sủi bọt. Phải vớt bọt đi thôi. Nào anh em tiến lên! Khá lấy máu bọn hôi tanh tưới ngập luống cày[1]! Tớ hiến đời tớ cho tổ quốc, tớ không còn thấy lại con nhân tình. Hết mẹ nó rồi! Nhưng đếch cần, thế mà khoái tỉ đấy, vui vẻ muôn năm! Đánh nhau đi! Ông ngấy chuyên chế rồi!

Vừa lúc ấy, có một con ngựa của một quốc dân quân đi qua ngã quỵ xuống. Gavrốt đặt súng xuống đất, đỡ anh ta lên rồi lại giúp anh ta nâng con ngựa dậy. Rồi chú lại nhặt khẩu súng bước đi.

Phố Tôrinhi thật là bình yên, tĩnh mịch. Trái ngược với cảnh huyên náo xung quanh, cái vẻ lầm lì ấy thật đúng với đặc tính của xóm Mare. Bốn mụ già đứng nói chuyện trước cửa.

Xứ Êcôtxơ có những bộ ba nữ phù thủy, thành Pari có những bộ bốn gái rồi mồm. Cái câu tiên tri "Anh sẽ làm vua" được ném rùng rợn lên đầu Bonapác ở ngã tư Bôđôiê cũng như lên đầu Macbét trên đồng cỏi Acmuya. Cũng một tiếng quạ kêu như vậy.

Thứ đàn bà lắm mồm phố Tôrinhi chỉ lo nghĩ đến công việc của họ thôi. Đây là bà mụ gác cổng và một mụ đi nhặt giẻ rách, lưng đang đeo sọt, tay cầm móc.

Cả bốn người hình như tiêu biểu cho bốn đặc tính của tuổi già là: lụ khụ, khắc khừ, tàn tạ và buồn nản.

Mụ nhặt giẻ nhún nhường. Trong cái thế giới lộng gió này mụ nhặt giẻ chào hỏi, mụ gác cổng che chở. Cái đó tùy thuộc ở đống rác to hay nhỏ theo ý kẻ vun rác. Cái chổi cũng có thể có lòng nhân đức.

---

(1) Gavrốt nhại một câu trong bài Mácxâyde, quốc ca Pháp.

Mụ nhặt giẻ này là một người nhớ ơn nghĩa. Mụ cười niềm nở với ba mụ gác cổng. Họ nói với nhau đại khái:

- À này, con mèo của bà vẫn ác đấy chứ?

- Chao ôi! Mèo thì bà biết đấy, là kẻ thù tự nhiên của chó. Chính lũ chó kêu rên đấy chứ.

- Người ta cũng kêu.

- Nhưng mà họ mèo có bám theo người đâu.

- Cái đó không quan trọng. Chó mới là nguy hiểm. Tôi nhớ có một năm nào đó, chó sinh ra nhiều quá đến nỗi người ta phải đăng báo. Đó là ở cái thời mà trong điện Tuylơri có những con cừu to lớn kéo cái xe con của vua Rômơ. Các bà còn nhớ vua Rômơ chứ?

- Tôi thì tôi thích công tước Bordô.

- Tôi à, tôi có biết Luy XVII. Tôi ưa Luy XVII hơn.

- Thịt đắt quá, bà Patagông ạ!

- Chao ôi! Đừng có nói chuyện đó với tôi. Hàng thịt là một điều ghê tởm. Một điều ghê tởm ghê tởm. Chỉ mua được xương xẩu thôi.

Mụ nhặt giẻ xen vào:

- Các bà ạ, việc buôn bán chẳng ra sao. Rác rưởi cũng bị phá hoại. Người ta có vất gì đâu, người ta ăn tuốt.

- Cũng có kẻ nghèo hơn bà đó bà ạ, như mụ Vácgulem.

- À ừ, đúng đấy, mụ nhặt giẻ đáp kính cẩn. Tôi còn có nghề sinh sống.

Họ nghỉ một lát. Rồi tuân theo cái nhu cầu chưng bày cố hữu của loài người, mụ kể thêm:

- Buổi sáng về nhà, tôi lọc giẻ, tôi làm cái việc chọc lọn (chắc mụ muốn nói chọn lọc). Đổ từng đống trong buồng. Tôi

bỏ giẻ trong thúng, lõi củ trong thùng, quần áo trên ngăn tường, len dạ trong tủ, giấy báo trên xó cửa sổ, cái gì ăn được vào chậu, chai, kính trên bệ sưởi, giầy dép sau cánh cửa ra vào, và xương xẩu vào dưới giường.

Gavrốt dừng lại đằng sau họ, lắng nghe, rồi nói:

- Này các cố, các cố nói chuyện chính trị đấy à?

Cả bốn mụ hùa nhau mắng xả vào mặt nó:

- Lại một thằng vô lại!

- Xem tay nó cầm cái gì kia? Một khẩu súng ngắn!

- Tôi xin các bà, cái thứ nhãi ranh ấy!

- Quân này chưa lật được chính phủ thì chưa chịu ngồi yên đâu!

Gavrốt khinh bỉ chỉ trả thù hằng cách lấy ngón tay cái hếch cái mũi lên và xòe bàn tay ra.

Mụ nhặt giẻ kêu:

- Đồ khố dây!

Mụ tên là Patagông vỗ tay vào nhau, tru tréo:

- Chuyện này thì nguy đến nơi! Cái thằng ranh con bên hàng xóm mới để râu ấy mà. Sáng nào tôi cũng thấy nó cắp nách một con bé mũ hồng, thế mà sáng nay tôi thấy nó cắp một khẩu súng. Bà Masơ nói đâu tuần trước có cách mạng ở, ở... mẹ nó! Ở đâu rồi, à ở Pôngtoa. Các bà cứ nhìn cái thằng trời đánh kia, oắt con thế mà đã cầm súng. Nghe đâu tu viện Xêlecxtanh đầy cả đại bác. Các bà tính, chính phủ làm thế nào cho yên với những đồ du thủ, du thực, nay đặt chuyện này, mai bày chuyện khác để quấy nhiễu người ta. Khổ bỏ mẹ người ta rồi mới yên được một dạo thì nay chúng lại giở quẻ. Lạy Chúa tôi! Tội nghiệp cho bà hoàng hậu! Tôi thấy bà trong chiếc xe bò chở ra pháp trường. Cứ lôi thôi thế này chỉ

tổ thuốc lá đắt. Quả là một sự điếm nhục! Thế nào cũng có ngày tao được trông thấy mày bị chém cổ.

- Này mụ kia, Gavrốt nói, đừng khịt mũi nữa. Lấy khăn xỉ mũi đi thôi!

Rồi nó bỏ đi

Đến đường Pavê, sực nhớ tới mụ nhặt giẻ, nó nói một mình:

- Cố Gócxó à, cố mắng những người cách mạng là sai. Khẩu súng này là vì cố đấy. Để cho sau này trong cái sọt của cố có nhiều cái ăn được.

Thình lình, nó nghe thấy sau lưng có tiếng động. Thì ra mụ gác cổng Patagông vẫn đuổi theo nó và từ đằng xa đang giơ quả đấm ra dọa:

- Đồ con hoang!

- Cái đó ông đếch cần!

Lát sau, nó đi qua khách sạn Lamoanhông. Ở đây nó hô:

- Tiến ra trận nào!

Nhưng rồi nó ỉu xìu ngay. Nó nhìn khẩu súng có vẻ oán thán như muốn làm cho khẩu súng cảm động.

- Tao thì ra trận, còn mày lại không chịu ra cho.

Một con chó gầy rạc đi qua. Con chó làm quên cái cò súng. Nó thương hại, kêu:

- Tội nghiệp con tu tu! Mày nuốt chửng cả cái thùng rượu sao mà đai thùng lòi ra hai bên như thế?

Rồi nó đi về phố Xanh Giécve.

III

SỰ CĂM PHẪN CHÍNH ĐÁNG CỦA MỘT ANH PHÓ CẠO

Lúc này anh thợ cạo đang bận cạo râu cho một bác lính già đã chiến đấu dưới cờ hoàng đế. Đó là người thợ cạo đã xua đuổi hai đứa bé mà sau đó Gavrốt mở bụng mẹ voi đón vào. Họ nói chuyện với nhau. Dĩ nhiên anh thợ cạo nói với bác cựu binh về chuyện bạo khởi, chuyện tướng Lamác, rồi từ tướng Lamác bắt sang hoàng đế. Từ đó nảy ra một cuộc nói chuyện giữa thợ cạo và lính mà nếu Pruydom nghe được chắc sẽ thêm hoa hòe hoa sói vào và đặt cho cái nhan đề: *Cuộc đối thoại của dao cạo và gươm.*

- Thưa ông, anh thợ cạo nói, hoàng đế cưỡi ngựa thế nào ạ?

- Kém. Ngài không biết ngã đâu. Cho nên chẳng bao giờ ngài ngã ngựa.

- Ngài có ngựa đẹp không? Chắc ngài phải có ngựa đẹp chứ?

- Ngày ngài đeo huân chương cho tôi, tôi có để ý đến con ngựa của ngài. Đó là một con ngựa cái đua, trắng tuyền, tai xiêu, lưng trũng, đầu thon có đốm đen, cổ rất dài, khớp gối chắc, sườn nở, vai chếch, mông khỏe. Cao quá thước năm.

- Ngựa đẹp nhỉ, anh thợ cạo kêu.

- Đó là con ngựa riêng của Hoàng thượng.

Anh thợ cạo cảm thấy cần phải im lặng một chút khi nghe tiếng đó thì mới đúng lễ. Anh làm thế, sau đó mới nói:

- Hoàng đế chỉ bị thương có một lần thôi, phải không ông?

Người lính già trả lời với giọng lớn lối và bình tĩnh của

người tai nghe mắt thấy:

- Ỏ gớt chân. Tại Ratixbon. Tôi chưa hề thấy ngài ăn mặc đẹp đẽ như hôm ấy. Sạch bong như đồng xu.

- Còn ông, thưa ông cựu chiến binh, chắc là ông bị thương nhiều lần?

- Tôi ấy à? Ái chà! Cũng chả lấy gì làm ghê gớm! Ỏ trận Marăngô, tôi bị hai nhát kiếm vào gáy, ở Auxtéclít một viên đạn vào cánh tay phải, lại một viên khác ở đùi trái tại Iêna, tại Friétlăng một nhát lê vào... đây nè, ở sông Môxkôva bảy tám nhát giáo vào bất kể nơi nào, tại Lutden một mảnh đạn phá làm giập ngón tay... Chà, rồi ở Oatéclô một mảnh đạn ghém vào vế. Chỉ có thế.

Anh thợ cạo lấy giọng cầu kỳ hùng tráng kêu:

- Ôi! Đẹp biết bao được chết ở chiến trường! Tôi, tôi viện danh dự thề rằng tôi không đành chết trên giường vì bệnh hoạn, chết dần chết mòn mỗi ngày một ít, chết vì thuốc thang, thuốc bó, ống tiêm, thầy thuốc, tôi thích chết vì một viên đạn đại bác bắn trúng bụng hơn!

- Ông cũng dễ tính đấy nhỉ, người lính nói.

Vừa dứt lời thì hiệu cạo rung lên vì một tiếng động kinh khủng. Một tấm kính ở quầy hàng bị vỡ đột ngột.

Anh thợ cạo tái mặt

- Ối trời ôi! Anh kêu. Đúng là nó!

- Gì kia?

- Đạn đại bác.

- Nó đấy.

Người lính nói vậy rồi cúi xuống chặt một vật gì dưới đất. Đó là một hòn cuội.

Anh thợ cạo chạy ra chỗ cửa vỡ và trông thấy Gavrốt đang

ba chân bốn cẳng chạy đến phía chợ Xanh Giăng. Số là đi qua hiệu lão thợ cạo, Gavrốt vẫn nặng lòng vì hai đứa bé, không thể cưỡng được cái ý thích chào hỏi lão, bèn ném một hòn đá vào cửa kính lão ta.

- Rằng quan thiên hạ có thấy không chứ! Anh thợ cạo hét tướng lên, mặt từ xanh nhợt đã trở nên xanh tím. Cái ngữ này hại người vì tính ác. Cái thằng ranh ấy, ai làm gì nó mà thế chứ?

IV

CHÚ BÉ NGẠC NHIÊN VÌ CỤ GIÀ

Gavrốt bấy giờ đã đến chợ Xanh Giăng. Bốt ở đây đã bị tước khí giới. Nó "liên lạc" được với đoàn do Ăngiôrát, Cuốcphêrắc, Công bơphe và Phơidi chỉ huy. Họ được võ trang tạm đủ. Bahôren và Giăng Pơruve đã gặp họ và cùng nhập bọn.

Ăngiônrát có một khẩu súng săn hai nòng, Công bơphe cầm khẩu súng trường của quốc dân quân vẫn còn cả số hiệu của trung đoàn, áo khoác ngoài không cài cúc để lộ hai khẩu súng ngắn giắt ở thắt lưng. Giăng Pơruve có một khẩu súng cũ của kỵ binh. Bahôren cầm một khẩu súng ngắn, Cuốcphêrắc múa một cây gậy tra gươm đã tuốt trần. Phơidi, mã tấu trong tay, đi đầu, vừa đi vừa hô: "Ba Lan muôn năm!"[1].

Họ từ bến Morlăng lại, cổ không cà-vạt, đầu không mũ, thở hổn hển, ướt như chuột lột, nhưng mắt nẩy lửa. Gavrốt gặp họ, thản nhiên hỏi:

- Ta đi đâu bây giờ?

- Cứ đi với chúng tao, Cuốcphêrắc nói.

---

(1) Hồi bấy giờ nhân dân Ba Lan đang nổi lên chống quân Áo, Phổ và Nga hoàng đã chia cắt và thống trị Ba Lan.

Dằng sau Phơidi là Bahôren. Chàng bước đi, hay nói đúng hơn đang nhảy chồm chồm lên, chàng gặp bạo động như cá gặp nước. Chàng mặc áo gi-lê đỏ thẫm, miệng toàn nói việc dữ dội. Áo gi-lê của chàng làm một khách qua đường mất vía, hét lên;

- Bọn đỏ đây rồi!

- Mầu đỏ! Bọn đỏ! Ồ tư sản! Sợ gì mà kỳ khôi thế! Ông đây thấy hoa mào gà đỏ ối ông cũng cóc run, thấy con bé quàng khăn đỏ ông cũng cóc sợ. Anh tư sản kia! Anh cứ tin tôi, hãy để cho lũ thú có sừng sợ màu đỏ.

Chàng nhìn vào góc tường ở đấy dán một tờ giấy lời lẽ hòa bình nhất thế giới, đó là tờ thông báo của ông tổng giám mục Pari cho phép "con chiên" ăn trứng trong ngày kiêng thịt. Chàng kêu to:

- "Con chiên", con cừu đó chỉ là một cách lịch sự để nói "con tưởu"[1] mà thôi!

Và chàng xé toạc tờ giấy. Cử chỉ này làm Gavrốt phục lăn. Từ phút này, Gavrốt bắt đầu học tập Bahôren. Ăngiôngrát trách:

- Cậu làm thế là sai. Cứ để yên tờ thông báo đấy chúng ta có liên quan gì với nó đâu. Cậu giận bừa giận bãi chẳng ích gì. Phải để dành lòng uất hận. Không ai bắn lung tung, giận giữ hay bắn súng cũng phải có đích chứ.

- Mỗi người một tính, Bahôren cãi. Cái lối văn chương giám mục này làm tớ bực mình, tớ muốn ăn trứng chẳng cần xin phép ma nào hết. Cậu thuộc cái hạng lạnh như tiền mà đốt chết người ta. Tớ thì thích quấy. Với lại, tớ có phải làm

(1) Nguyên văn chơi chữ giữa *ouaille* (cừu cái. nghĩa bóng: tín đồ. thường gọi con chiên) và *oie* (ngông). Con tưởu: con khỉ.

việc vô ích đâu, tớ đang lấy đà, tớ xé tờ thông báo là để cho nó ngon miệng sau này ăn nhiều cơm đấy! *Mẹ tiên nhân* nó!

Chữ *tiên nhân* làm Gavrốt chú ý. Nó tìm mọi cơ hội để học hỏi và nó hâm mộ anh chàng xé tờ áp - phích kia. Nó hỏi:

- *Tiên nhân* nghĩa là gì?

- Thì cũng là tổ cha đấy thôi, có điều nói chữ là vậy. Đến đấy Bahôren nhận ra một thanh niên xanh xao râu mọc đen sì đứng nhìn họ đi qua, ý chừng là hội viên hội ABC. Chàng gọi lớn:

- Mau mau đem đạn đến! Chuẩn bị *chiến đấu* [1]!

Gavrốt lần này làm như hiểu chữ nghĩa lắm.

- Ừ, ừ, phải!...

Đằng sau họ là một đoàn người nhốn nháo, sinh viên, nghệ sĩ, thanh niên vào hội Cuguốcdơ, công nhân, phu khuân vác, người cầm gậy, kẻ cầm lưỡi lê, có người như Côngbơphe giắt súng ngắn ở quần. Một cụ già rất già không có khí giới, bước vội để khỏi tụt lại sau mặc dầu cứ có vẻ tư lự. Gavrốt nhìn thấy hỏi Cuốcphêrắc:

- Telatenao?

- Một cụ già.

Người ấy là cụ Mabớp.

V

CHUYỆN ĐÁ XẢY RA ĐẦU ĐUÔI NHƯ SAU

Ăngiônrát và các bạn của chàng đang đi trên đường Buốcđông gần kho lương thực khi bọn lính đầu rồng tấn công. Ăngiônrat, Cuốcphêrắc và Côngbơphe cùng với nhiều người

(1) Nguyên văn la tinh: Para bellum.

khác kéo nhau về đường Bátxompie vừa đi vừa hô: *Hãy đến chiến lũy!* Đến đường Lêdighie họ gặp một cụ già đang đi.

Cụ làm họ chú ý vì cụ đi chệnh choạng như người say. Ngoài ra, tuy cả buổi sáng trời mưa và ngay lúc bấy giờ mưa khá nặng hạt, cụ vẫn cầm mũ mà đi. Cuốcphêrắc nhận ra cụ Mabớp. Chàng nhận ra vì chàng đã nhiều lần đưa Mariuytx đến nhà ông cụ. Vốn biết tính cụ già ham sách này xưa nay không hiếu sự lại rụt rè đến nhút nhát, chàng sửng sốt khi thấy ông cụ đứng giữa nơi hỗn loạn này, chỉ cách vài bước với toán kỵ binh đang xông ra, gần như ngay giữa đám bắn nhau, trời thì mưa, đầu vẫn không đội mũ mà dạo qua dưới làn đạn. Chàng chạy lại. Chàng thanh niên hai mươi lăm tuổi đang bạo động và ông già tám mươi nói chuyện với nhau:

- Cụ Mabớp, cụ về nhà đi!
- Tại sao?
- Sắp choảng nhau to.
- Tốt.
- Sắp đâm chém nhau, bắn nhau, cụ Mabớp ạ.
- Tốt.
- Có cả đại bác đấy!
- Tốt. Các anh đi đâu?
- Đi lật đổ chính phủ.
- Tốt lắm.

Và ông cụ đi theo họ. Từ lúc ấy, ông cụ không nói nửa lời.

Bước chân cụ bỗng trở nên chững chạc. Mấy công nhân giơ tay dắt, cụ lắc đầu. Cụ tiến lên hàng đầu, cử chỉ là cử chỉ của người đang đi, nhưng vẻ mặt lại là vẻ mặt của người đang ngủ. Bọn sinh viên thì thầm:

- Ông cụ này hăng máu gớm!

Trong đám đông người ta khác nhau rằng xưa kia cụ thuộc viện Dân ước, đã bỏ phiếu xử tử vua.

Cả bọn đi qua phố Verơri. Chú Gavrốt đi đầu vừa đi vừa hát rống lên như một anh lính kèn. Chú hát:

Kìa trăng mới mọc
Bao giờ ta vào rừng?
Sáclô hỏi Sáclốt
Tu tu tu
Đi Satu
Ta chỉ có một Chúa, một vua, một chiếc giầy và một đồng xu.
Vì uống sương sớm quá
Ở ngọn lá kê minh
Đôi chim di say lả
Di di di
Đi Pari
Ta chỉ có một Chúa, một vua, một chiếc giầy và một đồng xu
Tội nghiệp hai con lang
Say tít như sảo sảo
Hổ bật cười trong hang.
Đông đông đông
Đi Mođông
Ta chỉ có một Chúa, một vua, một chiếc giầy và một đồng xu.
Người rủa, người văng tục.
Bao giờ ta vào rừng?
Sáclô hỏi Sáclốt
Tanh tanh tanh
Đi Păngtanh

Ta chỉ có một Chúa, một vua, một chiếc giày và một đồng xu.

Họ kéo nhau về phố Xanh Meri.

VI

LÍNH MỚI

Đám người mỗi lúc một đông thêm. Đến phố Bidét, một người cao lớn đầu hoa râm cũng nhập bọn. Cuốcphêrắc, Ăngiônrát, Côngbơphe thấy hắn có vẻ lầm lì và táo tợn, nhưng không ai biết hắn là ai. Gavrốt chỉ lo hát hỏng, huýt sáo, nói chuyện, lấy báng súng của cái súng không có cò mà đập vào cửa chớp các hiệu buôn nên cũng không để ý đến hắn.

Đến phố Verơri, cả bọn đi qua cửa nhà Cuốcphêrắc. Cuốcphêrắc nói:

- Hay quá! Tớ quên tiền lại mất cả mũ!

Chàng bỏ đám đông chạy lên cầu thang bốn bậc một. Chàng lấy ra cái mũ cũ và túi tiền. Chàng lôi ra một cái thùng vuông to như một va-li lớn, bấy lâu vẫn khuất trong đống quần áo bẩn. Chàng đang tất tả chạy xuống thang gác thì mụ gác cổng gọi:

- Ông Đờ Cuốcphêrắc ơi[1].

Cuốcphêrắc hỏi vặn lại:

- Tên mụ là gì?

- Ông biết chán! Tôi là mụ Vôvanh.

---

(1) Người quý tộc trước họ có chữ Đờ, gọi Đờ Cuốcphêrắc tức xem Cuốcphêrắc là người quý tộc.

- Này, tôi nói cho bà biết: mụ còn gọi tôi là ông Đờ Cuốcphêrắc thì tôi sẽ gọi mụ là mụ Đờ Vôvanh cho mà xem. Bây giờ nói đi. Có việc gì thế?

- Có người muốn nói chuyện với ông.

- Ai thế?

- Tôi không biết.

- Ở đâu?

- Trong buồng của tôi

- Kệ xác nó.

- Nhưng người ta đợi ông hơn một tiếng đồng hồ rồi!

Vừa lúc ấy, một người ở trong buồng đi ra, có vẻ một công nhân trẻ tuổi, gầy gò, xanh xao, nhỏ nhắn, mặt có những nốt đỏ. Hắn mặc áo bơ-lu, quần nhung vá, giống con gái ăn mặc giả trai hơn là con trai. Nhưng giọng nói của hắn không có vẻ đàn bà chút nào.

- Thưa ông, tôi muốn gặp ông Mariuytx.

- Ông ta không có nhà.

- Tối nay ông ta có về không?

- Tôi không biết.

Và Cuốcphêrắc nói tiếp: - Còn tôi thì tôi không về! Người trẻ tuổi nhìn chàng chăm chú và hỏi:

- Tại sao thế?

- Bởi vì...

- Ông đi đâu vậy?

- Anh hỏi làm gì?

- Ông có muốn tôi mang cái thùng hộ ông không?

- Tôi ra chiến lũy.

- Tôi đi với ông có được không?

- Tuỳ ý! Đường phố thênh thang, ai muốn đi thì đi. Và chàng bỏ chạy ra ngoài để đi với các bạn.

Gặp họ, chàng đưa cái thùng cho một người mang. Một khắc đồng hồ sau, chàng mới nhận ra rằng gã thanh niên kia cũng nhập bọn.

Một đám đông ngẫu nhiên tụ họp như thế không phải muốn đi đến đâu thì đi. Ở trên, chúng tôi đã nói như có ngọn gió cuốn họ đi. Họ vượt qua phố Xanh Meri và không hiểu sao lại đưa nhau đến phố Xanh Đơni.

QUYỂN XII

CÔRANH

I

LỊCH SỬ CÔRANH TỪ NGÀY ĐƯỢC XÂY DỰNG

Ngày nay những người Pari đi từ phía chợ vào phố Răngbuytô thường để ý về bên phải, ở trước phố Môngđêtua, một hiệu làm đồ mây dùng làm bảng hiệu một cái giỏ mang hình dáng Napôlêông đại đế, với những chữ khắc:

NAPÔLÊÔNG LÀM TOÀN BẰNG MÁY

Những người ấy không mảy may ngờ rằng tại đây đã diễn ra những cảnh tượng kinh hồn cách mới ba mươi năm thôi.

Nơi đây ngày xưa là phố Săngvrơri[1] mà giấy mực cũ viết là Săngverơri[2], có cái quán rượu nổi tiếng gọi là quán Côranh.

Bạn đọc còn nhớ những điều đã nói về cái chiến lũy dựng lên ở đây, chiến lũy này vốn bị chiến lũy phố Xanh Meri át

(1) Chanvrerie.

(2) Chanverrerie.

đi. Chúng tôi sẽ rọi một ít ánh sáng vào cái chiến lũy phố Săngvrơri lừng danh ngày nay đã hoàn toàn bị lãng quên đó.

Bạn đọc hãy cho phép chúng tôi dùng lại cái phương pháp giản đơn đã dùng khi nói về trận Oatéclô, để cho câu chuyện càng sáng tỏ. Những ai muốn hình dung một cách khá đúng đắn những khối nhà thuở ấy ở gần mũi Xanh Oxtasơ, góc đông bắc chợ Pari, nơi ngày nay là đầu phố Răngbuytô, thì hãy tưởng tượng ra một chữ N. Chữ N đó đầu giáp phố Xanh Đơni, chân tựa khu chợ, hai nét đứng là hai phố Grăngđơ Tơruyăngđri và Săngvrơri, nét huyền là phố Pơtit Tơruyăngđri. Phố Môngđêtua cũ kỹ cắt ngang các phố kia những góc khúc khuỷu nhất. Tất cả bốn đường phố chằng chịt rối rắm đó đủ để tạo nên bảy cụm nhà cửa cách biệt nhau như bảy hòn đảo nhỏ, trong một khoảng đất không rộng quá bốn mẫu, giữa một bên là khu chợ và phố Xanh Đơni, một bên là phố Xinhơ và phố Prêsơ. Bảy cụm nhà đó lớn nhỏ khác nhau, hình thù kỳ dị, xếp đặt ngang ngửa như là ngẫu nhiên hình thành và cách nhau chỉ bằng những kẽ hẹp y như các tảng đá trong một công trường.

Chúng tôi nói những kẽ hẹp là để bạn đọc có một ý niệm chính xác về những đường phố tối tăm, chật hẹp đầy góc cạnh, hai bên có những ngôi nhà ọp ẹp tám tầng. Những ngôi nhà ấy già nua mục nát đến nỗi các mặt tiền quay ra phố Săngvrơri và phố Pơti Tơruyăngđri từ nhà này sang nhà khác đều có những cây đòn dài chống đỡ. Đường phố hẹp mà lòng lại rộng cho nên người đi đường cứ phải luôn giẫm trên nền đá ẩm ướt, đi sát những hiệu hàng giống các buồng hầm. Những trụ bọc niền sắt, những đống rác quá cỡ, những cổng có cửa sắt to lớn và cũ kỹ.

Cái tên *Môngđêtua*[1] nói được tài tình cái cảnh khúc khuỷu của các đường phố đó. Xa hơn một chút, người ta còn thấy cảnh ấy được diễn tả thần tình hơn nữa với cái tên phố *Piruét*[2], phố này đổ ra phố Môngđêtua.

Người đi đường đi từ phố Xanh Đơni vào phố Săngvrơri thấy nó hẹp dần lại như đi vào một cái phễu sâu. Đường phố rất ngắn, đến cuối phố sẽ thấy một dãy nhà cao chắn lối về phía khu chợ. Người khách tưởng mình đã đi vào một ngõ cụt nếu không thấy ở hai bên, có hai lối đi tối như đường hầm. Đó là phố Môngđêtua, phía bên này thì dẫn đến phố Xinhơ và phố Pơtit Tơruyăngđri. Ở đây cái thứ ngõ cụt đó, nơi góc đường hầm rẽ phải, người ta để ý đến một ngôi nhà thấp hơn các cái khác và nhô ra đường.

Cái nhà có hai tầng gác đó chính là nơi từ ba trăm năm nay chễm chệ một cái quán bất hủ. Cái quán ấy là một nốt nhạc vui ở chính cái nơi mà ông bạn Têôphin[3] đã chỉ ra trong hai câu thơ:

Nơi đây đu đưa bộ xương gớm ghiếc
Của một chàng trai tội nghiệp treo cổ vì tình.

Chỗ này thuận lợi, chủ quán cha truyền con nối dọn hàng ở đây.

Thời Matuyranh Rênhiê[4], cái quán ấy lấy tên là *Lọ-hoa-hồng*[5]. Vì thời ấy có cái mốt lấy hình đoán chữ, cho

---

(1) Mondétour viết rời (*mondétour*) có nghĩa là khúc quanh co, khúc ngoặt của tôi.

(2) *Pirouette*: con quay, một vòng xoay người.

(3) *Théophile Gautier*: nhờ thơ, nhà văn lãng mạn Pháp thế kỷ XIX sinh sau Victo Huygô độ mười năm.

(4) *Mathurin Régnier*: nhà thơ trào phúng Pháp thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII.

(5) Poaux roses (lọ cắm hoa hồng). Theo các âm tiết đó, có thể viết cách khác Poteau rose (cọc hồng).

nên bảng hiệu của nó là một cái cọc sơn hồng. Thế kỷ trước, họa sĩ Natoa, một bậc thầy về lối hiếu kỳ ngày nay bị trường phái cứng nhắc khinh thị, đã từng ngồi uống say khướt ở cái bàn xưa kia Rênhiê cũng đánh chén bí tỉ. Để tỏ lòng biết ơn, Natoa đã vẽ một chùm nho xứ Côranhtơ trên cái cọc hồng. Anh chủ quán thích thú thay bảng hiệu cũ bằng cái bảng hiệu mới đó và thuê người ta khắc vào thiếp vàng mấy chữ: *Quán nho Côranh* ở dưới chùm nho. Do đó mà có tên *Quán Côranh*. Bọn say sưa lược bớt tiếng bớt chữ là thường. Phép lược từ làm cho câu trở nên ngoằn ngoèo. Côranh dần dà truất vị Lọ-hoa-hồng. Người đại diện sau cùng của dòng họ chủ quán đó, bác Huysơlu, đã sơn lại cái cọc bằng màu xanh, bởi vì ông không hề biết lai lịch truyền thống của nó.

Một phòng dưới có đặt quầy thu tiền, một phòng ở tầng một có đặt bàn bi-a, một cầu thang gỗ xoáy trôn ốc chọc trần, rượu vang trên các bàn, muội khói trên tường, nến thắp giữa ban ngày, đó là cảnh tượng cái quán. Một cầu thang có nắp ở dưới dẫn xuống căn hầm. Chỗ ở của gia đình Huysơlu ở tầng hai. Họ leo lên tầng hai bằng một cầu thang, có vẻ một chiếc thang gỗ hơn là một cầu thang đi vào phải qua một cái cửa khuất ở phòng lớn tầng một. Áp mái có hai buồng làm ổ cho các chị ở gái. Ngoài hai tầng gác thì tầng nền làm chỗ đặt quầy thu tiền và nhà bếp.

Bác Huysơlu chắc sinh ra là một nhà hóa học: thực tế bác là một người nấu bếp. Ở quán bác, không chỉ có uống rượu, mà có cả cái ăn nữa. Huysơlu đã phát minh ra một món tuyệt ngon, chỉ có ở quán bác mới có: đó là món cá chép nhồi mà bác gọi là món *chép rán béo*. Người ta ăn món đó dưới ánh một ngọn nến mỡ bò, hoặc một cây đèn nhỏ thời Lui XVI, trên những bàn phủ vải dầu đóng đanh vào mặt bàn, thay

khăn bàn. Khách từ xa đến. Bác Huysơlu một sớm mai nọ bỗng nảy ra cái ý kiến hay ho là phải báo cho khách qua đường biết món "đặc sản" của mình. Ông ta nhúng cây bút lông vào một lọ hắc ín, và vì có một lối viết của mình ông ta đã ứng tả trên tường quán những chữ đáng chú ý này:

CARPES HOGRAS

Một mùa đông nọ, mưa và tuyết đã trớ trêu xóa mất chữ S ở cuối từ đầu và chữ G ở đầu từ thứ ba, còn lại những chữ:

CARPE HO RAS[1]

Thời gian và mưa móc đã phụ giúp vào để biến một hàng chữ thực đơn khiêm tốn thành một lời khuyên đời sâu sắc như thế đó.

Thế là bác Huysơlu dù không biết tiếng Pháp vẫn biết la-tinh, bác đã đem triết học từ nhà bếp ra và chỉ muốn vượt Carêm[2] thôi, bác đã thực sự tỏ ra thiên tài như Horaxơ[3].

Tất cả những cái ấy ngày nay đều không còn gì. Cái khu bàn cờ Môngđêtua đã bị xẻ ra và mở toác từ năm 1847 và chắc là hôm nay đã mất hẳn. Đường phố Săngvrơri và đường phố Côranhtơ đã lấp dưới đá lát đường phố Tăngbuytô.

---

(1) *Carpes au gras* (cá chép rán béo), Huysơlu viết sai thành *carpes hogras, rồi vì* mưa tuyết lại thành *Carpe ho ras:* đọc như Carpe Horace và có thể hiểu: Châm ngôn "Tận hưởng" (carpe) của Hôraxơ (xem thêm chú thích về Horace). Những lối chơi chữ này không chuyển ra tiếng Việt được.

(2) *Carême:* một đầu bếp Pháp có tài, đã viết nhiều sách dạy nấu ăn (thế kỷ XIX).

(3) *Horace*: nhà thơ La Mã nổi tiếng, đã khuyên người ta sống hưởng thụ với châm ngôn Carpe diêm: Hãy tận hưởng cái ngày hôm nay.

Chúng tôi đã nói, quán Côranh là nơi họp mặt, cũng là nơi liên lạc của Cuốcphêrắc và các bạn anh. Chính Grăngte đã phát hiện ra nơi đó vì châm ngôn "Tận hưởng" của Horaxơ và trở lại đó vì những con "cá chép rán béo". Ở đây, họ uống, họ ăn, họ la hét, họ trả tiền ít, họ trả không ra sao, họ chẳng trả gì cả, thế mà họ vẫn được tiếp đãi ân cần. Bác Huysơlu là một người tốt bụng.

Huysơlu, chúng tôi vừa nói, con người tốt bụng, là một ông chủ quán có râu mép. Một loại chủ quán buồn cười. Bác luôn có vẻ như cau có, tuồng như muốn dọa nạt khách hàng, càu nhàu với họ, và trông như sẵn sàng kiếm chuyện gây gổ với họ hơn là dọn xúp cho họ ăn. Tuy nhiên, chúng tôi khẳng định, ai đến đó cũng được tiếp đãi ân cần. Cái điều kỳ khôi này làm cho bác đắt khách, nhiều thanh niên thấy vậy đổ đến, bụng bảo dạ: Đến xem bác Huysơlu "làm nghề tay trái". Bởi vì bác xưa kia là thầy dạy kiếm thuật. Bỗng nhiên bác cười oang oang. Tiếng to là tốt tính. Ở ông bên trong là hài, bên ngoài là bì, ông không thích gì hơn là làm cho anh khiếp, giống như những hộp thuốc lá làm theo hình khẩu súng ngắn. Nó nổ thành tiếng hắt hơi.

Bà vợ ông, bà Huysơlu là một bà có râu, xấu xí.

Vào khoảng năm 1830, bác Huysơlu qua đời. Bác mất, bí quyết cá chép rán béo cũng mất. Bà vợ góa rầu rĩ vì chồng, vẫn tiếp tục mở quán. Nhưng món ăn mất phẩm chất và trở nên đáng ghét, còn rượu vang từ trước vẫn kém, đến nay thì quá tệ. Tuy vậy Cuốcphêrắc và các bạn anh vẫn đến quán Côranh - vì thương hại, như Bôtxuyê nói.

Bà góa Huysơlu hình thù dị dợm, luôn luôn thở dốc. Bà có những kỷ niệm về đồng quê. Kỷ niệm nhạt phèo, nhưng cách phát âm của bà khiến cho nó có đôi phần ý nhị. Khi nhắc

những chuyện thôn dã trong tuổi xuân, bà có cách nói làm cho nó mặn mà. Bà nói ngày xưa, bà rất thích nghe "con chim đỏ ức hót trên chùm-xuân".

Phòng ở tầng gác một, nơi khách ăn, là một phòng rộng và dài ngổn ngang những ghế đẩu, ghế tựa, ghế dài, bàn và một cái bàn bi-a cũ khập khiễng. Người ta đến đó bằng cái cầu thang xoáy trôn ốc, nó đưa đến góc phòng qua một cái lỗ vuông giống cửa lên boong tàu.

Cái phòng ấy chỉ có một cửa sổ hẹp và một đèn con luôn luôn thắp soi sáng. Những bàn ghế có bốn chân đều ọp ẹp như chỉ có ba chân. tường quét nước vôi trắng không được trang trí gì ngoài bài thơ tứ tuyệt đề tặng bà Huysơlu.

Cách nàng mười bước ta kinh ngạc, cách hai ta kinh sợ,
Một nốt ruồi ngự trị trên cái mũi phiêu lưu
Lúc nào ta cũng run, chỉ sợ nàng khịt ra nó
Và có ngày, mũi nọ nhằm mồm kia chui vào.

Bài thơ đó được viết bằng than lên tường.

Bà Huysơlu khá giống người trong thơ, sớm chiều đi lại trước bài tứ tuyệt kia một cách tuyệt đối ung dung. Hai ả tớ gái không có tên gì khác ngoài tên Matơlôt và Gibơlôt, giúp bà Huysơlu đặt lên bàn những vò rượu xanh và dọn cho khách đới lòng những món canh, xúp linh tinh đựng trong đĩa đất nung. Matơlôt to, tròn, tóc hung, mồm xoen xoét, nguyên là ái phi của bác Huysơlu quá cố, là một người đàn bà xấu xí, xấu hơn bất cứ con quái vật huyền thoại nào. Tuy nhiên, vì theo lẽ thì người ở phải đứng sau chủ nhà, ả còn có phần đỡ hơn bà Huysơlu. Gibơlôt thì dài thườn thượt, mảnh khảnh, trắng nhợt như người bị bệnh máu trắng, mắt có quầng, mi

sập xuống, luôn luôn mệt mỏi kiệt sức như người có thể nói là mắc chứng uể oải kinh niên, thức dậy trước mọi người và đi ngủ sau mọi người, ả phục vụ tất cả mọi người, kể cả người tớ gái kia, một cách dịu dàng, lặng lẽ, miệng có nụ cười mơ hồ của người mỏi mệt đang ngủ thiếp đi.

Trên bàn thu tiền có một tấm gương.

Trước khi bước vào phòng ăn, khách hàng đọc trên tấm cửa câu thơ Cuốcphêrắc viết bằng phấn sau đây:

Thết bạn đi nếu được, ăn đi nếu anh dám.

II

NHỮNG CUỘC VUI MỞ ĐẦU

Ai cũng biết Leglơ đơ Mô ở với Giôli chứ không ở chỗ nào khác. Anh có một chỗở cũng như con chim có một cành cây. Hai người bạn sống với nhau, ăn với nhau, ngủ với nhau. Cái gì họ cũng là chung, kể cả với Muydisela cũng chút ít như vậy. Những tu sĩ dòng Mũ gọi những người bạn như vậy là những người dính đôi[1]. Buổi sáng ngày 5 tháng Sáu, họ đi ăn điểm tâm ở Côranh. Giôli nghẹt mũi và đang bị cảm, Leglơ cũng bắt đầu chia sẻ bệnh đó. Áo của Leglơ sờn, nhưng Giôli thì quần áo đẹp.

Vào khoảng chín giờ, hai bạn đẩy cửa quán Côranh. Họ lên tầng một. Matơlôt và Gibơlôt tiếp họ.

- Sò, pho-mát, giămg-bông, Leglơ gọi.

---

(1) Nguyên văn la-tinh: *beni*.

Họ ngồi vào bàn. Quán trống, chỉ có hai anh em họ.

Gibơlôt nhận ra Giôli và Leglơ, đặt một chai rượu lên bàn.

Họ mới ăn những con sò đầu tiên thì có một cái đầu nhô lên ở cửa cầu thang và có tiếng nói:

- Mình đi qua. Mình đánh hơi thấy có mùi pho-mát xứ Bri ngon lành. Mình vào.

Đó là Grăngte. Gibơlôt đem hai chai vang đặt lên bàn.

Thế là ba chai tất cả.

- Cậu định uống cả hai chai này ư?- Leglơ hỏi Grăngte.

- Ai cũng có trí ý, chỉ có cậu là thiển ý. Grăngte bắt đầu uống. Trong một thoáng hắn nốc nửa chai. Leglơ hỏi:

- Dạ dày cậu có lỗ thủng sao?

- Cậu cũng có ở khuỷu tay đó.

Grăngte lại uống cạn cốc rồi nói tiếp:

- Ái chà! Leglơ văn tế ơi, cái áo cậu cũ quá.

- Mình mong thế. Bởi vậy, chúng tớ, cái áo và tớ rất thuận hòa với nhau. Nó nhận tất cả những nếp của tớ, nó chẳng vướng bận tớ tí nào, những tàn tật dị hình của tớ, nó bọc lấy, nó nâng chiều tất cả những cử động của tớ, tớ chỉ cảm thấy có nó là vì mình được ấm áp. Áo cũ cũng như bạn cũ.

- Đúng thế, Giôli hét to xen vào cuộc đối thoại. Áo cũ cũng như bạn cũ[1].

- Nhất là ở cửa miệng một anh nghẹt mũi.

---

(1) Giôli nói *ami* (bạn) thành *abi* (đồng âm với *habit* là áo) vì ngạt mũi. Trò chơi chữ này không chuyển qua Việt ngữ được.

- Grăngte, Leglơ hỏi, cậu từ đại lộ đến đây à?

- Không.

- Giôli và tớ vừa xem đoạn đầu đám tang đi qua.

- Một cảnh tượng kỳ diệu, Giôli nói.

- Còn cái phố này mới yên tĩnh làm sao! Leglơ kêu.

Ô đấy thì không ai ngờ Pari đã bị xáo ngược! Thật rõ ràng là ở chỗ các tu viện ngày xưa Đuy Brơi và Xơvan đã lên danh sách các tu viện đó, và cả tu viện trưởng Lơbớp nữa. Cớ lắm loại quanh đây đông như kiến ấy, nào dòng có giầy, dòng đi đất, dòng trọc đầu, dòng có râu, dòng xám, dòng đen, dòng trắng dòng phrăngxieanh, dòng minim, dòng capuyxanh, dòng cacmơ dòng tiểu ôguytxtanh, dòng đại ôguytxtanh, dòng cực ôguytxtanh... Lô nhô, lúc nhúc.

- Thôi đừng nói đến lũ tu sĩ nữa - Grăngte cắt ngang - nghe ngứa ngáy lắm.

Rồi anh kêu:

- Ái chà! Mình vừa nuốt phải con sò ôi. Ấy, cái bệnh ưu phiền của tớ lại tái phát rồi đấy. Sò hỏng, các cô bán quán vô duyên. Tớ căm ghét nhân loại. Vừa rồi, tớ đi qua phố Risơliơ, trước một cái hiệu sách công cộng lớn. Cái đống vỏ sò mà người ta gọi là một thư viện đó, mới nghĩ tới tớ đã thấy tởm rồi. Bao nhiêu giấy, bao nhiêu mực! Lắm thứ bôi bác! Người ta đã viết ra chừng ấy đấy! Thế mà cớ thằng ngốc nào không biết đã nói, cho con người là con vật hai chân không lông[1]. Rồi tớ lại gặp một cô gái quen biết, đẹp như

(1) Chơi chữ: *plume* vừa có nghĩa là cái lông nhím, vừa có nghĩa là cái bút, vì người Âu ngày trước dùng cái lông cánh ngỗng để viết.

mùa xuân, mang tên hoa rất xứng đáng, thế mà cái con khốn nạn! Vì hôm qua một thằng chủ nhà băng đáng tởm, mặt rỗ đầu mùa, đã hạ cố ngủ với nớ! Chao ôi! Cái bọn đàn bà, chúng nó rình chộp tên thầu thuế cũng ngang với trang phong lưu, con mèo cái cũng vậy đó, nó săn bắt chuột cũng như săn bắt chim. Cách đây chưa đầy hai tháng, ả ấy là một cô gái ngoan trong một cái buồng nát, ả tán ô-dê trên coóc-xê, các anh gọi cái việc ấy là gì? Có khâu vá, có ngủ trên giường vải, có ngồi bên cạnh một cái chậu hoa và có thỏa mãn. Bây giờ ả là vợ một ông chủ ngân hàng. Sự đổi lốt ấy mới xảy ra đêm qua. Sáng nay tớ vừa gặp nạn nhân đó. Ả thích thú lắm. Điều đáng hãi là cái con nỡm ấy hôm nay cũng vẫn xinh như hôm qua. Cái lão tài phiệt kia không hiện ra trên mặt ả. Hoa hồng có đặc điểm này, không biết nên cho là hơn hay kém phụ nữ, là dấu vết những con sâu còn thấy trên cánh nó. Ôi! Luân lý đâu có trên mặt đất này, tôi viện chứng cây hương đào, tượng trưng cho tình yêu, cây nguyệt quế, tượng trưng cho chiến tranh, cây ôliu ngốc nghếch kia, tượng trưng cho hòa bình, cây táo mà hạt xuýt làm cho Adam chết vì nghẹn ở cổ, và cây vả, ông tổ của váy mặc trong. Còn công lý, các anh có muốn biết công lý là gì không? Người Gôloa muốn chiếm Cluydơ; La Mã bảo vệ Cluydơ, hỏi họ: Cluydơ phạm lỗi gì đối với các ông? Brennuýt trả lời: - Cái lỗi Anbơ đã phạm đối với các ông, cái lỗi mà Phiden, mà người Êcơ, người Vônxcơ và người Xabanh đã phạm đối với các ông. Họ đã là láng giềng của các ông. Người Cluydơ là láng giềng của chúng tôi. Chúng tôi quan niệm lân bang cũng như các ông. Các ông đã cướp lấy Anbơ, chúng tôi ngày nay chiếm Cluydơ. Brennuýt đánh lấy La Mã. Rồi ông

thét: *Ves Viclis*[1]. Công lý là thế đó. Chao ôi! Ở thế giới này, loại thú săn mồi sao mà lắm thế! Vô khối diều ó! Vô khối diều ó! Tớ thấy mà rợn da gà đây.

Grăngte đưa cốc cho Giôli rót đầy, rồi uống và nói luôn, hầu như không dừng lại vì cốc rượu mà không ai để ý, kể cả anh ta.

- Brennuýt đoạt La Mã là một con ó, tên chủ nhà băng chiếm ả gái lẳng lơ kia là một con ó. Ở đó cũng như ở đây, đều không có ngượng ngùng e thẹn chút nào. Cho nên, chúng ta không nên tin gì cả. Chỉ có uống là chân lý. Dù anh nghĩ thế nào, dù anh ở về phía con gà trống gầy như tổng Uyri nọ, hay là ở phía con gà trống béo như tổng Glarit kia, cũng chẳng nghĩa lý gì, cứ uống. Các anh nói đến đại lộ, đến đám tang, vân vân... Ái chà, thế nghĩa là sắp có một cuộc cách mạng nữa? Tôi lấy làm ngạc nhiên sao mà cái ông Đức Chúa nhân ái ấy túng phương tiện đến thế! Lúc nào ngài cũng chỉ lại biết tra mỡ vào kẽ răng của những biến cố. Có mắc míu, có đình đốn. Mau mau, phải làm cách mạng. Đức Chúa ngài lúc nào bàn tay cũng đen bẩn cái chất dầu mỡ khó ưa đó. Giá ở vào vị trí của ngài, tôi sẽ giản đơn hơn, tôi không luôn luôn lên dây cót cho cái máy của tôi như vậy. Tôi sẽ dìu dắt loài người một cách nhanh nhẹn và hiệu quả kia. Tôi đan sự việc từng mắt một, không làm đứt sợi, tôi không tùy nghi đối phó, tôi không có kịch bản khác thường.

Cái mà các anh gọi là tiến hóa chạy bằng hai động cơ là con người và sự kiện. Thế nhưng điều đáng buồn là thỉnh thoảng cần phải có chuyện đặc biệt. Với sự kiện cũng như con

(1) Khi người La Mã (Rôma) cân vàng trả để chuộc lại thành quốc của mình, thì Breanus, thủ lĩnh người Gaulois ném thanh gươm mình vào đĩa mang quả cân và nói: "Vae victi" (kẻ chiến bại phải gánh hoạn nạn).

người, số bình thường không đủ. Trong số đông con người phải có những thiên tài, trong số nhiều sự kiện, phải có những cuộc cách mạng. Phải có những đại biến cố, đó là quy luật, trật tự thế giới không thể không có những diễn viên ra trò. Khi người ta ít ngờ đến nhất thì Chúa lại treo một thiên tượng lên tường vũ trụ. Một ngôi sao kỳ lạ hiện ra kéo theo một cái đuôi to lớn. Cái đó làm chết Xêda. Bruytuytx đâm ông một nhát dao, Chúa, một nhát sao chổi. Tách! Đây là một giả bình minh bắc phương, đây là một vĩ nhân, 93 bằng đại tự, Napôlêông in nổi bật, sao chổi 1811 trên đầu biểu ngữ. Chà chà! Cái bảng quảng cáo xanh điểm những chấm sáng bất ngờ. Ừm! Ừm! Cảnh huống kỳ lạ. Hãy nhìn lên hỡi các chú rồi nghề! Tất cả đều xõa tóc, ngôi sao cũng như vở kịch. Chúa ôi! Nhiều quá đấy, và cũng chưa đủ đâu. Những biện pháp đặc biệt ấy trông như phong phú, thật ra là nghèo nàn. Các bạn ạ, thượng đế đang thi thố những mẹo vặt. Một cuộc Cách mạng thì chứng tỏ cái gì? Chứng tỏ là Chúa đã đến chỗ vô phương. Ngài làm một cuộc đảo chính chỉ vì có gián đoạn giữa hiện tại và tương lai và bởi vì ngài là Chúa đấy, ngài không nối được hai đầu dây với nhau. Điều này làm cho tớ tin những giả thiết của tớ về tình hình sản nghiệp của ngài là đúng. Tôi nghi là Chúa chẳng giàu có gì khi thấy lắm cái bất ổn ở trên cũng như ở dưới, lắm cái hạ tiện, ti tiện, hà tiện, quẫn bách trên trời và dưới đất, từ con chim không có một hạt kê mà ăn cho đến tớ không làm sao có nổi một trăm nghìn phơrăng thực lợi, khi thấy số phận con người đã mòn nhẵn, cả đến số phận đế vương cũng sờn tận cốt sợi, bằng chứng là hoàng thân Công đê bị treo cổ, khi thấy mùa đông chẳng khác gì một mảnh rách trên thiên đỉnh qua đó gió lạnh thổi xuống trần gian, khi thấy vô khối những tã rách trên

màu hồng tươi rói của ban mai ở các đỉnh đồi, khi thấy những giọt sương, những hạt ngọc trai giả ấy, khi thấy những hạt tuyết, kim cương giả đeo ở đầu cành, khi thấy nhân loại đứt chỉ, lịch sử vá víu và nhiều vết ở mặt trời, nhiều hố trên mặt trăng, khi thấy khốn khổ tràn trề khắp nơi khắp xứ. Chúa ra vẻ lắm, đúng, nhưng tớ cảm thấy Chúa túng rồi. Ngài cho ra một cuộc cách mạng cũng như nhà đại thương kết rống mở một cuộc khiêu vũ. Không nên xét thần thánh ở bề ngoài. Dưới lớp vàng son bóng lộn trên trời tớ nhận thấy vũ trụ nghèo nàn. Trong cuộc sáng chế có cảnh phá sản. Vì vậy tớ bất mãn. Các anh thấy không, hôm nay là ngày năm tháng Sáu, thế mà bây giờ hầu như còn đang trong đêm. Từ sớm nay tớ đợi cho trời sáng. Thế mà trời không sáng cho, tôi cam đoan là cho đến hết ngày, trời vẫn chưa sáng ra. Đây là lỗi giờ giấc của anh nhân viên lương không được trả đúng. Thật vậy, tất cả đều xếp đặt sai, không có cái gì khớp với cái gì cả, cái quả đất cũ kỹ này đã quần quẹo rồi, tớ đứng vào phải chống đối. Xiên xẹo, méo mó tất. Vũ trụ là trớ trêu lắm. Chúng ta như những đứa trẻ: đứa nào muốn tl ì không có, đứa nào không muốn lại có. Chung qui, tớ căm lắm. Ngoài ra cái anh hới Leglơ đơ Mô làm tớ nhìn mà phát sầu muộn. Cứ nghĩ tớ cùng tuổi với cái đầu gối ấy mà thấy nhục. Thực ra thì tớ phê phán chứ không lăng mạ. Vũ trụ nó đã như thế thì thế. Tớ nói không có ác ý, nói chỉ để cho lương tâm khỏi day dứt mà thôi. Xin Chúa vĩnh hằng hãy nhận sự thành kính trân trọng của tôi. Chao ôi! Xin viện tất cả các thánh ở Thần sơn và các thần linh ở Thiên đường mà thề rằng tôi không phải sinh ra để làm người Pari, nghĩa là cái vật được chuyền qua lại giữa đám rong chơi và đám phá phách, như chiếc cầu lông giữa hai cây vợt Tôi sinh ra để làm người Thổ, suốt ngày ngồi

ngắm gái phương Đông nhảy múa những điệu vũ Ai Cập là lơi như những mộng mị của một anh chàng trai giới, hoặc là nông dân đất Bôxơ, hoặc là quý tộc thành Vơnidơ ở giữa đám bài bạc, hoặc là tiểu vương Đức góp cho liên bang Nhật-nhĩ-man mỗi lần nửa tên lính bộ, ngày rồi chỉ tiêu khiển bằng cách phơi bít tất lên hàng rào mình tức là biên giới đất nước mình. Đớ, số kiếp của tớ phải là như thế! Vâng! Tớ nói Thổ, và tớ không cải chính. Tôi không hiểu sao người ta có thói quen coi thường người Thổ, Mahômê cũng có cái hay. Hãy tôn kính đấng sáng chế những hậu cung có thần nữ và những thiên đường có tỳ nữ[1]! Đừng lăng mạ Hồi giáo, cái tôn giáo duy nhất được trang trí một chuồng gà mái! Đến đây tớ phải uống đã. Thế giới này là một ngu xuẩn vĩ đại. Và hình như họ sắp đánh nhau, tàn sát nhau giữa mùa hè trong tháng cỏ non, trong khi chúng có thể cấp tay một mỹ nhân đi về đồng quê hít thở mùi cỏ cắt bốc lên như một chén trà lớn! Quả là người ta đã làm lắm cái điều dại dột! Cái đèn lồng cũ vỡ mà tớ thấy ở một quầy hàng xén vừa rồi đã gợi cho tớ một sự suy nghĩ: đã đến lúc phải soi sáng cho nhân loại. Ừ, tớ lại buồn rồi! Ấy nuốt mắc nghẹn một con sò và một cuộc cách mạng thì nó như thế đấy! Tớ trở lại sầu thảm. Ôi! Cái thế giới cố hữu đáng hãi này! Ở đấy người ta lật đật, người ta lật đổ, người ta đánh đĩ, người ta đâm họng nhau và người ta đã sống quen với nó.

Sau cơn hùng đàm đó, Grăngte nổi một cơn ho, thật đáng đời. Giôli nói:

---

(1) Grăngte dụng ý nói ngược lại, cũng như khi nói về thần linh và thánh ở trên, để thấy thực chất.

- Nhân nói đến cách mạng, mình thấy rõ ràng thằng Mariuytx đã mê gái.

- Có biết hắn mê ai không?- Leglơ hỏi.

- Không!

- Không à?

- Không, tớ đã nói mà!

- Chuyện yêu đương của Mariuytx ư? Grăngte hét. Tớ thấy rõ rồi, Mariuyx là một đám sương mù, nó đã tìm thấy một cột khói. Mariuytx thuộc dòng họ thi sĩ. Nói thơ là nói dở hơi. Thần Apôlông của người Ténhbrêuýt[1], Mariuytx với cô nàng Mari, hay Maria hay Mariet hay Mariông của nó chắc phải là một đôi nhân tình ngộ nghĩnh. Tớ biết tỉnh hình chúng nó như thế nào rồi. Ngây ngất mà quên hôn nhau. Đoan chính ở dưới trần, giao hợp ở trên cung mây. Đó là những linh hồn có giác quan. Họ ngủ với nhau giữa vòm sao.

Grăngte bắt đầu chai thứ hai và có lẽ cả bài diễn thuyết thứ hai nữa nhưng một người nữa đã chui lên khỏi cái lỗ cửa cầu thang. Đó là một chú bé chưa đến mười tuổi, rách rưới, thấp bé, vàng vọt, mặt đỏ, mắt sáng, tóc rất dày đẫm nước mưa, nét mặt vui vẻ. Không quen ai hết, nhưng lựa chọn không do dự giữa bộ ba ấy, chú hướng về Leglơ đơ Mô hỏi:

- Ông có phải là ông Bôtxuyê không?

- Đó là cái tên nhà của tôi, Leglơ đáp. Em cần gì mà hỏi tôi?

- Thế này. Một ông tóc vàng, người cao, ở đại lộ hỏi em: Em có biết bà Huysơlu không? Em đáp: Biết, ở phố Săngvrơri, bà góa của ông già. Ông ấy bảo em: Em đến đấy. Em tìm gặp ông Bôtxuyê, em nói hộ cho anh: A-B-C. Chắc là người ta

(1) Nguyên văn la-tinh: *Timbraeus Apollo*.

muốn diếu ông phải không? Ông ấy cho em mười xu.

- Giôli ơi, cho tớ vay mười xu đi - Leglơ nói. Rồi quay lại Grăngte: Grăngte cho tớ vay mười xu.

Được hai mươi xu, Leglơ cho thằng bé.

- Cám ơn ông - thằng bé nói.

- Em tên là gì?

- Nave, bạn của Gavơrốt.

- Ở đây với các anh - Leglơ bảo.

- Ăn sáng với các anh nào - Grăngte mời.

Thằng bé đáp:

- Em không thể. Em ở trong đoàn đưa tang, chính em hô đả đảo Pôlinhắc.

Và quay lại, kéo lê chân sệt sệt - đó là cách chào tôn kính nhất của nó - nó bước đi.

Đứa bé ra khỏi thì Grăngte lên tiếng:

- Thằng bé này là thằng bé nguyên chất. Có nhiều loại trong bọn nhãi ranh. Nhãi của các viên chưởng khế gọi là nhãi nhãy-phố[1], nhãi làm bếp gọi là nhãi đội-nồi, nhãi làm bánh mì là nhãi mũ chụp, nhãi hầu gọi là grum, nhãi thủy thủ là mút-xơ, nhãi lính là thiếu sinh quân, nhãi họa sĩ là rapanh, nhãi đại thương là nhãi-choai-choai, nhãi triều thần là tiểu-công-tử, nhãi vua chúa là hoàng tử, nhãi Chúa trời là Hài đồng.

Trong lúc đó Leglơ nghĩ ngợi. Anh nói nho nhỏ:

- A.B.C, nghĩa là: đám tang Lamác.

---

(1) Nguyên văn những danh từ này: sau'e-ruisecau, marmiton mitron groom (tiếng Anh, Pháp hóa), mousse papin, rapin, trottin, menin, dauphin, bambino. Chúng tôi buộc phải dùng cả ba cách: chuyển ra từ tương đương, dịch những từ dịch được, phiên âm từ chuyên nghiệp và tiếng lóng.

- Ông người cao tóc vàng, Grăngte nhận xét- là Ănggiônrátx. Anh ta báo tin cho cậu đấy.

- Chúng ta có đến không nào? Bôtxuyê hỏi.

- Trời mưa - Giôli nói. Tớ cam kết vào lửa chứ không cam kết vào nước. Tớ không muốn cảm ốm.

- Tớ thì ở lì đây, Grăngte nói. Tớ thích ăn sáng hơn chôn người.

- Kết luận: chúng ta không đi - Leglơ nói tiếp. Thế thì uống vậy. Và lại thiếu mặt ở đám tang cũng không nhất thiết phải thiếu mặt ở cuộc bạo khởi.

- À! Nói bạo khởi thì có tớ đây - Giôli thét.

Leglơ xoa hai bàn tay vào nhau nói:

- Thế là chúng ta sắp soát lại cuộc cách mạng 1830. Trên thực tế cuộc cách mạng 1830 làm cho dân chúng lúng túng ở những chỗ khuỷu.

- Cái cách mạng của các anh, mình chẳng thiết - Grăngte nói. Tớ không ghét bỏ cái chính phủ này. Đó là cái vương miện được lót êm bằng chiếc mũ lông, một vương trượng mà đầu dưới là chiếc ô. Ò nhỉ! Trời hôm nay như thế này cho nên tớ nghĩ cái vương trượng đó! Luy Philíp có thể dùng cái quân quyền của mình nhằm hai mục tiêu, đưa cái đầu trượng ra đối với dân mở cái đầu ô ra đối với trời.

Phòng tối om, những mảng mây lớn đã làm mất nốt ánh sáng ban ngày. Không có ai trong quán, cũng không có ai ngoài đường, mọi người đều đi "xem diễn biến của thời cuộc".

- Giữa trưa hay nửa đêm đây? Bôtxuyê thét. Chẳng trông thấy gì sất, Giboiôt, đem đèn đây!

Grăngte buồn bã cứ uống rượu. Anh lầu bầu:

- Ănggiônrátx chê ta, Ănggiônrátx nói: Giôli ốm, Grăngte

say. Cho nên hắn cho Nave đến gọi Bôtxuyê. Giá hắn đến rủ ta thì ta đã đi rồi. Mặc xác Ăngginônrátx! Ta không đến dự cái đám tang của hắn đâu.

Đã quyết nghị không đi cho nên Bôtxuyê, Giôli và Grăngte chẳng nhích ra khỏi quán. Vào khoảng hai giờ chiều thì bàn của họ đã đầy những vỏ chai. Hai cây nến thắp sáng để trên bàn, một cây cắm trên cái chân đồng đã hoàn toàn gỉ xanh, một cây nhét vào cổ một lọ đựng nước rạn nứt. Grăngte đã kéo Giôli và Bôtxuyê trở về với vui nhộn.

Về phía Grăngte thì từ trưa, anh ta đã vượt quá cái mốc rượu vang, vì rượu vang là một nguồn mộng tồi. Đối với những bợm ghiền thực sự, rượu vang chỉ được nể nang mà thôi. Về việc say sưa thì cũng có ảo thuật và quỉ thuật, rượu vang chỉ là ảo thuật thôi, Grăngte là một anh chàng uống mộng liều lĩnh. Một trận say tối trời đen đất, một trận say kinh hồn sừng sững trước mắt không làm cho anh ta dừng, ngược lại lôi cuốn anh ta. Anh đã để chai qua một bên để cầm cốc vại. Không có thuốc phiện, không có ba-sít[1] bên mình, mà cứ muốn cho đầu óc ám hoàng hôn thì đành phải mượn cái thứ nước pha ghê gớm gồm có rượu mạnh, bia đen và rượu ngải, cái thứ nước gây nên những cơn hôn mê kinh khủng. Thể hơi của ba thứ bia, rượu mạnh, rượu ngải đổ chì vào tâm hồn. Đó là ba thứ đêm đen làm chết chìm thiên tư bay bướm. Ở đây, trong một màng khói tụ mơ hồ thành cánh dơi hình thành ba nữ cuồng thần câm lặng là Mê sảng, Đêm đen và Chết chóc bay chập chờn bên trên nàng Sysê ngủ thiếp.

Grăngte vẫn chưa đến cái giai đoạn thảm đạm đó, hãy còn lâu. Anh ta vui vẻ vô cùng và Bôtxuyê, Grăngte cũng chia vui với anh. Họ chạm cốc. Anh có những cử chỉ bất thường đi đôi

(1) Một loại lá gai Ấn Độ, nhai hoặc hút như thuốc lá có thể say.

với những lời những ý kỳ quặc. Anh chống nắm tay trái lên gối một cách oai vệ, cánh tay nạnh ra thành hình thước thợ, cà vạt sổ tung, ngồi cưỡi ngựa trên ghế đẩu, cốc đầy trên tay trái ném cho ả Matơlôt to béo những lời long trọng sau đây:

- Hãy mở các cửa điện ra! Tất cả mọi người phải có chân trong viện hàn lâm Pháp và có quyền hôn bà Huysơlu! Cất chén vào!

Rồi quay về phía bà Huysơlu, anh thêm:

- Hỡi người phụ nữ nghìn xưa được tập tục thừa nhận, người hãy lại đây ngõ hầu ta chiêm ngưỡng!

Giôli thét:

- Matơlôt và Gibơlôt, đừng mang rượu cho Grăngte uống nữa. Hắn uống mất vô khối là tiền. Từ sáng nay hắn đã ngốn bừa bãi hai phờrăng chín mươi lăm xu rồi.

Grăngte lại nói:

- Ta không cho phép mà ai dám khoèo các vì sao xuống đặt lên bàn đây thay nến như vậy?

Bôtxuyê tuy say khướt nhưng vẫn bình tĩnh. Anh ngồi lên bậu cửa sổ để ngỏ, đưa lưng ra hứng mưa và nhìn hai người bạn.

Thình lình anh nghe ồn ào phía sau lưng, tiếng chân chạy hấp tấp, tiếng kêu: *Hãy cầm súng*! Anh quay lại và nhận thấy ở phố Xanh Đơni, cuối phố Săngvrơri, Ăngguônratx đang đi qua súng cầm tay. Rồi Gavrốt với khẩu súng ngắn của nó, Phơidi cầm mã tấu, Cuốcphêrắc cầm gươm, Giăng Pruve với khẩu mút-cơ-tông, Côngbơphe mang súng, Bahôren xách các-bin cùng với cả tốp vũ trang ồn ào sôi nổi theo sau họ.

Phố Săngvrơri dài không quá một tầm các-bin. Bôtxuyê lấy hai bàn tay làm thành ống loa giữ mồm vào gọi:

- Cuốcphêrắc! Cuốcphêrắc! Đây này.

Cuốcphêrắc nghe tiếng gọi, nhìn thấy Bôtxuyê. Tiến mấy bước vào phố Săngvrirơ, hỏi to: Cậu cần gì? Câu hỏi ấy gặp chéo câu của Bôtxuyê: Cậu đi đâu đấy? Cuốcphêrắc trả lời:

- Dựng một chiến lũy.

- Thế thì lại đây thôi! Chỗ này tốt lắm! Dựng ở đây đi!

- Đúng đấy, Phượng hoàng ạ, Cuốcphêrắc đáp.

Cuốcphêrắc ra hiệu, cả đoàn lao vào phố Săngvrirơ.

III

ĐÊM TỐI BẮT ĐẦU XUỐNG VỚI GRĂNGTE

Chọn chỗ ấy đúng là tuyệt! Con đường ở ngoài vào cứ thắt dần rồi tắc lại. Quán rượu Côranh chẹn ngang đường phố Săngvrơri, còn phố Môngđêtua thì dễ chặn cả hai bên phải và trái. Chỉ có một mặt tấn công được, mặt phố Xanh Đơni, nghĩa là quân tấn công sẽ bị trống trải và bắt buộc phải đánh trực diện. Quả thật Bôtxuyê say mà có con mắt quân sự không kém Aniban đời.

Thấy toán này xô nhau vào, cả phố hoảng hồn. Tất cả các khách qua đường đều lẩn tránh. Trong chớp mắt, tất cả các nơi: ở trong cùng, bên trái, bên phải, các cửa hàng, các quầy hàng, cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp lớn bé từ tầng nền cho đến trên tầng áp mái cũng đều đóng sập lại. Một bà già sợ quá, đem nệm giường treo lên hai cái sào gác phơi quần áo ở cửa sổ để chống đạn. Chỉ có quán rượu mở cửa vì một lẽ đơn giản: cả bọn đều ùa vào đấy.

Bà Huysơlu chỉ biết thở dài, kêu:

- Trời ôi! Trời ôi!

Bôtxuyê ra đón Cuốcphêrắc.

Giôli đến cửa sổ thò đầu gọi:

- Cuốcphêrắc! Sao cậu không cầm lấy một cái ô? Khéo mà sổ mũi đấy.

Chỉ trong mấy phút họ đã tháo được hai mươi cái song sắt ở trước cửa quán và nậy được hai mươi thước đá lát đường. Gavrốt và Bahôren đã tịch thu một cái xe của anh hàng vôi tên là Ăngxô đang đi qua, trên xe có ba thùng vôi. Họ bèn lật sấp cái xe xuống, đặt ba thùng vôi dưới những chồng đá. Ănggiônrátx đã mở nắp hầm rượu. Bao nhiêu thùng rượu trống đều được khuân ra đặt cạnh mấy thùng vôi. Phoidi xưa nay quen tô màu những nan quạt mỏng manh, cũng đã khuân được hai chồng đá to tướng xếp vào để chống đỡ cỗ xe và các thùng. Đá tự dưng nghỉ ra cũng như các thứ khác và lấy ở đâu không biết. Họ tháo cả những đòn chống trước mặt một nhà lân cận và đặt nó nằm trên các thùng rượu. Khi Bôtxuyê và Cuốcphêrắc quay mặt lại thì một nửa phố đã bị một bức lũy cao quá đầu người chắn ngang. Thực không ai bằng quần chúng trong việc phá hoại để xây dựng.

Matơlốt và Gibơlốt cũng dự vào công việc. Gibơlốt chạy đi chạy lại mang gạch đá. Á dựng chiến lũy cũng mệt nhọc như hầu rượu cho khách, vừa làm vừa ngái ngủ.

Một cỗ xe chở khách đóng hai con ngựa trắng đi qua đằng đầu phố.

Bôtxuye nhảy qua đống đá chạy lại giữ anh đánh xe, bảo hành khách xuống hết. Anh giơ tay ra đỡ các bà, các cô xuống ra lệnh cho người đánh xe cút đi và dắt cả xe ngựa về.

- Xe khách không được đi qua trước Côranh, anh nói.

Non lichet omnibus adire Corinthum[1].

Một lát sau, họ thả hai con ngựa đi rông trên đường phố Môngđêtua và lật cỗ xe xuống để hoàn thành việc dựng chiến lũy.

Bà Huysơlu hoảng quá chạy lên tầng thứ nhất để trốn. Hai mắt bà lờ đờ, ngơ ngác nhìn mà không thấy, miệng lặp cặp ấp úng kêu không ra tiếng. Mụ lầu bầu:

- Rõ là ngày tận thế!

Giôli ghé môi hôn cái cổ béo phị, đỏ và nhăn nheo của bà và nói với Grăngte:

- Này cậu, mình vẫn chưa cho cái cổ đàn bà là một vật hết sức thanh tú.

Nhưng Grăngte thì cao hứng đến tột độ. Thấy Matơlốt lên lầu, anh ôm nó ngang lưng và cười quang quác qua cửa sổ:

- Matơlốt xấu xí! Anh hét. Matơlốt là sự xấu xí mơ ước! Nó là con quái vật. Nó sinh ra là vì thế này: một lão thợ nặn tượng thường làm tượng ở các đầu ống máng cho nhà thờ, một hôm phải lòng một tượng ống máng, cái tởm nhất. Anh ta cầu khẩn thần Ái tình cho tượng sống dậy. Và đó là Matơlôt. Đồng bào nhìn xem: tóc nó màu hung đỏ râu ngô như tóc ả nhân tình Titiêng[2] ngày xưa. Nó lại là một con bé ngoan. Dàn bà mà ngoan thì đánh trận cũng anh hùng. Tớ bảo đảm thế nào nó cũng chiến đấu ra trò. Còn mụ Huysơlu cũng là một mụ già can đảm đấy. Hãy xem râu mép của mụ! Râu này mụ thừa hưởng của đức ông chồng đấy. Một nữ kỵ binh chứ vừa đâu! Mụ cũng chiến đấu cho mà xem. Chỉ hai người này cũng đủ làm cho cả vùng ngoại ô phát khiếp.

---

(1) Một ngạn ngữ la-tinh cũ, nghĩa: Không phải ai cũng đến được Côranh.

(2) Bức họa tình nhân Titiêng của họa sĩ Titiêng.

Các đồng chí, chúng ta sẽ lật đổ chính phủ. Cái đó cũng thực như từ a-xít mác-ga-ríc đến a-xít phoóc-mích có mười lăm thứ a-xít trung gian. Và lại, tớ cóc cần, ông cụ tớ ghét tớ vì tớ chẳng hiểu gì về toán. Ở đời tớ chỉ hiểu có ái tình và tự do. Tớ là thằng Grăngte hiền lành! Xưa nay không bao giờ tớ có tiền nên tớ cũng không quen có tiền do đó cũng không bao giờ túng. Như cái thằng tớ mà giàu thì thiên hạ chẳng còn ai nghèo nữa. Nếu thế thì người ta đã thấy thế nào rồi! Nếu những thằng tốt bụng mà đầy túi thì tốt biết mấy. Tớ tưởng tượng giá Chúa Giêxu lại có cái gia tài của Rốtxin[1] thì làm được bao nhiêu việc thiện. Matơlốt ơi, mày hôn tao đi! Mày thì đa tình nhưng nhút nhát. Má của mày thích người ta hôn như hôn em gái, nhưng môi của mày đòi người ta hôn như hôn người yêu cơ.

- Im đi, cái lũ chim kia, Cuốcphêrắc mắng.

- Tớ là thẩm phán thành Tuludơ lại là thầy dạy làm thơ đấy, Grăngte đáp.

Ăngguônrátx đứng trên nóc chiến lũy, tay cầm súng, ngẩng mặt lên, nét mặt đẹp đẽ nghiêm nghị. Mọi người biết tính chàng gan dạ và cứng nhắc. Chàng quát:

- Grăngte! Đi đâu mà ngủ thì đi cho rảnh. Đây là chỗ để hăng say chứ không phải là chỗ để say sưa rượu chè. Đừng làm ô danh chiến lũy.

Câu nói gắt gỏng này tác động Grăngte một cách lạ thường. Có thể nói anh như bị một gáo nước lạnh giội vào mặt. Anh sực tỉnh rượu. Anh ngồi xuống, chống tay lên cái bàn gần cửa sổ, đưa mắt nhìn Ăngguônrátx thiết tha trìu mến và nói:

---

(1) Một nhà triệu phú hồi ấy.

- Cậu biết mình tin ở cậu!

- Đi đâu thì đi đi.

- Để mình ngủ ở đây.

- Đi nơi khác mà ngủ.

Nhưng Grăngte vẫn nhìn bạn, cặp mắt đục ngầu và âu yếm:

- Cho mình ngủ ở đây - cho đến khi chết ở đây.

Ăngginônrátx lườm anh khinh thường:

- Grăngte! Cậu không biết tin, không biết nghĩ, không biết quyết chí, không biết sống, mà cũng không biết chết.

Grăngte trả lời nghiêm trăng:

- Cậu để xem.

Anh lắp bắp mấy tiếng nữa không ai hiểu gì, rồi nặng nhọc gục đầu xuống bàn. Anh đã đi vào cái độ say thứ hai và chính câu nói của Ăngginônrátx đã đẩy anh đến trạng thái này. Một lát sau anh đã ngủ say.

IV

THỬ AN ỦI BÀ HUYSƠLU

Bahôren say sưa với cái chiến lũy, kêu lên:

- Xem đường phố mặc áo cổ bẻ này! Xinh chưa?

Cuốcphêrắc vừa dỗ quán rượu, vừa tìm cách an ủi bà góa chủ quán:

- Bà Huysơlu ơi! Chẳng phải hôm nọ bà đã phàn nàn rằng người ta làm biên bản mà phạt bà chỉ vì con Gibơlốt đã giũ nệm qua cửa sổ là gì?

- Đúng thế, ông Cuốcphêrắc quí hóa ạ! Lạy Chúa! Ông cũng định vứt cái bàn ấy vào cái quỉ sứ của ông à? Cũng vì cái

nệm ấy và cũng vì một chậu hoa trên cửa sổ rơi xuống đường phố mà nhà nước đã lấy của tôi một trăm phơrăng tiền phạt. Ông thấy có phải là một việc thậm vô lý không?

- Bởi thế, chúng tôi báo thù cho bà đây, bà Huysơlu ạ.

Bà Huysơlu hình như không thấy lợi lộc gì trong cái kiểu báo thù ấy. Bà hài lòng cũng bằng như chị thiếu phụ A-rập nọ: chị ta bị chồng tát tai bèn về kiện với cha và đòi cha báo thù. Chị nói: Như thế là hắn đã xúc phạm cha, oán thì cha phải báo oán. Người cha hỏi: Hắn tát má bên nào? - Má trái. Người cha tát chị bên phải một cái nên thân và bảo: Thế là vừa lòng mày nhé! Mày về bảo hắn rằng hắn đã tát con gái tao thì tao tát vợ nó cho bõ ghét.

Lúc bấy giờ mưa đã tạnh, nhiều chiến sĩ mới gia nhập hàng ngũ cũng đến. Trước đấy anh em thợ đã giấu dưới áo bờ-lu và đem tới một thùng thuốc súng, một giỏ chai đựng cường toan, hai ba cây đuốc rước dạ hội và một cái sọt đầy những cây đèn trong đêm lễ sinh nhật nhà vua còn lại. Lễ ấy vừa mới cử hành hôm mồng một tháng Năm. Người ta bảo rằng những thứ đạn dược ấy do một người chủ hiệu tạp hóa tên là Pêpanh cung cấp. Phố Săngvrơri có độc một cây đèn trụ, họ cũng đập mất, họ đập luôn cây đèn đối diện ở phố Xanh Đơni, và tất cả đèn đóm ở các phố lân cận là phố Môngđêtua, phố Xinhơ, phố Pơrêsơ, phố Tơruyăngđri.

Ăngiônrátx, Côngphơbe và Cuốcphêrác điều khiển tất cả mọi việc. Bây giờ họ dựng hai chiến lũy cùng một lúc, đấu nhau theo hình thước thợ. Cả hai đều tựa vào quán rượu Côranh: chiến lũy lớn chắn ngang phố Săngvrơri, chiến lũy nhỏ chắn phố Môngđêtua, về phía phố Xinhơ. Chiến lũy thứ

hai này hẹp lắm và dựng toàn bằng thùng rượu và đá lát đường. Ở đấy cả thảy có năm chục người đương làm việc, trong đó có ba mươi người có súng: lúc kéo qua một cửa hiệu bán súng, họ đã mượn toàn bộ súng trong hiệu.

Không có gì kỳ khôi lắm vẻ cho bằng đoàn quân ấy. Anh này mặc áo lễ phục, cầm gươm kỵ binh với hai súng ngắn, thứ súng giắt yên ngựa, chàng kia mặc sơ mi, đầu đội mũ tròn, lưng đeo bầu thuốc súng, anh nọ ngực áo thẳng dựng bằng bẩy tờ giấy xám, tay cầm dùi thợ da. Có một chàng thét lớn: *Chúng ta phải tiêu diệt đến tên cuối cùng rồi chết trên mũi lê của chúng ta!* Nhưng chàng ta lại không có lưỡi lê. Một người bên trong mặc áo choàng dài, ngoài đeo một tấm da trâu, lưng mang thứ bao đạn của quốc dân quân, vải bọc còn đính mấy chữ: *An ninh công cộng* rành rành bằng len đỏ. Nhiều súng khắc số hiệu quân đội chính qui, không mấy ai đội mũ, cà-vạt chẳng có chiếc nào, rất nhiều cánh tay trần, một vài cây giáo. Thêm vào đó, đủ lứa tuổi, đủ khuôn mặt, mặt của những chàng thanh niên trắng xanh, mặt của những anh công nhân bến tàu rậm đỏ. Ai nấy đều tất tả vội vàng. Vừa giúp đỡ nhau, họ vừa bàn tán về triển vọng chiến thắng: người thì nói đến khoảng ba giờ sáng sẽ có viện binh, kẻ nói có một trung đoàn chắc chắn đứng về phía cách mạng, có người nói cả thành Pari sẽ vùng dậy bạo động. Thật là những câu chuyện kinh khủng xen trong một không khí nô đùa thân mật. Trông họ, người ta tưởng là anh em một nhà, thế mà họ không biết tên nhau. Cảnh nguy biến lớn có chỗ đẹp là nó làm rạng tỏ tình hữu ái giữa những người chưa quen biết nhau.

Họ đốt lò lửa trong nhà bếp để thổi chảy tất cả những thứ thìa, nĩa, cốc bằng thiếc mạ bạc trong quán rượu rồi đổ vào khuôn đạn. Họ vừa làm vừa uống rượu. Trên bàn la liệt những

hạt kíp, những đạn lớn, đạn con cùng với cốc rượu vang. Trong buồng bi-a, ba thầy trò bà Huysơlu xé khăn lau cũ để làm băng rịt thuốc. Sợ hãi làm cho mọi người thay đổi một cách khác nhau: bà Huysơlu hóa ra đờ đẫn, con Matơlôt ì ạch thở phò phò, còn con Gibơlốt lại tỉnh táo nhanh nhẹn hơn trước. Có ba nghĩa quân giúp đỡ họ, ba chàng rậm rịt những tóc, những râu cằm, râu mép làm cho họ run sợ, thế mà tay những người thợ ấy xé vải, làm băng nhanh nhẹn khéo léo như tay các chị thợ khâu.

Cuốcphêrắc, Côngphơbe và Ânnggiônrátx có để ý đến một người hình vóc cao lớn lúc hấn nhập bọn. Người ấy bây giờ góp sức dựng cái chiến lũy nhỏ, trông chừng cũng được việc. Gavơrốt làm việc ở chiến lũy lớn. Còn chú thanh niên đã đến tìm Mariuyts ở nhà Cuốcphêrắc thì chú đã biến đi đâu mất từ lúc người ta lật đổ chiếc xe hàng.

Gavrốt nhẹ nhàng hào hứng tự nhận nhiệm vụ thúc đẩy công việc. Chú đi, chú lại, chú chạy lên, chú chạy xuống, chú xoa xuýt, chú tươi cười. Hình như chú đến đấy để khuyến khích mọi người. Chú có kim chích chăng? Có đấy, đó là cảnh nghèo đói của chú. Chú có cánh chăng? Cũng có, đó là sự hân hoan của chú. Chú là sự quay cuồng. Người ta luôn luôn nom thấy chú, luôn luôn nghe tiếng chú. Chú đứng chật cả không gian vì ở đâu cũng có chú. Chú là cái ám ảnh gần như khó chịu vì không thể nào dừng lại một phút với chú. Cái chiến lũy to tướng cảm thấy có chú cưỡi trên lưng. Chú làm cho những anh lêu têu phải ngượng, chú kích thích người lười, chú hồi sức cho người mệt, chú chọc tức những anh mơ mộng. Vì chú, kẻ này vui lên, kẻ kia thêm hăng hái, kẻ nọ nổi nóng, có điều ai ai cũng hoạt động hơn lên. Chú châm anh sinh viên này, đốt anh thợ kia, đáp xuống dừng lại, bay đi, lượm trên

cảnh huyên náo, nhảy từ người này qua người nọ, vo ve, vù vù, hành tội đoàn người kéo. Gavrốt là con ruồi của Cố xe cách mạng vĩ đại.

Đôi cánh tay nhỏ của chú là sự chuyển động thường trực, hai lá phổi tí hon của chú chứa đựng huyên náo không dừng.

- Giỏi lắm. Chất thêm gạch đá lên! Thêm thùng rượu nữa! Nữa, thêm cái gì nữa chứ! Ở đâu có những thứ này nhỉ? Nào, cho tôi một giỏ gạch vôi vụn để nhét cái lỗ hổng này. Ồ, cái chiến lũy của các ông chả ra làm sao, tệ lắm! Phải làm cho nó cao lên nữa đi. Có cái gì đem xếp cả vào đây, vứt cả đây, ném mẹ nó cả đây. Đập nhà ra mà bỏ vào. Một chiến lũy mà lị, một chiến lũy cũng như một bữa tiệc trà ở nhà mụ Gibu. Đây này có một cánh cửa kính đây.

Mọi người la ó:

- Cửa kính à? Cửa kính để làm đếch gì, hỡi chú bé hạt mít kia?

Gavrốt cãi lại:

- Các anh bị thịt thì có! Dựng chiến lũy mà có cửa kính thì tuyệt. Cửa kính không ngăn được tấn công, nhưng lấy cho được thì cũng còn khó với nó. Thế các anh chưa bao giờ trèo tường có mảnh chai để trầy trộm táo à? Cửa kính, ừ cửa kính sẽ cắt mẹ chân của lũ quốc dân quân nếu chúng leo lên chiến lũy. Lạ gì, cái thứ thủy tinh là chúa phản phúc! À ra anh em chẳng có chút trí tưởng tượng nào, các anh em ạ.

Gavrốt lại còn tức điên ruột lên vì khẩu súng ngắn không cò của mình nữa. Nó chạy hết người này đến người khác, luôn mồm đòi hỏi:

- Súng đâu? Tôi cần một khẩu súng ! Tại sao không phát cho tôi một khẩu súng?

- Phát súng cho mày à? Côngphơbe nói.

- Ô kia! Sao lại không? Năm 1830, khi gây nhau với Sáclơ X, thì tôi vẫn được phát một cây súng mà.

Ăngginônrátx nhún vai:

- Khi nào người lớn đủ súng thì sẽ phát cho trẻ con.

Gavrốt kiêu hãnh quay lại, bảo:

- Hễ đằng ấy chết trước thì tớ lột súng tớ lấy.

- Nhãi con! - Ăngginônrátx buột miệng.

- Bạch diện! - Gavrốt đáp.

Vừa lúc ấy, một chàng công tử bột đi thơ thẩn lạc đến đấy, làm cho họ quên chuyện cãi cọ. Gavrốt gọi hắn:

- Thanh niên kia! Lại đây với chúng tớ! Nào, cũng phải làm một cái gì cho bác Tổ quốc già này với chứ?

Chàng công tử bỏ chạy mất.

V

CÔNG VIỆC CHUẨN BỊ

Báo chí đương thời bảo rằng cái chiến lũy phố Săngvrơri là một thành trì không sao chiếm được, và nó cao ngang một tầng lầu thứ nhất. Nói như thế là sai. Thực ra, trung bình nó không cao quá hai thước. Nhưng họ đã dựng chiến lũy một cách khiến cho các chiến sĩ có thể đứng khuất ở phía trong, hoặc nhô người lên nhìn bao quát tất cả, hoặc hơn nữa leo lên đỉnh nhờ bốn tầng đá chồng thành bậc thang ở phía trong. Ở ngoài, mặt chiến lũy xếp toàn gạch, đá và thùng rượu. Lại có cột nhà, ván gỗ gài chằng chịt và mấy cái bánh xe của hai cỗ xe là cỗ xe của Ăngxô và cỗ xe chở khách lật úp sấp xuống.

Thành ra nó có vẻ lởm chởm không biết đằng nào mà lần vào. Chỉ có một cái khe hở vừa lọt một người ở chỗ chiến lũy giáp với tường bên kia đường cách xa quán rượu nhất để có thể lách ra. Trục gỗ xe chở khách được dựng ngược lên thẳng đứng, có dây thừng giữ. Ở đầu trục buộc một lá cờ đỏ bay phấp phới trên chiến lũy.

Chiến lũy nhỏ phố Môngđêtua nấp sau quán rượu nên không ai trông thấy. Hai chiến lũy gộp lại thành một công sự hẳn nhiên. Ăngginôrátx và Cuốcphêrắc thấy không cần phải chắn ngang đoạn kia của phố Môngđêtua là đoạn do phố Prêsơ mà thông ra khu chợ vì họ muốn giữ một lối thông ra ngoài. Vả chăng họ cũng không sợ bị tấn công từ đường Prêsơ vì đường này hiểm trở quanh co.

Như vậy, trừ con đường này để hở, - mà nhà lý luận quân sự Phôla gọi là một giao thông hào - và trừ cả hai khe hở nhỏ xíu ở đường Săngvrơri thì phía trong chiến lũy làm thành một hình tứ giác lệch bốn bề bịt kín. Ở trong tứ giác này tiệm Côranh làm thành một góc lồi. Từ lũy lớn đến dãy nhà cao cuối phố chỉ độ hai chục bước. Thành thử, có thể nói rằng chiến lũy tựa lưng vào những ngôi nhà này, nhà nào cũng có người ở nhưng từ trên xuống dưới đóng cửa kín mít.

Tất cả công việc hoàn thành trong non một tiếng đồng hồ không gặp trở ngại, và nhóm người gan góc này vẫn không thấy một cái mũ lông nào hay một lưỡi lê nào xuất hiện. Có anh tư sản nào bấy giờ lảng vảng đến phố Xanh Đơni, liếc mắt nhìn phố Săngvrơri, thấy chiến lũy, cũng lo nhanh chân tháo sớm.

Hai chiến lũy đã dựng xong, lá cờ đã treo lên, họ lôi một cái bàn ra khỏi tiệm rượu và Cuốcphêrắc đứng lên trên bàn. Ăngginôrátx mang cái thùng vuông đến và Cuốcphêrắc mở nó ra. Thùng này đầy các-tút. Thấy đạn, những ai gan góc

nhất cũng phải giật mình, mọi người lặng đi một lát.

Cuốcphêrắc vừa mỉm cười vừa phân phát đạn.

Mỗi người lĩnh ba mươi các-tút. Nhiều người có thuốc súng bắt đầu làm thêm liều đạn nhân ở đấy đang đúc đạn. Người ta khiêng thùng thuốc súng đặt lên một cái bàn khác gần cửa sổ để dự trữ.

Tiếng trống tập trung vang khắp Pari vẫn không dứt, nhưng vì nghe mãi nó đã thành ra một thứ tiếng đều đều, chẳng ai để ý. Tiếng trống khi nghe xa xa, khi tiến lại gần, ngân vang một cách não ruột.

Mọi người nạp đạn vào súng khoan thai trịnh trọng. Ăngguôrátx đặt ba người gác ở ngoài chiến lũy: một người ở phố Ăngvrơri, một người ở phố Prêsơ, người thứ ba ở phố Tơruyăngđri.

Thế rồi, chiến lũy dựng xong, các vị trí chiến đấu đã có người giữ, súng đã nạp đạn, người gác đã bố trí, họ cùng đứng với nhau giữa những đường phố dễ sợ, vắng tanh, xung quanh là những ngôi nhà lầm lì im lặng vắng hết bóng người như đã chết. Xung quanh họ, bóng sẫm của buổi chiều tà mỗi lúc một dày. Giữa cảnh âm u, tịch mịch, người ta cảm thấy có một cái gì ghê gớm, hãi hùng đang lù lù tiến đến, và những con người cô lập đó chờ đợi, tay nắm vũ khí, kiên quyết và bình tĩnh.

VI

TRONG KHI CHỜ ĐỢI

Trong những giờ phút chờ đợi đó, họ làm gì?

Chúng tôi thấy cần phải thuật lại vì đây là lịch sử. Trong lúc đàn ông làm đạn, thì phụ nữ làm băng, gạc, trong lúc một

cái soong to chứa đầy chì và thiếc chảy, để đổ ra khuôn đạn đang bốc khói trên bếp đỏ rực, trong lúc những người gác, súng cầm tay, đang đứng trên chiến lũy canh chừng, và Ăngglônrátx, không gì làm sao lãng, đang canh họ, thì Côngphơbe, Cuốcphêrắc, Giăng Pruve, Phơidi, Bốtxuyê, Giôli, Bahôren và mấy anh nữa tìm nhau, tập họp lại như những buổi hội đàm sinh viên thái bình nhất, và ở một góc quán biến thành chỗ nấp đạn, cách cái lô cốt hai bước, súng đã nạp đạn, và khơi ngòi đặt tựa ghế, những chàng trai đẹp đẽ ấy bàn ngâm thơ tình.

Thơ như thế nào đây? Thì đây:

Em nhớ chăng quãng đời êm ái
Của đôi ta đang tuổi xuân đầu,
Thuở tim nhỏ chỉ có hai mơ ước:
Đẹp áo quần và mê mệt vì nhau?

Thuở tuổi em và tuổi anh dồn lại
Tính làm sao cũng chỉ bốn mươi
Trong tổ ấm nhỏ nhoi khiêm tốn
Đời trong lành dù đông đến vẫn xuân tươi.

Bao ngày đẹp! Pari tham dự
Những tiệc thiêng, Manuyen[1] kiêu hãnh,
thông minh.
Phôi[2] thết lửa. Và cái kim cài áo
Ở ngực em khẽ nhói da anh.

(1) *Manuel*: Chính khách Pháp đã chống đối kịch liệt các cuộc viễn chinh thời Quân chủ phục hưng.

(2) Foy, tướng Pháp đã chiến đấu anh dũng thời Đế chế và là dân biểu thuộc phái tự do thời Quân chủ phục hưng. Hùng hồn và nồng nhiệt, ông được nhân dân mến phục.

Tất cả ngắm em. Luật sư không khách.
Anh đưa em đến quán ăn trưa,
Em đẹp đến hoa hồng quay lại
Để say nhìn kiều diễm dáng thiên nga.

Hoa thỏ thẻ: Cô kia đẹp lạ!
Ngát hương thơm! Cuồn cuộn tóc như sông!
Chiếc áo khoác chắc có che đôi cánh
Và mũ kia như hàm tiếu nụ hồng.

Anh thơ thẩn, cắp tay em mềm mại,
Khách đi qua ngỡ có lẽ thần linh
Đem tháng Tư êm đềm và tháng Năm rực rỡ
Phối hợp trong duyên thắm lứa đôi mình.

Ta sung sướng trốn người, đóng cửa
Ngốn tình yêu, quả cấm ngon thay!
Anh mở miệng chưa dứt câu, em đã
Nghiêng lòng em tha thiết đáp lời ngay.

Trường Xoócbôn biến thành cảnh mộng
Để yêu em từ tối đến bình minh.
Anh say đắm đem "bản đồ Tình ái"(1)
Đặt bừa lên phố xá xóm Latinh(2).

Quảng trường Môbe, quảng trường Đôphin ơi hỡi!
Trong buồng con dịu mát xuân tươi
Khi em kéo bí tất lên cổ chân thon nhỏ
Anh thấy đầu tinh mọc ở cuối trời.

---

(1) Bản đồ Tình ái (Carte du Tendre): bản đồ tượng trưng quá trình phát triển của tình yêu (được biểu hiện bằng con sông mang tên Tendre la âu yếm) ra đời trong một phòng khách thế kỷ XVII.

(2) Hay khu Latin (Quartier Latin): khu các trường đại học ở Pari.

Anh mài miệt Platông nhưng chẳng nhớ.
Bao bậc hiền ca ngợi đấng cao minh,
Tặng cành hoa, em thuyết phục anh hơn tất cả
Về tấm lòng nhân ái cõi cao xanh.

Anh nghe em, em chiều anh chẳng kém.
Ôi! buồng nghèo mà rực rỡ vàng son,
Anh buộc dải áo em, ngắm em đi, lại,
Soi mặt hoa trong chiếc gương sờn.

Ai quên được thuở ban đầu nắng sớm
Và trời xanh và hoa lá, lụa là,
Giải buộc đẹp, tấm vân này gợn sóng,
Buổi tình yêu bập bẹ tiếng: hai ta?

Vườn chúng ta là một chậu hoa tuy-líp,
Váy em treo che kín cửa hành lang,
Anh dùng cái bát nung thô kệch
Và nhường em chiếc chén Phù tang.

Ôi! Những đại họa khiến ta cười ngặt nghẽo,
Mất khăn quàng, bao tay ấm hỏa thiêu!
Và bức chân dung Sếchxpia thần thánh
Mà thiếu ăn ta đã bán một chiều!

Anh là kẻ ăn xin, em, nhà từ thiện,
Cướp thời cơ anh hôn chộp cánh tay tròn,
Đăngtơ[1] khổ lớn đem làm bàn tiệc
Hạt dẻ thơm ăn với tiếng cười dòn.

---

(1) *Dante*: nhà thơ lớn của Ý ở thế kỷ XIII-XIV. Nguyên văn: Dante in follo tức là "Dante khổ gấp đôi", cách nói tắt thông dụng để chỉ cuốn *Thần khúc* in theo khổ giấy báo gấp đôi.

Trong ổ chật mà vui, khi anh đặt
Lên môi em rực lửa, cái hôn đầu,
Em đi ra, thẹn thùng, tóc sổ,
Tái tê người, anh tin có Chúa trên cao.

Nhớ chăng em những vô vàn hạnh phúc?
Những khăn em tơi tả bởi đùa nhau?
Ôi! Bao tiếng thở dài từ trong tim ấp ủ
Đã bay vào bốn hướng trời sâu!

Thời gian, khung cảnh, những hồi ức tuổi xuân cộng với mấy chấm sao vừa xuất hiện trên bầu trời, cảnh u tĩnh của mấy đường phố vắng vẻ và giờ phút kế cận của biến cố khốc biệt sắp xảy ra, tất cả những cái đó khiến cho bài thơ đọc thầm thì trong hoàng hôn có một vẻ hấp dẫn lâm ly. Những câu thơ đó do Giăng Pruve đọc. Giăng Pruve, chúng tôi đã nói, là một nhà thơ dịu dàng.

Trong khi đó người ta đã thắp một đèn con ở chiến lũy nhỏ. Còn ở chiến lũy lớn thì một cây đuốc sáp, loại ta thấy trong ngày thứ ba béo cắm trước cái xe chở đầy mặt nạ đi đến Cuốcli. Những cây đuốc ấy lấy ở ngoại ô Xanh Ăngtoan, như chúng ta đã biết.

Cây đuốc cắm giữa một thứ lồng đá vây ba mặt để che gió và sắp xếp để tụ tất cả ánh sáng vào lá cờ. Đường phố vào chiến lũy vẫn chìm trong bóng tối, nên chỉ thấy độc một ngọn cờ đỏ uy nghi rực rỡ như được soi sáng bởi một chiếc đèn lồng kín.

Ánh sáng ấy nhuốm thêm cho màu đỏ của lá cờ một màu huyết dụ dữ dội.

VII

NGƯỜI MỚI TUYỂN Ở PHỐ BIDÉT

Đêm xuống hẳn, vẫn chưa xảy ra việc gì. Lắng nghe thấy

ồn ào không rõ tiếng gì, chỉ thỉnh thoảng có tiếng súng đì đùng nhưng rời rạc và xa xôi. Nghỉ lâu và kéo dài như thế chứng tỏ chính phủ đang tranh thủ thời gian và tập trung lực lượng. Năm mươi người này đang chờ đợi đương đầu với sáu vạn.

Ăngiônrátx cảm thấy nóng ruột như tất cả những người dũng cảm khi phải chờ đợi một sự việc hiểm nghèo. Chàng tìm Gavrốt, thấy nó đang lo chế đạn trong gian phòng thấp, dưới ánh đèn lù mù của hai ngọn nến đặt trên quầy hàng, thật ra để lửa khỏi bén vào thuốc súng trên bàn. Hai ngọn nến không chiếu tỏ ra ngoài. Nghĩa quân đã đề phòng không thắp gì trên các tầng gác.

Bấy giờ Gavrốt đang đăm chiêu suy nghĩ, không phải suy nghĩ về việc chế đạn.

Thằng cha gặp ở đường Bidét vừa bước vào phòng. Hắn đến ngồi cạnh cái bàn tốt nhất. Hắn cắp vào đùi một khẩu súng trận lớn. Nãy giờ Gavrốt nghĩ đến trăm ngàn trò thú vị nên không nhìn thấy hắn.

Lúc hắn bước vào, Gavrốt nhìn hắn một cách tự nhiên. Nó khen thầm khẩu súng. Đột nhiên khi hắn ta ngồi xuống, thì thằng bé đứng dậy. Giá có ai theo dõi hắn ta từ trước thì đã thấy hắn ta quan sát tất cả mọi việc trong chiến lũy và theo dõi nghĩa quân rất chăm chú. Nhưng từ khi hắn bước vào phòng thì hắn có vẻ như trầm ngâm không nhìn thấy gì ở xung quanh. Chú bé lại gần anh chàng tư lự kia, rón rén đi xung quanh như sợ đánh thức hắn dậy. Đồng thời trên khuôn mặt trẻ con của chú, cái bộ mặt vừa lấc cấc lại vừa đứng đắn, bộp chộp đồng thời sâu sắc, vui vẻ mà có lúc lại buồn não ruột, thấy xuất hiện những cái nhăn nhó của một ông già. Hình như chú đang tự hỏi: "Phải rồi! - không thể thế được!- Mình đoán sai chăng! - Mình mê ngủ chăng! Hay chính là...? Không không phải đâu! - Đúng rồi chứ gì nữa! - Không phải..."

Gavrốt lắc lư con người, hai tay nắm chặt đút trong túi quần, cổ quay quay như cổ một con chim. Chú bĩu dài cái môi dưới ra vẻ thạo đời. Chú ngơ ngác hoài nghi, không chịu tin nhưng rồi lại như vỡ lẽ ra và cảm thấy bàng hoàng. Chú có cái vẻ mặt của viên thái giám đã tìm ra được một giai nhân tuyệt thế cho nhà vua ở ngoài chợ bán nô lệ, giữa đám người sồ sề, hay một tay sành nghệ thuật đã tìm được một bức Raphaen trong mớ tranh tồi. Tất cả con người của chú đang làm việc, bản năng đang đánh hơi, óc đang suy tính. Rõ ràng Gavrốt gặp phải một biến cố gì đây.

Chính đang lúc chú băn khoăn cao độ như thế thì Ăngginônrátx đến gần nói:

- Chú nhỏ người, người ta không trông thấy chú. Chú hãy ra ngoài chiến lũy, men theo hai dãy phố xem thử có gì không, rồi về đây báo cáo cho tôi biết.

Gavrốt đứng rướn người lên:

- Thế ra trẻ con cũng được việc đấy nhỉ! May thế chứ! Em xin đi ngay. Nhân tiện nói cho anh biết, anh nên tin trẻ con chứ đừng nên tin người lớn...

Rồi Gavrốt ngẩc đầu lên và hạ thấp giọng trỏ thằng cha gặp ở phố Bidét.

- Anh thấy thằng cao lớn ấy chứ?

- Thế nào?

- Mật thám đấy!

- Chắc không?

- Thì mới mười lăm hôm trước đây, em hớng mát trên cầu Rôian bị nó xách tai.

Ăngginônrátx liền bỏ chú bé và nói thầm mấy tiếng với một công nhân bến rượu đang đứng đấy. Anh này ra khỏi phòng rồi lại vào ngay với ba người nữa. Tất cả bốn đều là phu khuân vác lực lưỡng. Họ lẳng lặng đến sau cái bàn có thằng

cha ở phố Bilét ngồi, không để cho hắn biết gì hết. Rõ ràng họ chỉ chực vồ ngay lấy hắn.

Ăngguônrátx đến gần hắn, hỏi:

- Anh là ai?

Nghe câu hỏi đột ngột, hắn giật nẩy mình. Hắn nhìn chằm chặp vào cặp mắt trong sáng trung thực của Ăngguônrátx và hình như đã đọc được ý nghĩ của chàng. Hắn mỉm cười, nụ cười khinh bỉ nhất trên đời nhưng cũng quả quyết nhất, cương nghị nhất và hắn trả lời đường hoàng:

- Ta biết rồi... Phải đấy!

- Anh là mật thám phải không?

- Ta là nhân viên nhà nước.

- Tên anh là gì?

- Giave.

Ăngguônrátx ra hiệu cho bốn người kia. Chỉ trong chớp mắt, Giave chưa kịp quay lại, hắn đã bị túm cổ, vật ngã xuống đất, trói gô lại và lục soát khắp người.

Trong người hắn có một cái thẻ tròn ép vào giữa hai miếng kính, một mặt in quốc huy nước Pháp dưới có hai chữ "*Giám sát và cảnh giác*", và góc kia: "*Giave, thanh tra cảnh sát, 52 tuổi*" và chữ ký của thị trưởng cảnh sát bấy giờ là Gitkê.

Hắn lại có một cái đồng hồ và một túi tiền trong đó có mấy đồng tiền vàng. Người ta trả lại đồng hồ và tiền cho nó. Dưới cái đồng hồ ở đáy túi con, họ lần ra được một tờ giấy bỏ trong phong bì. Ăngguônrátx mở ra. Có năm dòng chữ do chính tay thị trưởng cảnh sát viết:

Làm xong nhiệm vụ chính trị, thanh tra Giave sẽ đi thám thính đặc biệt, xem có đúng là bọn gian phi hành động ở phía hữu ngạn sông Xen, gần cầu Iêna.

Khám xong, người ta dựng Giave dậy, trói giật cánh khuỷu, buộc vào một cái cột ở giữa phòng thấp, cái cột đã cho quán cái tên hiện nay. Gavrốt vẫn nhìn từ nãy gật đầu tán thành. Chú đến gần Giave, nói:

- Chuột bắt mèo đấy nhé!

Công việc này hoàn toàn nhanh chóng, khi xung quanh biết thì đã đâu vào đấy rồi. Giave không kêu một tiếng. Thấy hắn bị trói vào cột. Cuốcphêrắc, Bốtxuyê,Giôli, Côngbơphe và những người đứng tản mác ở hai chiến lũy chạy lại.

Giave tựa lưng vào cột và tuy bị trói chặt không cựa quậy được, vẫn ngẩng cao đầu với thái độ bình thản gan góc của con người không bao giờ nói dối. Ăngginôrátx nói:

- Một thằng mật thám!

Và quay về phía Giave:

- Mày sẽ bị bắn trước khi chiến lũy bị thất thủ hai phút!

Giave đáp, giọng hách dịch vô cùng:

- Làm ngay đi có được không?

- Còn phải tiết kiệm đạn chứ.

- Thế thì một nhát dao cho xong!

- Đồ mật thám! Chàng Ăngginôrátx đẹp trai nói. Chúng tao xử án mày chứ có phải ám sát mày đâu.

Rồi quay lại bảo Gavrốt:

- Còn chú, đi đi. Chú làm cái điều tôi dặn.

- Em đi đây.

Gavrốt trước khi đi còn dừng lại nói:

- Nhân tiện anh cho tôi khẩu súng của hắn.

Và nói thêm:

- Tôi giao ông nhạc sĩ cho anh đấy, tôi chỉ xin cái kèn.

Chú bé chào quân sự rồi vui vẻ chui qua khe hở của chiến lũy lớn lách ra ngoài.

VIII

NHỮNG DẤU HỎI VỀ TÊN LƠ CABUÝC CÓ LẼ KHÔNG PHẢI TÊN LÀ LƠ CABUÝC

Bức tranh bi hùng mà tác giả đương vẽ sẽ không được trọn vẹn, bạn đọc sẽ không thấy nổi bật lên những giờ phút lớn lao ấy, những giờ phút trở dạ của xã hội thai nghén cách mạng, những giờ phút mà xã hội vừa quằn quại vừa cố sức vùng lên, nếu tác giả quên một một sự việc trong bức phác họa đầu tiên này. Sự việc kinh khủng và hùng tráng ấy xảy ra ngay sau khi Gavrốt vừa đi khỏi.

Những đám tụ hội cũng như những quả cầu tuyết, càng di chuyển càng thu hút theo nó vô số người ồn ào. Những người khách qua đường ấy không hỏi nhau từ đâu lại. Trong số đã gia nhập vào đám đông do Ăngginônrátx, Cuốcphêrắc và Côngbơphe dẫn đầu, có một người mặc áo phu khuân vác sờn ở vai. Người ấy múa may, hò hét, như một tên say rượu hung hãn. Người ấy gọi là, hoặc được đặt tên là Lơ Cabuýc. Những kẻ bảo có quen với nó thật ra cũng không biết gì về tung tích nó cả. Lơ Cabuýc say mềm - hoặc vờ như thế - cùng với mấy người nữa kéo một cái bàn ra trước quán, ngồi đánh chén với nhau. Hắn vừa chuốc rượu cho mấy người thù tạc với nó vừa ngắm nghía ra chiều nghĩ ngợi tòa nhà to ở tận cùng bên trong chiến lũy. Tòa nhà năm tầng ấy đứng lù lù trên đường phố, đối diện với phố Xanh Đơni. Bỗng Lơ Cabuýc kêu:

- Các đồng chí, các đồng chí có biết không? Phải đứng trong tòa nhà ấy mà bắn ra. Chúng mình mà nép ở các cửa sổ thì liệu hồn mấy thằng bén mảng tiến lên.

- Đúng, nhưng nhà đóng kín cả rồi, một anh đồng bàn đáp.

- Ta gõ cửa.

- Người ta không mở đâu.

- Thì ta phá cửa.

Lơ Cabuýc chạy đến cửa. Trên cửa có treo một cái búa khá nặng. Hắn lấy búa gõ. Cửa không mở. Hắn đập một lần nữa. Cũng không ai trả lời. Một tiếng thứ ba. Vẫn yên lặng. Lơ Cabuýc thét:

- Có ai ở trong này không?

Vẫn không thấy có gì động đậy.

Lơ Cabuýc bèn vớ lấy khẩu súng, trở báng, bắt đầu đập thình thình. Cái cửa ấy là một thứ cửa chấn vườn kiểu xưa, có cuốn, thấp, hẹp, chắc chắn, làm toàn bằng gỗ sồi, phía trong bọc tôn có nẹp sắt. Nó chắc như một cửa ngục. Báng súng làm rung động cả nôi nhà nhưng cửa vẫn không lay chuyển.

Tuy vậy tiếng báng súng cũng làm kinh động đến những người ở trong nhà, cho nên ở tầng gác ba, có một cái cửa sổ vuông nhỏ bừng sáng và mở ra. Từ trong cửa, một cây nến và một cái đầu nhô ra ngoài, cái đầu thì tóc hoa râm, mặt ngẩn ngơ hoảng hốt. Đó là ông già gác cổng.

Lơ Cabuýc ngừng đập cửa. Ông gác cổng hỏi:

- Thưa các ông, các ông cần gì?

- Mở cửa.

- Thưa các ông, không được ạ.

- Cứ mở.

- Không thể được các ông ạ.

Lơ Cabuýc đưa súng lên vai, ngắm người gác cổng. Trời tối mà hắn lại đứng dưới thấp, nên ông già không nhìn thấy hắn.

- Mày có mở hay là không, nào?

- Thưa các ông, không được ạ.

- Mày nhất định nói không đấy à?

- Không được, thưa quí...

Người gác cổng chưa nói hết câu, súng đã nổ, viên đạn tin vào dưới cằm, xuyên mạch cổ và chui ra phía sau gáy. Ông già ngã gục xuống, không kịp buông một tiếng thở dài. Cây nến rơi tắt phụt. Sau đó người ta chỉ thấy một cái đầu im lìm gục trên bậu cửa và một ít khói trắng bay lên mái nhà.

Lơ Cabuýc thả rơi báng súng xuống nền phố, nói:

- Thế là xong.

Hắn vừa nói xong thì cảm thấy có một bàn tay đặt lên vai hắn, nặng trịch như mống chim ưng, và một giọng nói ra lệnh:

- Quỳ xuống!

Tên sát nhân quay lại và nhận ra khuôn mặt trắng trẻo, lạnh lùng của Ăngguônrátx. Anh cầm súng lục.

Anh đã chạy đến đây khi nghe tiếng nổ.

Bàn tay trái anh tóm vừa cổ, vừa áo choàng, áo sơ mi và dây đeo quần của Lơ Cabuýc. Anh lặp lại:

- Quỳ xuống!

Rồi bằng một miếng tuyệt luân, chàng thanh niên mảnh khảnh uốn người thằng du côn nở nang khỏe mạnh như uốn một cây lau và đè nó quỳ lên bùn.

Lơ Cabuýc cố cưỡng lại, nhưng cảm thấy cái bàn tay đương nắm nó là một bàn tay thần kỳ.

Mặt tái nhợt, cổ áo để hở, tóc bơ phờ, Ăngguônrátx với

gương mặt thiếu phụ của chàng, lúc này giống như pho tượng của nữ thần Têmit[1] đời xưa. Anh có nét mặt Hy Lạp đanh thép, mũi phập phồng mắt nhìn xuống, tất cả cái ấy làm ra một diện mạo vừa phẫn nộ, vừa đoan trang, theo con mắt người đời trước thì đúng là biểu tượng của công lý.

Tất cả chiến lũy đã xô đến, nhưng rồi tất cả đều đứng giang ra làm thành một vòng tròn. Ai cũng cảm thấy rằng đứng trước sự việc sắp diễn ra, không thể nói lời gì được.

Lơ Cabuýc thua sức, không gắng gượng vùng vẫy nữa, tay chân hắn run cầm cập. Ăngginônrátx buông hắn ra, móc đồng hồ xem và nói:

- Mày hãy tĩnh tâm đi. Cầu nguyện hay suy nghĩ tùy ý. Cho mày một phút.

Thằng sát nhân van vỉ:

- Tha chết cho tôi.

Rồi hắn cúi đầu nói lẩm nhẩm cái gì không rõ. Ăngginônrátx mắt vẫn không rời đồng hồ. Vừa đủ một phút, anh bỏ đồng hồ vào bọc. Lơ Cabuýc vừa rú lên vừa thu người áp vào đầu gối anh, anh nắm tóc hắn, dí miệng súng vào tai hắn. Những người đứng gần đấy toàn là những người dũng cảm giấn thân vào cuộc bạo động phiêu lưu kinh khủng này, thế mà có nhiều người phải quay mặt.

Phát súng nổ, tên sát nhân ngã sấp mặt xuống đường, còn Ăngginônrátx thì đứng thẳng người lên, đưa mắt nhìn quanh, nghiêm nghị và tin tưởng.

Xong, anh lấy chân hất cái xác chết, bảo:

- Đem cái này vứt ra ngoài.

---

(1) *Themis* : nữ thần coi về công lý và hình phạt, theo thần thoại Hy Lạp.

Ba nghĩa quân đến khiêng cái thây này còn có những co giật tự nhiên cuối cùng và đem vứt ra phía ngoài chiến lũy nhỏ ở phố Môngdêtua.

Ăngggiônrátx vẫn đăm chiêu nghĩ ngợi. Trên dáng vẻ điềm tĩnh của anh, dường như có những gợn đen hùng vĩ từ từ tràn lên. Thình lình anh cất tiếng. Mọi người lắng nghe. Anh nói:

- Đồng bào, cái tội ác của thằng ấy thật là ghê rợn, mà việc tôi vừa làm kia thì lại đáng kinh tởm biết bao nhiêu. Nó giết người, vì vậy tôi phải giết nó. Tôi bắt buộc phải làm như thế, bởi vì muốn làm cách mạng cần phải nghiêm lệnh. Giết người ở đâu cũng là tội ác, ở chỗ này lại càng là một tội ác lớn. Chúng ta hành động dưới mắt của Cách mạng. Chúng là những người giáo sĩ của đạo Cộng hòa, chúng ta là những người xả thân vì nghĩa vụ, không được để cho ai có cớ vu khống cuộc chiến đấu của chúng ta. Vì vậy tôi đã lên án và xử tử tên kia. Về phần tôi, bị bức bách phải làm việc ấy nhưng rất ghê tởm, tôi cũng đã luận tội tôi rồi, và lát nữa đồng bào sẽ thấy tôi xử tôi như thế nào.

Những người đứng nghe đều rùng mình, Côngbơphe thét lớn:

- Chúng tôi tự nguyện chịu chung một số phận với đồng chí.

- Vâng, thế cũng được, Ăngggiônrátx đáp. Còn một điều này nữa, tôi xin nói nốt. Tôi xử tử tên kia là vì cần thiết, nhưng sự cần thiết đó là một thứ yêu quái của thế giới cũ, nó có tên là Định mệnh. Theo luật tiến hóa, thì yêu quái phải tiêu biến trước thiên thần, Định mệnh phải tiêu biến trước chủ nghĩa Bác ái. Lúc này không phải là lúc nói đến tình yêu. Mặc, tôi cứ gọi tên nó, tôi ca tụng nó. Tình yêu ơi, tương lai là của mày! Còn Thần chết kia, tao dùng mày nhưng tao rất

ghét mày. Hỡi đồng bào, tương lai sẽ không còn bóng tối, không còn sấm sét, không còn những hình phạt đẫm máu. Vì không còn Xatăng cho nên cũng không có Misen[1]. Tương lai sẽ không còn có ai giết ai, mặt đất rực rỡ hào quang, con người chỉ còn biết yêu thương lẫn nhau. Cái ngày ấy sẽ đến, đồng bào ạ, cái ngày mà tất cả sẽ là hòa mục, là dịu dàng, là ánh sáng, là vui, là sống, cái ngày ấy không xa. Và chính vì muốn cho nó đến mà chúng ta sắp sửa hy sinh đây.

Ánggiônrátx dứt lời. Cặp môi nữ đồng trinh của chàng khép lại, và chàng đứng yên ở chỗ chàng vừa giết người, nghiêm lặng như một pho tượng cẩm thạch. Cái nhìn trực thị của chàng làm cho chung quanh ai cũng phải hạ thấp giọng xuống mà nói chuyện.

Giăng Pruve và Côngphơbe lặng lẽ siết tay nhau. Họ đứng tựa vào nhau trong một hốc chiến lũy để ngắm chàng thanh niên khắc khổ vừa là người thánh tăng, vừa là vai đao phủ, chàng thanh niên mà chất người là ánh sáng và pha lê mà cũng là đá. Trong sự khâm phục của họ có lẫn niềm xót thương.

Thiết tưởng nên nói ngay rằng về sau, khi cuộc chiến đấu đã kết thúc, lúc mang xác chết về nhà xác và lục soát các tử thi, người ta tìm thấy trong Lơ Cabuýc một cái thẻ nhân viên sở an ninh. Năm 1848, tác giả sách này còn lấy được bản báo cáo đặc biệt gởi cho thị trưởng cảnh sát năm 1832 về vụ này.

Nên nói thêm rằng theo như trong giới cảnh sát người ta truyền ra - điều này lạ lùng nhưng chắc là có căn cứ - thì

(1) Theo đạo Gia-tô, thiên thần Misen đã đánh gục quỷ vương Xatăng. Ý tác giả: vì không còn tội ác nên không còn sự trừng phạt.

Lơ Cabuýc tức là Clacơxu. Sự thật thì từ khi Lơ Cabuýc chết đi, cũng không ai nói đến Clacơxu nữa. Clacơxu biến mất đi không để lại một dấu vết, tựa hồ như hòa tan trong vô hình. Đời sống của nó tăm tối, phút cuối cùng của nó cũng là đêm dày.

Cả toán nghĩa quân xúc động về vụ án bi hùng thẩm xét nhanh kết thúc chóng ấy. Lúc bấy giờ Cuốcphêrắc mới nhìn thấy người thanh niên bé bỏng lúc sáng đã đến tìm Mariuytx ở nhà trọ của mình, người thanh niên cũng ở trong chiến lũy.

Người thanh niên có vẻ dạn dĩ vô tư ấy đã đến gia nhập nghĩa quân lúc chập tối.

QUYỂN XIII

MARIUYTX TRONG BÓNG TỐI

I

TỪ PHỐ POLUYMÊ ĐẾN KHU XANH ĐƠNI

Cái tiếng gọi qua cảnh hoàng hôn, bảo Mariuytx đến chiến lũy Săngvrơri, Mariuyx tưởng như tiếng gọi của Định mệnh. Chàng muốn chết thì cơ hội đã đến chàng đương gõ cửa âm cung thì một bàn tay nào trong bóng tối đã đưa cho chàng chìa khóa âm cung. Sự mở cửa đón mời ảm đạm trong bóng tối như thể có ma lực hấp dẫn những con người thất vọng. Vì vậy, Mariuytx đẩy cái song sắt đã bao lần để cho chàng vào vườn, rồi chàng bước ra đường, nói: nào thì đi!

Mariuytx đau khổ như điên như dại, đầu óc chàng hoàn toàn rối loạn. Sau hai tháng say sưa ngây ngất với tình yêu, với tuổi trẻ, bây giờ chàng không thể chịu đựng một sự khe khắt nào của số mệnh cả. Tư tưởng miên man trong niềm thất vọng, chàng chỉ còn một mơ ước là chết cho nhau.

Chàng rảo bước đi nhanh. Ngẫu nhiên mà chàng đã được vũ trang vì chàng vẫn giữ hai khẩu súng lục của Giave.

Người thanh niên đi đến gọi chàng đã mất hút trong các ngả phố.

Mariuytx đi hết phố Poluymê, qua một con đường lớn, vượt quảng trường Expolamát và cầu Anhvalit, theo con đường Sãng Êlidê, lại vượt qua quảng trường Luy XIV rồi đến phố Rivôli. Ở đây các cửa hiệu vẫn mở bán, đèn khí vẫn thắp sáng trưng dưới các vòm cuốn, phụ nữ mua sắm lăng xăng trong tiệm, ở hàng cà phê Lete người ta ăn kem, khách hàng vẫn ăn bánh ngọt trong cửa hàng Ăngiê. Chỉ có vài chiếc xe trạm từ khách sạn Lơ Pơranhxơ và khách sạn Mơrít ra đi nhanh như biến.

Mariuytx đi qua ngõ Đơloóc để vào phố Xanh Ônorê. Ở đây, hàng hiệu không bán, các chủ hiệu đứng nói chuyện với nhau bên ngoài cánh cửa mở hé, ngoài đường người ta còn đi lại, đèn phố vẫn sáng, trong nhà, từ tầng một, vẫn có ánh đèn ở cửa sổ như mọi ngày. Ở quảng trường Pale Riôian, có kỵ binh tập trung.

Mariuytx đi dọc theo phố Xanh Ônêrê. Càng đi xa Hoàng cung, càng ít thấy ánh đèn ở các cửa sổ. Hàng hiệu đóng kín mít, trước hiên không ai đứng chuyện vãn, đường phố tối dần mà người thì càng đông. Người qua đường ở đây dồn thành một đám đông. Trong đám đông ấy, không nghe ai nói cả, tuy vậy vẫn còn có một thứ tiếng ồn ào âm ỉ.

Ngang giếng máy Acbrơxéc, có những đám người tập họp, những đám đông ấy lặng lẽ đứng yên một chỗ giữa những khách đi đường như hòn đá giữa dòng nước xuôi.

Vào đến phố Pruve thì hoàn toàn không còn ai đi lại. Dòng người đã kết thành một khối vững chãi, nặng nề, chắc nịch, dày đặc, hầu như không thể chen vào được nữa. Những người

ấy nói chuyện thì thầm. Hầu như không có cái áo đen, cái mũ tròn[1] nào. Chỉ có áo khoác vải, áo bờ-lu, mũ két, đầu trần, tóc lổm nhổm, mặt sạm. Cái biển người ấy gợn gợn trong sương mù ban đêm. Tiếng lầm rầm của nó nghe gay gắt như một tiếng rít. Mặc dù không ai đi lại, người ta vẫn nghe bước chân giẫm trên bùn.

Qua khỏi biển người dày đặc ấy, ở phố Rulơ, phố Pruve và quãng tiếp phố Xanh Ônôrê, tuyệt đối không còn ánh đèn cửa sổ. Chỉ còn mấy dãy đèn phố cô đơn và mờ nhạt dần trong khoảng xa. Thời ấy, đèn phố tương tự như những chiếc sao đỏ to treo lơ lửng giữa không trung, chiếu xuống mặt đất một cái bóng đen có hình thù một con nhện to tướng. Các phố này không phải là vắng ngắt. Người ta thấy lờ mờ những cây súng dựng chụm đầu lại, những mũi lưỡi lê di động đậy, và nhiều toán quân cắm trại. Không có ai tò mò vượt quá ranh giới ấy. Ở đấy, sự đi lại tắc dần. Ở đấy lĩnh vực của quần chúng nhân dân chấm dứt, lĩnh vực của quân đội nhà nước bắt đầu.

Mariuytx có cái quyết tâm của người tuyệt vọng. Người ta gọi chàng thì chàng phải đi cho bằng được. Chàng làm thế nào không biết, nhưng đã chen qua biển người, đã vượt vùng đồn lính, đã trốn thoát các đội tuần tra, đã tránh khỏi những lính gác. Chàng tạt qua con đường Bêtidi và đi vào khu chợ. Đến đầu đường Buốcđônne thì không còn ngọn đèn phố nào nữa.

Vượt khỏi vùng quần chúng tụ tập, vượt khỏi vùng quân đội đồn binh, chàng rơi vào một nơi kinh khiếp. Không một bóng lính, không một bóng bộ hành, không ánh đèn, không ai cả. Chỉ có quạnh quẽ, im lìm và bóng tối, và một cái gì

(1) Y phục tư sản.

như là một luồng khí lạnh thấm buốt vào xương. Bước vào một đường phố ở đây cũng như bước vào một hầm nhà lạnh lẽo.

Mariuytx vẫn đi tới.

Được mấy bước chàng thoáng thấy có người chạy qua cạnh chàng. Đó là đàn ông hay đàn bà? Nhiều người hay chỉ có một? Chàng không biết. Người ta thoáng qua rồi biến mất.

Quanh quẩn một hồi rồi Mariuytx đến một ngõ phố mà chàng đoán là phố Pôtơri. Đi được nửa phố, chàng va phải một vật chướng ngại. Chàng đưa tay sờ. Đó là một cỗ xe bị lật ngược. Chân chàng giẫm phải những vũng nước, những vết lún, những tảng đá rời chất thành đống. Đó là một cái chiến lũy mới bắt đầu dựng rồi bỏ dở. Chàng trèo lên dãy đá, nhảy qua phía bên kia. Chàng đi sát mấy cây trụ vôi và men theo các tường gạch mà tiến lên. Quá cái chiến lũy bỏ dở một đoạn, chàng lờ mờ trông thấy có cái gì trăng trắng. Đến gần thì vật ấy hiện rõ. Đó là hai con ngựa bạch. Hai con ngựa đó là ngựa kéo cỗ xe hàng, do Bôtxuyê tháo ra lúc ban sáng. Chàng đi lang thang suốt ngày, cuối cùng dừng lại đây một cách nhẫn nại vì không hiểu nổi hành động của loài người, cũng như loài người không hiểu nổi hành động của tạo hóa.

Mariuytx vượt qua chỗ hai con ngựa đứng. Khi chàng bước vào một con đường phố mà chàng cho là phố "Khế ước" thì có một phát súng, không biết bắn vu vơ từ đâu đến, làm sáng khoảng đêm, viên đạn rít bên tai chàng và làm thủng cái đĩa đồng ở ngay trên đầu chàng, một cái đĩa để cạo râu mà người thợ cạo treo trước cửa hiệu để quảng cáo. Năm 1846, ở phố Khế ước, trong khu cột chợ, vẫn còn cái đĩa thợ cạo thủng đó.

Tiếng súng ấy hãy còn là cảnh sống. Từ lúc ấy trở đi, Mariuytx mới thật hoàn toàn ở trong cảnh vắng lặng không người.

Hành trình vừa qua của Mariuytx không khác một cuộc hành trình xuống những bậc thang tối tăm của âm cảnh.

Tuy vậy chàng vẫn cứ đi tới.

II

PARI DƯỚI CÁNH CÚ BAY

Ai có cách gì bay lượn trên thành phố Pari lúc bấy giờ với đôi cánh dơi bay hay cánh cú ắt đã tìm thấy một cảnh ảm đạm.

Cái khu chợ xưa cũ ấy giống như một thành phố ở trong một thành phố, đường Xanh Đơni và đường Xanh Máctanh chạy xuyên qua khu ấy và hàng nghìn phố nhỏ và ngõ phố đâm ngang dọc hai đường kia, cái khu chợ mà những người khởi nghĩa lấy làm căn cứ và đồn trú đó, người lượn trên cao sẽ nhìn thấy như một cái hố đen tối và khổng lồ đào giữa Pari. Con mắt như rơi vào một vực thẳm.

Vì đèn đường bị đập vỡ hết, cửa sổ đóng kín hết, nên ở đây không còn tia sáng nào, không còn dấu hiệu nào. Lực lượng cảnh sát vô hình của quân khởi nghĩa canh gác khắp nơi và duy trì trật tự, tức là đêm tối. Giấu số ít trong màn đêm rộng lớn, nhân khả năng chiến đấu của mỗi chiến sĩ lên bằng những khả năng tiềm tàng trong bóng tối, đó là những chiến thuật cần thiết của khởi nghĩa. Khi đêm xuống, mỗi cửa sổ thắp nến lên đều bị một phát đạn: ánh sáng tắt, đôi khi người chết. Bởi vậy không còn gì động đậy ở đây nữa. Còn kinh hãi, tang tóc, hoảng hốt ở trong các ngôi nhà, ở ngoài đường thì một không khí ghê rợn thiêng liêng. Cả đến những hàng dài cửa sổ và tầng gác, những nhấp nhô của ống khói và mái nhà, những ánh phản chiếu lờ mờ trên nền đường lầy

lội và ẩm ướt. Mắt nhìn từ trên cao xuống cái vùng mờ tối ấy có lẽ sẽ nhìn thấy đây đó, cách từng quãng, có những ánh sáng lù mù làm hiện lên những đường gãy góc kỳ dị, những dạng kiến thiết khác thường, một cái gì như những ánh ma trơi giữa một di tích đổ nát, đó là các chiến lũy. Ngoài ra là một cái hồ bóng tối đầy sa mù, nặng nề, ảm đạm trên đó nổi lên sừng sững hình dáng im lìm và rùng rợn của tháp Xanh Giác, nhà thờ Xanh Meri và hai hay ba tòa nhà đồ sộ khác, những công trình khổng lồ mà con người xây dựng đó đêm tối lại biến thành hình ma bóng quỉ.

Chung quanh cái trận đồ bát quái vắng vẻ dễ sợ đó, ở các khu phố giao thông chưa tắc nghẽn và còn vài chiếc đèn đường thưa thớt đang soi bóng, người quan sát trên không sẽ thấy lấp lánh mã tấu và lưỡi lê, sẽ nghe tiếng lăn trầm trầm của đại bác, sẽ nhận ra cảnh lúc nhúc của các tiểu đoàn im lặng kéo đến mỗi phút càng đông. Một vành đai dữ dội từ từ thắt chặt và vây kín đám nghĩa quân.

Khu vực bị bao vây chỉ còn là một thứ hang quái đản, ở đấy cái gì cũng có vẻ như ngủ yên hoặc bất động và như ta đã thấy, mỗi đường phố đều chỉ bày cho thấy có bóng đêm.

Bóng đêm hung dữ, đầy cạm bẫy, đầy những va chạm khó biết và đáng sợ, bóng đêm mà ai xông vào thì rùng mình trước kẻ chờ đợi, ai chờ đợi thì giật mình trước kẻ xông vào. Mỗi góc phố có những chiến sĩ vô danh hình trụ chốt, phải chăng đó là cạm bẫy của nhà mồ giấu trong đêm sâu? Thật hết rồi. Không mong còn ánh sáng nào ngoài chớp loe của phát súng, còn hội ngộ nào ngoài hội ngộ đột ngột và may mắn với tử thần. Ở phố nào? Cách thế nào? Bao giờ? Không biết nhưng chắc chắn, không thể tránh. Ở đấy, ở chỗ đã định

để làm chiến trường này, chính phủ và nghĩa quân, quốc dân quân và các tổ chức quần chúng, giai cấp tư sản và dân chúng bạo khổ sắp xáp trận trong mò mẫm. Cả hai bên đều chỉ có một nhu cầu: Chết hay là thắng, không có lối ra nào khác.

Tình thế đã đến chỗ triệt để, bóng đêm đã đến mức dữ dội mà những kẻ rụt rè nhất đâm ra cương quyết, còn người bạo dạn nhất lại hóa ra hoảng hốt.

Ngoài ra, ở hai phía đều cuồng phẫn, hung hãn quyết tâm ngang nhau. Đối với những kẻ này, tiến lên là chết, nhưng chẳng ai nghĩ đến thối lui, đối với những người kia, ở lại là chết nhưng chẳng ai nghĩ đến bỏ chạy.

Ngày mai cần phải xong cả, cần phải bên này hay bên kia thắng, cần phải thấy cuộc khởi nghĩa là một cuộc cách mạng hay chỉ là một cuộc bạo động xoàng. Chính phủ cũng hiểu điều ấy giống như các đảng phái, anh tư sản tầm thường nhất cũng cảm thấy như thế. Do đó một tư tưởng khắc khoải phảng phất trong bóng tối dày đặc của khu phố mà mọi việc sẽ định đoạt, một cảm giác lo âu hồi hộp tăng lên chung quanh sự yên lặng từ đó tai họa sẽ xảy ra. Ở đấy chỉ nghe thấy có một thứ tiếng một tiếng thảm như tiếng rên, đe dọa như tiếng nguyền rủa, tiếng chuông nhà thờ Xanh Meri. Không gì rợn người cho bằng tiếng kêu thất thanh và thất vọng của cái chuông đó khi nó kể lể khóc than trong đêm tối.

Cũng thường khi như thế, vạn vật tuồng như đã thỏa thuận về công việc mà con người sắp làm. Không gì làm vướng bận cái vẻ hài hòa thảm đạm của nơi này cả. Sao đã biến hết, nhiều đám mây nặng nề dàn những nếp buồn rầu ra che kín chân trời. Trời đen sẫm che trên các đường phố chết tựa như một tấm khăn liệm mênh mông bọc phủ nấm mộ bao la này.

Trong khi một cuộc đấu tranh hãy còn hầu như là chính trị sắp diễn ra ở nơi đã chứng kiến biết bao biến cố cách mạng, trong khi thanh niên, các hội kín, các trường học vì nguyên tắc, và tầng lớp trung lưu vì quyền lợi, mà tiến lại gần nhau để va nhau, ôm siết nhau và vật ngã nhau, trong khi mỗi người mong mỏi và thúc giục cho cái giờ chớt, giờ quyết định cuộc khủng hoảng mau đến thì ở nơi xa, ở ngoài khu vực nguy hiểm này, ở tận đáy những hang cùng thăm thẳm của thành phố Pari nghèo khổ bị che lấp bởi thành phố Pari lộng lẫy, sung sướng và giàu sang, người ta nghe thấy rền rền tiếng thét trầm trầm của dân chúng.

Một tiếng dễ sợ, một tiếng thiêng liêng làm bằng tiếng gầm của con thú hòa với lời phán của Chúa trời, một thứ tiếng gầm của sư tử, từ trên xuống như tiếng vang của sấm trời.

III

MÉP BỜ CUỐI CÙNG

Mariuytx đến khu chợ.

Ở đấy cảnh vật còn yên lặng, tăm tối, im lìm hơn ở các phố lân cận. Dường như cái yên tĩnh lạnh lẽo của cõi âm đã từ lòng đất thoát lên, lan tràn khắp dưới bầu trời.

Tuy nhiên, một vùng ánh sáng đỏ lừ chiếu lên, in lên nền trời tối đen như hình cái mái nhà cao ngất chắn ngang đường phố Săngvrơri. Đó là ánh sáng đuốc trên chiến lũy ở quán Côranh phía nhà thờ Xanh Ôtxtasơ. Mariuytx đi về hướng ánh sáng đỏ ấy. Nó đưa chàng tới chợ Poarê, từ đấy chàng

trông thấy đầu phố Pơrêsơ tối om. Chàng tiến vào. Người nghĩa quân gác ở cuối phố không trông thấy chàng. Chàng có cảm giác sắp đến chỗ đang tìm, nên đi rón rén. Chàng tới khúc rẽ vào đoạn đường Môngđêtua ngắn. Con đường này là lối độc nhất Ăngguônrátx giữ lại để liên lạc với bên ngoài như ta đã biết. Đến cái nhà cuối cùng ở góc phố bên trái, chàng thò đầu ra nhìn vào đoạn đường Môngđêtua.

Phố Săngvrơri trải ra một vạt bóng tối che bọc luôn cả chàng. Cách chỗ hai phố Săngvrơri và Môngđêtua gặp nhau một quãng ngắn, chàng thấy mặt đường loang loáng, một góc quán rượu, phía sau, một ngọn đèn dầu nhấp nháy soi vào một thứ tường lũy không ra hình thù gì, và một đám người ngồi xổm, súng đặt trên đầu gối. Đó là bên trong chiến lũy, cách chàng độ vài mươi thước.

Phần lớn quán rượu, chiến lũy và ngọn cờ đều khuất sau dãy nhà bên phải đường Môngđêtua.

Mariuytx chỉ bước một bước là đến.

Nhưng chàng thanh niên đáng thương ấy lại ngồi xuống một cột trụ bên đường. Chàng khoanh tay lại, nghĩ ngợi về bố mình.

Chàng nghĩ đến bố, ông đại tá Pôngmêxi anh dũng. Con người quân nhân đầy kiêu hãnh ấy đã từng trấn giữ biên giới nước Pháp thời cộng hòa và đã từng trấn giữ biên giới châu Á thời hoàng đế Napôlêông. Ông đã từng thấy Giên, Alêchxăngđri, Milăng, Tuyranh, Mađorit, Viên, Đơrexđơ, Béclang, Mốtxcu. Ông đã từng đổ máu trên tất cả các chiến trường châu Âu, dòng máu ấy Mariuytx đang mang trong mình. Đời sống kỷ luật và nhiệm vụ chỉ huy đã làm cho ông già trước tuổi. Ông từng sống những ngày luôn luôn phải nai

nịt sẵn sàng, có khi cầu vai rơi trễ xuống ngực, quân hiệu đen xì thuốc súng và vừng trán có vết mũ hằn lên, rồi lúc thì ở lều, lúc thì ở trại, lúc thì đóng quân dọc đường, lúc thì đi cùng đoàn quân y. Như thế suốt hai mươi năm chinh chiến. Lúc trở về má mang lằn sẹo dài nhưng mặt vẫn tươi cười, người giản dị, thanh thản, đáng kính và trong trắng như trẻ con. Con người ấy đã toàn tâm phục vụ tổ quốc và không hề làm lại một điều gì chống lại tổ quốc cả.

Bây giờ đến lượt chàng. Đã đến lúc chàng phải nối gót cha mà tỏ ra can đảm, gan góc, bạo dạn, dám xông pha bom đạn, sẵn sàng đem ngực mà chống lại lưỡi lê, sẵn sàng đổ máu, sẵn sàng đi tìm quân thù và sẵn sàng đi tìm cái chết. Đã đến lượt chàng phải tham gia chiến đấu, phải ra ngoài trận địa, mặc dù trận địa ở đây là đường phố và cuộc chiến tranh ở đây là nội chiến!

Cuộc nội chiến hiện ra trước mắt chàng như một cái hố thẳm. Chàng thấy rõ đây chàng sẽ rơi xuống hố ấy.

Bỗng dưng chàng rùng mình.

Chàng nhớ đến thanh gươm của cha chàng mà trước đây ông chàng đã đem bán cho hàng đồng nát làm cho chàng tiếc đến đứt ruột. Bây giờ thì thấy thanh gươm anh dũng và trong sạch ấy rời khỏi tay chàng, giận dữ bỏ đi vào cõi tối tăm như thế là phải. Chắc hẳn nó trốn đi như thế là vì nó thông minh, nó đoán biết trước được tương lai. Có lẽ vì nó linh cảm sẽ có ngày dân chúng nổi dậy, người ta sẽ đánh nhau trong rãnh nước, trên đường phố, sẽ bắn nhau từ cửa sổ dưới hầm các nền nhà, sẽ đâm chém nhau từ phía sau lưng, vì nó đã trải qua những chiến thắng lẫy lừng ở Maxănggô, ở Pơrietlăng, nên nó không muốn người ta mang nó đến phố Săngvrơri, và

sau khi đã cùng ông bố lập nên bao nhiêu công trạng anh hùng, nó không muốn cùng ông con làm những công việc như vậy! Chàng lại nghĩ giá thanh gươm còn ở nhà, chàng đã nhận nó ở đầu giường bố khi bố qua đời, và chàng dám cả gan xách nó dùng vào cuộc huynh đệ tương tàn trong đêm tối ở ngã tư này, thì chắc nó sẽ làm bỏng cả tay chàng và nó sẽ bốc lên thành ngọn lửa sáng rực như lưỡi gươm thiêng! May sao mà nó đã biệt tăm biệt tích! Bây giờ nghĩ lại chàng mới thấy việc ông ngoại chàng đem bán nó đi là đúng, chính ông ngoại chàng mới thật là người biết giữ gìn thanh danh cho bố chàng, bán nó đi cho hàng đồng nát vứt vào đống sắt gỉ còn tốt hơn là đem dùng để đâm vào sườn tổ quốc hôm nay.

Nghĩ đến đó, chàng bưng mặt khóc nức nở.

Ghê rợn quá. Nhưng biết làm sao? Sống mà không có Côđét chàng cảm thấy không thể sống nổi. Nàng đã đi rồi, thì chàng chỉ còn chết. Không phải chàng đã lấy danh dự mà nói với nàng rằng chàng sẽ chết hay sao? Đã biết thế mà cứ bỏ đi, nghĩa là ưng cho chàng chết chứ còn gì nữa. Thôi rõ rồi, người ta chẳng còn yêu thương gì chàng đâu, bỏ đi mà không hề cho chàng biết một lời, một lời cũng không, một chữ cũng không, mà có phải người ta không biết địa chỉ của chàng cho cam! Sống làm gì nữa, và tại sao phải sống nữa bây giờ? Với lại, đã đến đây mà còn lùi sao? Đã tiến đến gần nơi nguy hiểm mà lại bỏ chạy sao? Đã vào thấy chiến lũy mà còn lẩn tránh sao? Lẽ nào vừa run sợ lẩn tránh lại vừa nói: thôi, thôi, tôi đã trông thấy rồi đủ rồi, nội chiến mà, tôi xin đi! Lẽ nào bỏ mặc bạn bè đang đợi mình! Có lẽ họ đang cần mình kia mà! Họ có một nhóm người mà phải chống lại cả một lộ quân! Bỏ đi để lỗi hẹn với tất cả, với tình yêu, với tình bạn, với lời

mình tự hứa nữa? Lấy cớ yêu tổ quốc mà che sự nhát gan của mình sao? Không thể như thế được. Giá có hồn ma của bố chàng trong bóng tối lúc đó thấy chàng lùi bước như thế, chắc cũng sẽ lật gươm đập vào lưng chàng và thét lớn: Tiến lên, đồ hèn!

Chàng cúi đầu: bao nhiêu ý nghĩ tới lui ấy làm óc chàng rối bời.

Bỗng chàng ngẩng lên. Trí chàng như vừa tỉnh ngộ. Hình như gần chết thì trí óc sáng lên và người ta nhìn rõ được chân lý hơn. Công việc chàng sắp dấn thân vào, chàng không còn hình dung đó là một việc thảm hại nữa, trái lại chàng thấy đó là một việc vẻ vang Trong trí chàng, không biết do diễn biến thế nào mà cuộc chiến tranh đường phố phút chốc đã thay đổi hẳn bộ mặt. Hết thảy các câu hỏi rối rắm chàng tự đặt ra trong lúc mơ màng, bây giờ lại ùn ùn kéo đến, nhưng không hề làm chàng nao núng. Chẳng có câu nào chàng bỏ qua không giải đáp được.

Nào, tại sao bố chàng lại giận chàng được? Phải có những trường hợp mà cuộc khởi loạn cũng có cái vinh quanh của một nghĩa vụ chứ? Anh con ông đại tá Pôngmécxi mà tham gia vào cuộc chiến đấu này thì có gì làm giảm phẩm cách của anh chứ? Không phải Môngmiray, cũng không phải Săngpôbe. Đây là cái khác. Vấn đề ở đây chẳng phải là bảo vệ đất thánh mà là chiến đấu cho một lý tưởng thiêng liêng. Tổ quốc có kêu ca, đành vậy, nhưng nhân loại lại hoan nghênh. Mà có thật Tổ quốc kia kêu ca không? Nước Pháp chảy máu, nhưng tự do lại mỉm cười, và trước nụ cười của tự do, nước Pháp quên cả vết thương mình. Với lại, nhìn vấn đề một cách cao rộng hơn nữa thì cái gì là đáng gọi là nội chiến?

Nội chiến là gì? Vậy có ngoại chiến không? Tất cả các cuộc chiến tranh giữa loài người chẳng phải là chiến tranh giữa anh em thì là gì? Tính chất một cuộc chiến tranh quyết định ở mục đích của nó. Chẳng có ngoại chiến, nội chiến gì cả, chỉ có chiến tranh chính nghĩa và chiến tranh phi nghĩa mà thôi. Cho đến ngày thiên hạ đại đồng, thì chiến tranh, ít nhất là chiến tranh giữa cái cũ đang chần chừ mãi không chịu cuốn vó đi và cái mới đang nóng ruột tiến lên, chiến tranh như thế, có gì là đáng trách? Chiến tranh sở dĩ là một mối nhục nhã, thanh gươm sở dĩ thành một con dao giết người là vì nó giết chết công lý, tiến bộ, lẽ phải, văn minh, chân lý. Đã thế thì ngoại chiến, nội chiến gì, nó cũng là phi nghĩa cả, là tội ác. Nếu không kể đến chính nghĩa thiêng liên thì hình thức chiến tranh này có quyền gì khinh bỉ hình thức chiến tranh kia? Lưỡi gươm của Oasinhtơn[1] có quyền gì mà không công nhận mũi giáo của Cami Đêmulanh[2]?

Lêoniđa chống giặc ngoài, Timôlêông chống bạo chúa, ai vĩ đại hơn ai? Một người bảo vệ, một người giải phóng. Lẽ nào thóa mạ tất cả những cuộc chiến đấu vũ trang nội bộ không cần đếm xỉa đến mục đích của nó? Như thế thì phải kể là điếm nhục tất cả những Bruytuýtx, Mácxen, Acnu đơ Blăngkenem, Côlinhi. Giặc bờ bụi à? Giặc đường phố à? Sao lại không? Đó là giặc của Ăngbioritx, của Actơvenđơ, của Mácnitx, của Pêlagiơ. Nhưng Ăngbioritx chiến đấu chống Lamã, Actơvenđơ chống Pháp, Mácnitx chống Tây Ban Nha, Pêlagiơ chống bọn Morơ, tất cả đều chống ngoại bang. Vậy thì quân chủ là ngoại bang, áp bức là ngoại bang, thần quyền là ngoại bang. Chế độ chuyên chế vi phạm biên giới của đời

(1) Lãnh tụ của phong trào độc lập Hoa Kỳ.

(2) Một nhà cách mạng Pháp hồi 1789.

sống tinh thần chẳng khác gì quân xâm lược vi phạm biên giới địa lý của một quốc gia. Đánh đuổi tên độc tài hay đánh đuổi quân xâm lược Anh, trong hai trường hợp đều là giành lại lãnh thổ của mình.

Đến một lúc nào đó, phản kháng không còn đủ được nữa, triết lý xong phải hành động mới được, vũ lực phải hoàn thành được những cái mà tư tưởng đã phác họa. *Prômêtê bị xiềng* bắt đầu, Arixtôgitông kết thúc. Bách khoa Toàn thư soi sáng trí óc mọi người thì ngày 10 tháng tám kích thích họ như một luồng điện. Sau Etsin là Traxybuyn, sau Didơrô phải có Đăng-tông.

Quần chúng có xu hướng muốn có một vị chúa. Khối dày đặc của họ dễ bất động. Đám đông thường dễ đi đến phục tòng. Cho nên phải lay họ, đẩy họ, lấy cái việc giải phóng họ mà thúc mạnh vào người họ, lấy sự thật mà đập vào mắt họ, đem ánh sáng mà ném chúa chát vào mặt họ mới được. Phải làm cho họ như bị sét đánh một chút, có lóa mắt như thế họ mới tỉnh dậy được. Do đó tiếng trống, tiếng mõ và chiến tranh là cần. Những chiến sĩ vĩ đại, phải vùng lên, đem tinh thần dũng cảm của mình mà làm sáng rực các quốc gia, lay mạnh cả cái nhân loại thảm đạm đang khuất lấp dưới bóng tối của nền quân chủ thần quyền, của đầu óc tranh vương đồ bá, của bạo lực, của cuồng tín, của những chính quyền vô trách nhiệm đối với nhân dân, của những ngôi vua độc đoán. Một đám ô hợp đang ngẩn ngơ nhìn những chiến thắng của bóng đêm trong cảnh hoàng hôn rực rỡ.

Đả đảo độc tài! Ô kìa! Nói ai thế? Gọi Luy Philíp là độc tài à? Không phải, cũng như Luy XVI, chẳng khác gì. Hai người ấy, trong lịch sử quen gọi là những ông vua tốt. Có điều nguyên tắc là một khối không cắt xén được. Logic-chân

lý thẳng băng, đặc điểm của chân lý là không dễ dãi, cho nên không thể nào nhân nhượng được. Bất cứ sự lấn át nào lên con người đều phải trừng trị ngay. Trong Luy XVI có nguyên lý thần quyền, mà Luy Philíp thì có cái "*vì là dòng họ Buốc-bông*". Cả hai, trong một phạm vi nhất định là tiêu biểu của sự thu đoạt các quyền làm người làm dân. Muốn san phẳng mọi sự thoán đoạt rộng khắp trên trái đất này, thì phải đánh đổ hai người ấy. Việc ấy cần thiết vì nước Pháp luôn luôn là chỗ khởi thủy mọi việc. Khi nhà vua Pháp sụp đổ, thì mọi nhà vua cũng đổ theo. Tóm lại, khôi phục chân lý xã hội, trả địa vị độc tôn cho tự do, trả dân chúng lại cho dân chúng, trả chủ quyền lại cho con người, trả vinh quang cho nước Pháp, phục hồi đầy đủ công lý và lẽ phải, bãi bỏ mọi mầm mống xung đột bằng cách trả quyền hạn con người lại cho mỗi người, tiêu diệt mọi trở lực mà vua chúa dựng lên trên đường thế giới đại đồng, đặt nhân loại ngang hàng với nhân quyền, như thế còn mục đích nào chính nghĩa hơn, do đó, còn chiến tranh nào vĩ đại hơn? Những thứ chiến tranh như thế là chiến tranh xây dựng hòa bình. Các đồn lũy khổng lồ của thành kiến, đặc quyền, mê tín, lừa phỉnh, bóp nặn, lạm quyền, hành hung, bất công, ám muội, còn sừng sững trên thế giới này với tất cả những pháo đài của hằn thù. Phải quật nó đổ xuống. Phải đạp bằng cái khối ghê tởm ấy đi. Chiến thắng ở Austeclic là lớn lao, nhưng san bằng ngục Bátsti mới là tuyệt vĩ.

Không có ai không nhận thấy điều này qua sự tự quan sát: Linh hồn có một khả năng tuyệt diệu, do tính chất nhất quán kiêm tính biến tại của nó, đó là khả năng luân lý hầu như là lạnh lùng trong những giờ phút quyết liệt nhất và lắm

khi tình yêu bẽ bàng và thất vọng sâu sắc lại đem soát xét những vấn đề, những luận đề trong cuộc độc thoại ảm đạm cuối cùng. Lôgic chen vào trong dãy dụa và sợi chỉ tam đoạn luận vẫn phất phơ, chứ không đứt trong cơn dông tố hắc ám của tư tưởng. Trạng thái tâm hồn của Mariuytx là như vậy đó.

Suy nghĩ như thế, Mariuytx thấy khổ sở nhưng quyết tâm, quyết tâm nhưng vẫn ngập ngừng, run run trước công việc sắp làm. Chàng đưa mắt nhìn khắp bên trong chiến lũy. Bọn người khởi nghĩa vẫn im lìm không cử động, có tiếng nói chuyện với nhau rất khẽ. Mọi người đều cảm thấy cái không khí nửa yên lặng lúc bấy giờ là dấu hiệu của giai đoạn chờ đợi cuối cùng. Trên cao, ở một cửa sổ tầng gác thứ ba, Mariuytx thấy có một người đang ra dáng nhìn họ chăm chú. Đó là người gác cổng bị Lơ Cacbuýc bắn chết. Từ dưới nhìn lên, cái đầu người ấy hiện ra lờ mờ. Trong ánh sáng tăm tối, chập chờn, trông không có gì quái lạ bằng! Khuôn mặt thì xám xanh, im lìm, ngạc nhiên, mớ tóc thì dựng ngược, cặp mắt thì mở to nhìn chằm chặp, cái mồm thì há hốc, nghiêng xuống mặt đường, dáng tò mò. Phải chăng người đã chết đang nhìn bọn người sắp chết? Một dòng máu dài chảy từ cái đầu lâu ấy đã đóng thành những sợi chỉ đỏ từ cửa sổ đến ngang tầng gác một thì dừng lại.

QUYỂN XIV

NHỮNG NÉT VĨ ĐẠI CỦA THẤT VỌNG

I

LÁ CỜ - MÀN MỘT

Vẫn chưa có gì xảy ra. Chuông nhà thờ Xanh Meri điểm mười một giờ từ lâu. Ăngguônrátx và Côngbơphe, xách súng đến ngồi bên cạnh chỗ khe hở ở chiến lũy chính. Hai người không nói gì với nhau, chỉ lắng tai để nghe cả đến tiếng chân người dù dội nhẹ và xa nhất.

Bất thình lình, giữa không khí hãi hùng ấy, hình như từ phố Xanh Đơni, một giọng hát trẻ thơ, trong trẻo, vui vẻ, cất lên lanh lảnh. Giọng hát theo điệu *Dưới ánh trăng*, một điệu dân ca cổ, nhưng lời là một bài thơ mà câu cuối là một tiếng reo giống như tiếng gà gáy:

Mũi ta nó khóc dầm
Hỡi ông bạn Buygiô!
Cho ta mượn mấy sen đầm,
Ta nói chuyện với chúng cho,
Mình khoác áo tơi xanh,
Hình gà trên mũ,

Đây đã đến ngoại thành!

Ò ó o o... o!

Hai người siết tay nhau, Ăngguônrátx bảo:

- Tiếng Gavrốt.

- Nó báo tin cho mình đây - Côngbơphe tiếp.

Có tiếng chân chạy hấp tấp qua đường phố vắng. Rồi một bóng người nhanh nhẹn hơn cả một anh hề rạp xiếc leo qua xe hàng. Và Gavrốt nhảy phóc vào bên trong chiến lũy, vừa thở hổn hển vừa nói:

- Súng của em đâu? Chúng nó đến rồi kìa.

Cả chiến lũy như bị điện giật. Nghe tiếng những bàn tay sờ soạng cầm súng lên, Ăngguônrátx hỏi:

- Em muốn lấy khẩu các-bin của anh không?

- Em ưng khẩu súng trường kia, Gavrốt đáp. Và nó cầm lấy cây súng trường của Giave.

Hai người cảnh giới cũng vừa rút lui và trở vào chiến lũy theo gót Gavrốt. Đó là hai người ở phía đường phố và ở phía Pơtit Tơruyăngđri. Người gác ở ngõ Pêrêsơ vẫn còn tại chỗ, như thế nghĩa là chưa có dấu hiệu tấn công từ phía cầu và phía chợ.

Trên đường phố Săngvrơri chỉ thấy lấp loáng mấy phiến đá lát đường, nhờ ánh sáng lù mù chiếu lên lá cờ chiến lũy. Cả dãy phố trông mơ hồ như một cái cống tò vò lớn tối om, mở ra trong bầu trời đầy khói.

Ai nấy đều đến vị trí chiến đấu của mình.

Nghĩa quân có bốn mươi ba người, trong đó có Ăngguônrátx, Côngbơphe, Cuốcphêrắc, Bốtxuyê, Giôli, Bahôren và Gavơrốt. Mọi người đều quì xuống, đầu mấp mé với đỉnh chiến lũy lớn. Súng trường, súng ngắn đều chĩa nòng trên đá như từ những lỗ châu mai, tất cả đều chăm chú, im

lặng, sẵn sàng nhả đạn. Sáu người khác dưới quyền chỉ huy của Phoidi đã đến nấp sẵn ở cửa sổ của tầng hai tầng gác nhà quán Côranh, súng áp vai.

Mấy phút trôi qua. Có tiếng chân người đều đặn, nặng nề, đông đảo nghe rõ mồn một từ phía Xanh Lơ. Ban đầu còn nhỏ, sau rõ dần, rồi nặng nề và âm vang. Bước chân từ từ tiến gần, không nghỉ, không dừng, đều đều, bình tĩnh và ghê gớm. Chỉ nghe có thế. Có cảm tưởng như vừa là sự yên lặng vừa là sự ồn ào của pho tượng kỵ sĩ thời xưa [1], nhưng bước chân rắn rỏi ở đây có cái gì to lớn, dồn dập, khiến phải nghĩ đến một đám đông người, đồng thời phải nghĩ đến một bóng ma, hiện thân của những đội lê dương La Mã đáng sợ ngày xưa. Tiếng chân đến gần, đến gần nữa rồi dừng lại. Nghe như ở cuối phố có hơi thở của rất nhiều người. Bóng tối dày đặc. Không trông thấy gì, nhưng lại có thể đoán biết rất rõ. Một rừng dây thép, nhỏ như kim và gần như không nhận ra, đang cử động, giống hệt những tia sáng lân tinh chằng chịt mà ta thấy những lúc mắt đã nhắm nghiền và ta mơ màng sắp ngủ. Đó là lưỡi lê và nòng súng lờ mờ trong ánh sáng ngọn đuốc ở đầu này chiếu vọng đến.

Một phút im lìm. Cả hai bên dường như đang chờ đợi. Bỗng, từ đáy bóng tối, một giọng người hô to: "Ai?"

Nghe hô mà không thấy người, chẳng khác gì bản thân đêm tối tự thét lên, nên càng ghê rợn.

Ănggiônrátx đáp lại bằng một giọng tự hào, sang sảng:

---

(1) Nhắc tới truyền thuyết về Đông Guyăng mà Môlie đã diễn tả lại trong vở kịch: *Đông Guyăng*. Khi Đông Guyăng nhận lời mời, đưa tay cho tượng kỵ sĩ nắm thì trời nổi sấm sét, đất nứt và vùi Đông Guyăng.

- Cách mạng Pháp.

- Bắn! Giọng người bên kia hô.

Một làn chớp làm đỏ rực mặt trước các dãy phố như có cánh cửa lò vụt mở ra rồi đóng sập ngay lại.

Một loạt súng kinh khủng nổ ầm ầm vào chiến lũy. Lá cờ đỏ rơi xuống. Loạt đạn bắn rát và dày đến nỗi làm gẫy ngang cán cờ nghĩa là đầu mút cái càng của chiếc xe khách. Nhiều viên đạn từ bờ tường giội ra, lạc vào trong chiến lũy làm một số người bị thương.

Loạt súng đầu ấy nghe thật lạnh mình. Cuộc tấn công thật dữ dội, đáng làm cho người can đảm nhất cũng phải suy nghĩ. Rõ ràng là nghĩa quân đang phải đương đầu với cả một trung đoàn là ít.

- Các đồng chí, Cuốcphêrắc thét to, đừng phí đạn. Chờ cho chúng nó tiến vào trong phố rồi hãy bắn trả.

- Và trước hết, Ăngggiônrátx nói, phải dựng ngọn cờ lên.

Chàng nhặt lá cờ vừa rơi ngay chỗ chân chàng.

Bên ngoài, có tiếng que thông nòng, quân đội chính phủ lại lắp đạn.

Ăngggiônrátx hỏi lại:

- Ai là người can đảm? Ai dám ra dựng lại cây cờ trên chiến lũy?

Không ai trả lời. Leo lên đỉnh chiến lũy trong lúc quân địch đang nhằm vào để nổ súng lần nữa nhất định là chết. Kẻ gan dạ nhất cũng ngập ngừng không muốn dấn thân vào chỗ chết như thế. Bản thân Ăngggiônrátx cũng rùng mình. Chàng nhắc lại:

- Không có ai cả à?

II

LÁ CỜ - MÀN HAI

Từ lúc đến Côranh và bắt đầu xây dựng chiến lũy, không ai để ý đến cụ Mabớp nữa. Trái lại, ông cụ không rời đoàn người phút nào. Cụ vào tầng dưới quán rượu và đến ngồi sau quầy kế toán. Có thể nói là ở đó cụ đã hoàn toàn thu mình vào trong thâm tâm. Có vẻ như cụ không còn nhìn thấy gì và cũng không suy nghĩ gì nữa. Cuốcphêrắc và nhiều người khác đôi ba phen đã đến cạnh cụ, cho cụ biết trước sự nguy hiểm sẽ xảy ra, đề nghị cụ nên đi nơi khác, nhưng cụ ra vẻ không nghe thấy gì. Không có ai nói gì với cụ thì môi cụ lại mấp may như trả lời, nhưng hễ có ai hỏi chuyện, thì mồm cụ lại ngậm tăm và cặp mắt dường như đờ đẫn, hết thần. Vài giờ trước khi chiến lũy bị tấn công, cụ đã ngồi im như pho tượng, dáng điệu không hề thay đổi: hai bàn tay nắm lại đặt trên đầu gối, còn đầu nghiêng về phía trước như nhìn vào một hố sâu. Không có gì cho cụ ra khỏi dáng điệu ấy nổi, trí óc cụ tuồng như không còn ở trong chiến lũy nữa. Khi ai nấy đều về vị trí chiến đấu, thì trong gian phòng thấp chỉ còn mình Giave bị trói vào cây cột, một nghĩa quân tay cầm thanh kiếm trần đang gác Giave, và cụ. Lúc cuộc tấn công bắt đầu, súng nổ làm cụ giật mình và cũng hình như đánh thức cụ dậy. Tự nhiên cụ đứng lên, đi ngang qua gian phòng, và lúc Ăngginrắtx kêu gọi lần thứ hai: "Không có ai cả à?" thì cụ hiện ra trên ngưỡng cửa quán rượu.

Sự có mặt của cụ làm các nhóm người đang chiến đấu như bị điện giật. Có tiếng kêu:

- Người bỏ phiếu xử vua đấy! Đại biểu viện Khế ước! Đại biểu nhân dân đấy kìa!

Chắc là cụ chẳng nghe thấy gì.

Cụ đi thẳng tới Ăngginônrátx. Nghĩa quân giãn ra kinh hãi và kính cẩn. Cụ giật lá cờ trong tay Ăngginônrátx. Ăngginônrátx lùi lại sửng sốt, và trong lúc không ai dám ngăn cụ, hoặc giúp cụ một tay, ông già tám mươi ấy bắt đầu leo lên các phiến đá xếp thành bậc trong chiến lũy, đầu lắc lư, nhưng bước chân vững chắc. Cảnh tượng ấy rất đỗi vĩ đại làm mọi người chung quanh cụ buột miệng: Bỏ mũ xuống! Cứ mỗi bậc cụ tiến lên, cảnh tượng càng khủng khiếp. Đầu tóc bạc, nét mặt gài nua, vừng trán rộng, hói và nhăn nheo, cặp mắt hõm sâu, cái mồm ngẩn ngơ mở rộng, cánh tay gầy gò giương cao lá cờ đỏ, tất cả đều từ trong bóng tối tiến ra và hiện to lên dần trong ánh đuốc màu máu. Mọi người đều có cảm giác như đang nhìn bóng ma của năm 93[1] từ dưới đất hiện lên, trong tay còn nắm lá cờ khủng bố.

Khi ông đã leo lên đến bậc đá cuối cùng, khi cái bóng ma run rẩy và đáng sợ ấy đứng thẳng người lên trên đống đồ đạc gãy nát đối diện với một nghìn hai trăm miệng súng vô hình ở đằng kia, và nhìn thẳng vào cái chết như coi nó chẳng ra gì, thì tất cả cái chiến lũy đang chìm trong bóng tối bỗng dưng có một vẻ gì phi thường, kỳ vĩ.

Một phút im lặng long trọng như chỉ thấy ở những cảnh tượng kỳ diệu.

Giữa cảnh im lặng ấy, cụ già phất cao lá cờ đỏ và thét lên:

- Cách mạng muôn năm! Cộng hòa muôn năm! Bình đẳng, bác ái! và chết!

Bên kia nghe có tiếng thì thầm rất nhỏ và rất mau tựa hồ

(1) 1793: thời kỳ quyết liệt nhất của Cách mạng dân quyền Pháp.

Xong, anh cất tiếng kêu gọi:

- Các đồng chí! Đây là gương người già nêu cho bọn trẻ chúng ta. Chúng ta đang ngập ngừng thì cụ chạy đến, chúng ta lùi bước thì cụ đã tiến lên. Rõ ràng đó là bài học mà những người run rẩy vì tuổi tác dạy cho những kẻ run rẩy vì sợ sệt! Đối với Tổ quốc, cụ đây là một con người cao cả. Cụ sống lâu dài và chết vinh quang! Bây giờ thì chúng ta hãy khiêng cụ vào nằm trong nhà và mỗi chúng ta phải bảo vệ cụ già đã chết này như bảo vệ bố mẹ sống của chúng ta. Mong rằng sự có mặt của cụ trong bọn chúng ta sẽ làm cho chiến lũy không bao giờ bị rơi vào tay quân địch!

Tiếp theo lời ấy có tiếng rì rào tán thành, vừa đau buồn vừa cương quyết.

Ăngguiônrátx cúi xuống, nâng đầu cụ lên. Đôi mắt long lanh dữ tợn, anh hôn vào trán và cầm tay cụ đặt ra hai bên, nhẹ nhàng, âu yếm như sợ làm cụ đau, rồi cởi chiếc áo của cụ ra, đưa lên cho mọi người trông rõ các vết đạn đẫm máu:

- Từ giờ, đây là lá cờ của chúng ta.

III

GIÁ GAVƠRỐT NHẬN KHẨU CÁC-BIN CỦA ĂNGGIÔNRÁTX THÌ HƠN

Người ta lấy chiếc khăn quàng đen dài của bà Huysơlu đắp lên thi hài cụ Mabớp. Sáu người lấy súng xếp thành một cái cáng, đặt thi hài cụ lên đấy và khiêng vào để trên cái bàn to trong nhà. Cả sáu người đều bỏ mũ, bước đi thong thả, nghiêm trang.

như tiếng một cha cố cầu kinh hấp tấp. Có lẽ là tiếng anh cẩm cảnh sát ở cuối phố kêu gọi giải tán. Giọng người oang oang ban nãy đã hô: Ai! Lại thét lớn:

- Hãy đi đi!

Cụ Mabớp mặt trắng nhợt đờ dẫn, cặp mắt hoảng loạn sáng rực lên. Cụ giơ ngọn cờ lên khỏi đầu và lắp lại:

- Cộng hòa muôn năm!

- Bắn! Giọng người bên kia ra lệnh.

Lần thứ hai một loạt súng nổ ầm ầm vào chiến lũy. Ông già khuỵu xuống, lại cố gượng đứng lên. Lá cờ trong tay rơi ra. Cụ ngã ngửa người ra đằng sau, rơi xuống mặt đường như tấm ván, sóng sượt, hai tay giang thẳng thành hình chữ thập.

Máu chảy lênh láng, gương mặt tái xanh, rầu rầu, vẫn còn như nhìn lên trời cao.

Mọi người xúc động mạnh đến nỗi quên cả đề phòng quân địch, ùa đến bên cạnh xác ông cụ, trong lòng vừa kính vừa sợ.

Ăngginônrátx nói:

- Thật là lạ lùng! Những con người dám bỏ phiếu giết vua.

Cuốcphêrắc ghé vào tai Ăngginônrátx:

- Tớ nói cái này cho cậu nghe riêng thôi nhé. Tớ không muốn làm giảm lòng hăng hái của mọi người. Ông cụ ấy chẳng phải là tay giết vua đâu. Tớ biết rõ. Ông cụ Mabớp đấy. Không hiểu hôm nay ông cụ lòng dạ như thế nào. Chứ ông cụ thật là một con người ngây ngô đáng mến. Dây này, cậu nhìn đầu ông ta.

- Cái đầu ngây ngô nhưng quả tim đầy nghĩa khí. Ăngginônrátx đáp.

Xong, anh cất tiếng kêu gọi:

- Các đồng chí! Đây là gương người già nêu cho bọn trẻ chúng ta. Chúng ta đang ngập ngừng thì cụ chạy đến, chúng ta lùi bước thì cụ đã tiến lên. Rõ ràng đó là bài học mà những người run rẩy vì tuổi tác dạy cho những kẻ run rẩy vì sợ sệt! Đối với Tổ quốc, cụ đây là một con người cao cả. Cụ sống lâu dài và chết vinh quang! Bây giờ thì chúng ta hãy khiêng cụ vào nằm trong nhà và mỗi chúng ta phải bảo vệ cụ già đã chết này như bảo vệ bố mẹ sống của chúng ta. Mong rằng sự có mặt của cụ trong bọn chúng ta sẽ làm cho chiến lũy không bao giờ bị rơi vào tay quân địch!

Tiếp theo lời ấy có tiếng rì rào tán thành, vừa đau buồn vừa cương quyết.

Ăngggiônrátx cúi xuống, nâng đầu cụ lên. Đôi mắt long lanh dữ tợn, anh hôn vào trán và cầm tay cụ đặt ra hai bên, nhẹ nhàng, âu yếm như sợ làm cụ đau, rồi cởi chiếc áo của cụ ra, đưa lên cho mọi người trông rõ các vết đạn đẫm máu:

- Từ giờ, đây là lá cờ của chúng ta.

III

GIÁ GAVƠRỐT NHẬN KHẨU CÁC-BIN CỦA ĂNGGIÔNRÁTX THÌ HƠN

Người ta lấy chiếc khăn quàng đen dài của bà Huysơlu đắp lên thi hài cụ Mabớp. Sáu người lấy súng xếp thành một cái cáng, đặt thi hài cụ lên đấy và khiêng vào để trên cái bàn to trong nhà. Cả sáu người đều bỏ mũ, bước đi thong thả, nghiêm trang.

Mọi người đều để hết tâm trí vào công việc thiêng liêng ấy, quên không nghĩ đến tình hình nguy hiểm lúc bấy giờ.

Lúc thi hài đi qua gần chỗ Giave, - tên này vẻ mặt vẫn phớt tỉnh, Ăngguônrátx nói:

- Chốc nữa sẽ đến lượt mày.

Trong lúc ấy, chỉ một mình chú bé Gavrốt là không rời khỏi vị trí chiến đấu của mình. Chú vẫn để ý quan sát và hình như trông thấy có người đang mon men đến gần chiến lũy. Bất thình chú kêu:

- Coi chừng!

Cuốcphêrắc, Ăngguônrátx, Pruve, Côngbơphe, Giôli, Bahôren, Bôtxuyê, tất cả đều ra khỏi quán rượu. Thiếu chút nữa thì chậm mất! Hàng loạt lưỡi lê sáng loáng, nhấp nhô trên đỉnh chiến lũy. Bọn lính cảnh vệ cao lớn tràn vào, đứa thì phóc qua chiếc xe khách, đứa thì lẻn vào phía khe hở của chiến lũy. Gavrốt bị đẩy lui, cứ thoái dần chứ không bỏ chạy.

Giờ phút vô cùng nghiêm trọng. Chẳng khác gì lúc nước lụt trong dòng sông dâng lên mấp mé bờ đê và bắt đầu rỉ qua lỗ mối. Chỉ một giây nữa thôi là chiến lũy bị hạ.

Bahôren nhảy đến tên lính đầu tiên vừa lọt vào lấy cho hắn một phát các-bin sát rạt làm hắn chết ngay; tên thứ hai phóng lưỡi lê đâm chết Bahôren. Một tên khác quật ngã Cuốcphêrắc, anh kêu: Cứu tôi với! Tên lính cao lớn nhất, to như một hộ pháp, giơ lưỡi lê lên xông thẳng đến Gavrốt. Chú bé hai tay khẳng khiu nắm chắc khẩu súng to tướng của Giave, gan góc nhằm tên bộ pháp mà bóp cò. Không nổ. Súng Giave không nạp đạn. Tên lính bật cười khanh khách giơ cao lưỡi lê chực đâm xuống chú bé.

Lưỡi lê chưa kịp đâm xuống thì cây súng đã rời khỏi tay tên lính, bị một viên đạn bắn trúng vào trán, hắn ngã ngửa ra chết ngay. Một viên khác tin đúng vào giữa ngực tên lính vừa quật ngã Cuốcphêrắc, hắn ngã quay lơ trên mặt đường.

Đấy là Mariuytx, chàng vừa xông vào chiến lũy.

IV

THÙNG THUỐC SÚNG

Nép mình trong góc phố Môngđêtua, Mariuytx đã chứng kiến pha thứ nhất cuộc chiến đấu, trong lòng lưỡng lự và hồi hộp. Tuy vậy, chàng không sao cưỡng nổi sức cuốn hút huyền bí và mãnh liệt mà ta có thể gọi là tiếng gọi của vực sâu. Trước sự khẩn cấp của hiểm họa, trước cái chết bí ẩn của ông cụ Mabớp, trước cảnh Bahôren bị đâm chết, Cuốcphêrắc kêu cứu, chú bé Gavrốt sắp bị chết, trước tình thế cần phải viện trợ hoặc trả thù cho bạn bè, mọi sự ngập ngừng đều tiêu tán đâu mất, chàng xông thẳng vào cuộc hỗn chiến, hai tay cầm hai khẩu súng ngắn. Phát thứ nhất chàng cứu Gavrốt, và phát thứ hai chàng giải thoát Cuốcphêrắc.

Giữa tiếng súng nổ, tiếng kêu của bọn lính bị giết, quân xung kích của chính phủ đã trèo lên các công sự. Phút chốc đã thấy lom khom trên đỉnh chiến lũy vô số lính và lính; cảnh vệ, quân chính quy, quốc dân quân ngoại ô, tên nào tên nấy lăm lăm súng cầm tay. Bọn chúng chiếm lĩnh hơn hai phần ba công sự, nhưng chưa nhảy vào bên trong. Hình như còn do dự, sợ có cạm bẫy gì chăng. Chúng nhìn vào chiến lũy tối om như người ta nhìn vào hang hùm. Ánh đuốc soi rõ vào lưỡi lê, vào mũ lông, vào những bộ mặt lo lắng và tức giận.

Mariuytx chẳng còn vũ khí nào trong tay cả, hai khẩu súng ngắn hết đạn, chàng đã vứt đi rồi. Chàng chợt thấy trong gian phòng thấp, gần bên cửa lớn một thùng thuốc súng.

Chàng vừa quay người nhìn về phía ấy thì một tên lính chĩa súng nhằm bắn chàng. Một bóng người vụt nhảy đến, đưa bàn tay bịt kín họng súng. Đó là anh thợ trẻ bận quần nhung. Súng nổ, viên đạn xuyên qua bàn tay và chừng như xuyên luôn qua cả người anh nên anh nhào xuống. Nhưng Mariuytx thì không việc gì. Tất cả xảy ra trong khói, mờ mờ, Mariuytx đang đi vào phòng thấp chỉ thấy loáng thoáng: hình như có mũi súng chĩa vào chàng rồi có bàn tay bịt miệng súng lại, và nghe có tiếng súng nổ. Nhưng trong những lúc như thế, mọi cái nhìn trước mắt đều chao đảo và dồn dập, trí óc chẳng sao dừng lại lâu ở một vật gì. Người ta có cảm giác bị lôi cuốn ngấm ngầm đến chỗ đen tối hơn, và mọi sự việc đều như mây mù.

Nghĩa quân bị đánh bất thần nhưng không hoảng hốt, nên dần dần đã củng cố được hàng ngũ. Trong phút lộn xộn đầu tiên, sợ anh em có thể nhầm nhau, Ăngguônrátx hô to: Thong thả! Không được bắn nữa! Phần đông họ đã leo lên cửa sổ gác một hoặc trèo lên các bao lơn, chiếm lấy các cao điểm. Mấy người kiên quyết nhất, cùng với Ăngguônrátx, Cuốcphêrắc, Pruve và Côngbơphe đều xếp hàng tựa lưng vào dãy nhà phía sau cùng. Họ không nấp vào một công sự nào cả, ngang nhiên đối diện với bọn quân lính và cảnh sát đứng đầy trên chiến lũy.

Các công việc ấy đều tiến hành thong thả, không hấp tấp trong cái không khí nghiêm trọng lạ thường trước giờ giáp lá cà. Cả hai bên đều chĩa súng nhằm vào nhau, họng súng gần như chạm với đích. Hai bên sát nhau đến nỗi có thể nói chuyện với nhau rõ mồm một. Sắp đến lúc nổ súng, một viên

sĩ quan áo cổ cao, ngù vai rộng, giơ gươm lên nói:

- Hạ khí giới đi!

- Bắn! - Ăngglônrátx đáp lại.

Hai loạt súng nổ một lần, mọi vật đều xóa nhòa trong khói súng.

Trong làn khói khét lẹt, ngạt thở, vẳng lên tiếng rên yếu ớt âm thầm của những kẻ sắp chết hoặc bị thương đang lê mình trên mặt đường.

Khói tan, hàng ngũ mỗi bên đều có thưa đi một ít nhưng vẫn ở nguyên chỗ cũ và đang im lặng lắp đạn vào súng.

Thình lình, có tiếng người thét lên như sấm:

- Cút ngay, không ta cho nổ tung cả cái chiến lũy.

Mọi người quay cả lại phía tiếng thét.

Thì ra trước đây Mariuytx đã vào gian phòng thấp, khuân thùng thuốc súng ra. Thừa lúc khói mù mịt vì màn sương tối đục bao phủ công sự, chàng len lỏi theo dọc chiến lũy chạy đến đống đá chỗ cắm cây đuốc. Nhanh như chớp, chàng nhổ đuốc lên, đặt thùng thuốc súng vào đấy, xô đổ chồng đá dưới thùng thuốc làm thùng thuốc bục vỡ ngay ra. Mọi người, từ cảnh sát, quốc dân quân đến sĩ quan, binh lính, xếp hàng ở đầu kia chiến lũy, đều nhìn chàng sửng sốt: Chân đặt lên đống đá, tay cầm đuốc, nét mặt cương quyết, Mariuytx vừa nghiêng dần ngọn đuốc xuống thùng thuốc nổ vừa thét lên cái tiếng ghê rợn trên kia:

- Cút ngay, không ta cho nổ tung cả cái chiến lũy.

Hình ảnh Mariuytx hiện ra trên chiến lũy tiếp theo ông cụ già tám mươi ban nãy, rõ ràng là hình ảnh của cuộc cách mạng mới hiện ra sau bóng dáng của cuộc cách mạng cũ vậy.

Một viên đội kêu to:

- Nổ chiến lũy thì nổ cả mày!

- Nổ cả tao, Mariiuytx đáp!

Và chàng đưa dần ngọn đuốc tới thùng thuốc.

Nhưng chẳng còn ai trên chiến lũy nữa. Quân lính của chính phủ bỏ mặc những kẻ bị chết và bị thương hàng ngũ rối loạn, mạnh ai nấy chạy, ùa nhau lùi lại đến tận cuối phố, khuất vào trong đêm tối như trước.

Thế là chiến lũy được giải thoát.

V

NHỮNG VẦN THƠ CỦA GIĂNG PRUVE CHẤM DỨT

Mọi người đến vây quanh Mariuytx. Cuốcphêrắc nhảy lên bá cổ chàng.

- Hóa ra cậu!

- May quá!- Côngbơphe nói.

- Cậu đến đúng lúc thật! Bốtxuyê tiếp.

- Không có cậu, tớ đi đời rồi! Cuốcphêrắc lại nói.

- Không anh, chúng đã nuốt mất em rồi! Gavrốt thêm.

Mariuytx hỏi:

- Ai chỉ huy ở đây?

- Cậu đấy, Ảnggiônrátx bảo.

Cả ngày hôm ấy đầu óc Mariuytx đã như một lò lửa bây giờ thì lại là một cơn lốc. Cơn lốc ở trong lòng mà như một cơn lốc ở ngoài trời, nó cuốn cả người chàng đi. Chàng có cảm tưởng như đã cách xa cuộc sống hàng vạn dặm. Hai tháng tình duyên tươi thắm, rực rỡ bỗng nhiên chấm dứt bằng cái vực thẳm ghê rợn này: mất Côdét, cái chiến lũy này, rồi ông

cụ Mabớp hy sinh cho nền cộng hòa, rồi bản thân chàng lại thành người chỉ huy của nghĩa quân, tất cả đối với chàng đều như một giấc mộng dị kỳ. Chàng phải cố sức mới nhớ ra được mọi sự xung quanh chàng là có thật. Chàng chưa sống bao nhiêu nên chưa hiểu được rằng cái dễ xảy ra nhất lại là cái khó xảy ra nhất, và cái điều luôn luôn phải phòng bị chính là cái bất ngờ. Chàng chứng kiến tấn kịch của đời chàng mà chẳng khác gì ngồi xem một vở kịch chàng không hiểu đầu đuôi gì cả.

Trí óc rối mù, chàng không nhận ra Giave. Tên này vẫn bị buộc vào cây cột, và suốt cuộc tấn công, chẳng hề nhúc nhích. Hắn lặng lẽ đưa mắt nhìn bọn người nổi loạn, và nhẫn nhục như một người tử vì đạo, vừa uy nghi như một quan tòa. Mariuytx thật ra cũng không trông thấy hắn.

Trong lúc ấy quân tấn công vẫn im lìm. Nghe rõ chúng đi lại, đông đảo, ở cuối phố, nhưng chúng không dám tiến lên nữa. Có lẽ chúng đang chờ lệnh mới, hoặc đang chờ tiếp viện rồi mới ào lên tấn công đồn lũy khó khăn này một lần nữa. Nghĩa quân đã cắt người canh gác và đôi ba người vốn là sinh viên trường thuốc bắt đầu băng bó số anh em bị thương.

Bàn ghế trong quán, trừ hai cái bàn, một cái để đạn dược, bông băng, và cái bàn trên đó đặt thi thể ông cụ Mabớp, còn thì người ta đều vứt ra ngoài, đem chất thêm vào chiến lũy. Trong gian phòng thấp người ta dùng tạm những tấm đệm trải giường của bà Huysolu và các người đầy tớ gái. Các người bị thương được đặt trên các tấm đệm ấy. Riêng ba nhân vật tội nghiệp sống trong quán Côranh thì không ai biết họ ra sao cả. Cuối cùng mới tìm thấy họ núp dưới hầm nhà.

Đang vui mừng vừa qua khỏi cơn nguy thì một nỗi đau

xốt đến làm cho mọi người rầu rầu.

Điểm danh thì thấy nghĩa quân thiếu mất một người. Ai? Một trong những kẻ thân thiết nhất, anh dũng nhất: Giăng Pruve. Anh ta tìm trong số bị thương không có. Tìm trong số người chết, cũng không. Chắc là chàng bị bắt làm tù binh.

Côngbơphe bảo Ăngglôônrátx:

- Chúng bắt bạn ta, nhưng ta lại giữ tên tay sai của chúng. Cậu thấy có cần phải giết tên chó săn này không?

- Cần chứ, Ăngglôônrátx đáp, nhưng không bằng cứu sống Pruve.

Hai người nói chuyện trong gian buồng thấp, bên cạnh cây cột buộc Giave, Côngbơphe lại nói:

- Thế thì tớ đi cột cái khăn tay vào đầu gậy, sang điều đình với bọn chúng để đổi người.

Ăngglôônrátx đặt bàn tay lên cánh tay Côngbơphe:

- Này, nghe kia.

Cuối phố có tiếng súng lích kích một cách có ý nghĩa. Một giọng cứng cỏi thét lên:

- Cộng hòa Pháp quốc muôn năm! Tương lai muôn năm!

Nghe rõ là tiếng Pruve.

Một ánh chớp vụt lóe lên, tiếp liền là một loạt súng nổ.

Rồi lại im lặng như cũ.

Côngbơphe kêu lên:

- Chúng giết Pruve rồi.

Ăngglôônratx nhìn Giave nói:

- Cánh mày vừa bắn mày đấy!

VI

CÁI CHẾT HẤP HỐI SAU CUỘC SỐNG THOI THÓP

Một đặc điểm kỳ dị của cuộc chiến tranh này là cuộc tấn công hầu như bao giờ cũng trực diện. Nói chung, quân tấn công đều tìm cách đánh bọc, một lẽ vì sợ rơi vào cạm bẫy, lẽ khác vì không dám tiến vào các con đường quanh co ngóc ngách. Mọi người đều chăm chú vào phía chiến lũy chính là nơi rõ ràng bị đe dọa nhất và chắc chắn là sẽ có cuộc đánh nhau trở lại. Nhưng Mariuytx lại nghĩ đến phía chiến lũy nhỏ và đi về phía ấy. Chiến lũy vắng tanh, chỉ có một ngọn đèn dầu chập chờn giữa các đống đá canh giữ ở đó. Tuy nhiên ngõ Môngđêtua và các thành phố lân cận Pơtit Tơruyăngđri và Xinhơ để im phăng phắc.

Kiểm tra xong Mariuytx vừa quay đi thì chàng nghe có ai gọi tên mình từ trong bóng tối:

- Ông Mariuytx!

Chàng rùng mình. Chàng vừa nhận ra tiếng người gọi chàng hai giờ trước đây qua hàng rào phố Pluymê. Duy bây giờ tiếng ấy chỉ còn như một hơi thở.

Chàng nhìn quanh mình và chẳng thấy một ai.

Chàng cho là mình nghe lầm, và đó chỉ là một ảo tưởng mà trí óc chàng thêm vào những sự thật lạ lùng đang va chạm nhau chung quanh chàng. Chàng bước lên một bước tiến ra khỏi chỗ ngách sâu của chiến lũy.

Cái tiếng ấy gọi lần nữa:

- Ông Mariuytx!

Lần này thì không còn nghi ngờ gì nữa, tai chàng đã nghe rõ. Chàng đưa mắt nhìn quanh. Vẫn không thấy gì. Cái tiếng lại nói:

- Nhìn dưới chân ông kia.

Chàng cúi xuống và thấy trong bóng tối một hình người đang cố bò trên mặt đường. Chính hình người ấy đã gọi chàng.

Nhờ ánh đèn, chàng thấy được cái áo bờ-lu, cái quần nhung thô đã rách, hai chân không giày dép gì và cái gì như một vũng máu. Mariuytx thấy lờ mờ một gương mặt tái nhợt đang cố ngước lên nhìn và nói với chàng:

- Ông không nhận ra em à!

- Không!

- Êpônin đây.

Mariuytx vội vàng quỳ xuống. Đúng là cô bé đáng thương ấy. Cô đã cải trang thành đàn ông.

- Làm sao cô lại ở đây? Cô làm gì ở đây?

- Em chờ chết, nàng đáp.

Có những tiếng cũng như những sự việc xảy đến thình lình làm cho kẻ đang mệt lử cũng phải tỉnh người. Mariuytx giật mình kêu lên:

- Cô bị thương! Thong thả để tôi mang cô vào trong nhà. Anh em họ băng bó cho. Có nặng không? Phải xốc thế nào để cho cô khỏi đau đây? Cô đau chỗ nào? Ai cứu người ta với! Trời ơi! Chứ cô đến đây làm gì?

Và chàng thử luồn cánh tay xuống dưới lưng để đỡ nàng lên. Khi đỡ lên chàng chạm phải cánh tay nàng. Nàng kêu lên một tiếng khe khẽ.

- Tôi làm cô đau phải không?

- Tí thôi.

- Tôi chỉ đụng khẽ vào bàn tay cô kia mà.

Nàng giơ bàn tay ra trước mắt Mariuytx, chàng nhìn thấy ở giữa lòng bàn tay có một lỗ đen ngòm. Chàng hỏi:

- Tay cô sao thế?

- Thủng.

- Thủng!

- Phải.

- Vì gì?

- Vì đạn bắn.

- Thế nào?

- Ông có thấy một khẩu súng nhằm bắn ông không?

- Có, và một bàn tay bịt lấy miệng súng.

- Bàn tay em đấy.

Mariuytx rùng mình.

- Sao lại điên thế! Tội chưa! Nhưng cũng may đấy, nếu chỉ thế thì cũng không sao. Để tôi cõng cô vào trong giường. Anh em băng cho, thủng bàn tay thì chả chết chóc gì đâu.

Nàng thì thào:

- Viên đạn xuyên bàn tay, nhưng nó lại ra ở đằng lưng. Không phải đem em đi chỗ khác làm gì vô ích ông ạ. Em sẽ chỉ cho ông cách có thể băng bó vết thương cho em, hay hơn một nhà giải phẫu. Ông hãy ngồi xuống hòn đá bên em đây.

Chàng chiều ý ngồi xuống. Nàng kê đầu lên đầu gối Mariuytx và mắt không nhìn chàng, cứ nói:

- Chao ôi! Dễ chịu quá đi mất! Sung sướng quá! Đấy, em hết cả đau rồi.

Nàng lặng im một lát, rồi cố quay đầu nhìn Mariuytx.

- Ông có biết không, ông Mariuytx ? Ông vào cái vườn ấy làm em khó chịu lắm, mà rõ ngốc, tại em chỉ nhà cho ông kia mà, với lại em cũng phải tự bảo em là một thanh niên như ông thì...

Nhiều ý nghĩ buồn rầu diễn qua trong trí. Nàng phải vượt qua các ý nghĩ chuyển tiếp đó, mỉm cười chua xót nói tiếp:

- Ông thấy em xấu xí, phải không?

Nàng lại nói tiếp:

- Ông thấy không, các ông hết đường rồi! Bây giờ thì chả một ai thoát khỏi chiến lũy này. Chính em đã đưa ông đến đây, đấy nhé! Rồi đây ông sẽ chết. Em cũng mong như vậy lắm. Thế mà khi thấy có người chĩa súng bắn ông, em đã đặt bàn tay em lên miệng súng. Vô lý quá! Nhưng vì là em muốn chết trước ông. Khi em bị trúng đạn, em đã lê đến đây, chẳng ai thấy em, chẳng ai nhặt em cả. Em chờ ông. Em nghĩ bụng: ông ấy sẽ không đến ư? Chao ôi! Ông có biết đâu, em cắn nát cái áo bờ-lu, em đau đớn biết chừng nào! Bây giờ thì em thấy dễ chịu rồi. Ông còn nhớ cái hôm em bước vào phòng ông, em soi mặt vào tấm gương của ông và cái hôm em gặp ông ngoài đại lộ bên cạnh những người làm công nhật không? Hôm ấy sao mà chim nó ca hát nhiều thế! Cách đây không bao lâu nhỉ? Ông cho em một trăm xu và em bảo ông: Em không lấy tiền của ông đâu. Ông có nhặt lại đồng vàng ấy chứ? Ông chả giàu có gì đâu. Em lại quên không bảo ông nhặt lấy, bữa ấy trời nắng, thấy chẳng lạnh chút nào. Ông có nhớ không, ông Mariuytx? Chao ôi! Em sung sướng quá! Mọi người sắp chết cả rồi.

Vẻ mặt nàng như điên dại, trầm lặng và não nùng. Cái áo bờ-lu bị rách để hở cả ngực trần. Vừa nói nàng vừa lấy bàn tay thủng ấp lên lồng ngựa, ở đấy có một lỗ thủng khác, thỉnh thoảng máu lại trào ra như thùng rượu đã mở vòi.

Mariuytx nhìn kỹ cô bé đau khổ, trong lòng thương xót vô hạn. Bỗng nhiên nàng kêu:

- Ối! Nó lại ra. Ngạt thở quá! Nàng cầm cái áo bờ-lu lên, cắn chặt lấy, hai chân cứng đờ trên mặt đường.

Vừa lúc ấy tiếng hát trong trẻo của Gavrốt lại vang lên

trong chiến lũy. Cậu bé đứng lên bàn để lắp đạn vào súng và véo von hát bài nhân dân ưa thích lúc bấy giờ:

Thấy bóng Lêfêyet

Chú sen đầm la chí chết:

Chạy đi! Chạy đi! Chạy đi thôi!

Êpônin nhổm dậy, lắng nghe rồi lẩm bẩm:

- Đúng nó.

Nàng quay sang Mariuytx:

- Thằng em tôi đấy. Dừng để cho nó trông thấy tôi. Nó mắng chết.

- Em cô? Ai là em cô? Mariuytx vừa hỏi vừa nghĩ đến nhiệm vụ đối với gia đình Tênácdiê mà bố mình giới lại, thấy trong lòng đau đớn và chua xót.

- Thằng bé.

- Chú bé đang hát đấy?

- Phải.

Mariuytx định đi, Êpônin ngăn lại:

- Ồ! Khoan đã, bây giờ thì không còn lâu đâu!

Nàng gần như nhổm dậy hẳn. Tiếng nàng đã rất yếu và xen lẫn những tiếng nấc. Chốc chốc hơi thở kéo khò khè làm nàng phải ngừng nói. Nàng cố hết sức ghé mặt nàng sát mặt Mariuytx và nói bằng giọng khác thường:

- Này, em không trêu ông đâu nhé. Có cái thư cho ông em còn bọc trong túi đây. Đưa từ hôm qua. Người ta bảo em bỏ bưu điện, nhưng em giữ lại. Em không muốn nó đến tay ông. Nhưng e rằng chốc nữa gặp nhau trở lại, ông lại giận em cũng nên. Vì nhất định chúng ta sẽ gặp nhau lại phải không? Thôi, ông cầm lấy bức thư đi.

Bàn tay bị thủng của nàng run giật đưa lên cầm tay

Mariuytx, nhưng hình như nàng không còn thấy đau nữa. Nàng đặt bàn tay Mariuytx lên túi áo bờ- lu của mình. Có cái gì bằng giấy thật. Nàng bảo:

- Lấy đi!

Mariuytx cầm bức thư.

Nàng gật đầu ra vẻ bằng lòng.

- Bây giờ để đến vào chỗ công khó của em, ông hứa với em đi...

Nàng ngừng lại. Mariuytx hỏi:

- Hứa cái gì?

- Ông hứa đi!

- Xin hứa.

- Ông hứa sẽ hôn em một cái ở trán sau khi em nhắm mắt. Em sẽ nhận thấy.

Nàng ngả đầu lên gối Mariuytx, hai mắt nhắm lại. Chàng tưởng thế là hết, cái linh hồn tội nghiệp ấy đã bay đi. Bỗng nàng từ từ mở mắt, cặp mắt đã đờ đẫn cái màu sẫm của tử thần. Nàng nhìn Mariuytx. Giọng nàng nghe êm dịu như từ thế giới nào đưa lại:

- Với lại, ông Mariuytx này, hình như em cũng có đem lòng yêu ông.

Nàng cố nở một nụ cười rồi tắt thở.

VII

GAVRỐT ƯỚC LƯỢNG XA GẦN RẤT THẠO

Mariuytx giữ lời hứa. Chàng cúi xuống hôn vào cái trán nhợt nhạt lấm tấm mồ hôi lạnh ngắt. Không phải chàng phụ bạc với Côdét, đó chẳng qua là vĩnh biệt một linh hồn khốn

khổ một cách êm dịu và trầm tư thôi.

Chàng cầm bức thư Êpônin đưa mà không khỏi rùng mình. Chàng cảm thấy ngay chắc có chuyện quan trọng xảy ra. Chàng nóng lòng muốn đọc tức thì. Lòng người là thế đấy, cô bé bất hạnh vừa nhắm mắt thì Mariuytx nghĩ ngay đến việc giở bức thư ra. Chàng khe khẽ đặt nàng xuống rồi đứng dậy bước đi: có cái gì đó bảo chàng không nên đọc trước thi hài cô ấy.

Chàng trở vào trong gian phòng thấp, đến gần cây nến. Bức thư là một mảnh giấy nhỏ gấp lại, niêm phong cẩn thận và khéo léo bởi bàn tay phụ nữ. Ngoài bì là một nét chữ đàn bà:

- Gửi ông Mariuytx Pôngmécxi, ở nhà ông Cuốcphêrắc số 16, phố Verơri.

Chàng bóc phong bì, đọc:

"Anh yêu mến của em! Hỡi ôi! Bố bảo phải đi ngay anh ạ. Tối nay bố con em sẽ ở số 7 phố Lomácmê. Tám hôm nữa thì ở đất Anh rồi. Côđét. Ngày 4 tháng Sáu".

Tình yêu của họ ngây thơ đến nỗi Mariuytx không biết mặt chữ của người yêu.

Sự việc đã xảy ra như thế nào, ở đây có thể tóm tắt trong vài câu. Tất cả đều là do tay Êpônin. Số là sau buổi tối ngày 3 tháng Sáu, nàng bỗng nghĩ ra hai điều: một là làm cho bố nàng và bọn cướp thất bại trong âm mưu đến cướp một ngôi nhà phố Pơluymê, hai là làm cho cặp Mariuytx và Côđét phải rời xa nhau. Thế là gặp một tướng thanh niên tinh nghịch, nàng gọi đổi cho hắn: nàng cải trang làm đàn ông còn hắn thì cũng thích đánh một bộ cánh đàn bà cho vui. Chính nàng đã đến gặp Giăng Vangiăng ở thao trường Săngđơ Mácxơ và báo cho ông cái lệnh quyết liệt: *Dọn nhà đi*. Quả nhiên, trở về nhà, Giăng Vangiăng bảo Côđét: *Tối nay chúng ta đi sang*

phố Lomácmê cùng với bà Tútxanh. Tuần sau chúng ta sẽ ở Luân-đôn. Côdét nghe như sét đánh bên tai, sửng cả người. Nàng vội vàng viết mấy chữ cho Mariuytx. Nhưng làm thế nào đem ra bưu điện được? Nàng không bao giờ ra ngoài một mình, còn mụ Tútxanh thì giao cho mụ, mụ sẽ ngạc nhiên cho là việc lạ và nhất định đem đưa thưa cho ông Phôsơlơvăng xem. Trong lúc đang băn khoăn không biết tính thế nào thì nàng thấy Êpônin ăn mặc giả trai tới lui thập thò phía ngoài rào. Nàng gọi "anh thợ trẻ" ấy, đưa cho anh năm phơrăng và phong thư, nhờ đem đến địa chỉ đề trên phong bì. Êpônin cất phong bì vào túi. Hôm sau, ngày 5 tháng Sáu, Êpônin đến nhà Cuốcphêrắc hỏi Mariuytx, không phải để trao thư mà, điều này thì các trái tim đang yêu và đang ghen tất biết rõ, để "xem thử". Nàng đã đợi để giáp mặt Mariuytx, hay ít ra cũng là Cuốcphêrắc, vấn đề là để "xem thử" thôi. Khi Cuốcphêrắc bảo nàng: Chúng tôi ra chiến lũy đây, thì trong trí nàng lại vụt thoáng qua một ý nghĩ. Chết ở nơi nào cũng được thì chuyện gì không dấn thân đến chết ở đấy và bắt Mariuytx cùng chết theo. Nàng đã theo gót Cuốcphêrắc, và nắm chắc được chỗ người ta đang dựng chiến lũy. Nàng cũng biết Mariuytx chập tối sẽ trở lại nơi hò hẹn. Bức thư Côdét nàng vẫn giữ thì chàng có được tin tức gì đâu mà không đến? Vì thế nàng đã đến phố Poluymê, chờ chàng ở đó, và bảo cho chàng biết bạn bè của chàng đang kêu gọi chàng. Nàng tin là như thế chắc chắn chàng sẽ đến chiến lũy. Nàng tính toán trên sự thất vọng của Mariuytx khi không tìm thấy Côdét nữa. Và nàng tính quả không sai. Phần nàng, nàng đã trở về phố Săngvrơri. Và chúng ta đã thấy nàng làm những gì rồi. Bây giờ thì nàng đã chết với một niềm vui trong lòng: niềm vui bi đát của con người ghen tuông lôi kéo cả người mình yêu vào cõi chết, cương quyết không để lọt vào tay ai cả.

Mariuytx hôn lấy hôn để bức thư của Côdét. Côdét yêu chàng kia mà! Có một lúc chàng nghĩ chàng không nên chết nữa. Nhưng rồi chàng lại bảo mình: "Nàng đi rồi. Bố nàng lôi nàng sang tận bên Anh, còn ông ngoại ta thì ông có chịu cho ta cưới vợ đâu". Mọi sự đã an bài sẵn, không thay đổi được. Nhưng đầu óc mơ mộng như Mariuytx thì khi trải qua những cơn đau xé tận cùng liền có những quyết định tuyệt vọng. Sống chán chường mới khó lòng chịu nổi, chứ chết đi thì vụt một cái là xong ngay thôi, khó gì.

Bấy giờ chàng mới nghĩ ra chàng có hai nhiệm vụ phải làm tròn: một là báo cho Côdét biết tin chàng chết và gửi nàng lời chào vĩnh quyết, hai là cứu chú bé, em của Êpônin và con của Tênácđiê khỏi cái tai vạ tày đình sắp đến ở bên lưng.

Chàng có mang theo trong người một cái ví da, chính cái ví đựng cuốn sổ trong đó chàng đã ghi bao nhiêu lời tình tứ cho Côdét. Chàng xé một tờ giấy và nguệch ngoạc mấy dòng bằng bút chì:

"Chúng ta không thể lấy nhau được. Anh đã xin phép ông ngoại, nhưng ông không đồng ý. Anh nghèo, và em cũng vậy. Anh có chạy lại đằng sau em, nhưng chẳng thấy em đâu cả. Em nhớ anh đã hứa với em điều gì chứ? Anh vẫn giữ lời hứa. Anh chết đây. Anh yêu em. Khi em đọc các dòng này thì hồn thiêng anh sẽ về với em và sẽ mỉm cười với em".

Chẳng có gì để niêm phong bức thư, chàng đành gấp tư tờ giấy lại và đề lên trên địa chỉ này:

Gửi cô Côdét Phôsơlơvăng, ở nhà ông Phôsơlơvăng, số 7 phố Lamácmê.

Gấp xong bức thư, chàng trầm ngâm một lát, rồi mở ví ra, lật trang đầu, cầm bút chì viết bốn dòng sau đây: "Tôi là

Mariuytx Pôngmécxi. Mang xác tôi lại nhà ông tôi, số 6 phố Canve".

Chàng bỏ ví vào túi áo, rồi gọi Gavrốt. Nghe Mariuytx gọi, chú bé liền chạy đến, vẻ mặt hớn hở và sốt sắng.

- Em có muốn làm giúp anh một việc không?

Gavrốt nhanh nhẩu:

- Làm tất. Trời cao đất dày ơi! Không anh, thì chúng xơi tái em rồi còn gì!

- Em có thấy cái thư này không?

- Có.

- Em cầm bức thư nãy, lập tức ra khỏi chiến lũy (Gavrốt lo lắng, bắt đầu gãi tai), và sáng mai thì đem đến tận nơi cho cô Côdét ở nhà ông Phôsơlơvăng, số 7 phố Lơmácmê.

Cậu bé anh hùng đáp:

- Được, nhưng mà, trong lúc ấy chúng đánh chiếm chiến lũy thì em lại vắng mặt mất.

- Tình hình này chắc là sáng sớm chiến lũy mới bị tấn công và có bị mất thì sớm nhất cũng đến trưa mai.

Thời gian chiến lũy được để yên quả nhiên kéo dài. Trong chiến tranh, ban đêm thường có những lúc ngắt quãng như thế, nhưng liền theo đó lại là những cuộc chiến đấu ác liệt gấp bội.

- Này anh, Gavrốt hỏi, sáng mai em sẽ mang cho anh có được không?

- Chậm mất em ạ. Chiến lũy chắc chắn sẽ bị bao vây. Chúng sẽ canh gác tất cả các ngõ, em không ra được đâu. Em đi ngay bây giờ đi.

Gavrốt không biết cãi lại bằng cách nào, vẫn lưỡng lự đứng đấy, tay cứ gãi tai, dáng người buồn buồn. Bỗng nhiên, lanh như cắt, hắn giật lấy bức thư:

- Thôi được.

Rồi hắn vụt chạy qua ngõ Môngđêtua.

Gavrốt vừa thoáng tìm ra một sáng kiến làm hắn quả quyết, nhưng hắn không dám nói ra sợ Mariuytx ngăn trở. Hắn nghĩ thế này:

- Bây giờ mới vừa mười hai giờ, phố Lomachê không xa lắm, ta đi đưa thư ngay thì trở về cũng kịp.

QUYỂN XV

PHỐ LOMÁCMÊ

I

GIẤY THẤM MÁCH THẦM

Con người là một cái vực còn sâu hơn cái vực nhân dân nhiều, nên bên cạnh một tâm hồn đang khởi loạn thì một thành phố đang vật vã, quằn quại có nghĩa lý gì? Tâm hồn Giăng Vangiăng hôm ấy, cũng có một cuộc vùng lên rất đáng sợ. Mọi thứ vực sâu hố thẳm đều như mở rộng toang hoác trong lòng ông. Cũng như ở Pari, ông run sợ trong cuộc cách mạng ngấm ngầm và dữ dội. Chỉ có mấy giờ đồng hồ mà cơ sự đã như thế này. Vận mệnh và lương tâm ông bỗng dưng phủ đầy bóng tối. Người ta có thể nói về ông cũng như nói về Pari: trong lòng hiện đang có hai lực lượng đối địch nhau. Ma quỷ và thần thánh sắp tóm lấy nhau mà vật trên cái cầu bắc qua vực thẳm. Bên nào sẽ ấy bên nào xuống đây? Bên nào sẽ thắng?

Cũng trước cái ngày 5 tháng Sáu đó, Giăng Vangiăng đưa Côdét và bà Tútxanh sang ở phố Lomácmê. Ở đấy một sự kiện đang chờ đợi ông.

Côdét không phải không có ý cưỡng lại việc rời bỏ ngôi nhà phố Pơluymê. Từ ngày bố con ở chung với nhau, đó là

lần đầu tiên hai bố con có ý kiến riêng biệt, không đến nỗi xung đột nhau nhưng rõ ràng là trái ngược nhau. Con có phản đối nhưng bố thì cương quyết. Lời khuyên của người lạ mặt: *dọn nhà đi* đến với ông một cách đột ngột làm ông hoảng hốt đến trở thành độc đoán. Ông tưởng như tung tích đã bị lộ và ông đang bị săn đuổi vậy. Cho nên Côdét đành phải nhượng bộ.

Từ phố Poluymê đến phố Lomácmê, cả hai đều bận theo đuổi theo ý nghĩ riêng của mình, chẳng ai hở môi nói với ai nửa lời. Ông thì trong lòng lo âu đến nỗi không thấy Côdét đang rầu rầu, còn Côdét thì rầu rầu đến nỗi không thấy ông đang lo âu.

Khác với những lần vắng nhà trước, lần này ông cơ đem bà Tútxanh theo. Ông thấy trước là không còn trở lại phố Poluymê nữa, cho nên ông không thể nào bỏ bà ấy ở lại một mình, càng không thể nói cho bà ấy việc riêng của ông được. Vả ông thấy bà là một người trung thành, có thể tin cậy được, kẻ ăn người ở trong nhà mà phản chủ thường bắt đầu bằng tính tò mò. Bà Tútxanh thì dường như là trời đã định sẵn để làm người ở cho Giăng Vangiăng, bà ấy không bao giờ tò mò. Bà có tật nói lắp, nói bằng cái giọng người đàn bà nhà quê xứ Bácnơvin: tôi là vậy là vậy; tôi làm cái tôi làm, cái còn lại không phải cái tôi làm (tôi là như vậy, tôi làm công việc của tôi, ngoài ra, tôi không cần biết).

Lần này rời phố Poluymê ra đi vội vã gần như đi trốn, Giăng Vangiăng chỉ đem theo cơ mỗi cái va ly ướp hương mà Côdét gọi là *người bạn không rời*. Mang theo hòm xiểng nặng thì cơ phu khuân vác, mà cơ phu vác là cơ người hay biết chuyện mình. Cho nên ông chỉ gọi một chiếc xe ngựa đến cổng phía phố Babilôn và ra đi ngay.

Bà Tútxanh vất vả lắm mới được phép gói ghém một ít quần áo và ít vật dụng trang điểm. Phần Côdét, nàng chỉ mang theo cỏ giấy má và xấp giấy thấm.

Để lúc ra đi được vắng vẻ và thầm lặng, Giăng Vangiăng đã xếp đặt sao cho bước ra khỏi nhà đúng vào lúc hoàng hôn. Nhờ thế mà Côdét có thì giờ viết thư cho Mariuytx. Lúc dọn đến phố thì trời đã tối mịt.

Cả nhà đều lặng lẽ đi nghỉ.

Nhà mới ở phố Lomácmê qua một sân trong mới đến, thuộc tầng gác thứ hai. Nhà có hai phòng ngủ, một phòng ăn và một nhà bếp thông với nhau, ở đó có một cái gác nhỏ đặt chiếc giường thô. Chiếc giường này là phần của bà Tútxanh. Phòng ăn đồng thời cũng là phòng đợi và nằm vào giữa hai phòng ngủ. Trong nhà có đồ dùng đầy đủ.

Bản chất con người cũng lạ! An tâm cũng dễ như hoang mang, chẳng vì duyên cớ gì xác đáng cả. Vừa dọn được đến phố Lomácmê, Giăng Vangiăng đã thấy bớt bàn khoăn và dần dần trở lại bình tĩnh. Những nơi yên tĩnh dường như có một tác dụng hoàn toàn máy móc đến trí não thật. Giăng Vangiăng quả nhiên thấy mình lây cái yên tĩnh của phố này. Phố tối, người lạnh. Đường hẹp đến nỗi phải gác ngang cây gỗ trên hai đầu trụ để cấm xe cộ qua lại. Cả phố như câm như điếc giữa cảnh thị thành huyên náo. Lại ban ngày mà mờ mờ như hoàng hôn và hầu như không cái gì làm xúc động được nữa với hai dãy nhà hai bên cũ kỹ lặng thinh như những ông cụ già.

Ở đấy tưởng chừng như có sự nguôi quên đang ngừng đọng lại. Và Giăng Vangiăng thấy sống được. Ai còn có cách tìm ra ông ở đây chứ?

Việc trước tiên là ông đem *người bạn không rời* đặt cẩn thận bên mình.

Hôm ấy ông ngủ một giấc ngon. Giấc ngủ khuyên nhủ, có thể thêm, giấc ngủ làm yên lòng. Sáng hôm sau, thức dậy, ông thấy người vui vẻ. Phòng ăn xấu xí có một cái bàn tròn đã cũ, một cái tủ thấp trên đặt một chiếc chiếc gương soi, một chiếc ghế bành mọt và mấy chiếc ghế tựa bày ngổn ngang các gói đồ đạc của bà Tútxanh. Trong một gói ấy, qua chỗ hở thấy lòi ra bộ quân phục quốc dân quân của Giăng Vangiăng. Gian phòng xấu xí thế mà ông lại nhìn thấy đẹp.

Phần Côdét nàng ở lì trong phòng riêng, bảo bà Tútxanh mang cháo vào tận đấy, còn nàng thì mãi đến tối mới ló mặt ra.

Vào khoảng năm giờ, bà Tútxanh đang còn lăng xăng, rối rít về việc dọn nhà, đem đặt lên bàn ăn một con gà luộc sẵn. Côdét giữ lễ với bố, đành ngồi lại, nhìn nhưng không ăn.

Nàng lấy cớ đau đầu mãi không hết, chào bố rồi về phòng riêng. Giăng Vangiăng xé một cánh gà ăn ngon lành, rồi tỳ tay lên bàn, thấy trí óc dần dần trở lại quang đãng và có cảm giác chắc chắn là mình đang sống an toàn không còn gì đáng sợ nữa.

Hai ba lần trong bữa ăn thanh đạm ấy, ông có thoáng nghe bà Tútxanh là kà lập cập mách với ông:

- "Thưa ông, ở ngoài ồn ào chộn rộn lắm, đánh nhau ở Pari ông ạ". Nhưng trí óc đang tính toán, suy nghĩ miên man, ông không hề để ý tới lời nói ấy. Nói cho đúng thì ông chẳng nghe thấy bà ấy nói gì cả.

Trong lòng mỗi chốc mỗi thêm bình thản, ông đứng dậy đi lại, đi từ cửa sổ tới cửa lớn rồi từ cửa lớn quay lại cửa sổ.

Trí óc trở lại bình tĩnh ông lại nghĩ đến Côdét, mối lo lắng duy nhất của ông. Không phải ông lo lắng cho bệnh đau đầu của nàng đâu. Bệnh hoạn gì, đó chẳng qua là chuyện thần kinh rối loạn chốc lát, chuyện đàn bà con gái làm nũng, cái thứ đám mây thoáng qua vòm trời ấy mà, ngày một ngày hai là biến hết thôi. Điều ông lo lắng là tương lai, và như thường lệ, khi nghĩ đến tương lai, lòng ông lại tràn đầy âu yếm. Nói cho cùng thì ông không thấy có gì ngăn trở cuộc đời hạnh phúc của ông trôi chảy bình thường như trước. Nhưng có lúc ông thấy mọi sự đều dễ dàng. Như lúc này chẳng hạn. Những phút lạc quan như thế thường đến sau những phút bi quan, cũng như hết ngày lại tiếp đến đêm. Đó là luật tiếp nối và đối lập của bản chất tạo hóa mà những bộ óc hời hợt thường gọi là hiện tượng tương phản. Đến ẩn náu ở cái phố bình yên này, Giăng Vangiăng như trút được mọi thứ làm cho ông mất bình tĩnh ít lâu nay. Ông đã từng trông thấy nhiều bóng tối quá, chính vì thế mà đến đây ông lại bắt đầu nhìn được một ít trời xanh. Rời khỏi phố Polugmê mà không có gì lôi thôi, không việc gì xảy ra, như thế là được một bước tốt. Nhưng giá đi luôn ra nước ngoài, dù chỉ một vài tháng, và đi sang Luân Đôn thì có thận trọng hơn không? Thôi được, đi vậy. Ở Pháp hay ở Anh điều ấy có hề gì, miễn là có Côdét bên cạnh. Côdét là quốc gia của ông. Có Côdét là đủ làm cho ông sống hạnh phúc, còn phần ông có đủ làm cho Côdét được hạnh phúc hay không, ý nghĩ ấy ngày xưa thường làm cho ông nôn nao, thao thức, thì hôm nay lại không hề hiện đến trong trí ông. Bao nhiêu đau thương xưa cũ đều như tiêu tan nhanh chóng và con người ông hôm nay thật là lạc quan. Có Côdét ở một bên, ông có cảm tưởng như nàng là của ông, như thế âu cũng là một ảo tưởng thường xảy ra trong thiên hạ. Cho nên, ông chẳng thấy chút khó khăn nào khi nhẩm tính trong

trì việc dẫn Côdét sang Anh. Hơn nữa, ông lại mơ màng hạnh phúc của mình như đang được xây dựng lại, bất kỳ ở đâu.

Ông đang thong thả bước một đi lại trong phòng, bỗng nhìn thấy một vật kỳ lạ.

Trong cái gương treo nghiêng trên đầu tủ phía trước mặt, ông nhìn thấy rõ bốn dòng chữ:

"Anh yêu mến của em! Hỡi ôi! Bố bảo phải đi ngay anh ạ. Tối nay bố em sẽ ở số 7 phố Lomácmê. Tám hôm nữa thì ở đất Anh rồi.- Côdét. Ngày 4 tháng Sáu".

Giăng Vangiăng dừng lại, sửng sốt.

Hôm dọn đến nhà mới, Côdét để xấp giấy thấm trên đầu tủ trước cái gương. Gan ruột đang như bào như xé. Nàng bỏ quên luôn đấy, có chú ý gì đến xấp giấy thấm bị mở toang ra đâu! Xấp giấy lại mở đúng trang nàng đã dùng để thấm khô mấy dòng chữ nàng viết hôm trước và đã nhờ anh thợ trẻ đi qua phố Poluymê đưa đi. Các dòng chữ ấy đã in rõ vào trang giấy thấm.

Và tấm gương soi phản chiếu lại rõ ràng.

Hiện tượng mà hình học gọi là đối xứng đã diễn ra. Chữ in trên giấy thấm thì trái, nhưng chữ phản chiếu vào gương thì trở lại bình thường, tự nhiên như khi ta viết. Vì thế trước mắt Giăng Vangiăng mới hiện rành rành bức thư Côdét viết cho Mariuytx hôm vừa rồi.

Thật là giản đơn nhưng chẳng khác gì cơ sét đánh.

Giăng Vangiăng bước đến trước gương. Ông đọc lại bốn dòng chữ nhưng vẫn không tin. Có thể là những dòng chữ... thoáng hiện trong một ánh chớp. Ảo giác thôi. Chứ không thể nào như thế được. Nhất định không có như thế đâu.

Dần dần mắt ông nhìn rõ hơn. Tấm giấy thấm của Côdét làm cho ông trở lại với thực tế. Ông cầm xấp giấy lên và nói: Nó ở đây đây. Ông hồi hộp nhìn vào mấy dòng chữ còn in dấu trên tờ giấy thấm. Nét chữ lộn ngược làm thành mấy dòng ngòng ngoèo chẳng ra nghĩa lý gì cả. Ông nghĩ bụng: Có nghĩa lý quái gì cái này, có chữ nghĩa gì viết lên đây đâu. Và ông thở phào khoan khoái. Ai mà không có những cái vui vô ý thức như thế trong những giờ phút ghê rợn? Thật là tâm hồn con người ta không bao giờ chịu đầu hàng sự thất vọng mà không tìm cách sử dụng hết mọi thứ ảo tưởng.

Ông cầm xấp giấy thấm trên tay, ngắm nghía, sung sướng một cách ngây ngô, gần như muốn phá lên cười. Ông cho mình đã bị lừa vì cái ảo giác ban nãy. Bỗng mắt ông quay vào tấm gương và nhìn thấy lại hình ảnh vừa rồi. Bốn dòng chữ vẫn rành rành ở đấy, rõ từng nét một. Lần này thì không còn là nhầm được nữa. Một hình ảnh mà mắt trông thấy đến lần thứ hai thì chỉ có thể là hình ảnh thực. Thôi, sờ sờ ra rồi, đó là các dòng chữ trên giấy thấm phản chiếu vào trong gương. Giăng Vangiăng chợt hiểu.

Ông lảo đảo buông rơi xấp giấy thấm, quỵ xuống chiếc ghế bành bên cạnh tủ, đầu gục xuống rũ rượi, mắt đục lờ, ngơ ngác. Ông tự bảo: Thôi, sự đã quả nhiên rồi, ánh sáng trên đời đã tắt vĩnh viễn. Côdét nó đã viết thư cho thằng nào đây này. Tâm hồn bỗng dưng trở lại dữ tợn và ông nghe nó âm vang trong bóng tối. Sư tử đấy, chớ có đến mà cướp mồi của nó ở trong chuồng!

Điều kỳ dị và đáng buồn là trong lúc ấy, Mariuytx chưa tiếp được thư của Côdét. Cái tình cờ phản phúc đã mang bức thư đến cho Giăng Vangiăng trước khi nó đến tay Mariuytx.

Từ trước đến giờ, chưa có thử thách nào, làm cho Giăng Vangiăng khuất phục. Ông đã nếm đủ mọi mùi cay đắng, ông đã chịu đựng đủ mọi nỗi gian nan. Cái số kiếp tàn bạo với mọi thứ hình phạt, mọi thứ lầm lẫn của xã hội, cứ nhè ông mà làm tình làm tội. Mặc dù thế, ông không hề lùi bước, không hề nản lòng. Khi cần ông xin rước lấy tất cả các thứ đắng cay. Ông đã mất cả, đã chịu đựng mọi sự khổ đau ở đời, nhưng ông vẫn thản nhiên và cứng cỏi đến nỗi có lúc người ta tưởng ông quên cả hình hài như một người tử vì đạo. Lương tâm ông dạn dày vói bao cơn phong trần lao khổ, hầu thành một pháo đài kiên cố không ai chiếm đoạt nổi. Thế mà, ai chứng kiến được tâm trạng ông lúc này nhất định phải xác nhận rằng cái pháo đài ấy đang núng thế.

Bởi vì hết thảy mọi cực hình ông đã trải qua suốt cuộc khảo tra dằng dặc của số mệnh, lần này là đáng sợ nhất. Chưa bao giờ ông thấy bị kìm kẹp như thế này. Tất cả các khả năng cảm xúc tiềm tàng đều như bị lay động một cách thầm lặng. Cả những thớ thịt sâu kín nhất, không hề biết đến nữa, cũng thấy như bị mũi kìm kẹp lại. Ôi thôi thôi, cuộc thử thách găng nhất, nói cho đúng, cuộc thử thách duy nhất đối với ông là việc mất người yêu.

Ông già Giăng Vangiăng yêu mến Côdét cố nhiên là không ngoài tình cha con. Nhưng, như chúng ta đã lưu ý mọi người trên kia, cuộc đời cô đơn của ông đã đem vào thứ tình yêu cha con ấy đủ thứ tình yêu khác. Ông yêu Côdét như con, ông yêu nàng như mẹ, và ông yêu nàng như em gái. Và vì cả đời ông chưa hề biết nhân tình biết vợ là gì, vì tạo vật là một chủ nợ không chịu cho ai vỡ nợ bao giờ, cho nên cả thứ tình cảm ấy, thứ tình cảm mà không ai là không có ấy, nó cũng xen lẫn vào các loại tình cảm khác ở trong người ông, mặc

dù nó cứ mơ hồ, thầm lặng, trong trắng, mặc dù nó cứ có vẻ cao siêu, tinh khiết, thần thánh. Nó như một bản năng hơn là một tình cảm, một hấp lực hơn là một bản năng, nó vô hình vô ảnh, không trông thấy mà cũng không nhận thấy được, nhưng nó quả có thật. Nó là thứ tình chân chính, ẩn vào trong mối tình thương không bờ bến của ông đối với Côdét, chẳng khác gì cái mạch vàng ẩn trong quả núi, u ẩn và nguyên vẹn.

Bạn đọc hãy nhớ cái quan hệ tình cảm giữa hai con người ấy như chúng tôi đã kể. Trong tình hình như thế, không thể có một cuộc hôn nhân nào giữa hai người được, kể cả sự hôn phối của hai tâm hồn. Thế mà trong khi đó thì điều chắc chắn là vận mệnh hai người lại đã kết hôn với nhau. Trừ Côdét, nghĩa là trừ một hình ảnh trẻ con ra, trong suốt đời ông, tất cả những cái gì đáng yêu, Giăng Vangiăng chưa hề được biết, chưa hề có những say mê, thương yêu nối tiếp tạo nên trong lòng ông những màu xanh hòa hợp, xanh non trên nền xanh xẫm như người ta thường nhận thấy trên những vòm cây mùa đông cũng như trên những người đã qua tuổi năm mươi. Tóm lại, như chúng ta đã nhấn mạnh nhiều lần, tất cả cái hỗn hợp bên trong ấy, tất cả cái tâm trạng tổng hợp ấy đã đưa Giăng Vangiăng đến chỗ thành một người cha của Côdét. Một ông cha hơi kỳ dị một chút, vì bao gồm cả vai ông, vai con, vai anh và vai chồng, vai nào cũng có trong người Giăng Vangiăng. Một ông cha trong đó có cả vai bà mẹ. Một ông cha ấy thương Côdét và yêu Côdét, coi nàng như ánh sáng, như nhà ở, như gia đình, như tổ quốc, như thiên đường của mình.

Bởi vậy, ông đau khổ biết chừng nào khi ông thấy Côdét không còn là của ông nữa! Thôi thế nhất định là hết! Ông không còn giữ được nàng nữa, nàng đã tuột khỏi tay ông,

nàng đã lẩn tránh ông, nàng là mây bay là nước chảy rồi! Sự thật hiển nhiên như quả núi đè người, hiện ra trước mắt ông: "Trong lòng Côdét đã có một người khác rồi, người ấy là mục đích của đời nó, là ước mơ của đời nó rồi. Côdét đã có người để yêu quí rồi, còn ta ta chỉ là bô nó, ta có cũng như không thôi". Khi ông đã chắc chắn rồi, khi ông tự nhủ: "Nó đã bỏ lòng ta nó đi rồi", thì nỗi đau khổ của ông thật không còn bờ bến nào nữa. Làm tất cả mọi thứ như ông đã làm để rồi đến kết quả như thế đó ư? Thế nào? Lại không là gì hết ư? Nghĩ đến đó cả người ông từ đầu đến chân tóc đều run lên, bất bình. Ông cảm thấy ở từng chân tóc sự nổi dậy rộng lớn của lòng ích kỷ và cái tôi của người ông đang gào thét trong vực sâu của tâm hồn.

Có những sự sụp đổ bên trong. Khi một khẳng định tuyệt vọng thấm vào lòng một con người, nó tách ra và làm vỡ một số yếu tố sâu sắc, đôi khi chính là chất cấu thành của người đó. Khi niềm đau thương đến độ ấy thì nó trở thành một cuộc bại tẩu tán loạn của các lực lượng tinh thần. Đó là những cuộc khủng hoảng tai hại mà ít ai ra khỏi lại lành mạnh như trước, vững vàng trong nhiệm vụ như trước. Khi đau thương vượt giới hạn, đạo đức kiên trinh bao nhiêu cũng nao núng. Giăng Vangiăng lại cầm lấy tấm giấy thấm và xác định tai hại của mình lần nữa. Đầu ông cứ cúi trên bốn dòng chữ khó chối cãi, người trơ như đá, mắt trừng trừng một đám mây mù dày đặc xâm chiếm tâm hồn, tưởng như nó đang đổ vỡ.

Giăng Vangiăng xem xét điều phát hiện đó qua ống kính phóng đại của sự nghĩ ngợi vẩn vơ, với vẻ bình tĩnh bên ngoài đễ sợ, bởi vì khi con người bình tĩnh đến lạnh lùng như một pho tượng thì đó là một điều ghê gớm.

Ông suy nghĩ đến cái bước đáng sợ mà vận mệnh ông đã đi một cách bất ngờ. Ông nhớ lại những nỗi lo sợ mùa hè năm trước mà ông đã dại dột xua tan rất nhanh. Ông nhận thấy cái vực sâu, vẫn là cái vực sâu cũ, có điều ông không còn đứng vững ở trên bờ nữa, mà đã rơi xuống tận đáy.

Điều không ngờ và đau đớn cho ông là ông bị rơi vào đấy mà không hề hay biết gì cả. Ông luôn luôn tưởng thấy mặt trời, thế mà đời ông đã tối đen!

Bản năng chẳng để ông ngập ngừng nữa. Ông đem khớp vào với nhau như một trường hợp, một số ngày tháng, ông nhớ lại những lần mặt mày Côdét bỗng dưng đỏ ửng hoặc tái xanh, rồi ông tự bảo: Đúng là thằng ấy. Lúc thất vọng người ta đâm ra đoán già đoán non nhưng lại như chiếc nỏ thần, đã buông tên là trúng đích. Thoạt tiên ông đã đoán trúng ngay Mariuytx. Ông không biết tên nhưng ông tìm ngay ra con người. Từ trong đáy sâu của dĩ vãng gợi lên trong trí nhớ một cách rành rọt, ông nhìn rõ cái tên hay rình mò bố con ông ở vườn Luychxămbua, cái thằng bướm ong khốn kiếp ấy, cái thằng biếng nhác vô công rồi nghề, cái thằng ngu ngốc ấy, cái thằng hèn nhát ấy, vì rõ là đồ hèn nhát mới dám đến liếc mắt đưa tình, ve vãn con gái ngay cạnh bố, nhất là khi người con gái ấy được bố rất yêu.

Khi nhận xét kỹ tình hình ông thấy rõ phía sau mọi việc vừa xảy ra đều có hình ảnh của người thanh niên ấy, và tất cả đều do người ấy mà ra.

Giăng Vangiăng, con người đã cải tạo, đã cố gắng xây dựng tâm hồn mình, đã dày công biến đổi tất cả cuộc đời, tất cả gian nan khốn khổ ra tình yêu, con người ấy ngày nay tự nhìn lại mình thì chỉ thấy một bóng ma: Hắn thù.

Những đau thương lớn chứa đựng sự tê liệt. Con người lúc

đó chán nản vì trót tồn tại. Đau thương vào thì có cái gì đó rút đi. Ở tuổi thanh niên, đau thương đến thì ảm đạm, sau này nó là họa tai. Than ôi! Khi dòng máu còn nóng, tóc còn xanh, đầu còn đứng thẳng trên thân thể như ngọn lửa trên cây đuốc, khi những trang đời còn dày cộm như chưa mở, khi quả tim hăng hái yêu đương còn những nhịp đập dễ dàng khôi phục, khi ta còn thì giờ để đền bù, hàn gắn, khi tất cả phụ nữ còn ở trước mặt, với tất cả nụ cười, tất cả tương lai, tất cả chân trời, khi sinh lực còn đầy đủ, mà thất vọng vẫn cứ là một điều ghê gớm, thì nó sẽ là thế nào đối với tuổi già, khi năm tháng nhạt mờ dồn dập rơi rụng vào cái buổi hoàng hôn mà con người bắt đầu nhìn thấy các vì sao trên trần mộ!

Ông còn đang suy nghĩ miên man thì bà Tútxanh bước vào. Ông đứng lên hỏi:

- Ở về phía nào, bà có biết không?

Bà ta ngơ ngác, chẳng biết trả lời thế nào.

- Thưa ông hỏi gì ạ?

Giăng Vangiăng nhắc lại:

- Chứ không phải hồi nãy bà bảo tôi là người ta đang đánh nhau à?

- À, phải, thưa ông, ở đằng phía Xanh Meri đấy.

Từ sự suy nghĩ âm thầm, sâu sắc nhất, có khi xảy ra những hành động vô ý thức mà ta không sao biết trước được. Chắc vì có một sự thúc giục như thế mà năm phút sau, Giăng Vangiăng đã ở ngoài đường.

Ông không đội mũ. Ông đến ngồi trên trụ vôi ngoài cổng, vẻ nghe ngóng.

Đêm đã xuống.

II

CHÚ BÉ THÙ ĐỊCH CỦA ÁNH SÁNG

Ông ngồi như thế bao lâu? Ông suy tới tính lui những gì trong những giờ trầm ngâm bi đát ấy? Ông có ngẩng lên chăng? Hay là cứ phải cúi đầu? Hay là cứ phải gập người cho đến gẫy gục? Ông còn có thể gượng dậy và bám chân vào một chỗ nào vững chắc trong tâm tư không? Chính ông có lẽ cũng không sao trả lời được.

Đường phố vắng tanh. Chỉ vài người thị dân vẻ lo lắng đang rảo bước về nhà là có mơ hồ nhìn thấy ông. Buổi nguy hiểm, ai lo phận nấy là thường tình. Người công nhân thắp đèn như thường lệ đến thắp cây đèn đối diện ngay với cổng nhà số 7 rồi bỏ đi. Trong khi đó thì có ai nhìn kỹ Giăng Vangiăng trong bóng tối, cũng không nghĩ rằng ông ta còn sống. Ông ngồi im lìm trên trụ đá, y như một tượng tuyết. Trong tuyệt vọng, có hiện tượng đóng băng như thế đấy. Bấy giờ nghe có tiếng chuông đổ hồi và những tiếng ồn ào, sôi động không phân biệt được. Giữa những hồi chuông giãy giụa can thiệp vào cuộc bạo khởi, đồng hồ nhà thờ Xanh Pôn thong thả buông mười một tiếng nghiêm trang. Bởi vì chuông báo động là việc của con người, thì giờ là của Chúa, Giăng Vangiăng không để ý đến thì giờ, ông vẫn im lìm không cử động. Vào lúc ấy, một tiếng nổ đột ngột đến từ phía khu chợ, rồi một tiếng thứ hai, dữ dội hơn. Chắc đó là cuộc tấn công vào chiến lũy phố Săngvrơri, mà chúng ta đã thấy Mariuytx đánh lui vừa rồi. Hai loạt súng nổ liên tiếp giữa đêm vắng lặng nghe càng dữ dội. Giăng Vangiăng rùng mình, đứng lên, rồi lại gieo mình trở xuống trụ đá, hai tay vòng lại, đầu từ từ gục xuống trước ngực.

Ông tiếp tục cuộc đối thoại âm thầm, mình nói với mình như trước.

Bỗng ông ngước mắt lên. Có tiếng người đi trên đường phố, ở gần mình. Dưới ánh sáng cây đèn bên kia đường, ông nhìn thấy đầu kia, một gương mặt xám xanh nhưng trẻ măng tươi tỉnh.

Đó là Gavrốt vừa đến phố Lomácmê.

Gavrốt đang nhìn lên cao, ra dáng tìm tòi. Hắn thấy rõ Giăng Vangiăng nhưng chẳng chú ý.

Hắn hết nhìn lên cao lại nhìn xuống thấp. Hắn bước đi rón rén đưa tay sờ khắp các cửa lớn cửa sổ tầng dưới, cửa nào cũng đóng then, cài khóa cẩn thận. Sờ năm bảy lần thấy chỗ nào cũng đóng chặt, chú bé nhún vai, vào đề với mình như thế này:

- Cóc khô!

Rồi nó lại nhìn trở lên cao.

Giăng Vangiăng trông thấy tất cả. Mấy phút trước lúc đang tâm thần rối loạn, nhất định ông chẳng nói chẳng rằng với bất kỳ ai. Nhưng bây giờ bỗng dưng ông thấy có cái gì mãnh liệt thúc đẩy ông lên tiếng hỏi chú bé:

- Chú bé, chú có việc gì thế?

- Tôi có việc tôi đói, Gavrốt đáp rành mạch, rồi thêm:

- Bé à? Có ông bé đấy!

Giăng Vangiăng thò vào túi quần móc ra một đồng năm phơrăng.

Như con choai choai, Gavrốt luôn luôn từ cử động này chuyển qua cử động khác, nó đã cúi nhặt một hòn đá. Nó nhìn thấy cái đèn đường.

- À, ở đây các ông còn để đèn à?- Nó nói. Không đúng với lệnh ban bố, các ông ạ. Như thế này là vô trật tự. Dập vỡ đi cho tôi.

Và nó ném hòn đá vào cái đèn. Mảnh kính rơi choang xuống đường làm cho mấy người thị dân thu mình sau bức màn ở ngôi nhà trước mặt phải hốt hoảng kêu lên: Lại Chín mươi ba rồi!

Ngọn đèn lắc mạnh rồi phụt tắt. Đường phố bỗng tối đen như mực. Gavrốt đắc chí:

- Thế đấy! Bà phố già ạ, bà đi ngủ cho tôi nhờ!

Xong nó quay lại Giăng Vangiăng:

- Cái lâu đài to tướng ở cuối phố kia ông gọi là cái gì nhỉ? Có phải là nhà Lưu trữ văn thư không? Dập mẹ cái lũ cột to bự ấy mà làm một cái chiến lũy có phải gọn không nhỉ!

Giăng Vangiăng bước đến cạnh Gavrốt, lẩm bẩm trong miệng như nói một mình:

- Tội nghiệp, thằng bé nó đói.

Và ông đặt đồng năm phơrăng vào lòng bàn tay nó. Gavrốt hếch mũi lên, ngạc nhiên thấy đồng bạc to quá. Nó nhìn đồng bạc qua bóng tối, màu bạc sáng trắng làm cho nó hoa mắt. Từ trước đến nay nó chỉ nghe có đồng năm phơrăng chứ chưa hề thấy, chỉ nghe ca tụng cũng đủ thích rồi. Lần này lại thấy tận mắt, nó mê tít. Nó bảo: Nào nhìn con hổ nào.

Nó say sưa nhìn một lát, rồi quay lại phía Giăng Vangiăng, đưa trả đồng bạc và cất giọng oai nghiêm nói:

- Này ông tư sản, tôi thích đập vỡ đèn phố hơn, ông cầm lại con thú dữ của ông đi! Không mua được tôi đâu. Thứ bạc này thế mà nó có vuốt đấy, có năm vuốt, mặc, nó không cào được tôi đâu.

Giăng Vangiăng hỏi:

- Em có mẹ không?

- Chắc là có hơn không?- Gavrốt đáp.

- Thế thì giữ đồng bạc này về đưa cho mẹ em.- Giăng Vangiăng bảo.

Gavrốt cảm thấy lòng mình xúc động, Với lại nó vừa nhận ra người đang nói chuyện với nó đầu không có mũ, nên nó thấy tin tin.

- Thực à? Không phải là cho tiền để khỏi đập vỡ đèn à?

- Em muốn đập thì cứ đập.

- Ông tốt lắm.- Gavrốt nói.

Và nó bỏ đồng năm phơrăng vào túi. Ông già dần dần làm nó thêm tin cậy. Nó hỏi thêm:

- Ông có ở phố này không?

- Phải, em hỏi làm gì?

- Ông có thể chỉ cho tôi nhà số 7 không?

- Hỏi nhà số 7 làm gì?

Chú bé sợ đã lỡ lời, dừng lại. Chú thọc mạnh năm ngón tay vào đầu tóc, trả lời cụt ngủn:

- À! Như thế đấy!

Một ý nghĩ thoáng qua trong trí Giăng Vangiăng. Con người đang lo hoảng cũng có những phút sáng suốt như thế. Ông bảo chú bé:

- Có phải em mang cho tôi cái thư tôi đang đợi không?

- Ông ấy à? Gavrốt nói. Ông có phải là đàn bà đâu?

- Bức thư gửi cho Côdét chứ gì? Có phải không?

Gavrốt lẩm bẩm:

- Côdét? Phải, hình như là cái tên quái quỉ như thế thực.

- Thì thì chính tôi có nhiệm vụ trao lại bức thư cho cô ta đây. Em đưa đây cho tôi.

- Vậy chắc ông phải biết tôi được lệnh từ chiến lũy đến đây?

- Biết chứ.

Gavrốt thọc tay vào túi móc ra miếng giấy gấp tư. Rồi đứng nghiêm chào:

- Phải tôn trọng bức thông điệp. Của chính phủ lâm thời đấy.

Giăng Vangiăng giục:

- Đưa đây.

Gavrốt cầm tờ giấy giơ cao lên trên đầu.

- Chớ tưởng là thư tình nhé. Gửi cho một người đàn bà, nhưng là gửi cho toàn thể nhân dân đấy. Bọn chúng tôi, chúng tôi chiến đấu, và chúng tôi tôn trọng nữ giới. Chả như ở chốn cao sang, sư tử lại đi biên thư tình cho lạc đà đâu.

- Đưa đây.

Gavrốt nói tiếp:

- Thật tình, trông ông có vẻ người tốt thật.

- Đưa mau.

- Đây, cầm lấy.

Và nó trao tờ giấy cho Giăng Vangiăng:

- Nhanh lên, ông cụ Côdiếc ơi, cô Côdét đang chờ đấy.

Gavrốt lấy làm thích khi bịa ra được tiếng ấy.

Giăng Vangiăng hỏi:

- Thư trả lời có phải mang đến Xanh Meri không?

Gavrốt đáp:

- Ông dẫn xác đến đó để vỡ ra như bánh xốp à? Thư này từ chiến lũy phố Săngvrơri đến đấy. Thôi tôi trở về đằng ấy đây. Chào đồng bào.

Nói xong, Gavrốt bỏ đi, hay đúng hơn, vỗ cánh bay trở về chỗ mình vừa thoát ra. Nó lặn vào đêm tối nhanh vun vút như một viên đạn xuyên thủng bóng đêm. Phố Lomácmê trở lại im lìm, vắng vẻ. Trong nháy mắt, chú bé lạ lùng mang trong mình cả bóng tối lẫn mơ mộng ấy, đã chìm sâu trong khoảng nhà cửa đen ngòm và mất hút như làn khói tan vào trong bóng đêm. Mấy phút sau khi nó mất hút, giá không có tiếng kính vỡ toang và tiếng đèn rơi xuống đường làm cho các nhà thị dân bực bội phải giật mình thức dậy lần nữa thì người ta có cảm tưởng là nó đã biến thành mây khói và tiêu tan không còn vết tích gì. Lúc đó Gavrốt đã đi qua phố Đuysôm.

III

TRONG LÚC CÔDÉT VÀ BÀ TÚTXANH NGỦ

Giăng Vangiăng trở vào nhà với bức thư của Mariuytx.

Như con cú đang giữ chặt miếng mồi, ông lấy làm vừa ý với bóng tối trong nhà. Ông sờ soạng bước lên thang gác, se sẽ mở cửa ra và đóng trở lại, rồi đứng im lắng nghe. Khi chắc chắn Côdét và bà Túxanh đang ngủ say, ông lấy diêm bật lửa nhưng hai tay run lẩy bẩy, phải đánh luôn ba bốn que mới đỏ. Vì có cái gì như là một sự trộm cắp trong hành động vừa rồi. Cuối cùng thì ông đã thắp được đèn lên, ngồi lại trên bàn, mở tờ giấy ra đọc.

Những khi xúc động mãnh liệt, người ta không còn đọc được nữa, mà có thể nói người ta vật ngửa tờ giấy trong tay

ra, người ta bám riết lấy nó như bám một miếng mồi, người ta giày vò, người ta chọc sâu móng tay giận giữ hoặc vui mừng vào mình nó, người ta chạy vụt đến đoạn cuối, người ta nhảy xổ trở về đoạn đầu. Trí óc khi chú ý lắm cũng lên cơn sốt, nó chỉ hiểu đại khái, hiểu lờ mờ, hiểu cái chính, nắm được một điểm, còn tất cả đều như biến mất. Trong bức thư Mariuytx viết cho Côdét, Giăng Vangiăng chỉ thấy có mấy chữ:

"... Anh chết đây... Khi em đọc các dòng này thì hồn thiêng anh sẽ về với em".

Nhìn hai dòng chữ ấy, mắt ông như bị chói lòa một ánh sáng ghê tởm. Cảm xúc thay đổi đột ngột quá làm ông choáng váng. Ông nhìn bức thư của Mariuytx, trong lòng vừa kinh ngạc vừa say sưa: trước mắt ông là một sự thật rạng rỡ, cái chết của người mà ông đang thù ghét.

Thâm tâm vui mừng ông thét lên một tiếng thét xấu xa:
- Thôi thế là hết nhé. Câu chuyện kết thúc sao mà nhanh quá chỗ người ta có thể mong ước thế! Con người làm trở ngại cuộc đời ông thế là đã biến đi rồi. Nó tự ý biến đi, tự nguyện, chẳng ai thúc đẩy cả. Giăng Vangiăng chẳng làm gì, chẳng có tội gì trong việc ấy cả, thế mà "con người ấy" lại sắp chết! Mà có lẽ hắn chết rồi cũng nên. Đến đây ông tính toán:
- Không. Hắn chưa chết. Rõ ràng là bức thư định viết cho Côdét đọc sáng ngày mai, sau loạt súng nổ trong khoảng từ mười một giờ đến mười hai giờ khuya cho đến giờ, không nghe thấy thêm gì nữa, chắc là đến sáng sớm chiến lũy mới bị tấn công ra trò, nhưng có hề gì, khi mà "con người ấy" đã bị cuốn vào cuộc chiến đấu này nhất định là nó nguy rồi, guồng máy sẽ lôi nó đi thôi".- Giăng Vangiăng cảm thấy như mình được giải thoát. Rồi đây sẽ chỉ còn có ông với Côdét. Sự cạnh tranh thế là chấm dứt, tương lai lại trở về. Mảnh giấy này ông cứ

bỏ túi. Chẳng bao giờ Côdét còn biết được "con người ấy" đã ra thế nào. "Ta cứ để yên cho mọi việc xảy ra. Con người ấy không cách nào thoát được. Nếu nó chưa chết thì chắc chắn rồi nó sẽ chết. May cho ta biết là dường nào!"

Nghĩ xong bấy nhiêu điều, ông thấy trong lòng tối sầm lại.

Ông bước xuống thang gác đánh thức người gác cổng dậy.

Khoảng một giờ sau, Giăng Vangiăng bước ra, mình mặc đồng phục quốc dân quân, tay cầm súng. Người gác cổng đã chạy sang bên hàng xóm mượn thêm mấy thứ để ông trang bị được đầy đủ. Ông vác một cây súng đã lắp đạn sẵn và đeo một bao đầy đạn. Ông đi về phía chợ.

IV

GAVRỐT TÍCH CỰC QUÁ MỨC

Một việc lôi thôi vừa xảy ra đối với Gavrốt.

Sau khi cố tình ném vỡ cây đèn ở phố Duysôm, Gavrốt vô tình rẽ sang phố Hôđriét. Phố vắng tanh không một bóng người. Hắn thấy dịp tốt đã đến để hắn hát trọn bài hát mà hắn biết hát. Miệng hát nhưng chân cứ đi, không chậm mà lại nhanh thêm lên. Các dãy nhà hắn đi qua đều đóng cửa im ỉm vì ngủ yên hay là hoảng sợ, và nó ném ra hai bên phố điệu hát nảy lửa này:

Con chim nó mách trên cành
Ràng Atala đã theo tình đi xa
Bạn tình là một chàng Nga
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!
Pi-e ơi than thở chi
Lẳng lơ quen tính, chắc gì Mila?

Gõ tường ả đến gọi ta
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Các con nõm ấy xinh sao!
Bùa mê nó bỏ, say nhào là ta
Dù ai cũng cứ say mà
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Tôi thích yêu nhau, thích giận nhau
Lidơ, Anhét cô nào tôi cũng mơ
Đốt ta họ cũng bỏng mà!
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Đẹp thay cái chiếc áo choàng
Của cô Xuydét và nàng Dêyla
Áo người đã quấn hồn ta
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Tình ơi, trong tối sáng ngời
Hoa hồng đem kết vào đời Lôla
Yêu nàng ta xả thân ta
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Thấy Gian trang điểm trước gương
Tim anh phút đã lạc đường bay xa
Phải nàng bắt được tim ta?
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Vũ về, vào lúc nửa đêm
Chỉ em, anh nói với nghìn sao xa:
Sao nào! Hãy ngắm Xtenla
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Gavrốt vừa hát vừa làm điệu bộ tha hồ, không dè sẻn. Điệu bộ là điểm tựa của điệp khúc. Mặt nó là một kho chứa mặt nạ, nó làm đủ điều nhăn nhó giật gân và kỳ dị như các lỗ thủng của một cái khăn treo trước gió. Buồn thay, vì chỉ có mình nó trong đêm tối, cho nên không ai xem và cũng không thể trông thấy. Có những tài hoa hoài phí như thế đấy.

Thình lình nó ngừng bặt.

- Thôi dẹp cái bài ca ân tình lại đã.

Cặp mắt mèo của hắn vừa nhìn thấy vật gì trong một xó cổng. Nhà hội họa thì cho đó là một kết cấu, nghĩa là một con người và một đồ vật, đồ vật là một cái xe ba gác, còn con người thì là một anh chàng người Ôvécnhơ đang ngủ trong xe.

Càng xe thả xuống mặt đường, còn đầu người kia lại gác lên ván xe, chân chấm xuống đất, thân nằm trên chiếc xe chúc ngược.

Có kinh nghiệm về việc đời, Gavrốt biết ngay là một anh chàng say rượu.

Dích là một anh chàng chở thuê ở xó này, ních rượu đấy vào rồi ngủ cũng đấy. Gavrốt nghĩ bụng: Đêm mùa hè cũng được việc đấy chứ! Đánh một giấc ngay trong xe! Thôi, ta "mượn" chiếc xe này cho Chính phủ Cộng hòa, còn ta để anh chàng này lại cho chế độ quân chủ.

Trong trí Gavrốt vừa có một ánh sáng lóe lên:

- Anh ba gác này mà thượng lên trên chiến lũy thì phải biết là hay!

Anh chàng phu xe đang ngáy khò khò.

Gavrốt đẩy lui cái xe đồng thời nắm chân anh chàng kéo ngược lại. Chỉ một phút là xong đâu đấy: anh chàng phu xe đã nằm dài trên mặt đường, không nao núng. Còn chiếc xe thì đã rời xa.

Có thói quen phải đối phó luôn luôn với mọi hoàn cảnh bất ngờ, nên cái gì Gavrốt cũng có trong mình. Nó lục túi móc ra một mảnh giấy và một mẩu bút chì đỏ của được của một anh chàng thợ mộc nào đó, nó viết mấy chữ:

"Chính phủ Cộng hòa Pháp

"Biên nhận chiếc xe ba gác của anh"

Rồi ký tên: "Gavrốt".

Viết xong, hắn nhét mảnh giấy vào túi chiếc gi-lê nhung của anh phu xe vẫn đang ngáy như sấm, rồi cầm càng xe kéo lên đi về phía chợ, vừa đi vừa đẩy chiếc xe chạy nước đại trước mặt. Chiếc xe chạy ầm ầm và nó lấy làm khoái chí.

Trò ấy nguy hiểm. Ở Nhà in Hoàng gia có một bốt gác mà Gavrốt quên không để ý tới. Quốc dân quân ngoại ô đóng giữ ở đó. Tiểu đội canh gác đã bắt đầu để ý và mấy người nằm trên phản đã ngẩng đầu dậy. Hai cái đèn bị đập vỡ liền liền, một bài hát oang oang giữa đêm khuya, như thế đã là quá nhiều đối với những phố nhát gan nấy, những phố hễ mới vừa tắt mặt trời là đã muốn đi ngủ, mới chập tối là chẳng còn đèn đóm gì. Suốt một giờ qua, Gavrốt đã làm ồn ào giữa khu phố yên tĩnh này như con nhặng rơi vào trong chai vo ve không ngớt. Người đội cảnh binh ngoại ô đã lắng tai nghe ngóng. Y là một người thận trọng, y chờ xem.

Tiếng ầm ầm của chiếc xe ba gác làm cho y không còn đợi chờ gì nữa, y quyết định đi quan sát tình hình.

- Chúng nó chắc là có cả lũ, phải hết sức rón rén mới được.

Rõ ràng là quân phiến loạn như con bạch tuộc đã thoát ra khỏi vòng vây và đang trăm tay trăm chân làm náo loạn cả khu phố.

Viên đội cảnh binh đánh liều ra khỏi bốt canh, bước đi từng bước rón rén.

Gavrốt đang đẩy xe, sắp rẽ từ phố Hôđơriét sang thì đột nhiên chạm trán với một bộ quân phục, một mũ sắt có giắt lông, một cây súng.

Lần thứ hai, nó dừng lại hẳn.

- À, lại nó rồi, Gavrốt nói. Chào ông trật tự công cộng.

Sự ngạc nhiên của Gavrốt ngắn ngủi và tan nhanh.

Người cảnh binh thét lớn:

- Thằng ranh kia, đi đâu?

Gavrốt đáp:

- Ông công dân kia, tôi chưa gọi ông là tư sản, sao ông lại mắng tôi thế?

- Thằng ranh con đi đâu?

- Thưa ông, hôm qua đây chắc ông còn là một người thông minh, nhưng sáng nay thì ông đã bị hạ bệ rồi.

- Đồ chó chết, tao hỏi mày đi đâu?

- Ông ăn nói nhã nhặn đấy. Người ta thật không dám nói ông là người có tuổi đâu nhé. Ông nên đem bán tóc ông đi, mỗi sợi một trăm phơrăng. Chắc được năm trăm phơrăng đấy.

- Đồ ăn cướp, mày đi đâu? Đi đâu? Đi đâu?

Gavrốt tiếp:

- Ăn nói gì thô bỉ thế. Mẹ ông từ rày có cho ông bú thì nhờ bà ấy lau hộ mồm cho ông kỹ kỹ hơn một chút.

Viên đội cảnh binh chĩa mũi súng vào người Gavrốt.

- Đồ khốn nạn, mày có nói là mày đi đâu không thì bảo?

- Bẩm đại tướng, con đi mời thầy thuốc cho vợ con nó đang trở dạ.

Viên đội kêu to:

- Có địch!

Dùng cái đã làm nguy mình để cứu nguy cho mình, kẻ tài tình mới có được nghệ thuật ấy. Nháy mắt Gavrốt đã bao quát được tình thế: cái xe ba gác đã làm hại mình thì chính nó phải che chở mình mới được.

Vừa lúc viên đội cảnh binh sắp xông đến thì Gavơrốt giang thẳng cánh văng mạnh chiếc xe vào bụng y như một quả đạn, làm y nhào ngửa trên đường và phát đạn nổ đoàng lên trên không trung. Nghe tiếng viên đội kêu, lính trong bốt đều ùa cả ra ngoài. Thấy có súng nổ họ cũng nổ bừa theo một loạt, rồi lắp đạn bắn tiếp; những loạt súng bắn mò kiểu bịt mắt bắt dê kéo dài đến những mười lăm phút và hạ sát đến mấy miếng kính cửa.

Trong lúc ấy thì Gavrốt đã bán sống bán chết tháo lui. Cách năm sáu phố, Gavrốt mới ngồi xuống một trụ đá ở góc đường, thở hổn hển. Hắn lắng tai nghe ngóng.

Ngồi thở được một chốc, hắn quay mình về phía có tiếng súng đang nổ dòn, nâng bàn tay lên mũi rồi đưa ra phía trước ba lần, vừa đưa vừa lấy tay phải vỗ vỗ về phía đằng sau gáy. Cử chỉ ngạo nghễ ấy của bọn trẻ ranh Pari là kết tinh của tinh thần châm biếm của người Pháp. Cố nhiên là nó rất hiệu

nghiệm, chả thế mà nó đã kéo dài hàng nửa thế kỷ nay!

Phút tươi vui ấy lại bị một ý nghĩ chua chát làm vẩn đục ngay. Gavrốt càu nhàu:

- Ừ, cười cho lắm, cười lăn cười bò ra, mà lại lạc đường mất rồi, giờ thì phải đi quanh rồi. Thôi, sao miễn về chiến lũy cho kịp là được!

Nói đoạn hắn lại cắm đầu chạy. Vừa chạy vừa hỏi:

- À, ta hát đến đâu rồi nhỉ?

Hắn lại cất tiếng hát bài hát ban nãy. Bóng hắn chìm nhanh vào trong các ngõ phố và tiếng hát cũng xa dần, nhỏ dần trong đêm:

Đời còn lắm ngục Bátxti
Nền chuyên chế ấy ta thì bửa ra
Bất bằng há dễ bỏ qua?
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!
Có ai chơi ta thì chơi
Cho lăn cho lóc, cho rời vỡ ra
Vỡ rồi xã hội thối tha!
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!
Dân ta ơi, cầm gậy lên
Kéo nhau ta dập tan đền nhà vua
Diệt nền quân chủ xa hoa
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta!

Đạp song ta đã xông vào
Sáclo Mười không dám đương đầu với ta!
Kinh hoàng vua đã trốn ra...
Đi đâu hỡi các tố nga?
Dô ta! Hò dô ta.

Cuộc nổ súng ở bốt canh không phải là không có kết quả. Người ta chiếm lĩnh chiếc xe ba gác và bắt được anh phu xe say rượu làm tù binh. Chiếc xe thì đem tống vào nhà chứa đồ bị tịch thu, còn anh chàng say rượu thì về sau có bị truy tố chút ít trước tòa án binh như kẻ tòng phạm. Để bảo vệ xã hội, trong trường hợp này, viện công tố đã tỏ ra mẫn cán, không biết mệt mỏi.

Câu chuyện Gavrốt đến nay vẫn còn là truyền thuyết ở khu phố Tăngplơ và là một kỷ niệm rùng rợn nhất đối với các bà thị dân già phố Mare. Trong ký ức họ, câu chuyện ấy được mệnh danh là: cuộc tấn công ban đêm vào bốt gác Nhà in Quốc vương.

PHẦN THỨ NĂM

GIĂNG VANGIĂNG

QUYỂN I

CHIẾN TRANH GIỮA BỐN BỨC TƯỜNG

I

NƯỚC XOÁY Ở Ô XANH ĂNGTOAN VÀ ĐÁ NGẦM Ở Ô TĂNGPLƠ

Hai chiến lũy đáng ghi nhớ nhất mà nhà quan sát các bệnh trạng xã hội có thể nêu ra không thuộc vào thời kỳ câu chuyện kể trong sách này xảy ra. Cả hai chiến lũy ấy đều tượng trưng cho một tình hình ghê gớm ở hai phương diện khác nhau, cả hai đều từ dưới đất mọc lên trong cuộc khởi nghĩa tất yếu tháng Sáu năm 1848, cuộc chiến tranh đường phố lớn nhất mà lịch sử đã chứng kiến.

Một đôi khi bất chấp những nguyên lý, bất chấp tự do, bình đẳng và bác ái, bất chấp phổ thông đầu phiếu, bất chấp quyền chấp chính của toàn thể đối với toàn thể, từ những khắc khoải, những nản lòng, những xơ xác, những bức sốt, những hãi hùng, những uất khí, những dốt nát, những tăm tối của mình, đám ngu dân tuyệt vọng nổi lên phản kháng và đánh lại nhân dân.

Cùng dân tấn công pháp luật phổ thông, cùng dân tự tạo cho mình cái quyền đứng lên chống lại dân quyền.

Những ngày đó là những ngày ảm đạm, bởi vì bao giờ cũng có một lượng chính nghĩa nhất định trong sự cuồng loạn đó, và cuộc chiến đấu đó hàm cái tính chất tự sát. Những tiếng: cùng dân, ngu dân, loạn dân, dân ô hợp, được coi như là tiếng để mạt sát, tiếc thay! lại nói lên cái lỗi của người cầm quyền, người hưởng đặc quyền, hơn là cái lỗi của kẻ bị trị, kẻ bất hạnh.

Riêng chúng tôi, không bao giờ chúng tôi nói những tiếng ấy mà không cảm thấy xót xa và kính cẩn, bởi vì khi triết lý đi sâu vào những sự kiện mà những từ ấy diễn đạt, thì triết lý tìm thấy trong đó rất nhiều cái lớn lao bên cạnh điều tồi tệ. Thành quốc Aten là kết quả của chính quyền quần chúng; cùng dân đã làm nên nước Hà Lan, dân ô hợp đã mấy lần cứu thoát La Mã, và ngu dân đã đi theo Chúa Giêsu.

Không có nhà tư tưởng nào mà không có lần chiêm ngưỡng những huy hoàng của tầng lớp đáy.

Khi thánh Giêrôm nói cái lời bí ẩn: *Fex urbis, lex orbis*[1], chắc ngài đã nghĩ tới đám ngu dân, đến tất cả những người nghèo khổ, những kẻ lang thang, những kẻ cùng khốn từ đó mà xuất hiện các thánh tông đồ và các bậc tử vì đạo.

Những phẫn nộ của đám đông đau khổ và rỏ máu, những bạo hành chống các lẽ sống của chính họ, những hành hung chống công lý, là những cuộc đảo chính của quần chúng và phải được trấn áp. Người trung thực tận tâm làm việc trấn áp ấy, và chống đánh đám đông chính vì yêu thương đám đông. Tuy nhiên, đương đầu với nó mà thấy nó đáng tha thứ bao nhiêu! Mà tôn kính nó bao nhiêu! Trong những giờ phút hiếm có ấy, họ vừa làm cái việc phải làm, vừa cảm thấy có

(1) Nguyên văn Latinh, nghĩa: bọn cặn bã của thành phố là pháp luật của thế giới (thành phố chỉ La Mã).

cái gì khiến họ cụt hứng và hầu như ngăn họ đi xa hơn; họ vẫn tiếp tục vì cần phải như vậy; nhưng lương tâm thỏa mãn lại rầu rĩ, và làm xong bổn phận, họ lại thấy xót xa.

Cần phải nói ngay rằng cuộc khởi nghĩa tháng Sáu năm 1848 là một sự kiện riêng biệt và hầu như không thể xếp loại trong khoa học lịch sử. Những tiếng chúng tôi vừa nói không nên đem dùng để nói về cuộc bạo khởi kỳ lạ, qua đó chúng ta cảm thấy nhân dân lo ngại đứng lên đòi quyền lao động thiêng liêng của mình. Phải chống đánh nó, và đó là bổn phận, bởi vì nó tấn công nền Cộng hòa. Nhưng suy cho cùng, nó là gì? Là một cuộc khởi nghĩa của nhân dân tự đánh vào mình.

Chúng tôi không nói phiếm xa đề vì chúng tôi không quên đề tài, bởi vậy chúng tôi xin phép lưu ý bạn đọc về hai cái chiến lũy duy nhất mà chúng tôi vừa nói đến, hai chiến lũy tiêu biểu cho cuộc khởi nghĩa này.

Một cái ngáng lối vào ô Xanh Ăngtoan, một cái bảo vệ cửa ô Tăngplơ. Những ai đã thấy dựng lên sừng sững trước mặt mình, dưới trời tháng Sáu rực rỡ màu xanh, hai kiệt tác ghê gớm của cuộc nội chiến đó, đều không quên nó.

Chiến lũy Xanh Ăngtoan là một công trình khổng lồ, ba tầng cao, hai trăm ba mươi thước rộng. Từ góc này qua góc nọ, nó chặn hẳn cái cửa ô rộng lớn bao gồm cả ba đường phố, được xẻ rãnh cắt miếng, cắt hình răng cưa, băm thành một khe hở lớn, được chống đỡ bằng những mô tự chúng nó là những pháo đài, có những mũi nhô đây đó, tựa lưng vững chắc vào hai mõm dãy nhà ngoại ô, cái chiến lũy lù lù như một thành trì của thiên tướng ở cuối cái quảng trường ghê gớm đã chứng kiến vụ 14 tháng Bảy. Dọc theo chiều sâu các đường phố, ở đằng sau cái chiến lũy mẹ ấy, có mười chín chiến lũy khác cách quãng nhau. Chỉ nhìn thấy cái chiến lũy lớn

không thôi cũng đủ thấy ở khu ngoại ô này, nỗi đau khổ mênh mông đã đến giờ hấp hối, đã đến phút chót, phút mà một sự khủng hoảng muốn trở thành một tai ương.

Chiến lũy ấy làm bằng gì. Bằng ba tòa nhà sáu tầng xô đổ, có người bảo là do người ta cố ý. Có những kẻ khác bảo là sự công phẫn công cộng đã có phép mầu phá những ngôi nhà ấy. Chiến lũy mang hình dáng thảm hại của những công trình xây dựng bằng thù hằn: sự dốt nát. Có thể hỏi: Ai đã dựng cái đó? Cũng có thể hỏi: Ai đã làm đổ nát cái đó? Đó là sáng tạo đột khởi của sôi sục! Ái chà! Cái của này! Cái cánh cổng song sắt này! Cái bếp vỡ này! Cái nồi rạn này! Cho nốt! Ném tuốt vào! Dẩy đi, lăn đi, cuốn đi, gỡ đi, lật đảo đi! Xô đổ đi! Đó là sự hợp tác của đá, của gạch, của xà ngang, của dầm sắt, của giẻ rách, của gạch hoa cạy lấy, của ghế thủng, của lõi bắp cải, của tã lót, của áo rách, của nguyền rủa. Vừa lớn lao, vừa ti tiện. Cảnh hỗn mang cố bắt chước đáy Vực Dại khối bên cạnh phân tử, mảnh tường xô ngã cùng với cái đĩa vỡ. Một cảnh đoàn kết đầy đe dọa của những mảnh vỡ. Xidiphơ đã ném quả núi của mình vào đó cũng như Job vứt mảnh sành vào. Tóm lại, một cái gì ghê gớm. Cao đài của kẻ khố rách.

Nhiều xe ba gác lật ngược làm cho bờ lũy gồ ghề. Một xe bò lớn lật ngang, trục ngửa lên trời, trông như một vết sẹo lớn trên cái mặt xù xì. Người ta vui vẻ hò reo đẩy một xe chở khách lên đỉnh lũy, tuồng như những nhà kiến trúc của cái công trình man rợ đó muốn chen cái vui nhộn trẻ ranh vào sự hãi hùng, chiếc xe chổng gọng lên trời, như chờ thắng những con ngựa của không trung. Cái đống phù sa khổng lồ của bạo khởi đó khiến người ta hình dung cảnh núi Ốtxa

chồng lên núi Pêliông[1] của tất cả những cuộc cách mạng: 93 trên 89, ngày 9 tháng nắng trên ngày mười tháng Tám, ngày 18 tháng sa mù trên ngày 21 tháng Giêng, tháng hái nho trên tháng tưới cỏ, 1848 trên 1830.

Địa điểm xứng đáng với công sức người ta và cái chiến lũy này xuất hiện không hổ thẹn ở chính cái nơi mà ngục Bátxti bị hủy phá. Nếu đại dương đắp đê thì nó đắp như thế đấy. Cuồng lực của thủy triều đã in dấu trên đống ngổn ngang vô hình đó. Thủy triều nào vậy? Thưa, quần chúng. Người ta tưởng thấy náo động đã hóa đá. Người ta tưởng nghe vù vù trên chiến lũy đó những con ong to đen tối của tiến hóa cuồng bạo như trên tổ của mình. Đây là một bụi gai góc chăng? Hay là một đám cuồng vũ? Hoặc một pháo đài? Hình như quay cuồng long óc đã quạt cách xây dựng nên chiến lũy đó. Có uế khí ao tù trong công sự ấy lại có thiên hương trong cảnh lộn xộn kia. Trong cái bề bộn của tuyệt vọng ta thấy có rui mái nhà, mảnh ván buồng còn phất giấy màu, khung cửa sổ y nguyên với kính vứt vào đây để đợi đạn đại bác, những ống khói bị gỡ ra, những tủ, bàn, ghế, cả một cảnh hỗn độn, ầm ĩ và muôn nghìn những vật tồi tàn mà kẻ ăn mày cũng chê, những vật vừa chứa đựng hư không vừa chứa đựng cuồng nhiệt. Người ta có thể nói đây là mớ tã nát của dân chúng, gỗ nát, sắt nát, đá nát mà ô Xanh Ăngtoan đã quét ra cửa bằng một cái chổi khổng lồ, đem cái nghèo khổ của mình dựng thành một chiến lũy. Những khối giống như đòn kê của

(1) Theo thần toại Hy Lạp, khi bọn người khổng lồ Tităng khởi loạn chống trời, họ khiêng núi Pêlion chất chồng lên núi Ossa thấp hơn để leo lên đánh trời. Ở đây tác giả nói ngược lại để diễn tả đúng cảnh.

đao phủ, những dây xiềng đứt, những đòn chống chữ đinh hình giá treo cổ, những bánh xe nằm ngang nhô ra giữa các thứ đổ nát, đã vào cảnh hỗn loạn ấy cái vẻ thảm đạm của các cực hình mà dân chúng ngày xưa phải chịu.

Cái chiến lũy Xanh Ăngtoan cũng đem làm vũ khí được, cái gì mà nội chiến có thể vứt lên đầu xã hội đều từ đó mà ra. Không phải là chiến đấu nữa mà là cuồng chiến. Nhưng súng bảo vệ chiến lũy đó, trong số đó có mấy khẩu nòng loe, đã bắn đi những mảnh sứ, mảnh xương, hạt cúc, đến cả những bánh xe ban đêm, một loại đạn nguy hiểm vì là bằng đồng. Cái chiến lũy ấy đánh một cách say máu, nó thét lên những tiếng cỡ dội khó nói; đôi lúc, thách đố quân đội, nó ùn ùn những bóng người và bão táp; nó đội một vành đầu người bốc lửa; nó chứa chật một đám đông lúc nhúc; đỉnh nó lởm chởm những súng, những gươm, những gậy, những búa, những lê, những giáo, một lá cờ đỏ to rộng phần phật trước gió. Người ta nghe thấy lẫn lộn những mệnh lệnh chỉ huy, những bài ca xung kích, những hồi trống trận, những tiếng khóc của phụ nữ và những tiếng cười vang thảm hại của những kẻ đói cơm. Cái chiến lũy ấy bao la và đầy sức sống; tiếng khổ của sấm sét từ đó bung ra như từ lưng một con thú điên. Tư tưởng cách mạng bao phủ cái đỉnh đó, cái đỉnh ầm ầm tiếng thét của nhân dân nghe như tiếng của Chúa. Cái thúng khổng lồ những đồ vụn bỏ đi ấy lại mang một oai phong kỳ lạ. Đó là một đống rác rưởi nhưng lại là quả núi tiếp nhận ý trời[1].

(1) Nguyên văn: Sinai, tên đỉnh núi trên đó Chúa trời ban Mười điều răn của Người cho nhà tiên tri Moisơ (theo đạo Thiên Chúa).

Chúng đã nói nó nhân danh Cách mạng mà tấn công. Tấn công gì? - Cách mạng. Nó, cái chiến lũy ấy, cái ngẫu niên, cái hỗn độn, cái hoảng loạn, cái hiểu lầm, cái vô tri ấy, đối diện với viện lập hiến, với chủ quyền của nhân dân, với phổ thông đầu phiếu, với dân tộc, với nền cộng hòa, đó là khúc Cacmanhôn thách thức khúc Mácxâyde.

Một cuộc thách thức điên rồ nhưng anh dũng, vì chưng khu ngoại ô đó là một anh hùng.

Khu ngoại ô và cái chiến lũy của mình giúp đỡ nhau. Ngoại ô tì vai vào chiến lũy, chiến lũy tựa lưng vào ngoại ô. Chiến lũy rộng lớn dài trải ra như một ghềnh đá làm vỡ tan các chiến lược của những tướng lĩnh từng chiến thắng ở châu Phi. Những hang hốc, những u bướu, những mụn cóc của nó tuồng như nhăn nhở và cười cợt với khói lửa. Đạn ghém vào đó thì tiêu tan trong vô hình, đạn phá thụt trong đó, chìm trong đó, rơi sâu vào trong đó, đạn tròn chỉ chọc thủng những lỗ sẵn có. Bắn phá cái hỗn độn thì được gì chứ? Và các trung đoàn quen nhìn những những cảnh chiến đấu dữ dội nhất phải lo ngại khi trông thấy cái pháo đài ác thú này, cái pháo đài lởm chởm như gáy lợn rừng và đồ sộ như quả núi.

Ở cách một phần tư dặm, chỗ phố Tăngplơ đổ ra đại lộ, gần Lầu nước, nếu ai mạnh dạn thò đầu ra ngoài tiền diện cửa hàng của Đanlơmanhơ thì sẽ thấy ở đằng xa, hỏi con sông đào, một bức thành lạ lùng. Bức thành ấy nằm trên đường phố đi lên theo các bậc của khu Benlơvin, vào chỗ cao nhất của cái dốc. Bức thành cao ngang tầng hai của các tòa nhà, làm thành một thứ vạch nối các nhà bên phải với các nhà bên trái, như thể là đường phố đã quay bức tường cao nhất của mình ra để tự động nối lại. Bức thành ấy xây bằng đá. Nó thẳng thớm, đúng cách, lạnh lùng, dựng đứng, san bằng

theo thước thợ, nhắm thẳng bằng dây mực, cân đứng bằng dây chì. Có thiếu xi măng đấy, nhưng cũng như ở một số tường thành La Mã, cái đó không làm lệch nét kiến trúc mẫu mực của nó. Trông chiều cao có thể đoán được chiều dày. Đường đỉnh song song với đường móng. Từng chặng trên mặt xám của nó, có những lỗ châu mai rất khó nhận thấy, giống như những đoạn chỉ đen. Khoảng cách giữa các lỗ châu mai ấy không đồng đều. Đường phố xa tăm tắp vắng lặng. Tất cả cửa sổ, cửa ra vào đều đóng kín. Ở cuối phố có cái đập chắn làm cho đường phố biến thành một ngõ cụt. Một bức thành im lìm và yên tĩnh: không nghe thấy gì không nhìn thấy gì ở đó; không một tiếng kêu, không một tiếng động, không một hơi thở. Một nhà mồ.

Mặt trời tháng Sáu chói chan dội ánh sáng lên cái vật khủng khiếp đó.

Đó là chiến lũy của ngoại ô Tăngplơ.

Đặt chân lên khu vực đó, thoạt nhìn thấy nó thì kẻ bạo gan nhất cũng không khỏi tư lự trước hiện cảnh bí ẩn này. Một cái gì thật thẳng thật đúng, thật khớp nhau, lồng nhau, cân đối nhau và thật ảm đạm. Ở đấy, vừa có khoa học vừa có hắc khí. Người ta cảm thấy người chỉ huy chiến lũy vừa là một nhà hình học vừa là một ma quái. Người ta nhìn vào đó và hạ thấp giọng.

Thỉnh thoảng nếu có một người, lính, sĩ quan hoặc dân biểu, mạo hiểm, vượt qua nền đường vắng vẻ, thì người ta nghe một tiếng rít khẽ và kẻ qua đường ngã xuống bị thương hay chết, và nếu hắn không việc gì thì người ta thấy găm vào một cánh cửa đóng, một kẽ đá hay một bức tường nào đó, một viên đạn. Đôi khi một mảnh đạn ghém. Những người giữ chiến lũy đã lấy hai ống gang dẫn khí đốt, nhét kín một đầu bằng sợi gai nhồi với đất sét, làm thành hai khẩu đại bác nhỏ.

Thuốc súng không hề tiêu phí hoài: hầu như phát nào cũng trúng đích. Đây đó có mấy cái xác chết và những vũng máu trên nền đá. Tôi còn nhớ có con bướm trắng bay đi bay lại trong đường phố: Mùa hè đâu chịu lép vế.

Ở quanh đó, dưới các cổng lớn cho xe cộ ra vào, thương binh dồn đống.

Ở đấy người ta cảm thấy mình bị một kẻ vô hình ngắm bắn và người ta hiểu rằng suốt chiều dài đường phố đang bị những mũi súng chĩa vào.

Cái cầu cuốn bắc ngang qua sông đào làm thành một thứ lưng lừa ở cửa ô Tăngplơ, binh lính tấn công tập họp ở sau cầu ấy. Nghiêm trang, kính cẩn, họ quan sát cái pháo đài đầy sát khí đó, cái vật im lìm không lay chuyển đó, cái vật gieo rắc chết chóc đó. Một đôi tên bò sát lên đến khoảng cao nhất của chiếc cầu, cẩn thận cố giữ cho mũ không nhô lên.

Đại tá Môngtêna gan dạ đứng nhìn khâm phục cái chiến lũy đó và rùng mình. Ông nói với một dân biểu: - *Họ xây dựng giỏi thật! Không có một viên đá nào thòi ra. Như là bằng sành vậy.* - Lúc đó, một viên đạn bay tới làm vỡ tấm huân chương trên ngực và ông ngã xuống.

- Lũ hèn nhát! Họ nói. Chúng cứ thò mặt ra thử sem! Cứ ra đây! Chúng không dám! Chúng trốn biệt!

Chiến lũy Tăngplơ do tám mươi người bảo vệ, bị mười nghìn người tấn công, đã đứng vững ba ngày đêm. Ngày thứ tư bọn tấn công làm như ở Datsa và Công xtăngtin, họ đục tường nhà, họ leo lên mái ngói đánh xuống và hạ được chiến lũy. Trong tám mươi kẻ hèn nhát đó, không một ai nghĩ đến việc chạy trốn. Tất cả đều bị giết, trừ người chỉ huy, Bácthêlơmi, mà lát nữa chúng ta sẽ nói đến.

Chiến lũy Xanh Ăngtoan là sấm sét, náo động, chiến lũy

Tăngplơ là im lặng. Giữa hai pháo đài đó có cái khác nhau giữa dữ dội và nham hiểm. Cái này là một miệng hùm, cái kia là một mặt nạ.

Nếu công nhận cuộc khởi nghĩa tháng sáu khổng lồ và tăm tối gồm có một nỗi giận dữ và một câu đố, thì người ta thấy trong chiến lũy thứ nhất có một con rồng và sau chiến lũy thứ hai có một con xphanh[1].

Hai pháo đài ấy do hai người xây dựng, là Cuốcnê, và Bácthêlơmi. Cuốcnê dựng chiến lũy Xanh Ăngtoan, Bácthêlơmi dựng chiến lũy Tăngplơ. Mỗi chiến lũy là hình ảnh con người xây dựng nó.

Cuốcnê là một người cao lớn, vai rộng, mặt hồng hào, quả đấm to nặng, gan dạ trung thực, mắt nhìn thực thà và dữ dội. Quả cảm, cương nghị, dễ giận, mau tự ái, một con người dễ gần gũi nhất, một chiến sĩ đáng gờm nhất. Chiến tranh, xung sát làm cho ông dễ thở và vui tính. Ông từng là sĩ quan hải quân và nghe ông nói, thấy ông cử động, người ta đoán được ông ở đại dương mà ra và từ bão táp mà đến, ông tiếp tục làm bão tố trong chiến đấu. Trừ cái thiên tài thì trong Cuốcnê có cái gì của Đăngtông cũng như ở Đăngtông có cái gì của Hécquyn trừ tính cách thần kinh.

Bácthêlơmi gầy còm, xanh xao, trầm mặc, vốn là một loại bé con, xấu số, lúc mười bảy tuổi bị một viên cảnh binh tát tai, đã rình mò hắn, chờ hắn và giết hắn và bị án khổ sai. Ra tù, anh ta dựng nên cái chiến lũy ấy.

Về sau, thật là bất hạnh, ở Luân Đôn hai con người lưu vong ấy gặp nhau trong cuộc chiến đấu tay đôi thảm hại và Bácthêlơmi đã giết Cuốcnê. Ít lâu sau bị cuốn vào một thảm kịch yêu đương bí ẩn - một tai họa trong đó luật pháp ở Pháp

(1) Nhân sư.

nhìn thấy những trường hợp giảm khinh, còn luật pháp ở Anh thì chỉ thấy tử tội - Bácteloomi bị treo cổ. Cơ cấu xã hội u ám như thế đấy: nó làm cho người có trí thông minh rõ ràng là vững chãi, có thể là lớn lao nữa mà vì thiếu thốn về vật chất, tối tăm về đạo lý đã bắt đầu cuộc đời trong lao tù ở Pháp và kết liễu trên giá treo cổ ở Anh. Trong những dịp ra mặt, Bácteloomi chỉ mang một lá cờ: là cờ đen.

II

LÀM GÌ DƯỚI VỰC NẾU KHÔNG KHÁO CHUYỆN

Mười sáu năm đáng kể trong sự giáo dục ngầm của lao động và tháng sáu năm 1848 đã khôn hơn tháng Sáu 1832 nhiều lắm. Bởi vậy chiến lũy ở phố Săngvrơri chẳng qua là một bản phác, một bào thai so sánh với hai chiến lũy khổng lồ mà chúng tôi vừa lược tả, nhưng hồi bấy giờ, nó đã ghê gớm lắm.

Dưới sự trông nom của Ănggiônrátx - bởi vì Mariuytx chẳng còn nhìn tới gì nữa, - nghĩa quân đã lợi dụng đêm tối không những để sửa chữa lại chiến lũy mà còn bồi đắp thêm. Chiến lũy được xây cao lên thêm sáu tấc. Nhiều thanh sắt cắm vào đá xây chiến lũy tua tủa như những ngọn giáo chĩa mũi ra đằng sau. Từ khắp nơi, mọi vật phá hoại đều được mang về, chồng thêm vào, làm cho cảnh chằng chịt bên ngoài càng thêm rối rắm. Sau khi được sửa chữa lại một cách tài tình, thì cái pháo đài bên trong giống như bức thành, bên ngoài như bụi rậm.

Người ta đã xếp lại các bậc đá để có thể trèo lên đỉnh chiến lũy như trèo lên một bức thành.

Chiến lũy đã được thu dọn lại. Người ta xếp bớt đồ đạc

cho gian phòng thấp đỡ chật chội. Nhà bếp được đem làm phòng quân y. Các người bị thương đều được băng bó xong. Thuốc súng vương vãi trên mặt đất, trên bàn đều được nhặt nhạnh lại. Người ta còn đúc đạn, làm vỏ đạn, xé giẻ làm băng, phân chia các vũ khí rơi rớt, dọn dẹp bên trong pháo đài, thu nhặt các mẩu đồ hư hỏng. Xác chết cũng được mang đi chất thành đống ở ngõ Môngđêtua, vẫn còn thuộc về nghĩa quân. Mặt đường chỗ ấy một thời gian rất lâu về sau vẫn còn đỏ lòm dấu máu. Trong số người chết có bốn quốc dân quân ngoại ô. Ăngginônrátx bảo lột quân phục của chúng để riêng ra một nơi.

Ăngginônrátx khuyên mọi người ngủ hai tiếng đồng hồ. Lời khuyên của anh là một mệnh lệnh. Tuy vậy chỉ ba bốn người chợp mắt một chốc thôi. Phoidi dùng hai giờ ấy để khắc vào bức tường trước mặt quán rượu mấy chữ:

Các dân tộc muôn năm!

Chữ đục bằng đanh vào đá tảng, mãi đến năm 1848 còn đọc rõ.

Ba người đàn bà nhân lúc ban đêm im tiếng súng đã lánh đi hẳn, nghĩa quân vì thế cũng được dễ thở hơn.

Họ đã tìm cách trốn vào một nhà nào bên cạnh.

Phần đông các người bị thương đều còn sức và đều muốn tiếp tục chiến đấu. Trên một ổ rơm rải đệm trong nhà bếp biến thành phòng quân y, có năm người bị thương nặng, trong số có hai người cảnh vệ thành phố. Hai tên này được băng bó trước tiên.

Trong gian phòng thấp chỉ còn thi hài cụ Mabớp phủ tấm vải liệm đen và Giave trói vào cây cột. Ăngginônrátx nói:

- Đây là phòng của người chết.

Bên trong gian phòng, ở tận đằng sau, dưới ánh sáng lờ mờ

của cây nến, cái bàn tử thi đặt sau cây cột thành một thanh ngang. Giave đứng và ông cụ Mabớp nằm cả hai hợp lại thành một cái gì phảng phất như một cây thánh giá to tướng.

Cái càng xe chở khách, mặc dù bị bấn gẫy cụt, vẫn còn đứng được để có thể treo cờ.

Ăngguônrátx có đức tính của người chỉ huy, hễ nói là làm. Anh ta đem mắc vào cái cán cờ cái áo thủng dính máu của ông cụ già đã hy sinh.

Không còn nói chuyện cơm nước gì được nữa. Bánh cũng không, mà thịt cũng không. Năm mươi chiến sĩ trong thời gian gần một ngày một đêm có mặt ở đây đã không mấy chốc mà vét cạn tủ thực phẩm ít ỏi của quán rượu. Đến một lúc nhất định bất kỳ chiến lũy nào còn chống chọi được đều lâm vào cảnh bè trôi mặt biển, không cách nào tránh khỏi. Đành phải bấm bụng chịu đói vậy. Bấy giờ đang vào quãng một hai giờ sáng ngày mồng sáu tháng Sáu oanh liệt. Chính hôm ấy, ở chiến lũy Xanh Meri, khi nghĩa quân bao quanh Gian để hỏi bánh mì thì Gian đã trả lời cho đám chiến sĩ đang kêu đói: "Để làm gì? Bây giờ là ba giờ. Bốn giờ sáng chúng ta chết rồi mà!".

Không có cái ăn nên Ăngguônrátx cấm uống. Anh cấm hẳn rượu vang, còn rượu mạnh thì phát khẩu phần.

Người ta tìm được trong hầm rượu mười lăm chai đầy, gắn xi kín mít. Ăngguônrátx và Côngbơphe xem xét rất kỹ. Vừa leo lên khỏi hầm Côngbơphe nói: - Đây là cái vốn xưa nhất của bác Huysơlu, hồi đầu bác ấy bán tạp hóa mà. Bôtxuyê góp thêm: - Chắc phải là thứ rượu vang chính cốt. May mà Grăntơ đang ngủ. Hắn mà thức thì không dễ gì cứu thoát mấy chai này. Mặc những tiếng xì xào, Ăngguônrátx vẫn cứ ra lệnh không được đụng đến mười lăm chai ấy. Và để mọi

người khỏi sờ đến, để các chai rượu thành như thiêng liêng, chàng bảo mang xếp dưới thi hài cụ Mabớp.

Hai giờ sáng, điểm số còn ba mươi bảy người.

Trời bắt đầu sáng dần. Người ta vừa tắt cây đuốc trước đây đã được dựng ở hốc đá. Bên trong chiến lũy, mảnh đường phố nhỏ như cái sân còn đang chìm trong bóng tối, qua ánh sáng bình minh nhờ nhờ, ảm đạm, trông nó có vẻ như một cái boong tàu vừa qua cơn giông tố. Các chiến sĩ đi lại, cử động như những bóng đen. Bên trên cái tổ bóng tối dễ sợ ấy, các tầng gác lặng câm hiện dần ra nhợt nhạt. Trên cao tít, các ống khói nhuốm màu tim tím. Nền trời lơ lửng một cách đáng ưa giữa màu trắng và màu xanh. Chim chóc bay lượn reo mừng. Ngôi nhà cao tầng đằng sau lưng chiến lũy quay mặt về hướng đông, trên mái đã rợn hồng. Ở cửa mái gác ba gió sớm thổi phơ phất mớ tóc hoa râm trên đầu cái thây người chết.

Cuốcphêrắc bảo Phoidi:

- Người ta tắt ngọn đuốc làm tớ thích quá. Trông nó hớt hơ hớt hải trước gió, tớ chán lắm. Nó có vẻ sợ. Ánh sáng đuốc chẳng khác gì cái khôn ngoan của lũ hèn nhát, nó chả soi sáng cái gì vì nó run rẩy.

Bình minh đánh thức trí óc cũng như đánh thức loài chim. Ai nấy đều chuyện trò.

Thấy con mèo lò dò trên ống máng. Giôli rút ngay một triết lý. Chàng nói:

- Con mèo là cái gì? - là một sự sửa chữa. Thượng đế làm xong con chuột, nói rằng: A, ta làm bậy rồi. Và thượng đế làm con mèo. Con mèo là cái đích chính cho con chuột. Con mèo cộng với con chuột, đó là bản in thử đã được tạo vật xem lại và sửa chữa.

Côngbơphe ngồi giữa một số thợ thuyền và sinh viên, nói

về chuyện mấy người chết, về Giăng Pruve, Bahôren, ông cụ Mabớp, cả tên Lơ Cabuýc, và về sự buồn rầu nghiêm khắc của Ăngglônrátx. Chàng nói:

- Hácmôđiuyt và Arixtôgiông, Sêrêát, Stêphanuýt, Bruytuýt, Cơronmuen, Sáclốt Coócđây[1], Xăng, tất cả sau khi hành động, đều có những phút hoang mang. Con tim nó dễ rung động lắm, tính mệnh con người cũng là một cái gì thật là huyền bí. Cho nên cả những khi giết người vì mục đích chính trị hay giết người với mục đích giải phóng đi nữa, nếu có một thứ giết người như thế thật thì trong lòng, sự hối hận vì hạ sát một mạng người vẫn mạnh hơn niềm vui đã phục vụ nhân loại.

Chuyện nọ bắt sang chuyện kia, quanh đi quẩn lại. Một phút sau nhân mấy câu thơ của Giăng Pruve, Côngbơphe chuyển sang so sánh những người dịch sách *Gieorgic*[2] Rô với Cuốcnô với Đơlilơ, vạch ra mấy đoạn do Manphilát dịch, đặc biệt là đoạn nói về cái chết phi thường của Xêda[3]. Rồi nhân cái tên Xêda, câu chuyện quay về Bruytuýt. Côngbơphe nói:

- Xêda bị giết là đúng. Đối với Xêda, Xixêrông nghiêm khắc, và như thế là phải. Nghiêm khắc nhưng không đả kích. Zôilơ chửi Hôme, Mêviuýt chửi Viếcgin, Vidê chửi Môlie, Pốppơ chửi Sếchxpia, Prêrông chửi Vônte, chuyện ghen ghét hằn thù, là chuyện "muôn năm" thôi. Những kẻ tài ba lỗi lạc khiến cho người ta nguyền rủa, những bậc vĩ nhân ít nhiều cũng đều bị người đời xỉa xói.

Nhưng Zôilơ và Xêrêrông là hai người. Xixêrông thực hiện

---

(1) Những nhân vật La Mã, Anh, và Pháp đã vì lý do chính trị mà giết người.

(2) Tác phẩm có tiếng của Viếcgin, thi sĩ La Mã thế kỷ I.

(3) Xêda: danh tướng đã thi hành chuyên chính trong nước ở La Mã, bị con nuôi là Bơruytuýt ám sát.

công lý bằng tư tưởng cũng như Bruytuýt thực hiện công lý bằng lưỡi gươm. Riêng tôi thì tôi phê phán cái kiểu thực hiện công lý thứ hai này, cái kiểu dùng gươm, nhưng thời cổ đại chấp nhận. Xêda đã xâm phạm sông Ruybicông, đã ban chức tước như chính chức tước là của mình trong khi đó nó là của nhân dân, đã không đứng dậy khi thượng viện bước vào phòng họp, thì Xêda đã có những hành động của một vị vua, và hầu như của một bạo chúa, như Ôtrôpơ đã nói *regia ac prenè tyrannica*[1]. Đó là một vĩ nhân. Mặc kệ hoặc càng hay cũng đều được: bài học càng có giá trị. Hai mươi ba vết thương của ông ta không làm cho tôi cảm động bằng bãi nước bọt Chúa Giêsu nhận trên mặt. Xêda bị những thượng nghị sĩ đâm, Giêsu bị những kẻ đi ở tát. Càng nhục càng rõ là thần thánh.

Bôtxuyê đứng cao hơn những người khác, trên một đống đá, tay cầm súng, thét:

- Hỡi Xeđatênom, Hỡi Marinuýt, hỡi Prôbalanhtơ, hỡi những duyên dáng mỹ miều của Ăngtiđơ! Chao ôi! Ước gì ta đọc được thơ của Hôme như một người Hy Lạp xứ Lôriom hay xứ Êđantêông!

III

HÉ SÁNG RỒI TỐI SẦM

Ăngguônrátx đi quan sát tình hình. Anh theo ngõ Môngđêtua đi ra ngoài, quanh quất men theo các dãy nhà.

Phải nói rằng bấy giờ nghĩa quân lòng đầy hy vọng. Cái cách họ đã đánh lui cuộc tấn công ban đêm làm cho họ hầu như coi thường cuộc tấn công lúc sắp tảng sáng. Họ chờ đợi

(1) Nghĩa đã giải ở dòng trên.

và họ cười cợt. Họ chẳng hề hoài nghi chút nào về sự thắng lợi cũng như không nghi ngờ chính nghĩa của mình. Vả lại nhất định viện binh sẽ đến với họ. Họ tin tưởng vào đó lắm. Người Pháp khi chiến đấu thường có lối tiên đoán tình hình một cách dễ dãi và đầy lạc quan, làm cho họ có thêm sức mạnh. Với lối đoán trước ấy, nghĩa quân chia cái ngày sắp đến làm ba giai đoạn chắc chắn: sáu giờ sáng thì một trung đoàn "mà họ đã vận động" sẽ quay súng, đến trưa thì toàn thể Pari nhất tề đứng dậy, mặt trời lặn thì cách mạng bùng nổ.

Từ tối hôm trước, tiếng chuông báo động ở nhà thờ Xanh Meri không hề ngừng một phút. Điều ấy chứng tỏ là chiến lũy kia, cái chiến lũy lớn nhất, chiến lũy của Gian, vẫn còn đứng vững. Tất cả những mối hy vọng ấy, nhóm này chuyển cho nhóm kia trong tiếng xì xào vui vẻ và đáng sợ như tiếng vo ve của đàn ong sắp xung trận.

Ăngginôrátx trở về. Như con chim ưng, anh vừa âm thầm dạo quanh một vòng trong vùng bóng tối ngoài chiến lũy. Hai tay khoanh lại, một bàn tay đặt trên miệng, anh lắng nghe trong chốc lát nỗi vui vẻ của anh em. Trong ánh bình minh mỗi lúc mỗi sáng tỏ, nét mặt anh hiện ra tươi tắn và ửng hồng. Chàng nói:

- Toàn bộ quân đội Pari tấn công. Một phần ba đội quân ấy đè lên cái chiến lũy của các đồng chí đấy. Ngoài ra còn có quốc dân quân. Tôi trông rõ mũ giắt lông của trung đoàn cảnh vệ số sáu. Một giờ nữa các đồng chí sẽ bị tấn công. Còn dân chúng thì hôm qua sục sôi, nhưng sáng nay im lìm. Không có mong đợi gì nữa, chẳng còn hy vọng vào đâu được. Không một ngoại ô nào, cũng không có một trung đoàn nào hưởng ứng. Các đồng chí bị bỏ rơi rồi.

Các lời nói ấy rơi vào giữa tiếng xì xào của nhóm nghĩa quân và có tác dụng như giọt mưa giông đầu tiên rơi vào giữa tổ ong. Mọi người đều câm bặt. Một phút im lặng khó tả. Người ta có cảm tưởng như nghe thấy thần chết bay qua.

Nhưng chỉ trong giây lát.

Từ chỗ tối nhất trong đám đông, một tiếng người cất lên nói to với Ăngginônrátx:

- Đúng vậy! Xây chiến lũy lên cao bảy thước và anh em ta ở cả đấy. Các đồng chí, hãy lấy xác của chúng ta mà phản kháng. Phải tỏ ra rằng nếu dân chúng bỏ rơi những người cộng hòa thì người cộng hòa vẫn không bỏ rơi dân chúng.

Lời nói ấy xé tan đám mây nặng nề của những lo lắng cá nhân, làm chi trí óc mọi người như được giải thoát. Một tràng pháo tay hoan nghênh nó nhiệt liệt.

Mãi sau cũng không ai biết tên người đã nói. Có lẽ là một người thợ nào đó không ai để ý tới, một người vô danh, một người bị lãng quên, một người qua đường anh hùng. Kiểu người vô danh, vĩ đại ấy bao giờ cũng có mặt trong những biến động của loài người những cơn thai nghén của xã hội. Và đến một giờ phút nhất định, họ nói lên cái lời cuối cùng quyết định, rồi tan biến ngay trong bóng tối, sau khi đã thay mặt cho nhân dân và Chúa một phút trong ánh chớp sáng ngời.

Không khí chung ngày mồng 6 tháng Sáu năm 1832 là không khí của sự quyết tâm không gì lay chuyển nổi. Cho nên cũng vào giờ ấy ở chiến lũy Xanh Meri, nghĩa quân cũng đồng thanh hô to: "Có viện trợ hay không có viện trợ, mặc! Chúng ta quyết tử đến người cuối cùng ở đây". Câu nói ấy thành một câu nói lịch sử có ghi trong hồ sơ các vụ khởi nghĩa năm ấy.

Như thế, độc giả thấy rõ, mặc dù cách biệt với nhau về mặt vật chất, hai chiến lũy vẫn cảm thông với nhau.

IV

BỐT NĂM, THÊM MỘT

Khi người vô danh nào đó ban bố cái quyết nghị "lấy xác mà phản kháng" và đem lại cho mọi người cái phương thức thống nhất ý chí, thống nhất tâm hồn như thế đã dứt lời thì từ khắp cửa miệng đều vọt lên một tiếng hô thoải mái và rùng rợn. Tiếng hô ấy, về ý nghĩa thì buồn thảm thật, nhưng trong giọng hô ấy lại đầy khí thế chiến thắng.

- Tinh thần quyết tử muôn năm! Tất cả ở lại.

- Tại sao lại tất cả? Ăngginônrátx hỏi.

- Tất cả! Tất cả!

Ăngginônrátx tiếp:

- Địa thế ở đây thuận lợi, chiến lũy lại kiên cố. Ba mươi người cũng đủ. Sao lại đi hy sinh những bốn mươi?

Mọi người đáp:

- Bởi vì chẳng một ai chịu bỏ đi cả.

Ăngginônrátx nói to, giọng nói rung vang gần như gắt gỏng:

- Các đồng chí, nền cộng hòa không có thừa người đâu mà đem phung phí vô ích. Khoa trương là xa xỉ. Nếu có đôi người phải lánh đi thì nhiệm vụ ấy cũng phải được thi hành như mọi nhiệm vụ khác.

Ăngginônrátx là một người nguyên tắc. Đối với các đồng chí anh có một thứ uy lực vô thượng, gần như tuyệt đối.

Mặc dù thế, lần này người ta vẫn xì xào.

Là người có khiếu chỉ huy từ trong mạch máu, Ăngguônrátx thấy có tiếng xì xào nên nhấn mạnh thêm. Anh cất giọng nghiêm nghị nói:

- Ai sợ chỉ có ba mươi là không đủ thì cho biết.

Tiếng xì xào tăng lên gấp bội. Có tiếng người trong một nhóm nào đó nhận xét:

- Lánh đi ư? Nói dễ nghe lắm, nhưng chiến lũy bị bao vây cả rồi.

- Phía chợ chưa bị bao vây, Ăngguônrátx nói. Con đường Môngđêtua còn tự do, từ đó đi qua phố Prêsơ thì có thể đến chợ Inôxăng.

Có tiếng khác trong đám đông nói:

- Đến đó sẽ lại bị bắt. Lại rơi vào một đội canh gác nào của quân đội hay quốc dân quân ngoại ô thôi. Thấy có người bận bờ-lu đội cát-két đi qua, chúng sẽ lập tức gọi: "Thằng kia, mày ở đâu đến đây? Hay là mày ở chiến lũy". Thế rồi chúng nó khám tay. "Tay mày có mùi thuốc súng". Thế là bị bắn.

Ăngguônrátx không đáp, để tay lên vai Côngbơphe. Cả hai bước vào phòng thấp.

Một lát sau họ trở ra. Ăngguônrátx hai tay giang rộng mở ra ôm bốn bộ quân phục chàng đã cho để riêng một nơi. Côngbơphe theo sau mang theo các mảnh yếm da và mũ giắt lông.

- Với các bộ quân phục này, Ăngguônrátx nói - có thể trà trộn vào hàng ngũ của quân đội rồi trốn thoát. Hãy được cho bốn người đây.

Và anh ném bốn bộ quần áo xuống mặt đường đã cạy hết đá.

Đám thính giả can trường không hề nhúc nhích.

Côngbơphe lên tiếng:

- Nào, phải có chút lòng thương xót mới được. Các đồng chí có biết vấn đề ở đây là gì không? Vấn đề phụ nữ đó. Đây này. Tôi hỏi này: Ở nhà chúng ta có đàn bà không nào? Có trẻ con hay không nào? Có phải có những người phụ nữ đã có hàng đống con vây quanh, mà còn phải lấy chân đưa nôi nữa không nào? Trong số các đồng chí ai chưa từng thấy đàn bà vạch vú nuôi con, hãy giơ tay xem. À, các đồng chí muốn đem thân mình hy sinh, tôi nói có các đồng chí đây, tôi cũng rất mong như thế, nhưng tôi không muốn cảm thấy có những bóng ma phụ nữ vật vã chung quanh tôi. Các đồng chí cứ hy sinh, được lắm, nhưng các đồng chí không nên làm cho kẻ khác phải chết. Những cuộc quyết tử như cuộc quyết tử sắp diễn ra đây thật là cao cả, nhưng diện quyết tử phải rất hẹp, nó không cần mở rộng ra đâu, và khi nó chạm đến bà con cật ruột của các đồng chí, nó lại trở thành chuyện sát nhân.

Các đồng chí hãy nghĩ đến các trẻ đầu xanh và các cụ đầu tóc bạc. Các đồng chí hãy nghe đây: Ăngguônrátx vừa mới nói với tôi rằng ban nãy anh thấy ở nơi góc phố Thiên nga, trên gác năm, có một cái cửa sổ còn chong đèn, và trên nền kính có bóng đầu một người run run. Đó là bóng một bà cụ già hình như đã thức suốt đêm để chờ đợi. Có lẽ là mẹ của một trong các đồng chí. Thế thì đồng chí đó hãy đi, đi cho mau để về với mẹ: Thưa mẹ, con đã về! Đồng chí đó hãy yên tâm, số anh em còn lại ở đây sẽ hoàn thành nhiệm vụ. Khi chúng ta đã làm việc để giúp đỡ gia đình, chúng ta không còn có quyền được hy sinh tính mạng. Hy sinh tính mạng là trốn nhiệm vụ gia đình đó. Còn những đồng chí có con gái, có em gái nữa! Các đồng chí có nghĩ đến không? Các đồng chí định chết và các đồng chí sẽ chết, được lắm, nhưng mai đây thì sao? Thiếu nữ mà không có cơm ăn, điều ấy đáng sợ lắm.

Đàn ông thì ngửa tay ăn xin, còn đàn bà thì đem thân đi bán. Chao ôi! Những con người duyên dáng, dịu ngọt, những con người đầu cài hoa, mồm ca miệng nói líu lo, làm cho trong nhà tràn đầy không khí đoan trinh, những con người hiện thân của hương thơm, những con người chứng minh rằng trên trời có thiên thần vì dưới đất có trinh nữ, những cô Gian, cô Lidơ, cô Mimi, những con người hiền lành đáng yêu làm cho tất cả các đồng chí lấy làm tự hào và có hạnh phúc, trời ơi! Những cô ấy sắp phải đói khát! Các đồng chí muốn tôi nói gì với các đồng chí? Có một cái chợ bán thịt người đấy và những bàn tay ma của các đồng chí run rẩy chung quanh người các cô em ấy không thể ngăn cản họ dấn bước vào đấy! Các đồng chí hãy nghĩ đến đường phố, đến mặt đường đầy người qua lại, các đồng chí hãy nghĩ đến các cửa hiệu có những người đàn bà bận áo hở ngực đi qua, đi lại chân giẫm trong bùn. Các người đàn bà ấy trước kia cũng trong trắng. Các đồng chí có em hãy nghĩ đến các cô em gái của mình. Cùng khổ, mãi dâm, cảnh sát, nhà tù, đó là nơi các cô con gái thơ ngây xinh đẹp sẽ rơi vào, là nơi các tấm thân bồ liễu, các tâm hồn băng tuyết, các áng hương trời sắc nước còn tươi mát hơn cả hoa đinh hương mùa xuân ấy, sẽ rơi vào! À, các đồng chí quyết hy sinh! Các đồng chí sẽ không còn nữa! Tốt lắm, các đồng chí muốn cứu dân ra khỏi ách quân chủ, nhưng các đồng chí lại đem trao con gái các đồng chí cho cảnh sát. Các đồng chí thân mến, hãy coi chừng, hãy biết thương xót. Người ta có thói quen ít nghĩ đến đàn bà, đến những người đàn bà khổ sở. Người ta ỷ lại vào chỗ người phụ nữ không được giáo dục như đàn ông. Người ta ngăn cản không cho họ đọc sách, không cho họ suy nghĩ, không cho họ tham gia chính trị. Còn các đồng chí, các đồng chí có thể ngăn cản họ tối nay đến nhà xác để nhận mặt các đồng chí hay không?

- Nào, các đồng chí có gia đình, các đồng chí hãy biết điều, các đồng chí hãy bắt tay anh em và đi đi, để mặc bọn chúng tôi ở đây làm nhiệm vụ. Tôi biết rằng phải can đảm lắm mới bỏ đi được. Khó đấy, nhưng càng khó càng có giá trị. Có đồng chí nói: Tôi có súng, tôi đang ở trong chiến lũy, mặc kệ, tôi cứ ở lại. Mặc kệ, nói như thế cũng dễ thôi. Các đồng chí, đời sau có ngày mai, ngày mai các đồng chí sẽ không có mặt nữa, nhưng gia đình các đồng chí sẽ lại còn. Với bao nhiêu là đau khổ! Này nhé, một đứa bé con xinh xắn, bụ bẫm, má phính như quả táo, nó bập bẹ, nó bi bô, nó reo cười luôn miệng, hôn vào da thịt nó bao giờ cũng thấy mát rượi, các bạn có biết nó sẽ ra sao nếu bị vứt bỏ không? Tôi có thấy một em, bé tí xíu, cao độ ngần này. Bố nó chết. Một nhà nghèo nhặt nó về nuôi làm phúc, nhưng họ cũng không có cái ăn phần họ. Cho nên thằng bé phải luôn luôn đói khát. Bấy giờ đang mùa đông. Nó không khóc. Người ta thấy nó đi lại bên cái lò than. Lò chẳng bao giờ đốt lửa. Còn cái ống khói thì các bạn biết cho rằng những kẽ hở đều nhét đất sét cho kín. Thằng bé lấy mấy ngón tay tí hon gỡ ít đất sét ấy bỏ vào mồm ăn. Hơi thở nó khò khè, mặt mày nó nhợt nhạt, chân nó đi không vững, bụng nó ỏng to. Nó chẳng nói chẳng rằng. Hỏi nó, nó không ừ hử. Rồi nó chết. Người ta đã đem nó đến viện tế bần Néckơ để nó chết ở đấy. Bấy giờ tôi là sinh viên nội trú làm việc ở đấy nên tôi thấy.

- Giờ đây, nếu trong các đồng chí có ai đã có con, có ai đã có cái hạnh phúc ngày chủ nhật dắt con đi chơi, cầm trong bàn tay hiền từ khỏe mạnh của mình cái bàn tay bé xíu của con mình, thì các đồng chí đó hãy tưởng tượng rằng cái em bé tôi vừa kể chính là con mình. Em bé ấy, tôi còn nhớ, tôi có cảm giác như đang nhìn thấy nó. Khi nó nằm trần truồng trên bàn mổ, thì xương sườn nó nhô lên, da thịt nó sụp xuống

chẳng khác gì những nấm mồ dưới cỏ trong nghĩa địa. Người ta đã tìm thấy một thứ bùn trong dạ dày nó. Trong kẽ răng của nó có dính tro. Thôi chúng ta hãy nên dò lại bụng mình, hãy hỏi lấy lòng mình. Các bản thống kê đều nhận thấy rằng trẻ con còn vô thừa nhận, tỉ lệ chết đến năm mươi lăm phần trăm. Tôi xin nhắc lại, đây là vấn đề phụ nữ, vấn đề các bà mẹ, vấn đề các cô thiếu nữ, vấn đề các cháu bé. Có phải là nói về các đồng chí đâu! Các đồng chí là người thế nào, ai cũng biết. Người ta đều biết rằng các đồng chí đều lấy làm vui sướng và vinh dự được đem thân mình hy sinh cho nghĩa lớn, người ta đều biết rằng các đồng chí tự thấy có diễm phúc được hy sinh một cách huy hoàng và hữu ích, vì thế các đồng chí quyết giữ phần vinh dự ấy. Thật là hay. Nhưng các đồng chí không phải một thân một mình trên đời này. Còn có nhiều kẻ khác mà các đồng chí phải nghĩ đến. Chúng ta không nên ích kỷ.

Mọi người cúi đầu trầm lặng.

Những giờ phút cao cả, quả tim con người có những mâu thuẫn lạ lùng làm sao! Côngbơphe nói như thế nhưng bản thân anh có phải là không cha, không mẹ đâu. Anh nhớ đến mẹ già của kẻ khác và anh quên mất mẹ già của anh. Anh nhất định hy sinh. Anh là một người "ích kỷ".

Mariuytx bụng trống, người nóng bừng. Chàng đã lần lượt mất hết các nguồn hy vọng. Chìm đắm trong đau khổ - một cảnh chìm đắm não nùng nhất - tràn ứ những xúc động mãnh liệt, và cảm thấy giờ phút cuối cùng đã đến, chàng càng ngập sâu trong trạng thái bàng hoàng mộng mị. Trạng thái đó thường diễn ra khi giờ phút tự nguyện hy sinh sắp đến.

Một nhà sinh lý học có thể nghiên cứu nơi chàng những triệu chứng mỗi lúc càng tăng của trạng thái cảm sốt hấp

dẫn đó, trạng thái này đã được khoa học phát hiện và xếp loại, đối với sự đau khổ nó cũng có vị trí tương đương như nhục cảm đối với thú vui.

Thất vọng cũng có độ ngây ngất của nó. Mariuytx đang ở trong tâm trạng ấy. Chàng chứng kiến mọi việc như người ngoài cuộc. Như chúng tôi đã nói, mọi việc xảy ra trước mắt đối với chàng hình như đều xa xôi, chàng trông thấy cái đại thể nhưng chẳng nhìn rõ chi tiết nào. Kẻ qua người lại, chàng đều thấy chập chờn như trong ánh lửa. Tiếng người nói, chàng nghe như từ đáy vực sâu vọng lại.

Thế mà cảnh này làm chàng xúc động. Quang cảnh ấy như có mũi nhọn nào xuyên thẳng tới chàng làm chàng thức tỉnh. Trong trí chàng chỉ có một ý nghĩ là chết, và chàng không muốn phút nào xao lãng việc đó. Nhưng mặc dù tâm thần nửa mê nửa tỉnh, chàng cũng mơ màng nghĩ rằng trong khi mình chết, chẳng có ai cấm mình cứu một người khác. Chàng cất tiếng nói:

- Ăngguônrátx và Côngbơphe nói đúng. Không nên có sự hy sinh vô ích. Tôi tán thành ý kiến hai đồng chí ấy. Chúng ta hãy nhanh lên. Côngbơphe đã nói những lời quyết định. Trong số các đồng chí có người có gia đình, có mẹ già, có em gái, có vợ, có con, các người ấy hãy bước ra.

Không một ai nhúc nhích. Mariuytx lặp lại:

- Những người có vợ con và có gánh nặng gia đình, bước ra khỏi hàng ngũ.

Mariuytx có uy tín lớn. Ăngguônrátx vẫn là người chỉ huy chiến lũy, nhưng Mariuytx là người cứu tinh. Ăngguônrátx thét:

- Tôi ra lệnh!

Mariuytx nói:

- Tôi van xin các đồng chí!

Lời nói của Công bơphe làm cho họ nao nao, lệnh của Ăngglônrátx khiến họ lung lay, và câu van xin của Mariuytx khiến họ xúc động. Thế là đám người anh dũng ấy bắt đầu tố cáo nhau. Một thanh niên nói với một người đứng tuổi: - Đúng đấy. Anh có vợ có con. Anh đi đi. Người kia đáp: - Chính chú mới nên đi, chú còn phải nuôi những hai đứa em gái kia mà! - Và cuộc đấu tranh hiếm có nổ ra. Đấu tranh để khỏi bị ấy ra ngoài cõi chết.

Cuốcphérắc giục:

- Mau lên thôi, mười lăm phút nữa sẽ trễ mất.

- Các đồng chí, Ăngglônrátx, tiếp ở đây là chế độ cộng hòa, và phổ thông đầu phiếu là nguyên tắc cao nhất. Các đồng chí hãy chỉ định lấy những người phải đi ra.

Mọi người tuân theo. Mấy phút sau, năm người được đồng thanh chỉ định bước ra khỏi đám đông. Mariuytx kêu lên:

- Những năm người.

Chỉ có bốn bộ quân phục.

Cả năm đáp:

- Thế thì một người phải ở lại.

Cuộc cãi vã đầy tinh thần vị tha lại diễn ra lần nữa. Lại phải tìm ra ai được ở lại, phải tìm ra đủ lý lẽ để cho những người kia phải đi.

- Cậu, cậu có một cô vợ rất yêu cậu.- Cậu, cậu còn bà cụ.- Cậu không cha không mẹ, nếu mất cậu, ba em cậu sẽ thế nào? - Cậu, cậu có những năm con.- Cậu, cậu có quyền được

sống, mười bảy tuổi thì sớm quá.

Các chiến lũy lớn của quân cách mạng là những nơi gặp gỡ của anh dũng. Cái có vẻ như phi lý, ở đây lại là chuyện thường tình. Bọn người kia chẳng ai ngạc nhiên vì cử chỉ của nhau. Cuốcphêrắc nhắc lại:

- Nhanh lên.

Các nhóm gọi Mariuytx:

- Đồng chí chỉ định hộ cho người nào phải ở lại.

- Phải đấy,- cả năm đồng thanh- yêu cầu đồng chí chọn đi. Chúng tôi xin nghe theo đồng chí.

Mariuytx không tin rằng mình còn có thể xúc động được. Thế mà thoáng nghĩ đến việc phải chọn một người đi chết, chàng cảm thấy như tất cả máu trong người đều dồn về quả tim. Người chàng đã xanh mét rồi, nếu không, người ta đã thấy chàng tái mặt.

Chàng tiến đến chỗ năm người kia đang mỉm cười nhìn chàng. Cả năm, người nào khỏe mắt cũng ngời lên cái ánh lửa vĩ đại mà người ta nhìn thấy trong quá khứ xa vời của lịch sử, ở đèo Técmôpin[1], người nào cũng gọi chàng:

- Tôi! Tôi! Tôi!

Mariuytx ngơ ngác đếm từng người. Đếm đi đếm lại vẫn con số năm! Rồi mắt chàng cúi nhìn xuống bốn bộ quân phục.

Vừa lúc ấy, một bộ thứ năm như từ trên trời rơi xuống chồng lên bốn bộ kia.

Người thứ năm được cứu thoát.

Mariuytx ngước mắt nhìn lên và nhận ra ông Phôsơlơvang.

---

(1) Thời cổ đại, ba trăm thanh niên Spácto đã hy sinh ở đèo Técmôpin (cổ Hy Lạp) để chặn một vạn quân Ba Tư.

Giăng Vangiăng vừa vào trong chiến lũy.

Không biết vì hỏi dò được, hay vì bản năng, vì ngẫu nhiên thế nào mà ông đã theo đường Môngđêtua tìm đến đó. Nhờ bộ quân phục quốc dân quân ông đã đi qua dễ dàng.

Người lính gác của nghĩa quân ở phố Môngđêtua không ra hiệu báo động làm gì vì chỉ thấy có một quốc dân quân đi lẻ một mình. Anh ta đã để cho người ấy đi tự nhiên vào ngõ phố. Anh ta nghĩ bụng: chắc là một người đến tăng cường lực lượng cho ta, cùng đi nữa, nếu là kẻ địch thì chắc chắn cũng sẽ thành một tù binh thôi. Giờ phút vô cùng nghiêm trọng, người lính gác không thể xao nhãng nhiệm vụ và đã rời xa vị trí quan sát của mình.

Khi Giăng Vangiăng bước vào trong chiến lũy, chẳng ai nhìn thấy cả, mọi con mắt đang đổ dồn vào năm người được chọn ra và bốn bộ quân phục. Ông thì trông thấy và nghe rõ hết. Ông lặng lẽ cởi bộ quân phục ra và ném vào đống quần áo kia.

Cảm xúc thật khó tả. Bôtxuyê hỏi:

- Người này là ai thế?

Côngbơphe đáp:

- Một người ra tay cứu kẻ khác.

Mariuytx, giọng nghiêm chỉnh, tiếp:

- Tôi biết ông ấy.

Sự bảo đảm của Mariuytx đủ làm cho mọi người thỏa mãn.

Ăngginônrátx quay về phía Giăng Vangiăng:

- Đồng chí! Xin chào đồng chí!

Và chàng nói thêm:

- Đồng chí biết chúng ta sắp chết chứ?

Giăng Vangiăng không đáp, im lặng giúp người nghĩa quân

được ông cứu thoát bận bộ quân phục vào mình.

V

TRÊN ĐỈNH CHIẾN LŨY NHÌN THẤY CHÂN TRỜI NÀO

Trong giờ phút nghiêm trọng ở nơi khốc liệt này, cảnh ngộ tuyệt vọng của mọi người đã kết tinh và lên tuyệt đỉnh ở nỗi buồn vô hạn của Ăngguônrátx.

Ăngguônrátx tiêu biểu đầy đủ cho cách mạng. Tuy thế, chàng vẫn có thiếu sót, cũng như là cái tuyệt đối còn có thể thiếu sót vậy. Chàng giống Xanh Giuýt quá nhiều mà lại ít giống Anacácdi Cơlút[1]. Trong nhóm các bạn ABC, trí óc chàng cuối cùng lại bị ý kiến của Côngbơphe cuốn hút phần nào. Ít lâu nay, chàng dần dần ra khỏi hình thức nhỏ hẹp của tín điều mà đi theo những hình thức nới rộng của tiến bộ. Chàng đã đi dần đến chỗ thừa nhận sự biến đổi của nền cộng hòa Pháp vĩ đại ra nền cộng hòa nhân loại bao la như là bước tiến hóa cuối cùng và rực rỡ của cách mạng. Còn những biện pháp cấp thời, thì trong một tình hình quyết liệt, chàng muốn có những biện pháp kịch liệt. Trong việc này, chàng không bao giờ thay đổi ý kiến. Và chàng vẫn thuộc cái trường phái hùng tráng ghê gớm tóm tắt trong tiếng: Chín mươi ba[2].

Ăngguônrátx đang đứng trên bậc đá, khuỷu tay chống trên họng khẩu các-bin. Anh nghĩ ngợi. Anh rùng mình như có hơi gió thổi qua, ở những chỗ chết chóc thường xảy ra những hiện tượng đồng bóng như vậy. Từ cặp mắt quay về bên trong ấy bốc lên những lửa ngầm. Bỗng dưng anh ngửng đầu lên.

(1) Hai nhà cách mạng Pháp hồi 1789-1793.

(2) 1793 là thời Cách mạng Pháp chống thù trong giặc ngoài quyết liệt nhất.

Mái tóc hoe vàng hất ra đằng sau như tóc của thiên thần đứng trên xe tứ mã kết bằng các vì sao. Trông như bờm con sư tử hốt hoảng đang chói ngời hào quang. Ăngginônrátx nói to:

- Các đồng chí, các đồng chí có bao giờ hình dung tương lai không? Đường phố các đô thị ngập ánh sáng, cành lá xanh tươi trước cửa, mọi dân tộc là anh em, con người công bằng, ông già thương yêu cháu bé, quá khứ yêu mến hiện tại, nhà tư tưởng được hoàn toàn tự do, tín đồ tôn giáo đều hoàn toàn bình đẳng, trời cao là tín ngưỡng, đức Chúa trực tiếp truyền đạo cho người, lương tâm con người là bàn thờ thiêng liêng, không còn hằn thù nữa, xưởng thợ và trường học kết tình hữu ái huynh đệ, thưởng công hay phạt tội chỉ bằng tiếng khen chê của dư luận, mọi người đều có công ăn việc làm, mọi người đều có quyền lợi ngang nhau, hòa bình cho tất cả, không còn đổ máu, không còn chiến tranh, các bà mẹ sung sướng! Chinh phục vật chất, đó là bước thứ nhất, thực hiện lý tưởng, đó là bước thứ hai. Thử nghĩ đến công việc mà nhân loại tiến bộ đã làm được xem. Dời xưa nhân loại cổ sơ khiếp đảm nhìn thấy con bạch tuộc lướt qua và thở phì phì, trên mặt nước, cũng như con rồng phun lửa, con thiên tinh là con quái vật bay trên không với cánh chim ưng và vuốt hổ, tất cả những con quái vật đáng sợ ấy đều ở trên con người nhiều. Ấy thế mà loài người đã giăng bẫy, những thứ bẫy thiêng liêng của trí thông minh, và cuối cùng đã tóm được những con quái vật ấy.

Chúng ta đã chinh phục con bạch tuộc và bây giờ nó có tên là tàu thủy, chúng ta đã chinh phục con rồng và bây giờ nó có tên là đầu máy xe lửa, chúng ta cũng sắp chinh phục được con thiên tinh, chúng ta đã giữ được nó và nó có tên là

khí cầu. Một ngày kia sự nghiệp Pôrômêtê[1] sẽ hoàn thành, loài người sẽ vĩnh viễn bắt buộc bộ ba cổ đại ấy: con bạch tuộc, con rồng, con thiên tinh, phải tuân theo ý chí của mình, ngày ấy, loài người sẽ làm chủ cả nước, cả lửa và cả không khí, địa vị của loài người so với toàn thể loài vật khác trong trời đất cũng sẽ như địa vị của thần linh ngày xưa đối với loài người vậy. Hãy can đảm tiến lên! Các đồng chí, chúng ta đi đâu đây? Chúng ta đi đến chỗ mà khoa học là chính quyền, chỗ mà sức mạnh của sự vật là quyền hành duy nhất, chỗ mà luật thiên nhiên tự nó bảo đảm sự thi hành và trừng trị điều vi phạm, luật ấy không ban bố mà vì tính chất tất yếu của nó nên cũng thành như ban bố, chúng ta đi đến chỗ mà chân lý mọc lên cùng với mặt trời. Chúng ta đi đến chỗ thế giới đại đồng, nhân loại thống nhất. Không còn ảo tưởng, không còn kẻ ăn bám. Chân lý cai trị thực tế, đó là mục đích. Văn minh sẽ hội họp trên đỉnh châu Âu, và về sau ở trung tâm các đại lục, trong các nghị viện lớn của trí tuệ. Một cảnh tượng tương tự đã thấy rồi. Đại biểu các thành phố Hy Lạp ngày xưa mỗi năm có hai kỳ hội họp, một ở Đen-phơ, chỗ các thần thánh, một ở Técmôpin, chỗ các anh hùng. Châu Âu cũng sẽ có đại biểu của mình, thế giới cũng sẽ có đại biểu của mình. Nước Pháp mang cái tương lai cao cả ấy trong lòng mình. Thế kỷ mười chín này đang thai nghén công việc đó. Cái mà trước kia nước Hy Lạp đã phác ra rất đáng được nước Pháp ngày nay hoàn thành.

Phơidi, cậu là người công nhân dũng cảm, cậu là người

(1) Nhân vật thần thoại cổ Hy Lạp đã cướp lửa của trời và xây dựng nền văn minh đầu tiên cho nhân loại.

trong nhân dân, người của nhân dân mọi nước, cậu nghe tớ. Tớ sùng bái cậu. Phải, cậu thấy rõ cuộc đời tương lai, phải, cậu nói đúng, Phoidi, cậu không có cha mà cũng chẳng có mẹ, cậu đã nhận nhân loại làm mẹ, chính nghĩa làm cha. Cậu sắp chết ở đây, nghĩa là cậu sẽ chiến thắng.

Các đồng chí, hôm nay dù sao đi nữa, với sự thất bại cũng như với sự thắng lợi của chúng ta, chúng ta sắp làm một cuộc cách mạng đây. Cách mạng soi sáng toàn nhân loại cũng như đám cháy soi sáng cả thành phố. Và cách mạng ta làm là cách mạng gì đây? Tôi vừa nói xong, đây là cuộc cách mạng của sự thật. Về phương diện chính trị, chỉ có mỗi một nguyên lý: chủ quyền của con người đối với bản thân con người. Chủ quyền của tôi đối với tôi là Tự do. Khi hai hay nhiều chủ quyền như thế kết hợp nhau lại, đó là sự hình thành của nhà nước. Nhưng trong sự kết hợp ấy không còn sự từ bỏ nào cả. Mỗi chủ quyền nhường một phần nào đó của mình để lập nên quyền chung. Phần nhường ấy, ai cũng như ai, ngang nhau cả. Nhường ngang nhau như thế là bình đẳng. Quyền chung chẳng có gì khác là sự bảo vệ của toàn thể đối với mỗi người, đó gọi là Bác ái. Giao điểm của tất cả các chủ quyền chằng chịt với nhau ấy gọi là Xã hội. Giao nhau như thế là tiếp nối, còn giao điểm là một cái nút. Do đó mà có cái người ta gọi là quan hệ xã hội. Có kẻ nói là khế ước xã hội. Cũng thế thôi, bởi vì theo từ nguyên thì khế ước cũng hàm cái nghĩa dây buộc. Chúng ta hãy đồng ý với nhau về chữ bình đẳng. Bởi vì, nếu tự do là đỉnh thì bình đẳng là đáy. Các đồng chí, bình đẳng không phải là đối đầu, một xã hội chỉ toàn là những cây sồi tí hon, một tập hợp những đố kỵ làm tê liệt lẫn nhau. Bình đẳng về phương diện công quyền, là mọi khả năng đều

có chỗ dùng ngang nhau; về phương diện chính trị, là mọi lá phiếu đều có trọng lượng ngang nhau; về phương diện tôn giáo, là mọi tín ngưỡng đều có quyền ngang nhau. Cơ quan của bình đẳng là nền giáo dục không mất tiền và cưỡng bách. Có quyền được học chữ, ấy đấy, phải bắt đầu từ đấy. Tiểu học bắt buộc cho mọi người, trung học mở rộng cửa cho mọi người, đó là pháp luật. Trường đồng nhất đẻ ra xã hội bình đẳng. Phải, giáo dục! Ánh sáng, ánh sáng! Tất cả đều từ ánh sáng mà ra và trở về ánh sáng.

Các đồng chí, thế kỷ mười chín vĩ đại, nhưng thế kỷ hai mươi sẽ sung sướng. Bấy giờ không còn cái gì giống như xưa nữa. Người ta sẽ không còn lo sợ như ngày nay một cuộc chinh phục, một cuộc xâm lăng, một cuộc tiếm vị, một cuộc cạnh tranh vũ trang giữa các quốc gia, một việc cưới xin của vua chúa mà làm cho văn minh phải ngừng lại, một chế độ bạo tàn cha truyền con nối kéo dài vì sinh được đứa con kế vị, một cuộc chia sẻ các dân tộc bằng hội nghị, một cuộc chia cắt đi liền theo một triều đại sụp đổ, một cuộc chiến tranh giữa hai tôn giáo chạm trán nhau, chẳng khác gì hai con dê của bóng tối húc nhau trên cái cầu của vô tận. Người ta sẽ không còn sợ nạn đói, nạn bóc lột, nạn mãi dâm vì cùng khốn, nạn nghèo khổ vì thất nghiệp, không còn sợ máy chém, sợ lưỡi gươm, sợ đánh nhau và sợ mọi thứ rủi ro cướp phá hạnh phúc con người trong cái rừng các biến nữa. Người ta gần như có thể nói: sẽ không còn biến cố nữa. Người ta sẽ sung sướng. Nhân loại sẽ tuân theo quy luật của mình cũng như quả đất quay theo quy luật của nó. Sự hòa hợp giữa linh hồn và tinh tú sẽ được lặp lại. Linh hồn xoay quanh chân lý cũng như tinh tú xoay quanh ánh sáng.

Các bạn, giờ phút chúng ta đang sống đây và tôi đang nói chuyện với các bạn đây là một giờ phút đen tối, nhưng đây là chúng ta mua tương lai với một giá kinh khủng. Cách mạng là một khoản thuế đò ngang. Chao ôi! Nhân loại sẽ được cởi bỏ xiềng xích, sẽ được vực dậy và được an ủi. Ở trên chiến lũy này chúng ta khẳng định điều ấy với nhân loại. Tiếng kêu thương yêu, người ta kêu lên từ chỗ nào, nếu không phải là từ trên đỉnh chót vót của sự hy sinh? Các bạn ơi, đây là chỗ gặp gỡ của những kẻ biết suy nghĩ và những người đau khổ. Chiến lũy này không phải làm bằng đá phiến, bằng kèo gỗ, hay bằng đồ sắt đâu, nó làm bằng hai đống, một đống tư tưởng và một đống đau khổ. Cùng khổ đã gặp lý tưởng ở đây. Ban ngày ôm hôn bóng đêm và bảo: Ta chết cùng ngươi và ngươi sẽ sống lại cùng ta. Tất cả mọi thứ buồn não ôm siết nhau làm nẩy bật ra lòng tin. Đau khổ đến đây để hấp hối và chết, còn tư tưởng đến đây để trường sinh. Sự hấp hối ấy và sự trường sinh ấy sắp trộn lẫn với nhau và làm nên cái chết của chúng ta. Anh em ơi, ai chết ở đây là chết trong ánh sáng rực rỡ của tương lai, chúng ta sẽ đi vào một ngôi mộ tràn đầy ánh bình minh.

Ăngginônrátx ngừng lại chứ không phải là thôi nói. Môi chàng cứ im lặng mấp máy tuồng như chàng còn đang tiếp tục nói cho mình nghe. Thấy thế mọi người chăm chú và cố sức lắng nghe nữa, thành ra đều cứ dán mắt nhìn chàng. Không có tràng vỗ tay nào cả, nhưng người ta thầm thì với nhau rất lâu. Lời nói là hơi thở, trí óc rung động cũng giống như cành lá rung động vậy.

VI

MARIUYTX NHƯ NGƯỜI MẤT HỒN, GIAVE NÓI NĂNG CỤT NGỦN

Hãy nói những gì đã xảy ra trong trí Mariuytx.

Độc giả hãy nhớ lại tâm trạng chàng. Chúng tôi vừa nhắc lại đối với chàng cái gì cũng mơ hồ như bóng cả. Sự xét đoán của chàng cũng mù mờ. Chúng tôi xin nhấn mạnh, Mariuytx đang ở dưới bóng những cặp cánh to lớn, đen ngòm đang mở rộng phủ trên những người sắp chết. Chàng có cảm giác như đã bước vào trong mộ, hình như chàng đã ở bên kia vách mồ và chàng chỉ còn nhìn mặt những người sống bằng con mắt của kẻ đã chết.

Thế nào lại có ông Phôsơlơvăng ở đấy? Tại sao ông ta lại ở đấy? Ông ta đến đấy để làm gì? Mariuytx không hề đặt cho mình những câu hỏi như thế. Vả lại, thất vọng có cái đặc biệt là nó bao trùm cả chúng ta lẫn người khác nên chàng lại thấy mọi người cũng đến đây để chết là hợp lý thôi.

Có điều nghĩ đến Côdét chàng thấy đau xé trong lòng.

Ông Phôsơlơvăng cũng chẳng nói gì với chàng, cũng chẳng nhìn chàng, và khi Mariuytx cất tiếng nói: tôi biết ông ấy, hình như ông cũng chẳng nghe thấy gì.

Về phía Mariuytx, thái độ cả ông Phôsơlơvăng làm chàng thấy dễ chịu. Nếu có thể dùng một tiếng như thế này để chỉ loại cảm tưởng kiểu đó thì chúng ta sẽ nói: thái độ ấy làm chàng vui lòng. Từ trước, chàng vẫn luôn luôn cảm thấy mình tuyệt đối không có khả năng mở mồm nói một câu nào với con người bí hiểm vừa khó hiểu vừa có uy thế ấy. Với lại đã

lâu lắm chàng không gặp ông ta,đó cũng là một lẽ làm cho Mariuytx vốn rụt rè, dè dặt, lại càng thấy khó khăn thêm.

Năm người được chỉ định theo ngõ Môngđêtua ra khỏi chiến lũy. Họ hoàn toàn không khác gì bọn quốc dân quân. Mọi người trong bọn họ vừa đi vừa khóc. Trước khi lên đường, cả năm ôm hôn các đồng chí còn ở lại.

Năm người được trả lại cho cuộc sống ấy vừa đi xong, Ănggiônrátx nhớ đến tên tù đã khép vào tội chết. Chàng vào gian phòng thấp. Giave bị trói vào cây cột đang có dáng nghỉ ngợi. Ănggiônrátx hỏi:

- Mày cần gì không?

- Khi nào các người giết ta? - Giave hỏi.

- Chờ đã. Bây giờ chúng ta đang cần đạn.

- Thế thì cho ta xin ít nước.

Ănggiônrátx thân đưa cho nó một cốc nước. Giave hai tay bị trói nên chàng cầm cho nó uống luôn. Ănggiônrátx hỏi lại:

- Không còn cần gì nữa à?

Giave đáp:

- Đứng ở cây cột này khó chịu lắm. Suốt đêm để ta đứng thế này, các người thật chẳng từ thiện chút nào. Các người muốn trói thế nào thì trói, nhưng các người cũng nên để ta nằm trên một cái bàn, như người kia.

Y hất đầu chỉ thi hài cụ Mabớp.

Các bạn còn nhớ, ở cuối phòng có một cái bàn to và dài, nghĩa quân đúc đạn và làm đạn ở đấy. Đạn làm xong, thuốc súng cũng hết, cái bàn hóa nên bỏ trống.

Theo lệnh Ănggiônrátx, bốn nghĩa quân cởi trói cho Giave. Bốn người cởi hắn khỏi cây cột, còn một người

thủ năm thì cầm lưỡi lê chĩa vào giữa ngực nắn. Tay hắn vẫn trói ra sau lưng như cũ, người ta lấy một cái dây thừng nhỏ và chắc buộc hai chân hắn lại, nhưng để cho hắn có thể đi những bước ngắn như người sắp lên máy chém. Và người ta bắt hắn đi đến cái bàn ở cuối phòng, đặt hắn nằm lên đấy, buộc chặt ngang bụng vào bàn.

Để cho chắc chắn thêm, người ta dùng thêm một cái dây cột phụ thêm vào các dây trước làm cho không còn cách nào trốn được nữa. Cái dây này buộc theo kiểu trong nhà tù gọi là dây đai, đi từ sau gáy, thắt nút ở trước dạ dày rồi chia thành hai múi quàng xuống bụng, luồn qua đít và kéo trở lên nối liền với hai bàn tay ở sau lưng.

Trong khi người ta trói Giave, một người đứng ở bậc cửa đưa mắt nhìn hắn chằm chằm. Thấy bóng người ấy giải trên mặt đất, Giave quay đầu lại, ngước mắt nhìn và nhận ra được Giăng Vangiăng. Hắn cũng chẳng giật mình, cứ kiêu hãnh sụp mắt xuống và chỉ lẩm bẩm mấy lời : Cũng dễ hiểu thôi.

VII

TÌNH HÌNH THÊM NGHIÊM TRỌNG

Trời mỗi lúc một sáng nhanh. Nhưng chẳng thấy nhà ai mở lấy một cái cửa sổ hay hé lấy một cánh cửa lớn. Trời đã rạng đông nhưng hàng phố vẫn như chưa thức tỉnh. Ở đầu phố Săngvrơri đối với chiến luỹ, quân đội chính phủ đã rút khỏi, như chúng tôi nói. Đường phố như rảnh rang chờ người đi đường qua lại, với vẻ vắng lặng đáng sợ. Con đường Xanh Đơni cũng lặng câm như đại lộ Xphanh ở Tebơ. Ở các ngã tư, mặt đường loang loáng ánh mai trắng nhạt, cũng không

một bóng người. Cái ánh sáng nhàn nhạt trên các đường phố lạnh tanh, thật chẳng có gì ảm đạm bằng.

Mắt không thấy gì cả nhưng tai thì vẫn nghe. Ở gần đâu đây có một cái gì đang chuyển động âm thầm. Rõ ràng là giờ phút nghiêm trọng sắp đến. Như hồi đầu hôm, các người canh gác đều rút về chiến luỹ, nhưng lần này họ đều về tất cả.

Chiến luỹ bây giờ vững mạnh hơn khi có đợt tấn công thứ nhất. Lúc năm người kia đi xong, nghĩa quân đã bồi đắp cho nó cao thêm nữa.

Theo ý kiến người nghĩa quân canh gác đã quan sát khu chợ, Ăngginônrátx sợ bị đánh bất ngờ từ sau lưng. Chàng quyết định một việc quan trọng. Ngõ Môngđêtua từ trước đến bấy giờ còn để trống làm con đường giao thông nhỏ, chàng ra lệnh chặn lại. Mọi người phải cạy thêm một khúc đường phố dài độ mấy cái nhà nữa. Như thế là khu chiến luỹ ba mặt đều bị chặn lại, đằng trước là phố Săngvrơiri, bên trái là phố Xinhơ và phố Pơtit Truyvăngđri, bên phải là ngõ Môngđêtua, thực sự hầu như không thể đánh chiếm nổi. Có điều là nghĩa quân cũng bị kẹt luôn ở trong ấy. Chiến lũy có ba trận tuyến, nhưng lại không có lối rút lui. Cuốcphêrắc cười nói :

- Pháo đài mà cũng là bẫy chuột đây!

Cỡ độ ba mươi tảng đá mà Bôtxuyê cho là "cạy thừa", Ăngginônrátx bảo đem chất trước cửa quán rượu.

Ở phía đoán chắc là đợt tấn công sẽ xuất phát, bấy giờ lại nghe im lặng như tờ khiến Ăngginônrátx phải cho mọi người trở về vị trí chiến đấu của mình.

Mỗi người được phát một xuất rượu mạnh.

Chẳng có gì lạ mắt bằng một chiến luỹ chuẩn bị đón một

cuộc xung phong. Người nào cũng chọn chỗ ngồi cho mình như đi xem hát. Người thì áp sườn vào tường, người thì chống khuỷu tay, người thì tựa vai. Có người lại khuân đá làm ghế ngồi. Góc tường nào bất lợi, người ta tránh xa ra, mô tường nào có thể tránh đạn được, người ta ẩn vào đấy. Ai bắn tay trái thì thật là quí, chỗ nào bất tiện cho người khác thì họ lãnh lấy. Lắm kẻ lại sắp xếp để cứ ngồi mà đánh nhau. Người ta muốn được một chỗ thoải mái để giết cũng như một chỗ tươm tất để chết. Trong cuộc chiến tranh khốc hại năm 1848, một nghĩa quân có đường bắn rất đáng gườm, đã mang một cái ghế bành kiểu Vônte lên trên sân thượng một nóc nhà nọ để ngồi đánh nhau. Một viên đạn đã bay lên tìm anh ta tận trên ấy.

Người chỉ huy vừa hạ lệnh chuẩn bị chiến đấu tức thì mọi cử động lộn xộn đều chấm dứt. Thôi không cãi nhau nữa, thôi không tụm năm tụm ba nữa, thôi không chuyện riêng nữa, thôi không bàn mảnh nữa. Tất cả trí não đều qui tụ lại và biến thành sự đợi chờ quân địch. Trước khi nguy hiểm đến, chiến luỹ là cảnh hỗn độn, giữa lúc nguy hiểm, chiến luỹ lại là cảnh kỷ luật. Hiểm nguy tạo ra trật tự.

Khi Ăngginôrátx cầm khẩu các bin hai nòng lên và đến đứng vào chỗ có lỗ trống như lỗ châu mai mà chàng đã chọn, mọi người đều im lặng. Có tiếng lách cách vang dọc theo bức thành đá: người ta lắp đạn.

Tuy nhiên, thái độ mọi người đều có vẻ kiêu hãnh và tự tin hơn bao giờ hết. Càng quên mình lắm càng rắn rỏi nhiều. Bọn người này không còn sức mạnh của hy vọng nữa, nhưng họ lại có sức mạnh của tuyệt vọng. Tuyệt vọng là vũ khí cuối cùng, có khi nó cũng đem lại thắng loại. Viếcgin nói thế. Nhưng quyết định triệt để làm nẩy ra những phương tiện

tuyệt đỉnh. Xông vào chỗ chết có khi lại thấy lối sống. Tấm ván đậy nắp quan tài có khi lại trở thành tấm ván cứu người chết đuối.

Như chập tối hôm qua, tất cả sự chăm chú đều quay vào, có thể nói là đều áp vào, đầu phố bây giờ đã sáng rõ.

Thời gian chờ đợi không lâu lắm. Tiếng động lại vang lên rõ rệt ở phía Xanh Lơ, nhưng không giống như trong cuộc tấn công lần trước. Có tiếng dây xích loảng xoảng, có tiếng một khối gì gập ghềnh tiến đến, nghe đáng sợ, có tiếng thép nhảy trên đường lích kích tất cả thành một thứ ầm ầm nghiêm trọng báo hiệu một mớ sắt thép ghê rợn đang tiến đến gần. Lòng các đường phố cũ kỹ bình yên bỗng như run lên. Các đường phố này được xẻ ra để cho lợi quyền và tư tưởng được giao lưu có hiệu quả, chứ đâu phải để cho những thứ xe quỉ quái của chiến tranh đi lại.

Toàn thể chiến sĩ đều trông về cuối phố, mắt nhìn chằm chằm không chớp, trông như đổ lửa.

Một khẩu pháo hiện ra.

Bọn pháo thủ đẩy tới. Khẩu pháo sẵn sàng để bắn. Càng pháo đã tháo ra, hai tên lính nâng bệ súng, bốn tên bắt bánh, nhiều tên khác theo sau mang hòm đạn. Ngòi súng đang cháy bốc khói. Ăngiônrátx thét:

- Bắn!

Cả chiến luỹ bắn ra một loạt. Tiếng nổ vang lên ghê gớm. Một thác khói phủ lên, xoá nhoà khẩu pháo và bọn lính. Vài giây sau, làn khói tan đi, khẩu pháo và bọn lính lại hiện ra. Bọn pháo thủ đã đẩy khẩu pháo vào trước mặt chiến luỹ, thong thả, chỉnh tề, không chút hấp tấp. Loạt súng vừa rồi không làm tên nào trúng đạn cả. Tên khẩu đội trưởng, đè

quy-lát xuống để nâng cao đường bắn, chĩa nòng pháo vào chiến lũy, với vẻ thận trọng của một nhà thiên văn đang chĩa ống nhòm lên trời, Bôtxuyê kêu lên:

- Hoan hô bọn pháo thủ!

Và tất cả chiến lũy đều vỗ tay.

Một lát sau thì khẩu pháo đặt chễm chệ chính giữa đường, nằm vắt ngang trên lòng đường, sẵn sàng nhả đạn. Cái họng dữ dội há hốc ra nhằm vào chiến luỹ. Cuốcphêrắc nói:

- A ha, vui nhỉ! Thằng cộc cằn đã đến. Hôm qua là búng chơi, bây giờ mới thật đấm đây. Quân đội giơ cái chân voi ra với bọn mình rồi đấy. Chiến luỹ rồi sẽ bị giã ra trò. Hôm qua súng trường nắn thử, bây giờ đại Lác đến phá đây.

Công bơphe thêm:

- Một khẩu tám mươi ly đấy, kiểu mới, bằng đồng đỏ. Loại pháo này, đồng đỏ mà trộn quá tỉ lệ mười phần thiếc, một phần đồng một chút thì nhất định là toác nòng ngay. Nhiều thiếc thì nòng quá mềm. Cho nên có thể có những hang hốc, những chỗ rỗ trong ruột. Để khỏi toác nòng và để nhồi thuốc cho già, có lẽ phải trở lại phương pháp thế kỷ mười bốn là đặt niềng chung quanh, đai vào bên ngoài nòng một loạt vòng thép không hàn lại, từ quy lát đến bệ. Trong khi chờ đợi người ta cũng cố tìm cách bổ khuyết. Người ta có thể biết hang, nẻ ở đâu bằng cách dùng que thông móc. Nhưng có cách tốt hơn, đó là ngôi sao đo của Gribôvan[1].

- Hồi thế kỷ mười sáu, Bôtxuyê nhận xét, người ta xẻ rãnh trong nòng.

---

1. Dụng cụ để đo nòng pháo.

- Phải, Côngbôphe đáp. Cái đó làm tăng sức xạ kích nhưng lại làm giảm độ chính xác. Với lại, khi bắn gần thì đường đạn không thẳng như ta mong muốn, đường pa-ra-bôn cong quá mức, đạn không đi thẳng để tin vào các vật nằm ở trung gian, mà điều này lại cần thiết trong chiến đấu, nhất là khi địch ở gần và cần bắn nhanh. Với đại bác rạch nòng thế kỷ mười sáu, đường đạn không căng là do không thể dùng nhiều thuốc. Với loại vũ khí này, không thể tọng già thuốc là do sức phá vỡ quá mạnh của nó, chẳng hạn phải sợ rạn vỡ bệ súng. Tóm lại đại bác cũng như một bạo chúa, không thể muốn gì làm được nấy, rất mạnh cũng là rất yếu. Một viên đạn đại bác đi sáu trăm dặm một giờ, ánh sáng một giây đi bảy vạn dặm[1]. Chúa Giêsu hơn Napôlêông như thế đấy.

- Lắp đạn lại, Ăngginônrátx hô.

Lớp áo giáp của chiến lũy sẽ chịu đựng như thế nào sức đạn đại bác? Viên đạn sẽ chọc thủng nó chăng? Đó là vấn đề. Trong khi nghĩa quân lắp đạn lại thì bọn pháo thủ cũng nạp đạn vào nòng khẩu pháo.

Khắp chiến luỹ ai nấy đều hết sức lo lắng.

Khẩu pháo bắn, tiếng nổ vang ầm.

- Có mặt! Một tiếng reo vui vẻ cất lên.

Phát đại bác đập vào chiến luỹ thì đồng thời Gavrốt cũng nhảy phóc vào giữa.

Chú từ phố Xinhơ đến và đã nhanh nhẹn leo qua cái chiến lũy phụ chắn phía Pơtít Tơruyăngđri.

Cả chiến luỹ xao xuyến vì Gavrốt nhiều hơn là vì quả đại bác. Quả đại bác đã mất hút trong mớ gạch đá chằng chịt.

---

(1) Dặm Âu châu (lieue) bằng độ 4km.

Nó chỉ làm gãy mọt bánh của chiếc xe khách và hủy hoại nốt cái xe bò Ăngxô, chứ không gây thiệt hại gì khác. Thấy thế, cả chiến luỹ phá lên cười. Bôtxuyê gọi bảo bọn pháo thủ:

- Tiếp tục đi!

VIII

BỌN PHÁO THỦ LÀM CHO NGƯỜI TA KHÔNG DÁM COI THƯỜNG

Mọi người vây quanh Gavrốt

Nhưng chú chẳng kịp kể chuyện, Mariuytx lòng hồi hộp, kéo chú ra một nơi :

- Em đến đây làm gì?

- Ô hay! Chú bé đáp, chứ còn anh?

Và chú nhìn chằm chằm Mariuytx với vẻ liều lĩnh "yêng hùng" của chú. Một thứ ánh sáng kiêu hãnh ngời lên trong khoé mắt làm cho mắt chú to thêm.

Mariuytx nói tiếp, giọng nghiêm nghị:

- Ai bảo em trở lại đây? Em có đưa cái thư của anh đến đúng địa chỉ chứ?

Về chuyện cái thư, Gavrốt không phải là không có chút hối hận. Vì nôn nóng trở về chiến luỹ, chú đã làm cái việc trút cho xong nợ hơn là trao lại cho người có thư. Chú đành phải tự thú với mình là chú đã nhẹ dạ đem gửi bừa cho cái người lạ mặt ấy mà chú cũng không kịp nhìn cho rõ mặt. Ừ, người ấy để đầu trần thật, nhưng đã chắc đâu là người nhà. Tóm lại, chú tự mắng thầm chú về vấn đề ấy và chú sợ những lời trách móc của Mariuytx. Để thoát nạn, chú bèn dùng phương pháp đơn giản nhất: chú nói dối vong mạng.

- Đồng chí ạ, em đã trao cái thư cho người gác cổng. Cô nương ngủ. Thức dậy sẽ có thể đến tay.

Đưa bức thư kia đi Mariuytx nhắm hai mục đích : vĩnh biệt Côđét và cứu thoát Gavrốt. Chỉ đạt được một nửa, chàng cũng bằng lòng vậy.

Bức thư gửi đi, ông Phôsơlơvăng có mặt ở chiến luỹ, trong trí chàng bỗng nhiên hai sự việc ấy chắp nối lại. Chàng đưa tay chỉ ông Phôsơlơvăng và hỏi Gavrốt :

- Em biết ông ấy không?

- Không.

Như chúng tôi vừa nhắc lại, đúng là Gavrốt chỉ thấy Giăng Vangiăng trong bóng tối thôi.

Những điều ước đoán rối bời và bệnh hoạn vừa thoáng hiện trong trí óc Mariuytx đã vội tan ngay. Chàng biết đâu chính kiến của ông Phôsơlơvăng? Ông Phôsơlơvăng có lẽ là người cộng hoà. Thế thì ông có mặt ở cuộc chiến đấu này là một chuyện hết sức tự nhiên.

Trong khi đó Gavrốt đã ở đầu kia chiến luỹ, mồm kêu to : Súng của tôi đâu?

Cuốcphêrắc bảo đem trả súng cho chú.

Gavrốt báo cho "các đồng chí" biết rằng chiến luỹ đã bị bao vây. Chú phải khó nhọc lắm mới về được. Một tiểu đoàn quân chính quy chia thành nhiều cánh trong khu vực Pơtit Truyvăngđri, đang quan sát phía phố Xinhơ, phía đối diện lại có cảnh vệ thành phố chiếm đường Pơrêsơ. Trước mạt chúng ta là đại bộ phận quân đội.

Nói xong mấy điều về địch tình ấy, Gavrốt thêm :

- Tôi cho phép các đồng chí phết cho chúng nó một trận ra trò.

Trong lúc đó, Ăngglionratx đứng ở lỗ châu mai, lắng tai nghe ngóng. *Bọn quân lính có lẽ không thoả mãn với phát đại bác*, đã ngừng không bắn nữa.

Một đại đội bộ binh đến đóng ở đầu phố sau khẩu pháo. Bọn lính cũng cạy mặt đường lấy đá dựng một bức tường thấp, một thứ tường chắn đạn không cao quá năm tấc, đối diện với chiến luỹ. Ở góc trái bức tường ấy là tiền đội của một tiểu đoàn ngoại ô, đóng ở phố Xanh Đơni.

Ăngginônrátx không ngừng theo dõi, bỗng nghe như có thứ tiếng đặc biệt khi người ta rút các hộp đạn ra khỏi hòm và anh nhìn thấy tên khẩu đội trưởng thay đổi hướng súng, nghiêng nòng chút ít về phía trái. Xong, bọn pháo thủ bắt đầu lắp đạn. Tên khẩu đội trưởng tự tay cầm lấy mồi lửa đưa đến ngòi thuốc. Ăngginônrátx thét to:

- Cúi xuống, chạy vào tường, tất cả quỉ xuống dọc chiến lũy!

Nghĩa quân đứng rải rác trước quán rượu và đã rời khỏi vị trí chiến đấu từ lúc Gavrốt vào, bỗng xô nhau lộn xộn trở về chiến luỹ. Nhưng mọi người chưa kịp thi hành xong mệnh lệnh của Ăngginônrátx thì phát súng đã nổ xé trời như một phát đạn ghém. Mà quả thật là một phát đạn ghém.

Phát súng nhằm vào chỗ khe hở của pháo đài nên đạn ria chạm vào tường, thia lia trở vào trong chiến luỹ. Những mảnh sắt bắn thia lia tai hại ấy làm hai người chết và ba người bị thương.

Nếu cứ thế thì không sao giữ nổi nữa. Đạn ghém lọt vào bên trong chiến luỹ.

Cả chiến lũy ồn ào thảng thốt. Ăngginônrátx nói:

- Cứ hãy chặn không cho chúng bắn phát thứ hai đã!

Chàng đã hạ mũi súng nhằm tên khẩu đội trưởng đang

cúi xuống quy lát khẩu pháo để chỉnh và ổn định đường bắn lần cuối cùng. Tên chỉ huy này là một tên đội trưởng pháo binh trẻ măng, tóc hoe vàng, nét mặt hiền lành, thông minh thích hợp với loại vũ khí ghê gớm và tiền định này, loại vũ khí khi hoàn chỉnh đúng mức trong rùng rợn thì tự nó sẽ tiêu diệt chiến tranh.

Côngbơphe đứng bên cạnh Ăngginônrátx đưa mắt ngắm anh chàng thanh niên ấy. Anh nói:

- Thật là uổng! Những cái trò chém giết này, chán bỏ mẹ! Thôi, sau này không còn vua thì chắc là cũng hết chiến tranh. Ăngginônrátx, cậu nhằm tên đội ấy mà chẳng nhìn hắn ta. Cậu hãy hình dung đó là một anh chàng thanh niên tươi đẹp, can đảm, có suy nghĩ, có học thức, bọn pháo binh học thức cừ lắm nhé, anh chàng lại có một ông cha, một bà mẹ, có gia đình, chắc chắn là anh ta có người yêu, anh ta nhiều nhất cũng chỉ hai mươi lăm tuổi, anh ta có thể làm em cậu. Ăngginônrátx nói:

- Nó là em tôi, vâng.

- Phải, Côngbơphe tiếp, hắn cũng là em tớ. Thế thì đừng giết hắn,

- Cậu để mặc tớ. Việc cần làm thì phải làm.

Một giọt lệ lăn từ từ trên gò má lạnh như đá của Ăngginônrátx. Cũng lúc đó chàng bấm cò. Một làn chớp loé lên. Viên pháo thủ quay tròn hai vòng, hai tay giơ thẳng ra đằng trước, đầu ngước lên như hớp không khí, rồi nó ngã nghiêng kê hông vào khẩu pháo, nằm yên không cựa quậy. Ở giữa lưng nó máu trào ra lai láng. Viên đạn đã đi xuyên từ trước ngực ra sau lưng. Nó chết.

Phải khiêng nó đi và thay người khác. Nghĩa quân quả đã

tranh thủ được mấy phút.

IX

LẠI SỬ DỤNG TÀI SĂN BẮN TRỘM, VÀ ĐƯỜNG SÚNG BÁ PHÁT BÁ TRÚNG ĐÃ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BẢN ÁN NĂM 1796

Ý kiến trao qua đổi lại trong khắp chiến luỹ. Khẩu pháo sắp bắn lại. Với thứ đạn ghém ấy, chiến luỹ không chịu đựng được quá mười lăm phút. Nhất thiết phải làm cho sức đạn bắn thia lia yếu đi.

Ăngguônrátx hô to:

- Phải để ở đấy một tấm đệm.

- Làm gì có đệm. Côngbơphe nói, đệm để anh em bị thương nằm rồi.

Giăng Vangiăng từ nãy vẫn ngồi riêng trên một trụ vôi ở góc quán rượu, kẹp súng giữa hai chân, không tham gia gì vào công việc đã diễn ra. Ông ra vẻ không nghe câu các chiến sĩ nói chung quanh ông: Coi kìa, tay súng ấy chả làm gì cả kìa.

Nghe Ăngguônrátx ra lệnh, ông đứng dậy.

Các bạn còn nhớ khi đám người tụ tập lại kéo qua phố Săngvrơri thì một bà cụ già đã kéo lên cửa sổ một tấm đệm để phòng đạn. Cửa sổ ấy là cửa sổ tầng áp mái, nằm tận trên nóc một ngôi nhà sáu tầng ở bên ngoài chiến luỹ nhưng không cách xa nhiều. Tấm đệm đặt nằm ngang, bên dưới có hai cây sào phơi quần áo đỡ lên, mép trên treo bằng hai sợi dây thừng, đằng xa ngó như hai sợi chỉ, buộc vào mấy cái đanh đóng ở khung cửa. Người ta trông rõ hai sợi dây ấy trên nền trời như hai sợi tóc.

Giăng Vangiăng nói:

- Có ai cho tôi mượn khẩu cácbin hai nòng một chút.

Ăngginônrátx vừa lắp đạn xong khẩu súng của mình, bèn đưa cho ông.

Giăng Vangiăng ngắm cái cửa sổ và nổ súng.

Một trong hai sợi dây đứt ra.

Tấm đệm chỉ còn treo có một sợi.

Giăng Vangiăng bắn phát thứ hai. Sợi dây thứ hai đứt, đập vào cửa kính. Tấm đệm tụt dần giữa hai cây sào và rơi xuống mặt đường.

Cả chiến luỹ vỗ tay.

Mọi người đồng thanh kêu lên:

- Có đệm đây rồi.

Côngbơphe nói:

- Ừ! Nhưng ai ra lấy về?

Tấm đệm quả đã rơi ở ngoài chiến luỹ, nằm giữa quãng một bên là bọn lính bao vây và một bên là nghĩa quân bị bao vây. Vả lại, cái chết của viên đội pháo thủ đã làm cho quân lính nổi giận. Từ mấy phút rồi, chúng đã nằm rạp xuống sau dãy bờ đá vừa xây, và để thay thế khẩu pháo bắt buộc phải câm tiếng chờ tổ chức lại đội pháo thủ, chúng đã xả súng bắn vào chiến luỹ. Nghĩa quân không muốn trả lời vì muốn tiết kiệm đạn. Các loại đạn đều va vào chiến luỹ không gây tai hại gì, nhưng trên đường phố thì đạn bay như mưa, rất dễ sợ.

Giăng Vangiăng lách qua khe hở, bước ra ngoài đường phố, băng qua làn mưa đạn, đến chỗ tấm đệm, nhặt lấy, vác lên lưng và trở vào chiến lũy.

Cũng tự tay ông đem đặt tấm đệm vào khe hở. Ông treo tấm đệm vào tường mà cố ý làm cho bọn pháo thủ không nhìn thấy nó được.

Xong đâu đấy, người ta chờ phát đạn ghém bắn tới. Không bao lâu nó bắn tới thật.

Khẩu pháo gầm lên, tuôn ra một mớ đạn ghém. Nhưng lần này không có viên nào thia lia vào cả. Cả mớ đạn gặp tấm đệm đều rơi xuống. Cái hiệu quả đoán trước đã đạt được.

Cả chiến luỹ được che chở.

Ăngginôrátx nói với Giăng Vangiăng:

- Đồng chí, chính phủ cộng hoà cám ơn đồng chí.

Bôtxuyê khoái chí, cười to. Chàng kêu to:

- Một tấm đệm mà có sức mạnh đến thế, thật là phi lý phi nghĩa quá! Cái mềm lại chiến thắng sấm sét. Cũng hay đấy! Hoan hô tấm đệm đã trị được khẩu thần công!

X

BÌNH MINH

Vào lúc đó, Côdét tỉnh giấc.

Buồng nàng chật hẹp nhưng sạch sẽ, kín đáo, có một cửa sổ dài về hướng đông, trông ra sân sau.

Côdét không biết gì về những việc xảy ra tại Pari. Tối hôm qua không có nàng, lúc bà Tútxanh mách: "Hình như có lộn xộn!" thì nàng đã trở về buồng rồi.

Côdét chỉ ngủ được mấy tiếng thôi, nhưng ngủ ngon. Nàng đã có những giấc mơ đẹp, có lẽ có phần nào vì cái giường nhỏ nhắn của nàng trắng tinh. Một chàng Mariuytx hiện ra trong ánh hào quang. Nàng thức dậy, mặt trời rọi vào mắt, khiến lúc đầu nàng tưởng hãy còn mơ.

Tỉnh mộng, ý nghĩ đầu tiên của nàng vui vẻ. Nàng thấy rất yên tâm. Cũng như Giăng Vangiăng mấy giờ trước đây,

nàng đang trải qua con phản ứng của một tâm hồn không chấp nhận tai họa. Nàng thấy chứa chan hy vọng mà không hiểu sao. Rồi tim quặn đau. - Đã ba hôm rồi nàng không gặp Mariuytx. Nhưng nàng tự nhủ chắc chắn chàng đã nhận được thư, chàng đã biết nàng ở đâu, chàng thông minh lắm, chắc sẽ tìm cách đến được với nàng - chắc chắn hôm nay thôi, có lẽ ngay trong buổi sáng cũng nên. Đã sáng trắng rồi, nhưng vì tia nắng nằm ngang cho nên nàng tưởng hãy còn sớm lắm, tuy vậy cũng phải dậy mà tiếp Mariuytx chứ!

Nàng cảm thấy nàng không thể sống không có Mariuytx, và đã cảm thấy như thế thì tất được như thế, và Mariuytx nhất định phải đến. Không có lý lẽ gì bác bỏ mà có thể thừa nhận được. Tất cả những cái ấy đều chắc rồi. Thương nhớ đau khổ ba ngày nay đã là quá quắt rồi. Mariuytx vắng mặt ba hôm là điều Chúa thấy ghê tởm. Nàng đã vượt qua cuộc thử thách mà ở trên đã bày ra để trêu nàng một cách đau đớn. Mariuytx sắp đến và mang tới một tin mừng. Tuổi trẻ như thế đó: họ chùi nước mắt nhanh lắm, họ cho đau khổ là vô ích và không chấp nhận. Tuổi trẻ là nụ cười của tương lai trước một con người không quen biết nhưng lại chính là bản thân mình. Nàng thấy hạnh phúc là điều tự nhiên. Tuồng như hơi thở của nàng làm bằng hy vọng.

Và chăng Côdét không làm thế nào nhớ lại được Mariuytx nói với mình những gì và giải thích như thế nào về sự vắng mặt đáng lẽ chỉ trong một hôm đó. Ai cũng từng nhận thấy một hào bạc đánh rơi chạy trốn tài tình như thế nào về cái nghệ thuật chơi ú tim của nó. Trong trí nhớ của chúng ta cũng có những sự việc trêu ta như vậy, nó nấp vào một xó nào đó trong trí óc chúng ta, thế là chịu thôi, nó biến mất. Trí nhớ không tài nào chụp bắt lại nó. Côdét cũng có phần

nào bực bội về sự cố gắng vô hiệu quả của ký ức. Nàng tự bảo quên bằng những lời lẽ của Mariuytx như thế thật là bậy, thật là tội lỗi.

Nàng rời giường để làm hai cái việc gột rửa phần hồn và phần xác, tức là cầu nguyện và rửa mặt.

Khi cần thiết lắm, người viết sách có thể đưa bạn đọc vào một loan phòng, nhưng không thể đưa họ vào một buồng trinh nữ. Thơ còn dám rón rén, văn xuôi thì không thể.

Buồng trinh nữ là bên trong của một đoá hoa đương nụ, là tuyết trắng trong đêm, là ngăn sâu kín của một bông huệ hãy còn phong nhuỵ, vầng dương chưa soi đến thì mất người cũng chưa nên nhìn vào. Người phụ nữ đang nụ là thiêng liêng. Cái giường trong trắng đang vén mở, cảnh bán loã thân yêu kiều đang như e ngại chính mình, cái bàn chân trắng trốn trong chiếc giầy vải, lồng ngực phủ sơ trước gương, làm như gương là mất, chiếc áo lót kéo lên vội vàng và che kín đôi vú vì có tiếng ghế bàn cót két hay tiếng xe cộ chạy qua, những dải hồng thắt chặt, những khuy móc cài lồng, những đường dây buộc kỹ, những phút giật mình, những giây ớn lạnh thẹn thùng, vẻ hoảng hốt ý vị trong mọi cử động, dáng lo âu của cảnh chim trời ở nơi không gì đáng ngại, cảnh áo xiêm lần lượt kín hở, mê hồn như mây mỏng bình minh, tất cả những cái ấy không nên thuật lại, chỉ nhắc đến thôi cũng đã nhiều rồi.

Một ngôi sao mọc lên, người ta nhìn kính cẩn, với một người con gái thức dậy, càng phải kính cẩn hơn. Khả năng với tới ở đây phải được chuyển thành sự tăng phần kính trọng. Lớp tuyết phủ trên quả đào, làn phấn trên quả mận, tinh thể của băng, lượt nhung ở cánh bướm là những thứ thô kệch so với vẻ trinh khiết kia, vẻ trinh khiết không tự biết là trinh

khiết. Người thiếu nữ chỉ là một anh mơ và chưa là một pho tượng. Buồng của họ khuất trong khu vực mập mờ của lý tưởng. Con mắt sổ sàng dòm vào khu vực tranh tối tranh sáng đó tức là cưỡng bức, hành hung. Ở đây trông nhìn có nghĩa là xâm phạm cái thiêng liêng.

Bởi vậy, chúng tôi không diễn tả gì trong cái cảnh xôn xao thức giấc của Côdét cả.

Một huyền thoại phương Đông kể rằng Chúa sáng tạo hoa hồng màu trắng, nhưng vì Adam nhìn nó lúc nó hé nở cho nên nó thẹn thùng đỏ mặt. Chúng tôi thuộc loại những người ngẩn ngơ câm lặng trước hoa và thiếu nữ, vì thấy đáng kính quá.

Côdét mặc áo rất nhanh, rồi chải đầu, vấn tóc. Những việc ấy, thời bấy giờ giản đơn lắm bởi vì phụ nữ không dùng lô dùng ống độn tóc và khăn, cũng không thêm lọn trong tóc mình. Thế rồi nàng mở cửa sổ, đưa mắt nhìn quanh mong tìm thấy một góc tường, một cụm đá, một chút ít quảng trường để có thể rình thấy Mariuytx đến từ đó. Nhưng không thấy gì ở phía ngoài cả. Cái sân sau có những bức tường khá cao bao bọc và chỉ có đôi chỗ mở vào những cái vườn. Côdét bảo những cái vườn đó xấu xí, lần đầu tiên trong đời nàng cho hoa là xấu. Một đoạn đường rất ngắn đi qua ngã tư hợp ý nàng hơn bao nhiêu. Nàng quyết định nhìn lên trời, làm như Mariuytx cũng có thể từ trên ấy bay xuống.

Thình lình nàng oà khóc. Không phải vì tâm hồn mau thay đổi, nhưng cứ hy vọng xong lại rã rời là trạng thái của nàng. Nàng lờ mờ cảm thấy có một cái gì ghê rợn. Cũng đúng là sự việc vẫn đi qua trên không trung. Nàng tự nhủ không có gì chắc chắn cả, mất hút nhau tức là mất nhau, cái ý nghĩ Mariuytx có thể đi từ trên trời đi đến với nàng bây giờ nàng

không thấy lý thú nữa mà bi thảm.

Rồi nàng lại thấy bình tĩnh - cái thể mây mù là như vậy đó - và hy vọng cũng trở lại với một niềm vui vô ý thức nhưng đầy tin tưởng ở trời.

Mọi người trong nhà hãy còn ngủ. Cảnh yên tĩnh giống như ở tỉnh nhỏ. Không có cánh cửa nào mở. Buồng người gác cổng đóng kín. Bà Tútxanh chưa dậy, tự nhiên Côdét cũng cho là bố cô hãy còn ngủ. Chắc là nàng đã đau khổ lắm và đang còn đau khổ lắm cho nên mới nghĩ là bố cô ác. Nhưng nàng tin ở Mariuytx. Một ánh sáng như thế mà bị che lấp là việc không thể nào xảy ra. Nàng cầu nguyện. Thỉnh thoảng nàng nghe xa xa có tiếng rung chuyển trầm trầm và nàng nói : Sớm như thế này mà mở, đóng cổng xe thì lạ thật. Nhưng đó là những phát đại bác bắn vào chiến lũy.

Ở dưới cửa sổ của Côdét, cách vài thước, có một cái tổ én lót vào đầu tường. Một phần tổ thòi ra ngoài tường cho nên từ trên trông xuống, có thể nhìn thấy bên trong cái thiên đường ấy. Con chim mẹ đang ở trong ổ, xoè cánh như một cái quạt che cho con. Con chim bố vỗ cánh chập chờn, bay đi rồi lại bay về, mỏ ngậm mồi và mang cả những cái hôn. Mặt trời lên nhuốm vàng cái cảnh sung sướng ấy. Luật "sinh sôi" ngự trị ở đây, oai phong và độ lượng, và điều huyền bí dễ ưa này nở cánh trong rực rỡ của ban mai. Tóc đẫm nắng, tâm hồn đẫm mộng mơ, tình yêu chiếu sáng bên trong, bình minh chiếu sáng bên ngoài, Côdét tự nhiên cúi xuống nhìn, hầu như không dám tự thú với mình là đồng thời nàng cũng nghĩ tới Mariuytx, nàng nhìn cái gia đình chim ấy, con chim trống và *con chim mái ấy,* con chim mẹ và mấy con chim con ấy, tâm hồn xao xuyến niềm xao xuyến của một cô trinh nữ trước một

tổ chim.

XI

BẮN ĐÂU TRÚNG ĐÓ NHƯNG KHÔNG GIẾT CHẾT MỘT AI

Quân tấn công tiếp tục bắn. Súng trường xen lẫn với những loạt đạn ghém của khẩu đại bác, nhưng thực ra không gây thiệt hại là bao. Chỉ riêng có phía trên mặt trước quán Côranh chịu đựng một mình. Các cửa sổ trên gác và trên mái bị đạn lớn và đạn nhỏ làm cho loang lổ, dần dần chẳng còn ra hình thù gì nữa. Mấy chiến sĩ núp ở đấy đều phải tránh đi nơi khác. Vả chăng, đấy cũng là chiến thuật trong cách tấn công các chiến luỹ: cứ bắn mãi làm cho nghĩa quân hết đạn nếu họ phạm sai lầm bắn trả lại. Đến khi thấy hỏa lực của họ thưa thớt đi, vì chẳng còn thuốc đạn gì nữa, bấy giờ người ta mới xung phong. Nhưng Ăngguônrátx không bị sa vào cạm bẫy ấy; chiến luỹ không hề bắn trả lại.

Cứ sau mỗi loại súng trường của quân địch, chú bé Gavrốt lại phùng má ra vẻ khinh bỉ cực độ. Chú nói:

- Tốt lắm, cứ xé vải đi. Chúng tớ đang cần băng mà.

Cuốcphêrắc kêu hỏi đạn ghém sao ít công hiệu thế và nói với khẩu đại bác:

- Bố ơi! bố chệch choạc rồi bố ơi!

Trong chiến đấu, người ta cũng băn khoăn thắc mắc như trong khiêu vũ. Chắc chắn là sự im lặng của chiến lũy bắt đầu làm cho quân lính bao vây sinh nghi ngại và lo sợ một biến cố bất ngờ. Cho nên họ cảm thấy cần phải nhìn rõ qua đống đá ấy để biết tình hình sau bức tường lạnh kia như thế nào mà bắn vào bao nhiêu cũng chẳng thấy trả lời. Nghĩa quân bỗng dưng nhìn thấy một cái mũ lấp lánh ánh nắng trên

một nóc nhà gần chiến luỹ. Một tên lính cứu hoả tựa lưng vào cái ống khói cao ngất, ra vẻ đang đứng gác. Từ chỗ ấy y ngó thẳng đứng xuống chiến luỹ. Ăngguônrátx nói:

- Cái thằng kia nó giám sát chúng mình mới rầy chứ!

Giăng Vangiăng đã trả khẩu cácbin lại cho Ăngguônrátx, nhưng trong tay vẫn giữ khẩu súng trường.

Không nói không rằng, ông giương súng ngắm tên lính và trong nháy mắt, cái mũ bị viên đạn đập phải, rơi độp xuống mặt đường. Tên lính hoảng hốt vội vã biến mất.

Một tên thứ hai lên thay để quan sát. Tên này là một sĩ quan. Giăng Vangiăng đã lắp lại đạn xong, giương súng trở lên và cho luôn cái mũ của hắn bay theo cái mũ của tên l nh. Tên sĩ quan không lôi thôi nữa, cút đi tức khắc. Cách cảnh cáo ấy, lần này thì bọn quân lính đã nghe thủng. Chẳng còn ma nào dám ló mặt ra trên nóc nhà nữa. Việc do thám tình hình chiến luỹ thế là phải từ bỏ.

Bốtxuyê hỏi Giăng Vangiăng:

- Tại sao ông không bắn chết người?

Giăng Vangiăng không đáp.

XII

HỖN ĐỘN BẢO VỆ CHO TRẬT TỰ

Bốtxuyê nói thầm vào tai Côngbơphe:

- Hắn không trả lời tôi.

- Đó là một con người làm việc thiện bằng súng, Côngpơphe đáp.

Ai còn giữ kỷ niệm về cái thời đã xa xôi ấy đều biết bọn

quốc dân quân ngoại ô đã đánh lại các cuộc bạo khởi một cách can đảm. Nó đặc biệt hăng máu và gan dạ trong những ngày tháng Sáu 1882. Bạo khởi đã khiến cho "doanh nghiệp" của hắn ta đóng cửa, thì cái lão chủ quán hiền lành ở bất cứ phố Păngtanh, phố Ventu hay phố Quynét, đã trở thành dữ như hùm khi thấy phòng nhảy của mình trống không và quyết tử chiến để bảo vệ cho trật tự xã hội, tượng trưng ở cái quán rượu. Ở cái thời vừa tầm thường vừa oanh liệt đó, đối diện với những hiệp sĩ của tư tưởng là những tráng sĩ của quyền lợi. Động cơ tuy tầm thường nhưng hành động vẫn là dũng cảm. Chồng bạc bớt chiều cao làm cho các chủ ngân hàng hát khúc Mácxâyde. Người ta đổ máu một cách tình tứ cho cái quầy đếm bạc, và người ta bảo vệ với một hào khí cổ đại cái tổ quốc thu nhỏ ở cái hiệu buôn kia.

Phải nói rằng suy cho cùng thì tất cả những cái ấy đều có lý do nghiêm túc. Đó là sự xung đột của các nhân tố xã hội trong khi chờ đạt thế cân bằng.

Một dấu hiệu khác của thời đại là tình trạng vô chính phủ trong phái chính phủ ("phái chính phủ" là cái tên dã man của đảng nghiêm chỉnh). Người ta ủng hộ trật tự một cách vô kỷ luật. Theo lệnh của một đại tá quốc dân quân nào đó, trống tập đánh liên hồi, tuỳ sở thích, đại uý này xông vào vòng lửa đạn tùy hướng, quốc dân quân nọ chiến đấu vì lý tưởng và vì quyền lợi của riêng mình. Trong những giờ phút khủng hoảng, trong những "ngày" dân biến, người ta tuân theo bản năng hơn là mệnh lệnh của cấp chỉ huy. Trong đạo quân bảo vệ trật tự, có những dân quân du kích thực sự, du kích bằng lưỡi gươm như Phannicô, hoặc du kích bằng ngòi bút như Hăngri Phôngphredơ.

Văn minh - hại thay văn minh vào thời ấy là một kết hợp những quyền lợi chứ không phải là một kết hợp những nguyên lý - văn minh đang lâm nguy hay tưởng là lâm nguy. Nó kêu báo động; ai cũng trở thành một trung tâm và lo bảo vệ nó, viện trợ nó, che chở nó theo cách của mình. Người nào cũng tự nhận có nhiệm vụ cứu vãn xã hội.

Một đôi khi vì tích cực mà họ gây ra thảm họa tàn sát. Một toán quốc dân quân nào đó đã tự ban cái quyền lập toà án binh và trong năm phút đã xét xử và hành quyết xong một tù binh nghĩa quân. Giăng Pruve đã bị giết trong trường hợp họ nảy ra một sáng kiến tương tự như vậy. Đó là cái luật Lynsơ[1] dữ tợn mà không một phái nào có quyền trách cứ các phái khác bởi vì nếu phái cộng hoà áp dụng nó ở Mỹ thì phái dân chủ áp dụng nó ở châu Âu. Luật Luynsơ đã vậy lại còn thêm tai hại do những lầm lẫn nữa. Trong một ngày bạo khởi, nhà thơ trẻ Pôn Emê Gácniê bị người ta vác lưỡi lê đuổi bắt tại quảng trường Rôian, may nhờ trốn vào cái cổng xe nhà số 6 mà thoát nạn. Những người săn đuổi thét: *Hắn cũng là một thằng Xanh Ximôniêng*[2] *nữa*! và muốn giết anh. Chỉ vì anh ta cắp nách một cuốn hồi ký của công tước Xanh Ximông[3].

---

(1) *Luật Luynch:* một điều luật tố tụng ở Hoa Kỳ cho phép công chúng bắt, xét xử và hành quyết ngay người phạm tội. Hiện người da đen vẫn còn là nạn nhân của tập quán do điều luật ấy gây ra. (xem "Hành hình kiểu Lynsơ", Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh tuyển tập - Sự thật Hà Nội 1960).

(2) Người theo chủ nghĩa Xanh Ximông.Bá tước Xanh Ximông (Saint - Simon) sống vào cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX, nhà triết học, là một trong những khởi xướng chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.

(3) Công tước Saint-Simon, nhà văn, đã để lại những cuốn hồi ký hấp dẫn về đời sống và hoạt động của quý tộc quãng cuối thế kỷ XVII. đầu thế kỷ XVIII.

Một quốc dân quân đã đọc thấy cái tên Xanh Ximông trên bìa sách và thế là hắn kêu: sát! sát!

Ngày 6 tháng Sáu năm 1832, một đại đội quốc dân quân ngoại ô do đại úy Phannicô - người mà chúng tôi đã nói ở trên - chỉ huy, đã vì cao hứng mà tự nguyện nướng quân ở phố Săngvrơri: Chuyện này tuy kỳ lạ, nhưng đã được xác nhận bởi cuộc điều tra tư pháp sau vụ khởi nghĩa năm 1832. Đại úy Phannicô là một anh tư sản nóng nảy và tàn bạo, một thứ lính đánh thuê của nền trật tự xã hội, trong loại mà chúng tôi vừa nêu ra, một anh thuộc phái chính phủ, cuồng tín và vô kỷ luật. Phannicô lấy làm thích thú được nổ súng trước giờ và có tham vọng chỉ một mình, nghĩa là với đại đội của y, hạ chiến lũy. Tức tối vì thấy lá cờ đỏ và cái áo da cũ, mà anh cho là lá cờ đen, thay nhau xuất hiện, anh chỉ trích công khai các tướng lĩnh và tư lệnh binh đoàn. Vì những vị này hội ý với nhau thấy chưa phải lúc tiến công và nên để cho "cuộc khởi nghĩa rệu rã", theo cách nói được truyền tụng của một người trong bọn họ. Riêng đại úy thì nghĩ rằng cái chiến lũy đã chín muồi rồi, cái gì cũng phải rung cho nên y chọc thử.

Những người y chỉ huy là những người quả quyết như y, những người "hăng máu", như một nhân chứng đã gọi. Chính đại đội của y đã bắn Giăng Pruve. Đó là đại đội I của cái tiểu đoàn dân quân ở góc phố. Lúc bất ngờ nhất, đại uý xua quân lên đánh vào chiến lũy. Cuộc hành quân nhiều thành ý mà thiếu chiến lược này, đã gây tổn thất lớn cho đại đội. Tiến chưa được hai phần ba đường phố, nó đã được một loại súng từ chiến lũy chặn đón. Bốn tên lính, trong số gan dạ nhất, chạy hàng đầu, bị đạn tầm gần ngã quay ngay dưới chân chiến luỹ. Đám quốc dân quân can đảm mà ô hợp, gồm những người bạo gan nhưng không kiên gan như quân nhân, sau mấy phút do dự, đã tháo lui, bỏ lại trên mặt đường mười lăm xác chết.

Những phút do dự do dự để cho nghĩa quân nạp đạn vào súng. Và thế là một loại đạn thứ hai vô cùng lợi hại đã vãi vào đại đội trước khi nó trở về tới góc phố là nơi ẩn nấp. Trong một lúc đại đội đã bị kẹt giữa hai luồng đạn vì cỗ súng đại bác không nhận được lệnh, vẫn không ngừng bắn và đạn ghém của nó xả vào đại đội. Anh chàng Phannicô táo tợn và dại dột là một trong những người chết vì đạn ghém. Khẩu đại bác, tức là trật tự, đã giết anh ta.

Cuộc xung kích điên cuồng vô hiệu lực ấy làm cho Ăngginônrátx bực tức. Anh nói - Cái lũ ngu! Chúng hy sinh người của chúng và làm hao tổn đạn dược của ta mà chẳng ích lợi gì!

Ăngginônrátx nói năng đúng như một tướng chỉ huy bạo động. Quân khởi nghĩa và quân đàn áp khí giới không đồng đều. Nghĩa quân chỉ có một số đạn nhất định để bắn và một số chiến sĩ nhất định để hy sinh, do đó chóng bị hao hụt. Một túi đạn trút sạch, một con người ngã xuống đều không thay thế được. Cách trấn áp thì không cần tính số người vì có cả quân đội, không cần tính số đạn vì có kho đạn Vanhxen. Nghĩa quân có bao nhiêu chiến sĩ thì quân trấn áp có bấy nhiêu trung đoàn, nghĩa quân có bao nhiêu bao đạn thì quân trấn áp có bấy nhiêu kho thuốc đạn. Cho nên những cuộc chiến đấu một chống trăm này luôn luôn kết thúc bằng sự huỷ diệt của các chiến luỹ, trừ khi cách mạng đột nhiên đứng dậy ném vào cán cân lực lượng cây gươm thần rực lửa của mình. Điều đó từng xảy ra. Lúc đó tất cả đều đứng lên, đá đường sôi sục, chiến luỹ nhân dân mọc lên tua tủa. Pari rung động oai hùng, lửa thiêng[1] xuất hiện, một ngày 10 tháng Tám bàng bạc trong không khí, một ngày 29 tháng Bảy bàng bạc trong

(1) Nguyên văn latinh : quid divinum : cái gì thần linh.

không khí. Một ánh sáng thần kỳ tỏa ra, cái mồm há hốc của vũ lực lùi lại, và con sư tử quân đội nhìn thấy, ở trước đầu mình, nhà tiên tri, bình tĩnh và vững chãi, nước Pháp.

XIII

ÁNH SÁNG LƯỚT QUA

Gì cũng có trong mớ tình cảm và nhiệt tình hỗn độn của những người bảo vệ một chiến luỹ : dũng cảm, trẻ trung, danh dự, hưng phấn, lý tưởng, tin tưởng, tình trạng say máu của người đánh bạc, nhất là những cơn hy vọng.

Vào lúc không ai chờ đợi thì một cơn hy vọng, một luồng tin tưởng rung động như vậy đã đến bất thình lình với chiến luỹ Săngvrơri. Ăngguônrátx luôn luôn nghe ngóng bỗng dưng kêu lên:

- Hãy lắng tai xem, hình như Pari đã tỉnh dậy.

Quả là trong buổi sớm ngày 6 tháng Sáu, cuộc khởi nghĩa có tăng mức độ chút ít. Chuông đổ liên hồi ở nhà thờ Xanh Meri có thổi nóng lên một số mong muốn mơ hồ. Một số chiến luỹ bắt đầu nhóm lên ở phố Poariê và phố Graviliê. Trước cửa đài Xanh Máctanh một chàng thanh niên với chỉ một cây súng, đã tấn công vào cả một tiểu đoàn kỵ binh. Trống trải giữa đại lộ, anh ta quì gối, nâng súng lên vai bắn chết viên tiểu đoàn trưởng và quay lại nói: *Thế là thêm một thằng không thể giết hại chúng ta.* Anh bị băm chết. Ở phố Xanh Đơni, một phụ nữ sập cửa chớp, nép ở sau để bắn vào đội cảnh vệ thành phố. Cứ mỗi phát súng bắn ra là thấy các lá chớp rung động. Một chú bé mười bốn bị bắt ở phố Cốtxnônơri với các túi áo đầy đạn súng trường. Nhiều bót gác bị tấn công.

Một trung đoàn giáp kỵ cơ tướng Cavenhác[1] đơ Baranhơ đi đầu, vừa đến đầu phố Béctanh - Poarê thì bị một loạt súng dữ dội và bất ngờ bắn đón. Phố Plăngsơ Mibrê, từ các mái nhà người ta vất mảnh sành và nồi chảo xuống đầu binh lính. Điềm xấu rồi ! Khi người ta báo cáo sự việc này cho thống chế Xun[2], người tướng già của Napôlêông đâm ra nghĩ ngợi vì nhớ câu nói của Xuysê[3] ở Xaragốxơ[4]: *Khi bọn bà già đổ bô nước tiểu của họ xuống đầu ta thì ta không còn cách gì thắng nữa!*

Những triệu chứng chung hiện ra trong lúc người ta nghĩ rằng cuộc bạo động đã bị giới hạn, cơn sốt giận dữ đã trở lại thắng thế, những tàn đóm bay đây đó trên những đống nhiên liệu sâu dày là những khu ngoại ô, tất cả những cái đó khiến cho các tướng lĩnh lo ngại. Họ phải vội vã giập tắt những đám cháy bắt đầu kia. Họ hoãn cuộc tấn công vào các chiến luỹ ở Môbuyê, Săngvrori và Xanh Meri lại, cho đến khi diệt câm các đám nổ nhỏ kia xong, để rồi lúc ấy chỉ còn đối phó với các chiến lũy kia mà thôi, và có thể đập tan cả trong một trận. Họ tung nhiều đoàn quân và các đường phố đang lên men, quét các phố lớn, sục sạo các phố nhỏ, xông trái, tạt phải, khi thì từ từ và thận trọng, khi thì xung phong. Bộ binh phá cửa các

---

(1) Cavaignac trong những ngày tháng 6 năm 1848 sau này, được chính phủ đệ nhị Cộng hoà giao trấn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Pari nổ ra sau cuộc thải hồi 12 vạn thợ các công xưởng đã cải tiến cuộc "chiến tranh đường phố" và áp dụng phổ biến lối dùng đại bác bắn thia lia đạn ghém vào các chiến luỹ, tàn sát nghĩa quân và dân phố. Hắn bị nhân dân oán ghét và Mác lên án trong cuốn *"Ngày 18 tháng sa mù của Luy Bônapác"*.

(2) *Soult*: tướng của Nopôlêông trước cầm quân xâm lược Tây Ban Nha, lúc này làm bộ trưởng bộ chiến tranh.

3) *Suchet*: tướng của Napôlêông từng chiến đấu ở Tây Ban Nha.

(4) Thành phố ở Tây Ban Nha, đã chống cự oanh liệt quân của Napôlêông.

nhà đã ban ra, trong lúc đó kỵ binh hành quân giải tán các đám đông trên đại lộ. Cuộc trấn áp dĩ nhiên là ồn ào và không tránh khỏi tiếng huyên náo đổ vỡ đặc biệt có xung đột giữa nhân dân và quân đội. Đó là tiếng Ăngghiônrátx đã nghe thấy giữa các loạt súng trường và súng đại bác cách quãng. Ngoài ra, anh có thấy những cái tải thương đi qua ở cuối phố và anh nói với Cuốcphêrắc: - Những thương binh đó không do ta bắn.

Hy vọng không được lâu ; ánh sáng tắt nhanh chóng. Chưa đầy nửa tiếng đồng hồ, ánh rạng trên không trung đã biến mất, như một ánh chớp có sét đánh. Và nghĩa quân cảm thấy tấm áo chỉ lại đè xuống người họ, tấm áo chỉ làm bằng sự hờ hững của nhân dân đối với những kẻ cố thủ bị bỏ rơi.

Cuộc vùng dậy rộng lớn hiện ra lờ mờ rồi tắt non mất, và bây giờ tâm trí bộ trưởng bộ chiến tranh cũng như chiến lược các tướng lĩnh tập trung vào ba hay bốn cái chiến luỹ còn đứng vững.

Mặt trời đã lên cao.

Một nghĩa quân gọi Ăngghiônrátx:

- Đói lắm. Như thế này thì chúng ta sẽ chết mà không được ăn hay sao?

Ăngghiônrátx vẫn chồm trên quãng xẻ ở đầu tường mắt không rời đầu kia đường phố, gật đầu đáp lại.

XIV

TÌNH NHÂN CỦA ĂNGGHIÔNRÁTX

Cuốcphêrắc ngồi bên cạnh Ăngghiônrátx trên một phiến đá. Chàng tiếp tục mắng khẩu đại bác. Mỗi lần cái đám mây mù đạn ghém bay qua, chàng lại chào đón bằng một chuỗi cười

chế nhạo:

- Bố già vũ phu ơi! bố rán gân cổ mà gào làm gì, phí hơi vô ích thôi, bố làm tôi đau lòng quá. Sấm sét gì cái trò ấy chẳng khác gì như người ta ho.

Và chung quanh, mọi người cười.

Nguy hiểm càng gần, Cuốcphêrắc và Bốtxuyê càng vui tợn. Cả hai đều lấy pha trò thay cho bữa ăn như bà Xcarông, và vì thiếu rượu nên lại cứ rót tràn cái vui tính mời mọi người cùng uống.

- Tớ phục Ăngglônrátx, Bốtxuyê nói. Cái dũng cảm không xê dịch của cậu ấy, khiến tớ kính phục vô tận. Cậu ấy sống một thân một mình, có lẽ vì thế mà hơi buồn. Cậu ta than thở rằng phẩm cách làm cậu ta phải chịu cô đơn. Bọn mình thì đều có ít nhiều những con tình nhân làm cho mình hoá điên hoá dại, nghĩa là rất can đảm. Biết si tình như một con hổ thì tồi nhất cũng phải biết đánh nhau như một con sư tử chứ! Đó là một cách để trả thù những đòn của các cô gái lẳng. Rôlăng hy sinh tính mệnh để làm cho Ăngglônrátx phải tức tối. Mọi cử chỉ anh hùng của tã đều do phụ nữ mà ra cả. Đàn ông mà không có người yêu thì cũng như cây súng không có cò. Có đàn bà đàn ông mới nổ. Thế mà Ăngglônrátx lại không có đàn bà. Cậu ta chả mê cô nào cả mà đồng thời lại táo bạo như lửa thì thật là một chuyện kỳ lạ.

Ăngglônrátx có vẻ như không nghe thấy gì. Nhưng ai ở bên cạnh bấy giờ chắc đã nghe chàng lẩm bẩm trong miệng *Tổ quốc*[1].

Bốtxuyê còn đang cười thì Cuốcphêrắc reo to:

- Có cái mới anh em ơi!

---

(1) Nguyên văn : Patria, tiếng latinh.

Lấy giọng mô toà, chàng nói thêm:

- Tôi tên là Pháo Tám mươi.

Quả thật, một nhân vật mới vừa ra sân khấu. Đó là khẩu đại bác thứ hai.

Bọn pháo binh vận chuyển rất nhanh, đặt khẩu đại bác thứ hai này vào vị trí chiến đấu bên cạnh khẩu thứ nhất.

Giai đoạn kết thúc đã thấy bắt đầu hiện ra.

Một lúc sau, hai khẩu pháo nạp đạn liên tiếp, nhanh nhẹn bắn vào mặt tiền pháo đài. Súng trường của đội quân chính quy và quốc dân quân ngoại ô bắn thêm từng loạt để yểm hộ.

Xa xa cũng nghe có tiếng đại bác. Trong lúc hai khẩu pháo này nhả đạn vào chiến luỹ phố Săngvrơri ở đây thì hai khẩu khác, một khẩu đặt ở phố Ôbri, nhằm giã vào chiến luỹ Xanh Meri. Bốn khẩu nơi hô nơi ứng nghe rất ghê rợn.

Những con chó đen tối của chiến tranh đó gào sủa đối đáp nhau.

Hai khẩu bắn vào chiến luỹ Săngvrơri thì một bắn đạn to, một bắn đạn ghém.

Khẩu bắn đạn to chỉa nòng hơi cao một tí và nhằm sao cho viên đạn trúng ngay vào mép cao nhất của chiến luỹ, làm cho nó bị rỉa nham nhở và bắn tung các mảnh đá vụn vào nghĩa quân như đạn ghém.

Cách bắn ấy mục đích làm cho nghĩa quân phải rời xa đỉnh chiến luỹ và buộc họ phải dồn vào bên trong. Điều đó báo hiệu cuộc xung phong vào chiến lũy.

Khi đạn to đã làm cho các chiến sĩ không ở được trện đỉnh chiến luỹ và khi đạn ghém đã làm cho họ phải rời các cửa sổ quán rượu, thì các toán quân tấn công có thể xông vào giữa đường phố mà không sợ bị ai nhằm bắn, và có thể là không sợ ai thấy nữa. Cứ thế bất thình lình leo lên pháo đài, như

hỏi đầu hôm, và biết đâu không chiếm lấy bất ngờ. Anggiônrátx nói:

- Nhất định phải làm cho hai khẩu đại bác bớt làm rầy ta mới được. Chàng thét: Bắn vào bọn pháo binh.

Ai nấy đều sẵn sàng. Từ lâu phải im lặng, cả chiến luỹ bỗng nổ súng như điên như cuồng, bảy tám loạt nối liền nhau như căm hờn như reo vui. Khói mù phủ đầy cả đường phố. Vài phút sau, qua làn mây mù rạch ánh lửa đạn lập loè, người ta thấy lờ mờ đến hai phần ba số pháo thủ ngã gục bên bánh xe các khẩu pháo.

Bọn còn sót lại cứ bình tĩnh, nghiêm nghị, tiếp tục lắp đạn bắn, nhưng bắn chậm đi nhiều. Bốtxuyê bảo Ăngggiônrátx:

- Như thế là tốt. Thắng lợi.

Ăngggiônrátx lắc đầu đáp:

- Cứ thắng lợi kiểu ấy mười lăm phút nữa thì cả chiến luỹ không còn lấy mười viên đạn.

Câu nói ấy hình như đã lọt vào tai Gavrốt.

XV

GAVRỐT RA NGOÀI

Chợt Cuốcphêrắc trông thấy có ai dưới chiến luỹ ở phía ngoài, trên đường phố, trong luồng đạn của quân địch.

Đó là Gavrốt. Gavrốt đã xách một chiếc giỏ đựng chai trong quán rượu, rồi luồn qua khe hở mà ra ngoài. Bây giờ thì chú điềm nhiên lật bị của bọn quốc dân quân chết trên bờ luỹ mà trút đạn vào giỏ. Cuốcphêrốc kêu hỏi :

- Chú làm gì đấy?

Gavrốt ngẩng đầu lên đáp:

- Tôi hốt cho đầy giỏ đồng chí ạ.

- Chú không thấy đạn vãi ra đó ư?

- Ừ thì như mưa đấy. Thế thì sao?

Cuốcphêrắc thét:

- Đi vào!

- Lát nữa đã.

Gavrốt buông gọn lỏn có thế rồi đi sâu vào đường phố.

Ai cũng nhớ rằng trước đây, đại đội Phannicô trong khi rút lui đã bỏ lại dọc đường một dây xác chết.

Khoảng hai mươi người nằm rải rác đây đó suốt chiều dài đường phố. Nghĩa là hai mươi cái bị cho Gavrốt trút. Và một số đạn để tiếp tế cho nghĩa quân.

Khói súng lẩn vẩn trong thành phố như một đám sa mù, bị dồn lại giữa hai dãy nhà cao, trông nó lại càng dày đặc, giống như một đám mây lọt vào thung lũng, giữa hai sườn núi dựng đứng. Nó bốc lên chầm chậm, bốc lên chừng nào thì dưới chân đã có khói mới toả ra thay chừng ấy, do đó không gian càng lâu càng mờ mịt, mặc dầu giữa ban ngày trời cũng hoá tối sầm. Con đường rất ngắn, nhưng qua đám mây mù ấy, chiến sĩ hai bên đầu phố cuối phố khó mà trông thấy nhau.

Có lẽ những người chỉ huy cuộc tấn công chiến luỹ đã muốn tạo ra một đám khói mù như thế. Dẫu sao, nó cũng rất có lợi cho Gavrốt.

Hình thù đã nhỏ bé, lại lẩn trong làn khói, nhờ vậy Gavrốt tiến sâu vào đường phố mà không bị lộ hình. Chú dốc bảy tám cái bị đầu một cách yên ổn.

Chú nằm bẹp xuống lết, chú chống hai tay hai chân phi nước đại, chú ngậm vành giỏ trong mồm để lướt tới, chú lê, chú lết, chú trườn, chú xoay mình chú uốn khúc như con rắn,

chú bỏ từ xác này sang xác khác, chú mở cái bị hay cái mũ đạn như con khỉ bóc quả hạnh đào.

Chú đi cũng chưa xa chiến luỹ là mấy, nhưng chẳng ai dám mở miệng gọi chú trở lại, vì sợ làm cho quân thù để ý nhìn thấy chú. Chú tìm thấy một bì thuốc súng hình quả lê trên thây một hạ sĩ.

- Cái này để dành lúc khát.

Chú vừa nói thế, vừa tước bì thuốc bỏ túi.

Vì tiến lên quá xa, chú đã đến cái quãng mà khói súng bắt đầu thưa sáng.

Lúc bấy giờ bọn lính chính quy xếp hàng sau chồng đá và bọn pháo thủ ngoại ô dồn ở góc phố đột nhiên chỉ trỏ cho nhau xem một vật gì động đậy trong khói.

Khi Gavrốt dốc bị của một tên trung sĩ nằm trên trụ đá thì một viên đạn bắn trúng xác tên đó. Gavrốt nói:

- Ái chà! Chúng giết cả những xác chết!

Một viên đạn thứ hai làm cho tảng đá bên cạnh chú tóe lửa. Lại viên nữa lật đổ chiếc giỏ.

Gavrốt nhìn lên và thấy đạn đi từ phía quân ngoại ô.

Chú đứng thẳng người lên, tóc bay trước gió, hai tay chống nạnh, mắt đăm đăm nhìn bọn quốc dân quân đang bắn, và chú hát:

Bởi cụ Vônte
Nên bọn Năngte
Mặt mày xấu xí.
Sự quá vô lý
Là tụi Paledô,
Chúng ngu như bò
Vì bác Giăng Giắc.

Rồi Gavrốt xách giỏ lên, nhặt những viên đạn rơi ra ngoài

bỏ vào giỏ, không sót viên nào, và chú tiến về phía súng bắn để moi lấy đạn ở bị khác.

Lúc này một viên đạn thứ tư bay đến, nhưng vẫn không trúng chú. Chú lại hát:

Ta làm chim non
Không làm thừa lại,
Lỗi này bởi tại
Ông cụ Vôntе
Ta làm chim con
Ta ca vẻo von
Vì bác Giăng Giắc.

Viên đạn thứ năm chỉ đem lại kết quả là làm cho Gavrốt hát một khúc thứ ba nữa:

Tính ta vui vẻ
Sự ấy có lẽ
Bởi cụ Vôntе
Áo ta rách xơ
Quần áo rách xác
Sự này tại bác
Giăng Giắc Rútxô.

Tình thế ấy cứ tiếp diễn một thời gian.

Cảnh tượng trông thật là ghê rợn mà cũng thật là hấp dẫn. Gavrốt làm bia cho súng đạn, mà lại đùa với súng đạn. Chú có vẻ thích thú lắm. Đó là một con chim sẻ quẹt mỏ mổ người đi săn. Cứ nghe một tiếng súng, chú trả lời bằng một khúc hát. Họ luôn luôn ngắm chú mà bắn, và họ luôn luôn bắn trượt. Quốc dân quân và quân chính quy vừa cười vừa ngắm bắn chú. Chú nằm xuống, chú đứng lên, chú lẩn sau hốc cửa rồi thình lình nhảy ra, chú ẩn, chú hiện, chú chạy đi rồi quay trở lại, chú xỉa tay lên mũi nhạo những tên bắn chú

và trong lúc chú không ngừng lục bị lấy đạn bỏ đầy giỏ. Nghĩa quân trông theo chú hồi hộp, cả chiến luỹ run sợ, mà chú thì nhởn nhơ ca hát.

Chú không phải là trẻ con; chú không phải là người lớn. Chú là một trẻ ranh thần tiên. Trông chú người ta nghĩ đến thằng lùn không thể xâm phạm trong cuộc ẩu chiến. Đạn chạy theo chú nhưng chú nhanh hơn đạn. Chú đương chơi một trò ú tim khủng khiếp với thần chết. Mỗi khi viên thần tẹt mũi ấy đến gần, thì chú bé lại búng hắn một cái.

Nhưng cuối cùng, một phát đạn ngắm đúng hơn, hoặc giảo hoạt hơn đã tin phải chú bé ma trơi. Chú lảo đảo rồi ngã quỵ xuống. Toàn thể chiến luỹ hét lên một tiếng. Nhưng chú lùn ấy lại có cái đặc tính của Ăngtê[1]. Chú bé lang thang của Pari khi da thịt chạm mặt đường thì cũng như người khổng lồ Ăngtê chạm mặt đất. Chú ngã xuống chỉ để mà chồm lên. Chú ngồi thẳng người, một dòng máu đỏ chảy dọc mặt chú. Chú đưa hai tay lên trời, nhìn về phía bọn bắn súng, cất tiếng hát:

Ta ngã trên hè
Tại cụ Vônte
Mũi ta chảy nước
Vì bác...

Chú hát không hết. Một viên đạn thứ hai cũng của tên lính ấy đã làm cho chú câm bặt. Lần này chú ngã sấp mặt xuống đường, không động đậy nữa. Linh hồn bé bỏng vĩ đại ấy đã bay về trời.

---

(1) Antée theo thần thoại Hy-La là một thần khổng lồ có đặc tính khi ngã xuống đất lại phục hồi sức lực, vùng lên mạnh mẽ hơn.

XVI

LÀM ANH RỒI LẠI LÀM CHA

Ngay lúc ở trong vườn Luýchxămbua - đã viết bi kịch thì mất phải soi khắp - có hai đứa bé nắm tay nhau. Một đứa chừng lên bảy, một đứa lên năm. Vì mưa ướt đầm nên chúng đi lên phía đường có ánh nắng. Đứa lớn dắt tay đứa bé, cả hai quần áo rách rưới, mặt mày xanh xao. Nom chúng có vẻ như những con chim rừng. Thằng em bảo: em đói quá.

Thằng lớn tay trái dắt em, tay phải cầm một que củi. Nó đã có ý thức che chở cho em.

Trong vườn chỉ có hai anh em chúng, ngoài ra chẳng có ai. Hôm nay lệnh của sở cảnh sát bắt đóng cửa công viên vì có biến động. Những đội quân đồn trú trong ấy cũng đã kéo đi từ trước vì nhu cầu chiến sự.

Hai đứa bé này làm thế nào mà lại ở đây? Chúng từ một bóp giam quên đóng cửa mà thoát ra chăng? Hay chúng ở một toán xiếc nào trốn đi, một toán xiếc lưu động đương biểu diễn ở đâu quanh đấy, ở cổng Ăngphe, ở đàn Thiên văn, hay ở ngã tư gần đây nơi có cái cổng mang câu: invenerunt parvulum pannis involutum[1]. Có lẽ tối hôm qua, đến giờ công viên đóng cửa, chúng đã lẩn tránh cặp mắt của các kiểm soát viên mà ở lại trong vườn rồi ngủ ở một cái chòi nào đó, thứ chòi làm ra để cho khách dạo vườn ngồi đọc báo. Chỉ biết là lúc ấy chúng đang đi lang thang và có vẻ vô sự lắm. Đi lang thang mà có vẻ vô sự là chết! Đúng thế, hai đứa bé đương ở vào cảnh nguy khốn không cùng.

---

(1) Nguyên văn latinh, nghĩa: tìm thấy đứa bé vô danh trong tã.

Bạn đọc hãy nhớ lại, hai đứa bé ấy là hai đứa bé mà Gavrốt đã cưu mang. Chúng là con của vợ chồng Tênácđiê, được mụ Manhông thuê và bảo là con của lão Gilơnormăng. Giờ đây chúng như những chiếc lá đã rời khỏi các cành không cội, và bị gió cuốn đi trên mặt đường.

Quần áo của chúng lúc ở với mụ Manhông thì sạch sẽ, mụ Manhông dùng những bộ cánh ấy để quảng cáo với lão Gilơnormăng. Nhưng quần áo ấy bây giờ đã hoá ra tã nát.

Từ nay chúng nằm trong danh sách những "trẻ bỏ rơi" mà sở cảnh sát tìm thấy và thu nhặt về, rồi đánh rơi mất, và rồi lại tìm thấy trên các vỉa hè thành phố Pari.

Phải có sự biến động như hôm nay mới trông thấy những đứa trẻ khốn khổ thế này ở trong công viên. Nếu bọn kiểm soát viên trông thấy những thứ tã rách ấy thì đã tống cổ chúng ra từ đời nào. Trẻ em nghèo không được vào các công viên. Lẽ ra người ta nghĩ rằng : là trẻ con thì không có quyền chơi hoa !

Hai đứa trẻ khốn khổ này ở trong vườn Luýchxămbua là vì cổng vườn đóng. Như thế là chúng phạm pháp. Chúng đã lẻn vào vườn từ bao giờ và ở lại trong ấy. Cổng vườn đóng không có nghĩa là kiểm soát viên được phép nghỉ việc. Công việc kiểm soát, trên lý thuyết, vẫn không gián đoạn, nhưng nó lơi lỏng, hoãn đãi ra. Vả lại các ông kiểm soát viên cũng đương băn khoăn về tình hình không kém gì dân chúng, và chú ý sự việc bên ngoài hơn là bên trong ; các ông không ngó ngàng gì tới công viên nên không thấy hai đứa trẻ.

Hôm qua trời mưa và sớm hôm nay cũng có mưa chút ít. Nhưng mưa tháng Sáu thì cũng như không mưa. Một giờ sau cơn mưa giông, người ta hầu như không nhận thấy trời vừa ủ

dột. Mưa nè, mặt đất cũng chóng khô như đôi má của em bé.

Gần tiết hạ chí, nắng giữa trưa quả là ráo riết. Nó bám vào mặt đất như để hút tất. Mặt trời hình như khát nước. Một trận mưa rào chỉ như một cốc nước, còn mưa thường thì xuống đất là ráo ngay. Buổi sớm vừa nước chảy dầm dề, buổi chiều đã bụi bay mù mịt.

Không gì đẹp bằng cây lá vừa tắm mưa xong đang được mặt trời lau ráo; lúc ấy trông nó vừa tươi mát, vừa ấm áp. Nước tràn trề dưới gốc, mặt trời lấp lánh trong hoa, vườn cây và đồng cỏ trở thành những bình hương tỏa muôn mùi thơm ngào ngạt. Hoa cười, chim hót, vạn vật hiến thân cho ta, ai là người không cảm thấy say sưa một cách dễ chịu? Mùa xuân là một cảnh thiên đường chốc lát: nắng xuân giúp cho người ta kiên tâm chờ đợi giây phút về trời.

Ở trên đời có những người không đòi hỏi gì hơn thế. Đó là những người khi thấy có trời xanh thì reo: đủ rồi! Họ là những người suy tưởng, mải mê với cảnh kỳ ảo của vũ trụ, vì sùng bái thiên nhiên mà lãnh đạm với chuyện thiện ác ở đời, là những người cung chiêm vũ trụ mà hớn hở nhãng quên tình người. Họ không thể hiểu vì sao khi có thể ngồi dưới bóng cây mà mơ mộng, người ta lại đi lo hạng người này đói, lớp người kia khát, lo người nghèo mùa đông không có áo, em bé xương lưng bị vẹo nên yếu đuối bủng beo, lo đến ổ rơm, bồ lúa, ngục hình, và bàn về cái áo rách tơi tả của những cô con gái run cầm cập vì rét. Họ là những người hiền lành mà ghê gớm, những người thoả mãn một cách tàn nhẫn.

Điều rất lạ là cái vô biên đủ làm cho họ vừa lòng. Cái thế giới hữu hạn thiết yếu đối với con người, họ không nghĩ đến, họ không biết đến, mặc dù trong thế giới hữu hạn có sự yêu

thương ấp ủ lẫn nhau, mặc dù trong thế giới hữu hạn có sự tiêu hoá tuyệt vời. Họ không ý thức được cái vô định hình thành do dự hoà hợp vừa thần thánh vừa phàm tục của hữu hạn và vô biên. Miễn họ được đối diện với cảnh bao la vô tận là họ sung sướng. Không bao giờ vui mừng, họ chỉ biết ngây ngất tự quên mình trong cảnh vô cùng tận; đó là mục đích sống của họ.

Lịch sử nhân loại đối với những người này chỉ mới là một bình diện bộ phận của vũ trụ. Cái Tất cả không nằm trong ấy ; cái Tất cả thực sự ở ngoài lịch sử nhân loại. Con người chỉ là một chi tiết trong Tất cả, ích gì mà lo nghĩ về cái chi tiết ấy? Người đau khổ ư? Có lẽ. Nhưng hãy nhìn sao Thiên Ngưu đương mọc. Người mẹ này cạn sữa, đứa hài nhi kia chỉ còn thoi thóp chút hơi, tôi biết đâu ! Hãy để cho tôi soi kính hiển vi cái lát gỗ tùng này, nó giống y như một hình hoa kỳ diệu ! Anh hãy xem thử có tấm mặt ren nào sánh kịp không?

Những nhà tư tưởng này quên yêu thương. Tinh tú ảnh hưởng họ đến nỗi họ không nghe tiếng trẻ kêu khóc. Thượng đế che lấp tâm hồn họ. Họ là một dòng trí tuệ, những trí tuệ vừa nhỏ bé vừa vĩ đại. Horax[1]. Gớt[2] thuộc dòng họ ấy, có lẽ Phôngten[3] nữa. Những người ích kỷ lẫm liệt của thế giới vô biên ấy là khán giả bàng quan của những cảnh đau xót ở trên đời ; hễ trời đẹp thì họ không nhìn thấy bạo chúa Nêrông, cũng chẳng trông thấy dàn hoả thiêu người ở ngay trước mắt; họ tìm những tia sáng phản chiếu trên máy chém trong lúc chém người, họ không nghe tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng rên

(1) Thi hào cổ La Mã.

(2) Đại thi hào của nước Đức (cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX).

(3) Nhà thơ ngụ ngôn của nước Pháp (thế kỷ XVII).

siết, tiếng chuông giục mõ dồn; đối với họ, trên đời này cái gì cũng tốt cả vì là có mùa xuân, cái gì cũng vừa lòng cả miễn là trên đầu còn mây vàng mây tía; họ kiên quyết vui sướng mãi cho đến khi nào sao thôi sáng và chim hết kêu.

Hạng người ấy là những người tối tăm một cách rạng rỡ. Họ không ngờ rằng họ đáng thương hại. Quả thế thật. Không khóc thì làm sao mà nhìn thấy? Phải khâm phục họ và ái ngại cho họ, như khi ta khâm phục và ái ngại cho những sinh vật vừa mù vừa sáng, không có hai con mắt dưới lông mày như chúng ta, mà lại có một đốm sao giữa trán.

Có một đôi người bảo cải chủ nghĩa bàng quan của các nhà tư tưởng ấy là một thứ triết lý siêu đẳng. Đồng ý. Nhưng đó là một trạng thái siêu đẳng bệnh hoạn. Người ta vẫn có thể là một vị thần, nhưng thọt chân, như Vuyncanh[1]. Người ta có thể là siêu nhân nhưng vẫn chưa đủ điều kiện làm một con người. Là bao la nhưng vẫn khiếm khuyết, điều ấy không lạ trong vũ trụ. Biết đâu mặt trời không phải là một tên mù?

Như thế thì làm thế nào? Trông cậy vào đâu? Ai kẻ dám nói sai?[2] Phải chăng có những thiên tài, những siêu nhân, những người anh minh như tinh tú mà cũng sai lầm? Cái ở trên đỉnh đầu, ở trên cao tít, tỏa ánh sáng rực rỡ khắp nơi, phải chăng chính nó lại không trông thấy gì lắm, hay là không trông rõ, hoặc là mù tịt? Như thế có đáng thất vọng không? Không. Vậy thì ở trên thái dương còn có gì nữa? Còn có Thượng đế.

---

(1) Một vị thần trong thần thoại cổ Hy-Lạp, coi về việc rèn, rất khoẻ và thọt chân.

(2) Nguyên văn latinh : Solem quis dicere falsum audeat.

Ngày mồng 6 tháng Sáu năm 1832, vào khoảng mười một giờ trưa, cảnh công viên Luýchxămbua vắng ngắt thật là đẹp. Khóm cây, luống cành trao đổi hương thơm và tia nắng. Ánh nắng buổi trưa làm cho cảnh lá điên say, dáng như tìm nhau để ôm ấp. Trong tán lá mấy cây sung, chích choè huyên náo, chim sẻ tung hoành, gõ kiến leo dọc thân cây dẻ bủa mõ lách cách trên vỏ. Trên các luống hoa, hoa huệ làm chúa tể chính thống, mùi hương cao quý nhất vẫn là mùi hương toả ra từ nơi trong trắng. Hoa cẩm chướng có mùi thơm hắc. Mấy con quạ già thời Mari đơ Miđixê ái ân trên ngọn cây cao vút. Ánh sáng mạ vàng những đóa hoa kim hương, làm cho nó sáng rực lên như những ngọn đèn ; thật ra thì hoa kim hương cũng chỉ là những ngọn lửa muôn hình biến thành hoa. Quanh các luống kim hương, vô số bướm chập chờn trông như những tia sáng lập loè của các đoá hoa lửa ấy. Ở đâu cũng là vui tươi, là duyên dáng, ngay cả đến cơn mưa sắp tới; cơn mưa tái diễn cũng chẳng có gì đáng sợ. Cây cỏ mong mưa. Chim én bay là là như đe dọa, nhưng dễ mến làm sao!

Ai ở đây, cái gì có mặt ở đây cũng đều nức mùi hạnh phúc. Đời thơm ngát. Vạn vật đều nói lên cái ý thơ ngây, đoàn kết, vạn vật dịu hiền âu yếm, vạn vật vuốt ve mơn trớn, vạn vật trong sáng như bình minh. Tình ý từ trên xuống toả xuống êm mát như một bàn tay em bé áp vào môi.

Mấy pho tượng trắng loã thân đứng ở dưới hàng cây hôm nay khoác những chiếc áo bóng râm, lỗ chỗ ánh sáng; các vị nữ thần ấy rách rưới từng vạt toàn thân là những vạt nắng, và nhiều tia nắng lủng lẳng quanh mình. Quanh bể nước trung tâm, đất đã rắn khô như cháy. Gió hây hây đủ làm cho cát bụi đó đây bắt đầu cuộn từng đám nhỏ. Vài chiếc lá vàng mùa thu còn sót lại đuổi bắt nhau vui vẻ như nô đùa.

Ánh sáng chan hoà làm cho vạn vật dạy tin tưởng. Nhựa ngọt, mùi thơm, khí ấm, cuộc sống tràn trề. Qua tạo vật người ta cảm thấy sức tạo hoá vô cùng vĩ đại, người ta nhận thấy thiên nhiên vô tận cũng rộng rãi vô cùng bởi vì từng hơi thở của vạn vật đều thấm đượm yêu đương, bởi vì ánh sáng tuôn trào thừa thãi, tia sáng chiếu qua phản chiếu lại như mắc cửi, từ trên không đổ xuống như một dải suối vàng vô tận. Và sau quang cảnh chói lọi như một bức phông rừng rực lửa, người ta nhìn thấy có bóng dáng Chúa, nhà triệu phú có triệu triệu vì sao.

Nhờ có cát nên không có một vết bùn, nhờ có mưa nên không có gió bụi trên lá. Cây cỏ vừa tắm gội xong, trăm thứ nhung, lĩnh, vàng, son, bày lên trên cành hoa, không một tí bợn. Thật là giàu sang mà cũng thật là tinh sạch.

Cảnh vườn là cảnh vắng lặng của thiên nhiên tràn ngập hạnh phúc. Vắng lặng thần tiên, vắng lặng mà dung hoà với nghìn thứ âm nhạc, có chim gù, có ong vo ve, có gió hồi hộp dưới lá.

Mùa xuân êm ái thể hiện trong sự nhịp nhàng của muôn vật. Khách xuân đến và đi đúng nghi lễ đã định : đinh hương hầu tàn, nhài chớm nở, vài đoá hoa muộn, vài giống côn trùng đến sớm ít nhiều. Đội tiên phong của loài bướm đỏ tháng Sáu nô giỡn thân ái với đội hậu tập của loài bướm trắng tháng Năm. Cây ngô đồng khoác áo mới. Gió xuân làm nổi sóng trên vòm lá dẻ sum suê. thật là huy hoàng. Người chiến binh già ở đồn cạnh trông qua cổng vườn bảo: "Mùa xuân mặc đại lễ đang bồng súng chào".

Đây là giờ ăn sáng của muôn vật: tất cả đều ngồi vào bàn. Trên trời trải khăn xanh, dưới đất phủ khăn lục, mặt trời sáng chiếu rực rỡ. Chúa bưng dọn cho muôn loài trong bữa

tục vũ trụ. Mỗi sinh vật đều có thức ăn; bồ câu thì hạt gai, hoạ mi thì hạt kế, có quả đơm xôi cho chàng làng, sâu bọ cho chào mào, hoa cho ong, trích trùng cho ruồi, ruồi cho chim sẻ xanh. Chúng cũng có ăn thịt nhau tí đỉnh, đó là cái lẽ ác lẫn với thiện huyền bí, nhưng không có một sinh vật nào phải để dạ dày trống không.

Hai đứa bé lạc loài đã đến bên bể lớn. Ánh sáng nhiều quá làm cho chúng lúng túng tìm cách trốn nấp ; bản năng của kẻ nghèo, kẻ yếu hễ thấy cảnh giàu sang phong phú thì sợ, mặc dầu cảnh giàu sang phong phú ở đây chẳng là của riêng ai. Hai đứa bé nấp sau chuồng thiên nga.

Từng lúc, khi ngọn gió tạt qua, văng vẳng nghe như có tiếng kêu la, tiếng ồn ào, tiếng rên hừ hừ và tiếng nện thình thịch, đó là tiếng súng trường, súng đại bác ở xa. Về phía khu chợ, có khói mù bay lên khỏi mái nhà. Xa xa có tiếng chuông rung như kêu như gọi.

Hai đứa bé hình như không nghe thấy các thứ tiếng ấy. Thằng nhỏ thỉnh thoảng lại kêu khe khẽ : em đói quá.

Hầu như cùng một lúc, có một cặp nữa đến bên bể nước. Một người vào khoảng năm mươi, dắt tay một đứa bé lên sáu. Chắc là hai cha con. Đứa bé lên sáu cầm một chiếc bánh thuẫn lớn.

Thủa ấy, có mấy nhà dọc bờ sông ở phố Bà Chúa và phố Địa ngục được quyền sắm chìa khoá cổng vườn Luýchxămbua, khi nào cổng đóng cũng vào chơi được. Ngày nay thì không còn sự châm chước đó nữa. Hai cha con người này chắc là ở trong số những gia đình được hưởng đặc quyền ấy.

Hai đứa bé nghèo khổ nhìn "ngài" đó đi tới và nấp kín hơn một chút.

Ông ta là người tư sản. Mariuytx một hôm trong lòng đương sôi nổi yêu đương bỗng nghe một người khuyên bảo con: "con hãy nhớ phải tránh những điều quá trớn". Người ấy có lẽ là ông này. Ông có vẻ dịu hiền và tự mãn. Miệng ông luôn luôn nở nụ cười, một nụ cười hở lợi chứ không phải mở môi, một nụ cười máy, phô răng hơn là bộc lộ tâm hồn. Đứa bé cầm chiếc bánh cắn dở chứ không ăn nữa. Nó có vẻ như đã được nhồi nhét đầy ruột. Vì có biến động nên đứa bé mặc một bộ trang phục quốc dân quân, người cha thì ăn vận như thường nhật, một bộ quần áo tư sản để tránh nguy hiểm.

Hai cha con dừng lại bên bể nước có hai con thiên nga đương bơi lội. Ông tư sản này có vẻ khâm phục thiên nga ghê lắm. Ông ta cũng giống thiên nga, giống ở chỗ có dáng đi như chúng.

Nhưng mà lúc nầy thì thiên nga đương bơi lội. Bơi lội là nghề sở trường của chúng, bởi thế trông chúng đẹp lạ lùng.

Giá hai đứa bé nghèo đói kia lắng tai nghe và nếu chúng đến tuổi hiểu, thì chắc chúng đã nhận được món quà cách ngôn của một người mô phạm. Người cha bảo con thế này:

- Kẻ hiền triết sống thanh đạm mà lấy làm vui. Con ơi! con hãy xem cha. Cha rất ghét xa hoa. Không bao giờ cha mặc quần thêu vàng nạm ngọc. Cái vỏ loè loẹt chỉ để cho bọn người thiếu trí tuệ.

Đến đây tiếng huyên náo từ khu chợ bay đến càng rõ, chen với tiếng chuông bây giờ lại càng rung liên hồi. Đứa bé hỏi:

- Cái gì thế cha?

- Ngày hội hỗn loạn đấy, người cha đáp.

Chợt ông ta trông thấy hai đứa bé rách rưới đứng im lìm

sau chuồng thiên nga sơn xanh. Ông nói:

- Kia là cảnh mở màn.

Dừng một lát ông tiếp:

- Cái khu vườn này cũng bị loạn lạc xâm nhập rồi đây!

Lúc bấy giờ, đứa bé cắn một miếng bánh rồi nhổ ra và thình lình khóc lên. Người cha hỏi:

- Sao con khóc?

- Con không đói nữa.

Cái miệng cười của người cha càng bạnh ra.

- Ăn bánh ngọt thì cần gì phải đợi đói!

- Con ăn chán cái bánh này. Nó hẩm rồi.

- Con không thích nữa à?

- Vâng.

Người cha chỉ mấy con thiên nga:

- Ném cho mấy con ngỗng kia.

Đứa bé do dự. Người ta không thích bánh nữa, đành thế, nhưng đó không phải là một lý do để mà cho đi! Người cha giải thích:

- Phải có lòng nhân đạo con ạ. Phải biết thương yêu loài vật.

Ông nói thế rồi cầm lấy cái bánh vứt vào trong bể nước.

Chiếc bánh rơi không xa bờ lắm.

Hai con thiên nga đương ở xa, ở giữa bể, mê mải với một thứ mồi gì đấy. Chúng không thấy ông tư sản, cũng chẳng thấy bánh.

Người tư sản ngại miếng bánh sẽ chìm mất đi một cách vô ích, bèn hoa tay múa chân ra hiệu làm cho cuối cùng hai

con thiên nga phải chú ý.

Chúng nhìn thấy một vật gì lềnh bềnh, chúng lái thuyền quay mũi và từ từ tiến về phía chiếc bánh. Dáng điệu của chúng có một vẻ đường bệ trông rất hợp với bộ cánh trắng tinh.

Người tư sản nghĩ ra một câu hay hay, thích chí nói:

- Loài cầm điểu hiểu hiệu[1] đấy nhé!

Ngay lúc ấy tiếng náo động đằng xa đột nhiên dội đến mạnh hơn trước. Lần này thật là ghê rợn. Có những luồng gió chẳng nói gì cả. Nhưng cũng có những luồng gió nói rất rõ. Luồng gió lúc này đưa đến rõ rệt tiếng trống trận, tiếng gào thét, tiếng súng từng tràng, tiếng đối đáp rùng rợn giữa tiếng đại bác và chuông báo động nhà thờ. Cũng vừa lúc ấy một mảng mây đen kéo đến đột ngột che khuất mặt trời.

Hai con thiên nga bơi vẫn chưa đến miếng bánh, nhưng người tư sản bảo:

- Về thôi, con. Chúng đánh cung Tuylơri rồi.

Ông cầm tay con, nói tiếp:

- Từ cung Tuylơri đến Luýchxămbua không xa, chỉ bằng từ nhà vua đến các bậc huân lão mà thôi[2]. Đạn rồi sẽ vèo như mưa cho mà xem.

Ông nhìn trời:

- Và có lẽ mưa thật cũng sẽ trút xuống. Quả có ý trời đây.

---

(1) Nguyên tắc dùng đồng âm : Cygne (xinhơ) : thiên nga và signe : dấu hiệu. Chúng tôi tạm dùng điệp âm.

(2) Cung Tuylơri (Tuileries) là nơi vua ở : trong công viên Luýchxămbua là trụ sở của viện nguyên huân.

Dòng thứ[1] thế này là đi đứt. Ta đi về mau thôi.

Thằng con nói:

- Con muốn xem thiên nga ăn bánh.

Người cha đáp:

- Ở lại nguy hiểm lắm.

Thế là ông ta kéo chú tư sản con đi.

Thằng bé tiếc mấy con thiên nga, cứ ngoài cổ lại xem cho đến khi gặp khúc quanh, nó không nhìn thấy gì nữa.

Trong lúc ấy cùng một lượt với hai con thiên nga, hai đứa bé lang thang mon men đến gần chỗ chiếc bánh. Bánh bập bềnh trên mặt nước. Thằng bé nhìn chiếc bánh, thằng lớn trông chừng cho người tư sản đi xa.

Hai cha con đi vào khu đường bàn cờ dẫn tới cái tam cấp lớn chỗ lùm cây, phía phố Bà Chúa.

Khi hai bóng vừa khuất thì thằng lớn vội vàng nằm bẹp xuống, dán bụng lên bờ bể. Nó bíu tay trái vào bờ và thả người xuống, thiếu điều rơi trong bể nước. Tay phải nó cầm que củi với chếc bánh. Hai con thiên nga thấy có kẻ địch vội vã bơi nhanh lên. Vì bơi nhanh, ức chúng lùa nước tới, rất có lợi cho chú bé: những làn sóng đồng tâm nhẹ nhàng đẩy chiếc bánh đến que củi. Lúc thiên nga đến thì chiếc bánh cũng vừa gặp cái que. Thằng bé quờ mạnh que, kéo chiếc bánh lại vừa tầm, xua đổi thiên nga đi, vớt bánh rồi đứng lên.

Bánh ướt đẫm, nhưng chúng vừa đói vừa khát. Thằng anh bẻ cái bánh ra làm hai, một phần lớn một phần nhỏ. Nó giữ phần nhỏ, đưa phần lớn cho em và bảo:

- Tọng vào họng súng đi.

---

(1) Luy Phillip thuộc ngành thứ trong hoàng tộc Pháp.

XVII

CHA QUA ĐỜI CHỜ CON SẮP CHẾT[1]

Mariuytx đã nhảy ra ngoài chiến luỹ. Côngbơphe cũng phóng theo. Nhưng chậm quá ! Gavrốt đã chết rồi. Mariuytx mang chú bé về, Côngbơphe mang giỏ đạn.

Mariuytx ngẫm nghĩ: Tênácđiê mang cha ta về giữa vòng tên đạn thì giờ đây ta cũng mang con Tênácđiê về giữa vòng tên đạn. Nhưng hỡi ơi! Tênácđiê cứu sống cha ta còn ta, ta chỉ mang về cái xác chết của chú bé.

Khi Mariuytx ẵm được Gavrốt vào trong chiến luỹ thì mặt chàng cũng đầm đìa những máu, không khác Gavrốt. Đó là vì lúc chàng cúi xuống để bế chú bé thì một viên đạn đã vượt trên sọ chàng mà chàng không biết.

Cuốcphêrắc tháo cà vạt băng trán cho Mariuytx.

Nghĩa quân mang Gavrốt đặt nằm bên cạnh cụ Mabớp, rồi phủ cái khăn choàng đen lên hai người. Cái khăn đủ rộng để trùm ông già và em bé.

Côngbơphe lấy đạn trong giỏ phân phối cho mọi người. Mỗi chiến sĩ nhận được mười lăm viên.

Giăng Vangiăng vẫn ngồi lỳ một chỗ, im lặng trên trụ đá. Khi Côngbơphe đưa đạn cho ông, ông lắc đầu. Côngbơphe bảo khẽ Ăngguônrátx:

- Người này là một anh gàn hiếm có. Ở trong một chiến luỹ như thế này mà hắn lại còn có cách không chiến đấu.

- Không chiến đấu mà vẫn bảo vệ chiến luỹ, Ăngguônrátx đáp.

---

(1) Nguyên văn latinh : moxiuus pater filium moriturum exectar.

- Thế mới biết ở trong đám anh hùng, cũng có những tay quái kiệt.

Cuốcpherắc nghe lọt câu chuyện, bàn góp vào:

- Nhưng hắn ta không thuộc loại ông cụ Mabớp đâu. Có một điểm này cần chú ý là mặc dù đạn vãi rào lên chiến luỹ, những người bên trong vẫn không xao xuyến. Những ai chưa từng bị cuốn vào loại chiến tranh đặc biệt này không thể quan niệm làm sao lại có những phút yên tĩnh lạ lùng xen lẫn với những phút chiến đấu ác liệt như thế! Chiến sĩ đi lại, chuyện vãn, pha trò. Có một người mà chúng ta biết đã nghe một chiến sĩ nói với ông giữa cơn mưa đạn: *Chúng tôi ở đây cũng như ở một bữa tiệc của những chàng độc thân.*

Chiến luỹ phố Săngvrơri bên trong nom yên tĩnh lắm. Các giai đoạn, các diễn biến đã xảy ra tất thảy hoặc cũng sắp xảy ra. Tình hình từ khó khăn đã chuyển ra hiểm nghèo và từ hiểm nghèo chắc là nó sẽ chuyển thành tuyệt vọng. Cảnh huống càng đen tối, ngọn lửa dũng cảm sáng rực lên. Hình ảnh Ăngguônrátx nổi bật lên trên hết, oai nghiêm như một chàng thanh niên Spác[1] đương dâng lưỡi gươm trần của mình cho thần chiến tranh. Côngbơphe, mang tạp dề, băng bó cho các chiến sĩ bị thương. Bốtxuyê và Phơidi dùng thuốc súng trong bi thuốc Gavrốt đã lục lấy trên xác tên hạ sĩ, để làm đạn. Bốtxuyê bảo Phơidi - *Tí nữa chúng ta đáp xe tốc hành đi hành tinh khác.*

Cuốcphêrắc đã chọn cho mình mấy tảng đá bên cạnh Ăngguônrátx; khéo tay như một thiếu nữ, chàng xếp đặt lên trên ấy một kho vũ khí : cái gậy kiếm, khẩu súng trường, hai

(1) *Spác* : một thành quốc nhỏ trên đất Hy Lạp thời xưa. Nhân dân ở đấy có tinh thần ái quốc và tinh thần thượng võ rất cao.

khẩu súng lục kỵ binh và một quả đấm. Giăng Vangiăng yên lặng ngắm bức tường sừng sững trước mặt. Một anh thợ lấy chiếc mũ rơm của bà Huysolu đội lên đầu rồi buộc dây thật chặt, anh bảo để *đề phòng say nắng*. Mấy chàng thanh niên trong hội kín Échxơ hàn huyên với nhau rất vui vẻ, chừng như muốn tranh thủ thời gian nói thử thổ âm quê hương một lần cuối. Giôli thè lưỡi lấy gương của bà Huysolu săm soi. Mấy chiến sĩ khác tìm được vài mẩu bánh mốc trong ngăn kéo, chia nhau ăn ngốn ngấu. Mariuytx thì lo ngại không biết rồi đây gặp cha, cha sẽ trách mắng thế nào.

XVIII

ÁC ĐIỂU TRỞ THÀNH MIẾNG MỒI

Chúng ta hãy chú ý một hiện tượng tâm lý đặc biệt trong các chiến luỹ, vì không nên bỏ sót một đặc điểm nào của thứ chiến tranh đường phố kỳ lạ này.

Dù các chiến sĩ trong chiến luỹ tỉnh táo đến mức nào, cuộc chiến đấu đối với họ cũng vẫn là một chuyện kỳ kỳ ảo ảo.

Chuyện nội chiến chẳng khác gì chuyện truyền kỳ; trong nội chiến, những đám mây mù huyền bí chen lẫn với những đám điện chớp rực trời; cách mạng có lắm điều khó giải, và ai đã sống qua trong chiến luỹ đều tưởng mình vừa sống một giấc mơ.

Người ta có những cảm giác gì trên các chiến trường ấy, chúng tôi đã nói đến khi diễn thuật tâm trạng Mariuytx. Những cảm giác ấy vừa căng thẳng hơn cuộc sống vừa không bì cuộc sống. Người nào sống sót trong chiến luỹ sau trận đánh cũng không còn biết là đã thấy gì trong ấy. Người ta không biết lúc ấy chính mình đã là một tay ghê gớm. Chung

quanh sừng sững những tư tưởng cách mạng hiện thân trên mặt mỗi người; đầu óc tắm trong hào quang của tương lai, bên cạnh có những xác người nằm và những bóng ma đứng. Giờ phút hết sức vĩ đại và như vô thủy vô chung. Người ta sống trong cõi chết. Có những bóng lướt qua, bóng gì vậy? Lờ mờ có những bàn tay nhuộm máu. Đây là sự huyên náo kinh người, đây cũng là sự im lìm rùng rợn. Có những cái mồm mở ra kêu thét, có những cái mồm mở ra không nói không rằng. Người ta đi lại bảng lảng trong khói, trong đêm dày cũng nên. Người ta tưởng như đã xuống đến chỗ nước rịn ghê rợn trong cõi sâu thẳm không cùng. Người ta nhìn cái gì đo đỏ trong kẽ móng tay, người ta không nhớ gì hết.

Hãy trở lại với sự việc ở phố Săngvrơri. Giữa hai loạt súng bỗng nhiên có tiếng chuông đồng hồ đánh xa xa. Công bơphe nói: Đúng trưa rồi đây.

Chuông đồng hồ đổ chưa xong mười hai tiếng. Ăngguônrátx đã đứng thẳng người lên từ trên chiến lũy ra lệnh xuống, giọng sang sảng:

- Mang đá lên trên nhà. Chất lên bậu cửa sổ và các cửa thông hơi tầng áp mái. Một nửa chiến sĩ cầm súng, một nửa khuân đá. Thi hành tức khắc.

Một toán công binh cứu hoả vừa xuất hiện ở cuối phố. Chúng xếp thành đội hình xung trận, vai vác búa. Rõ ràng chúng chỉ là toán đi đầu đoàn. Đoàn nào? Tất nhiên là đoàn quân tấn công. Công binh cứu hoả đi trước để phá chiến luỹ cho chiến binh leo vào trong.

Có lẽ giai đoạn mà ông Clécmông Tônne năm 1822 gọi là giai đoạn "thắt thòng lọng" đã đến.

Lệnh Ăngguônrátx được thi hành khẩn trương và đúng đắn vì: trong chiến luỹ cũng như chiến hạm không có cách nào

trốn tránh được. Không đầy một phút, hai phần ba đống đá mà Ăngggiônrátx đã bảo chất ở cửa hiệu Côranh được khuân lên đặt ở tầng gác thứ nhất và ở gác vựa. Một phút nữa, những tảng đá ấy đã xếp rất mỹ thuật trên bậu cửa sổ và các cửa áp mái, bít lên đến nửa cửa. Phoidi là người xây dựng chủ yếu; Phoidi chăm chú bố trí những khe hở để đặt nòng súng bắn ra. Công việc này tiến hành không khó khăn lắm vì bên địch đã ngừng bắn đạn ghém. Lúc này hai khẩu đại bác chăm bắn đạn tròn vào quãng giữa chiến luỹ, cố chọc cho được lỗ thủng hoặc hơn thế, mở một đột phá khẩu cho bộ binh xung phong.

Khi những tảng đá cần thiết cho cuộc cầm cự tối hậu đã đâu vào đấy rồi, Ăngggiônrátx cho đem lên gác những cái chai anh đã để dưới bàn cụ Mabớp nằm. Bốtxuyê hỏi:

- Ai được hân hạnh uống những chai ấy?

- Chúng nó. Ăngggiônrátx đáp.

Rồi họ chấn cửa sổ tầng dưới lại và họ chuẩn bị sẵn sàng những then sắt dùng để gài cửa quán ban đêm. Thành luỹ thế là hoàn bị. Hàng chướng ngại vật là bờ luỹ, quán bà Huysơlu là chiến đài.

Những tảng đá còn lại họ đem lấp khe hở bên vách.

Quân tấn công biết những người giữ chiến luỹ bao giờ cũng phải dè xẻn đạn nên họ chuẩn bị khoan thai và có vẻ xông xáo dưới tầm súng, tuy chưa đến giờ quyết liệt. Có vẻ xông xáo thôi vì thật tình không có gì nguy hiểm, và họ cứ việc ung dung. Công cuộc chuẩn bị tấn công bao giờ cũng chậm chạp một cách có phương pháp; sau đó là sấm sét.

Nhờ họ sửa soạn chậm nên Ăngggiônrátx có đủ thì giờ xem xét lại tất cả mọi việc và hoàn chỉnh tất cả. Chàng cảm thấy

rằng khi những con người vĩ đại như các chiến sĩ cộng hoà ấy mà chết, thì cái chết của họ phải là một công trình tuyệt tác.

Anh nói với Mariuytx: Cậu với tớ là chỉ huy. Tớ vào trong dặn bảo anh em một lần cuối. Cậu cứ ở ngoài quan sát địch.

Mariuytx leo lên chóp chiến luỹ để quan sát. Cái nhà bếp đã đem dùng làm bệnh xá, chắc các bạn còn nhớ. Ăngguônrátx bắt đóng đanh bít cửa lại. Anh nói:

- Không được để lọt mảnh đạn vào anh em thương binh.

Anh vào gian phòng thấp để truyền những hiệu lệnh tối hậu. Anh nói vắn tắt nhưng hết sức điềm tĩnh. Phoidi nghe và trở lời thay cho anh em.

- Ở tầng gác một phải có sẵn búa để chặt cầu thang. Có búa không?

- Có, - Phoidi đáp.

- Được mấy cái?

- Hai búa, một rìu.

- Tốt lắm. Chúng ta là hai mươi sáu chiến sĩ khoẻ mạnh, có bao nhiêu súng?

- Ba mươi khẩu.

- Thế là thừa tám. Những khẩu súng thừa ấy cũng phải nạp đạn, để sẵn bên mình như các khẩu khác. Gươm và súng ngắn phải đeo vào người. Hai mươi người ở chiến luỹ. Sáu nấp ở cửa sổ và các cửa thông hơi tầng gác một để bắn vào bọn tập kích, qua các lỗ châu mai chừa trong mấy chồng đá. Ở đây không được có một chiến sĩ nào không có công việc. Lát nữa khi tiếng trống xung trận của chúng nổi lên thì hai mươi chiến sĩ dưới đường phải lao đến chiến luỹ. Những người đến trước sẽ là những người chiếm được vị trí tốt nhất.

Bố trí xong anh quay về phía Giave nói:

- Tao không quên mày đâu.

Chàng đặt một khẩu súng ngắn lên bàn nói thêm:

- Người đi ra sau cùng phải bắn vỡ sọ thằng gián điệp này.

- Bắn ở đây? Có tiếng ai hỏi.

- Không. Không nên trộn lẫn xác nó với xác chúng ta. Có thể leo qua chiến lũy nhỏ ở phố Môngđêtua. Chỉ cao chừng hơn một thước thôi. Hắn bị trói kỹ lắm. Lôi hắn ra lối đó rồi xử.

Lúc ấy có một người còn bình tĩnh hơn cả Ăngguônrátx nữa. Đó là Giave.

Bấy giờ Giăng Vangiăng xuất hiện.

Trước ông đứng lẫn giữa nghĩa quân. Bây giờ ông bước ra nói với Ăngguônrátx:

- Anh là chỉ huy?

- Phải.

- Lúc nãy, anh cảm ơn tôi?

- Cảm ơn ông nhân danh nước Pháp Cộng hòa. Chiến lũy có hai cứu tinh là ông và Mariuytx.

- Anh có nghĩ rằng tôi đáng được ban thưởng không?

- Có.

- Thế thì tôi xin một phần thưởng.

- Phần thưởng thế nào?

- Tự tay tôi được bắn chết tên này.

Giave ngẩng đầu lên, nhận thấy Giăng Vangiăng, thoáng rùng mình và nói:

- Đúng lẽ rồi.

Về phần Ăngguônrátx, anh nạp đạn vào súng rồi đưa mắt nhìn quanh:

- Không ai khiếu nại chứ?

Không ai nói gì, anh quay lại Giăng Vangiăng bảo:

- Được, ông nhận tên mật thám ấy.

Theo lời Ăngguônrátx, Giăng Vangiăng ngồi lên cuối bàn tiếp nhận Giave. Ông cầm súng ngắn, lên đạn lách cách.

Ngay lúc ấy, một hồi kèn trận nổi lên.

Từ trên chóp chiến luỹ, Mariuytx thét lớn:

- Báo động!

Giave mở miệng cười, cái cười không thành tiếng quen thuộc của hắn. Và nhìn đăm đăm các chiến sĩ, hắn nói:

- Lũ chúng bay cũng không bình yên khang kiện hơn tao tí nào!

Ăngguônrátx hô to:

- Tất cả ra ngoài!

Các chiến sĩ nghĩa quân ào ào lao ra, trong khi Giave ném theo sau lưng họ lời hẹn:

- Lát nữa gặp nhau nhé!

XIX

GIĂNG VANGIĂNG BÁO THÙ

Còn lại một mình với Giave, Giăng Vangiăng cởi cái dây buộc ngang thân hình tên tù binh vào dưới bàn. Xong ông ra hiệu cho hắn đứng dậy.

Giave làm theo, trên môi hắn vẫn giữ cái nụ cười khó tả, nụ cười kiêu hãnh của uy quyền bị trói buộc.

Giăng Vangiăng nắm cái dây đai buộc Giave lôi đi như người ta nắm đai cổ một con ngựa kéo. Hai người đi ra khỏi quán, đi rất chậm, vì Giave còn bị buộc ở chân, phải nhích từng bước ngắn.

Tay Giăng Vangiang vẫn lăm lăm khẩu súng ngắn.

Hai người cứ thế vượt khoảnh đất hình thang nằm giữa hai chiến luỹ. Nghĩa quân chuyên chú đề phòng cuộc tấn công sắp nổ ra nên quay lưng về phía họ.

Duy một mình Mariuytx đứng nghiêng ở mút trái chiến luỹ là trông thấy họ. Hình ảnh kẻ tội nhân và người đao phủ thoáng qua mắt chàng dưới ánh sáng của cái chết đang chiếm cứ tâm hồn chàng. Giăng Vangiăng phải khó nhọc mới đưa được Giave qua khỏi chiến luỹ nhỏ, vì Giave bị trói. Lúc nào ông cũng giữ rịt tên tù.

Leo khỏi chiến luỹ nhỏ thì đến ngõ phố Môngđêtua, ở đấy tuyệt đối không còn ai ngoài hai người. Không ai trông thấy họ được nữa. Họ đứng khuất góc phố, nghĩa quân không nhìn thấy. Cách vài bước, những xác người từ trong chiến luỹ mang ra chất thành một đống rùng rợn.

Trong đám xác chết có một gương mặt tái nhợt, một mớ tóc sổ tung, một bàn tay thủng và một bộ ngực phụ nữ nửa che nửa lộ. Đó là Êpônin.

Giave nhìn nghiêng người chết rồi lầm bầm, rất bình thản:

- Ta biết con điếm này thì phải.

Hắn quay lại phía Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng cắp súng vào nách nhìn chằm chặp Giave. Không cần lời, cái nhìn ấy vẫn nói rõ:

- Ta đây! Giave, đã biết chưa?

Giave đáp:

- Mày trả thù đi.

Giăng Vangiăng thò tay vào túi quần lấy một con dao, mở ra. Giave buột miệng:

- Dao à !... Phải rồi. Dao mới hợp với mày.

Vangiăng cất cái dây đai buộc cổ Giave, cắt luôn sợi dây buộc cổ tay, xong ông cúi xuống cắt nốt cái dây trói chân. Rồi ông đứng lên bảo hắn:

- Anh được tự do.

Giave không phải là người dễ ngạc nhiên. Tuy vậy hắn không thể nén xúc động mặc dù hắn rất tự chủ. Hắn há hốc mồm đứng nguyên tại chỗ.

Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Tôi không tin rằng tôi thoát khỏi chốn này. Nhưng nếu vạn nhất tôi sống sót thì tôi ở phố Lomácmê, số bảy, với cái tên giả là ông Phôsơlơvăng.

Giave nhăn mặt nhếch mép như một con cọp dữ và nói lầm bầm:

-. Liệu hồn!

- Anh đi đi, - Vangiăng bảo.

Giave hỏi gặng lại:

- Mày nói Phôsơlơvăng, phố Lomácmê?

- Số bảy.

Giave lẩm nhẩm lặp lại:

- Số bảy.

Hắn cài cúc áo, rướn vai lấy lại cái dáng cứng cáp của nhà binh, quay nửa vòng, khoanh tay trước ngực, đưa một bàn tay nâng cằm, và đi về hướng khu Chợ. Giăng Vangiăng nhìn theo. Đi được mấy bước Giave ngoái lại gọi bảo Vangiăng:

- Này, anh làm phiền tôi lắm. Giết tôi đi thì hơn.

Giave đã bỏ lối xưng hô mày tao với Vangiăng, nhưng chính hắn cũng không nhận thấy. Vangiăng nói:

- Đi ngay đi.

Giave bước chầm chậm đi xa dần. Một lát sau hắn rẽ qua phố Pơrêsơ.

Khi Giave đã đi khuất. Vangiăng nâng súng bắn một phát lên trời. Rồi ông trở vào chiến luỹ và nói:

- Xong rồi.

Trong lúc Vangiăng làm những công việc ấy thì trong chiến luỹ xảy ra việc như sau:

Trước đấy Mariuytx chú ý tình hình động tĩnh ở bên ngoài hơn là công việc bên trong, nên không nhìn kỹ tên gián điệp bị trói ở trong góc phòng mờ tối.

Khi hắn ra giữa ánh sáng leo qua chiến luỹ nhỏ để đi thọ hình, thì Mariuytx mới kịp nhận mặt hắn. Chàng vụt nhớ lại chuyện cũ. Chàng nhớ ra viên thanh tra phố Pôngtoa và hai khẩu súng ngắn viên ấy đã trao cho chàng, hai khẩu súng chàng vẫn dùng ở trong chiến luỹ này. Không những chàng nhận ra mặt, chàng còn nhớ tên nữa.

Nhưng kỷ niệm này cũng tù mù hỗn loạn như tất cả ý nghĩ khác của chàng. Chàng không nói chắc được chàng chỉ tự hỏi:

- Người này phải chăng là viên thanh tra cảnh sát đã xưng tên là Giave với mình?

Can thiệp cho anh ta có lẽ cũng còn kịp. Nhưng trước hết phải biết chắc có phải là Giave không đã.

Ăngguônrátx vừa lên đứng ở đầu kia chiến luỹ Mariuytx gọi:

- Ăngguônrátx!
- Gì?
- Người ấy tên là gì?
- Người nào?
- Tên cảnh sát ấy mà. Cậu có biết tên nó không?
- Hẳn chứ. Nó có khai tên.
- Thế tên gì?

- Giave.

Mariuytx ngẩng lên.

Vừa lúc ấy, người ta nghe tiếng súng ngắn.

Rồi Giăng Vangiăng vào chiến luỹ và kêu to: Xong rồi.

Mariuytx nghe nhoi nhói một niềm chán chường ngao ngán trong tim.

XX

NGƯỜI CHẾT ĐÚNG MÀ NGƯỜI SỐNG CŨNG KHÔNG SAI

Chiến lũy sắp bước vào giờ phút hấp hối.

Tất cả cái gì chung quanh cũng châu vào để làm tăng vẻ tôn nghiêm bi đát của giờ phút tối hậu ấy. Hàng nghìn âm vang huyền bí trong không gian, hơi thở của các binh đoàn đông đặc hành quân trên các nẻo phố không nhìn thấy, tiếng vó ngựa đều đều của kỵ binh, tiếng chuyển động nặng nề của các cỗ đại bác, từng tràng súng, từng loại đại bác đan chéo nhau trong thành phố quanh có khuất khúc, khói súng các trận giao phong ửng vàng trên mái nhà, những tiếng kêu thét ở đâu xa xôi khủng khiếp, những tia chớp khắp nơi như đe doạ, tiếng chuông báo động ở nhà thờ Xanh Meri thê lương như tiếng nấc, ngày đẹp, mùa xuân êm ái, cảnh trời rực rỡ ánh nắng và những dãy nhà lặng ngắt đáng sợ.

Từ tối hôm qua, hai dãy nhà phố Săngvrơri hoá ra hai bức tường thành ghê lạnh. Cửa lớn, cửa sổ, cửa con đều đóng im ỉm.

Thủa ấy khác với ngày nay[1]. Thủa ấy khi đã đến lúc dân chúng muốn chấm dứt một tình trạng quá kéo dài, muốn bãi một chính phủ đương vị, một hiến pháp từ trên ban xuống, khi sự căm phẫn đã hoà tan trong không khí, khi đường phố tán thành cho vỉa hè vùng lên, khi khẩu hiệu khởi nghĩa rỉ vào tai thị dân làm cho họ mỉm cười đắc ý, lúc ấy người dân phố cơ hồ như thấm nhuần bạo động và hoá ra những kẻ trợ tá đắc lực của các chiến sĩ, và nhà cửa sẽ yểm hộ cho các pháo đài mới cật tựa lưng vào phố. Nhưng khi điều kiện chưa chín muồi, khi nhân dân không đồng tình khởi nghĩa, khi họ không thừa nhận cuộc bạo động, thì các chiến sĩ cũng xong đời. Chung quanh cuộc khởi nghĩa thành phố sẽ biến làm sa mạc, nhân dân trở thành biển băng, nhà cửa hoá ra vách đá và đường phố hiện thành những hẻm núi để giúp quân đội chính phủ đánh chiếm các chiến khu.

Người ta không thể đột ngột bắt ép một dân tộc mang họa vào mình. Một dân tộc không để cho ai dắt đi đâu thì dắt. Khi bị cưỡng bức thì họ bỏ mặc cuộc bạo động ra sao thì ra. Lúc ấy họ coi những người bạo động như những kẻ mắc dịch hạch. Nhà trở thành vật chướng ngại, cửa là sự từ chối, mặt trước nhà hóa ra tường đá. Tường ấy nghe hết, thấy hết nhưng không muốn. Nó có thể mở ra để cứu anh, nhưng không, tường ấy là một quan tòa: nó nhìn anh và kết án anh.

Không gì tăm tối cho bằng những toà nhà im ỉm ấy ! Nó có vẻ chết rồi, nhưng thực thì nó vẫn sống. Cuộc sống ở đấy có ngưng lại nhưng vẫn là cuộc sống. Trong hai mươi bốn

(1) Huygô viết bộ truyện này trong thời kỳ độc tài chuyên chính của Napôlêông III.

tiếng đồng hồ qua, không ai ra khỏi nhà, nhưng không một ai thiếu mặt ở trong ấy. Phía sau tường đá, người ta đi lại, người ta nằm, ngồi, người ta sống cảnh gia đình: người ta ăn, người ta uống; người ta sợ hãi, điều này mới ghê gớm! Sợ hãi là lý do của sự vô tình ghê gớm đó; vì sợ nên hoảng cái đó đáng xét một cách khoan hồng. Một đôi khi, điều này đã xảy ra, sợ hãi đến độ cuồng loạn. Kinh hoàng có thể biến ra cuồng nộ cũng như cẩn thận có thể trở thành điên dại. Do đó mà có danh từ sâu sắc: *Những người ôn hòa điên dại*. Có những lúc kinh hoàng cháy bùng lên tột độ và đẻ ra giận dữ, cũng như lửa đẻ ra khói.

"Cái lũ ấy muốn gì? Không bao giờ chúng vừa lòng. Chúng làm liên luỵ đến những người hiền lành. Chúng làm như chừng ấy cuộc cách mạng chưa đủ! Ai bảo chúng đến đây? Đến đây thì bây giờ tháo đi. Trối thây chúng! Lỗi ở chúng chứ ai! Bụng làm thì dạ chịu. Chuyện này có dính dáng gì đến chúng ta. Coi cái phố tội nghiệp của ta bị đạn bắn loang lổ ra kia! Thật là một lũ vô lại. Nhất định đừng có mở cửa đấy!"

Thế là cái nhà biến thành ngôi mộ lạnh toát. Trước hiên người nghĩa quân thoi thóp; anh thấy đạn rào rào và gươm trần tiến đến: nếu anh kêu thì người ta nghe, nhưng người ta không chạy ra. Ở đây có những bức vách có thể che chở anh, có những con người có thể cứu vớt anh. Vách thì có tai mà lòng người lại lạnh như thế.

Lỗi tại ai?

Không tại ai hết, và tại tất cả mọi người. Tại thời đại của chúng ta chưa hoàn chỉnh.

Khi mơ ước không tưởng biến thành cách mạng, khi sự phản kháng lý thuyết biến thành sự phản kháng vũ trang thì

nó phải tự gánh lấy mọi điều nguy hiểm. Một ước mơ không tưởng không kiên trì, hấp tấp bạo động thì ai cũng biết kết quả sẽ thế nào! Thường thường là nó đến sớm quá. Lúc ấy nó cam chịu tai họa thay cho vinh quang một cách anh hùng. Nó phục vụ những người không thừa nhận nó, phục vụ không phàn nàn, không trách móc. Nó quảng đại ở chỗ cam chịu người ta bỏ rơi. Nó không chịu khuất một trở lực nào nhưng lại dịu dàng đối với kẻ vô ơn.

Nhưng hãy xem có phải là vô ơn không?

Đúng là vô ơn, nếu xét trên quan điểm nhân loại.

Không phải là vô ơn, nếu xét trên quan điểm cá nhân.

Tiến bộ là một biểu hiện của loài người. Cuộc sinh tồn chung của nhân loại có tên là Tiến bộ, bước đi lên trước của tập thể gọi là Tiến bộ. Tiến bộ đi lên, đó là cuộc hành trình của con người trên quả đất để tiến lên cõi trên, lên thế giới thần tiên. Có lúc nó dừng lại để tập hợp đoàn người chậm chạp ; có lúc nó lưu lại để suy tưởng ở một đất thánh rực rỡ vừa đột ngột hiện ra ; có đêm nó nằm xuống để nghỉ ngơi ; đó là lúc nhà tư tưởng đau đớn nhìn thấy bóng tối toả lên tâm hồn con người, và sờ thấy Tiến bộ ngủ quên trong đêm dày mà không biết làm sao đánh thức nó dậy.

Giêra đơ Nécvan một hôm nói với chúng tôi: *Có lẽ Chúa đã chết rồi*. Đó là do anh lẫn lộn tiến hoá với Chúa nên nhận lầm là Thượng đế đã chết khi thấy tiến hoá tạm ngưng.

Tuy nhiên thất vọng là không đúng. Chắc chắn có lúc Tiến bộ sẽ tỉnh giấc nồng và lúc ấy người ta sẽ nhận thấy Tiến bộ vẫn đi trong khi ngủ, bởi vì nó lớn hơn xưa. Nhìn thấy nó đứng dậy càng thấy nó cao lớn hơn trước.

Tiến bộ cũng như dòng sông, không phải tự mình muốn luôn luôn chảy êm đềm mà được. Đừng có dựng đập chắn nước, đừng có vứt núi đá vào lòng sông. Vật chướng ngại sẽ làm cho nước cuồn cuộn lên, làm cho nhân loại sôi sục. Do đó nẩy ra những cuộc biến động. Nhưng sau biến động, người ta nhận thấy có một đối đương đã vượt qua. Cho đến khi nào trật tự được thiết lập - trật tự đây tức là cảnh thiên hạ thái hòa, - cho đến khi nào quả đất có sự nhịp nhàng và nhất quán, thì con đường đi của tiến bộ có từng trạm: các trạm ấy là những cuộc cách mạng.

Vậy Tiến bộ là cái gì? Chúng ta vừa nói đó là cuộc sinh tồn thường xuyên của các dân tộc.

Thế nhưng đôi lúc cuộc sống nhất thời của cá nhân làm trở ngại cho cuộc sống vĩnh cửu của nhân loại.

Hãy bình tĩnh mà nhận rằng cá nhân có quyền lợi riêng biệt và họ bảo vệ quyền lợi ấy là hợp tình hợp lý. Cuộc sống hiện tại có thể ích kỷ một chừng nào, ta không nên chấp nhặt cuộc sống nhất thời vẫn là cuộc sống, không nên bắt nó cứ phải luôn luôn hy sinh cho tương lai. Cái thế hệ hiện nay đến phiên mình gớp mặt với đời không bắt buộc phải rút ngắn phiên vì các thế hệ mai sau, các thế hệ ấy xét cho cùng chỉ ngang nó mà thôi. Tiếng nói của cá nhân ở trong tất cả mọi người thủ thỉ:

- Tôi đương sống trên đời. Tôi đương tuổi trẻ, tôi yêu, tôi già rồi, tôi muốn nghỉ, tôi là chủ gia đình, tôi có công ăn việc làm, tôi làm ăn phát đạt, tôi đương phất, tôi có nhà cho thuê, tôi có tiền gửi quĩ nhà nước, tôi sống hạnh phúc, tôi có vợ có con, tôi quí tất cả những thứ ấy, tôi muốn sống, các anh hãy để cho tôi yên.

Cho nên có đôi lúc dân chúng tỏ ra lạnh nhạt đối với quân đội tiên phong hào hiệp của nhân loại.

Và chẳng khi lý tưởng nhảy vào vòng chiến, thì lý tưởng cũng mất tính chất quang đãng của mình. Lý tưởng là chân lý ngày mai. Thế mà lý tưởng lại phải dùng chiến tranh là thủ đoạn của dối trá hôm qua. Là tương lai mà nó hành động như quá khứ. Là lý tưởng thuần tuý mà lại bạo hành. Nó cài vào anh dũng một sự hung bạo và phải chịu trách nhiệm về sự hung bạo đó là đáng. Hung bạo để đối phó, hung bạo tuỳ cơ, trái với nguyên tắc và không thể không bị trừng phạt. Lý tưởng trong chiến đấu đã dùng quân pháp cũ : Nó bắn gián điệp, nó xử tử đứa bội phản, nó kết liễu sinh mệnh người ta, vứt người ta vào đêm tối vô danh vô tích. Nó dùng cái chết làm phương tiện, đó là một điều nghiêm trọng. Phải dùng những thủ đoạn ấy nghĩa là lý tưởng hình như không tin ở sức truyền bá của mình nữa, tuy sức truyền bá của lý tưởng là một sức mạnh vô địch và toàn thiện. Lý tưởng khi bạo động, phải đánh bằng gươm. Nhưng không có cây gươm nào là đơn giản. Gươm nào cũng có hai lưỡi : chém người ta bằng lưỡi này thì làm đứt thịt mình bằng lưỡi kia.

Khi đã nghiêm khắc nêu lỗi lầm ấy xong, thì không thể không khâm phục những con người quang vinh, những chiến sĩ của tương lai, những giáo sĩ của lý tưởng ấy, mặc dù họ thành công hay thất bại. Khi họ thua non, họ cũng đáng sùng kính, mà có lẽ trong thất bại họ lại càng lẫm liệt. Đi thuận với quy luật tiến hoá mà thành công thì đáng được nhân dân hoan nghênh, thất bại anh dũng thì đáng được thương mến. Chiến thắng thì rực rỡ, nhưng thất bại lại kiêu hùng.

Với chúng tôi là người quý chuộng hy sinh hơn dắc thắng. Gion Brao[1] vĩ đại hơn Oadintơn[2], và Pixacen [3] vĩ đại hơn Garibandi[4].

Phải có người bênh vực cho kẻ chiến bại. Người ta thường bất công đối với những trang hiệp sĩ muốn đem tương lai về khi họ thất bại.

Người ta buộc tội những người cách mạng đã gieo rắc kinh hoàng. Mỗi chiến luỹ đều bị coi như là một vụ mưu sát. Người ta chỉ trích lý thuyết của họ, nghi ngờ mục đích của họ, đề phòng ẩn ý của họ, lên án lương tâm họ. Người ta trách họ đã chồng chất, đã dựng đứng một đống đau khổ, bất công, tuyệt vong và qui trách nhiệm cho nề nếp xã hội hiền lành; đã móc từ dưới cặn đáy lên từng mảng đen tối để nấp vào, tựa vào mà chiến đấu. Người ta mắng họ: Các anh giở địa ngục lên! Họ có thể trả lời: Chính vì vậy mà chiến luỹ của chúng tôi là một chiến luỹ của những ý định tốt.

Đành rằng giải pháp hoà bình là giải pháp tốt nhất. Nói chung, phải nhận rằng khi người ta thấy hòn đá thì nghĩ đến con gấu[5] và xã hội lấy làm lo ngại về cái ý thiện kia. Chỉ

---

(1) John Brown nhà chính trị Mỹ (thế kỷ XIX) chủ trương huỷ bỏ chế độ nô lệ. Ông bị xử treo cổ vì đã kêu gọi nô lệ da đen khởi nghĩa.

(2) Washipgton.

(3) Pisacane.

(4) Garibaldi : nhà yêu nước người Ý (thế kỷ XIX) đã chiến đấu vì nền độc lập và thống nhất của Ý.

(5) Tác giả liên hệ một truyện ngụ ngôn của Êđốp mà Laphôngten đã viết lại, đại khái : Một con gấu kết bạn với một ông già. Một hôm con gấu ngồi đuổi ruồi cho ông già ngủ, thấy có con ruồi lì lợm đuổi mãi không bay, bèn bê hòn đá ném nó, làm giập cả đầu ông già.

có xã hội mới tự cứu được nó thôi, chúng tôi kêu gọi thiện ý của chính nó. Không cần phương thuốc kịch liệt nào. Phải hoà nhã nghiên cứu bệnh tình, chẩn đoán rồi điều trị. Chúng tôi mời xã hội làm cái việc đó.

Dẫu sao, dù là ngã qui, nhất là vì ngã qui, họ là những người cao quí, những người ấy, những người ở khắp thế giới mắt đăm chiêu nhìn về nước Pháp mà chiến đấu cho sự nghiệp lớn với cái lôgic cứng rắn của lý tưởng: họ sống hiến đời họ cho tiến hoá một cách thuần tuý vô tư; họ thực hiện ý muốn của thượng đế ; hành động của họ là một hành động sùng đạo. Đến giờ qui định, cũng hoàn toàn không tính toán như người diễn viên đến lượt mình đối đáp, họ cứ tuân theo kịch bản nhà trời mà chui vào mồ. Và cuộc chiến đấu không hy vọng, sự hy sinh anh hùng đó, họ gánh lấy để đưa cuộc vận động nhân bản vô địch bắt đầu ngày 14 tháng Bảy năm 1789 đến những hậu quả rực rỡ và cao vời của nó. Những chiến sĩ đó là những giáo sĩ. Cách mạng Pháp là một hành vi của Chúa Trời.

Tuy nhiên - và chúng tôi thấy cần thêm sự phân biệt này vào mấy phân biệt đã nói ở một chương khác - có những cuộc khởi nghĩa được thừa nhận, gọi là cách mạng và những cuộc cách mạng bị bác bỏ, gọi là bạo khởi. Một cuộc khởi nghĩa nổ ra tức là một chính kiến dự thi trước hội đồng giám khảo nhân dân. Nếu nhân dân cho điểm xấu, thì chính kiến đó là kết quả khô, cuộc khởi nghĩa là giặc cỏ.

Nhân dân không muốn hễ có thách thức là phải đánh, cũng không muốn hễ lý tưởng muốn là mình phải lao vào chiến tranh. Không phải dân tộc nào cũng có và lúc nào cũng có máu anh hùng, gan tử vì đạo. Họ thực tế lắm. Thoạt tiên họ gờm bạo động: lẽ thứ nhất vì nó thường kết thúc bằng một

thảm họa, lần thứ hai vì xuất phát điểm của nó [illegible] tượng.

Bởi vì, và điều này thật là đẹp! ai xả thân đều luôn luôn xả thân vì lý tưởng và cũng chỉ vì lý tưởng. Khởi nghĩa là do hào khí. Hào khí có thể phẫn nộ, do đó mà có bạo động vũ trang. Nhưng mỗi cuộc khởi nghĩa nhằm lật một chính phủ hay một chế độ thật ra đều nhằm một cái gì cao quý hơn. Chẳng hạn, phải nói rõ điểm này, những người cầm đầu cuộc khởi nghĩa 1832 đặc biệt là những chàng trai hào hùng ở phố Săngvrơri không hẳn đánh vào Luy Philíp. Số đông trong bọn họ, khi nói chuyện cởi mở, vẫn thừa nhận những tính tốt của vị vua ở giáp ranh cách mạng và quân chủ đó; không ai thù ghét ông. Nhưng họ đánh vào quyền truyền tử lưu tôn, nó là do Chúa ban, ở chi thứ mà đại biểu là Luy Philíp, cũng như trước đó họ đánh chi trưởng mà đại biểu là Sáclơ X[1]. Và cái mà họ muốn đánh đổ trong khi đánh đổ quân quyền ở nước Pháp, chúng tôi đã giải thích, chính là sự tiếm vị của con người đối với con người, và của đặc quyền đối với quyền lợi trên khắp thế giới. Pari không vua sẽ dội nên cảnh thiên hạ hết bạo chúa Họ lý luận như vậy. Mục đích của họ xa vời hẳn rồi, mơ hồ có lẽ và lui về sau trước sự cố gắng, nhưng mà lớn lao.

Như thế đấy. Và họ hy sinh cho những ảo ảnh đó, nhưng ảo ảnh luôn luôn là ảo tưởng đối với kẻ hy sinh nhưng lại mang cả lòng tin của con người. Người nghĩa quân thi vị hóa

(1) Hai chi đều có ông tổ chung là Luy XIII, dòng họ Buốcbông. Chi trưởng gồm có kế tiếp các vua Luy XIV, Luy XV, Luy XVI (bị cách mạng xử tử), sau nền cộng hoà I và đế chế Napôlêông, thì Luy XVIII, Sáclơ X. Sáclơ X bị cách mạng 1830 đánh đuổi và tôn Luy Philíp ở chi thứ hai lên làm vua. Ông tổ chi thứ hai này là em ruột Luy XIV.

và mỹ hóa khởi nghĩa. Họ lao vào thảm kịch, say sưa với những việc họ sắp làm. Biết đâu đấy? Có thể họ thành công. Họ là số ít; cả quân đội chống họ; nhưng họ bảo vệ chính nghĩa, luật thiên nhiên, chủ quyền của mỗi người, một chủ quyền không thể phế bỏ, bảo vệ công bằng, chân lý và nếu cần thì họ hy sinh như ba trăm chiến sĩ thành Xpáctơ thủa xưa. Họ không tự liên hệ với Đông Kisốt mà với Lêônidát. Họ cứ đi tới và khi đã tham chiến thì họ không lùi nữa, họ cúi đầu lao tới trước, đặt hy vọng ở một chiến thắng phi thường rồi cách mạng sẽ hoàn tất, tiến hóa được giải phóng, nhân loại mở rộng, tất cả đều được cởi bỏ xiềng gông. Còn không thì như ở hẽm núi Técmôpilơ là cùng.

Những cuộc chiến vì tiến hoá đó thường thất bại, chúng tôi đã nói vì sao. Quần chúng không ưa những cuộc tập dượt của các hiệp sĩ. Những khối nặng là các đám đông, chính vì nặng nề mà thành dễ vỡ, những khối đó sợ phiêu lưu, mà trong lý tưởng thì luôn có phiêu lưu.

Vả chăng phải nên nhớ rằng còn có quyền lợi, mà quyền lợi thì ít chịu kết thân với lý tưởng và tình cảm. Một đôi khi dạ dày làm cho quả tim bại liệt.

Nước Pháp lớn lao và đẹp đẽ ở chỗ ít béo bụng hơn các dân tộc khác ; nó dễ dàng thắt lưng buộc bụng. Nó dậy trước thiên hạ, ngủ sau thiên hạ. Nó luôn tiến lên phía trước. Nó tìm tòi.

Là vì nó nghệ sĩ.

Lý tưởng chỉ là điểm cao nhất của luân lý, cũng như cái đẹp là đỉnh của cái chân. Những dân tộc nghệ sĩ cũng là những dân tộc nhất quán. Yêu cái đẹp là mong ánh sáng. Bởi thế cho nên ngọn đuốc châu Âu, tức là đuốc văn minh, thoạt đầu do Hy Lạp cầm, rồi Hy Lạp chuyển cho Ý và Ý chuyển cho

Pháp. Ôi. Những dân tộc hướng đạo thần tiên : *Vitae lampada tradunt*[1].

Điều rất đẹp, chất thơ của một dân tộc là nhân tố của sự tiến bộ của nó. Lượng tưởng tượng đong được bao nhiêu thì lượng văn minh đo được bấy nhiêu. Duy một dân tộc đi khai hoá cho người phải là một dân tộc cứng cỏi. Nghệ sĩ như Côranhtơ[2] thì nên, uỷ mị như Xybarít[3] thì không được. Ai phụ nhân hoá thì cũng thoái hoá. Không nên là tài tử, cũng không nên là tài hoa, nhưng nên là nghệ sĩ. Nói về văn minh thì không nên gạn lọc, phải nên tinh lọc. Với điều kiện ấy, người ta hiến cho nhân loại cái hình mẫu của lý tưởng.

Lý tưởng hiện đại có điển hình của mình trong nghệ thuật và phương tiện của mình trong khoa học. Người ta sẽ thực hiện cái ảo ảnh cao quí của các thi nhân, tức là cái đẹp xã hội, bằng khoa học. Người ta sẽ làm lại cảnh Êđen[4] từ những bước bắt đầu. Văn minh ngày nay đã đến độ mà chính xác là một yếu tố cần thiết cho huy hoàng và thẩm mỹ quan phải được cơ quan khoa học phục vụ, hơn nữa, hoàn thiện; mơ mộng cũng phải biết tính toán. Nghệ thuật là kẻ chinh phục phải tựa vào khoa học là người vững gối bước lên. Vật để cưỡi vững vàng chắc chắn là điều quan trọng. Tinh thần của thời đại làm bằng thiên tài Hy Lạp chở trên thiên tài Ấn Độ:

---

(1) Tiếng latinh : họ trao lại những ngọn đuốc của cuộc sống.

(2) Corinthe : một thành phố Hy Lạp mà nhân dân rất nghệ sĩ.

(3) Sybaris : một thành phố Hy Lạp mà nhân dân uỷ mị, biếng lười.

(4) Eđen, theo đạo Giatô, là khu vườn xinh đẹp và đầy đủ mà Chúa đã để cho người đàn ông (Adam) và người đàn bà đầu tiên (Evơ) ở. Cũng được gọi là "thiên đường trên mặt đất".

Những chủng tộc cứng đờ trong tín điều hoặc tha hoá vì vụ lợi không có khả năng hướng dẫn văn minh. Quì gối trước thần tượng hay kim tiền đều khiến cho cái bắp thịt để bước đi và cái ý chí để tiến tới teo lại. Sự chuyên tâm vào lễ bái hoặc lợi nhuận làm yếu sức toả sáng của dân tộc, hạ thấp trình độ của nó do đó cũng thu hẹp tầm nhìn, và tước mất cái ý thức vừa nhân bản vừa thần kỳ về mục đích chung, mà chính cái ý thức này khiến cho dân tộc trở thành giáo sĩ. Babilon không có lý tưởng; Cáctagiơ[1] không có lý tưởng. Aten và Rôm[2] có lý tưởng và vẫn giữ hào quang của văn minh qua trường kỳ lịch sử.

Phẩm chất của Pháp ngang hàng với phẩm chất của Hy Lạp và La Mã. Nó đẹp như Aten và vĩ đại như Rôm. Ngoài ra nó tốt bụng. Nó tự hiến mình. Nó thường hay có những lúc hứng tận tuỵ hy sinh hơn các dân tộc khác. Duy những cơn hứng đó có khi đến thì cũng có khi đi. Và đó là mối họa lớn cho những ai muốn chạy trong khi nó chỉ muốn đi và những ai muốn đi trong khi nó dừng lại. Nước Pháp cũng có những cơn tái phát của bệnh vật chất; những lúc nào đó, những tư tưởng vướng mắc trong đầu óc cao quí kia chẳng còn gì khiến nhớ đến nước Pháp vĩ đại nữa, và chỉ có kích thước của một bang Mítxuri hay một bang Nam Carôlin. Biết làm sao được? Ông khổng lồ đóng vai chú lùn mà ! Nước Pháp mênh mông có những lúc cao hứng thích làm trẻ nhỏ. Chỉ thế thôi.

---

(1) *Babylone* và *Carthage* : những thành phố trù phú thời cổ đại, đều ở quanh Địa Trung hải.

(2) Athènes là thủ đô cổ Hy-lạp. Rome là thủ đô cổ La-mã.

Đã thế thì còn biết nói thế nào. Dân tộc cũng như tình tu, có quyền ẩn bóng. Vẫn là tốt, miễn là ánh sáng trở lại, sự ẩn thực không biến thành đêm tối trường kỳ. Bình minh và hồi sinh đồng nghĩa. Sự tái xuất của ánh sáng đồng nhất với sự tồn tại của bản ngã.

Chúng ta hãy bình tĩnh mà ghi nhận những sự việc đó. Chết trên chiến luỹ hay chết trong cảnh lưu vong là trường hợp hy sinh thừa nhận. Cái tên thật của hy sinh là chí công vô tư. Ai bị bỏ rơi thì cam chịu bị bỏ rơi, ai bị đày ải thì cam chịu bị đày ải, còn chúng ta thì chỉ nên van các dân tộc vĩ đại đừng nên lùi quá xa khi lùi. Không nên lấy cớ là cần phải chăng mà để cho tụt sâu xuống quá.

Có vật chất, có giờ phút hiện tại, có quyền lợi, có cái bụng; nhưng không nên chỉ có thứ triết lý của cái bụng. Cuộc sống chốc lát có quyền, chúng tôi thừa nhận, nhưng cuộc sống lâu dài cũng có quyền của nó. Đã lên rồi, chao ôi! Không phải là không thể xuống. Chúng ta thấy hiện tượng này xảy ra trong lịch sử nhiều hơn là chúng ta mong muốn. Một dân tộc đã rực rỡ; dân tộc ấy đã nếm lý tưởng, nhưng sau đó nó ngậm bùn và cho là ngon; nếu ai hỏi nó vì sao nó bỏ Xôcrát mà theo Phanxtap, nó nói: vì tôi thích những chính khách.

Hãy nói một điều nữa trước khi trở về với cuộc ẩu chiến.

Một trận chiến đấu như trận chúng tôi diễn tả ra đây rõ ràng là một sự vùng vẫy để trườn lên lý tưởng. Tiến bộ bị cản chân thường hay sinh bệnh, cho nên thỉnh thoảng nó lên những cơn động kinh bi đát như thế. Nội chiến là bệnh của tiến bộ, chúng ta đã từng gặp bệnh ấy trên đường đời. Nội chiến vừa là một màn vừa là khoảng nghỉ cách màn trong tấn bi hùng kịch mà trục là tội nhân xã hội và nhan đề thực sự là *Tiến bộ*.

Tiến bộ!

Tiếng reo ấy choán tất cả đầu óc chúng tôi. Tư tưởng của bộ truyện bi hùng mà chúng tôi viết đây, đến đoạn này còn phải qua nhiều cuộc thử thách nữa mới lộ rõ. Nhưng chúng tôi mạn phép, không phải cuốn cả lên, mà mở hé bức màn để cho ánh sáng lọt ra ngoài rõ rệt.

Quyển sách dưới mắt bạn đọc đây mặc dù có những chỗ gián đoạn, những ngoại lệ, những nhược điểm, quyển sách ấy từ đầu chí cuối, từ đại thể đến chi tiết thể hiện cuộc hành trình từ ác đến thiện, từ bất công đến công bằng, từ giả đến chân, từ bóng tối đến ánh sáng, từ dục vọng đến lương tri, từ thối rữa đến sống còn, từ thú tính đến nhân tính, từ địa ngục đến thiên đường, từ hư không đến Chúa. Khởi điểm là vật chất, đích tới là linh hồn. Xà tính lúc ban đầu, thiên thần lúc cuối.

XXI

NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

Bỗng nhiên tiếng trống xung trận vang lên.

Cuộc tấn công diễn ra như một trận cuồng phong. Đêm qua, trong bóng tối, quân địch như một con trăn lặng lẽ nhích đến gần chiến luỹ. Bây giờ giữa ban ngày, trên đường phố rộng mở, không thể lén lút đánh bất ngờ được. Vả lại đại bác đã bắt đầu gầm thét, lực lượng vũ trang hùng hậu của họ đã phơi trần. Bây giờ đây quân sĩ ồ ạt tiến đến chiến luỹ. Cuồng bạo là chiến thuật. Cả một binh đoàn bộ binh mạnh mẽ, xen từng đoạn quốc dân quân và cảnh vệ thành phố và dựa vào sức yểm hộ của những đội quân đông đảo mà chúng ta nghe tiếng động chứ không thấy! Trống vang, kèn giục, lưỡi lê chĩa

ra dáng trước, binh đoàn ấy chạy rầm rập xong vào đường phố, đội công binh dẫn đầu. Đạn trong chiến luỹ bắn ra không làm cho họ chùn bước, họ lao vào chiến luỹ như một dầm thép nện vào một bức tường.

Tuy vậy tường không núng.

Nghĩa quân bắn như bão táp. Quân tấn công leo lên chiến luỹ, nghĩa quân bắn chặn họ, nóc chiến luỹ như một cái bờm tia chớp. Cuộc xung phong cuồng mạnh quá đến nỗi trong giây phút, chiến luỹ tràn ngập cả lính xung kích, nhưng chiến luỹ rũ chúng ra, hất chúng xuống như một con sư tử vung rảy đàn chó bám vào mình. Và chiến luỹ phủ kín xung kích như ghềnh đá phủ đầy bọt nước ở bờ biển, phủ kín một lúc để rồi lát sau lại nhô ra sừng sững, đen sì, dữ dội.

Binh đoàn bắt buộc phải thối lui, nhưng vẫn tập trung trong phố; trống trải mà dữ tợn, họ bắn trả chiến luỹ những loạt súng kinh hồn. Ai đã xem bắn pháo hoa đều nhớ những bó tia sáng làm bằng những loạt pháo bắn châu vào nhau, và nổ trên không, gọi là những "chùm hoa pháo". Bây giờ xin các vị hãy tưởng tượng những bó chớp ấy không phải từ trên trời sa xuống, mà lại bay tạt ngang, mỗi tia mang ở mũi một viên đạn ghém hay một viên đạn chiến và nổ như từng loạt sấm, gieo rắc chết chóc khắp nơi. Chiến luỹ phố Săngvrơri, ở dưới những bó sấm chớp ấy.

Cả hai bên đều kiên quyết không kém nhau. Ở đây lòng dũng cảm gần như dã man, và pha thêm tính chất hung tợn oanh liệt bắt đầu bằng sự xả thân. Thời này quốc dân quân chiến đấu như những người lính Duáp[1]. Quân đội muốn kết

(1)Duap: phiên âm bình dân của từ Zouave là tên mà người Pháp gọi những người lính Pháp đi đánh ở châu Phi.

hiểu cuộc bạo động, nghĩa quân muốn chống cự. Đương trong tuổi xuân tràn đầy sức sống mà đành lòng hy sinh, thì dũng cảm phải thể hiện thành cuồng chiến. Giữa cảnh xô xát, mỗi người lớn lên với cái sức lớn của giờ tối hậu. Đường phố chồng chất xác người.

Ăngginônrátx và Mariuytx trấn giữ ở hai đầu chiến lũy. Ăngginônrátx còn thì chiến luỹ còn, nên chàng ẩn nấp giữ mình. Dưới đầu tường chàng đứng, ba tên lính địch đã ngã quay mà không hề trông thấy chàng. Mariuytx thì chiến đấu một cách trống trải. Chàng đem mình làm cái đích cho đối phương. Quá nửa thân hình chàng nhô lên khỏi chiến lũy. Không ai phung phí bằng anh keo bẩn bị kích mà nổi cáu, không ai dữ dội khi chịu hoạt động bằng người mơ màng Mariuytx dũng mãnh và tư lự. Chàng chiến đấu như trong một giấc mơ. Có thể nói đó là một bóng ma đương bắn súng.

Đạn của nghĩa quân hết dần mà lời trêu cợt của họ không cạn. Trong cơn bão táp ở nghĩa địa ấy, họ vẫn cười dòn.

Thấy Cuốcphêrác đầu trần, Bốtxuyê hỏi:

- Cậu vứt cái mũ cậu xó nào.

- Chúng đã dùng trọng pháp thổi veo rồi.

Hoặc là họ nói những lời cao đạo. Phoidi chua chát kêu: - Hiểu sao được tâm địa bọn ấy! - (Phoidi kể tên nhiều người, nhiều người có tên tuổi, có tiếng tăm nữa, một vài người cựu quân nhân thời cách mạng và đế chế). - Bọn chúng đã hứa sẽ nhập với chúng ta, đã thề sẽ giúp đỡ chúng ta, đã đem danh dự mà giao ước, bọn chúng là tướng lĩnh của chúng ta, thế mà bây giờ bỏ ta!

Côngbơphe nghiêm nghị mỉm cười và chỉ nói một câu:

- Có những người họ coi luật danh dự như người ta coi sao trên trời, kính nhi viễn chi.

Bên trong chiến luỹ, vỏ đạn rơi vãi nhiều như là có mưa tuyết.

Quân tấn công có số đông, quân phòng thủ có thế. Quân tấn công vướng chân vào những xác chết, những người bị thương, lúng túng trên sườn lũy dốc ngược nên bị nghĩa quân trên chóp luỹ bắn ngã quay. Cái chiến luỹ đã được xây dựng theo kiểu ấy, lại còn có những chỗ dựa rất tốt, cho nên đã tạo ra một địa thế thuận lợi, làm cho một nắm người có thể đánh lui một binh đoàn. Tuy nhiên hàng ngũ tấn công luôn luôn được bổ sung quân số, càng lâu càng đông mặc dù bị bắn như mưa xối. Họ nhích lên không cách gì cản nổi, nhích dần từng bước nhưng chắc chắn và xoắn vào chiến lũy như chiếc trục ốc ấn xuống bàn ép.

Các đợt tấn công kế tiếp diễn ra. Cuộc xung đột càng rùng rợn.

Trên đồng đá ở phố Săngvơri đã diễn ra một cuộc chiến đấu oai hùng không kém cuộc chiến đấu ở thành Tơroa[1]. Những con người hốc hác, kiệt quệ, tơi tả, đã một ngày đêm không ăn không ngủ, những con người chỉ còn được bắn mấy phát, sờ túi không còn viên đạn nào, những con người hầu hết đều mang thương tích, đầu và tay băng những miếng giẻ đen sì, hoen ố, những con người máu trào ra từ những lỗ thủng trên quần áo, những con người chỉ có gươm cùn và súng xấu, những con người ấy giờ phút này đã biến thành những người khổng lồ. Chiến luỹ mười lần bị tấn công, bị xâm phạm, bị vượt lên, chiến luỹ vẫn không mất.

---

(1) Thành phố thời cổ Hy Lạp ở bán đảo Tiểu Á. Thiên hùng ca Iliát đã thuật cuộc chiến đấu dữ dội ở thành Tơroa giữa quân Hy-lạp và quân Tơroa.

Nếu có thể tưởng tượng được có một mỏ dùng khi bị châm lửa và bùng cháy và chúng ta được xem cảnh cháy đó thì chúng ta cũng có một ý niệm về trận đánh. Không, không phải là một trận đánh. Đây là cảnh tượng trong lò lửa : mồm thở ra lửa, mặt mũi phi thường, nhân dạng cũng mất, người chiến sĩ cháy rực lên và biến thành những con quái vật kỳ lửa đi lại ngang nhiên trong cảnh hỗn chiến. Cảnh tượng thật là hùng vĩ.

Chúng tôi không thuật lại những biến thiên đồng thời hay kế tiếp diễn ra trong cuộc xung sát vĩ đại. Chỉ có hùng ca là có quyền dùng một vạn hai nghìn câu thơ để mô tả một trận chiến đấu.

Người ta tưởng đây là địa ngục của Hồi giáo, cái ghê gớm nhất trong số mười bảy vực thẳm, mà kinh Vêda gọi là Rừng gươm.

Nghĩa quân vật nhau với quân địch, họ quần địch từng bước, họ đánh bằng súng lục, bằng kiếm, bằng quả đấm, đánh gần, đánh xa, đánh từ trên xuống, đánh từ dưới lên, đánh từ mái nhà, từ cửa quán, từ lỗ thông hơi các nhà hầm, mà một vài người đã chui vào, đánh từ khắp mọi chỗ. Một địch với sáu mươi. Mặt trước quán Côranh hầu như đổ sụp, trông rất dị hình. Cửa sổ lỗ chỗ vết đạn đã mất cả kính lẫn khung và biến thành một cái lỗ không hình dạng. Nghĩa quân đương ồn ào khuân đá lấp nó lại.

Bốtxuyê bị giết; Phoidi bị giết; Cuốcphêrắc bị giết; kế đến Giôli bị giết. Côngbơphe đương đỡ một người lính chính phủ bị thương lên thì bị đâm ba nhát lưỡi lê xuyên qua ngực; chàng chỉ kịp nhìn lên trời mà tắt thở.

Mariuytx vẫn chiến đấu. Người chàng mang vô số vết thương nhất là ở đầu, cho nên mặt mày đầm đìa những máu, trông như có một chiếc khăn đỏ phủ lên.

Một mình Anggiônratx thân thể nguyên lành. Khi chàng không còn vũ khí thì chàng chìa tay qua bên phải, bên trái, tức thời một nghĩa quân đặt vào tay chàng một thứ khí giới nào đó. Chàng đã dùng đến chiếc gươm thứ tư mà bây giờ nó cũng chỉ còn một đoạn. Dùng bốn chiếc gươm, thế là hơn Phrăngxoa đệ nhất[1] ở Marinhăng một chiếc.

Hôme[2] nói: "Điômét cắt cổ Axin, con của Tơtranít quê ở đất Arítba hạnh phúc; Ôrian, con của Mêxitê, kết liễu Đrêđốt, và Ôphênchiôt thì giết Êđết cùng với Pôđaduýt là kết quả cuộc tình duyên giữa nữ thuỷ thần Abácbarê và chàng Bucôliông ngay thẳng; Uylít quật ngã Pidít quê ở Pêccô; Ăngtilôc hạ Able; Pôlipête hạ Axtyan; Poliđama hạ Otôxơ người xứ Xylen, và Toxe thì hạ Arêtaon, Mêgăngchiốt chết dưới mũi giáo của Ôripylơ. Agamemnông, vua của các dũng tướng, đánh ngã Êlalốt, sinh ở thành phố hiểm trở có con sông Xanôixơ rốc rách".

Trong các thiên hùng ca Trung thế kỷ của ta, tráng sĩ Explăngđiăng xử ngọn hỏa mâu hai mũi dồn đánh hầu tước Xuantibo khổng lồ, hầu tước nhổ đền, tháp lên ném lại. Tranh bích họa cổ vẽ hai công tước xứ Brơtan và xứ Buốcbông mang phù hiệu, biển tên, xách búa đánh nhau, cả hai đều đeo mặt nạ sắt, giầy sắt, găng sắt, công tước Brơtan ngựa phủ da cáo trắng, công tước Buốcbông khoác áo màu thiên thanh. Công tước Brơtan mang gia huy sư tử giữa hai cánh mũ, công tước Buốcbông đội một cái mũ có lưỡi trai rất lớn hình hoa huệ. Tuy nhiên, muốn lẫm liệt, không cần phải đội mũ công tước

(1) Francoîs I[er], vua nước Pháp thế kỷ XVI can đảm và thượng võ, đã chiến thắng quân Thuỵ Sĩ ở Marinhăng.

(2) Theo truyền thuyết, Hôme là một nhà thơ Hy Lạp cổ đã soạn thiên hùng ca Iliát.

như Ivông, không cần phải xử cây hoa mầu như Explangdiang, cũng không cần phải mang một bộ vũ khí tặng phẩm của vua Ôphelơ từ Êphin về, như Phylexơ bố của Pôlyđama. Chỉ cần hiến dâng đời mình cho một niềm tin, cho sự trung thực cũng đủ rực rỡ uy phong. Anh lính trẻ thật thà, hôm qua là nông dân xứ Bôxơ hay xứ Limudanh, cắp gươm la cà bên mấy chị vú em vườn Luýchxămbua, anh sinh viên trắng trẻo cúi gằm trên sách vở, trên mẫu giải phẫu, thường cắt râu bằng kéo mổ, hãy đem hai người ấy đến, thổi vào người họ một luồng ý thức nhiệm vụ, đặt họ đối diện nhau ở ngã tư Busơra hay ở ngách phố Mibơray, rồi bảo họ chiến đấu, một người vì lá cờ, một người vì lý tưởng, và cứ tưởng như đang chiến đấu cho tổ quốc; lúc ấy trận chiến đấu sẽ là một trận chiến đấu của những người khổng lồ, và trên chiến trường hùng vĩ kia, bóng người binh nhì và người sinh viên y dược sẽ mênh mông như bóng của Mêgaiông vua xứ Lixi đầy cọp dữ, vật nhau với tướng Agiắc cao như núi, tài sức địch thần linh.

XXII

TỪNG TẤC ĐẤT

Trong số chỉ huy, chỉ còn Ăngguônrátx và Mariluyx sống sót ở hai đầu chiến luỹ. Khu trung tâm trước đây nhờ Cuốcphêrắc, Giôli, Bôtxuyê, Phơidi làm nòng cốt, bây giờ núng thế. Đại bác tuy không mở được đột phá khẩu song cũng làm sứt mẻ một khoảng khá rộng ở khu giữa. Chốp chiến luỹ ở đấy bị đạn đại bác bắn sập, các thứ vật vụn đổ ra hai bên lần hồi vun thành đống làm nên hai cái bệ, một trong, một ngoài. Bệ ngoài thoai thoải, có thể do đó mà leo lên.

Quân địch mở một đợt tấn công tối hậu vào đấy và đợt này có kết quả. Đoàn quân xung kích tua tủa lưỡi lê chạy xầm xập và lao tới không sức nào cản nổi. Hàng ngũ dày đặc của họ xuất hiện trên khoảng mẻ, giữa một đám khói mù. Lần này thì không cách gì cứu vãn. Nhóm nghĩa quân chống giữ ấy thối lui lộn xộn.

Lúc ấy ở một vài người, bản năng sinh tồn nhoi dậy. Đứng trước cái rừng súng chĩa vào họ, họ đâm ra không muốn chết nữa. Giây phút ấy, con thú tái hiện dưới hình người và rú thét lên. Họ bị dồn đến trước ngôi nhà sáu tầng ở tận cùng khu chiến luỹ. Ngôi nhà ấy có thể là con đường sống thoát. Cửa ngôi nhà ấy bị chắn từ trên chí dưới. Trông như bít kín mít. Trước khi quân tấn công vào tới bên trong khu chiến luỹ thì một cánh cửa đã mở ra rồi khép lại trong nháy mắt. Cánh cửa chợt mở rồi tức khắc đóng ấy là con đường sống cho những người tuyệt vọng kia. Bởi vì ở ngả sau ngôi nhà ấy, có đường phố, nghĩa là có lối rút chạy, có không gian. Cho nên họ trở báng súng đập cửa, họ lấy chân đạp, họ kêu, họ gọi, họ chắp tay lạy van xin. Chẳng ai mở cả. Chỉ có cái đầu lâu ở cửa thông hơi tầng gác thứ ba nhìn xuống họ mà thôi.

Nhưng Ăngguiônrátx và Mariluyx đã tập hợp được bảy tám nghĩa quân lao đến che chở cho họ. Ăngguiônrátx thét bảo quân chính phủ đừng xông lên. Một sĩ quan không nghe, cứ xông tới. Ăngguiônrátx giết ngay viên sĩ quan. Bây giờ anh đứng ở sân trong khu chiến luỹ. tựa lưng vào quán rượu Côranh. Một tay cầm gươm, một tay cầm súng, anh giữ cho cánh cửa mở rộng và ngăn đón bọn tấn công; anh kêu bảo mấy người nghĩa quân tuyệt vọng:

- Chỉ có một cái cửa mở, là cửa này.

Cầm cự cả một tiểu đoàn, Anggiônrátx đem thân mình che chở họ để cho họ lòn ra phía sau chàng. Họ lao vào cửa. Bây giờ chàng sử dụng cây cácbin như một cây gậy. Chàng vung cácbin sáng loáng theo thế "che hoa", như những người đánh gậy thường gọi, đánh rạt những ngọn lưỡi lê tua tủa trước mặt và hai bên, rồi lách vào cửa, sau khi tất cả mọi người đã vào trong quán.

Giây phút thật là rùng rợn. Lính thì muốn xông vào, nghĩa quân thì muốn đóng cửa lại. Cánh cửa đóng sầm, mạnh đến nỗi làm đứt lìa năm ngón tay của một anh lính cố bám lấy nó, những ngón tay bị tiện ấy dính vào khung cửa.

Mariluyx không vào được. Một phát súng đã làm chàng gẫy xương vai. Chàng biết mình đang ngất đi và ngã xuống. Mắt đã nhắm rồi, chàng cảm thấy như có một bàn tay vạm vỡ chạm vào da thịt chàng và nắm lấy chàng. Trước khi bất tỉnh chàng chỉ còn kịp nghĩ đến Côdét một lần cuối cùng, đồng thời tự nhủ:

- Mình bị bắt làm tù binh, mình sẽ bị bắn.

Ănggiônrátx không trông thấy Mariluyx trong số người vào quán cũng có ý nghĩa là Mariluyx đã bị bắt và sẽ bị bắn. Nhưng họ đã ở vào cái giờ phút mà mỗi người chỉ có thể nghĩ đến cái chết của mình. Ănggiônrátx cài then đẩy chốt, khoá ổ khoá và bóp ống khoá, trong khi ở ngoài, quân chính phủ đập phá ầm ầm; Bộ binh trở báng súng đập, công binh lấy búa bửa. Đoàn tấn công đã xô dồn đến trước cửa. Cuộc tấn công quán rượu bắt đầu.

Phải nói rằng quân tấn công rất phẫn nộ.

Cái chết của viên đội trung sĩ đã làm cho họ căm giận. Nhưng còn điều này ác hại hơn nữa là trước cuộc tấn công vài giờ, có tin truyền đi rằng quân khởi nghĩa chặt xẻ tù binh,

và ở trong quan Côranh có một cái xác quân chính phủ không có đầu. Những tin đồn nguy hại xảy ra như thế trong các cuộc nội chiến là thường và chính một tin phao đồn như thế đã gây ra tai họa phố Trăngxnônanh sau này.

Khi cửa quán đã được chặn kỹ, Ăngguônrátx nói với anh em:

- Bây giờ thì phải bắt chúng trả giá thật đắt cái chết của chúng ta.

Anh đến bên cạnh bàn đặt thi hài cụ Mabớp và chú bé Gavrốt. Hai thân hình thẳng và cứng, một dài, một ngắn, cùng với hai khuôn mặt lờ mờ hiện dưới những nếp lạnh của tấm vải liệm. Một bàn tay chòi ra ngoài và buông thõng xuống đất, bàn tay của ông cụ.

Ăngguônrátx nghiêng mình hôn bàn tay đáng kính ấy, cũng như hôm qua anh đã hôn vừng trán.

Hai cái hôn này là hai cái hôn duy nhất trong đời anh.

Hãy rút ngắn câu chuyện. Chiến luỹ đã chống cự như một cửa thành Tépbơ[1], giờ đây, quán rượu chiến đấu như một căn nhà thành Xaragốt[2]. Những cuộc kháng cự như thế tất phải cục cằn. Không khoan tha. Không thể có điều đình. Miễn giết được nhiều là chết thoả. Khi Xuysê bảo: - Đầu hàng đi. - Thì Palaphốt đáp "Hết đạn đại bác thì đã có dao!".

Trong trận đánh chiếm quán rượu Huysơlu, có đủ cả những việc xảy ra trong một trận đánh thành. Có đá tảng từ mái nhà, từ cửa giáng như mưa xuống đầu quân tấn công; các

---

(1) *Thèbes*: thành phố cổ Ai Cập có một trăm cổng, nổi tiếng trong một cuộc chiến đấu chống ngoại xâm.

(2) *Saragosse*: thành phố Tây Ban Nha, đã chống cự quân Napôlêông vây thành một cách rất anh dũng (1809) Suchet là một tướng đánh thành. Palafox là tướng giữ thành, mới 29 tuổi.

tàng đã ấy chẹt chết nhiều binh lính một cách thảm khốc làm cho bọn khác điên tiết lên; có đạn vèo ra từ cửa thông hơi trên gác, từ hầm nhà; có tấn công điên cuồng, có phòng ngự say máu. Có cả sự tàn sát như điên, như dại khi đã phá được cửa xông vào.

Quân tấn công bị vướng chân trong các cánh cửa bị chọc thủng và xô đổ xuống đất, nên khi nhào được vào trong quán thì không tìm thấy bóng một nghĩa quân nào. Nghĩa quân cũng đã dùng búa chặt cái thang trôn ốc rơi xuống giữa phòng. Một vài người bị thương sắp chết nằm lại đấy, còn tất cả những người sống sót đều lên tầng gác. Từ miệng thang gác, hỏa lực giáng xuống kinh khủng. Đó là những viên đạn cuối cùng.

Khi bắn hết, khi những người hấp hối khủng khiếp ấy không còn thuốc, không còn đạn, thì mỗi người cầm hai chai thứ nước mà Ăngglônrátx đã dự trữ. Họ dùng loại quả chuỳ mỏng mảnh một cách dễ sợ ấy để đối địch với lũ người đương leo lên. Đó là những chai axít. Cuộc tàn sát có những chuyện rùng rợn như thế nào, chúng tôi cứ thuật ra thế ấy. Người bị vây, than ôi ! có cái gì thì cầm cái ấy làm vũ khí, Ácsimét[1] bắn lửa chịu nước đốt tàu, tuy vậy không vì thế mà người ta bớt kính nể Ácsimét. Nhựa thông sôi cũng không làm giảm vinh quang của Baia[2]. Chiến tranh gồm toàn những sự khủng khiếp, đã chiến tranh thì còn lựa chọn cái gì?

---

(1) *Archimède:* nhà toán học bất hủ của thành Xiraquyxơ cổ đại. Ácsimét đã mang hết kiến thức ra chống đánh quân xâm lược vây hãm thành ông. Tương truyền ông đã chế ra một thứ lửa chịu nước bắn lên mặt nước đốt trọn đoàn tàu địch, cả người lẫn vật.

(2) *Bayard*: danh tướng nước Pháp thế kỷ XVI, dùng nhựa thông nấu sôi đánh quân vây thành.

Mặc dù vướng víu và phải bắn từ dưới lên, những tràng súng của quân tấn công cũng rất ác liệt. Miệng thang không mấy chốc mà đã viền những đầu người chết, máu chảy xuống từng dòng nóng hổi và đỏ ngòm. Sự náo động tưởng không bút nào tả xiết. Khói nóng lùng bùng trong nhà làm cho gian phòng tối om. Sự rùng rợn thật đã lên tột độ, không có chữ nghĩa nào mô tả được. Trong cuộc xung sát địa ngục này, không phải là con người đánh nhau. Cũng không còn là chuyện khổng lồ quần nhau với hộ pháp. Chuyện của Mintơn[1] và của Đăngtơ[2] hơn là chuyện Hôme. Đây là một cảnh chiến tranh giữa quỉ và ma.

Thật là một sự anh dũng quỉ quái.

XXIII

ĐÔI BẠN[3] KẺ ĐÓI NGƯỜI SAY

Cuối cùng người thì công kênh nhau, kẻ thì dùng cái sườn thang gẫy, kẻ leo tường, kẻ đánh đu lên trần nhà, bọn tấn công đã lên được tầng gác. Hai mươi người gồm đủ thành phần : quân chính qui, quốc dân quân, cảnh vệ quân, đã trườn lên hỗn độn; họ chặt nốt những nghĩa quân còn chống cự ở ngay miệng thang gác, rồi ào vào trong phòng. Mặt mày họ sây sứt một cách dễ sợ vì bị trúng thương trong lúc cố leo lên

(1) *Milton*: thi hào Anh thế kỷ XVII, tác giả "Thiên đường đã mất".

(2) *Dante*: thi hào Ý thế kỷ XIII, XIV, tác giả "Thần khúc".

(3) Nguyên văn: Oreste đói, Pylade say - Oreste và Pylado là đôi bạn khăng khít trong huyền thoại Hy Lạp.

gác; họ say mau, họ điên cuồng, họ đa trở nên man rợ. Trên gác chỉ còn độc một người chưa ngã. Đó là Ăngguônrátx. Không đạn, không gươm, anh chỉ còn trong tay cái nòng cây cácbin mà anh đã đập vỡ báng trên đầu bọn xông lên trước. Anh lánh ra sau bàn bi-a, dùng nó để ngăn cách bọn tấn công với anh. Anh lùi vào một góc phòng. Mắt kiêu hãnh, đầu ngẩng cao, trên tay chỉ còn một mẩu vũ khí, anh cũng đủ uy dũng để làm cho bọn tấn công phải giãn ra. Có tiếng hét: - Thằng chỉ huy đấy. Chính tay nó đã giết anh bắn đại bác. Nó đã đứng đấy, tất chỗ ấy thích hợp với nó. Vậy cho nó ở đấy. Bắn ngay nó tại chỗ thôi.

Ăngguônrátx bảo:

- Phải, bắn tao đi!

Rồi vứt mẩu súng, chàng khoanh tay ra sau, anh đưa ngực cho chúng.

Thái độ dũng cảm trước cái chết bao giờ cũng làm cho người ta xúc động. Ăngguônrátx vừa khoanh tay chờ chết, thì sự huyên náo cũng chấm dứt, cảnh hỗn độn lắng xuống, gian phòng trở nên lặng lẽ một cách uy nghi. Tay không đứng im không nhúc nhích. Ăngguônrátx có một vẻ lẫm liệt đáng sợ, nó trấn áp sự xôn xao là người độc nhất không bị thương tích, mình đầy máu, uy nghi, đẹp đẽ, thản nhiên như người xương đồng da sắt, anh thanh niên ấy bắt buộc đám người bừng bừng sát khí kia phải giết anh một cách kính nể. Vẻ kiêu hãnh của anh lúc ấy càng làm cho anh đẹp trai. Anh đẹp lộng lẫy. Tuồng như không biết mệt mỏi là gì, như không thể bị đánh trúng, sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ ghê gớm như thế, mặt anh vẫn ửng hồng. Sau này, trước toà án binh, một người chứng đã nói: "Trong bọn bạo động có một người mà

tôi nghe người ta gọi là Apôlông(1) tài thế. Có lẽ nhân chứng ấy muốn nói đến Ăngginônrátx. Một quốc dân quân đương giơ súng ngắm anh chợt hạ xuống mà than: "Hình như tôi sắp bắn một đoá hoa".

Ở góc tường đối diện Ăngginônrátx, mười hai binh sĩ xếp thành toán đương lặng lẽ chuẩn bị súng đạn.

Rồi một trung sĩ hô:

- Ngắm đích!

Một sĩ quan can thiệp:

- Hãy thư thả.

Rồi quay về phía Ăngginônrátx, viên sĩ quan hỏi:

- Anh có muốn được bịt mắt không?

- Không cần.

- Có phải chính anh đã giết viên đội pháo binh không?

- Hẳn.

Gơrăngtơ đã thức dậy được một lát. Các bạn nhớ rằng từ đêm hôm trước ở phòng gác này, Gơrăngtơ ngồi yên trên ghế gục đầu trên bàn mà ngủ.

Chàng đã thực hiện một cách đầy đủ thành ngữ: say như chết. Thứ rượu khổ ngải ghê gớm đã ru anh trong một giấc mê nặng nề. Cái bàn anh ngủ nhỏ quá không dùng để dựng chiến luỹ được, anh em đã bỏ mặc cho anh. Anh giữ nguyên kiểu ngồi lúc ban đầu, ngực áp lên bàn, đầu gối trên tay, chung quanh nào cốc, nào chai, nào lọ. Giấc ngủ của anh nặng như giấc ngủ của con gấu đông miên, hay con đỉa no máu. Tiếng súng trường, tiếng đại bác, tiếng đạn ghém lọt vào cửa phòng, tiếng ầm ầm trong giờ phút đánh nhau trong quán,

(1) Apollon: một vị thần trong thần thoại Hy Lạp, đẹp trai, dũng cảm, tài hoa.

không gì lay động anh nổi. Duy lâu lâu, anh ngay một tiếng để trả lời đại bác. Tuồng như anh ngồi đấy chờ một viên đạn để đỡ phải mất công tỉnh dậy. Nhiều xác chết nằm sóng sượt quanh anh, thoạt trông ai cũng ngỡ anh ngủ giấc ngủ cuối cùng như họ.

Tiếng ồn ào không thức tỉnh người say rượu, trái lại sự yên lặng làm cho họ tỉnh giấc. Thật là lạ nhưng người ta cũng đã nhiều lần nhận thấy như vậy. Những tan tành đổ vỡ quanh Gơrăngte càng làm cho anh mê đặc: tiếng sụp đổ của tất cả là một khúc ru êm ái. Khi tiếng huyên náo lặng xuống xung quanh Ăngglônrátx thì chính sự lặng lẽ ấy lại lay mạnh Gơrăngte, cũng như khi một cái xe đang phi nước đại dừng lại, thì hành khách ngủ gà ngủ gật trong xe choàng tỉnh. Gơrăngte vụt ngồi dậy, duỗi tay, giụi mắt nhìn chung quanh, ngáp dài một cái và hiểu hết nguồn cơn.

Tỉnh một cơn say rượu thì cũng như có một tấm màn ở trước mắt bị xé toạc, thoáng nhìn, đã thấy ngay toàn bộ sự vật khuất ở sau. Mọi việc bỗng dưng hiện lên ký ức. Gơrăngte vừa mở mắt đã lĩnh hội tình hình, mặc dù anh chẳng biết trời đất gì trong ngày đêm vừa qua. Trí não anh chợt trở nên minh mẫn; khói rượu như hơi nước làm mờ cân não bây giờ đã tan hẳn, và thực tế hiện ra một cách chính xác, rõ ràng.

Gơrăngte ngồi trong xó, có bàn bi-a che khuất. Quân sĩ mải châu mắt vào Ăngglônrátx không nhìn thấy anh. Viên đội sắp sửa lặp lại cái lệnh ngắm đích, chợt nghe có tiếng thét lớn bên cạnh:

- Chế độ cộng hoà muôn năm! Tao là người cộng hoà đây.

Gơrăngte đứng lên.

Chàng say đã mặt mày đổi khác, đôi mắt ngời cái ánh lửa

hùng tráng của một cuộc chiến đấu mà chàng không tham gia. Anh lặp lại:

- Chế độ cộng hoà muôn năm!

Rồi bước lên mạnh mẽ, anh đến đứng bên cạnh Ăng-giônrátx, trước họng súng quân thù. Anh bảo:

- Bắn hai ta một lần.

Dịu dàng quay mặt lại phía Ănggiônrátx, anh hỏi :

- Ănggiônrátx cho phép chứ?.

Ănggiônrátx mỉm cười siết tay chàng.

Nụ cười chưa dứt, súng đã nổ.

Tám phát đạn xuyên người Ănggiônrátx. Anh vẫn đứng tựa vào tường tuồng như đạn đã đóng đanh người anh vào đấy. Duy đầu anh gục xuống.

Gơrăngte thì ngã quay dưới chân Ănggiônrátx, chết tức khắc.

Lát sau, quân chính phủ săn đuổi những người nghĩa quân cuối cùng còn nấp trong những ngách cao trong quán. Họ bắn vào nhà vựa, qua một cái sàn gỗ mắt võng. Họ đánh nhau trong các gác xép. Họ ném thân người qua cửa sổ, một vài người hãy còn sống. Hai khinh kỵ binh đương lom khom đỡ cỗ xe hàng lên thì bị hai phát cácbin bắn từ cửa thông hơi xuống chết ngay. Cũng từ cửa ấy người ta đâm lưỡi lê thủng bụng một người mặc bờ lu rồi xô xuống đường, người ấy nấc chết dưới đất. Một nghĩa quân và một binh sĩ vật nhau trên mái ngói ; trượt theo chiều xuôi của mái nhà, họ vẫn không chịu buông nhau ra, cả hai cùng rơi xuống đất, rơi mà vẫn siết nhau một cách dữ tợn.

Trong hầm nhà, cuộc chiến đấu cũng diễn ra giống thế. Tiếng kêu thét, tiếng súng, tiếng chân huỳnh huych. Rồi yên lặng. Chiến luỹ thế là đã bị chiếm.

Quân chính phủ bắt đầu sục sạo những ngôi nhà lân cận, và săn đuổi những người chạy trốn.

XXIV

TÙ BINH

Quả thật Mariluyx đã bị bắt làm tù. Tù của Giăng Vangiăng.

Cái bàn tay từ đằng sau đưa ra nắm giữ chàng mà lúc ngất đi chàng còn cảm thấy chạm vào da thịt, đó là bàn tay của Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng xông xáo trong chiến trường chỉ để nhận một sự nguy hiểm. Trong cảnh trận địa hấp hối không có ông thì chẳng có ai nghĩ đến những người bị thương: giữa cuộc tàn sát, ông có mặt ở mọi nơi, như một cứu tinh. Nhờ ông, những người ngã xuống đã được nâng dậy, mang vào gian phòng dưới và băng bó. Ngớt thì ông sửa chữa chiến luỹ. Nhưng tay ông không hề làm một cử chỉ nào có thể gọi là bắn, là chém, là đánh, thậm chí là chống đỡ tự vệ. Ông lặng lẽ cứu người. Vả chăng đạn không thèm thịt ông, ông chỉ bị vài vết trầy trợt nhẹ nhẹ. Nếu như lúc tìm đến chỗ mộ địa này, ông có ý định tử tử, thì điều mơ ước của ông chẳng được thực hiện. Nhưng chúng tôi tin rằng ông không định tự tử, vì tự tử là một hành vi không hợp đạo chúa.

Giăng Vangiăng có vẻ như không trông thấy Mariluyx trong cảnh khói bụi mù mịt. Nhưng sự thực mắt ông không hề rời chàng. Khi Mariluyx trúng đạn ngã xuống thì Giăng Vangiăng nhảy đến nhanh như con hổ, vồ lấy chàng như vồ một con mồi và mang chàng đi.

Cuộc tiến đánh như gió lốc xoắn vào Ăngguônrátx và cửa

quán Côranh, nên không ai trông thấy Giăng Vangiang mang Mariluyx bất tỉnh vượt qua khu chiến luỹ tung tóe và lẩn vào sau góc quán.

Góc quán ấy nhô ra ngoài đường phố, nhờ vậy, có một vuông đất nho nhỏ không có đạn bay tới, và mắt người cũng không thể trông vào. Trong những đám cháy nhà, thỉnh thoảng có một căn buồng không bén lửa, cũng như trên mặt biển cuồng đây đó bên kia một mỏm núi nhô ra hay giữa một vũng có đá lởm chởm, vẫn có một khoảnh phẳng lì. Vuông đất này cũng giống như thế. Đó là chỗ Êpônin tránh ra để thở hơi cuối cùng.

Đến đó Gorăngte lại đặt Mariluyx xuống đất, tựa lưng vào tường và nhìn chung quanh.

Tình hình thật là kinh khủng.

Bây giờ đây, và có thể trong hai ba phút nữa, bức vách này là một chỗ nấp. Nhưng rồi làm sao thoát khỏi cuộc tàn sát nơi đây? Vangiăng hồi tưởng nỗi hoang mang của ông tám năm về trước ở phố Pôlôngxô và nhớ lại cách ông đã làm thế nào để trốn thoát. Lúc ấy quả là khó khăn, nhưng bây giờ mới thật là hết cách. Trước mặt ông là một ngôi nhà sáu tầng nghiệt ngã và câm bặt, hình như chỉ có độc một người ở là ông già gục đầu chết trên bậu cửa sổ. Bên phải là chiến luỹ phố Tơruyăngđơri không cao lắm, vượt qua không khó: nhưng ông thấy nhô lên khỏi ngọn chiến luỹ một hàng lưỡi lê lởm chởm. Đó là quân đội chính qui bố trí rình chờ. Rõ ràng là vượt qua chiến luỹ nhỏ ấy tức là đi hứng một loạt súng, và ai nhô đầu lên khỏi chiến luỹ tức khắc sẽ làm bia cho sáu mươi họng súng châu vào đấy. Bên trái là chiến trường. Đằng sau bức tường là cảnh chết.

Làm thế nào?

- Chỉ có mọc cánh như chim mới có thể thoát khỏi nơi ấy.

Ấy thế mà phải quyết định ngay, phải nghĩ ra phương kế ngay, không thời không kịp. Người ta đánh nhau cách ông mấy bước; cũng may là tất cả bọn chúng đều châu vào độc một điểm là cái cửa quán. Nhưng nếu có một người lính nào đó, chỉ một người thôi, có ý định đánh bọc hậu, hay đánh tạt ngang sườn, thì còn gì?

Giăng Vangiăng nhìn ngôi nhà trước mặt, nhìn chiến luỹ bên cạnh, rồi nhìn xuống đất. Với sự hoảng hốt của người cùng đường, con mắt ông như muốn khoét một cái lỗ dưới đất.

Nhìn mãi với con mắt người hấp hối ông thấy có một cái gì lờ mờ hiện dưới chân, như tuồng con mắt mình cũng có mãnh lực làm nảy ra cái chúng ta đòi hỏi. Ở cách mấy bước có một tấm vỉ sắt nằm dưới đất sát mặt đường, ở dưới chân cái chiến luỹ nhỏ đương bị canh giữ nghiêm mật. Tấm vỉ ấy rộng độ mấy tấc vuông và làm bằng những que sắt cứng. Trước kia vì gắn vào đá, nhưng khung đã bị nậy bật đi, thành thử nó như rời ra. Qua các que sắt người ta nom thấy một lỗ hổng mờ mờ, tựa như một ống khói hay là một nòng giếng chứa.

Giăng Vangiăng lao tới đó. Khoa vượt ngục ngày xưa của ông hiện trở về trong trí như một thứ ánh sáng. Hất đá qua một bên, giở tấm vỉ, vác Mariluyx lên vai như một xác chết, dùng đầu gối và khuỷu tay leo xuống cái giếng cũng may là không sâu mấy, với tay lên đậy tấm vỉ sắt nặng nề lại - đậy xong thì đá bị động chạm lại đổ xuống đè lên trên - đặt chân lên những phiến đá ở sâu cách mặt đường những ba thước, Giăng Vangiăng làm những công việc ấy như đương trong cơn mê sảng, với sức khoẻ của một người khổng lồ và sự nhanh

lẹ của con chim ưng. Công việc hoàn thành chỉ trong vòng mấy phút.

Cùng với Mariluyx vẫn đang còn bất tỉnh, Giăng Vangiăng bây giờ đứng trong một cái hành lang dài khoét sâu trong lòng đất.

Ở đấy hoàn toàn yên tĩnh, tuyệt đối lặng lẽ và tối om om.

Giăng Vangiăng lại thấy cái cảm giác ngày xưa khi đường phố rơi tõm vào tu viện. Duy ngày nay ông mang Mariluyx chứ không phải Côdét.

Tiếng huyên náo dữ dội trong cuộc tấn công quán rượu trên kia bây giờ vọng vào tai ông chỉ như một tiếng rì rào không rõ.

QUYỂN II

RUỘT GAN CON QUÁI KHỔNG LỒ

I

ĐẤT TRÚT CỦA RA BIỂN

Mỗi năm thành phố Pari vứt xuống sông hai mươi lăm triệu. Đó là nói nghĩa đen chứ không phải bóng gió ví von gì. Vứt như thế nào? Vứt ngày vứt đêm. Với mục đích gì? Chẳng có mục đích gì cả. Nghĩ thế nào mà vứt như thế? Chẳng nghĩ gì cả. Để làm gì? Chẳng làm gì cả. Vứt qua bộ phận nào? Qua ruột nó. Ruột nó là gì? Là hệ thống cống ngầm của nó.

Hai mươi lăm triệu, đó là con số ước lượng thấp nhất của ngành khoa học chuyên trách.

Sau khi đã mò mẫm rất lâu, khoa học ngày nay biết rằng thứ phân bón tốt nhất, có hiệu quả nhất là phân người. Người Trung Hoa biết điều đó trước chúng ta, chúng ta đành chịu xấu hổ mà thừa nhận việc ấy. Écheobe nói rằng không có một người nông dân Trung Hoa nào đi tỉnh mà lúc trở về không gánh về ở hai đầu đòn gánh tre, một đôi thùng đầy cái thứ mà chúng ta cho là đồ dơ uế. Nhờ phân người, đất cát ở Trung Hoa vẫn màu mỡ như ở thời nguyên thủy và gieo lúa mì thì cứ một giống ra một trăm hai mươi thóc. Không có thứ cứt chim nào sánh nổi với phân rác của một thủ đô. Một thành phố lớn là một mỏ phân sản lượng cao nhất. Dùng đô thị để

bón cho nông thôn, chúng ta sẽ thu kết quả chắc chắn. Nếu vàng đáng coi như cứt thì ngược lại, cứt là vàng.

Người ta đã sử dụng thứ vàng ấy như thế nào? Người ta quét nó xuống hố.

Người ta tốn vô số tiền bạc để từng đoàn tàu đi Nam cực nhặt cứt chim hải âu, chim cánh cụt, thế mà cái nguồn kho vô tận ở bên mình, người ta lại đổ xuống biển. Loài người bỏ phí không biết bao nhiêu là phân người, phân thú; nếu không đem khối lượng phân ấy ném xuống nước, nếu mang nó trả về cho đất, thì nó đủ nuôi sống loài người.

Những đống rác rưởi bên vệ đường, những xe bùn sền sệt đêm đêm lạch cạch lăn qua đường phố, những thùng chứa thê tởm của sở vệ sinh, những dòng nước lầy hôi thối chảy khuất dưới mặt đường, các bạn có biết là gì không? Đó là đồng cỏ lên hoa, là cỏ non xanh mởn, là cỏ ống, cỏ voi, cỏ mật, đó là thú rừng, là thú nhà, đó là tiếng rống thoải mái của mấy con bò mộng về chiều, đó là cỏ khô thơm phức, đó là hạt lúa vàng tươi, đó là bánh mì trên đĩa, là máu nóng trong người, đó là sức khoẻ, là vui tươi, là sự sống. Luật sáng tạo huyền bí đã muốn rằng ở dưới đất thì có sự biến thể mà ở trên trời thì có sự biến hình.

Hãy mang những thứ ấy trả lại cho lò tạo hoá, nó sẽ đem sung túc lại cho các anh ngay. Đất có cái ăn thì đất trở lại nuôi người.

Các anh cứ việc vứt bỏ thứ quí ấy và hơn nữa, cứ việc cười tôi là lố bịch. Nếu thế thì đó là kiệt tác của sự ngu dốt của các anh.

Khoa học thống kê đã tính ra rằng riêng một mình nước Pháp mỗi năm đã do miệng sông ngòi mà tiến cống cho Đại

Tây Dương nửa tỉ. Cần nhớ là với nửa tỉ ấy, có thể đài thọ một phần tư các khoản chi trong ngân sách quốc gia. Thế mà người ta thích vứt năm trăm triệu đó xuống nước hơn thì thực là khôn khéo ! Cái mà cống rãnh nôn thảm hại từng giọt ra sông và sông mửa thành dòng cuồn cuộn ra biển, chính là chất máu thịt của nhân dân. Mỗi lần rãnh cống ựa một cái, là mỗi lần chúng ta mất đi một nghìn quan. Kết quả là đất thì càng nghèo đi mà nước thì nhiễm độc, đói khát chòi ra từ luống cày, bệnh hoạn xông lên từ sông bến.

Chẳng hạn như lúc này, ai cũng biết rằng sông Tamiđơ đương đầu độc thành phố Luân Đôn.

Còn Pari thì những năm gần đây, chúng ta đã phải dời phần lớn các miệng cống xuống hạ lưu, phía dưới cái cầu cuối cùng của thành phố.

Một hệ thống ống máng kép có nắp van, có ngăn chắn nước, vừa hút vừa lùa, một bộ máy trổ nước sơ đẳng đơn giản như buồng phổi con người, bên Anh ở nhiều xã người ta đã làm như thế. Một hệ thống dẫn nước kiểu ấy rất thích hợp để đem nước lành ở đồng quê về thành phố, và gửi nước màu mỡ thành phố về đồng quê. Cách trao đổi nước giản đơn nhất thế giới như thế sẽ có khả năng giữ lại cho ta năm trăm triệu mỗi năm, không cho tuôn bừa ra biển. Thế mà người ta mưu nghĩ chuyện khác.

Phương pháp hiện hành muốn làm lợi cho người ta lại hoá ra làm hại. Dụng ý thì tốt mà kết quả đáng buồn. Tưởng tẩy uế được cho thành phố lại hoá ra làm cho dân thành phố héo hon. Cống ngầm là một sự lầm lẫn. Bộ máy dẫn thuỷ hai công dụng, có lấy đi có trả lại, như đã tả ở trên, phải thay thế bộ máy cống ngầm chỉ biết dội quét của cải mà thôi. Công trình ấy đi đôi với những điều kiện mới của một nền kinh tế xã hội

đổi mới, sẽ làm cho đất ruộng sản xuất mười lần bội hơn và nạn nghèo đói được giảm nhẹ lạ thường. Nếu lại giải quyết luôn được nạn ngồi không ăn bám thì nó sẽ được thanh toán hoàn toàn.

Trong khi chờ đợi, tài sản công cộng cứ thế chảy ra sông, thật là lãng phí. Phải nói lãng phí mới đúng chữ nghĩa. Châu Âu suy yếu vì hao mòn như thế.

Về nước Pháp thì chúng ta đã tính nó mất mát bao nhiêu rồi. Pari chứa một phần hai mươi lăm tổng số nhân khẩu nước Pháp, mà phân Pari lại là phân tốt nhất nước Pháp, ước lượng Pari mất hai mươi lăm triệu trong tổng số năm trăm triệu nước Pháp lãng phí hàng năm là ước lượng còn dưới sự thực. Đem hai mươi lăm triệu ấy tiêu dùng vào việc cứu tế xã hội và việc giải trí thì Pari còn hoa lệ gấp đôi. Thế mà Pari lại mang hai mươi lăm triệu ấy mà tiêu trong lỗ cống! Bởi vậy, người ta có thể nói rằng cái xa xỉ nhất của Pari, cái hội hè hoang phí, cái cuồng loạn say sưa, cái vung phí tiền ròng bạc chảy nhất của Pari là cống rãnh ấy.

Quản lý kinh tế nhà nước mà đui mù, thì làm cho phúc lợi của mọi người trôi theo dòng nước và chìm xuống vực sâu như thế đấy! Phải có những lưới vớt đối với tài sản công cộng.

Về phương diện kinh tế, có thể tóm tắt sự kiện này trong một danh từ: Pari, giỏ thủng đáy.

Pari là thành phố điển hình, là khuôn mẫu cho các dân tộc khác rập để xây dựng thủ đô, là tổ quốc của lý tưởng, của phát minh, của mọi khởi phát và thể nghiệm, là trung tâm của trí thức, là thành quốc, là tổ ong của tương lai, là sự hòa hợp kỳ diệu của Babylôn và Côranh ngày xưa. Thế nhưng về phương diện chúng ta vừa trình bày, thì Pari sẽ làm cho một bác nông dân Phúc Kiến nhún vai khinh bỉ.

Nếu anh bắt chước Pari thì anh cũng đến phá sản. Và lại trong việc phung phí điên dại tự bao giờ đến bây giờ như thế này, Pari cũng chỉ bắt chước thôi.

Những cái ngốc lạ ngốc lùng ấy không phải là chuyện mới đâu; cái ngu này không phải là cái ngu trẻ tuổi. Người đời xưa cũng làm như người đời nay. Liebi nói: "Cống rãnh thủ đô La Mã đã thủ tiêu cảnh sống no đủ của nông dân La Mã". Khi nông thôn La Mã đã bị cống ngầm thành La Mã làm cho phá sản, thì nước Ý cũng bị lụn bại theo; khi nước Ý đã chui vào cống thì đảo Xixin, rồi đảo Xácđenhơ, và cả châu Phi cũng chui theo vào cống. Cống ngầm La Mã đã làm cho nhân loại chìm xuống vực. Nó nhận chìm thành phố, nhận chìm cả thế giới[1].

Urbi et orti[2]. Thành phố trường tồn, cống ngầm vô để.

Về việc này cũng như nhiều việc khác. La Mã vẫn làm gương.

Pari noi theo gương ấy với tất cả sự ngớ ngẩn của những đô thành văn vật.

Để tháo chất bẩn ra sông, như chúng tôi đã giải thích, dưới thành phố Pari, có một thành phố Pari khác, thành phố cống rãnh. Thành phố cống rãnh cũng có phố phường, có ngã tư, có quảng trường, có ngõ hẻm, có đường sá, có giao lưu, giao lưu của bùn nhơ, duy chỉ thiếu có con người.

Không nên tâng bốc cái gì cả, dù là tâng bốc một dân tộc lớn. Ở chỗ nào cũng có đủ cả các thứ, thì cũng có đê hèn bên

---

(1) Đế quốc La Mã được coi là thế giới văn minh thời cổ, gồm có thành phố La Mã (Rome) là thủ đô nước Ý rồi các xứ thuộc địa như đảo Xixin, đảo Xácđenhơ, vùng Bắc Phi...

(2) Khẩu hiệu ban phúc của giáo hoàng, nghĩa : cho thành phố và cho vũ trụ.

cạnh cao siêu.

Trong Pari có Aten, thành phố ánh sáng. Tia, thành phố hùng cường, Spácto, thành phố khí tiết. Ninivơ, thành phố mầu nhiệm, thì trong Pari cũng có Luytétxơ[1] thành phố bùn lầy.

Vả chăng, dấu ấn hùng cường của Pari cũng là ở đấy, và cái tầng đáy khổng lồ của Pari thể hiện trong phạm vi kiến trúc cái mẫu mực kỳ dị trong lĩnh vực nhân sinh, thể hiện ở một đôi người như Makiavenn. Bêcơn và Mirabô, cái hùng vĩ hạ tiện.

Nếu mắt ta trông xuyên mặt đất thì chúng ta sẽ nhìn thấy cái thành phố cống rãnh kia giống như một khối san hô vĩ đại. Thật vậy, một khối san hô cũng không có nhiều ngóc ngách, hành lang hơn cái ụ đất chu vi sáu dặm làm nền tảng cho thành phố ngày xưa. Chưa nói đến các mộ địa làm thành một hệ thống nhà hầm riêng, chưa nói đến những ống dẫn khí thắp chằng chịt, chưa nói đến hệ thống ống dẫn nước bao la đưa nước đến các giếng máy, chỉ riêng hệ thống cống rãnh cũng đã làm nên hai mặt lưới khổng lồ ở dưới đất hai bên bờ sông. Đường cống ở đấy chi chít tối tăm như ở trong mê hồn trận, muốn ra chỉ có thể xuôi theo chiều dốc của nó mà ra.

Ở đấy, qua sa mù ẩm ướt, xuất hiện con chuột cống, nó như là con đẻ của thành phố Pari.

II

CỔ SỬ VỀ CỐNG RÃNH

Hãy tưởng tượng Pari được lật lên như một cái nắp thì hệ thống cống ngầm, từ trên nhìn xuống, sẽ hiện ra ở hai bên

(1) Tên làng chài lưới ở trên hòn đảo bùn lầy thời cổ đại, sau này trở nên trung tâm thành phố Pari.

bờ sông như một cành cây lớn ghép vào con sông. Ở hữu ngạn, đường cống cái là thân cành, những cống con là những chi nhánh và các ngõ là những que, chạc.

Hình ảnh đó chỉ là đại khái và mới đúng nửa chừng bởi vì góc vuông là góc thông dụng trong loại chi nhánh dưới đất đó lại hiếm có trong thực vật.

Muốn hình dung cái bình diện hình lọc lạ lùng đó một cách gần gũi hơn thì nên giả thiết mình được nhìn trên một nền đen tối một loại cổ tự đông phương kỳ quặc, rối rắm, mà các chữ cái gắn vào nhau lộn xộn và như tình cờ, khi thì ở hai đầu.

Hầm rác và cống ngầm có vai trò quan trọng ở thời trung cổ, ở Hậu kỳ Đế quốc và ở cái Đông phương cổ xưa ấy. Ôn dịch sinh ra từ đó, bạo chúa chết ở đó. Công chúng kinh sợ những khu vực thối tha, những ổ chết khổng lồ đó. Hố dòi bọ ở Bênarexơ làm cho người ta choáng váng không kém hầm sư tử ở Babylon. Sách thần học Do Thái nói vua Têgla-Phalada viện cái hầm rác Ninivơ để nguyền rủa. Giăng đơ Ledơ cho cái mặt trăng giả của mình hiện lên từ cống Munxtơ và kẻ đồng đạo của ông ở phương Đông là Môkana - nhà tiên tri xứ Korátxan - thì lấy cái mặt trời giả của mình từ giếng phân Kếchsép.

Lịch sử loài người phản chiếu trong lịch sử hố rác. Những thềm phơi xác tội nhân tử hình kể lịch sử La Mã. Cống Pari đã từng là một thực thể ghê gớm. Nó từng là hầm chôn, cũng đã là hố nấp. Tội ác, trí thông minh, sự phản kháng xã hội, tự do tín ngưỡng, tư tưởng, trộm cướp, nghĩa là tất những gì mà luật pháp loài người săn bắt hay đã săn bắt, đều trốn vào hố đó; bọn giặc vồ thế kỷ mười bốn, bọn ăn cắp đêm thế kỷ mười lăm, tín đồ đạo Cải cách thế kỷ mười sáu, bọn

đồng bóng thế kỷ mười bảy, thợ đốt lò thế kỷ mười tám đều có nấp ở đó. Một trăm năm trước, lưỡi dao găm ban đêm từ đó vung ra, thằng ăn cắp lâm nguy lánh mình xuống đó; rừng có hang, Pari có cống. Phường ăn mày nòi coi cống là một phân khu của Khu Phép mầu[1] và buổi tối, hung hãn và ngạo nghễ, họ rút xuống lối thoát Mobuyê như về một buồng ngủ.

Những ai ban ngày hoạt động ở ngõ cụt Móc-hầu-bao hay ở phố Cắt-cổ thì tự nhiên dùng cái cầu một nhịp ở Đường-xanh hay khu đứng gió Huyarơpoa làm chỗ trọ ban đêm. Do đó vô khối kỷ niệm còn lưu truyền lại. Đủ mọi thứ bóng ma hiện lên ở những hành lang dài vắng vẻ ấy. Thối mục và uế khí khắp cả. Đây đó một lỗ thông hơi mà Vilông ở bên trong nói chuyện với Rabơle [2] ở bên ngoài.

Thời xưa, cống ngầm của Pari là nơi hò hẹn của tất cả những khô kiệt và những thí nghiệm. Ở đó khoa kinh tế học nhìn thấy cặn bã.

Cống ngầm là lương tâm của thành phố. Tất cả đều hội tụ ở đấy, đối diện ở đấy. Trong cành xám xịt ấy, có bóng tối, nhưng không còn bí mật. Mỗi sự vật mang hình thể thực của nó, hay ít nhất là hình thể hoàn bị. Đống rác rưởi có cái ưu điểm là không nói dối. Tính thật thà trốn vào đấy. Mặt nạ của Badilơ ở đấy, nhưng người ta thấy bìa, thấy chỉ buộc, thấy bên

---

(1) Nguyên văn Cour des Miracles là một khu phố thời Trung cổ tụ tập những hành khất nhà nghề. V.Huygô đã diễn tả nơi này trong bộ tiểu thuyết "Nhà thờ Đức Bà".

(2) *Villon*: nhà thơ trữ tình lớn của nước Pháp, thế kỷ XV đã từng đi lang thang và phạm tội trộm cướp suýt bị treo cổ. *Rabelais:* nhà văn lớn của nước Pháp thế kỷ XVI, tư tưởng khoáng đạt. Tác giả giả thiết thôi vì Villon chết trước khi Rabelais ra đời.

trong lẫn bên ngoài và nó được tô bồi một lớp bùn trung thực. Cái mũi giả của Xcapanh ở cạnh nó. Tất cả những dơ bẩn của văn minh khi đã hết tác dụng, đều rơi vào cái hố ngay thật đó; cái mới kết thúc cuộc trượt dốc xã hội rộng lớn; những chất dơ bẩn ấy tụt xuống hố, nhưng phơi trải ra trong đó. Cảnh hỗn độn, ấy là một cuộc xưng tội. Ở đây không có cái dáng bên ngoài giả dối, không có vỏ bọc thạch cao: rác rưởi cởi áo trong, hiện ra hoàn toàn trần trụi; ảo tưởng, ảo hình tan biến; chỉ còn trơ cái thực tại với bộ mặt thảm hại của cảnh kết cục. Cuộc đời thực và sự huỷ diệt phơi trần.

Ở đây, một đít chai thú nhận tính nát rượu, một quai đỏ kể lại cảnh đi ở; ở đây cái lõi táo đã từng có những đề xướng kia nọ về văn học trở lại là cái lõi táo; ở đây cái mặt vua trên đồng xu đôi gỉ xanh một cảnh thực thà, bãi đờm của Cayphơ gặp gỡ chỗ nôn mửa của Phanxtắp, đồng tiền vàng ở sòng bạc ra chạm cái đanh mắc đoạn dây treo cổ, cái bào thai tím ngắt được bọc trong chiếc áo lấp lánh đã nhảy múa ở nhạc kịch viện đêm thứ ba béo vừa qua, cái áo quan tòa đã xử án khối người, lăn lóc bên cạnh một vật thối tha là cái váy của một gái điếm; cảnh này đã vượt tính hữu ái mà đi vào chung chạ thân tình. Cái gì dồi phấn tô son giờ đây nhem nhuốc loang lổ. Cái khăn mỏng cuối cùng đã vứt bỏ. Một cống ngầm là một gã trâng tráo. Cái gì nó cũng nói hết ra.

Sự thành thật của rác rưởi dễ ưa và làm cho tâm hồn ta yên tĩnh. Khi suốt ngày đêm trên mặt đất đã phải chịu đựng cái vẻ trịnh trọng kiêu kỳ của những lý do quốc gia, những cam kết, những viễn kiến chính trị, những công bằng xã hội, những trung thực nhiệm vụ, những khắc khổ của địa vị, những mặt quan toà tuyệt đối liêm chính, thì chúng ta thấy nhẹ người khi được đi vào cống ngầm và thấy thứ bùn nhơ

thích đáng của những cái ấy.

Chúng tôi cũng học ở đấy được nhiều. Chúng tôi vừa nói lịch sử đi qua cống ngầm. Những đêm Xanh Bactêlêmy rỉ rả từng giọt qua kẽ đá. Những vụ ám sát công cộng nổi tiếng, những cuộc tàn sát chính trị và tôn giáo đi qua cái hầm ngầm của văn minh đó và đẩy xác chết vào đó. Trước con mắt của người nghỉ ngợi, tất cả những tay sát nhân lịch sử đều có mặt ở đây, trong ánh nhờ nhờ gớm ghiếc, chân quì, mình mang chiếc tạp dề cắt trong vải liệm, tay đang lau chùi máu nạn nhân của chúng đổ xuống. Luy XI ở đấy với Tơrixtăng, Phrăngxoa I với Đuypra, Sáclơ IX với mẹ mình, Risolio với Luy XIII; có Luyoa, có Lơtenliê, có Hêbe và Maia. Bọn họ đang cạo đá mong xoá nhoà dấu vết những hành động của họ. Dưới các vòm cuốn ấy, người ta nghe thấy tiếng chổi của những bóng ma kia. Người ta hít thở xú khí nặng nề của các tai họa xã hội. Người ta nhìn thấy trong các xó tối những gợn hồng lấp lánh. Những bàn tay đẫm máu đã rửa trong ngòi nước ghê gớm chảy ở đây.

Người quan sát xã hội phải vào những vùng tối này. Các vùng đó là bộ phận của Viện khảo cứu của họ. Triết học là kính hiển vi của tư duy. Tất cả đều muốn trốn tránh nó, nhưng không gì thoát được. Quanh co là vô ích. Quanh co thì phơi bày khía cạnh nào của con người? Khía cạnh xấu hổ. Con mắt chính trực của triết học theo dõi cái ác và không cho nó lẩn vào hư vô. Nó nhận ra tất, trong cảnh xoá nhoá của những sự vật huỷ diệt, và trong cảnh thu nhỏ dần của những sự vật tan biến. Nó khôi phục hồng bào trên áo rách và người đàn bà trên mụn vải. Nó dựa trện hố xí mà tái tạo thành phố, trên bùn lầy mà tái tạo phong tục. Nhìn mảnh vỡ, nó kết luận là lọ cổ hay cái vò. Từ một dấu móng tay trên

giấy da bào, nó nhận ra sự khác biệt giữa phái Do Thái Giuyđăngatxơ và phái Do Thái Ghéttô. Trong những gì tồn lưu, nó tìm ra cái gì đã tồn tại, cái thiện, cái ác, cái giả, cái chân, dấu máu trong lâu đài, vết mực nơi hang hốc, giọt mỡ bò ở thanh lâu, những thử thách trải qua, những cám dỗ đã đến, những bãi nôn mửa quá say sưa chè chén, nếp nhăn của tính cách khi tụt xuống, dấu vết của bán mình ở những con người vì thô bỉ mà sa đọa, và trên tấm áo của những phu khuân vác La Mã, dấu thích khuỷu tay rù rê của hoàng hậu Mêtxalin.

III

BRUYNƠDÔ

Cống ngầm Pari thời trung cổ đã thành truyền kỳ. Hồi thế kỷ XVI, vua Hăngri II có tổ chức thử một cuộc thăm dò, nhưng không thành. Theo lời chứng của Mécxiê, cách đây chưa đầy trăm năm, người ta bỏ mặc cho vũng bùn lấy đó tự nó ra sao thì ra.

Pari cổ là như thế, bị bỏ mặc cho tranh chấp, do dự và mò mẫm. Nó dần độn một thời gian khá lâu. Về sau, Cách mạng 89 đã cho thấy các thành phố trở nên thông minh như thế nào. Còn cái thời xa xưa tốt lành thì đầu óc thủ đô không được vững; nó không biết tiến hành công việc của nó, về phương diện tinh thần cũng như vật chất, cũng không biết quét rác rưởi và tệ lạm. Ở đâu nó cũng thấy có trở ngại, có vấn đề. Chẳng hạn không làm sao đi lại trong cống ngầm: Không thể thoả thuận với nhau trong thành phố. Ở trên là vô tri, ở dưới là vô lộ. Ngôn ngữ rối rắm ở trên, đường hầm

rắc rối ở dưới. Ngục Đêđan...[1] cộng với tháp Baben[2].

Có lúc cống ngầm Pari cũng giở chứng, dâng lên tràn bờ, tuồng như con sông Nin không ai biết tới ấy đột nhiên nổi giận. Có những trận lụt cống rãnh mới nhục nhã chứ! Có những khi, cái dạ dày của văn minh ấy tiêu hoá kém, bùn lầy ựa lên cổ họng thành phố và Pari có mùi vị bùn phân. Cống ngầm giống hối hận, như thế cũng có phần tốt; đó là những cảnh cáo, nhưng bị coi nhẹ. Thành phố bực tức sao thứ bùn lại to gan đến thế, và không chấp nhận cho rác rưởi trở về. Phải quét tốt hơn kia.

Cơn lụt năm 1802 hãy còn hiện tại trong ký ức những người Pari tám mươi tuổi. Bùn tràn ra thành chữ thập ở quảng trường Chiến thắng, nơi có tượng Luy XIV; bùn chảy vào phố Xanh Hônôrê, do hai miệng cống ở quảng trường Săng-Êlidê, vào phố Xanh Flôrăngtanh do cống ở phố đó, vào phố Pie Poát-xông do cống Xonnơri, vào phố Pôpanhcua do cống Sơmanhve, vào phố Rêkét do cống phố Lapơ; ở ống máng phố Săng-Êlidê, lụt bùn dâng cao đến ba mươi lăm phân. Phía Nam, bằng lối thoát ra sông Xen nhưng đi ngược chiều, bùn tràn vào phố Madarin, phố Êsôđê và phố Mare. Ở đây, sau khi làm thành một dòng dài một trăm linh chín mét, nó dừng lại cách nhà Raxin mấy bước, kính nể nhà thơ hơn nhà vua, cả hai đều sống ở thế kỷ XVII. Nó đạt độ sâu nhất ở phố Xanh Pie, dâng cao đến một mét trên mặt đá ở miệng ống

(1) *Dédale:* theo thần thoại Hy-La, là người kỹ sư đã xây dựng khu an trí không có đường ra để giam cầm con quái vật thân người đầu bò tót.

(2) *Babel:* theo Thánh kinh, là cái tháp mà các con của Nôê xây để lên trời, nhưng vì ngôn ngữ bất đồng, họ không hoàn thành được.

máng và độ rộng nhất ở phố Xanh Xabanh, ở đây nó trải ra trên chiều dài hai trăm ba mươi tám mét.

Đầu thế kỷ này, cống ngầm Pari còn là một nơi bí ẩn. Bùn lầy thì chẳng bao giờ được tiếng tốt, đành thế nhưng ở đây cái tiếng xấu lên đến mức khiến người ta phát khiếp. Pari lờ mờ biết rằng dưới chân mình có một cái hầm kinh khủng. Người ta nói đến nó như nói đến cái vũng đọng thành Tebơ ngày xưa, nhung nhúc những con rết dài năm mét, cái vũng có thể làm vũng đầm cho con quái Bêhêmốt khổng lồ. Những đôi ủng của thợ cống không bao giờ bước quá những điểm quen biết. Người ta hãy còn rất gần cái thời xe bùn của những người thợ vét - từ trên đó Xanhtơ-Phoa tỏ tình hữu ái với hầu tước Grêki - trút phăng cái chứa của mình xuống cống. Đến như việc nạo cống thì người ta trông cậy ở các trận mưa rào; nói cho đúng, mưa không quét nạo mấy mà đùn thêm đến nhiều hơn. La Mã còn để chút thơ mộng cho hố rác và gọi nó là Hố phơi bày; Pari thoá mạ nó và gọi nó là Lỗ thối. Khoa học và mê tín đồng tình ghê gớm. Khoa vệ sinh và truyền thuyết đều gớm cái Lỗ thối ngang nhau. Lão Tu-sĩ quạu quọ sinh ra ở dưới cái vòm cuối hôi thối của cống Muphơta; xác của Mácmudê bị vứt xuống cống Baridơri; Phagông cho là trận dịch sốt ác tính dữ dội năm 1685 là do cái lỗ thủng lớn ở cống ngầm Mare, lỗ này vẫn toang hoác ở phố Xanh Luy cho đến năm 1833, ở xế bảng hiệu "Người đưa tin lịch sự". Miệng cống phố Mortenlơri nổi tiếng vì những trận dịch hạch từ đó phát ra. Với cánh cửa song sắt nhọn tựa một hàng răng, nó nằm ở cái phố tai hại ấy như một họng rồng thổi âm khí lên loài người. Trí tưởng tượng dân gian đã pha một khái niệm vô tận vào cái chậu rửa của thành phố

đó. Cống ngầm không có đáy. Cống ngầm là cái barathơrom[1]. Cảnh sát không hề nghĩ tới việc thám hiểm những khu vực phong hủi ấy. Thử tìm hiểu cái xa lạ ấy thăm dò trong bóng tối ấy, đi khám phá cái gì trong vực thẳm ấy, ai đâu dám? Kinh khiếp lắm. Thế mà cũng có người xin làm. Vũng bùn vẫn có Crixtôphơ Côlông của mình.

Năm 1805, trong dịp hiếm hoi hoàng đế xuất hiện ở Pari, một hôm quan thượng thư bộ nội vụ, tên là Đơkre hay Crête gì đó, đến bệ kiến vào lúc người thức giấc. Lúc đó người ta nghe ở quảng trường Quần ngựa tiếng khua gươm của tất cả những binh lính lạ kỳ thời cộng hoà vĩ đại và đế quốc vĩ đại; anh hùng đụng đầu nhanh ở cửa cung Napôlêông: những người của sông Ranh, sông Êxcô, sông Ađigiơ và sông Nin; chiến hữu của Giube. Đơdex, Macxô, Mácxô, Hôsơ, Klêbe; lính khí cầu ở Flơruytx, lính thủ pháo ở Maiăngxơ, công binh cầu đường ở Giênơ, kỵ binh mà các Kim tự tháp đã quan chiêm, pháo binh đã bị đại bác của Giuynô làm lấm áo, lính giáp kỵ đã từng xung phong chiếm hạm đội địch bỏ neo ở vịnh Duyđêcđê. Người thì đã vượt qua cầu Lôđi với Bônapác, người thì theo gót Muyra vào hầm Măngtu, người khác nữa đã chạy trước Lannơ trên con đường trũng Môngtơbenlô. Toàn thể quân đội thời bấy giờ có mặt ở đó, ở trong sân điện Tuylơri, do một toán hoặc một tiểu đội đại diện. Họ bảo vệ Napôlêông đang yên giấc. Đây là thời huy hoàng mà đội quân vĩ đại có chiến thắng Marănggô đằng sau lưng và Auxteclít[2] trước mặt. Quan thượng nội vụ tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, hôm qua tôi gặp con người dũng cảm

(1) Le barathrum, chưa tra cứu ra.

(2) Marengo. Austelitz hai trận chiến đấu oanh liệt của Napôlêông: Marengo, năm 1800, Austerlitz, năm 1805.

nhất trong giang sơn bệ hạ.

- Người đó là ai vậy? hoàng đế vội vàng hỏi. Y đã làm gì?
- Tâu bệ hạ, y muốn làm một việc.
- Việc gì?
- Thăm dò những cống ngầm của Pari.

Người đó có thật, tên là Bruynodô.

IV

NHỮNG CHI TIẾT KHÔNG AI BIẾT

Cuộc thăm dò đã được tiến hành. Đó là một chiến dịch kinh khủng: một cuộc chiến đấu trong đêm tối chống ôn dịch và ngột ngạt. Đồng thời cũng là một hành trình đầy những phát hiện. Có những chi tiết kỳ lạ mà Bruynodô tưởng không cần ghi vào báo cáo gửi cho ông cảnh sát trưởng thành phố, vì không xứng đáng với văn chương hành chính. Một người còn sống mãi đến sau này, một người thợ thông minh, lúc tham gia thám hiểm còn đang tuổi thanh niên, cách đây mấy năm hãy còn kể lại. Thời đó những phương pháp sát trùng tẩy uế hãy còn thô sơ lắm. Bruynodô vừa qua khúc ngoặt đầu tiên trong hệ thống ngầm, thì tám người thợ trong số hai mươi không chịu đi xa hơn nữa. Công việc phức tạp quá; muốn thăm dò thì phải nạo vét; cho nên phải nạo vét, đồng thời đo đạc ghi chép lượng nước tuôn vào, đếm cửa ống vào miệng cống, ghi tỉ mỉ những chi nhánh, ghi những dòng nước bùn phân lưu, tìm biết phạm vi của mỗi lưu vực, thăm dò những cống nhỏ ghép vào cống chính, đo chiều cao của mỗi hành lang từ đỉnh cuốn, đo chiều rộng ở chân cuốn cũng như nơi

máng, cuối cùng là xác định các mức đối với máng cống và đối với mặt đường.

Đoàn thăm dò tiến lên rất khó khăn. Không hiếm nơi thang bắc để đi xuốnng lún dưới bùn sâu đến một mét. Đèn lồng leo lét trong tạp khí. Thỉnh thoảng phải khiêng ra một người thợ bị ngất. Ở một đôi chỗ cống hoá thành vực. Là vì đất thụt lún, mống rời rã, cống ngầm biến thành giếng khoan; không tìm ra chỗ rắn để đặt chân; thỉnh lình, một người chìm lỉm, phải khó nhọc lắm mới kéo được họ lên. Theo lời khuyên của Phuacroa, cứ cách từng quãng, trong những nơi đã tẩy uế, người ta đốt những lồng bùi nhùi thấm nhựa thông. Đây đó vách cống mọc những chùm nấm dị hình tựa như những ung nhọt. Ở chốn ngột ngạt u uất đó, hình như đá cũng phát bệnh.

Cuộc thăm dò của Bruynơdô tiến hành từ trên xuống xuôi theo con nước. Đến chỗ phân dòng giữa hai ống nước khu Giăng Huyêclơ, ông ta đọc trên một phiến đá nhô ra cái niên đề 1550. Phiến đá đơ chỉ cái giới hạn Philíp Đơlormơ dừng lại, ông này được vua Hăngri II giao cho thăm dò hệ cống ngầm thành Pari. Đó là cái dấu ấn của thế kỷ mười sáu trên cống ngầm Bruynơdô còn tìm thấy dấu xây dựng của thế kỷ mười bảy trong ống Pôngxô và ống phố Tăngptơ cũ, những ống này được xây vòm cuốn trong quãng thời gian từ 1600 đến 1650; lại cộng trình của thế kỷ mười tám ở đoạn tây máng cái, đoạn này được xây bọc và làm vòm cuốn năm 1740. Hai vòm cuốn này, nhất là vòm sau, vòm xây từ năm 1740, nứt nẻ và tiều tuỵ hơn cống bọc vành, xây từ năm 1412. Năm đó cái ngòi nước Mêninmôngtăng được thăng lên làm cống lớn thành phố Pari, sự thăng quan tiến chức này có thể ví với việc một nông dân được cử làm đệ nhất thị thần của nhà

vua, tỉ như Grô Giăng hoá thành Lơben[1].

Người ta cũng nhận ra đây đó, đặc biệt là ở dưới khu Lâu đài tư pháp, hình như những hốc của ngục tối xây ngay trong cống. Nơi *yên nghỉ* [2] gớm guốc! Một gông cổ còn lòng thòng trong một xà lim như vậy. Đoàn Bruynơdô xây bít cả lại. Họ tìm thấy một số hiện vật kỳ quặc, như bộ xương của con đười ươi ở Vườn Thực vật, mất tích năm 1800. Sự mất tích này hẳn có liên quan đến vụ quỉ hiện nổi tiếng ở phố Bécnađanh năm cuối thế kỷ mười tám. Con quỷ tội nghiệp rốt cục đã chết đuối trong cống ngầm.

Dưới hành lang eo dẫn đến vòm Mariông, có một cái giỏ nhặt giẻ còn nguyên vẹn khiến những người biết nghề trầm trồ khen ngợi. Thợ cống quen tay dần, sục bùn một cách táo bạo và tìm thấy trong bùn vô số vật quí, đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim cương ngọc thạch, tiền bạc. Giả thử có một người khổng lồ gạn lọc cái vũng bùn ấy thì chắc hẳn đã thu trên mặt sàng của cải của các thế kỷ. Đến điểm phân giòng giữa hai nhánh phố Tăngplơ và phố Xanhtơ Avoa, người ta nhặt được một chiếc mề đay kỳ lạ của đạo Cải cách, làm bằng đồng, một mặt khắc hình con lợn đội mũ giáo chủ, mặt kia, hình một con sói đội ngọc miện giáo hoàng.

Sự phát hiện lạ lùng nhất xảy ra ở miệng Cống lớn. Ngày xưa, ở đó có một cái cửa song sắt mà ngày nay chỉ còn bản lề. Ở một trong những bản lề đó, lủng lẳng một tấm tã bẩn, không rõ hình dạng: có lẽ trôi đến đó nó mắc lại trên bản lề, lềnh bềnh ở đó cho đến khi rách nát hết. Bruynơdô soi đèn xem

(1) *Gros - Joan*: tên riêng quen dùng để gọi chung một cách khinh bạc người nông dân quê mùa. Lebel: quan hầu phòng được tín nhiệm của Napôlêông.

(2) Nguyên văn latinh: in pace.

xét kỹ; tấm vải làm bằng thứ vải chéo rất mịn, ở một góc ít bị gặm nhấm, còn thấy rõ cái gia huy thêu, ở trên bảy chữ cái: LAVBESP. Vành đó là một vành ngũ hầu tước và bảy chữ đó có nghĩa là *Laubespine* [1]. Người ta hiểu rằng vật nằm dưới mắt là một mảnh ở tấm vải liệm Mara [2]. Mara trong tuổi thanh niên có những dan díu yêu đương. Đó là lúc ông ở trong hàng bộ hạ của gia tộc bá tước Actoa với chức vụ y sĩ chuồng ngựa. Qua cuộc dan díu với một bà lớn, mà lịch sử đã ghi nhận, ông còn giữ lại được tấm khăn trải giường đó. Vật lạc loài hay vật kỷ niệm, không biết. Khi ông chết, người ta lấy liệm xác ông vì ở trong nhà, chỉ có khăn đó là bằng vải qúi. Mấy bà già đã dùng tấm vải có mang dấu hoan lạc, gói người bạn của Dân bất hạnh đó.

Bruynơdô không dừng lại. Mảnh vải rách được để nguyên chỗ cũ chứ không bị huỷ. Vì khinh bỉ hay vì kính nể? Mara xứng đáng được cả hai điều. Vả lại, mệnh số đã được ghi trên đó khá rõ ràng, đụng tới cũng ngại. Vả lại, phải để cho những vật trong mồ ở yên những nơi chúng đã chọn chứ! Tóm lại, di vật khá lạ lùng. Một nữ hầu tước đã ngủ trên đó; Mara đã thối rữa trong đó; nó đã đi qua đền Păngthêông[3] đã kết liễu trong răng chuột cống. Tấm giẻ buồng ấy nếu Váttô ngày xưa trông thấy thì đã vui vẻ vẽ hết các lần nếp, rốt cục trở thành xứng danh với con mắt trực thị của Đăngtơ.

---

(1) *Phiên âm*: Lôbexpinơ.

(2) *Marat*: nhà Cách mạng Pháp, chủ bút tờ *Bạn dân* và cũng được mệnh danh là "Người bạn của dân", đã kịch liệt lên án bọn chống đối, bọn thoả hiệp, lừng chừng, bị một thiếu nữ phản động đâm chết năm 1793.

(3) *Panthéon*: đền kỷ niệm những người có công lớn với tổ quốc, ở Pari. Mara thuộc hạng danh nhân đó.

Cuộc thăm dò toàn bộ hệ thống cống ngầm thoát uế của thành phố Pari mất bảy năm, từ 1805 đến 1812. Vừa tiến lên trước, Bruynodô vừa chỉ định, điều khiển và hoàn thành những công trình lớn. Năm 1808 ông hạ lòng máng phố Pôngxô, và đặt thêm những đường ống mới khắp nơi, năm 1809 ông mở rộng hệ thống cống ngầm cho đến phố Xanh Đơni, chỗ giếng máy Inôxăng; năm 1810, đến dưới phố Phroamăngtô và khu Xanpêtrie; năm 1811 đến dưới phố Poti-Pe mới, phố May, phố Êsac, Quảng trường Roaian; năm 1812 đến dưới phố Hoà bình và nền Ăngtanh. Đồng thời ông cho tẩy uế và giải độc toàn bộ hệ thống. Ngay năm thứ hai, Bruynodô đã thu dụng người rể của mình là Nácgô làm phó chỉ huy.

Đầu thế kỷ này, xã hội cũ nạo vét hai tầng đáy của mình và súc cửa cống như thế đấy. Cũng gọi là sạch đi được.

Nhìn ngược lại cống ngầm Pari thời xưa thì thấy khúc khuỷu, nút nẻ, bật đá, rạn vỡ, đầy những lỗ thụt rễ ngoặt bất ngờ, lên xuống chẳng theo lôgic nào, hôi thối, hoang dại, dữ dằn, tràn ngập bóng tối, mang nhiều sẹo trên đá lát và gạch tường, trông rất dễ sợ. Rễ nhánh khắp tứ phía, hầm chéo nhau, đâm chạc, toả chân ngổng hình sao như để đào sập tường thành, ngõ không lối thoát, ngách cụt, vòm cuốn đầy diêm sinh, giếng tù hôi hám, tường rịn nước nhầy nhụa, trần rỉ nước từng giọt tăm tối khắp nơi. Không cảnh tượng nào rùng rợn cho bằng cái hầm mộ chảy nước ấy, cái bộ máy tiêu hoá của thành Babylon, hang, hố, vực sâu có đường đi lại, hang chuột chù khổng lồ mà trí tưởng tượng của chúng ta thấy dĩ vãng như một con chuột mù to lớn, lò mò trong rác rưởi đã từng là huy hoàng.

V

TIẾN BỘ NGÀY NAY

Ngày nay cống ngầm sạch, lạnh, ngay ngắn, khả quan. Nó thực hiện hầu như ở mức cao nhất, cái ý niệm mà người Anh gọi là "khả kính". Trông nó khá lắm: xám xám, ngang hàng thẳng lối theo dây mực; sạch sẽ, đàng hoàng. Giống một chủ thầu trở thành cố vấn chính phủ. Trông vào thấy gần như sáng sủa. Bùn lầy ở đây xử sự phải chăng. Thoạt nhìn người ta tưởng là một hành lang địa đạo rất thuận lợi cho vua chúa chạy trốn ở cái thời xa xưa tốt đẹp mà "dân chúng yêu vì vua chúa của họ". Cống ngầm ngày nay là một cống đẹp; phong cách thuần tuý ngự trị ở đó. Câu thơ mười hai âm tiết cổ điển ngay ngắn bị trục xuất khỏi thơ ca, có vẻ như đã trốn vào kiến trúc và hoà vào từng phiến đá trong cái hầm cuốn trắng trắng và tăm tối này. Mối miệng đều xây cánh cung. Người ta lấy phố Rivôli làm mẫu mực ngay cả đến trong vũng bùn. Cũng phải nói rằng nếu có nơi nào mà đường nét hình học thích hợp thì chắc chắn đó là ở hầm phân một thành phố lớn. Ở đấy, cái gì cũng phải lệ thuộc nguyên tắc con đường ngắn nhất.

Ngày nay cống ngầm có một cái gì quan dạng. Những báo cáo cảnh sát một đôi khi nói đến nó cũng không bất kính như trước. Chữ nghĩa dùng về nó trong văn chương hành chính đều thanh nhã và trang trọng. Cái ngày trước gọi là đường hầm, ngày nay gọi là địa đạo, ngày trước gọi là lỗ, ngày nay gọi là cửa khẩu. Vinlông chắc là sẽ không nhận ra cái nơi tạm trú của mình" ngày xưa. Hệ thống hầm ấy vẫn có đám cư dân đời xưa, cái tộc họ gặm nhấm lúc nhúc, đông hơn bao giờ

hết; thỉnh thoảng một bác chuột cống già thò đầu ra cửa cống quan sát người qua đường; nhưng loài trùng này cũng đã thuần hoá, chúng lấy làm vừa lòng cái lâu đài dưới đất của chúng. Vũng bùn lầy không còn cái dáng dữ ác ngày xưa chút nào. Ngày trước mưa làm bẩn cống, ngày nay mưa dội rửa cống. Nhưng chớ cả tin; xú khí hãy còn trong ấy. Nó giả dối khéo che đậy chứ chưa phải toàn diện. Sở cảnh sát thành phố và hội đồng vệ sinh đã mất công vô ích. Họ dùng hết cách khai quang tẩy uế, mà cống vẫn bốc lên một mùi tanh tanh khả nghi, cũng như tên Táctuyphơ sau khi xưng tội.

Phải nhận rằng dù sao, cống ngầm cũng mang ơn văn minh về công việc nạo quét. Và theo quan điểm đó, lương tâm của Táctuyphơ đã là một sự tiến bộ so với cái chuồng của Ôgiát[1], cũng như rõ ràng là cống ngầm Pari đã tốt hơn trước.

Còn hơn một tiến bộ; đây là một sự cải tạo. Giữa cống ngày xưa và cống ngày nay, có một cuộc cách mạng. Ai đã làm cuộc cách mạng đó?

Người mà mọi người đều quên và chúng tôi đã nói đến: Bruynơdô.

VI

TIẾN BỘ TƯƠNG LAI

Đào cống ngầm Pari không phải là một công việc nhỏ. Mười thế kỷ gần đây đã tham gia công trình đó mà chưa thể hoàn thành, cũng như đã không hoàn thành Pari. Quả vậy, cống ngầm chịu mọi hậu quả mà sự bành trướng của Pari dội

(1) Ăuggias: vua truyền thuyết, có nuôi 3.000 con bò trong một cái chuồng ba mươi năm không quét dọn.

đến. Đó là một thứ san hô tăm tối có hàng nghìn ăngten, nằm trong lòng đất và lớn lên ở dưới đó cũng như thành phố lớn lên ở trên này. Mỗi khi thành phố mở thêm một đường thì cống mọc theo một cánh tay. Thời quân chủ cũ chỉ xây được hai mươi ba nghìn ba trăm mét cống ngầm; Pari đang ở mức đó ngày 1 tháng Giêng năm 1806, bắt đầu từ thời đó - mà lát nữa chúng tôi sẽ nhắc lại - công trình đã được mở lại và tiếp tục một cách mạnh mẽ và có hiệu lực. Napôlêông đã xây dựng bốn nghìn tám trăm bốn mét; những con số này khá kỳ lạ; Luy XVIII xây năm nghìn bảy trăm chín; Sáclơ X, mười nghìn tám trăm ba mươi sáu; Luy Philíp, tám mươi chín ngàn hai mươi; chế độ cộng hoà 1848, hai mươi ba nghìn ba trăm tám mươi mốt; chế độ hiện nay, bảy mươi nghìn năm trăm; tổng cộng hiện nay là hai trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm mười mét, hoặc là sáu mươi dặm cống ngầm: một bộ đại tiểu trường vĩ đại của thành phố Pari! Ngành nhánh âm u luôn luôn nứt mọc; công trình xây dựng bao la mà không được biết đến.

Như người ta thấy, cái mê hồn trận ngầm đó ngày nay rộng lớn gấp mười hồi đầu thế kỷ. Khó mà hình dung cho được sự kiên tâm và tận lực cần thiết để đưa vũng bùn nhơ ấy đến mức tương đối hoàn chỉnh ngày nay. Phải khó nhọc lắm, cái chính quyền thành phố thời quân chủ và, trong quãng mười năm cuối thế kỷ XVIII cái chính quyền cách mạng mới xoi thông được đoạn cống năm dặm đã có sẵn trước năm 1806. Công cuộc đó gặp đủ thứ trở ngại, có những trở ngại do chất đất, có những trở ngại gắn liền với chính những thành kiến của dân lao động Pari. Thành phố xây trên một nền khó cuốc xới, xăm dò, khó đào bới một cách lạ lùng. Không gì khó chọc thủng và chui sâu bằng cái cơ cấu địa chất đó, lại có cái

cấu tạo lịch sử kỳ diệu là Pari chồng lên trên. Khi dưới hình thái này hay hình thái khác, việc làm của con người khuấy động và lần mò vào bãi phù xa ấy, thì vô khối trở ngại trong lòng đất tức khắc nổi lên. Đó là những vạt đất sét lỏng, những suối nước chảy, những mô đá cứng rồi những đám bùn lầy sâu thẳm mà ngành chuyên khoa gọi là bột mu-tác. Lưỡi cuốc chim cần cù khoét vào những lớp đá vôi xen lẫn với những đất sét mỏng và những lớp phiến nham gồm từng lá mỏng khảm những vỏ sò của các đại dương thời tiền Adam. Có khi một suối nước chọc thủng vòm cuốn đang xây và tưới ngập các người thợ: hoặc là một dòng đất vôi được khui ra, đổ xuống hùng hổ như một thác nước và làm gãy vỡ những đòn chống to nhất dễ như thuỷ tinh. Vừa mới đây, ở khu Viteto, khi cần phải xoi cống cái, xuyên qua dưới đáy sông đào mà không hút cạn sông, không gián đoạn sự đi lại của tàu thuyền, thì một kẽ nứt đã hiện ra ở lòng sông: nước chảy xối xuống cống trường ngầm, các bơm thoát nước không làm sao hút cho lại. Phải cho một người thợ lặn mò tìm cái kẽ nứt ở ngay cửa bể chứa lớn, và phải khó nhọc lắm mới bít được kẽ hở đó. Ở các nơi khác, gần sông Xen, có khi ở khá xa sông, chẳng hạn như ở Benlơviu, Grăngđơ Ruy và đoạn Luymie, người ta gặp những bãi cát lầy không đáy mà một con người có thể tiêu biến trông thấy. Thêm vào đó cảnh chết ngạt vì xú khí, cảnh chôn vùi vì sụt lở, sụp đổ đột ngột. Lại còn bệnh dịch thấm dần vào máu thịt của công nhân.

Thời ta, sau khi đào hành lang Clisy, có bệ để đặt một ống dẫn nước sông Uốc, công việc này phải làm trong một hầm sâu mười mét; sau những lần sụt lở, phải chống nống và đào bới lắm khi rất hôi thối, xây dựng vòm cuốn sông Bievrơ chạy từ đại lộ Hôpitan đến sông Xen; sau khi xây hệ thống đường cống từ cửa ở Blăngsơ đến đường Ôbecvilie trong bốn tháng

trời không kể ngày đêm ở độ sâu mười một mét với mục đích giải thoát Pari khỏi ách nước lũ chảy từ đồi Môngmáctơrơ xuống và thoát nước cho cái đầm sông chín héc ta tù đọng gần cửa ô Máchia; sau khi làm một việc chưa từng thấy là đào một cái cống trong lòng đất không cần xẻ hầm, cống phố Barơ-đuy-Béc, ở cách mặt đất sáu mét, người chỉ huy là Monnô chết. Còn kỹ sơ Đuylô, đã xây cuốn cho ba nghìn mét cống ở khắp nơi trong thành phố, từ phố Xanh Ăngtoan đến phố Luôcxin; đã xây cống nhánh Acbalét để tránh cho ngã tư Xăngxiê Mufơta khỏi bị tràn ngập nước mưa, đã xây cống ngầm Xanh Giooc bằng móng ngập và bêtông trong cát lỏng; đã điều khiển cái công cuộc ghê gớm là hạ bệ cửa nhánh cống nhà thờ Đức bà Nadarét; sau khi làm những công việc đó, kỹ sư Đuylô chết. Không có tờ thông báo nào đối với những hành động dũng cảm loại đó, những hành động có ích hơn sự tàn sát ngu muội trên các chiến trường.

Năm 1832, hệ thống cống ngầm Pari có đâu được như bây giờ. Bruynơdô đã mở đầu, nhưng phải đợi dịch thổ tả quyết định công cuộc tái kiến thiết rộng lớn về sau. Chẳng hạn người ta sẽ lấy làm lạ khi nghe nói rằng năm 1821, một đoạn cống bọc vành, cũng gọi là Sông đào Lớn, cứ phơi toang hoác giữa trời, ở phố Guốcđơ, cũng như ở Vơnidơ vậy. Đến năm 1813, thành phố Pari mới tìm thấy trong hầu bao số tiền hai trăm sáu mươi sáu nghìn tám mươi Phơräng sáu xu cần thiết để che đậy cái xấu hổ đó. Ba giếng hút ở Công ba, Cunét và Xanh Măngđê với những ống thoát, những máy móc, những giếng chứa, những chi nhánh thoát vế của nó đều mới xây năm 1836. Hệ thống đường ngầm Pari đã được tái tạo và, như chúng tôi đã nói, phát triển lên gấp mười lần từ một phần tư thế kỷ sau.

Ba mươi năm trước đây, lúc xảy ra cuộc khởi nghĩa ngày 5 và 6 tháng Sáu, cống ngầm đó ở nhiều đoạn, vẫn còn như xưa. Một số lớn đường phố ngày nay khum lên, ngày ấy là những nền lõm. Mặt đường và ngã tư thoai thoải. Nhiều khi ở chỗ thấp nhất hiện ra những cửa sắt vuông vức với những song sắt to sáng ngời do bước chân khách qua đường mài mòn, những cửa đó nguy hiểm vì khiến cho xe trượt, ngựa ngã. Ngôn ngữ chính thức ngành cầu đường gọi những điểm thấp và những cửa song sắt đó là những *cát xi* [1], danh từ rất có ý nghĩa: Năm 1832, trong rất nhiều đường phố như phố Êtoalơ, phố Xanh Luy, phố Tăngplơ, phố Tăngplơ cũ, phố Đức bà Nadatrét, phố Phôli Mêricua, bờ Flơ, phố Pơti Muyxcơ, phố Normăngđi, phố Pôngtô Bisơ, phố Mare, ngoại ô Xanh Mactanh, phố Đức bà Chiến thắng, ngoại ô Môngmáctơrơ, phố Grăngiơ, Batơlie, quảng trường Săng Êliđê, phố Giacôp, phố Tuốcnông, cái vũng bùn trung cổ vẫn trâng tráo há hốc mồm. Đó là những khoảng trống giữa đá, đôi khi có trụ đá vây bọc, phơi bày ngạo nghễ như một công trình kiến thiết lớn lao.

Pari năm 1806 hầu như vẫn có con số cống ngầm tra xét hồi tháng Năm năm 1663 chứ không hơn, nghĩa là mười nghìn bốn trăm mét. Sau Bruynơđô, ngày 1 tháng Giêng năm 1802 cống ngầm dài bốn mươi nghìn ba trăm mét. Từ 1806 đến 1831 người ta xây dựng mỗi năm trung bình bảy trăm năm mươi mét; từ đó trở đi, mỗi năm người ta làm tám nghìn, hay hơn thế, mười nghìn mét cống, bằng vôi vữa và vật liệu nhỏ trên móng bêtông. Cứ mỗi mét xây mất hai trăm phơrăng thì hệ thống cống sáu mươi dặm của Pari ngày nay giá bốn

(1) *Cassis* tiếng nghề nghiệp, chỉ cái rãnh thoát nước ở trên đường phố. Danh từ đó có nghĩa là vì gần đồng âm với casser (catxê) nghĩa là làm vỡ, gãy.

mươi tám triệu.

Ngoài vấn đề kinh tế mà chúng tôi đã nêu ra lúc đầu, nhiều vấn đề quan trọng thuộc về sự nghiệp vệ sinh nhân dân gắn liền với vấn đề rất lớn, đó là cống ngầm Pari.

Pari nằm giữa hai tầng lớp, một tầng lớp nước và một tầng lớp không khí. Tầng lớp nước nằm ở độ khá sâu, nhưng đã được khoan dò hai lần: nước đó xuất phát từ lớp sa thạch xanh nằm giữa tầng phấn vôi và tầng đá vôi thời Giuyra. Lớp sa thạch này có thể hình dung bằng một cái đĩa đường bán kính hai mươi lăm dặn; vô số sông, suối rỉ vào đó; uống một cốc nước giếng Giơnen là uống sông Xen sông Mácnơ, sông Yon, sông Oadơ, sông En, sông Se, sông Viên và sông Loa lẫn lộn. Tầng lớp nước trong lành vì nó từ trời mà xuống trước, từ đất ra sau. Tầng lớp không khí ô uế vì từ cống rãnh xông lên. Tất cả xú khí của vũng lầy cống ngầm hoà vào hơi thở của thành phố, do đó mà có cái hơi thối mà chúng ta thấy. Người ta xét nghiệm thấy không khí lấy ở trên một đống phân trong lành hơn lấy ở trên thành phố Pari. Đến một lúc nào đó, nhờ tiến bộ, có máy móc hoàn bị và con người thông hiểu thấy sáng vấn đề, người ta sẽ dùng tầng lớp nước để gạn lọc không khí. Nghĩa là để súc rửa cống ngầm. Bạn đọc hẳn biết rằng khi tôi nói súc rửa cống là nói việc mang phân bùn trả lại cho đất cát, phân bón gửi đến cho đồng ruộng. Việc làm đơn giản đó sẽ làm tăng sức khoẻ và giảm đói nghèo cho cộng đồng xã hội. Thời đại chúng ta, bệnh hoạn của Pari toả ra trên đường bán kính năm mươi dặm quanh điện Lơ Luyrơ, coi như trục của bánh xe ôn dịch đó.

Có thể nói từ mười thế kỷ nay, bùn cống là cái bệnh của Pari. Cống ngầm là độc tố trong máu của thành phố. Bản

năng nhân dân không lầm. Nghề thợ cống ngày xưa nguy hiểm và kinh tởm không kém nghề giết bò từ lâu bị coi tởm và bỏ mặc cho bọn đao phủ làm. Phải trả công rất hậu mới khiến cho một anh thợ nề chịu chui vào cái hầm thối tha đó; cái thang của bác thợ giếng ngập ngừng không muốn lao xuống nơi đó; người ta có ngạn ngữ; *xuống cống ngầm là tầm hầm mộ*. Và số truyền thuyết, như chúng tôi đã nói bủa vây cái chậu khổng lồ đó bằng một bầu không khí kinh sợ. Một hố rác ghê sợ mang dấu vết những cuộc chấn động của quả đất và những cuộc cách mạng của loài người, trong đó còn thấy di tích tất cả những tai biến lớn, từ cái vỏ sò thời hồng thuỷ đến tấm tã của Mara.

QUYỂN III

BÙN ĐẤY NHƯNG LẠI LÀ TÂM HỒN

I

NHỮNG ĐIỀU BẤT NGỜ DƯỚI CỐNG

Giăng Vangiăng đang ở dưới cống ngầm Pari.

Xuống đấy, càng thấy Pari giống như một biển cả. Hụp lặn trong đó cũng như trong biển, có thể biến mất như chơi.

Kể cái việc di chuyển ấy cũng kỳ lạ. Giăng Vangiăng vừa ở giữa thành phố vừa là đã ra ngoài thành phố. Chỉ một nháy mắt, vừa đủ để mở cái vung lên rồi đậy ngay lại, Giăng Vangiăng đã từ một nơi đầy ánh sáng bước vào một nơi tối đen như mực, từ giữa trưa bước vào nửa đêm, từ náo động bước vào tĩnh mịch, từ nơi sấm sét dồn dập bước vào cảnh tĩnh tại trong mồ. Cuộc biến đổi còn kỳ diệu gấp mấy cuộc biến đổi trên phố Pôlôngxơ, Giăng Vangiăng bước từ một nơi vô cùng nguy hiểm đến một nơi tuyệt đối an toàn.

Rơi tõm một cái vào một cái hầm: bỗng chốc mất hút dưới lãnh cung thành Pari, rời một đường phố đầy rẫy chết chóc xuống một hầm mộ có sự sống. Phút ấy thật kỳ lạ. Giăng Văngiăng choáng váng mấy giây đồng hồ, người như mất hồn. Cái bẫy cứu người vừa mới mở dưới chân ông. Lòng trời dường

như lừa gạt giui ông vào đấy. Cạm bẫy của Chúa mới phúc đức làm sao!

Tuy nhiên người bị thương vẫn im lìm, không động đậy. Giăng Vangiăng không biết là mình vác trên vai một xác chết hay một người còn sống.

Thoạt tiên ông thấy như mù cả hai mắt. Bống dưng chẳng trông thấy gì. Trong khoảnh khắc, ông lại cảm thấy như điếc cả hai tai nữa, không nghe thấy gì hết. Cuộc chém giết như một cơn bão táp điên cuồng đang diễn ra ở trên đầu ông, cách mấy thước, chỉ còn là tiếng động đùng đục mơ hồ, vì cách một lớp đất dày, giống như tiếng rầm rì ở một nơi sâu thẳm. Ông cảm thấy dưới chân, có cái gì rắn chắc, chỉ thế thôi; nhưng như thế cũng đủ. Ông quờ một tay lên, rồi quờ tay kia; hai tay chạm phải vách tường ở hai bên, nhờ thế ông biết rằng con đường hầm này hẹp. Ông thấy đường trơn, biết là đá lát ướt sũng nước. Ông thận trọng đưa chân sờ soạng, sợ có hố, có giếng chứa bẩn hay vực thẳm. Ông nhận thấy đá lát còn kéo dài. Một mùi hôi thối bốc lên, ông đoán biết ông ở đâu.

Chỉ một lát sau, ông thấy mắt không mù nữa. Có một chút ánh sáng chiếu qua cửa hầm ông vừa tụt xuống, và ông cũng đã quen với bóng tối trong hầm. Ông nom lờ mờ được rồi. Ở cái hành lang mà ông vùi mình - phải nói như vậy mới đúng cảnh - phía đằng sau ông, có một bức tường bưng kín; chỗ ông đứng nấp là một cái ngách cụt mà ngôn ngữ chuyên môn gọi là chi nhánh. Đằng trước cũng là một thứ tường khác: đó là đêm dày thăm thẳm. Ánh sáng đục mờ lọt vào chỉ soi được mươi, mươi hai bước trước mặt Giăng Vangiăng và yếu ớt chiếu vào thành tường ẩm ướt trong vòng mấy mét. Quá khoảng ấy thì bóng tối dày đặc, dấn mình vào đấy thì thật

khủng khiếp tưởng như rơi vào vực thẳm. Tuy thế vẫn có thể xông vào bức tường mù mịt ấy, cần phải xông vào đấy; hơn thế phải mau mau xông vào nữa kia. Giăng Vangiăng nghĩ rằng bọn lính có thể trông thấy, như ông, tấm vỉ sắt dưới đống gạch lúc nãy, họ cũng có thể xuống cống, và sục sạo, sự ngẫu nhiên ấy quyết định tất cả. Không được chậm một phút. Lúc nãy ông đã đặt Mariuytx xuống đất, bây giờ ông nhặt lên, tiếng này cũng dùng đúng - vác trên vai mà lần đi. Ông cương quyết bước vào đêm tối.

Giăng Vangiăng tưởng hai người đã thoát nạn, nhưng sự thật thì chưa thoát được. Những nguy hiểm kiểu khác, nhưng không kém nghiêm trọng có lẽ đang chờ đợi họ. Sau cuộc chiến đấu dữ dội như sấm sét, là một cái hang đầy uế khí, đầy cạm bẫy. Qua một nơi chiến trường hỗn độn lại đến một cống nhớp nhúa. Giăng Vangiăng rơi từ vòng địa ngục này vào vòng địa ngục khác.

Đi được năm mươi bước thì phải dừng lại. Phải giải quyết một vấn đề. Con đường hầm gặp một hầm khác xuyên ngang. Giăng Vangiăng đứng trước hai con đường. Biết đi đường nào! Rẽ tay trái hay tay phải? Biết phương hướng nào mà mò đi trong cái khoảng tối tăm rắc rối này? Nhưng như ta đã nói, những con đường chằng chịt ấy vẫn có một lối ra tức là lối xuôi theo chiều dốc; cứ xuôi theo chiều dốc mà đi tất ra phía bờ sông.

Giăng Vangiăng hiểu ngay tức khắc.

Ông tự bảo chắc là đang ở dưới cống khu chợ, nếu rẽ sang tay trái, rồi theo con đường dốc, chắc chưa đầy mười lăm phút là sẽ ra đến miệng cống ở bờ sông Xen, quãng giữa cầu Pôngtôsăng và cầu Pôngnớp, tức là ra một nơi đông đúc nhất Pari, giữa ban ngày ban mặt. Có khi lại đâm ra một ngã tư

nào. Người qua đường sẽ kinh khủng thấy hai người máu me bê bết chui từ dưới chân họ lên. Cảnh binh đến, đồn lính bên cạnh động binh. Như thế thì chưa kịp chui ra đã bị bắt rồi. Thà rằng cứ dấn vào cái mê đồ trận chằng chịt này, cứ phó thân cho cái cảnh đem ngòm này, rồi thượng đế dẫn dắt đến đâu thì đến.

Ông rẽ tay phải, đi ngược chiều dốc.

Khi ông quặt khỏi cống chính chút ánh sáng mờ mờ nơi cửa hầm tắt hẳn, bức màn đêm lại buông xuống trước mặt; ông lại như mù mắt. Ông cứ đi cố hết sức đi nhanh. Hai cánh tay Mariuytx choàng qua cổ ông, hai chân buông thõng đằng sau. Một tay ông nắm giữ hai tay Mariuytx, tay kia ông sờ soạng dọc tường. Má Mariuytx đẫm máu, dính vào má ông. Ông thấy dòng máu nong nóng của Mariuytx chảy lên người ông và thấm dưới lần áo. Nhưng miệng Mariuytx kề sát tai ông, vẫn có một hơi ấm ươn ướt, dấu hiệu của hơi thở, tức là của sự sống. Cái cống này rộng hơn cống trước. Giăng Vangiăng nặng nề lê bước. Những trận mưa hôm qua chưa tháo hết nước; một dòng nước vẫn chảy giữa móng lòng cống ngầm. Ông phải ép người vào sát vách mà đi, để khỏi đẫm nước. Cứ thế ông mò mẫm đi, giống như con vật ăn đêm lần mò trong khoảng mờ mịt và lạc lối trên những con đường của bóng tối ở trong lòng đất.

Nhưng dần dần, hoặc là nhờ có những cửa hầm xa tít le lói một thứ ánh sáng chập chờn trong khoảng sương mù đùng đục, hoặc là nhờ hai mắt đã quen bóng tối, ông trông đã hơi rõ. Ông phảng phất đoán thấy đây là bức tường ông chạm phải, kia là cái vòm hầm ông chui qua. Con người trong đôi mắt nở căng ra trong đêm tối, và cuối cùng thấy được ánh sáng, cũng như tâm hồn người ta mở căng ra trong cảnh khốn cùng, và rồi thấy được thượng đế.

Định hướng mà tiến không phải là dễ.

Có thể nói đường lối ở cống ngầm phản ánh đường phố bên trên. Thủa ấy, Pari có hai nghìn hai trăm phố. Thử tưởng tượng ở dưới này, cái mà người ta gọi là cống ngầm đó như một rừng rậm rạp những cành nhánh ngang dọc đen ngòm. Cái hệ thống cống ngầm dạo ấy, cứ đem đặt nối nhau, phải dài đến mười một dặm.

Chúng tôi đã nói ở trên là nhờ sự nỗ lực đặc biệt ba mươi năm gần đây, hệ thống cống ngầm ngày nay dài không kém sáu mươi dặm.

Thoạt đầu, Giăng Vangiăng nhầm lẫn. Ông tưởng đang ở dưới phố Xanh Đơni, nhưng đáng tiếc là không phải. Ở dưới phố Xanh Đơni, có một cái cống cũ bằng đá, xây từ thời Luy XIII, cống ấy đưa thẳng đến cống cái, mà người ta gọi là Cống lớn, chỉ qua một khuỷu và một chi nhánh thôi; khuỷu nằm bên phải, ngang tầm quảng trường Miraclơ, còn chi nhánh là cống Xanh Máctanh, cắt nhau thành hình chữ thập. Còn cống Pơtit Tơruyăngđri mà cửa nằm cạnh quán Côranh thì chẳng có lúc nào mở thông với cống Xanh Đơni; nó đưa đến cống Môngmac, nơi mà Giăng Vangiăng đã đi vào. Vào đây thì có nhiều cơ thất lạc lắm, vì cống Môngmac là một trong những cống rối rắm nhất. Cũng may Giăng Vangiăng đã đi qua cống khu chợ mà bố cục giống như một rừng cột buồm với dây, đòn xoắn nhau; nhưng ông vẫn gặp những lúng túng khó nghĩ và nhiều góc phố - đúng là những đường phố - hiện ra trong tăm tối như những chấm hỏi: thứ nhất là ở bên trái cái cống rộng Platơrie, như một trò chơi rối óc, chăng mớ hầm chữ đinh chữ chi hỗn độn của nó ở dưới lâu đài Bưu điện và dưới cái vựa chứa tròn ở chợ Gạo, và đến sống Xen thì chấm dứt theo hình chữ Y; thứ hai, ở bên phải, cái hành lang cong phố Cađrăng với ba ngõ cụt, như ba chiếc răng; thứ ba ở bên trái

nhánh phố Mai, thoại vào đã rẽ ra thành một chìa hai và cứ quanh co nhiều bận để dẫn đến cái hầm thoát lớn của điện Luyrơ, hầm này ngăn thành từng đoạn và đâm nhánh khắp các hướng; cuối cùng, ở bên, cái cống cụt phố Giơnơ; đó là không tính những ngách nhỏ đó đây trước khi đi đến cống bọc vành. Chỉ có cống này có thể đưa ông đến một lối thoát xa chiến trường, do đó an toàn.

Giá Giăng Văngiăng hiểu biết ít nhiều về những điều nói trên đây, tất ông đã nhanh chóng nhận thấy mình không phải ở dưới cống ngăn phố Xanh Đơni, dù chỉ sờ vách không cũng đủ biết vậy. Vì cống Xanh Đơni xây bằng thứ đã đẽo ngày xưa, với lối kiến trúc cũ kiêu kỳ và vương giả đến cả trong cống, với móng và nền bằng đá hoá cương và vôi béo, kiểu kiến trúc này tốn bốn trăm đồng một métl ông không sờ phải những thứ đó, dưới tay ông chỉ có lối kiến thiết rẻ tiền ngày nay với nguyên liệu thông dung, vôi chịu nước và đá cối trên một lớp bêtông, lối kiến thiết này chỉ tốn hai trăm mỗi mét; đó là lối xây cất tư sản với *vật liệu nhỏ*. Nhưng ông chẳng biết gì về những điều đó.

Tuy ông lo ngại nhưng ông cứ bình tĩnh đi lên; ông không trông thấy gì, không hiểu gì, ông dấn thân vào nơi may rủi, tức là chìm lỉm trong thiên mệnh vậy.

Phải nói rằng mỗi lúc ông thấy rùng rợn thêm. Bóng tối bên ngoài nhập dần vào tâm hồn ông. Ông bước đi trong bí hiểm. Cái cống nước nhớp nhúa này thật đáng sợ; nó chằng chịt đến chóng váng. Lạc giữa thành phố Pari đen ngòm này thật là bi đát. Giăng Văngiăng phải tìm lấy lối, hầu như phải tự tạo ra đường lối để mò mẫn đi. Trong khoảng lạ lùng này, mỗi bước đi có thể là bước cuối cùng trên đời. Làm thế nào mà thoát ra được? Ông có tìm được lối ra không? Mà có tìm

ra kịp thời không? Cái tấm rong khổng lồ đá này có đi vào, có xuyên qua được không? Hay phải gặp một gút mắc tối mò nào? Hoặc phải đến chỗ cùng kế, không gỡ ra, không vượt khỏi? Mariuytx có vì ra máu nhiều mà chết ở đây không? Ông có chết đói không? Cả hai người có bỏ xác nơi này mà thành hai bộ xương chồng chơ một xó trong cái khoảng đêm dày này không? Biết làm sao được! Ông tự hỏi như vậy mà không thể trả lời. Gan ruột Pari là một vực thẳm. Ông đang ở giữa bụng một con quái vật, như nhà tiên tri kia.

Bỗng, ông hết sức ngạc nhiên. Ông đang cứ thẳng đường mà tiến mãi thì bất ngờ, ông thấy đường không dốc lên nữa. Nước ở dưới lòng cống không phải chảy ngược đầu ngón chân mà lại thúc đằng sau gót. Cống cứ dốc dần xuống! Tại sao vậy? Sắp sửa ra đến sông Xen rồi hay sao? Ra thì nguy hiểm, mà quay trở lại càng nguy hiểm hơn. Ông cứ tiến lên.

Đi như vậy không phải ra sông Xen. Đất Pari ở hữu ngạn sông Xen làm thành một thứ lưng lừa mà một bên đổ xuôi về sông Xen, còn bên kia đổ về Cống lớn. Cái đỉnh của lưng lừa đó, cũng là đường phân lưu, uốn lượn hết sức bất ngờ. Chỗ cao nhất chia các dòng nước thành hai triền nằm ở cống Xanhtơ Avoa, quá phố Hầu tước Misen, ở cống Lơluyrơ, gần các đại lộ và ở cống Mông mac gần khu chợ. Đỉnh cao đó là nơi Giăng Vangiăng đã đến. Ông đang đi về phía Cống lớn bao quanh Pari. Ông đi đúng đường rồi. Nhưng ông không hề biết.

Mỗi khi gặp một cống nhánh, ông sờ soạng các góc xem cống ấy to hay nhỏ; nếu nhỏ hơn cái cống ông đang đi thì ông không vào, cứ đi thẳng; bởi vì cống nhỏ tất là cống cụt, càng đi vào càng xa đích, tức là càng xa lối thoát. Cách ấy đã giúp ông thoát khỏi bốn cái mê đồ trận chăng bẫy trong bóng tối.

Có lúc ông nhận thấy rằng ông ra khỏi vùng Pari tê liệt trong cuộc bạo động, ở đây các luỹ chướng ngại vật chặn đứng mọi sự giao thông, và ông đã bước đến dưới vùng thành phố Pari bình thường, sống động, bất chợt ông như nghe thấy tiếng sấm ở trên kia, xa xôi nhưng không ngớt. Tiếng ấy là tiếng xe cộ đi lại.

Theo ông tính trong bụng thì ông đi được nửa giờ rồi, nhưng ông không nghĩ đến nghỉ ngơi; ông chỉ đổi tay đỡ Mariuytx. Tối om om, nhưng bóng tối khiến ông yên lòng.

Bất thình lình, ông thấy bóng ông ngả trước mặt. Bóng in trên một vùng ánh sáng đỏ lờ mờ nhuộm thắm cả lòng cống dưới chân ông và vòm cống trên đầu ông, và lướt ở hai bên trên mặt tường ươn ướt. Ông sửng sốt quay đầu lại.

Phía sau, trong cái hành lang ông vừa vượt qua, hình như mãi đằng xa tắp, cái gì như một ngôi sao đỏ rực ghê rợn chọc thủng đêm dày, đang nhìn ông.

Đó là ngôi sao ảm đạm của cảnh sát vừa mọc lên dưới cống ngầm.

Đằng sau ngôi sao, chín mười cái bóng lờ mờ lay động, những cái bóng đen, cứng nhắc, mập mờ, ghê gớm.

II

GIẢI THÍCH

Ngày 6 tháng Sáu, có lệnh lùng quét cống ngầm Pari. Người ta sợ những người bại trận trốn vào cống ngầm. Thế là quận trưởng cảnh sát Gitskê phải lục soát thành phố Pari bí mật, còn tướng Bugiô thì càn quét thành phố Pari công khai. Đó là hai chiến dịch phối hợp, cần có hai chiến lược bện

trên là của quân đội, bên dưới là của cảnh binh. Ba toán gồm cảnh binh và thợ cống chia nhau thám sát hệ thống đường ngầm dưới Pari, toán thứ nhất ở cống hữu ngạn, toán thứ hai, cống tả ngạn, toán thứ ba, cống đảo Xitê.

Cảnh binh vũ trang bằng cácbin, chuỳ, gươm, dao găm.

Ngọn đèn đang chiếu thẳng về Giăng Vangiăng là đèn của toán tuần hành hữu ngạn.

Bọn họ vừa khám cái cống vòng và ba cống cụt ở dưới phố Cađrăng. Lúc họ đang soi đèn lồng trong đáy các cống cụt thì Giăng Vangiăng gặp một miệng cống, thấy nhỏ hơn cống chính nên không vào. Ông bỏ qua. Bọn cảnh binh vừa ra khỏi cống Cađrăng thì như nghe thấy tiếng chân ai bước ở phía cống cái. Viên trung sĩ đội trưởng giơ đèn lên, cả tiểu đội nhìn dồn vào đám sương mờ, phía có tiếng động.

Cái phút ấy đối với Giăng Vangiăng thật là khó tả.

Cũng may, Giăng Vangiăng trông rõ đèn, mà đèn thì không trông rõ ông. Đèn tỏa ánh sáng còn ông chỉ là một cái bóng đen. Ông ở cách rất xa lại lẫn trong bóng tối om om. Ông nép vào bức vách, dừng lại.

Ông cũng chẳng biết cái gì đang động đậy ở đấy, ở đằng sau ông. Mất ngủ, nhịn đói từ lâu, lại thêm xúc động, nên ông cũng trở thành như người chiêm bao. Ông trông thấy một đống lửa cháy, và chung quanh đống lửa, những cái gì như những con bọ ngọ ngoạy.

Cái gì thế? Ông không biết.

Giăng Vangiăng đứng lại, nên tiếng động cũng bặt.

Bọn tuần tra lắng tai nghe nhưng chẳng nghe thấy gì, họ cố nhìn nhưng chẳng trông thấy gì. Họ hỏi ý kiến nhau.

Thủa ấy cống ngầm Môngmac có như một ngã tư ở nơi này, gọi là *ngã tư phụ* về sau người ta phá huỷ nó đi vì hễ

có mưa giông thì nước mưa tuôn vào làm thành một hồ ngầm nhỏ. Đội tuần tra túm tụm ở chỗ đó.

Giăng Vangiăng thấy những bóng bọ ấy quây lại thành một vòng tròn. Những cái đầu chó săn ấy chụm lại và thầm thì.

Bọn chó săn bàn xong, kết luận rằng chúng đã nghe lầm, chẳng có tiếng động nào cả, chẳng có ai hết; không cần chui vào cống cái mất thì giờ vô ích. Phải mau mau đi về phía Xanh Meri; có việc gì đáng làm, hoặc có bọn "cách mạng" nào để phát hiện thì cũng chỉ ở phía ấy mà thôi.

Lâu lâu các đảng phái lại thay tiếng cho những lời thoá mạ của họ. Năm 1832, tiếng "bọn cách mạng" là tiếng dùng quá độ giữa các danh từ "tụi cộng hoà" đã mòn và "lũ mị dân" hồi đó hầu như chưa dùng, về sau rất đắc dụng.

Viên đội trưởng hạ lệnh rẽ tay trái theo cái triền đổ về phía sông Xen. Nếu bọn chúng có ý định chia làm hai tốp, đi theo hai hướng, tất Giăng Vangiăng bị bắt. Thật là hú vía! Có lẽ sở cảnh sát đã chỉ thị cấm đội tuần tra không được phân tán, sợ xảy ra một cuộc chiến đấu mà phía người lao động quá đông. Đội tuần tra bỏ đi, để Giăng Vangiăng ở lại đằng sau. Giăng Vangiăng chẳng nhìn thấy gì hết, chỉ thấy bỗng nhiên ngọn đèn quay đi rồi biến mất.

Trước khi quay đi viên đội trưởng còn bắn một phát súng về hướng họ không đi, cho lương tâm cảnh sát của y khỏi day dứt. Tiếng nổ dội từ cống này sang cống khác, tưởng như tiếng sôi bụng trong khúc ruột khổng lồ. Một mảnh vôi rơi xuống rãnh nước kêu lõm bõm cách Giăng Vangiăng vài bước, báo cho ông biết viên đạn bắn trúng vòm cống trên đầu.

Những bước đi từ từ, thận trọng bì bõm trong rãnh nước còn vang lại một lát, rồi càng xa càng lắng dần. Những bóng đen ấy đi vào bóng tối, ánh sáng chiếc đèn làm thành một vòng tròn chập chờn trên vòm cống càng mờ nhạt dần rồi mất hẳn; bây giờ trở lại im lặng hoàn toàn, tối đen như mực; trong bóng tối lại chỉ là mù với điếc. Giăng Vangiăng chưa dám động đậy, cứ nép vào tường rất lâu, tai nghe ngóng, mắt căng ra nhìn theo những bóng ma tuần hành tan dần trong bóng tối.

III

NGƯỜI BỊ THEO DÕI

Nói cho đúng, thời ấy đội cảnh binh, ngay trong những hoàn cảnh nghiêm trọng nhất, bao giờ cũng nghiêm chỉnh làm đầy đủ nhiệm vụ kiểm soát giữ gìn đường sá, theo dõi gian phi, không hề nao núng. Một cuộc bạo động không phải là một cớ để người cảnh binh có thể thả lỏng cho bọn gian phi muốn làm gì thì làm, và để bỏ mặc xã hội muốn ra sao thì ra vì lý do là chính phủ đang lâm nguy. Công việc bình thường tiến hành song song với công việc đột biến, không hề sai lạc hay lúng túng. Giữa một biến động chính trị lớn lao vừa chớm nở, với sự đe doạ của một cuộc cách mạng, một viên cảnh binh vẫn "theo hút" một tên kẻ cắp, không hề bị cuộc cách mạng và chiến luỹ ngăn trở.

Ấy, việc đó đã xảy ra chiều ngày 6 tháng Sáu trên bờ sông Xen, phía bãi bên phải, quá cầu Anhvalit một chút.

Bây giờ thì ở đó không còn bãi nữa. Cảnh tượng này đã thay đổi.

Trên bờ sông có hai người ở cạnh nhau một quãng, hình như đang rình nhau, người nọ muốn lẩn tránh người kia. Người đi trước cố tách đi cho xa, người đi sau lại gắng sức tiến đến sát gần.

Thật giống như một ván cờ chơi im lặng, đứng xa nhau mà tính nước. Không ai có vẻ vội vàng; cả hai người cùng đi chậm rãi, hình như mỗi người đều sợ mình đi nhanh sẽ làm cho đối thủ càng đi nhanh hơn.

Trông cảnh tượng ấy, người ta tưởng như nhìn một con thú đói đang đuổi mồi mà làm như không đuổi gì cả. Con mồi thì lại xảo trá, lúc nào cũng đề phòng.

Họ giữ khoảng cách giữa con chó săn và con chồn bị đuổi. Kẻ cố thoát bé người, dáng yếu; kẻ cố bắt cao lớn, dáng khoẻ bạo, đụng chạm với nó chắc cũng mệt lắm.

Kẻ bị săn, biết mình yếu hơn, cố tránh kẻ đi săn; hắn tránh mà lòng đầy căm giận. Có ai chú ý nhìn hắn, sẽ thấy trong mắt hắn hằn lên mối hận thù phải đi trốn và vẻ hăm dọa mặc dù sợ sệt.

Lúc ấy bờ sông vắng tanh; không một bóng người qua lại, ngay trên các xà lan đậu đó đây, cũng không có bóng thuỷ thủ hay phu bốc hàng.

Chỉ đứng trên bến tàu trước mặt mới nhìn được rõ hai người ấy. Đứng như thế mà nhìn, sẽ thấy người đi trước có vẻ bơ phờ, rách rưới và gian giảo: và người đi sau là một viên chức nhà nước chính cống, mặc một cái áo dài viên chức cài khuy đến tận cổ.

Nếu các bạn nhìn gần họ, có lẽ cũng nhận được là ai.

Người đi sau muốn nói gì?

Hắn là muốn cho anh chàng kia được mặc ấm hơn.

Khi một người bận quần áo nhà nước mà đuổi theo một người ăn mặc rách rưới, tất cả là cũng muốn cho anh ta mặc bộ quần áo nhà nước. Nhưng cái quan trọng là bận quần áo màu nào. Bận đồ xanh thì vinh dự biết mấy, nhưng bận đồ đỏ [1] thì đến bực mình.

Có thứ màu đỏ của hạ tầng.

Chắc hẳn anh chàng kia đang muốn tránh thứ màu đỏ ấy và một việc bực mình gì đây.

Người đi sau cứ để cho anh ta cứ việc đi trước, chưa bắt vội, chắc là còn mong tóm anh ta ở một nơi hẹn hò nào đầy ý nghĩa, hay tóm được ngon ơ cả một bọn. Cái công việc tế nhị ấy gọi là "theo dõi".

Điều ước đoán trên rất có thể đúng vì người mặc áo cài khuy thấy trên bến có một cái xe ngựa đi không, liền ra hiệu cho bác đánh xe. Bác này hiểu ngay; tất nhiên, bác biết người gọi xe kia là ai, nên bác quay xe lại và cho ngựa đi bước một trên bến, theo hai người. Việc này, người ăn mặc rách rưới, có vẻ ám muội kia không hề biết.

Cái xe đi dọc theo hàng cây đường Săng Êlidê. Nửa người bác đánh xe nhô lên trên bao lơn bờ sông, tay cầm cái roi.

Một chỉ thị mật của sở cảnh sát gửi cho nhân viên, có ghi khoản này: "Bao giờ cũng phải dự bị sẵn một cái xe phòng khi cần đến".

Hai người, mỗi người dùng một chiến lược riêng rất tài tình, để tiến đến gần cái dốc xây đá chạy thoai thoải từ trên bến xuống bờ sông; cái dốc này vẫn dùng cho các bác đánh xe từ Pátxi tới dắt ngựa xuống sông uống nước, sau này bị phá đi cho cân đối; ngay nay ngựa chết vì khát nhưng phong

(1) *Đồ đỏ*: quần áo tù.

cảnh trông vừa mắt hơn.

Hình như người mặc áo bờ lu sắp sửa trèo lên dốc để chạy trốn vào quảng trường Săng Êlidê; nơi này nhiều cây thật, nhưng cũng rất sẵn cảnh binh, người đuổi theo sẽ được trợ lực dễ dàng. Nơi này ở bờ sông gần bên ngôi nhà mà đại tá Brắc đem từ More về Pari năm 1824, gọi là nhà vua Francois đệ nhất. Một bốt gác nằm cạnh đó.

Người bị đuổi không trèo lên dốc, người kia hết sức sửng sốt; hắn ta cứ dọc theo bến mà đi dưới bờ sông. Tình trạng hắn ta nguy ngập trông thấy.

Nếu không nhảy xuống sông Xen, hắn còn có cách nào khác?

Không còn cách lên bến được; lan can không, bậc cũng không, chỉ còn một thôi nữa là đến sông Xen ngoặt rẽ về phía cầu Lêna, tức là nơi bãi sông càng thu hẹp lại, rồi chỉ còn là một dải đất mong manh, rồi lẩn xuống mặt nước. Đến đó, hắn ta sẽ bị bao vây giữa một bức tường dựng đứng ở bên phải, trước mặt và bên trái là con sông, đại diện nhà nước ở ngay sau gót.

Thật ra còn lù lù một đống vôi gạch vụn che khuất nơi cuối bãi, cao độ hơn vài mét, không biết từ sự phá hoại nào mà ra. Có lẽ hắn ta mong còn cách ẩn sau đống gạch vụn còn con ấy chăng? Cái kế cùng ấy khờ khạo quá. Tất hắn không nghĩ thế. Bọn kẻ cắp đời nào lại ngây thơ đến nước ấy.

Đống gạch làm thành một cái ụ thoai thoải xuôi xuống đến bức tường như một cái mỏm nhọn.

Người bị đuổi đến nơi ấy liền đi vòng cái mỏm kia thành thử người đuổi không nhìn thấy hắn nữa.

Người đuổi sau không thấy người đằng trước, nên người

đằng trước cũng chẳng thấy được anh ta. Anh ta liền thừa cơ rảo cẳng bước vội lên, không cần giấu giếm gì nữa. Chỉ một chốc là anh đến ụ gạch, vội vòng ụ tiến lên. Anh bỗng dừng lại, sững sờ cả người. Người kia không còn đấy nữa.

Người mặc áo bờlu đã biến đâu mất hút.

Kể từ đống gạch, bãi chỉ còn chưa đầy ba mươi bước thì chìm dưới làn nước, sóng đập thẳng vào chân bờ tường.

Hắn không thể nhảy xuống sông Xen hay leo lên dốc mà anh chàng đuổi sau lại không trông thấy! hắn đi đằng nào?

Người mặc áo dài cài khuy đi đến tận cuối bãi, và đứng đờ ra suy nghĩ, tay nắm chặt run run, mắt xoi mói nhìn khắp chỗ. Bỗng anh ta vỗ trán. Anh vừa thấy ở nơi tiếp giáp mỏm đất với mặt nước, một cái cửa song sắt khá rộng và thấp, hình bán nguyệt, có một cái khoá dày dặn và ba cái bản lề to tướng. Cái cửa ấy là một thứ cửa đục ở dưới bục con đường dọc sông, mở thông ra sông và thông ra bãi. Một dòng nước ngầm đen chảy phía dưới cửa đổ vào sông Xen.

Phía bên kia những chấn song sắt nặng nề đã rỉ, là một con đường hầm vòm cuốn, tối om om.

Anh ta khoanh tay và nhìn tấm cửa, có vẻ trách móc.

Nhìn không đủ, anh lấy tay đẩy thử, anh lay lay. Cửa rất vững. Hẳn là có người vừa mở cửa; kể cũng lạ, cửa rỉ thế mà không nghe thấy một tiếng động. Nhưng có điều chắc chắn là cửa vừa khóa lại. Rõ ràng là người vừa qua cửa này không dùng một cái móc, mà có một cái chìa khoá.

Anh bừng thấy sự thật hiển nhiên ấy khi anh ra sức đẩy cái cửa sắt. Anh ta thốt một lời kết luận chua chát, bất bình.

- Hừ, gớm thật! Có cả chìa khoá của nhà nước!

Rồi anh ta chợt dịu đi và diễn tả cả một thế giới tư tưởng bằng một hồi những tiếng giống một, nói có vẻ mỉa mai:

- Chà! Chà! Chà! Chà!

Nói xong, không biết anh ta mong đợi cái gì - chắc là đợi người kia trở ra hay đợi có bọn khác chui vào - mà anh đứng rình ở đằng sau ụ gạch, như một con chó săn hung dữ, kiên nhẫn.

Còn cái xe ngựa tiến thoái theo anh ta thì đã đỗ ở trên bến bên cạnh bao lơn. Bác đánh xe đoán là phải đợi lâu, nên dúi mõm ngựa vào túi đựng thóc treo bên dưới xe, thứ túi mà người Pari thường trông thấy, và đôi lúc chính phủ cũng dúi họ vào. Một vài người trên cầu Lêna trước khi đi còn ngoái lại nhìn hai chi tiết cảnh ấy, một người đứng trên bãi sông và cái xe trên bãi.

IV

NGƯỜI ẤY CŨNG VÁC THÁNH GIÁ

Giăng Vangiăng lại đi và không dừng nữa.

Đường đi mỗi lúc càng khó khăn. Cái vòm trên đầu khi cao khi thấp: thường thì cống cao độ một mét tám, xây vừa cho một người đi lọt. Giăng Vangiăng phải cúi xuống để khỏi va Mariuytx vào trần. Mỗi lúc lại phải cúi còng người xuống, rồi ngẩng lên, tay luôn luôn lần bờ tường. Những phiến đá dâm dấp nước và cái rãnh nhầy nhụa không phải là chỗ bấu víu chắc chắn cho tay và chân người. Ông lão đào trong hố phân của thành phố. Đi mãi, mới gặp chút ánh sáng chập chờn chiếu qua các cửa hầm, nhợt nhạt như ánh trăng ngay những lúc mặt trời chiếu tỏ nhất. Còn thì toàn là sương mù, chướng khí, đùng đục, đen ngòm. Giăng Vangiăng vừa đói vừa

khát, nhất là khát; nơi này cũng như ở ngoài biển, tuy vô khối nước, nhưng không uống được. Như ta đã biết, súc ông thật phi thường; tuổi ông đã già, nhưng sức chẳng giảm mấy bởi vì ông sống một cuộc đời thanh khiết, điều độ. Thế mà ông thấy bắt đầu khuỵ. Ông mệt lắm; sức càng yếu, cái khối trên vai càng nặng. Mariuyx có lẽ đã chết rồi, nên đè nặng trĩu xuống như một vật bất động. Giăng Vangiăng nâng anh lên để cho ngực anh khỏi tắc nghẽn, hơi thở được hết sức dễ dàng. Chuột lướt nhanh dưới chân ông; có con hoảng quá cắn ông. Thỉnh thoảng một cơn gió mát thổi qua mảnh kẽm ở các miệng cống làm ông tỉnh táo lại.

Lúc ông đến cái cống bọc quanh có lẽ đã ba giờ chiều.

Lúc đầu ông hết sức ngạc nhiên: đường cống bỗng rộng hẳn ra. Hai tay sờ ra không đến vách, đầu không chạm trần. Cái cống lớn này rộng đến hai thước rưỡi, cao hai thước hai.

Nơi cống Môngmác ăn thông với cống lớn cũng là nơi hai con đường ngầm khác, cống phố Prôvăng và cống Labáttoa gặp cống lớn, họp thành một ngã tư. Giữa bốn con đường ấy, một kẻ kém minh mẫn tất sẽ lưỡng lự. Giăng Vangiăng chọn con đường lớn nhất, tức là cái cống bao quanh. Nhưng câu hỏi trước trở lại: xuống hay lên? Ông nghĩ rằng bây giờ tình thế cấp bách, thế nào thì thế, cũng phải ra sông Xen ngay. Nghĩa là phải đi xuống. Ông rẽ phía trái.

Như thế là phúc cho ông. Bởi vì sẽ lầm to nếu nghĩ rằng cống bọc quanh có hai lối ra, một ra Becxi, một ra Pátxi và nó là địa đạo bọc quanh bên dưới thành phố ở hữu ngạn sông Xen, như tên gọi của nó làm cho người ta tưởng thế. Cống lớn, các bạn nên nhớ lại, chỉ là con suối Mêninmôngtăng cũ; nếu đi ngược nó thì sẽ đi đến một ngõ cụt, nghĩa là đến nơi

xuất phát của nó trước kia, tức là nguồn suối, nằm dưới chân đồi Mêninmôngtăng. Nó không thông thương trực tiếp với các cống nhánh nhận nước của Pari từ khu Pôpanhcua và đổ ra sông Xen qua cống Amolô ở phía trên đảo Luviê. Nhánh đó bổ sung cho cống cái và cách cống cái bởi một ụ đất ở dưới phố Mêninmôngtăng, nơi này chỉ định sự phân lưu xuôi ngược. Ví như Giăng Vangiăng đi ngược hầm, ông sẽ rất chật vật và khi đã rã rời, cơ hồ chết mệt, giữa đêm tối bịt bùng, mới đến được một bức thành. Và thế là phải chịu chết.

Có khá hơn một chút, nếu đi lui lại một ít, đi vào cống Phio duy Canve mà không phân vân ở chỗ bàn chân ngống ngầm dưới ngã tư Busơra, đi vào hầm Xanh Luy rồi sang trái vào đường hầm Xanh Gilơ, rồi lại rẽ phải, tránh đường hầm Xanh Xêbaxchiêng thì sẽ đến cống Amolô. Từ đấy, nếu ông không lạc lối ở những đường hầm hình chữ F dưới khu La Baxtio, thì ông sẽ đến lối ra sông Xen gần xưởng Quân khí. Tuy nhiên muốn đạt kết quả đó, ông phải biết tường tận, đến cả từng chi nhánh, từng ngõ ngách cái khối san hô mênh mông này. Thế nhưng, chúng tôi nói lại, ông chẳng hiểu biết gì về cái hệ thống địa đạo ghê gớm này. Giá người ta hỏi ông đang ở đâu thì ông chỉ có thể trả lời: ở trong đêm tối.

Bản năng đã phù trợ ông. Đi xuống, tức là có cơ sở thoát khỏi nơi này.

Ông bỏ lại đằng sau, ở phía tay phải, hai cái hành lang rẽ ra thành hình móng vuốt dưới phố Laphít và phố Xanh Giôoc, và con đường cống rẽ đôi dưới con đường Ăngtanh.

Đi quá một cái cống nhánh mấy bước, chắc là nhánh của cống Madolen, ông dừng lại. Ông mệt là. Một cái cửa hầm khá rộng, chắc là ra phố Ăngglu, chiếu một vùng ánh sáng

gần như chới lọi. Giăng Vangiăng đặt Mariuytx xuống cái bậc bên rìa cống, cử chỉ nhẹ nhàng như một người anh đỡ đứa em bị thương. Khuôn mặt Mariuytx đẫm máu, ra ngoài ánh sáng trắng ở cửa hầm, chẳng khác gì khuôn mặt người chết dưới mộ. Mắt anh nhắm nghiền, tóc dính chặt vào thái dương như lông bút khô nhăn lại trong thuốc vẽ màu đỏ, hai bàn tay buông thõng, cứng đờ, tứ chi giá buốt, máu đọng lại trên mép đóng cục trong nút ca-vát; áo sơ mi quện chặt vào các vết thương, da áo cọ vào những vết đứt há miệng. Giăng Vangiăng khe khẽ lấy đầu ngón tay vạch áo ra, ấp lòng bàn tay lên người Mariuytx. Tim hãy còn đập. Giăng Vangiăng xé áo sơ mi của mình cố buộc các vết thương lại, nhờ thế máu ngừng chảy. Rồi trong cảnh tranh tối tranh sáng ấy, ông cúi xuống nhìn Mariuytx vẻ vô cùng căm ghét. Mariuytx vẫn bất tỉnh, gần như không thở nữa.

Lúc lục lọi quần áo Mariuytx, ông thấy hai thứ ở trong túi: cái bánh bỏ quên từ hôm qua và cuốn sổ tay. Ông ăn cái bánh và mở sổ tay xem. Trên trang đầu, có bốn dòng chữ Mariuytx. Ta còn nhớ những dòng chữ ấy:

"Tôi là Mariuytx Pôngmétx. Mang xác tôi đến nhà ông tôi là ông Gilơnormăng, số 6, phố Phiơ đuy Canve, khu Mare".

Trong ánh sáng lờ mờ nơi cửa hầm, Giăng Vangiăng đọc mấy dòng chữ; ông trầm ngâm một lát, khe khẽ nhắc lại; "Phố Phiơ đuy Canve, ông Gilơnormăng". Ông lại nhét cuốn sổ vào túi Mariuytx. Ông đã được miếng ăn vào bụng nên thấy khỏe lại. Ông lại cõng Mariuytx, nhẹ nhàng đặt đầu anh lên vai bên phải, rồi lại bắt đầu đi xuống dốc.

Cống lớn, hướng theo đường thung lũng Mêninmôngtăng, dài tới gần hai dặm, phần lớn là có lát đá.

Chúng tôi đã dùng tên các phố Pari như một bó đuốc để soi cho độc giả theo dõi hành trình của Giăng Vangiăng dưới đất nhưng bản thân Giăng Vangiăng thì không hề có bó đuốc ấy. Ông không biết mình qua khu vực nào của thành phố, cũng không biết mình đã đi qua những đường lối nào. Qua các vũng ánh sáng mỗi lúc một nhạt, ông biết rằng mặt trời đang ngả dần xuống và chẳng bao lâu nữa ngày sẽ tàn. Nghe tiếng bánh xe lăn trên đầu từ liên miên chuyển sang thưa thớt, rồi gần như mất hẳn, ông biết là ông đã xa trung tâm thành phố và đang tiến đến một nơi vắng vẻ, gần những đại lộ ngoại thành, hay gần những đoạn bờ cuối thành phố. Càng ít nhà, ít phố, thì cửa hầm cũng càng thưa dần. Bóng tối lại dày đặc khắp tứ phía. Giăng Vangiăng cứ đi, mò mẫn trong bóng tối.

Bỗng nhiên, bóng tối trở thành vô cùng khủng khiếp.

V

Có thứ cát mịn mà nguy hiểm, cũng như có người đàn bà tế nhị mà giảo quyệt

Giăng Vangiăng thấy mình đã bước xuống nước; dưới chân không phải là đá nữa mà chỉ có bùn.

Ở một vài nơi trên bờ biển Brơtanhơ[1] hay Êcốt [2] đôi khi có người bộ hành hay người đánh cá, gặp khi triều rút, đi trên bãi cát cách xa bờ, bỗng cảm thấy đã lâu mình bước chân đi hơi khó nhọc. Bãi bể như có chất nhựa và bàn chân

(1) Ở phía đông nước pháp.

(2) Ở phía bắc nước Anh.

như dính chất ấy. Cơ hồ không phải là cát nữa, mà là nhựa vậy. Cát thì khô hẳn hoi nhưng cứ nhấc chân bước đi là y như dấu chân còn lại trên cát đầy sũng những nước. Tuy nhiên con mắt nhìn chẳng thấy có gì thay đổi. Bãi bể mênh mông, phẳng phiu, yên lặng. Cát ở nơi nào cũng vậy, chẳng phân biệt được nơi nào chắc, nơi nào xụt. Đàn bọ bể vui vẻ vẫn nhảy nhặng xị trên chân khách đi đường. Khách đi về phía trước, hướng về phía đất liền mà tiến, cố đến gần bờ. Khách không ngại gì hết. Có gì mà ngại? Nhưng khách cảm thấy bước chân cứ mỗi lúc một nặng thêm. Bỗng khách sụt chân. Sụt đến bảy, tám phân. Thôi, lầm đường rồi; khách dừng lại để tìm phương hướng. Bỗng khách nhìn xuống chân, bàn chân đã biến mất; cát đã lấp nó. Khách rút chân lên, muốn quay trở lại; khách quay lại, nhưng thụt sâu chân xuống đến mắt cá, khách nhảy qua và nhào qua bên trái, cát đến nửa ống chân, khách nhào qua bên phải cát lên đến đầu gối. Bấy giờ, với một nỗi khủng khiếp không thể nói, khách nhận thấy mình lâm vào một vùng bãi lún, cái môi trường ghê gớm mà cá không thể lội, người không thể bơi. Nếu nó mang xách gì khách vứt đi, khách làm cho nhẹ người như con tàu lâm nạn. Không kịp nữa: cát đã lên khỏi gối.

Khách gọi, khách vẫy mũ hay khăn tay, cát cứ dâng lần lên chiếm người anh. Nếu bờ bể không có bóng người, nếu đất liền ở quá xa, nếu bãi cát vẫn có tiếng là nguy hiểm xưa nay, nếu không có những vị anh hùng nơi lân cận, thì là hết, khách không thể thoát khỏi sa lầy. Khách không thể thoát khỏi bị chôn vùi, một sự chôn vùi dài dằng dặc, chắc chắn, không khoan thứ, không thể trì hoãn mà cũng không thể thôi thúc cho chóng xong. Nó dài kéo hàng mấy giờ, tưởng như

không bao giờ hết. Nó bắt đứng bạn giữa lúc bạn đang tự do giữa trời, giữa lúc bạn đang tươi vui, khỏe mạnh. Nó kéo chân bạn xuống. Mỗi lúc bạn cố ngoi lên, mỗi khi bạn thét lên nó lại lôi bạn sâu xuống thêm chút nữa. Nó siết chặt thêm, như muốn trừng trị bạn, vì bạn đã kháng cự lại. Nó từ từ rút người ta trở về trong lòng đất, rút mà để cho người ta đủ thì giờ nhìn trời xa nhìn cây cỏ, nhìn đồng ruộng xanh tươi, nhìn khói tỏa từ làng mạc nơi đồng bằng, nhìn cánh buồm trên mặt bể, nhìn chim bay, chim hót, nhìn mặt trời với mây xanh. Sa lầy là một hầm mộ biến thành thủy triều, từ trong lòng đất dâng lên vùi người sống. Mỗi một phút là một người phu huyệt tàn nhẫn. Kẻ khốn khổ thử ngồi xuống, thử nằm xuống thử bò lê, mỗi cử động mỗi chôn vùi hắn sâu thêm. Hắn vùng dậy, hắn càng thụt xuống; hắn cảm thấy bị nuốt chửng. Hắn rú lên, van vỉ, kêu trời; hắn vặn tay, tuyệt vọng. Kìa, hắn đã ngập đến bụng; cát lại lên đến ngực; chỉ còn là bức tượng bán thân. Hắn giơ tay cao lên, thốt lên những tiếng rên giận dữ, cấu móng vào bãi, muốn bấu víu trên thứ mùn tro ấy, hắn tì khuỷu tay xuống để mong thoát khỏi cái bọc mềm nhũn ấy, hắn khóc nấc lên điên dại; cát cứ dâng cao. Cát ngập đến vai, cát ngập đến cổ; bây giờ chỉ còn thấy cái mặt. Mồm há ra kêu, cát vào đầy mồm; yên lặng. Mắt còn mở to nhìn, cát bịt lấy mắt: tối tăm. Cái trán cứ chìm dần; một mớ tóc phất phơ trên cát; một bàn tay chọc thủng mặt cát nhoi lên động đậy, vẫy vẫy rồi mất tăm. Ôi! Cảnh huỷ diệt vô cùng thê thảm của một kiếp người!

Có khi là một kỹ sư sa lầy cùng với con ngựa; có khi là bác đánh xe sa lầy cùng với chiếc xe; cái gì cũng chìm xuống cát được; không phải nước mà đầm. Đất nhận chết người trên

cạn. Đất thấm biển là đất làm bẫy giết người. Trên mặt trông nó như đồng bằng, nhưng lòng nó mở ra như biển cả. Vực thẳm thường có những phản bội như vậy.

Cái việc thảm đạm bất kỳ như trên có thể xảy ra ở bãi bể, và cũng có thể xảy ra trong cống ngầm Pari, cách đây ba mươi năm.

Trước khi có những công trình tu bổ to lớn khởi công từ năm 1833 thì đường hầm Pari có thể sụt đất bất thình lình.

Nước rỉ vào những lớp đất lân cận, nếu đất đó xốp quá; lòng máng dù xây đá như ở cống cũ hay tráng vôi chịu nước trên nền bêtông như ở cống mới, vì không có điểm tựa nên cũng oằn xuống. Oằn ở đây, tức là nứt, và nứt tất là đổ. Lòng máng sẽ đổ một đoạn. Cái khoảng đất nẻ, cửa miệng của một vực bùn đó, nhà chuyên môn gọi là *khoảng thụt*. Khoảng thụt là gì? Là một bãi lún ở bờ biển gặp thình lình trong lòng đất: đó là bãi đồi Xanh Misen trong lỗ cống. Đất thấm nước tựa như được nung chảy, tất cả những phân tử đều lơ lửng trong một thể lỏng. Không phải đất và cũng không phải nước. Đôi khi rất sâu. Không gì đáng sợ hơn một cuộc chạm trán như vậy! Nếu nước là thành phần chính thì cái chết đến nhanh, đó là hiện tượng bị ngập lút; nếu đất là chính thì cái chết tiến chậm, đó là cảnh lún lầy.

Người ta có thể tưởng tượng được cái chết đó không? Sa lầy ở bãi bể đã khủng khiếp thì sa lầy ở nơi nhớp nhúa này thế nào? Một đằng thì ở giữa không khí, ánh sáng chan hoà, giữa thanh thiên bạch nhật, có chân trời sáng sủa, có tiếng động bao la, có những đám mây phiêu diêu chứa hạt mưa vàng như ngọc, có những con thuyền xa xa, trong niềm hy vọng hiện ra dưới nhiều hình thái ở khách qua đường, ở sự

cứu vớt mong mỏi đến phút cuối. Một đằng thì tối như mù với im lặng như điếc, một vòm trời đen nghịt, huyệt mồ xây sẵn, chết trong bùn lầy nhơ nhớp, dưới một cái nắp đậy kín mít. Từ từ chết ngạt trong ô uế, trong một cái hộp đá, cái chết ấy giơ nanh vuốt trong đống bùn nhơ nhớp và chẹn lấy cổ ta. Hơi thở khò khè lẫn trong mùi hôi thối; kia là cát, đây là bùn; kia là cuồng phong, đây là uế khí; kia là biển cả, đây là rác rưởi. Rồi thì kêu gọi, nghiến chặt răng lại, quằn quại, giãy giụa, rồi ngắc ngoải trong cái thành phố khổng lồ không hề biết gì đến mình, cái thành phố ở ngay trên đầu mình ấy.

Chết như vậy, khủng khiếp biết chừng nào!...

Một đôi khi, cái chết đều bồi sự khắc nghiệt của mình bằng một cảnh trang nghiêm dữ dội. Trên giàn hỏa, hay trên con tàu đang đắm, người ta có thể vĩ đại; trong ngọn lửa, trong sóng bọt, có thể có một dáng điệu hiên ngang, ở đấy, con người đẹp hẳn lên trong phút giây huỷ diệt. Ở đây thì không. Cái chết ở đây dơ bẩn. Người ta tắt hơi một cách hèn hạ. Những hình ảnh lung linh cuối cùng quá đê hèn. Bùn và nhục đồng nghĩa. Nhỏ nhen, xấu xí, đê nhục. Chết trong một thùng rượu hồ đào, như Clarăngxơ, chấp nhận được; trong hố bùn như Excublô thì tởm quá. Ngoi ngóp trong đó rợn người lắm. Vừa hấp hối, vừa bì bõm. Có đủ tối tăm để coi là địa ngục, có đủ bùn nhơ để chỉ là một vũng trâu đầm, và kẻ chết không biết mình sẽ thành ma hay hoá làm cóc.

Ở đâu thì hầm mộ cũng ghê rợn, ở đây nó lại còn thêm dị dạng dị hình.

Độ sâu của khoảng đất thụt khác nhau, và chiều dài, độ đặc cũng vậy, tùy theo đất nền xấu nhiều hay xấu ít. Có khi khoảng thụt sâu trên dưới một mét, có khi đến đôi, ba mét,

cũng có khi không tìm thấy đấy nữa. Ở nơi này, bùn đặc chắc gần như đất, nơi kia gần như nước. Ở khoảng thụt Luynie, phải trọn một ngày một con người mới biến hết, còn khoảng Phêlipô thì ngốn người ta trong năm phút. Bùn đỡ thân người nhiều hay ít tuỳ độ đặc của nó. Một đứa trẻ có thể thoát ở chính nơi người lớn bị chôn vùi. Nguyên tắc đầu tiên để tự cứu là phải vứt bỏ hết những gì ôm, xách. Ném túi dụng cụ, hay cái đỏ hoặc cái máng của mình, đó là việc làm đầu tiên của người thợ cống khi cảm thấy đất dưới chân rung rinh.

Đất thụt có những nguyên nhân khác nhau: đất quá dòn xốp; hoặc có một khoảng sụt nào đó trong lòng đất ở độ sâu người ta không dò tới, hoặc do những cơn mưa rào dữ dội mùa hè; hay vì mưa dầm mùa đông; rồi cũng có thể là vì mưa nhỏ hạt mà liên miên. Có khi sức nặng của những ngôi nhà kế cận làm trên đất vôi hay đất cát xô lệch các vòm cống ngầm, làm cho chúng méo mó, hoặc là lòng máng vỡ ra và nứt nẻ dưới sức ép đó. Sức ép của đền Păngtêông một thế kỷ trước đây đã làm ngáng trở một phần những hầm núi Xanhtơ Giơnơvie như thế đó. Khi một cái cống sụt dưới sức ép của nhà cửa, trong một số trường hợp, nó gây ra một hiện tượng trên mặt đất là đá lát đường, nứt nẻ thành đường răng cưa; vết rạn ở vòm cống, phát triển thành đường ngoằn ngoèo suốt chiều dài vòm cống, do dễ thấy mà có thể cứu chữa nhanh chóng. Nhưng lắm khi sự phá hoại bên trong không hiện thành một thương tích gì bên ngoài. Trường hợp đó gây họa cho người thợ cống. Ai vào cống sụt không đề phòng, họ có thể mất mạng trong đó. Sổ sách cũ còn ghi lại mấy ca thợ cống bị vùi lấp cách đó trong khoảng thụt. Nó cho biết nhiều tên tuổi. Chẳng hạn tên anh thợ cống sa lầy trong một khoảng thụt ở cửa cống phố Carêm Prơnăng; anh Rledơ Putơranh; anh Bledơ này là anh em với Nicôla Putơranh, người đào

huyệt cuối cùng ở nghĩa địa Inôxăng năm 1785, là năm mà nghĩa địa ấy hết tồn tại.

Còn có chàng tử tước trẻ lịch sự Excublô mà chúng tôi vừa nói tới, một trong những anh hùng đã phong tỏa Lêrida, ở đấy người ta mang bít tất tơ, đàn vĩ cầm ra trước để xông lên đánh thành. Excublô một đêm bị bắt gặp trong buồng người chị em họ, nữ công tước Xuốcđi, bèn chui trốn vào cống Bôtơrêđi để khỏi bị công tước bắt, và chết chìm trong đó. Khi nghe thuật lại, bà Đơ Xuốcđi bảo đưa lọ thuốc và mải lo hít hơi muối chống ngất, bà quên khóc. Chẳng có tình yêu nào chịu đựng nổi trong trường hợp đó. Cống như giập tắt tất. Hêrô không chịu tắm rửa thi hài Lêăngđơrơ. Tixbê bịt mũi trước xác chết Pyrăm và kêu: "Gớm!"

VI

KHOẢNG ĐẤT SỤT

Giăng Vangiăng đứng trước một khoảng đất sụt.

Thời ấy, lớp đất khu Săng Êlidê bị sụt là thường bởi vì nơi ấy khó lòng làm công tác trị thuỷ, đất lại quá nhão, nên những kiến trúc ngầm khó mà bền được. Đất ở đây còn dễ sụt hơn cả những bãi cát ở khu Xanh Giooc, phải xây móng bêtông để khắc phục - và dễ sụt hơn cả những lớp đất sét hôi thối ở khu Máctia, - đất ở đây lỏng quá, phải bắc một cái ống bằng gang mới xây được con đường ngầm dưới đại lộ Máctia. Năm 1836, khi người ta phá huỷ cái cống đá ngầm dưới khu Xanh Ônôrê - hiện Giăng Vangiăng đang ở cống này, - để xây lại, vùng cát động kéo dài từ lớp dưới đất khu Săng Êlidê đến sông Xen, đã cản trở công việc rất nhiều, công trình phải

kéo dài tới sáu tháng mới xong. Việc này làm cho dân phố hai bên kêu như cháy đồi, nhất là dân có lâu dài, có xe, ngựa. Công trình xây dựng không phải chỉ gặp khó khăn, mà còn nguy hiểm nữa. Phải nói thêm dạo đó trời mưa rồng rã bốn tháng rưỡi liền và nước sông Xen lũ đến ba lần.

Giăng Vangiăng bị sa lầy, bởi vì hôm trước mới mưa rào. Cát dưới nền không dỡ nổi, nên đường núng xuống và nước ứ lại. Nước rỉ vào đất sụt xuống. Đường lòng máng nứt ra và lún xuống bùn. Trên một đoạn bao nhiêu? Không thể nói được. Nơi này tối tăm hơn bất cứ nơi nào khác. Rõ là một hố bùn trong một hang tối.

Giăng Vangiăng thấy sàn đá dưới chân lẩn đâu mất. Ông bước vào bùn. Trên là nước, dưới là bùn. Thế nào cũng phải vượt qua nơi này. Không thể quay lại được. Mariuytx sắp chết, còn Giăng Văngiăng thì mệt nhoài. Vả chăng còn biết đi đâu? Giăng Vangiăng tiến lên. Vũng lầy, thoạt bước mấy bước, hình như không sâu lắm. Nhưng càng đi, chân càng ngập sâu thêm. Chẳng mấy chốc, bùn đã đến cổ chân, nước thì lên quá đầu gối. Ông cứ đi, hai tay cố hết sức nâng Mariuytx lên khỏi mặt nước, bây giờ bùn đã đến khuỷu chân, nước đến thắt lưng. Không thể lùi lại được nữa. Càng đi càng thụt xuống mất, bùn vừa đủ đặc để chịu sức nặng của một người, tất nhiên không chịu nổi sức nặng của hai người. Nếu là một mình Mariuytx hay Giăng Văngiăng thì may ra có thể thoát được. Giăng Vangiăng cứ tiến lên, tay vác người sắp chết, có lẽ đã chết rồi cũng nên.

Nước ngập đến nách, chìm nghỉm mất! Ngập dưới bùn sâu như thế, ông khó cử động quá đỗi. Bùn đặc dỡ thân người nhưng cũng cản tay, chân người. Ông vẫn nâng cao Mariuytx, và dốc hết sức lực, ông tiến lên được, nhưng lại lún sâu thêm.

Chỉ còn cái đầu và hai tay nâng Mariuytx là nhô khỏi mặt nước. Trong những bức tranh xưa vẽ trận đại hồng thuỷ, thấy có một bà mẹ nâng con như thế.

Giăng Vangiăng thụt sâu xuống nữa; ông ngửa mặt lên cho nước khỏi vào miệng và để thở: trong cảnh tối mò ấy, ai trông thấy ông chắc sẽ tưởng như thấy cái mặt nạ lềnh bềnh trôi trên bóng tối. Ông mờ mờ thấy cái đầu lủng lẳng và gương mặt tái nhợt của Mariuytx. Ông gắng sức một cách tuyệt vọng và đưa mạnh chân tới; chân ông đụng phải một vật gì răn rắn. Một chỗ đứng được. Vừa kịp.

Ông gượng vùng lên, cong người lại bám chặt, bíu riết chỗ rắn ấy một cách điên cuồng. Ông cảm thấy như chỗ ấy là bậc thang đầu tiên để bước trở về cuộc sống.

Chỗ rắn chìm dưới bùn sâu mà Giăng Vangiăng vấp phải lúc nguy nan nhất, chỗ ấy chính là chỗ lòng cống lại bắt đầu nhô lên ở phía bờ bên kia; lòng cống không gẫy, nó chỉ uốn cong xuống như một tấm ván, vẫn liền một tấm. Những nền lát đá tốt oằn xuống mà vẫn chắc như vậy. Đoạn móng cong này tuy ngập nước một phần nhưng chắc chắn: nó làm thành như một bậc thềm, đã đứng lên đó được thì chắc sống. Giăng Vangiăng trèo lên đường dốc đó và đến được bên kia bờ vũng bùn.

Ra khỏi vũng nước, ông vấp phải một hòn đá, ngã quỵ xuống. Ông thấy quỵ xuống như thế là phải, ông quỳ một lát, tâm hồn chìm đắm trong một lời cầu nguyện Thượng đế.

Ông đứng dậy, rét run cầm cập, cứng đờ ra, hôi thối, người sắp chết đè trĩu còng lưng, người bê bết bùn từ đầu đến chân, nhưng tâm hồn chói lọi một thứ ánh sáng lạ lùng.

VII

CÓ KHI TƯỞNG CẬP BẾN LẠI HOÁ MẮC CẠN

Giăng Vangiăng lại bắt đầu đi nữa.

Dù ông không bỏ mạng trong vũng bùn, nhưng hình như ông đã trút hết cả sức lực xuống đó. Sự gắng sức phi thường ấy đã làm cho ông kiệt sức. Ông mệt nhọc quá nên cứ đi ba, bốn bước là phải tựa vào vách để thở. Một lần, ông ngồi bệt xuống thành cống để đổi tay ôm Mariuytx, và tưởng phải ngồi vĩnh viễn ở đấy, không đứng lên được. Tuy không còn sức nữa, nhưng ông vẫn còn nghị lực. Ông lại đứng dậy.

Ông bước đi, tuyệt vọng, cố gắng bước nhanh. Ông đi như thế được độ trăm bước, đầu cúi gằm xuống hầu như nhịn thở mà đi, vì cúi gằm nên đâm phải bức vách. Ông ngẩng lên nhìn thì thấy ở phía đầu cống đằng kia, xa, xa lắm, phía trước mặt, có ánh sáng. Lần này không phải là thứ ánh sáng kinh khủng, nhưng là thứ ánh sáng trắng tốt lành. Ánh sáng ban ngày.

Giăng Vangiăng thấy lối thoát.

Một tội nhân dưới âm ty đang đứng giữa đống lửa rực đỏ mà bỗng thấy cửa địa ngục mở, có cảm giác như thế nào thì lúc ấy Giăng Vangiăng cũng cảm thấy như thế. Người ấy sẽ vẫy đôi cánh cháy cụt mà cuống cuồng bay về phía cửa ngục. Giăng Vangiăng không thấy mệt mỏi nữa; ông không thấy gánh nặng trên vai nữa; bắp chân ông trở lại là bắp chân thép. Ông bước nhanh như chạy. Càng đến gần, lối ra càng rõ ràng. Đó là một nhịp cuốn hình bán nguyệt, thấp hơn cái vòm trần cống; trần mỗi lúc một thấp xuống, lối đi vũng hẹp hơn lòng cống; lòng cống đã mỗi lúc một hẹp lại, cũng như

vòm cống càng hạ thấp xuống. Cái hầm thuôn thuôn như lòng phễu; kiểu kiến trúc như thế thật thất sách; nó rập theo lối cổng vào nhà tù. Xây như thế thì hợp với nhà lao nhưng không hợp với đường cống ngầm. Sau này, người ta đã sửa lại.

Giăng Vangiăng đến cửa hầm.

Đến đây, ông dừng lại.

Đích thị là cửa ra, nhưng không ra được.

Một cánh cửa sắt lù lù đóng kín; trông thì hình như họa hoằn lắm cửa mới mở, bản lề rỉ cả rồi. Cánh cửa đóng chặt vào cái khung đá bằng một cái khóa nặng nề rỉ đỏ cả ra, trông như một hòn gạch tướng. Trông thấy cả lỗ cắm chìa khoá, cả cái mỏ khoá kiên cố cắm sâu vào lỗ khoá. Thật rõ là cái khoá đã được vặn hai vòng. Loại khoá ấy là loại khoá các cửa ngục, thành phố Pari xưa không thiếu gì.

Bên kia cửa là không gian rộng rãi, là con sông, ánh sáng, cái bãi cát rất hẹp nhưng thừa sức để đi thoát, là những bến xa xa, là Pari, cái vực thẳm rất dễ lẩn trốn, là chân trời thênh thang, là tự do. Ở bên phải, phía dưới dòng sông, thấy cầu lênа; bên trái phía bên dòng sông, là cầu Anhvalit. Nơi ấy thật thuận lợi để chờ đến đêm mà trốn đi. Nơi ấy là một nơi vắng vẻ nhất Pari; cái bãi này đối diện với Gơrô Cayu. Ruồi bay vào bay ra giữa các chấn song sắt.

Lúc ấy đã đến tám rưỡi tối. Ngày sắp tàn.

Giăng Vangiăng đặt Mariuytx nằm xuống nơi khô nhất trên mép máng dọc theo vách, rồi tiến ra phía cửa, lấy hai tay nắm chặt song cửa. Tay ông lắc như điên dại, nhưng cửa không nhúc nhích. Giăng Vangiăng nắm từng song sắt, hy vọng có thể nhổ được thanh yếu nhất, rồi dùng thanh ấy mà

bẩy cửa ra hoặc cạy gãy khóa. Không lay được một cái chấn song nào hết. Đến răng trên hàm hổ cũng không vững bằng. Không có đòn bẩy thì đừng hòng mà cạy được. Cái trở ngại này không thể vượt qua. Không có cách nào mở được cửa.

Đành chịu chết à? Làm thế nào bây giờ? Rồi sẽ ra sao? Quay trở lại ư? Lại bắt đầu đi trở lại con đường khủng khiếp vừa đi qua? Không còn sức mà đi nữa. Vả lại, lúc nãy có qua được vũng bùn cũng là chuyện thần kỳ, chứ bây giờ biết làm thế nào! Bên kia vũng bùn, chẳng có bọn cảnh binh tuần tiễu là gì? Thoát được một lần chứ thoát sao được hai lần? Rồi còn biết đi đâu? Đi về hướng nào? Đi theo dốc, tất không thể tới đích. Mà có thấy lối ra thì lối ra cũng đóng nắp hay bịt cửa. Chắc chắn là mọi cửa cống đều đóng kín như thế này. Tình cờ mà cái cửa Giăng Vangiăng chui xuống lúc nãy mở, chứ dĩ nhiên là tất cả mọi miệng cống khác đều đóng cả. Vừa qua, ông trốn thoát, nhưng lại trốn vào trong một ngục tù.

Thế là hết. Giăng Vangiăng làm gì cũng vô hiệu. Chúa không chịu.

Cả hai người cùng sa vào cái lưới chết mênh mông tăm tối. Giăng Vangiăng như trông thấy con nhện kinh khủng đang chạy trên những sợi dây run rẩy trong bóng đêm.

Ông quay lưng ra cái cửa sắt, không phải ngồi mà ngã vật xuống nền, ngay bên cạnh Mariuytx im lìm. Đầu ông gục xuống giữa hai gối. Không có lối ra. Không có gì hãi hùng hơn!

Trong lúc lòng ông xót xa như vậy, ông nghĩ đến ai? Ông không nghĩ đến ông, cũng không nghĩ gì đến Mariuytx. Ông nghĩ đến Côdét.

VIII

VẠT ÁO RÁCH

Giữa lúc tuyệt vọng vậy thì có một bàn tay đặt lên vai ông, một giọng khe khẽ nói với ông:

- Chia đôi nhé.

Ai ở trong bóng tối này? Lúc tuyệt vọng thì người ta như ở trong cơn mộng. Giăng Vangiăng tưởng mình nằm mơ. Ông có nghe thấy tiếng chân bước đâu. Có quả là có tiếng người không? Ông ngẩng lên nhìn.

Một người đứng ngay trước mặt.

Người ấy mặc một cái áo bờlu, chân dẫm đất, tay trái xách đôi giày. Chắc hẳn là hắn ta đã tháo giầy ra để đi đến gần Giăng Vangiăng mà ông ta không hay biết.

Giăng Vangiăng không lưỡng lự một phút. Tuy gặp gỡ bất ngờ ông nhận ra hắn ngay. Người ấy là Tênácđiê.

Mặc dù có thể nói ông vừa chợt tỉnh, nhưng vốn ông đã quen với những nguy hiểm, vốn ông đã dạn dày với những miếng đòn bất ngờ phải đối phó ngay tức khắc, nên ông lại trấn tĩnh được ngay lúc ấy. Vả lại lúc bấy giờ, không có tình thế nào nguy ngập hơn thế, tình cảnh đã đến chỗ cùng đồ không thể tăng thêm lên, và ngay đến hình ảnh Tênacđiê cũng không thể làm cho bóng đêm này đen thêm được.

Hai bên cùng chờ đợi.

Tênácđiê giơ tay phải lên ngang tầm trán để che cho khỏi chói mắt, lông mày nhíu lại, mắt nheo đi, môi hơi mím, dấu hiệu của một người đang chăm chú cố nhận mặt kẻ khác. Không nhận ra là ai cả. Ta vừa nói, Giăng Vangiăng ngồi quay lưng ra ánh sáng, mặt mày nhem nhuốc, đẫm máu, đến

ngay giữa ban ngày ban mặt cũng khó nhận ra. Trái lại, Tênácđiê quay mặt ra ánh sáng, tuy chỉ là ánh sáng mờ nhạt trong hầm, mờ nhạt mà lại chính xác, nên mặt mày Tênácđiê đập ngay vào mắt Giăng Vangiăng, nói theo lối ẩn dụ thông thường nhưng rất mạnh. Trong cuộc đọ sức bí mật giữa hai tình thế, hai con người này, chỉ một sự chênh lệch điều kiện như thế cũng đủ tạo cho Giăng Vangiăng có khăn che mặt và Tênacđiê bị lột mặt nạ.

Giăng Vangiăng biết ngay là Tênácđiê không nhận ra mình.

Hai người nhìn nhau một lúc trong ánh sáng mờ mờ này, như để dò xét nhau. Tênácđiê là người đầu tiên phá tan sự im lặng ấy:

- Mày định làm thế nào mà ra?

Giăng Vangiăng không trả lời.

Tênácđiê nói tiếp:

- Mở cửa thế đếch nào được. Nhưng mày phải cút khỏi nơi đây chứ!

Giăng Vangiăng đáp:

- Đúng thế.

- Thế thì chia đôi nhé.

- Cái gì cơ?

- Mày giết nó, được. Còn tao, tao có chìa khóa.

Tênácđiê chỉ Mariuytx. Nó nói tiếp:

- Tao không quen mày, nhưng tao muốn giúp mày. Chắc là cùng cảnh với nhau cả.

Giăng Vangiăng bắt đầu hiểu. Tênácđiê tưởng ông là kẻ giết người. Tênácđiê lại nói:

- Này đằng ấy này. Đằng ấy giết thằng này hẳn đằng ấy đã nhìn xem trong túi nó có gì. Chia cho tớ một nửa. Rồi tớ mở cửa cho.

Rồi thò một cái chìa khoá to tướng ra khỏi áo bơlu rách bươm, nó nói:

Cớ muốn xem cái bảo bối dùng để chuồn ra ngoài không? Đây này.

Giăng Vangiăng "cứ sững sờ" - tiếng đó là của cụ Coócnâydơ xưa kia, không biết là mơ hay thật. Thật đúng là Thượng đế hiện lên, ghê tởm, đúng là vị thiên thần cứu mệnh từ dưới đất chui lên, nhập vào hình Tênácđiê.

Tênácđiê thọc tay vào cái túi rộng dưới áo bơlu, lấy ra một cái thừng đưa cho Giăng Vangiăng và nói:

- Này, cho thêm mày cái này.

- Thừng à? Để làm gì?

- Phải có tảng đá nữa, ngoài kia khối. Ở đấy có một đống đá tướng.

- Đá à? Để làm gì?

- Đồ ngốc, vứt thằng cha này xuống thì phải buộc nó vào đá chứ, không thì để nó nổi lềnh bềnh trên mặt nước à?

Giăng Vangiăng cầm cuộn dây thừng. Ai cũng có lúc giơ tay nhận tự nhiên như vậy.

Tênácđiê búng ngón tay như vừa chợt nghĩ ra điều gì:

- À này, đằng ấy này, làm cách nào mà thoát được vũng bùn ấy thế? Tớ không dám liều đấy. Khiếp, đằng ấy hôi bỏ mẹ.

Nghĩ một lát, nó nói thêm:

- Tớ hỏi mãi, đằng ấy không trả lời, kể cũng có lý. Tập sự đề phòng mười lăm phút ra trước lão dự thẩm mà lị. Vả

chăng không nói gì thì cũng đỡ sợ nhỡ nói to tiếng quá. Cũng chả sao. Tớ không trông rõ mặt đằng ấy, không biết tên đằng ấy, nhưng đừng có tưởng tớ không biết đằng ấy là ai đằng ấy muốn gì. Biết tất. Đằng ấy cũng có vận cổ ông này đôi chút nên bây giờ đằng ấy muốn cất giấu gã ta đâu đây! Đằng ấy muốn vứt xuống sông chứ gì, phải đấy, sông là cái tủ cất giấu mọi dại dột. Để tớ gỡ rối cho. Giúp cho một anh em qua bước khó khăn là tớ thích lắm.

Tuy mồm nó thì nói tán thành Giăng Vangiăng im lặng nhưng rõ ràng là nó tìm đủ mọi cách để làm cho Giăng Vangiăng phải nói. Nó thích vào vai ông, cốt để nhìn nghiêng nét mặt Giăng Vangiăng. Rồi nó kêu lên, nhưng cố giữ cho tiếng nói không cất cao.

- Qua được vũng bùn, kể cũng yêng hùng thật. Thế sao không vứt quách thằng cha này xuống?

Giăng Vangiăng vẫn im lặng.

Tênácđiê miệng nói, tay kéo cái mảnh vải dùng làm cavát lên tận gần sát cằm, trông ra vẻ một người đứng đắn:

- Nói cho cùng thì có lẽ đằng ấy làm thế là khôn đấy! Mai bọn thợ vào lấp cái hố lại, nhất định sẽ thấy có ai bỏ quên thằng cha này ở đấy, họ lần từng tí, từng tí, rồi vớ được vết chân đằng ấy, rồi đến tóm đằng ấy. Có người chui qua cống. Ai? Ra lối nào? Có ai trông thấy nó ra không? Cảnh sát nó tinh ghê lắm cơ. Còn cái cống thì đểu bỏ mẹ, nó tố cáo mình ngay. Cái cửa này trong cống thì hiếm thật ai cũng phải chú ý đến nó, chẳng mấy ai dùng đến cái cống mà làm ăn. Còn con sông thì là của chung của thiên hạ. Sông mới là cái huyệt thật sự. Một tháng sau mới vớt được xác thằng cha này vào lưới ở Xanhcơlu. Ừ, thế thì còn làm cóc gì nữa? Một cái thây rữa chứ gì! Ai giết? Pari. Tòa án cũng chẳng thèm thông báo!

Đằng ấy làm thế là phải.

Tênácđiê càng thao thao, Giăng Vangiăng càng im lặng. Tênácđiê lại lay vai ông:

- Nói gần nói xa chẳng qua nói thật, chia đôi nhé. Đằng ấy trông thấy cái chìa khóa của tớ rồi đấy; bây giờ cho tớ xem chỗ tiền của đằng ấy đi.

Tênácđiê trông hung tợn, ám muội, hơi có vẻ dọa nạt, lại ra dáng thân mật.

Thật lạ lùng! Dáng điệu Tênácđiê không bình thường; nó có vẻ không được tự nhiên lắm, nó làm ra dáng không bí mật, nhưng lại nói nhỏ. Thỉnh thoảng nó để ngón tay lên miệng, khe khẽ bảo: Suyt! Khó mà đoán tại sao như vậy. Ở chỗ ấy chỉ có hai người với nhau. Giăng Vangiăng nghĩ rằng có lẽ còn có những thằng kẻ cướp khác đang chúi ở một xó xỉnh nào, không xa đấy lắm, và chắc thằng Tênácđiê không muốn chia phần cho bọn chúng.

Tênácđiê lại nói:

- Thôi, cho xong đi nào! Lần túi của thằng cha này được bao nhiêu?

Giăng Vangiăng lục túi áo mình.

Ta còn nhớ, thường Giăng Vangiăng vẫn giắt tiền trong người. Trong cuộc đời phải luôn luôn ứng phó xoay xở của mình Giăng Vangiăng lấy đó làm một nguyên tắc. Thế mà lần này thì bị một vố bất ngờ quá. Tối hôm qua, lúc mặc bộ quần áo quốc dân quân, ông mải mê với những ý nghĩ bi đát, nên quên bẵng không mang cái ví. Chỉ còn một ít tiền trong túi áo gilê. Vào khoảng ba mươi phơrăng. Ông lộn cái túi áo sũng bùn bê bết và giải trên bờ cống một đồng lu-i vàng, hai đồng năm phơrăng và năm sáu đồng xu đôi.

Tênácđiê bĩu môi, cổ vặn lại rất có ý nghĩa. Nó nói:

- Có thế mà cũng giết người ta!

Rồi nó cứ tự tiện sờ nắn mọi túi của Giăng Vangiăng và Mariuytx. Giăng Vangiăng chỉ cốt làm sao quay lưng ra phía cửa, nên mặc nó làm gì thì làm. Lúc nắn quần áo của Mariuytx, Tênacđiê tìm cách xé một mảnh vạt áo của Mariuytx, khéo léo, lanh lẹn đúng như một tên kẻ cắp. Giăng Vangiăng không hề biết. Nó giấu mảnh áo dưới áo bơlu của nó, chắc nó nghĩ sau này có mảnh vạt áo ấy thì sẽ tìm ra người bị ám sát và kẻ ám sát. Ngoài số ba chục phơrăng đó, nó chẳng thấy gì thêm.

- Đúng rồi, chúng mày thằng nọ cũng thằng kia cũng chẳng có gì hơn thế này.

Rồi quên mất câu "*chia đôi nhé*", nó vơ lấy tất.

Lúc cầm mấy đồng xu đôi nó hơi ngần ngại. Sau khi nghĩ kỹ nó vơ cả, miệng lầm bầm:

- Thây xác! công chọc tiết người ta như thế này thì rẻ quá. Vơ tiền xong, nó lại móc cái chìa khóa ở dưới áo bơlu ra:

- Bây giờ thì mời ông tướng ra cho. Ở đây cũng như ở phiên chợ, ra phải trả tiền. Đằng ấy trả rồi thì ra đi.

Thế rồi nó cười.

Tênácđiê đưa chìa khóa giúp một kẻ không quen biết, để cho một người khác không phải hắn chui qua cái cửa hầm này, thử hỏi nó có ý định trong sạch và vô tư thật không? Điều đó đáng ngờ.

Tênácđiê giúp Giăng Vangiăng đặt Mariuytx lên vai: rồi nó nhón chân tiếp ra phía cửa, ra hiệu cho Giăng Vangiăng đi theo nó. Nó nhìn ra ngoài, ngón tay đặt lên miệng, có vẻ như do dự trong mấy giây. Xem xét xong, nó tra chìa khóa vào ổ

khóa. Mở khóa tuột ra, cánh cửa quay. Không tiếng rít, không một tiếng sắt nghiến! Rất êm ái nhẹ nhàng. Rõ ràng là cái cửa ấy, bản lề ấy được tra dầu mỡ cẩn thận, thường quay luôn, chứ không phải họa hoằn đâu. Êm ái mà rùng rợn. Trong sự nhẹ nhàng êm ái đó, người ta nghe thấy tiếng đi lại vụng trộm, bước chân ra vào êm lặng của những kẻ ăn sương, gót chân rón rèn của tội ác. Hẳn cống ngầm có đồng mưu với bọn bí mật nào đấy. Cái cửa câm lặng này là một kẻ oa trữ.

Tênacđiê mở hé cánh cửa, vừa đủ cho Giăng Vangiăng lọt qua rồi nó đóng cửa lại, quay chìa khoá hai lần. Rồi nó lại lẩn sâu vào bóng tối, chỉ nghe thấy một tiếng nhè nhẹ như gió thoảng, bàn chân nó lướt nhẹ nhàng như bàn chân nhung của con hổ. Một lát sau, đấng cứu tinh ghê tởm ấy lại trở về cõi vô hình.

Giăng Vangiăng đã ở bên ngoài.

IX

Dưới con mắt một người thành thạo, Mariuytx có vẻ như đã chết rồi

Giăng Vangiăng nhẹ nhàng đặt Mariuytx xuống bãi cát.

Hai người đã ở bên ngoài rồi!

Nào xú khí, nào bóng đêm, nào ghê rợn, tất cả đều trút sạch lại đằng sau. Không khí tràn ngập, không khí tốt lành, trong sạch, đầy sinh khí, vui vẻ, tha hồ mà mở. Bốn bề im lặng, cái im lặng dễ thương của buổi trời chiều, mặt trời ngả trên nền trời xanh thẳm. Lúc ấy đã là hoàng hôn. Đêm đang đến, đêm là kẻ giải phóng vĩ đại, là người bạn chân tình của những ai cần khoác cái áo bóng tối để vượt ra khỏi hãi hùng. Cả bầu trời đâu đâu cũng một bình tĩnh mênh mông. Con

sống vỗ dưới chân như một cái hôn nhẹ nhàng. Trên không, trong lùm cây du quảng trường Săng Êlidê, tiếng chim chiều từ các tổ thánh thót chúc tụng nhau. Mấy ngôi sao lác đác trên da trời xanh nhạt, chỉ con mắt mơ màng mới nhìn thấy, giống như những chấm sáng li ti. Cảnh chiều tà giải trên đầu Giăng Vangiăng tất cả những êm dịu của không gian vô tận.

Cái giờ phút mơ hồ, kỳ thú. Cái giờ phút không nói có, không! Đã khá đủ bóng đêm để cách một quãng người ta mất dấu nhau; nhưng cũng còn khá đủ ánh sáng để đứng gần nhau còn nhận ra được nhau.

Giăng Vangiăng không thể cưỡng lại cái bầu không khí trong lành tuy nghiêm và mơn trớn ấy. Có nhữnng phút lãng quên như vậy; lúc đó, đau khổ buông tha cho kẻ khốn cùng; mọi lo buồn trong lòng đều tiêu biến. Cảnh yên bình như tấm màn đêm, bao phủ người mơ mộng. Và trong buổi hoàng hôn ngời sáng, tâm hồn người ta cũng lấp lánh những vì sao, tựa như bầu trời rạng rỡ bên ngoài. Giăng Vangiăng không thể không chiêm ngưỡng cảnh đêm quang đãng trên đầu ông. Trong cảnh yên tĩnh hùng vĩ của bầu trời bất diệt, ông mơ màng gửi hồn vào cõi hư không và ông cầu nguyện. Rồi như chợt nhớ đến nhiệm vụ, ông hối hả cúi xuống Mariuytx; ông vốc nước vào lòng bàn tay, khẽ vẩy mấy giọt lên mặt anh. Mắt Mariuytx nhắm nghiền, nhưng miệng anh vẫn hé thở.

Giăng Vangiăng toan nhúng tay xuống nước thì chợt thấy trong người gai gai khó chịu, giống lúc ta cảm như có ai đứng đằng sau mà ta chưa trông thấy. Chúng tôi đã nói đến cảm giác ấy mà ai cũng đã từng có.

Ông quay lại.

Cũng giống như lúc nãy, quả nhiên có một người lù lù

đứng đằng sau.

Một người vóc cao, mặc một cái áo dài, hai tay khoanh trước ngực, tay phải nắm một cái gậy ngắn, quả chuỳ thò ra ngoài. Hắn đứng cách mấy bước, ngay sau Giăng Vangiăng, ông này đang ngồi xổm một bên Mariuytx.

Trong bóng tối, trông hắn như một ma hiện. Một người thực thà hẳn phát khiếp, vì lúc ấy nhá nhem tối: một người chín chắn hắn phải sợ vì cái quả chùy.

Giăng Vangiăng nhận ra Giave.

Chắc bạn đọc đã đoán rằng người đuổi theo Tênácđiê chính là Giave. Sau khi không chút hy vọng mà lại thoát được khỏi khu chiến đấu, Giave về sở cảnh sát yết kiến qua viên cảnh sát trưởng và báo cáo miệng lại cho chính ông ta rồi lại tức khắc đi làm nhiệm vụ. Ta còn nhớ, trong tờ giấy bắt được trong người Giave, có ghi cần phải kiểm soát khu hữu ngạn, phía Săng Êlidê, khu này ít lâu nay sở Cảnh sát đã chú ý. Đến nơi, Giave trông thấy Tênácđiê và đuổi theo nó. Câu chuyện ra sao ta đã biết.

Ta cũng biết rằng Tênácđiê ân cần mở cửa hầm cho Giăng Vangiăng là nó dùng thủ đoạn khôn khéo. Nó cảm thấy Giave vẫn đứng đấy; người ta khi có ai rình thì đánh hơi thấy ngay. Phải vứt một mẩu xương cho con chó săn. Một thằng giết người, còn gì bở bằng! Một kẻ thay thế mình, bỏ qua làm sao được! Tênácđiê thả Giăng Văngiăng ra thế mạng cho nó; nó đã quẳng một miếng mồi cho cảnh sát. Thế là viên cảnh sát không theo dấu nó để vớ một món to hơn. Như vậy là nó thưởng cho Giave đã tốn công chờ, tên mặt thám hẳn thú vị lắm, còn nó, nó lại vớ được ba mươi phơrăng và thế nào cũng thoát thân, nhờ cái mưu đánh tráo ấy.

Giăng Vangiăng hết gặp bước hiểm nghèo này lại đến bước

hiểm nghèo khác.

Hai cuộc gặp gỡ liên tiếp như thế này! Rơi từ tay Tênácđiê sang tay Giave! Cuộc đời sao bất nhẫn quá thế?

Giave không nhận ra Giăng Vangiăng, bởi vì ông đổi khác hẳn, như ta đã nói ở trên. Hắn vẫn khoanh tay, ngầm nắm chắc cây gậy chùy. Lời hắn hỏi vấn tắt và bình tĩnh:

- Anh là ai?

- Tôi đây.

- Tôi là ai!

- Giăng Vangiăng.

Giave cắn quả chùy vào miệng, chân gập xuống, mình cúi nghiêng, đặt hai bàn tay rắn chắc lên vai Giăng Vangiăng như hai cái kìm kẹp chặt. Hắn nhìn Giăng Vangiăng, nhận ra ông. Mặt hai người gần chạm nhau. Con mắt Giave thật khủng khiếp.

Giăng Vangiăng im lìm không cử động dưới hai bàn tay nắm chặt của Giave như một con sư tử chịu nằm trong vuốt con linh miêu. Ông nói:

- Ông thanh tra Giave, ông bắt được tôi. Ngay từ sáng nay tôi đã tự coi như ở trong tay ông rồi. Tôi đã nói rõ chỗ ở của tôi tất không phải là để trốn ông. Bây giờ ông bắt tôi đi. Nhưng tôi chỉ xin ông một điều.

Giave hình như chẳng nghe thấy gì. Hắn nhìn Giăng Vangiăng chòng chọc. Cằm hắn nhăn lại, môi nhếch lên gần mũi thế nghĩa là hắn đang mải mê với những ý nghĩ hung tợn. Sau cùng hắn buông Giăng Vangiăng ra đứng hẳn dậy, tay nắm lại gậy chùy và thì thầm hỏi, như trong một giấc mộng:

- Anh làm gì đấy? Người này là ai?

Hắn vẫn tiếp tục không mày tao với Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng trả lời, tiếng ông như đánh thức Giave tỉnh dậy:

- Đúng là tôi muốn nói với ông chuyện người này. Ông làm gì tôi thì tùy ông; nhưng xin ông giúp tôi mang anh ta về nhà anh ta đã. Tôi chỉ xin có thế.

Mặt Giave nhăn nhúm lại; cứ mỗi lần người ta tưởng hắn có thể nhượng bộ là mặt hắn co rúm lại như vậy.

Tuy nhiên hắn cũng không nói: không.

Hắn cúi xuống lần nữa, rút ở túi ra một cái mùi soa, nhúng xuống nước rồi lau trán Mariuytx đẫm máu. Hắn nói khe khẽ, như nói với mình:

- Người này lúc nãy ở ngoài chiến lũy. Người ta gọi hắn là Mariuytx.

Giave là tên mật thám bậc nhất, lúc ở chiến lũy, tuy tưởng rằng mình sắp chết mà cái gì hắn cũng nhận xét, nghe ngóng, nghe thấy gì là lượm lấy, ngay cả trong cơn hấp hối hắn vẫn do thám; lúc ấy hắn đã tỳ tay lên mộ nhưng vẫn còn ghi chép.

Hắn cầm tay Mariuytx, để tìm mạch.

- Bị thương, Giăng Vangiăng nói.

- Hắn chết rồi, Giave bảo.

Giăng Văngiăng trả lời:

- Không, chưa chết.

- Thế anh cõng hắn từ chiến lũy về đây à? Giave nhận xét.

Giave chắc là tâm trí đang bận rộn lắm, nên không hỏi gì đến việc kỳ dị mà Giăng Văngiăng đã làm là do con đường cống mà cứu thoát Mariuytx và cũng không để ý đến việc Giăng Vangiăng cứ im lặng không trả lời câu hỏi của hắn ta.

Về phần Giăng Vangiăng, ông cũng chỉ có độc một ý nghĩ.

Ông nói tiếp:

- Anh này ở khu Mare phố Phiơ đuy Canve, nhà ông anh ta... tôi không nhớ tên gì.

Giăng Vangiăng lục túi Mariuytx, lấy quyển sổ ra, mở đến trang Mariuytx ghi bút chì rồi đưa cho Giave.

Trên không vẫn còn chập chờn chút ánh sáng đủ để đọc. Vả lại, Giave vốn có con mắt của loài cú vọ ăn đêm, sáng như có chất lân tinh. Hắn đọc mấy dòng chữ Mariuytx rồi lầm bầm nói:

- Gilơnormăng, phố Phiơ đuy Canve, nhà số 6.

Hắn gọi to: - Xe!

Ta còn nhớ cái xe ngựa vẫn chờ lúc cần.

Giave giữ lấy quyển sổ của Mariuytx.

Lát sau, cái xe theo con đường dốc ngựa đi uống nước, xuống tận bờ sông. Mariuytx được đặt trên cái ghế ở phía sau, còn Giave ngồi cạnh Giăng Vangiăng trên ghế phía trước.

Cửa xe đóng, xe chạy nhanh lên bến tàu, tiến về phía ngục Bátxti.

Họ rời bờ sông đi vào phố. Bóng bác đánh xe đen ngòm trên ghế, quất hai con ngựa gầy gò. Trong xe, lặng ngắt. Mariuytx ngồi im lìm, lưng tựa vào một góc ở cuối xe, đầu gục xuống ngực hai tay buông thõng, chân cứng đờ; chàng có vẻ như chỉ còn đợi cái quan tài. Giăng Vangiăng như một bóng đen, còn Giave như bằng đá. Mỗi khi xe chạy qua một ngọn đèn bên đường trong xe tối om lại loé lên một thứ ánh sáng nhợt nhạt khiến người ta thấy sự tĩnh cờ đã tập hợp và muốn đối chiếu một cách bi đát ba khối bất động thê thảm: một xác chết, một bóng ma, một pho tượng.

X

ĐỨA CON PHUNG PHÍ CUỘC ĐỜI NAY LẠI TRỞ VỀ

Mỗi lần xe gặp ổ gà, máu trên tóc Mariuytx lại nhỏ xuống một giọt.

Lúc xe đến ngôi nhà số 6 phố Phiơ duy Canve thì đã tối mịt.

Giave nhảy xuống trước tiên; hắn liếc nhìn số nhà trên cổng lớn. Hắn nhắc một cái búa nặng bằng sắt lên, gõ một nhát mạnh. Cái búa này chạm theo kiểu xưa, một con dê đánh nhau với thần Xatia[1]. Cổng hé mở, Giave đẩy mạnh. Bác gác ló ra nửa: người, miệng ngáp, bộ còn ngái ngủ, tay bác cầm một cây nến.

Nhà đã ngủ cả. Ở khu Mare thường người ta đi ngủ sớm, nhất là những ngày bạo động. Cái khu phố cổ hiền lành này thấy cách mạng là hoảng sợ, nên lẩn trốn trong giấc ngủ, cũng như trẻ con thấy mặt ông ba bị đến là vội rúc đầu vào trong chăn.

Lúc ấy Giăng Vangiăng và bác đánh xe khiêng Mariuytx ra khỏi xe, Giăng Vangiăng nâng nách còn bác kia đỡ hai chân.

Vừa khiêng Mariuytx như vậy, Giăng Vangiăng vừa luồn tay dưới lần áo rách bươm của chàng sờ lên ngực, thấy tim vẫn còn đập. Tim có phần lại đập yếu hơn, hình như xe lăn đi khiến anh hồi tỉnh lại được một phần.

Giave gọi giật bác gác lại, thật đúng giọng một viên chức nhà nước gọi người gác cổng nhà một tên phiến loạn:

---

(1). Satyes là tên những thần hạ đẳng mình người, chân dê trong thần thoại Hy-La cổ.

- Ai ở đây là Gilơnormăng không?

- Có. Ông hỏi gì ạ?

- Người ta mang con ông ta về đây này.

- Con à? Bác gác ngây ngô hỏi.

- Hắn chết rồi.

Giăng Vangiăng rách tả tơi, bẩn thỉu, đi sau Giave; dáng người ông làm cho bác gác cổng kinh tởm. Ông lắc đầu ra hiệu là không phải chết.

Bác gác hình như chẳng hiểu tí gì về câu nói của Giave và cũng không hiểu dấu hiệu của Giăng Vangiăng.

Giave nói tiếp:

- Hắn ta đã ra chiến lũy, và bây giờ thì hắn đây này.

- Chiến lũy ư! Bác gác kêu.

- Hắn đi tìm cái chết. Vào đánh thức bố hắn dậy đi.

Bác gác không động đậy. Giave bảo:

- Đi đi chứ!

Rồi nói thêm:

- Mai nhà này có đám ma.

Đối với Giave, những việc xảy ra trên đường đất nhà nước bao giờ cũng phải phân loại rạch ròi; đó là bước đầu để phòng xa và kiểm soát; và mỗi việc xảy ra đều thuộc một ngăn riêng. Những việc có thể xảy ra, như được xếp trong những ô kéo và tuỳ lúc mà chui ra, nhiều hay ít. Việc ngoài phố thì có huyên náo, biến động, hội hè, đám ma.

Bác gác chỉ đánh thức lão Bátscơ. Lão Bátsơ đánh thức Nicôlét. Nicôlét đánh thức dì Gilơnormăng. Còn lão Gilơnormăng thì họ cứ để ngủ yên: mọi người đều nghĩ rằng lão biết sau cũng chẳng muộn gì.

Người ta khiêng Mariuytx lên tầng gác thứ nhất trong khi mọi người ở trong nhà không hề hay biết, rồi đặt anh trên một chiếc trường kỷ ở chái bên ngoài buồng ông Gilơnormăng. Trong lúc lão Bátscơ đi tìm thầy thuốc và Nicôlét mở tủ quần áo, Giăng Vangiăng thấy bàn tay Giave mó lên vai mình. Ông hiểu ngay, vội đi xuống nhà, Giave theo sau bén gót.

Bác gác nhìn hai người đi ra, cũng như lúc nãy nhìn hai người vào nhà, vẻ mặt vừa ngái ngủ, vừa kinh hoàng.

Hai người lên xe, bác đánh xe cũng trèo lên ghế.

- Thưa ông thanh tra Giave - Giăng Vangiăng nói - xin ông một điều nữa.

Giave gắt hỏi:

- Điều gì?

- Xin ông cho tôi ghé qua nhà một chốc. Sau đó, ông làm gì tôi cũng xin nghe.

Giave im lặng một lát, cầm thụt vào trong cổ áo dài. Rồi hắn hạ cái cửa kính phía trước xuống và bảo:

- Bác xe, phố Lomácmê, nhà số 7.

XI

CÁI TUYỆT ĐỐI BỊ LUNG LAY

Suốt dọc đường, hai người tuyệt đối không hé răng nói một lời nào nữa.

Giăng Vangiăng muốn gì? Làm nốt công việc ông đã bắt đầu; báo tin cho Côđét, nói cho Côđét biết Mariuytx ở đâu. Có lẽ cho cô điều gì khác có lợi và nếu có thể thì thu xếp mấy điều tối hậu. Còn về phần ông, về phần đối với riêng ông, thì xong rồi. Giave đã bắt được ông, ông không kháng

cự lại. Một người khác, ở trong trường hợp này, chắc có thể tờ mờ nghĩ đến cái dây thừng Tênacđiê đã cho mình và những chấn song trong nhà ngục mình sẽ bước chân vào. Nhưng từ ngày gặp giám mục, mỗi lần đứng trước một vụ mưu hại nào, dù là đối với bản thân mình, bao giờ Giăng Vangiăng cũng phân vân trong lòng, mối phân vân của kẻ ngoại đạo. Tự vẫn, một sự xúc phạm bí mật vào huyền bí có thể giết chết linh hồn, Giăng Vangiăng không thể làm việc ấy.

Xe vừa rẽ vào phố Lomácmê thì dừng lại; phố này hẹp quá, xe không vào được. Giave và Giăng Vangiăng nhảy xuống đất.

Bác lái xe khúm núm trình với "quan thanh tra" là tấm nhung Uytơrếch trong xe bê bết những máu của người bị giết và lấm bùn của thằng giết người. Ấy, bác hiểu như thế. Bác nói thêm là phải bồi thường cho bác. Vừa nói, bác rút ra ở túi một quyển sổ con, xin ông thanh tra làm ơn biên cho bác "mấy chữ nhận thực làm bằng".

Giave lấy tay gạt quyển sổ của bác đánh xe đưa bảo:

- Hết bao nhiêu, kể cả lúc đợi và chuyên chở?

- Thưa, đi bảy giờ mười lăm phút, còn tấm nhung thì mới nguyên ạ. Thưa ông thanh tra tám mươi phơrăng.

Giave móc túi lấy bốn đồng Napôlêông đưa cho bác xe rồi cho bác đi.

Giăng Vangiăng nghỉ bụng chắc Giave định dẫn bộ ông về đồn Bơlăng Măngtô hay đồn Ácsivơ ngay gần đấy.

Hai người đi vào trong phố. Cũng như thường ngày, phố hôm nay vắng vẻ. Giave bước theo Giăng Văngiăng. Đến căn nhà số 7, Giăng Vangiăng gõ cửa. Cửa mở Giave nói:

- Được, anh lên đi.

Rồi hắn nói thêm, giọng lạc đi, nghe rất lạ lùng, mà hình

như phải gắng sức lắm mới nói được:

- Tôi chờ anh ở đây.

Giăng Vangiăng nhìn Giave. Cái lối làm như thế, thật ít khi Giave làm. Nhưng, ông nghĩ ví dụ bây giờ Giave đối với ông có một thứ tin ngạo mạn đi nữa, thứ tin cậy của con mèo thả con chuột được tự do trong tầm móng vuốt của mình, thì ông cũng chẳng để ý làm gì, vì ông đã quyết tâm sẽ nộp mình cho Giave và không còn chờ mong gì nữa. Ông đẩy cửa bước vào trong nhà. Ông bảo bác gác đã buông màn đi ngủ: "Tôi đây mà", rồi ông lên gác.

Đến tầng thứ nhất, ông dừng lại nghỉ. Con đường đau khổ nào mà không có những chỗ nghỉ chân. Cái cửa sổ ở chỗ ngoặt trên cầu thang, một kiểu cửa sập lúc ấy mở. Trong những nhà lối cổ, cầu thang thường sát ngay đường cho sáng và để nhìn xuống phố. Cái đèn ngoài phố ở ngay trước mặt, soi một chút ánh sáng trên bậc thang, như thế đỡ tốn được món tiền dầu...

Giăng Vangiăng nhô đầu ra ngoài, không biết là để thở hay bất giác làm như thế. Ông cúi nhìn xuống phố. Phố thì ngắn, cái đèn rủ soi sáng từ đầu phố đến cuối phố. Giăng Vangiăng bỗng rất đỗi kinh dị, sửng sốt: không có một bóng người.

Giave đã đi mất.

XII

NGƯỜI ÔNG

Lão Bátscơ và lão gác cổng đã khiêng Mariuytx, vẫn nằm im bên cái ghế lúc nãy, sang bên phòng khách. Thầy thuốc, có người đi mời, đã đến.

Bà gì Gilơnormăng đi đi lại lại, tâm thần khiếp đảm, hai tay chắp vào nhau; và chỉ biết có kêu: "Trời ơi, có thể như thế được không?". Thỉnh thoảng bà lại nói: "Rồi máu dây khắp nhà". Khi cơn ghê rợn ban đầu đã qua, bà mới thấy trong đầu óc nảy ra cái triết lý về tình thế này và kêu lên: đã thế thì phải ra cơ sự thế này chứ! Bà không nói hẳn: *Tôi đã bảo mà,* như người ta thường nói trong những trường hợp như vậy.

Theo lời của thầy thuốc, người ta kê một cái ghế vải bên cạnh tràng kỷ. Thầy thuốc khám cho Mariuytx; ông thấy mạch vẫn đập, ngực không có vết thương nào sâu lắm, máu đọng ở hai bên mép là ứa ở mũi ra; ông liền cho đặt chàng nằm thẳng lên giường, bỏ gối đi cho đầu không cao hơn người, lại thấp hơn một chút nữa, mình thì cởi trần cho dễ thở. Bà dì Gilơnormăng thấy người ta lột áo Mariuytx thì lui ra. Bà vào buồng cầu kính.

Các bộ phận trong người Mariuytx không bị chấn thương; một viên đạn vấp cái ví, đi chệch quanh ngực làm rách một miếng thịt trông gớm ghiếc, nhưng không sâu, vì thế, không nguy hiểm gì. Xương đòn gánh bị vỡ lại đi một thôi dài dưới cống ngầm nên bị trẹo hẳn đi, gây rắc rối nghiêm trọng. Hai cánh tay bị chém nát. Không có vết thương nào làm xấu xí mặt mày: nhưng đầu đầy những vết chém. Những vết ấy sẽ ra sao? Có phải chỉ sướt ngoài da đầu không? Có chạm đến sọ không? Chưa thể nói quyết ngay được. Một triệu chứng trầm trọng là người bị thương ngất đi; nhiều khi ngất như vậy không tỉnh lại được nữa. Máu lại chảy nhiều, nên kiệt lực. Từ thắt lưng trở xuống, nửa phần dưới người có chiến luỹ che đỡ.

Lão Bátscơ và Nicôlét xé vải làm băng. Nicôlét khâu, lão Bátscơ cuốn. Vì thiếu vải bó, thầy thuốc phải tạm lấy bông

để cầm máu. Bên cạnh giường trên một cái bàn, thắp ba ngọn nến; hộp đựng đồ giải phẫu bày la liệt trên bàn. Thầy thuốc lấy nước lạnh rửa mặt, rửa tóc cho Mariuytx. Chỉ một lát là thùng nước đã đỏ ngầu. Bác gác cổng, tay cầm cây nến soi cho sáng.

Thầy thuốc có dáng buồn buồn suy nghĩ. Thỉnh thoảng ông lại lắc đầu, hình như để trả lời một câu hỏi đặt thầm trong bụng. Những câu chuyện bí mật người thầy thuốc trao đổi với chính mình như vậy là một dấu hiệu không tốt cho bệnh nhân.

Giữa lúc thầy thuốc lau mặt cho Mariuytx và lấy ngón tay nhẹ nhàng đặt lên mí mắt vẫn nhắm kín, thì cánh cửa ở cuối phòng khách chợt mở; một khuôn mặt dài và tái hiện ra.

Người ấy là ông ngoại Mariuytx.

Đã hai hôm nay, cuộc bạo động làm cho lão Gilơnormăng bồn chồn, phẫn uất, lo lắng. Đêm trước lão đã mất ngủ, suốt ngày hôm nay lão lên cơn sốt. Chiều tối lão đi nằm rất sớm, dặn người phải khoá tất cả các cửa lại, rồi, mệt quá, lão thiếp đi.

Người già vốn rất tỉnh ngủ; buồng lão Gilơnormăng kề liền sát phòng khách; mặc dù mọi người cố sức nhẹ chân nhẹ tay, nhưng lão cũng thức dậy. Lão ngạc nhiên thấy một vệt ánh sáng lọt qua khe cửa, lão liền trở dậy và lần ra ngoài.

Lão đứng ở ngưỡng cửa, tay vịn vào cái quả đấm mỏ vịt trên cánh cửa mở hé, đầu rung rung hơi cúi về đằng trước, mình mặc một cái áo ngủ trắng buông thẳng, không có nếp, trông như một tấm khăn liệm, vẻ mặt ngạc nhiên. Trông lão như một bóng ma đang chìm vào nấm mộ.

Lão thấy cái giường, và trên đệm một người máu me đầm đìa, da trắng bệch như bạch lạp, mắt nhắm, miệng há hốc,

môi tái nhợt, mình cởi trần, be bét những vết thương đỏ lòm; người ấy không động đậy, ánh sáng soi vào, trông chói cả mặt.

Lão rùng mình từ đầu đến chân, tuy chân tay lão chỉ có da bọc xương. Lòng đen con mắt đã ngả vàng thế mà bống long lanh một màu sáng đục. Chỉ trong khoảnh khắc, mặt lão trở thành góc cạnh, xám xịt, trông như đầu lâu một bộ xương. Tay lão thõng xuống như lò xo bị gãy. Lão sửng sốt hết sức, mấy ngón tay doãng ra trên hai bàn tay run lẩy bẩy; đầu gối khuỵu về đằng trước, để lộ giữa hai tà áo hai ống chân lởm chởm lông trắng. Lão nói khe khẽ:

- Mariuytx.

- Thưa cụ - Bátscơ thưa - người ta mới khiêng ông về. Ông ấy ra ngoài chiến lũy, và ...

Lão già hét lên, giọng khủng khiếp:

- Nó chết rồi! Chao ôi! Thằng tướng cướp!

Rồi như có một sức biến dạng yêu ma nào, ông già trăm tuổi bỗng dưng đứng thẳng người dậy như một thanh niên. Lão nói:

- Thưa ông, ông là thầy thuốc. Ông nói ngay cho tôi biết điều này. Nó chết rồi, phải không?

Thầy thuốc vô cùng lo lắng, nín lặng không nói.

Lão Gilơnormăng vặn hai tay, phá lên cười ghê rợn:

- Nó chết rồi! Nó chết rồi! Nó dẫn xác ra chiến lũy để cho người ta giết chết! Nó oán ghét tôi! Nó làm ra cơ sự này để trả thù tôi! Trời! Thằng khát máu! Mày trở về như thế này ư? Khổ thân tôi, nó chết rồi!

Ông đi ra cửa sổ, mở toang ra như sắp chết ngạt. Rồi đứng trước bóng tối, ông nói với đêm khuya ngoài phố:

- Người ta đâm nó, chém nó, cắt cổ nó, giết chết nó, xé tan xác nó. Trông thằng khốn nạn đây này! Nó thừa biết là tôi chờ đợi nó, tôi đã thu xếp cái buồng cho nó, tôi để cái ảnh nó chụp ngày còn nhỏ trên đầu giường tôi. Nó thừa biết là nó cứ việc trở về nhà, là tôi thầm gọi nó hàng bao nhiêu năm nay, là cứ tối tối, tôi ngồi bên ngọn lửa, hai tay đặt trên đầu gối, không biết làm gì, và hoá như người mất trí. Mày thừa biết như thế, mày cứ việc về và bảo: Tôi về đây, thế là mày làm chủ cái nhà này, mày bảo gì ta cũng nghe, mày muốn làm gì cái thằng già gàn dở này thì mày làm cơ mà. Mày biết thế, nhưng mày bảo: Không, cái lão này là một thằng bảo hoàng, ta không về đâu. Thế rồi mày ra chiến luỹ, thế rồi mày có ác ý để cho người ta giết chết mày, mày muốn trả thù câu tao nói về ông công tước Đơ Beri. Mày thật là nham hiểm! Thôi các người hãy đi nghỉ đi, cứ việc ngủ yên đi. Nó chết rồi. Tôi thức dậy như thế này đây!

Thầy thuốc bắt đầu thấy lo ngại cho cả hai người. Ông bỏ Mariuytx, lại gần lão Gilơnormăng, cầm cánh tay lão, lão Gilơnormăng quay lại, nhìn thầy thuốc bằng con mắt như mở to hơn và đỏ ngầu những máu. Lão bình tĩnh nói với thầy thuốc:

- Thưa ông, xin cảm tạ ông. Tôi bình tĩnh: tôi đã từng thấy vua Luy XVI chết; tôi chịu đựng được tất cả những biến cố xảy ra. Việc ghê gớm nhất là nghĩ rằng chính báo chí của các ông gây ra tất cả các tội ác. Các ông có những văn sĩ quèn, những thằng nói láo, những thầy kiện, những diễn giả, những diễn đàn, những cuộc thảo luận; rồi nào là tiến bộ, nào áng sáng, nào tự do, nào nhân quyền, nào tự do báo chí; thế rồi, đây này, người ta khuân con cái các ông về nhà như thế này đây. Út già! Thằng Mariuytx! Thật ghê tởm! Bị giết! Chết trước tôi! Cái chiến luỹ! À, thằng tướng cướp! Thưa bác sĩ,

hình như ông ở khu phố này. Tôi biết ông lắm. Đứng ở cửa sổ, tôi thường thấy xe của ông đi qua. Để tôi nói cho ông nghe. Ông chớ tưởng lầm rằng tôi đang cơn giận dữ. Ai lại giận một người chết bao giờ! Giận thì thật là ngu ngốc. Tay tôi đã nuôi nó. Lúc nó hãy còn tí tí thì tôi đã già rồi. Dạo này nó hay chơi ở vườn Tuylơri, nó cầm cái xẻng với cái ghế. Nó lấy xẻng đào hố đến đâu, là tôi theo đến đấy, lấy gậy lấp hố để các viên thanh tra khỏi mắng. Một hôm nó hét: Đả đảo Luy XVIII, rồi bỏ đi mất! Có phải lỗi tại tôi đâu. Da nó hồng hồng, tóc nó vàng óng. Mẹ nó chết rồi. Ngài có thấy mọi đứa trẻ, đứa nào tóc cũng vàng không? Tại sao vậy? Nó là con một thằng tướng cướp sông Loa. Nhưng trẻ thơ thì tội tình gì, bố nó làm bố nó chịu chứ! Tôi nhớ dạo nó thấp bằng thế này này. Nó không nói rõ chữ "d". Giọng nó nói êm ái, líu ríu như chim ấy. Tôi còn nhớ một hôm, ở trước pho tượng Ecquyn Phácne, mọi người xúm xít quanh nó trầm trồ khen ngợi cái thằng bé sao mà xinh thế! Thật y như trong tranh ấy. Tôi thường lớn tiếng mắng nó, tôi giơ gậy lên dọa nó, nhưng nó thừa biết là tôi đùa thôi. Cứ buổi sáng, nó vào buồng tôi, tôi càu nhàu, nhưng thấy như có mặt trời. Chả tài nào làm ngơ với bọn tí nhau ấy được. Chúng nó bám lấy mình, giữ riệt mình, đuổi cũng không đi. Sự thật thì chẳng đứa bé nào bằng thằng bé này. Bây giờ, ngài thử nghĩ xem, những người như La Fêêyet, Bengiamanh Công stăng đơ Coocxen của các ông, bọn ấy giết chết tôi đây này. Không thể thế được.

Lão đến gần Mariuytx, Mariuytx vẫn nhợt nhạt, không nhúc nhích; thầy thuốc đã trở lại với Mariuytx. Lão lại vặn hai tay. Hai môi trắng bệch của lão Gilơnormăng tự nhiên mấp máy thốt ra những tiếng chỉ nghe thấy loáng thoáng, như những hơi thở trong một cơn thở dốc: - Trời! Đồ bạc ác!

Trời! Hội kín với hội hở! Trời! Đồ vô lại! Đồ phiến loạn!

Đó là những lời một kẻ hấp hối trách mắc một cái thây ma.

Rồi cũng như những cuộc nổ ngấm ngầm trong lòng đất, thế nào cũng phải phụt ra ngoài, ông lại nói một thôi dài, nhưng hình như ông không còn sức nữa. Giọng ông trầm đục, thầm thì như vang lại từ bên kia vực thẳm:

- Nhưng cũng không sao, tôi, tôi cũng sắp chết rồi. Thế mà nghĩ rằng cả cái đất Pari này không có một cô ả nào mà lại không sướng mê tơi đi nếu được kết duyên với thằng chết tiệt này. Thằng đốn kiếp này không chơi cho sướng đời, lại đi đánh nhau để rồi bị đạn lăn ra chết như một con vật. Chết cho ai? Để làm gì? Cho nền cộng hòa! Đáng lẽ đi nhẩy ở tiệm Sômie, thanh niên nào lại không làm cái nhiệm vụ ấy! Sống phí cả cái tuổi hai mươi! Nền cộng hoà à? Một sự điên rồ ngu ngốc! Đấy, các bà mẹ cứ đẻ con cho khâu vào! Thôi nó chết rồi. Thế là sẽ có hai đám tang đi qua dưới cổng xe. Mày đã hành thân hoại thể mày ra thế để cho được lòng ông tướng Lamác. Ông ta đã cho mày ăn gì nào? Chẳng qua một tay băm thịt, một lão ba hoa thôi. Đi hy sinh cho một người chết, cứ nghĩ đến cũng đủ phát điên rồi! Các ngài phải hiểu cho! Mới hai mươi tuổi mới ức chớ! Lại không quay đầu thử nhìn xem có để lại gì trên đời này không. Thế cho nên bây giờ các cụ già thì tội nghiệp phải chịu chết cô đơn. Cứ héo đi trong nó của mày, hỡi chim cú ạ! Ừ, thực ra, thế càng hay, đó là điều ta mong mỏi, lần này thì ta đi đứt. Ta già quá rồi; ta đến trăm tuổi rồi, trăm nghìn tuổi rồi. Ta có quyền chết đã từ lâu. Qua cái vụ này thì xong đời! Thế là hết, sung sướng chưa! Cho nó ngửi amôniắc làm quái gì nữa! Cả cái đống

thuốc này nữa! Công toi! Thầy thuốc gì mà ngu thế! Thôi, nó chết rồi, nó chết thật rồi! Tôi biết thừa đi chứ, tôi cũng chết rồi cơ mà. Nó có làm gì nửa vời đâu. Hừ cái thời này thật kinh tởm, kinh tởm quá sức. Cả các ngài nữa cũng thế, cả những tư tưởng của các ngài, những chủ nghĩa, những ông thầy, những lời sấm, những nhà bác học, những anh văn sĩ bất lương, những nhà triết lý khốn nạn của các ngài và tất cả những cuộc cách mạng đã làm khiếp đảm đàn quạ ở dinh Tuylơri từ sáu mươi năm nay. Mày chết thế này, là mày chả thương ai, thế thì tao còn buồn phiền làm gì, quân giết người kia.

Giữa lúc ấy, Mariuytx từ từ mở mắt: con mắt anh vẫn như còn lạ lùng tê mê nhìn lão Gilơnormăng.

- Mariuytx! Mariuytx! Ông già reo lên, bé Mariuytx ơi, con ơi, Con yêu quý ơi! Con mở mắt rồi, con nhìn ông rồi, con còn sống, ơn trời!

Thế rồi lão lăn ra bất tỉnh.

QUYỂN IV

GIAVE MẤT HƯỚNG

Giave chậm rãi bước bước một khỏi phố Lomácmê.

Lần đầu tiên trong đời hắn, hắn cúi gầm xuống đi và cũng lần đầu tiên trong đời hắn, hắn chắp tay sau lưng mà đi.

Trong hai dáng điệu của Napôlêông, cho đến ngày hôm nay, Giave chỉ biết có một, dáng điệu cương quyết, tức là hai tay khoanh trước ngực; còn dáng điệu lưỡng lự, hai tay chắp sau lưng, Giave chưa hề biết đến bao giờ. Bây giờ đã có sự biến đổi; tất cả người hắn, chậm chạp ủ ê, biểu lộ một mối ưu tư.

Hắn đi sâu vào những phố vắng lặng.

Thế nhưng hắn đi về một hướng nhất định.

Hắn tiến thẳng về phía sông Xen, qua những đường ngắn nhất, rẽ ra phố Ormơ, dọc theo bờ sông mà đi, qua Lagơrevơ rồi dừng lại, cách cái đồn ở công viên Satơlê một quãng ở góc cầu Đức Bà. Đến quãng này, - tức là nơi ở giữa cầu Đức Bà và cầu Sănggiơ một bên, một bên là giữa bờ Mêgixơri và bến Hoa, thì con sông Xen giống như một cái hồ vuông cạnh, ở giữa là một dòng thác chảy xiết.

Quãng sông này, các thủy thủ đi sông phải sợ. Ngày ấy, dòng thác trong lòng sông còn bị thắt lại và các cột chân cối xay ở cầu, nay đã phá huỷ, làm cho chảy cuộn nên rất nguy

hiểm. Hai cầu xây gần nhau quá, con sông càng thêm hiểm trở; nước đổ dữ dội dưới vòm cầu; sóng nổi từng đợt khủng khiếp; nước sông dồn lại, tụ lại. Những luồng sóng giống như từng cuộn dây thừng bằng nước to tướng gắng hết sức kéo bật chân cầu đi. Ai sẩy chân rơi xuống quãng sông này không bao giờ ngoi lên được; những người bơi lội tài giỏi nhất cũng chịu chết đuối.

Giave tì hai khuỷu tay lên thành cầu, cằm đặt vào giữa hai bàn tay, móng tay tự nhiên bấu vào hai bên ria má rậm rì. Hắn nghĩ ngợi.

Một sự mới lạ, một cuộc cách mạng, một tai biến vừa xảy ra trong đáy lòng hắn; vì thế nên hắn mới tự vấn lương tâm.

Giave thấy lòng đau quặn.

Từ mấy tiếng đồng hồ nay, hắn không phải là con người đơn giản nữa. Hắn rất bối rối; bộ óc hắn vốn trong suốt trong đui mù, nay không còn trong suốt nữa. Khối pha-lê ấy vẩn đục một đám mây mờ. Trong lương tâm, hắn thấy có hai con người, hắn không thể tự dối mình được. Lúc bất ngờ gặp Giăng Vangiăng dưới bãi sông Xen, hắn có cái cảm giác như một con sói tóm lại được mồi, và như một con chó được gặp lại chủ cũ.

Hắn thấy trước mặt hắn có hai con đường, thẳng tắp cả hai, nhưng vẫn là hai con đường. Xưa nay, suốt đời hắn, hắn chỉ thấy có một con đường thẳng, nên lúc ấy hắn khiếp sợ. Điều dằn vặt nhất là hai con đường ấy lại đi trái ngược nhau. Con đường nọ không dung con đường kia. Con đường nào là con đường đúng?

Giave ở trong một tình trạng rất khó tả.

Được một tên gian phi cứu sống, nhận cái ơn ấy rồi lại trả ơn, tuy không muốn mà phải đặt mình ngang hàng với một tên tù tái phạm; lấy nghĩa trả nghĩa; để cho tên tù phạm ấy

bảo mình "Thôi đi đi", rồi đến lượt mình lại bảo hắn: "Đi đâu thì đi". Vì những lý do cá nhân mà bỏ cả nhiệm vụ, cái bổn phận chung đó và lại thấy những lý do cá nhân ấy có cái gì cũng là chung, mà có lẽ lại trọng hơn. Phản lại xã hội để nghe theo tiếng nói của lương tâm. Đấy, tất cả những điều phi lý ấy cứ xảy ra, cứ chồng chất trên đầu hắn, hắn thấy vô cùng kinh hoàng.

Điều làm cho hắn ngạc nhiên là Giăng Vangiăng đã tha cho hắn và điều làm cho hắn kinh dị là hắn đã tha cho Giăng Vangiăng.

Hắn bây giờ thế nào? Hắn tự tìm hiểu mình mà không biết mình ra sao. Phải làm gì bây giờ? Bắt lấy Giăng Vangiăng là không đúng, mà để mặc kệ Giăng Vangiăng cũng không xong. Trong trường hợp thứ nhất thì người nhà nước lại hèn mạt hơn một tên tù; trong trường hợp thứ hai, thì một tên tù khổ sai lại vượt lên trên pháp luật, giày xéo lên pháp luật. Trong cả hai trường hợp, Giave đều mất danh dự cả. Dù có đi theo con đường nào cũng là sa ngã. Số phận con người có những bờ vực trên đỉnh của sự nan giải, nếu vượt qua một cái thì cuộc đời chỉ còn là vực sâu. Giave đang đứng ở một nơi tận cùng như vậy.

Một điều khiến hắn bàng hoàng, là hắn cứ phải loay hoay nghĩ ngợi. Hắn thấy trong người nôn nao, không nghĩ không được. Từ xưa, hắn chưa hề nghĩ ngợi bao giờ, bây giờ hắn thấy nghĩ ngợi thật là đau khổ lạ lùng.

Mà đã nghĩ, tất có những tư tưởng phản kháng ngấm ngầm; hắn thấy bực dọc trong người.

Trong bất kỳ việc gì ngoài nhiệm vụ nhỏ hẹp thường ngày của hắn, hắn đều thấy nghĩ ngợi không ích gì, mà lại thêm mệt. Đến hôm nay, nghĩ ngợi về những việc đã xảy ra trong

ngày lại là một nhục hình. Tuy vậy, sau những xúc động như thế, hắn thấy phải nhìn thẳng vào lương tâm mình, phải chính mình báo cáo cho mình biết con người mình.

Nghĩ đến việc hắn vừa làm, hắn rùng mình. Hắn, Giave, hắn đã tự ý thả một tên tội phạm, trái hẳn với tất cả luật lệ cảnh sát, trái hẳn với toàn bộ luật điển. Hắn đã thừa nhận việc ấy. Hắn đã lấy việc riêng làm việc công. Thế chẳng là quá lắm hay sao? Mỗi lần nghĩ đến cái việc đã phạm, không biết gọi là tội gì, hắn lại run bắn người lên. Biết làm thế nào? Chỉ còn độc một cách là mau mau trở lại phố Lomácmê bắt Giăng Vangiăng. Rõ ràng là phải làm như thế mới đúng. Nhưng không thể làm được.

Có cái gì chặn ngang con đường ấy lại?

Cái gì? Biết cái gì? Thế ra, ở đời này, ngoài tòa án, ngoài những bản tuyên án, ngoài sở cảnh sát, ngoài nhà nước, lại còn có cái gì khác nữa à? Giave vô cùng hoang mang.

Một tên tù khổ sai mà bất khả xâm phạm! Một tên trọng phạm thoát vòng pháp luật! Chính Giave là thủ phạm việc ấy!

Giave và Giăng Vangiăng, một người sinh ra để trừng trị tội, một người sinh ra để bị trừng trị, cả hai người cùng là đối tượng của pháp luật, thế mà tình cảnh lại xui nên hai người ấy cùng vượt lên trên pháp luật, hỏi như thế có rùng rợn không? Thế nào! Để cho xảy ra những việc quái đản như thế mà không ai bị trừng trị cả à? Giăng Vangiăng đứng trên toàn bộ trật tự xã hội, sẽ được tự do, mà Giave vẫn sẽ cứ điềm nhiên ăn cơm gạo của nhà nước à?

Càng nghĩ hắn càng thấy kinh khủng.

Trong ý nghĩ, cũng có khi hắn tự trách về cái tên phiến loạn đã được mang về phố Phidơ Đuy Canve kia; nhưng hắn cũng bỏ qua việc ấy. Tội nhỏ thường dễ lẫn trong tội lớn. Vả lại tên phiến loạn ấy thế nào cũng chết rồi; pháp luật không truy tố người đã chết.

Giăng Vangiăng mới chính là cái cục đá nặng trĩu trong đầu óc hắn.

Giăng Vangiăng làm hắn hoang mang. Tất cả những nguyên lý trước đây là chỗ dựa cho cả cuộc đời hắn, nay bỗng nhiên sụp đổ trước con người ấy. Lòng đại lượng của Giăng Vangiăng đối với Giave làm cho hắn khổ. Hắn còn nhớ những việc khác mà trước đây hắn cho là nói láo, là xảng bậy, bây giờ hắn nhớ lại và thấy như là những chuyện có thật. Hình ảnh ông Mađơlen lại hiện lên đằng sau Giăng Vangiăng: hai khuôn mặt đáng tôn kính. Giave cảm thấy có cái gì đáng ghê tởm thấm sâu vào tâm hồn hắn: đó là lòng khâm phục một tên tù khổ sai. Kính phục một tên trọng phạm, có thể như thế được không? Hắn rùng mình nhưng không thoát khỏi. Hắn cố giẫy ra nhưng vô hiệu. Trong thâm tâm hắn hắn thú thực là tên cùng khốn ấy cao cả thật. Rõ ghê tởm chưa!

Một kẻ ác có lòng thiện, một tên tù khổ sai biết thương người, hiền từ, phúc đức, đại lượng, lấy ơn trả oán, lấy lòng tha thứ đáp lại lòng căm thù, ưa thương người chứ không ưa báo oán, thà hy sinh thân mình chứ không màng hại kẻ địch, cứu kẻ đã hại mình; kẻ ấy quỳ gối trên đạo đức cao cả, kẻ ấy gần thiên thần hơn là gần loài người. Giave phải tự thú là con quái vật ấy có thật.

Không thể kéo dài như thế mãi được.

Chúng tôi nhấn mạnh chỗ này, Giave không phải đã đầu hàng không kháng cự con quái vật ấy, vị thiên thần chết giẫm

ấy, đấng anh hùng dị dợm ấy mà hắn vừa căm vừa khinh dị. Hắn vừa uất ức vừa kinh hoàng. Khi ngồi đối diện với Giăng Vangiăng trên xe ngựa, hàng chục lần, con hùm của pháp luật đã gầm lên trong người hắn. Đã hàng chục lần, nó định nhảy xô vào Giăng Vangiăng mà vồ lấy, mà ngấu nghiến, tức là tóm cổ Giăng Vangiăng. Nào có gì giản dị hơn! Đến một đồn cảnh sát, cứ việc kêu lên: "Một tên tiền án vi phạm luật quản thúc đây!" Cứ việc gọi lính sen đầm mà bảo: Đây, trao tên này cho các anh, thế rồi bỏ đi, mặc kẻ tội phạm ở đây, ra sao thì ra, không dính dáng gì đến nữa. Kẻ ấy là tù nhân của pháp luật: pháp luật muốn làm gì thì làm. Còn gì công minh hơn? Giave đã nói nhiều với mình tất cả những điều ấy. Hắn đã muốn bỏ qua tất cả, muốn ra tay hành động, bắt lấy người kia, thế nhưng lúc ấy cũng như bây giờ, hắn không thể làm được. Mỗi lần bàn tay hắn run run giơ lên định tóm cổ Giăng Vangiăng, thì lại như một vật nặng phi thường, rơi xuống, hắn nghe thấy một tiếng nói trong đáy lòng, một tiếng nói lạ lùng, tiếng ấy kêu lên:

- Khá đấy! Cứ bắt lấy người đã cứu sống mày đi. Thế rồi mang cái chậu của Pôngxơ Pilát[1] đến mà cọ rửa móng vuốt!

Rồi hắn lại nghĩ đến hắn. Bên cạnh Giăng Vangiăng lớn lao hơn, hắn thấy hắn, Giave, bé nhỏ đi.

Một tên tù khổ sai lại là ân nhân của hắn!

Nhưng tại sao hắn lại để cho người kia tha chết cho hắn? Ô chiến luỹ, hắn có quyền được người ta giết chết. Đáng lẽ hắn phải dùng đến cái quyền ấy. Đáng lẽ phải kêu cứu những

(1) Ponce Pilate khi trao Giêsu cho người Do Thái hành hình, cọ rửa tay vào chậu nước: ý muốn nói đổ trách nhiệm cho người khác.

người bạo động khác để chống lại Giăng Vangiăng, bắt người ta bắn chết mình; làm như thế mới phải.

Hắn dần vặt nhất là lúc không còn biết thế nào là phải. Hắn như bị mất rễ. Luật lệ chỉ còn là một đoạn gươm ngắn hắn nắm trong tay. Hắn thấy lòng hắn băn khoăn, những nỗi băn khoăn từ xưa hắn chưa từng biết tới. Trong người hắn, bừng lên một thứ tình cảm hoàn toàn khác hẳn cái khẳng định tính của pháp luật. - cái mực thước duy nhất của hắn từ xưa tới nay. Cứ đứng nguyên trong cái vòng liêm khiết cũ kỹ, hắn thấy chưa đủ. Cả một loạt những việc bất ngờ trỗi dậy, khuất phục hắn. Cả một thế giới mới lạ hiển hiện trong tâm hồn hắn: nhận ơn và trả nghĩa, lòng hy sinh, lòng nhân ái, lòng khoan dung, lòng trắc ẩn chống lại tính khắc nghiệt, việc công nhận con người, không còn án quyết vĩnh viễn, không còn đầy đọa mãn kiếp, có thể có một giọt lệ trong con mắt luật pháp, một thứ công lý của thượng đế đi ngược lại thứ công lý của loài người. Trong khoảng tối mịt mù, hắn thấy mọc lên một mặt trời đạo đức lạ lùng đáng sợ. Hắn kinh tởm và quáng cả mắt. Hắn như con cú bị bắt buộc phải nhìn với con mắt của chim ưng.

Hắn tự bảo là đúng như vậy, ở đời này có những trường hợp ngoại lệ, nhà chức trách có thể lúng túng; trước một sự việc luật pháp có khi bó tay; không phải cái gì cũng định sẵn trong luật lệ; điều bất ngờ có thể cần được tuân theo, đạo đức của một tên tù khổ sai có thể là cạm bẫy đối với đạo đức của một viên chức; một kẻ ghê tởm có khi là một ông thánh, số mệnh có những cạm bẫy như vậy. Rồi hắn tuyệt vọng thấy rằng ngay hắn ta cũng không thoát khỏi một sự bất ngờ như vậy.

Hắn buộc phải nhận là ở trên đời quả có lòng nhân đức. Tên tù khổ sai kia có lòng nhân đức. Và, lạ lùng quá, chính hắn, hắn cũng vừa có lòng nhân đức. Như thế là hắn đã sa ngã.

Hắn thấy hắn hèn nhát; hắn thấy chính hắn làm cho hắn ghê tởm.

Lý tưởng đối với Giave đâu phải là nhân đạo, là vĩ đại, là cao cả. Giave chỉ muốn là người không phạm lỗi gì.

Thế là hắn vừa lầm lỗi.

Sao hắn có thể đến như thế này? Việc này đã diễn ra như thế nào? Hắn không biết trả lời ra sao. Hai tay hắn ôm đầu, nhưng vô hiệu, hắn không thể giải nghĩa tại sao sự tình lại đến nông nỗi ấy.

Thật ra hắn vẫn luôn luôn có ý định giao Giăng Vangiăng cho luật pháp. Giăng Vangiăng là kẻ tù nhân của luật pháp, còn hắn, Giave, hắn là nô lệ của pháp luật. Lúc còn nắm Giăng Vangiăng trong tay, chưa bao giờ hắn thấy rằng hắn có ý định thả Giăng Vangiăng. Hình như vô tình mà bàn tay hắn đã mở ra và buông tha tên tù.

Đủ mọi điều mới lạ bí hiểm hé mở trước mắt hắn. Hắn tự đặt những câu hỏi rồi tự trả lời; những câu trả lời càng làm hắn thêm ghê sợ. Hắn tự hỏi: Cái tên tù khổ sai ấy, ta săn đuổi nó, khủng bố nó, tên tù ấy đã giẫm chân lên lưng ta, nó có thể báo thù, báo thù cho hả giận và để cho yên thân, thế mà nó lại tha cho ta sống, nó đã làm gì vậy? Nhiệm vụ chăng? Không. Có cái gì hơn thế nữa. Thế còn ta, đến lượt ta tha cho nó, ta đã làm gì? Nhiệm vụ chăng? Không. Hơn thế. Thế ra còn cái gì hơn cả nhiệm vụ? Đến đây, hắn hoảng sợ. Cái cân của hắn rã rời, một đĩa cân rơi xuống vực thẳm, một cái bay bổng lên trời. Giave thất kinh nhìn lại cả hai cái, cái trên cao và cái dưới thấp. Hắn chẳng như những đồ đệ của Vonte,

hoặc là những triết nhân hay là những người chẳng tin gì hết; trái lại, tự bản năng hắn, hắn rất kính cẩn đối với cái nhà thờ chính thống; cái nhà thờ ấy, hắn coi như là một bộ phận uy nghiêm của toàn thể xã hội; trật tự là giáo lý của hắn; và chỉ có thế. Từ khi trưởng thành và ra làm một viên chức, hắn coi sở cảnh sát như cả một tôn giáo. Hắn làm mật thám cũng như người ta làm cố đạo vậy; ở đây chúng tôi dùng danh từ không chút mỉa mai, dùng với cái nghĩa rất đúng đắn của nó. Hắn có một cấp trên là ông Gixkê; cho đến nay hắn chưa hề nghĩ đến một đấng bề trên khác, là Chúa.

Đấng thủ lĩnh mới này, tức là Chúa, nay bỗng nhiên hắn cảm thấy và lòng hắn sinh ra bối rối.

Thấy thượng đế, hắn như lạc mất phương hướng.

Hắn không biết phải làm gì đối với cấp trên này, trong khi hắn biết thừa cấp dưới phải luôn luôn phục tùng, không nên cãi lệnh, không nên chỉ trích, không nên thảo luận; đối với một cấp trên làm cho ta quá đỗi kinh ngạc thì chỉ có cách xin từ chức.

Thế nhưng làm thế nào mà xin Chúa cho từ chức?

Dù sao thì cái sự kiện nổi lên hàng đầu và khiến hắn luôn luôn nghĩ tới là hắn vừa vi phạm kỷ luật một cách kinh khủng. Hắn vừa nhắm mắt bỏ qua một tên tù tái phạm vượt ngục. Hắn vừa thả một tên trọng phạm. Hắn vừa đánh cắp của pháp luật một người ở trong tay pháp luật. Hắn đã làm như thế. Hắn không hiểu mình nữa. Không biết hắn có còn là hắn không. Ngay cả những lý do hành động của hắn, hắn cũng không nhớ, hắn chỉ mường tượng thấy rất hỗn loạn. Từ trước đến nay, hắn chỉ sống với một lòng chính trực trong hũ nút, kết quả của một lòng tin mù quáng. Bây giờ, lòng tin đã mất, lòng chính trực cũng không còn nữa. Tất cả những cái gì hắn

đã tin, nay tiêu tan đi. Những sự thật hắn không ưa cứ ám ảnh hắn hoài, rất khốc liệt. Từ nay, phải biến thành một người khác. Lương tâm hắn như con mắt bỗng nhiên phải cắt màng, hắn đau đớn quá chừng. Hắn phải trông những cái hắn kinh tởm. Hắn thấy mình kiệt lực, vô dụng, tách rời hẳn cuộc đời cũ, bị bãi chức, bị huỷ bỏ đi. Trong hắn, con người nhà nước đã chết. Hắn không còn lý do tồn tại nữa.

Xúc động là một tâm trạng khủng khiếp.

Rắn như sắt đá, mà lại hoài nghi! Hắn là hiện thân của hình pháp, như đúc nguyên khối trong khuôn luật pháp, thế mà nay bỗng nhiên lại thấy ở trong ngực đồng đúc của mình một cái gì phi lý, nghịch mệnh, na ná như một trái tim! Hắn lại lấy đức báo đức, cái đức ấy, bấy nay hắn vẫn coi là một cái tội! Là một con chó giữ nhà mà lại đi liếm tay! Là một khối nước đá lạnh buốt mà lại tan! Là cái kìm bỗng hoá ra bàn tay! Mà những ngón tay tự nhiên lại buông ra! Buông tay, rõ khủng khiếp chưa!

Con người như viên đạn phóng ra mà nay không biết con đường mình đi, và lùi lại!

Phải thú nhận điều này: cái không thể sai lầm vẫn có thể sai lầm; trong giáo lý vẫn có lầm lỗi; cái gì đã nói trong bộ luật cũng chưa phải là đã xong; xã hội không phải là hoàn hảo, quyền thế còn có những chỗ lung lay, cái bất biến có thể nứt rạn, quan toà cũng chỉ là người, luật pháp có thể lầm lỗi, toà án có thể sai lệch! Trên nền trời xanh như tấm kính, trông thấy có vết rạn.

Điều xảy ra trong người Giave là sự ngả nghiêng của một lương tâm vốn thẳng tắp, sự chệch đường của một tâm hồn, sự bẹp dí của một bản chất trung thực lao theo con đường

thẳng nhưng lại va phải Chúa. Quả là lạ! Một người đốt lò trật tự, một người thợ máy của quyền lực nhà nước cưỡi con ngựa sắt mù, chạy trên đường thẳng, mà đột nhiên bị một tia sáng làm cho ngã ngựa! Cái bất dịch, cái thẳng thắn, cái đúng đắn, cái hình học, cái hoàn hảo lại càng nao núng đi! Đầu máy xe lửa mà lại chạy trên con đường ánh sáng!

Chúa luôn luôn ở bên trong chúng ta; Chúa là lương tâm chân chính chống lại lương tâm giả dối, là lệnh cấm tất đối với đốm lửa, là lời phán truyền cho tia sáng phải nhớ vầng dương, là chỉ thị cho linh hồn phải nhận ra tuyệt đối chân chính khi nó đối diện với tuyệt đối hư ảo; Chúa là nhân loại bất diệt, là nhân tâm vĩnh cửu, cái hiện tượng huy hoàng, cái điều kỳ diệu đẹp nhất bên trong chung ta đó. Giave có hiểu không? Hắn có nhận thức thấu đáo không? Hắn có thấy rõ không? Tất nhiên không. Tuy nhiên dưới áp lực của cái hiển nhiên không thể hiểu, hắn cảm thấy trí não hắn mở ra.

Hắn là nạn nhân của điều kỳ diệu ấy hơn là người được biến cải. Hắn chịu đựng một cách cam phẫn. Hắn chỉ thấy khó sống trong cảnh này. Hắn cảm thấy từ nay trở đi sẽ khó thở.

Giave chưa hề biết trên đầu mình còn có cái huyền bí.

Xưa nay, bên trên hắn, hắn chỉ thấy một mặt phẳng, giản đơn, trong suốt; ở đấy, chẳng có gì là bí mật, tối tăm; cái gì cũng rõ ràng, ăn khớp, dính chặt với nhau, chính xác, đúng đắn, tiếp giáp nhau, có ranh giới, có hạn định. Cái gì cũng thấy trước được; nhà nước là một mặt bằng phẳng; ở đấy không có cái gì sụt sống; cũng không có cái gì nhô lên cao ngất. Chỉ ở bên dưới hắn, mới có cái khó hiểu. Cái bất thường, cái bất ngờ, cái lỗ hổng mở vào cảnh ngổn ngang, cảnh phức tạp, nơi có thể trượt chân ngã xuống vực thẳm, đó là chuyện

của những khu vực bên dưới, khu vực của những kẻ phiến loạn, những kẻ gian tà, những kẻ khốn khổ. Bây giờ Giave ngửa người ra đằng sau, thì mới hoảng hồn nhận thấy một vực thẳm bất chợt xuất hiện trên đầu.

Chao ôi! Hắn bây giờ như cả một thành trì san bằng từ móng tới đỉnh. Hắn vô cùng bối rối! Biết trông cậy vào đâu? Điều hắn tin tưởng nay đã đổ sụp.

Thế nào! Hóa ra một tên khốn khổ cao thượng đã tìm thấy chỗ yếu trong cái vỏ xã hội. Thế nào! Hóa ra một người đầy tớ trung thành của luật pháp bỗng nhiên bị kẹp giữa hai trọng tội: tội thả một người và tội bắt giữ người ấy lại. Thế ra mệnh lệnh của nhà nước giao cho người viên chức cũng không phải là đúng cả! Trong nhiệm vụ, vẫn còn có những lối nghễn tắc! Thế nào! Tất cả những cái ấy là sự thật cả ư! Có phải rằng một thằng kẻ cướp đã còng lưng dưới bao tội tình, nay lại có thể đứng ngay dậy và thắng lý không? Có thể tin được như thế không? Vậy ra có những trường hợp luật pháp phải lùi bước trước tội ác được cải tạo và ấp úng mấy câu xin lỗi.

Đúng, quả đúng như thế. Chính mắt Giave đã trông thấy! Chính tay Giave đã sờ thấy! Không những hắn không thể chối cãi, hắn còn là người đã tham dự vào việc ấy. Đây là những sự thật hiển nhiên. Có điều ghê sợ là tại sao những sự việc hiển nhiên lại có thể dị kỳ quái gở đến thế!

Nếu sự kiện làm nhiệm vụ của mình thì sự kiện chỉ là những bằng chứng của luật pháp; sự kiện do Chúa gửi xuống. Phải chăng ngày nay rối loạn lại từ trên trời xuống?

Sự hoảng loạn thường phóng đại sự việc, sự kinh hoàng thường làm cho ta bị ảo thị, cho nên cái gì có khả năng giảm nhẹ và chỉnh đốn cảm giác của Giave đều lu mờ, và xã hội,

và nhân quần, và vũ trụ, từ nay dồn tóm thành một nét vẽ giản đơn và dị dợm. Thế là hình phạt, hình án, quyền lực của luật pháp, án quyết của tòa chung thẩm, quan tòa, chính phủ, việc giam cứu, việc trấn áp, sự sáng suốt của chính quyền, sự đúng đắn của luật pháp, nguyên tắc quyền lực, tất cả những giáo lý làm chỗ dựa cho nền an ninh công cộng, quyền uy, công lý, lôgic của hình bộ luật, cái tuyệt đối xã hội, chân lý công khai, tất cả những cái ấy đã đổ nát ngổn ngang, vung vãi, lộn xộn hay sao? Bản thân hắn, Giave người canh gác trật tự, hiện thân của liêm chính phục vụ sự nghiệp an ninh, thần gác cửa của xã hội, hắn đã bị thua, đã đo đất. Trên cảnh hoang tàn đổ nát ấy, có một người đứng thẳng, mũ xanh trên đầu, hào quang quanh trán. Đấy, hắn đã lâm vào cảnh đảo lộn đó. Đầy cái hình ảnh ghê gớm đã hiện lên trong tâm hồn hắn.

Cái điều đó có thể chịu được không? Không.

Một tình trạng quyết liệt. Chỉ có hai lối thoát. Một là về ngay nhà Giăng Vangiăng, mang tù nhân trả lại cho nhà tù. Hai là...

Giave rời bỏ thành cầu, đầu ngẩng cao, quả quyết bước về phía đồn cảnh sát, nhờ có một cái đèn ở góc công viên Satơlê nên nhận thấy.

Đến nơi, nhìn qua cửa kính thấy một viên cẩm. Hắn bước vào đồn. Cứ xem cách mở cửa đồn, bọn cảnh binh cũng đủ biết là người cùng bọn. Giave xưng tên, đưa thẻ cho viên cẩm, rồi ngồi ở một cái bàn có thắp cây nến. Trên bàn có một cái bút, một lọ mực bằng chì, và giấy má để làm biên bản khi bắt thần và ghi những nhận xét trong các cuộc tuần tra ban đêm.

Đồn cảnh sát nào cũng có cái bàn này, kèm theo một cái ghế rơm. Đó là một thể lệ. Giave cầm lấy bút và một tờ giấy rồi đặt bút viết. Hắn viết như sau:

Mấy nhận xét để công việc nhà nước tiến hành được tốt

"Thứ nhất: Xin ông thị trưởng cảnh sát chú ý.

"Thứ hai: Những người bị giam cứu từ phòng dự thẩm về thường phải cởi giầy ra, đi chân không để người ta khám xét. Nhiều người vì thế bị ho khi vào nhà pha. Như thế hao tốn cho quỹ bệnh xá.

"Thứ ba: Việc theo dõi kẻ phạm pháp bằng cảnh sát đặt từng chặng thì tốt, nhưng trong những trường hợp quan trọng, cần phải có hai cảnh sát ở gần nhau, trông thấy được nhau, để khi một người khiếm khuyết vì một cớ gì đó, thì người kia có thể kiểm tra và thay thế.

"Thứ tư: không hiểu tại sao nội quy riêng của ngục Mađơlonnét lại cấm tù nhân không được có ghế, dù họ có chịu trả tiền cũng không.

"Thứ năm: Ở ngục Mađơlonnét, căng tin chỉ có hai chấn song, nên chị bán hàng có thể để tù nhân sờ tay mình được.

"Thứ sáu: Những tù nhân có trách nhiệm gọi những tù nhân khác ra phòng tiếp, bắt người ta phải trả hai xu mới gọi rõ tên, như thế là một sự đánh cắp.

"Thứ bảy: Trong xưởng dệt, cứ mỗi sợi chỉ bung tù nhân phải chịu khấu mười xu; như thế là người thầu khoán đã lạm dụng, bởi vì vải không vì thế mà kém phẩm chất.

"Thứ tám: Để những người khách thăm ở ngục La Forxơ phải qua sân trẻ con mới đến được phòng tiếp của ngục Xanh Mari Lêgipxiêng là điều bất lợi.

"Thứ chín: Ngày nào người ta cũng nghe thấy ở sân thị sở những viên sen đầm khác nhau chuyện quan tòa hỏi cung bị cáo. Một viên sen đầm đáng lẽ phải nghiêm túc, mà kể lại

những chuyện đã nghe được ở phòng dự thẩm thì là một sự mất nề nếp nghiêm trọng.

"Thứ mười: Bà Hăngri là một người ngay thẳng: Căngtin của bà khá sạch sẽ; nhưng để một người đàn bà giữ cửa của cái bẫy chuột bí mật thì không tốt. Điều ấy không đáng tồn tại ở nhà Khám lớn của một nước văn minh".

Giave viết những dòng chữ trên rất bình tĩnh và rất đúng thể cách, không bỏ sót một dấu phẩy; hắn kéo ngòi bút chạy sàn sạt trên mặt giấy. Bên dưới dòng cuối cùng, hắn ký:

"**Giave**,

"Thanh tra hạng nhất

"Làm tại đồn quảng trường Satơlê,

Ngày 7 tháng Sáu 1832, khoảng một giờ sáng"

Giave thấm mực ướt trên giấy, gấp như một phong thư, dán lại rồi đề ở ngoài: "Công văn gửi cơ quan quản lý". Hắn đề bức thư trên bàn rồi đi ra ngoài. Cái cửa kính có song sắt khép lại sau lưng hắn.

Hắn lại đi chéo qua quảng trường Satơlê, ra bến, rồi chính xác như cái máy, hắn trở lại đúng nơi cách đây mười lăm phút hắn vừa bỏ đi. Cũng cùng một dáng điệu y hệt lúc nãy, hắn tì vào bao lơn, vẫn ở hòn gạch lát ấy. Trông tưởng như từ nãy hắn chưa hề nhúc nhích.

Đêm đã tối hẳn, lúc này là lúc quá nửa đêm, trời ảm đạm. Mây như bức trần che lấp sao xa. Trời giống như một khoảng dày đặc ghê hồn. Nhà cửa trên đảo Xitê đã tắt ngấm đèn. Không một người qua lại. Từ phố xá, từ bến tàu trông ra, chỉ thấy vắng lặng. Nhà thờ Đức Bà và Tòa án trông như những nét phác họa của đêm khuya. Một cái đèn chiếu màu đỏ trên thành bến. Bóng những cái cầu lệch lạc trong sương mù, cái nọ xếp sau cái kia. Con sông tràn nước mưa.

Nơi thành bến mà Giave đứng tựa chính là nơi bên trên thác nước trong dòng sông Xen, như ta còn nhớ, ở ngay trên xoáy nước kinh người cứ xoắn lại, rồi lại mở ra như một cái danh vít không cùng.

Giave cúi đầu xuống nhìn. Đen ngòm. Không thấy gì hết. Nghe thấy tiếng bọt, nhưng trông không thấy sông. Thỉnh thoảng, dưới cái vực sâu thăm thẳm, một vết ánh sáng mờ mờ hiện ra, trườn trong bóng tối. Trong khoảng đen tối mịt mù, không hiểu dòng sông lấy ánh sáng ở đâu mà biến thành hình rắn nước. Ánh nước tắt, lại chẳng trông thấy gì hết. Hình như đấy là nơi đi vào mênh mông. Bên dưới chúng ta, không phải là nước, mà là vực thẳm. Thành bến dốc đứng, lờ mờ trong sương mù, bỗng biến đi, tưởng như là cái dốc dựng ngược của vô cùng vô tận.

Không trông thấy gì, nhưng như cảm thấy cái giá buốt hằn thù của nước lạnh và mùi đá ẩm ướt nhạt tanh. Một cơn gió gay gắt từ dưới vực thốc lên. Nước đang lên trong dòng sông chỉ đoán thấy chứ không trông rõ, tiếng sóng rầm rì thê thảm, bóng các nhịp cầu to lù lù dễ sợ, cái dòng thác có thể tưởng tượng trong khoảng không mờ mịt, tất cả bóng tối ấy thật là kinh khủng.

Giave đứng im như tượng mấy phút, mắt nhìn vào cái hố tối om ấy. Hắn đăm đăm nhìn vào cái khoảng vô hình với sự tập trung chú ý. Nước vẫn rì rào. Bỗng hắn bỏ mũ ra, đặt xuống bao lơn. Một lát sau, nếu có khách đêm khuya khoắt đi qua ắt trông thấy một bóng người cao lớn, đen ngòm như một bóng ma đứng trên bao lơn bến, cúi xuống sông Xen, rồi thẳng người lên, và rơi thẳng xuống vực thẳm. Một tiếng tõm đùng đục. Chỉ có bóng tối biết những cơn quằn quại của cái bóng mờ mờ chìm dưới dòng nước.

Nơi thành bến mà Giave đứng tựa chính là nơi bên trên thác nước trong dòng sông Xen, như ta còn nhớ, ở ngay trên xoáy nước kinh người cứ xoắn lại, rồi lại mở ra như một cái đanh vít không cùng.

Giave cúi đầu xuống nhìn. Đen ngòm. Không thấy gì hết. Nghe thấy tiếng bọt, nhưng trông không thấy sông. Thỉnh thoảng, dưới cái vực sâu thăm thẳm, một vết ánh sáng mờ mờ hiện ra, trườn trong bóng tối. Trong khoảng đen tối mịt mù, không hiểu dòng sông lấy ánh sáng ở đâu mà biến thành hình rắn nước. Ánh nước tắt, lại chẳng trông thấy gì hết. Hình như đấy là nơi đi vào mênh mông. Bên dưới chúng ta, không phải là nước, mà là vực thẳm. Thành bến dốc đứng, lờ mờ trong sương mù, bỗng biến đi, tưởng như là cái dốc dựng ngược của vô cùng vô tận.

Không trông thấy gì, nhưng như cảm thấy cái giá buốt hằn thù của nước lạnh và mùi đá ẩm ướt nhạt tanh. Một cơn gió gay gắt từ dưới vực thốc lên. Nước đang lên trong dòng sông chỉ đoán thấy chứ không trông rõ, tiếng sóng rầm rì thê thảm, bóng các nhịp cầu to lù lù dễ sợ, cái dòng thác có thể tưởng tượng trong khoảng không mờ mịt, tất cả bóng tối ấy thật là kinh khủng.

Giave đứng im như tượng mấy phút, mắt nhìn vào cái hố tối om ấy. Hắn đăm đăm nhìn vào cái khoảng vô hình với sự tập trung chú ý. Nước vẫn rì rào. Bỗng hắn bỏ mũ ra, đặt xuống bao lơn. Một lát sau, nếu có khách đêm khuya khoắt đi qua ắt trông thấy một bóng người cao lớn, đen ngòm như một bóng ma đứng trên bao lơn bến, cúi xuống sông Xen, rồi thẳng người lên, và rơi thẳng xuống vực thẳm. Một tiếng tõm đùng đục. Chỉ có bóng tối biết những cơn quằn quại của cái bóng mờ mờ chìm dưới dòng nước.

QUYỂN V

ÔNG VÀ CHÁU

I

LẠI THẤY CÁI CÂY CÓ GẮN MIẾNG KÉM

Những việc kể bên trên xảy ra được ít lâu thì lão Bulatơruyen lại qua một cơn xúc động mạnh mẽ. Bulatơruyen là cái lão phu lục lộ ở Môriphecmây ta đã thoáng gặp trong những phần đen tối của truyện này.

Chắc người ta còn nhớ, Bulatơruyen là người lúc nào cũng bận vào những việc ám muội và linh tinh. Lão đập đá và gây hại cho những khách trên đường cái. Vừa làm thợ đắp đất vừa làm nghề ăn trộm, lão nuôi một cái mộng: lão mơ cái kho tàng châu báu chôn trong rừng Môngphécmây. Lão hy vọng một ngày kia sẽ tìm được tiền chôn dưới một gốc cây; trong lúc chờ đợi, lão vui lòng kiếm chác trong túi khách qua đường.

Nhưng lúc này lão đã cẩn thận hơn. Lão vừa may mà thoát nạn. Ta đã biết, người ta vừa nhặt lão trong nhà nát của Giôngđơrét cùng với bọn kẻ cướp. Một tật xấu cũng có khi có lợi: lão thoát tù vì lão say rượu. Người ta dò xét mãi mà không biết lão là kẻ cướp hay là khổ chủ. Dựa trên tình trạng lão thực sự say rượu tối hôm xảy ra vụ bẫy người, tòa án đã ra

lệnh miễn tố và lão được thả ra. Lão lại trở về với khu rừng cũ. Lão trở lại khúc đường từ Ganhi đến Lanhi để rải đá cho nhà nước, dưới sự kiểm soát của cơ quan hành chính. Mặt lão tiu nghỉu, ra về rất nghỉ ngợi, hơi cụt hứng đối với việc trộm cướp nó đã làm lão suýt khốn, nhưng lão lại càng thêm trìu mến hũ rượu đã cứu vớt lão.

Còn cái cơn xúc động mạnh mẽ lão trải qua sau khi trở về dưới mái cỏ của người phu lục lộ, nó như thế này:

Một buổi sáng, lúc ấy mặt trời chưa mọc, như lệ thường. Bulatơruyen đi làm, và có lẽ cả đi rình mò nữa, lão thấy một bóng người thấp thoáng sau cành lá trong rừng. Lão chỉ thấy sau lưng người ấy từ đằng xa, lúc ấy lại chưa sáng rõ, nhưng trông dáng điệu hơi quen quen. Mặc dù nghiện rượu, Bulatơruyen vẫn có trí nhớ đúng đắn, sáng suốt, cái vũ khí tự vệ cần thiết của tất cả những ai có phần nào chống đối với trật tự xã hội. Lão tự hỏi:

- Quái, mình đã gặp cái thằng cha này ở đâu rồi nhỉ?

Nhưng lão không trả lời được, lão chỉ thấy người kia giống như một dạng mập mờ thoáng qua trí óc lão.

Cái dáng ấy, lão chưa xác định lai lịch được, nhưng lão lại tính toán, đối cứu sự việc. Người ấy không phải người vùng này. Người ấy ở nơi khác đến, tất nhiên là đi bộ. Giờ này, chẳng có xe quái nào qua Môngphécmây cả. Chắc là hắn đi suốt đêm. Ở đâu đến? Không xa đâu. Chẳng có xắc, chẳng có gói gì hết! Chắc hẳn là ở Pari đến. Tại sao lại vào khu rừng này? Tại sao lại đến vào giờ này? Đến để làm gì?

Bulatơruyen nghĩ đến cái kho tàng châu báu. Cố sức nặn óc, lão mới lờ mờ nhớ ra rằng, cách đây lâu lắm, đã bao nhiêu năm, đã có lần lão cũng gặp sự biến như thế này. Cái người

bây giờ, lão cho có thể là người ngày trước.

Mải nghĩ, nặng trĩu cả óc, lão cúi đầu xuống, cái ấy cũng tự nhiên, nhưng chẳng khôn khéo tí nào. Lúc ngẩng đầu lên thì lão chẳng thấy gì nữa. Người kia đã biến trong khu rừng, trong bóng mờ rạng đông.

- Mẹ kiếp! Bulatơruyen làu bàu. Rồi thế nào mình cũng tìm thấy nó. Tao sẽ tìm ra cái địa phận của tên giáo dân này cho mà xem. Tại sao cái thằng ấy lại ưa đi lúc tinh mơ như thế này, rồi mình sẽ biết tuốt. Ở trong khu rừng của tớ, chả có điều gì bí mật nào mà không có tớ xen vào.

Lão cầm lấy cái cuốc mũi rất nhọn của lão, rồi lầm bầm:

- Cái này để bới đất và để bới người.

Thế rồi, như thể người ta nối sợi chỉ này vào sợi chỉ kia, lão cố bước khớp theo vết chân phỏng đoán của người kia và cứ thế đi qua khu rừng.

Đi được độ trăm bước thì mặt trời bắt đầu mọc, lão trông rõ lối đi. Lão thấy những dấu giầy in rải rác trên cát, những vạt cỏ bị giẫm, những bụi cây bị xéo, những cành cây non trong bụi rậm bị uốn xuống, từ từ vươn lên, tựa như một người đàn bà xinh đẹp đang duỗi tay lúc trở dậy. Lúc đã thấy vết đi của người kia, lão đi theo, nhưng bỗng mất hút. Thời gian cứ qua. Lão tiến sâu vào khu rừng, rồi đến một mô đất. Một người đi săn sớm qua con đường mòn xa xa, vừa đi vừa huýt sáo theo điệu Ghiơri. Lão chợt nảy ra ý trèo lên cây cao. Tuy lão đã già nhưng lão còn nhanh nhẹn. Ở đấy có một cây dẻ to, thật xứng cho Titia[1] và Bulatơruyen trèo. Bulatơruyen cố trèo hết sức cao lên cây dẻ.

---

(1) Tên người chăn chiên trong thơ của Viếcgin, thi hào La Mã xưa.

Kể ý ấy cũng hay thật. Nhìn kỹ về phía khu rừng hoang vu, rậm rì và ghê gớm nhất, bống Bulatơruyen trông thấy người kia.

Vừa thoáng thấy, người kia đã biến mất!

Người kia đi vào, - hay len lỏi vào thì đúng hơn, - len lỏi vào một quãng rừng thưa ở khá xa, khuất sau những cây to. Những quãng rừng ấy, Bulatơruyen biết lắm: lão vừa nhận ra một cây dẻ gai vì bệnh nên được băng bằng một tấm kẽm đóng ngay trên vỏ cây, bên cạnh một đống đá cối to tướng. Khu rừng thưa ấy, ngày xưa người ta gọi là bất động sản Blaruy. Đống đá ấy không biết dùng để làm gì, ba mươi năm trước đã thấy rồi, nay chắc vẫn còn. Chẳng cái gì sống lâu hơn một đống đá, có chăng những bức giậu bằng ván gỗ. Để tạm đấy thôi, thế mà hóa ra trường thọ.

Bulatơruyen mừng rỡ tụt xuống nhanh như chớp. Đã tìm thấy hang con thú, chỉ còn việc bắt lấy nó. Cái kho tàng mơ ước bấy lâu đích thị là ở đấy rồi.

Đi đến tận khu rừng thưa ấy, đâu phải chuyện dễ. Đi theo những lối mòn cứ uốn khúc như trêu ngươi, phải mất mười lăm phút. Còn nếu cứ đường thẳng mà đi, qua bụi rậm rất dày, đầy gai góc, rất hiểm trở, phải mất những nửa giờ. Khốn nỗi Bulatơruyen lại không hiểu cho điều ấy. Lão tin ở con đường thẳng; thật là một ảo tưởng đẹp đẽ, nhưng đã hại biết bao người. Khu rừng rậm dù có gai góc đến đâu, Bulatơruyen cũng cứ tưởng là con đường ngắn. Lão nói:

- Cứ đường thẳng chó sói mà đi thôi.

Bulatơruyen, vốn quen đi đường quanh, lần này lại phạm sai lầm là đi đường thẳng.

Lão vấp phải nào ô rô, nào gai, nào sơn tra, nào hồng dại, nào thảo nhi, nào cây ngấy đến hay gây sự. Trầy sướt cả da thịt.

Bên dưới rãnh có nước, phải lội qua mà đi.

Sau cùng lão cũng đến được khu rừng thưa Bolaruy, nhưng mất đến bốn mươi phút, mồ hôi đầm đìa, hổn ha hổn hển, ướt át, mặt đầy vết xây xước, giận dữ.

Chẳng có ai ở đấy cả.

Bulatơruyen chạy đến đống đá. Đống đá vẫn nguyên chỗ cũ. Chẳng ai tha đi đâu cả.

Con người kia thì đã biến vào rừng sâu. Người ấy đã trốn mất. Trốn đi đâu? Về phía nào? Trong khu rừng nào? Không tài nào đoán biết được.

Đau đớn nhất là lại thấy ở sau đống đá, ngay trước cái cây bịt kẽm, một khoảnh đất mới xới, một cái cuốc để quên, hay vứt lại đó, và một cái hố.

Hố ấy trống rỗng.

Bulatơruyen giơ hai nắm tay về phía chân trời, kêu lên:

- Đồ ăn cắp!

II

MARIUYTX VỪA RA KHỎI NỘI CHIẾN LẠI CHUẨN BỊ CUỘC CHIẾN TRANH TRONG NHÀ

Một thời gian lâu, Mariuytx chẳng ra sống, chẳng ra chết. Hàng mấy tuần lễ liền, anh lên những cơnn sốt mê sảng. Có nhiều triệu chứng khá nghiêm trọng ở não vì não bị các vết thương ở đầu làm chấn động, chứ không phải do chính các vết thương phạm vào.

Hàng đêm dằng dẵng, trong những lời nói mê ghê rợn và thao thao bất tuyệt qua cơn sốt, trong cơn hấp hối cứ kéo dài thảm đạm, Mariuytx lúc nào cũng gọi tên "Côdét". Mấy vết thương lớn rất nguy hiểm, bởi vì mủ ở những nơi ấy thường nung ở tận dưới thịt, có thể làm chết người, do ảnh hưởng của thời tiết;

mỗi khi đổi trời, thầy thuốc lại lo ngại. Ông thường nói: Nhất là người bệnh lại không cảm thấy gì cả. Băng bó rất khó khăn, phức tạp. Thời ấy chưa tìm ra vải nhựa để dán băng, dán thuốc. Nicôlét tốn một tấm khăn trải giường - "to bằng cái trần nhà" như chị ta thường nói - để làm băng buộc các vết thương. Dùng các chất cơlôruya và nitơrát bạc phải chật vật công phu lắm mới trừ được chứng thối thịt. Bệnh tình Mariuytx còn trầm trọng thì lão Gilơnormăng cũng vẫn còn như chàng, chẳng ra sống, chẳng ra chết.

Lão vẫn ngồi ở đầu giường cháu, cuống cuồng cả người.

Theo lời bác gác cổng kể lại ngày nào cũng vậy, có khi một ngày hai bận, một ông già tóc bạc ăn mặc sang trọng, đến hỏi bệnh tình Mariuytx và đưa lại một gói băng lớn.

Cuối cùng, tính từng ngày là bốn tháng ròng, sau cái đêm đau đớn Mariuytx được khiêng về nhà dở sống dở chết, ngày 7 tháng Chín, thầy thuốc tuyên bố bảo đảm chàng sống. Thời kỳ dưỡng bệnh bắt đầu. Thế nhưng Mariuytx còn phải nằm trên một cái ghế dài ròng rã hai tháng trời, vì xương đòn gánh bị gãy thỉnh thoảng lại giở những chứng bất ngờ. Đấy, thường vẫn thế, cái vết thương cuối cùng thường không mím miệng lại ngay, cứ phải băng bó mãi, người ốm rất khó chịu.

Nhưng được cái thời gian ốm lâu như thế, lại bình phục lâu như thế, nên Mariuytx không bị truy nã. Ở nước Pháp, những cơn phẫn nộ, ngay những cơn phẫn nộ của công chúng, cũng thường không kéo dài quá sáu tháng. Những cuộc biến động như trong tình trạng xã hội hiện nay là lỗi của tất cả mọi người, nên cũng cần phải nhắm mắt lại.

Ta nên nói thêm rằng cái lệnh quá quắt của Giskê bắt các thầy thuốc phải tố cáo những người bị thương đã làm dư luận bất bình; mà người bất bình đầu tiên lại là nhà vua. Dư luận

ấy đã che chở, bảo vệ cho những người bị thương. Chỉ trừ những người bị bắt làm tù binh ngay tại trận, những người khác không ai bị tòa án binh động tới. Thế là Mariuytx được yên thân.

Thoạt đầu, lão Gilonormăng nếm tất cả những đau đớn, ê chề, sau lão hưởng tất cả những nỗi say sưa. Đêm đêm, lão ở liền bên cạnh người ốm, ngăn sao cũng không được. Lão cho mang cái ghế bành lớn lại gần giường Mariuytx. Lão bắt con gái phải lấy khăn áo đẹp nhất trong nhà để làm vải buộc, làm băng. Bà dì Gilonormăng vốn là người tinh khôn, lại là con gái lớn trong nhà, tìm cách vừa giữ các khăn áo đẹp lại vừa làm cho lão tưởng con vẫn nghe lời mình. Lão Gilonormăng không cho phép ai cắt nghĩa cho lão biết rằng làm băng thì vải chéo không tốt bằng vải thô và vải mới không bằng vải cũ. Bao giờ băng bó cho Mariuytx lão cũng có mặt, còn bà dì thì ra chỗ khác và e thẹn. Lúc người ta lấy kéo cắt những miếng thịt thối thì lão kêu lên: Ối! Ối! Không gì cảm động bằng khi lão đưa chén thuốc cho người bị thương, tay run run vì tuổi già. Lão hỏi thầy thuốc liên hồi. Lão không biết là lão cứ hỏi đi hỏi lại những câu đã hỏi rồi.

Hôm thầy thuốc báo cho lão biết Mariuytx đã qua cơn hiểm nghèo, lão sướng điên lên. Lão thưởng cho bác gác cổng ba đồng luy. Tối hôm ấy, lúc trở về buồng riêng, lão vừa đi vừa nhảy điệu ga- vốt, ngón tay cái bật vào ngón tay trỏ đánh nhịp. Lão hát bài hát sau đây.

Đồng cỏ Phugie
Là nơi Gian ở
Ơi Gian! Ơi mình!
Vậy em rất tình
Anh si.

Cậu bé thần kỳ
Nấp trong mắt đẹp
Vài túi tên phép
Ranh nhép!
Ta say nàng Gian
Hơn nữ thần Đian
Say đôi vú cứng
Cô gái Brơtan

Rồi lão quì xuống một cái ghế, Bátscơ nhòm qua khe cửa hé mở, tin chắc là lão đang cầu kinh.

Từ xưa, nào lão có tin Chúa bao giờ.

Mỗi khi bệnh Mariuytx thuyên giảm, mà càng ngày chàng càng đỡ hơn, lão già lại càng thêm kỳ quặc. Lão làm lấm việc vô lý, ra vẻ rất khoái chá. Không việc gì cũng lên gác, xuống gác mãi được. Một chị hàng xóm kể ra cũng xinh, một buổi sáng sửng sốt nhận được một bó hoa tướng. Bó hoa ấy là của lão Gilơnormăng gửi tặng. Anh chồng nổi một trận ghen. Lão Gilơnormăng lại cố ôm Nicôlét đặt ngồi lên vế mình. Lão gọi Mariuytx là ông nam tước. Lão hét: "Chế độ cộng hòa muôn năm!"

Lúc nào lão cũng hỏi thầy thuốc: "Có phải là không ngại gì nữa chứ?" Lão nhìn Mariuytx âu yếm như bà nhìn cháu. Lúc Mariuytx ăn, lão nhìn rất trìu mến. Lão không biết đến lão nữa, lão không đáng kể nữa, bây giờ Mariuytx là ông chủ nhà; trong nỗi vui sướng, lão đã thoái vị, lão là đứa cháu của cháu lão.

Sống trong cảnh sảng khoái như thế, lão trở thành đứa trẻ đáng kính nhất. Lão đứng sau người ốm mà mỉm cười, sợ người ốm mệt hay khó chịu. Lão hớn hở, tươi cười, sung sướng, dễ yêu, non trẻ. Nét mặt lão như có nguồn ánh sáng

tươi vui, lại thêm mớ tóc bạc trên đầu, nên trông lão càng thêm oai nghiêm một cách dịu dàng. Khi những nếp nhăn lại điểm thêm duyên dáng thì trông người ta thật đáng yêu kính. Người già vui vẻ thì trên mặt rạng rỡ một thứ bình minh.

Còn Mariuytx, lúc người ta băng bó trông nom cho chàng, chàng chỉ có độc một ý nghĩ: Côdét.

Từ khi dứt cơn sốt và không mê sảng nữa, chàng không gọi tên ấy lên nữa. Chàng không nói, chính bởi vì cả tâm hồn chàng là ở đấy.

Chàng không biết bây giờ Côdét ra sao; tất cả những việc xảy ra ở phố Sängvrơri, nay chỉ còn như một đám mây mờ trong ký ức. Những bóng người mờ mờ phảng phất trong trí óc, Êpônin, Gavrốt, Mabớp, gia đình Tênácđiê, tất cả các bạn chập chờn ảm đạm trong khói mù chiến luỹ. Rồi cái việc ông Phôsơlơväng hiện qua trong cuộc chiến đấu đẫm máu, nay tưởng như một bí ẩn trong cơn bão táp. Chàng không hiểu tại sao chàng sống, ai đã cứu chàng sống, cứu như thế nào. Mọi người chỉ biết nói với chàng có một cái xe ngựa đang đêm chở chàng về phố Phiơ duy Canve. Quá khứ, hiện tại, tương lai, tất cả chỉ còn là đám sương mù mờ ảo, nhưng trong đám sương mù ấy, có một điểm bất động, một nét nổi bật, rõ ràng, chính xác, một cái gì như bằng đá hoa cương, một điều quyết định, một ý chí: tìm Côdét. Đối với chàng, ý nghĩ về cuộc đời không tách rời khỏi ý nghĩ về Côdét. Lòng chàng đã nhất quyết rằng chàng sẽ không chịu sống ở đời nếu không có Côdét. Bất kỳ ai bắt chàng sống, dù là ông chàng dù là số mệnh hay là địa ngục, thì chàng nhất định cũng phải đòi lại cho kỳ được nơi cực lạc chàng đã mất.

Những khó khăn, không phải là chàng không biết.

Ở đây, ta cần nhấn mạnh điều này: Ông chàng có hết lòng

ân cần, âu yếm, chàng cũng không hề chuyển lòng và cảm động. Trước tiên, vì chàng không biết hết tất cả những sự săn sóc, chiều chuộng ấy. Sau nữa, trong sự suy nghĩ mơ màng của người ốm, có lẽ còn chút dấu vết của mê sảng, chàng nghi ngờ những cử chỉ triu mến ấy, coi như một hành động lạ lùng, mới mẻ, cốt để chinh phục chàng. Chàng giữ thái độ lạnh lùng. Ông chàng tha hồ nở những nụ cười mớm mém, nhưng chỉ mất công toi. Mariuytx tự bảo khi mình chưa nói, cứ để mặc cho người ta làm gì thì làm, thì còn tốt; chứ khi nói đến Côdét thì chàng sẽ thấy một bộ mặt khác hẳn, ông chàng sẽ lộ rõ bộ mặt thật. Lúc ấy mới gay go. Rồi hàng vạn vấn đề về gia đình, rồi thì môn đăng hộ đối, rồi vừa mỉa mai vừa bắt bẻ, rồi nào Phôsơlơvăng với Cupơlơvăng, nào gia tài, nghèo khổ, nào đeo vạ vào thân, nào tương lai. Chống lại kịch liệt:; kết cục: từ chối, Mariuytx phải cứng cỏi ngay từ bây giờ.

Vả lại chàng càng khoẻ ra, những nỗi bất bình cũ càng trở lại, những vết loét trong ký ức lại lở ra, chàng nhớ lại dĩ vãng; đại tá Pôngmécxi lại đứng giữa lão Gilơnormăng và chàng, Mariuytx. Chàng tự bảo chàng sẽ không thể huy vọng một tấm lòng tốt chân thật nào ở con người đã xử tệ và bất công với cha chàng đến thế. Càng khỏe ra chàng thấy như càng oán ghét ông chàng hơn.

Ông lão âm thầm đau đớn về thái độ của Mariuytx.

Lão Gilơnormăng nhận thấy rằng Mariuytx, từ ngày được người ta khiêng về nhà và từ ngày chàng tỉnh lại, chưa bao giờ chàng gọi lão là "ông ngoại" cả; biết vậy nhưng lão không nói gì. Chàng cũng không gọi là "ngài", đã đành. Nhưng chàng tìm cách lẩn tránh, để khỏi phải gọi tiếng này cũng chẳng phải gọi tiếng kia.

Hiển nhiên là sắp có một cơn biến động.

Cũng như mọi người khi gặp trường hợp tương tự, Mariuytx thử sức nhè nhẹ trước khi tấn công. Như thế gọi là thăm dò trận địa. Một buổi sáng, lão Gilơnormăng, nhân tình cờ đọc một tờ báo, bộp chộp nói về Hội nghị Quốc ước và thốt ra một câu phán xét có tính chất bảo hoàng về Đăngtông, Xanhgiuýt và Rôbétxpie. Tức thì Mariuytx nghiêm nghị trả lời: Những con người năm 93 ấy là những người khổng lồ. Lão già nín lặng cả ngày hôm ấy, không hé răng nói nửa lời.

Mariuytx, bao giờ nghĩ đến ông, cũng có ngay trong óc một hình ảnh người ông sắt đá những ngày chàng còn nhỏ, nên chàng cho rằng ông chàng im lặng là vì cố nén cơn giận. Chàng liền đoán trước một cuộc chiến đấu ác liệt và trong thâm tâm, chàng sửa soạn thật đầy đủ để chiến đấu.

Chàng quyết định nếu bị từ chối, chàng sẽ lột hết vải băng bó làm trẹo xương đòn gánh, những vết thương còn đau thì vứt cả băng đi cho mở miệng cả ra, rồi không ăn không uống gì nữa. Những vết thương là đạn dược của chàng. Một là được Côđét, hai là chết.

Chàng kiên nhẫn đợi thời cơ - cái kiên nhẫn tinh ranh của người ốm.

Thời cơ ấy đã đến.

III

MARIUYTX TẤN CÔNG

Một hôm, trong lúc bà dì Gilơnormăng xếp gọn chai lọ, cốc tách trên mặt tủ ô kéo, thì lão Gilơnormăng cúi xuống Mariuytx, lấy giọng hết sức dịu dàng bảo cháu:

- Mariuytx, con ạ, con xem, nếu ông mà như con thì nay ông ăn thịt, chứ không ăn cá nữa. Lúc còn dưỡng bệnh thì nên ăn cá thờn bơn rán, nhưng con muốn dậy được thì phải cố ăn ít sườn chứ.

Mariuytx bấy giờ đã hầu như bình phục hẳn, chàng lấy hết sức ngồi nhỏm dậy, hai bàn tay bíu chặt lấy cái khăn trải giường. Rồi chàng nhìn thẳng vào mặt ông chàng, giọng nói hung hăn:

- Nhân thể, tôi muốn nói cái này.

- Cái gì cơ?

- Là tôi muốn cưới vợ.

- Ông đã biết mà.

Nói xong lão phá lên cười.

- Biết là biết thế nào?

- Được, ông đã dự kiến rồi. Con sẽ lấy con bé ấy.

Mariuytx sửng sốt đến choáng cả lên, chân tay run lẩy bẩy. Lão Gilonormăng nói tiếp:

- Được, con sẽ lấy con bé ấy, con bé khấu khỉnh ấy. Ngày nào cô ấy cũng đội lốt một ông cụ già đến thăm tin con. Từ ngày con bị thương, lúc nào cô ấy cũng khóc và ở nhà làm băng cho con. Ông đã điều tra. Cô ấy ở phố Lomácmê, số 7. Đấy, được rồi, con thích thì con sẽ được! Con tiu nghỉu rồi chứ gì. Con đã bố trí một âm mưu nho nhỏ, con tự bảo con: - Để rồi mình bảo thẳng cho cái lão già ấy, cái xác ướp thời nhiếp chính, thời đốc chính ấy, cái anh chàng trai lơ ngày xưa, cái anh thanh niên công tử nay hóa ông cụ tai ác, phải bảo thẳng cho lão ấy biết. Xưa kia lão chơi bời chán, nào tình nhân vụng trộm, nào gái lăng lơ; lão cũng có những cô Côdét của lão, lão đã diện chán,

lão cũng đã bay lượn, đã nếm cái vị xuân tình. Những cái ấy lão phải nhớ chứ. Để rồi xem. Giao chiến thôi. Thế là con cầm đằng đuôi đứt đi rồi. Được. Ông bảo con ăn thịt thì con lại trả lời: "Nhân thể tôi muốn lấy vợ". Chuyển đề hay quá! Con định gây chuyện chứ gì! Con không biết là ông rất nhát gan ư? Kết quả như thế con nghĩ thế nào? Con bực tức hẳn? Con không ngờ ông lại ngốc hơn con, thế là cụt hứng, cái bài diễn văn của ông trạng sự thế là mất toi ức thế. Đã thế, mặc kệ cứ khùng lên. Con muốn gì, ta cũng ừ, thế là hết cả khùng, đồ nõm! Con nghe đây này. Ông đã cho đi dò hỏi: Ông, ông cũng tinh quái lắm chứ. Con bé ấy dễ thương ngoan nết lắm: câu chuyện thằng kỵ binh là chuyện láo, cô ta cắt cả một đống băng, thương con ra trò. Con mà chết thì hóa ba người chết: quan tài cô ta sẽ đi theo quan tài của ông. Từ khi con khá hơn, ông vẫn có, định hôm nào đặt quách cô ấy ngồi sừng sững, ngay đầu giường con. Nhưng chỉ trong tiểu thuyết mới thấy người ta đưa các thiếu nữ đến bên giường những chàng trai xinh đẹp đang bị thương, những chàng trai mà các cô thích. Còn ngoài thì chả thấy ai làm thế bao giờ. Vả lại rồi dì con lại nói. Suốt ngày đêm, con chẳng mấy lúc mặc quần áo. Con cứ hỏi Nicôlét mà xem, chị ấy chẳng rời con phút nào, thử hỏi xem có cách nào đem phụ nữ đến trước mặt con lúc ấy không. Thế rồi còn thầy thuốc nữa. Một cô con gái đẹp thì chữa khỏi sốt sao được. Thôi, được, chẳng phải nói thêm nữa đã định rồi, đã xong rồi, nhất định rồi, con cứ việc cưới về. Đấy, ông dữ tợn như thế đấy. Con xem, ông biết là con chả yêu ông, ông vẫn bảo: Biết làm thế nào để thằng súc sinh ấy yêu được mình? Ông lại bảo: Này nhé, mình đã nắm con bé Côdét trong tay, để rồi mình cho hai đứa lấy nhau, lúc ấy nó

sẽ yêu mình một tí không thì nó phải nói tại sao chứ? Ui chào, con tưởng rằng lão già này sẽ quát tháo lên, la rầm lên, thét: "Không được" rồi giơ gậy ra trong cái cảnh bình minh này? Không phải đâu, Côdét: được. Yêu nhau: được. Ông chẳng mong gì hơn nữa. Thưa ngài, ngài chịu khó lấy vợ cho. Con ạ, ông chỉ mong con được sung sướng.

Nói xong, lão già nức nở khóc.

Lão ôm đầu Mariuytx, hai tay ghì chặt vào cái ngực già nua của lão; cả hai người cùng oà lên khóc. Thật là một cảnh hạnh phúc tuyệt vời. Mariuytx kêu lên:

- Cha ơi!

Lão già nói:

- Trời! Thế ra con yêu ông ư!

Cái phút ấy sao mà khó tả. Cả hai người cùng nghẹn ngào, không nói nên lời.

Cuối cùng lão già nói lắp bắp:

- Thế là nó đã cởi mở rồi. Nó đã gọi ta là cha.

Mariuytx gỡ đầu khỏi tay ông và nói:

- Cha ạ, bây giờ con khỏe rồi, con có thể gặp cô ấy được chứ?

- Vẫn định thế rồi, ngày mai con gặp.

- Cha ơi!

- Gì cơ?

- Sao lại không hôm nay?

- Thế thì hôm nay. Đồng ý hôm nay. Con đã nói ba lần "Cha ơi", thì đáng được thế lắm. Để rồi ông liệu. Sẽ đưa cô ấy đến đây. Đã bảo là định thế từ trước cơ mà! Chuyện này

đã ghép thành thơ rồi mà! Đây là đoạn kết thúc hận ca *Chàng trẻ ốm* của Ăngđơrê Sêniê[1], người bị cắt cổ bởi bọn sát... - à, bọn những người khổng lồ 93.

Lão Gilơnormăng tưởng như thấy Mariuytx hơi cau mày lại; nhưng thật ra Mariuytx tâm hồn đang bay bổng trong niềm vui sướng, chẳng thiết nghe gì nữa. Chàng nghĩ nhiều đến Côdét hơn là đến 1793. Lão già sợ run lên vì đã nói tới Ăngđơrê Sêniê không đúng chỗ, lão vội vàng nói tiếp:

- Cắt cổ thì không phải. Sự thật thì những nhà cách mạng thiên tài cũng chẳng độc ác gì, điều ấy đã dĩ nhiên rồi, họ là những vị anh hùng... hừ! Họ thấy Ăngđơrê Sêniê làm phiền họ một chút nên đem xử ch... - nghĩa là ngày 7 tháng năng, những con người vĩ đại ấy, vì nhiệm vụ cứu nước, đã mời Ăngđơrê Sêniê quá bộ đi...

Lão Gilơnormăng nghẹn họng vì câu nói của mình, không biết nói ghì thêm. Lão chẳng biết nên nói tiếp như thế nào, cũng chẳng chối chữa được. Trong khi bà con gái sửa gối cho Mariuytx thì lão hết sức hết lực đi cho nhanh ra khỏi buồng ngủ, đóng sập cửa lại. Lão đỏ gay mặt, nghẹn ứ hơi, sùi cả bọ mép, hai mắt long lên, chạm trán ngay phải lão Bátscơ hiền lành đang đánh giày ở ngoài phòng đợi. Lão tóm cổ Bátscơ thét lên dữ dội.

- Mẹ cha cái lũ ăn cướp ấy, chính chúng nó đã giết chết ông ấy.

- Thưa cụ ông nào cơ ạ?

- Ăngđơrê Sêniê.

- Thưa cụ vâng ạ. Lão Bátscơ kinh khủng trả lời.

---

(1) André Chénier, thi sĩ Pháp cuối thế kỷ XVIII, vì âm mưu chống đối cách mạng nên bị tòa án cách mạng xử tử. *Chàng trẻ ốm* là một bài thơ có tiếng của thi sĩ.

IV

RỐT CUỘC DÌ GILƠNORMĂNG KHÔNG THẤY KHÓ CHỊU KHI ÔNG PHÔSƠLƠVĂNG VÀO NHÀ LẠI ÔM THEO MỘT CÁI GÓI

Côdét và Mariuytx lại gặp nhau.

Cuộc gặp gỡ thế nào, chúng tôi miễn tả. Có những thứ người ta không thể cố vẽ lại được; mặt trời là một..

Lúc Côdét vào, tất cả gia đình đều tụ họp trong buồng Mariuytx, cả lão Bátscơ và Nicôlét nữa.

Côdét hiện trên ngưỡng cửa, như trong hào quang.

Vừa đúng lúc ấy, lão Gilơnormăng sắp xỉ mũi; lão dừng ngay lại, mùi soa vẫn ở trên mũi, lão nhìn Côdét, reo lên:

- Đáng yêu thật!

Thế rồi lão xỉ mũi mạnh.

Côdét say sưa, sung sướng, sợ hãi, hồn bay bổng trên mây. Nàng bàng hoàng cả người, đúng như lúc người ta bàng hoàng vì hạnh phúc. Nàng nói năng ấp úng, da tái xanh rồi lại đỏ gay; nàng muốn nhảy xổ vào tay Mariuytx, nhưng lại không dám. Yêu đương dưới mắt mọi người, nàng thấy xấu hổ. Không có ai thương những cặp tình nhân sung sướng, mọi người cứ đứng lì đấy giữa lúc họ đang khao khát được ngồi riêng với nhau. Nào họ có cần gì đến ai!

Vào cùng với Côdét, bước ngay sau nàng, có một ông cụ già tóc bạc, đang nghiêm nghị nhưng miệng hé một nụ cười phảng phất buồn. Người ấy là "ông Phôsơlơvăng"; người ấy là Giăng Vangiăng.

Đúng như bác gác đã nói, ông ăn mặc rất chỉnh tề, quần áo mới tinh, toàn đồ đen, thắt ca vát trắng.

Bác gác thật khó mà nhận ra được rằng ông tư sản chững chạc, - có vẻ là một viên thừa phát lại ấy, - lại là cái người vác xác chết khủng khiếp ở đâu hiện lên ngay trước cửa nhà bác, đêm hôm 7 tháng Sáu. Người hôm ấy rách rưới, nhầy nhụa, dữ tợn, mặt bôi đầy máu và bùn, tay đỡ lấy nách Mariuytx bất tỉnh. Thế nhưng bác gác cổng nhà nghề cũng đánh hơi thấy cái gì. Lúc ông Phôsơlơvăng cùng đến với Côđét, bác đã phải nói riêng với vợ câu sau này: không hiểu tại sao tôi vẫn cứ ngờ ngợ như trông thấy ông ấy ở đâu rồi.

Ông Phôsơlơvăng ở trong buồng Mariuytx nhưng như đứng riêng ra bên cạnh cái cửa. Ông cắp một cái gì na ná như một quyển sách khổ giấy gấp tám, bọc trong tờ giấy. Tờ giấy bọc màu xanh nhờ, hình như đã mốc.

Bà dì Gilơnormăng vốn dĩ không ưa gì sách vở khẽ hỏi Nicôlét:

- Có phải cái lão kia lúc nào cũng khư khư ôm sách như thế không?

Lão Gilơnormăng nghe thấy, cũng khe khẽ trả lời:

- Này, ông ấy là một nhà bác học đấy. Thế thì sao? Lỗi tại ông ấy à? Trước, ta có quen ông Bula, ông ấy cũng thế, chẳng đi đâu mà không có quyển sách; ấy, lúc nào cũng ôm quyển sách trước ngực.

Rồi lão ngả người chào, cất giọng nói to:

- Thưa ông Tơrăngsơlơvăng[1]...

Lão Gilơnormăng không định tâm gọi như vậy, nhưng cái lối không chú ý đến tên họ người ta ở lão vốn là một thói quen quí phái.

---

(1) Phôsơ nghĩa là cắt, tơrăngsơ cũng nghĩa là cắt nên lão Gilơnormăng nhớ nhầm.

- Thưa ông Tơrăngsơlơvăng, tôi lấy làm vinh dự dạm hỏi tiểu thư cho cháu trai tôi là nam tước Mariuytx Pôngmécxi.

"Ông Tơrăngsơlơvăng" nghiêng mình.

Lão Gilơnormăng nói:

- Thế là đã giao ước.

Rồi quay lại phía Mariuytx và Côdét, lão giơ hai tay làm dấu cầu phúc cho hai con, rồi reo lên:

- Từ nay các con được phép tha hồ yêu nhau.

Hai cô cậu không đợi phải giục lần thứ hai. Mặc kệ! Tiếng ríu rít bắt đầu. Họ khe khẽ nói chuyện với nhau Mariuytx tựa khuỷu tay xuống ghế dài, còn Côdét đứng bên cạnh. Côdét thì thầm bảo chàng: - Trời ơi! em lại thấy ông! Ông đây rồi! Sao lại đi đánh nhau như thế! Tại sao cơ chứ? Khiếp quá! Em sống mà như chết, ròng rã bốn tháng trời. Trời ơi, ai lại tàn nhẫn thế, ai lại đi lao vào cuộc đánh nhau ấy bao giờ! Em đã làm gì ông nào? Thôi, em bỏ qua cho ông, lần sau đừng làm thế nữa. Lúc nãy khi có người đến gọi em đến đây, em vẫn cứ tưởng là em sắp chết nhưng chết vì sung sướng. Trước lúc ấy em buồn lắm. Chẳng kịp trang sức nữa, ông trông em có gớm không này. Cái cổ áo nhàu quá đi mất, không biết gia đình ông có nói gì không. Ông nói đi chứ! Cứ để em nói một mình mãi. Bố con em vẫn ở phố Lomácmê. Vai ông người ta bảo trông khiếp lắm cơ, cho nắm tay vào cũng lọt. Với lại, hình như phải lấy kéo mà cắt thịt. Đau quá nhỉ. Em khóc mãi, bây giờ nhòe cả mắt. Sao khổ đến thế được, khỉ thật. Ông ngoại trông có vẻ hiền lành lắm nhỉ. Thôi, ông nằm xuống, đừng tì khuỷu tay như thế nữa; không khéo lại đau. Trời ơi, em sung sướng quá. Thế là hết khổ rồi. Em hóa ngốc mất. Em định nói với ông những gì, bây giờ chẳng nhớ nữa.

Ông vẫn yêu em chứ? Bố con em ở phố Lomácme. Không có vườn. Lúc nào em cũng làm băng. Đây, ngài trông đây này, ngón tay em có chai, tại ông đấy.

Mariuytx: Ôi! Thiên thần!

Tiếng ấy là tiếng độc nhất trong ngôn ngữ không bao giờ cũ đi cả. Không tiếng nào khác khỏi sáo mòn khi được các đôi tình nhân dùng chán chê như thế.

Rồi, vì ở chỗ đông người, họ im bặt, không nói gì nữa, se sẽ mân mê tay nhau.

Lão Gilơnormăng quay lại phía mọi người trong buồng, kêu to: - Còn các ông, các bà nói to lên chứ. Làm ầm lên đi chứ, các người ở hậu trường! Nào, ầm ĩ lên một tí nào! Để cho hai trẻ nó chuyện trò, ríu rít với nhau cho thỏa.

Rồi lão lại gần Mariuytx và Côdét, khẽ nói thầm:

- Các con cứ gọi nhau là anh là em đi, đừng ngượng gì cả.

Bà dì Gilơnormăng sững sờ nhìn thấy cái ánh sáng ấy đột nhập vào cõi lòng già cỗi của mình; nhưng sững sờ mà chẳng hằn học. Chẳng có tí gì là con mắt cú mèo phẫn nộ, thèm thuồng nhìn đôi chim câu gù; ấy là con mắt đần của một người đàn bà thơ ngây năm mươi bảy tuổi đầu, lỡ làng duyên phận, nhìn một cuộc đời đắc thắng vì tình yêu.

Lão Gilơnormăng nói với con gái:

- Cô cả này, ta đã bảo là thế nào con cũng có ngày như thế này.

Sau một lát im lặng lão lại nói:

- Con nhìn hạnh phúc của người khác mà coi.

Rồi lão quay về phía Côdét:

- Con bé xinh tệ, xinh lắm. Như hệt một bức tranh của Gơrôđơ[1]. Thằng ranh, thế là mày chiếm lấy món của quý ấy một mình đấy nhé. Gớm thật, thằng nhãi thế mà thoát được tay tao; tao mà trẻ đi mười lăm tuổi thì thế nào tao với mày cũng đấu gươm một phen để xem ai chiếm được cô nàng. Ấy, tiểu thư ạ, tôi cảm tiểu thư quá đi mất. Có gì lạ đâu. Đó là quyền của nó. Ôi, đám cưới phải biết là hay nhé. Làm lễ cưới ở giáo đường Xanh Xacơrơmăng thì đúng địa hạt ta, nhưng thôi, tôi sẽ xin miễn, để cưới ở Xanh Pôn. Nhà thờ ở đấy hơn. Nhà thờ ấy của người Giêduyt xây. Diện hơn. Ở trước bồn nước dinh giáo chủ Biragơ. Còn kiệt tác của nền kiến trúc Grêduyt thì ở Namuya. Gọi là Xanhlu. Cưới xong, thế nào cô cậu cũng phải đến nơi mà xem. Đáng công đi lắm. Thưa cô, tôi hoàn toàn thuộc phái của cô: con gái sinh ra thì phải lấy chồng chứ. Tôi chỉ muốn cái bà thánh Catơrin ấy sổ tóc. Ở vậy thì khá đấy nhưng lạnh lẽo lắm. Thánh kinh chả nói: "Hãy sinh sản đi" là gì. Phải có bà Gian Đa để cứu nước; nhưng muốn có dân lại cần đến mụ Gigônhơ. Thế cho nên các cô, các cô cứ lấy chồng đi. Thật tôi thấy đàn bà ở vậy chẳng có lợi gì. Tôi cũng biết là những trinh nữ độc thân có một phòng nguyện riêng trong nhà thờ, và có giáo đoàn Đức Mẹ đồng trinh để gia nhập. Nhưng, mẹ cha nó chứ, một người chồng xinh xắn, giỏi trai, thế rồi một năm sau, một thằng cu béo tốt hồng hào cứ sùng sục bú tí, đùi nó núng nính những mỡ, hai bàn tay nó hồng hồng cứ thọc bừa vào ngực mình mà nghịch ngợm, miệng nó cười, như buổi bình minh, thế chẳng gấp nghìn vạn lần là cứ tay cầm mẩu nến, miệng tụng *Turris eburnea!*[2].

---

(1) Họa sĩ Pháp nổi tiếng, thế kỷ XIX.

(2) Nghĩa đen: Tháp ngà.

Lão già xoay như con quay trên gót chân tuổi tác của mình, rồi lại cất tiếng nói như chiếc lò xo lại bật ra:

- Thế rồi mơ mộng, thôi thôi nhé!
Anxíp ngày mai sẽ lấy chồng.

À này!

- Gì cơ cha?

- Hình như con có một người bạn thân?

- Có ạ, anh Cuốcphêrắc.

- Anh ấy bây giờ ở đâu?

- Chết rồi ạ.

- Thế cũng hay.

Lão ngồi xuống gần đôi trẻ, bảo Côdét ngồi xuống rồi hai tay răn reo cầm lấy bốn bàn tay họ:

- Cô bé xinh lạ, cô Côdét thật là một tuyệt tác. Cô là một cô bé rất bé mà lại có dáng bà lớn rất lớn. Cô mà sẽ chỉ là một bà nam tước thì là hơi thấp đấy. Cô có tướng một bà hầu tước kia. Trông lông mi mà xem! Các con ạ, các con làm phải lắm, các con cứ yên trí như thế. Cứ yêu nhau đi. Yêu si yêu dại vào. Tình yêu vừa là cái ngu dại của loài người, vừa là cái tinh anh của thượng đế. Cứ thương yêu nhau cho thắm thiết - bỗng giọng lão như ủ ê - nhưng khốn nỗi, ông lại nhớ đến điều này. Ông đã gửi quá nửa gia tài để hưởng thực lợi chung thân. Ông còn sống thì còn được, chứ độ hai mươi năm nữa, ông chết đi thì các con không có một đồng xu, khốn khổ quá! Thưa bà nam tước, lúc ấy hai bàn tay trắng muốt của bà sẽ phải quần quật suốt ngày vì túng thiếu.

Đến đây, chợt thấy một giọng nói trầm tĩnh:

- Cô Ôphoradi Phôsolovăng có sáu mươi vạn phoăng.

Đó là tiếng Giăng Vangiăng.

Từ nãy ông chưa nói lời nào, cũng không ai biết ông ngồi đấy nữa, ông cứ đứng yên lặng sau những người sung sướng ấy.

Lão Gilơnormăng sửng sốt hỏi:

- Cô Ôphơradi Phôsơvăng là ai cơ ạ?

- Con đấy ạ - Côdét đáp.

- Sáu mươi vạn cơ à? - Lão già tiếp.

Giăng Vangiăng nói:

- Có lẽ kém độ vạn tư, vạn rưỡi gì đấy.

Nói rồi, ông đặt lên bàn một cái gói mà bà dì Gilơnormăng tưởng là quyển sách.

Tự tay Giăng Vangiăng mở gói ra. Một bó giấy bạc. Người ta đếm từng tờ. Có năm trăm tờ một nghìn phơrăng và một trăm sáu mươi tám tờ năm trăm. Cộng tất cả là năm mươi tám vạn bốn nghìn phơrăng.

Lão Gilơnormăng bảo:

- Cuốn sách hay thật!

- Năm mươi tám vạn bốn nghìn phơrăng - bà dì lẩm bẩm.

- Được khối việc cô cả nhỉ! - lão già lại tiếp. Thế là cu cậu Mariuytx vớ được con chim oanh triệu phú trên cái cây xứ mộng. Thế mà bảo mãi bọn trẻ chúng nó chỉ yêu nhau vớ vẩn! Những cậu sinh viên lại tìm được những cô sinh viên có sáu mươi vạn phơrăng! Tiên đồng mà đắc lực hơn Rốtsin[1].

Bà dì Gilơnormăng vẫn khe khẽ nhắc:

- Năm mươi tám vạn bốn nghìn phơrăng! Năn mươi tám vạn bốn nghìn phơrăng! Khác gì sáu mươi vạn, chứ lị!

(1) Chủ ngân hàng Pháp giàu nổi tiếng ở đầu thế kỷ XIX.

Trong lúc đó thì Mariuytx và Côdét mải ngắm nhìn nhau; họ chẳng chú ý gì đến chi tiết nọ.

V

THÀ GỬI TIỀN Ở KHU RỪNG ẤY CÒN HƠN GỬI ÔNG NÔTE ẤY

Chẳng cần cắt nghĩa dài dòng, chắc ta cũng hiểu rằng sau vụ Săngmatiơ, Giăng Vangiăng nhờ mấy ngày trốn thoát nên đã kịp về Pari rút số tiền ở ngân hàng Laphit, số tiền ông đã kiếm được ở Môngtơroi Xuyame, thời còn là ông Madơlen. Ông sợ lại bị bắt - quả sau bị bắt thật, - nên ông chôn giấu số tiền trong khu rừng ở Môngphécmây, nơi gọi là bất động sản Bơlaruy. Số tiền tất cả là sáu mươi ba vạn, toàn giấy bạc, không kềnh càng lắm, bỏ gọn trong một cái hộp. Ông đặt hộp trong một cái hòm nhỏ bằng gỗ sồi nhét đầy vỏ bào gỗ dẻ để tiền khỏi ẩm. Ông lại để trong hòm một món của khác của ông, tức là những cây chân đèn của giám mục. Ta còn nhớ, lúc trốn khỏi Môngtơroi Xuyame, ông mang theo đôi đèn ấy. Cái người mà Bulatơruyen bắt gặp một tối lần đầu, người lạ ấy là Giăng Vangiăng. Sau này mỗi khi cần tiền, Giăng Vangiăng lại đến lấy ở khu rừng thưa Bơlaruy. Vì thế, thỉnh thoảng ông lại đi vắng. Ông giấu một cái cuốc ở một nơi rất kín, chỉ mình ông biết. Khi Mariuytx đương hồi phục sức khỏe ông thấy là sắp đến lúc cần tiền, nên ông lấy tất cả về. Bulatơruyen lại thấy bóng ông trong rừng, lần này thấy buổi sáng, chứ không phải buổi tối như kỳ trước. Bulatơruyen thừa hưởng được cái cuốc.

Số tiền đếm cho đúng là năm mươi tám vạn bốn nghìn năm trăm phơrăng. Giăng Vangiăng giữ lại cho mình năm trăm phơrăng. Ông nghĩ bụng:

- Sau này sẽ hay.

Trước kia số tiền lấy ở ngân hàng Laphít ra là sáu mươi ba vạn; nay còn số tiền trên tức là chỗ kia ông đã ăn tiêu trong mười năm trời, từ năm 1823 đến 1833. Năm năm ẩn trong nhà tù chỉ tiêu hết năm nghìn phơrăng.

Giăng Vangiăng đặt hai cây chân đèn bạc trên lò sưởi; đôi chân đèn sáng chói lọi làm bà Tútxanh thích mê.

Giăng Vangiăng cũng biết là mình đã thoát khỏi tay Giave. Ông đã nghe người ta kể, - sau, tờ Mônitơ cũng có đăng tin, ông đã xem rõ - một người thanh tra cảnh sát tên là Giave chết đuối, xác giạt vào dưới lườn một chiếc thuyền của thợ giặt giữa cầu Sănggiơ và cầu Pôngnớp. Ông ta là một người cảnh sát gương mẫu, được cấp trên quí trọng. Một bức thư ông để lại làm cho người ta đoán rằng ông ta bị loạn óc và tự vẫn. Giăng Vangiăng nghĩ thầm trong bụng: Kể ra, hắn đã tóm được mình mà lại thả ra, tất là hắn điên rồi.

VI

HAI CỤ GIÀ, MỖI NGƯỜI MỘT LỐI, LÀM TẤT CẢ ĐỂ CÔDÉT ĐƯỢC SUNG SƯỚNG

Người ta sửa soạn tất cả cho đám cưới. Thầy thuốc tuyên bố có thể cưới vào tháng Hai. Bây giờ là tháng Chạp. Mấy tuần lễ say sưa trong hạnh phúc hoàn toàn trôi qua.

Lão Gilonormăng là một trong những người sung sướng nhất. Nhiều khi lão chiêm ngưỡng Côdét hàng giờ. Lão reo lên:

- Con bé mới xinh làm sao! Trông vừa hiền lại vừa thảo! Chẳng phải nói nịnh, thật suốt đời ông, ông chưa thấy cô con

gái nào xinh đẹp như Côdét. Sau này, chắc lại lắm nết thơm tho kín đáo như đoá hoa tím. Thật là phúc trời ban cho. Bên cạnh con người như thế, ai cũng phải thanh cao. Mariuytx con ạ, con là nam tước, con lại giàu có, ông van con, con đừng làm thầy cò thầy kiện quèn nữa.

Côdét và Mariuytx bỗng nhiên từ dưới mồ bay lên thiên đường. Việc chuyển tiếp hơi đột ngột, nên hai người như quáng lên, nếu không đã bị choáng váng.

Mariuytx bảo Côdét:

- Em có biết tại sao như thế không?

Côdét trả lời:

- Không. Nhưng mà hình như trời thương chúng mình.

Giăng Vangiăng việc gì cũng làm, khó khăn nào cũng san bằng, hoà giải tất cả, làm cho mọi việc được dễ dàng. Ông hối hả tiến đến hạnh phúc của Côdét, hăm hở, bề ngoài có vẻ sung sướng không kém gì Côdét.

Trước ông đã làm thị trưởng nên ông giải quyết được một vấn đề tinh tế, tức là hộ tịch của Côdét mà chỉ một mình ông biết điều bí mật. Cứ nói thẳng gốc tích nàng, biết đâu việc cưới xin sẽ chẳng không thành. Ông vớt Côdét ra khỏi tất cả những khó khăn. Ông bày đặt ra một gia đình toàn những người chết cả: chỉ có cách ấy mới tránh khỏi mọi điều khiếu nại. Côdét là người độc nhất còn lại của một gia đình tự tuyệt. Côdét không phải là con gái ông, mà là con gái của một ông Phôsơlơvăng khác. Hai anh em ông Phôsơlơvăng cùng làm vườn ở nhà tu Píchpuýt. Người ta đến tận nhà tu hỏi, chẳng thiếu gì những tin rất tốt và những bằng chứng chắc chắn. Những tu nữ thật thà, ít hiểu và cũng không ưa việc tìm tòi

gốc tích người ta; họ lại không ngờ có sự ranh mãnh nào trong ấy, nên chẳng bao giờ tìm biết rõ Côdét là con gái lão Phôsơlơvăng này hay Phôsơlơvăng kia. Ai bảo sao họ nói vậy, lại nói rất hăng hái nữa kia. Thế là Côdét đã trở thành cô Ôphơradi Phôsơlơvăng. Cô được công nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ. Giăng Vangiăng tìm cách để được công nhận là người đỡ đầu cho Côdét với cái tên là ông Phôsơlơvăng; còn lão Gilơnormăng là người đỡ đầu dự khuyết.

Còn số tiền năm mươi tám vạn bốn nghìn phơrăng là di sản lưu lại cho Côdét của một người đã chết, muốn giấu tên. Trước kia, số tiền di tặng là năm mươi chín vạn bốn nghìn, nhưng đã chi tiêu mất một vạn vào việc giáo dục cô Ôphơradi, trong số ấy có năm nghìn trả cho chính tu viện Pơti Píchpuýt. Số tiền ấy gửi một người thứ ba, sẽ trao trả cho Côdét lúc cô đến tuổi thành niên hay lúc đi lấy chồng. Những việc xếp đặt ấy, ai cũng dễ cho là phải, nhất là lại thêm món tiền hơn nửa triệu. Cũng có đôi chỗ bất thường nhưng nào có ai thấy. Một người liên quan đến công việc thì có cái băng ái tình bịt mắt, còn các người kia thì lại tối mắt vì sáu mươi vạn phơrăng.

Côdét biết mình không phải là con ông cụ mình vẫn gọi bằng cha từ bấy lâu nay. Ông cụ chỉ là một người trong họ. Một ông Phôsơlơvăng khác mới thật là cha nàng. Lúc khác thì nàng đã đau đớn lắm. Nhưng trong giờ phút sung sướng khó tả này, đó chỉ là một chút bóng đen, một chút u ám, nàng vui sướng quá nên đám mây mờ cũng chóng tan đi. Nàng có Mariuytx. Chàng trai đến thì ông già lui. Việc đời là thế.

Vả, từ bao năm trời ròng rã, Côdét đã quen sống trong cảnh đời đầy bí hiểm. Những ai đã sống cuộc đời thơ ấu mịt mù vẫn sẵn sàng nhận biết nhiều việc.

Tuy nhiên nàng vẫn gọi Giăng Vangiăng là cha.

Côdét trong lúc vui sướng, rất phấn khởi với lão Gilơnormăng. Nói cho đúng, lão tặng nàng biết bao nhiêu lời tán tỉnh, biết bao món quà xinh. Trong lúc Giăng Vangiăng xây dựng cho Côdét một địa vị bình thường như mọi người trong xã hội và một gia tài vững vàng thì lão Gilơnormăng chăm nom sắm sửa đồ chơi cho Côdét. Lão thấy không gì thú bằng tỏ ra mình hào phóng. Lão cho Côdét một cái áo bằng ren tinh Banhsơ, của bà nội lão để lại cho lão. Lão bảo: - Những mốt ấy bây giờ hồi phục lại, đồ cổ bây giờ được mọi người ham chuộng. Những thiếu phụ trẻ thời ông đã già lại ăn mặc như những bà già hồi ông còn bé tí.

Lão moi tất cả đồ đạc trong những cái tủ ô kéo hình bầu bầu, bằng sơn mài côrômăngđen, hàng bao nhiêu năm nay vẫn đóng kín mít. Lão bảo: - Bắt các bà quý tộc này xưng tội đi chứ! Xem bụng các bà ấy chứa những gì nào! Rồi lão bới tung cả lên những cái ngăn kéo bụng phệ đầy quần áo của các bà vợ, của các cô nhân tình của lão, của các bà tổ mẫu nữa. Nào hàng tơ lụa Bắc Kinh, nào gấm vóc Đa-ma, nào vải vóc Lam-pa, nào hàng vân in màu, nào áo dài đắt tiền thành Tua, nào mùi xoa Ấn Độ thêu bằng thứ chỉ bằng vàng có thể giặt được, nào những bức thêu Giênơ và Alăngxông, nào đồ kim hoàn kiểu cổ, nào những hộp kẹo bằng ngà chạm những trận đánh nhau li ti, nào áo quần, đồ trang sức, ruybăng; lão cho Côdét tất cả. Côdét say sưa ngây ngất trong mối tình Mariuytx, nặng ơn đối với lão Gilơnormăng. Nàng đương mơ giấc mơ hạnh phúc không cùng đầy xa tanh, nhưng lụa. Nàng tưởng như các vị thiên thần đang giơ tay đỡ lấy những đồ cưới của nàng. Tâm hồn bay bổng trên khoảng trời xanh, vỗ đôi cánh bằng hàng ren tinh Malin.

Như ta đã nói, lão già cũng khoái chỉ chẳng kém gì đôi tình nhân đang say sưa trong tình ái. Phố Phiơ duy Canve nhộn lên như nổi một điệu kèn vui.

Mỗi sáng, lão Gilơnormăng lại tặng Côdét một thứ.

Những dải là tung nở lộng lẫy quanh mình Côdét.

Trong cảnh sống hạnh phúc, cũng nhiều khi Mariuytx ưng nói chuyện trang nghiêm; một hôm không biết nhân việc gì, chàng bảo:

- Những người thời cách mạng vĩ đại thật, danh tiếng họ lừng lẫy như đã trải qua bao thế kỷ, như thể Catông hay Phôxiông, họ đã được ghi tên trên đài vân thiên cổ.

- Vân cổ! Phải rồi, lụa vân cổ! Cảm ơn con. Chính ông đang chớm có cái ý ấy.

Và ngày hôm sau lão lại cho thêm Côdét một cái áo hàng vân cổ lộng lẫy, màu nâu đen.

Lão rút ra ở những đống vải cũ ấy một bọc triết lý:

- Tình yêu, được lắm. Nhưng phải thêm cái này chứ. Hạnh phúc thì phải thêm cái gì phù phiếm. Hạnh phúc chỉ là cái cần thiết tối thiểu. Cứ tra bừa thêm đồ gia vị vô dụng vào. Một lâu đài và một trái tim. Một trái tim và cung điện Lơ Luvơrơ. Một trái tim và các bể nước cung điện Vécxây. Một chị nữ mục đồng quấn hoa mua, tốt, nhưng phải chất thêm cho chị mười vạn đồng tiền vàng. Ngắm mọi cảnh đồng quê thiên nhiên bát ngát, được, nhưng phải ngồi ở nơi lầu son gác tía, dát ngọc, nạm vàng. Hạnh phúc suông thì cũng như bánh suông. Ăn thì ăn, nhưng chẳng thú vị gì. Ông thì ông thích những cái vô dụng, phù phiếm, cái kỳ cục, cái thừa thãi, cái chẳng dùng vào việc gì hết. Ông còn nhớ được xem ở nhà thờ lớn Stơrátxbua một cái đồng hồ to bằng ngôi nhà ba tầng; cái đồng hồ ấy cứ chỉ giờ, nó chịu khó chỉ giờ nhưng hình như

nó chẳng phải làm ra để chỉ giờ. Đánh xong hồi chuông giữa trưa hay nửa đêm, trưa là giờ của mặt trời, nửa đêm là giờ của tình yêu, hay giờ gì cũng được, thì trên mặt đồng hồ lại hiện ra mặt trăng và các vì sao, đất và bể, chim và cá, thái dương thần là Hằng nga, rồi một lô những thứ gì chui ở ổ ra, rồi mười hai thánh tông đồ, rồi hoàng đế Sáclơ Canh rồi Epônin và Xabinuyt, và lại thêm một đống những người nhỏ tí mạ vàng đang thổi kèn chưa kể những hồi nhạc lý thú nó ném ra giữa không trung bất cứ lúc nào, không rõ vì lẽ gì. Một cái mặt đồng hồ xấu xí trần trụi chỉ biết có chỉ giờ, hỏi có bằng cái kia không? Ông thì ông thích cái đồng hồ to ở Stơrátbua hơn, thích hơn là cái đồng hồ có độc con chim O-hươu xứ Phorê Noa kêu.

Lão Gilơnormăng còn nói huyên thuyên đặc biệt về việc cưới xin; với những lời ca tụng dài dòng, lão xen tất cả những tiếng văng tục từ thế kỷ mười tám.

- Các anh không biết nghệ thuật khánh tiết, lão hét tướng lên như vậy. Thời buổi này các anh không biết tổ chức lấy một ngày hội. Cái thế kỷ XIX của các anh đây tồi lắm. Nó thiếu sự thái quá. Nó không biết kẻ giàu sang, người quyền quí. Về việc gì nó cũng lè tè, thấp trệt. Cái đẳng cấp thứ ba của các anh vô vị, vô hương, vô hình, vô sắc. Mấy mụ tư sản của các anh, khi nói đến việc lập gia đình họ chỉ mơ có một cái khuê phòng xinh xinh, trang hoàng mới rợi, có bàn ghế bóng và rèm vải che cửa, "Đẹp! đẹp! anh chàng Grigu cưới cô nàng Gripơxu đây!" Huy hoàng, rực rỡ lắm! Người ta dán một đồng lu-i vàng vào cây nến. Thời đại này là thế đấy! Tôi xin được chạy tránh xa. Chao ôi! Từ năm 1787, tôi đã tiên báo là hỏng rồi, hỏng tất rồi, khi tôi thấy ngài công tước Rôlăng kiêm hoàng thân Lêông, công tước Sabô, công tước Môngbadông, hầu tước Xubidơ, tử tước Tua, Pháp quốc

thượng khanh đi chơi rừng Lôngsăng trên một chiếc xe cộc cạch. Kết quả sờ sờ ra đó. Thời này, người ta kinh doanh, người ta chơi giá khoán, người ta làm ra tiền và người ta keo kiệt. Người ta sửa soạn bên ngoài cho hào nhoáng. Trông người ta ngay ngắn, thẳng thớm, sạch sẽ, gội rửa xà phòng, cạo, chải, là, cọ sát, đánh xi-ra, bên ngoài lau chùi sạch trơn sạch bóng không chê vào đâu được, láng lậy như một hòn cuội và đồng thời, ôi! đức hạnh của cô mèo của tôi ạ! trong đáy lương tâm có những đống phân, những hố bẩn làm thối lui những chị chăn bò vốn không ngại lấy tay xỉ mũi. Tôi ban cho thời buổi này cái châm ngôn: *sạch mà uế*. Mariuytx, con đừng giận nghe, con cho phép ông nói, không nói xấu dân chúng đâu - ông đang ngấy cái dân chúng của con đây! - nhưng con nên vui lòng cho ông chửi sơ cái đám tư sản ấy một trận. Phải rồi. Thương thì cho roi cho vọt. Vậy, nói thẳng tuột ra rằng ngày nay người ta lấy vợ lấy chồng nhưng đâu người ta có biết cách cưới xin. Ôi! Đúng quá, tôi tiếc nhớ những tục lệ dễ ưa thời trước. Tôi tiếc tất cả. Cái phong nhã, cái hào hoa, những cảnh xử thế duyên dáng và trang trọng, cảnh xa hoa ấm lòng của các gia đình. Âm nhạc là một thành phần của hôn lễ, tầng lớp trên thì giao hưởng, tầng lớp dưới thì trống kèn, rồi thì khiêu vũ, tiệc tùng làm rạng rỡ các gương mặt, thơ chúc tụng chải chuốt, ca hát pháo hoa, tiếng cười giòn giã, băng thất thành nơ to tướng và gì nữa, nổi đình đám và lu bù như ngày hội quỉ. Ta đâm tiếc cái nịt tất của cô dâu. Nịt tất của cô dâu có họ gần với dải lưng của nữ thần Vênuýt. Chiến tranh Tơroa xảy ra vì gì nào? Vì chiếc nịt tất của Hêlen chứ còn vì gì nữa! Tại sao họ đánh nhau? Tại sao Điômêđơ thần lực lại choảng nát cái mũ đồng to tướng đính mười mũi nhọn trên đầu Mêrionê, tại sao Asilơ và Hecto xăm mình nhau bằng những nhát thương dữ dội? Bởi vì Hêlen đã

để cho Pari lấy chiếc nịt tất của nàng. Với cái nịt tất của Côdét thì Hôme sẽ viết một Iliađơ mới. Ông sẽ để trong phòng ca của ông một lão già ba hoa như ta và ông gọi lão ấy là Mexto.

Các bạn ạ, thời xưa, cái thời xưa đáng ưa ấy, người ta cưới xin một cách khoa học; ký một hôn ước chắc chắn xong thì rồi là một bữa tiệc ra trò. Bỏ bút xuống là cầm đũa. Chứ sao! Dạ dày là một con vật dễ mến, nó đòi hỏi phần nó và cũng muốn tham gia lễ tiệc. Thời ấy người ta ăn ngon, và ở bên cạnh người ta có một ả trẻ đẹp không trùm khăn, không che giấu bộ ngực mình thái quá. Chao ôi! Những cái miệng cười toe toét! Cái không khí vui sao! Thời ấy tuổi trẻ là một bó hoa. Người thanh niên nào cuối cùng cũng có một cành đinh hương hoặc một cụm hoa hồng, chiến tướng hay mục đồng đều vậy. Và nếu tình cờ mà người ta là đại úy long binh, thì người ta cũng cố tìm cách để có cái tên Phlôriăng. Người ta muốn được xinh đẹp. Người ta mặc áo thêu, người ta ưa sắc thắm. Một anh tư sản là một đóa hoa, một vị hầu tước là một viên ngọc. Người ta không nịt chân, không đi ủng. Người ta phơi phới, nhanh nhẹn, bóng nhoáng, long lanh, chấp chới, kháu khỉnh, bảnh bao, tuy nhiên người ta vẫn đeo gươm bên sườn. Con chim đẹp lông vẫn có mỏ và móng. Thời đó là thời *Ấn Độ phong tình*. Thế kỷ ấy có phương diện tế nhị lại có phương diện huy hoàng. Và người ta vui nhộn đáo để, mẹ kiếp nó! Ngày nay người ta nghiêm nghị, tư sản keo kiệt, giai cấp tư sản đạo mạo và thế kỷ của các anh thật là bất hạnh. Nếu Ngọc nữ giáng trần thì người ta sẽ đuổi họ đi vì mặc áo quá hở ngực. Than ôi! Đời nay họ che giấu vẻ đẹp như là một cái gì xấu xa. Từ khi có cách mạng, ai cũng mặc quần dài, kể cả các vũ nữ. Một vai hề nữ cũng phải nghiêm nghị; những điệu hát của các anh rất giáo điều. Các anh muốn oai vệ. Nếu không cúi gằm mặt trên cà vạt thì không được! Lý tưởng của

một thằng nhóc hai mươi tuổi khi lấy vợ là phải giống ngài Roie Cônla. Các anh có biết cứ oai mãi cái kiểu ấy thì trở nên gì không? Trở nên bé nhỏ. Hãy nhớ điều này: Cái vui không chỉ là vui, nó còn là lớn lao nữa. Phải si tình một cách vui vẻ đi chứ, mẹ kiếp! Khi cưới vợ, anh phải cưới trong cơn sốt và cơn choáng hạnh phúc và cảnh ồn ào hỗn độn của hạnh phúc. Vào nhà thờ cần nghiêm chỉnh, phải. Nhưng là làm lễ xong thì, quỉ thần ơi! Phải cho mộng ảo quay cuồng chung quanh cô dâu. Hôn lễ thì phải đế vương và hư ảo, phải diễu hành từ nhà thờ Ranhxơ đến chùa Săngtơlu. Tôi ghê tởm những hôn lễ đê tiện. Cao tằng cố tổ ạ! Ít nhất cái ngày hôm đó phải ngự trên thiên đàng chứ! Phải là thần linh chứ! Chao ôi! Muốn là gì cũng được; thần không trung, thần nô đùa, thần vui cười, hoặc là lính ngân khôi ngân giáp. Người ta là những galupia mà. Các bạn ạ, mỗi chú rể phải là một ông hoàng hoan lạc. Hãy nhân cơ hội có một không hai trong đời người này mà bay bổng lên cõi thiên thanh với lũ thiên nga và chim ưng để hôm sau lại có thể rơi xuống thế giới của lũ ếch nhái tư sản. Đừng dè xẻn trên đám cưới, chớ cắt xén những huy hoàng sang trọng của nó. Chớ có đếm từng xu nhỏ trong cái ngày anh tràn ngập hào quang. Lễ tiệc không phải là việc nội trợ hàng ngày. Chao! Nếu ta được làm theo hứng thú của ta thì sẽ tình tứ bao nhiêu! Người ta sẽ nghe vĩ cầm trong cây lá. Chương trình của ta như sau; Thanh niên và bạch ngân. Ta mời các thần thôn dã, các nữ thần rừng nữ thần biển đến dự lễ. Một hôn lễ của nữ hải thần Ăngphitơrit, một đám mây hồng, những thần nữ tóc vấn đẹp đẽ, hoàn toàn khoả thân, một vị hàn lâm dâng thơ cho nữ thần, một cỗ xe có những con quái biển kéo.

Toritông đi đầu, dùng tù-và thổi.

Những tiếng du dương khiến ai cũng bồi hồi bồi hồi.

Quả là một chương trình khánh tiết, đúng một chương trình khánh tiết, ta nói chẳng sai chút nào, mẹ kiếp! Trong lúc lão cao hứng một mình nói một mình nghe như vậy thì Côdét và Mariuytx được tự do ngắm nhìn nhau đến say sưa.

Bà dì Gilơnormăng nhìn tất cả những cảnh ấy thản nhiên lạ lùng. Từ năm, sáu tháng nay, bà đã xúc động khá nhiều lần. Mariuytx trở về, Mariuytx máu me đầm đìa được khiêng về, Mariuytx khiêng ở một chiến lũy về, Mariuytx chết rồi lại sống dậy, Mariuytx làm lành với gia đình, Mariuytx đính hôn, Mariuytx lấy một con bé nghèo khổ, Mariuytx lại lấy một cô gái triệu phú. Lần cuối cùng bà ngạc nhiên là số tiền sáu mươi vạn phơrăng. Số tiền sáu mươi vạn ấy là niềm cảm xúc tối hậu. Sau đó bà lại lãnh đạm như trước kia. Bà lại đi lễ đều đặn, lại lần tràng hạt, lại cầu kinh những ngày lễ và những ngày chủ nhật, bà ngồi trong một xó nhà thì thầm đọc kinh "Kính Bà", trong khi ở một xó khác người ta thì thầm "I love you"[1]; bà lờ mờ nhìn thấy Mariuytx và Côdét như hai cái bóng. Nhưng chính bà mới là một cái bóng.

Có một lối khổ hạnh đến trì độn, tâm hồn người ta tê liệt, như vô tri, không biết gì là cuộc đời, chỉ trừ khi động đất hay khi tai biến, còn chẳng biết gì là tình cảm con người, vui sướng không, đau khổ cũng không.

Lão Gilơnormăng bảo con gái: - Cái lối sùng đạo ấy cũng như ngạt mũi vậy. Con chả biết mùi đời là cái gì. Không thấy thơm mà cũng chẳng thấy thối.

Dù sao thì sáu mươi vạn phơrăng cũng làm cho bà gái già

(1) Tiếng Anh theo nguyên bản, nghĩa: anh yêu em hoặc em yêu anh.

thôi không phân vân nữa. Lão Gilơnormăng thường chẳng mấy khi đếm xỉa đến bà, nên việc cưới của Mariuytx, lão cũng chẳng hỏi ý kiến gì bà. Lão cứ làm theo lối bốc đồng của lão; từ một ông chúa chuyên chế, lão trở thành một người nô lệ, lão chỉ có độc một ý nghĩ là làm thoả lòng Mariuytx. Còn bà dì kia, dù bà còn sờ sờ ra đấy hay có ý kiến gì, lão không thèm để ý tới. Dù lành như đất, bà dì cũng phải phật ý. Trong thâm tâm, bà cũng có phần phẫn uất, nhưng bề ngoài vẫn thản nhiên; bà tự bảo; "Cha mình định đoạt việc cưới xin này không hỏi gì mình; mình sẽ giải quyết việc gia tài không hỏi gì cha mình". Bởi vì bà dì giàu, còn ông bố thì không có gì, hẳn bà ta mặc kệ cho nó nghèo xác. Thây xác ông cháu. Đã cưới một con xơ rác thì cho xơ xác. Nhưng thấy Côđét có sáu mươi vạn, bà rất hài lòng; số tiền ấy thay đổi vị trí của bà trong gia đình đối với cặp tình nhân kia. Phải trọng cái số tiền sáu mươi vạn chứ! Và cố nhiên không thể không để gia tài cho họ được bởi vì bây giờ họ không cần đến nữa.

Người ta thu xếp cho đôi vợ chồng ở trong buồng lão Gilơnormăng. Lão nhất định nhường cho họ cái buồng của lão, cái buồng đẹp nhất trong nhà. Lão nói: *Có thế tôi mới trẻ lại được. Đó là một dự định cũ. Tôi vẫn định tổ chức cưới trong buồng của tôi*. Lão cho kê ở trong buồng một đống những đồ lặt vặt cũ đỏm dáng. Lão cho căng một tấm vải rất to làm trần nhà: miếng vải nguyên xấp, lão bảo hình như mua ở Utơrết, nền xa tanh màu hoa mao lương, thêu hoa nhưng màu hoa liên hình. Lão bảo tấm vải ấy là loại vải làm khăn trải giường của Ăngvi công tước phu nhân ở lâu đài Larốtxơ Guyông. Lão bày trên lò sưởi một bức tượng xứ Xaxơ nho nhỏ ôm con chó con trên cái bụng tênh hênh.

Cái phòng sách của lão Gilơnormăng này dùng làm văn

phòng trang sư cho Mariuytx; ta còn nhớ, hội đồng luật sư bắt trạng sư nào cũng phải có văn phòng riêng.

VII

BÓNG DÁNG GIẤC MÊ TRONG HẠNH PHÚC

Ngày nào đôi tình nhân cũng gặp nhau. Côdét đi cùng với ông Phôsơlơvăng. Bà dì Gilơnormăng bảo: Bây giờ trời đất đảo lộn cả, đời thủa nào cô dâu sắp cưới lại đến tận nhà trai cho người ta tán tỉnh. Vì Mariuytx phải nằm dưỡng bệnh lâu ngày nên chuyện đó cũng thành quen, vả lại ghế bành ở nhà lão Gilơnormăng lại tiện cho hai người trò chuyện hơn là ghế rơm ở nhà ông Phôsơlơvăng, nên thói quen ấy như đã bắt rễ sâu rồi. Mariuytx và ông Phôsơlơvăng gặp nhau nhưng không nói chuyện với nhau. Hình như việc ấy đã ước định. Cô con nói chẳng cần có người lớn đi kèm. Không có ông Phôsơlơvăng thì Côdét khó lòng đến một mình. Còn Mariuytx thì coi như có ông thì mới có Côdét được. Chàng nhận điều kiện ấy. Giở chuyện chính trị ra mà nói một cách chung chung về vấn đề cải thiện đời sống xã hội, lúc ấy, ngoài những tiếng vâng, dạ, họ còn có thể nói với nhau được vài câu. Một lần, bàn về giáo dục, Mariuytx muốn có một nền giáo dục bắt buộc và không phải trả tiền, tổ chức bằng mọi hình thức cho ai cũng được hưởng như không khí và ánh nắng, tóm lại, toàn dân đều được hưởng, hai người đồng tâm đồng ý với nhau, và chỉ có lần ấy là họ gần như nói chuyện thực sự. Dịp ấy, Mariuytx mới nhận thấy ông Phôsơlơvăng nói rất hay, ngôn ngữ lại có vẻ tao nhã là khác. Nhưng hình như ông thiếu thiếu cái gì. Ông như chưa hẳn là người lịch thiệp mà lại cũng như có cái

gì hơn thế.

Trong lòng Mariuytx và trong ý nghĩ của chàng, chàng thầm đặt bao nhiêu câu hỏi về cái ông Phôsơlơvăng ấy. Theo ý chàng, ông chỉ là một người nhân hậu, lạnh lùng. Lắm khi chàng không tin được ngay những kỷ niệm trong ký ức của chính chàng. Trong trí nhớ, có một lỗ hổng, một cái hố đen ngòm, một cái vực sâu đào ròng rã với bốn tháng trời dở sống dở chết. Nhiều thứ đã mất tăm trong cái hố ấy. Chàng phải tự hỏi không biết có thật chàng đã trông thấy ông Phôsơlơvăng ở chiến luỹ không, sao bây giờ trông ông nghiêm trang, điềm tĩnh thế.

Việc ấy không phải là trạng thái hôn mê duy nhất trong trí óc chàng; còn biết bao hình ảnh của quá khứ hiển hiện về cũng như bao hình ảnh quá khứ mất mát. Dù có sung sướng hay toại nguyện đến đâu, đừng tưởng rằng ta có thể thoát được những ám ảnh của ký ức mà không ngậm ngùi ngoái nhìn về dĩ vãng. Người nào mà không quay đầu về nhìn những chân trời đã xóa nhòa thì người ấy cũng chẳng có gì là tư tưởng, là tình yêu. Lắm khi Mariuytx hai tay ôm mặt, và cái quá khứ náo động mù mờ thoảng qua óc chàng như qua buổi hoàng hôn. Chàng lại thấy cụ Mabớp ngã xuống, chàng nghe thấy tiếng Gavrốt hát dưới làn đạn, chàng như cảm thấy cái trán lành lạnh của Êpônin dưới môi chàng. Rồi Ăngguônrátx, Cuốcphêrắc, Giăng Pơruve, Côngbơphe, Bốtxuyê, Gơrăngte, tất cả các bạn chàng đứng sừng sững trước mặt, rồi tan biến đi mất. Tất cả những người thân yêu, những người đau khổ, dũng cảm, dễ thương hay thê thảm ấy, có phải chỉ là những giấc mơ không? Họ có thật không? Cuộc bạo động đã cuốn đi tất cả trong khói lửa. Nhưng cơn sốt vĩ đại ấy có những giấc mơ vĩ đại. Mariuytx tự hỏi mình; chàng sờ vào người mình; những sự thật đã chết ấy hỗn loạn trong đầu óc. Thế thì họ

đâu? Có thật rằng cái gì cũng chết cả rồi không? Một cái rơi thõm vào khoảng tối tăm đã cuốn đi tất cả, trừ có chàng. Hình như tất cả những cái ấy đã biến đi sau tấm màn ở rạp hát. Có những tấm màn cứ hạ xuống như thế giữa cuộc đời. Rồi Thượng đế cho diễn tiếp màn sau.

Còn chính chàng nữa, chàng có vẫn còn là người thủa trước không? Trước chàng nghèo thế, nay giàu có; trước chàng bị bỏ rơi, nay có một gia đình, trước chàng đã tuyệt vọng, nay lấy được Côđét làm vợ. Chàng tưởng như chàng vừa đi qua một nấm mồ, lúc bước vào thì đen, lúc bước ra thì trắng. Còn những người khác, họ ở lại cả trong mồ. Cũng có khi, tất cả những con người của dĩ vãng hiện trở về, quây lấy chàng làm cho chàng âu sầu nghĩ ngợi. Lúc ấy, chàng lại nghĩ đến Côđét và tâm hồn trở lại thanh thản. Phải đến một vui sướng cỡ ấy mới xoa được cái họa bi thảm kia.

Ông Phôsơlơvăng hầu như cũng là một hình bóng trong số những nhân vật đã tiêu biến. Mariuytx không tin hẳn là ông Phôsơlơvăng ở chiến luỹ lại là ông Phôsơlơvăng bằng xương bằng thịt ngồi nghiêm nghị như thế kia bên cạnh Côđét. Ông Phôsơlơvăng thứ nhất có lẽ là một cái ác mộng cứ qua lại trong những giờ phút mê sảng. Vả chăng, vốn bản chất Mariuytx và ông Phôsơlơvăng cùng khắc khổ, nên Mariuytx không thể hỏi chuyện ông được. Mariuytx cũng không nghĩ đến hỏi ông làm gì. Ta đã nói rõ chi tiết đặc biệt này rồi.

Hai người cùng biết một điều bí mật mà như cùng ước định ngầm với nhau là không trao đổi gì về điều bí mật ấy, việc này tưởng cũng không hiếm lắm.

Chỉ có một lần Mariuytx định thử hỏi xem sao. Trong câu chuyện, chàng nhắc đến tên phố Săngvrơri, rồi quay lại phía ông Phôsơlơvăng, chàng nói:

- Cụ chắc biết phố ấy lắm nhỉ?

- Phố nào cơ?

- Phố Sängvrơri ấy ạ.

Ông Phôsơlơväng trả lời tự nhiên hết sức:

- Tôi chưa nghe tên phố ấy bao giờ.

Câu trả lời chỉ nói đến tên phố, không nói về phố ấy, càng làm cho Mariuytx tin chắc có thể kết luận được. Chàng nghĩ thầm:

- Đúng là mình mê rồi. Một ảo ảnh đấy thôi. Chỉ là một người giống ông ta. Ông Phôsơlơväng không có ở đấy.

VIII

HAI NGƯỜI KHÔNG SAO TÌM RA ĐƯỢC

Mặc dù hoan hỷ đến đâu, Mariuytx cũng không thể xoá nhoà được trong óc mấy nỗi bận lòng khác.

Trong thời gian sửa soạn và chờ ngày cưới, chàng cho tiến hành những cuộc điều tra khó khăn, tỉ mỉ.

Mariuytx chịu ơn về nhiều phía; chàng còn nợ cái ơn của cha chàng, rồi cả một cái ơn riêng của chàng nữa.

Một người là Tênácđiê; còn một người lạ nào đã mang chàng, phải, mang chính chàng, về nhà lão Gilơnormäng.

Mariuytx tha thiết muốn tìm cho ra hai người ấy, chưa muốn cưới vội, chưa muốn sung sướng mà quên họ đi; chàng còn sợ những món nợ ân nghĩa chưa trả ấy sẽ ngả bóng xuống cuộc đời từ nay vô cùng xán lạn của chàng. Không thể nào để các món nợ chưa trả ấy cứ lai rai đeo đẳng sau mình. Trước khi vui vẻ bước vào tương lai, chàng muốn thanh toán xong nợ quá khứ.

Mặc dù Tênácđiê là một tên gian ác, điều ấy cũng không làm giảm giá cái việc hắn cứu sống đại tá Pôngmécxi. Tênácđiê đối với mọi người là thằng kẻ cướp, đối với Mariuytx

thì không.

Mariuytx không biết rõ sự thật trên chiến trường Oatéclô, nên chàng không biết cái trường hợp đặc biệt này, là cha chàng ở trong tình thế lạ lùng thoát chết nhờ Tênácđiê, nhưng không mang ơn huệ gì với hắn ta.

Biết bao người Mariuytx phái đi, không một ai tìm thấy Tênácđiê. Hình như về khoản hắn, không còn dấu vết gì nữa. Mụ Tênácđiê thì đã chết trong khi xét hỏi ở toà án. Chỉ còn hai người sống sót trong cái gia đình bi thảm ấy là Tênácđiê và Adenma, con gái hắn; cả hai người đều chìm trong bóng tối. Cái vực thẳm của xã hội mịt mù đã khép lại trên những con người ấy. Trên mặt nước, cũng không có lấy những nét gợi run run, những vòng sóng rung rinh mờ ảo báo cho ta biết một cái gì đã rơi xuống đấy, để mà thả con sào xuống thăm dò.

Mụ Tênácđiê đã chết. Bulatơruyen được miễn tố. Cơlacơxu biến mất, những bị cáo quan trọng đã vượt ngục, vụ xử việc âm mưu ở căn nhà nát Goócbô gần như thất bại. Trên ghế bị cáo toà đại hình, chỉ còn lại hai tòng phạm là Păngsô, tức Pơranhtaniê, tức Bigơrơnay, và Đơmilia; hai tên đều bị xử hiện diện mười năm khổ sai. Còn những tên khác đã vượt ngục, đều bị tuyên án vắng mặt khổ sai chung thân. Tênácđiê là tên cầm đầu và chủ mưu bị xử tử vắng mặt. Về Tênácđiê, chỉ còn lại duy nhất cái án ấy, nó chiếu một ánh sáng lờ mờ ảm đạm trên tên hắn, như một ngọn nến bên cái quan tài.

Cái án ấy càng làm cho Tênácđiê thêm sợ bị bắt, càng xô đẩy hắn xuống những hố sâu thăm thẳm, càng làm cho hắn biến vào bóng đêm dày đặc.

Còn việc tìm người kia, người lạ mặt đã cứu sống Mariuytx, mới đầu tưởng có đôi chút kết quả, nhưng rồi lại im bặt. Đã tìm thấy cái xe ngựa chở Mariuytx về phố Phiơ đuy Canve

tối hôm mồng 6 tháng sáu. Bác đánh xe kể lại rằng ngày 6 tháng Sáu, theo lệnh một viên cảnh sát, bác đã đỗ xe từ ba giờ chiều đến tối mịt ở bến Săng Êlisê, trên miệng Cống lớn; rồi lúc chín giờ tối, cái cửa ở bến sông mở ra; một người chui ở cống ra, cõng trên lưng một người hình như đã chết; viên cảnh binh vẫn đứng rình ở đấy, bắt cả người sống lẫn người chết, rồi theo lệnh của ông ta, bác chỉ biết phận sự là cứ "chở tuốt cả bọn ấy" trong xe; mới đầu xe đánh đến phố Phiơ đuy Canve, để người chết ở lại đấy; cái người chết ấy là ngài Mariuytx, bác nhận được rõ lắm, mặc dù "lần này" ông ấy là người sống; thế rồi hai người lại lên xe, bác lại quất ngựa chạy đến gần cửa Acsivơ thì người ta bảo dừng lại, rồi người ta trả tiền ngay giữa đường phố, rồi đi mất; viên cảnh sát đem người kia đi; bác chẳng biết gì thêm, đêm hôm ấy trời tối om om.

Còn Mariuytx thì chẳng nhớ gì, ta đã nói rồi. Chàng chỉ nhớ lúc chàng ngã vật ra đằng sau thì có một bàn tay khỏe mạnh đỡ lấy chàng; thế rồi chàng không biết gì nữa. Đến nhà ông Gilơnormăng, chàng mới hồi tỉnh.

Chàng phỏng đoán càng rối tung.

Chàng không thể nào nghĩ ngờ lý lịch bản thân mình. Thế nhưng tại sao ngã xuống ở phố Săngvrơri, chàng lại được người cảnh sát kia thấy ở bãi sông Xen, gần cầu Anhvalit Có người mang chàng từ khu chợ đến khu Săng Êlidê. Mang thế nào? Qua cống ngầm. Một sự tận tâm chưa từng có.

Một người? Ai vậy?

Mariuytx đang tìm kiếm người ấy.

Ân nhân của chàng không để một dấu vết; không một hình tích.

Mặc dù chàng rất cần phải thận trọng, nhưng chàng cứ ra

hỏi tận sở cảnh sát. Ở đây cũng không hơn gì, những điều hỏi được không làm sáng tỏ thêm gì. Sở còn biết ít hơn bác đánh xe. Sở chẳng biết tí gì về việc bắt giữ người, hôm mồng 6 tháng Sáu ở cửa Cống lớn. Chẳng nhận được báo cáo gì về việc ấy, sở coi là một chuyện bịa đặt. Người ta ngờ rằng bác đánh xe đã bịa ra chuyện ấy. Một anh đánh xe thì gì mà chẳng làm để lĩnh tiền thưởng, kể cả cái việc bịa đặt theo trí tưởng tượng. Thế nhưng việc ấy là việc có thật; Mariuytx không còn nghi ngờ gì nữa, trừ khi chàng không phải là chàng nữa, như ta vừa nói.

Trong việc bí hiểm kỳ dị này, chẳng cắt nghĩa được gì hết.

Cái người ấy, cái người bí mật ấy, bác xe đã trông thấy chui từ dưới Cống lớn lên, lưng cõng Mariuytx chết ngất, lại bị viên cảnh sát kia đứng rình bắt quả tang đang cứu một người bạo động, người ấy bây giờ ra sao? Còn viên cảnh sát nữa? Tại sao ông ta lại cứ im hơi lặng tiếng như vậy? Người kia đã trốn thoát chăng? Hay là ông ta đã mua chuộc viên cảnh binh?

Tại sao người ấy bây giờ lại tuyệt nhiên không tin tức gì đến cho Mariuytx. Mariuytx là người đã mang ơn tái tạo của ông cơ mà? Tấm lòng vô tư của người ấy cũng kỳ diệu không kém gì tấm lòng tận tụy hy sinh. Tại sao người ấy không trở lại? Có lẽ người ấy coi thường việc đền ơn, đúng. Nhưng có ai lại coi thường lòng biết ơn! Bác xe bảo: Đêm tối om om. Lão Bátscơ và Nicôlét thì khiếp sợ chỉ nhìn cậu chủ máu me đầm đìa. Chỉ có ông gác cổng, lúc ấy cầm ngọn nến soi cái cảnh thảm đạm Mariuytx về nhà, chỉ có ông là nhìn người kia; ông ta nói như sau: "Trông người ấy chết khiếp lên được".

Mariuytx bảo giữ lại bộ quần áo đẫm máu chàng mặc trong

người lúc người ta chở chàng về nhà, hy vọng sau này có thể dùng được gì trong việc điều tra tìm kiếm chăng. Nhìn kỹ áo thì thấy một vạt xé rất kỳ lạ. Mất một mảnh.

Một buổi tối, Mariuytx kể lại cho Côđét và Giăng Vangiăng nghe câu chuyện lạ lùng của mình, biết bao tin tức thu lượm mà công vẫn hoài công. Khuôn mặt lạnh lùng của ông "Phôsơlơvăng" lại càng làm cho chàng bực mình. Anh hét to lên, giọng run run gần như giận dữ:

- Phải, người ấy dù là ai đi nữa, cũng đã tỏ ra vô cùng cao cả. Thưa cụ, cụ có biết người ấy đã làm gì không? Người ấy chợt đến như một vị thiên thần. Người ấy hẳn đã xông vào cuộc chiến đấu, cướp tôi ra, mở cửa cống kéo tôi ra, cõng tôi chui trong đường cống. Người ấy chui trong những con đường hầm ghê tởm trên một dặm rưỡi, phải cúi xuống, còng người xuống, trong khoảng tối mù mịt, rúc xuống vũng lầy nhơ nhớp, thưa cụ, trên một dặm rưỡi, lại cõng một cái xác chết trên lưng. Để làm gì? Chỉ là để cứu cái xác chết ấy, thế thôi. Cái xác ấy là tôi đây. Người ấy đã tự bảo: "May ra còn chút hơi tàn thoi thóp, mình sẽ liều cuộc đời mình để cứu vãn cái hơi tàn mong manh này". Không phải người ấy liều chết một lần, mà hàng mấy chục lần! Mỗi bước đi là một bước nguy hiểm. Chứng cớ rõ ràng nhất là ra khỏi cống thì bị bắt. Thưa cụ, người ấy đã làm tất cả những việc ấy! Không màng một sự trả ơn nào! Bởi vì lúc ấy tôi là cái gì? Một kẻ bạo động. Tôi là gì nữa? Một kẻ bại trận. Trời ơi! Giả thử sáu mươi vạn phơrăng của Côđét là của tôi...

- Của anh đấy, - Giăng Vangiăng ngắt lời Mariuytx.

- Thì tôi cho hết để mà tìm lại được người kia.

Giăng Vangiăng im lặng không nói gì.

QUYỂN VI

ĐÊM TRĂNG

I

NGÀY 16 THÁNG HAI 1833

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng Hai 1835 là một đêm tốt lành. Ở trên khoảng bóng tối đêm sâu, vòm trời quang đãng. Đêm ấy là đêm hôn lễ của Mariuytx và Côdét.

Cả hai ngày vừa qua cũng rất đẹp.

Hôn lễ này không phải cái hôn lễ mà ông ngoại mơ tưởng, nghĩa là một ngày hội thần tiên có vô số thiên thần và thần đồng bay lượn trên đầu đôi vợ chồng mới cưới, một hôn lễ đáng chạm khắc lên viền cửa. Tuy nhiên cũng rất êm đềm và vui vẻ.

Cách cưới xin năm 1833 khác với ngày nay. Hồi đó, nước Pháp chưa mượn của nước Anh cái kiểu tế nhị tối cao là đem ngay vợ sau khi ở nhà thờ ra, trốn một nơi nào đó vì xấu hổ với cảnh hạnh phúc của mình, và phối hợp hành tung của một anh vỡ nợ với niềm say sưa của thiên Thần tụng. Hồi đó, người ta chưa hiểu tính chất thanh khiết, đoan trinh và lý thú của việc cho hạnh phúc của mình nhồi xóc trong xe trạm, lấy tiếng lóc cóc của bánh xe làm nhịp cho nơi huyền bí riêng tư, dùng giường quán làm giường cưới; lại còn trả

mỗi đêm một số tiền về cái buồng chung chạ để lưu lại đằng sau mình cái kỷ niệm thiêng liêng nhất lẫn lộn với những cảnh đối diện với anh xà ích và chị gái quán.

Ở nửa sau cái thế kỷ mà chúng ta đang sống đây, ông xã trưởng với chiếc băng choàng, ông cố đạo với cái áo lễ, pháp luật và Chúa không đủ nữa. Phải bổ xung bằng anh đánh xe trạm ở Lônggiuynô; áo vét xanh viền đỏ, cúc hình nhạc đồng, lập lắc đeo tay, quần cộc bằng da màu xanh, thét chửi để thúc những con ngựa noócmăng buộc đuôi, cầu vai giả, mũ đánh bóng, tóc rắc phấn, roi to, ủng khỏe. Người Pháp chưa nâng mức mỹ lệ lên đến chỗ tổ chức cho người ta ném một trận mưa giầy sờn dép cũ lên mái xe của đôi vợ chồng mới cưới, như giới thượng lưu Anh; cái tục lệ đó được đặt ra để tưởng nhớ Sơcsin, từ khi Mácbôrút cưới vợ mà bị bà cô nổi trận lôi đình và cái lôi đình đó mang may mắn đến cho ông ta. Dép và giầy vải chưa tham dự vào lễ cưới của chúng ta. Nhưng hãy kiên nhẫn, mỹ tục còn phát triển thì rồi chúng ta sẽ đến đó thôi.

Một trăm năm trước cái thời 1833, người ta không tổ chức lễ cưới trên xe ngựa đi nước kiệu lớn.

Thời đó, người ta nghĩ một cách kỳ quặc rằng hôn lễ là một ngày lễ gia đình và xã hội, và một bữa tiệc gia tộc không làm hỏng vẻ long trọng thân tình; người ta cho là vui nhộn dù thái quá mà lành mạnh vẫn không làm thiệt gì cho hạnh phúc; cuối cùng, nếu việc hoà hợp hai số kiếp mà bắt đầu từ nhà cha mẹ, và từ đó buồng cưới sẽ là người chứng của đôi vợ chồng trẻ, thì đó chỉ có tốt và thành kính thôi.

Nghĩ như thế cho nên thời đó người ta trâng tráo làm đám cưới tại nhà.

Vậy nên hôn lễ Mariuytx cử hành ở nhà lão Gilơnormăng theo cái mốt ngày nay lỗi thời đó.

Dù việc cưới xin là việc tự nhiên, việc thường ngày nhưng mọi thủ tục niêm yết, giấy tờ phải làm, công việc ở thị sảnh, ở nhà thờ, bao giờ cũng có vài rắc rối. Cho nên không thể thu xếp xong trước ngày 16 tháng Hai.

Cũng chỉ nói thêm cho chính xác thôi, ngày 16 lại trúng vào ngày lễ "thứ ba béo". Mọi người do dự, ngại ngần, nhất là bà dì Gilơnormăng. Nhưng lão Gilơnormăng bảo:

- Thứ ba béo! Càng tốt. Tục ngữ có câu:

Cưới ngày thứ ba béo,

Không sinh con bạc bẽo.

Cứ như vậy, 16 thì 16. Mariuytx, con muốn hoãn lại chăng?

- Hẳn là không ạ. Anh chàng si tình trả lời.

- Thế thì cứ cưới đi. Ông già nói.

Đám cưới tổ chức ngày 16, bất chấp chuyện vui công cộng.

Hôm ấy trời mưa, nhưng một đôi trai gái yêu nhau lúc nào cũng tìm thấy một mảnh trời xanh dành riêng cho họ, dù mưa đổ khắp nơi.

Ngày hôm trước Giăng Vangiăng đã giao cho Mariuytx, trước mặt lão Gilơnormăng, số tiền năm trăm tám mươi bốn nghìn phơrăng.

Cuộc hôn nhân làm theo chế độ cộng đồng tài sản[1] cho nên giấy tờ cũng đơn giản.

Bà Tútxanh, Giăng Vangiăng không cần nữa, Côdét được thừa hưởng và nâng lên làm hầu phòng.

Còn Giăng Vangiăng thì ở nhà lão Gilơnormăng đã có một gian phòng xinh xắn xếp đặt riêng cho ông ta; Côdét đã bảo

(1) Của bỏ chung, vợ và chồng không giữ của riêng.

ông: "Cha ơi! con van cha đấy" thiết tha đến nỗi Giăng Vangiăng phải hầu như hứa với nàng ông sẽ đến ở.

Mấy hôm trước ngày cưới, Giăng Vangiăng gặp một điều không may. Ông bị dập nhẹ ngón tay bên phải. Vết thương không nặng lắm, ông không để ai săn sóc, băng bó cho ông, cũng không để cho ai trông thấy nữa, cả Côdét cũng vậy. Nhưng ông cũng phải lấy vải quấn bàn tay và treo cánh tay lên vai nên ông không ký được vào giấy tờ. Lão Gilơnormăng đỡ đầu dự khuyết cho Côdét phải thay ông ký.

Chúng tôi không dẫn độc giả đến thị sảnh hay nhà thờ. Người ta không lẽo đẽo đi theo đôi trai gái yêu nhau cho đến tận đây; thường thường khi chú rể đã gài vào ve áo cánh hoa chú rể thì mọi người quay lưng, không đi sâu vào cuộc tình duyên kia nữa. Chúng tôi chỉ kể lại một sự việc mà những người dự đám cưới không để ý tới, xảy ra trên quãng đường từ phố Phiơ đuy Canve đến nhà thờ Xanh Pôn.

Lúc bấy giờ người ta đang lát lại đầu đường phía Bắc phố Xanh Luy, xe cộ bị chặn lại từ ngay phố Pácroaian. Đoàn xe đám cưới không thể đi thẳng đến nhà thờ Xanh Pôn. Bắt buộc phải đi lối khác, đơn giản nhất là vòng phía đại lộ. Một người dự đám cưới bảo đại lộ sẽ vướng rất nhiều xe vì là ngày hội thứ ba béo. Lão Gilơnormăng hỏi: Vì sao? - Người kia trả lời: - Vì có những đoàn người trá hình. Lão đáp: - Tuyệt lắm! Cứ đi lối ấy. Hai trẻ lấy nhau, chúng sắp vào cuộc đời, cũng nên để cho chúng làm quen với cái trò trá hình này một chút.

Đám cưới đi về phía đại lộ. Chiếc xe hòm đầu tiên là xe Côdét, có bà dì Gilơnormăng, lão Gilơnormăng và Giăng Vangiăng. Mariuytx ngồi chiếc xe thứ hai vì theo tục bấy giờ chú rể chưa được ngồi cùng cô dâu. Đoàn xe cưới đi khỏi phố

Phiơ duy Canve thì xếp ngay vào dấy xe dài vô tận từ phố Madơlen đến nhà Bátsti và từ nhà Bátsti đến phố Madơlen. Trên đường đầy dẫy những người trá hình. Mặc dầu thỉnh thoảng trời lại mưa, bọn hề vẫn đi giễu. Với cái không khí vui nhộn mùa đông năm 1833 ấy, Pari đã biến thành Vơnidơ[1]. Bây giờ thì không còn những ngày hội thứ ba béo như thế nữa vì không còn những cuộc trá hình của dân chúng.

Hai bên hè đường chật ních người qua lại, cửa sổ đầy những bộ mặt tò mò, những hàng hiên các rạp hát cũng chen chúc người xem. Người ta xem những người trá hình, người ta xem cái dãy xe đủ các kiểu như ở trường đua Lôngsăng, đi rất trật tự theo kỷ luật đi đường của cảnh sát, xe nọ bám vào xe kia như trên đường ray. Người ngồi trên xe vừa được xem vừa được người ta xem. Những viên đội cảnh binh ở hai vệ đường đứng giữ trật tự, để cho hai dãy xe vô tận đi song hành ngược chiều với nhau không va chạm gì như hai dòng suối, một chảy xuôi về đường Đăngtanh, một chảy ngược lên ô Xanh Ăngtoan. Xe mang huy hiệu của những vị đại thần và đại sứ đi lại tự do ở giữa lòng đường.

Một vài đoàn hoa lệ vui nhộn, đặc biệt là đám rước Bò béo, cũng hưởng đặc quyền ấy. Nước Anh vút roi trên cảnh vui nhộn của Pari, xe trạm của huân tước Xâymua chạy qua ầm ĩ, với một mệnh danh dân gian bám theo sau.

Trong hai dãy xe, có những lính cảnh vệ phi ngựa kèm dọc theo như những con chó chăn cừu, người ta thấy đây đó

---

(1) Một thành phố thương mại thuộc nước Ý, rất trù phú hồi thế kỷ thứ XIV - XV, ở đấy nhân dân thường tổ chức những ngày hội trá hình.

những cỗ xe nha hiền lành chật cứng những bà dì, bà cô, bà cố. Trong khung cửa các xe đó, có những trẻ con trá hình; hề lên bảy, hề gái lên sáu; những người bé rất dễ yêu đó cảm thấy mình được chính thức tham gia cuộc vui công cộng, thấm nhuần chức vị hề của mình và tỏ ra nghiêm trang như những viên chức. Thỉnh thoảng lại tắc nghẽn khiến một trong hai dãy xe xuôi ngược phải dừng lại, cho đến khi gỡ xong cái nút rối. Một chiếc xe vướng thì cả dãy xe bị tê liệt. Sau đó dòng xe lại chuyển bánh.

Đoàn xe đám cưới ở trong dãy xe đi về phía nhà Bátsti dọc theo phía bên phải đại lộ. Đến ngang phố Pôngtôsu đoàn xe ngược lại một lát. Vừa đúng lúc ấy, ở bên kia đường, dãy xe đi về hướng phố Mađơlen cũng dừng lại. Ngay chỗ ấy có một chiếc xe trá hình.

Những chiếc xe ngựa, hay nói đúng hơn những chiếc xe bò chở người trá hình ấy, người dân Pari rất quen thuộc. Nếu ngày thứ ba béo hay ngày lễ giữa tuần chay mà không có những chiếc xe trá hình ấy thì nhân dân cho là có điều gì không hay, và sẽ bàn tán: Chắc có ẩn tình gì đây. Có lẽ nội các thay đổi mất! Những Cátxăng. Aclơcanh Côlônghin [1] lóc xóc trên mấy chiếc xe ấy, ngất ngưởng trên đầu khách bộ hành, những người lố lăng nhất, từ anh chàng Thổ trá hình đến người đóng mọi rợ, những đô lực sĩ nâng những bà hầu tước, những mụ hàng cá khiến đến Rabơle[2] phải bịt tai, những mụ lẳng lơ làm cho Arixtophan[3] phải cúi mặt, tóc giả

(1) Nhân vật hề ở rạp hát.

(2) Rabelais, một nhà văn trào phúng Pháp thế kỷ XVI.

(3) Aristophane, một nhà viết kịch bản trào phúng thời cổ Hy Lạp.

bằng sô gai, may ô hồng, mũ công tử vỏ, kính thằng hề, mũ ba sừng có con bướm vờn của Gianô, tiếng la ó ném xuống người bộ hành, tay chống nạnh, đủ các bộ điệu lõa lồ, vai trần, mặt nạ, cả một mớ trò trâng tráo do một anh xà ích đội mũ hoa đưa giễu qua đường; đó là tục lệ xe trá hình.

Hy Lạp cần cỗ xe tải của Têxpi. Pháp cần chiếc xe ngựa của Vádê.

Cái gì cũng có thể nhại được, rập được, kể cả bản khuôn rập. Ngày hội Xatuyết, cái nhăn nhó của vẻ đẹp cổ đại ấy, từ phóng đại này đến phóng đại khác, đã trở thành ngày thứ ba béo; ngày hội Báccuýt, ngày xưa có vành cành nho, tràn trề ánh nắng, với những bộ ngực cẩm thạch phơi bày trong cảnh bán khỏa thân thần thánh, ngày nay đã nhũn đi dưới cái tã ướt sũng phương Bắc, rốt cục đã mang cái tên gọi là ngày hội mặt nạ.

Tục giễu xe trá hình xuất hiện từ những thủa xa xưa của chế độ quân chủ. Sổ sách của Luy XI cấp cho quan quản các "hai mươi xu đúc ở Tua về ba cỗ xe trá hình ở ngã tư". Ngày nay những mớ người ồn ào quái lạ ấy chồng đống nhau lên những chiếc xe ngựa hai bánh cổ lỗ hay những chiếc xe hàng bốn bánh của nhà nước bỏ cả mui xuống; hàng hai mươi người chồng chất lên một chiếc xe sáu chỗ; trên ghế chính, trên ghế phụ, trên vành mui, trên gọng xe; đứng, nằm, ngồi, quập chân vào, thõng chân xuống, đàn bà ngồi trên gối đàn ông. Tất cả cái núi người điên cuồng vui nhộn ấy, từ đằng xa đã thấy nổi lên trên làn sóng đầu người.

Những xe người ấy tạo nên những núi nhộn giữa đám đông lộn xộn. Côlê, Pana và Pirông từ đó mà ra, giàu có thêm bao nhiêu tiếng lóng. Từ trên chót vót ấy, người ta phun những lời nhật tụng thô tục xuống công chúng. Chiếc xe chồng đống

chương khê ấy nghênh ngang kiêu hãnh trên đường: ồn ào đằng trước, ầm ĩ sau lưng, chửi rủa, hò hét, kêu gào, quần quại vì sung sướng; vui cười gầm thét lên, chế nhạo nẩy lửa, bông lơn phô trương màu đỏ sực, hai con lừa khổ kéo chiếc xe hí kịch trình bày như một cuộc lễ phong thánh. Đó, chiếc xe chiến thắng của thần Cười.

Nhưng vui cười trâng tráo quá nên cũng không thể là thành thật. Cái vui nhộn ấy có một cái gì đáng nghi ngờ. Cái vui nhộn ấy có một nhiệm vụ: làm cho người dân Pari tin ở trò vui ấy.

Những chiếc xe hàng tôm, hàng cá ấy giấu giếm một cái gì tối tăm làm người hiểu biết phải suy nghĩ. Có bàn tay của chính phủ trong đó. Người ta thấy ở giữa những người nhà nước và những người nhà thổ một mối quan hệ bí mật.

Chồng chất ô nhục để làm ra vui nhộn, lấy xấu xa nhơ nhuốc để cám dỗ dân chúng, một đồng một cốt, thằng ngô con đĩ vừa làm trò vui cho quần chúng vừa đương đầu với quần chúng, cả cái đống người kinh khủng ấy diễu trên bốn chiếc bánh xe những mớ tã hào nhoáng nửa rác rưởi, nửa ánh sáng, vừa sủa vừa hát làm cho quần chúng vui phá lên, vỗ tay hoan nghênh cái vinh quang làm bằng ô nhục, rồi phải có cả một đội cảnh sát điều khiển những con giao long hai mươi đầu ấy, có thế mới làm được hội hè cho nhân dân, thì thật cũng đáng buồn, nhưng biết làm thế nào? Những chiếc xe cộ bùn nhơ rác rưởi kết hoa, kết dải ấy quần chúng vừa chửi rủa vừa tha thứ. Tiếng cười chung ấy như đồng loã với sự sa đọa chung kia. Những hội hè trụy lạc làm tan rã quần chúng, biến họ thành đám đông ô hợp. Quần chúng sa đọa cũng như bọn bạo chúa, đều ưa thích những thằng hề.

Vua có Rôcơlơrơ, dân có Paidatxơ, Pari là thành phố lớn cuồng vui mỗi khi nó không là thành phố lớn tuyệt diệu. Hội hè là bộ phận của chính trị. Phải thú nhận là Pari vui lòng xem diễn trò qua sự ô nhục. Nó chỉ đòi hỏi ở những ông chủ - khi nó có chủ - một điều thôi là bôi son trát phấn cho bùn nhơ. Rômơ cũng có tính cách ấy: Rômơ ưa Nêrông, Nêrông là một anh hề chợ phiên khổng lồ.

Chúng tôi đã nói, tình cờ một đống người kỳ quái ấy gồm cả đàn bà và đàn ông trá hình lắc lư trên một chiếc xe rộng lớn, dừng lại ở phía trái đại lộ khi đoàn xe cưới dừng ở bên phải. Chiếc xe trá hình bên kia đường nhìn thấy chiếc xe cô dâu đối diện ở bên này.

- Kìa một đám cưới. Một người trá hình kêu lên.

- Đám cưới giả. Một người khác trả lời. Chúng ta mới là đám cưới thật.

Vì cách quá xa, họ không réo gọi đám cưới kia được và cũng sợ bọn cảnh binh can thiệp, hai người này quay nhìn chỗ khác.

Tất cả cái đám người trên xe trá hình ấy cũng đang gặp lúc khó khăn, họ đang phải đối đáp với tất cả quần chúng dưới đường la ó giễu cợt họ, đó là cảnh đám đông mơn trớn các xe trá hình, hai người trá hình trên kia cũng phải nhập với cả bọn để đương đầu với đám dân chúng kia, những tiếng thô tục hàng tôm hàng cá tung ra tất cả cũng không thừa để đối đáp lại những tràng văng tục của công chúng. Giữa hai bên có sự thay đổi gớm ghiếc những lời bóng gió.

Khi đó hai người trá hình khác cùng trong chiếc xe ấy, một đống vai Tây Ban Nha với cái mũi khổng lồ, một vẻ người già nua và bộ ria đen cùng với mụ hàng cá gầy gò, còn là con gái, mang một cái mặt nạ chó cái; hai người này cũng nhận

thấy đám cưới. Khi mọi người trá hình trên xe và quần chúng ở dưới la ó chửi bới nhau thì hai người này nói chuyện riêng.

Câu chuyện riêng ấy chìm ngập trong tiếng ồn ào.

Những làn mưa đổ xuống, làm ướt đẫm cả chiếc xe rộng không mui. Gió tháng Hai cũng chẳng ấm nào, mụ hàng cá mặc áo hở vai vừa trả lời người Tây Ban Nha vừa run cầm cập, cười và ho luôn mồm.

Đây là lời đối thoại của họ.

- Này!
- Cái gì ông bố?
- Mày có trông thấy lão già kia không?
- Lão già nào?
- Lão kia, trong xe cưới thứ nhất, ngồi bên phía chúng ta.
- Lão có cánh tay treo bằng cái dải đen ấy à?
- Phải.
- Thế làm sao?
- Tạo nhận được nó, chắc lắm.
- Thế à?
- Tao mà không nhận ra cái lão Paridiêng này thì cứ xin cắt cổ tao đi, và cả đời tao không nói anh, mày, tao gì được sất.
- Hôm nay Pari thật là trò múa rối.
- Mày cúi xuống một chút xem có trông thấy cô dâu không?
- Không.
- Chú rể?
- Chú rể không có ở trong xe ấy.
- Hừ!
- Họa chú rể là lão già thứ hai ấy!

- Cúi nữa! Cố nhìn cho thấy cô dâu.

- Không thể được,

- Thôi cũng được, cái lão già buộc cẳng tay kia chắc chắn là tao biết.

- Bố biết thì làm cái gì?

- Biết đâu đấy, có khi.

- Bọn lão già thì được cái thá gì? Tôi cóc cần.

- Tao biết hắn.

- Thì cứ tha hồ.

- Thế quái nào mà hắn lại dự cái đám cưới này nhỉ?

- Thì chúng ta cũng dự đám cưới cả chứ sao?

- Đám cưới này ở đâu nhỉ?

- Tôi biết hẳn?

- Này nghe tao.

- Cái gì?

- Mày phải làm cái này.

- Cái gì?

- Xuống xe và theo dõi đám cưới này.

- Để làm gì?

- Xem đám cưới ấy ở đâu, đám cưới ấy là gì. Mau lên. Xuống xe đi, con gái của bố, con là thanh niên mà.

- Tôi không rời được cái xe này.

- Sao thế?

- Người ta mướn tôi.

- Bực nhỉ!

- Tôi phải làm con mẹ hàng cá một ngày, cho trên sở.

- Ừ nhỉ.

- Nếu tôi rời khỏi cái xe này thì viên thanh tra cảnh sát đầu tiên trông thấy tôi sẽ bắt ngay tôi. Bố biết chứ?

- Phải, tao biết.

- Ngày hôm nay chính phủ mua tôi rồi.

- Không sao. Nhưng cái lão già kia làm tao bực mình.

- Những lão già làm bố bực mình à, nhưng bố có phải là con gái đâu.

- Hắn ở trong xe thứ nhất.

- Thế sao?

- Trong xe cô dâu.

- Rồi sao?

- Thế thì hắn là bố.

- Thì việc gì đến tôi?

- Tao bảo hắn là bố mà.

- Không phải chỉ có người bố ấy thôi.

- Này nghe tao.

- Cái gì?

- Tao, tao phải trá hình mới ra ngoài được. Ở đây tao giấu mặt được, không ai biết tao là ai. Nhưng ngày mai không còn mặt nạ nữa. Mai là ngày thứ tư lễ Tro rồi. Tao ra đường sẽ bị tóm nên phải chui vào lỗ thôi. Mày, mày có thể đi lại tự do được.

- Chẳng tự do lắm.

- Cũng tự do hơn tao rồi.

- Thế thì sao?

- Mày phải cố dò xem đám cưới này đi đến đâu.

- Đến đâu à?

- Phải.

- Thế thì biết rồi.

- Thế nó đến đâu?

- Đến Cađơrăng Bơlơ.

- Không phải về phía ấy.

- Thế thì đến Larapê.

- Hoặc chỗ khác.

- Nó đến đâu thì đến, đám cưới là tự do.

- Không phải chuyện ấy. Tao bảo mày phải cố tìm ra cho tao cái đám cưới ấy là đám cưới gì, cái đám cưới có lão già ấy, cái đám cưới ấy ở đâu.

- May nhỉ! Chuyện đùa đấy! Dễ mà tìm ra được một đám cưới ở Pari trong ngày hội thứ ba béo, tám ngày sau! Đáy bể mò kim. Dễ thường làm được đấy hẳn?

Muốn thế nào, phải cố tìm cho ra, nghe chưa Adenma?

Hai dãy xe lại chuyển bánh đi ngược chiều với nhau hai bên đại lộ; chiếc xe trá hình nhìn thấy chiếc xe cô dâu nữa.

II

GIĂNG VANGIĂNG VẪN BUỘC CÁNH TAY

Không phải ai ước mơ cũng được toại nguyện. Chắc phải có những cuộc biểu quyết ở trên trời. Mỗi người chúng ta vô tình là một ứng cử viên. Thiên thần biểu quyết, Côdét và Mariuytx đã đắc cử.

Ở thị chính và ở nhà thờ, Côdét trông thật rực rỡ và cảm động: Bà Tútxanh và Nicôlét đã trang điểm cho nàng.

Côdét mặc một chiếc áo ren Binsơ ngoài một chiếc váy lục soạn trắng, mặt che một tấm khăn voan thêu mũi Anh, đeo một chuỗi hạt trai quý, đầu đội một vành hoa cam, tất cả

phục sức ấy toàn màu trắng làm cho nàng như chói ngời ánh sáng. Nàng là sự trong trắng thuỳ mị đang nảy nở và biến hoá trong hào quang, là cô gái đồng trinh đáng trở thành thần nữ.

Mớ tóc rất đẹp của Mariuytx chải bóng và bôi nước hoa, dưới làn tóc xoăn còn thấy rõ ràng những vết thương ở chiến luỹ đã thành sẹo.

Lão Gilơnormăng oai vệ đoàng hoàng khoác tay Côđét. Trang phục và điệu bộ của lão là tất cả những kiểu cách lịch sự từ thời Bara[1]. Giăng Vangiăng vì cánh tay còn buộc, không khoác tay Côđét được, nên lão thay thế Giăng Vangiăng bận đồ đen đi theo sau, miệng hé một nụ cười.

Lão Gilơnormăng nói với Giăng Vangiăng:

- Này ông Phôsơlơvăng, ngày hôm nay thật là một ngày đẹp đẽ. Tôi bỏ phiếu chấm dứt mọi nỗi buồn bực khổ đau ở đời; không ở đâu đau buồn được có mặt nữa! Này, tôi công bố nghị quyết là mọi người phải vui vẻ. Điều ác không được phép tồn tại. Thật là một điều nhục nhã nếu dưới vòm trời xanh, còn có người khốn khổ.

Điều ác không phải do người gây ra, bản chất con người vẫn tốt. Tất cả những đau khổ mà loài người phải chịu đựng có nguồn gốc từ nơi địa ngục, nó là thủ phủ, là chính phủ trung ương của đau khổ, là cung điện Tuylơri[2] của qủy vương. Hừ! Bây giờ tôi cũng nói cái giọng mị dân đấy! Tôi vứt bỏ hết mọi xu hướng chính trị, tất cả mọi người được giàu có, nghĩa là vui vẻ, đó là tất cả nguyện vọng của tôi.

---

(1) Bara: một trong những uỷ viên chế Đốc chính trong thời kỳ cách mạng Pháp.

(2) Cung điện của vua nước Pháp ở Paối.

Tất cả nghi lễ đã xong. Họ đã nói trước mặt ông thị trưởng và ông cố đạo tất cả những tiếng "vâng ạ" đáng nói, họ đã ký trên những sổ bộ của tòa thị chính và nhà thờ, họ đã trao đổi nhẫn cưới, họ đã quì cạnh nhau dưới cái tán lụa vân trắng trong khói hương trầm. Sau đó họ nắm tay nhau đi ra cửa lớn nhà thờ mở rộng cả hai cánh. Mariuytx trang phục đen Côdét mặc toàn trắng, có anh lính Thuỵ Sĩ đeo tua vai đi trước và nện kích xuống nền đá. Ai cũng trầm trồ khen ngợi và ước được như đôi vợ chồng trẻ. Mọi việc đã xong họ sẵn sàng lên xe. Côdét còn tưởng nằm mơ. Nàng nhìn Mariuytx, nàng nhìn đám đông, nàng nhìn trời, hình như nàng sợ tỉnh giấc mơ. Cái vẻ ngỡ ngàng, lo âu ấy làm cho nàng càng thêm quyến rũ. Hai người cùng ngồi trên một chiếc xe để trở về. Mariuytx ngồi bên cạnh Côdét, lão Gilơnormăng và Giăng Vangiăng ngồi đối diện với họ. Dì Gilơnormăng lui xuống hàng hai, ngồi xe sau.

- Các con, lão ông ngoại bảo: thế là các con đã thành ngài nam tước và nam tước phu nhân với ba mươi nghìn phơräng lợi tức đồng niên.

Côdét ngả đầu sát mặt Mariuytx thỏ thẻ bên tai chàng lời nói thần tiên: "Có phải thật thế không? Tên em là Mariuytx à? Em là phu nhân anh à?"

Hai con người ấy rõ ràng ánh sáng. Họ đang sống cái giây phút không gì thay đổi được, không sao tìm lại được, cái giây phút gặp gỡ huy hoàng của hạnh phúc và tuổi xuân. Họ đã thực hiện lời thơ của Giăng Pơruve. Cả hai người cộng lại chưa đầy bốn mươi tuổi. Đây là cuộc hôn nhân tinh chất. Đôi trẻ ấy là hai bông huệ trắng. Họ không nhìn nhau, họ chiêm ngưỡng nhau. Côdét nhìn thấy Mariuytx giữa vùng hào quang; Mariuytx thấy Côdét ngồi trên một cái điện thờ. Trên

cái điện thờ ấy, và trong cái vùng hào quang lồng nhau ấy, không biết thế nào hai người cùng nhìn thấy, Côdét thì như sau một đám mây, Mariuytx thì như giữa một nguồn ánh sáng chói lọi, một vật vừa như mơ tưởng vừa có thực! Đó là chiếc gối tân hôn, nơi hẹn hò của những cái hôn và những giấc mơ tình.

Cả bao nhiêu đau khổ trước kai đã hiện về thành say sưa. Buồn thương, thao thức, nước mắt, lo âu, sợ hãi, tuyệt vọng, tất cả hình như đã hoà thành ánh sáng, thành vuốt ve, làm cho giờ phút say mê sắp tới càng thêm say mê. Tất cả những nỗi đau khổ trước kia hình như có nhiệm vụ trang sức cho ngày vui tới. Chịu đau khổ thế mà tốt biết bao. Đau khổ đã hiện thành cái vành hào quang hạnh phúc của họ. Mối tình hấp hối một thời gian nay bay vụt lên tận trời.

Cả hai tâm hồn ngây ngất một niềm vui sướng nhuộm màu khoái lạc đối với Mariuytx và e lệ ở nơi Côdét. Họ bảo thầm nhau: "Chúng mình sẽ trở lại với cái vườn xinh của mình ở phố Poluymê". Những nếp áo của Côdét phủ lên Mariuytx.

Ở phố Xanh Ăngtoan, trước nhà thờ Xanh Pôn người qua đường đứng lại để nhìn qua khung kính vành hoa cam rung rinh trên đầu Côdét.

Rồi họ trở về phố Phiơ đuy Canve, về nhà. Mariuytx đi song song cùng Côdét, hiên ngang, rạng rỡ, bước lên cái cầu thang mà trước đây người ta đã khiêng chàng về ngoắc ngoải. Người nghèo xúm nhau trước cửa, chia nhau tiền của họ cho và cầu phúc cho họ. Hoa tràn ngập mọi nơi. Nhà ở cũng xực nức mùi hương chẳng kém gì nhà thờ. Hết mùi hương trầm đến mùi hương hồng. Họ tưởng như vẳng nghe tiếng hát ca trong không gian vô tận. Chúa Trời như đang ngự trong lòng họ. Họ nhìn số mệnh họ chói loà muôn vì sao, họ tưởng thấy

ánh bình minh bừng sáng trên đầu họ.

Bỗng nhiên chuông đồng hồ đánh: Mariuytx nhìn cánh tay xinh đẹp của Côđét và thoáng thấy lờ mờ hai núm hồng dưới lần áo ren trước ngực; Côđét, bắt gặp mắt của Mariuytx, đỏ bừng mặt vì xấu hổ.

Nhiều bạn cũ quen thuộc của gia đình Gilơnormăng được mời dự đám cưới, họ xoắn xuýt quanh Côđét, tranh nhau chào mừng nam tước phu nhân.

Viên sĩ quan Têôđuyn Gilơnormăng mới được thăng chức đại uý, từ thành phố Sactơrơ là nơi hắn đóng quân, đến dự đám cưới của ông chú họ Pôngmécxi. Côđét không nhận ra anh chàng ấy. Còn anh chàng xưa nay vẫn quên được phụ nữ ưa thích, cũng đã quên Côđét như chàng quen các phu nữ khác.

Lão Gilơnormăng thì thầm một mình:

- Câu chuyện anh chàng kỵ binh, mình không tin cũng phải.

Về phần Côđét thì chưa bao giờ nàng tỏ ra dịu dàng âu yếm đối với Giăng Vangiăng như bây giờ. Nàng hoà cùng một nhịp điệu vui sướng với lão Gilơnormăng. Đối với lão, lòng vui sướng biểu hiện ra bằng những câu ngạn ngữ, châm ngôn. Ở Côđét tình yêu và tính nhân hậu toả ra như hương thơm. Hạnh phúc muốn cho tất cả mọi người đều sung sướng.

Nàng trở lại có cái giọng âu yếm nũng nịu hồi còn là cô gái nhỏ khi nói chuyện với Giăng Vangiăng, nụ cười của nàng như mơn trớn Giăng Vangiăng.

Tiệc trà bày sẵn trong phòng ăn. Phòng ăn thắp đèn sáng rực. Đèn sáng cần thiết cho việc vui mừng. Ở giữa phòng, ngay trên chiếc bàn trắng toát, một cái đèn treo Vơnidơ có đủ mọi thứ hình chim màu da trời, màu tím, đỏ, xanh, đậu

giữa những cây nến; xung quanh giá đèn treo nhiều dãy đèn khác, xung quanh tường, có gương treo ba mặt, năm mặt. Mặt gương, pha lê, thuỷ tinh, bát đĩa, đồ sứ, đồ sành, đồ gốm, đồ bạc, sáng ngời lên và rạng rỡ. Ở khoảng trống giữa các cây nến, có những bó hoa cho nên chỗ nào không có đèn sáng là có hoa tươi.

Chái ngoài, ba cây vĩ cầm, một chiếc sáo nhè nhẹ cử những bản nhạc Aiđin.

Giăng Vangiăng ngồi trên một chiếc ghế ở phòng khách ở cạnh cửa, cánh cửa mở ra gần như che khuất ông. Vài phút trước khi bắt đầu bữa tiệc, Côđét vụt nảy ý đến trước mặt Giăng Vangiăng, hai tay xoè chiếc áo cưới trịnh trọng chào ông, rồi nhìn Giăng Vangiăng với đôi mắt vừa âu yếm vừa tinh nghịch, nàng hỏi:

- Cha ơi! Lòng cha có thấy vui không?

- Có! Cha vui lắm. Giăng Vangiăng đáp.

- Thế thì cha cười đi.

Giăng Vangiăng cười.

Vài phút sau, Bátscơ báo tiệc đã bày xong. Tân khách lần lượt vào phòng ăn, lão Gilơnormăng đi trước khoác tay Côđét.

Mọi người tản về ngồi chỗ đã xếp đặt trước xung quanh bàn ăn. Hai chiếc ghế bành lớn đã được đặt sẵn hai bên ghế của cô dâu, một chiếc cho lão Gilơnormăng một chiếc cho Giăng Vangiăng. Lão Gilơnormăng ngồi vào ghế dành cho lão, chiếc ghế kia vẫn bỏ trống.

Mọi người liếc mắt tìm "Ông Phôsơlơvăng". Ông không có trong phòng ăn.

Lão Gilơnormăng gọi Bátscơ hỏi:

- Mày có biết ông Phôsơlơvăng đâu không?

- Thưa ông, biết ạ. Bátscơ trả lời. Ông Phôsơlơvăng vừa bảo con trình với ông rằng ông ấy hơi bị khó chịu vì cái bàn tay bị thương nên không dự tiệc với ngài nam tước và nam tước phu nhân được, ông xin thứ lỗi cho ông. Sáng mai ông sẽ đến. Ông vừa ra về.

Chiếc ghế trống làm cho bầu không khí hân hoan của bữa tiệc cưới lạnh lùng đi một lát. Nhưng vắng ông Phôsơlơvăng đã có lão Gilơnormăng, ông ấy hớn hở kiêm cho hai người. Lão cả quyết rằng ông Phôsơlơvăng về nghỉ sớm như thế là phải nếu ông mệt, nhưng cũng chỉ là "đau xoàng" thôi. Thế là không ai băn khoăn nữa. Vả lại có làm sao một xó tối trong gian phòng tràn ngập hân hoan! Côđét và Mariuytx mải sống những giờ phút vị kỷ đáng quí, trong ấy họ chỉ có mối khả năng là khả năng hưởng hạnh phúc. Lão Gilơnormăng lại có sáng kiến bảo: À phải, cái ghế này trống Mariuytx con đến ngồi đây. Dì con chắc cũng vui lòng tuy dì con có quyền được ngồi với con. Chỗ này là của con, vừa hợp pháp, vừa lịch sự. Cậu hạnh phúc bên mợ hạnh phúc. Cả bàn tiệc vỗ tay hoan nghênh. Mariuytx đến ngồi vào ghế của Giăng Vangiăng bên cạnh Côđét. Côđét trước buồn vì vắng Giăng Vangiăng lại hóa ra vui vì Giăng Vangiăng vắng mặt. Có Mariuytx thay thì dù người vắng là Chã Trời, Côđét cũng không tiếc Nàng để bàn chân nhỏ nhẹ trong chiếc giầy xa tanh trắng trên bàn chân Mariuytx.

Chiếc ghế có người ngồi thì hình ảnh ông Phôsơlơvăng bị xoá mờ đi. Không ai thấy thiếu gì cả. Và năm phút sau từ đầu bàn đến cuối bàn vang lên những chuỗi cười say sưa quên lãng.

Khi ăn tráng miệng, lão Gilơnormăng đứng dậy lấy cốc rượu sâm banh chỉ rót đến lưng cốc cho khỏi sóng trong bàn tay run lẩy bẩy của ông già chín mươi hai; lão nâng cốc lên

chúc sức khoẻ của cô dâu và chú rể. Lão hét:

- Các con không tránh được hai bài thuyết giáo. Buổi sáng các con đã được nghe cha xứ; tối nay các con sẽ được nghe ông ngoại. Các con nghe ông, ông có một lời khuyên các con: các con hãy yêu nhau say sưa đi. Ông không nói dông dài, ông nhằm ngay tới đích: các con hãy vui sướng đi. Trong vũ trụ không ai khôn ngoan bằng những con chim gáy. Bọn hiền triết bảo: hạn chế sự vui sướng. Ông bảo: thả lỏng dây cương cho hạnh phúc, hãy yêu say mê đi, yêu điên dại đi, như quỷ ấy. Bọn hiền triết chỉ nói bẻm, lão muốn tống cái triết lý ấy trở vào họng họ. Có khi nào lại thừa hương thơm bay ngát thưa nụ hồng hé nở, thừa họa mi véo von, thừa cành lá xanh tươi, thừa ánh sáng bình minh trong cuộc đời? Và có khi nào yêu nhau quá nhiều, ưa nhau quá lắm hay không? Coi chừng đó Exten ạ, em xinh quá! Coi chừng đó, anh Nêmranh ơi, anh điển trai quá! Rõ ngốc chưa? mê nhau, nựng nhau, say nhau mà có thể quá à! Sống mà cũng có thể thái quá, sung sướng mà cũng có thể thái quá ư? Phải vui có điều độ à? Ôi dào! Dẹp bọn triết gia của các anh đi! Vui chơi là triết lý đó. Các bạn vui chơi đi, chúng ta vui chơi đi. Chúng ta sung sướng vì chúng ta tốt hay là chúng ta tốt vì chúng ta sung sướng nào? Ngọc Xăngxi có tên là Xăngxi vì nó là sở hữu của Háclê đơ Xăngxi [1] hay là vì nó nặng một trăm linh sáu ca-ra, tôi chẳng biết. Cuộc đời đầy những bài toán như thế đó. Điều quan trọng là có ngọc Xăngxi và cô hạnh phúc.

---

(1) *Harlay de Sancy*: một nhà chính trị Pháp thế kỷ XVI, chủ nhân của một viên kim cương nổi tiếng (nặng 106 ca-ra tức là 21,2 gram) được gọi là ngọc sancy.

Chúng ta hãy vui sướng đi, không kêu ca lôi thôi gì, chúng ta hãy mù quáng phục tùng mặt trời. Mặt trời là gì? Tình yêu là gì? Là phụ nữ. Phụ nữ, mà, phụ nữ là uy lực tuyệt đối, Thử hỏi anh chàng nịnh dân Mariuytx kia, có phải anh là nô lệ của nàng bạo chúa Côdét bé nhỏ này không? Nô lệ tự nguyện nữa kia chứ, đồ hèn nhát! Phụ nữ! Chẳng có Rôbétspie [1] nào cưỡng nổi; phụ nữ thống trị. Lão chỉ còn bảo hoàng vì cái vương quốc đó thôi. Adam là gì? Là vương quốc của Evơ. Đối với nàng, không thể có Cách mạng 89 nào. Nhà vua có quyền trượng đính bông hoa huệ, hoàng đế có quyền trượng đính trái địa cầu, quyền trượng của Sáclơmanhơ bằng sắt, quyền trượng của Luy vĩ đại bằng vàng. Cách mạng đã bớp méo tất cả những quyền trượng ấy như những cọng rơm giữa ngón tay trỏ và ngón tay cái. Đã mất cả, đã gẫy cả, đã rơi cả xuống đất, không còn vương trượng nào nữa. Thế mà lão đố ai làm được cách mạng đối với chiếc khăn tay thêu nhỏ, sực mùi hương thơm kia? Lão xem các người làm thử đi nào? Tại sao mà vững bền thế? Bởi vì chỉ là một mụn giẻ. À! Các người tự hào các người là thế kỷ mười chín. Thế rồi sao nữa? Chúng tôi, chúng tôi là thế kỷ mười tám đây. Nhưng tất cả chúng ta đều ngốc như nhau. Bởi vì các anh đã gọi dịch tả là côlêra, nhảy múa là khiêu vũ, các anh tưởng đây thay đổi được nhiều lắm trong vũ trụ. Không đâu. Chung qui vẫn phải yêu phụ nữ. Tôi thách các anh thoát khỏi cái luật đó. Những con quỉ cái ấy cũng là thiên thần của chúng ta. Vâng, tình yêu, phụ nữ, hôn hít, đó là cái vòng mà tôi đố các anh bước ra thoát. Còn về phần tôi thì tôi lại thích nhảy trở vào. Trong các anh ai đã thấy sao hôm mọc trong khoảng mênh mông? Nó nhìn

(1) Lãnh tụ chuyên chính của cách mạng Pháp 1789.

mặt biển như một thiếu phụ, làm cho vạn vật phía dưới dịu lại, đó là cô làm đỏm của vực thẳm, nàng Xêlimen [1] của đại dương. Đại dương là một chàng Anxexlơ rất khó chơi. Hắn càu nhàu ầm ĩ, vậy mà khi sao hôm xuất hiện, thì hắn trở nên tươi cười. Cái con thú ấy hoá thuần. Chúng ta đều như thế cả. Giận dữ, bão tố, sấm xét, tung bọt đến tận trần. Một phụ nữ bước ra, một ngôi sao mọc: Thế là quỉ mọp. Sáu tháng trước đây, Mariuytx chiến đấu. ngày nay Mariuytx lấy vợ. Làm thế là phải. Phải, Mariuytx, phải, Côdét, các con làm thế là phải lắm. Hãy mạnh dạn sống vì nhau, hãy nựng nhau, hãy làm cho chúng ta tức vỡ bụng vì không thể làm được như vậy, hãy tôn thờ nhau. Hãy lấy hai mỏ của các con tha tất cả các cọng hạnh phúc trong thiên hạ đem về mà làm một cái tổ uyên ương cho các con.

Chao! Yêu và được yêu, đó là điều mầu nhiệm của tuổi trẻ! Đừng tưởng là các con phát minh điều đó. Ông cũng vậy, ngày trước ông đã mơ mộng, đã nghỉ ngợi, đã thở ngắn than dò. Ông cũng đã từng có một tâm hồn sáng trang. Tình yêu là một chủ bé sáu nghìn tuổi. Tình yêu có quyền có bộ râu dài bạc trắng. Cụ Pành tổ chỉ lãi một chú bé bên cạnh thần Quypiđông. Từ sáu mươi thế kỷ nay nam nữ đã tự cứu bằng cách yêu nhau. quỉ sứ ranh mãnh đã thù ghét người; người đàn ông, ranh mãnh hơn, đã yêu người đàn bà. Nhờ vậy, nó đã làm lợi cho nó nhiều hơn là quỉ sứ đã làm hại cho nó. Nó đã làm được điều tinh khôn sâu sắc ấy ngay từ hồi còn đại đàng. Các bạn ạ, điều phát minh cũ mà lại mới toanh. Hãy

(1) *Célimène*: nhân vật nữ trong vở kịch "Người yếm thế" nổi tiếng của Molie. Célimène là một cô gái đỏm dáng. không yêu quí ai nhưng thích làm cho mọi người yêu quí mình. Alcesie là một người ngay thẳng luôn luôn bất bình với những sự giả dối ở đời. nhưng mê Célimène.

sự dụng nó. Hãy làm Đápnitx và Clôê trong khi chờ thành Philênông và Bôxít. Hãy làm thế nào cho khi các con đã ở bên nhau thì không thấy thiếu cái gì nữa và Côdét sẽ là thái dương đối với Mariuytx, còn Mariuytx là vũ trụ đối với Côdét, trời đẹp tức là nụ cười của chồng: với Mariuytx trời mưa tức là khi vợ tuôn nước mắt. Mà dừng để cho có mưa trong nhà đấy nhé! Hai anh chị đã vớ được một số tốt trong cuộc xổ số: đó là số lấy nhau vì tình. Số độc đắc thì phải cố giữ, phải bỏ hòm khoá lại, đừng xài phí. Hãy say mê nhau đi và mặc kệ những gì khác. Hãy tin điều ông nói. Đó là tiếng của lương tri, mà lương tri thì không biết nói dối. Chỉ phải coi anh, anh phải coi chị như là một tôn giáo. Mỗi người có cách thờ chúa riêng của mình. Cốc-rác họ! cách thờ chúa tốt nhất là yêu vợ mình. Anh yêu em! đó là sách kinh của ta. Yêu là nắm được chính giáo. Tiếng văng tục quen thuộc của vua Hăngri IV đặt thánh đức giữa cái no và cái sau. Vua kêu: Bụng-thánh-say ôi[1]. Tôi không theo tôn giáo của tiếng văng tục đó. Nó quên nói đến người phụ nữ. Hăngri IV[2] mà văng tục như vậy thì cũng lạ đó. Phụ nữ vạn tuế, các bạn ạ! Tôi già, người ta bảo vậy; thế mà lạ thay tôi cảm thấy đang hồi xuân dữ dội. Tôi ước được vào rừng nghe kèn mục đồng. Hai đứa trẻ này nó đã được cái đẹp kèm cái thích thú làm cho tôi say sưa. Tôi sẽ cưới vợ thực sự đấy nếu không ai trở ngại. Không thể tưởng tượng Chúa nặn chúng ta ra với mục đích nào khác là để cho chúng ta say mê nhau, gù nhau, quyến dũ nhau, làm con bồ câu, làm con gà trống, cục cục yêu đương từ sớm đến chiều

(1) Nguyên văn: Ventre-saint-gris, dịch nghĩa là bụng thánh say. Tiếng văng tục thường chẳng có nghĩa gì cho nên tạm dịch như vậy.

(2) Hăngri IV cũng có tiếng là ham gái.

soi gương trên mặt vợ, kiêu hãnh, chiến thắng, ưỡn ngực ra. Mục đích cuộc đời là như vậy đó. Xin lỗi các bạn, đó là ý kiến của chúng tôi ở thời đại chúng tôi, khi chúng tôi là thanh niên. Chao ôi! đạo đức con nỡm! làm sao mà thời đó lại lắm đàn bà đáng mê đến thế, và những gương mặt khả ái khả ái măng tơ! Ta tha hồ phá hại.

Vậy nên các con hãy yêu nhau đi. Không yêu nhau thì trời sinh mùa xuân để làm gì? Còn ta, ta sẽ cầu xin Chúa hãy cất hết những gì đẹp mà Người ta bày ra, lấy lại hết, bỏ hết vào hòm những hoa, những chim, những cái đẹp. Các con ạ, hãy nhận lời ban phúc của lão già này.

Buổi tối hôm ấy nhộn nhịp, vui vẻ, lý thú. Sự vui nhộn tột độ của người ông kích thích buổi lễ và mọi người hoà theo sự vui vẻ thân mật hầu như bách tuế ấy. Cũng có khiêu vũ chút ít, và cười đùa nhiều hơn. Một hôn lễ thân tình dễ dãi. Có mời cụ cố lão thời xưa thì cũng chả sao. Thực ra cụ đã dự ở hiện thân lão Gilơnormăng.

Ồn ào một lúc rồi sau yên lặng.

Thế rồi đôi vợ chồng mới cưới biến mất.

Quá nửa đêm ngôi nhà Gilơnormăng trở thành ngôi đền.

Chúng tôi dừng lại ở đây. Trên ngưỡng cửa các động phòng, có một thiên thần đứng gác tươi cười, một ngón tay đặt lên môi.

Tâm hồn phải chiêm ngưỡng trước chính điện, nơi đang diễn lễ yêu đương.

Chắc là có những tia sáng ở trên các ngôi nhà đó. Niềm vui chứa trong đó thế nào cũng thoát qua các kẽ đá thành ánh sáng và rọi lờ mờ vào cảnh đêm. Cuộc lễ thiêng liêng và tất yếu đó không thể không phóng một tia sáng thần tiên vào

cõi vô tận. Tình yêu là cái khuôn siêu việt hoà đúc người đàn ông và người đàn bà với nhau. Vật thể hợp một, vật thể bộ ba, vật thể cuối cùng, cái tam thể nhất vị của người từ đó mà ra. Hai tâm hồn cộng sinh nên một, cuộc hoàn sinh đó gây xúc động cả cho bóng tối. Tân lang là vị cố đạo; trinh nữ thích thú mà hoảng sợ. Một cái gì trong cảnh vui thú đó bay lên với Chúa. Ở đâu thực sự có hôn nhân, nghĩa là có tình yêu, ở đó có lý tưởng. Giường cưới làm nên một vùng bình minh trong bóng tối. Giá con mắt trần của chúng ta mà có phép thu nhận những hình ảnh ghê gớm và đáng yêu của cuộc sống thượng thặng thì chắc chúng ta sẽ thấy những hình bóng của đêm tối, những dị nhân có cánh, những bộ hành sinh trong cõi vô hình, nghiêng đầu quanh ngôi nhà có hào quang. Cái đám đầu mặt lờ mờ ấy sẽ hân hoan ban phúc, sẽ chỉ cho nhau thấy cô dâu trinh nữ, dáng họ có phần ngơ ngác nhưng tươi vui và các gương mặt thần ấy được ánh hạnh phúc nhân gian. Ở giờ phút tuyệt đỉnh ấy, đôi nhân tình choáng váng khoái lạc tưởng chỉ có họ mà thôi ở trong buồng, nhưng nếu họ lắng tai, họ sẽ nghe thấy lào xào tiếng cánh. Hạnh phúc toàn vẹn là hạnh phúc được thiên thần đồng tình. Cái buồng nhỏ tối tăm ấy lấy vòm trời làm trần. Khi hai cái miệng đã trở nên thiêng liêng vì tình yêu mà dịch lại gần nhau để sáng tạo, thì ở bên trên cái hôn khó diễn tả đó, không thể không có một sự rung động trong cõi mênh mông huyền bí của tinh cầu.

Những lạc thú đó mới là lạc thú thật sự. Không có niềm vui nào khác. Chỉ có sự ngây ngất thần thánh ở tình yêu. Tất cả những cái khác chỉ là khóc.

Yêu hoặc đã từng yêu, thế là đủ. Không nên đòi hỏi thêm

gì. Không còn viên ngọc nào khác ở trong các nếp tối tăm của cuộc sống đâu. Yêu đã là một sự hoàn tất.

III

NGƯỜI TRI KỶ

Còn Giăng Vangiăng thì ra sao?

Ngay sau khi cười theo lời yêu cầu nhí nhảnh của Côdét, thừa lúc chẳng ai thấy, Giăng Vangiăng đứng dậy và lẩn ra chái ngoài; tám tháng trước ông đã vào đúng cái buồng này, người đầy bùn, máu và thuốc súng, để đem trả đứa cháu cho người ông. Khung gỗ trong buồng cũng kết hoa kết lá. Nhạc công ngồi trên cái trường kỷ ông đã đặt Mariuytx trước kia. Bátscơ vận áo dài đen, quần chẽn, tất trắng, bao tay trăng đang đặt những vành hoa hồng xung quanh các món ăn sẽ đem dọn. Giăng Vangiăng giơ cánh tay đau cho hắn xem, nhờ xin kiếu hộ và đi ra.

Cửa sổ phòng ăn nhìn xuống đường. Giăng Vangiăng đứng lặng yên mấy phút trong bóng tối, dưới những cửa sổ sáng trưng ấy. Ông lắng nghe tiếng ồn ào trong phòng tiệc vẳng đến tai ông; ông nghe thấy giọng nói dõng dạc và vang to của người ông, tiếng vĩ cầm, tiếng cốc đĩa chạm nhau, tiếng cười giòn; giọng nói êm vui của Côdét nổi bật hẳn giữa những tiếng cười nói ồn ào vui vẻ ấy.

Giăng Vangiăng rời phố Phiơ đuy Canve trở về phố Lomácmê.

Ông đi theo phố Xanh Luy, phố Quytuya Xanh Catơrin và phố Bơlăng Măngtô. Đường ấy xa hơn một chút, nhưng ba tháng nay, hàng ngày ông vẫn đi con đường ấy với Côdét từ

phố Lomácmê đến phố Phiơ đuy Canve, tránh phố Viây đuy Tăngpơlơ bùn lầy và đông đúc. Côdét đã đi con đường này, ông không thể đi con đường khác được.

Giăng Vangiăng về đến nhà thắp đèn rồi đi lên gác. Gian buồng trống rỗng; bà Tútxanh cũng vắng. Tiếng chân ông đi trong buồng âm vang hơn mọi ngày. Tủ nào cũng mở toang. Ông vào phòng Côdét, giường không trải vải lót, chiếc gối vải chéo, không áo, không viền ren, nằm trên đống chăn gấp cuối bức đệm trơ vải. Từ nay không còn ai nằm trên nệm ấy nữa. Những thứ đồ dùng nhỏ bé thân mật của phụ nữ mà Côdét vẫn ưa thích đều đã mang đi cả. Chỉ còn những đồ gỗ lớn và bốn bức tường, giường của bà Tútxanh cũng đã lột cả chăn gối. Chỉ còn một chiếc giường sát sẵn cho người nằm: giường của Giăng Vangiăng. Ông nhìn bốn bức tường, đóng mấy cánh cửa tủ và đi, lại trên phòng này sang phòng khác. Ông đã bỏ miếng vải treo tay và lại cử động bàn tay phải của ông như thường, không đau đớn gì.

Ông lại gần giường, vô tình hay hữu ý, mắt ông dừng lại chỗ cái hòm con, cái hòm tri kỷ mà Côdét đã phải ghen.

Ngày 4 tháng Sáu khi đến nhà phố Lomácmê ông đã để cái hòm ấy trên cái kỷ cạnh đầu giường. Ông bước mạnh về phía cái kỷ ấy, móc túi lấy một cái chìa khoá và mở ra.

Ông lấy ra những quần áo mà Côdét mặc khi ở Môngphécmây ra đi mười năm trước: trước hết cái áo dài đen, những chiếc giầy trẻ con to sù mà bây giờ có lẽ Côdét đi còn vừa vì chân nàng nhỏ bé, chiếc áo cộc vải bông dày, cái tạp dề có túi, và đôi tất len. Những chiếc tất không dài hơn bàn tay của Giăng Vangiăng hãy còn giữ nếp hình cẳng chân xinh của Côdét. Tất cả những quần áo ấy đều một màu đen. Giăng

Vangiăng đã mang những quần áo ấy đến Môngphécmây cho Côdét. Lấy các thứ đó ở chiếc hòm ra, ông lần lượt đặt trên mặt giường. Ông suy nghĩ và nhớ lại. Ông nhớ rõ lúc ấy là mùa đông, tháng Chạp trời lạnh lắm. Côdét quần áo rách rưới hở cả ra thịt, rét run cầm cập, hai bàn chân con đi guốc rét tím bầm. Giăng Vangiăng đã lột quần áo tã ấy và cho Côdét mặc bộ quần áo tang này. Người mẹ dưới mồ chắc phải vui lòng thấy con để tang mình, nhất là thấy con có quần áo, thấy con được ấm. Ông nhớ lại khu rừng Môngphécmây, ông và Côdét đi qua khu rừng ấy, ông nhớ lại trời đất ngày hôm ấy: cây khô trụi lá, rừng quạnh không chim, trời u ám, thế mà trời đất ngày hôm ấy thật xinh đẹp. Ông bày những quần áo xinh xắn ấy lên giường, cái khăn quàng bên cạnh cái váy ngắn, bít tất bên cạnh đôi giày, chiếc áo cộc bên cạnh chiếc áo dài, ông nhìn lần lượt từng thứ một: Côdét mới cao như thế này thôi, nớ ôm con búp bê lớn, nớ để đồng tiền vàng trong túi tạp dề, nớ cười, nớ cùng đi với Giăng Vangiăng, tay cầm tay, Côdét chỉ có một mình ông trên đời thôi.

Ông gục cái đầu tóc bạc phơ đáng kính xuống giường, mặt vùi vào đống quần áo của Côdét, trái tim già dày dạn khổ đau kia như tan vỡ. Nếu ai đi ngoài cầu thang lúc bấy giờ sẽ nghe thấy những tiếng nấc khủng khiếp.

IV

ĐAU KHỔ BẤT DIỆT[1]

Cuộc chiến đấu dữ dội mà chúng ta đã chứng kiến mấy hiệp, nay lại tiếp diễn.

---

(1) Nguyên văn là tiếng: "Immortale jecur"

Giacốp[1] chỉ phải chiến đấu với thiên thần một đêm. Còn Giăng Vangiăng, than ôi! Ta đã thấy bao nhiêu lần Giăng Vangiăng phải vật lộn với lương tâm trong bóng tối, phải đấu tranh quyết liệt với nó.

Cuộc chiến đấu thật không tiền khoáng hậu. Còn những lúc trượt chân, có những khi đất sụt. Bao nhiêu lần cái lương tâm thiết tha làm điều thiện ấy đã bóp nghẹt ông, đè nặng lên ông. Bao nhiêu lần chân lý nghiêm khắc đã tì đầu gối trên ngực ông. Bao nhiêu lần bị ánh sáng chói lọi đánh ngã xuống, ông đã kêu xin tha. Bao nhiêu lần cái ánh sáng khắc nghiệt mà ông Giám mục đã đốt lên trong lương tâm ông, bắt buộc ông phải mở mắt ra khi ông muốn mù! Bao nhiêu lần ông đã vùng dậy, bám lấy vách đá, tựa vào nguỵ biện, lê lết trong đất bụi, khi thì đánh đổ lương tâm xuống, khi thì bị lương tâm quật ngã. Bao nhiêu lần mập mờ, lẫn lộn, để cho tiếng nói của vị kỷ lừa gạt, ông đã nghe thấy lương tâm phẫn nộ thét vào tai: Đồ chơi xấu, đồ khốn nạn! Bao nhiêu lần tư tưởng ngoan cố của ông đã rên siết, quằn quại trước cái nhiệm vụ hiển nhiên! Chống lại Chúa. Đổ thứ mồ hôi lạnh tử khí! Bao nhiêu vết thương âm thầm, rỉ máu mà chỉ mình ông cảm thấy! Bao nhiêu sây sát trong cuộc đời thảm hại của ông! Bao nhiêu lần ông đã trở dậy, đầm đìa máu, đau đớn, rã rời, nhưng sáng tỏ, trái tim thất vọng nhưng tâm hồn thanh thoát êm ả, thua trận mà cảm thấy như thắng trận. Khi đã xâu xé kìm kẹp làm ông rã rời rồi, lương tâm ông dữ đội, chối loà ánh sáng, đứng thẳng lên trên ông, bình thản bảo ông: bây giờ

(1) Lão trượng Do Thái, một trong những ông thủy tổ của người Do Thái, theo chuyện kể trong thánh kinh của đạo Gia tô.

người có thể sống bình an!

Nhưng sau một cuộc chiến đấu đen tối như thế, cái bình an đó mới thảm đạm làm sao! Tuy nhiên đêm nay Giăng Vangiăng cảm thấy đây là cuộc chiến đấu cuối cùng.

Một vấn đề đặt ra bi đát...

Số kiếp tiền định không phải bao giờ cũng thẳng băng. Nó không triển khai thành một đại lộ thẳng tắp trước mặt đương sự. Nó có những hẻm, những eo, những khúc ngoặt tối tăm, những ngã tư dễ sợ bày ra nhiều ngả đường. Chính lúc này Giăng Vangiăng đang đứng ở các ngã tư nguy hiểm nhất.

Ông đã đến giao điểm cuối cùng của thiện và ác. Giao điểm tối tăm đã ở dưới mắt. Lần này nữa, cũng như bao nhiêu l n đau đớn trước đây, có hai con đường mở ra trước mắt ông, một đường rất cám dỗ, một đường đầy kinh hoàng. Đi theo đường nào?

Con đường kinh hoàng là con đường mà ngón tay hướng đạo khuyên đi, ngón tay đó mọi người đều nhìn thấy mỗi khi họ trông thẳng vào bóng tối.

Một lần nữa Giăng Vangiăng lại phải chọn: cập cái bến rùng rợn hay sa vào cạm bẫy quyến rũ. Có phải thật thế không? tâm hồn có thể bình phục, nhưng mệnh số thì không.

Ghê gớm thay! Cái định mệnh nan y.

Vấn đề đặt ra là thế này:

Trước hạnh phúc của Côdét và Mariuytx, Giăng Vangiăng phải xử trí ra sao?

Cái hạnh phúc đó chính ông đã muốn có, chính ông đã tạo ra. Ông đã thọc nó vào ruột gan mình. Bây giờ nhìn cảnh

hạnh phúc đó, ông có thể đắc ý như một bác thợ rèn khi nhận ra dấu hiệu của mình trên con dao nóng hổi máu vừa rút ra khỏi ngực mình.

Côdét được Mariuytx, Mariuytx được Côdét. Họ được tất cả, cả của cải nữa. Giăng Vangiăng đã làm nên tất cả cái đó.

Cái hạnh phúc ấy bây giờ đã đến, đã sờ sờ trước mắt. Giăng Vangiăng sẽ xử trí với nó thế nào? Có bắt ép nó phải gắn bó với mình không? Có coi nó là của mình không? Côdét đã đành là của người khác rồi, nhưng Giăng Vangiăng có nên giữ lại cái gì có thể giữ ở nàng không? Ông có vẫn là người cha rất kính mến tuy là mơ hồ của Côdét không? Ông có thể cứ tự nhiên, bình thản vào trong gia đình của Côdét không? Ông có thể cứ lặng thinh mang cái quá khứ của ông nhập vào cái tương lai kia không? Ông có coi là mình có quyền được vào đấy, được đem cuộc đời mờ ám của mình vào giữa cái tổ tươi sáng kia không? Ông có thể tươi cười nắm những bàn tay trong trắng ấy trong bàn tay thảm khốc của ông không? Ông có thể đặt lên cái giá sắt lò sưởi hiền lành trong phòng khách của lão Gilơnormăng hai bàn chân còn kéo lê theo sau cái bóng đen nhục nhã của người phạm pháp không? Ông có cùng chia những may mắn của cuộc đời với Côdét và Mariuytx không? Ông có làm cho dày đặc thêm bóng tối trên trán ông và mây mù trên trán họ không? Ông có thể góp cái thảm hại của đời ông vào cái hạnh phúc của đời họ không? Ông có im lặng nữa không? Nói tóm lại, bên cạnh hai con người sung sướng ấy, ông có vẫn là cái hình câm ghê rợn của định mệnh không?

Phải quen với định mệnh và những cuộc gặp gỡ với nó mới dám ngước mắt lên k hi những vấn đề nào đó được phơi bày trần trụi. Thiện hay ác đều ở sau dấu hỏi nghiêm

khắc đó. Con nhân sư[1] hỏi: Anh định làm thế nào?

Giăng Vangiăng đã quen với thử thách. Ông nhìn trực diện vào con nhân sư.

Ông xem xét tất cả mọi khía cạnh vấn đề khắc nghiệt ấy. Ông như người sắp chết đuối.

Cuộc đời tươi đẹp của Côdét là cái bè cho ông bám lấy. Làm gì đây? Bám chắc hay buông tay?

Bám lấy thì thoát khỏi tai nạn khủng khiếp, lại thấy ánh sáng mặt trời, sẽ rũ hết nước đắng đẫm trên đầu tóc, trên quần áo mình, sẽ thoát, sẽ sống.

Buông tay thì là vực thẳm.

Ông đau xót bàn luận với tâm tư. Nói đúng ra ông chiến đấu, ông lao vào, hung dữ, khốn khổ trong đáy lòng ông, khi thì chống lại ý chí của ông, khi thì vật lộn với tin tưởng của ông.

Ông đã khóc được, thật là sung sướng. Những dòng nước mắt ấy có lẽ đã làm ông sáng ra. Nhưng lúc đầu thật là dữ dội. Một trận bão táp nổi lên trong lòng ông, ghê gớm hơn trận bão táp ngày trước đã thổi ông đến thành phố Arát. Quá khứ trở lại đối diện với hiện tại. Ông so sánh và ông khóc.

Khi đập lệ đã mở thì kẻ thất vọng quằn quại.

Giăng Vangiăng cảm thấy mình đã bị tóm.

Than ôi! Trong cuộc đánh vật một còn một mất giữa lòng ích kỷ và nhiệm vụ, khi ta lùi từng bước trước cái lý tưởng bất di dịch, khi ta điên đầu, hăng tiết tức tối vì phải lùi, khi ta giành giữ từng tấc đất, hy vọng có thể chạy trốn, để ý tìm

---

(1) *Sphinx*: quái vật đầu người mình sư tử có cánh, thường ra câu đố cho khách qua đường. Ai không giải được đều bị nó ăn thịt.

một lối thoát, mà đột nhiên lại thấy bị dồn vào một chân tường, thì cái chân tường ấy là một trở ngại bất ngờ và hắc ám làm sao!

Cảm thấy bóng thiêng liêng trở thành chướng ngại vật! Cái nghiệt ngã vô hình ám ảnh mới ghê gớm làm sao!

Thế là chẳng bao giờ có thể nói: "xong rồi" với lương tâm cả. Anh quyết định đi, Bruytuyt. Anh quyết định đi, Catông. Lương tâm không có đáy, bởi vì là Thượng đế. Người ta ném vào cái giếng ấy tất cả sự nghiệp của một đời người ta, người ta ném gia tài, của cải, thành tích của người ta vào đó, người ta ném tự do của người ta, hoặc là tổ quốc của người ta vào, người ta ném hạnh phúc, yên ổn, vui tươi của người ta vào đó. Nữa! Nữa! Nữa! Dốc lọ vào! Nghiêng bình xuống! Chung cuộc phải vứt cả quả tim vào.

Ở đâu đây trong cõi sa mù của các địa ngục xưa, có một cái thùng chứa như thế đấy.

Nếu chung cuộc mà từ chối thì cũng có thể lượng thứ được chứ? Cái vô tận chắc cũng có quyền chứ? Có phải là những dây xích dài vô tận ở trên sức chịu đựng của con người hay không? Ai nỡ chê trách Xidiphơ và Giăng Vangiăng nếu họ nói: Thôi, đủ rồi!

Năng tính của vật chất bị giới hạn bởi sự ma sát. Sự vâng chịu ngoan ngoãn của tâm hồn phải chăng cũng có một giới hạn? Nếu sự vận động bất tuyệt không thể có thì làm sao đòi sự xả thân bất tuyệt.

Bước đầu tiên chẳng nghĩa lý gì, bước cuối mới khó. Vụ án Săngmachiơ đáng kể gì bên cạnh đám cưới Côdét và tất cả kết quả nó mang theo? Trở lại nhà lao có nghĩa lý so với đi vào hư vô?

Xuống bậc đầu, mờ mịt thay! Xuống bậc thứ hai đen tối thay!

Lần này tránh sao khỏi ngoảnh mặt đi?

Chết vì đạo là một trạng thái bốc hơi làm cháy mòn da thịt. Đó là một cực hình phong thánh cho con người. Người ta có thể vui lòng chịu trong giờ đầu; người ta ngồi trên ngai sắt nung đỏ, người ta đặt lên trán cái vành miện sắt đỏ, người ta nhận quả cầu sắt đỏ, người ta cầm cây vương trượng sắt đỏ; nhưng còn việc khoác tấm áo bào lửa chẳng lẽ không có một giây phút nào da thịt khốn nạn nổi lên phản kháng, và người ta từ chối sự hành hình sao?

Cuối cùng Giăng Vangiăng lại yên tĩnh và rã rời kiệt sức.

Ông cân nhắc, ông suy nghĩ, ông nhìn cái cán cân ánh sáng và bóng tối bí mật đang lên xuống chập chờn.

Đem cái lao tù của ông đặt trước cuộc đời tươi sáng của đôi trẻ hay tự mình dìm đắm hẳn vĩnh viễn cuộc đời mình. Một bên là hy sinh Côdét, một bên là tự hy sinh.

Theo giải pháp nào? Quyết định thế nào? Trong thâm tâm ông trả lời thế nào câu hỏi khắc nghiệt của định mệnh? Định mở cánh cửa nào? Định đóng cánh cửa nào của đời ông? Đứng giữa những vực sâu thăm thẳm ấy, chọn đường nào? Chọn cái cực đoan nào. Nhìn xuống cái vực thẳm nào?

Cả một đêm suy nghĩ, choáng váng.

Ông ngồi đấy đến tận sáng, ngồi yên, gấp đôi người trên chiếc giường, quỳ gối dưới số mệnh kinh khủng như bị đè bẹp, bàn tay nắm chặt, cánh tay vuông thước thợ như một người bị đóng đanh trên thập tự giá được tháo đanh và vứt sấp mặt xuống đất. Mười hai giờ liền, mười hai giờ một đêm mùa đông

lạnh giá, ông ngồi yên như một xác chết, không ngẩng đầu, không nói một tiếng, tâm tư khi thì quẩn quại dưới đất như con mãng xà, khi thì bay bổng lên trời như con chim ưng. Nhìn ông yên lặng người ta ngờ là ông chết. Bỗng nhiên người ông rung bật lên từng hồi và miệng ông áp vào đống quần áo của Côdét, hôn quần áo ấy. Bây giờ người ta mới biết là ông còn sống.

Người ta? Người ta là ai? Chỉ có một mình Giăng Vangiăng trong phòng kia mà?

Người ta đó là Người ở trong đêm tối.

QUYỂN VII

DỐC CẠN CHÉN TÂN TOAN

I

VÒNG ĐỊA NGỤC THỨ BẢY VÀ TẦNG TRỜI THỨ TÁM

Những sáng hôm sau lễ cưới thường vắng lặng. Người ta tôn trọng cái hạnh phúc yên tĩnh của những con người sung sướng và cũng có phần nào tôn trọng cả giấc ngủ muộn của họ. Những cuộc thăm viếng và chúc mừng ồn ào ít lâu sau mới bắt đầu. Sáng hôm 17 tháng Hai, đã qua trưa một lát, Bátscơ, chiếc khăn lau và cái chổi lông cặp dưới nách, đang "túc trực ở chái ngoài" bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa nhè nhẹ. Người ta không kéo chuông, những ngày ấy không kéo chuông là lịch sự. Bátscơ mở cửa và thấy ông Phôsơlơvăng.

Anh đưa ông vào phòng khách hãy còn bừa bãi, đảo lộn như bãi chiến trường của những cuộc vui hôm trước. Bátscơ nói khéo một câu:

- Chà! Thưa ông chúng tôi dậy hơi muộn.
- Ông chủ anh đã dậy chưa? Giăng Vangiăng hỏi.
- Cánh tay của ông đã đỡ chưa ạ? Bátscơ trả lời.
- Khá hơn. Ông chủ anh đã dậy chưa?

- Ông chủ nào ạ? Ông chủ cũ hay ông chủ mới ạ?

- Ông Pôngmécxi.

- Ngài nam tước ấy ạ? Bátscơ ngẩng đầu lên hỏi lại như vậy.

Người ta quan kia tước nọ trước hết là để cho kẻ ăn người ở trong nhà. Họ cũng được lợi một phần nào. Mà nhà hiền triết đã nói họ cũng được vấy một chút cái chức tước ấy lên người, họ lấy thế làm hãnh diện. Là một chiến sĩ cộng hoà đã từng chiến đấu vì lý tưởng, nay Mariuytx trở thành nam tước bất đắc dĩ. Một cuộc cách mạng nhỏ đã xảy ra trong gia đình xung quanh cái tước vị ấy. Bây giờ chính lão Gilơnormăng thiết tha với nó còn Mariuytx thì lại thờ ơ, nhưng đại tá Pôngmécxi đã giối lại: *con tôi sẽ mang chức tước của tôi,* Mariuytx tuân theo lời di chúc ấy. Còn Côdét nữa, nàng cũng rất sung sướng được làm nam tước phu nhân bởi vì tâm lý người đàn bà đã chớm nở trong cô gái nhỏ.

Bátscơ nhắc lại:

- Ngài nam tước ấy à? Để tôi vào xem. Tôi sẽ bảo là ông Phôsơlơvăng đã đến ạ.

- Đừng, đừng nói là tôi. Chỉ bảo với ông ấy là có người muốn được gặp để nói chuyện riêng với ông ấy thôi, đừng nói tên.

Bátscơ ngạc nhiên kêu:

- Thế à!

- Tôi muốn dành cho ông ấy một sự bất ngờ.

- Thế à!

Bátscơ nhắc lại tiếng "thế à" này như để giải thích chữ "thế à" trước.

Rồi hắn đi ra.

Giăng Vangiăng một mình ở trong phòng.

Phòng khách rất bề bộn như chúng ta đã thấy. Nếu lắng tai nghe hình như còn thấy dư âm ồn ào của bữa tiệc cưới hôm trước. Hoa rơi đầy dưới sân, mọi thứ hoa từ dây hoa trong phòng, từ vành hoa trên mũ rụng xuống. Nến cháy đến tận gốc còn để lại trên đèn treo pha lê những dòng thạch nhũ bằng sáp. Không một chiếc bàn ghế nào ở yên chỗ cả. Góc nào cũng có ba bốn chiếc ghế tựa kéo lại gần nhau hình như còn tiếp tục câu chuyện thân mật. Cả gian phòng còn giữ vẻ tươi vui. Một tối vui tàn rồi vẫn còn ít nhiều thi vị. Đêm qua chắc là vui lắm. Trên mấy chiếc ghế lộn xộn giữa những bông hoa tàn tạ, dưới những cây nến đã tắt, người ta phải nghĩ đến cảnh vui. Đèn đã tắt nhưng mặt trời kế vị đã vui vẻ ùa vào trong phòng.

Mấy phút qua. Từ khi Bátscơ đi ra, Giăng Vangiăng vẫn đứng yên một chỗ. mặt ông xanh xao, mắt trũng vì mất ngủ, sâu hõm như là biến đi đâu. Những nếp gấp trên chiếc áo dài đen của ông cũng nhoà đi vì đã thức thâu đêm. Khuỷu tay áo dạ dính chỉ trắng trắng vì cọ xát vào vải lót giường. Giăng Vangiăng nhìn xuống bóng cửa sổ mà mặt trời in trên sàn ở dưới chân mình. Cửa có tiếng động, ông ngẩng lên.

Mariuytx bước vào, đầu ngẩng cao, miệng tươi cười, một thứ ánh sáng chan hoà trên khuôn mặt, vầng trán rạng rỡ, mắt ngời ngời. Chàng cũng cả đêm không ngủ.

Thấy Giăng Vangiăng chàng kêu lên:

- Cha đấy à! Thế mà cái thằng ngốc Bátscơ ấy làm ra vẻ bí mật. Nhưng sao cha đến sớm thế? Mới có mười hai giờ rưỡi. Côdét còn ngủ.

Cái tiếng cha mà Mariuytx gọi ông Phôsơlơvăng có nghĩa là Mariuytx trần trề hạnh phúc. Ta đã biết giữa hai người đó

trước đây vẫn có cái gì ngăn cách cái gì lạnh nhạt gò bó, một dải băng phải đập vỡ hay phải làm cho tiêu tan ra. Mariuytx lúc này say sưa đến mức san phẳng được bức tường ngăn cách, làm tan được dải băng lạnh giá: ông Phôsơlơvăng đối với chàng bây giờ là một người cha cũng như đối với Côđét.

Chàng nói tiếp, lời nói vội vàng, dồn dập như lúc người ta vẫn vui sướng cực độ:

- Cha đến con mừng quá đi thôi! Nếu cha biết hôm qua chúng con nhớ cha như thế nào! Chúc cha vui khỏe ạ. Tay cha thế nào? Dễ chịu hơn rồi chứ

Chàng vui sướng vì câu tự trả lời tốt đẹp kia của chàng nên lại nói luôn:

- Chúng con đã nói chuyện nhiều về cha! Côđét yêu cha lắm lắm! Cha đừng quên rằng cha có phòng riêng ở đây. Chúng con không thích cái phố Lomacmê nữa, không thích tí nào. Sao cha lại lần mò đến ở cái phố ấy được, cái phố bệnh hoạn, kêu rên, xấu xí, lạnh lẽo ấy, cái phố có chấn một đầu, cái phố không bước vào được ấy. Cha sẽ đến ở đây, ngay hôm nay. Nếu cha không đến thì sẽ lôi thôi với Côđét đấy. Con báo cho cha biết là Côđét ghê gớm lắm, cô ấy muốn xỏ mũi tất cả mọi người mà dắt. Cha đã biết cái phòng của cha rồi, ở ngay sát phòng chúng con, có cửa đi ra vườn hoa, ổ khoá đã sửa lại, giường ngủ đã dọn xong, cha chỉ việc đến thôi. Côđét đã đặt gần giường cha một cái ghế bành cổ, to, lót nhung uy-tơ-rếch nàng đã bảo cái ghế: "Mày giang tay niềm nở ra đón cha-ta nhé!" Mùa xuân nào ở rặng cây kim hợp trước cửa sổ cũng có một con họa mi. Hai tháng nữa thì nó đến. Bên phía trái cha là cái tổ họa mi, bên phải cha là cái tổ của chúng con. Ban đêm chim họa mi hót. Ban ngày Côđét chuyện trò. Phòng của cha hướng chính phía Nam, Côđét sẽ xếp sách,

truyện của cha, cuốn du lịch của đại uý Cúc[1] và của Văngcuvơ[2], tất cả đồ dùng của cha và hình như có cả chiếc hòm nhỏ cha rất quý; con đã dành một chỗ danh dự cho cái hòm ấy. Cha đã chinh phục được ông ngoại con, ông ngoại con mến cha lắm. Chúng ta sẽ sống với nhau. Cha biết chơi bài Anh không? Nếu cha biết chơi thì ông con không còn đòi hỏi gì nữa. Khi con bận việc ở toà án thì cha sẽ đưa Côdét đi chơi, cha sẽ khoác tay nàng như hồi trước ở vườn Luýchxămbua, cha nhớ chứ? Chúng con quyết định tận hưởng hạnh phúc. Cùng với cha, cha nghe chưa. A! Thế cha ở ăn sáng với chúng con chứ?

- Thưa ông - Giăng Vangiăng nói - tôi có một điều muốn nói với ông. Tôi nguyên là một thằng tù khổ sai.

Giới hạn những tiếng âm cao mà tai người ta có thể nghe được, trí người ta có thể tưởng tượng được cũng có thể vượt qua. Những tiếng: "tôi nguyên là một thằng tù khổ sai" vừa ở miệng ông Phôsơlơvăng đập vào tai Mariuytx, cũng đi qua giới hạn ấy, Mariuytx không nghe thấy. Chàng chỉ biết rằng có người vừa nói cái gì với chàng, nhưng chàng không biết là nói cái gì. Chàng sững sờ.

Bây giờ chàng mới nhận thấy là người đang nói chuyện với chàng trông thật là dễ sợ. Vừa rồi quáng mắt vì sung sướng, chàng đã không nhận thấy cái vẻ mặt xanh xao ghê sợ ấy.

Giăng Vangiăng tháo cái băng vải đen buộc treo cánh tay phải của ông, mở miếng vải bó bàn tay, giơ ngón tay cái cho Mariuytx xem và nói:

- Bàn tay tôi không việc gì cả.

Mariuytx nhìn ngón tay cái.

(1,2) Cook và Vancouver là hai nhà thám hiểm người Anh thế kỷ XVIII.

Giăng Vangiăng nói tiếp: Tôi không hề đau ngón tay ấy bao giờ.

Quả thật không có một dấu thương tích nào.

Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Tôi không có mặt ở đám cưới ông là hợp lẽ. Tôi đã cố hết sức để vắng mặt nhiều nhất. Tôi đã vẽ ra cái vết thương này để khỏi phải phạm một tội giả mạo, để khỏi làm cho những giấy tờ giá thú vô hiệu lực, để khỏi phải ký.

Mariuytx lắp bắp:

- Thế là nghĩa làm sao?

Giăng Vangiăng trả lời:

- Nghĩa là tôi đã từng làm khổ dịch dưới chiến thuyền[1].

Mariuytx hoảng hốt kêu lên:

- Ông làm tôi phát điên.

Giăng Vangiăng nói:

- Ông Pôngmécxi này, tôi đã ở tù khổ sai mười chín năm. Vì ăn cắp. Rồi tôi bị kết án khổ sai chung thân. Vì ăn cắp và tái phạm. Hiện nay tôi là người vi phạm án câu thúc.

Mariuytx cố lùi bước trước sự thật, cố phủ nhận sự việc cưỡng lại hiển nhiên, nhưng rồi cũng phải khuất phục. Chàng bắt đầu hiểu, và điều này cũng thường xảy ra trong những trường hợp tương tự, chàng còn hiểu quá sự thật nữa. Có một tia sáng vừa bừng lên trong trí óc khiến chàng rùng mình. Một ý kiến thoáng qua làm cho chàng rợn người. Chàng thoáng thấy trong tương lai một số mệnh ghê tởm cho chàng. Chàng hét lên:

---

(1) Ở Âu châu ngày xưa những người kết án nặng phải giải xuống những chiếc thuyền lớn để chèo thuyền.

- Nói tất cả, nói hết đi. Ông là cha của Côdét kia mà. Rồi chàng lùi lại hai bước, với dáng điệu ghê tởm không tả được.

Giăng Vangiăng ngẩng đầu lên, dáng người lẫm liệt khiến ông như cao đến trần nhà:

- Thưa ông! Ông cần phải tin lời tôi ở đây. Tuy rằng lời thề của những người như chúng tôi không được công lý thừa nhận...

Đến đây ông dừng lại im lặng rồi nói tiếp từ từ, dằn từng tiếng một với một thứ uy nghi tuyệt đối và bi đát.

-... Ông tin tôi. Tôi mà là cha của Côdét ư? Trước mặt Chúa tôi bảo là không phải! Thưa ông nam tước Pôngmécxi, tôi là một nông dân ở Phavơron, tôi làm nghề xén cây. Tên tôi không phải là Phôsơlơvăng, tên tôi là Giăng Vangiăng. Tôi không là gì đối với Côdét cả. Ông hãy yên lòng.

Mariuytx lắp bắp:

- Ai chứng thực cho tôi?

- Tôi, tôi đã bảo ông như vậy mà.

Mariuytx nhìn con người ấy. Người ấy bình tĩnh mà bi thảm. Cái bình tĩnh ấy không thể đẻ ra cái dối trá được. Lạnh giá là thành thực. Trong cái lạnh lẽo cõi mồ ấy người ta cảm thấy chân lý.

- Tôi xin ông - Mariuytx bảo.

Giăng Vangiăng nghiêng đầu như để xác nhận điều đó và nói tiếp:

- Tôi là gì đối với Côdét? Một người qua đường. Cách đây mười năm tôi không hề biết có cô ta. Tôi yêu Côdét, đúng. Tôi, một người đã già, tôi gặp Côdét một trẻ nhỏ, tôi yêu

Côdét; khi người ta già, người ta coi đứa trẻ nào cũng như cháu cả. Ông có thể giả dụ rằng tôi có một cái gì trong người giống như một trái tim. Côdét mồ côi, không cha không mẹ, cần có tôi, nên tôi đã yêu Côdét. Trẻ thơ nó yếu đuối, nó bé bỏng lắm, nên bất cứ ai, cả một người như tôi nữa cũng có thể che chở. Tôi đã làm nhiệm vụ ấy đối với Côdét. Tôi thiết nghĩ một việc nhỏ mọn như vậy không thể gọi là một việc thiện được, nhưng nếu quả có thể gọi là một việc thiện thì cũng cho là tôi đã làm việc thiện ấy. Cũng là một trường hợp giảm tội. Bây giờ đây Côdét tách khỏi cuộc đời tôi, hai con đường xa nhau. Từ nay tôi không giúp nàng được gì nữa. Nàng là bà Pôngmécxi. Sao mệnh của nàng đã thay đổi và thay đổi rất hay cho nàng. Mọi việc đều hoàn hảo. Còn số tiền sáu trăm nghìn phơrăng ông không nhắc đến, nhưng tôi hiểu được ý ông, đó là một món tiền gửi. Sao món tiền gửi ấy lại ở trong tay tôi? Chẳng quan trọng gì! Tôi giao lại món tiền người ta gửi. Người ta không thể đòi hỏi gì hơn ở tôi nữa. Tôi hoàn tất công việc giao trả này bằng cách nói rõ cả tên thật của tôi, thế là đầy đủ lắm. Điều này cũng là việc riêng của tôi: Tôi thấy cần phải nói để ông biết rõ tôi là người như thế nào.

Giăng Vangiăng nhìn Mariuytx, nhìn thẳng vào mặt chàng.

Cảm xúc của Mariuytx thật là ồn ào hỗn loạn. Có những cơn gió của số mệnh làm nổi những làn sóng như trong tâm hồn chúng ta.

Tất cả chúng ta đều đã từng gặp những giờ phút hoang mang như vậy; lúc ấy thần trí chúng ta phân tán, tan tác. Chúng ta lạ gì nói nấy, nhiều khi lại chính là những cái không nên nói. Có những điều phát hiện quá đột ngột, chúng ta

không tiếp nhận nổi, làm cho ta choáng váng như một thứ rượu hại người. Cái tình thế mới kia làm cho Mariuytx kinh ngạc đến mức chàng như là oán trách người ấy đã thú thật như vậy với chàng. Chàng nói to:

- Nhưng mà, sao ông lại nói với tôi tất cả những điều ấy? Ai bắt buộc ông nói? Ông có thể giữ nguyên bí mật cho riêng ông. Không ai tố cáo ông, không ai truy nã ông, săn bắt ông. Ông phải có một lý do gì để tự dưng thú tội như vậy. Ông nói nốt đi. Còn có điều gì khác nữa? Ông thú thật như vậy để làm gì? Vì lẽ gì?

Giăng Vangiăng trả lời nhỏ nhẹ, thầm thì như nói với mình chứ không phải nói với Mariuytx.

- Vì lẽ gì? Phải rồi vì lẽ gì tên tù khổ sai ấy lại xưng: Tôi là một thằng tù khổ sai. Phải đấy. Động cơ rất lạ lùng: chỉ vì lòng lương thiện. Này, ông này, cái điều đau khổ nhất là cái sợi dây, cái sợi dây ở trong trái tim nó ràng buộc tôi. Chính khi người ta già rồi nhưng sợi dây ấy lại càng bền chắc. Cuộc đời xung quanh tan rã hết, nhưng sợi dây ấy vẫn còn nguyên. Nếu tôi dứt được sợi dây ấy, cắt đứt nó, cởi cái nút ra, đi rất xa thì là tôi thoát rồi, tôi chỉ việc đi thôi, có những chuyến xe khách phố Buloa; ông bà đã sung sướng, tôi đi khẳn. Tôi đã cố thử dứt sợi dây ấy, tôi cố kéo, nó vẫn chắc, không đứt, tôi đã kéo căng cả trái tim tôi cùng với sợi dây ấy. Thế rồi tôi tự nghĩ: Ta không thể sống ở đâu khác được, ta phải ở lại đây. Ừ mà phải, ông nói có lý, tôi là một thằng ngốc, sao không cứ ở lại một cách tự nhiên. Ông dành cho tôi một phòng trong nhà ông, bà Pôngmécxi vẫn quí mến tôi. Bà ấy đã bảo chiếc ghế bành giơ tay đón tôi. Cụ ngoại cũng muốn có tôi, tôi cũng vừa ý cụ, chúng ta cùng ở với nhau, ăn chung với nhau, tôi sẽ khoác tay Côđét, xin lỗi ông - bà Pôngmécxi,

tôi vẫn quen mồm - chúng ta chung một mái nhà, chung một bàn ăn, chung một ngọn lửa, chung một góc lò sưởi mùa đông, cùng đi dạo chơi mùa hè, vui vẻ đấy, hạnh phúc đấy, cảnh gia đình êm ấm, ôi gia đình!

Nói đến tiếng ấy. Giăng Vangiăng bỗng nhiên trở nên dữ dội. Ông khoanh tay nhìn xuống sàn, dưới chân mình như muốn đào một cái vực thẳm và giọng nói của ông tự nhiên sang sảng lên.

- Gia đình! Không. Tôi không có gia đình nào. Tôi không phải thuộc gia đình ông. Tôi không ở trong gia đình loài người. Tôi là con người thừa ở trong những gia đình êm ấm của người ta. Gia đình thì có đấy, cố nhiên, nhưng không phải dành để cho tôi. Tôi là người khốn khổ, tôi lang thang giữa trời. Tôi có bố, có mẹ không? Tôi cũng không chắc nữa. Tôi gả chồng cho Côdét, thế là hết. Tôi đã được thấy Côdét sung sướng, Côdét được sống với người yêu, ở đấy có một ông già tốt, một lứa đôi thiên thần, có tất cả mọi điều vui vẻ, như thế là hoàn toàn rồi và tự bảo: Còn mày, đừng có bước chân vào đấy! Tôi có thể nói dối được, thật đấy, đánh lừa tất cả mọi người, vẫn cứ là ông Phôsơlơvăng.

Khi còn lừa dối vì Côdét thì tôi đã lừa dối được nhưng bây giờ thì vì tôi, tôi không được làm như vậy. Giá tôi chỉ im lặng thôi, mọi việc sẽ lại tiếp diễn như thường. Ông hỏi: cái gì đã bắt buộc tôi nói? Một điều giản dị thôi: lương tâm tôi. Im lặng là việc quá dễ. Cả một đêm tôi đã cố tự thuyết phục tôi im lặng. Ông muốn cho tôi xưng tội, phải, điều tôi vừa nói với ông rất kỳ quái, ông có quyền hỏi tôi sự thật; thực tế, suốt một đêm tôi đã cố tìm một lý lẽ, tôi đã tìm ra những lý lẽ rất tốt để im lặng, tôi đã hết sức, thật đấy. Nhưng có hai điều tôi không thể làm được: dứt đứt cái sợi dây nó ràng buộc, nó

gắn chặt, nó cột chặt trái tim tôi ở đây và bịt cái miệng vẫn thường nói nhỏ với tôi trong lúc vắng lặng. Vì vậy mà tôi đã đến nói thật tất cả với ông sáng hôm nay. Tất cả, hay gần như tất cả. Cũng có những cái khác nhưng không có ích lợi gì, nó chỉ là chuyện riêng của tôi thôi; những cái đó tôi dành riêng cho tôi. Điều căn bản nhất, ông đã biết cả. Tôi đã mang điều bí ẩn của tôi đến cho ông. Tôi đã phanh cái bí mật của tôi trước mắt ông. Không phải là một điều dễ làm đâu. Tôi đã vật vã suốt đêm. Hừ! Ông tưởng rằng tôi đã không tự bảo vụ này khác với vụ Săngmachiơ, lần này tôi giấu tên thì cũng chẳng hại cho ai, cái tên Phôsơlơvăng, chính lão Phôsơlơvăng đã cho tôi để đền ơn tôi, tôi có quyền giữ cái tên ấy, tôi sẽ cứ ở lại trong cái phòng ông dành cho tôi, hưởng cuộc đời sung sướng, tôi không làm bận ai, tôi có cái xó nhỏ bé của tôi. Côđét là của ông, nhưng tôi thì tôi cũng sung sướng là được ở cùng một nhà với Côđét. Mỗi người sẽ được hưởng cái hạnh phúc lớn hay nhỏ của mình. Cứ vẫn là ông Phôsơlơvăng, thì mọi việc sẽ ổn thỏa, phải, trừ tâm hồn tôi. Tất cả sẽ vui vẻ trong đời tôi, riêng đáy lòng tôi, đen tối. Có phải chỉ sung sướng là đủ đâu, mình còn phải bằng lòng mình nữa. Như thế tôi vẫn là ông Phôsơlơvăng, cái mặt thật của tôi, tôi vẫn giấu, trước cái rạng rỡ của đời ông tôi vẫn ôm ấp điều bí ẩn của tôi, giữa cái ánh sáng chói lọi của đời ông tôi vẫn mang cái bóng tối của tôi, tôi sẽ mang cả cái lao tù của tôi vào trong gia đình ông không bảo ai, không nói sao, tôi sẽ ngồi vào bàn ăn của ông với cái ý nghĩ rằng nếu ông biết tôi là ai thì ông phải đuổi tôi đi; những người ở trong nhà này sẽ hầu hạ tôi, nhưng nếu họ biết thì họ phải kêu lên: Ôi! Ghê tởm! Cánh tay tôi sẽ va chạm cánh tay ông, điều mà ông có quyền không thích, tôi sẽ ăn cắp những cái bắt tay của ông. Ở trong nhà ông người ta sẽ lẫn lộn, tôn trọng cùng với những mớ tóc bạc

đáng kính những mớ tóc bạc ô nhục; trong những giờ thân mật, khi mọi người tin tưởng đã chung hoà cùng nhau đến tận đáy lòng, khi bốn người chúng ta cùng họp mặt, ông cụ ngoại, vợ chồng ông, và tôi, thế mà lại có một người xa lạ Tôi có thể sát cánh với ông trong cuộc đời đông, với điều quan tâm duy nhất là giữ yên cái nắp đã đậy cái giếng ghê tởm của tôi lại. Tôi, một người chết, tôi sẽ cưỡng bức những người sống là các ông bà phải thừa nhận tôi. Tôi sẽ bắt Côdét chung thân phải chịu đựng tôi. Ông, Côdét và tôi cả ba người sẽ đội chung một cái mũ xanh [1]. Ông có kinh tởm không? Tôi bây giờ chỉ là người đau khổ nhất, làm như thế, tôi sẽ trở thành người ghê tởm nhất. Cái tội ác ấy hàng ngày tôi sẽ phạm phải! Hàng ngày tôi sẽ dối trá! Và hàng ngày tôi sẽ cứ mang cái bộ mặt đen tối ấy! Và cái ô nhục của tôi, hàng ngày ông và Côdét sẽ phải chia một phần! Phải, hàng ngày! Những người tôi yêu quý nhất, những người con của tôi, những người ngây thơ trong trắng của tôi, phải chia cái của ấy. Có phải đâu không nói là dễ? Im lặng là giản đơn? Không, không phải giản đơn. Có cái im lặng dối trá. Và sự dối trá của tôi, sự gian lận của tôi, sự nhục nhã, hèn nhát, phản bội, tội lỗi của tôi, tôi sẽ uống từng giọt, khạc ra rồi lại uống vào, uống hết lúc nửa đêm lại bắt đầu uống trở lại lúc giữa trưa, buổi sáng chào cũng dối trá, buổi chiều hỏi cũng dối trá, ngủ trên tất cả cái đó, trộn tất cả cái đó với thức ăn, và tôi vẫn nhìn mặt Côdét, vẫn đem cái miệng quỷ sứ của tôi cười đáp nụ cười thiên thần của Côdét, tôi sẽ là một kẻ lừa dối ghê tởm. Để làm gì? Để được sung sướng! Tôi mà muốn sung sướng ư? Tôi có quyền được sung sướng không chứ?

---

(1) Mũ xanh của người tù khổ sai.

Thưa ông, tôi ở ngoài rìa cuộc đời rồi.

Giăng Vangiăng ngừng lại. Mariuytx vẫn nghe. Không ai ngắt được những chuỗi ý nghĩ, những niềm khắc khoải triền miên ấy. Giăng Vangiăng lại hạ thấp giọng nhưng lúc này giọng không âm thầm nữa, mà nghẹn rợn:

- Ông hỏi vì sao tôi nói? Không ai tố cáo, không ai truy nã, không ai săn bắt tôi, ông bảo thế. Có! Tôi có bị tố cáo; có, tôi có bị truy nã, có, tôi bị săn bắt. Bởi ai? Bởi chính tôi. Chính tôi đã chặn đường tôi, tôi lôi tôi đi, tôi đẩy tôi đi, tôi tự bắt tôi, tôi tự xử tôi, và khi mình lại tự nắm giữ mình thì nắm chắc lắm.

Ông tự tay nắm lấy áo mình, kéo lại phía Mariuytx, ông nói tiếp:

- Ông nhìn cái nắm tay này, ông có thấy nó nắm cái cổ áo này và sẽ không để rời ra không? Lương tâm lại còn nắm chắc hơn thế. Muốn sung sướng, thưa ông, thì không nên bao giờ hiểu bổn phận là gì, vì khi đã hiểu bổn phận rồi, thì bổn phận hết sức khắc nghiệt, người ta tưởng như bổn phận trừng phạt ta vì ta đã hiểu thế nào là bổn phận. Nhưng không phải thế. Bổn phận ban thưởng ta, nó dẫn ta vào một địa ngục mà ta cảm thấy có Chúa Trời bên cạnh mình. Vừa tự xé ruột xong thì lòng lại thấy yên tĩnh với lòng.

Ông Pôngmécxi, cái việc này không hợp với lẽ thường, việc tôi là một người lương thiện. Trước mắt ông tôi có tự hạ tôi, thì tôi mới đề cao tôi được trước mắt tôi. Chuyện thế này tôi đã làm một lần, nhưng không đau xót nhiều như bây giờ, nó chẳng đáng kể gì. Vâng, một người lương thiện. Tôi sẽ không còn là một người lương thiện nữa nếu tôi cứ để ông quí mến tôi. Bây giờ ông khinh miệt tôi thì tôi lại là người lương thiện. Thật là một định mệnh độc ác: Tôi chỉ có thể ăn cắp lòng kính trọng của mọi người đối với tôi, nhưng sự kính trọng ấy

lại làm thâm tâm tôi nhục nhã, lại giầy vò tôi; để cho tôi được tự trọng thì đành phải để mọi người kinh rẻ tôi. Bây giờ tôi mới ngẩng đầu lên được. Tôi là một tên tù khổ sai tuân theo lương tâm của nó. Tôi biết như vậy cũng không phải là bình thường. Nhưng ông nghĩ, tôi biết làm thế nào. Thực là như vậy. Tôi đã tự hứa hẹn với tôi, tôi phải giữ lời hứa. Có những sự gặp gỡ ràng buộc chúng ta. Có những sự ngẫu nhiên lôi ta vào bổn phận. Ông Phôsơlơvăng, thưa ông, ông thấy đó, đời tôi thật lắm nỗi éo le.

Giăng Vangiăng lại dừng một lát nuốt nước bọt một cách khó nhọc như thể lời nói của ông có một dư vị cay đắng. Ông nói tiếp:

- Khi người ta mang một nỗi nhục nhã ghê gớm như vậy, người ta không có quyền bắt những người khác vô tình phải chung chịu, người ta không có quyền truyền sang họ cái dịch tễ đó, không có quyền làm họ sa dần xuống cái vực thẳm của mình mà không biết, không có quyền vứt bừa bãi cái áo tù đỏ của mình lên cuộc đời của họ, không có quyền mang cái đau khổ của mình lén lút luồn vào cái hạnh phúc của người khác. Đến bên những người lành mạnh, mang cái ung nhọt vô hình của mình mà cọ xát vào người họ, thật là ghê tởm. Phôsơlơvăng có cho tôi mượn tên nhưng tôi không có quyền dùng cái tên ấy, hắn cho nhưng tôi không có quyền nhận. Một cái tên là một con người.

Thưa ông, ông xem, tôi cũng có suy nghĩ một chút, sách vở có đọc chút ít; tuy tôi là một nông dân, tôi cũng hiểu biết sự vật. Ông thấy tôi nói năng cũng nghe được. Tôi đã tự giáo dục tôi. Thật thế, lấy một cái tên và giấu mình dưới cái tên ấy, là một điều bất lương; những chữ cái, người ta cũng ăn cắp được như ăn cắp một ví tiền hay một chiếc đồng hồ. Là một chữ ký

giả mạo bằng xương, bằng thịt, là một cái chìa khoá giả biết nói biết đi, giả mạo chìa khoá để mở cửa vào nhà người lương thiện, không bao giờ dám nhìn thẳng, chỉ nhìn nghiêng thôi, trong thâm tâm mình là một người đê nhục, không! Không! Không! Không thể được! Thà chịu đau khổ đổ máu, đổ nước mắt, thà tự tay mình cấu xé da thịt mình, thà quằn quại thâu đêm, thà tự giày vò tim óc mình. Đó, vì sao tôi đến kể tất cả với ông, tự nguyện nói tất cả với ông, như ông đã bảo.

Giăng Vangiăng thở một cách nặng nề và nói lớn lên lời cuối cùng này:

- Để sống xưa kia tôi đã ăn cắp một cái bánh, bây giờ để sống tôi không muốn ăn cắp một cái tên.

Mariuytx ngắt lời:

- Để sống! Ông không cần cái tên ấy để sống à?

Giăng Vangiăng ngẩng đầu lên rồi lại cúi đầu xuống mấy lần, trả lời:

- À! Tôi biết tôi mà.

Im lặng một lát. Cả hai người đều không nói gì, mỗi người đắm đuối trong một vực tư tưởng. Mariuytx đã ngồi xuống gần một chiếc bàn, một ngón tay gấp tì vào khoé miệng. Giăng Vangiăng đi đi lại lại. Ông dừng lại trước một tấm gương và đứng im. Ông nhìn vào tấm gương mà không biết có mình, rồi nói một mình như tự trả lời cho mình:

- Còn bây giờ thì lòng mình nhẹ hẳn?

Ông lại đi và bước về đầu bên kia phòng khách. Khi quay trở lại, ông thấy Mariuytx, đang nhìn ông đi. Bấy giờ ông nói với Mariuytx, bằng một giọng khó tả:

- Chân tôi hơi kéo lê. Bây giờ thì ông hiểu tại sao.

Khi ông đã quay hẳn về phía Mariuytx:

- Và bây giờ, thưa ông, ông thử hình dung như thế này:

tôi không nói gì cả, tôi vẫn là ông Phôsơlơvăng, tôi đến ở nhà ông, tôi là người gia đình ông, tôi ở trong phòng tôi, sáng sáng đi giầy vải sang ăn cơm, chiều chiều cả ba người chúng ta cùng đi xem hát, tôi đi chơi cùng bà Pôngmécxi đến cung điện Tuylơri và quảng trường Rôian. Chúng ta cùng sống với nhau, ông cho tôi cũng là người như ông, rồi một hôm, tôi ở đây, ông cũng ở đây, chúng ta cùng chuyện trò, cười nói, bỗng nhiên có người thét lên cái tên "Giăng Vangiăng" và một bàn tay kinh khủng, bàn tay cảnh sát từ trong bóng tối nhô ra và dứt cái mặt nạ của tôi!

Ông lại ngừng. Mariuytx đã đứng lên, rùng mình.

Giăng Vangiăng tiếp:

- Ông nghĩ sao?

Mariuytx trả lời bằng sự yên lặng.

Giăng Vangiăng lại nói:

- Ông xem đó, tôi nói ra là phải. Thôi! Hãy tận hưởng hạnh phúc của ông, hãy ở trên thiên đường, cứ là thiên thần của một thiên thần, cứ rạng rỡ như ở trên mặt trời, vui hưởng cái hạnh phúc ấy, đừng băn khoăn vì chuyện một tên đọa đầy khốn nạn làm thế tự phanh ngực ra để làm bổn phận của hắn. Trước mặt ông chỉ là một người khốn khổ.

Mariuytx vượt qua phòng khách, khi đến gần Giăng Vangiăng, chàng đưa tay cho ông.

Nhưng bàn tay Giăng Vangiăng không chìa ra, Mariuytx phải đưa tay mình đến tận nơi tìm bắt bàn tay ấy. Giăng Vangiăng cứ để mặc Mariuytx, và chàng cảm thấy như cầm một bàn tay đá. Mariuytx nói:

- Ông tôi có nhiều bạn hữu, tôi có thể xin cho ông được ân xá.

- Vô ích - Giăng Vangiăng đáp. Người ta tưởng tôi đã chết, thế là được rồi. Người ta không theo dõi những kẻ đã chết. Những kẻ chết được quyền cứ việc mục rữa dần. Chết thì cũng như được ân xá vậy.

Ông rút bàn tay mình ra khỏi tay Mariuytx và nói một cách đường hoàng, nghiêm nghị:

- Làm tròn bổn phận của tôi, đó là người bạn mà tôi cầu cứu; tội chỉ cần một sự ân xá, đó là sự ân xá của lương tâm tôi.

Giữa lúc ấy, ở đầu kia phòng khách, cánh cửa hé mở từ từ và trong khung cửa nửa khép nửa mở, cái đầu Côdét hiện ra. Người ta chỉ nhìn thấy vẻ mặt dễ mến của nàng; đầu nàng xoã tóc trông rất xinh, mí mắt còn mọng vì ngủ. Nàng như một con chim ở trong tổ thò đầu ra, nhìn chồng rồi nhìn Giăng Vangiăng vừa cười vừa nói. Trông nàng như một nụ cười nở trong lòng một đoá hoa hồng.

- Không sai rồi! Các ngài lại đương bàn chuyện chính trị! Thật là ngớ ngẩn! Sao không vào với người ta?

Giăng Vangiăng giật mình.

Mariuytx lắp bắp:

- Côdét!...

Rồi chàng không nói được gì nữa. Trông họ giống hai người phạm tội.

Côdét vẻ mặt rạng rỡ nhìn hết người này lại nhìn người kia. Trong khóe mắt của nàng như thoáng thấy những khoảng thiên đường. Nàng nói:

- Tôi bắt được các ngài quả tang nhé! Tôi vừa nghe thấy đằng sau cửa cha Phôsơlơvăng của tôi nói nào là lương tâm... nào là làm bổn phận... Chẳng chính trị thì là gì đấy? Tôi không thích. Ai lại mới sáng hôm sau mà đã nói chuyện chính

trị. Không đúng.

- Em tưởng lắm đấy - Mariuytx trả lời - Chúng tôi bàn chuyện làm ăn, bàn chuyện cái số tiền sáu trăm nghìn phơ-răng kia gửi đâu cho lợi nhất...

Côdét cắt ngang:

- Không phải những cái đó đâu! Tôi vào nhé. Có bằng lòng không?

Nàng cương quyết bước qua ngưỡng cửa, vào trong phòng khách.

Nàng mặc một cái áo khoác trắng rất nhiều nếp, ống tay khá rộng, dài từ cổ xuống tận chân. Ở phần trên tô vàng của những bức tranh Trung thế kỷ vẫn có những cái bọc đựng thiên thần như vậy.

Nàng tự ngắm mình từ đầu đến chân trong một tấm gương lớn, rồi ngây ngất say sưa nói:

- Ngày xưa có một ông vua và một bà hoàng hậu. Trời! Vui quá!

Xong nàng trịnh trọng chào Mariuytx và Giăng Vangiăng rồi nói tiếp:

- Thế này nhé, em ở đây với các ngài, em ngồi vào ghế này nhé, nửa giờ nữa thì ăn cơm sáng, các ngài muốn nói chuyện gì thì nói. Em biết đàn ông thì phải nói chuyện, em sẽ ngoan ngoãn nghe.

Mariuytx cầm tay nàng và nói rất âu yếm:

- Chúng tôi nói chuyện làm ăn mà.

- À mà ban nãy - Côdét đáp - em vừa mở cửa sổ. Vô số chim sẻ ở đâu mới bay đến vườn. Chim thật chứ không phải người trá hình. Hôm nay là thứ tư ngày lễ Tro; nhưng không phải lễ của bầy chim.

- Anh bảo em là chúng tôi nói chuyện làm ăn, em hãy đi

đi em bé Côdét của anh, để chúng tôi nói chuyện một lát, toàn những con số cả, em nghe chán ngay.

- Anh Mariuytx, sáng nay anh thắt chiếc ca-vát xinh quá. Đức ông làm dáng lắm thưa đức ông ạ! Không! Em không chán đâu.

- Anh bảo là em sẽ chán mà, em nghe anh đi.

- Không, ngồi với cha, với anh thì chán thế nào được! Em không hiểu nhưng em vẫn nghe được - Nghe những giọng thân yêu thì có cần gì hiểu. Cùng ngồi với nhau, thế là em thích rồi. Em cứ ở đây nào.

- Em là em Côdét yêu quý của anh. Nhưng không thể được.

- Không thể được!

- Phải.

- Được rồi - Côdét đáp. Em mang theo bao nhiêu là tin tức, nếu em ở lại thì em nói cho mà nghe. Ông còn ngủ này, dì anh đi lễ này, lò sưởi phòng của cha Phôsơlơvăng un khói này. Nicôlét đã gọi thợ thông lò sưởi này. Tútxanh và Nicôlét đã có chuyện cãi cọ với nhau rồi này, Nicôklét chế Tútxanh nói lắp này. Thế thì các ngài sẽ không được biết gì cả. A! Không thể được à? Em, đến lượt em, em cũng sẽ nói: không thể được, cho ngài xem. Để coi ai được ai nào? Thôi, em xin anh, anh Mariuytx bé bỏng của em ơi, để em ở đây với cha và anh.

- Anh cam đoan với em là chỉ có thể hai chúng tôi ở đây với nhau được thôi.

- Hừ, thế em cũng kể là một người à?

Giăng Vangiăng không nói một lời nào. Côdét quay lại phía ông:

- Còn cha, cha này, trước hết con muốn cha phải hôn con.

Cha sao không bênh con lại ngồi ì ra đấy? Cha của con mà thế à? Cha xem đấy, con lấy chồng rất khổ, chồng con đánh con đấy. Nào, cha hôn con ngay đi nào:

Giăng Vangiăng lại gần.

Côdét quay lại phía Mariuytx:

- Còn anh thì em chẳng thèm.

Rồi nàng giơ trán cho Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng tiến thêm một bước lại gần nàng.

Côdét bỗng nhiên lùi lại:

- Cha! Sao cha xanh thế! Hay là cánh tay cha đau quá!

- Không, tay khỏi rồi, Giăng Vangiăng trả lời.

- Hay cha mất ngủ?

- Không phải.

- Hay cha có điều gì buồn?

- Không.

- Hôn con đi. Cha mạnh khỏe, cha ngủ được, cha vui lòng thì con không rầy rà cha nữa.

Nói rồi nàng lại giơ trán cho Giăng Vangiăng.

Gilơnormăng đặt một chiếc hôn trên cái vầng trán phảng phất ánh sáng thiên đường.

- Cha cười đi.

Giăng Vangiăng cười. Nụ cười của một bóng ma.

- Bây giờ cha bênh con đi, cha bảo chồng con đi.

- Côdét! - Mariuytx kêu.

- Cha ơi! Cha cứ gắt lên đi. Cha bảo chồng con là con phải ở đây. Nói chuyện có con thì cớ làm sao! Các người cho tôi là ngu lắm à? Chuyện các người nói kỳ lạ thế kia à? Chuyện làm ăn, gửi tiền ngân hàng, việc lớn nhỉ! Đàn ông chả có cái

gì mà họ cũng làm ra vẻ bí mật. Em muốn ngồi ở đây. Sáng nay em xinh lắm, nhìn em này, anh Mariuytx!

Nàng nhìn Mariuytx, nhún vai một cách rất đáng yêu và làm bộ hờn dỗi trông rất xinh. Một tia điện như loé lên giữa hai con người ấy. Có ai ngồi đấy họ cũng tưởng như không.

- Anh yêu em! - Mariuytx nói.

- Em quí anh! - Côdét nói.

Rồi hai người không cưỡng được, ôm chầm lấy nhau.

Côdét vừa nắn lại nếp trên chiếc áo khoác của nàng, vừa bĩu môi một cách đắc thắng và nói:

- Bây giờ em cứ ngồi đây.

Mariuytx trả lời giọng năn nỉ:

- Cái ấy thì không được. Chúng tôi cần nói nốt với nhau một điều.

- Lại không à?

Mariuytx nói một cách nghiêm nghị:

- Côdét, anh cam đoan với em là không thể được.

- À! Lên giọng ông chồng đấy, thưa ông. Được rồi! tôi đi đây. Cha, cha không bênh vực con. Ông chồng tôi, ông cha tôi, các ông là chuyên chế. Tôi sẽ mách ông ngoại. Các ngài đừng tưởng tôi thèm trở lại và nằn nì các ngài đâu, các ngài lầm đấy. Tôi tự trọng lắm. Tôi sẽ đợi các ngài. Để rồi các ngài xem vắng tôi các ngài có chán không? Tôi đi đây. Được lắm.

Rồi nàng đi ra.

Hai giây sau, cửa lại mở, cái mặt hồng tươi của nàng lại hiện ra giữa hai cánh cửa, nàng thét to:

- Tôi giận lắm đấy.

Cửa lại đóng và bóng tối trở lại.

Côdét chẳng khác gì một tia sáng mặt trời lạc hướng, vừa

xuyên qua đêm tối mà không hay.

Mariuytx xem lại cửa thật đóng chưa và lẩm bẩm:

- Tội nghiệp Côdét, khi nàng biết chuyện...

Giăng Vangiăng nghe câu ấy bủn rủn cả chân tay. Ông nhìn Mariuytx, mắt đờ đẫn và nói:

- Côdét, à phải. Ông sẽ nói lại với Côdét. Đúng lắm. Ư, mà tôi quên không nghĩ đến chuyện ấy. Có sức làm việc này mà không có sức làm việc khác. Thưa ông, tôi xin ông, tôi van ông, xin ông lấy điều thiêng liêng nhất hứa với tôi là không nói lại với Côdét. Ông biết thôi, riêng ông, cũng đủ rồi chứ! Tôi đã nói tất cả, tự tôi nói ra, không ai bắt buộc, tôi có thể nói với cả vũ trụ, cả mọi người, cũng thế thôi, nhưng nó, nó không hiểu được điều đó, nó sẽ khiếp sợ. Một người tù khổ sai? Là cái gì người ta sẽ phải giải nghĩa cho nó, phải bảo nó: khổ sai nghĩa là làm khổ dịch ở chiến thuyền. Nó đã trông thấy một lần một dây tù khổ sai... Trời ơi! Trời!

Ông ngồi phịch xuống chiếc ghế, hai tay ôm mặt không nghe thấy tiếng gì, nhưng nhìn hai vai nhô lên, hạ xuống, thì biết ông đang khóc. Nước mắt âm thầm, nước mắt ghê gớm.

Tiếng thổn thức nghẹn ngào làm cho người ta nghẹt thở. Ông như bị co giật, phải ngả người ra đằng sau, trên lưng ghế để thở, buông thõng hai cánh tay, Mariuytx nhìn rõ mặt ông chan hoà nước mắt. Chàng nghe thấy ông nói rất sẽ như từ một nơi sâu thẳm: Ôi! Tôi muốn chết cho rồi.

- Ông yên lòng. Mariuytx nói: Tôi sẽ giữ bí mật của ông cho riêng tôi thôi.

Mariuytx có cảm xúc một phần nào nhưng chưa đúng mức, vì từ một tiếng đồng hồ rồi bắt buộc phải làm quen với một

sự bất ngờ ghê gớm: nhìn thấy một tên tù khổ sai xuất hiện trước mắt mình, chồng lên trên con người ông Phôsơlơvăng, bị cái thực tế thảm hại ấy dần dần lấn át, Mariuytx cảm thấy sự tự nhiên giữa chàng và con người ấy có một sự ngăn cách do hoàn cảnh đó gây ra. Chàng nói thêm:

- Tôi cần phải nói đến số tiền người ta gửi ông mà ông đã giữ và trả lại một cách rất trung thành, rất lương thiện. Đó là một hành động ngay thẳng. Ông đáng hưởng một phần thưởng vì chỗ đó. Ông muốn bao nhiêu, ông cứ định lấy số, tôi sẽ đưa ông. Đừng sợ lấy nhiều.

Giăng Vangiăng dịu dàng trả lời:

- Xin cảm ơn ông.

Ông lặng yên một lát vẻ suy nghĩ, vô tình lấy đầu ngón tay trỏ đưa đi đưa lại trên móng ngón tay cái, rồi cất cao giọng:

- Thế là đã hầu hết. Tôi chỉ còn một điều nữa...

- Điều gì?

Giăng Vangiăng ngập ngừng, ngập ngừng một lần cuối cùng, mà gần như hết hơi, ông lắp bắp nói không ra tiếng:

- Bây giờ ông đã biết cả rồi, ông là người quyết định; ông xét xem tôi có nên không gặp Côdét nữa không?

- Tôi tưởng như thế là hơn. Mariuytx lạnh lùng trả lời.

Giăng Vangiăng nói lẩm bẩm trong mồm:

- Tôi sẽ không gặp Côdét nữa.

Nói rồi. Giăng Vangiăng đi ra phía cửa. Ông đặt tay lên quả nắm, cái chốt quay, cửa hé mở vừa đủ để bước ra, nhưng ông đứng im một phút rồi khép cửa lại và quay về phía Mariuytx. Mặt ông từ xanh xao đã biến thành nhợt nhạt.

Không còn giọt lệ nào trong mắt, mà là một ngọn lửa bi hùng. Giọng nói trở lại hình tĩnh một cách lạ lùng. Ông nói:

- Này, thưa ông, nếu ông bằng lòng, tôi sẽ đến với Côdét. Tôi xin nói thật với ông là tôi muốn giúp Côdét lắm. Nếu tôi không muốn gặp Côdét thì tôi đã không nói thật tất cả với ông, tôi đã đi ra rồi, nhưng vì tôi muốn sống ở nơi Côdét sống, và lại muốn được gặp Côdét cho nên tôi đã thành thật nói hết với ông. Ông hiểu ý nghĩ của tôi chứ, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Ông xem đã chín năm rồi Côdét sống bên cạnh tôi. Chúng tôi đã ở cái nhà nát ngoài đại lộ, rồi trong nhà tu kín rồi gần vườn Luychxămbua. Ông đã gặp Côdét, lần đầu tiên ở vườn ấy. Ông còn nhớ cái mũ nhung xanh của nó chứ? Sau chúng tôi lại ở khu Anhvalit, phố Pơluymê, nhà có cái vườn và cái hàng rào sắt. Tôi ở trong cái sân đằng sau, ngày ngày nghe Côdét chơi dương cầm. Đấy là tất cả cuộc đời của tôi. Chúng tôi không bao giờ rời nhau. Cuộc đời ấy đã kéo dài chín năm và bao tháng nữa. Tôi như là cha nó, nó như là con tôi. Không biết ông có hiểu cho tôi không, thưa ông Pôngmécxi, nhưng ra đi bây giờ, không nhìn thấy nó nữa, không nói với nó nữa, không còn gì nữa, thật là khó khăn. Nếu ông không cho là bất tiện, tôi sẽ thỉnh thoảng đến thăm Côdét. Tôi không đến luôn đâu, tôi không ở lâu đâu. Ông sẽ bảo người ta tiếp tôi ở cái phòng nhỏ bên dưới. Ở tầng dưới đất. Tôi có thể ra vào lối cửa sau, cửa dành cho người ở, nhưng e họ nghi ngờ. Có lẽ tôi cứ ra vào cửa chính mọi người ra vào thì hơn. Thưa ông, thật vậy, tôiáât muốn gặp Côdét, gặp một chút, họa hoằn thôi, tùy ý ông. Ông hãy tự đặt mình vào địa vị tôi. Đời tôi chỉ còn có thế thôi. Vả lại cũng nên cẩn thận. Nếu không bao giờ trở lại thì kết quả cũng không tốt,

người ta sẽ lấy làm lạ. Thế này chẳng hạn, tôi sẽ đến buổi chiều, khi trời bắt đầu tối.

- Tối nào ông cũng đến, Mariuytx đáp. Côdét sẽ đợi ông.

- Ông tốt quá, thưa ông. Giăng Vangiăng nói.

Mariuytx chào Giăng Vangiăng, hạnh phúc đưa chân tuyệt vọng ra cửa, hai người chia tay nhau.

II

NÓI HẾT RỒI MÀ VẪN CÒN CÓ NHỮNG CHỖ MỜ ÁM

Tâm trí Mariuytx đảo lộn.

Cái điều xa cách mà chàng vẫn cảm thấy giữa chàng và con người sống bên cạnh Côdét, bây giờ chàng đã hiểu. Trong con người ấy vẫn có cái gì bí mật mà linh tính của chàng đã báo cho chàng. Cái bí mật ấy là điều xấu xa nhục nhã nhất: nhà tù khổ sai. Cái ông Phôsơlơvăng ấy là tên khổ sai Giăng Vangiăng.

Đột nhiên tìm thấy cái bí mật ấy giữa hạnh phúc của mình thì khác gì khám phá ra một con bò cạp trong tổ chim gáy.

Hạnh phúc của Mariuytx và Côdét từ đây có bắt buộc phải chịu đựng sự chung đụng ấy không? Có phải là một việc đã rồi không? Chịu đựng con người ấy có phải là chuyện tất nhiên trong việc hôn nhân đã thành tựu? Có phải là không còn làm thế nào được nữa không? Mariuytx có phải đã kết hôn cả với tên tù khổ sai kia không? Mặc dù người ta đang sống chan hoà ánh sáng và vui tươi, mặc dù đang tận hưởng hạnh phúc của tình yêu, tận hưởng cái giờ phút tươi thắm rực rỡ của

cuộc đời, nhưng gặp những rung động như Mariuytx vừa trải qua, thì đến thiên thần cũng phải rùng mình trong lúc say sưa ngây ngất, đến thần nhân cũng phải rùng mình bủn rủn giữa lúc rạng rỡ quang vinh.

Trong những chuyện thay đổi đột ngột ấy, Mariuytx, như mọi người, cũng tự hỏi mình có điều gì đáng trách không? Mariuytx đã không biết đoán ra chăng? Có thiếu thận trọng không, có quá mù quáng vô tâm không? Có lẽ cũng có một phần. Chàng có đi bừa vào cuộc tình ái đã đưa đến sự kết hôn với Côdét, mà không để ý dò la tìm hỏi việc xung quanh không? Thường khi mình liên tục tự nhận xét mình như thế mà tự sửa chữa trở nên khôn, nên tốt. Mariuytx nhận thấy cái khía cạnh ảo tưởng, huyễn hoặc của tâm hồn chàng, nó như một thứ mây mờ bao phủ nội tâm trong những lúc say sưa tuyệt vời cũng như đau khổ cực độ, đám mây ấy lan tràn cả tâm trí con người theo nhiệt độ của tâm hồn, khiến cho trong con người chỉ còn một thứ lương tri mờ mịt sương mù. Chúng tôi nhiều lần đã nói đến yếu tố đặc biệt ấy trong cá tính của Mariuytx. Chàng nhớ ra rằng trong cuộc tình ái say sưa ở phố Pơluymê, trong sáu bảy tuần mê say ngây ngất, chàng không hề nói chuyện với Côdét về tấn kịch trong cái nhà nát Goócbô mà nạn nhân đã có một thái độ rất lạ lùng: kiên quyết im lặng khi đấu tranh chống bọn kẻ cướp và về sau lại lẩn trốn đi. Sao chàng lại có thể không nói gì với Côdét? Thế mà việc mới vừa xảy ra thôi và rất dễ sợ! Sao chàng lại không nhắc gì đến cái tên Tênácđiê, và nhất là bữa hôm chàng gặp Êpônin? Thật bây giờ chàng khó hiểu sự im lặng của chàng hồi bấy giờ. Chàng cũng có nhận thấy như vậy kia mà. Chàng nhớ lại cái tình hình chàng yêu say sưa

mù quáng Côdét, tình yêu thu hút hết cả tinh thần, nhắc bổng nhau vào cõi lý tưởng tuyệt vời, chàng cũng nhận thấy như một tí lý trí mong manh xen lẫn cái trạng thái say mê lôi cuốn tâm hồn, chàng có bản năng mơ hồ, thầm kín muốn giấu giếm, muốn tiêu hủy trong ký ức cái chuyện ghê rợn kia mà chàng không muốn dính líu tới, chàng không muốn có một vai trò gì, chàng muốn lẩn tránh, chàng không thể làm chứng nhân, không thể làm người tường thuật lại được, vì làm chứng hay kể lại chuyện đó tất nhiên là phải tố cáo.

Vả lại mấy tuần lễ ấy đi nhanh như chớp, không có thời giờ làm gì khác ngoài việc yêu nhau. Cuối cùng cân nhắc kỹ, lật đi lật lại tất cả, thì giả thử lúc bấy giờ chàng kể lại chuyện cạm bẫy phố Goócbô cho Côdét, tố giác bọn Tênácđiê không kể gì đến mọi hậu quả có thể xảy ra, giả thử chàng biết Giăng Vangiăng là một tên tù khổ sai đi nữa, thì Mariuytx có thay đổi gì được ông không? Có thay đổi gì được Côdét không? Mariuytx có lùi bước không? Chàng có không lấy Côdét không? Không. Có thay đổi gì những việc đã xảy ra không? Không. Vậy thì chẳng có gì đáng tiếc, chẳng có gì đáng tự trách mình. Mọi việc đều hay cả. Những kẻ si tình ấy chẳng khác gì những người say rượu, họ có ông thần của họ. Nếu Mariuytx sáng suốt ra, chàng cũng vẫn đi theo con đường ấy. Ái tình đã bịt mắt chàng để dẫn chàng đi đến đâu? Dẫn lên thiên đường.

Nhưng cái thiên đường ấy ngày nay lại kề bên một địa ngục.

Sự xa cách trước đây giữa Mariuytx và con người ấy, tức là ông Phôsơlơvăng ngày nay biến thành Giăng Vangiăng, sự xa cách ấy bây giờ lại lẫn thêm ghê tởm.

Nhưng trong cái ghê tởm ấy phải nói là có một chút thương

hại và cả một phần ngạc nhiên.

Người ăn cắp ấy, người ăn cắp tái phạm ấy đã hoàn lại một số tiền người ta gửi. Một số tiền như thế nào? Đến sáu trăm nghìn phơrăng. Mà chỉ mình hắn biết có số tiền ấy thôi. Hắn có thể chiếm đoạt cả; nhưng hắn đã trao lại tất cả.

Thêm vào đó, hắn lại tự mình nói hết tất cả lai lịch của mình mà chẳng có gì bắt buộc hắn. Hắn có nói thì người ta mới biết hắn là ai. Thú nhận như vậy không phải chịu phần nhục nhã, mà là chịu cả phần nguy hiểm. Đối với một kẻ tội phạm, một cái lốt đội không phải chỉ là một cái lốt mà còn là một nơi trú ẩn. Hắn đã từ bỏ nơi trú ẩn ấy. Mang một cái tên giả là một bảo đảm an toàn. Hắn đã vứt bỏ cái tên giả ấy. Tuy là tù khổ sai, hắn vẫn có thể ẩn núp mãi mãi trong một gia đình lương thiện. Hắn đã cưỡng lại sự quyến rũ ấy, mà cưỡng lại vì lý do gì? Chỉ vì sợ lương tâm giày vò mà thôi. Hắn đã giải thích với giọng thuyết phục của lòng chân thành. Tóm lại, dù tên Giăng Vangiăng trước kia như thế nào đi nữa, nay cũng là một lương tâm đang trỗi dậy, cũng là một nhân phẩm bắt đầu được chiêu tuyết một cách huyền bí. Có lẽ đã từ lâu rồi băn khoăn đã giày vò tâm trí con người ấy. Những tâm hồn tầm thường không thể có được những băn khoăn đau xót vì công lý và thiện tâm ấy. Một lương tâm trỗi dậy là một tâm hồn cao cả.

Giăng Vangiăng thành thật. Sự thành thật ấy rõ rệt, cụ thể không ai chối cãi được, nỗi đau xót của ông ta chứng minh cho sự hiển nhiên, tất cả cái đó khiến cho mọi sự điều tra trở nên vô ích, và mỗi lời nói của con người ấy là một lời đáng tin. Mariuytx thấy có sự đảo lộn kỳ lạ của các vị trí. Con người ông Phôsơlơvăng toát ra cái gì? Ngờ vực. Con người Giăng Vangiăng gợi nên cái gì? Tin tưởng.

Mariuytx suy nghĩ và làm bản kết toán bí mật về Giăng Vangiăng, chàng tính phần có và phần nợ, và cố đi đến một sự cân bằng. Nhưng tất cả cái đó hỗn loạn như một cơn dông tố. Mariuytx cố xây dựng một ý niệm rõ rệt về con người ấy và hình như cố theo đuổi Giăng Vangiăng trong tư tưởng của y, nhưng hình ảnh Gilơnormăng biến rồi lại hiện ra trong một làn sương mù khắc nghiệt.

Số tiền giữ hộ trao lại thật thà, lời thú ngay thật đều là những điều tốt, như một khoảng trời quang trong đám mây mù, nhưng rồi đám mây lại đen nghịt.

Tuy rằng những ký ức của Mariuytx còn lờ mờ, nhưng chàng cũng vẫn thấy một khoảng bóng tối.

Câu chuyện xảy ra trong cái ổ Giôngđơrét là thế nào? Tại sao khi cảnh sát đến, người ấy không kêu kiện mà lại trốn đi? Về điểm này Mariuytx tự giải thích được. Vì người đó là một tội nhân trốn án.

Còn vấn đề khác: Người ấy đến chiến luỹ làm gì? Bây giờ Mariuytx nhớ lại rõ rệt điều ấy, nó hiện rõ trong ký ức của chàng như nét mực bí mật hiện lên trên ngọn lửa. Người ấy có mặt ở chiến luỹ, nhưng không chiến đấu. Vậy hắn đến làm gì? Trước câu hỏi ấy một bóng ma hiện lên và trả lời: Giave. Mariuytx nhớ rõ mồn một một cái hình ảnh ghê rợn Giăng Vangiăng kéo ra ngoài chiến luỹ tên Giave bị trói và chàng hình như còn nghe tiếng súng ngắn kinh khủng ở phía sau góc phố hẻm Môngđêtua. Có phần chắc là giữa tên gián điệp và tên tù khổ sai ấy có một mối thù không đợi trời chung. Tên này làm vướng tên kia. Giăng Vangiăng tìm đến chiến luỹ để trả thù. Mãi sau hắn mới đến, chắc hắn biết Giave bị bắt ở đó. Cái truyền thống phục thù ghê gớm của người đảo Goócxơ thấm sâu vào vai tầng lớp cùng dân và chi phối họ,

họ coi việc trả thù ấy là tự nhiên; cả những tâm hồn đã phần nào biết cải tà quy chính cũng không lấy việc đó làm lạ. Tâm hồn những con người ấy là như vậy. Một tên tội phạm hối cải có thể chùn tay trước việc ăn cắp, nhưng không ngần ngại giết người để trả thù. Giăng Vangiăng đã giết Giave. Điều ấy hầu như chắc chắn.

Còn câu hỏi cuối cùng, câu hỏi này không trả lời được. Câu hỏi ấy, cắn rứt Mariuytx như một cái kìm. Sao Giăng Vangiăng có thể sống bên Côdét một thời gian lâu như vậy? Cái thiên mệnh bí hiểm nào đã đặt đứa trẻ ấy bên con người ấy? Phải chăng trên trời kia có những dây xích đôi rèn sẵn và Chúa ưng buộc ghép một thiên thần với một quỷ sứ? Trong nhà lao âm u bí hiểm của khốn cùng, tội lỗi và thơ ngây có thể là bạn đồng đường được chăng? Kiếp sống nhân loại là một xâu người đầy đọa, trong xâu người ấy hai cái trán có thể đi song song bên cạnh nhau, một cái thơ ngây, một cái dữ dội, một cái đầy vẻ trong trắng thần tiên của bình minh, một cái thâm xịt như bị ánh chớp vô tận làm sém. Ai đã gán ghép hai số kiếp ấy một cách lạ lùng như vậy? Làm thế nào, vì lẽ huyền bí gì đứa trẻ thần tiên ấy và lão già tù tội ấy đã chung sống được với nhau? Ai đã đem buộc con chiên vào con chó sói? Lại càng khó hiểu hơn, ai đã trói con chó sói vào con chiên. Đúng vậy, con sói kia đã yêu con chiên này, con người hung tợn kia đã âu yếm đứa trẻ yếu ớt ấy trong chín năm dài. Thiên thần đã nương tựa quỷ sứ. Lòng âu yếm hy sinh của con người quái gở ấy đã đùm bọc, che chở cả quãng đời thơ ấu, tuổi thanh xuân của Côdét, dẫn dắt nàng vào cuộc đời đầy ánh sáng tươi vui, làm nẩy nở tâm hồn trinh bạch thơ ngây kia. Đến đây mối câu hỏi biến ra thành nhiều câu đố bí hiểm vô cùng, mỗi vực thẳm mở vào nhiều vực thẳm khác. Mariuytx cúi nhìn xuống tâm hồn Giăng Vangiăng mà choáng váng cả người. Cái con

người vực thẳm ấy là con người thế nào?

Những biểu tượng trong Cựu ước thật là những biểu tượng vĩnh viễn. Trong xã hội loài người đang tồn tại khi chưa có một ánh sáng vĩ đại nào hoán cải nó, vẫn có hai con người, một con người cao cả, một con người tối tăm, con người theo đường thiện Aben, con người theo lối ác, Caanh[1], Caanh ở đây hiền từ âu yếm là nghĩa thế nào? Tên tướng cướp, mà say mê, tôn thờ một nàng trinh nữ, che chở nàng, bảo vệ nàng, nuôi dưỡng nàng, làm cho nàng cao quý, bao bọc nàng giữa trong trắng trong khi mình ô uế là thế nào? Cái hố tù đã tôn thờ sự trong trắng ấy đến mức không dây cho nó một dấu vết gì là thế nào? Giăng Vangiăng giáo dục Côdét là thế nào? Cái bộ mặt của đêm tối mà lãnh trách nhiệm duy nhất làm tiêu hết mọi bóng mây âm u xung quanh ngôi sao rạng rỡ đang mọc lên, là thế nào? Đó là sự huyền bí trong cuộc đời của Giăng Vangiăng. Đó cũng là lẽ huyền bí của Chúa.

Mariuytx lùi bước trước hai huyền bí ấy. Nhưng cái huyền bí này làm chàng yên lòng về cái huyền bí kia. Trong câu chuyện dị kỳ ấy, có Chúa rõ rệt, cũng như có Giăng Vangiăng. Chúa có những công cụ của Chúa, Chúa muốn dùng công cụ gì tuỳ ý. Chúa không chịu trách nhiệm trước người đời. Ta biết làm sao được Chúa đã làm như thế nào? Giăng Vangiăng đã dự vào việc sáng tạo ra Côdét. Hắn đã nhào nặn một phần cái tâm hồn ấy. Không thể chối cãi được điều ấy. Thế thì có làm sao? Người thợ ghê tởm, nhưng tác phẩm lại đẹp vô cùng. Chúa làm những phép màu của Chúa theo cách nào Chúa thấy tốt. Chúa đã sáng tạo nàng Côdét xinh đẹp kia, và Chúa đã dùng bàn tay của Giăng Vangiăng vào công việc đó. Chúa đã thích chọn một người cộng tác lạ lùng như vậy. Ta có

(1) Caanh là con của Adam và Evơ. Hắn đã giết em là Abca.

quyền gì dòm ngó hỏi han. Đã biết bao lần phân bón giúp mùa đông làm nảy nở những đóa hoa hồng!

Mariuytx tự trả lời mình như thế và cũng tự cho là đúng. Về tất cả những điều nói trên đây, chàng đã không dám ép buộc Giăng Vangiăng phải nói, chàng cũng không tự nhận rằng chàng không dám hỏi. Chàng yêu Côdét, Côdét là của chàng, Côdét trong trắng, tuyệt vời. Thế là đủ. Chàng còn cần phải sáng tỏ điểm nào nữa. Côdét là ánh sáng ánh sáng còn cần phải cái gì làm sáng tỏ thêm? Chàng đã được tất cả. Chàng còn phải đòi hỏi cái gì nữa? Được tất cả, chưa đủ ư? Những chuyện riêng của Giăng Vangiăng có quan hệ gì đến chàng? Khi cúi nhìn xuống cái bóng tối hãi hùng của Giăng Vangiăng, chàng vẫn bám chắc vào lời cam đoan long trọng của con người khốn khổ ấy: Tôi không là cái gì đối với Côdét cả. Cách đây mười năm tôi không hề biết có nó.

Giăng Vangiăng chỉ là một người khách qua đường. Chính hắn đã nói thế. Thế thì hắn đi đường hắn. Dù sao, vai trò của hắn đã chấm dứt. Bây giờ đã có Mariuytx đóng vai trò thượng đế phù hộ cho Côdét, Côdét đã lên bầu trời xanh trong vắt của nàng, gặp lại người đồng loại của nàng, người tình, người bạn trăm năm, người đàn ông thần thánh của nàng. Khi quạt cánh bay bổng lên trời, thay hình đổi dạng, nàng đã trút bỏ lại dưới mặt đất các xác nhộng trống rỗng xấu xa của nàng là Giăng Vangiăng.

Mặc dù ý nghĩ của Mariuytx chuyển biến như thế nào, cuối cùng chàng cũng vẫn có một cảm tưởng kinh tởm đối với Giăng Vangiăng. Kinh tởm thiêng liêng cũng nên, vì như chúng tôi đã nhắc đến Mariuytx cảm thấy trong con người ấy

(1) Nguyên văn Latinh: *Quid divinum.*

có một cái gì của Chúa[1]. Nhưng muốn làm thế nào, muốn tìm một lý do nào để giảm nhẹ, cũng vẫn phải đi đến điều này: một tên tù khổ sai, nghĩa là một con người không có chỗ đứng trong xã hội, vì nó ở dưới bậc cuối cùng của cái thang xã hội, sau người hèn mạt nhất của loài người là người tù khổ sai; có thể nói là người tù khổ sai không phải là đồng loại của mọi người nữa. Luật pháp đã tước bỏ tất cả cái phần nhân phẩm có thể tước bỏ của một con người. Về những vấn đề hình luật, Maruytx tuy là dân chủ, vẫn còn giữ cái quan niệm pháp lý khắc nghiệt vô tình đối với những con người đã bị pháp luật trừng trị, quan niệm ấy là quan niệm của luật pháp. Cần phải nói rằng Mariuytx chưa phải là hoàn toàn tiến bộ: Chàng chưa phân biệt được điều người quyết nghị và điều Chúa quyết nghị. Chưa phân biệt được luật của người và luật của trời. Chàng chưa nhận xét và cân nhắc về cái thẩm quyền mà loài người tự cho mình để quyết định cái không thể thay đổi, cái không thể vãn hồi. Chàng không có phản ứng gì đối với chữ trả thù[1]. Chàng cho là một số trường hợp vi phạm luật pháp phải chịu những hình phạt chung thân, là một việc tự nhiên; chàng cũng thừa nhận sự dày đọa mãn kiếp con người là một phương thức văn minh. Chàng hãy còn ở trình độ ấy, tuy rằng chắc chắn thế nào chàng cũng sẽ tiến bộ hơn vì bản chất của chàng là tốt và mang sự tiến hóa tiềm tàng.

Trong cái môi trường tư tưởng ấy, trước mắt chàng Giăng Vangiăng quả là một quái vật ghê tởm. Một kẻ tà ác. Một thằng tù khổ sai. Cái tiếng ấy đối với chàng nghe như tiếng kèn phán quyết. Sau khi đã quan sát lâu Giăng Vangiăng, cái

(1) Nguyên văn Latinh: *Vindicte.*

cử chỉ cuối cùng của chàng là ngoảnh mặt: *Hãy quay trở lại!*

Chúng ta thừa nhận và nhấn mạnh điểm này: Mariuytx đã gạn hỏi Giăng Vangiăng đến mức mà Giăng Vangiăng phải nói: *Ông muốn tôi xưng tội* (1), thế mà chàng vẫn không hỏi Giăng Vangiăng hai ba câu quyết định. Không phải là chàng không nghĩ đến, nhưng chàng e sợ. Hỏi về cái ổ Giôngđơrét? Về chiến luỹ? Về Giave. Ai biết trước được những câu trả lời sẽ phơi bày những gì nữa? Giăng Vangiăng không phải là người lùi bước trước sự thật, biết đâu khi thôi thúc Giăng Vangiăng rồi, chàng lại không muốn giữ Giăng Vangiăng lại. Trong vài trường hợp tuyệt lộ, đã chẳng có khi chúng ta hỏi một câuểi lại bịt tai không dám nghe câu trả lời? Nhất là người ta yêu, người ta lại càng dễ hèn nhát như vậy. Hỏi người ta đến tận cùng vào những tình huống bi đát là không hay, nhất là khi một phần bất di dịch của cuộc đời ta lại gắn tất yếu vào đó. Những lời giải thích tuyệt vọng của Giăng Vangiăng có thể làm bật ra những ánh sáng kinh khủng, biết đâu cái ánh sáng ghê tởm ấy lại không xẹt đến Côdét? Biết đâu cái vầng trán thiên thần của nàng lại không vì đó mà gợn lên một ánh lửa địa ngục. Tia xẹt đến của chớp vẫn là sét. Định mệnh có những liên kết kiểu như thế: vì luật chuyển quang của ánh sáng màu, trong trắng có thể nhuốm màu tội ác. Những gương mặt trong sạch nhất có thể giữ vĩnh viễn ánh tán xạ của một bộ mặt ghê tởm. Đúng hay sai không biết, Mariuytx đã khiếp sợ. Chúng đã biết quá nhiều rồi. Chàng không muốn nhìn rõ hơn, chàng chỉ muốn choáng óc hơn là nhìn rõ. Hốt hoảng chàng bế Côdét trong tay mang đi

(1) Nguyên văn La tinh: *Vade retro.*

và nhắm mắt để không nhìn thấy Giăng Vangiăng nữa.

Con người ấy là đêm tối, đêm tối hiện hình, ghê sợ. Ai dám thăm dò đáy cùng đêm tối? Gạn hỏi đêm tối là một việc hãi hùng. Ai biết đêm tối sẽ trả lời ra sao? Câu trả lời có thể làm cả bình minh trở thành muôn đời u ám.

Trong trạng thái tinh thần ấy mà nghĩ rằng từ nay con người ấy vẫn còn dính dáng đến Côdét, dù dính dáng như thế nào, Mariuytx cũng lấy làm băn khoăn đau xót. Những câu hỏi ghê gớm ấy làm chàng lùi bước, những câu hỏi đáng lẽ có thể đem lại một quyết định cứng rắn, dứt khoát, bây giờ chàng lại trách mình sao không nêu lên. Chàng thấy chàng quá tốt, quá lành, nói trắng ra là quá nhu nhược. Tính nhu nhược đó đã dẫn chàng đến một sự nhân nhượng nguy hiểm. Chàng đã để cho lòng xúc động. Thế là sai. Đáng lẽ chàng phải dứt khoát cứ việc gạt bỏ Giăng Vangiăng đi; Giăng Vangiăng như con quỷ đói, nên dành phần cho nó rồi thôi và đuổi con người ấy ra khỏi nhà mình. Chàng tự trách mình, chàng căm giận cái mớ cảm xúc quay cuồng đột ngột đã làm cho chàng nóng tai, mờ mắt và lôi kéo chàng đi. Chàng tự trách chàng.

Làm thế nào bây giờ? Giăng Vangiăng sẽ đến thăm Côdét, điều đó làm chàng khó chịu vô cùng. Con người ấy đến nhà mình làm gì? Làm thế nào bây giờ? Chàng choáng váng, chàng không muốn bới kỹ, chàng không muốn dò lòng chàng nữa. Chàng đã hứa, chàng đã bị lôi cuốn đến chỗ hứa bừa. Giăng Vangiăng đã cầm lời hứa của chàng dù là hứa với một tên khổ sai, nhất là hứa với một tên khổ sai càng phải giữ lời hứa. Tuy thế, bổn phận hàng đầu của chàng là vì Côdét. Chàng cảm thấy trong lòng rạo rực một nỗi kinh tởm nó át

tất cả.

Tất cả cái mớ ý nghĩ hỗn độn ấy quay trong đầu óc Mariuytx, chàng bước từ ý nghĩ này sang ý nghĩ khác, những ý nghĩ ấy làm tâm trí chàng bị khuấy động. Chúng hoang mang vô cùng. Thật khó che giấu nỗi hoang mang ấy trước mặt Côdét, nhưng tình yêu vốn khôn khéo, cho nên Mariuytx cũng giấu được nàng.

Chàng hỏi Côdét những câu mơ hồ, Côdét ngây thơ trong trắng như con chim bồ câu, nàng chẳng nghi ngờ gì. Chàng hỏi Côdét về thời thơ ấu, về tuổi thanh xuân của nàng. Qua những câu trả lời, chàng lại càng tin rằng tất cả lòng hiền từ, tất cả tình cha con, tất cả cái đáng kính trong một người có thể có được, thì người tù khổ sai kia đã có đối với Côdét. Tất cả cái mà Mariuytx đã lờ mờ thấy và phỏng đoán đều là sự thật. Cái cây gai thảm hại kia đã yêu mến và che chở cho cây huệ trắng này.

QUYỂN VIII

BÓNG NGÀ HOÀNG HÔN

I

GIAN BUỒNG BÊN DƯỚI

Ngày hôm sau, lúc trời bắt đầu tối, Giăng Vangiăng đến gõ cái cổng lớn nhà lão Gilonormăng. Bátscơ ra đón ông. Lúc ấy Bátscơ đang ở trong sân, hình như được lệnh đợi sẵn. Có khi người ta dặn người ở: Anh chờ ông ấy, đợi ông ấy đến nhé.

Bátscơ không để Giăng Vangiăng đến hỏi, hắn tiến về phía ông nói:

- Ngài nam tước dặn tôi hỏi ông muốn lên gác hay ở dưới nhà.

- Ở dưới nhà - Giăng Vangiăng trả lời.

Bátscơ vẫn rất lễ phép, mở cửa buồng dưới và nói:

- Tôi lên báo với bà tôi.

Cái buồng Giăng Vangiăng vào ở tầng dưới, xây tò vò, ẩm thấp, khi cần thì dùng để chứa rượu; buồng trông ra phố, lát gạch đỏ, chỉ có một cái cửa sổ có chấn song sắt để lọt ánh sáng lờ mờ.

Cả gian buồng, trên trần, trên tường cũng như dưới sàn gạch không hề được lau quét bao giờ. Nhện không lo ai vào

đây tiêu diệt chúng, một cái mạng nhện giăng rộng, đen ngòm, lốm đốm xác ruồi chết, phơi bày trên một mảnh kính cửa sổ.

Gian buồng hẹp và thấp đầy những vỏ chai chất đống ở một góc. Tường quét màu vàng lở từng mảnh. Cuối buồng có một cái lò sưởi gỗ sơn đen với một cái mặt bệ hẹp. Lò sưởi có đốt lửa, điều ấy chứng tỏ là chủ nhân cũng đã đoán trước câu trả lời của Giăng Vangiăng: *Ở dưới nhà.*

Hai chiếc ghế dựa đặt sẵn hai bên lò sưởi. Giữa hai chiếc ghế, một mảnh tải để chân giường đã nát, giơ cả sợi thừng, đặt đấy thay thảm.

Cả gian buồng chỉ có ánh lửa lò sưởi và bóng hoàng hôn ngoài cửa sổ chiếu vào.

Giăng Vangiăng dáng mệt mỏi. Đã mấy hôm nay ông mất ăn, mất ngủ. Ông ngồi vật mình xuống một chiếc ghế.

Bátscơ trở vào, đặt trên lò sưởi một cây nến đang cháy rồi lại ra. Giăng Vangiăng đầu gục xuống, cằm ngả xuống ngực, không nhìn thấy Bátscơ, cũng không nhìn thấy ánh nến sáng.

Bỗng nhiên ông giật nẩy mình đứng dậy. Côdét đứng sau lưng.

Giăng Vangiăng không trông thấy Côdét vào, nhưng ông có cảm giác nàng đã vào. Ông ngoảnh lại nhìn nàng chăm chú. Nàng đẹp và rất dễ thương. Nhưng con mắt sâu thẳm của ông không ngắm vẻ đẹp, mà ngắm tâm hồn nàng. Côdét kêu to:

- À ra thế! Thật là kỳ quặc, cha này, con biết tính cha vẫn lạ lùng như vậy, nhưng chẳng bao giờ con lại ngờ có chuyện thế này, Mariuytx bảo con là chính cha muốn con tiếp cha ở đây.

- Phải rồi, chính ý tôi đấy.

- Con thừa biết cha trả lời thế rồi, nhưng coi chừng đấy, con báo trước là con sẽ làm cho cha một trận. Nhưng hãy cứ chuyện nào đi chuyện ấy. Cha hôn con đi.

Nàng giơ má ra.

Giăng Vangiăng vẫn đứng im.

- Cha đứng ì ra đấy à? Được rồi, con xác nhận rồi: Đứng im là nhận tội. Nhưng không sao, con tha lỗi cho cha. Chúa Giêsu đã nói: *Đưa má kia ra*, thì đây này.

Nàng đưa má kia cho Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng vẫn không cử động, hình như hai chân ông đóng đanh xuống sàn.

Côdét nói:

- Thế này thì thành nghiêm trọng rồi. Con đã làm gì cha? Con giận cha rồi đấy. Cha phải làm lành với con đi, cha ăn tối với chúng con.

- Tôi ăn rồi.

- Không phải, con sẽ bảo ông Gilonormăng gắt cha cho mà xem, các bậc ông, trời sinh ra để gắt các bậc cha. Nào! Lên phòng khách với con. Lên ngay bây giờ.

- Không thể được.

Côdét chùn bước! Nàng không ra lệnh cho Giăng Vangiăng nữa mà chuyển sang hỏi từng câu.

- Làm sao không thể được? Sao cha lại chọn cái buồng xấu xí nhất nhà này để gặp con? Ở đây kinh lắm.

- Con biết...

Giăng Vangiăng ngừng và nói chữa lại:

- Thưa bà, bà biết đấy, tính tôi vẫn kỳ khôi, tôi có những thói kỳ quặc riêng.

Côdét vỗ hai bàn tay xinh xắn vào nhau:

- Thưa bà, bà biết đấy!. Lại chuyện lạ nữa!... Thế nghĩa là nghĩa lý gì?

Giăng Vangiăng nhìn nàng, nở một nụ cười phiền muộn; lúc bí, một đôi khi ông cầu cứu nụ cười ấy.

- Cô muốn làm bà, nay cô được là bà rồi.

- Không làm bà với cha.

- Xin đừng gọi tôi là cha nữa.

- Sao thế?

- Bây giờ gọi tôi là ông Giăng, hay Giăng không cũng được.

- Cha không là cha nữa? Con không là Côdét nữa ư? Lại ông Giăng? Thế là nghĩa lý gì! Thế là cách mạng à? Chuyện ra làm sao chứ? Cha hãy nhìn thẳng vào mặt con xem nào. Cha lại không muốn ở đây với các con. Cha không muốn đến ở cái buồng con xếp đặt. Con đã làm gì cha? Con đã làm gì cha mới được chứ? Có chuyện gì thế cha?

- Không có chuyện gì cả.

- Thế thì sao lại thế.

- Cũng như mọi ngày thôi.

- Sao cha lại đổi tên?

- Bà chẳng đổi tên là gì?

Ông lại cười rầu rĩ như lúc nãy và nói thêm:

- Bà là bà Pôngmécxi được thì tôi cũng là ông Giăng được chứ!

- Còn chẳng hiểu đâu vào đâu cả. Thật là ngớ ngẩn. Con sẽ hỏi chồng con xem có bằng lòng cho cha là ông Giăng không? Con chắc chồng con không bằng lòng đâu. Cha làm con phiền quá. Người ta có những cái kỳ quặc riêng, nhưng người ta không làm cho con Côdét của người ta phiền muộn.

Không tốt đâu. Cha không có quyền độc ác thế, cha xưa nay vẫn tốt kia mà.

Ông không đáp.

Nàng giật lấy hai bàn tay ông và nắm chặt đưa lên mặt nàng, ép vào cổ nàng, dưới cằm nàng, đó là một cử chỉ hết sức âu yếm. Nàng nói:

- Cha ơi! Cha tốt nhé!

Rồi nàng lại tiếp:

- Tôi là thế này này, đến ở đây với con này, lại đi dạo chơi với con này; ở đây cũng có chim ca hát ríu rít như ở phố Poluymê. Ở đây với chúng con, bỏ cái xó nhà phố Lomácmê đi, đừng có đặt câu đố để cho chúng con đoán nữa, làm như mọi người, ăn sáng với chúng con, ăn tối với chúng con, làm cha của con.

Ông gỡ hai bàn tay ra:

- Bà không cần có cha nữa. Bà đã có chồng rồi.

Côdét nổi giận.

- Con không cần cha nữa à? Chuyện thế này thì còn lý lẽ gì nữa? Chả còn hiểu ra sao cả.

Như con người yếu thế muốn dựa vào thế kẻ khác, muốn bám lấy bất cứ cành cây nào, Giăng Vangiăng nói:

- Nếu có bà Tútxanh ở đây thì bà ấy sẽ đồng ý ngay là tôi vẫn có những tật của tôi, chẳng có gì lạ cả, tôi vẫn ưa ở cái xó tối của tôi.

- Chao, ở đây lạnh quá. Tối mò mò ấy! Cứ muốn làm ông Giăng thì chẳng ưa được. Con không bằng lòng cha gọi con là bà đâu.

Giăng Vangiăng trả lời:

- Lúc nãy trên đường đi đến đây, tôi thấy ở phố Xanh Luy,

trong một cửa hàng đồ gỗ có một cái bàn rất đẹp, tôi mà là một người đàn bà đẹp thì tôi sắm ngay cái bàn ấy, một cái bàn phấn kiểu mới nhất bằng thứ gỗ vẫn gọi là gỗ Xoan đào thì phải. Cái bàn lại khảm, có một tấm gương khá lớn với mấy ô kéo. Xinh lắm.

- Ôi! Ông bố xấu của tôi ơi! - Côdét nói.

Rồi mơn trớn, nũng nịu tuyệt vời, nghiến đôi hàm răng, chìa đôi môi thổi phù phù vào Giăng Vangiăng. Đúng là một tiên nga giả làm con mèo.

- Con giận lắm đấy - Nàng nói. Từ hôm qua đến nay các người làm tôi phát khùng, tôi cáu lắm, tôi không hiểu gì cả. Cha chẳng bênh con đối với Mariuytx, Mariuytx cũng chẳng bênh con đối với cha. Cả hai người bỏ tôi một mình. Con đã thu xếp một gian buồng ngộ nghĩnh lắm. Giá con mời trời xuống được, con cũng xếp vào ở đấy. Thế mà người ta chẳng thèm, người ta để cho con ôm lấy cái buồng, người khách trọ lừa gạt con. Con bảo Nicôlét làm bữa cơm ngon thân mật. Thưa bà, người ta không thèm ăn. Ông Phôsơlơvăng, cha tôi, lại bắt tôi gọi là ông Giăng và bắt tôi tiếp ông trong cái hầm cổ lỗ xấu xí ghê tởm, mốc meo, tường mọc râu, mọc ria, đồ pha lê thì chỉ là vỏ chai vỏ lọ, rèm màn thì toàn mạng nhện. Cha gàn tính gàn nết cũng được, đó là điệu của cha, nhưng chúng con vừa mới cưới xong, cũng phải tạm hoãn chiến cho người ta nhờ với chứ. Có đâu lại xoay trở lại cái trò gàn liền tay như thế? Cha lại về cái xó phố Lomácmê ghê tởm ấy thì sướng lắm đấy. Con ở đấy thật là chán mớ đời. Cha có thù gì con hở cha? Cha làm con khổ lắm cha ạ. Gớm!

Rồi bỗng nhiên nàng nghiêm nét mặt, nhìn đăm đăm vào Giăng Vangiăng, nói thêm một câu:

- Cha thấy con sung sướng cha không bằng lòng phải không?

Lời nói ngây thơ vô tình có khi làm cho người ta xốn xang

đến gan ruột. Câu hỏi đơn giản đối với Côdét lại rất thấm thía đối Giăng Vangiăng.

Côdét chỉ muốn nói cạnh một tý, không ngờ lời nàng lại xé ruột Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng tái mặt. Ông đứng lặng một hồi không trả lời, rồi khe khẽ nói thầm, giọng buồn không tả được.

- Hạnh phúc của nó là mục đích cả một đời ta. Bây giờ Chúa có thể cho ta về rồi đây. Côdét, con đã được sung sướng, đời của cha thế là xong.

Côdét hớn hở kêu:

- À! Cha đã gọi con là con rồi.

Nói xong nàng ôm choàng lấy cổ Giăng Vangiăng.

Giăng Vangiăng ngây ngất, bàng hoàng ôm ghì Côdét vào ngực, hình như người đã mất rồi nay lại lấy lại được.

- Cảm ơn cha! - Côdét nói.

Sự cám dỗ hầu như sắp trở thành xót xa đối với Giăng Vangiăng. Ông nhẹ nhàng luồn ra khỏi tay Côdét và cầm mũ.

- Sao thế? - Côdét hỏi.

Giăng Vangiăng trả lời:

- Thưa bà, tôi xin về, người ta đợi bà.

Ra đến ngưỡng cửa ông nói thêm:

- Tôi đã gọi bà là con. Bà nói với ông rằng tôi sẽ không bao giờ làm thế nữa. Bà miễn lỗi cho tôi.

Giăng Vangiăng ra về, để Côdét lại với nỗi kinh ngạc không cùng vì cách chào đi khó hiểu ấy.

II

LẠI NHỮNG BƯỚC THOÁI LUI NỮA

Ngày hôm sau cũng vào giờ ấy Giăng Vangiăng lại đến.

Côdét không hỏi gì, cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên không kêu lạnh, không nhắc đến phòng khách; nàng tránh không gọi cha, cũng không gọi bằng ông Giăng. Nàng cũng để yên Giăng Vangiăng gọi mình là bà, nhưng xem vẻ nàng kém vui, nhưng nàng không buồn vì nàng không thể buồn được thôi.

Có lẽ nàng và Mariuytx đã nói chuyện với nhau, chuyện của người chồng yêu muốn nói sao vợ cũng ừ, chẳng cần giải thích gì, người vợ yêu vẫn cứ thoả mãn. Trai gái yêu nhau chẳng nghĩ xa xôi hơn chuyện yêu nhau.

Cái buồng dưới đã được dọn dẹp đôi chút. Bátscơ đã thu vỏ chai đi. Nicôlét đã khua hết mạng nhện.

Những ngày sau, cứ đúng giờ ấy, Giăng Vangiăng lại đến. Ông đến chẳng sót ngày nào, ông cứ làm y theo lời lẽ Mariuytx nói ra miệng, chứ không có gan buộc mình hiểu sâu hơn. Mariuytx thì cố tìm cách vắng mặt lúc Giăng Vangiăng đến. Người nhà cũng quen dần lối đi lại của ông Phôsơlơvăng. Tútkanh còn nói hộ vào:

- Ông ấy xưa nay vẫn thế.

Ông ngoại thì tuyên bố dõng dạc:

- Ông ấy là người độc đáo.

Thế là yên chuyện. Vả lại khi đã chín mươi tuổi rồi thì người ta chẳng còn biết kết thân bè bạn với ai được, chỉ có ghép với nhau mà thôi. Một người lạ mặt là một điều khó chịu. Hết chỗ rồi, mọi thói quen đã thành tựu rồi. Ông Phôsơlơvăng hay ông Tơrăngsơlơvăng cũng thế thôi, lão chỉ

muốn được miễn có "cái ông ấy". Lão nói thêm:

- Những con người độc đáo ấy lại rất bình thường, họ làm lắm chuyện kỳ khôi, mà chẳng có lý lẽ gì cả. Hầu tước Đờ Canapolơ còn lệ hơn nữa. Ông ấy tậu một cái lâu đài để ở trên một xó gác áp mái. Người đời thường có những cái bề ngoài kỳ quặc như vậy.

Không ai hiểu được câu chuyện bi đát bên trong. Ai mà đoán được chuyện ấy?

Có những đầm nước như vậy ở Ấn Độ: Nước ở đấy có vẻ dị thường, khó hiểu, rung rinh dù không có gió, xao sóng ở chỗ đáng yên tĩnh. Người ta nhìn trên mặt nước sự sôi sục vô cớ đó; người ta không thấy con quái xà phục dưới đáy nước.

Nhiều người cũng có một quái vật bí ẩn như vậy, một căn bệnh họ nuôi dưỡng, một con giao long gặm nhấm họ, một nỗi thất vọng choán cả đêm thâu. Người kia giống muôn nghìn kẻ khác, cũng đi, cũng lại. Không ai biết rằng ở trong người anh ta có một nỗi đau ghê gớm, nó như một ký sinh trùng có nghìn răng sống trong cơ thể anh ta. Và anh ta chết vì nó. Không ai biết anh ta là một cái vực, vực nước không chảy nhưng rất sâu. Đôi lúc có sự xao động trên mặt, mà người ta không hiểu đâu vào đâu cả. Một nếp gợn huyền bí nhô lên, rồi lặng đi, rồi lại hiện ra nữa; một bóng không khí trồi lên rồi vỡ đi. Không có gì lắm mà kinh khủng đấy. Đó là hơi thở của con quái bí mật.

Có những thói quen kỳ lạ: đến vào lúc người ta đi, thu hình lại trong khi người ta phô trương, lúc nào cũng mang cái mà người ta có thể gọi là cái áo khoác màu tường, tìm con đường vắng vẻ mà đi, ưa phố vắng, không chuyện vãn, tránh đám đông và các lễ hội. Có vẻ như có của nhưng lại sống nghèo nàn, giàu mà không có người ở, chìa khoá cứ bỏ

túi, đèn cứ gửi người gác cổng, đi vào qua cửa nhỏ, đi lên bằng chiếc thang gác phía sau. Những thói kỳ quặc nhỏ vô nghĩa đó, những gợn, những bóng hơi, những lằn nếp thoáng ẩn thoáng hiện đó nhiều khi từ một đáy vực dữ dội ngoi lên.

Đã mấy tuần như vậy. Cuộc sống mới dần dần choán cả tâm tư Côdét, những bạn bè mới, những việc đi lại thăm hỏi, việc trông nom trong nhà, những lúc vui chơi, đều là những chuyện quan trọng cả. Nhưng vui chơi của Côdét cũng chẳng mất gì: tựu trung nàng chỉ có một lối vui chơi là ở bên cạnh Mariuytx. Đi chơi với Mariuytx, ở nhà cũng với Mariuytx, đấy là việc đại sự trong đời Côdét. Lúc nào họ cũng thấy một niềm vui mới lạ ở việc khoác tay nhau, giữa thanh thiên bạch nhật, giữa phố giữa đường không phải lén lút ai, nhìn mặt tất cả mọi người. Cả hai người, lẻ loi chỉ có hai người. Côdét cũng có một điều không vừa ý. Bà Túxanh và Nicôlét không chịu nhau, hai mụ gái già thì thân với nhau thế nào được! Túxanh bỏ đi. Ông ngoại vẫn mạnh khoẻ như thường. Mariuytx thỉnh thoảng biện hộ một đôi vụ ở toà án. Dì Gilơnormăng vẫn thản nhiên sống bên lề cặp vợ chồng mới, bà chẳng cần gì hơn. Giăng Vangiăng thì ngày ngày vẫn đến.

Hết cha cha con con rồi, chỉ còn "thưa bà" và "ông Giăng", tất cả những cái đó làm cho Giăng Vangiăng cũng khác đi đối với Côdét. Giăng Vangiăng đã thành công trong việc làm Côdét xa dần ông. Nàng ngày càng thêm vui và ngày càng bớt âu yếm. Tuy vậy nàng vẫn yêu quí Giăng Vangiăng, ông cũng cảm thấy thế.

Một hôm bỗng nhiên nàng bảo ông: "Là cha rồi lại không là cha, là bác rồi lại không là bác, là ông Phôsơlơvăng rồi lại là ông Giăng. Thế thì là ai? Tôi chẳng thích những cái đó một tý nào. Nếu tôi không biết trước kia ông tốt thế thì bây giờ

tôi cũng đến khiếp ông".

Giăng Vangiăng vẫn ở phố Lomácmê. Ông không thể dời xa cái khu phố Côdét ở.

Buổi đầu ông chỉ đến thăm Côdét vài phút rồi đi. Dần dần ông ở lại lâu hơn. Hình như cái ngày mùa xuân dài hơn đã cho phép ông làm như thế. Ông đến sớm và về muộn.

Một hôm Côdét buột mồm gọi: Cha! Một tia hạnh phúc sáng lên trên bộ mặt già nua âm thầm của Giăng Vangiăng. Ông nhắc Côdét: Gọi Giăng. Côdét bật cười trả lời: À phải nhỉ, thưa ông Giăng. Giăng Vangiăng đáp: Tốt lắm! Rồi ông ngoảnh mặt đi để Côdét khỏi trông thấy ông lau nước mắt.

III

HỌ NHỚ LẠI CÁI VƯỜN PHỐ POLUYMÊ

Đó là lần cuối. Ngọn lửa cuối cùng bùng lên như vậy rồi sau đó thì tắt hẳn. Hết thân mật, hết chào hỏi kèm một chiếc hôn, hết cái tiếng "cha ơi" vô cùng êm ái.

Chính Giăng Vangiăng đã yêu cầu như vậy và đồng loã như vậy: ông tự từ bỏ hết những hạnh phúc của mình.

Ông đau khổ khi mất hết cả Côdét trong một ngày, nay lại đau khổ mất Côdét dần dần từng mảnh nữa.

Ánh sáng lờ mờ dưới hầm, mất người ta rồi cũng quen. Thôi thì một ngày được thấy mặt Côdét một lần cũng đủ rồi. Tất cả cuộc đời của Giăng Vangiăng thu gọn vào giờ phút ấy. Ông ngồi bên cạnh nàng nhìn nàng thầm lặng, hay ông nhắc lại những câu chuyện năm xưa, hồi nàng còn thơ ấu, nhắc đến nhà tu kín và những bạn nhỏ của nàng hồi ấy.

Một buổi chiều, bấy giờ đã bắt đầu tháng Tư, khí trời đã ấm tuy vẫn lành lạnh, mặt trời đã trở lại tươi sáng. Mấy miếng vườn xung quanh cửa sổ buồng Mariuytx và Côdét như say sưa bừng thức giấc, cây sơn trà sắp nở, hoa thập tự giăng một dãy nữ trang lên khắp mặt tường cũ, hoa mõm sói há miệng hồng trong kẽ đá, hoa bạch cúc, hoa mao lương đã chớm nở trên bờ cỏ, bướm trắng đã bắt đầu bay ra, gió xuân, viên nhạc công trong ngày hội thiên nhiên, dạo thử giữa lùm cây những tiếng nhạc đầu tiên của khúc hoà âm bình minh mà các nhà thi sĩ cổ mệnh danh là buổi Hồi xuân.

Mariuytx bảo Côdét:

- Chúng mình vẫn cứ ước ao đến thăm vườn cũ phố Pơluymê. Đi đi, em ạ, ta không được quên ơn.

Như hai con chim én, họ bay về mùa xuân. Cái vườn phố Pơluymê đối với họ chẳng khác gì buổi bình minh. Họ đã sống qua một thời kỳ có thể gọi là mùa xuân yêu đương của họ. Cái nhà phố Pơluymê thuê dài hạn vẫn thuộc quyền sử dụng của Côdét. Họ đến cái nhà và cái vườn ấy. Họ gặp lại họ những ngày đầu và họ say sưa quên lãng tất cả. Buổi chiều, giờ thường lệ, Giăng Vangiăng đến phố Phiơ đuy Canve. Bátscơ bảo ông: "Bà tôi đi chơi với ông tôi chưa về ạ."

Giăng Vangiăng âm thầm ngồi và đợi một tiếng đồng hồ. Côdét vẫn chưa về, ông cúi đầu bước ra.

Ngày hôm sau, Côdét say sưa về cuộc đi chơi "vườn cũ", rất sung sướng đã "sống lại cả một ngày quá khứ", cho nên chỉ nói đến chuyện ấy thôi. Nàng chẳng nhớ rằng hôm trước nàng không gặp Giăng Vangiăng.

- Ông bà đi đến phố Pơluymê bằng gì? Giăng Vangiăng hỏi.

- Đi chân.

- Thế về bằng gì?

- Xe hàng.

Đã ít lâu nay Giăng Vangiăng nhận thấy lối sống eo hẹp của cặp vợ chồng trẻ. Ông lấy làm khó chịu. Mariuytx chi dùng chặt chẽ quá. Giăng Vangiăng mà đã cho là chặt chẽ thì phải là chặt chẽ thật sự. Ông hỏi thử một câu:

- Sao ông bà không sắm chiếc xe nhà? Một chiếc xe hòm hai chỗ xinh xắn mỗi tháng chỉ tốn năm trăm phơrăng. Ông bà giàu kia mà?

- Tôi cũng chẳng biết - Côđét trả lời.

Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Khoản mụ Tútxanh cũng vậy. Mụ ấy đi bà chẳng thuê ai thay. Vì sao thế?

- Nicôlét cũng đủ rồi.

- Nhưng bà phải có một người hầu buồng chứ?

- Chả có Mariuytx rồi sao?

- Ông bà phải có một giàn giá riêng, những kẻ hầu riêng của ông bà, một chiếc xe ngựa, giữ một lô ở nhà hát. Ông bà đáng có những gì đẹp nhất. Tại sao lại không lợi dụng cái phú quí của mình. Tiền tài cũng làm tăng thêm hạnh phúc chứ?

Côđét không trả lời.

Những buổi đến thăm, Giăng Vangiăng ngày càng ở lâu. Khi lòng người đã bị lôi kéo khó có cái gì giữ lại được.

Mỗi khi Giăng Vangiăng ngồi lâu, để cho Côđét quên thì giờ, ông ca ngợi Mariuytx, nào là Mariuytx đẹp, nào là cao thượng, dũng cảm, nào là ý nhị, lanh trí, hùng hồn, tốt bụng.

Côdét phụ họa. Giăng Vangiăng nhắc lại, cứ như thế không bao giờ hết. Cái tên Mariuytx như một kho tàng vô tận, trong sáu chữ cái[1] mà có biết bao nhiêu pho sách. Nhờ vậy mà Giăng Vangiăng ngồi lại được rất lâu. Được nhìn Côdét, quên tất cả bên nàng, êm ái biết bao: vết thương của ông vậy là được băng bó. Có khi, Bátscơ phải hai lần đến nhắc:

- Thưa bà, cụ Gilơnormăng cho tôi đến nhắc bà là cơm đã dọn.

Những ngày ấy, Giăng Vangiăng trở về nhà rất tư lự.

Cái ý nghĩ của Mariuytx so sánh Giăng Vangiăng với con nhộng có phần nào đúng chăng? Giăng Vangiăng có phải là con nhộng muốn dứt đi và trở về thăm con bướm của nó không?

Một hôm ông ở lại lâu hơn mọi ngày. Ngày hôm sau, ông thấy lò sưởi không đốt lửa. Ông tự nhủ: "Kìa không có lửa", và ông tự giải thích cho mình: "Có gì đâu, đã tháng Tư, hết lạnh rồi".

Côdét vào buồng kêu lên:

- Trời! Sao ở đây lạnh thế!

Giăng Vangiăng nói:

- Không, có lạnh đâu!

- Thế ông bảo ông Bátscơ đừng đốt lửa đấy à?

- Phải rồi! Lát nữa thì sang tháng Năm rồi còn gì?

- Người ta đốt lửa đến tháng Sáu đấy chứ. Trong cái hầm này thì phải đốt lửa quanh năm.

- Tôi nghĩ rằng không cần lửa nữa.

---

(1) Theo tiếng Pháp M-A-R-I-U-S.

- Đúng là một ý kiến của ông - Côdét nói.

Ngày hôm sau có lửa, nhưng hai chiếc ghế tựa lại mang để sang đầu kia buồng, gần cửa ra vào. Giăng Vangiăng nghĩ bụng: "Thế này là nghĩa gì nhỉ?"

Ông ra mang hai chiếc ghế để vào chỗ cũ, gần lò sưởi.

Tuy nhiên ngọn lửa đốt lại cũng làm ông mạnh dạn hơn, ông ngồi lâu hơn mọi ngày. Khi ông đứng dậy sắp ra về thì Côdét bảo:

- Nhà tôi hôm qua vừa bàn với tôi, một điều rất ngộ.

- Điều gì đấy?

- Nhà tôi bảo: "Côdét này, chúng ta có ba mươi nghìn phơrăng lợi tức, hai mươi bảy nghìn của em, còn ba nghìn của ông anh cho anh". Tôi trả lời "Thế vị chi là ba mươi nghìn". Nhà tôi lại bảo: "Em có can đảm sống với ba nghìn phơrăng thôi không?" Tôi trả lời: "Được, không đồng nào cũng được, quý hồ sống với anh". Rồi tôi lại hỏi. "Sao anh lại hỏi em như thế? " Nhà tôi trả lời: "Để cho biết".

Giăng Vangiăng không còn nói được gì. Côdét tưởng ông sẽ giải nghĩa thế nào. Ông ngồi nghe âm thầm, yên lặng. Ông trở về phố Lomácmê. Ông mải nghĩ ngợi đến nỗi vào lầm cổng, không về nhà ông, mà vào nhà bên cạnh. Lên gần hết hai tầng gác ông mới chợt nhớ ra và bước xuống.

Tâm trí ông sô bồ những ức đoán. Chắc chắn Mariuytx nghi ngờ về nguồn gốc số tiền sáu trăm ngàn phơrăng ấy, chàng có thể nghi là không trong sạch, biết đâu đấy! Chàng có lẽ đã biết là tiền ấy của Giăng Vangiăng, chàng do dự trước số tiền ám muội ấy và ngần ngại không muốn coi là của mình. Thà chàng với Côdét chịu nghèo túng còn hơn là giàu có một

cách không trong sạch.

Vả lại Giăng Vangiăng thấy mơ hồ là người ta muốn cho ông đừng đến nữa.

Ngày hôm sau bước chân vào phòng dưới, ông hầu như giật nẩy mình: Mất cả hai chếc ghế bành, cũng không có lấy một chiếc ghế tựa.

Côdét bước vào kêu:

- Sao thế này? Không có ghế? Ghế đâu cả?

- Ghế không còn nữa, - Giăng Vangiăng trả lời.

- Thế thì gớm thật!

Giăng Vangiăng lắp bắp:

- Tôi đã bảo Bátscơ cất đi.

- Vì sao?

- Hôm nay tôi chỉ ở lại vài phút thôi.

- Ở lại một lát không phải là lý do để cứ đứng.

- Tôi tưởng là Bátscơ cần mang ghế lên phòng khách.

- Để làm gì?

- Nhà tối nay chắc có khách.

- Chẳng có ai cả.

Giăng Vangiăng không còn nói được một lời nào nữa. Côdét nhún vai một cái:

- Bảo mang ghế đi. Hôm nọ thì ông bảo tắt lửa! Ông lạ lùng thật.

Giăng Vangiăng lẩm nhẩm:

- Vĩnh biệt.

Ông không nói: "Vĩnh biệt Côdét" nhưng cũng không đủ nghị lực để nói: "Xin vĩnh biệt bà".

Giăng Vangiăng ra về, lòng nặng trĩu đau buồn.

Lần này ông đã hiểu rõ.

Hôm sau ông không đến. Đến đêm Côdét mới sực nhớ nàng bảo:

- Kìa, ông Giăng hôm nay không đến.

Nàng như thấy se lòng một chút, nhưng chỉ thoáng qua, một cái hôn của Mariuytx làm nàng quên ngay. Hôm sau nữa, Giăng Vangiăng cũng không đến. Côdét không để ý, buổi tối đến và ban đêm nàng ngủ như thường, khi tỉnh dậy mới nhớ. Nàng sung sướng quá mà!

Nàng cho ngay Nicôlét đến nhà ông Giăng, xem ông có ốm không và tại sao hôm trước không đến. Nicôlét trở về bảo ông trả lời rằng: Ông không ốm, ông bận thôi và cũng sắp đến thôi, ông sẽ cố đến sớm. Vả lại ông cũng sắp đi xa ít hôm, bà hẳn còn nhớ trước kia ông thường hay đi vắng như thế, bà đừng lo ngại và đừng bận trí vì ông.

Khi đến nhà ông Giăng, Nicôlét đã nhắc lại nguyên vàn lời của bà chủ: Bà chủ bảo đến hỏi thăm "xem vì sao ông Giăng hôm qua không đến".

Giăng Vangiăng ôn tồn trả lời.

- Tôi không đến hai hôm rồi.

Nhưng lời nhận xét của Giăng Vangiăng trôi tuột đi, Nicôlét chẳng để ý, và không bảo gì Côdét cả.

IV

THU HÚT VÀ TÀN LỤI

Trong những tháng cuối mùa xuân và đầu mùa hạ 1833 những khách qua đường thưa thớt khu phố Mare, những người bán hàng, những người vô công rồi nghề đứng ngóng ở ngưỡng cửa, đều để ý đến một ông già. Ông mặc bộ quần

áo đen, sạch sẽ, ngày nào vào lúc tối trời, đúng giờ ấy cũng ở phố Lomácmê ra đi, đi về phía phố Labơrơtonnơri, đi qua đồn Bơlăng Măngtô đến phố Quyntuya Xanh Cáttơrin, rồi khi tới Êsacpơ thì rẽ sang tay trái và đi vào phố Xanh Luy.

Đến đây ông lão đi chậm từng bước, đầu chúi về phía trước, chẳng trông thấy gì, chẳng nghe thấy gì, mắt đăm đăm nhìn một điểm gì trước mắt, một điểm không di dịch, đối với ông thì sáng như sao, như chỉ là một góc phố Phiơ đuy Canve. Càng đến gần góc phố ấy, mắt ông lão càng sáng ra, hai mắt ngời ngời sung sướng như trong lòng có ánh bình minh, vẻ mặt như bị thôi miên, cảm động vô cùng, môi mấp máy như đang nói với một người nào không trông thấy; ông lão mỉm cười mơ hồ và đi rất từ từ, hình như muốn tới nơi mà lại sợ không dám đến gần, khi chỉ còn cách vài nhà là đến cái phố như thu hút ông ấy, thì chân ông bước rất chậm, đến nỗi có lúc người ta tưởng như ông không đi nữa. Cái đầu lắc lư, con mắt đăm đăm chẳng khác gì cái kim nam châm tìm Bắc cực. Nhưng dầu muốn kéo dài thời gian thế nào, rồi cũng phải tới nơi. Đến phố Phiơ đuy Canve ông lão dừng lại, run lẩy bẩy, e ngại âm thầm, ông chồm tới quá góc tường cái nhà cuối cùng, nhòm vào trong phố, trong con mắt ông lão như có ánh sáng của một thứ hạnh phúc không sao với được của một cõi thiên đường đã khép chặt cửa. Rồi một giọt nước mắt đọng dần ở góc mi nặng trĩu và lăn ra ngoài trôi trên má và có khi ngừng lại bên miệng. Ông lão nhấm thấy vị mặn. Ông đứng lặng mấy phút như một pho tượng đá, rồi quay trở lại đi theo con đường cũ, cũng bước chậm chậm từ từ như trước, càng đi xa, ánh mắt ông càng mờ dần đi.

Dần dà ông lão không đi đến góc phố Phiơ đuy Canve nữa,

ông dừng lại ở nửa đường, trong phố Xanh Luy, có lúc xa một chút, có lúc gần hơn. Một hôm ông đứng lại ở góc phố Quyntuya Xanh Catơrin và từ đằng xa nhìn về phố Phiơ đuy Canve, rồi lại lắc đầu lặng lẽ từ trái sang phải, như muốn thôi không làm một việc gì đó và quay trở lại.

Chẳng bao lâu, ông lão không đi đến phố Xanh Luy nữa, ông đứng ở phố Pavê, lắc đầu rồi quay lại: rồi ông cũng không đi qua phố Tơroa Paviông; và rồi ông cũng không đi qua đồn Bơlăng Măngtô nữa. Chẳng khác gì một cái đồng hồ không lên dây, quả lắc lắc lư một ngày một ngắn cho đến lúc dừng hẳn.

Ngày nào ông lão ở nhà ra cũng đúng giờ, cũng vẫn đi con đường ấy, nhưng không đi đến nơi, và như cố tình mỗi ngày một rút ngắn nó lại. Tất cả nét mặt ông như nói lên một ý nghĩ duy nhất: "Thôi, ích gì? " Con ngươi đã tắt, không còn ánh sáng nữa. Giọt nước mắt cũng ráo, không còn đọng lại ở khoé nữa, con mắt tư lự ấy đã khô lệ rồi. Cái đầu ông lão vẫn chúi về phía trước, cằm thỉnh thoảng cử động, những nếp răn trên cổ gầy gò trông thật thảm hại. Đôi lúc, khi trời xấu, ông lão cắp nách một chiếc ô nhưng không mở. Những mụ đàn bà bình dân trong xóm bảo nhau: "Ông lão lú lẫn". Trẻ con chạy theo ông cười reo.

QUYỂN IX

ĐÊM TỐI CUỐI CÙNG, BÌNH MINH CUỐI CÙNG

I

THƯƠNG XÓT NGƯỜI ĐAU KHỔ RỘNG LƯỢNG ĐỐI VỚI NGƯỜI SUNG SƯỚNG

Hạnh phúc là một điều đáng sợ. Khi người ta sung sướng người ta dễ thoả mãn. Người ta cho thế là đủ rồi. Nắm được cái mục đích giả của cuộc đời là hạnh phúc, người ta quên cái mục đích chân chính là nghĩa vụ.

Tuy vậy nếu kết tội Mariuytx cũng không đúng.

Chúng tôi đã trình bày, trước khi cưới vợ, Mariuytx không hỏi gì ông Phôsơlơvăng, còn sau khi cưới, thì chàng e ngại không dám hỏi Giăng Vangiăng. Chàng ân hận đã để cho bị lôi cuốn đến một lời hứa với Giăng Vangiăng. Chàng thường tự bảo nhân nhượng trước sự tuyệt vọng của y là sai. Chàng đành đẩy dần dần Giăng Vangiăng ra khỏi gia đình chàng, và làm cho hình ảnh ông phai mờ dần trong tâm trí Côdét. Có thể nói là chàng đứng chặn giữa Côdét và Giăng Vangiăng. Chàng tin tưởng rằng làm như vậy thì Côdét sẽ không nhìn thấy Giăng Vangiăng, do đó không nghĩ đến ông ta nữa. Như thế hình ảnh Giăng Vangiăng sẽ biến mất đi chứ không chỉ là bị xoá mờ.

Mariuytx làm điều mà chàng cho là cần làm và đáng làm. Chàng cho rằng chàng có những lý do chính đáng mà chúng ta đã biết, và những lý do khác nữa mà chúng ta sẽ biết sau này, để làm cho Giăng Vangiăng phải xa dần, thái độ của chàng không bất nhẫn nhưng cũng không nhu nhược.

Tình cờ Mariuytx gặp trong một vụ kiện mà chàng bào chữa, một người mãi biện cũ của ngân hàng Laphít. Qua người ấy chàng được biết một vài điều bí mật, tuy chàng không chú ý thăm dò. Chàng không muốn đào sâu những chi tiết ấy, một phần vì muốn tôn trọng lời hứa không tiết lộ câu chuyện cho ai, một phần vì sợ nguy hiểm cho Giăng Vangiăng. Chàng nghĩ rằng lúc này chàng có một nhiệm vụ quan trọng là hoàn lại số tiền sáu trăm nghìn phơrăng. Chàng vẫn dò tìm người có số tiền ấy một cách rất kín đáo. Trong khi chờ đợi, chàng quyết không mơ đến số tiền kia.

Còn Côdét thì không biết một tí gì về những chuyện bí mật ấy; tuy vậy, chê trách nàng thì cũng quá khắc nghiệt. Mariuytx đối với Côdét có một từ lực không gì cản nổi. Mariuytx ước gì, Côdét đều làm theo nhất nhất như máy và như theo bản năng. Về hướng "ông Giăng" nàng cảm thấy Mariuytx có một chủ ý, nàng chiều theo Mariuytx không phải nói ra một lời nào, những ý muốn thầm lặng của chàng có một mãnh lực mơ hồ nhưng dứt khoát đối với Côdét. Nàng nhắm mắt tuân theo. Sự tuân theo đó cũng giản dị, không có gì khó khăn đối với nàng cả; khi Mariuytx muốn quên đi cái gì, thì nàng cũng không nhớ cái đó nữa. Nàng cũng chẳng hiểu làm sao, mà cái đó không phải lỗi ở nàng, tâm hồn của nàng đã biến thành tâm hồn của Mariuytx đến mức mà cái gì đã bị xoá mờ trong tâm trí của chàng, thì trong tâm trí của Côdét cũng phải nhạt đi.

Nhưng chúng ta cũng chẳng nên đi quá xa. Ở nàng sự lãng quên và phai nhạt đối với Giăng Vangiăng, thực ra cũng hời hợt thôi. Côdét chỉ là bộp chộp thôi chứ không phải là người vong ân. Trong thâm tâm nàng vẫn yêu quý con người mà bao nhiêu lâu nàng gọi là cha. Nhưng nàng còn yêu chồng hơn. Cán cân tình cảm trong trái tim nàng nghiêng hẳn về một phía.

Cũng có khi Côdét nhắc đến Giăng Vangiăng và tỏ vẻ ngạc nhiên, Mariuytx lúc ấy lại uý lạo nàng: "Anh chắc ông ấy đi vắng, ông đã chẳng bảo là có việc phải đi xa đấy ư?" Côdét tự bảo: "Phải đấy, ông ấy vẫn thường vắng bặt đi như vậy. Nhưng cũng có đi lâu như thế này bao giờ đâu!" Hai ba lần nàng cho Nicôlét đến phố Lomácmê hỏi xem ông Giăng đi đã về chưa. Giăng Vangiăng đều bảo người trả lời rằng chưa.

Côdét cũng đành vậy. Đời nàng chỉ có một nhu cầu là Mariuytx.

Về phía Mariuytx và Côdét, họ cũng có dạo đi vắng. Họ đi Vécnông. Mariuytx đưa Côdét đến thăm mộ cha chàng.

Mariuytx dần dần đã dứt hẳn Côdét với Giăng Vangiăng. Côdét cũng chẳng nói gì.

Và chăng cái điều mà người ta thường gọi một cách quá khắc nghiệt là sự vong ân của con cái, thực ra cũng không quá đáng trách như người ta tưởng. Đây là sự vô ơn của thiên nhiên. Chúng tôi đã có dịp nói ở chỗ khác rằng: Thiên nhiên quen "nhìn về phía trước". Thiên nhiên phân biệt loài người làm hai loại: Những người đến và những người đi. Những người sắp đi quay về bóng tối, những người mới đến nhìn ra ánh sáng. Do đó mà có một sự cách biệt, về phần người già thì không thể tránh khỏi, về phần người trẻ thì là vô tình chứ không phải cố ý. Sự cách biệt ấy lúc đầu không nhận ra, nhưng rồi càng ngày càng rõ như những cây đã đâm cành.

Cành cây vẫn không tách hẳn thân cây, nhưng càng ngày càng xa thân cây. Không phải lỗi của cành cây. Tuổi trẻ tìm đến vui vẻ, hội hè, ánh sáng chói lọi, tình yêu. Tuổi già đi về tận số. Vẫn còn trông thấy nhau nhưng không vồ vập nhau, người trẻ thấy ở người già đời sống nguội lạnh dần, tuổi già nhận thấy khí lạnh của nấm mồ. Kết tội làm chi tuổi trẻ tội nghiệp!

II

NGỌN ĐÈN CẠN DẦU THOI THÓP

Giăng Văngiăng một hôm xuống cầu thang, đi ba bước ra ngoài phố ngồi trên cái trụ, mà đêm hôm mồng 5 rạng ngày mồng 6 tháng Sáu Gavrốt đã thấy ông ngồi tư lự. Ông ngồi đấy một lát rồi lên gác. Đó là cái đu đưa cuối cùng của quả lắc đồng hồ. Ngày hôm sau ông không ra khỏi nhà. Ngày hôm sau nữa ông không đứng lên khỏi giường.

Bà gác cổng vẫn mang bữa ăn thanh đạm đến cho ông, một ít bắp cải, vài củ khoai, một miếng mỡ nhỏ, bà nhìn cái đĩa sành màu nâu và kêu lên:

- Tội nghiệp, hôm qua ông không ăn gì à?
- Có đấy chứ! - Giăng Văngiăng trả lời.
- Đĩa vẫn đầy mà.
- Bà xem cái lọ nước, cạn rồi đấy.
- Thế là ông mới uống, chớ ông đã ăn đâu.

Giăng Văngiăng đáp:

- Nhưng tôi chỉ đói nước thì sao?
- Thế là khát, chỉ khát nước mà chẳng đói là sốt rồi.

- Ngày mai tôi ăn.

- Ngày mai hay là đến lễ Ba Ngôi? Sao không ăn hôm nay? Ai đời lại hẹn ngày mai tôi ăn! Sao lại trả lại tôi đĩa thức ăn còn y nguyên không động đến? Cái món khoai đỏ ấy tôi làm ngon thế!

Giăng Văngiăng cầm tay bà gác cổng già và nói với cái giọng nhân hậu của ông.

- Tôi hứa với bà tôi sẽ ăn.

Bác gác cổng trả lời:

- Ông không làm cho tôi vui lòng tí nào!

Ngoài bà gác cổng hiền lành đó, Giăng Văngiăng không còn gặp một ai nữa. Ở Pari có những phố không ai qua, có những nhà không ai đến. Ông ở một cái phố như thế và một cái nhà như thế.

Lúc ông còn đi ra phố, ông đã mua ở một hàng soong nồi một cái thập tự nhỏ bằng đồng mang về treo ở cái đinh ngay trước giường ông nằm. Các loại giá treo này bao giờ nhìn cũng thấy yên lòng!

Một tuần lễ rồi, Giăng Văngiăng không bước được một bước trong phòng. Ông nằm liệt giường. Bà gác cổng bảo chồng:

- Ông lão trên kia không ngồi dậy nữa, không ăn nữa, cũng chẳng còn được bao lâu nữa. Ông lão có mối buồn gì đó. Tôi tin chắc là con gái ông ấy lấy chồng chẳng ra gì.

Chồng bà trả lời với cái giọng quyền hành của anh chồng:

- Lão có thì lão kiếm thầy thuốc, lão không có thì thôi. Không có thầy thuốc thì chết.

- Nếu có thầy thuốc?

- Có thì cũng chết - Lão gác cổng bảo.

Bà gác cổng lấy một con dao cùn xeo những cây cỏ mọc ở chỗ mà bà gọi là cái hè của bà. Vừa nhủi cỏ, bà vừa lầu bầu:

- Cũng thương hại, ông lão ngăn nắp sạch sẽ tệ, nõn như một con gà tơ.

Bà thoáng thấy ở đầu phố ông thầy thuốc khu phố đi qua bà tự ý mời ông ta lên, bà bảo:

- Ở tầng hai ấy ông ạ, ông cứ vào. Ông lão nằm liệt giường cho nên chìa khoá vẫn ở cửa.

Thầy thuốc coi cho Giăng Văngiăng và nói chuyện với ông. Khi ông thầy thuốc đi xuống, bà gác cổng gọi hỏi:

- Thế nào, bác sĩ?

- Người ốm của bà ốm ra trò.

- Ông lão làm sao?

- Rất làm sao, mà cũng chả làm sao. Xem ra thì hình như ông ta có mất một người thân. Thế cũng chết được đấy.

- Ông lão có bảo gì không?

- Ông ấy bảo vẫn khoẻ mạnh.

- Bác sĩ có trở lại thăm ông lão nữa không?

- Có, thầy thuốc trả lời - nhưng phải một người khác trở lại mới xong.

III

NGÀY XƯA NHẤC CẢ CỖ XE BÒ BÂY GIỜ CẦM MỘT QUẢN BÚT THẤY NẶNG

Một buổi chiều, Giăng Văngiăng khó nhọc chống khuỷu tay lên. Ông cầm bàn tay, không thấy mạch; hơi thở ngắn, có lúc đứt. Ông cảm thấy mình suy yếu hơn bao giờ hết. Bấy

giờ chắc có một điều lo lắng tối quan trọng thúc bách ông gắng sức ngồi nhỏm dậy và mặc áo. Ông mặc bộ quần áo công nhân cũ; không ra phố nữa, ông lại giở bộ quần áo ấy ra mặc, ông ưa bộ ấy. Ông phải nghỉ mấy lần mới mặc xong chiếc áo, chỉ xỏ hai ống tay áo mà mồ hôi trán đã vã ra.

Khi chỉ còn một mình ông ở cái nhà ấy, ông đã kê giường ra chái ngoài để khỏi phải ở nhiều trong cái phòng vắng vẻ.

Ông mở chiếc hòm nhỏ, lấy bộ quần áo của Côdét ra trải trên mặt giường.

Hai chiếc đèn nến của ông giám mục vẫn để trên mặt lò sưởi. Ông rút ở một ô kéo ra hai cây nến sáp và cắm vào đèn. Rồi tuy ngày còn sáng tỏ, lúc ấy là mùa hạ, ông thắp hai cây nến lên. Một đôi khi người ta đốt nến giữa ban ngày ở trong phòng người chết.

Mỗi bước đi từ chỗ này qua chỗ khác làm ông kiệt sức, ông đành phải ngồi xuống. Không phải cái thứ mệt thường ngày tiêu phí sức lực để rồi bồi bổ lại, đây là những cử động cuối cùng, cả sức sống suy nhược tiêu tan trong những cố gắng nặng nề không còn gượng được nữa.

Chiếc ghế ông ngồi phịch xuống lại đối diện với tấm gương, tấm gương ác nghiệt đối với ông, và là ân nhân đối với Mariuytx, tấm gương ông đã nhìn thấy dòng chữ đảo ngược của Côdét. Ông nhìn hình ông trong gương, ông không nhận ra mình nữa.

Một ông già tám mươi. Trước ngày cưới của Mariuytx người ta đoán ông chỉ xuýt xoát năm mươi là cùng, có một năm mà già đi ba chục tuổi. Cái nếp nhăn trên trán không phải nếp nhăn của tuổi già nữa mà là dấu hiệu huyền bí của cái chết. Người ta cảm thấy như có dấu vuốt ác liệt của tử

thần. Má ông sệ xuống; da mặt ông có cái màu đất như là đất đã phủ lên người rồi, hai góc mép ông trễ xuống như cái mặt nạ người xưa đắp trên nắp mồ. Ông nhìn khoảng trống như oán trách.

Ông đang ở giai đoạn cuối cùng của sự đau khổ, ở trạng huống mà sự đau thương không trôi đi nữa mà như đông lại, tâm hồn như dính một khối tuyệt vọng đông đặc.

Đêm đã đến. Ông cố sức kéo một chiếc bàn và chiếc ghế bành cũ lại gần lò sưởi rồi đặt quản bút, lọ mực và giấy lên bàn.

Vừa làm xong thì ông ngất đi. Khi tỉnh lại ông thấy khát. Ông không nhấc được bình nước lên nữa, ông cố nghiêng nó xuống, tỳ vào mồm, uống một ngụm. Rồi ông quay lại phía giường, ông vẫn ngồi, vì không đứng được nữa, ông nhìn chiếc áo dài đen nhỏ và những vật quý mến.

Sự chiêm ngưỡng ấy kéo dài hàng giờ mà tưởng như mới vài phút. Bỗng nhiên ông rùng mình. Ông cảm thấy cái lạnh giá đến nơi rồi, ông tỳ khuỷu tay lên mặt bàn có những chiếc đèn nến của ông giám mục chiếu sáng; ông cầm bút.

Bút và mực đã lâu không dùng đến, cái mũi bút đã quằn xuống, mực thì đã khô, ông phải đứng dậy đổ mấy giọt nước vào lọ mực; ông phải dừng lại và ngồi xuống hai ba lần mới làm được việc đó. Ông trở bút lại mà viết. Thỉnh thoảng ông lau mồ hôi trán. Tay ông run. Ông viết chầm chậm những hàng chữ sau đây:

"Côđét, cha cầu phúc cho con. Cha giải thích cho con rõ. Chồng con đã làm đúng khi tỏ ý muốn cha đi hẳn, nhưng chồng con cũng có hiểu lầm một chút. Tuy vậy việc chồng con làm vẫn phải. Chồng con tốt lắm. Khi cha chết rồi, con hãy cứ luôn luôn yêu quí chồng con hết lòng hết dạ. Còn ông

Pôngmécxi, xin ông hãy yêu đứa con quí mến của tôi. Côdét con ạ, con hãy xem những con số, nếu cha còn có sức nhớ lại. Con chú ý số tiền ấy là của con. Đây đầu đuôi tất cả như thế này: Huyền trắng ở Na Uy, huyền đen ở Anh, đồ thuỷ tinh đen thì ở Đức, Huyền thì nhẹ hơn, quí hơn, đắt hơn. Có thể làm huyền giả ở Pháp cũng như họ làm ở Đức, phải có một cái đe nhỏ độ hai tấc vuông, một ngọn đèn cồn để hơ cho xi mềm ra. Trước kia người ta làm xi với nhựa thông và bồ hóng, mỗi cân giá bốn phơrăng. Cha đã nghĩ cách làm xi với nhựa ơn và dầu cây văn hương, chỉ mất ba mươi xu, mà tốt hơn nhiều; những vành khuyên thì làm với một thứ thuỷ tinh tím dán bằng thứ xi ấy trên một cái màng sắt đen. Những đồ trang sức bằng sắt thì phải dùng thuỷ tinh tím; những đồ vàng thì phải dùng thuỷ tinh đen. Nước Tây Ban Nha mua của ta rất nhiều. Nước ấy sản xuất huyền".

Đến đây ông dừng lại, cây bút rời tay ông rơi xuống. Ông thổn thức, cái thổn thức tuyệt vọng, có lúc từ đáy lòng dâng lên: ông già tội nghiệp ấy hai tay ôm đầu nghĩ ngợi. Ông kêu thầm trong lòng. Những tiếng kêu tội nghiệp này chỉ có Chúa nghe thấy:

- Ôi thôi! Thế là hết. Ta không còn gặp mặt con ta nữa. Nó là một nụ cười thoáng qua trên đời ta. Ta sắp chìm vào đêm tối, mà không được trông thấy lại con. Trời ơi! Chỉ một phút, một giây lát, nghe tiếng nói của con, sờ cái áo của con, nhìn con, thiên thần của ta, rồi chết cũng cam. Chết có can gì, chết mà không gặp con mới thật đau đớn. Có con ta, con ta sẽ cười với ta, sẽ nói với ta một lời. Thiệt hại gì cho ai? Nhưng thôi hết rồi. Không bao giờ nữa. Chỉ mình ta đơn độc. Chúa ơi! Chúa ơi! Không bao giờ tôi thấy mặt con tôi nữa.

IV

CHAI MỰC CHỈ LÀM TRẮNG THÊM

Cũng ngày hôm ấy, hay nói cho đúng cũng chiều hôm ấy. Mariuytx vừa ăn xong, và vào phòng làm việc nghiên cứu một tập hồ sơ thì Bátxơ mang vào cho chàng một bức thư và nói: "Người viết thư đợi ở chái ngoài".

Côdét đã cắp tay ông ngoại đi dạo chơi một vòng ngoài vườn.

Một bức thư cũng có vẻ khó coi như một người. Giấy xấu, phong bì thô, cớ những bức thư chỉ mới trông bề ngoài thôi cũng thấy khó ưa rồi. Bức thư Bátxơ mang vào thuộc loại ấy.

Mariuytx cầm bức thư nồng nặc mùi thuốc lá. Chẳng cái gì thức tỉnh ký ức bằng mùi vị. Mariuytx nhận ra mùi thuốc lá ấy. Chàng nhìn dòng chữ ngoài bì:

Kính gửi ông, ông nam trước Pôngmécxi, tại dinh thự ông. Nhớ lại mùi thuốc lá, Mariuytx nhớ lại cả dạng chữ viết. Sự ngạc nhiên có khi rọi sáng như tia chớp, Mariuytx như được tia chớp ấy soi sáng. Khứu giác hỗ trợ trí nhớ một cách huyền bí, vừa gợi lại trong đầu Mariuytx cả một thế giới. Đúng thứ giấy ấy, cách gấp bì ấy, màu mực nhợt ấy, đúng dạng chữ ấy, và nhất là đúng thứ thuốc lá ấy. Cả cái tổ quỷ Giôngđơrét hiện ra.

Thật là một sự tình cờ lạ kỳ! Một trong hai dấu vết lâu nay chàng bỏ bao nhiêu công phu tìm kiếm, gần đây chàng còn mất bao nhiêu công phu theo dõi, mà chàng tưởng là hoàn toàn mất tích rồi, tự nhiên lại tự xuất hiện ra trước mắt chàng.

Chàng vội vàng bóc lá thư và đọc[1]:

"Kính thưa ngài nam tước.

---

(1) Bức thư này cũng như những bức thư trước của Tênácđiê đầy rẫy những lỗi chính tả, chúng tôi không đem vào khi dịch ra tiếng Việt.

Nếu Đức Thượng đế ban cho tôi đủ tài năng, tôi cũng có thể là nam tước Tênác, viện sĩ (viện khoa học) nhưng, tôi không phải là nam tước Tênác. Tôi chỉ trùng tên với ngài ấy thôi. Tôi rất mong cái chuyện nam tước Tênác ấy làm ngài chiếu cố đến tôi. Tôi sẽ đền ngài cái ơn ngài sắp ban cho tôi. Tôi nắm được bí mật của một con người. Con người ấy có quan hệ với ngài. Tôi rất mong có thể giúp ích ngài được, điều bí mật ấy tôi sẵn lòng nói hầu ngài. Tôi sẽ giúp ngài cách đơn giản đuổi khỏi gia đình danh giá của ngài cái con người không có quyền được ở ấy! Nam tước phu nhân là dòng dõi cao quí kia. Đạo đức không thể ở chung với tội ác lâu hơn nữa, mà không thoái vị.

Tôi xin đợi lệnh của ngài nam tước ở chái ngoài.

Kính thư".

Bức thư ký tên "Tênác".

Chữ ký đó không phải chữ ký giả, nó chỉ bị cắt một đoạn nhỏ thôi.

Và chăng lời thư lôi thôi và những lỗi chính tả càng xác nhận đầy đủ hơn nguồn gốc bức thư. Không còn có thể nghi ngờ gì nữa.

Mariuytx rất xúc động. Sau một lúc ngạc nhiên, chàng thấy vui sướng. Bây giờ chỉ cần tìm được người kia nữa, người đã cứu sống chàng, thì là chẳng còn ước mong gì. Chàng rút một cái ô kéo tủ con của chàng, lấy mấy tờ giấy bạc, đút vào túi, đóng cửa tủ và bấm chuông.

Bátscơ mở hé cửa. Mariuytx bảo:

- Đưa người ta vào.

Bátxơ đưa vào và báo:

- Ông Tênác.

Một người đàn ông bước vào.

Một điều ngạc nhiên khác cho Mariuytx: người mới vào, chàng không hề biết mặt bao giờ.

Con người ấy đã già rồi, mũi to, cằm ngập trong chiếc ca-vát, mang kính xanh có hai lần vải viền mỏng, tóc vuốt thẳng và bẹp xuống trán đến tận gần lông mày như bộ tóc giả của những người đánh xe ngựa ở các nhà quí tộc Anh. Tóc đã hoa râm. Quần áo thì toàn một màu đen, từ đầu đến chân, bạc màu, nhưng trông vẫn sạch sẽ; một mớ dây đồng hồ ở trong túi nhỏ buông thõng xuống, người ta đoán như túi có đồng hồ, tay cầm một cái mũ cũ. Dáng đi lom khom, khi hắn cúi rạp xuống chào, trông lại càng còng lưng hơn nữa. Điều đáng chú ý ngay lúc đầu là chiếc áo dài quá rộng, tuy đã cài khuy cẩn thận, hình như không phải áo của hắn.

Đến đây cần phải nói ra ngoài đề một chút.

Ở Pari hồi đó, trong một gian nhà nhỏ cũ kỹ, chỉ có độc một cái cửa ở phố Botorâyi, gần xưởng đóng tàu, có một người Do Thái lanh lợi làm cái nghề biến một tên lưu manh thành một người lương thiện. Biến tạm thời, vì để lâu thì tên lưu manh chắc cũng lấy làm khó chịu. Biến đổi ngay trước mắt, trong một hai ngày, mỗi ngày giá ba mươi xu, bằng một bộ quần áo giống cái vẻ lương thiện của mọi người. Người cho thuê quần áo ấy tên là *Lơ Săngia*[1], bọn lưu manh ở Pari đã đặt cho hắn cái tên ấy, và chỉ gọi hắn là thế thôi. Hắn có một lô quần áo khá đầy đủ. Có những loại riêng, những thứ riêng, mỗi một cái đanh trong cửa hàng hắn treo một địa vị xã hội đã cũ, đã nát: đây là cái áo thẩm phán, đây là cái áo mục sư, đây là cái áo ngân hàng, trong góc kia là cái áo nhà binh về

1. Tiếng Pháp Le Changeur là người đổi tiền. đây là đổi quần áo.

hưu, đàng kia áo nhà văn, xa nữa cái áo chính khách. Chủ hiệu ấy là người phụ trách trang phục cho vở trò rộng lớn của bọn vô lại ở Pari. Cái buồng nát của hắn là hậu trường để cho bịp bợm lẩn vào và trộm cướp chui ra. Một tên vô lại rách rưới đến cái buồng mắc áo đó, bỏ ra ba mươi xu rồi chọn chiếc áo thích hợp để đóng vai trò nó định đóng hôm đó và khi đi xuống thang gác tên vô lại đã là ông kia ông nọ. Hôm sau quần áo được mang lại không sai sót. Và Lơ Sănggiơ chẳng hề mất gì mặc dù giao cả cho bọn trộm cắp. Những áo quần ấy cũng có một sự bất tiện là mặc không vừa: Không phải đo may cho những người ấy, cho nên đối với kẻ này thì nó bó sát quá, đối với kẻ kia thì nó xùng xình quá, chẳng vừa vặn với một ai. Tên ăn cắp nào ở trên hoặc ở dưới tầm cao trung bình của con người đều thấy không thoải mái trong y phục của lão Lơ Sănggiơ. Không nên béo quá, cũng như gầy quá. Lão Sănggiơ chỉ dự kiến cho những người bình thường. Hắn cho đo may trên người tên kiết xác đầu tiên nào tìm đến hắn, tên này không to béo, không khẳng khiu, không cao, không thấp. Do đó khách hàng của hắn gặp nhiều khó khăn trong việc mượn lốt và phải cố gắng xoay xở được chừng nào hay chừng ấy. Mặc những ngoại lệ! Chẳng hạn áo quần của chính khách, đen từ trên xuống dưới, nghĩa là đúng cách đấy, nhưng ví như Pít mặc thì quá rộng mà Caxtenxicala thì quá chật. Trong bản giới thiệu của Lơ Sănggiơ, y phục *chính khách* được nêu ra như sau, y nguyên văn: "Một áo dạ đen, một quần dạ len đen, một gi-lê lụa, ủng và áo quần lót". Ngoài lề ghi: *Cựu sứ thần*. Có một đoạn bị chú mà chúng tôi cũng chép ra đây: "Trong một hộp riêng, có một bộ tóc giả phi dê đàng hoàng, một cặp mục kính xanh, một bộ dây chuyền và hai ống lông chim dài ba phân, bọc bông vải". Tất cả những thứ

đó thuộc về vị chính khách sứ thần. Cả bộ quần áo này có thể nói là đã mệt nhoài; các đường chỉ may đã bạc màu, ở khuỷu tay có một vết hở; ngoài ra ở ngực áo mất một chiếc cúc; nhưng đó chỉ là một chi tiết không đáng kể: đã là chính khách thì bàn tay phải luồn vào ve áo mà đặt lên tim và có nhiệm vụ che giấu chỗ mất cúc.

Nếu Mariuytx quen thuộc chút ít với những cơ sở bí mật ấy ở Pari thì chàng đã nhận ngay ra được trên mình người khách mà Bátscơ mới đưa vào, chiếc áo chính khách mượn ở cái mắc áo của Lơ Sănggiơ.

Khi thấy không phải là người mà mình đoán, Mariuytx không vừa ý, xoay ra bực mình với người mới đến. Chàng nhìn người ấy từ đầu đến chân, trong khi người ta cúi chào sát đất. Chàng hỏi người ấy giọng cộc lốc:

- Ông muốn gì?

Người lạ trả lời với một nụ cười niềm nở, chẳng khác gì nụ cười mơn trớn của con cá sấu, nếu cá sấu cười:

- Tôi tin chắc rằng đã có lần hân hạnh được gặp ngài nam tước trong giới thượng lưu chúng ta. Tôi nhớ lắm, cách đây mấy năm, đã gặp ngài ở nhà bà lớn hoàng thân Bagoraxiông và ở phòng khách của ngài tử tước Đăngboray, huân lão nước Pháp.

Đây vẫn là chiến thuật quen thuộc của bọn xỏ lá làm ra vẻ nhận ra một nhân vật mà kỳ thực là không tên tuổi.

Mariuytx để ý đến cách nói năng của người ấy, chàng chú ý nghe giọng nói, nhìn cử chỉ của hắn, nhưng chàng lại càng thêm thất vọng: một thứ giọng mũi, không giống cái giọng chua chua và cụt chàng tưởng. Chàng hoàn toàn lạc hướng. Chàng bảo:

- Tôi không quen với bà Bagoraxiông mà cũng chẳng biết ông Đăngbơray, tôi chưa đặt chân vào nhà bà ấy hoặc ông kia bao giờ.

Câu trả lời thật cộc cằn. Nhưng người lạ vẫn niềm nở nói thêm:

- Thế thì hẳn là tôi được gặp ngài ở nhà Satôbơriăng[1]. Tôi quen với Satôbơriăng lắm, ông ấy rất ân cần. Thường khi ông bảo tôi: ông bạn Tênác tôi ơi!... Ông có nhấp với tôi một cút rượu không?

Mặt Mariuytx mỗi lúc một thêm nghiêm nghị.

- Tôi chưa bao giờ có hân hạnh được ông Satôbơriăng tiếp. Ta rút gọn thôi: Ông cần gì?

Trước giọng nói gay gắt của Mariuytx, người lạ lại càng cúi rạp xuống:

- Thưa ngài nam tước, xin ngài hạ cố nghe tôi. Bên Mỹ châu, trong một xứ về phía nam Panama, có một cái làng gọi là Giôiya, một làng mà chỉ có độc một nhà. Một cái nhà to, vuông, ba tầng, xây bằng gạch nung ngoài nắng, mỗi cạnh vuông dài trên hai trăm bước, mỗi tầng lui vào sáu bảy bước đối với tầng dưới để chừa ra một thứ sân gác bao quanh nhà. Giữa nhà có một cái sân trong để lương thực và đạn dược; không có cái cửa sổ nào, chỉ những lỗ châu mai, không có cái cửa ra vào nào, chỉ ra vào bằng thang, thang lên tầng thứ nhất, thang lên tầng thứ hai, thang lên tầng thứ ba, thang để xuống sân trong; buồng nào cũng không có cửa, chỉ có cái nắp đậy, không có cầu thang chỉ có thang; buổi tối đậy nắp buồng, rút thang lên, chĩa súng ra lỗ châu mai, không có lối

(1) Nhà văn lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp, thế kỷ XIX.

nào vào được, một cái nhà ở ban ngày, một cái pháo đài ban đêm, tám trăm con người, đấy cái làng như thế đấy. Sao phải phòng ngừa như vậy? Vì xứ ấy nguy hiểm, đầy giống ăn thịt người. Thế mà có người đến xứ ấy, vì là một xứ kỳ diệu: ở đấy có vàng.

Mariuytx lúc nãy mới thất vọng, bây giờ mới đâm sốt ruột; chàng ngắt lời người lạ:

- Ông muốn đưa đến chuyện gì?

- Đến thế này ạ, thưa ngài nam tước. Tôi nguyên là một nhà ngoại giao hoạt động đã nhiều, nay mệt mỏi. Cái nền văn minh cổ kính này tôi đã chán lắm, tôi muốn thử chơi với cái bọn dã man kia.

- Thế rồi sao nữa?

- Thưa ngài nam tước, ích kỷ là quy luật của thế giới, mụ nông dân vô sản làm công nhật khi thấy cái xe chở khách đi qua thì quay lại nhìn, mụ nông dân chủ đất, làm lụng ở ngay ruộng của mụ thì không ngoảnh lại. Con chó nhà nghèo thì sủa anh giàu, con chó nhà giàu thì sủa thằng nghèo. Ai cũng chỉ biết mình. Lợi lộc là mục đích của mọi người. Vàng là nam châm.

- Sao nữa? Kết luận đi chứ.

- Tôi muốn đến lập nghiệp ở Gioiya. Gia đình tôi có ba người, tôi, nhà tôi và con bé cháu: đứa con gái tôi đẹp lắm. Hành trình thì xa, lộ phí nhiều. Tôi cần một tí tiền.

Mariuytx hỏi:

- Thế thì can gì đến tôi?

Người lạ nhô cái cổ ra ngoài chiếc ca-vát như con kên kên thường làm và đáp lại, tươi cười hơn:

- Thế thưa ngài nam tước, ngài không đọc cái thư của tôi ư?

Cũng gần đúng như vậy thật. Nội dung bức thư chẳng đi vào trí Mariuytx, vì chàng chỉ nhìn dáng chữ chứ không đọc hẳn bức thư. Chàng chẳng nhớ gì mấy. Vừa rồi đây chàng để ý đến một điểm: "Nhà tôi và con bé cháu". Chàng nhìn chòng chọc vào mặt người lạ. Một ông biện lý cũng chẳng nhìn xoi mói hơn thế. Hình như chàng rình chộp hắn. Chàng chỉ trả lời gọn:

- Ông nói rõ đi.

Người lạ thọc hai bàn tay vào hai cái túi con, ngẩng đầu lên nhưng vẫn đứng khom lưng, hắn cũng nhìn chòng chọc Mariuytx qua đôi kính xanh của hắn:

- Được rồi, thưa ngài nam tước, tôi xin nói rõ. Tôi có một điều bí mật muốn bán lại cho ngài.

- Một điều bí mật?

- Vâng một điều bí mật.

- Có liên quan đến tôi?

- Cũng ít nhiều.

- Bí mật gì?

Mariuytx vừa nghe vừa quan sát người lạ kỹ hơn.

- Xin biếu không ngại khúc đầu, hắn nói. Ngài sẽ thấy câu chuyện của tôi rất lý thú.

- Ông nói đi.

- Thưa ngài nam tước, trong nhà ngài có một thằng ăn cắp, một thằng sát nhân.

Mariuytx giật mình, chàng bảo:

- Trong nhà tôi? Không.

Người lạ vẫn thản nhiên như không, lấy khuỷu tay áo chùi cái mũ rồi nói tiếp:

- Sát nhân và ăn cắp. Thưa ngài nam tước, xin ngài chú ý cho, tôi không nói đến sự việc cũ, lạc hậu rồi, cũ kỹ rồi, đã

được xóa đi vì đủ thời hạn miễn tố[1] trước pháp luật, vì người phạm tội đã hối hận trước Chúa trời. Tôi nói đến sự việc mới mẻ, đến sự việc hiện tại, sự việc mà công lý đến giờ này còn chưa hay. Tôi xin nói tiếp. Người ấy đã len lỏi đoạt sự tín nhiệm của ngài, len lỏi hẳn vào trong gia đình ngài, đội một tên giả. Tôi sẽ nói tên thật của hắn để ngài biết, mà vẫn không lấy ngài một đồng tiền nào.

- Tôi nghe đây.

- Tên hắn là Giăng Vangiăng.

- Tôi biết rồi.

- Tôi sẽ nói với ngài hắn là ai mà cũng không lấy của ngài đồng nào.

- Nói đi.

- Hắn nguyên là một tên tù khổ sai.

- Tôi biết rồi.

- Ngài biết từ khi tôi hân hạnh nói điều ấy với ngài.

- Không, tôi biết từ trước.

Giọng nói lạnh lùng của Mariuytx, câu *tôi biết rồi* nhắc lại hai lần, lối trả lời cộc lốc như không muốn tiếp chuyện, gợi trong lòng người lạ mặt một mối căm giận âm ỉ. Hắn liếc trộm Mariuytx với con mắt nẩy lửa, nhưng lại dập tắt ngay. Tuy hắn chỉ nhìn trộm một giây thôi nhưng cái cách nhìn ấy, ai đã trông thấy một lần, cũng nhận ra được ngay. Nó không lọt qua mắt Mariuytx. Cái lối nhìn nẩy lửa như vậy chỉ có thể là của những con người thế nào đấy. Con ngươi, cửa sổ của tâm hồn, cũng long lên cùng với tâm hồn, cặp mắt kính

(1) Theo luật pháp, một tội lỗi xảy ra trong một thời hạn bao nhiêu năm (tùy theo loại tội danh) mà chưa bị phát giác thì sau đó có bị phát giác cũng không bị truy tố. Ở Pháp thời hạn miễn tố đối với tội đại hình là 20 năm.

chẳng che được gì, khác đâu lấy tấm kính mà che địa ngục.

Người lạ mỉm cười nói tiếp:

- Tôi không dám cải chính ngài nam tước, nhưng dù sao ngài cũng phải nhận là tôi biết rạch ròi. Bây giờ điều mà tôi sắp nói với ngài, chỉ có mình tôi biết thôi. Đây là về cái gia tài của nam tước phu nhân. Một điều bí mật lạ kỳ. Bí mật này đáng tiền lắm. Tôi xin dành ngài ưu tiên. Rẻ thôi, hai mươi nghìn phơrăng.

Mariuytx nói:

- Bí mật này tôi cũng biết, như các bí mật khác.

Người lạ thấy cần phải hạ giá xuống ít nhhiều.

- Thưa ngài năm tước, thôi thì mười nghìn phơrăng vậy! Tôi nói đây.

- Tôi nhắc lại ông là ông sẽ không cho tôi biết được cái gì mới cả. Ông định nói gì tôi đều biết cả rồi.

Mất người lạ lại thoáng một tia chớp nữa. Hắn kêu lên:

- Nhưng hôm nay tôi cũng cần phải ăn tối. Một điều bí mật lạ lùng lắm, tôi cam đoan với ngài như thế. Thưa ngài nam tước, tôi xin nói. Tôi xin nói đây. Chỉ xin ngài hai mươi phơrăng thôi.

Mariuytx nhìn chòng chọc vào mặt hắn:

- Tôi biết cái bí mật lạ lùng của ông, cũng như tôi đã biết tên họ của Giăng Vangiăng, cũng như tôi biết tên ông.

- Tên tôi?

- Phải.

- Làm gì mà chẳng biết thưa ngài nam tước, tôi đã có hân hạnh tự giới thiệu trong bức thư trình ngài: Tênác.

- Điê.

- Hử?

- Tênácđiê.

- Ai thế?

Gặp nguy hiểm con nhím xù lông lên, con cánh cam giả chết, đội quân cận vệ xếp thành hình vuông[1]; người này thì cười. Rồi hắn lấy ngón tay búng hạt bụi trên tay áo.

Mariuytx nói tiếp:

- Ông cũng là người thơ Giôngđơrét, là diễn viên Pabăngtu, là thi sĩ Giăngphôlơ, là nhà quý tộc Tây Ban Nha Đông Anvarét và cả mụ Balida.

- Mụ gì?

- Và ông từng có cái quán ăn ở Môngphécmây.

- Quán ư? Không bao giờ.

- Và tôi nhất định ông là Tênácđiê.

- Tôi không nhận.

- Và ông là một thằng khố dây. Đây.

Mariuytx móc trong túi ra một tờ giấy bạc ném vào mặt hắn.

- Cảm ơn ngài, xin lỗi ngài, ồ, năm trăm phơrăng, thưa ngài nam tước. - Người lạ hốt hoảng cuống cuồng, chào lấy chào để, cầm tờ giấy bạc ngắm nghía kinh ngạc và nhắc lại:

- Năm trăm phơrăng!

Hắn lắp bắp khe khẽ:

- Một món ra trò chứ lị!

Rồi đột nhiên hắn kêu:

---

(1) Đội cận vệ quân của Napôlêông.

- Thế cũng được, bây giờ chúng ta nói chuyện thoải mái.

Rồi nhanh nhẹn như một con khỉ, hắn lật tóc ra đằng sau, giật kính, rút ở mũi ra hai cái ống lông chim đã nói trước đây và chúng ta cũng đã thấy ở một chỗ khác trong truyện này và cất đi; hắn bỏ cái mặt hắn ra, cũng như người ta bỏ mũ. Mặt hắn sáng lên, cái trán lộ ra, cái trán mấp mô, lồi lõm giăn gieo một cách ghê tởm ở phía trên, cái mũi trở lại nhọn hoắt như cái mỏ chim, nét mặt hung dữ, khôn ranh của một hung thủ lại hiện ra.

- Thưa ngài nam tước, ngài quả là người không lầm lạc bao giờ, tôi là Tênácđiê.

Hắn nói rõ ràng, không có tí giọng mũi nào. Và hắn đứng thẳng lưng lên.

Tênácđiê, vì chính hắn là Tênácđiê, hết sức ngạc nhiên. Hắn không còn biết hoảng hốt là gì, nếu không thì cũng đã hoảng hốt. Hắn định làm cho người ta kinh dị. Cái nhục ấy được đền bù năm trăm phơrăng cũng xứng đáng, hắn nhận vậy; nhưng dù sao hắn cũng vẫn choáng váng.

Lần đầu tiên gặp ông nam tước Pôngmécxi ấy và mặc dầu hắn trá hình như vậy, nam tước Pôngméxi vẫn nhận ngay ra hắn, nhận ra cả tông tích hắn; không những ông nam tước ấy biết chuyện Tênácđiê mà hình như biết cả chuyện Giăng Vangiăng. Cái anh chàng thanh niên mặt mày còn nhẵn nhụi ấy, lạnh lùng thế mà lại hào phóng thế, biết hết tên mọi người, rắc tiền cho mọi người như thế, bạc đãi bọn ăn cắp như một vị quan tòa, mà lại thả tiền cho chúng như một thằng chịu bịp, cái người ấy là thế nào?

Ta còn nhớ, Tênácđiê tuy trước là láng giềng của Mariuytx nhưng chưa gặp chàng bao giờ, ở Pari thường như thế. Ngày trước hắn có nghe thấy hai con gái của hắn nhắc mơ hồ đến

một chàng thanh niên rất nghèo tên là Mariuytx cùng ở một nhà với hắn. Hắn đã vứt cho Mariuytx cái thư mà chúng ta biết. Trong trí óc hắn không thể có cái liên quan giữa chàng Mariuytx ấy và nam tước Pôngmécxi này.

Còn cái tên Pôngmécxi thì ta cũng nhớ trên chiến trường Oatéclô hắn chỉ nghe thấy có hai âm cuối, hai âm đó hắn buông trôi một cách tự nhiên, như người ta thường không thèm để ý đến một lời cảm ơn suông[1].

Vả chăng nhờ con Adenma, con gái hắn mà hắn đã sai đi theo dõi cô dâu và chú rể hôm đám cưới ngày 16 tháng Hai, hắn đã khám phá ra được nhiều điều, hắn đã nắm được đầu mối nhiều sợi dây bí mật từ trong cái hang tối của hắn. Sau bao nhiêu mánh khóe, hắn khám phá ra, hay ít nhất sau bao nhiêu suy luận, hắn phỏng đoán người mà hắn đã gặp một hôm trong cống chính Pari. Biết người, dần dà hắn biết được tên. Hắn biết nam tước phu nhân là Côdét. Nhưng về Côdét thì hắn không muốn tiết lộ gì. Chính Côdét là ai hắn cũng không biết rõ nữa. Hắn đoán là một thứ con hoang nào đó, chuyện Phăngtin trước kia cũng có phần ám muội, hắn biết, nhưng tiết lộ ra làm gì? Hay là đòi tiền để không tiết lộ? Hắn cho rằng, hoặc ít nhất cũng tưởng rằng có cái khác bán được tiền hơn. Vả lại khi không có chứng cứ cụ thể, mà đến bảo với nam tước Pôngmécxi: *vợ ngài là một đứa con hoang*, thì chỉ mua được cái mũi giày của ông chồng tống thẳng vào cật của anh chàng mách léo.

Trong ý nghĩ, Tênácđiê cho rằng câu chuyện với Mariuytx cũng chưa thật bắt đầu. Hắn đã phải lùi một bước, thay đổi

(1) Tiếng mécxi mà Tênácđiê thấy ở chiến trường Oatéclô cũng có nghĩa là cám ơn (merci).

chiến lược, rút bỏ một cứ điểm, chuyển sang chiến tuyến khác, tuy nhiên vị trí căn bản vẫn chưa suy chuyển, mà hắn đã có năm trăm phơ răng trong túi rồi. Vả lại điều hắn nói sẽ là một điều quyết định, tuy ông nam tước Pôngmécxi này am tường mọi việc, rất sẵn sàng đối phó, hắn cũng thấy là hắn chiếm ưu thế. Đối với những con người vào hạng Tênácđiê, một cuộc đối thoại là một cuộc chiến đấu. Trong cuộc đọ gươm sắp diễn ra, hoàn cảnh của hắn như thế nào? Người nói chuyện với hắn, hắn không biết rõ là ai, nhưng chuyện hấp dẫn sắp nói thì hắn nắm vững lắm.

Hắn thầm kiểm điểm nhanh chóng lực lượng của hắn, và khi đã nói dứt khoát: Tôi là Tênácđiê, hắn bình tĩnh chờ, Mariuytx thì tư lự. Chàng đã nắm được Tênácđiê. Cái người mà chàng khao khát tìm cho ra lâu nay, bây giờ hắn đứng trước mặt chàng. Thế là chàng có thể thực hiện được ký thác của đại tá Pôngmécxi. Chẳng nghĩ rằng nếu người anh hùng ấy phải mang nợ tên kẻ cướp kia thì thật là nhục nhã cho chàng, thật là nhục nếu cái hối phiếu cha chàng đã ký từ dưới đáy mồ để cho chàng trả đến nay vẫn còn phải tranh biện. Một mặt khác, trong cái tâm trạng phức tạp của chàng đối với Tênácđiê, chàng thấy cần phải trả thù cho vong hồn đại tá Pôngmécxi, chẳng may đã bị tên đểu cáng ấy cứu sống. Dù sao, chàng cũng thấy thỏa mãn. Chàng sắp sửa được giải phóng vong hồn đại tá khỏi tay tên chủ nợ đáng khinh kia. Hình như chàng thấy chẳng sắp sửa đưa danh dự của chàng ra khỏi cái nhà giam những người thiếu nợ. Bên cạnh nhiệm vụ ấy, chàng còn một nhiệm vụ khác là tìm ra, nếu có thể được, nguồn gốc gia tài của Côđét. Cơ hội tốt hình như đã đến, Tênácđiê có lẽ cũng biết được ít nhiều. Tìm hiểu sâu con người này chắc là có ích. Chàng bắt đầu ở đây.

Tênácđiê đã nhét sâu vào trong túi cái món "ra trò" kia, hắn nhìn Mariuytx với một con mắt dịu dàng, gần như âu yếm.

Mariuytx nói trước:

- Tênácđiê, tôi đã vạch rõ tên anh. Bây giờ còn điều bí mật của anh, điều anh định đến mách cho tôi, anh có muốn tôi nói trắng ra với anh không? Tôi cũng có những nguồn tin của tôi, anh nghe chưa? Anh sẽ thấy là tôi biết nhiều hơn anh. Như anh cũng đã bảo, Giăng Vangiăng là một kẻ giết người, một tên ăn trộm. Ăn trộm bởi vì hắn đã đánh cắp của một nhà công nghiệp giàu có: ông Mađơlen vì hắn mà sạt nghiệp; giết người bởi vì hắn đã giết viên cảnh sát Giave.

Tênácđiê đáp:

- Thưa ngài nam tước, tôi không hiểu gì cả.

- Tôi sẽ giải thích anh rõ. Anh hãy nghe đây. Trong một quận thuộc tỉnh Padơ Cale vào khoảng năm 1822 có một người trước kia có chuyện lôi thôi với pháp luật, người ấy đã đổi tên là Mađơlen và lại lấy được danh dự và tín nhiệm. Người ấy đã trở nên một người chính nhân quân tử, với tất cả ý nghĩa của tiếng ấy. Nhờ kinh doanh công nghiệp, sản xuất thủy tinh đen, ông đã làm giàu cho cả một thành phố. Ông ấy cũng có làm giàu riêng cho mình, nhưng chỉ là mục đích phụ thôi, thỉnh thoảng mới làm. Ông là người cha nuôi của dân nghèo. Ông ta mở nhà thương, xây trường học, thăm hỏi người ốm, tặng hồi môn cho những gái nghèo, giúp đỡ những người quả phụ, nuôi nấng những trẻ mồ côi, ông ta chẳng khác gì ông cha đỡ đầu của vùng ấy. Ông đã từ chối không nhận huân chương bắc đẩu bội tinh, và chính phủ đã cử ông làm thị trưởng. Một tên tù khổ sai mãn hạn biết ông ngày trước có phạm một tội bị kết án, bèn tố cáo ông và làm cho ông bị bắt; tên tù khổ

sai ấy thừa cơ ông bị bắt đến Pari và giả chữ ký, hắn rút ở nhà ngân hàng Laphít ra số tiền hơn nửa triệu của ông Mađơlen. Chuyện này chính người thủ quỹ của nhà ngân hàng kể lại cho tôi. Tên tù khổ sai đã đoạt số tiền của ông Mađơlen là Giăng Vangiăng. Còn chuyện kia anh cũng chẳng có gì đáng mách tôi cả. Giăng Vangiăng đã giết chết tên cảnh sát Giave bằng một phát súng ngắn. Tôi, chính tôi đã chứng kiến việc ấy.

Tênácđiê nhìn Mariuytx với con mắt ngạo nghễ của một người đã bị thua mà lại nắm lại được thắng lợi, và đã giành lại trong một phút tất cả trận địa đã mất. Nhưng hắn lại niềm nở cười ngay; cái thắng lợi của kẻ dưới đối với người trên cũng phải mơn trớn. Tênácđiê chỉ nói với Mariuytx:

- Thưa ngài nam tước, chúng ta đi lạc đường rồi.

Và hắn nhấn mạnh vào câu nói ấy bằng cách vung cái chùm dây đồng hồ của hắn.

Mariuytx trả lời:

- Thế nào, anh không thừa nhận những việc ấy sao? Đó là những sự kiện rành rành.

- Đó là những ảo tưởng. Vì ngài nam tước đã hạ cố tín nhiệm tôi, tôi thấy có bổn phận nói với ngài điều ấy. Trước hết công bình và ngay thẳng. Tôi không ưa tố cáo người ta một cách bất công. Thưa ngài nam tước, Giăng Vangiăng không cướp tiền của ông Mađơlen và Giăng Vangiăng không giết Giave.

- Cái đó mới lạ đó! Sao lại thế?

- Vì hai lẽ.

- Lẽ gì? Nói đi.

- Đây là lẽ thứ nhất: Giăng Vangiăng không cướp tiền của ông Mađơlen vì lẽ giản dị nhất chính Giăng Vangiăng là ông Mađơlen.

- Ông muốn làm trò gì thế?

- Và đây là lẽ thứ hai: Hắn không giết Giave vì lẽ giản dị là người giết Giave là Giave.

- Ông muốn nói gì thế?

- Nói là Giave tự sát.

Mariuytx không còn tự chủ được nữa, chàng kêu lên:

- Bằng chứng đâu? Bằng chứng đâu?

Tênácđiê nói tiếp, nhấn từng tiếng một như đọc một câu thơ cổ:

- Người-ta-đã-tìm-thấy-Giave-chết-đuối-dưới-một-chiếc-thuyền-ở-cầu-Sănggiơ.

- Nhưng chứng cớ đâu?

Tênácđiê rút ở túi áo bên ra một phong bì lớn màu xám, ở trong hình như có nhiều tờ giấy to nhỏ gấp lại. Hắn thản nhiên nói:

- Tôi cũng có hồ sơ của tôi.

Rồi hắn nói tiếp:

- Thưa ngài nam tước, vì quyền lợi của ngài cho nên tôi muốn hiểu rõ tông tích Giăng Vangiăng. Tôi bảo Giăng Vangiăng và Mađơlen chỉ là một người, tôi bảo kẻ giết Giave chỉ là Giave, và khi tôi nói như thế là nói có sách, mách có chứng. Không phải chỉ những bằng chứng viết tay, chữ viết tay không thể tin được, chữ viết tay nể nang. Đây là những chứng cớ bằng chữ in.

Vừa nói Tênácđiê vừa rút trong phong bì ra hai tờ nhật báo cũ, giấy đã ngả màu vàng nhàu nát, sặc sụa mùi thuốc lá, một tờ các nếp gấp đã rách cả, rời ra từng mảnh vuông, có vẻ cũ kỹ hơn tờ kia nhiều.

Tênácđiê nói:

- Hai sự việc, hai chứng cớ.

Rồi hắn giơ hai tờ báo, mở rộng cho Mariuytx xem. Hai tờ báo ấy độc giả đã biết rồi. Tờ báo cũ nhất là tờ Cờ trắng số ra ngày 25 tháng Bảy năm 1823 mà độc giả đã thấy văn bản ở trang 148 tập ba quyển truyện này[1]. Bài báo xác định ông Mađơlen và Giăng Vangiăng là một người. Tờ thứ hai là tờ Mônitơ số ra ngày 15 tháng sáu năm 1832 nêu việc Giave tự tử; tờ báo ấy nói thêm rằng, căn cứ vào báo cáo miệng của Giave với thị trưởng cảnh sát, thì Giave đã bị bắt làm tù binh ở chiến luỹ Săngvrơri, và hắn đã được cứu thoát nhờ lòng quảng đại của một người phiến loạn đã không bắn vào đầu hắn mà lại bắn chỉ thiên.

Mariuytx đọc báo. Thật là hiển nhiên, ngày tháng chắc chắn, bằng cứ không thể chối cãi; hai tờ báo ấy không phải in ra nhằm để chứng minh lời nói của Tênácđiê, cái thông tư in trong tờ báo Mônitơ là do sở cảnh sát chuyển cho tòa báo theo con đường hành chính. Mariuytx không thể nghi ngờ được. Tin người giữ két nhà ngân hàng cung cấp là sai mà chính Mariuytx cũng đoán nhầm. Hình ảnh Giăng Vangiăng đột nhiên xé toang đám mây mờ, bước ra vĩ đại. Mariuytx buột miệng reo lên một tiếng vui sướng:

- Thế à, thế thì cái kẻ khốn nạn ấy là một con người vô cùng đáng khâm phục! Tất cả cái gia tài ấy là của ông ta. Chính ông ta là ông Mađơlen, cứu tinh của một vùng! Chính ông là Giăng Vangiăng người đã cứu Giave. Một vị anh hùng! Một bậc thánh!

- Không phải anh hùng, không phải là thánh, Tênácđiê nói, vẫn là một tên sát nhân, một tên ăn trộm.

Và hắn nói thêm, với cái giọng của một người bắt đầu thấy mình có uy tín.

---

(1) Theo bản in đầu tiên nguyên bản truyện "Những người khốn khổ". Theo bản dịch của chúng ta, in lần này, thì ở đầu tập II (phần II: Côdét, quyển II, chương I).

- Ta hãy bình tĩnh

Ăn trộm, sát nhân, những danh từ mà Mariuytx tưởng là tiêu tan rồi nay lại dội xuống đầu chàng như một gáo nước lạnh. Chàng nói:

- Ông còn nói thế à?

- Lúc nào tôi cũng nói như thế. Giăng Vangiăng không cướp của ông Madơlen nhưng cũng vẫn là thằng ăn cướp. Hắn không giết Giave nhưng hắn vẫn là kẻ sát nhân.

Mariuytx hỏi vặn lại:

- Ông lại muốn nói đến cái vụ ăn cắp nhỏ mọn cách đây bốn mươi năm mà người ta đã chuộc lại, như chính những tờ báo của ông nói ra, bằng cả một đời ăn năn, quên mình và đức hạnh?

- Thưa ngài nam tước, tôi nói rõ là giết người và cướp của, và tôi xin nhắc lại sự việc hiện tại. Sự việc mà tôi phải phát giác với ngài hoàn toàn chưa ai biết, thật là mới toanh và có lẽ nhờ đó ngài tìm ra được nguồn gốc cái gia tài mà Giăng Vangiăng đã khôn khéo tặng nam tước phu nhân. Tôi bảo là khôn khéo, bởi vì tặng một cái gia tài lớn lao như vậy để len lỏi vào một gia đình cao sang, chung hưởng cuộc đời dư dật, đồng thời giấu được tội ác của mình, giấu được cái tên của mình, tự tạo một gia đình, quả thật là không vụng dại chút nào.

- Tôi cũng có thể có ý kiến, Mariuytx bảo, nhưng thôi, ông cứ nói:

- Thưa ngài nam tước, tôi sẽ nói hết cho ngài biết, còn phần thưởng thì xin tùy lượng ngài. Cái bí mật ấy đáng giá vàng ròng. Ngài có thể hỏi tôi: Sao anh không nói thẳng với Giăng Vangiăng? Cũng bởi một lý do đơn giản thôi, tôi biết là hắn đã nhường lại số tiền, và nhường lại cho ngài, quả thật khôn khéo; hắn không còn đồng xu dính túi, nói với hắn, hắn

sẽ giơ hai bàn tay trắng ra, mà tôi thì tôi cần một số tiền để đi Giôiya, tôi thấy nói với ngài thì tốt hơn, ngài có tất cả, còn hắn thì chẳng có gì. Tôi thấy hơi mệt, xin phép ngài cho tôi ngồi.

Mariuytx ngồi xuống ghế và cũng ra hiệu cho hắn ngồi.

Tênácđiê ngồi xuống một chiếc ghế đệm, lấy lại hai tờ báo, đút vào phong bì, rồi hắn vừa lấy móng tay mổ mổ tờ Cờ trắng vừa lẩm nhẩm nói: Kiếm cho ra tờ báo này thật là vất vả. Thế rồi hắn khoanh hai chân, nằm ngả lưng xuống ghế với dáng điệu của con người tin tưởng ở lời mình nói, xong hắn vào chuyện một cách nghiêm trọng, dằn từng tiếng:

- Thưa ngài nam tước, ngày mồng 6 tháng Sáu năm 1832 cách đây chừng một năm, vào ngày loạn khởi, có một người ở trong cống chính thành phố Pari, gần chỗ cống đổ ra sông Xen, giữa quãng cầu Anhvalít và cầu Iêna.

Mariuytx bỗng xích ghế lại gần ghế của Tênácđiê. Tênácđiê để ý đến cử chỉ đó, hắn nói tiếp chậm rãi như một diễn giả đã nắm được người đối thoại, và thấy hắn hồi hộp dưới lời nói của mình.

- Người ấy phải trốn tránh, vì những lý do chính trị, đã lấy cống ấy làm chỗ ở và giữ một chìa khóa cửa cống. Tôi xin nhắc lại, đó là hôm mồng 6, lúc bấy giờ có thể vào khoảng tám giờ tối. Người ấy nghe thấy trong cống có tiếng động. Ngạc nhiên, hắn nép mình và đứng rình. Tiếng động là tiếng người đi trong bóng tối, tiến về phía hắn. Chuyện kỳ dị, trong cống ngoài hắn ra lại có một người khác! Cửa sắt chắn cống không xa, nhờ một chút ánh sáng chiếu vào từ ngoài cửa cống, hắn nhận ra được người đang đến, và thấy người này vác một vật gì trên lưng. Hắn ta đi lom khom.

Cái người đi lom khom ấy là một tên tù khổ sai cũ, vật hắn vác trên vai là một xác chết. Giết người quả tang đúng vậy. Còn cướp của thì là tất nhiên thôi: ai giết người để chơi làm gì? Tên tù khổ sai ấy đi vứt cái xác chết xuống sông. Một việc đáng ghi: trước khi ra tới cổng, tên tù khổ sai đã đi nhiều đường đất trong cống, và đã phải lội qua một hố sâu đầy bùn, một cái hố ghê gớm! Hắn có thể vứt cái xác xuống đấy, nhưng ngày hôm sau, phu dọn cống sẽ trông thấy người bị ám sát, đó là điều mà tên sát nhân không muốn. Hắn tính vượt qua hố lầy vẫn là hơn, và vượt với cái khối nặng trên vai, chắc hắn đã phải cố gắng phi thường. Không có trường hợp nào người ta lại liều mạng hơn, tôi không hiểu sao hắn lại có thể thoát được mà không chết ngập ở đấy.

Mariuytx xích ghế lại gần hơn, Tênácđiê thừa dịp đó thở một hơi dài và nói tiếp:

- Thưa ngài nam tước, cái cống không phải như quảng trường Săngdơmác. Ở đó, cái gì cũng thiếu, thiếu cả chỗ đứng. Khi có hai người trong cống tất nhiên họ phải gặp nhau. Họ đã gặp nhau. Chủ nhà và khách qua đường thể tất phải chào nhau, cả hai đều miễn cưỡng. Người qua đường bảo chủ nhà: Anh đã trông thấy tôi mang cái gì trên lưng rồi, tôi phải ra khỏi đây, anh có sẵn chìa khóa đưa tôi. Tên tù khổ sai ấy vốn khỏe ghê gớm. Đừng có hòng mà từ chối hắn. Tuy vậy người có chìa khóa cũng vờ thương thuyết, để có thì giờ quan sát người chết: nhưng anh ta không trông thấy gì lắm, chỉ biết là người chết còn trẻ lắm, ăn mặc chỉnh tề, ra vẻ người giàu sang, mặt mày bê bết máu, không nhận ra được... Vừa nói chuyện, hắn vừa tìm cách lén lút nép phía sau mà xé và rứt đi một mảnh áo của người bị giết, mà tên sát nhân không hay. Tang vật, ngài hiểu chứ, tang vật để phục hồi dấu vết

và vạch tội cho tội nhân hết chối. Hắn nhét tang vật vào túi, mở cống cho người kia ra với của nợ trên lưng, đóng cống lại rồi tẩu, không muốn liên can đến chuyện sau, và nhất là không muốn có mặt ở đấy khi kẻ sát nhân vứt người bị giết xuống sông. Ngài hiểu rồi chứ! Người mang xác chết là Giăng Vangiăng, người có chìa khóa đang được hân hạnh hầu chuyện ngài đây, còn mảnh áo...

Tênácđiê kết thúc câu nói bằng cách rút trong túi ra một miếng dạ đen rách xơ, đầy những vết sẫm, hai tay giơ lên ngang mặt miếng dạ cầm rón nhẹ giữa hai ngón tay cái và hai ngón tay trỏ.

Mariuytx bỗng đứng lên, mặt xanh nhợt, hơi thở yếu ớt, mắt đăm đăm nhìn mảnh dạ đen, không nói một lời, mắt không rời mụn vải, chàng lùi về phía tường, giơ hai tay ra đằng sau, sờ trên tường tìm chiếc chìa khóa của cái tủ ở bên lò sưởi; tìm được chìa khóa, chàng mở tủ, thọc cánh tay vào ngăn tủ không nhìn, mắt ngơ ngác vẫn không rời mụn vải mà Tênácđiê giơ trong tay.

Trong khi đó Tênácđiê vẫn nói tiếp:

- Thưa ngài nam tước, tôi có lý do vững chắc để cho rằng người trai trẻ bị ám sát là một người ngoại quốc triệu phú bị Giăng Vangiăng gạt vào bẫy, người ấy chắc mang một số tiền lớn!

- Người trai trẻ là tôi, Mariuytx thét, và đây là cái áo!

Nói rồi chàng ném xuống đất một chiếc áo đen cũ kỹ và đầy vết máu.

Sau đó chàng giật mụn dạ ở tay Tênácđiê, quỳ trên áo, và dí mụn dạ vào chỗ vạt áo bị xé. Mụn dạ rách khớp đúng với miếng áo bị xé, chiếc áo lại như nguyên vẹn.

Tênácđiê đứng trơ như phỗng đá. Hắn nghĩ thầm: hoàng thật.

Mariuytx đứng lên, người rung động, vừa thất vọng, vừa nở mày nở mặt vui sướng. Chàng lật túi áo và giận dữ tiến về phía Tênácđiê, giơ vào tận mặt hắn, dí vào mặt hắn một nắm tay đầy những giấy bạc năm trăm và một nghìn:

- Anh là một tên khốn khiếp! Anh là một kẻ nói dối, một đứa vu khống, một thằng đểu cáng. Anh đến buộc tội cho người ta, lại hóa ra thanh minh cho người ta, anh muốn hại người ta, lại hóa ra làm cho người ta vinh quang. Chính anh là kẻ cắp, chính anh là đứa sát nhân, chính mắt tôi đã trông thấy anh, Tênácđiê Giôngđơrét, trong cái tổ quỷ ở đại lộ Ôpitan. Tôi biết khá đủ về anh để tống anh vào nhà lao khổ sai, hoặc đi xa hơn nữa cũng được, nếu tôi muốn. Đây, một nghìn phơrăng, đồ vô lại.

Rồi chàng ném tờ một nghìn cho Tênácđiê.

- À! Giôngđơrét Tênácđiê! Đồ lưu manh ti tiện, anh phải nhớ lấy bài học này. Quân chuyên buôn chuyện kín, quân đầu cơ bí mật, quân sục sạo bóng tối, đồ khốn nạn. Cầm lấy năm trăm phơrăng này, và bước đi. Otéclô che chở cho ngươi.

Tênácđiê lầu bầu:

- Oatéclô!

Rồi hắn đút tờ giấy năm trăm và tờ giấy một nghìn vào túi.

- Phải rồi, đồ sát nhân. Ở Oatéclô ngươi đã cứu sống một vị đại tá.

- Một vị tướng.

Tênácđiê vừa nói vừa ngẩng đầu lên.

- Đại tá thôi, Mariuytx trả lời giận dữ, nổi tướng thì một chinh ta cũng không bỏ ra. Thế mà ngươi đến đây làm những việc ô nhục! Ta bảo cho ngươi biết là ngươi phạm đủ tất cả những tội ác trên đời. Bước đi, bước khuất mắt ta đi. Cố mà sung sướng, ta chỉ muốn thế thôi. Ôi quái vật! Đây hạ nghìn phơrăng nữa. Cầm lấy. Ngày mai xéo ngay sang châu Mỹ với con gái ngươi, còn vợ ngươi thì đã chết từ bao giờ rồi quân nói dối gớm ghiếc. Ta sẽ lo liệu cho nhà ngươi lên đường, quân ăn cướp, ta sẽ cấp thêm cho hai mươi nghìn phơrăng lúc ngươi đi. Đi đi, đi tìm giá treo cổ ở chỗ khác đi thôi.

- Thưa ngài nam tước, xin cảm ơn ngài muôn đời.

Tênácđiê vừa nói vừa cúi rạp xuống đất.

Rồi hắn đi ra, chẳng còn hiểu gì nữa, ngạc nhiên và sung sướng vì bị đè bẹp dưới những túi vàng, vì có tiếng sét nổ trên đầu, mà lại nổ tung ra giấy bạc. Như sét đánh, đúng, nhưng mà cũng thỏa mãn hết sức. Giá mà lại có một cái trụ thu lôi chống sét ấy, thì lại không may biết bao!

Thôi ta cũng nên kết thúc ngay chuyện cái con người ấy.

Hai ngày sau những việc mà chúng tôi kể lại lúc này, nhờ sự thu xếp của Mariuytx, hắn cùng với đứa con gái là Adenma đi sang châu Mỹ, mang một cái tên giả và một cái hối phiếu hai mươi nghìn phơrăng lĩnh ở Nữu-ước. Sự sa đọa về tâm hồn của Tênácđiê, con người tư sản không thành ấy, quả không có gì cứu vãn nổi. Sang châu Mỹ cũng như ở châu Âu, hắn vẫn là hắn. Một hành vi tốt đụng phải một con người xấu đôi khi cũng trở thành thối tha và làm nẩy ra điều xấu: Với số tiền Mariuytx cho, Tênácđiê làm nghề buôn người da đen.

Tênácđiê vừa bước ra thì Mariuytx lại chạy ngay ra vườn, Côđét lúc ấy còn đi dạo ngoài đó. Chàng thét:

- Côđét, Côđét mau lên! Chúng ta đi đi, Bátscơ ơi! Gọi một chiếc xe, Côđét mau lên! Trời ơi! Chính người ấy đã cứu sống anh! Đi ngay, đừng trì hoãn giây phút nào! Mình ơi! Quàng khăn vào.

Côđét tưởng chàng điên. Nàng ngoan ngoãn vâng theo. Mariuytx nghẹn ngào không thở được nữa. Chàng để tay lên ngực để nén những tiếng đập quá mạnh. Chàng đi đi, lại lại, bước những bước dài. Chàng ôm Côđét:

- Em ơi! Côđét ơi! Anh thật là một đứa khốn nạn.

Mariuytx choáng váng say sưa. Chàng thấy ở Giăng Vangiăng một con người cao quý mà âm thầm. Chàng thấy trước mặt chàng một đạo đức phi thường, cao cả mà hiền từ, mênh mông mà khiêm tốn. Người tù khổ sai đã hóa hình thành Chúa cứu thế. Cái ánh sáng của sự việc phi thường ấy làm cho Mariuytx lóa mắt, chàng không hiểu rõ cái gì trước mắt chàng, nhưng chắc chắn là một cái gì vĩ đại.

Một lát sau xe đã chờ trước cửa.

Mariuytx đỡ Côđét lên rồi nhảy bổ vào xe. Chàng bảo người đánh xe:

- Bác đánh xe, phố Lomácmê số 7.

Chiếc xe chuyển bánh.

Côđét nói:

- Ô sướng nhỉ, đến phố Lômácmê à! Em chả dám nhắc chuyện đó với mình. Chúng ta đến thăm ông Giăng đây.

- Đến thăm cha em, Côđét ạ, thật là cha của em. Côđét ạ! Anh đoán ra rồi. Em bảo là em không hề nhận được cái

thư anh sai Gavrốt đưa cho em. Cha em đã nhận được thư ấy. Cha đã tìm đến chiến lũy để cứu anh. Vì bản tính của cha là thiên thần, cho nên dọc đường, gặp ai cha cũng cứu; cha đã cứu sống Giave. Cha đã cứu anh ra khỏi cái vực thẳm ghê gớm ấy, và đem anh về cho em. Cha đã cõng anh trên vai, chui qua cái cống kinh khủng kia. Trời ơi! Anh thật là một thằng vong ân bội nghĩa ghê tởm. Cha đã là cứu tinh của em, rồi cha lại cứu tĩnh của anh. Em thử tưởng tượng một cái hố sâu đầy bùn khùng khiếp, chỉ có chết đuối thôi, không có cách nào sống được, chết đuối trong bùn lầy, Côdét ạ, cha đã mang anh qua cái hố ấy, anh bấy giờ đã chết rồi, anh không trông thấy gì, không nghe thấy gì, mù mịt không biết một tí gì về cái chuyện phiêu lưu kinh hãi của anh. Chúng ta sẽ mời cha về, sẽ giữ cha ở với chúng ta, mặc dù cha bằng lòng hay không, chúng ta không để cha rời đi một bước nữa. Quý hồ là cha có ở nhà. Quý hồ là chúng mình gặp cha. Anh sẽ trọn đời cúc cung tận tụy thờ phụng cha. Phải không em? Côdét, phải như thế mới được. Gavrốt đã đưa bức thư cho cha. Bây giờ thì rõ quá, em hiểu rồi chứ!

Côdét chẳng hiểu tí gì. Nàng bảo:

- Ừ, mình nói phải đấy!

Chiếc xe vẫn chạy bon bọn.

V

ÁNH SÁNG CHAN HÒA ĐẰNG SAU ĐÊM TỐI

Nghe tiếng gõ cửa, Giăng Vangiăng quay lại nói giọng yếu ớt:

- Cứ vào!

Cửa mở, Côdét và Mariuytx hiện ra.

Côdét nhảy bổ vào buồng.

Mariuytx đứng yên ở ngưỡng cửa, tựa vào khung gỗ.

- Côdét - Giăng Vangiăng reo.

Ông đứng nhổm lên trên ghế, hai cánh tay giơ ra, run lẩy bẩy, mặt ngơ ngác, nhợt nhạt, dễ sợ, nhưng hai con mắt tràn ngập một niềm vui vô hạn.

Côdét nghẹn ngào vì cảm động, ngã vào lòng Giăng Vangiăng. Nàng nói:

- Cha ơi!

Găng Vangiăng cảm động quá lắp bắp:

- Côdét, con ta! Kìa bà! À con đấy à! Trời ơi!

Côdét ôm chặt Giăng Vangiăng. Giăng Vangiăng kêu lên:

- Con đấy à! Thật con đấy à! Con tha thứ cho cha thật à!

Mariuytx sập mi để cố cầm mấy giọt lệ, tiến lên một bước và lẩm nhẩm trong môi mím để giữ lại những tiếng thổn thức:

- Cha ơi !

Giăng Vangiăng hỏi:

- Cả ông nữa, ông cũng tha thứ cho ta à?

Mariuytx không nói được một lời, Giăng Vangiăng nói thêm:

- Cám ơn!

Côdét rứt cái khăn quàng và ném mũ xuống giường nói:

- Cái này sao mà vướng thế.

Rồi nàng ngồi lên đùi ông già, lấy tay âu yếm gạt những sợi tóc bạc, và hôn lên trán ông.

Giăng Vangiăng mê người vì sung sướng nên cứ để yên.

Côdét hiểu lờ mờ câu chuyện, như muốn trả nợ thay cho Mariuytx, hôn lấy hôn để ông già.

Giăng Vangiăng hổn hển:

- Sao mà mình ngớ ngẩn thế, cứ tưởng rằng thôi không bao giờ gặp lại nó nữa; này ông Pôngmécxi, ông tưởng tượng xem, lúc ông vào thì tôi đang nghĩ thầm! Thế là hết! Đây cái áo xinh xinh của con, mình là một người khốn nạn, mình không được gặp Côdét nữa, tôi nói như thế ngay đúng lúc ông và Côdét đang lên cầu thang. Thế thì mình có ngu không? Quả là ngu thật. Mình làm như không có Chúa, Chúa nhân từ. Chúa nhân từ bảo rằng: Mày tưởng là người ta bỏ mày à! Ngốc quá, không, không, không thể như thế được đâu! Này! Có một ông già hiền lành đáng thương, ông ấy cần có thiên thần đến. Thế là thiên thần đến, ôi chao, và tôi lại được thấy Côdét, tôi lại được gặp con bé Côdét của tôi; trước đây tôi đau khổ biết bao nhiêu!

Một lúc lâu, Giăng Vangiăng không nói được, sau ông lại nói tiếp:

- Lâu lâu, tôi cần gặp Côdét một ít, không thì không thể chịu được. Một trái tim cũng cần phải có một chút gì cho nó nhấm gặm. Nhưng tôi cảm thấy tôi là con người thừa. Tôi tự bảo: Người ta không cần có mày, thôi đành ở trong cái xó tối của mày, sao lại cứ bắt người ta chịu đựng mày mãi! Ô! Lạy Chúa kính yêu! Tôi lại được thấy con tôi. Côdét ơi, con có thấy chồng con đẹp trai, rất đẹp không? À con có cái cổ áo thêu hay nhỉ, hay đấy. Cha thích kiểu ấy. Chồng con đã chọn cái kiểu áo ấy phải không? Con phải sắm những cái khăn quàng bằng casomia nữa. Ông Pôngmécxi ơi, ông cho phép tôi gọi Côdét là con nhé, cũng chẳng còn được lâu đâu.

Côdét nói:

- Sao cha lại nhẫn tâm thế? Bỏ chúng con bấy nhiêu lâu. Cha đi đâu thế? Sao cha đi vắng lâu thế. Ngày xưa mỗi lần cha đi vắng, cũng chỉ ba bốn ngày thôi. Con sai Nicôlét đến hỏi, lúc nào người ta cũng bảo: "Ông ấy đi vắng". Cha về từ bao giờ? Sao cha về mà không tin cho chúng con biết? Cha gầy yếu lắm cha có biết không? Chao ôi! Ông bố tệ ơi! Ông bố ốm thế mà chúng con không biết gì cả. Này Mariuytx, mình sờ tay cha mà xem, sao lạnh thế?

- Ông Pôngmécxi ơi!- Giăng vangiăng nói.- Ông đã đến đây, thế nghĩa là ông tha thứ cho tôi rồi chứ?

Nghe tiếng "tha thứ" mà Giăng Vangiăng nhắc lại lần thứ hai, tất cả những nghẹn ngào trong trái tim Mariuytx trào ra, chàng nức nở:

- Côdét, em nghe thấy không? Cha vẫn thế đấy, cha xin lỗi anh, Côdét, thế em có biết cha đã làm gì cho anh không? Cha đã cứu sống anh, còn hơn nữa, cha đem em mà cho anh. Thế mà khi cứu sống anh rồi, khi gả em cho anh rồi, cha đã làm gì cái thân cha? Cha hy sinh. Đấy người như thế. Thế mà đối với anh, anh là thằng vô ơn, thằng bội bạc, thằng bất nhân, thằng tội lỗi, người còn bảo: "Cám ơn!" Côdét ơi! Cả đời anh phủ phục dưới chân người cũng chả thấm vào đâu.

Cái chiến lũy ấy, cái cống ấy, cái lò lửa ấy, cái hố bùn lầy ấy, người đã vượt qua hết vì anh, vì em Côdét ạ, người đã cứu anh thoát khỏi bao nhiêu cái chết; lấy thân người để che đỡ lấy bao nhiêu nguy biến hộ anh. Dũng cảm thay, đạo đức thay, anh hùng thay, thần thánh thay! Không còn cái gì hơn được, người có tất cả, Côdét ơi, người này là một thiên thần đây.

Giăng Vangiăng nói se sẽ:

- Im đi, im đi, sao lại nói thế?

Mariuytx bực tức trong nỗi bực tức có lẫn sự sùng bái. Chàng gắt:

- Nhưng còn cha, sao cha không nói gì? Cha cũng có lỗi. Cha cứu sống người ta, mà cha lại giấu người ta! Còn tệ hơn nữa, cha lấy cớ phải tự tố giác, để vu cáo cho mình. Thật là xấu hổ.

- Tôi chỉ nói thật.- Giăng Vangiăng trả lời.

- Không, Mariuytx nói tiếp. Sự thật là phải tất cả sự thật, cha đã không nói sự thật. Cha là ông Mađolen, sao cha không nói? Cha đã cứu sống Giave, sao cha không nói? Cha cứu sống con, sao cha không nói?

- Bởi vì tôi cũng nghĩ như ông. Tôi thấy ông làm như vậy là phải. Tôi phải đi đàng tôi thôi. Nếu ông biết câu chuyện dưới cống, ông lại giữ không cho tôi đi, nên tôi phải giữ kín. Nếu tôi nói ra thì mọi việc trở nên rắc rối.

- Rắc rối cho gì?- Mariuytx đáp. Rắc rối cho ai? Cha tưởng rằng cha cứ ở đây được mãi à? Chúng con sẽ lôi cha đi, trời ơi, chuyện như thế mà bây giờ tình cờ con mới biết! Chúng con sẽ lôi cha đi, cha với chúng con là một. Cha là cha Côđét và cha con. Cha không được ở cái nhà ghê tởm này một ngày nào nữa. Cha đừng tưởng là ngày mai lại cứ ở đây được.

- Ngày mai tôi không ở đây nữa, nhưng tôi cũng không ở nhà ông.

Mariuytx hỏi vặn lại:

- Cha nói gì thế? Không thể được, chúng con không để cha đi xa nữa đâu. Cha là của chúng con, chúng con không buông cha ra đâu.

Côđét nói thêm:

- Lần này thì dứt khoát. Có xe dưới nhà rồi. Con bắt cóc cha đi đấy. Nếu cần con sẽ dùng bạo lực.

Côdét vừa cười vừa lấy tay ra hiệu nhấc bổng ông già lên. Nàng nói tiếp:

- Vẫn có một cái buồng riêng của cha ở nhà. Cha không biết, cái vườn hoa lúc này đẹp lắm, giống thanh thảo mọc rất tốt, lối đi trong vườn rải toàn cát bờ sông, có những vỏ sò, ốc tím. Cha sẽ nếm những quả dâu của con. Chính tay con chăm tưới đấy. Không được gọi là bà, ai gọi ông Giăng nữa, chúng ta theo chế độ cộng hòa, ai cũng gọi nhau thân mật cả, phải không Mariuytx? Chương trình đổi mới rồi. Cha có biết không? Con vừa buồn đấy, có con chim mào gà, nó làm tổ trong một hốc tường, một con mèo tai quái đã ăn thịt nó. Tội nghiệp con chim mào gà xinh xắn, nó vẫn thò đầu ra ngoài cửa sổ để nhìn con. Con khóc mãi đấy, con ước xử tử con mèo. Nhưng bây giờ không ai khóc nữa, ai cũng vui cười, ai cũng mong sung sướng. Cha sắp về với chúng con, ông ngoại sẽ mừng lắm đấy. Cha sẽ có luống vườn của cha, cha trồng trọt đi, để con xem những quả dâu của cha có đẹp bằng dâu của con không? Rồi cha bảo gì con cũng làm, và cha cũng phải vâng lời con nhất nhất đấy.

Giăng Vangiăng nghe mà không biết Côdét nói gì, ông nghe cái giọng êm ái ấy, mà không nghe ý nghĩa. Một giọt nước mắt lớn, những hạt châu âm thầm của lòng người, từ từ đọng lại trên mi mắt. Ông thầm thì:

- Chúa quả là nhân từ, chứng cớ rõ ràng là Côdét đang ở kia.

- Cha ơi !- Côdét kêu.

Giăng Vangiăng nói tiếp:

- Sống chung tất cả như vậy, cũng sung sướng thật. Chim ríu rít trên cây. Ta sẽ đi dạo với Côdét. Sống với nhau, chào nhau, chúc nhau, gọi nhau í ới trong vườn, cái cảnh sống ấy êm ái thật. Sáng sớm đã thấy mặt nhau. Mỗi người sẽ có một

luống vườn nhỏ. Ta sẽ nếm quả dâu của con gái, con gái sẽ hái hoa hồng của ta. Êm đẹp biết bao. Nhưng mà...

Ông ngừng lại một lát, rồi nói rất nhẹ nhàng:

- Tiếc thay!

Giọt nước mắt không rơi xuống, nó lăn vào trong mắt, và Giăng Vangiăng mỉm một nụ cười.

Côdét cầm hai tay ông già trong hai tay nàng và nói:

- Trời, sao tay cha lại càng lạnh buốt thế này! Cha ốm đấy ư? Cha đau lắm sao?

- Cha ấy à? Không!- Giăng Vangiăng trả lời. Cha vẫn thấy dễ chịu lắm. Nhưng mà...

Ông ngừng không nói.

- Nhưng mà làm sao?

- Lát nữa, cha chết.

Côdét và Mariuytx rùng mình. Mariuytx kêu:

- Chết ư?

- Phải, nhưng có làm sao!- Giăng Vangiăng đáp.

Ông ngừng để thở, mỉm cười rồi nói tiếp:

- Côdét, con đương nói chuyện với cha, con nói nữa đi, con chim mào gà bé bỏng của con chết thật à? Con nói đi để cha nghe tiếng nói của con.

Mariuytx ngây như đá nhìn ông già. Côdét kêu như xé ruột:

- Cha ơi! Cha của con! Cha phải sống. Cha nhất định sống, con muốn cha phải sống, cha nghe chưa?

Giăng Vangiăng ngẩng đầu lên nhìn nàng, vẻ âu yếm nâng niu vô chừng:

- Phải đấy, cấm đi, cấm không cho cha chết. Biết đâu đấy, biết đâu cha chẳng vâng lời! Cha cũng đang chết khi

các con đến. Các con đến, thế là cha ngừng chết, cha thấy như sống lại.

Mariuytx nói to:

- Cha đầy sinh lực, đầy sức khỏe. Cha nghĩ rằng như thế mà cha chết được à! Cha có điều đau buồn, nhưng đau buồn sẽ hết. Chính con xin cha tha thứ, con quỳ dưới chân cha xin cha tha thứ. Cha sẽ sống, sống với chúng con, sống trăm tuổi. Chúng con bắt lại cha. Hai chúng con đây chỉ có chung một ý muốn là làm cho cha sung sướng.

Côdét nước mắt đầm đìa nói:

- Cha nghe không? Mariuytx bảo rằng cha không chết đâu.

Giăng Vangiăng vẫn mỉm cười:

- Dù ông có đưa tôi về, ông Pôngmécxi, thì tôi cũng chẳng khỏi là tôi. Không, Chúa cũng nghĩ như ông và tôi và Chúa không thay đổi ý Chúa đâu. Tôi đi hẳn là phải. Chết cũng là ổn chuyện. Chúng ta cần gì, Chúa biết ơn chúng ta. Các người phải sung sướng, ông Pôngmécxi phải có Côdét, tuổi thanh xuân và ánh bình minh kết hợp với nhau, hoa đinh hương tươi nở, họa mi riu rít bên mình các con, đời các con phải êm đẹp như thảm cỏ xanh dưới ánh mặt trời, tâm hồn các con phải chan chứa những say sưa của cảnh tiên; còn cha, con người vô dụng, cha phải chết đi; những điều như thế là tốt rồi, là đúng chứ còn gì nữa. Các con xem, các con phải biết điều mới được. Không thể làm gì được nữa đâu. Cha cảm thấy là xong hết rồi. Một giờ trước đây cha vừa ngất đi. Và đêm hôm qua cha đã uống hết cái bình nước này. Chồng con tốt lắm Côdét ạ, ở với chồng con tốt hơn ở với cha nhiều.

Có tiếng động ở ngoài cửa. Người thầy thuốc bước vào. Giăng Vangiăng nói:

- Chào bác sĩ, và xin vĩnh biệt ông. Đây những đứa con tội nghiệp của tôi đây!

Mariuytx đi lại gần thầy thuốc, chàng chỉ nói một tiếng "Ông?..." Nhưng nghe giọng chàng thì thấy cả một câu hỏi. Thầy thuốc đưa mắt một cách có ý nghĩa để trả lời.

Giăng Vangiăng nói:

- Ta có điều không vừa ý, không phải vì thế mà ta được oán trách Chúa.

Một lát yên lặng, mọi người đều nghẹt thở.

Giăng Vangiăng quay lại phía Côdét, nhìn nàng như muốn mang hình ảnh nàng vào cõi vĩnh hằng. Bước sâu trên con đường đi về âm cảnh, nhìn Côdét ông vẫn còn thấy mê mẩn say sưa. Ánh sáng êm dịu từ mặt nàng làm ngời rạng bộ mặt xanh xao của ông. Đáy mồ cũng có lúc rực sáng!

Thầy thuốc bắt mạch ông rồi nhìn Côdét với Mariuytx nói khẽ:

- Ông bà mới chính là vị thuốc mà ông lão cần.

Rồi ghé vào tai Mariuytx, thầy thuốc nói rất nhỏ:

- Nhưng muộn quá rồi.

Giăng Vangiăng vẫn không thôi nhìn Côdét, ông cũng nhìn Mariuytx và thầy thuốc với cặp mắt rất thanh thản. Người ta nghe thấy trong miệng ông lời này, gần như nói không thành tiếng:

- Chết cũng chả làm sao, không sống được mới thật đau đớn.

Bỗng nhiên ông đứng dậy. Sức khỏe hồi phục như thế thường là dấu hiệu sắp chết. Ông bước vững chắc về phía tường, gạt Mariuytx và thầy thuốc khi họ định dìu đỡ ông, ông nhấc ở tường ra chiếc thánh giá bằng đồng treo ở đó, trở về ngồi xuống ghế thoải mái như một người khỏe mạnh, rồi

ông nói dõng dạc, tay đặt thánh giá lên bàn:

- Đây là đấng hy sinh vĩ đại.

Rồi ngực ông sụp xuống, đầu ông lắc lư, như say cái say chết, hai bàn tay ông để trên hai đầu gối, ngón tay bắt chim chim trên vải ống quần.

Côdét đỡ hai vai ông, nức nở khóc. Nàng cố nói gì với ông nhưng không nói được, chỉ nghe thấy mấy tiếng nguyện với thứ nước miệng, mũi ghê rợn chảy theo nước mắt, những tiếng na ná như thế này: Cha ơi! Cha đừng bỏ chúng con, lẽ nào chúng con gặp lại cha chỉ để rồi phải mất cha?

Hình như cơn hấp hối quanh co như con rắn lượn, nó đi, nó lại, nó tiến tới cạnh mồ, rồi lại quay về cuộc sống. Cái chết cũng mò mẫm.

Giăng Vangiăng sau khi ngất đi lờ dờ như thế, thì tỉnh lại, lắc cái trán như để cho bóng tối rụng đi, và lại tỉnh táo như thường. Ông cầm ống tay áo Côdét nhấc lên hôn.

- Tỉnh lại rồi! Bác sĩ ạ, tỉnh lại rồi!- Mariuytx kêu lên.

- Hai con tốt lắm, tốt cả hai - Giăng Vangiăng nói. Tôi sẽ bảo cái điều làm tôi đau buồn là cái gì, ông Pôngmécxi ạ, cái điều làm tôi đau buồn là việc ông không muốn đụng đến món tiền tôi đưa. Tiền ấy thật là của vợ ông. Ta nói rõ cho con biết, chính vì thế mà ta sung sướng được gặp lại các con. Huyền đen ở bên Anh, huyền trắng ở Na Uy, có ghi cả trong tờ giấy này, các con sẽ đọc. Về những chiếc vòng tay, ta đã có sáng kiến thay những khuôn tôn bằng bằng những khuôn tôn ghép đẹp hơn, tốt hơn và rẻ hơn. Cái gia tài Côdét hưởng thực là của nó. Ta nói rõ những chi tiết ấy để cho các con yên lòng.

Bà gác cổng lên và nhìn qua cửa hé mở. Thầy thuốc bảo bà đi ra, nhưng trước khi đi, bà gác cổng tốt bụng và tận tình ấy cũng còn cố hỏi thêm một câu:

- Có cần mời ông cố đạo không?

Giăng Vangiăng đáp:

- Tôi có cố đạo rồi!

Ông giơ ngón tay chỉ một điểm gì ở trên không, người ta có thể ngờ ông nhìn thấy một người nào đó.

Có thể là vị giám mục đang chứng kiến cảnh lâm chung này.

Côdét nhẹ nhàng luồn một chiếc gối dưới lưng ông.

Giăng Vangiăng lại nói:

- Ông Pôngmécxi ạ, ông đừng lo ngại gì, sáu trăm nghìn phơrăng ấy thật là của Côdét, nếu ông không hưởng số tiền ấy, thì cả cuộc đời tôi là vô ích sao? Chúng tôi đã sản xuất được rất tốt cái thứ hàng thủy tinh đó. Chúng tôi cạnh tranh với những thứ mà người ta gọi là đồ trang sức Bá-linh. Thế mà trước người ta nói thứ thủy tinh đen của Đức là vô địch. Một gốt một nghìn hai trăm hạt gọt giũa rất khéo, giá chỉ có ba phơrăng.

Khi một người thân sắp chết, người ta nhìn như muốn bám lấy, muốn giữ lại. Cả hai người Côdét và Mariuytx cầm tay nhau đứng trước mặt Giăng Vangiăng, lo âu, im lặng, tuyệt vọng, run sợ, không còn biết nói gì với người chết.

Từng phút, từng phút Giăng Vangiăng ngả dần, xuống dần, càng gần đến cái chân trời âm u, hơi thở đứt quãng, có những tiếng rên xen lẫn; ông nhấc cánh tay khó nhọc, chân thì đã liệt hẳn; khi tứ chi rời rã, khi thân người càng ngày càng nặng trĩu, tất cả tâm hồn cao quý đang lên và tỏa ra trên

trán. Ánh sáng của thế giới huyền bí đã hiện ra trong con người ông.

Mặt ông xạm đi, nhưng miệng lại nở nụ cười; người đã hết sinh khí mà có cái vẻ gì khác. Hơi thở mỏng đi, nhưng ánh mắt lại bao la. Đây là một cái xác chết mà hình như lại mọc cánh. Ông ra hiệu cho Côdét lại gần rồi đến Mariuytx. Giây phút cuối cùng của cái giờ cuối cùng đã đến. Ông nói với hai người, tiếng nói yếu ớt như cõi xa vọng lại, và như đã có một bức thành ngăn cách hai người này với ông:

- Lại gần đây con, lại gần đây cả hai con. Ta yêu các con lắm. Chao ôi! Chết được như thế này cũng sướng. Con ơi! Côdét ơi! Con cũng yêu cha lắm, cha biết rằng con vẫn yêu mến cái ông già hiền lành của con. Con đáng yêu quá, con đã để cái gối dưới lưng cho cha. Con sẽ khóc cha chút ít, phải không? Đừng khóc nhiều. Cha không muốn con phải đau buồn. Các con phải vui chơi đi, các con ạ. Cha quên bảo các con là những cái vòng không hàn ấy lãi nhiều hơn tất cả các thứ khác. Một gói, mười hai tá, vốn có mười phơrăng mà bán những sáu mươi. Buôn bán như thế thật là hời. Ông Pôngmécxi ạ, ông không nên lấy làm lạ về số tiền sáu mươi nghìn phơrăng kia. Tiền ấy là tiền lương thiện, các con cứ yên tâm mà hưởng cảnh giàu có. Phải có một cái xe, thỉnh thoảng lấy một lô ở rạp hát. Côdét ạ, phải may những bộ áo dạ hội thật đẹp và sửa những bữa tiệc ngon thết bạn bè, phải sung sướng đi. Lúc nãy tôi viết bức thư để lại cho Côdét. Côdét sẽ xem thư tôi. Tôi để lại cho Côdét hai cây đèn nến trên lò sưởi. Hai cây đèn ấy bằng bạc, nhưng đối với tôi thì là vàng, là kim cương, những cây nến mỡ bò cắm vào đó sẽ trở thành những cây bạch lạp thờ thánh. Tôi không biết người đã cho

tôi hai cây nến ấy ở trên trời có bằng lòng tôi không? Tôi đã làm hết sức tôi. Các con ơi! Các con chớ quên tôi là một kẻ nghèo khó, các con sẽ chôn tôi ở cái miếng đất tầm thường nào cũng được, để một phiến đá làm dấu mà thôi. Ý muốn cuối cùng của tôi đấy. Nếu Côdét thỉnh thoảng đến viếng, tôi cũng sẽ rất vui lòng, cả ông Pôngmécxi nữa. Tôi xin thú rằng trước đây không phải lúc nào tôi cũng ưa ông, tôi xin lỗi ông. Bây giờ ông với Côdét đối với tôi chỉ là một. Tôi chịu ơn ông lắm. Tôi biết là Côdét ở với ông sẽ sung sướng. ông Pôngmécxi ơi! ông có biết không, đôi má hồng hào của nó là hạnh phúc của tôi, khi nó hơi xanh xao thì lòng tôi buồn. Trong tủ ngăn có một tờ giấy năm trăm phơrăng tôi không đụng đến. Tiền ấy để cho người nghèo. Côdét! Con có nhìn thấy cái áo dài xinh xinh của con không? Kìa, nó ở trên giường, con có nhận ra không. Thế là đã mười năm. Thì giờ đi nhanh quá nhỉ! Hai cha con ta hồi ấy sung sướng nhỉ. Nhưng hết rồi. Các con đừng khóc nữa, cha không đi xa lắm đâu. Ở đấy cha có thể trông thấy các con. Khi đêm đến thì các con chỉ việc nhìn, các con sẽ thấy cha mỉm cười. Côdét, con có nhớ Môngphécmây không? Con lúc ấy ở trong rừng, con sợ hãi quá. Con có nhớ lúc cha cầm cái quai thùng nước không? Lần ấy là lần đầu tiên cha đụng đến bàn tay bé bỏng tội nghiệp của con. Sao mà nó lạnh thế! ờ! Tiểu thư ạ, tay tiểu thư lúc ấy đỏ bầm kia, bây giờ thì tay tiểu thư trắng lắm. Còn con búp bê to ấy, con nhớ không? Con gọi nó là Catơrin. Con cứ tiếc mãi sao không dắt nó vào tu viện. Con ạ, bao nhiêu lần con làm cha phải phì cười, hỡi nàng tiên dịu hiền của cha! Khi trời mưa con thả những cọng rơm xuống rãnh nước làm thuyền, và con nhìn nó trôi đi. Một hôm cha cho con một cái vợt mây, và một quả cầu có những lông vàng, lông

tơ, lông xanh. Con đã quên rồi, con ạ. Lúc bé con cũng tinh nghịch lắm kia! Con nô đùa, con cài những quả anh đào vào tai mình. Đều là những chuyện cũ cả. Những cánh rừng cha đã vượt qua với con, những hàng cây khi dạo chơi, những nhà tu kín khí ấm áp, những trờ chơi, những chuỗi cười tươi trẻ, đều chỉ còn là bóng dáng. Tôi vẫn cứ tưởng tượng những cái đó là của tôi. Đấy mới thật là tôi ngu. Bọn Tênácđiê ấy quả là độc ác. Hãy tha thứ cho họ. Côdét, mẹ con là Phăngtin, con nhớ lấy tên ấy: Phăngtin. Con hãy quỳ xuống mỗi khi con nói đến cái tên ấy. Mẹ con đã đau khổ nhiều. Mẹ con đã yêu quý con hết sức. Con bây giờ sung sướng chừng nào, thì ngày xưa mẹ con đau khổ dường ấy. Đó là luật bù trừ của Chúa. Chúa ở trên cao, Chúa nhìn thấy tất cả chúng ta. Chúa biết việc Chúa làm giữa những vì sao to lớn mênh mông của Chúa. Cha sắp đi đây các con ạ, các con hãy yêu nhau mãi mãi. Trong đời chỉ có một điều ấy thôi: là yêu nhau. Đôi khi các con nên nhớ lại ông già chết ở đây.

- Côdét con ơi, không phải lỗi của cha đâu đấy, nếu bấy lâu nay cha không gặp con. Ruột cha cũng đứt từng khúc, cha đi đến tận góc phố, những người hàng phố trông thấy cha đi qua hẳn phải lấy làm kỳ khôi; cha tưởng như điên, có một lần cha ra đi đầu không mũ. Các con ơi! Này, không trông rõ nữa. Cha còn nhiều điều muốn nói, nhưng mà thôi cũng được. Thỉnh thoảng hãy nhớ đến cha. Các con là những người đầy hồng phúc. Cha không biết cha làm sao, nhưng cha nhìn thấy ánh sáng. Các con lại gần cha nữa đi. Cha chết sung sướng. Những chiếc đầu yêu quý của các con đâu, đưa đây cho bàn tay cha đặt lên.

Côdét và Mariuytx quỳ phục xuống, mê mẩn, nghẹn ngào

nước mắt, mỗi người gục xuống một bàn tay của Giăng Vangiăng. Những bàn tay cao cả ấy đã im lìm.

Người ông ngả ra phía sau, hai cây nến chiếu sáng trên người, gương mặt trắng ngửa lên trời. Ông để Côdét và Mariuytx hôn, hôn mãi hai bàn tay ông. Ông đã chết.

Đêm không sao, trời tối như mực. Chắc chắn trong bóng tối, có một thiên thần mênh mông đang giương hai cánh chờ đón linh hồn.

VI

CỎ CHE, MƯA XÓA

Trong nghĩa địa Pơrơ Lasedơ, gần chỗ khu làm phúc, rất xa cái khu vực lịch sự trong thành phố mồ mả ấy, xa những ngôi mộ đủ vẻ mang các kiểu chết dơ dáng của người đời đến tận chỗ thiên thu vô tuyệt, ở một góc vắng vẻ, dọc bức tường cũ, dưới gốc một cây thủy tùng lớn bám đầy những dây bìm bìm vượt từ đám rêu, từ những bụi cỏ gà lên, có một phiến đá.

Phiến đá ấy cũng như mọi phiến đá khác, chẳng thoát khỏi những lở lói vì thời gian, vì meo mốc, vì rêu và phân chim gậm nhấm. Nước mưa nhuộm xanh, nắng gió làm nhám đen mặt đá. Nó ở xa tất cả các đường đi lối lại, và người ta cũng không hay đi về góc này vì lẽ cỏ mọc cao, đi vài bước là ướt chân tay. Khi có chút ánh nắng, lũ thằn lằn bò lên đó phơi nắng. Chung quanh, lúa đại mạch lại rùng mình dưới gió. Mùa xuân đến, chim bông lau hót véo von trên cành.

Phiến đá trần trụi. Người ta xẻ đá vừa đủ cho mộ, dài mà

hẹp, che vừa vặn tầm vóc một con người.

Phiến đá không khắc tên ai.

Tuy nhiên, cách đây cũng đã lâu, bàn tay ai đã dùng bút chì viết lên mấy câu thơ sau đây, mà mưa bụi đã dần dần làm cho mờ, không đọc được, đến nay chắc đã mất hẳn:

Người nơi đây yên nghỉ
Thân thế lắm đắng cay
Vẫn cam sống bấy chầy...
Thiên thần một sớm bay,
Người chết. Đơn giản lắm
Như đêm nối tiếp ngày.

MỤC LỤC

QUYỂN VII

Patơrông Minet

	Trang
1. Mỏ và thợ mỏ	7
2. Tầng đáy	11
3. Babe. Gơlơme, Cơlacơxu và Mông pacnaxơ	13
4. Tổ chức của bọn này	16

QUYỂN VIII

Anh nhà nghèo bất hảo

1. Mariuytx đi tìm cô gái đội mũ hoa lại gặp một ông già đội mũ lưỡi trai	21
2. Bắt được của	23
3. Bốn vẻ	25
4. Đóa hồng trong cảnh cùng khổ	31
5. Lỗ hổng Chúa trổ trên vách	33
6. Con - người - thú trong hang	42
7. Chiến lược và chiến thuật	48
8. Tia sáng trong ổ chuột	53
9. Giôngđơrét hầu như muốn khóc	55
10. Giá thuê xe nhà nước: hai phơrăng một giờ	60
11. Nghèo đói giúp đau khổ	64
12. Năm phơrăng của ông Lơ Blăng dùng làm gì	65
13. Một mình một bóng cũng không nghỉ tới cầu Chúa	75
14. Một cảnh binh tặng một luật sư hai quả đấm	78
15. Giôngđơrét sắm sửa	83
16. Một bài hát theo điệu Anh thịnh hành khoảng 1832	85
17. Đồng năm phơrăng của Mariuytx tiêu vào việc gì?	90
18. Hai chiếc ghế của Mariuytx đặt đối diện nhau	95

19. Chú ý đến những xó tối 95
20. Cuộc mai phục 97
21. Dáng lẽ phải bắt nạn nhân trước 133
22. Đứa bé kêu khóc ở tập III 138

PHẦN THỨ TƯ

TÌNH CA PHỐ POLUYMÊ VÀ ANH HÙNG CA PHỐ XANH ĐƠNI

QUYỂN I

Mấy trang sử

1. Khéo cắt 145
2. Vụng may 153
3. Luy Philip 158
4. Nứt rạn từ móng
5. Những sự việc làm nên lịch sử nhưng lịch sử lại không biết đến 172
6. Ăngguônrátx và các phó tướng 192

QUYỂN II

Êpônin

1. Cánh đồng Sơn Ca 199
2. Các vụ cướp của giết người được thai nghén trong nhà tù như thế nào? 204
3. Cụ Mabơp thấy ma hiện 212
4. Mariuytx cũng thấy ma 217

QUYỂN III

Ngôi nhà phố Poluymê

1. Ngôi nhà có bí mật 224
2. Giăng Vangiăng quốc dân quân 230
3. Cành lá rườm rà 233
4. Thay đổi chấn song 238

5. Hoa hồng nhận thấy mình là một cái máy chiến tranh 244
6. Cuộc chiến đấu bắt đầu 250
7. Kẻ buồn người lại ủ ê 255
8. Xiềng xích 262

QUYỂN IV

Người giúp mà có thể là trời giúp

1. Lở ở ngoài, lành ở trong 275
2. Bà Pơluytác chẳng lúng túng chút nào khi giải thích một hiện tượng 278

QUYỂN V

Đoạn cuối và đoạn đầu khác nhau

1. Vừa quạnh hiu vừa gần doanh trại 289
2. Côdét sợ hãi 291
3. Bà Tútxanh lại bàn thêm vào 292
4. Một trái tim dưới hòn đá 299
5. Côdét đọc xong thư 303
6. Trời sinh các ông già để đi vắng phải lúc 304

QUYỂN VI

Chú bé Gavrốt

1. Trận gió tinh quái 314
2. Chú Gavrốt tí hon lợi dụng Napôlêông vĩ đại 318
3. Diễn biến của cuộc vượt ngục 348

QUYỂN VII

Tiếng lóng

1. Nguồn gốc 366
2. Cối rễ 376
3. Tiếng lóng khóc và tiếng lóng cười 388
4. Hai nhiệm vụ: Cảnh giác và hy vọng 394

QUYỂN VIII

Sướng vui và buồn khổ

1. Ánh sáng tràn ngập 400
2. Ngây ngất vì hạnh phúc vẹn toàn 407
3. Bóng tối bắt đầu 410
4. "Cab" tiếng Anh thì lăn, tiếng lóng thì sủa 412
5. Chuyện đêm 424
6. Mariuytx trở lại thiết thực quá đến nỗi cho Côđét biết địa chỉ của mình 425
7. Lòng già lòng trẻ đối nhau 433

QUYỂN IX

Họ đi đâu?

1. Giăng Vangiăng 450
2. Mariuytx 452
3. Cụ Mabớp 455

QUYỂN X

Ngày 5 tháng 6 năm 1832

1. Bề mặt của vấn đề 461
2. Bề sâu của vấn đề 466
3. Một đám tang: cơ hội để tái sinh 474
4. Những sôi sục ngày xưa 482
5. Vẻ độc đáo của Pari 488

QUYỂN XI

Hạt bụi kết thân với bão táp

1. Vài điểm sáng tỏ về nguồn gốc thơ của Gavrốt. Ảnh hưởng của một viện sĩ hàn lâm đối với thứ thơ này 422
2. Gavrốt hành quân 495
3. Sự cãm phẫn chính đáng của một anh phó cao 500
4. Chú bé ngạc nhiên vì cụ già 502
5. Chuyện đã xảy ra đầu đuôi như sau: 504
6. Lính mới 507

QUYỂN XII

CÔRANH

		Trang
I.	Lịch sử Côranh từ ngày được xây dựng	510
II.	Những cuộc vui mở đầu	517
III.	Đêm tối bắt đầu xuống với Gorăngte	530
IV.	Thử an ủi bà Huysolu	534
V.	Công việc chuẩn bị	539
VI.	Trong khi chờ đợi	541
VII.	Người mới tuyển ở phố Bidet	545
VIII.	Nhiều dấu hỏi về tên Lơ Cabuyc mà có lẽ không phải tên là Lơ Cabuyc	550

QUYỂN XIII

MARIUYTX TRONG BÓNG TỐI

I.	Từ phố Polụymê đến khu Xanh Đơni	557
II.	Pari dưới cánh cú bay	561
III.	Mép bờ cuối cùng	564

QUYỂN XIV

NHỮNG NÉT VĨ ĐẠI CỦA THẤT VỌNG

I.	Lá cờ - Màn một	573
II.	Lá cờ - Màn hai	577
III.	Giá Gavrốt nhận khẩu cácbin của Ăngglônratx thì hơn	580
IV.	Thùng thuốc súng	582
V.	Những vần thơ của Giăng Pruve chấm dứt	585

VI. Cái chết hấp hối sau cuộc sống thoi thóp 588
VII. Gavrốt ước lượng xa gần rất thạo 595

QUYỂN XV
PHỐ LOMÁCMÊ

I. Giấy thấm mách thầm 599
II. Chú bé thù địch của ánh sáng 611
III. Trong lúc Côdét và bà Tútxanh ngủ 616
IV. Gavrôt tích cực quá mức 618

PHẦN THỨ NĂM
GIĂNG VANGIĂNG

QUYỂN I
CHIẾN TRANH GIỮA BỐN BỨC TƯỜNG

I. Nước xoáy ở ô Xanh-Angtoan và đá ngầm ở ô Tângpơlơ 628
II. Làm gì dưới vực, nếu không kháo chuyện 638
III. Hé sáng rồi tối sầm 643
IV. Bớt năm, thêm một 646
V. Trên đỉnh chiến luỹ nhìn thấy chân trời nào 656
VI. Mariuytx như người mất hồn
Giave nói năng cụt ngủn 662
VII. Tình hình thêm nghiêm trọng 664
VIII. Bọn pháo thủ làm cho người ta không dám coi thường 670

IX. Lại sử dụng tài sản bắn trộm và đường súng bá phát bá trúng đã ảnh hưởng đến bản án năm 1796 674
X. Bình minh 676
XI. Bắn đâu trúng đó nhưng lại không giết một ai 681
XII. Hỗn độn bảo vệ cho trật tự 682
XIII. áng sáng lướt qua 687
XIV. Tình nhân của Ăngglonratx 689
XV. Gavrốt ra ngoài 692
XVI. Làm anh rồi lại làm cha 697
XVII. Cha qua đời chờ con sắp chết 709
XVIII. ác điểu trở thành miếng mồi 711
XIX. Giăng Vangiăng báo thù 716
XX. Người chết đúng mà người sống cũng không sai 720
XXI. Những người anh hùng 733
XXII. Từng tất đất 739
XXIII. Đôi bạn kẻ đói người say 744
XXIV Tù binh 749

QUYỂN II

RUỘT GAN CON QUÁI KHỔNG LỒ

I. Đất trút của ra biển 753
II. Cổ sử về cống rãnh 758
III. Bruynodô 763
IV. Những chi tiết không ai biết 767
V. Tiến bộ ngày nay 772
VI. Tiến bộ tương lai 773

QUYỂN III

BÙN ĐẤY, NHƯNG LẠI LÀ TÂM HỒN

I.	Những điều bất ngờ dưới cống	780
II.	Giải thích	787
III.	Người bị theo dõi	790
IV.	Người ấy cũng vác thánh giá	795
V.	Có thứ cát mịn mà nguy hiểm, cũng như có người đàn bà tế nhị mà giảo quyệt	799
VI.	Khoảng đất sụt	805
VII.	Có khi tưởng cập bến lại hoá mắc cạn	808
VIII.	Vạt áo rách	811
IX.	Dưới con mắt một người thành thạo, Mariuytx có vẻ như đã chết rồi	817
X.	Đứa con phung phí cuộc đời nay lại trở về	823
XI.	Cái tuyệt đối bị lung lay	825
XII.	Người ông	827

QUYỂN IV

GIAVE MẤT HƯỚNG

QUYỂN V

ÔNG VÀ CHÁU

I.	Lại thấy cái cây có gắn miếng kẽm	851
II.	Mariuytx vừa ra khỏi nội chiến lại chuẩn bị cuộc chiến tranh trong nhà	855
III.	Mariuytx tấn công	861
IV.	Rốt cuộc dì Gilơmomăng không thấy khó chịu khi ông Pôsơlơvăng vào nhà lại ôm theo một cái gói	866

V Thà gửi tiền ở khu rừng ấy còn hơn gửi ông Notê ấy 873
VI. Hai cụ già, mỗi người, một lối, làm tất cả để Côđét được sung sướng 874
VII. Bóng dáng giấc mê trong hạnh phúc 885
VIII. Hai người không sao tìm ra được 888

QUYỂN VI
ĐÊM TRẮNG

I. Ngày 16 tháng hai 1838 893
II. Giăng Vangiăng vẫn buộc cánh tay 905
III. Người tri kỷ 918
IV. Đau khổ bất diệt 920

QUYỂN VII
DỐC CẠN CHÉN TÂN TOAN

I. Vòng địa ngục thứ bảy và tầng trời thứ tám 928
II. Nói hết rồi mà vẫn còn có những chỗ mờ ám 952

QUYỂN VIII
BÓNG NGẢ HOÀNG HÔN

I. Gian buồng bên dưới 964
II. Lại những bước thoát lui nữa 971
III. Họ nhớ lại cái vườn phố Pơluymê 974
VI. Thu hút và tàn lụi 980

QUYỂN IX

ĐÊM TỐI CUỐI CÙNG, BÌNH MINH CUỐI CÙNG

I.	Thương xót người đau khổ, rộng lượng với người sung sướng	983
II.	Ngọn đèn cạn dầu thoi thóp	986
III.	Ngày xưa nhấc cả cỗ xe bò, bây giờ cầm một quản bút thấy nặng	988
IV.	Chai mực chỉ làm trắng thêm	992
V.	áng sáng chan hoà đàng sau đêm tối	1017
VI.	Cỏ che, mưa xoá	1031

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

TẬP II

(Trọn bộ hai tập)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN LƯU
Biên tập nội dung:
PHẠM LAM DUYÊN
Trình bày bìa:
Sửa bản in: THANH HÀ

In 600 cuốn khổ 13 x19 cm . Tại Số 2 Phạm Ngũ Lão, XN In 15
Số XB : 20/526 CXB
In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2001

VICHTO HUYGÔ

NHỮNG NGƯỜI KHỐN KHỔ

TIỂU THUYẾT

TẬP 2



0228

NHÀ SÁCH
30 HÀN THUYÊN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG - HÀ NỘI
ĐT: 04.8246272

GIÁ: 104.0